ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

GIÁO LÝ ĐẠI TOÀN

QUYỂN 2
ĐẠI ĐẠO VÀ TAM GIÁO ĐẠO

(bản đã trình Hội đồng Nghiên cứu giáo lý)

Ất Mùi (2015)

Mục lục

LỜI TỰA GIÁO LÝ ĐẠI TOÀN 9
1. Về lý do biên soạn bộ sách "Giáo Lý Đại Toàn" 9
2. Về dự án "Giáo Lý Đại Toàn" 10
3. Về việc sắp xếp nội dung trong bộ sách "Giáo Lý Đại Toàn" 12
LƯỢC ĐỒ 7 QUYỂN TRONG BỘ GIÁO LÝ ĐẠI TOÀN 16
CÁC QUY ƯỚC VÀ KÝ HIỆU TRONG GIÁO LÝ ĐẠI TOÀN 17
1. Quy ước về cách gọi tên và cách phân loại tài liệu tham khảo 17
2. Quy ước về việc sử dụng phương ngữ trong tiếng Việt 18
3. Quy ước về kiểu chữ được dùng trong các đoạn trích nguyên văn 18
4. Quy ước về bản-sao-dành-riêng-cho-ngữ-cảnh-đang-xét 19
5. Quy ước về cách ghi chú bằng ngoại ngữ 20
6. Quy ước về cách viết khi tham chiếu đến các tác giả vô vi 22
7. Quy ước về cách viết khi tham chiếu đến các đàn cơ 23
8. Quy ước về cách ghi thông tin trích dẫn đối với kinh sách loại 1 24
9. Quy ước về cách viết nhấn mạnh 25
MỞ ĐẦU 25

PHẦN 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN 29

CHƯƠNG 1. ĐẠI ĐẠO VÀ TÔN GIÁO 30
1. DẪN NHẬP 30
2. SỰ CỨU ĐỘ 31
2.1. Tác động bảo tồn trong cơ tiến hóa 31
2.2. Từ bảo tồn đến cứu độ 34
2.3. Cơ cứu độ của Thượng Đế 36
2.4. Các khái niệm có liên quan đến sự cứu độ 40
2.4.1. Sự cứu độ và sự phổ độ 40
2.4.2. Sự cứu độ và văn minh nhân loại 42
2.4.3. Đạo và tôn giáo 44
3. ĐẠI ĐẠO 48
3.1. Đại Đạo là Đạo của càn khôn vũ trụ 50
3.2. Đại Đạo là bản thể đại đồng của nhân loại 53
3.3. Đại Đạo là cơ cứu độ vạn linh của Thượng Đế 55
3.4. Đại Đạo là căn bản chung của mọi tôn giáo 60
4. TÔN GIÁO 62
4.1. Thể – Tướng – Dụng của tôn giáo 62
4.1.1. Thể của tôn giáo 62
4.1.2. Tướng của tôn giáo 67

4.1.3. Dụng của tôn giáo 70
4.1.4. Cấu trúc Thể-Tướng-Dụng của một tôn giáo 72
4.2. Chu kỳ phát triển của một tôn giáo 74
4.3. Một định nghĩa cho khái niệm "tôn giáo" 86
5. KẾT LUẬN 93
CHƯƠNG 2. TAM GIÁO ĐẠO 94
1. TAM GIÁO ĐẠO LÀ GÌ? 94
1.1. Khảo cứu thánh ngôn 94
1.2. Định nghĩa "Tam Giáo Đạo" 99
1.3. Hệ quả của định nghĩa 101
1.3.1. Về hai thuật ngữ "Tam Giáo" và "Tam Giáo Đạo" 101
1.3.2. Tam giáo Á Đông như là biểu tượng của Tam Giáo Đạo 103
2. SỐ 3 ĐỐI VỚI VIỆC HỆ THỐNG HÓA CÁC TÔN GIÁO TRÊN THẾ GIỚI 105
2.1. Số 3 trong số học Pythagoras 106
2.2. Số 3 trong đạo học Á Đông 108
3. NHỮNG THUỘC TÍNH CƠ BẢN CỦA TAM GIÁO ĐẠO 110
3.1. Những thuộc tính liên kết của Tam Giáo Đạo 111
3.2. Những thuộc tính riêng biệt trong Tam Giáo Đạo 115
3.3. Bảng tổng kết các thuộc tính cơ bản của Tam Giáo Đạo 116
4. NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO 117
4.1. Ngũ Chi Đại Đạo là gì? 117
4.2. Tương quan căn bản trong Ngũ Chi Đại Đạo 118
4.3. Mối liên hệ giữa Tam Giáo Đạo và Ngũ Chi Đại Đạo 124
5. KẾT LUẬN 129
CHƯƠNG 3. DIỄN BIẾN CỦA LỊCH SỬ CỨU ĐỘ 130
1. DẪN NHẬP 130
2. ĐỊNH LUẬT VỀ SỰ DIỄN BIẾN CỦA LỊCH SỬ CỨU ĐỘ 131
2.1. Phát biểu định luật 132
2.2. Giải thích các thuật ngữ trong cách phát biểu định luật 136
2.3. Giải thích nội dung của định luật 137
3.4. Quan niệm về lịch sử ba thời kỳ trong các tôn giáo trước Tam Kỳ Phổ Độ ... 142
3. LỊCH SỬ CỨU ĐỘ 143
3.1. Sự cứu độ của Thượng Đế trong lịch sử nhân loại 143
3.2. Tác dụng của sự cứu độ đối với diễn biến của lịch sử nhân loại 147
4. THỜI GIAN CỦA LỊCH SỬ CỨU ĐỘ 153
4.1. Lịch số 153
4.1.1. Hệ thống đếm lục thập phân 153
4.1.2. Hệ thống lịch đạo học 156
4.2. Tam nguơn 160
5. KHÔNG GIAN CỦA LỊCH SỬ CỨU ĐỘ 161
5.1. Phạm vi cứu độ 161
5.2. Tác dụng cứu độ 161

6. NGƯƠN HỘI CUỐI CÙNG....163
6.1. Giai đoạn kết thúc mọi chu kỳ trong vũ trụ....163
6.2. Những lời tiên tri trong Tam Giáo Đạo....165
6.3. Những tiếng nói của khoa học hiện đại....167
6.4. Lần cứu độ cuối cùng trên địa cầu 68....168
7. KẾT LUẬN....173

PHẦN 2. ĐẠI ĐẠO PHÁT SINH TAM GIÁO ĐẠO....175

CHƯƠNG 4. NGUỒN GỐC ĐẠI ĐẠO CỦA TÔN GIÁO....176
1. TIẾP CẬN....176
1.1. Cột mốc đánh dấu sự phát sinh Tam Giáo Đạo....177
1.2. Nhận biết Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo....179
2. ĐẠI ĐẠO TỪ THUỞ SƠ KHAI TRỜI ĐẤT....181
2.1. Khởi điểm và đích điểm của vạn loại....182
2.2. Đấng Thượng Đế....185
2.3. Tâm của Trời Đất (Thiên Địa chi Tâm)....186
3. ĐẠI ĐẠO TRONG CON NGƯỜI....189
3.1. Giác tánh hồn nhiên....191
3.2. Tính bổn thiện....192
3.3. Tâm Không....195
4. ĐẠI ĐẠO THỜI THƯỢNG CỔ....197
4.1. Đời sống đại đồng nguyên thủy....200
4.2. Các tín ngưỡng tâm-vật bình hành nguyên thủy....205
4.3. Các bậc Đại Giác Ngộ nguyên thủy....209
5. KẾT LUẬN....211

CHƯƠNG 5. SỰ PHÁT SINH TAM GIÁO ĐẠO TỪ ĐẠI ĐẠO....214
1. SỰ CHUYỂN HƯỚNG TRONG LỊCH SỬ NHÂN LOẠI....214
1.1. Sự chuyển hướng từ Đại Đạo sang tôn giáo....215
1.2. Xác định niên đại của cột mốc đánh dấu sự chuyển hướng....216
1.3. Bước tiến và bước lùi của lịch sử nhân loại....217
2. "TIÊN THIÊN NHỨT KHÍ, DIỆU HÓA TAM THANH"....221
2.1. "Tiên Thiên Nhứt Khí": sự chiết linh để cứu thế của Thượng Đế....223
2.1.1. Thượng Đế giáng trần qua các bậc giáo tổ....224
2.1.2. Thượng Đế giáng trần qua sự huyền diệu....226
2.2. "Diệu hóa Tam Thanh": sự thiết lập ba thành tố tâm pháp chân truyền....229
2.2.1. Tam Thanh là gì?....229
2.2.2. Nguyên lý của Tam Giáo Đạo....230
2.2.3. Tính căn bản của ba thành tố cấu tạo nên tâm pháp chân truyền....233
3. TAM THANH THỊ HIỆN THÀNH TAM GIÁO ĐẠO....239
3.1. Sự phát triển của các tín ngưỡng nguyên thủy thành các tôn giáo....240
3.2. Đặc điểm của các tôn giáo ở giai đoạn này....242

4. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC TÔN GIÁO QUA CÁC THỜI KỲ CỨU ĐỘ 243
5. KẾT LUẬN 246
CHƯƠNG 6. CÁC THỜI KỲ CỨU ĐỘ 247
1. ĐẠI THƯỢNG NGUƠN (ĐỆ NHẤT CHUYỂN) 249
1.1. Thượng nguơn nhất chuyển 251
1.2. Trung nguơn nhất chuyển 255
1.3. Hạ nguơn nhất chuyển 256
2. ĐẠI TRUNG NGUƠN (ĐỆ NHỊ CHUYỂN) 261
2.1. Thượng nguơn nhị chuyển 262
2.2. Trung nguơn nhị chuyển 262
2.3. Hạ nguơn nhị chuyển 263
3. ĐẠI HẠ NGUƠN (ĐỆ TAM CHUYỂN) 266
3.1. Thượng nguơn tam chuyển: Nhất kỳ phổ độ 269
3.1.1. Trình tự phát sinh Tam Giáo Đạo ở nhất kỳ phổ độ 269
3.1.2. Phật Đạo. 269
3.1.3. Tiên Đạo 272
3.1.4. Thánh Đạo 273
3.1.5. Ghi chú về Đại Đạo ở nhất kỳ phổ độ 275
3.2. Trung nguơn tam chuyển: Nhị kỳ phổ độ 276
3.2.1. Trình tự phát sinh Tam Giáo Đạo ở nhị kỳ phổ độ. 278
3.2.2. Tiên Đạo 278
3.2.3. Phật Đạo 280
3.2.4. Thánh Đạo 281
3.2.5. Ghi chú về Đại Đạo ở nhị kỳ phổ độ 284
3.3. Hạ nguơn tam chuyển: Tam kỳ phổ độ 285
3.3.1. Trình tự quy nguyên Tam Giáo Đạo trong tam kỳ phổ độ 286
3.3.2. Đại Đạo Cao Đài 286
4. KẾT LUẬN 289
CHƯƠNG 7. VẠN GIÁO NHẤT LÝ 290
1. TINH THẦN "VẠN GIÁO NHẤT LÝ" CỦA CÁC TÔN GIÁO 291
1.1. Tôn trọng các tín ngưỡng khác biệt 291
1.2. Nhận ra sự tương đồng giữa các tôn giáo khác nhau 293
1.3. Chủ trương mọi tôn giáo đều là một 295
2. BA ĐIỂM CĂN BẢN TẠO NÊN TÍNH NHẤT LÝ TRONG VẠN GIÁO 297
2.1. Sự hữu thể hóa của Đại Đạo trong trời đất 297
2.2. Sự hiện thực hóa Đại Đạo trong con người 299
2.3. Sự phục hưng Đại Đạo trong nhân sinh 302
3. TÍNH NHẤT LÝ TRONG THỂ-TƯỚNG-DỤNG CỦA CÁC TÔN GIÁO 305
3.1. Tính nhất lý trong chân truyền Đại Đạo của các tôn giáo 305
3.2. Tính nhất lý trong hình tướng xã hội của các tôn giáo 307
3.3. Tính nhất lý trong sứ mạng lịch sử của các tôn giáo 310
4. KẾT LUẬN 313

PHẦN 3. TAM GIÁO ĐẠO TRỞ VỀ ĐẠI ĐẠO 315

CHƯƠNG 8. BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA THỜI HẠ NGUƠN MẠT KIẾP 316

1. TỔNG QUAN.....316
2. DIỄN BIẾN CỦA CƠ TIẾN HÓA Ở THỜI MẠT KIẾP 319
2.1. Sự gia tăng nhịp độ vận động để tiến hóa.....319
2.2. Sự chọn lọc và đào thải trong càn khôn vũ trụ 320
2.3. Sự tồn tại hai diễn trình trái ngược về tâm linh và lý trí 324
2.3.1. Một minh chứng về sự tồn tại của hai diễn trình trái ngược.....324
2.3.2. Sự hoán đổi vai trò giữa tâm linh và lý trí 326
2.3.3. Sự suy thoái của tâm linh và sự phát triển của lý trí trong lịch sử.....328
2.4. Sự thất chân truyền của các tôn giáo.....331
2.4.1. Sự chia rẽ trong các tôn giáo 331
2.4.2. Sự tha hóa của tôn giáo.....334
3. HAI XU THẾ QUY NGUYÊN Ở CUỐI NHỊ KỲ PHỔ ĐỘ.....339
3.1. "Quy nguyên" là gì?.....339
3.2. Xu thế quy nguyên ngoại tại: đi tìm sự đại đồng 340
3.2.1. Tinh thần đại đồng nhân loại 340
3.2.2. Tư tưởng đại đồng tôn giáo 342
3.3. Xu thế quy nguyên nội tại: phục hưng chân truyền 344
3.4. Từ xu thế đến hiện thực.....345
3.5. Sự bế tắc từ các thành phần lãnh đạo trong nhân loại.....346
4. KẾT LUẬN.....347

CHƯƠNG 9. THƯỢNG ĐẾ KHAI MỞ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ.....349

1. SỰ QUY NGUYÊN CỦA TAM GIÁO ĐẠO.....350
1.1. Sự quy nguyên do Thượng Đế.....351
1.2. Sự quy nguyên do các Đấng Thiêng Liêng trong Tam Giáo Đạo.....355
1.2.1. Phật Đạo.....355
1.2.2. Tiên Đạo 356
1.2.3. Thánh Đạo 357
1.3. Sự quy nguyên do con người.....359
2. PHƯƠNG PHÁP LẬP ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ CỦA THƯỢNG ĐẾ 362
2.1. Dựa vào trình độ tiến hóa của nhân loại và bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam.....363
2.2. Không giao chánh giáo cho tay phàm 363
2.3. Kiến tạo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trên nền tảng Tam Giáo Đạo.....365
2.4 Phát triển cơ đạo từ giai đoạn "hữu hình" (ngoại giáo công truyền) đến giai đoạn "vô vi" (nội giáo tâm truyền).....368
3. VAI TRÒ CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ TRONG CƠ QUY NGUYÊN 370
3.1. Phục hưng chân truyền cho Tam Giáo Đạo.....370
3.2. Mở ra cơ hội hoằng dương chánh pháp cho vạn giáo.....373
3.3. Xây dựng một nền tảng Đại Đạo duy nhất.....376
4. KẾT LUẬN.....377

CHƯƠNG 10. SỰ DUNG HÒA VÀ TỔNG HỢP TAM GIÁO ĐẠO TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ 379
1. SỰ DUNG HÒA VÀ TỔNG HỢP 379
1.1. Phép tổng hợp 380
1.1.1. Thế nào là "tổng hợp"? 380
1.1.2. Nguyên lý để tổng hợp 381
1.2. Sự dung hòa 383
1.3. Làm sao vạn giáo có thể được dung hòa và tổng hợp vạn giáo lại thành một Đại Đạo duy nhất? 385
2. SỰ DUNG HÒA – TỔNG HỢP TAM GIÁO ĐẠO 387
2.1. Công thức tổng quát của sự dung hòa – tổng hợp Tam Giáo Đạo 388
2.2. Sự dung hòa – tổng hợp Tam Giáo Đạo theo tỉ lệ bằng nhau 389
2.3. Sự dung hòa – tổng hợp Tam Giáo Đạo theo những tỉ lệ khác nhau 391
3. SỰ HIỆN DIỆN CỦA VẠN GIÁO TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ 395
3.1. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ như là sự phát triển về sứ mạng của vạn giáo 395
3.2. Kinh điển của vạn giáo như là những phần khác nhau trong một bộ kinh duy nhất của Đại Đạo 398
4. KẾT LUẬN 398
CHƯƠNG 11. TÍNH DUY NHẤT CỦA ĐẠI ĐẠO TRONG LỊCH SỬ VĂN MINH NHÂN LOẠI 399
1. MỘT THƯỢNG ĐẾ DUY NHẤT 399
2. MỘT CƠ CỨU ĐỘ DUY NHẤT 401
3. MỘT ĐẠI ĐẠO DUY NHẤT 403
3.1. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là thành quả của Đại-Đạo-trong-Tam-Giáo-Đạo . 403
3.2. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là hiện thân của Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo 405
3.3. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là con đường khôi phục Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo 410
4. KẾT LUẬN 417

PHẦN 4. TAM GIÁO ĐẠO TRỞ VỀ ĐẠI ĐẠO TRÊN PHƯƠNG DIỆN GIÁO LÝ 419

CHƯƠNG 12. GIÁO LÝ VỀ ĐẠI ĐẠO TRONG VẠN GIÁO 420
1. KHÁI NIỆM "ĐẠI ĐẠO" TRONG CÁC TÔN GIÁO 420
1.1. "Đạo" trong các tôn giáo Trung Hoa cổ đại 420
1.1.1. "Đạo" trong Nho giáo 421
1.1.2. "Đạo" trong Lão giáo 424
1.2. "Sanàtana Dharma" trong các tôn giáo Ấn Độ cổ đại 426
1.3. "Daena" trong Hỏa giáo 427
1.4. "Giao Ước" trong các tôn giáo Abraham 428
1.4.1. Giao Ước trong Do Thái giáo 428
1.4.2. Giao Ước trong Ky Tô giáo 429

1.4.3. Giao Ước trong Hồi giáo 430
2. NGUỒN GỐC VÀ BẢN CHẤT ĐẠI ĐẠO CỦA CÁC TÔN GIÁO 431
2.1. Những tôn giáo tự xác nhận nguồn gốc của mình là từ Đức Thượng Đế 431
2.1.1. Hỏa giáo 431
2.1.2. Do Thái giáo và Ky Tô giáo 431
2.1.3. Hồi giáo 432
2.2. Những tôn giáo tự xác nhận bản chất của mình là "Chánh Pháp" 432
2.2.1. Kỳ Na giáo 432
2.2.2. Thích Ca giáo 433
2.3. Những tôn giáo tự xác nhận bản chất của mình là "Đạo" 433
2.3.1. Khổng giáo 433
2.3.2. Lão giáo 434
3. TẦM VÓC ĐẠI ĐẠO CỦA CÁC TÔN GIÁO 436
4. THAY CHO KẾT LUẬN 439
CHƯƠNG 13. GIÁO LÝ VỀ MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA VẠN GIÁO 442
1. TÔN GIÁO ĐỜI TRƯỚC TIÊN TRI VỀ SỰ XUẤT HIỆN CỦA TÔN GIÁO ĐỜI SAU 443
1.1. Do Thái giáo: tiên tri sự ra đời của Ky Tô giáo 443
1.2. Các tôn giáo khác: tiên tri sự ra đời của con người sứ mạng 444
2. TÔN GIÁO ĐỜI SAU XÁC NHẬN NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA TÔN GIÁO ĐỜI TRƯỚC 445
2.1. Ky Tô giáo: xác nhận giá trị của Do Thái giáo 445
2.2. Hồi giáo: xác nhận giá trị của cả Do Thái giáo lẫn Ky Tô giáo 446
3. TÔN GIÁO ĐỜI SAU LÀM SÁNG TỎ CHÂN TRUYỀN CỦA TÔN GIÁO ĐỜI TRƯỚC 448
3.1. Nhìn lại các ví dụ của các tôn giáo Abraham 448
3.2. Phật giáo làm sáng tỏ chân truyền của Bà La Môn giáo 448
4. TÔN GIÁO ĐỜI SAU KẾ THỪA VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO LÝ CỦA TÔN GIÁO ĐỜI TRƯỚC 454
4.1. Lão giáo và Khổng giáo: giữ lấy những mẫu mực lý tưởng của cổ nhân 454
4.2. Các tôn giáo khác: rộng mở cho những khả năng kế thừa 457
5. CÁC TÔN GIÁO DUNG HÒA – TỔNG HỢP 459
5.1. Mani giáo 459
5.2. Đạo học (Tân Khổng học) 459
5.3. Thông Thiên học 460
6. KẾT LUẬN 460
CHƯƠNG 14. GIÁO LÝ VỀ NGUYÊN LÝ CỦA SỰ CỨU ĐỘ 461
1. NGUYÊN LÝ CỦA SỰ CỨU ĐỘ: "THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT" 461
1.1. Hiệp nhất với Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại 462
1.2. Hiệp nhất với Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại 462
1.3. Hiệp nhất với Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại 464
1.4. Hiệp nhất với Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại 464
1.5. Điểm quan trọng nhất trong nguyên lý "Thiên Nhân hiệp nhất" 465
2. "THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT" TRONG GIÁO LÝ MỘT SỐ TÔN GIÁO 466
2.1. Do Thái giáo: nhân ý phải phù hợp với Thiên Lý 466
2.2. Nho giáo: phải chí thành 467

2.3. Bahá'í: phải lánh xa tự ngã ... *468*
3. NHẬN XÉT ... 469
CHƯƠNG 15. GIÁO LÝ VỀ SỰ QUY NGUYÊN Ở BUỔI CUỐI CÙNG ... 470
1. HAI PHẠM VI QUY NGUYÊN ... 470
1.1. Quy nguyên ở phạm vi xã hội ... *471*
1.2. Quy nguyên ở phạm vi cá nhân ... *472*
2. NHỮNG TIÊN TRI VỀ SỰ QUY NGUYÊN Ở BUỔI CUỐI CÙNG ... 473
2.1. Tiên tri của kinh Qur'an: Phải trở về với Thầy ... *473*
2.2. Tiên tri của kinh Tân Ước ... *474*
2.2.1. Sẽ chỉ có một bầy chiên mà thôi ... 474
2.2.2. Chúa sẽ đến như kẻ trộm ... 474
2.2.3. Đức Chúa Trời sẽ đổ Thần trên mọi xác thịt ... 477
2.2.4. Những kẻ mặc áo dài trắng ... 479
3.3. Tiên tri của kinh Kim Cang: công đức của người trì kinh thời mạt pháp ... *480*
3. NHỮNG TIÊN TRI VỀ THỜI THÁNH ĐỨC ... 481
3.1. Tiên tri của kinh Pahlavi: thời đại thái hòa ... *482*
3.2. Tiên tri của kinh thánh Do Thái: thời kỳ của Đấng Cứu Độ ... *482*
4. NHẬN XÉT ... 484
KẾT LUẬN ... 485

TÀI LIỆU THAM KHẢO ... 489

PHỤ LỤC ... 497
1. SỰ XUẤT HIỆN NHÂN LOẠI TRÊN TRÁI ĐẤT ... 497
2. CÁCH TÍNH NIÊN ĐẠI TRUNG BÌNH ... 499

LỜI TỰA
GIÁO LÝ ĐẠI TOÀN

Bộ sách này được Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo biên soạn dưới tựa đề "GIÁO LÝ ĐẠI TOÀN" với ý nghĩa là "Giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ toàn tập". Mục đích của bộ sách này là hệ thống hóa toàn bộ giáo lý của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và làm sáng tỏ giềng mối của nền đạo đã được Thượng Đế trực tiếp khai mở trong thời kỳ hạ nguơn mạt kiếp này.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hay gọi tắt là đạo Cao Đài, đã được Thượng Đế khai minh tại Việt Nam vào năm Bính Dần 1926. Tuy nhiên cho đến nay, nền đạo này vẫn hãy còn rất mới đối với toàn nhân loại, trong đó có cả người Việt Nam. "Mới" ở đây có thể là do người ta chưa từng biết đến nền đạo này, nhưng chủ yếu là do chưa có mấy ai thật sự hiểu được nền đạo này ngay cả trong trường hợp họ đã biết đến hay sống trong nó. Và để hiểu được Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, cách thức hiệu quả nhất là hiểu được giáo lý của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Chính trong viễn tượng này, bộ sách "Giáo Lý Đại Toàn" đã được biên soạn.

1. Về lý do biên soạn bộ sách "Giáo Lý Đại Toàn"

Có bốn lý do dẫn đến việc biên soạn bộ sách "Giáo Lý Đại Toàn".

Lý do thứ nhất. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, sau 60 mươi năm đầu tiên kể từ ngày Khai Minh Đại Đạo – tức là từ năm Bính Dần 1926 đến năm Bính Dần 1986 – đã có được một kho tàng kinh điển phong phú mà trong đó đại đa số là các thánh ngôn, thánh giáo, thánh huấn,… được Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng giáng dạy qua cơ bút tại các Hội Thánh cũng như các thánh sở, cho nhiều tổ chức, tập thể hoặc cá nhân trong toàn đạo. Kho tàng kinh điển phong phú này là một gia sản văn hóa vô giá mà Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đang gìn giữ cho cả dân tộc Việt Nam và cho toàn nhân loại. Tuy nhiên, do những hoàn cảnh lịch sử khác nhau, kho tàng kinh điển này chưa bao giờ được tập trung đầy đủ về một thư viện duy nhất, mà vẫn còn nằm phân tán trong tất cả các Hội Thánh, các thánh sở, các gia đình hoặc cá nhân tín đồ thuộc Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Điều này hiện nay đang là lý do thứ nhất khiến cho tất cả những ai muốn nghiên cứu về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đều gặp rất nhiều khó khăn.

Lý do thứ hai. Mỗi nền đạo trên thế giới từ xưa đến nay, khi đã vượt qua được giai đoạn phôi thai và chặng đường sơ khai, thì sớm muộn gì cũng phải đi đến một giai đoạn tăng trưởng mà trong đó nhu cầu kết tập toàn bộ kinh điển chân truyền của mình thành một hệ thống hoàn chỉnh là nhu cầu cấp thiết hơn hết. Chính Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, sau 60 năm đầu tiên, đã bước vào giai đoạn tăng trưởng như vậy. Nói đến "tăng trưởng" ở đây chưa nhất thiết là phải nói đến sự phát triển về hình thức hay vật chất, nhưng phải nói đến sự tiến bộ trong khả năng phát huy giáo lý, đạo lý, giáo nghĩa và tâm linh. Đối với

Tam Kỳ Phổ Độ, giáo lý là nhân tố quan trọng bậc nhất cho tiền đồ Đại Đạo, bởi vì đó là tôn chỉ chủ yếu của guồng máy cứu độ mà Đức Chí Tôn Thượng Đế đã đặt để. Hơn nữa, Đại Đạo có được hoằng hóa sâu rộng là nhờ có nền giáo lý cao thượng, vượt lên tất cả mọi đối thù sai biệt, chứ không phải nhờ vào số lượng dồi dào của kinh điển. Do đó, sự kết tập toàn bộ kinh điển Đại Đạo sẽ không đơn thuần là sưu tầm tất cả các kinh điển đã có, mà cơ bản là phải hệ thống hóa toàn bộ giáo lý.

Lý do thứ ba. Vì hãy còn là một nền đạo "mới", giáo lý của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vẫn còn ở mức hết sức giản lược. Sự giản lược này có một ưu điểm là giúp cho giáo lý Tam Kỳ Phổ Độ dễ hiểu và dễ phổ biến đối với đại chúng trong dân gian, nhưng lại có những khuyết điểm như chưa làm cho nội dung giáo lý đủ sáng tỏ, và do đó, chưa thỏa mãn được nhu cầu tìm hiểu của các tầng lớp khác nhau trong xã hội, không những ở Việt Nam mà cả các nước khác nữa. Rõ ràng, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cần phải có những công trình biên soạn mà trong đó chẳng những hệ thống hóa được đầy đủ tổng thể giáo lý của mình theo cả chiều sâu lẫn chiều rộng, mà còn phải phô diễn, phải phát huy sao cho giáo lý của mình luôn có tính cách thích ứng với thời đại và hoàn cảnh, đáp ứng những ước vọng chung của toàn nhân loại cũng như những mong mỏi riêng của từng cá nhân. Giáo lý và giáo nghĩa vốn sẵn có đường lối từ ngày Khai Minh Đại Đạo, nhưng cần được phát huy cho sáng tỏ, và nếu đã sáng tỏ thì lại cần phải làm cho sáng tỏ thêm hơn. Có như thế mới giúp cho tất cả những ai có nhu cầu đều có thể am tường yếu lý của Đạo một cách thâm sâu và rành mạch.

Lý do thứ tư. Suốt 60 mươi năm đầu tiên và cho đến thời điểm mà bộ sách này sắp được hoàn thành, trong toàn đạo Cao Đài đã có không ít các công trình biên soạn về giáo lý. Có những công trình chỉ tự giới hạn lấy mình ở việc trình bày giáo lý theo những thánh ngôn, thánh giáo, thánh huấn,… mà Ơn Trên đã dạy tại Hội Thánh của mình, thánh sở của mình, hoặc dạy cho chi phái của mình, tập thể của mình, cá nhân của mình mà thôi. Cũng có không ít công trình thể hiện một tinh thần phóng khoáng, cố gắng sử dụng toàn bộ thánh ngôn, thánh giáo, thánh huấn,… đã từng có trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà không phân biệt Hội Thánh, Giáo Hội, chi phái, thánh sở,… Tất cả đều đã đáp ứng được phần nào nhu cầu tìm hiểu đạo lý của nhân sanh tại nhiều địa phương. Tuy thế, nếu xét một cách khách quan, thì những nỗ lực như vậy hãy còn rất ít ỏi. Đó là chưa kể đến những quan điểm biên soạn còn mâu thuẫn nhau – trong khi nhân sanh tuy giàu nhiệt tình tin tưởng nhưng thiếu một sự nhận thức cơ bản đúng đắn – nên gây ra những suy nghĩ hoang mang hoặc mơ hồ.

Vì bốn lý do chủ yếu đó, nên dưới sự dẫn dắt và soi sáng của Ơn Trên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã thực hiện những chương trình nghiên cứu và biên soạn giáo lý để đáp ứng nhu cầu không chỉ của tín đồ Cao Đài hôm nay mà còn của nhân loại ngày mai. Và dự án "Giáo Lý Đại Toàn" thuộc về một trong số những chương trình như vậy.

2. Về dự án "Giáo Lý Đại Toàn"

Sứ mạng của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo là phổ truyền chánh pháp Đại Đạo, phổ biến giáo lý chơn tu và phổ tế quần sanh nơi cõi thế. Do đó, những chữ "Phổ

thông giáo lý" trong danh hiệu của Cơ Quan không có nghĩa là truyền bá những lý thuyết suông chỉ để cho mọi người hiểu đạo, mà có nghĩa là phải làm cho cơ đạo được thống nhất tinh thần, và làm cho giáo lý Đại Đạo được luân lưu thông suốt trong mọi dân tộc trên thế giới, trong mọi lý thuyết của nhân loại, cũng như trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời.

Thế thì dự án "Giáo Lý Đại Toàn", tức là dự án biên soạn bộ sách này, đứng ở đâu trong sứ mạng phổ thông giáo lý?

Đây là một dự án nối tiếp theo sau một dự án quan trọng khác có tên gọi là "Xác lập Yếu điểm Giáo lý Đại Đạo". Ơn Trên đã chỉ ra cho Cơ Quan thấy rõ: muốn phổ thông giáo lý mà chính giáo lý chưa được xác lập đầy đủ thì không thể nào phổ thông được. Để giải quyết nghịch lý tiềm tàng này, từ năm Bính Dần 1986 Cơ Quan đã bắt tay vào dự án "Xác Lập Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo" với mục đích tìm ra (từ trong kho tàng thánh ngôn, thánh giáo) những nội dung giáo lý thật cơ bản, thật phổ quát và trường cửu để làm nền tảng cho toàn bộ giáo lý Đại Đạo. Chính những nội dung như vậy được gọi là những "yếu điểm giáo lý", nghĩa là những điểm trọng yếu của giáo lý Đại Đạo. Với bản thảo đầu tiên được Cơ Quan hoàn thành vào năm Tân Mùi 1991 và hoàn chỉnh hóa dần dần trong nhiều năm sau đó, quyển "Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo" đã được Đức Lý Giáo Tông cho phép xuất bản vào năm Ất Dậu 2005 và đến tay nhân sanh vào năm Bính Tuất 2006.

Qua các yếu điểm giáo lý, người ta có thể hình dung được nền tảng cho toàn bộ giáo lý Đại Đạo trong một chừng mực nào đó nhưng vẫn chưa thể thấy được cái tổng thể của giáo lý Đại Đạo. Chính vì vậy, sau khi thực hiện xong bản sơ thảo của quyển "Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo", Cơ Quan đã bắt tay vào dự án "Giáo Lý Đại Toàn" từ năm Nhâm Thân 1992.

Bộ sách "Giáo Lý Đại Toàn" chính là sự khai triển toàn diện của hệ thống "Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo" trong những lĩnh vực quan trọng nhất của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Theo thiết kế, bộ sách "Giáo Lý Đại Toàn" bao gồm bảy quyển:

- Quyển 1: "Giới thiệu về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ"
- Quyển 2: "Đại Đạo và Tam Giáo Đạo"
- Quyển 3: "Luận lý học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ"
- Quyển 4: "Triết học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ"
- Quyển 5: "Ý thức hệ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ"
- Quyển 6: "Tân pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ"
- Quyển 7: "Văn hóa Cao Đài"

Liệu bảy quyển sách này đã thật sự đầy đủ để phô diễn và phát huy được toàn bộ giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay chưa? Tối thiểu thì bảy quyển sách này đã cùng với nhau thực hiện được hai điều sau đây:

- Điều thứ nhất, đã xây dựng được nền tảng giáo lý ở trình độ khoa học hiện đại để phổ độ khắp thế giới nhân loại; hay nói một cách cụ thể hơn, đã kiến thiết được cho giáo lý Đại Đạo một căn bản lý luận vững chắc, khoa học, rồi từ đó, đã khai triển giáo lý Đại Đạo một cách sâu rộng trên nhiều phương diện và trong nhiều lĩnh vực, giải đáp được nhiều vấn đề then chốt về tâm linh và nhân sinh thuộc các phạm vi của triết lý và khoa học.

- Điều thứ hai, đã xiển dương được Thiên Ý mà theo đó dân tộc Việt Nam là dân tộc được chọn làm nền móng khai sáng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ; hay nói một cách cụ thể hơn, đã phát huy được truyền thống văn hóa đạo đức dân tộc Việt Nam theo đường lối Tam Giáo Quy Nguyên, Vạn Giáo Nhứt Lý và Thiên Nhân Hiệp Nhất, nhờ đó, đã làm nổi bật được những tính chất thuần túy của dân tộc Việt Nam mà vẫn khế hợp được với bản thể đại đồng nhân loại.

Để thực hiện dự án này, về mặt nguồn nhân lực, Cơ Quan đã huy động trí tuệ tập thể và công năng đại định cùng lòng nhiệt thành hăng say tích cực của mọi cấp nhân viên trong Cơ Quan. Còn về mặt nguồn giáo lý, trong khả năng sưu tầm tài liệu của mình, Cơ Quan đã sử dụng toàn bộ thánh ngôn, thánh giáo, thánh huấn,… từng được Ơn Trên giáng dạy trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ từ thuở sơ khai của Đạo và trong mọi phái chi của Đại Đạo về sau này. Ngoài ra, nhóm dự án còn khai thác các kinh điển thuộc về văn hóa dân tộc cũng như văn hóa Đông Tây để khế hợp giữa cơ Đạo và văn minh toàn nhân loại.

Mặc dù đã tận tâm và tận lực, nhưng trong khả năng rất hữu hạn của mình, Cơ Quan hiểu rằng mình cũng không thể tránh khỏi những sai sót khi thực hiện bộ giáo lý này. Vì vậy, Cơ Quan luôn cầu xin Ơn Trên soi sáng và kính mong chư đạo tâm cũng như các bậc cao minh gần xa rộng lòng chỉ bảo, giúp cho bộ sách này càng ngày càng hoàn hảo thêm trong ước nguyện phụng sự toàn nhân loại.

3. Về việc sắp xếp nội dung trong bộ sách "Giáo Lý Đại Toàn"

Muốn nghiên cứu để tìm hiểu giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ một cách có hệ thống, sẽ là tốt nhất nếu bạn đọc có trong tay cả bộ sách "Giáo Lý Đại Toàn" cùng với quyển "Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo". Tuy nhiên, do những điều kiện thực tế khác nhau, có thể bạn đọc chỉ tiếp xúc một cách rời rạc với quyển này hay quyển khác trong số đó.

Chú ý đến thực tế này, cả bảy quyển sách trong bộ "Giáo Lý Đại Toàn" đã được biên soạn sao cho:

- Mỗi quyển là một tập hợp của những nội dung trọn vẹn để có thể được xem như một quyển sách độc lập với những quyển khác trong cả bộ sách; nhờ vậy, nếu chỉ có trong tay một quyển bất kỳ nào đó, bạn đọc vẫn có thể nắm được nội dung của quyển này mà không cần phải có đủ cả bộ sách.

- Mỗi quyển là một bộ phận không thể tách rời của cả bộ sách, có liên quan mật thiết với các quyển khác, nhất là với quyển kế tiếp; nhờ vậy, sau khi đọc được càng nhiều quyển, bạn đọc càng có thể thấy rõ hệ thống tổng thể của giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Để thực hiện điều này, mỗi quyển trong bộ Giáo Lý Đại Toàn đều phải vừa giải quyết những vấn đề được đặt ra cho chính mình (trong số đó, có nhiều vấn đề quan trọng do các quyển khác đặt ra), vừa chuẩn bị để bạn đọc có thể bước vào viễn tượng của quyển kế tiếp.

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nội dung tổng thể của cả bộ sách, chúng tôi sẽ tóm tắt từng quyển, đi theo thứ tự của chúng.

Quyển 1, "Giới thiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ". Quyển này giới thiệu khái quát về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: sự xuất hiện của đạo Cao Đài, những đặc điểm của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, khái quát về giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, khái lược về kho tàng thánh ngôn - thánh giáo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Từ quyển này, một vấn đề được đặt ra: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đứng ở đâu trong lịch sử văn minh nhân loại và lịch sử cứu độ của Thượng Đế? Giải quyết vấn đề này là nhiệm vụ của quyển 2.

Quyển 2, "Đại Đạo và Tam Giáo Đạo". Quyển này trình bày về lịch sử văn minh nhân loại theo sử quan của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thông qua một mối liên hệ đặc biệt tạo thành "xương sống" của lịch sử này: mối liên hệ giữa Đại Đạo và Tam Giáo Đạo. Lịch sử này cũng chính là lịch sử cứu độ mà Thượng Đế đã thực hiện đối với nhân loại. Lịch sử này diễn tiến theo định luật: Từ nguồn gốc Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo cho đến Tam Giáo Đạo trở về nguồn gốc Đại Đạo. Định luật này, đến lượt mình, lại chia lịch sử cứu độ thành ba thời kỳ; và Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đứng ở thời kỳ thứ ba để thực hiện sứ mạng quy hiệp Tam Giáo Đạo về nguồn gốc Đại Đạo, theo tôn chỉ "Tam giáo quy nguyên – Ngũ chi hiệp nhất" và với mục đích "Thế đạo đại đồng – Thiên đạo giải thoát".

Từ quyển này, một vấn đề được đặt ra: Dựa trên nền tảng tư tưởng như thế nào mà Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có thể thực hiện tôn chỉ "Tam giáo quy nguyên – Ngũ chi hiệp nhất" và mục đích "Thế đạo đại đồng – Thiên đạo giải thoát"? Giải quyết vấn đề này là nhiệm vụ của quyển 3.

Quyển 3, "Luận lý học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ". Đây là quyển sách về nền tảng lý luận của giáo lý Đại Đạo. Quyển này chỉ ra rằng, để thực hiện được tôn chỉ và mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì giáo lý Đại Đạo không thể đặt căn bản lý luận của mình trên các hệ thống luận lý học đã có, vì các pháp thức luận lý trong các hệ thống này không cho phép tư tưởng và hành động của con người có thể giải quyết được đồng thời những vấn đề mà nhân loại đã và đang bế tắc. Giải pháp mới của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đòi hỏi phải có một hệ thống luận lý học mới. Dựa vào thánh ngôn thánh giáo, quyển sách xác lập và trình bày hệ thống luận lý học của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, bao gồm: hệ

tiên đề của luận lý học Đại Đạo, nhận thức luận, các công cụ luận lý học, và một phép biện chứng "mới" được đặt tên là "trung dung biện chứng pháp".

Từ quyển này, một vấn đề được đặt ra: Luận lý học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ liệu có thuộc về một hệ thống triết học nào hay không? Câu trả lời chính là quyển 4.

Quyển 4, "Triết học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ". Quyển này trình bày về toàn bộ hệ thống triết học của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: triết học về vũ trụ, triết học về con người, và triết học về nhân sinh. Qua quyển sách này, triết học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hiện diện như một nền triết học với bản sắc Việt Nam, phối hợp giữa sự minh triết của các Đấng Thiêng Liêng và những tinh hoa trong văn minh nhân loại, phát huy tinh thần đạo học qua một tâm thức nhân bản và một ý thức đại đồng. Hệ thống triết học này dùng lối lý luận đặc trưng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được trình bày trong quyển 3.

Từ quyển này, một vấn đề được đặt ra: Triết học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sẽ đi từ lý thuyết vào thực tiễn như thế nào, để thực hiện mục đích cứu thế kỳ ba? Câu trả lời được tìm thấy ở quyển 5.

Quyển 5, "Ý thức hệ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ". Để biến lý luận triết học thành hành động thực tiễn trong việc cứu độ toàn nhân loại, giáo lý Cao Đài đã đề ra một ý thức hệ có khả năng truyền cảm mạnh mẽ cho đại chúng. Đây là ý thức hệ được đặt trên nền tảng một đức tin nhân bản, một lý tưởng giải thoát tâm linh nhân loại thông qua việc kiến tạo thế giới đại đồng, một sứ mạng đại thừa để con người vừa tự cứu độ lấy mình, vừa cứu độ tha nhân bằng quyền pháp mà Thượng Đế đã ban trao. Đây cũng là một ý thức hệ phổ quát, vì không khép kín trong một hay nhiều tôn giáo, cũng như một hay nhiều dân tộc.

Từ quyển này, có mấy vấn đề được đặt ra: Liệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có một (hay những) phương pháp cụ thể và hữu hiệu nào hầu đảm bảo rằng ý thức hệ này sẽ được thực hiện thành công? Liệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có cam kết được rằng nếu áp dụng đúng phương pháp này, bất cứ cá nhân nào cũng sẽ được giải thoát về mặt tâm linh và bất cứ xã hội nào cũng sẽ được đại đồng về mặt nhân sinh? Giải quyết vấn đề này là nhiệm vụ của quyển 6.

Quyển 6, "Tân pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ". Đức Thượng Đế đã đưa ra một hệ thống các phương pháp cứu độ, bao gồm cả các phương pháp tự độ và độ tha, được gọi là Tân pháp Cao Đài hay Tân pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Quyển sách này trình bày hệ thống pháp môn của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, từ các pháp môn hạ thừa, lên các pháp môn trung thừa, rồi đến các pháp môn thượng thừa và đại thừa. Đặc biệt, quyển sách này có giới thiệu những nét chính về nội giáo tâm truyền của Đại Đạo. Việc giới thiệu này tuyệt nhiên không phải để bày cho nhân sanh dò dẫm vào chánh pháp Đại Đạo bằng lối "tự học" (vốn là một điều không bao giờ đem lại một kết quả tốt đẹp nào cả), nhưng để vạch cho nhân sanh con đường tìm đến và gõ cửa Cao Đài, rồi bước vào mà học "Đạo vô vi" với "Sư vô vi" theo đúng quyền pháp Đại Đạo; chỉ nhờ đó, nhân sanh mới chắc chắn đạt được những kết quả tốt đẹp trong kiếp làm người hiện tại của mình.

Hầu hết các chủ đề giáo lý được trình bày từ quyển 1 đến quyển 6 đều xuất phát từ một nguồn dữ liệu duy nhất là kho tàng kinh điển mà Ơn Trên đã giáng dạy qua cơ bút trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tuy nhiên, toàn bộ hệ thống giáo lý Đại Đạo còn được thể hiện trên một nguồn dữ liệu thuộc loại khác. Và quyển 7 sẽ nói về nguồn dữ liệu này.

Quyển 7, "Văn hóa Cao Đài". Sự hiện diện của đạo Cao Đài được thể hiện qua nhiều thành tố văn hóa hết sức đa đạng: các kiến trúc thánh sở, các hình thức lễ hội, các nghi thức quan-hôn-tang-tế, các nghi tiết lễ nhạc, các nghi thức thờ phượng và lễ bái, các hệ thống đạo phục của tín đồ và chức sắc, các cơ cấu tổ chức trong một Hội thánh và thánh sở, những thơ ca thi phú trong thánh ngôn thánh giáo. Quyển sách này giới thiệu những nội dung giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có thể được tìm thấy thông qua các thành tố văn hóa như vừa nêu. Quyển sách này cũng chỉ ra rằng văn hóa Cao Đài hiện diện vừa như là một sự phát huy văn hóa dân tộc Việt Nam, vừa như là một sự phát triển văn hóa đạo đức của Tam Giáo Đạo, và hơn nữa, văn hóa Cao Đài cũng hiện diện như một nền văn hóa thiêng liêng mà Ơn Trên ban xuống thế gian như một chuẩn mực cho đời sống thánh đức đại đồng trong tương lai của toàn nhân loại.

Như vậy, bảy quyển trong bộ "Giáo Lý Đại Toàn" đã trình bày toàn thể hệ thống giáo lý của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, vừa độc lập với nhau, vừa gắn bó chặt chẽ với nhau. Để kết thúc các giới thiệu ban đầu, chúng tôi có trình bày một lược đồ ở trang kế tiếp; đây là lược đồ hệ thống bảy quyển sách trong bộ "Giáo Lý Đại Toàn" để giúp cho bạn đọc tham khảo nhanh khi cần thiết.

LƯỢC ĐỒ 7 QUYỂN TRONG BỘ GIÁO LÝ ĐẠI TOÀN

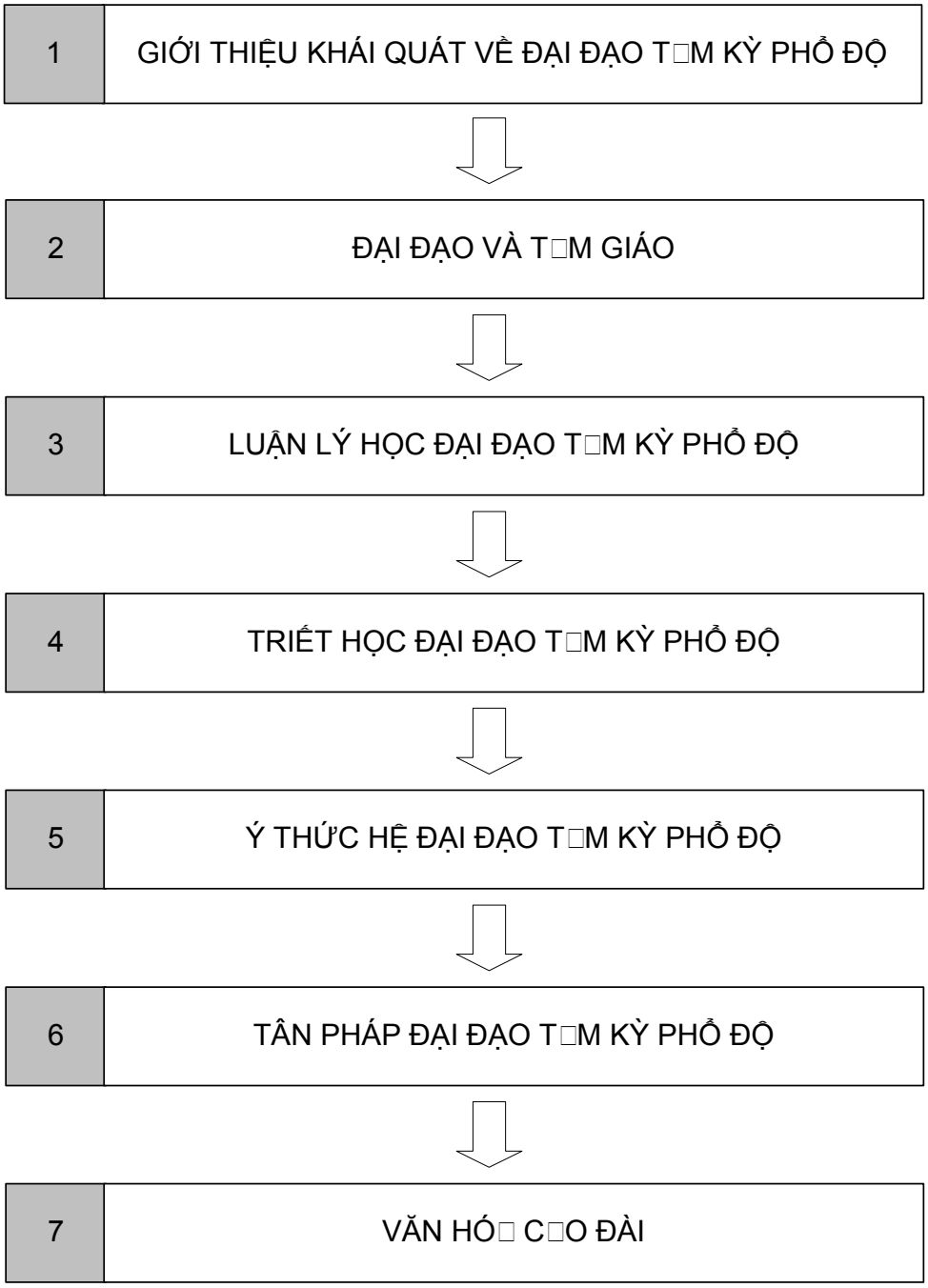

CÁC QUY ƯỚC VÀ KÝ HIỆU TRONG GIÁO LÝ ĐẠI TOÀN

Bộ sách "Giáo Lý Đại Toàn" này có sử dụng những quy ước và ký hiệu nhằm giúp cho việc trình bày được tiện lợi. Những quy ước và ký hiệu này chỉ đơn thuần mang tính chất kỹ thuật để trình bày nội dung của bộ sách; chúng tôi hoàn toàn không ngụ ý rằng đây là những chuẩn mực mà các sách khác phải theo; chúng tôi cũng bảo lưu quyền được sử dụng những quy ước và ký hiệu của riêng bộ sách này nếu như chúng có khác biệt với các quy ước và ký hiệu của các sách khác.

1. Quy ước về cách gọi tên và cách phân loại tài liệu tham khảo

Tài liệu tham khảo được gọi chung bằng một danh từ dân gian là "kinh sách", bao gồm tất cả những gì có thể được xem là "kinh" của các tôn giáo và tất cả những gì có thể được xem là "sách" trong nền văn minh của nhân loại từ cổ đại đến hiện đại.

Do đặc thù của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chúng tôi phân loại kinh sách ra làm hai nhóm:

- Kinh sách nhóm 1: tất cả những gì do các Đấng Thiêng Liêng thượng đẳng truyền ban, giảng dạy qua cơ bút trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (ví dụ: các bài thánh ngôn, các bài thánh giáo, các bài kinh, các sắc lệnh về hành chánh đạo do các Đấng Thiêng Liêng ấn ký,…).

- Kinh sách nhóm 2: các kinh sách không thuộc nhóm 1.

Việc phân loại này chỉ nhằm giúp bạn đọc thấy được rằng Giáo Lý Đại Toàn đã được đặt cơ sở trên kinh sách nhóm 1 như thế nào. Ngoài mục đích ấy ra, việc phân loại này hoàn toàn không phải là một sự phân biệt về giá trị của các loại kinh sách khác nhau. Tất cả kinh sách đều thuộc về gia sản chung của văn minh nhân loại, và do đó, đều có giá trị tham khảo như nhau, không phân biệt bản sắc văn hóa hay dân tộc, cũng không phân biệt khuynh hướng tư tưởng hay tín ngưỡng.

Trong kinh sách nhóm 1, có hai thuật ngữ được sử dụng rất thường xuyên là "thánh giáo" và "kinh":

- Thuật ngữ "thánh giáo" là được dùng một cách phổ biến để chỉ tất cả những lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng qua cơ bút trong toàn Đạo (tức là toàn thể Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, không phân biệt phái chi). Những chữ đồng nghĩa với "thánh giáo" là "thánh ngôn", "thánh huấn", "thánh truyền", hoặc "thánh ngôn, thánh giáo".

- Thuật ngữ "kinh" sẽ được dùng trong hai trường hợp: thứ nhất, để chỉ các bài được dùng để tụng hay đọc trong việc cúng kiến (ví dụ, kinh Sám hối, kinh Cứu khổ), hoặc là các quyển thánh giáo được Ơn Trên giáng dạy theo một hay nhiều chủ đề đặc biệt nào đó (ví dụ, kinh Tam Thừa Chơn Giáo, kinh Trỗi Tiếng Chuông Vàng).

2. Quy ước về việc sử dụng phương ngữ trong tiếng Việt

Mọi từ đồng nghĩa trong tiếng Việt, nếu chỉ khác nhau về sắc thái địa phương, có thể được sử dụng song song với nhau hoặc thay thế cho nhau một cách hoàn toàn bình đẳng, mà hoàn toàn không có một sự lựa chọn ưu tiên đối với hệ thống phương ngữ nào, và cũng không có một chủ kiến xem hệ thống phương ngữ nào là "chuẩn xác" của tiếng Việt. Do đó, cách dùng chữ của mọi miền trên đất nước Việt Nam – dù thuộc miền Nam, miền Trung, hay miền Bắc – đều có thể xuất hiện một cách đồng thời trong cùng một đoạn văn hoặc trong cùng một cụm từ.

Trong bảng liệt kê một số ví dụ dưới đây, những cụm từ nằm trong cùng một ô là hoàn toàn tương đương nhau và có thể được sử dụng thay thế cho nhau, mà không có cụm từ nào trong số đó được coi là "chuẩn xác hơn":

Vũ trụ, võ trụ.
Thật lòng, thiệt lòng, thực lòng.
Nguơn thỉ, nguyên thủy, nguyên thỉ.
Nhơn sanh, nhân sinh, nhơn sinh, nhân sanh.
Phản bổn huờn nguyên, Phản bổn hoàn nguyên, Phản bản hoàn nguyên, Phản bản huờn nguyên.
Bổn linh chơn tánh, Bản linh chân tính, Bổn linh chơn tính, Bổn linh chân tính, Bổn linh chân tánh, Bản linh chơn tánh, Bản linh chơn tính, Bản linh chân tánh.
Thiên nhơn hiệp nhứt, Thiên nhân hiệp nhứt, Thiên nhơn hợp nhứt, Thiên nhân hợp nhứt, Thiên nhơn hiệp nhất, Thiên nhân hiệp nhất, Thiên nhơn hợp nhất, Thiên nhân hợp nhất.

3. Quy ước về kiểu chữ được dùng trong các đoạn trích nguyên văn

Các kiểu chữ được dùng trong các đoạn trích nguyên văn được quy ước như sau:

- Các đoạn trích kinh sách nhóm 1: in chữ nghiêng.
- Các đoạn trích kinh sách nhóm 2: in chữ thường.

Các đoạn trích nguyên văn luôn được đặt trong dấu ngoặc kép: " ".

4. Quy ước về bản-sao-dành-riêng-cho-ngữ-cảnh-đang-xét

Quy ước này chỉ dành cho kinh sách loại 1, được đưa ra để đảm bảo rằng các thao tác xử lý dữ liệu trong Giáo Lý Đại Toàn không ảnh hưởng đến nội dung và hình thức của mọi "bản gốc"[1]. Các đoạn trích nguyên văn thánh giáo trong Giáo Lý Đại Toàn đều là những "bản sao" trung thực của "bản gốc", tuy nhiên, trên các "bản sao" này, chúng tôi có thể thực hiện các thao tác xử lý dữ liệu như sau:

- Điều chỉnh lại việc chấm câu;
- Bổ sung vào đoạn trích những ngoặc đơn ( ) hoặc dấu ngoặc kép " ";
- Bổ sung vào đoạn trích những từ ngữ cần thiết mà văn bản gốc không có, và đặt những từ ngữ bổ sung này trong dấu ngoặc vuông [ ].

Những "bản sao" được thao tác như vậy được gọi là "bản-sao-dành-riêng-cho-ngữ-cảnh-đang-xét". Các thao tác thuộc loại này chỉ được thực hiện một cách cục bộ theo từng ngữ cảnh một. Nếu cũng đoạn văn đó, nhưng được trích dẫn một lần nữa trong một ngữ cảnh khác, thì những yếu tố điều chỉnh hay bổ sung này đều không nhất thiết được duy trì như là chúng đã xuất hiện trong lần trích dẫn trước, vì bản-sao-dành-riêng-cho-ngữ-cảnh-đang-xét đã thay đổi theo ngữ cảnh.

Những thao tác điều chỉnh và bổ sung này chỉ đơn thuần là một kỹ thuật phân tích mang tính chất chú giải học. Những thao tác như vậy hoàn toàn không phải là một sự sửa đổi hay một đề nghị sửa đổi nào đối với các đoạn trích nguyên văn, cũng hoàn toàn không hàm ngụ một bình luận hay nhận định nào về việc chấm câu, việc sử dụng các dấu ngắt đoạn, việc sử dụng từ ngữ, hay ý nghĩa và giá trị của bản gốc.

Để làm ví dụ về kỹ thuật này, ta xét đoạn kinh văn:

"Từ màn đêm trừ tịch, từ cái âm u muôn thuở, tiếng khóc chào đời vang lên. Đó, người ta thêm một ta, mở ngỏ góp mặt, múa may than thở.

Ngày tháng mấy độ xuân tàn, con người hiện hữu buộc phải nhận lấy cái hiện hữu của mình, để tìm hiểu cái hiện hữu của mình. Nào ngồi trên cành cây tự tay cưa lấy cành cây, để xem độ cao cách gốc.

Chiếc lá xinh xinh nầy phát sinh từ cành bên phải, chớ không là cành cây bên trái. Chiếc hoa tươi thắm trổ nụ ở nhành trên, chớ không thể trổ nụ ở cành dưới.

Tại sao? Ai đặt để?

Phải tự mình tự chọn, rồi tự mình cố ý quên rằng mình không chọn. Có phải vậy không? Hay rằng không phải?"[2]

---

[1] Quy ước này có nguồn gốc từ một cách thức xử lý dữ liệu thông dụng trong công nghệ thông tin: mọi thao tác xử lý dữ liệu chỉ được thực hiện trên bản sao của dữ liệu chứ không được thực hiện trực tiếp trên dữ liệu gốc.

[2] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 4, tiết 1.

Trong một số ngữ cảnh nhất định, chúng tôi có thể tạo ra bản-sao-dành-riêng-cho-ngữ-cảnh-đang-xét đối với đoạn kinh văn này; rồi trên bản sao đó, chúng tôi thực hiện việc chấm câu lại, bổ sung các dấu ngoặc đơn, và đưa thêm vào một vài từ ngữ cần thiết như sau:

"Từ màn đêm trừ tịch (từ cái âm u muôn thuở) tiếng khóc chào đời vang lên. Đó, [là] người, [hay là] ta? [Cuộc đời có] thêm một [cái] Ta, mở ngỏ góp mặt, múa may than thở. Ngày tháng mấy độ xuân tàn, con người hiện hữu buộc phải nhận lấy cái hiện hữu của mình, để tìm hiểu cái hiện hữu của mình.

Nào, [những ai] ngồi trên cành cây, tự tay cưa lấy cành cây, để xem độ cao cách gốc! Chiếc lá xinh xinh này phát sinh từ cành bên phải, chớ không là cành cây bên trái; chiếc hoa tươi thắm này trổ nụ ở cành trên, chớ không thể trổ nụ ở cành dưới. Tại sao? Ai đặt để? [Có] phải tự mình chọn, rồi tự mình cố ý quên rằng mình không chọn? Có phải vậy không, hay rằng không phải?"

5. Quy ước về cách ghi chú bằng ngoại ngữ

Do tính chất dung hòa và tổng hợp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nhiều từ ngữ trong giáo lý Đại Đạo có nguồn gốc từ nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Những từ ngữ đó có thể sẽ được ghi chú bằng những từ ngữ tương ứng thuộc về một hay nhiều ngoại ngữ. Khi ghi chú như vậy:

- từ ngữ ngoại ngữ được ghi trong dấu ngoặc đơn ( ),
- tên viết tắt của ngoại ngữ sẽ được ghi trong dấu ngoặc vuông [ ],
- nếu một từ ngữ Việt Nam được chi chú bởi nhiều từ ngữ thuộc nhiều ngoại ngữ khác nhau, thì các từ ngữ thuộc từng ngoại ngữ được phân cách với nhau bởi dấu phẩy.

Tên viết tắt của các ngoại ngữ được quy ước như trong bảng sau đây:

Tên viết tắt	**Tên đầy đủ**	
	Trong tiếng Anh	**Trong tiếng Việt**
Arb	Arabic	Tiếng Ả Rập
Chn	Chinese	Tiếng Trung Hoa (Hn ngữ)
Dan	Danish	Tiếng Đan Mạch
Egp	Egyptian	Tiếng Ai Cập

Eng	English	Tiếng Anh
Frc	French	Tiếng Pháp
Grk	Greek	Tiếng Hy Lạp
Grm	German	Tiếng Đức
Hbr	Hebrew	Tiếng Do Thái cổ đại
Ltn	Latin	Tiếng La Tinh
Per	Persian	Tiếng Ba Tư
Pli	Pâli	Tiếng Nam Phạn
Rus	Russian	Tiếng Nga
Skr	Sanskrit	Tiếng Bắc Phạn
Syr	Syriac	Tiếng Xy-ri cổ đại
Ukr	Ukrainian	Tiếng U-crai-na

Ví dụ:

Nguyên Lý Thiên Nhiên (Nature Naturante [Frc])

Nguyên Khí Tự Nhiên (Nature Naturée [Frc])

Mô thức (Form [Eng])

Logos (λόγος [Grk])

Lý tính (Vernunft [Grm], Reason [Eng])

Triết học (φιλοσοφία [Grk], philosophia [Ltn])

Riêng đối với các ngoại ngữ không dùng bảng chữ cái La Tinh – ví dụ như Sankrit, Pâli, Hy Lạp, Do Thái, Ả Rập,… – các thuật ngữ tương ứng có thể sẽ được viết theo lối La Tinh hóa, tức là chuyển sang ký tự La Tinh, theo các tiêu chuẩn thông dụng trên thế giới.

Ví dụ:

Hồi giáo (*al-'islām* [Arb])

Pháp thân (Dharmakaya [Skr])

Bát nhã (Prajna [Skr], Panna [Pli])

Quy ước này dành một ngoại lệ cho chữ La Tinh và chữ Hán. Do những đặc thù của lịch sử Việt Nam, chữ viết của người Việt ngày nay có một mối liên hệ mật thiết với chữ Hán và chữ La Tinh. Để tránh sự rườm rà không cần thiết, các ghi chú bằng chữ La Tinh và chữ Hán có thể không cần viết thêm là "[Ltn]" hoặc "[Chn]"; nhưng khi thật sự cần thiết thì vẫn viết, chẳng hạn như "Triết học (φιλοσοφία [Grk], philosophia [Ltn], philosophie [Frc])". Như vậy, trong suốt quyển sách này, nếu thấy bất kỳ ghi chú bằng một từ ngữ ngoại ngữ nào mà không ghi kèm theo tên của ngoại ngữ, thì bạn đọc có thể hiểu rằng đó là chữ La Tinh trong trường hợp nó được viết bằng các ký tự La Tinh, và là chữ Hán trong trường hợp được viết bằng văn tự tượng hình.

Ví dụ:

Bản nguyên (principium)

Nguyên Lý Thiên Nhiên (Natura Naturans)

Nguyên Khí Tự Nhiên (Natura Naturata)

Phẩm vị (品位)

Bản vị (本位, hypostasis)

Khi sử dụng Hán tự, đối với những cụm từ có nhiều hơn một từ đơn, chúng tôi viết theo thứ tự từ trái sang phải theo cách viết quốc ngữ của người Việt Nam (chứ không viết từ phải sang trái theo cách viết của người Hán).

Ví dụ:

Chữ Việt	**Chữ Hán**	
	Viết là	**Không viết là**
"Thĭn Lî" (L・Tr・i)	天理	理天
"Đ・i Đ・o Tam Kỳ Ph・Đ・"	大道三期普渡	渡普期三道大

6. Quy ước về cách viết khi tham chiếu đến các tác giả vô vi

Khi tham chiếu đến tác giả vô vi của một đoạn thánh giáo hay của những lời nói được ghi nhận qua cơ bút, quy ước sau đây được sử dụng:

- Đặt chữ "Đức" ở trước danh xưng hay danh hiệu của Đấng Thiêng Liêng mà thiêng liêng vị (ngôi vị thiêng liêng) của Đấng ấy đã được biết rõ;

- Đặt chữ "Chơn linh" ở trước danh xưng, danh hiệu, hay họ tên ở một kiếp còn mang xác phàm của tác giả, nếu tác giả là một chơn linh mà chúng tôi chưa biết rõ thiêng liêng vị, hoặc tác giả là một chơn linh chưa có thiêng liêng vị.

Ví dụ:

	Cách ghi theo quy ước (được sử dụng)	**Cách ghi không theo quy ước (không sử dụng)**
Thiêng liêng vị của tác giả đã được biết rõ	Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đức Thích Ca Như Lai, Đức Jesus Christ, Đức Vân Hương Thánh Mẫu.	Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thích Ca Như Lai, Jesus Christ, Vân Hương Thánh Mẫu.
Thiêng liêng vị của tác giả chưa được biết rõ	Chơn linh Hoàng Đình Lập	Hoàng Đình Lập, Đức Hoàng Đình Lập.
Tác giả chưa có thiêng liêng vị	Chơn linh Pasquier	Pasquier, Đức Pasquier.

7. Quy ước về cách viết khi tham chiếu đến các đàn cơ

Khi tham chiếu đến các đàn cơ, tùy theo chất lượng nguồn dữ liệu, chúng tôi cố gắng ghi rõ đến mức có thể được các thông tin về không gian và thời gian mà Ơn Trên giáng cơ, theo các dạng thức dưới đây. Dấu [ ] trong các dạng thức được dùng để chỉ những thông tin không bắt buộc, có thể được bỏ đi do không áp dụng được vào trường hợp đang xét, hoặc bị khiếm khuyết do nguồn dữ liệu không đầy đủ.

Dạng thức lưu trữ thông tin về thời gian giáng cơ:

> [Giờ giáng cơ theo âm lịch [(Giờ giáng cơ theo dương lịch)],] [Ngày giáng cơ theo âm lịch] [(Ngày giáng cơ theo dương lịch)]

Để được thuận lợi trong việc trao đổi dữ liệu với một số hệ thống lưu trữ bằng công nghệ thông tin, trong trường hợp ghi thời gian bằng các chữ số Ả Rập, chúng tôi dùng 4 ký số để ghi năm, 2 ký số để ghi tháng, ngày, giờ, phút, theo dạng thức sau đây (chữ "hh" mô tả 2 ký số chỉ giờ, "mm" – 2 ký số chỉ phút, "dd" – 2 ký số chỉ ngày, "mm" – 2 ký số chỉ tháng, "yyyy" – 2 ký số chỉ năm):

> [Tên của thời trong ngày [(hh:mm)],] [dd-mm] [Tên của năm âm lịch] [(dd-mm-yyyy)]

Ví dụ:

> Tý thời (11:30), 09-04 Kỷ Dậu (24-05-1969).

Dạng thức lưu trữ thông tin về không gian giáng cơ:

{Tên của thánh sở được giáng cơ ở thời điểm có cơ bút}[(Địa danh ở thời điểm có cơ bút)][, Hội thánh mà thánh sở trực thuộc]

Ví dụ:

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam (Sài gòn).

Thánh thất Trung Minh (Sài gòn), Hội thánh Truyền Giáo.

8. Quy ước về cách ghi thông tin trích dẫn đối với kinh sách loại 1

Trong các dạng thức lưu trữ thông tin sau đây, Dấu { } được dùng để chỉ những thông tin không bắt buộc phải có, còn dấu [ ] được dùng để chỉ những thông tin không bắt buộc, có thể được bỏ đi do không áp dụng được vào trường hợp đang xét, hoặc bị khiếm khuyết do nguồn dữ liệu không đầy đủ.

Nếu nguồn tham khảo là đoạn thánh giáo được lấy từ quyển thánh giáo đã được in thành sách:

[Đấng Thiêng Liêng giáng cơ;]{Tên quyển thánh giáo [(đặc tả quyển thánh giáo)]}{,}{số trang của những trang mà từ đó đoạn thánh giáo được trích dẫn}{.}

Ví dụ:

Đức Lý Thái Bạch Đại Tiên Trưởng; "Đại Thừa Chơn Giáo" (bản song ngữ Pháp-Việt), tr.50-51.

Nếu nguồn tham khảo là đoạn thánh giáo được lấy từ các bản thánh giáo chưa được in thành sách:

{Đấng Thiêng Liêng giáng cơ}{;} {không gian giáng cơ}{,} {thời gian giáng cơ}{.}

Ví dụ:

Đức Quan Âm Bồ Tát; Thánh Tịnh An Tiên (Giáo Hội Tiên Thiên), Tý thời, 01 rạng 02-02 Đinh Mùi (11-03-1967).

Trường hợp nguồn tham khảo là đoạn thánh giáo được lấy từ quyển thánh giáo đã được in thành sách, nhưng người biên soạn có thể muốn lưu trữ cả những thông tin về không-thời gian của đàn cơ để tiện tham khảo về sau:

[Đấng Thiêng Liêng giáng cơ;] [không gian giáng cơ,] [thời gian giáng cơ;] {Tên quyển thánh giáo}{,} {số trang của những trang mà từ đó đoạn thánh giáo được trích dẫn}{.}

Ví dụ:

Đức Lý Thái Bạch Đại Tiên Trưởng; 24-09 Bính Tý (1936); "Đại Thừa Chơn Giáo" (bản song ngữ Pháp-Việt), tr.50-51.

Một số quyển kinh, tuy đã được kết tập, nhưng chúng tôi chưa tìm được các ấn bản chính thức, mà chỉ tìm được các bản đánh máy (dùng máy đánh chữ cơ học, ở thời kỳ trước 1995), các bản roneo, hoặc thậm chí các bản chép tay. Các bản kinh như vậy thường không được đánh số trang. Trong những trường hợp đó, chúng tôi không ghi được số trang, mà chỉ dựa vào cấu trúc của nội dung quyển kinh.

Ví dụ:

Đạo Học Chỉ Nam; chương 3, tiết 2, mục 3.

9. Quy ước về cách viết nhấn mạnh

- Dùng **chữ in đậm** để nhấn mạnh những gì quan trọng về mặt nội dung;
- Dùng *chữ in nghiêng* để nhấn mạnh những gì quan trọng về mặt kỹ thuật;

Ví dụ:

"Từ đoạn thánh giáo nói trên, ta có thể *đồng nhất* giữa **Thượng Đế tính** (Divinitas), **Phật tính** (Buddha-dhâtu [Skr]) **và Nhân tính** (Humanitas)."

MỞ ĐẦU

Một trong những công việc mà Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo được các Đấng Thiêng Liêng giao phó từ những ngày đầu tiên thành lập, là phải *"khảo cứu giáo lý Tam Giáo Đạo, đem lại cho nhơn sanh hiểu biết từ nguồn gốc Đại Đạo phát sanh Tam Giáo Đạo, cho đến Tam Giáo Đạo trở về nguồn gốc Đại Đạo."*[3]

Để thực hiện việc đó, trong suốt bốn mươi năm sứ mạng đầu tiên của mình (từ 1965 đến 2004), Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã có nhiều bài viết, nhiều công trình nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ mối liên hệ giữa Tam Giáo Đạo và Đại Đạo. Những nỗ lực như vậy là tiền đề để làm nên quyển sách này.

Với tựa đề "**ĐẠI ĐẠO VÀ TAM GIÁO ĐẠO: Từ nguồn gốc Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, cho đến Tam Giáo Đạo trở về nguồn gốc Đại Đạo**", quyển sách này trình bày về mối liên hệ giữa Đại Đạo, Tam Giáo Đạo và các tôn giáo trên thế giới như là chiếc "xương sống" của lịch sử văn minh nhân loại kể từ lúc con người xuất hiện trên trái đất. Toàn bộ nội dung của quyển sách là một sự triển khai của mệnh đề: "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo". Mệnh đề này là một phát biểu của giáo lý Đại Đạo về **định luật căn bản của lịch sử cứu độ**, vốn là định luật đóng vai trò nền tảng trong sử quan Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Theo sử quan này, lịch sử văn minh nhân loại là một diễn biến tuần hoàn của Đại Đạo qua những chu kỳ liên tục; trong mỗi chu kỳ, Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo để cứu độ nhân loại, và tiếp theo, Tam Giáo Đạo phát triển để thực thi sự cứu độ này rồi trở về Đại Đạo; vì vậy, lịch sử văn minh nhân loại cũng chính là lịch sử của sự cứu độ trên trái đất.

Trong bộ Giáo Lý Đại Toàn, nhiệm vụ của quyển sách này là trình bày những nội dung giáo lý có liên quan đến lịch sử cứu độ. Quyển sách sẽ mở ra một khung cửa sổ nhân văn học giúp độc giả nhìn thấy mối liên hệ mật thiết giữa các tôn giáo trên thế giới.

[3] Đức Đông Phương Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài; Thiên Lý Đàn, 15-12 Giáp Thìn (17-01-1965).

Những tôn giáo ấy, dù khác biệt nhau như thế nào, vẫn có chung một cội nguồn Đại Đạo, vẫn thực hiện một trong ba đường lối giáo hóa nhân loại của Đại Đạo (tức là Tam Giáo Đạo), và trong tương lai, tất yếu sẽ đồng quy trở về Đại Đạo. Nói một cách khác, các tôn giáo trên thế giới vốn có cùng một nguồn gốc, gánh vác cùng một sứ mạng, nhưng được phân chia ra để thực hiện những chương trình cứu độ khác nhau cho những trình độ tiến hóa khác nhau trong nhân loại. Rồi đây, theo quy luật vận động đương nhiên của lịch sử văn minh nhân loại, các tôn giáo ấy tất yếu sẽ cùng nhau hòa hiệp lại, cùng nhau tạo nên một quyền năng cứu thế thống nhất để giải quyết những khủng hoảng của thế giới nhân loại trong thời hạ nguơn mạt kiếp.

Cho đến ngày nay, những hiểu biết về tôn giáo của nhân loại chúng ta hãy còn rất giới hạn. Chúng ta thật sự bị thiếu hụt rất nhiều thông tin để nối kết một cách mạch lạc giữa hiện-tượng-tôn-giáo và bản-chất-tôn-giáo trong nhận thức của chúng ta, và các học thuyết về tôn giáo đã cố gắng bù đắp vào chỗ thiết hụt này bằng những giả thiết khác nhau. Rốt cuộc, phần lớn những điều mà nhân loại chúng ta ngày nay nghĩ về tôn giáo vẫn là những giả thuyết của những nhà nghiên cứu hơn là những kết luận được đặt nền tảng trên những luận cứ khoa học. Giải thích về điều này qua cơ bút Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thái Thượng Đạo Tổ nói:

"Đã trải qua hai thời kỳ khai đạo, bao nhiêu văn từ kinh điển đến nay đã theo thời gian mà trôi mất, chỉ còn lại những giả pháp hề hà, làm phương nuôi sống của người vô nghệ học; còn chánh pháp lại phải ở sau tấm màn vô minh đang che lấp nhân loại.

Qua đến thời kỳ thứ ba, là một thời kỳ đứng vào nguơn phản cổ, bao nhiêu hiện tượng tàn khốc của nhân loại đều biểu diễn giữa cảnh tang thương biến đổi. Các Đấng Thiêng Liêng vì xót nhân loại, không nỡ ngồi yên, nên công đồng thỉnh sắc Ngọc Đế, biến pháp dụng thần cơ diệu bút, nương lấy điển quang, để dẫn độ chúng sanh cho dễ tầm mau hiểu, và hoằng khai Đại Đạo, lập thời kỳ đại ân xá, để cứu bao nhiêu nhân loại trầm luân khổ hải."[4]

Qua sự mạc khải của các Đấng Thiêng Liêng trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, yếu tố để nối kết giữa hiện-tượng-tôn-giáo và bản-chất-tôn-giáo đã xuất hiện. Yếu tố đó chính là ***mối liên hệ giữa Đại Đạo và Tam Giáo Đạo***: Nếu chưa hiểu được Đại Đạo và Tam Giáo Đạo trong mối liên hệ qua lại với nhau, có lẽ nhân loại chúng ta sẽ khó có thể thật sự hiểu được bản chất các tôn giáo.

Thánh ngôn, thánh giáo Cao Đài là một nguồn thông tin quan trọng mà qua đó các Đấng đã mạc khải cho nhân loại về bản chất của tôn giáo, Tam Giáo Đạo, Đại Đạo, và từ đó, cả bản chất của chính nền văn minh mà nhân loại hiện đang thừa hưởng. Thực tế, đã có biết bao sự kiện, tuy quan trọng đối với sự tiến hóa của nhân loại, nhưng chưa từng được ghi chép lại trong sử sách vì nhiều lý do khác nhau. Nhờ sự mạc khải Thiêng Liêng qua cơ bút trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nhân loại chúng ta mới có thể tìm lại được những sự kiện ấy và khôi phục lại được một lịch sử trung thực hơn đối với sự phát triển

[4] Đức Thái Thượng Đạo Tổ; *Đạo Nguyên Chánh Nghĩa*, "Chân lý, Huyền Diệu", tr.15-16.

của văn minh nhân loại. Qua sự hệ thống hóa những lời thánh giáo như vậy trong quyển sách, có lẽ độc giả sẽ nhìn thấy một lịch sử nhân loại ít nhiều khác biệt với những gì nhân loại vẫn từng quan niệm về lịch sử của mình. Những lời thánh giáo ấy sẽ giúp cho nhân loại có một hiểu biết đúng đắn hơn về quãng đường lịch sử đã qua, từ đó, hiểu rõ được lối đi tương lai để trở về nguồn cội.

Thánh ngôn, thánh giáo Cao Đài cũng soi sáng vào quá khứ của văn minh nhân loại, nơi mà nhiều nghĩa lý uyên thâm trong kinh điển của các tôn giáo vẫn còn nằm trong bóng tối của trí tuệ nhân loại và có nguy cơ bị lãng quên trong một tương lai không xa. Dưới ánh sáng của cơ cứu độ kỳ ba, những nghĩa lý uyên thâm này sẽ được xiển dương; và, chúng ta sẽ thấy rằng giáo lý của mọi tôn giáo đều là những phiên bản khác nhau của một nền giáo lý Đại Đạo duy nhất. Sự khác nhau đó chỉ là sự khác nhau ở hình thức văn hóa, trong đó có ngôn ngữ của các dân tộc, chứ không phải là sự khác nhau về nội dung tư tưởng. Thế nên, nếu được dung hòa và tổng hợp lại với nhau, giáo lý của mọi tôn giáo đều có tác dụng bổ túc cho nhau trong nền giáo lý Đại Đạo duy nhất này.

Những điều vừa nêu sẽ được lần lượt trình bày trong quyển sách này. Quyển sách được viết thành bốn phần. Phần 1 trình bày các vấn đề thuộc về cơ sở lý luận, trong đó có việc xác lập các khái niệm quan trọng như "Đại Đạo", "tôn giáo", "Tam Giáo Đạo" và trình bày định luật căn bản của lịch sử cứu độ. Phần 2 và phần 3, cũng là các phần chính của quyển sách, trình bày toàn bộ diễn trình từ Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo cho đến Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo, thông qua những sự kiện của nhân chủng học và lịch sử văn minh nhân loại. Phần 4 cung cấp một số dữ liệu cho thấy rằng trong chân truyền của các tôn giáo tự ngàn xưa, mỗi tôn giáo đều biết rằng mình đã bắt nguồn từ Đại Đạo và trong tương lai sẽ quy hiệp về Đại Đạo.

PHẦN 1.
CƠ SỞ LÝ LUẬN

CHƯƠNG 1.
ĐẠI ĐẠO VÀ TÔN GIÁO

"Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp."
Niệm Hương[5]

1. DẪN NHẬP

Chúng ta khó có thể hiểu được bản chất của tôn giáo nếu không đặt nó vào đúng những mối tương quan cần thiết. Một trong những mối tương quan như vậy là mối liên hệ qua lại giữa tôn giáo với một thực thể được gọi là "Đạo" hay "Đại Đạo". Xét trên phương diện nhận thức luận, tất cả những gì liên quan đến "Đạo" hay "Đại Đạo" đều xuất phát từ tấm lòng chân thành của con người trong việc tìm kiếm Lẽ Thật (Chân Lý), niềm tin đúng đắn của con người đối với Lẽ Thật, và tinh thần hòa hiệp của con người với bản thân Lẽ Thật; nghĩa là mỗi con người chỉ có thể thật sự tìm thấy "Đạo" hay "Đại Đạo" trong tâm thức và ý thức của chính mình chứ không phải trong những yếu tố vật chất của thế giới bên ngoài lòng mình. Nếu không có phạm trù "Đạo" hay "Đại Đạo", khái niệm tôn giáo không có ý nghĩa; khi đó, dù có cố gắng xây dựng những định nghĩa như thế nào về tôn giáo, người ta cũng chỉ có thể phản ảnh được những phương diện nào đó của hiện tượng tôn giáo chứ không thể nào thông đạt được bản chất tôn giáo. Vì vậy, nội dung của quyển sách này được bắt đầu bằng mối liên hệ giữa "Đại Đạo" và "tôn giáo".

Mọi tôn giáo trong thế giới nhân loại đều là một hệ thống với hai phần: [1] phần nội dung luôn giống hệt nhau bên trong được gọi (bởi giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) là "Đạo" hay "Đại Đạo"; [2] phần hình thức thường là khác biệt nhau ở bề ngoài mà người ta thường đồng nhất với tên gọi "tôn giáo". Theo quan niệm này, mọi "tôn giáo" đều là "Đại Đạo" ở những hình thức biểu hiện khác nhau, và đảo lại, trên thực tế chúng ta thường nhìn thấy "Đại Đạo" thông qua những hình thức biểu hiện của "tôn giáo".

Mô hình đơn giản nhất về một tôn giáo được trình bày ở hình 1. Mô hình này nói rằng tôn giáo là hình thức của Đại Đạo, và Đại Đạo là nội dung của tôn giáo. Nếu vì một lý do nào đó mà một tôn giáo đánh mất đi nội dung này thì tôn giáo ấy sẽ không còn là tôn giáo nữa.

[5] *Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*.

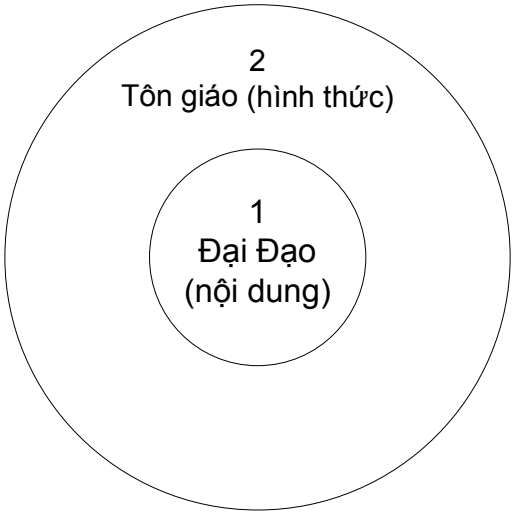

HÌNH 1. ĐẠI C□ □NG VỀ MỐI T□ □NG QUAN "ĐẠI ĐẠO VÀ TÔN GIÁO". CÁI MÀ NG□ ỜI TA TH□ ỜNG GỌI LÀ "TÔN GIÁO" THẬT RA CHỈ LÀ NHỮNG BIỂU HIỆN ĐA DẠNG CỦA MỘT CỐT LÕI DUY NHẤT LÀ "ĐẠI ĐẠO."

2. SỰ CỨU ĐỘ

Một khái niệm quan trọng của chủ đề "Đại Đạo và Tam Giáo Đạo" là khái niệm **cứu độ** (救渡[Chn], eripere [Ltn]). Trong nội hàm của khái niệm này, chúng ta sẽ tìm thấy "Đại Đạo" và "tôn giáo" hiện diện như là hai tầng nội dung chủ yếu, cùng với những tương quan căn bản giữa Đại Đạo và Tam Giáo Đạo.

Bây giờ, để đi đến khái niệm "cứu độ", chúng tôi sẽ bắt đầu từ khái niệm "bảo tồn" trong ngữ cảnh của sự tiến hóa.

2.1. Tác động bảo tồn trong cơ tiến hóa

Khái niệm **cứu độ** cần được xem xét trong bối cảnh rộng lớn của sự tiến hóa của toàn thể càn khôn vũ trụ mà vạn vật và con người phải tham dự vào. Trong bối cảnh này:

"Vạn vật tuần tự tiến hóa theo nhịp độ của thời gian không ngừng nghỉ. Trên dòng tiến hóa vô tận ấy, vừa sáng tạo, vừa bảo tồn, vừa hủy diệt (…)"[6]

Theo giáo lý Đại Đạo, vạn vật trong càn khôn vũ trụ được vận chuyển không ngừng bởi cơ tiến hóa. Cơ tiến hóa tác động vào vạn vật bằng ba động lực: sáng tạo, bảo tồn và hủy diệt. Với ba động lực này, cơ tiến hóa vừa sáng tạo ra những tiềm năng phong phú cho sự tiến hóa, vừa bảo tồn mọi thành quả tiến hóa, vừa hủy diệt tất cả những gì thoái hóa như là cặn bã của quá trình tiến hóa.

[6] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-04 nhuần Nhâm Tuất (06-06-1982).

Là sinh vật có quyền năng to lớn nhất trong vạn vật, con người chịu tác động của cơ tiến hóa đó mạnh hơn mọi vật khác, vì mỗi cá nhân con người đều có quyền tự do chọn lựa giữa việc tiến hóa hay thoái hóa cho chính mình thông qua mỗi ý tưởng, mỗi lời nói và mỗi hành động của mình trong cuộc sống hàng ngày. Bất cứ hoàn cảnh nào của đời sống cũng đều chứa đựng đồng thời cả ba tác động của cơ tiến hóa, nghĩa là đều đặt cá nhân ấy vào sự sáng tạo, bảo tồn, và hủy diệt một cách rất tinh tế, dù cho cá nhân ấy có ý thức được về ba tác động này hay không.

Trước tiên, hoàn cảnh ấy luôn có một tác dụng **sáng tạo**; nó sáng tạo ra những cơ hội mới để cá nhân tiến hóa; nó sáng tạo ra những ngã ba đường với những lối rẽ để "tiến lên" và "lùi xuống" trong guồng máy tiến hóa và đặt cá nhân vào thế phải cân nhắc, chọn lựa; nó sáng tạo ra đồng thời cả những trợ lực hậu thuẫn cho sự "tiến lên" lẫn những chướng ngại dẫn đến sự "lùi xuống". Kế tiếp, hoàn cảnh ấy cũng luôn có một tác dụng **bảo tồn**; nó luôn bảo vệ cho cá nhân ấy nếu cá nhân ấy biết sống một cách trung hòa với các yếu tố của nó, là cách sống mà giáo lý Đại Đạo gọi là "khế cơ hợp lý" bằng cách vận dụng đạo Thời Trung, nên giáo lý Đại Đạo mới có câu "Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong", mà "Thiên" ở đây là nguyên lý làm nên sự hiện hữu của con người trong một hoàn cảnh. Cuối cùng, hoàn cảnh ấy luôn có một tác dụng **hủy diệt**; tất cả những quyết định sai lầm của con người ở những ngã ba đường của cuộc tiến hóa đều bị trả giá bởi những hậu quả kéo theo sau, tất cả mọi hành xử sai lầm của con người đều dẫn đến những thất bại; hoàn cảnh ấy cũng sẵn sàng đào thải tất cả những gì tuy có thể hưng thịnh trong một giai đoạn nhất định nhưng không phù hợp với sự tiến hóa chung của toàn vũ trụ.

Đối với con người, dù ở ngày hôm nay hay ở hàng triệu năm về trước cũng như cho đến khi nào mà nhân loại vẫn tồn tại trên quả đất này, ba tác động ấy của guồng máy tiến hóa – sáng tạo, bảo tồn, hủy diệt – vẫn tác động một cách đồng thời ở mọi thời điểm trong đời sống của mọi cá nhân và mọi xã hội.

Bây giờ, ta hãy phân tích sâu vào tác động bảo tồn, với sự lưu ý rằng bảo tồn bao giờ cũng đồng hành với hủy diệt và sáng tạo, chứ không bao giờ hoạt động một cách biệt lập. Trong lịch sử của nhân loại, tác động bảo tồn – trong sự đồng hành với hủy diệt và sáng tạo – luôn xuất phát từ hai phía: phía con người và phía Thượng Đế.

Về phía con người, sự bảo tồn này là một bản tính thiên phú để tự phát triển lấy mình. Đức Liên Hoa Thánh Mẫu đã dạy:

"Các em ơi, Tạo Hóa đã hóa sanh vạn vật và cũng đã cung ứng sẵn mọi phương tiện cần thiết để vạn vật sinh trưởng – trong vạn vật đó, có các em – và Tạo Hóa cũng đã ban cho vạn vật mỗi mỗi đều có bản năng để tự vệ, tự tồn.

Song song với bản năng đó, lại còn ban cho con người có tâm có trí để biết và biệt phân được sự nào là chơn là giả, điều nào là thiện là ác, cái nào là tốt là xấu, việc nào thuận lẽ Trời, hạp lòng người, đúng đạo lý và trái lại.

Con người nhờ có tâm trí và bản năng để tự phát triển những gì Thiên phú để hòa nhịp cùng thiên nhiên. Có hòa nhịp mới được sinh trưởng bảo tồn. Nếu trái lại sẽ bị hủy diệt.

Do những lý lẽ ấy, con người phải phấn đấu trong lãnh vực của mình đang tiến. [Sự] phấn đấu ấy gồm có sáng tạo, phát triển, nuôi dưỡng, để bảo tồn."[7]

Về phía Thượng Đế, sự bảo tồn này được thực hiện qua việc cho những "chơn linh siêu đẳng" đến thế gian để giáo hóa nhân loại về mọi phương diện, từ tôn giáo đến khoa học, như lời Đức Đông Phương Chưởng Quản đã dạy:

"Thượng Đế bảo tồn vạn loại có nhiều phương cách, mà việc khai Đạo dạy đời là một trong nhiều phương cách ấy. Vì nhơn sanh có hiểu Đạo, hành được Đạo, thuận tùng thiên lý, hòa hợp vạn vật, mới hưởng và thị hiện được cơ bảo tồn. Như vậy, những khoa học, triết học, xã hội học, thần linh học, v.v… tất cả các môn ấy đều do Thượng Đế ban những ***chơn linh siêu đẳng*** *đến trần gian để phục vụ cho quần sinh."*[8]

Sự giáng thế cũng như những thành quả hoạt động tại thế gian của các chơn linh siêu đẳng đã tạo ra văn minh trong đời sống xã hội. Điều này được Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên giải thích một cách khá chi tiết trong bối cảnh của lịch sử khai sinh ra nhân loại:

"Sau thời gian tạo thiên lập địa, khởi thủy có con người sanh ra tại quả địa cầu này. Trong thời kỳ khởi nguyên của nhân loại, con người còn chất phác thuần lương, hồn hồn ngạc ngạc, tâm tính hòa đồng với thiên nhiên. Mọi biến chuyển, mọi hiện tượng của thiên nhiên [xuất hiện] trước con người chất phác, [họ] không thể đoán biết vì ngoài sức tưởng tượng của họ. Bao nhiêu sợ sệt, lo âu tự nhiên phát khởi trong lòng. Đó cũng là mầm tín ngưỡng đã phát sinh nơi nội tâm của con người. Từ đó và những thời gian kế tiếp, mỗi một trình độ, mỗi giống dân cũng như mỗi con người đều có mỗi tư tưởng và tín ngưỡng khác nhau, tùy theo hoàn cảnh và ngộ nhận của họ. Do đó, đã nảy sinh ra nhiều sắc thái sùng kính, tôn trọng, thờ phượng khác nhau.

Song song với giai đoạn và kỷ nguyên đó, Thượng Đế đã cho các vị giáo chủ đến trần gian, chơn linh nhập vào thể xác của giống người thế gian, đem nguồn giáo lý chân chính để hướng dẫn người đời biết cách đối xử và ăn ở với nhau cho thuận lẽ đạo đức, tức là hạp lòng Trời. Từ đó, mỗi một giai đoạn đều có mỗi một tôn giáo phát sinh để hướng dẫn người đời, tùy theo trình độ tiến hóa của họ mà dẫn dắt họ lần lần trên đường đạo lý.

(…) Người ta đặt mình vào một tôn giáo, luôn luôn có quan niệm chọn lọc tin tưởng và hướng về thượng giới, trong đó có chư Phật, Tiên, Thánh, là những vì Thiêng Liêng thay mặt Thượng Đế dìu dẫn giáo dục nhân loại trên các phương diện về nhân sinh, nhân trí và nhân đức."[9]

---

[7] Đức Liên Hoa Thánh Mẫu; Nam Thành Thánh Thất, Tuất thời, 08-08 Kỷ Dậu (19-09-1969).
[8] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Trúc Lâm Thiền Điện, Ngọ thời, 18-07 Kỷ Dậu (30-08-1969).
[9] Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Ngọ thời, 29-07 Mậu Thân (21-09-1968); *Thánh Giáo Sưu Tập* (1968-1969), tr.61.

Về các khái niệm "nhân sinh", "nhân trí" và "nhân đức", Đức Lê Đại Tiên giải thích thêm:

"Nhân sinh gồm có các phần: canh nông, ngư nghiệp, kinh tế, xã hội. Nhân trí gồm các ngành: văn hóa, giáo dục, kỹ thuật, mỹ thuật, văn nghệ, khoa học, kỷ hà học, v.v… Nhân đức gồm có: công dân giáo dục, đạo lý, nói chung là tôn giáo hay là đạo đức."[10]

Lời giải thích này không nhằm đưa ra một hệ thống phân loại các lĩnh vực hoạt động của con người, mà chỉ đưa ra những ví dụ mang tính chất minh họa cho một sự kiện quan trọng trong lịch sử nhân loại: **Thượng Đế đến với con người không chỉ thông qua tôn giáo mà còn thông qua tất cả mọi lĩnh vực hoạt động của con người**. Nhân sinh bao gồm các lĩnh vực khai thác tài nguyên vật chất của tự nhiên và sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội; nhờ các lĩnh vực nhân sinh, con người xây dựng đời sống vật chất trong xã hội và vun đắp nền tảng vật chất cho xã hội. Nhân trí bao gồm các lĩnh vực tìm kiếm, khám phá, chuyển giao và tích lũy tri thức; nhờ các lĩnh vực nhân trí, con người phát triển được trí năng ở cả phạm vi cá nhân lẫn xã hội từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhân đức bao gồm các lĩnh vực gìn giữ và phát huy đạo đức của con người; chính nhờ các lĩnh vực nhân đức, con người xây dựng đời sống tinh thần của cá nhân, gia đình, dân tộc, cũng như các cộng đồng xã hội ở những quy mô khác nhau.

Như vậy, sự bảo tồn mà Thượng Đế thực hiện đối với nhân loại chắc chắn không chỉ giới hạn trong lĩnh vực tôn giáo, nhưng bao trùm mọi lĩnh vực thuộc về nhân sinh, nhân trí và nhân đức. Và tất cả những lĩnh vực như vậy, cùng với nhau, đã tạo nên đời sống văn minh của nhân loại.

2.2. Từ bảo tồn đến cứu độ

Cứu độ là **thực hiện những gì cần thiết nhằm giúp cho chúng sanh tránh khỏi sự hủy diệt trong cơ tiến hóa**. Nếu xem xét sự cứu độ trong guồng máy tiến hóa, nơi mà *bảo tồn* không thể tự tách rời khỏi *hủy diệt*, thì ta sẽ thấy rằng sự cứu độ luôn dẫn đến sự bảo tồn; và trong nhiều trường hợp, chính sự bảo tồn cũng là sự cứu độ. Ở cuối mục trên, khi ta nói rằng sự bảo tồn mà Thượng Đế thực hiện đối với nhân loại bao trùm mọi lĩnh vực nhân sinh, nhân trí và nhân đức, thì điều này cũng hàm ngụ rằng Thượng Đế giúp cho nhân loại khỏi bị hủy diệt – hay nói khác đi, Thượng Đế cứu độ nhân loại – thông qua các phương tiện nhân sinh, nhân trí và nhân đức.

Đối với nhân loại, sự cứu độ luôn luôn có hai mặt không bao giờ tách rời nhau: một mặt, nó được thực hiện bởi Thượng Đế, mặt khác, nó tiềm tàng trong bản năng sinh tồn của từng con người. Sự kết hợp giữa hai mặt như vậy (một thuộc Thượng Đế và một thuộc con người) được gọi là Thiên Nhân hiệp nhất. Và do điều này, Thiên Nhân hiệp nhất là nguyên lý của sự cứu độ.

Để đạt được tác dụng cứu độ, mỗi cá nhân con người phải biết phát huy khả năng cứu độ nội tại của chính mình. Nếu Tôi không phát huy được khả năng tự cứu độ lấy mình thì

[10] Ibid., tr.61-62.

sự cứu độ của Thượng Đế không thể tác động được đối với bản thân Tôi. Điều này, trong "Đại Thừa Chơn Giáo", đã được Đức Thượng Đế nhấn mạnh khi Ngài nói về sự cứu độ ở thời hạ nguơn mạt kiếp:

"Ngày giờ cuối cùng, Thầy vì thương yêu các con, phải giáng phàm mà dìu dắt các con trở lại; nhưng các con phải hết lòng, đừng ỷ mình, hay là tưởng Thầy thương yêu rồi biếng nhác. Các con nên biết rằng: dầu [là] Thầy, cũng phải chịu dưới quyền luật của Đạo.

Các con bị mang xác thịt nặng nề, ngũ trược chận đè, linh tánh lấp vùi trong đó. Thầy thương yêu các con là Thầy điểm hóa cho các con. Các con phải vùng vẫy mà nhảy ra cho khỏi non đè núi chận, chớ đừng ngồi đó hoài đặng chờ Thầy bồng ẵm; không đặng đâu, các con!"[11]

Mặc dù sự cứu độ có hai mặt không thể tách rời nhau, nhưng khả năng tự cứu độ của mỗi cá nhân đối với chính bản thân mình chính là yếu tố quyết định nếu xét về tác dụng cuối cùng của sự cứu độ. Đức Thượng Đế giải thích:

"Đạo là phân thanh khử trược. Hễ nhẹ nhàng trong sạch thì được hiệp nhứt cùng Thầy, còn nặng nề, mê muội phải chìm xuống đáy. Vậy các con phải luyện cho đặng tánh thuần dương mới ở vào cảnh thiêng liêng đặng. Nơi cảnh thiêng liêng, không khí nhẹ nhàng hơn trăm ngàn lần không khí ở gần các con; nếu các con còn nhơ bợn một chút cũng không thể ở đặng. Thầy nói, sự di sơn đảo hải là chuyện thường của Tiên, Thánh, vậy [mà] dời non đổi biển thì dễ, chớ đem các con trở lại thì khó lắm; non biển tuy nặng nề nhưng không có mang thất tình lục dục, chớ xác phàm con người, tuy nhỏ nhích mà vì lẫn cả sự dục vọng tà tâm nên nặng nề hơn muôn ngàn hòn núi. Thầy có thương các con cũng không thể ẵm bồng cho đặng. Vậy các con phải dùng phương pháp tu hành luyện mạng, khử trược lưu thanh mà thoát khỏi luân hồi lục đạo."[12]

Thượng Đế không thể cứu độ con người bằng cách "ẵm bồng" con người ra khỏi tác động hủy diệt của cơ tiến hóa. Điều này không mâu thuẫn với sự toàn năng của Thượng Đế, nhưng điều này cho thấy rằng nơi con người vốn đã tiềm ẩn một sự toàn năng giống như sự toàn năng của Thượng Đế mà chính con người phải phát huy. Theo đạo lý của sự tiến hóa, Thượng Đế chỉ có thể dạy dỗ, huấn luyện cho con người cách phát huy tiềm năng tự cứu độ của chính con người, chứ Thượng Đế không thể thay thế mỗi cá nhân con người trong việc tự cứu độ lấy chính cá nhân ấy; vì nếu Thượng Đế cứ thay thế mỗi cá nhân trong nhân loại để "tiến hóa giùm" cho cá nhân đó, thì sự tiến hóa sẽ trở nên hoàn toàn vô nghĩa.

Các đoạn thánh ngôn được trích dẫn trên đây cũng đã cho thấy một chi tiết quan trọng: từ xưa đến nay, Thượng Đế đã cứu độ nhân loại bằng nhiều phương cách trong mọi lĩnh vực, từ nhân sinh, nhân đức, cho đến nhân trí. Vậy thì, một lần nữa, **sự cứu độ không**

[11] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 25-08 Bính Tý (10-10-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Khuyến Tu Cho Thuận Thiên Ý", tr.220.
[12] Ibid., tr.220-222.

nhất thiết phải là một cái gì gắn liền với tôn giáo: tôn giáo chỉ là một trong số những hình thái cứu độ trong lĩnh vực nhân đức mà thôi.

Lịch sử văn minh nhân loại ở châu Âu vào thời Trung Cổ đã cho thấy rằng tôn giáo không phải lúc nào cũng đại diện được cho sự cứu độ, mà có những lúc, Thượng Đế phải dùng đến khoa học hay triết học để cứu nhân loại thoát khỏi những bóng đêm do sự thất chân truyền của tôn giáo tạo ra. Chứng minh cho sự kiện này, kinh "Đạo Học Chỉ Nam" đã đề cập đến Descartes và công cuộc phá bỏ thần quyền ở châu Âu vào thế kỷ 17 bằng phương pháp luận của ông.[13]

Muốn nhìn thấy sự cứu độ trong một không-thời gian nào đó trên dòng lịch sử của nhân loại, ta phải nhìn vào mọi hình thái có thể có của sự cứu độ trong mọi lĩnh vực nhân sinh, nhân trí và nhân đức. Những hình thái này, cùng với nhau, tạo nên bộ mặt văn minh của nhân loại. Với cái nhìn rộng mở như vậy, **văn minh nhân loại là một biểu hiện tường minh của cơ cứu độ** trong thế giới mà chúng ta đang sống.

Thế nhưng, **cơ cứu độ** là gì?

2.3. Cơ cứu độ của Thượng Đế

Cơ cứu độ là một guồng máy được Thượng Đế thiết lập và vận hành để cứu giúp vạn linh trong vũ trụ, cũng như để dẫn dắt nhân loại ở thế gian, tránh khỏi sự hủy diệt trong cơ tiến hóa; và để tránh khỏi sự hủy diệt này, cơ cứu độ giúp vạn linh (nhất là nhân loại) thoát khỏi những chu kỳ luân hồi liên tục trong cơ tiến hóa.

Sở dĩ vạn linh, đặc biệt là nhân loại, cần được cứu độ vì những thử thách trên con đường tiến hóa là nhiều vô hạn nếu so sánh với căn trí hữu hạn và khả năng hữu hạn của vạn linh. Chẳng hạn, chiều dài của con đường tiến hóa, như được trình bày trong vũ trụ luận Đại Đạo[14], được Đức Thượng Đế dạy như sau:

"… Người không tu thì phải chịu ở mãi dưới thế giới hữu hình này mà lập công quả, học hỏi cho khôn ngoan, cho đến tánh cách chí thiện chí mỹ, thì chừng đó mới sang qua thế giới khác; [rồi] cũng làm y như vậy mà đặng sang qua thế giới khác nữa; ít ra, con người phải đầu thai trăm ngàn lần, công phu khổ hạnh, mới đặng bỏ địa cầu này đến địa cầu khác, khó nhọc biết bao! Chuyển kiếp đi vòng quanh mãi, trong tam thiên thế giới, tứ đại bộ châu, thất thập nhị địa, tam thập lục thiên. Đúng ba nguơn, sợ không có chí, khó nhập vào Thiên môn Phật cảnh đặng!

(…) Còn sự tấn hóa, thì từ con thú đến làm người còn dễ, chớ người mà tấn hóa đến Tiên, Phật khó thay; vì con người cả mang lòng dục vọng, ham muốn. Ưa chuộng tửu sắc tài khí, lưu luyến tình đời, dâm dục quá độ, hung bạo không ngằn, thì phải chịu thối hóa trở lộn xuống, mang lông đội sừng mà đền bồi tội quả."[15]

---

[13] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 2, tiết 4, mục 3.

[14] Xin xem thêm quyển "Triết Học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" trong bộ "Giáo Lý Đại Toàn" này.

[15] Đức Cao Đài Thượng Đế; 12-08 Bính Tý (27-09-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Nhơn Vật Tấn Hóa", tr.308-310.

Con đường tiến hóa này sở dĩ còn *rất dài* đối với các chơn linh ở địa cầu 68 (trong số này, có cả mỗi người chúng ta), vì chúng ta đang ở vào trình độ tiến hóa của một trong những địa cầu có trình độ tiến hóa thấp kém nhất trong càn khôn vũ trụ. Nếu không gặp được cơ cứu độ, chúng ta phải tiến dần lên các địa cầu tương-ứng-với-những-trình-độ-tiến-hóa-cao-hơn[16], cụ thể là các địa cầu: 67, 66, 65,… 5, 4, 3, 2, 1, mới có thể thoát khỏi thất thập nhị địa, lên được tam thiên thế giới; rồi phải tiếp tục tiến hóa, vượt lên từng thế giới một, cho đến khi vượt khỏi cả 3000 thế giới, mới vào được tứ đại bộ châu; cứ tiếp tục như vậy nữa, mới tiến lên được tam thập lục thiên; sau đó, cũng phải tiếp tục tiến hóa từng nấc, qua đủ cả 36 tầng trời mới vào được Bạch Ngọc Kinh. Bấy giờ, chúng ta mới đạt được ngôi vị Thiêng Liêng của mình.[17]

Để đi được hết con đường tiến hóa đó, như Đức Thượng Đế đã dạy trong đoạn thánh giáo trên đây, "ít ra, con người phải đầu thai trăm ngàn lần". Trong một đàn cơ khác, Đức Cao Thượng Phẩm cũng cho chúng ta một số đo cụ thể về chiều dài của con đường tiến hóa đó:

"Vạn vật trong vũ trụ không vật nào hơn hay kém. Trước sau đều đồng một thể là chơn linh lập đời, định thể, đặng các phẩm Tiên Phật có nơi học hỏi và thi dụng tài năng, hầu tô điểm thêm phẩm giá Thiêng Liêng vị. Do lẽ đó, các phẩm chưa đủ sức lo tròn địa vị, phải luân hồi chuyển kiếp mà bồi bổ thêm. Lúc khai thiên lập địa thì các đẳng chơn hồn ấy phải đi từ vật chất lên thảo mộc, thú cầm, rồi mới chuyển kiếp làm người được. ***Tính ra, mỗi phẩm đi từ đầu chí cuối mà không bị lầm lạc thì phải đủ chín chục ngàn kiếp (90.000) mới trở về Thiêng Liêng vị được****. Vì cớ, mà các đẳng chơn hồn lúc bị lầm lạc, sa đọa, phải luân hồi chuyển kiếp mãi mãi, chưa về đặng nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống."* [18]

Chính vì vậy, mà vạn linh trong vũ trụ, cũng như nhân loại ở thế gian – tức là ở quả địa cầu 68 này – phải được sự cứu độ của Đức Thượng Đế.

Cơ cứu độ của Đức Thượng Đế là để cứu rỗi toàn linh trong vũ trụ, chẳng những ở địa cầu 68 này, mà còn ở khắp các cõi trong trời đất. Tuy nhiên, là những con người đang sống ở địa cầu này, chúng ta không có cách nào khác hơn là phải nhìn cơ cứu độ ấy trong hệ quy chiếu gắn liền với hành tinh mà chúng ta đang sống, mới khỏi rơi vào những suy đoán viễn vông hay những lý luận vô ích. Nếu hiểu được như vậy, ta sẽ hiểu vì sao giáo lý Đại Đạo cũng trình bày bức tranh về cơ cứu độ trong cái nhìn từ hệ quy chiếu này: chỉ bằng cách đó, nhân loại chúng ta mới có thể tiếp thu được giáo lý Đại Đạo. Thử tưởng tượng rằng giáo lý Đại Đạo mang đến trước mắt chúng ta một bức tranh về cơ cứu độ nhìn từ một quả địa cầu khác – địa cầu số 1, chẳng hạn, với một cấu trúc không-thời gian

---

[16] Cũng cần nhấn mạnh rằng: ở mỗi địa cầu, thông thường (nghĩa là nếu không gặp được một thời kỳ cứu độ nào) chúng ta phải trải qua rất nhiều kiếp để tiến hóa trên chính địa cầu đó.

[17] Liên quan đến chủ đề tiến hóa, xin xem thêm phần "Triết Học về Vũ Trụ (Vũ Trụ Luận)" trong quyển "Triết Học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" của bộ "Giáo Lý Đại Toàn" này.

[18] Đức Cao Thượng Phẩm; đàn cơ tại tư gia của nhân viên Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài (thuộc Tòa Thánh Tây Ninh), đêm 16-09 Canh Dần (1950); *Luật Tam Thể*.

khác hẳn cấu trúc không-thời gian của địa cầu 68 – thì chắc hẳn đại đa số nhân loại chúng ta sẽ không hiểu được gì cả.

Với cái nhìn của con người ở địa cầu 68, chúng ta có thể hiểu động cơ bên trong của guồng máy cứu độ: đó là **tình thương vô biên của Đức Thượng Đế**. Tình thương này là tác nhân vận hành sự cứu độ. Trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", chúng ta có thể đọc thấy những lời giải bày tha thiết của Ngài:

"Các con ôi! Thầy hỏi vậy chớ mỗi phen độ rỗi cho đặng các con, các con có biết Thầy chịu khổ não dường nào chăng?

Quyền hành Chí Tôn của Thầy, các con nếu hiểu thấu thì các con sẽ thấy nó là một hình phạt rất nặng nề, chẳng khác nào như gông với tróng[19].

Thầy lập nhơn loại – là dòng giống các con – chỉ tưởng rằng ban đặng phẩm Thần, Thánh, Tiên, Phật nơi cõi thế giái càn khôn, đặng làm cho rõ thánh chất mạnh mẽ hơn phàm chất; nào dè, còn lại đặng chẳng đủ một phần triệu Đấng, thì thế nào Thầy không đau lòng cho đặng?

Thầy chưa hề biết hành phạt các con bao giờ. Từ khai thiên, Thầy đã sanh ra các con, sự yêu mến của một ông cha nhân từ thế quá lẽ, làm cho đến đỗi con cái khinh khi, phản nghịch lại, cũng như Kim-Quan-Sứ (là A-Tu-La, Thánh giáo[20] *gọi là Lucifer) phản nghịch, náo động Thiên Cung. Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật còn phàn nàn trách cứ Thầy thay! Các con ôi! Đã gọi là Đấng cầm cân, lẽ công bình thiêng liêng đâu mà Thầy đặng phép tư vị. Thầy lấy lẽ công bình, thì tức phải chiếu theo Thiên Điều; mà chiếu theo Thiên Điều thì là con cái Thầy, tức là các con, phải đọa trầm luân đời đời kiếp kiếp. Các con phải ngồi nơi địa vị Thầy, thì các con thế nào?*

Mỗi phen Thầy đau thảm, khóc lóc các con; phải lén hạ trần, quyết bỏ ngôi Chí Tôn xuống lập Đạo, lại bị các con bạc đãi, biếm nhẽ, xua đuổi, bắt bức, đến đỗi phải chịu cho các con giết chết. Ôi! Thảm thay! Thảm thay! Các mối đạo, Thầy đã liều thân lập thành, đều vào tay chúa quỷ hết. Nó mê hoặc các con, nhiều bậc Thiên Tiên còn đọa, huống lựa là các chơn thần khác của Thầy đương nắn đúc, thế nào thoát khỏi. Thầy đã chẳng trách phạt Kim Quan Sứ, lẽ nào lại trách phạt các con. Song hình phạt của Thiên điều, dầu chính mình Thầy cũng khó tránh. Các con tự lập hình phạt cho các con, cũng như Thiên Điều mà Thần, Thánh, Tiên, Phật lập thành đó vậy. Thầy đã cho kẻ thù Thầy đặng hưởng ân điều của Thầy, lẽ nào truất bỏ phần của các con; song tại các con từ chối; đáng thương mà cũng đáng ghét.

Mỗi phen Thầy đến lập Đạo, thì là phải cam đoan và lãnh các con, chẳng khác nào kẻ nghèo lãnh nợ. Các con làm tội lỗi bao nhiêu, oan nghiệt bấy nhiêu, Thầy đều lãnh hết."[21]

---

[19] "Gông với tróng": những vật được dùng để tròng vào cổ (cái gông) và cùm vào chân (cái tróng) người có tội. Tục ngữ Việt Nam có câu "Gông đóng, tróng mang" để chỉ thân phận người bị tù tội.

[20] Chữ "Thánh giáo" trong những lời này của Đức Chí Tôn có nghĩa là Thiên Chúa giáo, Ky Tô giáo.

[21] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 27-04 Đinh Mão (27-05-1927); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Quyển 1), tr.107-108.

Theo triết học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, con người vốn có nguồn gốc sâu xa từ hai phần, một phần là Chơn Thần, tức là một "điểm" mầm sống do Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí (Vô Cực) cấu tạo, một phần khác là Nguyên Thần, tức là một "điểm" Tiểu Linh Quang do Đại Linh Quang (Thái Cực) phân chiết ra. Như đã được lý giải trong vũ trụ luận Đại Đạo, vào thuở hỗn độn sơ khai của càn khôn vũ trụ, các mầm sống đó (tức là ***chúng sanh***) chưa là vật chất mà cũng chưa là tinh thần, nhưng là một trạng thái manh nha giữa vật chất và tinh thần[22]. Nếu không tiến hóa được, các mầm sống ấy sẽ biến thành vật chất, và mãi mãi sẽ chỉ là những bóng hình hư ảo vô thường trong luật Tán Tụ. Do đức từ bi sáng tạo vô cùng, Thượng Đế đã phân chiết Linh Quang vào mỗi mầm sống, để chúng sanh không những có đủ khả năng tiến hóa, mà còn có thể đạt được những ngôi vị Thiêng Liêng cao tột trong càn khôn.

Tình thương vô biên của Thượng Đế đã gắn chặt sự hiện hữu của Ngài với định mệnh của chúng sanh. Chẳng những tự phân chiết chính mình, nhập thể vào chúng sanh để dìu dắt chúng sanh tiến hóa từ bên trong thế giới nội tại của mỗi chúng sanh, Thượng Đế còn mở ra vô số hình thức cứu độ khác nhau để trợ lực cho chúng sanh từ thế giới ngoại tại. Mà đã hóa thân trong chúng sanh, thì Ngài cũng phải chịu đựng mọi khó nhọc, nhận lãnh mọi đau đớn mà nghiệp lực của chúng sanh tạo ra. Bởi vậy, trong cơ tiến hóa, chúng sanh gặp bao nhiêu thử thách, nhọc nhằn; thì trong sự cứu độ, Thượng Đế cũng chịu bấy nhiêu gian nan, khổ não.

Nhân loại là đẳng cấp chúng sanh đã đạt đến trình độ tiến hóa cao nhất trong thế giới vật chất. Khi tiến đến trình độ này, các chơn linh vừa khai phóng được ở mình một quyền tự do cao hơn vạn vật, lại vừa được nhận lãnh từ Thượng Đế một quyền năng mới, là quyền Tạo Hóa. Với những quyền năng này, mỗi cá nhân con người đều có một sứ mạng lớn lao trong vũ trụ, là giúp đỡ những giống loài hay những chơn linh khác thăng tiến nhanh hơn, khỏi lâm vấp những gì mà chính cá nhân mình đã phải trải qua trên đường tiến hóa.

Nhưng khi có những quyền năng đó trong tay, hầu hết nhân loại chẳng những không thực hiện được sứ mạng của mình, mà ngược lại, còn lạm dụng để tranh giành lẫn nhau những ân huệ của Hóa Công. Thế gian, vốn là một học đường trong cơ tiến hóa, lại bị biến thành một nơi tương tàn tương sát của nhân loại. Qua cơ bút Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Vô Cực Từ Tôn đã từng cất lời than:

"Than ôi! Vì lòng thị dục của các con, không muốn hưởng ân huệ đồng đều mà các con chỉ mong chiếm phần ân huệ của Hóa Công về cho trọn quyền sử dụng cá nhơn của mình. Nhưng các con nào có biết đâu, trong cặn bã có những loài vi trùng độc. Lòng thị dục của các con lại nẩy nở ra lục dục thất tình, khiến cho các con trở thành một giống người tội ác, nên mới có cảnh hỗn độn ngày nay."[23]

---

[22] Xin xem thêm quyển "Triết Học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" trong bộ "Giáo Lý Đại Toàn" này.

[23] Đức Vô Cực Từ Tôn; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 01-01 Quý Mão (24-01-1963).

Nếu liên tiếp tạo ra và tích lũy tội lỗi từ kiếp này sang kiếp khác, thì tùy mức độ nặng nhẹ của tội lỗi, con người sẽ bị thoái hóa nhanh chóng xuống hàng thú cầm, thảo mộc, kim thạch, hoặc thấp hơn nữa là hàng ma quỷ.

Vì luật công bình, Thượng Đế không thể thiên vị, nghĩa là không thể tự ý xóa tội hoặc thêm công cho bất kỳ một chơn linh nào; Ngài chỉ có thể lập Đạo để giáo hóa nhằm khai sáng tâm linh cho toàn thể chúng sanh, rồi nhờ sự giáo hóa ấy mà chúng sanh tu học để tiến hóa. Đức công bình đó thật ra cũng là một biểu hiện của tình Tạo Hóa, bên cạnh đức bác ái và từ bi, vì giả sử Ngài không giữ được cán cân công bình, thì vũ trụ sẽ trở nên hỗn loạn và nhanh chóng tự đi đến tình trạng tự hủy diệt.

Thượng Đế không chỉ là Đấng Công Bình, nghĩa là Đấng giữ luật công bình nghiêm minh cho vạn loại; Ngài còn là Đấng Bác Ái và Đấng Từ Bi, vì Ngài mang đức bác ái và từ bi trong bản tính tự nhiên của mình. Do đó, tội lỗi của nhân loại tác động rất mạnh mẽ đến Ngài, không khác gì một hình phạt mà Ngài phải nhận lãnh. Quyền Chí Tôn mà Ngài nắm càng to lớn bao nhiêu, thì tình thương của Ngài dành cho nhân loại càng bao la bấy nhiêu; nhưng điều đó cũng có nghĩa là những tác động mà tội lỗi của nhân loại trên bản thân Ngài càng nặng nề bấy nhiêu. Bởi đó, trong đoạn thánh giáo được trích từ "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển" ở trên, Ngài đã nói:

"Quyền hành Chí Tôn của Thầy, các con nếu hiểu thấu thì các con sẽ thấy nó là một hình phạt rất nặng nề, chẳng khác nào như gông với tróng."[24]

Như vậy, động cơ của sự cứu độ là ***tình thương*** vô biên mà Thượng Đế dành cho chúng sanh và nhân loại. Trong tình thương đó, có ***công bình***, có ***bác ái***, có cả ***từ bi***. Thiếu một trong ba yếu tố đó thì không phải là tình thương của Thượng Đế, mà cơ cứu độ cũng sẽ không đủ khả năng giáo hóa và dẫn dắt vạn linh.

Điều này có một ý nghĩa lớn lao về mặt thực hành. Bất kỳ một ai – trong bất kỳ tôn giáo nào – nếu muốn cứu độ người khác thì trước hết, ngay trong lòng mình, động cơ của sự cứu độ phải tồn tại. Động cơ ấy phải là tình thương dành cho người khác, như Thượng Đế vẫn dành, bao gồm ***công bình***, ***bác ái***, và ***từ bi***. Thiếu một trong ba yếu tố này, việc cứu độ sẽ thất bại.

2.4. Các khái niệm có liên quan đến sự cứu độ

2.4.1. Sự cứu độ và sự phổ độ

Từ khái niệm "cứu độ", ta đi đến khái niệm "phổ độ". Gắn liền với danh hiệu "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ", hiển nhiên rằng thuật ngữ "phổ độ" là một khái niệm quan trọng đối với nền đạo kỳ ba này. Trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", thuật ngữ "phổ độ" đã được Đức Thượng Đế giải nghĩa như sau:

"Phổ độ nghĩa là gì? Phổ là bày ra. Độ là gì? Là cứu chúng sanh. Chúng sanh là gì? Chúng sanh là toàn cả nhơn loại. (…)

[24] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 27-04 Đinh Mão (27-05-1927); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Quyển 1), tr.107.

Muốn trọn hai chữ phổ độ, phải làm thế nào? Thầy hỏi. Phải bày bửu pháp chớ không đặng dấu nữa."[25]

Từ đoạn thánh giáo trên đây, **phổ độ** tức là cứu toàn cả nhân loại bằng cách triển khai ("bày ra") mọi phương pháp tu hành (trong đó, có cả "bửu pháp", tức là phương pháp thiền định công phu, thuộc về đại thừa thiên đạo) để bảo tồn nhân loại, giúp cho thế giới tránh được sự hủy diệt.

Mặc dù là các phương pháp tu hành, nhưng các phương pháp này không nhất thiết phải là những hình thức tôn giáo. Chẳng hạn, vào năm Bính Tý 1936, nghĩa là khoảng chín năm sau ngày khai minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã dạy:

"Đạo Thầy đương thời kỳ phôi khai hoằng hóa, phổ độ chúng sanh, bất luận là người nào, nước nào, tu theo cũng đặng. Chớ các con dùng cái hình thức bề ngoài mà truyền bá cho sở hạp với phong tục của các con sao đặng! Thí dụ như nước không biết cúng kiến, thờ phượng, [nếu] các con ép buộc người ta phải thờ phượng, cúng kiến, y như các con, (thì) các con mới chịu truyền Đạo cho, thì trái hẳn với phong tục nước ngoài. Nó không khứng chịu, mà nó không khứng chịu thì các con không khứng chỉ truyền, ắt có chúng sanh phải chịu luân hồi trả quả mãi sao các con? Khờ lắm ôi! Vả lại sự kinh kệ, các con dùng tiếng Nam, rồi các con buộc các nước khác phải đọc giống in như tiếng Nam của con, làm như con, con mới chịu chỉ truyền, sao các con? Đạo Thầy không phải vậy đâu!"[26]

Như vậy, hình thức tôn giáo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một phương tiện mang tính chất hết sức "tạm thời", do đó, cũng hết sức mềm dẻo trong việc ứng biến theo từng hoàn cảnh để cứu cho kỳ được toàn thể chúng sanh. Vì vậy, "Đạo Học Chỉ Nam" đã viết:

"Đạo Cao Đài [tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ] không phải thiết lập thêm một tôn giáo, mà là cố gắng sao các tôn giáo hiệp làm một, chẳng những tạo cho tổ chức nơi mình một địa vị, mà làm cho tất cả các tổ chức thành một địa vị cao quí ở cõi đời nầy và nơi Thiên quốc, Niết Bàn. Chắc sau nầy đạo thành, không còn cái danh nào cả."[27]

Trở lại với thuật ngữ "phổ độ". Định nghĩa về "phổ độ" như vừa nêu đã được Đức Chí Tôn sử dụng để giải thích cụm từ "Tam Kỳ Phổ Độ":

"Tam kỳ phổ độ là gì? Là phổ độ lần thứ ba."[28]

Mặt khác, định nghĩa này cũng cho thấy, không chỉ trong "Tam kỳ" mới có "phổ độ", nghĩa là chữ "phổ độ" không chỉ gắn liền với thời kỳ cứu thế thứ ba. Cụm từ "phổ độ lần thứ ba" hàm ngụ rằng đã từng có lần phổ độ thứ nhất và thứ hai, vì nếu ngược lại thì khái niệm "phổ độ lần thứ ba" trở nên vô nghĩa. Nói rõ hơn, trước khi "phổ độ lần thứ ba",

---

[25] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 08-04-1926, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Quyển 1), tr.14-15.
[26] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 01-09 Bính Tý (24-10-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Tôn Chỉ Của Cao Đài Đại Đạo", tr.102.
[27] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 2, tiết 4, mục 2.
[28] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 08-04-1926, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.14.

Đức Thượng Đế đã từng thực hiện các công cuộc phổ độ lần thứ nhất và lần thứ hai, thông qua việc khai mở các tôn giáo khác nhau trên thế giới. Những công cuộc phổ độ ấy, theo thứ tự, được các Đấng Thiêng Liêng gọi là **nhất kỳ phổ độ** và **nhị kỳ phổ độ**. Ví dụ, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư – trong một lần giải thích về khái niệm "Hội Thánh" – đã đề cập đến các thời kỳ phổ độ như sau:

*"Hội Thánh là cơ sở của chư Thánh, hội hiệp để làm thánh sự, suy nghĩ thánh ý, phát xuất thánh ngôn; [là] cơ duyên sắp bày, đưa đẩy các hàng nguyên căn từ **nhứt kỳ phổ độ**, từ **nhị kỳ phổ độ** đến **tam kỳ phổ độ**."*[29]

Qua đoạn thánh giáo trên đây, khái niệm "phổ độ" gắn liền với sự hiện hữu của tôn giáo nói chung, chứ không phải là khái niệm dành riêng cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

So sánh hai khái niệm "cứu độ" và "phổ độ", khái niệm trước có liên quan đến Đại Đạo nhiều hơn khái niệm sau, còn khái niệm sau có liên quan đến tôn giáo nhiều hơn khái niệm trước. Sở dĩ khái niệm "phổ độ" có liên quan đến tôn giáo nhiều hơn, đó là do lời dạy "Muốn trọn hai chữ phổ độ (…) phải bày bửu pháp..."[30], mà trong lời dạy này, "bửu pháp" là phương pháp thiền định công phu, thuộc về phần nội giáo tâm truyền của một tôn giáo; chú ý rằng như đã chỉ ra ở trên, "tôn giáo" không nhất thiết phải là "hình tướng tôn giáo". Còn khái niệm "cứu độ" thường được sử dụng với nghĩa rộng hơn khái niệm "phổ độ": nói đến "cứu độ" là nói đến đến sự bảo tồn vạn loại nhằm tránh khỏi sự hủy diệt trong guồng máy tiến hóa của càn khôn vũ trụ, nghĩa là sự cứu độ có liên quan đến mọi hình thái sinh hoạt của nhân loại trong mọi lĩnh vực nhân sinh, nhân trí và nhân đức.

2.4.2. Sự cứu độ và văn minh nhân loại

Theo giáo lý Đại Đạo, **văn minh** là sự phát triển văn hóa bằng giáo dục: *"Từ xưa đến nay, có nhiều nước đặng một nền văn hóa dồi dào nhờ **sự giáo huấn** trổi xa*[31]*; những nước ấy kêu là nước văn minh (…) Văn hóa mở mang kêu là văn minh, văn hóa vị khai*[32] *kêu là dã man"*[33]. Có giáo dục, thì văn hóa mới được mở mang, phát triển; và chính sự mở mang, phát triển ấy của văn hóa được gọi là văn minh. Như vậy, giáo dục là động lực tạo ra văn minh.

Điều này có liên hệ như thế nào với sự cứu độ? Chính **sự cứu độ** là một **sự giáo hóa** – tức là giáo dục – mà Thượng Đế mang đến cho nhân loại. Trên trái đất này, từ xưa đến nay, chỗ nào có mặt của sự cứu độ thì chỗ đó đều có mặt của sự giáo dục con người, dẫn đến sự phát triển về cả ba mặt: nhân sinh, nhân trí và nhân đức; mà có sự phát triển của cả ba mặt này tức là có văn minh. Nếu luận theo chiều ngược lại, thì văn minh là một kết quả của sự phát triển nhân sinh, nhân trí và nhân đức; do đó, văn minh cũng là một kết quả của sự cứu độ.

---

[29] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 06-02 Quý Sửu (10-03-1973).
[30] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 08-04-1926, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Quyển 1), tr.14-15.
[31] "Trổi xa": vượt trội.
[32] "Vị khai" : chưa được mở mang.
[33] Đức Liên Hương Đạo Cô; Mẹo thời, 03-07 Ất Mùi (20-08-1955); *Kinh Đường Sáng*, "Quốc Túy - Quốc Hồn", tr.80-88.

Vì vậy, có thể nói rằng **cứu độ** tức là **giáo hóa cho văn minh hơn**. Một xã hội bị gọi là dã man không phải vì xã hội đó sống trong hang động và sử dụng rìu đá, mà vì con người của xã hội đó sống bằng bản năng thú tính, có tâm địa hung ác, không biết đến đạo đức. Cứu độ là một sự giáo hóa toàn diện, nhưng quan trọng nhất trong mọi phương diện là giáo hóa về đạo đức, vì đạo đức là yếu tố quan trọng nhất giúp cho con người đủ sức vươn đến nhân tính và rời bỏ thú tính. Con người càng phát huy được giá trị của mình qua nhân tính bao nhiêu, xã hội càng trở nên văn minh bấy nhiêu. Đây là cơ sở của khái niệm "nhân bản" (人本, humanitas) trong giáo lý Đại Đạo.

Sự đồng hành giữa sự cứu độ và văn minh nhân loại đã được Đức Thần Nông Đại Đế xác nhận qua cơ bút Tam Kỳ Phổ Độ qua bài thơ xưng danh sau đây của Ngài:

"Thần, Thánh, Phật, Tiên nhứt lý đồng,
Nông, công, nghệ nghiệp khả tri thông;
Đại thừa, trung, tiểu, hành chơn đạo,
Đế hóa khứ triều giống Lạc Long."[34]

Bài thơ này cho ta thấy rằng, từ xưa đến nay, tất cả Phật, Tiên, Thánh, Thần khi sống ở thế gian để cứu độ nhân loại đều đã từng vận dụng cùng một nguyên lý duy nhất. Nguyên lý đó nằm ở sự đồng hành giữa một bên là sự tri thông "nông, công, nghệ, nghiệp" và một bên là sự thực hành chơn đạo "đại thừa, trung [thừa], tiểu [thừa]". Hơn nữa, chính nguyên lý này cũng đã được Đức Thần Nông vận dụng để lập nên cộng đồng Bách Việt, và các bậc Quốc Tổ của nòi giống Lạc Long vận dụng để lập nên đất nước mà ngày nay được gọi là Việt Nam.

Sự đồng hành giữa "cứu độ" và "văn minh" không phải là sự diễn biến song song của hai quá trình độc lập, mà là một sự đồng hành do mối liên hệ nhân quả mà có: sự cứu độ là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của văn minh nhân loại. Ta có thể thấy được mối liên hệ nhân quả này qua lời dạy sau đây của Đức Vô Cực Từ Tôn:

"Đạo phát sanh bao nhiêu thì đời tiến hóa bấy nhiêu; đó là định luật của Hóa Công đã sắp bày để đưa nhơn loại từ chỗ vô minh đến tuệ giác, đổi nhu nhược lại hùng cường."[35]

Theo lời dạy trên đây của Đức Mẹ, có một định luật của Tạo Hóa: hễ *đạo* phát sinh thì *đời* sẽ nhờ đó mà được tiến hóa. Sự tiến hóa này vừa diễn ra trên phương diện tâm linh (*"đưa nhơn loại từ chỗ vô minh đến tuệ giác"*), vừa diễn ra trên phương diện văn minh ("*đổi nhu nhược lại hùng cường*").

Khi tôn giáo chưa xuất hiện trong xã hội loài người, định luật trên đây đã đúng; đến khi tôn giáo xuất hiện, định luật này lại càng đúng. Trong bài thuyết đạo "Tôn giáo đối với nền văn minh của thời đại", Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã chỉ ra mối liên hệ nhân quả giữa Đạo, tôn giáo và các nền văn minh trong nhân loại như sau: "Mỗi phen Đức Chí

[34] Đức Thần Nông Đại Đế; Huờn Cung Đàn, Hợi thời, 30-03 Tân Sửu (14-05-1961).
[35] Đức Vô Cực Từ Tôn; Huờn Cung Đàn, Hợi thời, 30-03 Tân Sửu (14-05-1961).

Tôn đến hay là sai vị giáo chủ nào đến đặng tạo tân dân, bao giờ cũng vậy: trước khi cái nền văn minh đến, thì nền đạo giáo đã thành lập trước, bởi đạo giáo là căn bản của nền văn minh đó vậy. Đạo là khuôn khổ, còn văn minh là hình chất. Đạo là hình, văn minh như bóng."[1]

Đối với giáo lý Đại Đạo, **cơ cứu độ** và **văn minh nhân loại** là hai yếu tố liên hệ mật thiết với nhau, không thể tách rời nhau trong tiến trình của lịch sử nhân loại. Cơ cứu độ là căn bản, là linh hồn, là sức sống của mọi nền văn minh; còn văn minh là sự thể hiện, sự biểu lộ, sự phát huy tác dụng của cơ cứu độ.

Mọi khuynh hướng tư tưởng và mọi hình thái hoạt động của nhân loại – dù duy tâm hay duy vật nếu nói theo ngôn ngữ của triết học – cũng đều do Thượng Đế khai sinh trong cơ cứu độ, và cũng đều do con người thực hiện từ một sự thôi thúc trong tiềm thức để làm cho cơ cứu độ ấy thật sự tác động trong bản thân mình:

"Duy tâm, duy vật, cũng con Trời,
Hai lẽ song song để dựng đời;
Duy vật đắp xây nền hữu tướng,
Duy tâm thánh thiện giúp con người."[2]

Như vậy, cả duy tâm lẫn duy vật đều là những phương tiện cứu độ mà Thượng Đế mang đến cho nhân loại. Nếu con người biết sử dụng mỗi phương tiện đúng thời và đúng chỗ để xây dựng cõi đời, thì xã hội sẽ phát triển trong những tác động bảo tồn của cơ tiến hóa. Ngược lại, nếu con người khai thác những phương tiện này một cách sai lầm hoặc mù quáng thì chúng đều trở thành những hung khí tàn phá xã hội, dù chúng là duy vật hay duy tâm.

2.4.3. Đạo và tôn giáo

Chúng ta vừa xét đến mối tương quan giữa "cứu độ" và "phổ độ". Mối tương quan này phản ảnh một mối tương quan khác: tương quan giữa "Đạo" và "tôn giáo".

Trước hết, cần phân biệt "Đạo" và "tôn giáo". **Đạo** (道) và **tôn giáo** (religio) là hai phạm trù thuộc hai tầng ý nghĩa khác nhau của một phạm trù chung là **cơ cứu độ**. Trong giáo lý Đại Đạo, luôn có sự nhấn mạnh sự khác biệt giữa hai tầng ý nghĩa này: *"Đừng lầm lẫn Đạo và tôn giáo."*[3]

Trong dân gian Việt Nam, từ vài thế kỷ trở lại đây, người thường gọi *tôn giáo* là *đạo*. Dấu tích này còn được lưu trong, chẳng hạn, quyển "Dictionarium Anamitico-Latinum": từ Hán-Việt "Đạo" (道) đã được dịch thành từ La Tinh "religio"[4]. Thói quen dân gian này này khiến cho chữ "đạo" trở thành một từ thuần Việt của chữ "tôn giáo". Tuy nhiên, nếu trình bày giáo lý Đại Đạo bằng ngôn ngữ nói của người Việt – ở những tình huống không

---

[1] Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc; Đền Thánh, đêm 29-09 Nhâm Thìn (1952); *Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp* (Q. 5), "Tôn giáo đối với nền văn minh của thời đại". http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/tam.htm; 15-12-2001.
[2] Đức Linh Quang Thổ Địa; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 18-01 Tân Hợi (13-02-1971).
[3] Đức Quan Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-09 Quý Sửu (10-10-1973).
[4] AJ. Taberd, *Dictionarium Anamitico-Latinum*, tr.128.

có chữ viết đi kèm theo – thì thói quen dùng từ này có thể gây ra nhiều lầm lẫn cho người nghe.

Để tránh những lầm lẫn do thói quen gọi *tôn giáo* là *đạo* trong dân gian, Đức Đông Phương Chưởng Quản đã giải thích về Đạo như là khả năng tự-cứu-độ-lấy-chính-mình vốn đã sẵn có ở mỗi con người, qua những lời sau đây:

"Đạo là những gì sẵn có nơi mọi người, là những phép tắc khai triển nó ra để tự cứu rỗi. Bảo mọi người cùng làm như mình để tự cứu lấy họ. Chớ Đạo không phải là "đạo này đạo nọ"; hay Đời là cái gì không thuộc về Đạo đâu."[1]

Trong lời dạy của Đức Đông Phương, Đạo vừa là bản thể vốn có nơi mỗi người, vừa là những phép tắc để mỗi người khai triển bản thể ấy ra mà tự cứu độ lấy chính mình. Như vậy, nội dung của "Đạo" cũng là nội dung căn bản của sự cứu độ.

Vào năm Bính Ngọ 1967, tức là hơn bốn mươi năm sau ngày khai minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế nhắc lại một điều mà Ngài đã từng dạy rất nhiều lần, như sau:

"Từ thuở khai thiên tịch địa, sắp bày trần thế, đến ngày nay, các con chỉ hiểu Đạo trong những thời kỳ hỗn loạn để cứu thế, hay Đạo khai trong cơ biến dịch đất trời. Đến ngày nay, Thầy đã dạy rất nhiều và rất rõ ràng cho các con từ mấy mươi năm qua: Đạo là con đường duy nhất cho vạn linh sinh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian, và từ thế gian, các con trở lại cùng Thầy. Thầy là Hư Vô Chi Khí, thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi. Nên chi trong thời kỳ hạ nguơn, chính mình Thầy dùng khí Hư Vô trực tiếp hữu hình đến thế gian để dẫn dắt thâu hồi những điểm Linh Quang – [mà] Thầy đã cho đến trần gian – trở về khối Đại Linh Quang."[2]

Điều mà Đức Thượng Đế đã dạy rất nhiều lần ấy là điều gì? Đó là: "Đạo là con đường duy nhất cho vạn linh sinh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian, và từ thế gian, các con trở lại cùng Thầy". Qua lời dạy này, ta thấy Đạo là một sự vận hành của bản thể Linh Quang: Đại Linh Quang dùng sự vận hành ấy mà phóng phát ra các Tiểu Linh Quang, rồi Tiểu Linh Quang cũng phải dùng sự vận hành ấy mà quay trở về tái hiệp với Đại Linh Quang.

Cái Đạo theo những nghĩa trên đây – bản thể của con người, những phép tắc để mỗi người khai triển bản thể, sự phóng phát của Đại Linh Quang, sự phục nguyên của Tiểu Linh Quang – là quá trừu tượng so với khả năng nhận thức của đại chúng. Ngay cả đối với những người có khả năng hiểu được từng nghĩa một, thì việc tìm ra mối liên hệ giữa những nghĩa này cũng không phải là điều dễ dàng. Vì vậy, cần phải có một phương tiện hữu hiệu giúp cho đại chúng chẳng những có thể nhận thức được Đạo mà còn có thể trải nghiệm được Đạo trong đời sống của mình.

---

[1] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Trúc Lâm Thiền Điện, Tý thời, 18-07 Canh Tuất (18-08-1970).
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 29-12 Bính Ngọ (02-02-1967).

Phương tiện ấy chính là tôn giáo. Chữ "tôn giáo" – trong mối tương quan với chữ "Đạo" – được "Đại Thừa Chơn Giáo" giải nghĩa:

*"**Đạo** là vô vi, vô hình; còn **tôn giáo** là cái cửa. Mỗi người – muốn thành Phật, Tiên – phải chun qua cái cửa ấy mà vô trong, mới tới **Đạo**."*[1]

Như vậy, muốn tìm đến, thấy được và chứng nghiệm được Đạo, con người phải cần đến tôn giáo. Vì tôn giáo là cánh cửa mở ra cho con người bước vào Đạo, nên tôn giáo trở thành một trong những phương tiện rất quan trọng để Thượng Đế dẫn dắt toàn thể nhân loại trong cơ tiến hóa. Đành rằng tôn giáo không phải là phương tiện cứu độ duy nhất – xin nhắc lại rằng Thượng Đế có thể cứu độ nhân loại bằng mọi phương tiện trong mọi lĩnh vực: nhân sinh, nhân đức và nhân trí – và tôn giáo chỉ là một phương tiện cứu độ về nhân đức; thế nhưng, từ xưa đến nay, tôn giáo là vẫn phương tiện cứu độ có tác dụng sâu rộng nhất đến mọi tầng lớp quần chúng. Có những thời đại, xã hội nhân loại cũng chịu những ảnh hưởng rất mạnh mẽ của kinh tế, hoặc chính trị, hoặc nghệ thuật, hoặc khoa học,… Nhưng không có thời đại nào mà nhân loại không chịu những ảnh hưởng chưa từng bị suy yếu của tôn giáo. Trong bộ mặt văn minh của nhân loại suốt từ thời nguyên thủy cho đến ngày hôm nay, tôn giáo – chứ không phải kinh tế, chính trị, khoa học, kỹ thuật hay bất cứ cái gì khác với tôn giáo – luôn đóng vai trò là nhà thiết kế quan trọng hàng đầu.

Chúng ta có thể thấy được một phần nào của điều này ngay trong công trình nghiên cứu của các nhà xã hội học tôn giáo.

Theo Malinowski[2], từ thời nguyên thủy, "xã hội cần tôn giáo để duy trì quy luật và đạo đức"[3], bởi vì "tôn giáo đảm bảo [cho] sự chiến thắng của truyền thống và văn hóa đối với những phản ứng tiêu cực của bản năng bị ngăn cản"[4]; mà để làm được điều đó, "tôn giáo tiêu chuẩn hóa cách suy nghĩ và hành động đúng đắn"[5].

Bellah[6] cũng nhận xét: "Cuộc sống tôn giáo [ở thời nguyên thủy] thực sự củng cố đoàn kết xã hội và đóng vai trò trong việc đưa người chưa trưởng thành vào trong chuẩn mực của hành vi bộ lạc"[7].

---

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 28-08 Bính Tý (1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Thập Tự Tam Thanh", tr.330.

[2] Bronislaw Malinowski (1884-1942): nhà nhân loại học người Ba Lan. Ông được xem là một trong những người có ảnh hưởng lớn nhất của ngành nhân loại học (anthropology) ở thế kỷ 20 (http://en.wikipedia.org/wiki/Bronislaw_Malinowski; 21-09-2010).

[3] B. Malinowski, "Ma Thuật, Khoa Học và Tôn Giáo" (Magic, Science and Religion), bản dịch của Dương Bích Hạnh, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.180.

[4] Ibid., tr.179.

[5] Ibid., tr.190.

[6] Robert Neelly Bellah (1927-): nhà xã hội học người Mỹ, giáo sư danh dự ngành xã hội học tại đại học California, Berkeley (Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo, tr.499)

[7] R. Bellah, "Sự Tiến Hóa Của Tôn Giáo" (Religious Evolution), bản dịch của Hoàng Cầm, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.286.

Còn với Geertz[1], dù ở thời đại nào đi chăng nữa thì tôn giáo cũng không mô tả trật tự xã hội (một cách thụ động) mà "tôn giáo tạo hình cho trật tự xã hội đó."[2]

Sự nhận diện Đại Đạo và tôn giáo như là hai mức độ khác nhau trong cùng một chỉnh thể thống nhất của cơ cứu độ, là bước tiếp cận đầu tiên và quan trọng nhất của giáo lý Đại Đạo để giải quyết các vấn đề thuộc đời sống tín ngưỡng và tôn giáo của nhân loại. Câu *"Đừng lầm lẫn Đạo và tôn giáo"*[3] đã nói lên tầm quan trọng của sự phân biệt này. Bởi vậy, để tránh hiểu lầm, khi trình bày giáo lý Đại Đạo bằng chữ viết trong tiếng Việt, quy ước sau đây thường được sử dụng:

- Chữ **Đạo** (với chữ **Đ**, viết hoa) để chỉ "*Đạo là con đường duy nhất cho vạn linh sinh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian, và từ thế gian, các con trở lại cùng Thầy*"[4],
- Chữ **đạo** (với chữ **đ**, viết thường) để chỉ ***tôn giáo*** theo cách nói quen thuộc trong dân gian của người Việt.

Mặc dù vậy, cũng cần nói thêm rằng không phải lúc nào quy ước này cũng có thể sử dụng được một cách dễ dàng, vì có rất nhiều trường hợp trong đó ta không thể nào phân loại được một cách rạch ròi những gì thuộc về Đạo, những gì thuộc về tôn giáo. Một ví dụ cho trường hợp này là "đạo làm người"; chữ "đạo" ở đây không phải là tôn giáo nhưng lại là nội dung chủ yếu trong sự giáo huấn của mọi tôn giáo, và nội dung ấy xuất phát từ "*con đường duy nhất cho vạn linh sinh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian, và từ thế gian, các con trở lại cùng Thầy.*"[5]

Để tóm tắt nội dung của mục này, sơ đồ ở hình 2 hệ thống hóa lại khái niệm có liên quan đến sự cứu độ và một số mối liên hệ đáng lưu ý giữa những khái niệm này:

- Xuất phát điểm của những khái niệm này là khái niệm về sự tiến hóa (của vạn vật, trong đó có con người).
- Trong khái niệm về sự tiến hóa, ta có khái niệm về sự bảo tồn.
- Từ khái niệm về sự bảo tồn, ta có khái niệm về sự cứu độ.
- Từ khái niệm về sự cứu độ, ta có khái niệm về Đại Đạo, tôn giáo và văn minh nhân loại.

Chú ý rằng sơ đồ này chỉ đưa ra một trình tự phát sinh khái niệm, chứ không phản ảnh trình tự phát sinh những thực thể.

---

[1] Clifford James Geertz (1926-2006): nhà nhân loại học người Mỹ có ảnh hưởng rất lớn đối với nhiều ngành khoa học xã hội hiện đại (http://en.wikipedia.org/wiki/Clifford_Geertz; 21-09-2010).
[2] C. Geertz, "Tôn Giáo Như Một Hệ Thống Văn Hóa" (Religion as a Cultural System), bản dịch của Trương Huyền Chi, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.346.
[3] Đức Quan Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-09 Quý Sửu (10-10-1973).
[4] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 29-12 Bính Ngọ (02-02-1967).
[5] Ibid.

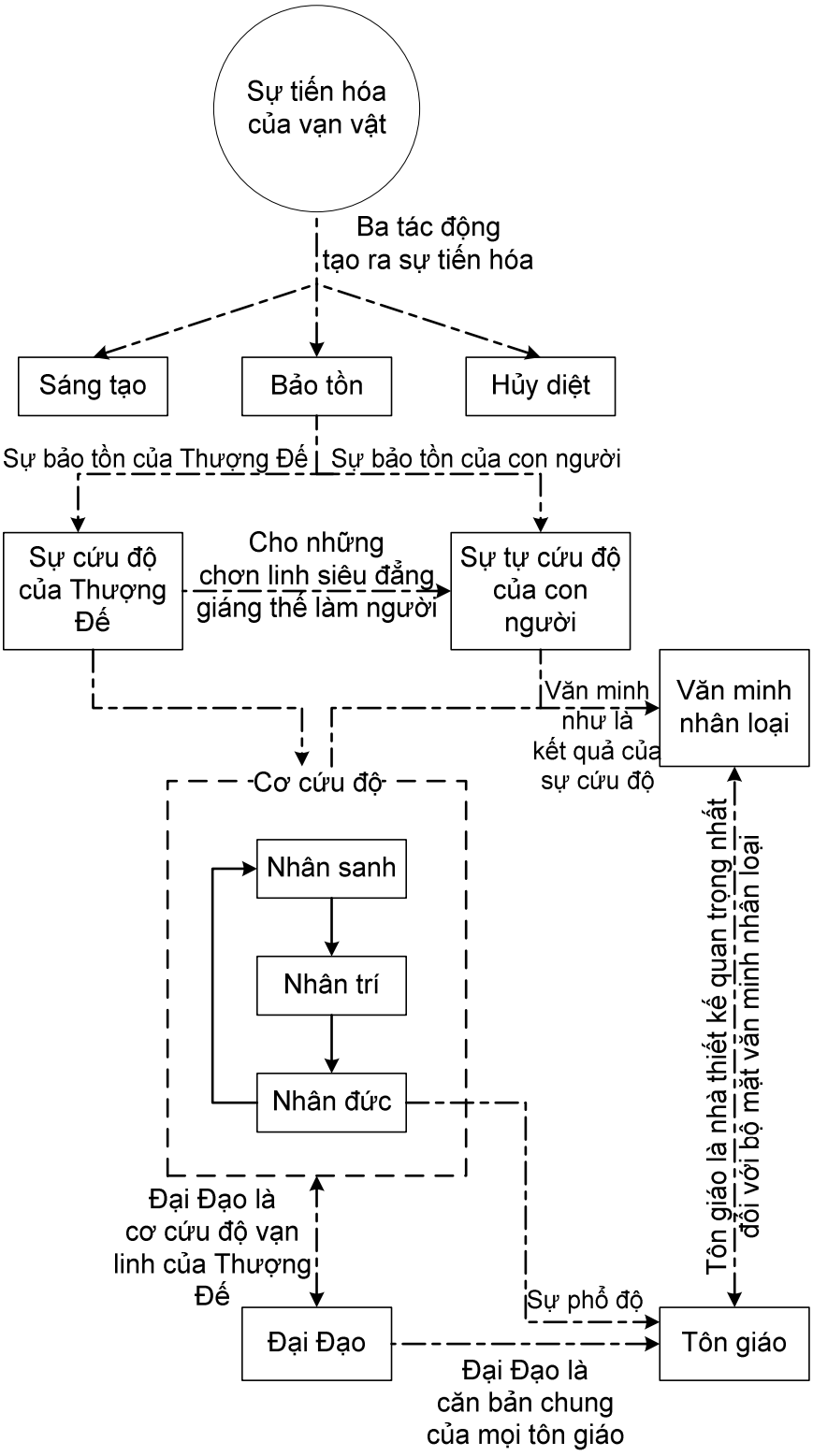

HÌNH 2. CÁC KHÁI NIỆM CÓ LIÊN QUAN ĐẾN SỰ CỨU ĐỘ

3. ĐẠI ĐẠO

Trong ngữ cảnh có-liên-quan-đến-tôn-giáo, khi nói đến **Đại Đạo**, người ta thường nghĩ rằng đó là nói tắt của danh hiệu "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ", hoặc có người lại liên tưởng đến Lão giáo (vì Lão giáo cũng có khi còn được gọi là Đạo giáo hay Đại Đạo). Tuy nhiên, đối với giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, phạm trù **Đại Đạo** – theo nghĩa tổng quát nhất trong mối liên hệ với tôn giáo – luôn được sử dụng với nội dung như sau: **Đại Đạo là căn bản chung của mọi tôn giáo, và là cơ cứu độ của Đức Thượng Đế trong toàn bộ lịch sử nhân loại**.

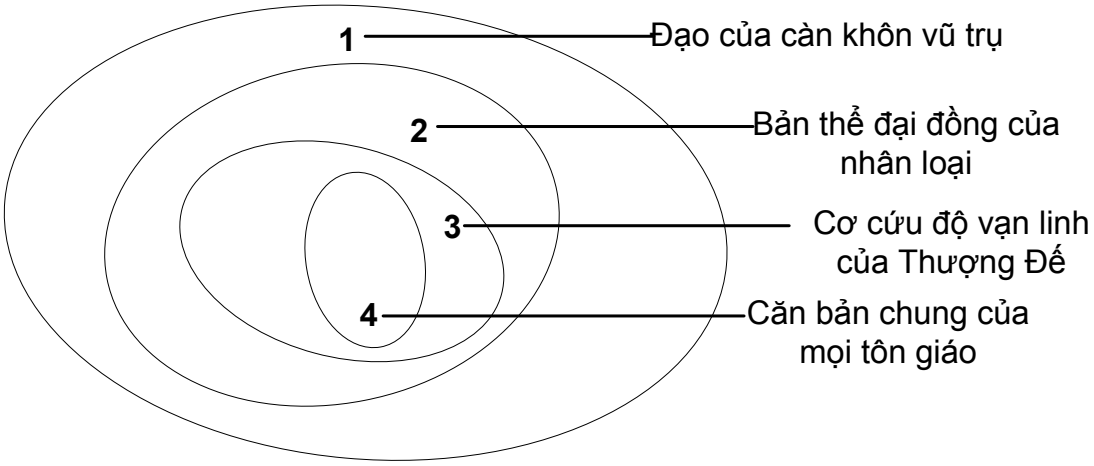

HÌNH 3. BỐN MỨC ĐỘ Ý NGHĨA CỦA PHẠM TRÙ "ĐẠI ĐẠO", XÉT TRONG VIỄN TƯỢNG TÔN GIÁO.

Để hiểu rõ nội dung đó, chúng ta cần đi qua một trình tự diễn dịch ý nghĩa – bao gồm bốn mức độ ý nghĩa của phạm trù "Đại Đạo" – bắt đầu từ ý nghĩa tổng quát có liên quan đến phạm trù "Đạo" cho đến ý nghĩa cụ thể có liên quan đến phạm trù "tôn giáo", như sau:

1. Đại Đạo là Đạo của càn khôn vũ trụ,
2. Đại Đạo là bản thể đại đồng của nhân loại,
3. Đại Đạo là cơ cứu độ vạn linh của Thượng Đế,
4. Đại Đạo là căn bản chung của mọi tôn giáo.

Đây là bốn mức độ ý nghĩa khác nhau trên cùng một thang nội hàm của phạm trù "Đại Đạo". Bốn mức độ này tham gia vào việc định nghĩa phạm trù "Đại Đạo" trong ngữ cảnh

có-liên-quan-đến-tôn-giáo như là bốn mức độ hiện hữu nhất quán từ "thế giới tổng quát" của cả càn khôn vũ trụ cho đến "thế giới cụ thể" của các tôn giáo.[1]

Sơ đồ mô tả bốn mức độ ý nghĩa này được cho bởi hình 3. Các mức độ này được biểu diễn bởi bốn tập hợp. Đầu tiên là tập hợp 1; tập hợp này chứa đựng bất cứ cái gì thuộc về, và do đó, mô tả "Đạo của càn khôn vũ trụ". Kế tiếp, tập hợp 2, với tư cách là một tập hợp con của tập hợp 1, mô tả "bản thể đại đồng của nhân loại". Sau đó, tập hợp 3, được bao hàm trong tập hợp 2, mô tả "cơ cứu độ vạn linh của Thượng Đế". Cuối cùng, tập hợp 4, một bộ phận nằm bên trong tập hợp 3, mô tả "căn bản chung của mọi tôn giáo".

Để đi vào các mức độ ý nghĩa mà không bỏ sót thông tin khi phân tích dữ liệu từ thánh ngôn, cần lưu ý rằng chữ "Đại Đạo" đang được đề cập ở đây là một thuật ngữ Hán-Việt (được viết là "大道") mà thuật ngữ Nôm tương ứng của nó là "Đạo Cả"[2]. Có thể thấy được cách dùng từ Nôm này qua các đoạn thánh giáo sau:

*"Đại khái xuân đời, cảnh vật có chi các con! Cành hoa chớm nở tươi xinh, các con nâng niu cành lá, vun tưới gốc cây, ngửi mùi thơm trong nhụy. Sao các con không vun tưới cội lành **Đạo Cả**, nâng niu sang sửa **Chơn Tâm** cho thật tươi nhuận sáng suốt để rồi ngửi lấy đạo vị nhiệm mầu tự lòng con khai phát."*[3]

"Dầu thế lộ gập ghình trở ngại,
Đã làm người lòng phải dặn lòng,
Cõi đời vạn hữu sắc không,
Chẳng chi tồn tại mà mong giữ gìn.

Có cái có trong tình Tạo Hóa,
*Không là không **Đạo Cả** lưu hành,*
Biết đường sanh diệt, diệt sanh,
Hoàn nguyên phản bổn nhọc nhành chi con."[4]

Trong những phân tích dưới đây, ta sẽ thấy rằng chữ "Đạo Cả" không chỉ là một phiên bản Nôm của chữ "Đại Đạo" mà còn bổ sung nhiều nội dung quan trọng cho chữ "Đại Đạo".

3.1. Đại Đạo là Đạo của càn khôn vũ trụ

Bây giờ chúng ta hãy đi vào mức độ ý nghĩa đầu tiên của phạm trù "Đại Đạo" (hình 4). Ở mức độ này, Đại Đạo là cái Đạo siêu hình của cả càn khôn vũ trụ. Đây cũng là mức độ chứa đựng ý nghĩa tổng quát nhất của phạm trù "Đại Đạo".

---

[1] Đây là phương pháp định nghĩa đặc trưng của giáo lý Đại Đạo, sử dụng luận lý học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Xin xem thêm quyển "Luận Lý Học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" trong bộ "Giáo Lý Đại Tòan" để biết thêm chi tiết của phương pháp định nghĩa này.

[2] Chữ "cả" ở đây có thể có nghĩa là "đầu tiên", "cao nhất" hay "lớn nhất" (ví dụ: con đầu lòng được gọi là "con cả", nghĩa khí cao thượng được gọi là "nghĩa cả", sóng lớn được gọi là "sóng cả").

[3] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Nam Thành Thánh Thất, Tuất thời, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

[4] Đức Vô Cực Từ Tôn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 01-12 Bính Thìn (19-01-1977).

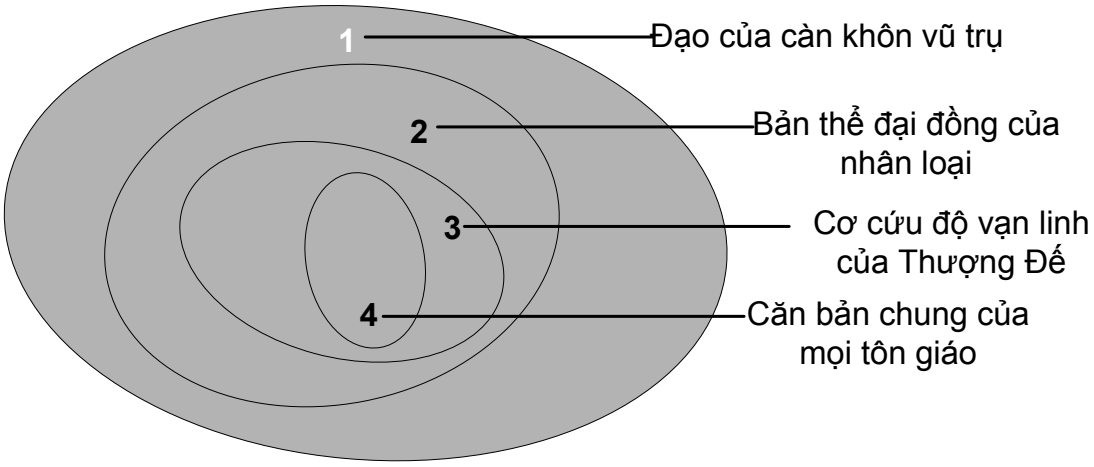

HÌNH 4. MỨC ĐỘ Ý NGHĨA THỨ NHẤT: ĐẠI ĐẠO LÀ ĐẠO CỦA CÀN KHÔN VŨ TRỤ.

Xét trên quy mô của cả càn khôn vũ trụ, thì **Đại Đạo** và **Đạo** là hai phạm trù có cùng một nội dung như nhau: **Đại Đạo** là **Đạo**, và ngược lại, **Đạo** là **Đại Đạo**. Sự đồng nhất hoàn toàn giữa hai phạm trù này được Đức Di Lạc Thiên Tôn xác nhận:

*"**Đạo** dựng nên Đất Trời. Trời Đất do Đạo [mà] hóa sanh vạn vật. Vạn vật cũng do Đạo [mà] tiến hóa không ngừng. Vì vậy cho nên trong vạn vật đều có Đất Trời, tức là có Đạo vậy. Từ loài khoáng sản đến côn trùng, thảo mộc, thú cầm, và nhơn loại đều chịu định luật chung của Đạo. Vì vậy, Đạo hết sức rộng lớn, mà cũng vô cùng tế vi. Không thể tựa vào thể, dụng để luận Đạo, cũng không thể tựa vào thời gian, không gian để đo cái Đạo; thế nên, Lão Tử gượng đặt cho là **Đại Đạo**."*[1]

Cần lưu ý rằng trong lời dạy của Đức Di Lạc Thiên Tôn, chữ "Đại" trong "Đại Đạo" không chỉ có nghĩa là "lớn", mà có ý nghĩa tổng quát hơn nhiều. Trước hết, chữ "Đại" ở đây được dùng để chỉ sự kết hợp của hai đặc tính trái ngược nhau của "Đạo": "hết sức **rộng lớn**, mà cũng vô cùng **tế vi**", nên chữ "Đại" này vừa có nghĩa là cực lớn, vừa có nghĩa là cực nhỏ! Thứ hai, chữ "Đại" ở đây được dùng để chỉ tính chất không-thể-đo-được trong mọi không gian và thời gian của "Đạo".

Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu cũng có một lời dạy với nội dung tương tự:

"Từ thuở chưa dựng nên Trời Đất, ở trong khoảng không gian có một khối khí thanh, mờ mịt, yên lặng, trống không, mà vẫn vần vần khắp chốn. Trong cái khối ấy có một điểm sáng. Đó là Lý, mà cũng là ngôi Thái Cực. Lý biến hóa âm dương. Âm dương

[1] Đức Di Lạc Thiên Tôn; Trúc Lâm Thiền Điện, Ngọ thời, 02-01 Bính Ngọ (22-01-1966).

*ngưng tụ, tạo thành càn khôn vạn vật. Lão Tử tạm gọi là **Đạo**; vì sự cao siêu mầu nhiệm, biến hóa vô cùng, gượng kêu là **Đại Đạo**."*[1]

Trong lời dạy của Đức Ngôi Hai Giáo Chủ, chữ "Đại" trong "Đại Đạo" cũng không hoàn toàn có nghĩa là "lớn", mà có nghĩa là "cao siêu mầu nhiệm, biến hóa vô cùng".

Cả hai đoạn thánh giáo trên đây cùng đề cập đến cùng một thực thể, là "Đạo", mà những đặc tính căn bản của thực thể này – trong giới hạn mà nhân loại có thể nhận thức được – là:

- *"*hết sức rộng lớn, mà cũng vô cùng tế vi*",*
- *"*không thể tựa vào thể, dụng để luận*", "*không thể tựa vào thời gian, không gian để đo*",*
- "cao siêu mầu nhiệm, biến hóa vô cùng".

Những đặc tính căn bản vừa nêu được tạm gói gọn trong một tính từ: "Đại". Như vậy, Đại Đạo là cái Đạo "cao siêu mầu nhiệm, biến hóa vô cùng", *"*hết sức rộng lớn, mà cũng vô cùng tế vi*", "*không thể tựa vào thể, dụng để luận*", "*không thể tựa vào thời gian, không gian để đo*".*[2]

Ngoài ra, theo cách dụng ngữ của thánh giáo Cao Đài, "Đại Đạo" còn được gọi là "Đạo Cả". Bên cạnh những nghĩa vừa được liệt kê, "Cả" – và do đó, "Đại" – còn có nghĩa là "đầu tiên". Vì vậy "Đạo Cả" hay "Đại Đạo" còn có nghĩa là cái đạo đầu tiên của trời đất, vũ trụ, vạn vật và con người:

"Hành tàng chuyển hóa vô vi,
*Làm nên **Đạo Cả** thiệt thi pháp quyền,*
Nơi Người là lý tự nhiên,
Nơi Trời một khí huyền huyền hư không."[3]

Những gì vừa được nêu ra trên đây là nhằm giải nghĩa cho chữ "Đại" hơn là cho chữ "Đạo". Thế thì "Đạo" là gì? Trong ngữ cảnh đang xét, chữ "Đạo" được dùng để chỉ:

"Con đường duy nhất cho vạn linh sinh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian, và từ thế gian, các con trở lại cùng Thầy."[4]

Ở đây, "Thầy" tức là "Thượng Đế".

Con đường đó có thể được giải thích trong bối cảnh của cơ tiến hóa như sau:

---

[1] Đức Ngôi Hai giáo chủ Ngô Minh Chiêu; Nam Thành Thánh Thất, Tuất thời, 13-02 Bính Ngọ (04-03-1966).
[2] Sở dĩ cần nhấn mạnh nhiều lần như vậy, là để tránh cho độc giả khỏi hiểu theo nghĩa đen rằng "Đại Đạo" là "cái Đạo to lớn" (!) Việc hiểu theo nghĩa đen như vậy tuy không phải là sai, nhưng sẽ bỏ sót mất nhiều nghĩa quan trọng khác của chữ "Đại Đạo".
[3] Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Minh Đức Đạo Nhơn, Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn và Bát Nhã Thiền Sư đồng hiệp điển; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-06 Bính Thìn (11-07-1976).
[4] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 29-12 Bính Ngọ (02-02-1967).

"Đại Đạo là con đường lớn, thẳng tắp từ Thiên thượng đến thiên hạ, từ bến khởi nguyên cho đến hoàn nguyên, mà những ngõ rẽ là những sự luân động theo luật tắc bảo tồn hay đào thải cho những chu kỳ trên Đại Đạo."[1]

Vậy, xét trên quy mô của toàn thể càn khôn vũ trụ, thì ***Đại Đạo*** chính là ***Đạo*** của Thiên Địa và vạn vật. Đây là ý nghĩa tổng quát nhất của phạm trù "Đại Đạo".

3.2. Đại Đạo là bản thể đại đồng của nhân loại

Ta hãy chuyển sang mức độ ý nghĩa kế tiếp của phạm trù "Đại Đạo" (hình 5). Ở mức độ này, Đại Đạo là cái Đạo gắn liền với sự tồn tại của con người và với đời sống xã hội của nhân loại. Cái Đạo ấy là bản thể đại đồng của nhân loại. Ở đây, thuật ngữ "bản thể đại đồng của nhân loại" được dùng để chỉ nhân loại tính, hay yếu tính của nhân loại, nghĩa là cái tạo nên sự đại đồng tự nhiên trong xã hội nhân loại.

Mức độ ý nghĩa này tuy có nội dung hạn hẹp hơn nhiều so với mức độ ý nghĩa thứ nhất nhưng vẫn cho ta thấy tính phổ quát và tính trường cửu của Đạo. Để thấy được tính phổ quát và trường cửu này, ta cần có một cái nhìn xuyên suốt qua mọi cấp độ không-thời gian khác nhau, xuất phát từ phạm vi tín ngưỡng và tôn giáo. Không-thời gian của tôn giáo chỉ là một phần trong không-thời gian của xã hội nhân sinh, vì tôn giáo cũng chỉ là một phần – chứ không là tất cả – của đời sống nhân loại. Đến lượt mình, không-thời gian của nhân sinh lại chỉ là một phần trong không-thời gian của vũ trụ, vì thế giới của chúng ta chỉ là một quả địa cầu nhỏ bé trong vũ trụ. Tiếp theo, không-thời gian của vũ trụ chỉ là một phần trong không-thời gian của càn khôn, vì vũ trụ chỉ là những gì đã được hữu thể hóa của càn khôn vô thể. Thế nhưng Đạo, nguyên lý và bản thể của càn khôn, còn hiện hữu cả trước khi có càn khôn. Và **tác giả duy nhất** của một hệ thống bao gồm tất cả những cơ cấu vừa nêu – từ càn khôn, vũ trụ, cho đến nhân sinh, tôn giáo – chính là Đạo:

"Đạo vẫn ở trong vạn loại, Đạo vẫn có khắp nơi, Đạo vẫn lồng trong mọi sinh hoạt, mọi hình thái. Bất cứ từ một quốc gia nào, một dân tộc nào, một tôn giáo nào, hoặc một hình thức nào, cũng đồng ở trong Bổn Nguyên Trời Đất, tức là Đạo."[2]

[1] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hợi thời, 15-06 Canh Thân (26-07-1980).

[2] Đức Quan Âm Bồ Tát; Thánh Bộ Từ Bi Thông Thiên Học, Tuất thời, 01-04 Đinh Mùi (09-05-1967).

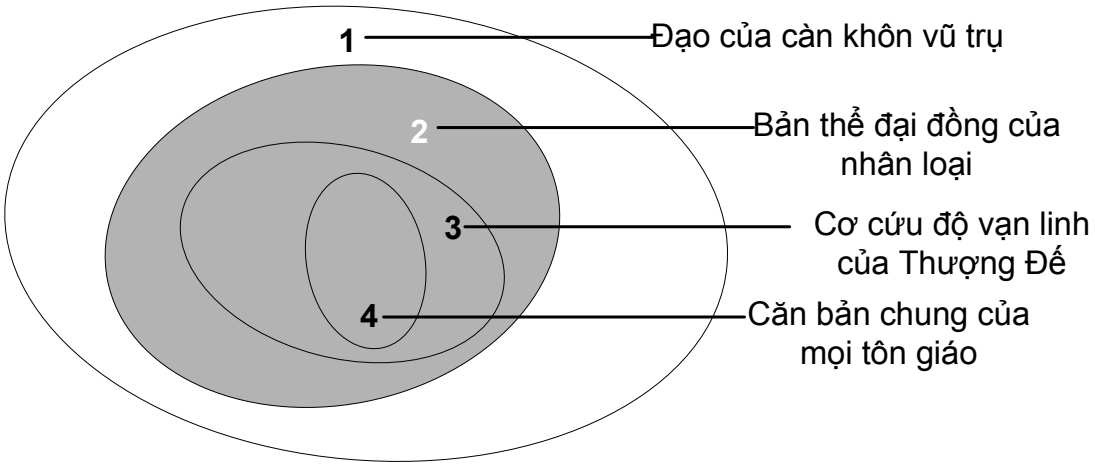

HÌNH 5. MỨC ĐỘ Ý NGHĨA THỨ HAI: ĐẠI ĐẠO LÀ BẢN THỂ ĐẠI ĐỒNG CỦA NHÂN LOẠI.

Đại Đạo hiện hữu một cách phổ quát ở từng cá thể trong chúng sinh. Trạng thái hiện hữu đó được gọi là "Tánh Mạng":

"Thảy nhơn vật trong tình Tạo Hóa,
*Tánh Mạng là **Đạo Cả** dưỡng nuôi…"*[1]

Tuy nhiên, muốn nhận thức được Tánh Mạng ấy, con người không thể tìm kiếm ở vạn vật, mà phải tìm kiếm trong Chơn Tâm của mình. Nên Đức Chí Tôn mới dạy:

*"Sao các con không vun tưới cội lành **Đạo Cả**, nâng niu sang sửa **Chơn Tâm** cho thật tươi nhuận sáng suốt để rồi ngửi lấy đạo vị nhiệm mầu tự lòng con khai phát?"*[2]

Một khi tìm thấy Đạo Cả trong Chơn Tâm của mình, con người sẽ thấy được Thượng Đế tính của vạn vật:

"Kìa nhìn qua tất cả vạn vật, hình thức vẫn khác nhau, danh tánh khác nhau, nhưng tựu chung vẫn có một điểm Đạo. Đó là Thượng Đế Chí Tôn, đó là nhân bản, đó là Thánh, Hiền, Tiên, Phật."[3]

Ở nhân loại, Thượng Đế tính này chính là **nhân bản** hay nhân loại tính (humanitas), là cái làm nên giá trị thiêng liêng của con người. Muốn tồn tại được trong sự chọn lọc của thiên nhiên, nhân loại chẳng những phải bảo tồn mà còn phải phát huy được nhân bản trong mọi phương diện của đời sống, từ vật chất đến tinh thần. Do đó, sự tiến hóa của nhân loại, thực chất là một tiến trình phát huy nhân bản, tức là phát huy được cái Đạo trong đời sống cộng đồng của mình:

---

[1] Đức Thái Thượng Lão Quân; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-02 Kỷ Mùi (12-03-1979).
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Nam Thành Thánh Thất, Tuất thời, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).
[3] Đức Di Lạc Thiên Tôn; Trúc Lâm Thiền Điện, Tý thời, 18-07 Canh Tuất (18-08-1970).

"Nhân bản có sáng chói, con người mới cảm thấy mình là con người."[1]

Khi nhân bản được phát huy, thì Đại Đạo biến thành những giá trị nền tảng của xã hội nhân loại ở mọi quy mô, từ gia đình, dân tộc, quốc gia, tôn giáo, tổ chức đoàn thể, cho đến toàn nhân loại. Những giá trị ấy là gì? Là công bình, chính trực, bác ái, từ bi và đại đồng. Năm giá trị đó là "ngũ hành sơn chống vững lâu đài nhân thế" như lời của Chư Tiền Khai Đại Đạo trong đoạn thánh giáo sau đây:

"Một xã hội thượng nguơn sẽ được xây dựng trên nền tảng của Đại Đạo: công bình, chính trực, bác ái, từ bi, đại đồng. Hỡi ai đang tha thiết với tiền đồ Đại Đạo, hãy dụng thế ngũ hành sơn chống vững lâu đài nhân thế. Trước sau gì cơ tiến hóa của con người cũng đi đến đó."[2]

Do những giá trị nhân bản này, mà từ hàng triệu năm xưa, những con người đầu tiên của nhân loại đã kiến tạo được những nền tảng luân lý, đạo đức, văn minh, văn hóa, văn hiến,… mà nhờ đó, đã hình thành được xã hội loài người ngay trong lòng thế giới sinh vật. Có thể nói rằng những giá trị này đã tạo nên bản vị con người, tức là tạo nên thước đo mức độ người, thước đo tính chất **Người** của mỗi cá nhân trong nhân loại chúng ta.

3.3. Đại Đạo là cơ cứu độ vạn linh của Thượng Đế

Tiếp theo, ta đi đến một mức độ ý nghĩa khác của phạm trù "Đại Đạo", mà ở mức độ này, Đạo là cơ cứu độ vạn linh của Thượng Đế (hình 6). Mức độ này có liên quan đến mọi lĩnh vực tạo nên đời sống văn minh của nhân loại hơn là chỉ liên quan trực tiếp đến tôn giáo. Mức độ này hàm ngụ mọi lĩnh vực nhân sinh, nhân trí cũng như nhân đức, ví dụ: kinh tế, chính trị, khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật, và dĩ nhiên không thể không có tôn giáo.

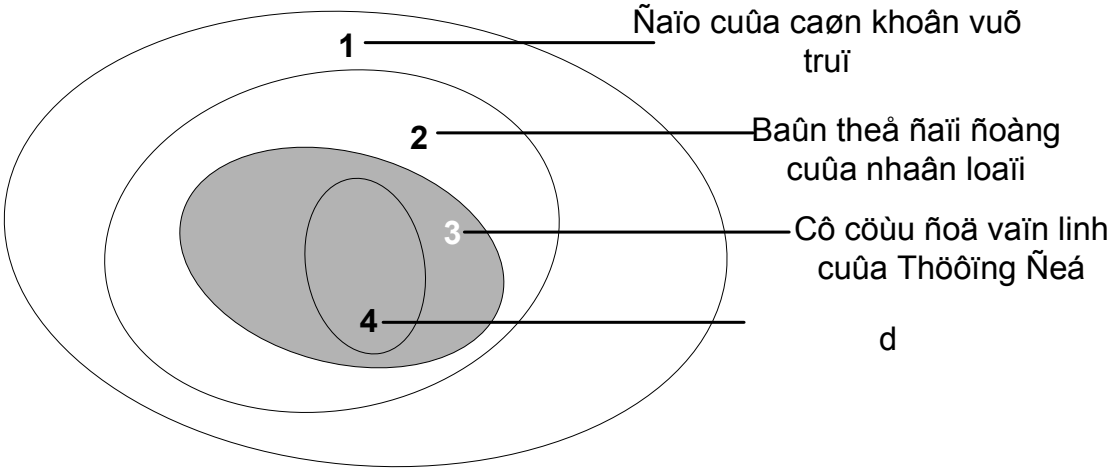

[1] Ibid.
[2] Chư Tiền Khai Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 14-02 Giáp Dần (07-03-1974).

HÌNH 6. MỨC ĐỘ Ý NGHĨA THỨ BA: ĐẠI ĐẠO LÀ C□ CỨU ĐỘ VẠN LINH CỦA TH□ỢNG ĐẾ.

Đạo là cơ cứu độ vạn linh, do Thượng Đế trực tiếp vận hành, chẳng những để giúp cho nhân loại tránh khỏi luân hồi chuyển kiếp, mà còn để giúp cho những **nguyên căn** (Phật, Tiên, Thánh, Thần) đọa trần được phục hồi nguyên vị. Trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế có dạy:

"Đạo là gì? Sao gọi là Đạo? Đạo tức là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đọa trần do theo mà hồi cựu vị. Đạo là đường của các nhơn phẩm, do theo mà lánh khỏi luân hồi. Nếu chẳng phải do theo Đạo, thì các bậc ấy đều lạc bước mà mất hết ngôi phẩm."[1]

Trong tất cả những ý nghĩa của phạm trù **Đạo** hay **Đại Đạo**, thì ý nghĩa **cứu độ** là ý nghĩa thiết thực và gần gũi nhất đối với nhân loại. Bởi vậy, tiếp theo lời dạy trên đây, Đức Thượng Đế đã nhấn mạnh rằng, muốn hiểu được chích xác những ý nghĩa cao siêu huyền bí khác của Đạo, thì trước hết, con người nhất thiết phải hiểu rõ ý nghĩa cứu độ:

"Đạo, nghĩa lý rất sâu xa, nhưng phải hiểu trước bao nhiêu đó, rồi mới học các nghĩa huyền bí khác cho đích xác đặng."[2]

Mặc dù Đạo vẫn là một tiềm thể sẵn có trong mọi vật mọi loài, kể cả trong xã hội loài người, nhưng tiềm thể ấy không tự nhiên biến thành hiện thể, mà phải được kích hoạt bởi một quyền năng mang chủ thể tính. Quyền năng ấy chỉ có thể là con người hoặc Thượng Đế. Nếu con người từ thời đại này qua thời đại khác luôn luôn biết duy trì quyền năng ấy, tức là quyền năng làm cho Đạo từ tiềm thể nơi nội tâm của chính mình bộc lộ thành hiện thể ở đời sống xã hội, thì thế gian sẽ là thiên đàng, và tôn giáo sẽ không bao giờ cần phải xuất hiện (bởi lẽ trong tình huống đó con người sẽ không có một nhu cầu nào về tôn giáo). Tuy nhiên, trên thực tế, con người đã tự đánh mất quyền năng đó. Tôn giáo đã xuất hiện như một hình thái của Đạo trong hiện thể để giải quyết những gì mà trước đây con người đã từng giải quyết bằng cái quyền năng chủ thể tính của mình. Mỗi tôn giáo, vì vậy, đều là một biểu tượng của Đạo. Và những biểu tượng này không thể tự nhiên mà hiện hữu. Chúng được tạo lập bởi một quyền năng siêu nhiên, một quyền năng không sẵn có trong các cộng đồng xã hội nhân loại (vì hầu hết nhân loại đã đánh mất quyền năng ấy). Quyền năng siêu nhiên đó xuất phát từ một Đấng Thượng Đế duy nhất của càn khôn vũ trụ. Bản thân Đấng Thượng Đế ấy là Đạo, là Đại Đạo, là Tạo Hóa, là tác giả duy nhất của hệ thống mà ta đã đề cập ở trên. Trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", Đức Thượng Đế dạy rằng chính Ngài đã giáng sinh vào trần thế để khai mở các tôn giáo mà dìu dắt chúng sinh:

"Thầy – là bậc Chí Tôn và các địa vị Chơn Phật xưa – nhiều lúc phải xuất Chơn linh, để mình vào trần thế, đặng dìu dắt chúng sanh; nếu chẳng nhờ lấy công ấy, thì ngày nay đâu có tên tuổi của nhiều tôn giáo mà cả nhơn sanh chia ra sùng bái."[1]

---

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Chùa Gò Kén (Tây Ninh), Bính Dần 1926; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.2), tr.3.
[2] Ibid.

Vũ trụ và vạn vật không tự nhiên mà có, nhưng phải do Thượng Đế hóa sinh. Nhân loại và các xã hội nhân sinh cũng không tự nhiên mà có, nhưng phải do Thượng Đế sáng tạo. Tín ngưỡng và tôn giáo cũng không tự nhiên mà có, nhưng phải do Thượng Đế khai minh. Tất cả mọi cấu thể như vừa nêu đều không tự nhiên mà có, nhưng được Thượng Đế tạo hóa để tiến hóa. Và riêng trong sự tiến hóa của nhân loại, sự khai minh các tín ngưỡng và tôn giáo của Thượng Đế là một trong những phương cách để bảo tồn nhân loại, tùy theo căn trí của các chủng tộc ở những khu vực địa lý khác nhau:

"Tạo Hóa đã sanh muôn loài, vạn vật thì Tạo Hóa cũng cung cấp mọi nhu cầu cho vạn vật để phát triển bảo tồn. Nhưng sự cung cấp cho nhu cầy ấy cũng tùy theo trường hợp, tùy theo đặc tính của mỗi vật, của mỗi căn trí. (…) Còn Đạo cũng thế, vì muốn độ đời, nên Chí Tôn Thượng Đế mở đạo cho lồng vào những thể tướng của các tôn giáo khác nhau."[2]

Phương cách đó đã đóng một vai trò quan trọng trong việc đánh thức nhân bản tính, đưa nhân loại từ địa vị của thú cầm tiến lên địa vị của con người văn minh. Bởi vậy, việc **mở đạo**, nghĩa là khai sinh các tín ngưỡng hoặc tôn giáo trên thế giới, được giáo lý Đại Đạo xác nhận là một phần trong **cơ cứu độ** của Đức Thượng Đế. Quyền năng Thượng Đế đã từng đến với nhân loại trong những không-thời gian khác nhau cụ thể trong lịch sử, làm cho Đạo từ tiềm thể biến thành hiện thể, tạo lập những biểu tượng – tôn giáo khác nhau. Rồi thông qua các tôn giáo khác nhau, quyền năng đó cũng triển khai cùng một nguồn đạo lý thành những hệ thống giáo lý khác nhau bằng những ngôn ngữ khác nhau:

"Đạo là một con đường sâu rộng của càn khôn vũ trụ, của vạn vật sanh linh, chẳng riêng một ngôi thứ nào; nhưng phải tùy thời [mà] đặt danh từ để lập Đạo."[3]

Sự khác nhau đó – tự nó – chỉ tạo nên tính đa dạng, phong phú, giàu có về văn hóa cho nhân loại, chứ không không đặt tiền đề cho sự chia rẽ, tranh chấp, kỳ thị trong nhân loại.

Trong thánh ngôn, thánh giáo Cao Đài, **cơ cứu độ do Thượng Đế vận hành** chính là **Đại Đạo**, và để nhấn mạnh đến sự vận hành của Thượng Đế, khái niệm "Đại Đạo" còn được gọi bằng một danh từ thuần Việt khác là "Đạo Trời". Trong lịch sử nhân loại, cơ cứu độ ấy không thuộc về một tôn giáo đặc biệt nào, nghĩa là không có một tôn giáo nào được ban trao độc quyền nắm giữ cơ cứu độ. Trong sự vận hành của Đức Thượng Đế vô hình, thông qua các bậc giáo tổ mang xác thân con người của từng tôn giáo, thì tất cả mọi tôn giáo đều cùng là những "bộ phận", những "cơ quan" khác nhau của cùng một guồng máy cứu độ duy nhất. Những cơ quan cứu độ ấy được sáng lập vào những không-thời gian lịch sử khác nhau để chuyển vận tác năng cứu độ đến với mọi dân tộc trên thế giới.

Để chứng minh cho điều này, ta hãy phân tích lời dạy sau đây của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

---

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 16-4-1928; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.2), tr.52.
[2] Đức Ngô Minh Chiêu Đại Tiên; Tây Thành Thánh Thất, Tuất thời, 27-09 Giáp Dần (10-11-1974).
[3] Đức Vô Cực Từ Tôn; Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), Tuất thời, 15-06 Ất Tỵ (13-07-1965).

"Từ xưa, thời kỳ thượng nguơn, nhơn loại trình độ còn hồn nhiên mộc mạc, chất phác, sự tiến hóa của các giống dân không đồng nhứt. Mỗi lần Thượng Đế đến mở đạo cho một giống dân nào, cũng phải tùy theo trình độ cùng phong tục tập quán của giống dân đó. Thử so sánh phong tục một giống dân này và phong tục của giống dân khác; đương nhiên khác biệt. Do đó, người đọc kinh điển không nhìn thấy yếu lý căn bản của ***Đạo Trời*** *mà chỉ thấy sự dị biệt giữa hai phong tục mà thôi.*

Một ví dụ, như một ngọn đèn dầu, bao quanh bên ngoài là một ống khói ghép lại bởi muôn ngàn mảnh kiếng màu sắc. Mắt phàm bên ngoài trông vào tưởng ngọn đèn ấy muôn màu; nào hay đâu, khi dở toang ống khói lên, ngọn đèn dầu vẫn một màu không thay đổi."[1]

Hãy xác định ý nghĩa của chữ "Đạo Trời" trong đoạn thánh giáo trên đây. "Đạo Trời" – cái Đạo mà theo đoạn thánh giáo, vốn đã từng được Thượng Đế khai mở cho nhiều dân tộc, kể từ thời thượng nguơn – là gì? Đó có phải là một tôn giáo cụ thể không? Ở đây, có hai khả năng trả lời:

- Nếu trả lời "Không" (nghĩa là, Đạo Trời không là một tôn giáo cụ thể), ta buộc phải thừa nhận rằng **Đạo Trời** là **căn bản chung của mọi tôn giáo**, bởi vì "khi dở toang ống khói lên, ngọn đèn dầu vẫn một màu không thay đổi."
- Còn nếu trả lời "Có" hay "Phải" (nghĩa là, Đạo Trời là một tôn giáo cụ thể), ta đã mặc nhiên nhìn nhận rằng **Đạo Trời** nơi mỗi tôn giáo cụ thể chính là **cơ cứu thế của Thượng Đế**, hiện diện qua tôn giáo cụ thể ấy.

Như vậy, dù nói rằng **Đạo Trời** là-tôn-giáo hay không-là-tôn-giáo, ta vẫn phải nhìn nhận rằng **Đạo Trời** là **Đại Đạo**, theo nghĩa là cơ cứu thế của Thượng Đế và cũng là căn bản chung của tất cả mọi tôn giáo trên thế giới.

Đoạn thánh giáo trên cũng cho ta hiểu rằng: đạo nào do Thượng Đế khai mở, đạo đó đương nhiên là "Đạo Trời" ngay từ nền tảng của chính mình, và đương nhiên chứa đựng đầy đủ "yếu lý căn bản của Đạo Trời" trong giáo lý của chính mình. Giáo lý ấy tất phải là một hệ tư tưởng nhân bản, mà khi được phổ thông, sẽ mang hạnh phúc đến cho nhân loại:

*"****Giáo lý Đạo Trời*** *cốt đem lại những gì hạnh phúc cho vạn loại, cho tất cả mọi tầng lớp chúng sanh, không riêng cho lớp người nào, cho tôn giáo nào, cho phe phái nào (...). Còn sự phổ thông* ***giáo lý Đại Đạo*** *cũng không dành riêng cho lớp người nào; ai cũng có thể làm được, miễn là hiểu được đường lối, mục đích và chủ trương cao cả của nó."*[2]

Những phân tích vừa rồi cho thấy tính *duy nhất* của Đại Đạo. **Đại Đạo là cơ cứu độ** do Thượng Đế khai mở qua từng thời kỳ lịch sử để dẫn dắt nhân loại tiến hóa; **cơ cứu độ** đó là **duy nhất** mặc dù ở mỗi thời kỳ phổ độ đã được Thượng Đế *hình tướng hóa* theo những mức độ khác nhau thành những tín ngưỡng hoặc tôn giáo khác nhau.

---

[1] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Ngọc Minh Đài, 15-01 Canh Thìn (23-02-1967).
[2] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-07 Đinh Mùi (20-08-1967).

Một khi đã hiểu được ý nghĩa này của chữ "Đạo Trời" trong giáo lý Đại Đạo, chúng ta có thể hiểu được nhiều ý nghĩa sâu kín trong các thánh giáo Cao Đài khi các Đấng Thiêng Liêng đề cập đến Đạo Trời. Ví dụ, trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", Đức Thượng Đế có dạy:

*"**Đạo Trời khai ba lượt**, nguồn Thánh độ muôn người."*[1]

Câu thánh ngôn này nói về công năng cứu độ của Đại Đạo: Đã được khai mở qua ba thời kỳ phổ độ, Đại Đạo – tức là "Đạo Trời" và "nguồn Thánh" trong câu thánh giáo trên đây – đã dẫn dắt được rất nhiều người tiến lên những phẩm vị cao hơn trong cơ tiến hóa. Sự **dẫn dắt** đó chính là **cứu độ**. Vì Đại Đạo là vô hình, nên muốn cứu độ nhân loại như vậy, Thượng Đế phải lập ra những hình thức giáo hóa phù hợp với những căn trí khác biệt nhau trong nhân loại. Những hình thức giáo hóa ấy chính là các tôn giáo.

Đức Lý Giáo Tông đã dạy:

"Đạo là cơ an bang tế thế,
Đạo là thuyền vượt bể trầm luân;
Đạo là ánh sáng tưng bừng,
Đạo là đường rộng Nguyên Nhân đi về."[2]

Những lời dạy này có thể được xem như một sự tóm lược về nội dung của Đại Đạo ở mức độ ý nghĩa đang xét. Câu thơ thứ nhất, "Đạo là cơ an bang tế thế", nói rằng nếu biết sử dụng những gì Thượng Đế dạy cho con người từ xưa đến nay qua kinh điển các tôn giáo và qua các thành tựu văn hóa, giáo dục, khoa học, kỹ thuật,… của nhân loại, thì bất cứ nhà lãnh đạo quốc gia nào cũng có thể đạt được thành công trong việc an bang tế thế, làm cho dân giàu nước mạnh. Câu thơ thứ hai, "Đạo là thuyền vượt bể trầm luân", nói rằng không chỉ trên phương diện thế đạo (như ở câu thơ thứ nhất), mà trên phương diện thiên đạo bất cứ ai cũng có thể tự giải thoát lấy mình ra khỏi luân hồi sinh tử nếu biết tu học theo chánh pháp trong các tôn giáo. Hai câu thơ còn lại nhấn mạnh rằng Đại Đạo là con đường cứu độ vạn linh của Thượng Đế, và các Đấng Thiêng Liêng cũng nhờ con đường này mà nhiều lần giáng sinh xuống thế gian để cứu độ nhân loại. Chữ "Nguyên Nhân" trong câu thơ cuối là một thuật ngữ đặc biệt của giáo lý Tam Kỳ Phổ Độ để chỉ những con người vốn là những Đấng Thiêng Liêng giáng thế để thực hiện cơ cứu độ[3].

Chúng ta đang đứng ở mức độ ý nghĩa mà phạm trù "Đại Đạo" được hiểu như là cơ cứu độ vạn linh của Thượng Đế. Ở mức độ này, Đại Đạo có liên quan đến mọi lĩnh vực tạo nên đời sống văn minh của nhân loại, và do đó, không có ranh giới giữa "đạo" (lĩnh vực tôn giáo) và "đời" (các lĩnh vực không phải tôn giáo). Thế thì liệu tôn giáo có chiếm một vị trí đặc biệt nào không trong số các mức độ ý nghĩa của phạm trù "Đại Đạo"? Câu trả lời là có. Chính sự cứu độ được đề cập ở mục này là yếu tố căn bản chung cho các tôn giáo trên thế giới.

---

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 19-01 Đinh Mão (20-02-1927); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.2), tr.28.
[2] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 15-03 Nhâm Dần (18-04-1962).
[3] Xem thêm chi tiết trong quyển "Triết Học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" trong bộ "Giáo Lý Đại Toàn" này.

3.4. Đại Đạo là căn bản chung của mọi tôn giáo

Ở mức độ cuối cùng trong bốn mức độ mà ta đang xét, Đại Đạo là căn bản chung của mọi tôn giáo (hình 7).

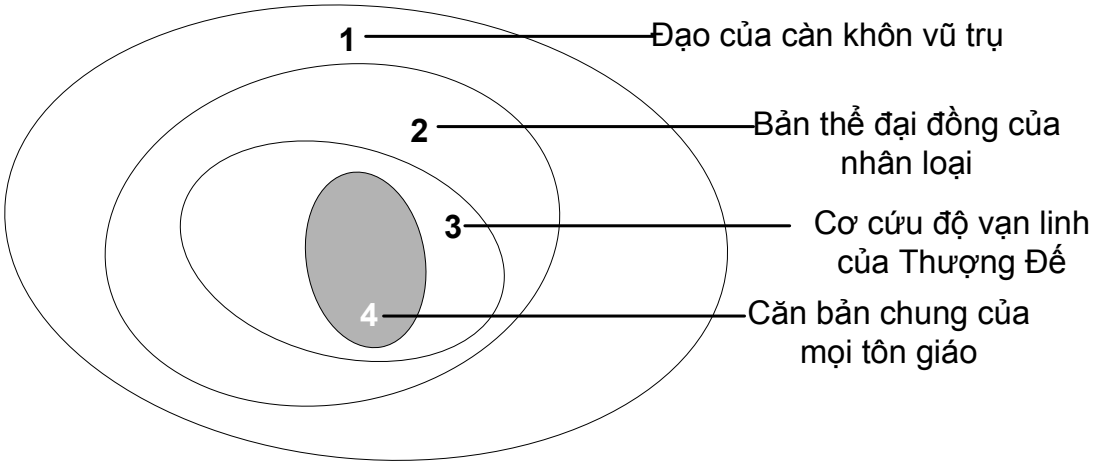

HÌNH 7. MỨC ĐỘ Ý NGHĨA THỨ T□: ĐẠI ĐẠO LÀ CĂN BẢN CHUNG CỦA MỌI TÔN GIÁO.

Mọi hình thái sinh hoạt trong nhân sinh, nếu xét về tận nguồn cội của chúng, đều được đặt trên **nhân bản**. Nhân bản là căn bản của nhân loại tính, là nền tảng mang tính chất Đại Đạo trong lòng con người. Do đó, với tư cách là một hình thái sinh hoạt đặc trưng cho tinh thần nhân loại, mọi tôn giáo cũng đều có một căn bản chung, căn bản ấy là **Đại Đạo**.

Đạo vốn là chân lý chung mà tất cả tôn giáo từ xưa đến nay đều đã và đang đề cập đến trong giáo lý của mình, dù đề cập đến ở những mức độ khác nhau, bằng những cách thức và ngôn ngữ khác nhau:

*"Không một tôn giáo nào không đề cập đến nghĩa lý uyên thâm, chí linh, chí diệu của chữ **Đạo**."*[1]

Chẳng những vậy, mọi tôn giáo đều đã xiển dương chân lý Đạo, xây dựng đời sống nhân bản ở những mức độ và phương diện khác nhau trong thế giới nhân sinh, và đưa con người đến cùng một cứu cánh là đạt được những ngôi vị bất tử – Thần, Thánh, Tiên, Phật – trong càn khôn vũ trụ.

[1] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-01 Ất Mão (25-02-1975).

"Đạo trong trời, đất, trong muôn vật;
Đạo cũng ta, người, cũng Phật Tiên."[1]

Đạo là linh hồn, là sức sống trường cửu của mọi tôn giáo. Còn tôn giáo là cánh cửa để mở ra cho nhân loại bước vào tòa nhà Đạo, là phương tiện để nhân loại tìm đến và đạt được Đạo. Sứ mạng của mỗi tôn giáo là phải mang sức sống Đại Đạo, ánh sáng Đại Đạo, giá trị Đại Đạo vào thế gian để hoàn thiện hóa đời sống nhân loại. Sứ mạng này khiến cho tôn giáo không thể tồn tại nếu tách rời Đại Đạo.

Cho đến đây, chúng ta đã đi qua cả bốn mức độ ý nghĩa khác biệt nhau của cùng một phạm trù "Đại Đạo" trong ngữ cảnh có-liên-quan-đến-tôn-giáo. Bất chấp những chi tiết khác biệt, bốn mức độ ý nghĩa này hoàn toàn nhất quán với nhau, với lý do rất đơn giản là chúng đều thuộc về "Đạo của càn khôn vũ trụ". Chẳng hạn, khi nói rằng "Đại Đạo là cơ cứu độ vạn linh", chúng ta đang sử dụng mức độ ý nghĩa thứ ba của phạm trù "Đại Đạo" trên thang nội hàm vừa nêu; mức độ ý nghĩa đó mặc dù khác biệt nhưng không mâu thuẫn mà nhất quán với mức độ ý nghĩa thứ nhất, "Đại Đạo là Đạo của càn khôn vũ trụ", vì cả hai đều có liên quan đến *"con đường duy nhất cho vạn linh sinh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian, và từ thế gian, các con trở lại cùng Thầy."*[2]

Quyển sách này, với những lập luận vừa được trình bày, hoàn toàn không hàm ngụ rằng *không được* phân biệt giữa "Đạo" và "Đại Đạo", mà cũng không chủ trương rằng *cần phải* phân biệt giữa "Đạo" và "Đại Đạo". Nó chỉ hệ thống hóa nội dung của thuật ngữ "Đại Đạo" theo thánh ngôn, thánh giáo Cao Đài khi đặt thuật ngữ này vào những không gian và thời gian khác nhau, kể từ khi chưa có nhân loại cho đến khi đã có nhân loại và rồi có tôn giáo. Dĩ nhiên, lối hệ thống hóa này đã mang một chủ định, trong đó, nội dung của phạm trù "Đại Đạo" phải được phân tích theo viễn tượng tôn giáo. Việc hệ thống hóa nội dung của chữ "Đại Đạo" như vậy đã dẫn đến một kết quả quan trọng: mọi cách dùng từ "Đại Đạo" trong thánh ngôn, thánh giáo nếu được xét theo viễn tượng tôn giáo đều không nằm ngoài hệ thống nội dung này. Và do đó, trong toàn quyển sách này, chữ "Đại Đạo" hoàn toàn có thể được sử dụng theo những mức độ ý nghĩa khác nhau, tùy trường hợp, miễn là nó đừng vượt ra khỏi hệ thống bốn mức độ ý nghĩa đã được nêu trên.

Hướng tiếp cận này cho chúng ta thấy tính đại đồng của các tôn giáo. Bởi vì Đạo trong mỗi tôn giáo đều chính là bản thể Đạo duy nhất trong càn khôn vũ trụ, vạn vật và con người, nên tất cả các tôn giáo trên thế giới chẳng phải cái gì khác hơn là những biểu hiện khác nhau của một Đại Đạo duy nhất. Nói khác đi, mọi tôn giáo xét về bản chất chỉ là một. Và vì cùng là một, các tôn giáo rất cần phải thông cảm, chia sẻ, hiểu biết lẫn nhau để cùng bắt tay nhau trong sứ mạng chung của mình, hầu cứu độ toàn nhân loại.

[1] Đức Quan Âm Bồ Tát; Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), Tuất Thời, 28-07 Giáp Dần (14-09-1974).
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 29-12 Bính Ngọ (02-02-1967).

4. TÔN GIÁO

Tôn giáo (religion [Eng]) là một hiện thể của Đại Đạo. Hiện thể ấy là một sự hình thể hóa Đại Đạo thành những phương cách giáo hóa nhân loại trong những không-thời gian nhân chủng, địa lý, và văn hóa cụ thể. Theo quan niệm này, tôn giáo được đặc trưng bởi ba phương diện Thể – Tướng – Dụng như sẽ được trình bày dưới đây.

4.1. Thể – Tướng – Dụng của tôn giáo

4.1.1. Thể của tôn giáo

"Thể của tôn giáo" là khái niệm được dùng để chỉ **chân truyền Đại Đạo** của tôn giáo. "Chân truyền" của một tôn giáo là những gì được vị giáo tổ của tôn giáo ấy truyền dạy, trong đó có đạo lý hay chân lý Đại Đạo ("chân") mà các bậc giáo tổ của tôn giáo ấy đã chứng nghiệm và truyền bá ("truyền") cho nhân loại. Nói cách khác, chân truyền – bao gồm những gì thuộc về tinh hoa của một tôn giáo – là cái được vị giáo tổ truyền trao cho những người kế tục đạo nghiệp của mình, và tiếp tục được truyền trao từ đời này sang đời khác. Chính cái được gọi là chân truyền này là cái làm nên và duy trì sức sống của tôn giáo. Và chân truyền của bất kỳ tôn giáo nào cũng mang một nội dung duy nhất, là Đạo, hay Đại Đạo.

"Từ thời xưa, trải qua nhiều thế hệ tang thương mà tôn giáo là một cái cửa rộng để đưa nhơn loại đến con đường Đạo; [và] Đạo là một nẻo quang minh xán lạn để chúng sanh lần theo thoát nơi khổ hải. (…) Bao nhiêu kinh sám luận bàn [để] vạch lối đưa đường cho sanh chúng hay luận bàn cơ siêu việt vô hình cũng chỉ trong vòng Đạo."[1]

Theo đoạn thánh giáo trên đây, chân truyền của các tôn giáo – mà ta có thể tìm thấy qua những kinh sách căn bản của mỗi tôn giáo ("kinh sám") – đều giúp cho loài người tiến đến chỗ đạo đức, thoát khỏi những khổ đau ở thế gian. Những trình độ đạo đức mà mỗi tôn giáo dẫn dắt nhân loại đi tới có thể khác nhau[2], nhưng đều nằm trong phạm vi của Đạo. Như vậy, giáo lý của mọi tôn giáo đều chứa đựng hoặc phản ảnh đạo lý, và do đó, đều có nội dung chung là Đại Đạo.

Đức Di Lạc Thiên Tôn đã từng dạy các môn đồ trong Tam Kỳ Phổ Độ:

"Hỡi môn đồ! Chơn tông vạn giáo,
Đều ở trong cái Đạo hư vô,
Có câu: Nhứt bổn vạn thù[3],
Một ra muôn trạng diễn phô pháp quyền."[4]

Theo lời dạy này, chơn tông hay là chân truyền của các tôn giáo trên thế giới đều thuộc về "cái Đạo hư vô"; và "cái Đạo hư vô" ấy không phải cái gì khác hơn là Đại Đạo.

---

[1] Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 01-10 Tân Sửu (07-11-1961).
[2] Điều này sẽ được trình bày chi tiết hơn ở chương sau, khi nói về Ngũ Chi Đại Đạo.
[3] "Nhứt bổn": một gốc. "Vạn thù": nhiều cái đặc biệt, nhiều sự khác biệt. "Nhứt bổn vạn thù": từ một gốc mà phát sinh nhiều nhánh khác biệt nhau.
[4] Đức Di Lạc Thiên Tôn; Trúc Lâm Thiền Điện, Tý thời, 18-07 Canh Tuất (18-08-1970).

"Cái Đạo hư vô" ấy liên hệ với tôn giáo như thế nào? Liên hệ thông qua con người tôn giáo, cụ thể là qua cách sống, cách hành xử của mỗi cá nhân và cộng đồng con người tôn giáo trong cuộc đời. Nhờ con người mà Đại Đạo hư vô trong càn khôn vũ trụ được hiện thực hóa, hay nói khác đi, được hoằng khai. Tuy Đại Đạo chỉ có một, nhưng cách sống và cách hành xử của con người thì đa dạng vì luôn phụ thuộc vào bản sắc văn hóa của từng địa phương và từng thời đại; nên việc hoằng khai Đại Đạo sẽ dẫn đến những hình thức tôn giáo đa dạng. Do đó mà "có câu: Nhứt bổn vạn thù"; ở đây "nhứt bổn" chính là Đại Đạo, còn "vạn thù" là những tôn giáo khác nhau. Sự đa dạng của các tôn giáo chẳng qua chỉ là một hệ quả của việc hoằng khai Đại Đạo, của việc phổ diễn quyền pháp cứu thế của một Đại Đạo duy nhất. Thế nên, Đức Đông Phương Chưởng Quản đã dạy người tín đồ Đại Đạo:

"Đạo là Lý hư vô bàng bạc trong không-thời gian và tất cả, thì tất cả đều hấp thụ sự sinh tồn bởi Đạo – cái Đạo vĩ đại vô cùng vô tận không kể xiết được.

Muốn hoằng khai cho thiên hạ biết được Đạo, phải qua trung gian của thiên hạ, tức là con người, là chư Thiên mạng có trọng trách thế Thiên hành đạo.

Thế Thiên hành đạo không phải chỉ ở hàng chức sắc chức vụ phẩm vị cao, mà bất cứ ai có tâm thành vì đạo, có nhận thức đạt được Lý Đạo, đều có thể hoằng khai với bất cứ hình thức nào.

Đối với mình, không hủy hoại tinh thần hay thể xác bằng những vật dục sở tế, khí bẩm sở câu, cũng là đúng theo Đạo. Đối với gia đình, xử cho ra vẻ vai trò của mình trong địa vị, cũng là đúng theo Đạo. Đối với xã hội nhơn quần, đều lấy lòng nhân trung nghĩa mà xử thế tiếp vật, không gây thù chác oán, chỉ đem tình thương của con người chính danh[1] ban rải cho con người; đó cũng là tuân theo Đạo. Và hơn nữa là đem chơn truyền pháp nhiệm của Đấng Cha Lành gieo rải cho toàn cả sanh linh tiếp nhận, hầu trở về lẽ sống tự nhiên của nhân bản, của Chơn Như Phật Thể; ấy cũng là Đạo.

Hễ nói đến Đạo, thì nói đến cái tiết điệu hoạt động của Đạo như thế nào? Đấng Tạo Hóa sanh thành vạn vật bởi cái Đạo bao trùm, nên Ngài dưỡng dục quần sinh rất đầy đủ mà rất tự nhiên, không ai hay biết để tán thưởng ca tụng Ngài. Như mặt trời, mặt trăng giúp vạn vật sống còn theo định luật tự nhiên, mà mặt trời có bao giờ nói mình đã làm gì đâu? Có bảo thiên hạ vạn vật khen ngợi mình đâu? Dòng nước từ biển cả cứ chảy luân lưu vào những sông ngòi suối lạch, chỗ nào trũng thấp không có nước, tức thì nước cứ êm đềm chảy đến đó cho đầy đủ mới thôi. Có bao giờ nước lại ham chảy lên gò lên chỗ cao tột đâu? Tất cả những tác vi điển hình trên đều là hành động của Đạo.

[1] "Con người chính danh" (hay "con người đúng nghĩa"): một khái niệm của giáo lý Cao Đài, được dùng để chỉ những ai mang danh "Con Người" mà có đầy đủ những phẩm chất "Con Người". Sở dĩ cần phải đưa vào khái niệm này vì trên thực tế của thời hạ nguơn mạt kiếp có những kẻ tuy mang hình thức của một con người nhưng lại mất hết nhân tính; đó là những con người không chính danh. Đối lập lại với "con người không chính danh" là "con người chính danh".

Là người tín đồ Đại Đạo của Trời, phải noi theo hành động của Trời mà làm theo. Khi làm được, tức thị đã thể hiện, đã hoằng khai được Đạo vậy."[1]

Mỗi tôn giáo đều là một cấu thể của xã hội nhân loại – tức một cộng đồng xã hội "nhỏ" cấu tạo nên xã hội "lớn" là nhân loại – được thành lập nhằm hoằng khai Đại Đạo để phổ độ chúng sinh. Những cấu thể này được kiến thiết trên một nền tảng chung, là nhân bản, hay là căn bản Đại Đạo. Nền tảng ấy, căn bản ấy nằm ở đâu? Nằm ở **Tâm** của con người. Đức Đông Phương Chưởng Quản đã từng dạy:

*"**Ngoài Tâm, không có Đạo**. Ngoài Tâm, không có Phật, Tiên chi cả. Tâm là chủ sử muôn loài vạn vật. Không cầu Tâm mà cầu Đạo, phỏng có được Đạo không? Không cầu Tâm mà cầu Tiên Phật, phỏng có được thành không? Không cầu **chủ sử**[2] mà muốn trong an ngoài trị, thật là việc hết sức sai lầm. Đến những hàng thánh nhân, quân tử, trượng phu, đều phải tồn tâm dưỡng tánh. Thiên Địa vạn vật, tất cả đều do Tâm."*[3]

Bởi vì căn bản Đại Đạo nằm ở nội tâm của chủ thể của mỗi cá nhân con người, chứ không nằm ở những ngoại vật khách thể, nên các tôn giáo đều dạy mỗi con người phải hướng nội để tìm thấy cái Tâm tự tại, tức là cái Đạo nội tại của chính mình. Phật giáo dạy con người tìm lại **Chơn Tâm**, Tiên giáo dạy con người khôi phục **Xích Tử Chi Tâm**, Nho giáo dạy con người sống với **Thiên Tâm**, Thiên Chúa giáo dạy con người tìm về **Thánh Tâm**. Và những tôn giáo khác nữa: mỗi tôn giáo, dĩ nhiên, có thể gọi yếu tố Đạo nội tại ấy bằng những danh từ khác nhau, nhưng đều cùng một mục đích là đánh thức cái chủ thể của mỗi con người, mà nhờ chủ thể ấy, con người mới trở thành con người đúng nghĩa trong Thiên Địa vạn vật.

*"**Muốn cầu Đạo, phải cầu tâm**. Có tâm, mới có một hai, chánh tà, thiện ác; còn Đạo thì bàng bạc vô tư. Phải dụng tâm chuyên nhứt mới hiểu được Đạo, vận hành đúng Đạo, và đạt đến chỗ vô dục, vô niệm để bảo Trung thủ Nhứt, quy Trung quán Nhứt mà thể nhập Huỳnh Khung[4]. Dầu xưa hay nay, các hàng Giáo tổ, các bậc chơn tu, cũng do con đường đó mà đạt Đạo."*[5]

Những yếu tố thuộc về phần **Thể** của một tôn giáo đều là những yếu tố đòi hỏi con người phải sử dụng đến Tâm của mình để nhận thức và thực hành. Nhiều nhà tôn giáo học đã ít nhiều nhận ra được điều này. Durkheim[6] đã từng định nghĩa: "Tôn giáo là một hệ thống có tính chất gắn bó của những **niềm tin** và những thực hành liên quan đến

---

[1] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Trúc Lâm Thiền Điện, Tý thời, 18-07 Canh Tuất (18-08-1970)

[2] Chữ "chủ sử" ở đây được dùng để chỉ khả năng của Tâm trong việc chủ động điều khiển và quản lý thế giới bên trong của mỗi cá thể con người.

[3] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-06 Ất Mão (22-07-1975).

[4] "Thể nhập Huỳnh Khung": chứng đạo, đạt chánh quả.

[5] Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hợi thời, 13-05 Tân Dậu (14-06-1981).

[6] David Émil Durkheim (1858-1917): nhà xã hội học người Pháp, được xem là một trong những kiến trúc sư của khoa học xã hội hiện đại (http://en.wikipedia.org/wiki/Emil_Durkheim; 22-09-2010).

những điều thiêng liêng (…)"[1] Malinowski viết: "Tôn giáo là một nguồn vĩnh cửu của việc kiểm soát **lương tâm**."[2] Geertz bảo: "Tôn giáo là một hệ thống biểu tượng, hoạt động nhằm thiết lập những **tâm trạng và động cơ** mạnh mẽ, rộng khắp và bền lâu trong con người (…)"[3] Những phát biểu này chứa đựng một điểm chung: cùng đề cập đến cái Tâm con người tuy ở những mức độ khác nhau. "Niềm tin" trong phát biểu của Durkheim, "lương tâm" trong phát biểu của Malinowski, hay "tâm trạng và động cơ" trong phát biểu của Geertz đều là những khái niệm mà nội hàm của chúng hoàn toàn thuộc về thang nội hàm của phạm trù "Tâm".

Để làm ví dụ cho phần Thể của một tôn giáo, có thể nêu ra hai yếu tố tiêu biểu, là giáo lý tôn giáo và pháp môn tôn giáo,… **Giáo lý tôn giáo** chính là đạo-lý-được-mang-ra-để-thuyết-minh nhằm khai sáng nhận thức và xây dựng tri thức cho nhân loại về mục đích tối hậu của con người nơi thế gian. **Pháp môn tôn giáo** là cách thức thực hành để con người thật sự đạt được những bước tiến hóa tâm linh. Hai yếu tố này (giáo lý và pháp môn) tạo thành một bộ ba tri-thuyết-hành[4] trong chân truyền của một tôn giáo. Các ví dụ này cũng cho thấy: phần Thể của một tôn giáo bao gồm những yếu tố có nội dung tuy rất trừu tượng và siêu hình nhưng lại có tác dụng trực tiếp đến sự tiến hóa về tâm linh của con người ngay trong đời sống thực tiễn.

Phần **Thể** này chứa đựng chân truyền của một tôn giáo, vì đây là phần lưu trữ lại mọi tinh hoa, yếu lý, ý chỉ, đường lối,... mà vị giáo tổ của tôn giáo ấy đã để lại nơi thế gian này. Phần này chứa đựng tất cả những gì thuộc về nền tảng, căn bản, cốt lõi, cứu cánh của tôn giáo ấy, mà nếu chúng mất đi, tôn giáo ấy sẽ bị **thất chân truyền**, tức là sẽ đi sai lệch khỏi những gì mà vị giáo tổ của tôn giáo đã vạch ra.

Mọi bậc giáo tổ ở những không gian và thời gian *khác nhau* đều thực hiện một công việc *giống nhau*: dùng Đại Đạo để cứu độ nhân loại. Sự cứu độ ấy không bao giờ đặt nền tảng trên những điều huyễn hoặc mê tín, mà đặt trên cái **Tâm** của mỗi con người. Hễ ai muốn được cứu độ, người đó phải tìm lại được Tâm của mình. Tìm được Tâm thì mới mong tìm được Đạo, tìm được Phật, tìm được Chúa, tìm được Thượng Đế; vì Đạo, hay Phật, hay Chúa, hay Thượng Đế,... chỉ hiện diện trước tâm linh của con người chứ không hiện diện trước mắt phàm của con người. Và tôn giáo – qua sự sáng lập của mỗi bậc giáo tổ – không phải cái gì khác hơn là con đường đưa mỗi cá nhân trong nhân loại trở về với cái Tâm của chính mình.

Một ví dụ khác về phần Thể, có liên quan đến sự xuất hiện của tôn giáo trong thế giới này, đó là nguồn gốc của tôn giáo. Theo giáo lý Đại Đạo, mọi tôn giáo từ xưa đến nay

---

[1] E. Durkheim, "Định Nghĩa Hiện Tượng Tôn Giáo và Về Tôn Giáo", bản dịch của Đào Hùng, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.60.

[2] B. Malinowski, "Ma Thuật, Khoa Học và Tôn Giáo", bản dịch của Dương Bích Hạnh, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.169.

[3] C. Geertz, "Tôn Giáo Như Một Hệ Thống Văn Hóa", bản dịch của Trương Huyền Chi, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.312.

[4] "Tri" liên quan đến sự tự nhận thức của bản thân, "Thuyết" liên quan đến sự thuyết minh để truyền đạt khả năng nhận thức cho tha nhân, còn "Hành" liên quan đến hành động thực tiễn.

trên thế giới đều có nguồn gốc từ Thượng Đế. Chính Thượng Đế là tác giả thật sự của mọi tôn giáo; còn các bậc giáo tổ chỉ là những Đấng Thiêng Liêng nhận lãnh Thiên mạng (nghĩa là sứ mạng do Trời giao phó) giáng thế làm người để thực hiện kế hoạch cứu độ của Thượng Đế. Đối với các tôn giáo như Khổng giáo, Ky Tô giáo hay Hồi giáo, điều này đã được đề cập đến trong giáo lý của mỗi tôn giáo khi nói về giáo chủ các tôn giáo ấy. Nhưng ngay cả đối với Phật giáo – một tôn giáo không có khái niệm về "Thượng Đế" như là vị Chúa Tể Tối Cao trong vũ trụ – thì điều này vẫn được đề cập đến trong giáo lý tuy ẩn núp dưới một hình thức ngôn ngữ khác. Chúng tôi muốn chỉ rõ điều này.

Theo Taiken[1], sự chứng ngộ của Đức Thích Ca, cũng như sự "hốt nhiên đại ngộ" của bất kỳ con người nào, có thể được xem là một loại "Thiên khải"[2]; và đây chẳng qua chỉ là một sự diễn tả bằng lý niệm (Die Idee [Grm]) đối với phạm trù "Thượng Đế", mà theo đó, Thượng Đế tồn tại ngay trong bản thân con người[3]. Giáo lý Đại Đạo gọi Thượng Đế theo quan niệm như vậy là "Thượng Đế nội tại"[4]. Hơn nữa, theo lịch sử Phật giáo, sau khi Đức Thích Ca thành chánh quả, Ngài đã có ý định nhập Niết Bàn chứ không lập tôn giáo, vì nghĩ rằng sẽ ít có ai hiểu nổi đạo lý sâu xa mà Ngài vừa chứng ngộ; nhưng Phạm Thiên đã hiện ra và thỉnh cầu Phật truyền đạo cứu độ chúng sinh, và Phật đã nhận lời[5]. Theo truyền thống văn hóa Ấn Độ, Phạm Thiên (ब्रह्मा Brahm [Skr]) chính là Tạo Hóa hay Đấng Sáng Tạo;[6] đó cũng chính là Đấng Thượng Đế Tối Cao vậy. Thế thì, bằng một lối diễn đạt chỉ khác biệt về hình thức ngôn ngữ – bao gồm cả cách ẩn dụ – so với các tôn giáo khác (như Ky Tô giáo hay Hồi giáo), giáo lý Phật giáo cũng nhìn nhận rằng tôn giáo này ra đời do Thiên Ý của Đấng Thượng Đế Tối Cao.

Như vậy, phần **Thể** của các tôn giáo – dù thuộc về các tôn giáo khác biệt với nhau đến mức độ nào đi nữa – luôn luôn đồng nhất với nhau, hiểu theo nghĩa là mọi tôn giáo đều được xây dựng trên cùng một hệ thống những nguyên lý căn bản. Phần Thể ấy chính là Đại Đạo trong lòng mỗi tôn giáo. Nói khác đi, mỗi tôn giáo đều là Đại Đạo trong chân truyền của mình, và nghĩa là trong bản thể của mình.

Nhận định này có một hệ quả hết sức quan trọng: các tôn giáo trên thế giới đều **là một** nếu xét đến chân truyền Đại Đạo của mỗi tôn giáo. Không có tôn giáo nào là "hơn" mà cũng không có tôn giáo nào là "kém" nếu so sánh với bất kỳ tôn giáo nào. Tất cả tôn giáo đã từng có mặt trong lịch sử văn minh của nhân loại đều là những hiện thân của Đại Đạo. Muốn nhìn thấy rõ ràng điều đó, chúng ta chỉ cần tìm lại với chân truyền của từng tôn giáo, thâm nhập vào bản thể của mỗi tôn giáo, bỏ qua hết tất cả mọi sự khác biệt thuộc về hình tướng bề ngoài của tôn giáo.

---

[1] Kimura Taiken: học giả người Nhật, chuyên khảo cứu về triết học Ấn Độ.
[2] K. Taiken, *Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận*, tr.454-455.
[3] Ibid., tr.458-459.
[4] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*, tr.121, 123, 126-127.
[5] K. Taiken, *Tiểu Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận*, tr.74-75.
[6] http://en.wikipedia.org/wiki/Trimurti; 27-06-2010.

4.1.2. Tướng của tôn giáo

Khái niệm "Tướng của tôn giáo" được dùng để chỉ **hình tướng xã hội**, hay hình thức xã hội, của tôn giáo. Mọi tôn giáo khi phát triển đến một giai đoạn nào đó đều phải có một hình thức xã hội phù hợp với bản sắc văn hóa của dân tộc mà từ đó tôn giáo được khai sinh. Hình thức đó hiện diện như một lớp vỏ, thực hiện một lối hành xử có vẻ hết sức mâu thuẫn: một mặt, lớp vỏ ấy bao bọc lấy và che đậy mất chân lý Đại Đạo bất biến đối với mọi không-thời gian; mặt khác, lớp vỏ ấy lại cố gắng thể hiện chân lý Đại Đạo ra bên ngoài bằng những sắc thái văn hóa cụ thể cho phù hợp với không-thời gian của những bối cảnh lịch sử cụ thể.

Mâu thuẫn biểu kiến này không nằm ở bản thân tôn giáo, nhưng phát sinh từ trình độ tiến hóa của các cộng đồng xã hội mà trong đó tôn giáo được sáng lập. Chỉ có những cá nhân đạt đến một trình độ tiến hóa đủ "cao" sao cho Tâm của mình không còn cản trở bởi những che đậy của hình thức trong thế giới hiện tượng mới có thể vượt qua được những mâu thuẫn này. Cái Tâm ở trình độ đó, đôi khi, được gọi là Tâm-vô-sai-biệt, như trong những câu thánh giáo sau đây:

"Mọi hình thái sắc tướng âm thinh đều là những phương tiện tạm mượn để phô bày diễn tả lý Đạo đó thôi. Kỳ thật Đạo là Đạo. Chỉ Tâm-vô-sai-biệt mới nhìn thấy lý huyền nhiệm của Đạo."[1]

Khi nói đến tôn giáo, phần nhiều người ta chỉ nghĩ đến *hình tướng xã hội* của tôn giáo, ví dụ như: biểu tượng, giáo phục, nghi lễ tôn giáo, tổ chức giáo hội, kiến trúc giáo đường, hoặc các hình thức biểu hiện khác. Thói quen này phổ biến trong lịch sử nhân loại đến nỗi các Đấng Thiêng Liêng khi giáng cơ trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng nhận xét:

"Từ xưa đến nay, một số lớn người ta hễ nghe nói tới đạo là hình dung ngay tới những chùa chiền, thánh đường, thánh thất hay màu áo nâu sồng, hoặc những thể tướng từ một vài tôn giáo nào đó bày ra."[2]

Thói quen có vẻ vô hại này thật ra là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất khiến cho phần đông nhân loại không tìm ra được căn bản Đại Đạo. Đức Quan Âm Bồ Tát đã dạy:

"Đạo ở đâu? Có phải ở Thiên Đường Cực Lạc hay ở Tây Phương Phật? Hoặc Đạo ở nơi non cao hang thẳm, biển rộng rừng sâu? Hay Đạo ở nơi chùa thất, thánh đường cùng am tự?

Nhân loại vì chú trọng vào tư tâm, vào bản ngã, vào sắc tướng, vào hình thức do nhục nhãn cùng trí phàm nhận xét, nên không tìm ra lẽ Đạo. Thật ra, Đạo vẫn ở trong vạn loại, Đạo vẫn có khắp nơi, Đạo vẫn lồng trong mọi sinh hoạt, mọi hình thái. Bất cứ từ một quốc gia nào, một dân tộc nào, một tôn giáo nào, hoặc một hình thức nào, cũng đồng ở trong bổn nguyên Trời Đất, tức là Đạo.

---

[1] Đức Quan Âm Bồ Tát; Minh Đức Tu Viện, Ngọ thời, 13-01 Ất Mão (23-02-1975).

[2] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 07-01 Nhâm Tý (22-02-1972).

Ngày nào, nhân loại tìm hiểu, nhìn nhận lẽ Đạo, không còn phân chia nhĩ ngã[1], không còn phân biệt đạo này, tôn giáo nọ, tất cả chúng sanh từ nhân loại đến thú cầm thảo mộc cùng đều chung một bản thể, mỗi một đơn vị – cá nhân, cá tính, cá vật – đều là một phần tử của Đại Toàn Thể[2] hay là của Đạo, chừng đó may ra nhân loại mới thấy được yến sáng Đạo lóe ra trong tâm thức mà tìm mối phăng về cùng khối Đại Toàn Thể."[3]

Theo giáo lý Đại Đạo, hình tướng xã hội chỉ là một diện mạo bề ngoài của mỗi tôn giáo. Cho dù có hiểu đúng được hoàn toàn diện mạo này, thì nhiều lắm chúng ta cũng chỉ hiểu được về không-thời gian mà tôn giáo ấy được thành lập và phát triển, chứ không thể hiểu được bản chất sâu xa bên trong của tôn giáo. Nghĩa là, hình tướng của một tôn giáo không chứa đựng những thông tin thật sự quan trọng về bản thân tôn giáo ấy, mà chỉ chứa đựng những thông tin về môi trường xã hội ở giai đoạn lịch sử mà tôn giáo ấy xuất hiện và phát triển. Đức Thượng Đế giảng giải chi tiết hơn về điều này như sau:

"Thời xưa, sự giao tiếp không được giao thông trên hoàn vũ, cho nên mỗi giáo chủ thọ lãnh sắc chỉ nơi Thầy lập giáo từng nơi để dạy dỗ chúng sanh, cảm hóa tục đời, trở về lý Đạo; tất nhiên, mỗi hình thức tôn giáo có mang theo một bản sắc địa phương trong quá độ[4]. Ấy là cái biệt dị của thông quán tục truyền trong mỗi tôn giáo. Nhưng trên phương diện triết lý cao siêu, với mục đích tối thượng là truyền phương định, lập tinh thần thuần chơn khiết tịnh để đem lại cuộc đời thuần đức thiện lương, thì dù trên phương diện nào, cũng vẫn nằm trong yếu lý."[5]

Hình tướng xã hội của tôn giáo chỉ đóng vai trò của một phương tiện vật chất để cơ cứu thế được khai mở từ một nền văn hóa của một dân tộc nhất định, rồi từ đó, mượn thêm những phương tiện vật chất khác để chuyển tải chân lý của Đại Đạo đến mọi dân tộc khác trên hoàn cầu. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

"Đại Đạo vô hình vô tướng, thì con người tu hành cũng không cần chấp tướng chấp hình. Sở dĩ có quy giới, có đạo luật, có quyền pháp, có hình tướng riêng biệt, là để đánh vào thị giác chúng sanh, để nhận định hình tướng thanh cao, đức độ bác ái, từ bi trong lớp đạo phục, trong con người đạo đức. Hình tướng rất cần, nhưng cần trong chơn lý, trong quyền pháp đạo. Hình tướng không bắt buộc mọi người phải đổi thay để đóng vai trò tạm bợ, mà mỗi người phải chấp nhận một hình tướng làm một phương tiện khả dĩ trong đoạn đường tạo thế cứu cánh đó thôi."[6]

---

[1] "Ngã": ta, tôi, tao (đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất). "Nhĩ": ngươi, bạn, anh/chị, mày (đại từ nhân xưng ngôi thứ hai). "Phân chia nhĩ ngã": phân chia, phân biệt giữa "ta" và "ngươi", "tao" và "mày"; nghĩa là phân biệt giữa bản thân và tha nhân.

[2] Chữ "Đại Toàn Thể" (hay là "khối Đại Toàn Thể") trong đoạn thánh giáo này hoàn toàn đồng nghĩa với chữ "Đạo".

[3] Đức Quan Âm Bồ Tát; Thánh Bộ Từ Bi Thông Thiên Học, Tuất thời, 01-04 Đinh Mùi (09-05-1967).

[4] "Quá độ": một khoảng thời gian ngắn ngủi, có tính chất tạm thời (transitory [Eng]). "Trong quá độ": chỉ trong một giai đoạn nhất thời nào đó, chứ không kéo dài mãi mãi.

[5] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; *Tam Thừa Chơn Giáo* (Q. 2, Trung Thừa Chơn Giáo), "Tôn chỉ Đại Đạo", tr.19.

[6] Đức Quan Âm Bồ Tát; Chơn Lý Đàn, Tuất thời, 01-04 nhuần Giáp Dần (22-05-1974).

Như vậy, một tôn giáo chỉ có thể là-tôn-giáo nếu tự bảo tồn được căn bản Đại Đạo nơi chính mình. Và như là một hệ quả, tôn giáo đó phải dẫn dắt được tín đồ của mình tìm về đến nội tâm của con người và chứng nghiệm được đạo lý nơi nội tâm ấy. Về điều này, trong kinh "Tam Thừa Chơn Giáo", Đức Thượng Đế đã dạy:

"Tôn giáo chỉ là một phương thức tổ chức, là một sự sắp đặt có đường lối, được mệnh danh theo từng thời kỳ khai lập cho Lý Đạo truyền thành.

Tuy nhiên, để minh định cho cơ khai triển tinh thần, danh từ tôn giáo cũng được đề cao trong sử độ, nhưng điều đáng quý nhất là tinh thần đạo đức được thực dụng[1] rõ ràng trong mỗi hiện thân sanh chúng, mới bảo tồn cho thể thống[2] trang nghiêm."[3]

Bởi vậy, trong cơ cứu thế, nếu một cá nhân tự giải thoát được lấy mình, thì đó là do cá nhân ấy giải thoát được Tâm của mình ra khỏi những dục vọng thường tình, chứ không phải là do cá nhân ấy theo tôn giáo A hay tôn giáo B. Cũng thế, nếu con người nhận được sự cứu rỗi từ Thượng Đế, thì đó chính là do con người tự biết cứu lấy cái Tâm của mình ra khỏi những tội lỗi, chứ không phải là do con người theo tôn giáo X hay tôn giáo Y. Mọi tôn giáo A, B,… X, Y, Z trên thế giới này cũng chỉ tương tự như những cánh cửa khác nhau, được Thượng Đế mở ra để con người từ những trình độ tiến hóa khác nhau có thể cùng đi vào tòa nhà Đại Đạo, như Ơn Trên thường dạy:

"Tôn giáo là cửa vào tìm Đạo."[4]

Do đó, đối với người biết lấy đạo lý làm căn bản cho sự sống của mình, thì dù theo tôn giáo nào, kết quả cuối cùng cũng vẫn như nhau. Với tư cách là một hiện thân của Đại Đạo, tất cả mọi tôn giáo trên hoàn cầu đều tương đương trong khả năng cứu thế. Điều quan trọng nhất là người tín đồ của mỗi tôn giáo phải đạt được đúng mức tri-thuyết-hành[5] của tôn giáo ấy:

"Nếu người biết lấy đạo lý làm căn bản cho sự sống và cho mọi hoạt động thì dầu với hoàn cảnh nào, trong tôn giáo, phái chi nào cũng không hề hấn gì cả. Vì tôn giáo, phái chi, mọi hình thức khác nhau, đó cũng là phương tiện để truyền đạo, giáo đạo, chỉnh đốn đạo lý đang hồi suy sụp vậy thôi. Chớ người tu thân cũng như người lãnh giáo không nên xem đó là những trở lực, những bức tường ngăn cách, thì làm gì có người tỵ hiềm, tự ái, tự phụ, tự tôn rồi đưa đến chỗ buồn than sầu khổ trong cuộc đời ảo ảnh phù vân giả tạm, thoạt có thoạt không này."[6]

---

[1] "Thực dụng": ứng dụng vào thực tế.

[2] "Thể thống": nền tổ chức. Trong đoạn thánh giáo này, chữ "thể thống" đồng nghĩa với "phương thức tổ chức" hay "sự sắp đặt có đường lối";và từ câu đầu tiên trong đoạn thánh giáo ("Tôn giáo chỉ là một phương thức tổ chức, là một sự sắp đặt có đường lối…") ta biết rằng chữ "thể thống" này được dùng để chỉ các tôn giáo hay các nền đạo.

[3] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; *Tam Thừa Chơn Giáo* (Q. 2, Trung Thừa Chơn Giáo), "Tôn chỉ Đại Đạo", tr.17.

[4] Đức Di Lạc Thiên Tôn; Trúc Lâm Thiền Điện, Tý thời, 18-07 Canh Tuất (18-08-1970).

[5] Tức là, người tín đồ của mỗi tôn giáo phải hiểu biết đúng đắn (tri) về giáo lý của tôn giáo của mình, truyền bá đúng đắn (thuyết) giáo lý của tôn giáo của mình, và thực hành đúng đắn (hành) giáo lý của tôn giáo của mình.

[6] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-11 Đinh Mùi (16-12-1967).

4.1.3. Dụng của tôn giáo

Khái niệm "Dụng của tôn giáo" được dùng để chỉ **sứ mạng lịch sử** của tôn giáo. Mỗi tôn giáo đều phải có một sứ mạng cụ thể đối với thời kỳ lịch sử mà tôn giáo ấy được khai sinh. Sứ mạng đó là do vị giáo tổ của tôn giáo nhận lãnh từ Đức Thượng Đế:

"Tôn giáo nào cũng có vị giáo chủ lãnh sứ mạng nơi Đức Chúa Trời xuống thế trần, tùy địa phương, hoàn cảnh, trình độ thích hợp dân tâm mà mở Đạo (…)"[1]

Một cách tổng quát, bất kỳ tôn giáo nào cũng có chung một sứ mạng là giúp cho con người tiến hóa và đem lại sự sinh tồn cho xã hội loài người. Chỉ khi nào thực hiện được sứ mạng này thì tôn giáo mới phát huy được tác dụng của Đại Đạo bên trong lòng mình mà cải thiện xã hội và cứu độ con người:

"Đạo vẫn là Đạo; Nó có được phổ cập đến nhân gian để mà sinh tồn hay không là do ***sứ mạng của tôn giáo****, cũng như đồng bằng kia có tiếp nhận được nước hay không là do những đường kinh, những con rạch dẫn vào từ sông sâu biển cả.(…)* ***Sứ mạng tôn giáo là đem nhân tố sinh tồn cho loài người.****"*[2]

Còn đối với những dân tộc được chọn để khai Đạo từ xưa đến nay trong lịch sử nhân loại, thì:

"Thượng Đế khai Đạo chỗ nào nhơn sanh khổ sở, tăm tối điêu linh, để kéo dân tộc ấy được ra nơi quang minh xán lạn, đồng quyền hạn, ngang nhau với các giống dân khác."[3]

Do đó, cái Dụng tối thiểu của một tôn giáo phải là đem Đạo để cứu đời, nghĩa là phải hoằng khai Đại Đạo trong nhân loại, phải đánh thức cái "Đạo hư vô" vốn sẵn có nơi mọi người để mọi người đều thụ hưởng được công năng cứu rỗi của Đại Đạo nơi cá nhân mình và trên chính bản thân mình.

Sứ mạng mang Đạo cứu đời không thuộc quyền sở hữu của riêng một tôn giáo nào. Mọi tôn giáo đều phải thực hiện sứ mạng đó. Thậm chí, mỗi cá nhân – nếu đã biết sống đúng Đạo – cũng đều phải thực hiện sứ mạng đó. Điều này được Đức Đông Phương Chưởng Quản giải thích:

"Đạo là những gì sẵn có nơi mọi người, là những phép tắc khai triển nó ra để tự cứu rỗi. Bảo mọi người cùng làm như mình để tự cứu lấy họ. Chớ Đạo không phải là "đạo này đạo nọ"; hay Đời là cái gì không thuộc về Đạo đâu (...)."[4]

Đức Bát Nhã Thiền Sư cũng dạy:

"Chư hiền đệ muội từ trước đến giờ có quan niệm tưởng rằng vào Đạo nghĩa là nhập môn hoặc thọ phái quy y, vào chùa lãnh giáo, giữ giới luật quy điều. Chư hiền nhìn bộ

---

[1] Đức Gia Tô Giáo Chủ Jésus Christ; *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (Q.1), "Gương Hy Sinh-Khuyến Đạo", Tòa thánh Châu Minh, 1961.
[2] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 07-01 Nhâm Tý (22-02-1972).
[3] Đức Quan Thánh Đế Quân; Nam Thành Thánh Thất, Tuất thời, 15-02 Kỷ Dậu (01-04-1969).
[4] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Trúc Lâm Thiền Điện, Tý thời, 18-07 Canh Tuất (18-08-1970).

đạo phục cân y [1] rồi định nghĩa cho rằng vào Đạo là như vậy. Thiệt ra, trong chư hiền, người nào cũng đã vào Đạo từ lâu lắm rồi, khi mới tượng hình trong bào thai mẹ, nhưng vì vô ý thức hoặc định nghĩa Đạo hẹp hòi trong khuôn khổ chùa thất, am tự, thánh đường, áo mũ, cân y, kệ kinh, chay lạt. Bởi vì Đạo là nguồn sống của vạn vật mà chư hiền được sanh hóa và sống trong sự chan hòa của Đạo mà không hay. Lúc nhỏ còn ở với cha mẹ, biết vâng lời dạy dỗ của cha mẹ, biết kính anh nhường chị, thuận thảo đệ huynh, lớn lên ôm cặp đến trường biết kính thầy nhường bạn. Khi thành gia thất, phu phụ trọn niềm chung thỉ, biết thương giống nòi dân tộc, biết giữ gìn đất nước quê hương. Tất cả những cái đó là Đạo làm người rồi chớ còn chi nữa."[2]

Hai đoạn thánh giáo trên đây đề cập đến sứ mạng cứu độ của tôn giáo trên cả hai phương diện, tự độ (tự cứu độ lấy bản thân mình) và độ tha (cứu độ người khác). Trong hai phương diện này, tự độ là phương diện căn bản, vì có tự cứu độ được mình thì mới cứu độ được người khác. Hiệu quả cứu độ của một tôn giáo càng cao khi mà tôn giáo ấy có thể làm cho càng nhiều người đạt được khả năng tự độ lấy bản thân mình để biết sống đúng đạo lý trong cuộc đời của mình rồi tiến dần đến việc cứu độ tha nhân.

Đối với mỗi tôn giáo, vì đối tượng cứu độ là con người ở những trình độ tiến hóa tâm linh cụ thể và sống trong những xã hội nhân sinh cụ thể, nên sứ mạng cứu độ phụ thuộc vào những hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà những con người này đang sống. Vì vậy mà sứ mạng cứu độ của tôn giáo luôn mang tính lịch sử. Chính do tính lịch sử mà mỗi tôn giáo đều phải tự làm cho những phương tiện cứu độ của mình thích nghi với lịch sử, phù hợp với nhân tâm trong từng thời đại một và ở từng địa phương một, trên khắp thế giới này. Không có phương tiện cứu độ nào được thiết kế một lần để sử dụng cho mãi mãi hay là được xây dựng tại một địa phương để sử dụng cho toàn cầu, dù rằng chân lý Đại Đạo mà mọi tôn giáo mang ra để cứu độ là hoàn toàn bất biến trong mọi không gian và thời gian.

Như vậy, tính lịch sử chỉ là cái phản ảnh những đòi hỏi của nhân loại đối với từng tôn giáo, chứ không phải là cái thể hiện bản chất của bất kỳ một tôn giáo nào. Sự tồn tại của tính lịch sử làm cho sứ mạng của mỗi tôn giáo trở nên khác biệt nhau. Và sự khác biệt này rõ ràng không liên quan đến bản chất tôn giáo mà chỉ liên quan đến cách thức đáp ứng của mỗi tôn giáo đối với những yêu cầu của xã hội. Thế nên, dù sứ mạng có tính lịch sử của mỗi tôn giáo có vẻ khác nhau, tất cả đều nhằm để giúp cho cá nhân tiến hóa tâm linh và đem lại sự sinh tồn cho xã hội nhân sinh.

Nếu xét ở những mức độ tổng quát hơn, thì sứ mạng của tôn giáo còn to lớn hơn thế gấp nhiều lần, vì sứ mạng ấy không chỉ giới hạn trong sự cứu độ nhân loại, mà hướng đến toàn thể chúng sinh, bao gồm muôn loài muôn vật. Mặc dù được khai mở trong thế giới của chúng ta, nhưng tôn giáo không chỉ để cứu vớt riêng nhân loại ở trên một địa cầu 68 này, mà còn để cứu rỗi chúng sinh trong toàn thể càn khôn vũ trụ[3]. Đó là một đặc trưng

---

[1] "Cân y": khăn áo.

[2] Đức Bát Nhã Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 07-11 Quý Sửu (01-12-1973).

[3] Sau khi chết, linh hồn con người nói chung sẽ đi qua những cõi khác (thế giới khác, linh cầu khác,…) – chẳng hạn như vào địa ngục, trong nhiều trường hợp – chứ không ở lại mãi ở địa cầu 68. Do đó việc cứu độ không thể giới hạn

của ơn cứu độ: luôn luôn thúc đẩy sự tiến hóa trong toàn thể vũ trụ, dù sự cứu độ được phát sinh từ bất kỳ không-thời gian cụ thể nào. Bởi lẽ, đối với Đấng Cứu Độ muôn đời của vạn linh, thì toàn thể Thiên Địa vạn vật là đồng nhất thể và Tất cả chỉ đơn giản là Một.

Riêng đối với con người, ơn cứu độ của Thượng Đế luôn sẵn dành. Nhưng chỉ với một sự chánh tín và những nỗ lực tích cực, con người mới có thể tiếp nhận, "tiêu hóa" và "hấp thụ" được những ơn cứu độ ấy trong bản thân mình. Khi tâm hồn đã tràn ngập hồng ân cứu độ và bản thân cũng đã đạt được những bước tiến tâm linh nhất định nhờ biết tự độ, con người mới có thể mang hồng ân cứu độ ấy đến cho đồng loại. Chỉ bằng cách đó, con người mới tham gia được vào sứ mạng lịch sử của tôn giáo trong đại cuộc cứu độ quần sinh.

4.1.4. Cấu trúc Thể-Tướng-Dụng của một tôn giáo

Đến đây, chúng ta đã có thể thấy rằng: Thể, Tướng và Dụng tạo nên một cấu trúc ba phương diện của mỗi tôn giáo; trong đó, phương diện cơ bản nhất là Thể. Một sơ đồ hệ thống cho cấu trúc này được vẽ ở hình 8. Trong sơ đồ này, ba phương diện được biểu diễn thành ba khối, diễn đạt những nội dung như sau.

Trước hết, Thể (chân truyền Đại Đạo) của một tôn giáo là nguồn gốc, là nền tảng của tôn giáo đó. Từ câu kinh *"Đạo gốc bởi lòng thành, tín, hiệp"*[1], tất cả những gì thuộc về Thể của tôn giáo đều nằm trong lòng thành, tín, hiệp của con người, nghĩa là trong Tâm của con người, chứ không nằm trong những hình thể vật chất mà giác quan của chúng ta có thể quan sát được. Do nền tảng này, thánh giáo Cao Đài mới nói: *"Tôn giáo là cửa vào Đại Đạo, vào chơn lý"*[2].

lại ở địa cầu 68. Ví dụ trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, theo Pháp Chánh Truyền, muốn cứu nhân loại, Giáo Tông phải thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giái, Lục Thập Thất Địa Cầu và Thập Điện Diêm Cung.

[1] Tòa Thánh Tây Ninh, *Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*, "Niệm Hương".

[2] Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu; Nam Thành Thánh Thất, Tuất thời, 13-02 Bính Ngọ (04-03-1966).

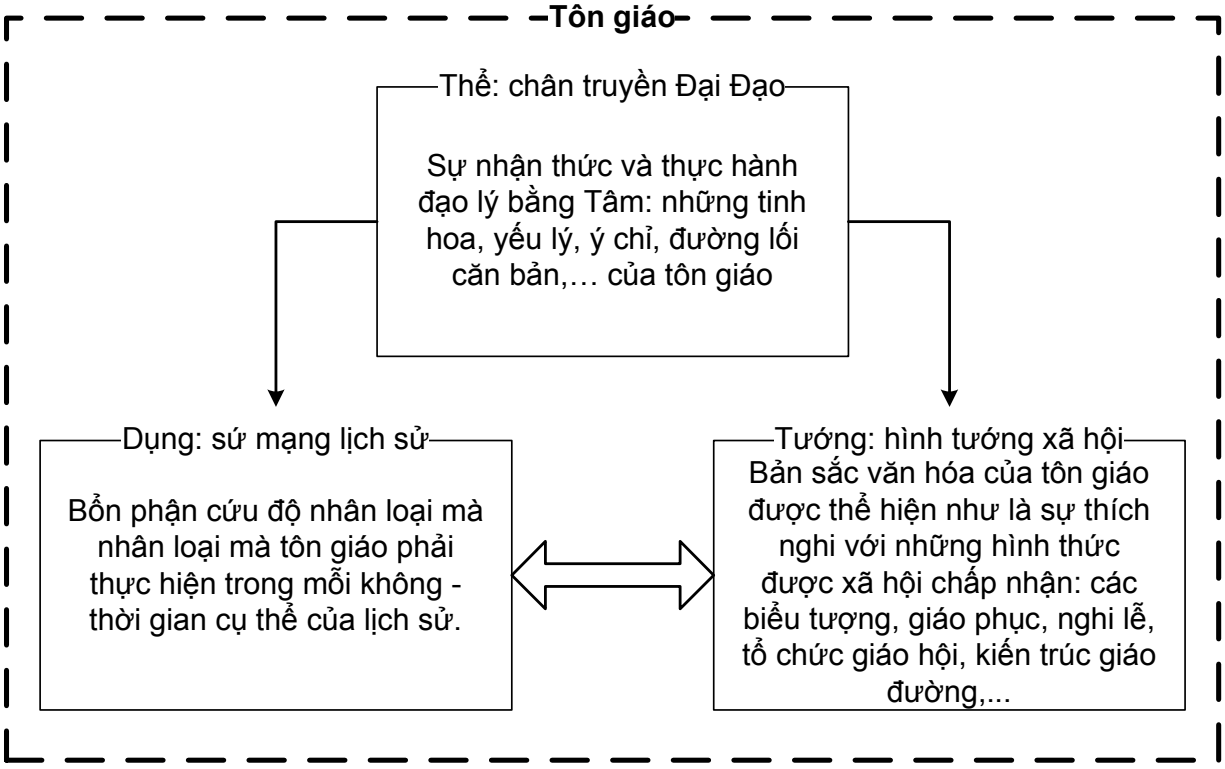

HÌNH 8. CẤU TRÚC THỂ-TƯỚNG-DỤNG CỦA MỘT TÔN GIÁO.

Trên nền tảng này, Tướng (hình tướng xã hội) của tôn giáo mới có thể được thiết lập và Dụng (sứ mạng lịch sử) của tôn giáo mới có thể được triển khai. Tướng của một tôn giáo là sự biểu hiện của Thể qua những hình thức văn hóa dân tộc ở địa phương mà tôn giáo đó được khai mở; còn Dụng của một tôn giáo là sự biểu hiện của Thể thành những bổn phận cứu độ cụ thể trong bối cảnh lịch sử mà tôn giáo đó đang tồn tại. Như một hệ quả của điều này, giữa các tôn giáo, sự khác biệt về hình tướng chỉ đơn thuần là sự khác biệt về sắc màu văn hóa địa phương chứ không phải là sự khác biệt trong chân truyền Đại Đạo, còn sự khác biệt về tôn chỉ chẳng qua là sự khác biệt về cách thức cứu độ chứ hoàn toàn không khác biệt ở mục đích cứu độ.

Khi người ta quan sát một tôn giáo, thường thì người ta chỉ quan sát được Tướng của tôn giáo, và chỉ những ai có cái nhìn đủ tinh tế mới có thể quan sát được Dụng của tôn giáo. Tuy nhiên, giữa hai phương diện Tướng và Dụng có một mối liên hệ hỗ tương: [1] mỗi tôn giáo đều phải mượn những hình thức (Tướng) được các xã hội chấp nhận để thực hiện sứ mạng cứu độ (Dụng) trong các xã hội này; [2] chính những yếu tố văn hóa của dân tộc mà từ đó một tôn giáo được khai sinh (Tướng) cũng chứa đựng những khả năng cứu độ nhất định đối với những dân tộc thuộc các nền văn hóa khác (Dụng); và các tôn

giáo đều biết vận dụng một cách khéo léo những yếu tố này trong sứ mạng cứu độ của mình.

Hiểu được cấu trúc này, ta mới quan sát được tôn giáo trong đời sống thật sự của nó; ngược lại, ta chỉ có thể nhìn thấy những ảnh chụp kém chất lượng về những tiêu bản chết cứng của một vài tôn giáo, ngay cả khi các tôn giáo này đang tồn tại sống động. Đối với bất kỳ tôn giáo nào, một khi đã quan sát được Tướng, ta có thể tìm thấy được Dụng nhờ mối liên hệ hỗ tương giữa hai phần này; hơn nữa, một khi đã thấy được cả Tướng lẫn Dụng, thì bằng cách đi tìm nền tảng chung của chúng, ta sẽ tìm được Thể. Vả lại, vì Thể của mọi tôn giáo là như nhau, nên khi đối chiếu các kết quả nghiên cứu từ càng nhiều tôn giáo khác nhau, ta sẽ có được một nhận thức càng trung thực về Thể của mỗi tôn giáo.

Cấu trúc Thể-Tướng-Dụng là một cấu trúc tổng quát của một tôn giáo; nhưng điều đó không có nghĩa là mỗi tôn giáo trong mọi giai đoạn tồn tại của mình đều có đủ tất cả các thành phần của cấu trúc này. Khi xét mỗi tôn giáo trong quá trình vận động của chính nó, ta thấy cấu trúc này cũng vận động; lý do là chính các thành phần của cấu trúc này cũng là những thực thể được sinh ra, phát triển và suy thoái trong những giai đoạn vận động khác nhau. Những biến đổi của các thành phần trong cấu trúc này tạo nên những "vòng đời" hay những chu kỳ phát triển của một tôn giáo.

4.2. Chu kỳ phát triển của một tôn giáo

Trong sự vận động của mình, mỗi tôn giáo cũng tương tự như một cơ thể sống; các bộ phận trong cấu trúc của nó đều trải qua những thời kỳ tăng trưởng hoặc suy thoái . Vì vậy, tùy thuộc vào từng giai đoạn phát triển trong lịch sử của mình, mỗi tôn giáo có thể có đủ cả ba phần Thể, Tướng, Dụng vào một thời điểm nào đó, hoặc có thể chỉ có một, hai phần ở những thời điểm khác.

Quan sát những tôn giáo được xây dựng bởi những bậc giáo tổ mang xác phàm (mang thể xác con người), có thể thấy rằng đời sống của chúng đều tuân theo một quy luật với năm giai đoạn, trong đó, sự tồn tại của các phần Thể, Tướng, Dụng ở mỗi giai đoạn là khác nhau. Năm giai đoạn này là: [1] tiềm ẩn, [2] khai sinh, [3] phát triển, [4] suy thoái , [5] thất chân truyền.

Giai đoạn 1, Tiềm ẩn. Đây là giai đoạn manh nha của một tôn giáo. Tôn giáo ấy hoàn toàn chưa xuất hiện trong xã hội, mà chỉ mới là một tư tưởng lóe sáng trong lòng của vị Giáo tổ. Trong giai đoạn này, vị giáo tổ đã nhận thức được rằng mình có một sứ mạng trọng đại về đạo đức đối với nhân loại. Tuy nhiên, vị giáo tổ cũng biết rằng mình còn phải tự tu và tự chứng cho được Đạo một cách thành công thì mới có thể truyền đạo cho thế nhân.

Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn giảng về điều này như sau:

"Các hàng giáo chủ xưa kia muốn đánh thức giấc ngủ triền miên say đắm của dân tộc, của nhân loại phải tự mình thể nghiệm trước để tìm thấu hiểu nguồn cội hạnh phúc vĩnh cửu của nhân loại. Khi nhận thức được chân lý tuyệt đối mới lập thành tôn giáo

trong một quốc gia để khai phóng con đường hồi sanh giác ngộ. Từ một tôn giáo đến một quốc gia đến xã hội nhân loài, cái chủ đích ấy [1] không giáo chủ nào không thực hiện."[2]

Mọi tôn giáo đều trải qua giai đoạn tiềm ẩn này. Với Phật giáo, đó là thời kỳ kể từ khi Đức Thích Ca đi tìm Đạo đến khi Người thành chánh quả dưới cội bồ đề. Với Ky Tô giáo, đây là giai đoạn trước khi chúa Jesus gọi người môn đệ đầu tiên. Với các tôn giáo khác, chúng ta cũng có thể tìm thấy giai đoạn tương tự, với một đặc điểm chung: ở vào giai đoạn ấy, các tôn giáo tuy chưa có hình tướng, tuy chưa tuyên bố về sứ mạng của mình, nhưng các bậc giáo tổ của tôn giáo phải tự tu để trải nghiệm và chứng đắc Đại Đạo trong nội tâm của mình. Sự thành bại trong việc tu chứng của các bậc giáo tổ đóng vai trò quyết định sự thành bại trong việc ra đời của các tôn giáo.

Như vậy, giai đoạn tiềm ẩn là giai đoạn diễn ra chỉ trong đời sống nội tâm cũng như trong sự tu thân cho đến khi chứng Đạo của cá nhân vị Giáo tổ. Do đó, ở vào giai đoạn tiềm ẩn, tôn giáo chỉ có phần Thể, chưa có các phần Tướng và Dụng.

Giai đoạn 2, Khai sinh. Đây là giai đoạn mà tôn giáo xuất hiện trong xã hội nhưng chỉ mới như là một đường lối giáo hóa và cứu độ nhân loại chứ chưa mang bất kỳ một hình thức tổ chức xã hội nào. Trong giai đoạn trước đó, vị giáo tổ đã đạt Đạo, đã thành chánh quả. Giờ đây, Ngài trực tiếp tuyên bố cho nhân loại biết về đường lối giáo hóa và cứu độ nhân loại của Ngài. Sự tuyên bố này có thể được thực hiện qua lời nói của vị Giáo tổ, nhưng chủ yếu là qua hành động cứu độ và hiệu quả cứu độ mà Ngài mang đến cho những con người sống thực. Sự khai sinh một tôn giáo được thực hiện thông qua sự tuyên bố bằng hiệu quả cứu độ. Đó là sự tuyên bố về sứ mạng của nền đạo mới mà vị giáo tổ thành lập. Sứ mạng ấy tự thân nó xác định lý do vì sao nền đạo ấy được khai mở trong thời kỳ lịch sử hiện hành.

Như vậy, ở vào giai đoạn khai sinh, tôn giáo có thêm phần Dụng. Bên cạnh phần Thể đã có ở giai đoạn tiềm ẩn, phần Dụng này là thành phần thứ hai xuất hiện trong cấu trúc của một tôn giáo.

Phần lớn các tôn giáo đều trải qua giai đoạn này trong suốt thời gian mà vị giáo tổ còn hành đạo tại thế gian. Khi một tôn giáo bước vào giai đoạn này, vị giáo tổ của tôn giáo bắt đầu thu nhận tín đồ, huấn luyện những môn sinh nòng cốt, và thực hiện công cuộc giáo hóa của mình đối với đại chúng. Kết quả của công cuộc giáo hóa này thể hiện tác dụng của nền đạo đối với xã hội nhân loại. Tác dụng này không chỉ là tác dụng của riêng một tôn giáo ấy đối với nhân loại, mà còn là tác dụng của bản thể Đại Đạo trong lòng tôn giáo ấy đối với toàn thể chúng sanh.

Vì vậy, hầu hết thời gian hành đạo của vị giáo tổ tại thế gian đều dành cho việc giáo hóa nhân loại, tức là phát huy tác dụng của Đại Đạo trong phần Thể của tôn giáo để cứu độ nhân sinh. Điều này cũng cho thấy rằng: xét về mặt tác dụng của tôn giáo đối với xã

[1] Tức là chủ đích hồi sanh giác ngộ chân lý tuyệt đối: làm cho đại chúng hiểu được ("giác ngộ") cái chân lý tuyệt đối vốn đã sẵn có trong mỗi người và quay trở lại sống với ("hồi sanh") cái chân lý tuyệt đối ấy.

[2] Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn; Vĩnh Nguyên Tự, Tuất thời, 10-06 Bính Thìn (06-07-1976).

hội, mỗi tôn giáo ở thời điểm mà nó được khai sinh thực chất là một công cuộc giáo hóa, một "chương trình giáo huấn" đặc biệt mà Thượng Đế dành cho nhân loại thông qua việc sống đạo, hành đạo và truyền đạo của vị Giáo tổ. Theo nghĩa đó, thực chất của việc khai sinh ra một tôn giáo chính là **tái khai minh Đại Đạo** trong xã hội nhân sinh ở một thời đại lịch sử cụ thể.

Giai đoạn 3, Phát triển. Ở vào giai đoạn phát triển, tôn giáo có thêm phần Tướng, xuất hiện bên cạnh hai phần Thể và Dụng mà trước đây đã có. Trong giai đoạn này, các tôn giáo bắt đầu thành lập giáo hội, xây dựng giáo đường, ấn định nghi lễ tôn giáo,… Đối với hầu hết các tôn giáo, đây cũng là giai đoạn mà mỗi tôn giáo tự phân chia thành nhiều chi phái khác nhau; mỗi chi phái lại có giáo hội riêng, hệ thống giáo đường riêng, những nghi lễ riêng,… Giai đoạn phát triển hình tướng thường diễn ra sau khi vị giáo tổ đã qua đời.

Nói đến phát triển tức là nói đến một sự **biến đổi** để mở rộng quy mô của tôn giáo và nâng cao hiệu quả truyền đạo trong những không gian và thời gian khác nhau. Việc phân chia chi phái của mỗi tôn giáo là một ví dụ tiêu biểu cho sự biến đổi như vậy. Luôn luôn sự biến đổi này có hai phương diện đối lập nhau. Phương diện thứ nhất mang tính chất tích cực, mà trên đó, sự biến đổi tạo ra cho tôn giáo những cơ hội mới, những năng lực mới trong việc đem đạo lý vào những lĩnh vực khác nhau của đời sống nhân sinh. Đây là phương diện làm gia tăng cơ hội thành công trong sứ mạng của tôn giáo. Nhưng mặt đối lập của nó, phương diện thứ hai, lại mang tính tiêu cực; sự biến đổi đặt ra cho bản thân tôn giáo những thử thách mới, hay cụ thể hơn, những nguy cơ mới. Nguy cơ ấy nằm trong khả năng mà chính chân truyền của tôn giáo có thể bị canh cải, sửa đổi dần dần trong quá trình phát triển để rồi đến một lúc nào đó tôn giáo bị biến chất hẳn so với những gì mà vị giáo tổ đã tạo lập.

Trong suốt giai đoạn phát triển của mình, mỗi tôn giáo đều chịu sự giằng co của hai phương diện đối lập này. Sự thành công của một tôn giáo nằm ở khả năng giải quyết song đề đối lập này bằng ba động lực của sự tiến hóa: sáng tạo, bảo tồn, hủy diệt. Làm thế nào để có thể sáng tạo những cơ hội phát triển mà vẫn bảo tồn được chân truyền bằng cách hủy diệt mọi nguy cơ tha hóa tôn giáo? Đây là một bài toán rất khó của mọi tôn giáo, hay nói chính xác hơn, của **con người** trong mỗi tôn giáo. Một sự dè dặt quá mức với ảo tưởng rằng mình sẽ bảo thủ được chân truyền sẽ khiến cho tôn giáo không phát triển được và dĩ nhiên sẽ bị thoái hóa theo thời gian. Nhưng ngược lại, một sự canh cải không biết bảo tồn chân truyền sẽ dễ dàng làm cho tôn giáo phải biến chất. Hai chọn lựa cực đoan này đều là hai con đường khác nhau cùng dẫn tôn giáo đến chỗ suy tàn.

Thật ra, trong lịch sử của mỗi tôn giáo trên thế giới, đều đã từng có những con người giải quyết thành công song đề đối lập này và làm cho tôn giáo phát triển một cách hưng thịnh. Ví dụ như Long Thọ của Thích giáo, Trang Tử của Lão giáo, Tử Tư của Khổng giáo, hay Thomas Aquinas của Công giáo. Họ đáng để nhân loại tôn sùng là những vĩ nhân trong lĩnh vực tâm linh và tôn giáo. Họ biết chiến thắng dục vọng của bản thân để hành đạo bằng một tấm lòng đạo đức chân thành. Và vì họ biết dựa vào chơn tâm của chính mình, tức là dựa vào nguồn Đạo vĩnh cửu mà một con người có được, nên họ không

bao giờ làm chân truyền tôn giáo bị sai lạc, dù sự nghiệp hành đạo của họ có liên quan đến những cải cách tư tưởng của tôn giáo. Trong những ví dụ vừa nêu, Long Thọ sáng tạo ra "Bát Nhã Luận", Trang Tử viết ra "Nam Hoa Kinh", Tử Tư làm sách "Trung Dung", Thomas Aquinas viết "Tổng Luận Thần Học". Những vĩ nhân này đều đem đến cho tôn giáo mình những tư tưởng mới mẻ, xiển dương những điều mà vị giáo tổ của mình chưa xiển dương sâu rộng, nhưng đều không làm sai lạc chân truyền từ vị Giáo tổ. Nhờ những tư tưởng như vậy, các tôn giáo tương ứng đã có được những khả năng phát triển to lớn trong xã hội nhân loại.

Tuy vậy, vào những thời đại mà con người tôn giáo không biết sống như những vĩ nhân tâm linh này đã sống, để cho dục vọng lấn át chơn tâm trong sự nghiệp hành đạo của mình, thì bất cứ thay đổi nào cũng làm cho tôn giáo rơi vào một tình trạng nguy hiểm. Phương diện tiêu cực của sự biến đổi sẽ bành trướng nhanh chóng. Những canh cải nặng màu dục vọng sẽ làm cho tôn giáo mỗi ngày một biến chất, thậm chí, còn có thể phản nghịch lại những gì mà vị giáo tổ đã truyền dạy ban đầu. Khi đó tôn giáo sẽ bị đẩy dần sang giai đoạn suy thoái .

Giai đoạn 4, Suy thoái . Ở vào giai đoạn suy thoái, tôn giáo chỉ còn lại phần Thể và Tướng, mà dần dần không thể hiện được phần phần Dụng, tức là tôn giáo càng lúc càng mất khả năng thực hiện sứ mạng của mình.

Về phần Tướng, các tôn giáo ở vào giai đoạn này thường là rất hưng thịnh trong hình thức, chẳng hạn như vẫn có một số lượng tín đồ đông đảo, một hệ thống chức sắc đầy quyền lực, hay những giáo đường đồ sộ nguy nga,… Còn về phần Thể, các tôn giáo có thể vẫn bảo tồn được hầu hết những gì thuộc về nền tảng, căn bản, cốt lõi, cứu cánh của mình. Nhưng, sự suy thoái đó thể hiện ở chỗ các tôn giáo này **bất lực trước sứ mạng cứu thế độ đời**.

Sự suy thoái thật sự của một tôn giáo không bao giờ bắt đầu từ hình tướng, mà bắt đầu từ tác dụng cứu độ của tôn giáo đó đối với xã hội. Trong giai đoạn này, hệ thống chức sắc đầy quyền lực của tôn giáo thường tồn tại chỉ để củng cố địa vị của chính mình chứ không phải để cứu độ nhân loại; và số lượng tín đồ có thể gia tăng ồ ạt, nhưng không mấy ai tự chứng minh được bằng những chứng cứ xác thực rằng sự cứu độ đã thật sự phát huy được tác dụng nơi bản thân mình. Hầu hết mọi yếu tố về mặt hình tướng ở giai đoạn này phát triển có vẻ rất mạnh mẽ, nhưng đó chỉ là cái bề ngoài che đậy một sự bất lực ngày càng tăng trong sứ mạng cứu thế, và điều này sẽ dẫn tôn giáo đến giai đoạn thất chơn truyền.

Giai đoạn 5, Thất chân truyền. Như đã nói, chân truyền của một tôn giáo là phần chứa đựng mọi tinh hoa, yếu lý, ý chỉ, đường lối,... mà vị giáo tổ của tôn giáo ấy đã truyền trao lại cho đời sau. Khi phần này bị canh cải, thay đổi đến mức chúng sai lạc hẳn đi so với tinh thần căn bản ban đầu mà bậc giáo tổ đã đề ra, thì tôn giáo ấy sẽ bị **thất chân truyền**. Ở vào giai đoạn thất chân truyền, tôn giáo đánh mất cả phần Thể. Vì phần Dụng đã bị đánh mất trong giai đoạn trước, nên giờ đây, tôn giáo chỉ còn lại phần Tướng, nghĩa là những hình thức bên ngoài của tôn giáo.

Tôn giáo hiện diện trên thế gian là để cứu độ nhân loại bằng đạo lý, đem lại sức sống cho xã hội bằng tình đồng loại, lòng nhân ái. Đó là mục đích của mọi vị Giáo Tổ ở mọi thời đại, dù là Moise, Jesus, Muhammad, hay Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử,… Bởi vậy, bất kỳ một tôn giáo nào – trong bất cứ giai đoạn nào – nếu hiện diện chỉ để làm cho nhân loại thêm đau khổ vì thần quyền, vì sự cai trị bằng quyền lực tôn giáo, vì những nê chấp hẹp hòi dưới hình thức tôn giáo, hay vì những giáo điều xô đẩy con người vào chỗ vị ngã vong tha, độc tôn kỳ thị, huynh đệ tương tàn,… thì tôn giáo ấy trong giai đoạn ấy đang bị thất chân truyền.

Trong giai đoạn thất chân truyền, tôn giáo chỉ còn lại những hình thức bề ngoài, ví dụ như hệ thống nghi lễ với những bày vẽ vô căn cứ, hay hệ thống chức sắc chỉ tồn tại để củng cố địa vị uy quyền. Ngoài những hình thức bề ngoài, tôn giáo không còn lại một cái gì khác. Đó chỉ đơn giản là cái không-còn-là-tôn-giáo-nữa trong nội dung của nó dù vẫn rất có vẻ là tôn giáo ở hình thức bên ngoài.

Khi một tôn giáo rơi vào giai đoạn thất chân truyền, nếu có những con người đạo đức thuần chánh xuất hiện để chấn hưng lại chân truyền của tôn giáo ấy, thì họ có thể cứu tôn giáo ấy thoát khỏi nguy cơ bị đào thải bởi Thượng Đế và nhân loại. Trong trường hợp này, tôn giáo có thể được phục hưng và tiếp tục tồn tại qua một chu kỳ mới, với năm giai đoạn như vừa nêu, mà giai đoạn tiềm ẩn của chu kỳ này chính là giai đoạn tự tu, tự chứng của những nhà chấn hưng tôn giáo.

Năm giai đoạn trong chu kỳ phát triển của mỗi tôn giáo có thể được tóm tắt bằng sơ đồ như trong hình 9. Qua sơ đồ này, ta thấy rõ chu kỳ phát triển tôn giáo bao gồm hai bán trình. Bán trình thứ nhất là: **Tiềm ẩn ⇨ Khai sinh ⇨ Phát triển ⇨ Suy thoái ⇨ Thất chân truyền**. Còn bán trình thứ hai là: **Thất chân truyền ⇨ Tiềm ẩn**. Giữa hai bán trình này, có một điểm khác biệt căn bản: bán trình thứ nhất diễn ra một cách tự nhiên, nhưng bán trình thứ hai diễn ra một cách có điều kiện.

Ta hãy xét bán trình thứ nhất. Khi vị giáo tổ đã chứng Đạo trong giai đoạn tiềm ẩn, Người tất yếu sẽ thành công trong việc khai sinh tôn giáo, vì bất cứ ai đã chứng Đạo đều có được quyền năng cứu độ tha nhân. Khi đã phát huy được tác dụng cứu độ ở giai đoạn khai sinh, tôn giáo sẽ được ít nhất một cộng đồng xã hội chấp nhận: cộng đồng những tín đồ đầu tiên. Cộng đồng xã hội này tất yếu sẽ có nhu cầu tự tổ chức lấy chính mình theo những nề nếp, kỷ cương, trật tự nào đó để tránh rơi vào tình trạng của một đám đông ô hợp. Bằng cách đó, giai đoạn phát triển sẽ tự động tiếp nối giai đoạn khai sinh. Đến khi tôn giáo đã phát triển qua nhiều thế hệ tín đồ, chịu ảnh hưởng của những biến động trong nhân tâm từ đời này sang đời khác, tôn giáo tất yếu phải chịu sự tha hóa và suy thoái . Tiếp tục theo chiều hướng này, tình trạng suy thoái tất yếu sẽ dẫn đến tình trạng thất chân truyền.

Ngược lại, bán trình thứ hai không thể diễn ra một cách tất yếu như vậy, mà phải có điều kiện: phải có sự xuất hiện của con người đạo đức, đủ khả năng chấn hưng lại chân truyền của tôn giáo. So với tôn giáo ban đầu, thì tôn giáo được chấn hưng tuy không thay đổi về Thể, nhưng xét về Tướng và Dụng, tôn giáo mới này không còn là tôn giáo ban

đầu nữa mà là một bước phát triển xa hơn. Khi Đức Khổng Tử chấn hưng Nho giáo từ thời Thánh Phục Hy, thì Khổng giáo trở thành một hiện thân mới, đồng thời, một bước phát triển to lớn của Nho giáo. Khi Đức Jesus chấn hưng Thiên Chúa giáo Cựu Ước từ thời Thánh Moise, thì Ky Tô giáo trở thành một trình độ phát triển quan trọng đến mức ngày nay người ta đồng nhất Ky Tô giáo với Thiên Chúa giáo. Vậy, bán trình thứ hai chỉ diễn ra khi xuất hiện một bậc giáo tổ mới.

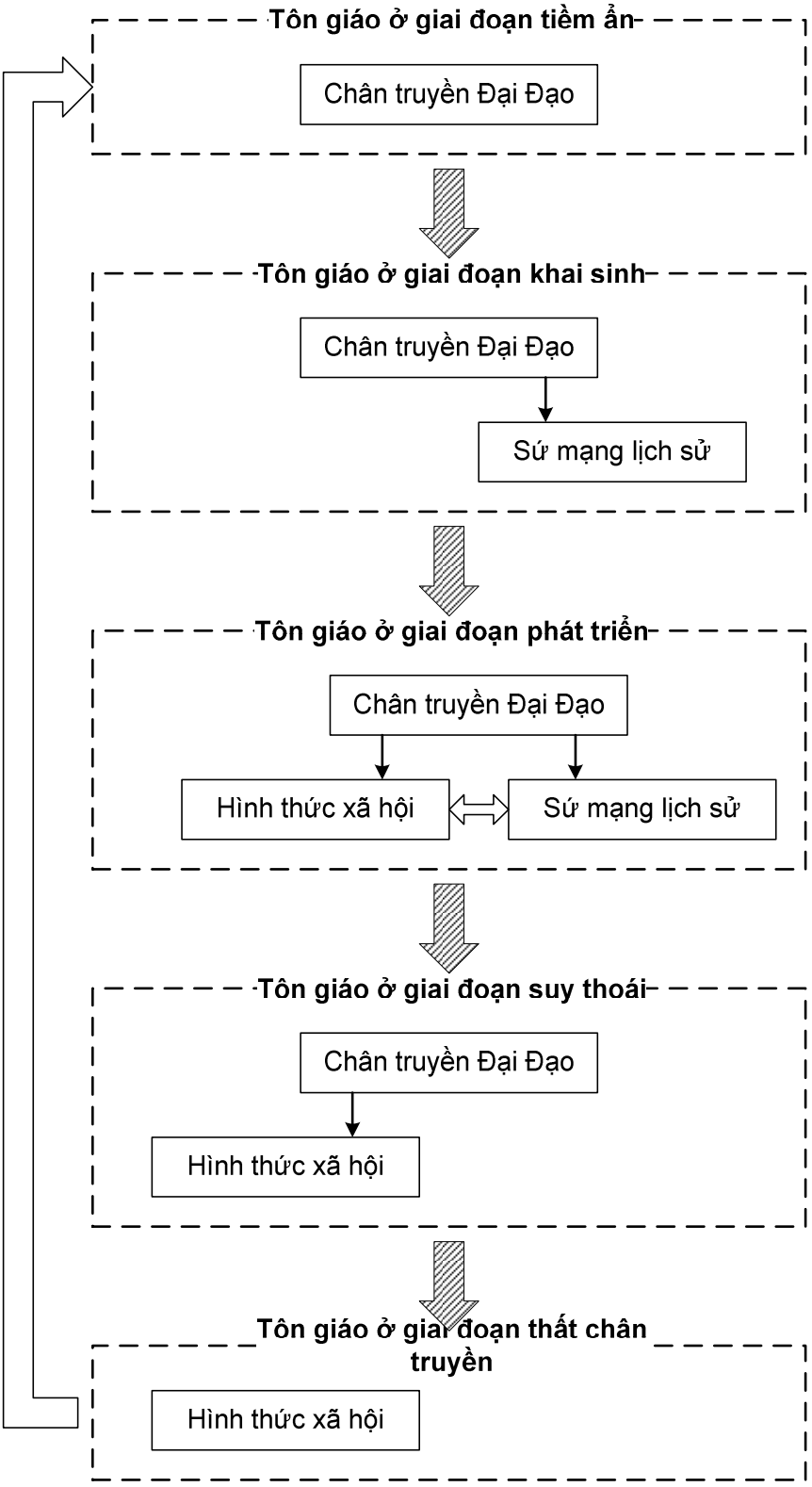

HÌNH 9. CHU KỲ PHÁT TRIỂN CỦA MỘT TÔN GIÁO.

Quan niệm về cấu trúc Thể-Tướng-Dụng và chu kỳ phát triển của tôn giáo được các Đấng Thiêng Liêng sử dụng rất phổ biến trong thánh giáo Cao Đài. Tuy vậy, để nhận ra được điều này, đôi khi cần phải có một vài thao tác phân tích (thường thì các thao tác phân tích này cũng khá đơn giản). Để làm ví dụ, chúng tôi sẽ trích một đoạn thánh giáo và phân tích nhằm làm xuất hiện các nội dung liên quan đến cấu trúc Thể-Tướng-Dụng và chu kỳ phát triển của các tôn giáo.

Đây là đoạn thánh giáo cần phân tích:

"Thượng Đế vì nhân sinh, đã phải đến trần gian nhiều lần, mở nhiều tôn giáo, mượn nhiều hình thể, bày nhiều hình thức, xưng hô nhiều danh từ khác nhau để thích hợp với mọi hoàn cảnh, mọi phong tục tập quán, mọi ngôn ngữ, để tùy thời tùy thế độ rỗi nhơn sinh cải ác tùng thiện, xa lánh nẻo mị tà, trở về đường chánh giáo.

Người thức thời hiểu đạo, nhìn các hình thức tôn giáo, đạo giáo [hay hình thức] hành đạo [tuy] có khác nhau [cũng] không lấy chi làm lạ. Trong giới đạo, thương hại thay cho những người còn nhận xét với phàm tâm phàm ý, với nhục nhãn, rồi lại bài bác chỉ trích xuyên tạc những hình thức hành đạo khác với tập quán của mình. Do đó, thế nhân trong cửa đạo thường mắc phải chứng bịnh kỳ thị. Đó là một trở ngại rất lớn trên bước đường tu thân lập hạnh.

Ví dụ, một trường hợp rất mỉa mai và đau thương [là chứng bịnh kỳ thị tôn giáo trên đất nước Việt Nam]. Đất nước này, dân tộc này, khi chưa có một tôn giáo nào khai minh, người dân vẫn sẵn có tinh thần thương yêu nhau vì tình đồng chủng, đồng quốc gia, quốc tổ Việt Nam. Nhưng đến khi có một tôn giáo rồi nhiều tôn giáo khai minh, mỗi một nhóm dân Việt vào thọ giáo mỗi tôn giáo khác nhau, vì sự nhận thức thiển cận [mà] nảy sinh óc kỳ thị. Từ đó bắt nguồn sự chia rẽ giữa những nhóm người trong các tôn giáo khác nhau; rất đỗi[3]*, chỉ biết bênh vực cho giáo thuyết giáo điều, cho các hình thức lễ bái, hành đạo, mà quên đi tình dân tộc nước non!*

Than ôi! ***tôn giáo là cái gì?*** *Phải chăng,* ***tôn giáo là phương hướng giáo thuyết để dạy đời nhìn thấy những gì thiêng liêng cao cả****. Chẳng những chỉ ở phần tâm linh tối thượng, mà tôn giáo còn dạy người đời xem nhau như ruột thịt, huynh đệ đại đồng, tuy khác nhau ở màu da sắc tóc, nhưng cũng chung thọ bẩm đức háo sanh dưỡng dục an bài của luật đương nhiên Tạo Hóa.*

Tôn giáo dạy người phải lấy tình thương yêu hòa ái [mà đối xử với nhau trong mọi xã hội], từ xã hội nhỏ (như gia đình, phu phụ, phụ tử, huynh đệ, bằng hữu), đến một xã hội bực trung (là đoàn thể, quốc gia, dân tộc) và chí đến nữa là đại xã hội nhân loại đại đồng.

Xã hội nhỏ có ***thương yêu, hòa ái*** *thì gia đình được hạnh phúc, phụ từ tử hiếu, huynh hữu đệ cung. Một xã hội bực trung có* ***thương yêu, hòa ái*** *thì đoàn thể được phát triển, nẩy nở mau lẹ trong sự dìu dắt, giáo dục, bảo vệ cho nhau; một quốc gia, [nếu] toàn thể*

[3] "Rất đỗi": đến mức (mà), đến nỗi (mà).

*dân trong nước đó từ vua quan cho đến lê thứ, dân giả, cùng đinh, mà biết **thương yêu, hòa ái** thì quốc gia đó được thạnh trị, dân tộc đó được phú túc, sung mãn, hùng cường. Nếu đại xã hội nhân loài [biết sống] đại đồng, biết **thương yêu, hòa ái** nhau, thì đại xã hội đó là một Thiên đàng Cực lạc tại thế gian.*

Bởi chưng[4] con người không nhận thức được lý đó, chỉ nhìn sự kiện với óc thiển cận, là trái ngược lại với đạo lý; cũng như, những người lãnh giáo nhận thức giáo lý thiển cận như thế, nên đã làm sai lạc tôn chỉ cao quý của tôn giáo. Đó là mầm đau khổ cho nhân loại."[5]

Trước tiên, chúng tôi sẽ phân tích để chỉ ra cấu trúc Thể-Tướng-Dụng của tôn giáo, qua đoạn thánh ngôn trên đây.

Nội dung mở đầu của đoạn trích này có liên quan đến nguồn gốc – thuộc về phần Thể – của các tôn giáo: "Thượng Đế vì nhân sinh, đã phải đến trần gian nhiều lần, mở nhiều tôn giáo, mượn nhiều hình thể, bày nhiều hình thức, xưng hô nhiều danh từ khác nhau để thích hợp với mọi hoàn cảnh, mọi phong tục tập quán, mọi ngôn ngữ, để tùy thời tùy thế độ rỗi nhơn sinh cải ác tùng thiện, xa lánh nẻo mị tà, trở về đường chánh giáo." Theo nội dung này, mọi tôn giáo đều do Thượng Đế lập ra để độ rỗi nhân sinh; và mục đích cuối cùng của tất cả tôn giáo là như nhau. Vì giáo lý và pháp môn của mỗi tôn giáo là những yếu tố dẫn dắt con người đi đến mục đích duy nhất này, nên cũng được xây dựng trên một nguyên lý như nhau. Do đó, nội dung mở đầu này nói rằng mọi tôn giáo là đồng nhất với nhau, khi xét về phần Thể.

Trong những phần sau của đoạn trích, sự đồng nhất ở phần Thể giữa các tôn giáo cũng được lặp lại, nhưng nhấn mạnh hơn về giáo lý và pháp môn; ví dụ: "tôn giáo là phương hướng giáo thuyết để dạy đời nhìn thấy những gì thiêng liêng cao cả".

Khi xét về phần Dụng, bất cứ tôn giáo nào – không có ngoại lệ – cũng thực hiện sứ mạng cứu độ nhân loại bằng cách dạy con người "cải ác tùng thiện, xa lánh nẻo mị tà", "dạy đời nhìn thấy những gì thiêng liêng cao cả", "dạy người đời xem nhau như ruột thịt, huynh đệ đại đồng", "dạy người phải lấy tình thương yêu hòa ái [mà đối xử với nhau trong mọi xã hội]". Những nội dung này được đề cập suốt từ đầu đến cuối đoạn thánh giáo. Sở dĩ chúng có thể được nhận diện như là thuộc về phần Dụng, vì chúng có liên quan đến sứ mạng, nhiệm vụ, bổn phận của tôn giáo đối với các xã hội nhân sinh.

Nếu xét về phần Tướng, mỗi tôn giáo đều có một bề ngoài riêng biệt, như đoạn thánh giáo đã nói: "… nhiều tôn giáo, mượn nhiều hình thể, bày nhiều hình thức, xưng hô nhiều danh từ khác nhau để thích hợp với mọi hoàn cảnh, mọi phong tục tập quán, mọi ngôn ngữ, để tùy thời tùy thế độ rỗi nhơn sinh…" Ví dụ, trong thực tế, hầu như mỗi tôn giáo đều có những từ ngữ của riêng mình để chỉ Đức Chí Tôn Thượng Đế: Ky Tô giáo gọi là Chúa Trời (Κύριος Kyrios [Grk], Lord [Eng]), Khổng giáo gọi là Thiên (天), Lão giáo gọi là Đạo (道), Hồi giáo gọi là Allah (الله [Arb]), Do Thái giáo gọi là JHWH (יְהוָה [Hbr]),

[4] "Bởi chưng": bởi vì.

[5] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 08-09 Kỷ Dậu (18-10-1969).

Bà La Môn giáo gọi là Phạm Thiên (ब्रह्मा Brahm [Skr]). Mỗi tôn giáo đều gọi Ngài là Đấng Sáng Tạo, Đấng Tối Cao. Thế thì, đây chỉ là sự khác biệt về ngôn ngữ, và tổng quát hơn, về văn hóa dân tộc, chứ không có gì khác biệt về nội dung. Từ những khác biệt về hình thức, các tôn giáo cũng khác biệt với nhau về phương cách hành đạo. Có tôn giáo thì chú trọng đến việc thực hiện những việc từ thiện trong xã hội, cũng có tôn giáo lại đặt nặng vào việc rèn luyện nội tâm của tín đồ. "Người thức thời hiểu đạo, nhìn các hình thức tôn giáo, đạo giáo [hay hình thức] hành đạo [tuy] có khác nhau [cũng] không lấy chi làm lạ" – đoạn thánh giáo nói – "[Nhưng ngay] trong giới đạo, thương hại thay cho những người còn nhận xét với phàm tâm phàm ý, với nhục nhãn, rồi lại bài bác chỉ trích xuyên tạc những hình thức hành đạo khác với tập quán của mình. Do đó, thế nhân trong cửa đạo thường mắc phải chứng bịnh kỳ thị. Đó là một trở ngại rất lớn trên bước đường tu thân lập hạnh."

Như vậy, qua những phân tích vừa được thực hiện, bạn đọc đã có thể nhìn thấy cấu trúc Thể-Tướng-Dụng của tôn giáo. Bây giờ, chúng tôi sẽ phân tích để tìm các nội dung liên quan đến chu kỳ phát triển năm giai đoạn của tôn giáo trong đoạn thánh ngôn đang khảo sát.

Trở lại với nội dung mở đầu. "Thượng Đế vì nhân sinh, đã phải đến trần gian"; đó là giai đoạn tiềm ẩn của một tôn giáo. Vì sao câu này mô tả giai đoạn tiềm ẩn? Một cái gì được gọi là tiềm ẩn sẽ là cái không-thể-thấy-được đối với đại chúng, nhưng lại là cái hoàn-toàn-thấy-được đối với một thiểu số nào đó có một cách nhìn đặc biệt hơn hoặc có lối tiếp cận sáng tạo hơn so với số đông. Vận dụng cho câu thánh giáo vừa nêu. Dưới cái nhìn từ bên ngoài của tuyệt đại đa số những người không chia sẻ đức tin với tôn giáo nào đó mà ta đang xét, việc Thượng Đế đến trần gian là không có thật. Nhưng, dưới cái nhìn từ bên trong của những người chấp nhận đức tin tôn giáo ấy – dĩ nhiên đây là một thiểu số so với số đông không theo đức tin này – việc Thượng Đế đến trần gian là hoàn toàn thật. Vậy, đây là giai đoạn tiềm ẩn của một tôn giáo.

Còn đây là câu liên quan đến giai đoạn khai sinh của tôn giáo: "[Thượng Đế] tùy thời tùy thế độ rỗi nhơn sinh cải ác tùng thiện, xa lánh nẻo mị tà, trở về đường chánh giáo." Câu này nói đến sứ mạng lịch sử mà mỗi tôn giáo đều phải thực hiện trong những không gian và thời gian nào đó ("tùy thời tùy thế"). Trong hầu hết các thời kỳ cứu độ ở quá khứ – như sẽ được trình bày chi tiết trong phần 2 của quyển sách này – sự độ rỗi nhân sinh đều đã Thượng Đế thực hiện thông qua các bậc giáo tổ và các vị thiên ân sứ mạng tiếp nối đạo nghiệp từ giáo tổ của mình.

Giai đoạn phát triển của tôn giáo có thể được tìm thấy trong câu: "[Thượng Đế] mượn nhiều hình thể, bày nhiều hình thức, xưng hô nhiều danh từ khác nhau để thích hợp với mọi hoàn cảnh, mọi phong tục tập quán, mọi ngôn ngữ…". Sự phát triển được thể hiện ở chỗ "bày [ra]" (triển khai) những hình thức khác nhau để thích ứng với "mọi" tình huống mà tôn giáo đối diện với. Triển khai vài hình thức trong một vài tình huống, đó chưa hẳn đã là phát triển; nhưng triển khai được nhiều hình thức đến mức có thể thích nghi với bất kỳ tình huống nào xuất hiện – với mọi tình huống – thì đó chắc chắn phải là phát triển.

Giai đoạn suy thoái của tôn giáo được tìm thấy trong những câu: "[Những người trong các tôn giáo] bài bác chỉ trích xuyên tạc những hình thức hành đạo khác với tập quán của mình", "chỉ biết bênh vực cho giáo thuyết giáo điều, cho các hình thức lễ bái, hành đạo, mà quên đi tình dân tộc nước non". Đây là những dấu hiệu của sự bất lực trước sứ mạng cứu thế độ đời ở một tôn giáo.

Nội dung cuối cùng của đoạn trích thánh giáo này nói rõ về giai đoạn thất chân truyền của tôn giáo. "Bởi chưng con người không nhận thức được lý đó, chỉ nhìn sự kiện với óc thiển cận, là trái ngược lại với đạo lý; cũng như, những người lãnh giáo nhận thức giáo lý thiển cận như thế, nên đã làm sai lạc tôn chỉ cao quý của tôn giáo. Đó là mầm đau khổ cho nhân loại." Trong giai đoạn này, bên trên thì những người lãnh đạo tôn giáo "làm sai lạc tôn chỉ cao quý của tôn giáo", bên dưới thì giáo đồ hành động "trái ngược lại với đạo lý"; tất cả đều do "sự nhận thức thiển cận".

Đến đây, chúng tôi đã chỉ ra các nội dung liên quan đến chu kỳ phát triển năm giai đoạn của tôn giáo trong đoạn trích thánh giáo được dùng để minh họa. Qua việc phân tích này, ta thấy rằng bản thân tôn giáo không tự mình biến dịch, nhưng chính vì lòng người biến dịch nên tôn giáo mới phải trải qua các giai đoạn thịnh suy trong sự phát triển, thành bại trong sứ mạng, đắc thất trong chân truyền của mình. Lòng người ở đây bao gồm "tâm ý" (ý thức và tâm thức)[6], đức độ, trình độ nhận thức của từ hàng giáo đồ đến các bậc lãnh giáo; đó là yếu tố quyết định sự hưng vong của một tôn giáo.

Tóm lại, mỗi tôn giáo đều là Đại Đạo trong bản thể của mình. Nếu dừng lại ở phần Thể, nghĩa là dừng lại ở sự khai minh Đại Đạo của Thượng Đế hay sự chứng ngộ Đạo Lý của các bậc Giáo tổ, thì tôn giáo nào cũng giống như tôn giáo nào, vì chỉ có một chân lý Đạo duy nhất trong cả sự khai minh lẫn sự chứng ngộ. Sở dĩ tôn giáo này khác với tôn giáo kia – ngay từ trong sự sáng lập tôn giáo của vị giáo tổ – đó là do phần Dụng mỗi tôn giáo, nghĩa là do lịch sử tính trong sứ mạng của mỗi tôn giáo, khiến cho, chẳng hạn, sứ mạng lịch sử của Phật giáo khác với sứ mạng lịch sử của Ky Tô giáo. Còn trong sự phát triển của mỗi tôn giáo, phần Tướng được phát sinh do bản sắc văn hóa của môi trường xã hội mà tôn giáo ấy tạm mượn để làm phương tiện thực hiện sứ mạng lịch sử của mình. Giả sử phần Tướng này mất đi, nhưng Thể và Dụng vẫn được bảo toàn, thì tôn giáo vẫn còn là tôn giáo. Nhưng nếu phần Dụng mất đi, tôn giáo sẽ trở nên vô ích, nó sẽ không còn lý do để tồn tại dù có còn nguyên vẹn Thể và Tướng; nó sẽ dần dần bị nhân loại quên lãng. Cuối cùng, nếu phần Thể mà mất đi, tôn giáo sẽ bị biến chất; và sự tồn tại của một tôn giáo thất chân truyền như vậy thường là một đại họa cho con người.

Quan niệm về chu kỳ phát triển năm giai đoạn với sự thay đổi theo thời gian của cấu trúc Thể-Tướng-Dụng cho phép giáo lý Đại Đạo dung hòa *mọi* quan niệm về tôn giáo trong nhân loại.

---

[6] "Tâm thức" bao gồm những khuynh hướng tâm lý thiên về tình cảm (nhu cầu, ước muốn, cảm xúc,…) "Ý thức" bao gồm mọi hoạt động tâm lý thiên về lý trí (hoạt động tư tưởng, trí tuệ,…) Về hai khái niệm "tâm thức" và "ý thức", xin xem thêm quyển "Triết Học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" trong bộ "Giáo Lý Đại Toàn" này.

Từ xưa đến nay, mỗi quan niệm về tôn giáo đều là kết quả của sự quan sát một số tôn giáo cụ thể nào đó, từ những góc độ nào đó, trên những phương diện nào đó của cấu trúc Thể-Tướng-Dụng và ở những thời kỳ nào đó của các tôn giáo cụ thể ấy trong chu kỳ phát triển năm giai đoạn.

Nếu việc quan sát này được thực hiện trong giai đoạn suy thoái hoặc thất chơn truyền, quan niệm tương ứng được đưa ra thường mô tả một hình ảnh tiêu cực, xấu xa hoặc hết sức đen tối về tôn giáo. Ví dụ? Clifford Geertz đã đưa ra một quan niệm về tôn giáo khá tiêu cực tuy có thừa nhận một số mặt tích cực: "Trong sự nghiệp của mình, tôn giáo có lẽ làm khổ con người không kém gì giúp con người trở nên phấn khởi hơn."[7] Gustave le Bon[8] đã mô tả cái mà ông gọi là "bản chất tôn giáo" bằng một đặc tính thật sự đáng sợ: "tôn thờ một con người được giả định là cao siêu, sợ hãi quyền năng thần bí [được] giả định [là] người ấy có, mù quáng tuân theo mọi mệnh lệnh của người ấy, không thể [nghĩa là không được phép] thảo luận những tín điều của người ấy [xem chúng là đúng hay sai], ước muốn truyền bá chúng, khuynh hướng coi mọi người không chấp nhận những tín điều ấy là kẻ thù."[9] Richard Dawkins[10] đã viết về tôn giáo như một cái gì hết sức xấu xa: "Mốt bây giờ là mô tả rất trầm trọng về những mối đe dọa đối với loài người đến từ virus AIDS, bệnh bò điên và nhiều thứ khác nhưng tôi nghĩ chúng ta có thể nêu ở đây một mối đe dọa còn nguy hiểm hơn, đó là tôn giáo, một trong những tội lỗi lớn nhất của thế giới này, không khác nào virus của bệnh đậu mùa nhưng khó lòng dập tắt hơn."[11] Nếu đã quan sát các tôn giáo đang trong giai đoạn thất chân truyền, ta không thể không đồng ý với những người đã đưa ra những quan niệm này.

Tuy nhiên, nếu việc quan sát này được thực hiện trong giai đoạn khai sinh hoặc phát triển, hoặc nếu người quan sát nhìn được vào các phần Thể và Dụng của một tôn giáo, thì quan niệm tương ứng thường phản ảnh những hình ảnh đẹp đẽ về tôn giáo. Albert Einstein[12] đã từng phát biểu: "Khoa học mà thiếu tôn giáo là què quặt, tôn giáo mà thiếu khoa học là mù lòa"[13]. Francis Collins[14] viết: "Tin vào Chúa là một sự lựa chọn hoàn toàn lý trí (…) trong thực tế, các nguyên lý của đức tin lại bổ sung cho các nguyên lý của khoa học"[15]. Fritjof Capra[16] nói: "Tôi thấy khoa học và đạo học là hai biểu hiện bổ túc lẫn nhau

---

[7] C. Geertz, "Tôn Giáo Như Một Hệ Thống Văn Hóa", bản dịch của Trương Huyền Chi, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.327.

[8] Gustave le Bon (1841-1931): nhà tâm lý học xã hội người Pháp (http://en.wikipedia.org/wiki/Gustave_le_Bon; 23-09-2010).

[9] G. le Bon, *Tâm Lý Học Đám Đông*, tr.106.

[10] Clinton Richard Dawkins (1941-): nhà sinh học tiến hóa (evolutionary biologist) người Anh, ông cũng là một nhà phê bình tôn giáo có khuynh hướng vô thần (http://en.wikipedia.org/wiki/Richard_Dawkins; 23-09-2010).

[11] Dẫn theo F. Collins, *Ngôn Ngữ Của Chúa*, tr.203.

[12] Albert Einstein (1879-1955): nhà vật lý lý thuyết người Do Thái, tác giả của Lý thuyết Tương Đối (Theory of Relativity). Ông được trao giải Nobel vật lý học năm 1921.

[13] "Science without religion is lame, religion without science is blind." Dẫn theo Alice Calaprice, *The New Quotable Einstein*, tr.203.

[14] Francis Sellers Collins (1951-): nhà di truyền học người Mỹ, lãnh đạo Dự án Giải mã Hệ thống Gene Người (HGP – Human Genome Project). Bản phát thảo đầu tiên về hệ gene người đã được tìm ra và công bố vào tháng 06-2000 (http://en.wikipedia.org/wiki/Francis_Collins_(geneticist); 23-09-2010).

[15] F. Collins, *Ngôn Ngữ Của Chúa*, tr.14.

của tư duy con người, của khả năng suy luận và khả năng trực giác. Nhà vật lý hiện đại chứng nghiệm thế giới thông qua sự chuyên môn tột cùng của tư duy trừu tượng; nhà đạo học thông qua sự chuyên môn tột cùng của trực giác. Hai cách tiếp cận này hoàn toàn khác nhau và chứa đựng nhiều hơn hẳn một cái nhìn về thế giới thuần túy vật lý. Thế nhưng, chúng bổ túc lẫn nhau, như chúng ta thường nói trong vật lý. Không cái nào chứa đựng cái kia, cũng không cái nào suy ra được từ cái kia, nhưng cả hai chúng đều cần thiết, chúng bổ túc lẫn nhau để có thể hiểu thế giới một cách hoàn toàn."[17]

Như vậy, nếu bỏ qua mọi yếu tố có liên quan đến tâm lý cá nhân của người xây dựng quan niệm (ví dụ như mức độ chủ quan hay dụng ý cá nhân của việc đưa ra quan niệm), sự khác biệt của những quan niệm phần lớn phụ thuộc vào việc người quan sát đã nhìn vào phần nào của tôn giáo và/hoặc nhìn ở giai đoạn nào trong chu kỳ phát triển của tôn giáo.

4.3. Một định nghĩa cho khái niệm "tôn giáo"

Tôn giáo hiện diện ở khắp nơi trong đời sống nhân loại; tuy nhiên, những hiểu biết về tôn giáo của đại đa số nhân loại cho đến ngày nay vẫn còn hết sức đơn sơ và chứa đầy những định kiến. Những hiểu biết này hầu như chỉ là những bộ sưu tập về hiện tượng bề ngoài của tôn giáo chứ không phải là những tri thức về bản chất tôn giáo. Cũng có nhiều học giả cho rằng mình đã nắm được bản chất của tôn giáo, nhưng học thuyết của họ không thể hiện được điều đó vì thiếu những mối liên hệ giữa cái được gọi là bản chất tôn giáo với rất nhiều thứ thuộc về hiện tượng tôn giáo; cùng lắm là các học thuyết này chỉ giải thích một số hiện tượng tôn giáo nào đó. Ở đây, chúng tôi muốn nói rằng, nếu thật sự đã nắm được bản chất tôn giáo thì phải lý giải được một cách nhất quán *mọi* – chứ không phải *một số* – hiện tượng tôn giáo. Hơn nữa, cũng như bất cứ cái gì trong thế giới này, tôn giáo luôn thay đổi theo thời gian và không gian; do đó, một hiểu biết đúng đắn về tôn giáo phải cho phép giải thích sự thay đổi, bao gồm cả sự biến chất và sự phục hưng của một tôn giáo. Nó cũng phải cho phép ta thấy được những ý nghĩa và tác dụng của tôn giáo đối với nhân loại.

Việc xây dựng một định nghĩa để định hướng cho tư duy chúng ta tiến đến những hiểu biết đúng đắn về tôn giáo là việc làm hết sức quan trọng đối với cả lý luận lẫn thực tiễn. Hơn nữa, để thoát khỏi tình trạng của những hiểu biết nghèo nàn hoặc những định kiến hẹp hòi về tôn giáo, một định nghĩa như vậy phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu: [1] phản ảnh được bản chất của tôn giáo, [2] xác lập được mối liên hệ giữa bản chất tôn giáo với mọi hiện tượng tôn giáo, [3] giải thích được mọi quá trình biến đổi về cả hiện tượng lẫn bản chất của tôn giáo theo không gian và thời gian, [4] thể hiện được ý nghĩa và tác dụng của tôn giáo đối với cá nhân và xã hội.

Việc thiếu một định nghĩa như vậy, trước nhất, sẽ dẫn đến tình trạng như Durkheim đã nhận định: "chúng ta sẽ bị đặt trước sự việc hoặc gọi là tôn giáo một hệ thống tư tưởng và

---

[16] Fritjof Capra (1939-): nhà vật lý học người Mỹ gốc Áo (http://en.wikipedia.org/wiki/Fritjof_Capra; 23-09-2010).
[17] F. Capra, *Đạo của Vật Lý*, tr.366.

thực hành không có gì là tôn giáo, hoặc là đi qua bên cạnh các hiện tượng tôn giáo mà không nhìn thấy thực chất của chúng."[18] Nhưng điều còn đáng sợ hơn thế nhiều, là nhận thức về tôn giáo của chúng ta sẽ tiếp tục bị chi phối bởi những thành kiến được ngụy trang dưới hình thức những học thuyết về tôn giáo.

Quan niệm về cấu trúc Thể-Tướng-Dụng và chu kỳ phát triển của một tôn giáo như đã được trình bày trên đây cho phép thoát khỏi tình trạng của những hiểu biết nghèo nàn hoặc những định kiến hẹp hòi về tôn giáo. Mặc dù quan niệm này do giáo lý Đại Đạo đưa ra, nó đã phảng phất xuất hiện trong những định nghĩa có nhiều ảnh hưởng nhất trong tôn giáo học. Để làm ví dụ, ta hãy xét hai định nghĩa nổi tiếng, một của Durkheim và một của Geertz.

Định nghĩa về tôn giáo của Durkheim, được ông đưa ra vào năm 1912 trong "Les Formes Élémentaires de la Vie Religieuse": "Tôn giáo là một hệ thống có tính chất gắn bó của những niềm tin và những thực hành liên quan đến những điều thiêng liêng, nghĩa là được tách biệt, cấm đoán, những niềm tin và thực hành gắn bó tất cả những ai gia nhập vào một cộng đồng tinh thần, được gọi là Giáo hội."[19] ("La religion est un système solidaire de croyances et de pratiques relatives à des choses sacrées, c'est-à-dire séparées, interdites, croyances et pratiques qui unissent en une même communauté morale, appelée Église, tous ceux qui y adhèrent." [Frc])[20] Trong định nghĩa này, thuộc về phần Thể là "những niềm tin" ("croyances") và "những điều thiêng liêng" ("choses sacrées"); thuộc về phần Tướng là "hệ thống có tính chất gắn bó…" ("système solidaire...") và "Giáo hội" ("Église"); thuộc về phần Dụng là "những thực hành" ("pratiques").

Định nghĩa về tôn giáo của Clifford Geertz, được ông đưa ra vào năm 1966 trong "Religion as a Cultural System": "Tôn giáo là một hệ thống biểu tượng, hoạt động nhằm thiết lập những tâm trạng và động cơ mạnh mẽ, rộng khắp và bền lâu trong con người bằng cách đề ra những khái niệm về một trật tự chung của sự tồn tại và khóac cho những khái niệm này bằng một hào quang của sự thật khiến cho những tâm trạng và động cơ đó dường như là hiện thực duy nhất."[21] ("A religion is a system of symbols which acts to establish powerful, pervasive, and long-lasting moods and motivations in men by formulating conceptions of a general order of existence and clothing these conceptions with such an aura of factuality that the moods and motivations seem uniquely realistic." [Eng])[22] Trong định nghĩa này, thuộc về phần Thể là "những tâm trạng và động cơ mạnh mẽ, rộng khắp và bền lâu trong con người" ("powerful, pervasive, and long-lasting moods and motivations"); thuộc về phần Tướng là "hệ thống biểu tượng" ("system of symbols");

---

[18] E. Durkheim, "Định Nghĩa Hiện Tượng Tôn Giáo và Về Tôn Giáo", bản dịch của Đào Hùng, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.35.
[19] E. Durkheim, "Định Nghĩa Hiện Tượng Tôn Giáo và Về Tôn Giáo", bản dịch của Đào Hùng, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.60.
[20] http://fr.wikipedia.org/wiki/Religion; 01-07-2010.
[21] C. Geertz, "Tôn Giáo Như Một Hệ Thống Văn Hóa", bản dịch của Trương Huyền Chi, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.312.
[22] http://www.iwp.uni-linz.ac.at/lxe/sektktf/gg/GeertzTexts/Religion_System.htm; 01-07-2010.

thuộc về phần Dụng là "hoạt động nhằm thiết lập…" ("which acts to establish…") và "đề ra những khái niệm về một trật tự chung của sự tồn tại và khóac cho những khái niệm này bằng một hào quang của sự thật khiến cho những tâm trạng và động cơ đó dường như là hiện thực duy nhất" ("formulating conceptions of a general order of existence and clothing these conceptions with such an aura of factuality that the moods and motivations seem uniquely realistic.")

Xem ra, trong cả hai định nghĩa rất nổi tiếng này đều có phảng phất những bóng dáng của cấu trúc Thể-Tướng-Dụng. Nhưng có lẽ cả Durkheim lẫn Geertz sẽ xây dựng nên những định nghĩa tốt hơn nhiều nếu có được trong tay những thông tin về cấu trúc Thể-Tướng-Dụng của giáo lý Đại Đạo, ít nhất là cũng mở rộng những định nghĩa của mình để thể hiện được bản chất nhân bản của tôn giáo.

Từ quan niệm của giáo lý Đại Đạo về cấu trúc Thể-Tướng-Dụng và chu kỳ phát triển của một tôn giáo, chúng tôi đưa ra một định nghĩa về tôn giáo, như sau:

"Tôn giáo là một hệ thống các phương tiện thể hiện tác năng cứu độ của Đại Đạo, giúp cho con người tìm đến Đại Đạo và đạt được Đại Đạo để nâng cao giá trị của bản thân và xã hội."

Định nghĩa này được xây dựng trực tiếp từ thánh ngôn, thánh giáo Cao Đài. Có thể thấy rằng phát biểu "tôn giáo là một hệ thống các phương tiện (…) giúp cho con người tìm đến Đại Đạo" được lấy ý tưởng từ các câu thánh giáo như:

*"**Tôn giáo** là cửa vào tìm **Đạo**."*[23]

*"**Tôn giáo** là cửa vào **Đại Đạo**, vào chơn lý"*[24]

*"**Tôn giáo** (…) là phương tiện để truyền **Đạo**, giáo **Đạo**…"*[25]

Phát biểu "tôn giáo là một hệ thống các phương tiện (…) giúp cho con người (…) đạt được Đại Đạo" được lấy ý tưởng từ các câu thánh giáo như:

*"**Đạo** là vô vi, vô hình; còn **tôn giáo** là cái cửa. Mỗi người – muốn thành Phật, Tiên – phải chun qua cái cửa ấy mà vô trong, mới tới **Đạo**."*[26]

*"**Tôn giáo** chỉ là một **phương thức tổ chức**, là một **sự sắp đặt có đường lối**, được mệnh danh theo từng thời kỳ khai lập **cho Lý Đạo truyền thành**."*[27]

Phát biểu "tôn giáo là một hệ thống các phương tiện thể hiện tác năng cứu độ của Đại Đạo" được lấy ý tưởng từ những câu thánh giáo như:

---

[23] Đức Di Lạc Thiên Tôn; Trúc Lâm Thiền Điện, Tý thời, 18-07 Canh Tuất (18-08-1970).
[24] Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu; Nam Thành Thánh Thất, Tuất thời, 13-02 Bính Ngọ (04-03-1966).
[25] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-11 Đinh Mùi (16-12-1967)
[26] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 28-08 Bính Tý (1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Thập Tự Tam Thanh", tr.330.
[27] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; *Tam Thừa Chơn Giáo* (Q. 2, Trung Thừa Chơn Giáo), "Tôn Chỉ Đại Đạo", tr.17.

*"**Tôn giáo** là **phương hướng giáo thuyết** để **dạy đời** nhìn thấy **những gì thiêng liêng cao cả**. Chẳng những chỉ ở phần tâm linh tối thượng, mà tôn giáo còn dạy người đời xem nhau như ruột thịt, huynh đệ đại đồng, tuy khác nhau ở màu da sắc tóc, nhưng cũng chung thọ bẩm đức háo sanh dưỡng dục an bài của luật đương nhiên Tạo Hóa. (…) Xã hội nhỏ [như gia đình, hay xã hội giữa một vài cá nhân gần gũi nhau như phu phụ, phụ tử, huynh đệ, bằng hữu] có thương yêu, hòa ái thì gia đình được **hạnh phúc**, phụ từ tử hiếu, huynh hữu đệ cung. Một xã hội bực trung [ví dụ: đoàn thể, quốc gia, dân tộc] có thương yêu, hòa ái thì đoàn thể được **phát triển**, nẩy nở mau lẹ trong sự dìu dắt, giáo dục, bảo vệ cho nhau; một quốc gia, [nếu] toàn thể dân trong nước đó từ vua quan cho đến lê thứ, dân giả, cùng đinh, mà biết thương yêu, hòa ái thì quốc gia đó được **thạnh trị**, dân tộc đó được **phú túc**, **sung mãn**, **hùng cường**. Nếu đại xã hội nhân loài [biết sống] đại đồng, biết thương yêu, hòa ái nhau, thì đại xã hội đó là một **Thiên đàng Cực lạc tại thế gian**."*[28]

Phát biểu "tôn giáo là một hệ thống các phương tiện (…) giúp cho con người (…) nâng cao giá trị của bản thân và xã hội" được lấy ý tưởng từ những câu thánh giáo như:

*"Thầy lập **đạo** [tức là **tôn giáo**][29] cốt để **nâng cao cái chơn giá trị của chúng sanh**, chớ không phải Thầy lập đạo để dạy các con tìm bóng trăng nơi đáy biển."*[30]

Bây giờ, chúng tôi giải thích các khái niệm trong mệnh đề định nghĩa.

Trước tiên, khái niệm "phương tiện" ở đây được sử dụng trong mối tương quan với khái niệm "mục đích", để chỉ cái mà nhờ nó, một chủ thể đạt được mục đích của mình. Giữa chủ thể và mục đích, thì phương tiện đóng vai trò một cầu nối trung gian, cho phép chủ thể tiếp cận với mục đích. Định nghĩa này nói rằng, mục đích mà con người cần đạt đến chính là Đại Đạo. Chú ý rằng phạm trù "Đại Đạo" cần được hiểu theo bốn mức độ ý nghĩa, bao gồm: [1] Đạo của càn khôn vũ trụ, [2] bản thể đại đồng của nhân loại, [3] cơ cứu độ vạn linh của Thượng Đế, [3] căn bản chung của mọi tôn giáo.

Trên thực tế, mỗi tôn giáo không tồn tại như là một phương tiện duy nhất, nhưng tồn tại như là một tập hợp nhiều phương tiện rất khác biệt nhau và được kết với nhau một cách có hệ thống. Do đó, định nghĩa trên nói rằng mỗi tôn giáo là một "hệ thống [của] các phương tiện". Hệ thống phương tiện này bao hàm bất cứ cái gì thuộc về Thể, Tướng hoặc Dụng tương ứng với tôn giáo ấy. Để làm ví dụ, có thể liệt kê một số thành tố cụ thể trong hệ thống phương tiện này:

- Nguồn gốc thiêng liêng, mục đích cứu độ, giáo lý, pháp môn,…
- Biểu tượng, giáo phục, nghi lễ tôn giáo, tổ chức giáo hội, kiến trúc giáo đường,…
- Sứ mạng, trách nhiệm, bổn phận,… của tôn giáo đối với nhân loại.

---

[28] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 08-09 Kỷ Dậu (18-10-1969).
[29] Chữ "đạo" này có nghĩa là "tôn giáo" (religio).
[30] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; đàn tại Mỹ Tho (17-07-1933); *Revue Caodaique* (số 5), tr.261.

Đây cũng là các thành tố tạo nên cấu trúc Thể-Tướng-Dụng của tôn giáo, như có thể thấy ở hình 10. Do hệ thống các phương tiện này bao hàm cả Thể, Tướng, Dụng, nên cũng "thể hiện tác năng cứu độ của Đại Đạo" – như được phát biểu trong mệnh đề định nghĩa. Tất cả thành tố được liệt kê trong hình này đều thể hiện tác năng cứu độ, ví dụ như: mục đích cứu độ, giáo lý, pháp môn, tổ chức giáo hội, sứ mạng,…

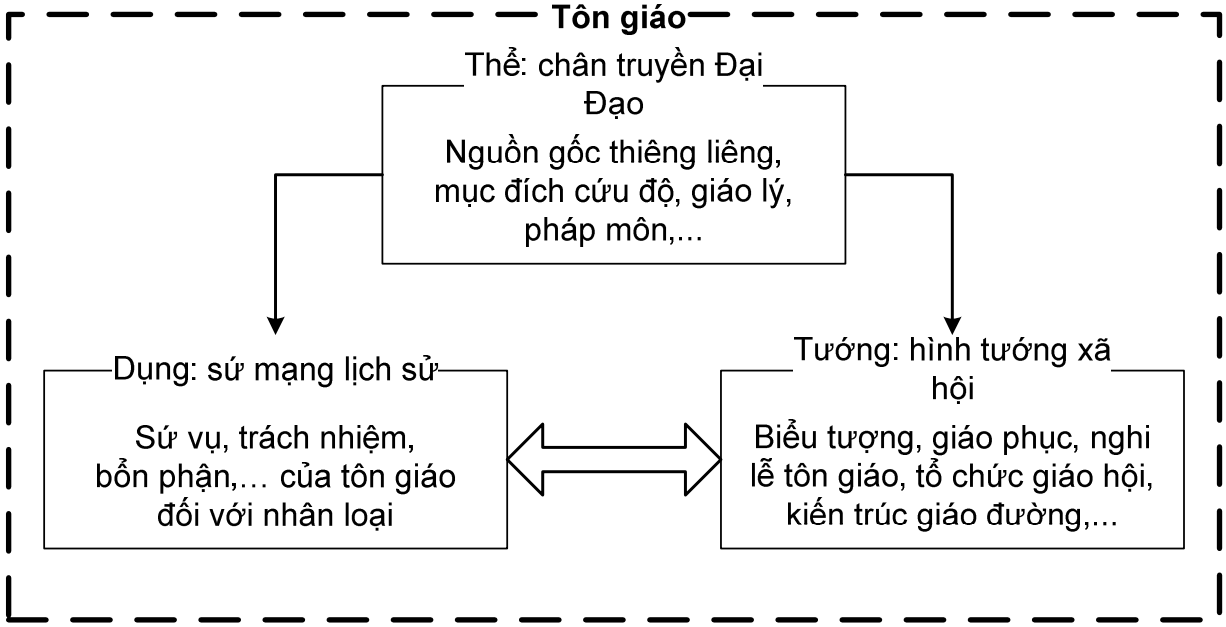

HÌNH 10. MỘT SỐ THÀNH TỐ CỤ THỂ TRONG "HỆ THỐNG CÁC PH□ □NG TIỆN GIÚP CHO CON NG□ỜI TÌM ĐẾN VÀ ĐẠT Đ□ỢC ĐẠI ĐẠO".

Chúng ta hãy kiểm tra lại xem định nghĩa trên đây có đáp ứng được các yêu cầu đã đề ra hay không.

Theo yêu cầu thứ nhất, liệu định nghĩa trên đây có phản ảnh được bản chất của tôn giáo? Phát biểu "**Tôn giáo là một hệ thống các phương tiện thể hiện tác năng cứu độ của Đại Đạo**" nói rằng bản chất của tôn giáo là phương tiện, và phương tiện này thể hiện sự cứu độ của Đại Đạo. Tôn giáo không phải cái gì khác hơn là một cầu nối trung gian giúp cho con người tìm đến và đạt được Đại Đạo. Thế thì tôn giáo không phải là mục đích của con người, nhưng là một phương tiện mà con người sử dụng để hiểu được Đạo, làm được Đạo, sống được Đạo, và chứng được Đạo.

Quan niệm này có phù hợp với thực tế? Ta hãy nhìn vào thực tế của các tôn giáo. Theo lối suy nghĩ đơn giản của quần chúng trên toàn thế giới, nhập môn vào một tôn giáo là để được Ơn Trên (Trời, Phật, Tiên, Thánh, Thần) phù hộ trong đời sống tại thế gian và được cứu rỗi lên Trời (Thiên đàng hoặc Niết Bàn) sau khi chết. Lối suy nghĩ này tuy hết

sức đơn giản nếu không nói là có phần nào ngây thơ; nhưng ngay ở mức độ đơn giản và ngây thơ như vậy, quần chúng cũng đã tỏ ra rất sáng suốt để cho rằng tôn giáo chỉ là một phương tiện (mà nhờ đó họ được Trời Phật phù hộ và cứu rỗi) chứ không cho rằng tôn giáo là mục đích cuối cùng trong cuộc đời của họ. Không một ai cho rằng nhập môn vào một tôn giáo chỉ để trở thành một người có tôn giáo! Và chính lối suy nghĩ ở mức độ đơn giản của quần chúng – vào đạo là để được phù hộ khi còn sống và được đưa về Trời khi đã chết – đã phản ảnh cùng một nội dung như đã được phát biểu trong mệnh đề định nghĩa tôn giáo: "tôn giáo là một hệ thống các phương tiện thể hiện tác năng cứu độ của Đại Đạo".

Trong kinh điển căn bản của nhiều tôn giáo, ta cũng tìm thấy những quan niệm tương tự như của định nghĩa trên đây. Trong kinh "Viên Giác" của Phật giáo có câu: "Kinh giáo như ngón tay chỉ mặt trăng, nếu thấy được mặt trăng thì biết rõ ngón tay rốt ráo không phải là mặt trăng."[31] Câu kinh này là cơ sở cho dụ ngôn "ngón tay chỉ trăng" nổi tiếng của Phật giáo. Kinh điển, giáo lý, pháp môn,… tuy rất quan trọng (thuộc phần Thể của tôn giáo, theo lối hệ thống hóa của quyển sách này) nhưng chẳng phải cái gì khác hơn là "ngón tay chỉ trăng" chứ không phải là bản thân "mặt trăng". Tôn giáo chỉ là pháp, là phương tiện, chứ không phải là mục đích. Đây chính là quan niệm của định nghĩa "tôn giáo là một hệ thống các phương tiện…"

Như vậy, định nghĩa này phản ảnh được bản chất của tôn giáo.

Xét yêu cầu thứ hai: liệu định nghĩa trên đây có xác lập được các mối liên hệ giữa bản chất tôn giáo với mọi hiện tượng tôn giáo?

Hiện tượng tôn giáo là những gì có thể quan sát được mà có liên quan đến sự tồn tại của tôn giáo. Thuộc về hiện tượng tôn giáo, ta có:

- Toàn bộ phần Tướng của tôn giáo, bao gồm biểu tượng, giáo phục, nghi lễ tôn giáo, tổ chức giáo hội, kiến trúc giáo đường, và các hình thức biểu hiện khác.
- Những hành động hay hoạt động để thực hiện sứ mạng, trách nhiệm, bổn phận,… của tôn giáo đối với nhân loại, cũng như những kết quả của các hành động và hoạt động này.
- Những yếu tố có thể quan sát được trong phần Thể, ví dụ như một số pháp môn tôn giáo.

Mọi hiện tượng tôn giáo đều không thể nằm ngoài phạm vi có thể quan sát được của cấu trúc Thể-Tướng-Dụng như vừa nêu. Chẳng những thế, chúng còn có những liên hệ mật thiết với bản chất tôn giáo. Ta hãy xem những mối liên hệ này hiện diện như thế nào.

Như đã nói, bản chất của tôn giáo là phương tiện thể hiện Đại Đạo và giúp con người đạt được Đại Đạo. Phần Tướng là *cách thức tồn tại* của phương tiện này; nếu không có những biểu tượng, giáo phục, nghi lễ, tổ chức giáo hội, kiến trúc giáo đường,… thì

[31] Thích Thanh Từ, *Kinh Viên Giác Giảng Giải*, tr.153.

phương tiện này không có một cách thức nào để tồn tại trong xã hội nhân sinh. Phần Dụng là *chức năng* của phương tiện này; nếu không có những hành động thực thi sứ mạng cứu độ, hoặc nếu không gặt hái được những kết quả cứu độ cụ thể, thì phương tiện này chẳng những không thể hiện được tác năng cứu độ của Đại Đạo, mà còn trở thành một thứ bánh vẽ vô dụng đối với con người. Phần Thể là *bản thân* của phương tiện này; nếu không có những pháp môn tôn giáo để giúp con người đạt đến mục đích cứu độ, thì tôn giáo không thể được gọi là "phương tiện" theo nghĩa là "cái mà nhờ nó, một chủ thể đạt được mục đích của mình".

Do đó, mọi hiện tượng tôn giáo đều liên hệ với bản chất tôn giáo theo một trong ba trường hợp: [1] hiện tượng ấy là *cách thức tồn tại* của tôn giáo; [2] hiện tượng ấy là *chức năng* của tôn giáo; [3] hiện tượng ấy là *bản thân* của tôn giáo.

Phát biểu **"Tôn giáo là một hệ thống các phương tiện thể hiện tác năng cứu độ của Đại Đạo, giúp cho con người tìm đến Đại Đạo và đạt được Đại Đạo để nâng cao giá trị của bản thân và xã hội"** chứa đựng cả ba mối liên hệ giữa hiện tượng tôn giáo với bản chất tôn giáo. Thật vậy: [1] cụm từ "hệ thống các phương tiện thể hiện…" nói về *cách thức tồn tại* của tôn giáo; [2] cụm từ "… tác năng cứu độ của Đại Đạo…" nói về *chức năng* của tôn giáo; [3] cụm từ "… giúp cho con người tìm đến Đại Đạo và đạt được Đại Đạo để nâng cao giá trị của bản thân và xã hội" nói về *bản thân* của tôn giáo.

Như vậy, định nghĩa trên đây xác lập được các mối liên hệ giữa bản chất tôn giáo với mọi hiện tượng tôn giáo.

Xét yêu cầu thứ ba: liệu định nghĩa trên đây có giải thích được mọi quá trình biến đổi về cả hiện tượng lẫn bản chất của tôn giáo theo không gian và thời gian? Vì khái niệm "hệ thống các phương tiện" ở đây bao hàm cả Thể, Tướng, Dụng, nên định nghĩa nêu trên luôn thích hợp cho một tôn giáo mà không phụ thuộc vào việc tôn giáo ấy đang ở vào tình trạng nào trong chu kỳ phát triển của nó. Tuy nhiên, do sự bao hàm này, nên khi một trong ba phần Thể, Tướng, hay Dụng được thêm vào hay bị mất đi, thì "hệ thống các phương tiện" đương nhiên sẽ bị ảnh hưởng, dẫn đến việc thay đổi đối với hiện tượng tôn giáo hoặc bản chất tôn giáo.

Như vậy, định nghĩa trên đây giải thích được mọi quá trình biến đổi về cả hiện tượng lẫn bản chất của tôn giáo theo không gian và thời gian.

Xét yêu cầu thứ tư: liệu định nghĩa trên đây có thể hiện được ý nghĩa và tác dụng của tôn giáo đối với cá nhân và xã hội? Khi nói rằng tôn giáo "**thể hiện tác năng cứu độ của Đại Đạo, giúp cho con người tìm đến Đại Đạo và đạt được Đại Đạo để nâng cao giá trị của bản thân và xã hội**", thì chính cụm từ trong ngoặc kép này đã trực tiếp nói lên ý nghĩa và tác dụng của tôn giáo đối với bản thân mỗi người cũng như đối với xã hội nhân sinh.

Tóm lại, định nghĩa này đáp ứng cả bốn yêu cầu đã đặt ra từ ban đầu.

5. KẾT LUẬN

Với tựa đề "Đại Đạo và tôn giáo", chương này đã trình bày về bản chất của mọi tôn giáo trên thế giới, dựa theo những lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng qua cơ bút trong Tam Kỳ Phổ Độ.

Tất cả tôn giáo từ xưa đến nay đều có cùng một bản chất duy nhất là phương tiện thể hiện Đại Đạo cũng như dẫn dắt con người đến chỗ hiểu biết và chứng đắc Đại Đạo. Mọi tôn giáo trên thế giới này đều là những thể hiện khác nhau ở vào những thời đại khác nhau của cùng một sự cứu độ duy nhất mà Thượng Đế dành cho nhân loại ở quả địa cầu này. Sự cứu độ này mặc dù là những hồng ân do Thượng Đế ban cho con người – bằng cách khai mở những tôn giáo để dẫn dắt con người trở về với nhân bản – nhưng tất cả những hồng ân ấy đều chỉ mang tính chất trợ lực cho con người. Kết quả cuối cùng của sự cứu độ chỉ có thể nằm ở sự nỗ lực tu tiến của mỗi con người để nâng cao giá trị của bản thân và của những cộng đồng xã hội mà mình đang sống trong đó.

CHƯƠNG 2.
TAM GIÁO ĐẠO

"Trong Tam Giáo có lời khuyến dạy
Gốc bởi lòng làm phải, làm lành."
Khai Kinh[32]

1. TAM GIÁO ĐẠO LÀ GÌ?

Khi chọn ra hai tôn giáo *bất kỳ* trên thế giới để đối chiếu, trong đó, mỗi tôn giáo được lấy ra từ một không-thời gian bất kỳ, ta hầu như không thấy một mối liên quan trực tiếp nào giữa chúng. Giữa hai tôn giáo đặc biệt nào đó có thể có sự tương đồng với nhau ở mặt này hay mặt khác, nhưng giữa hai tôn giáo bất kỳ thuộc hai thời đại bất kỳ và hai nền văn hóa bất kỳ, thì ít ai thấy được sự liên hệ nào.

Tuy nhiên, giáo lý Đại Đạo chỉ ra rằng mọi tôn giáo từ xưa đến nay đều có liên hệ mật thiết với nhau. Tất cả tôn giáo, dù có khác biệt nhau đến đâu, đều cùng thuộc về một hệ thống. Hệ thống này là hệ thống các đường lối giáo hóa nhân loại – để nhân loại biết "làm phải, làm lành" như bài Khai Kinh trong kinh "Thiên Đạo và Thế Đạo" đã nói – được gọi là **Tam Giáo Đạo**. Hơn thế nữa, không một tôn giáo nào có thể xuất hiện, tồn tại hay phát triển bên ngoài hệ thống này.

Vậy, "Tam Giáo Đạo" là gì?

1.1. Khảo cứu thánh ngôn

Trong một lần giáng cơ tại Thiên Lý Đàn vào năm Ất Tỵ (1965), Đức Trần Hưng Đạo Đại Thánh đã thuật lại lời dạy của Đức Văn Tuyên Khổng Thánh mà Ngài đã tiếp nhận từ cung Văn Tuyên như sau:

"Đạo tuy ba phái, nhưng Lý vẫn một nguồn, đều do Khí Hạo Nhiên Huyền Huyền Thượng Đế phát ban, mà Đức Lão Quân tạm gọi là Tam Giáo Đạo, để áp dụng sự cứu cánh toàn cả nhân loại trên thế gian, trong khi tinh thần, vật chất bị đảo lộn."[33]

Từ đoạn thánh ngôn trên đây, "Tam Giáo Đạo" là một thuật ngữ được Đức Thái Thượng Lão Quân sử dụng để chỉ "ba phái" tức là **ba đường lối giáo hóa nhân loại**, và ba đường lối này đều **xuất phát từ một nguồn gốc duy nhất là Thượng Đế**. Vào những

[32] *Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*.
[33] Đức Văn Tuyên Khổng Thánh (qua lời thuật lại của Đức Trần Hưng Đạo); Thiên Lý Đàn, 15-07 Ất Tỵ (11-08-1965).

thời kỳ lịch sử khác nhau, khi mà sự cân bằng giữa tinh thần và vật chất của nhân loại "bị đảo lộn", Thượng Đế đã lập ra nhiều tôn giáo khác nhau ở thế gian, mỗi tôn giáo đều mang một sứ mạng để thực hiện một trong ba đường lối giáo hóa này hầu cứu độ toàn nhân loại. Giáo lý Đại Đạo gọi ba đường lối giáo hóa đó là Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo.

Nếu hiểu ở một mức độ đại cương, Thánh Đạo là đường lối xây dựng xã hội nhân sinh bằng lẽ công bình; Tiên Đạo là đường lối dưỡng dục con người bằng lòng bác ái; còn Phật Đạo là đường lối giải thoát tâm linh cho chúng sinh bằng đức từ bi. Tuy cách thức giáo hóa nhân loại có khác biệt nhau, nhưng cả ba đường lối đó đều nhắm đến một mục đích duy nhất là phát triển Thánh Tâm (hay Đạo Tâm, Phật Tâm) của con người để thánh thiện hóa từ cá nhân đến xã hội.

"Trong Tam Giáo, lý chơn như một,
*Thánh, **công bình**, là hột giống thương,*
*Tiên thì **bác ái** tứ phương,*
*Phật thường chuyên luyện con đường **từ bi**.*

Suy cho kỹ đều y mục đích,
Tùy mỗi nơi khuyến khích môn đồ,
Nhà lành nẻo chánh lần vô,
Xa điều ác ý, điểm tô tâm hiền."[34]

Từ thời mới khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, danh từ "Tam Giáo Đạo" đã được các Đấng Thiêng Liêng sử dụng. Trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", chúng ta có thể tìm thấy lời dạy sau đây của Đức Thái Thượng Lão Quân khi Ngài giáng cơ độ dẫn các tín đồ tu theo đạo của Ngài quy hiệp về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

*"Chư nhu có biết thời kỳ này là thời kỳ nào chăng? (…) Còn chẳng bao lâu nữa, thì **Tam Giáo Đạo** đã ngưng lại hết. Hễ ai có duyên phần, thì có Thầy độ lúc này; nếu qua khỏi thời kỳ này thì không ai độ. Vậy chư nhu phải truyền bá ra. Như người nào mộ đạo, thì phải cầu đạo sớm đi."*[35]

Nhưng "Tam Giáo Đạo" bao gồm những tôn giáo nào?

Trước hết, nếu xét ở phạm vi địa văn hóa của khu vực Đông Nam Á, thì Tam Giáo Đạo là ba tôn giáo lớn của nền văn minh Hoa-Ấn (Trung Hoa và Ấn Độ), đó là:

- Thích giáo (Thích Ca giáo, hay còn được gọi là Phật giáo),
- Lão giáo (còn được gọi là Tiên giáo, hay Đạo giáo),
- Khổng giáo (thường được gọi là Nho giáo).

Ta có thể thấy được điều này qua một đoạn thánh ngôn của Đức Lý Giáo Tông:

---

[34] Đức Gia Tô Giáo Chủ; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 18-11 Tân Sửu (24-12-1961).
[35] Đức Thái Thượng Lão Quân; Minh Tân Đàn, 26-09 Bính Dần (01-11-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.59.

"Tam Giáo Đạo gồm trong danh từ Đại Đạo. Người có nhiệm vụ ở phần Nho tông chuyển thế là Đạo trị thế. Người có trách nhiệm về Thích giáo, Lão giáo là Đạo hoát khai tâm linh."[36]

Qua đoạn thánh ngôn trên đây, "Tam Giáo Đạo" là ba tôn giáo lớn của Á Đông, tức là Nho giáo, Thích Giáo và Lão giáo. Từ trước khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ xuất hiện, ba tôn giáo này đã được xem là tiêu biểu cho tinh thần tôn giáo Á Đông do mức độ ảnh hưởng sâu rộng đối với văn hóa Á Đông trong hơn hai ngàn năm.

Tiếp theo, nếu vượt ra khỏi khung cảnh của văn hóa Á Đông và xem xét Tam Giáo Đạo ở quy mô toàn thế giới, ta có thể chứng minh được rằng Tam Giáo Đạo *không chỉ* bao gồm Thích giáo, Lão giáo và Khổng giáo như vừa nêu, mà còn bao gồm nhiều tôn giáo khác. Ta hãy bắt đầu việc chứng minh bằng cách xét một tôn giáo lớn trên thế giới không thuộc về tam giáo Á Đông, chẳng hạn như Ky Tô giáo.

Ky Tô giáo có thuộc về Tam Giáo Đạo hay không? Trong "Thánh Huấn Hiệp Tuyển", ta có thể tìm thấy một sự xác nhận rằng Gia Tô giáo (tức là Ky Tô giáo) thuộc về Tam Giáo Đạo. Thật vậy, khi đề cập đến những kinh nghiệm lịch sử cho sự phát triển của các tôn giáo trong Tam Giáo Đạo, Đức Văn Tuyên Khổng Thánh đã dạy:

*"Nầy chư môn đệ! Hãy rút kinh nghiệm trong **Tam Giáo Đạo**. Trong trang sử đạo [của] các nước, thấy rằng: tại sao Đức Phật giáng sanh tại Ấn Độ, mà hôm nay Phật giáo không bành trướng trong đất nước ấy được? Lại như Gia Tô giáo cũng thế. Đến đạo Thánh của Thánh Sư đây cũng trong tình trạng ấy.*

[Hãy] Suy cổ nghiệm kim, ôn cố nhi tri tân để tìm hiểu những điều biến chuyển ấy, để làm bài học mà bảo tồn nền Đại Đạo của Trời hiện nay."[37]

Qua đoạn thánh giáo trên đây, nếu muốn học hỏi kinh nghiệm phát triển một tôn giáo trong Tam Giáo Đạo, thì người tín đồ Đại Đạo có thể lấy Ky Tô giáo (hay Phật giáo, Khổng giáo, v.v…) để học hỏi. Như vậy, một cách gián tiếp, Đức Văn Tuyên Khổng Thánh đã xác nhận rằng Ky Tô giáo thuộc về Tam Giáo Đạo.

Những vần thơ sau đây của Đức Jesus Christ còn chứa đựng lời giải đáp trực tiếp và chi tiết hơn nữa:

"Mượn vần thơ Việt đề lên,
Tỏ bày lý đạo đôi bên hản[38] *tường.*

***Tam Giáo Đạo** biểu dương cửa Thánh,*
Nhứt khí thiên chấp chánh quyền năng;
Đông, Tây, Nam, Bắc khôn ngằn,
Ngũ châu lục địa hóa hoằng đạo cơ.

---

[36] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Chí Thiện Đàn (Minh Đức Nho Giáo), Tuất thời, 26-08 Nhâm Tý (03-10-1972).
[37] Đức Văn Tuyên Khổng Thánh; *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (Q.1), "Thành Ý Chánh Tâm", tr.109.
[38] "Hản": biết rõ. "Hản tường": tỏ tường, hiểu rõ.

Chiết chơn linh trong giờ giáng thế,
Ga-li-lê thể hiện phép mầu;
Cứu người câm điếc thương đau,
Thi tài biến hóa dân Âu gội nhuần.

Noi Cựu Ước tinh thần bất hủ,
Dụng Tân Kinh[39] gồm đủ lý chơn…"[40]

Đây là một trích đoạn từ bài thơ tự thuật của Chúa Jesus về cuộc đời của Ngài khi còn truyền Đạo tại thế gian. Câu thơ "Tam Giáo Đạo biểu dương cửa Thánh" cho ta thấy rằng sứ mạng của Ngài là xiển dương Thánh Đạo trong Tam Giáo Đạo.

Như vậy, ta đã chỉ ra rằng Ky Tô giáo thuộc về Thánh Đạo trong Tam Giáo Đạo.

Riêng đối với Thánh Đạo trong Tam Giáo Đạo, ta có thể chứng minh theo chiều ngược lại: Thánh Đạo không chỉ bao gồm Ky Tô giáo, mà còn bao gồm nhiều tôn giáo khác. Ví dụ, Khổng giáo cũng nằm trong Thánh Đạo. Thật vậy, Đức Đông Phương Chưởng Quản đã giải thích về mối liên hệ giữa Thánh Đạo và Khổng giáo như sau:

"Đạo có từ trước Trời Đất, Đạo hóa âm dương mới sanh vạn vật, mà Thánh Đạo không phải đạo của Trung Quốc, chỉ là chiết thân[41] để mượn Trung Quốc mở đạo; ví như Đại Đạo ngày nay, không phải đạo của Việt Nam, mà đến thời kỳ quy nguyên lại mượn Việt Nam mà mở đạo. Bao nhiêu lịch trình trên thế giới, bao nhiêu uẩn khúc của cuộc định phân, làm sao người đời lại không tìm hiểu, mà chỉ đem cái hiểu của một đoản kỳ giả tạo, phỏng gọi là Thánh Đạo được chăng?"[42]

Đoạn thánh giáo trên đây cho ta thấy:

- Khổng giáo ở Trung Quốc là một tôn giáo thuộc Thánh Đạo,
- Thánh Đạo là một đường lối giáo hóa bao gồm nhiều tôn giáo trên thế giới.

Như vậy, không chỉ riêng ba tôn giáo ở Đông Á, mà nhiều tôn giáo khác trên thế giới cũng thuộc về Tam Giáo Đạo. Những tôn giáo này – tùy theo những đặc trưng của mỗi tôn giáo – sẽ được giáo lý Đại Đạo sắp xếp vào một trong ba đường lối giáo hóa: Thánh Đạo, Tiên Đạo, hoặc Phật Đạo.

Do đó, bằng khái niệm "Tam Giáo Đạo", giáo lý Đại Đạo cho phép ta phân loại các tôn giáo theo một hệ thống nhất quán. Có thể xét một số dữ kiện qua thánh giáo Cao Đài để minh họa.

Trong "Lịch Trình Hành Đạo" của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo – được Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên giáng cơ ban cho vào năm Bính Ngọ 1966 do sự chỉ định của

---

[39] "Tân Kinh" ở đây có nghĩa là Kinh Thánh Tân Ước.
[40] Đức Chúa Jésus Christ; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 10-11 Quý Mão (24-12-1963).
[41] Trong ngữ cảnh của bài thánh giáo này, chữ "chiết thân" ở đây được dùng để chỉ kiếp giáng thế của Đức Khổng Tử tại Trung Hoa để lập Khổng giáo.
[42] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 01-08 Ất Tỵ (27-08-1965).

Tam Giáo Tòa – có những đoạn xác nhận "vị trí" của nhiều tôn giáo trên thế giới trong hệ thống Tam Giáo Đạo:

*"Phải nghiên cứu, tìm hiểu **Thánh Đạo** – gồm chung Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Hồi Hồi giáo – cho thông suốt.*

*(…) Về **Phật Đạo**: Bà La Môn giáo, Thích Ca giáo, Pythagore, đều phải nghiên cứu và tìm hiểu."*[43]

Theo đoạn thánh giáo này, ta biết rằng:

- Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Hồi giáo cùng thuộc về Thánh Đạo;
- Bà La Môn giáo, Thích Ca giáo (Phật giáo), Pythagoras giáo cùng thuộc về Phật Đạo.

Thế còn, thuộc về Tiên Đạo, ta có những tôn giáo nào? Trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", Đức Thượng Đế đã dạy:

"Đạo Tiên: Ngươn Thỉ chưa ra đời, thì đã có Hồng Quân Lão Tổ, Lão Tử, Thông Thiên giáo chủ truyền Đạo."[44]

Nghĩa là, các tôn giáo được lập nên bởi Đức Hồng Quân Lão Tổ, Đức Lão Tử, Đức Thông Thiên giáo chủ đều cùng thuộc về Tiên Đạo.

Những dữ kiện trên đây tuy chỉ mang tính chất minh họa nhưng cũng cho thấy được một đặc điểm quan trọng của phạm trù Tam Giáo Đạo: sự bao hàm nhiều tôn giáo có vẻ rất khác biệt nhau vào cùng một hệ thống chung có tên gọi là "Tam Giáo". Nếu xét trên quy mô toàn thế giới, thì Tam Giáo Đạo bao gồm rất nhiều tôn giáo, đã từng được Thượng Đế khai mở ở nhiều vùng đất khác nhau và trong những thời kỳ lịch sử khác nhau.

Nhưng "rất nhiều" chưa đồng nghĩa với "tất cả". Bây giờ, ta cần tìm dữ kiện để chứng minh rằng: **tất cả mọi tôn giáo trên thế giới đều thuộc về Tam Giáo Đạo**. Dữ kiện đó nằm trong lời dạy của Đức An Hòa Thánh Nữ tại Chơn Lý Đàn vào năm Ất Tỵ 1965:

"Tam Giáo gồm cả đạo giáo trên thế giới."[45]

Chữ "đạo giáo" ở đây được dùng theo nghĩa là "mọi đạo, mọi tôn giáo". Câu thánh ngôn này có thể được diễn đạt lại như sau: **Tam Giáo Đạo bao gồm mọi tôn giáo trên thế giới**.

Sự khác biệt giữa các tôn giáo – như lời dạy của Đức Vô Cực Từ Tôn dưới đây – chỉ là khác biệt về phong tục tập quán của vùng đất mà mỗi tôn giáo được khai sinh; ngoài ra, hoàn toàn không có sự khác biệt nào về mục đích và tác dụng của các tôn giáo đối với nhân loại:

---

[43] Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-04 Bính Ngọ (03-06-1966).
[44] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ô Môn, 08-10 Bính Dần (12-11-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.62.
[45] Đức An Hòa Thánh Nữ; Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), Tuất thời, 02-01 Ất Tỵ (03-02-1965).

"Từ xưa đến nay, các tôn giáo, các giáo phái trong Tam Giáo Đạo chỉ khác hẳn ở hình thức do tập quán phong tục mỗi xứ, mỗi nơi. Thật ra, mục đích và tác dụng là tạo cho nhân loại sống đến chân thiện mỹ trong đời, và đời khỏi diễn ra cảnh ngục hình ác đạo (…)."[46]

Sự khác biệt về phong tục tập quán dẫn đến sự khác biệt về đường lối giáo hóa. Qua việc khảo cứu thánh ngôn ở phần trên, ta cũng thấy rằng: tôn giáo trên thế giới tuy có nhiều, nhưng đường lối giáo hóa thì thật sự chỉ có ba, là Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo mà thôi.

Bằng việc sử dụng khái niệm "Tam Giáo Đạo" để đề cập đến tất cả mọi tôn giáo trên thế giới, giáo lý Đại Đạo đã đề ra một **hệ thống phân loại tôn giáo**. Trong hệ thống này, mọi tôn giáo đều thuộc về một trong ba đường lối giáo hóa nhân loại của Thượng Đế, là Thánh Đạo, Tiên Đạo, và Phật Đạo. Mỗi đường lối giáo hóa này là một phân hệ của hệ thống. Giữa ba đường lối có những tương quan mật thiết, mà chúng tôi sẽ từng bước làm sáng tỏ.

Việc đề ra hệ thống phân loại tôn giáo này không phải là một việc làm tùy tiện của giáo lý Đại Đạo, mà đó là một sự mô tả mối liên hệ có thật giữa các tôn giáo thuộc các thời đại khác nhau trong lịch sử và thuộc các khu vực khác nhau về địa lý. Mục đích của sự mô tả nhằm cho thấy mối liên hệ này là hết sức mật thiết hay gắn bó, đến nỗi, nếu nhận diện được mối liên hệ này người ta sẽ bảo rằng mọi tôn giáo đều là một! Mối liên hệ này đã tồn tại trong thực tiễn kể từ khi những tôn giáo đầu tiên xuất hiện trong nhân loại, thế nhưng, nó đã không được nhận diện; thỉnh thoảng, trong một vài tôn giáo ở một vài thời đại, cũng có một số rất ít người nhận ra, nhưng tiếng nói của họ hãy còn quá đơn độc. Vì vậy, hệ thống phân loại của giáo lý Đại Đạo được đưa ra để trợ giúp cho tư duy của nhân loại trong việc nhận thức được mối liên hệ này.

Cũng cần nói thêm rằng: nếu chỉ dựa vào khái niệm "Tam Giáo Đạo" thì ta chưa có đủ những yếu tố cần thiết để nhìn thấy một cấu trúc tổng thể của hệ thống phân loại tôn giáo, mà phải có thêm một khái niệm nữa là "Ngũ Chi Đại Đạo" (sẽ được trình bày ở phần cuối chương này). Bây giờ, ta hãy tiếp tục với việc xác lập định nghĩa cho khái niệm "Tam Giáo Đạo".

1.2. Định nghĩa "Tam Giáo Đạo"

Từ việc khảo cứu thánh ngôn như trên đây, chúng tôi đưa ra một định nghĩa cho phạm trù "Tam Giáo Đạo":

Tam Giáo Đạo là một phạm trù giáo lý được dùng để chỉ sự hiện hữu của cơ cứu độ dưới hình thức của ba đường lối giáo hóa khác nhau; hay nói cách khác, Tam Giáo Đạo là ba đường lối giáo hóa khác nhau của cùng một cơ cứu độ mà Thượng Đế thiết lập cho toàn nhân loại trên thế gian. Ba đường lối giáo hóa ấy là Phật Đạo,

[46] Đức Vô Cực Từ Tôn; Thánh Thất Bình Hòa, Ngọ thời, 28-08 Đinh Mùi (01-10-1967).

Tiên Đạo, và Thánh Đạo, bao gồm tất cả mọi tôn giáo từ xưa đến nay, từ phương Đông sang phương Tây.

Để làm ví dụ, chúng tôi liệt kê một số tôn giáo theo hệ thống phân loại này:

- Phật Đạo: bao gồm Bà La Môn giáo (Brahmanism [Eng]), Thích giáo (Buddhism [Eng]), Pythagoras giáo (Pythagoras' religious [Eng]),…
- Tiên Đạo: bao gồm Thông Thiên giáo, Lão giáo (Taoism [Eng]),…
- Thánh Đạo: bao gồm Phục Hy giáo[47], Do Thái giáo (Judaism [Eng]), Khổng giáo (Confucianism [Eng]), Thiên Chúa giáo (Christianity [Eng]), Hồi giáo (Islam [Eng]),…

Như vậy, nói đến Tam Giáo Đạo tức là nói đến ba hệ thống tôn giáo, bao hàm mọi tôn giáo trên thế giới, ở mọi không-thời gian. Trong một mục sau, chúng tôi sẽ đưa ra những đặc trưng của mỗi hệ thống; những đặc trưng này có thể được sử dụng như là tiêu chí cho phép xác định một tôn giáo bất kỳ – miễn là ta biết được các đặc điểm của tôn giáo ấy – thuộc về hệ thống nào.

Có thể biểu diễn khái niệm "Tam Giáo Đạo" qua một sơ đồ như ở hình 11. Trong sơ đồ này, Tam Giáo Đạo là một hệ thống bao gồm ba cấu thể – Phật Đạo, Tiên Đạo và Thánh Đạo – mà mỗi cấu thể đến lượt mình lại là một hệ thống bao gồm nhiều tôn giáo mang những đặc điểm tương đồng. Các hệ thống này liên hệ với nhau một cách khăng khít để bổ túc cho nhau. Và cùng với nhau, các hệ thống này chứa đựng tất cả các tôn giáo trên thế giới.

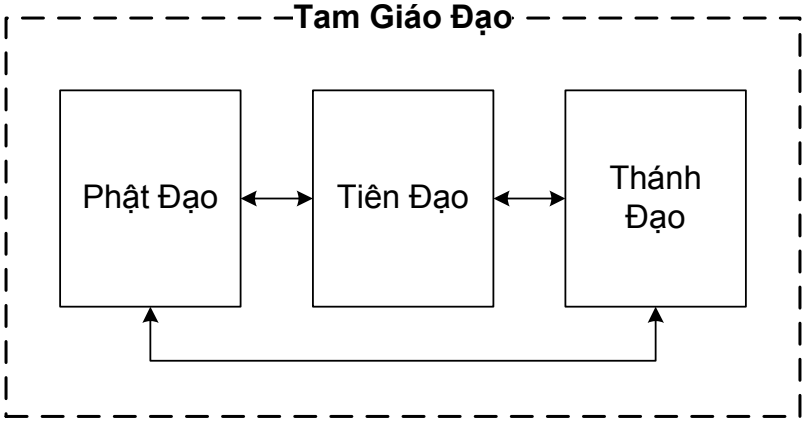

HÌNH 11. TAM GIÁO ĐẠO NH□ MỘT CẤU TRÚC BAO GỒM BA HỆ THỐNG TÔN GIÁO, CHỨA ĐỰNG TẤT CẢ TÔN GIÁO TRÊN THẾ GIỚI.

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ba hệ thống tôn giáo này được *đại diện*[48] bởi ba tôn giáo Á Đông, là **Thích giáo** (hay Phật giáo), **Lão giáo** (hay Tiên giáo, Đạo giáo), và

[47] Tôn giáo của Phục Hy là tiền thân của Nho giáo. Có thể tham khảo quyển "Nho Giáo" của Trần Trọng Kim.

Khổng giáo (hay Nho giáo). Sự chọn lựa ba tôn giáo đại diện này được thực hiện bởi chính Đức Thượng Đế. Do sự đại diện đó mà trong giáo lý Đại Đạo, hầu hết các vấn đề giáo lý có liên quan đến ba tôn giáo Á Đông đều có thể được khái quát hóa lên cho Tam Giáo Đạo. Sơ đồ ở hình 12 cho thấy một hệ thống hoàn toàn đồng dạng với hệ thống trong sơ đồ ở hình 11.

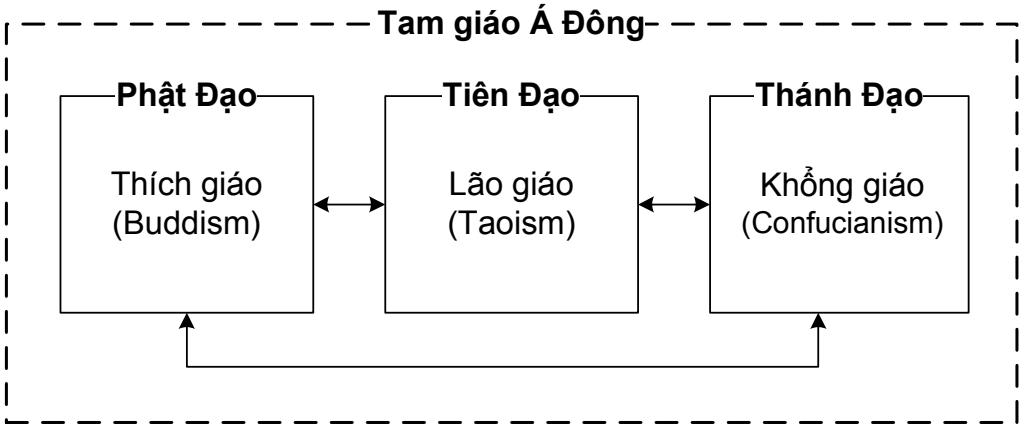

HÌNH 12. TAM GIÁO Á ĐÔNG NH□ LÀ ĐẠI DIỆN CỦA TAM GIÁO ĐẠO TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ.

Cần lưu ý rằng chữ "giáo" được sử dụng ở đây là để chỉ sự dạy dỗ, giáo hóa:

- Nói đến Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo,… tức là nói đến Tam Giáo Đạo, nghĩa là ba đường lối giáo hóa nhân loại khác nhau của Đại Đạo.
- Còn nói Phật giáo, Tiên giáo, Nho giáo,… thường thì có nghĩa là nói đến các tôn giáo với đầy đủ Thể, Tướng, Dụng; nhưng đôi khi, cũng có nghĩa là nói đến các tôn giáo chỉ với Thể và Dụng mà thôi. Vậy, dù gọi là "giáo", nhưng nếu không quan tâm đến sự khác biệt hình tướng, chỉ quan tâm đến chân truyền Đại Đạo và sứ mạng của tôn giáo, thì "giáo" cũng có nghĩa là "Đạo" vậy.

Do đó, không nên lầm lẫn giữa những cặp danh từ "có vẻ giống nhau", như "Phật giáo" và "Phật Đạo", "Tiên giáo" và "Tiên Đạo", v.v… Những danh từ này có khi trùng nghĩa nhưng cũng có khi khác nghĩa; phải tùy ngữ cảnh mà xem xét.

1.3. Hệ quả của định nghĩa

1.3.1. Về hai thuật ngữ "Tam Giáo" và "Tam Giáo Đạo"

Trong thánh ngôn thánh giáo Cao Đài, ta thường thấy đề cập đến **Tam Giáo**. Chữ "Tam Giáo" này thường được dùng theo một trong hai ý nghĩa, như sau:

Nghĩa thứ nhất, "Tam Giáo" có nghĩa là ba tôn giáo ở phương Đông (Á Đông); đó là Thích giáo, Lão giáo, và Khổng giáo.

---

[48] Chữ "đại diện" được sử dụng ở đây là một khái niệm luận lý học. Về các chi tiết của khái niệm này, xin xem quyển "Luận Lý Học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ", chương "Biểu Tượng".

Nghĩa thứ hai, "Tam Giáo" đồng nghĩa với "Tam Giáo Đạo", tức là mọi tôn giáo trên thế giới, được giáo lý Đại Đạo hệ thống hóa thành ba đường lối giáo hóa nhân loại. Một ví dụ minh họa cho trường hợp này là câu thánh giáo của Đức An Hòa Thánh Nữ mà phần trên đã trích dẫn:

"Tam giáo gồm cả đạo giáo trên thế giới."[49]

Như vậy, tùy vào ngữ cảnh mà ta xác định ngoại diên và nội hàm của khái niệm "Tam Giáo" trong giáo lý Đại Đạo.

Ta hãy xem một số ví dụ minh họa cho việc thay đổi ngoại diên và nội hàm của khái niệm "Tam Giáo" trong thánh giáo Cao Đài.

Trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế có dạy:

"[Nước Việt Nam] các con có cả ba chánh đạo là Tam Giáo, các con biết tôn trọng; ngày nay lại thêm chánh đạo nữa [là đạo Cao Đài]. Các con biết: ít nước nào đặng vậy."[50]

Trong đoạn thánh ngôn trên đây, Đức Thượng Đế đã dùng chữ "Tam Giáo" để chỉ ba nền chánh đạo. Ba nền chánh đạo ấy chính là ba tôn giáo lớn ở Á Đông, tức là Thích giáo, Lão giáo và Khổng giáo. Vậy, "Tam giáo" trong đoạn thánh ngôn này là ba tôn giáo lớn ở Á Đông, tức Nho, Thích, Đạo,

Bây giờ ta hãy xem một ví dụ khác. Trong "Tam Thừa Chơn Giáo", Đức Vô Cực Từ Tôn có dạy:

"Đã rằng Tam Giáo chung nhà;
Thích, Nho, Gia, Lão cũng là đồng nguyên"[51]

Trong hai câu lục bát này, thì câu trên đề cập đến Tam Giáo, còn câu dưới giải thích rằng đó là Thích, Nho, Gia, Lão, tức là bốn tôn giáo khác nhau. Vậy, chữ "Tam Giáo" ở đây không phải là "ba tôn giáo", mà lại là "bốn tôn giáo". Liệu có thiếu tính nhất quán giữa hai câu lục bát? Không! Nhưng chúng ta *chỉ* có thể thấy được tính nhất quán đó khi nhìn nhận rằng "Tam Giáo" trong câu thơ trên có nghĩa là ba đường lối giáo hóa, tức là Tam Giáo Đạo; trong đó, Thích giáo thuộc Phật Đạo, Lão giáo thuộc Tiên Đạo, còn cả Nho giáo lẫn Gia Tô giáo cùng thuộc Thánh Đạo.

Sở dĩ có cách dùng từ phụ thuộc vào ngữ cảnh như vậy, vì giáo lý Đại Đạo quan niệm rằng bất cứ danh từ nào trong các danh từ này – Tam Giáo, Tam Giáo Đạo, hay tam giáo Á Đông – cũng đều đề cập đến cùng một sự kiện: mọi tôn giáo trên thế giới vừa có cùng một nguồn cội duy nhất là Đạo, vừa thuộc về một trong ba đường lối giáo hóa xuất phát từ cội nguồn duy nhất ấy. Có thể xem đoạn thánh ngôn sau đây là một tóm tắt của quan niệm đó:

---

[49] Đức An Hòa Thánh Nữ; Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), Tuất thời, 02-01 Ất Tỵ (03-02-1965).
[50] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 27-08 Bính Dần (04-10-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.51.
[51] Đức Vô Cực Từ Tôn (xưng danh Thánh Mẫu Diêu Cung); *Tam Thừa Chơn Giáo* (quyển 1 và 2), "Cơ Lập Giáo", tr.26.

"Hỡi chúng sanh! Tuy rằng Tam Giáo, Đạo vẫn một nguồn. Nếu chúng sanh tầm suy đáo để, rồi sẽ thấy chẳng khác chi hết."[52]

1.3.2. Tam giáo Á Đông như là biểu tượng của Tam Giáo Đạo

Với cách hiểu uyển chuyển theo ngữ cảnh như vậy, ta có thể giải thích được tính cách đại diện cho Tam Giáo Đạo của tam giáo Á Đông – tức là Thích giáo, Lão giáo và Khổng giáo – trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Trong cơ cứu độ kỳ ba, Đức Thượng Đế đã chọn ba tôn giáo Á Đông này làm đại diện cho ba đường lối giáo hóa của Đại Đạo: Thích giáo đại diện cho Phật Đạo, Lão giáo đại diện cho Tiên Đạo, Khổng giáo đại diện cho Thánh Đạo. Nếu phân tích thêm ở một cấp độ chi tiết hơn, sự đại diện của ba tôn giáo này bao gồm hai phương diện: phương diện văn hóa tức là phương diện hữu hình, và phương diện bí pháp tức là phương diện vô hình, của Tam Giáo Đạo.

Sự đại diện cho Tam Giáo Đạo về phương diện văn hóa. Khi khai mở Đại Đạo ở một khu vực địa lý nào đó, Thượng Đế luôn sử dụng văn hóa dân tộc ở khu vực đó để làm chất liệu lập thành hình tướng tôn giáo. Văn hóa dân tộc ấy sẽ nhờ việc khai mở Đại Đạo mà được phát triển đến mức đủ khả năng chuyển tải đạo lý của Trời Đất vào những tầng lớp nhân sinh khác nhau; hay nói khác đi, văn hóa dân tộc ấy sẽ được *đạo lý hóa* đến mức trở thành một phương tiện cứu thế. Ở mức độ đó, văn hóa dân tộc không còn đơn thuần là văn hóa của một dân tộc cụ thể nữa, mà đã phát triển thành văn hóa đạo đức, văn hóa nhân bản, đóng góp thêm những giá trị "mới" vào tài sản văn hóa chung của cả nhân loại, mà tôn giáo ấy chính là chủ thể phát huy. Do văn hóa dân tộc là một chất liệu quan trọng cấu tạo nên hình tướng tôn giáo, nên mỗi tôn giáo đều gắn bó mật thiết với nền văn hóa của dân tộc và vùng đất mà tôn giáo ấy đã sinh trưởng.

Điều này giải thích vai trò đại diện về văn hóa cho Tam Giáo Đạo của tam giáo Á Đông. Bởi vì Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được Thượng Đế khai mở tại Việt Nam như là một sự quy nguyên Tam Giáo Đạo ở Á Đông, nên những đại diện của sự quy nguyên này phải là những tôn giáo đã in đậm dấu ấn của mình vào văn hóa của khu vực. Thích giáo, Lão giáo và Khổng giáo không những là ba tôn giáo lớn đã chào đời và lớn lên từ chiếc nôi văn hóa châu Á, mà còn là ba tôn giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến sự phát triển của văn hóa Á Đông. Tại Việt Nam, vào các triều đại Lý-Trần, tinh thần đồng nguyên tam giáo đã tạo nên sự cường thịnh của đất nước, tạo nên những trang sử huy hoàng nhất của đất nước kể từ sau thời Hồng Bàng. Vì vậy mà tam giáo Á Đông được chọn làm những đại diện của Tam Giáo Đạo ở Á Đông về phương diện văn hóa.

Sự đại diện cho Tam Giáo Đạo về phương diện bí pháp. Thích giáo, Lão giáo và Khổng giáo còn đại diện cho tất cả các tôn giáo khác – thuộc về một trong ba phân hệ là Phật Đạo, Tiên Đạo và Thánh Đạo – xét về mặt bí pháp. Trong quyển 2 của bộ sách "Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp" có ghi lại một bài thuyết trình của Đức Hộ Pháp Phạm

[52] Đức Thích Ca Như Lai; *Đạo Nguyên Chánh Nghĩa*, "Minh Chơn Đạo".

Công Tắc về sự đại diện này trong vấn đề hình luật của tôn giáo (theo Đức Hộ Pháp, hình luật tôn giáo là một phần trong bí pháp tôn giáo), như sau:

> "Từ thử, Tam giáo có Nho, Thích, Đạo. Luật Tam giáo có hữu hình, có luật hình (…) Luật hình ấy gồm cả tôn chỉ của Tam giáo, đem đặt tại thế nầy cho thiên hạ thật hành, nhưng lần lần càng xa khuôn luật.
>
> (…) Đạo Cao Đài không phải lấy nguơn chất[53] của Tam giáo làm căn bản, mà chỉ lọc lượt chơn truyền của các tôn giáo trên địa cầu nầy mà tổng hợp lại. Tại sao lại kêu hình luật Tam giáo mà thôi? Bởi ngày nay Tam giáo quy nhứt. Các tôn giáo trên thế gian nầy thì nhiều mà không ngoài khuôn viên của ba đạo lớn, có thay đổi chăng là vì châm chế bớt ngoại dung, chớ bên trong đều do theo hình luật đó.
>
> (…) Chí Tôn muốn cho con cái của Ngài nên Thánh thì phải làm sao? Phải đem cả thảy vô đây, tắm rửa cho sạch sẽ, làm cho thiên hạ muốn gần, phải vì thương mến kỉnh khen mà gần, vì đáng tôn sùng yêu ái mà gần. Hình luật Tam giáo là nước cam lồ tắm rửa linh hồn vậy. Chơn truyền từ trước đến nay Chí Tôn để lại mặt thế trên các đạo Phật, Tiên, Thánh, là phương để gội rửa linh hồn mà thôi, nhứt là Công giáo có phép xưng tội là một bí pháp."[54]

Trong lời thuyết đạo của Đức Hộ Pháp trên đây, chúng ta rút ra được những điều quan trọng như sau:

Trước hết, xét về cách sử dụng danh từ "Tam giáo". Có thể thấy rằng: Chữ "Tam giáo" trong ngữ cảnh của bài thuyết trình này đã được Đức Hộ Pháp sử dụng như là **ba đường lối giáo hóa được đại diện bởi Nho, Thích, Đạo**; chứ không phải theo nghĩa là ba tôn giáo Nho, Thích, Đạo. Thật vậy, trong khi nói về Tam giáo, Đức Hộ Pháp lại nhấn mạnh "nhứt là Công giáo…" (Công giáo tức là giáo hội Thiên Chúa giáo La mã); nghĩa là chữ "Tam giáo" trong lời giảng này bao gồm ít nhất là bốn tôn giáo, nên chỉ có thể là Tam Giáo Đạo. Câu "Từ thử, Tam giáo có Nho, Thích, Đạo" có nghĩa là Tam giáo bao gồm Nho, Thích, Đạo; và do Tam giáo không chỉ là ba tôn giáo này như vừa nêu, nên câu này cho ta thấy tính chất đại diện của Nho, Thích, Đạo.

Kế tiếp, xét về mối liên hệ giữa các tôn giáo thế giới với ba tôn giáo phương Đông. Đức Hộ Pháp nói rằng "Các tôn giáo trên thế gian nầy thì nhiều mà không ngoài khuôn viên của ba đạo lớn". Nhưng "khuôn viên của ba đạo lớn" là gì? Là ba đường lối cứu độ nhân loại, tức là Tam Giáo Đạo. Những đường lối cứu độ này nằm ngay trong chân truyền của mỗi tôn giáo, mà nhờ đó, ở các thời kỳ phổ độ trước đây mỗi tôn giáo mới thực hiện được sứ mạng cứu rỗi linh hồn con người. Điều này phù hợp với câu mà Đức Hộ Pháp nói: "Chơn truyền từ trước đến nay Chí Tôn để lại mặt thế trên các đạo Phật, Tiên, Thánh, là phương để gội rửa linh hồn".

---

[53] Nguơn chất: nguyên chất. Ý câu này nói rằng Đạo Cao Đài không lấy nguyên vẹn những gì mà Tam giáo có, mà chỉ lọc lựa ra những tinh túy của Tam giáo, rồi tổng hợp những tinh túy này lại.

[54] Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, *Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp* (Q.2), "Pháp Chánh Hiệp Thiên là gì và Hình Luật Tam Giáo là gì?". http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/tam.htm; 15-12-2001.

Hình luật của ba tôn giáo phương Đông có tác dụng đối trị những đối tượng khác nhau: Khổng giáo trị thế, Lão giáo trị thân, Phật giáo trị tâm. Những hệ thống hình luật đó thực chất là những bí pháp của Tam Giáo Đạo – nghĩa là những bí pháp của Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo – chứ không phải là những pháp môn riêng biệt của Nho, Thích, Đạo. Trong "Thánh Huấn Hiệp Tuyển", Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

"…Trong Tam Giáo, từ ngàn xưa đã dạy bài căn bản ấy rồi. Phật dạy ***Tam Quy, Ngũ Giới****; Tiên thì dạy* ***Tam Bửu, Ngũ Hành****; Thánh thì dạy* ***Tam Cang, Ngũ Thường*** *(hay Ngũ Đức) để cho nhân loại hiểu biết căn bản ấy để lập trường sống chung trong đại gia đình."*[55]

Bí pháp của ba tôn giáo phương Đông đều nằm trong khuôn viên cứu thế độ đời của Tam Giáo Đạo. Những hệ thống bí pháp khác biệt đó, nếu được phối hợp lại một cách đúng đắn, sẽ bổ túc cho nhau để tạo nên một sự cứu độ cho nhân loại trên mọi quy mô và mọi phương diện, từ cá nhân đến xã hội, từ hữu thể đến vô vi, từ nội tâm đến ngoại giới.

Sở dĩ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lấy tam giáo Á Đông làm đại diện về mặt bí pháp, vì Việt Nam là dân tộc được chọn để khai mở nền Đại Đạo kỳ ba; và tác dụng thực tiễn của tam giáo Á Đông đã được chứng minh qua lịch sử Việt Nam. Sự thăng trầm của các triều đại từ Đinh, Lê, Lý, Trần, cho đến nay đều gắn chặt một cách "tỉ lệ thuận" với mức độ hiện diện chính thức của tam giáo Á Đông trong các đường lối lãnh đạo xã hội: sự có mặt đồng thời của tam giáo luôn tạo ra sự cường thịnh, và sự vắng mặt của một trong ba nền đạo này đều dẫn đến sự suy vi.

Cho đến đây, chúng tôi đã chỉ ra rằng đối với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tam giáo Á Đông là đại diện của Tam Giáo Đạo về phương diện văn hóa và phương diện bí pháp. Sự đại diện này là mối liên hệ mấu chốt giữa tam giáo Á Đông với hệ thống Tam Giáo Đạo, và cho phép chúng ta hiểu được cách dụng ngữ của thánh giáo Cao Đài đối với thuật ngữ "tam giáo". Khi sử dụng thuật ngữ "tam giáo", về cơ bản giáo lý Đại Đạo luôn đề cập đến hệ thống Tam Giáo Đạo, nghĩa là, đến mọi tôn giáo trên thế giới từ xưa đến nay; và nếu có nói đến ba tôn giáo Á Đông, giáo lý Đại Đạo luôn hàm ngụ vai trò đại diện của từng tôn giáo này cho mỗi đường lối giáo hóa trong Tam Giáo Đạo.

2. SỐ 3 ĐỐI VỚI VIỆC HỆ THỐNG HÓA CÁC TÔN GIÁO TRÊN THẾ GIỚI

Hệ thống hóa các tôn giáo trên thế giới thành Tam Giáo Đạo là một phát minh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ[56]. Trong phát minh này, có một sự kiện cần được giải thích: tại sao vạn giáo lại được hệ thống hóa thành ba (mà không là hai, hoặc bốn, v.v…) hệ thống tôn giáo? Tại sao Đại Đạo phát sinh thành Tam Giáo Đạo, mà không phát sinh thành "Nhị Giáo Đạo", "Tứ Giáo Đạo", v.v…?

---

[55] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (Quyển 1), "Bài Học Căn Bản", tr.99.

[56] Tam Giáo Đạo đã có từ xưa, nhưng cách thức hệ thống hóa vạn giáo thành ba hệ thống tôn giáo – là Phật Đạo, Tiên Đạo, và Thánh Đạo – thì chỉ mới xuất hiện trong giáo lý Đại Đạo nhờ cơ bút Tam Kỳ Phổ Độ.

Vấn đề vừa nêu trên có liên quan đến cả toán học lẫn đạo học. Vì vậy, lời giải đáp sẽ được trình bày đồng thời trên cả hai phương diện này.

2.1. Số 3 trong số học Pythagoras

Theo luận lý học Đại Đạo[57], mọi vật đều có được nhận thức như là một cấu trúc với các phương diện: Thể, Tướng, và Dụng. Theo vũ trụ luận Đại Đạo[58], Thể – tức bản thể Đạo trong mỗi vật – là yếu tố bất biến đối với mọi biến đổi trong không-gian, và cũng là yếu tố đồng nhất giữa vật này và vật khác. Do đó, vạn vật được phân biệt với nhau bởi hình tướng (Tướng) và tác dụng (Dụng) của chúng.

Mặt khác, trong mọi công trình sáng tạo của mình, Thượng Đế luôn *tiết kiệm* bằng cách tối ưu hóa việc sử dụng vật liệu. Sự tiết kiệm này tạo ra một nguyên lý kỳ diệu của vũ trụ: *nguyên lý tối ưu hóa*. Cấu tạo của vạn vật được Tạo Hóa thiết kế theo *nguyên lý tối ưu hóa* như sau: *cực tiểu hóa hình tướng, cực đại hóa công dụng*.[59]

Để giải thích con số 3, ta chỉ cần sử dụng phần "*cực tiểu hóa hình tướng*" của nguyên lý tối ưu hóa. Trong mọi khả năng có thể có để thực hiện hoàn hảo một tác vụ bất kỳ, thiên nhiên luôn lựa chọn những giải pháp đơn giản nhất, những con đường ngắn nhất, những phương thức kinh tế nhất, trong tất cả mọi hành xử của mình. Điều này đã được nhiều ngành khoa học tự nhiên khác nhau xác nhận bằng thực nghiệm: ví dụ, khi lan truyền trong vũ trụ, ánh sáng luôn chọn lựa lộ trình cực tiểu.

Bây giờ, hãy xét dãy *số nguyên tự nhiên* (natural numbers [Eng]): 1, 2, 3, 4, 5, 6,…

Những con số trong dãy số này có thể được sử dụng để *đếm*, nhưng chưa thể được sử dụng để *mô tả những đối tượng có cấu trúc*.

Để mô tả được những đối tượng có cấu trúc, nhà hiền triết Pythagoras đã đưa ra dãy *số tam giác* (triangular numbers [Eng]). Mỗi con số tam giác là một tập hợp các điểm hình học, được sắp xếp dưới dạng một tam giác đều và theo một quy tắc xác định. Với những số hạng đầu tiên của mình, dãy số tam giác có dạng như trong hình 13.

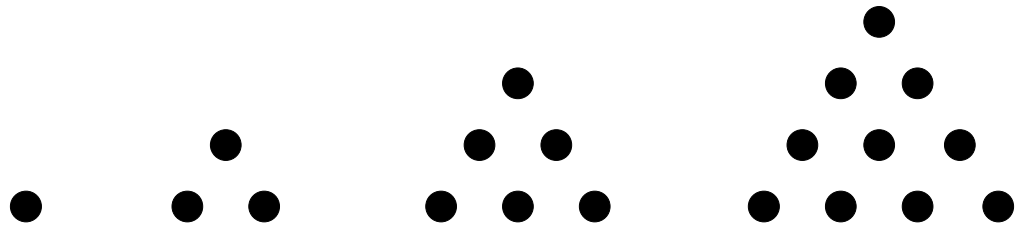

[57] Xin xem quyển "Luận lý học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" thuộc bộ "Giáo Lý Đại Toàn" này.
[58] Xin xem quyển "Triết học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" thuộc bộ "Giáo Lý Đại Toàn" này.
[59] Trong vật lý học, một trong những dạng thức cụ thể của nguyên lý này là nguyên lý tác dụng tối thiểu (principle of least action [Eng]). Ví dụ, ánh sáng, khi truyền giữa hai điểm cho trước, luôn đi theo con đường ngắn nhất nối liền hai điểm này.

HÌNH 13. B□N S□ H□NG □□U TĨN C□A ĐỸ S□ TAM GĨC PYTHAGORAS.

Nếu "phiên dịch" các số hạng này sang "ngôn ngữ" của dãy số nguyên tự nhiên, ta sẽ có dãy số:

1, 3, 6, 10, 15, 21, 28, 36,…

Như vậy, để mô tả các đối tượng có cấu trúc, ta không dùng được dãy số tự nhiên 1, 2, 3, 4, 5,… mà phải dùng dãy số tam giác Pythagoras 1, 3, 6, 10, 15,…

Trong giáo lý Đại Đạo, để mô tả Đạo hay Đại Đạo, ta dùng số 1 (dù lấy từ dãy số nào). Nhưng để mô tả bất kỳ đối tượng có cấu trúc nào kế tiếp theo Đạo, sao cho phù hợp với nguyên lý tối ưu hóa, ta buộc phải dùng "số hạng" đứng kế tiếp theo sau số 1 trong dãy số tam giác Pythagoras. Và đó chính là số 3.

Cần nhấn mạnh rằng số 3 này không phải là một số nguyên tự nhiên, mà là một *số tam giác*.

Trong kiến trúc của vũ trụ, số 3 (tam giác) biểu diễn số lượng cực tiểu các yếu tố cần và đủ để giúp cho vạn vật tồn tại và tiến hóa. Trong kinh "Đại Thừa Chơn Giáo", Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế có dạy:

*"Trời có **ba** báu, là: Nhựt, Nguyệt, Tinh; hay là tam nguơn: thượng, trung, hạ.*

*Đất có **ba** báu, là: Thủy, Hỏa, Phong.*

*Người có **ba** báu, là: Tinh, Khí, Thần.*

*Trời nhờ **ba** báu ấy mà dưỡng dục muôn loài, hóa sanh vạn vật, luân chuyển càn khôn, mới chia ra ngày đêm, sáng tối.*

*Đất nhờ **ba** báu đó mà phong võ điều hòa, cỏ cây tươi nhuận, phân ra thời tiết: xuân, hạ, thu, đông.*

*Người nhờ **ba** báu đó mà tạo Tiên tác Phật."*[60]

Lời dạy trên đây của Đức Thượng Đế cho ta thấy số 3 xuất hiện như một dạng thức phổ quát của nguyên lý tối ưu hóa trong cấu tạo của vũ trụ.

Theo nguyên lý này, bản thể Đạo được hình tướng hóa thành tam tài, tức là ba ngôi: Trời, Đất, và Người.

Trong cơ cấu của Trời, lại có ba món báu để "dưỡng dục muôn loài, hóa sanh vạn vật, luân chuyển càn khôn". Nói về phương diện thời gian, ba món báu đó là ba nguơn (thượng nguơn, trung nguơn, và hạ nguơn). Nói về phương diện không gian, ba món báu đó là Nhật, Nguyệt, Tinh.

[60] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 28-08 Bính Tý (13-10-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.324.

Trong cơ cấu của Đất, cũng có ba món báu để làm cho "phong võ điều hòa, cỏ cây tươi nhuận", là Thủy, Hỏa, Phong. Ba món báu này không phải là những sự vật cụ thể, mà là những quá trình chuyển hóa năng lượng trong vật chất.

Trong cơ thể con người, có ba món báu để "tạo Tiên tác Phật", là **Tinh**, **Khí**, **Thần**. Ba yếu tố này là lý do để Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo. Thật vậy, khi giải thích về yếu lý của Tam Giáo, Đức Thượng Đế đã sử dụng ba yếu tố Tinh, Khí, Thần của con người để cho chúng ta thấy Tam Giáo liên hệ với Đạo như thế nào:

"Đây, Thầy giải về Tam Giáo (Nho, Thích, Đạo):

*Nho thì có **Tam Cang**, là:*

- *quân thần cang là nguơn thần,*
- *phụ tử cang là nguơn khí,*
- *phu thê cang là nguơn tinh.*

(…)

*Thích thì **Tam Quy**, là:*

- *quy y phật là tịnh dưỡng nguơn thần,*
- *quy y pháp là gìn giữ nguơn khí,*
- *quy y tăng là bảo tồn nguơn tinh.*

*Đạo thì **Tam Thanh**, là:*

- *Chơn thanh (Thái thanh) là nguơn khí,*
- *Thượng thanh là nguơn thần,*
- *Ngọc Thanh là nguơn tinh,*

***Đó là Đạo**, các con phải biết."*[61]

Như vậy, sở dĩ Tam Giáo Đạo đều là Đạo, vì đều giải quyết được những vấn đề về Tinh, Khí, Thần nơi con người – dù ở phạm vi cá nhân hay ở quy mô xã hội – hầu đưa con người tiến hóa lên những phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật trong Trời Đất.

2.2. Số 3 trong đạo học Á Đông

Trong đạo học Á Đông, số 3 là nguyên lý của Hoàng Cực, của Thượng-Đế-nơi-con-người. "Minh Lý Chơn Giải" đã giải thích về số 3 trong Đạo học như sau:

"Đạo Trung Nhứt đã chia làm ba, là Tam tài, Tam giác, Tam ngươn,… nay phải quy tam ư nhứt. Nhứt là tông tổ, là tông bổn, là gốc Trung Nhứt, là Thượng Đế, là Đạo (cũng như kinh Phật nói: "Hội tam quy nhứt", nghĩa là: Hội ba thừa làm một thừa). Tuy đây nói: Trung Nhứt chia làm ba; kỳ thiệt là ngôi đó biến hóa vô cùng, thiên hình vạn trạng không sao kể xiết.

---

[61] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 28-08 Bính Tý (13-10-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.324.

Tại sao không nói biến thiên, biến vạn, mà chỉ nói có tam (ba) mà thôi?

*Vì **ba là số Hoàng Cực** nói trên[62]. Hoàng Cực là tam thể, làm chủ của các sự sanh hóa. Thiên hình vạn trạng đều bắt từ đó mà sanh xuống, rải rác khắp cả trùng trùng ba ngàn thế giới. Muốn tu để trở về với Thượng Đế thì cũng bắt từ đó mà tu, phăng ngược lên trên. Đó là cái điểm then chốt (point crucial). Tu mà không biết cái điểm then chốt đó thì chẳng khác nào bắn bia trong đêm tối. (…)*

Nếu tu mà không biết cái nhân địa khởi tu, hạ thủ công phu không trúng chỗ, thì khó mong chứng được quả vị Tiên Phật. Chẳng khác nào chúng ta gieo một hạt giống mà không biết nó hạp với mùa nào (thời), chỗ đất nào (vị), nghĩa là: không nhân thời xử vị, thì việc mình làm đó tuy hữu lao mà vô công, khó mong đạt tới một kết quả tốt đẹp.

Xưa nay, kinh sách Tam giáo cũng có nói đến cái điểm đó rất nhiều, mà vì nói ra bằng câu văn rất kín đáo, vắn tắt nên ít người hiểu được.

Cái điểm ấy có khi gọi là "niệm" như trong câu sách "Tỉnh Thế Ngộ Chơn":

Thiện ác lưỡng đồ tranh nhứt niệm,
Thánh phàm thị lộ thỉ phân hành.

Phái Thiền tông của nhà Phật lấy vô niệm làm nền tảng. Vô niệm có nghĩa là không có niệm lành, cũng không có niệm dữ; nhưng chẳng phải nghĩa thiệt là không có niệm. Vô niệm là chánh niệm hay là niệm Tiên thiên, là niệm vô hình, niệm không trước tướng, niệm mà không cử niệm.

Nho giáo gọi là cơ hay là cơ vi (ý máy động nhẹ nhàng) trong tâm ta. Công phu thận độc qua Nho giáo là thân độc (cẩn thận lúc một mình trong thâm tâm) với cái cơ vi đó.

Đạo giáo gọi là Ý (nói chơn ý đúng hơn). Như trong cuốn "Nhập được cảnh" có câu: "Ý sở đáo, giai khả vi", nghĩa là: khi cái ý đã sanh (đến rồi), lúc nào cũng có thể tu cả. Lại có một bài thơ của Đạo giáo như sau gọi cái điểm ấy là Thiên tâm :

Tịnh tắc không minh, động tắc lưu,
Thiên tâm tu hướng cả trung cầu.
Dương sanh ư Phục đoan nghê hiện,
Bất tận châu quang nhựt dạ phù.

Nghĩa là :

Tịnh thỉ rổng sáng, động thì lay (chuyển sanh),
Hãy kiếm Thiên tâm ở chỗ này.
Quẻ Phục dương sanh, mành mối lộ,
Châu quang vô tận chiếu đêm ngày.

Đủ thấy cái điểm then chốt nói trên đó là huyền diệu vô cùng, không phải kẻ tầm thường mà hiểu biết được. Dầu cho bực hiền nhơn trí thức, nếu không có Thầy truyền

[62] Trong quyển "Minh Lý Chơn Giải", trước đoạn văn được trích ở đây, có một đoạn văn nói về ngôi Hoàng Cực.

khẩu quyết, thì cũng khó mà hiểu rõ được. Vì cớ đó mà kẻ tu Đạo thì nhiều còn người thành Đạo rất ít (tu Đạo là ngưu mao, thành Đạo như lân giác).”[63]

Như vậy, theo nghĩa đạo học, số 3 là một biểu tượng số học hóa, một giá trị tượng trưng cho điểm Đạo trong con người, cho ngôi vị Hoàng Cực của con người. Điểm Đạo hay ngôi vị ấy là một nguyên lý Trung Hòa giữa Thiên Địa vạn vật. Cái Tâm của con người là hiện thân của nguyên lý này. Và sự siêu đọa của mỗi cá nhân trong cơ tiến hóa đều do cách vận dụng nguyên lý này của cá nhân đó.

Trở lại với các câu hỏi về việc hệ thống hóa các tôn giáo trên thế giới thành Tam Giáo Đạo: tại sao vạn giáo được hệ thống hóa thành ba (chứ không phải là hai, hoặc bốn, v.v…) hệ thống tôn giáo? Lời giải đáp là: vì diễn trình “Đại Đạo → Tam Giáo Đạo → Đại Đạo” là phần căn bản trong *quá trình tiến hóa của con người*, tức là *của Hoàng Cực*, *của những Tiểu Linh Quang Thượng Đế* trong địa giới hữu hình này. Để làm rõ thêm lời giải đáp này, chúng ta cần sử dụng đến một vài kiến thức cần thiết về triết học của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Theo triết học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ở cõi nhất nguyên (hay là cõi tiên thiên) Thượng Đế là một nhất thể tạo hóa[64]. Nhất thể này chiết linh vào cõi nhị nguyên (hay là cõi hậu thiên), hóa thân nên muôn tạo vật, trong đó có con người. Xét về căn cốt, con người chính là Thượng Đế ở cõi nhị nguyên, được cấu tạo như một sự kết hợp của tam thể: xác thân, Chơn thần và Linh hồn[65]. Để giúp cho con người xứng đáng là Thượng Đế ở cõi nhị nguyên – trong trường hợp mà con người không tự mình làm được điều này – các tôn giáo đã ra đời như là những chương trình giáo huấn khác nhau, dành cho những trình độ tiến hóa khác nhau của con người. Khi phân tích chi tiết các chương trình giáo huấn này, ta có thể thấy rằng chúng đều tập trung vào giải quyết hàng loạt vấn đề khác nhau thuộc *tam thể* của con người: hoặc là những vấn đề thuộc phần *xác thân*, hoặc là những vấn đề thuộc phần *Chơn thần*, hoặc là những vấn đề thuộc phần *Linh hồn*. Như vậy, do sự hiện hữu tam thể ở con người, nên các chương trình giáo huấn (tức là các tôn giáo) cũng hiện hữu như những học trình khác nhau thuộc về một trong ba đường lối giáo hóa là **Thánh Đạo**, **Tiên Đạo**, và **Phật Đạo**.

Điều này giải thích vì sao Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hệ thống hóa các tôn giáo trên thế giới thành Tam Giáo Đạo. Con số 3 trong việc hệ thống hóa này không phải là một chọn lựa tùy ý, mà có nguồn gốc sâu xa từ cấu trúc tiểu vũ trụ của con người trong cơ tiến hóa, tức là từ nguyên lý hiện hữu của Hoàng Cực.

3. NHỮNG THUỘC TÍNH CƠ BẢN CỦA TAM GIÁO ĐẠO

Như đã được định nghĩa, Tam Giáo Đạo là ba đường lối giáo huấn nhân loại; đó là ba hệ thống tôn giáo trên thế giới, gồm có Phật Đạo, Tiên Đạo, và Thánh Đạo. Và dựa theo thánh ngôn, ta có thể phân loại một số tôn giáo vào ba hệ thống này.

---

[63] Minh Lý Thánh Hội, *Minh Lý Chơn Giải*, tr.17-19.
[64] Xin xem quyển “Triết học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” thuộc bộ “Giáo Lý Đại Toàn” này.
[65] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*, tr.159.

Việc phân loại các tôn giáo trên thế giới thành Tam Giáo Đạo là một cách thức hệ thống hóa tôn giáo do Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đề xuất. Tuy nhiên, muốn phát huy hệ thống này, cần xác định những thuộc tính cơ bản của từng hệ thống "đạo" trong Tam Giáo Đạo, từ đó, xây dựng những tiêu chuẩn phân loại tổng quát. Chỉ khi nào có được những những tiêu chuẩn tổng quát này, ta mới có thể áp dụng cách thức phân loại theo Tam Giáo Đạo cho những tôn giáo chưa được đề cập đến trong thánh ngôn.

Bây giờ, ta hãy tìm những lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng cho phép xác định những thuộc tính cơ bản của Tam Giáo Đạo.

3.1. Những thuộc tính liên kết của Tam Giáo Đạo

Khi nói đến những "thuộc tính liên kết", chúng tôi muốn đề cập đến những thuộc tính hiện diện một cách song song trong Tam Giáo Đạo theo cách thức: hễ thuộc tính này nằm ở hệ thống này, thì những thuộc tính còn lại tất yếu phải xuất hiện ở hai hệ thống kia.

Thuộc tính liên kết đầu tiên của Tam Giáo Đạo là **tình thương**. Từ xưa đến nay, tình thương luôn là nền tảng mà trên đó mọi tôn giáo được xây dựng. Giáo huấn về tình thương thuộc về chân truyền Đại Đạo; và hễ đánh mất tình thương trong giai đoạn nào, tôn giáo cũng đều bị thất chân truyền trong giai đoạn đó.

"Đạo tuy định nghĩa khắp muôn phương,
*Căn bản làm đầu, một chữ **Thương**."*[66]

Những đạo gia lớn trên thế giới hay những tâm hồn tôn giáo chân chính đều nhận ra vai trò của chữ "Thương" này, tức là của tình thương, đối với mọi tôn giáo. Mahatma Gandi[67] khi nghiên cứu các tôn giáo hàng đầu thế giới để tìm ra những điểm chung và ứng dụng vào việc giải phóng đất nước Ấn Độ, ông đã thấy rằng mọi tôn giáo đều dạy về tình thương: "Đó là một tình yêu tinh khiết. Tôi đã học được điều đó trong kinh thánh Ấn Độ giáo, kinh Phúc Âm, kinh Koran"[68]. Một trong những người chịu ảnh hưởng của ông, Đức Dalai Lama thứ 14 Tenzin Gyatso[69], cũng đã từng nói: "Tôn giáo của tôi rất đơn giản. Đó là lòng nhân từ."[70]

Trong bài "Khai Kinh" của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, có câu:

"Trong Tam giáo có lời khuyến dạy
Gốc bởi lòng làm phải làm lành
***Trung Dung**, Khổng Thánh chỉ rành*

---

[66] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 04-09 Quý Sửu (29-09-1973).
[67] Mahatma Gandi (1869-1948): anh hùng dân tộc Ấn Độ, người đã dùng phương pháp đấu tranh bất bạo động và giải phóng Ấn Độ ra khỏi ách thống trị của thực dân Anh vào năm 1947. Ông được xem là người đầu tiên trên thế giới giành độc lập thành công cho một đất nước mà không dùng đến vũ lực.
[68] M. Gelb, *Khám Phá Thiên Tài Trong Bạn*, tr.217.
[69] Dalai Lama thứ 14 (1935-): nhà lãnh đạo tinh thần của Phật giáo Tây Tạng, được trao giải Nobel hòa bình vào năm 1989 (http://en.wikipedia.org/wiki/Dalai_Lama; 24-09-2010).
[70] M. Gelb, *Khám Phá Thiên Tài Trong Bạn*, tr.226.

***Từ bi**, Phật dặn, lòng thành lòng nhơn*
*Phép Tiên Đạo, **tu chơn dưỡng tánh**…"*[71]

Trong "Thánh Huấn Hiệp Tuyển", Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

*"(…) Trong Tam Giáo, từ ngàn xưa đã dạy bài căn bản ấy rồi. Phật dạy **Tam Quy**, **Ngũ Giới**; Tiên thì dạy **Tam Bửu**, **Ngũ Hành**; Thánh thì dạy **Tam Cang**, **Ngũ Thường** (hay Ngũ Đức) để cho nhân loại hiểu biết căn bản ấy để lập trường sống chung trong đại gia đình."*[72]

Lời dạy này, về sau, được Ngài khái quát hóa như sau:

"Tam Giáo Đạo gồm trong danh từ Đại Đạo. Người có nhiệm vụ ở phần Nho Tông chuyển thế là Đạo trị thế. Người có trách nhiệm về Thích Giáo, Lão Giáo là Đạo hoát khai tâm linh."[73]

Vào năm 1961, trong ngày lễ Giáng Sinh, Đức Gia Tô Giáo Chủ Jesus Christ đã kể lại cuộc đời sứ mạng của Người khi đến thế gian lập đạo. Qua đó, Người đã giảng giải về những đặc điểm của Tam Giáo Đạo trong sự nhất quán của Đại Đạo:

"Lễ Giáng Sinh, tông đồ thiết lập,
Lòng chí thành, bất chấp tư riêng;
Trời cùng với Phật, Thánh, Tiên,[74]
Xem qua thấu rõ: hậu, tiền, giống nhau.

Về hình thức thì sao cũng khác,
Nhưng tinh thần chẳng lạc sao đâu;
Phận Ta, giáng thế Trời Âu,
Thích Ca bổn phận độ thâu Ấn, Hồi.

Lão và Khổng Tử rồi phận sự,
Châu Á truyền đạo tự Tiên, Nho;
Thế gian ai cũng qua đò,
Sang bờ giác ngạn lần dò đi lên.

Thiên đàng vẫn kề bên kẻ thiện,
Địa ngục gần người hiện ác tâm;
Tu là tránh nẻo lạc lầm,
Biết thương nhơn loại biết tầm lý chơn.

(…)

Trong Tam Giáo, lý chơn như một,
*Thánh, **công bình**, là hột giống thương;*

---

[71] Tòa Thánh Tây Ninh, *Kinh Thiên Đạo Thế Đạo*, "Khai Kinh".
[72] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (Q.1), "Bài Học Căn Bản", tr.99.
[73] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Chí Thiện Đàn (Minh Đức Nho Giáo), Tuất thời, 26-08 Nhâm Tý (03-10-1972).
[74] Trong câu này, chữ "Trời" được Chúa Jesus dùng để chỉ Đại Đạo, còn ba chữ "Phật, Thánh, Tiên" được Ngài dùng để chỉ Tam Giáo Đạo, nghĩa là Phật Đạo, Tiên Đạo và Thánh Đạo.

*Tiên thì **bác ái** tứ phương,*
*Phật thường chuyên luyện con đường **từ bi**.*

Suy cho kỹ đều y mục đích,
Tùy mỗi nơi khuyến khích môn đồ;
Nhà lành nẻo chánh lần vô,
Xa điều ác ý, điểm tô tâm hiền.

Mắt trần tục thấy riêng giáo chủ,
Nhưng tinh thần gồm đủ phương châm;
Hầu gieo giống tốt nảy mầm,
Đem hoa trổ quả cho năm châu nhờ.

Để chế ngự trần nhơ vật dục,
Bớt ham danh tánh tục sửa dần;
Bầy chiên ghẻ lắm si sân,
Tranh giành đất cỏ xa dần bạn xưa.

Gây thảm trạng không chừa chẳng để,
Cấu xé nhau nào kể tay chân;
Anh em còn muốn chuốc hờn,
Huống gì xa lạ thiệt hơn đâu nhường.

Bởi thế giới quên thương đồng loại,
Nên Ta xưa đành phải giáng sinh;
Nêu gương nhẫn nhục quên mình,
Cho đời thấy đó tập gìn tình thương.

Đôi lời để phân tường cặn kẽ,
Cho tông đồ biết lẽ trắng đen;
Đạo hành chớ khá đua chen,
Sanh điều chia rẽ làm hèn cho nhau.

Cần thống nhứt một màu quy luật,
Để rồi đây được xuất dương truyền;
Đạo Trời phổ hóa khắp miền,
Năm châu bốn bể không riêng nơi nào.

Nên Ta trước nhọc lao lập giáo,
Đến ngày nay mới tạo khắp nơi;
Sau này Đại Đạo ra đời,
Phổ thông chánh lý truyền lời thiện chơn."[75]

[75] Đức Gia Tô Giáo Chủ; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 18-11 Tân Sửu (24-12-1961).

Như đã được trình bày, công bình, bác ái, và từ bi là ba cách thức thể hiện của tình Tạo Hóa, tức là tình thương, và đó cũng là nguyên lý cứu độ của Đức Thượng Đế. Ba cách thức thể hiện này cũng là ba cách thức giáo hóa cho vạn linh tiến hóa.

"Nho, Thích, Đạo tuy riêng hình thức,
Nhưng mục phiêu là đức tu trì;
Công bình, bác ái, từ bi,
Cốt sao nhơn loại thoát ly khổ trần."[76]

Bằng một cách dùng từ hơi khác đi một chút, Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy:

*"Đạo Thánh đã sắp bày **nhân nghĩa**,*
*Đạo Phật thì gieo tỉa **từ bi**;*
*Đạo Tiên **bác ái** chẳng ly,*
Đạo nào lại có sự gì rẽ chia."[77]

Giữa ba cách thức thức thể hiện tình thương trong Tam Giáo Đạo – tức là công bình, bác ái, và từ bi – có một mối tương quan chặt chẽ để tạo nên kết quả tu tiến của mỗi con người, như điều mà Đức Vô Cực Từ Tôn đã dạy các tín đồ Đại Đạo như sau:

"Con hãy học đức từ bi của Phật, bác ái của Tiên, công bình của Thánh, cùng hợp ý chung tâm để tìm lẽ đạo, thì tất nhiên điều sai lạc sẽ được phô bày tỏ rõ. Con sẽ được niềm bảo vệ của các đồng đạo. Và khi nhơn dục tịnh tận, thiên lý sẽ lưu hành, đó là chơn lý của công trình, công quả và công phu vậy."[78]

Đó là ở phạm vi cá nhân. Còn ở phạm vi xã hội, mối tương quan ấy cũng tạo nên những tác dụng quan trọng trong việc phát triển xã hội. Do đó, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

"Nho giáo đem lại cho nước nhà một trật tự an ninh thuần phong mỹ tục. Phật giáo đem lại cho con người giải thoát tâm linh đang bị chìm đắm trong khổ hải hồng trần. Đạo giáo dưỡng dục con người trên mọi phương diện vô vi và hữu thể."[79]

Về pháp môn, các tôn giáo trong Tam Giáo Đạo đều đặt căn bản trên việc tu tâm, tức là trau dồi tâm hồn, tinh thần, tư tưởng, cho được thanh cao, đạo đức. Trong "Đại Thừa Chơn Giáo", Đức Thượng Đế dạy:

"Đây Thầy nói sơ sự nuôi phần hồn cho các con rõ.

Phật giáo thì chú trọng về hư vô tịch diệt để nuôi lấy tâm thần, nên dùng phép thiền tọa mà gìn lòng, không cho xao động.

---

[76] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Nam Thành Thánh Thất, Tý thời, 22-08 Canh Tý (12-10-1960).
[77] Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm Thiền Điện, Ngọ thời, 02-01 Bính Ngọ (22-01-1966).
[78] Đức Vô Cực Từ Tôn; Vạn Quốc Tự, Ngọ thời, 15-08 Ất Tỵ (10-09-1965).
[79] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 07-02 Tân Hợi (03-03-1971).

Tiên giáo thì thích sự thanh tịnh vô vi, để tự nhiên tùy tùng thiên lý, cứ mãi gom thần, định trí cho đến chỗ yểu yểu minh minh, quyết không để cái tâm lưu luyến hồng trần mà trợ lực cho thất tình lục dục dấy lên làm quấy.

Còn Nho giáo lại là tồn tâm dưỡng tánh, chỉ tịnh tọa mà bảo dưỡng cho còn cái tâm lạc thiện háo đức, cái tánh tiết độ cao siêu."[80]

Có thể xem lời dạy sau đây của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo trong "Thánh Huấn Hiệp Tuyển" là một sự tóm tắt về các thuộc tính liên kết của Tam Giáo Đạo:

"Xem qua các tôn giáo từ ngàn xưa, thì tôn giáo nào cũng có nêu lên ba điều căn bản; nhưng trong ba thành một, một ra ba, không thiếu được. (…) Tam giáo lấy tinh túy là: công bình, từ bi, bác ái, cũng như là: Tinh, Khí, Thần; thử hỏi, thiếu một được chăng?"[81]

3.2. Những thuộc tính riêng biệt trong Tam Giáo Đạo

Để tìm những thuộc tính riêng biệt trong Tam Giáo Đạo, ta có thể bắt đầu từ việc đi tìm tinh thần căn bản của mỗi hệ thống Đạo thông qua các đại diện là tam giáo Á Đông.

Đối với Nho Đạo (Thánh Đạo), tinh thần căn bản là **trung dung**. Lời hướng dẫn để đi tìm tinh thần căn bản của Nho Đạo có thể được tìm thấy trong "Đại Thừa Chơn Giáo" với lời dạy của Đức Khổng Phu Tử:

*"Luận qua Đại Đạo **Trung Dung,***
Chưa ai nghe thấu chỗ cùng Đạo Nho"[82]

Trong "Đạo Học Chỉ Nam", điều này được xác nhận một lần nữa:

*"**Trung Dung** yếu lý đạo Nho Tông"*[83]

Đối với Tiên Đạo, tinh thần căn bản là **đắc nhất**. Lời hướng dẫn để đi tìm tinh thần căn bản của Tiên giáo có thể được tìm thấy qua lời dạy của Đức Thái Thượng Đạo Tổ trong "Thánh Huấn Hiệp Tuyển":

"Thái dương-âm hiệp, khí Tiên Thiên,
Thượng đắc linh cơ, máy diệu huyền;
Đạo pháp bao la gồm chữ Nhứt,
Tổ sư Chơn đạo tiếp ban truyền."[84]

Đức Lý Giáo Tông cũng có lời dạy:

---

[80] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 18-09 Bính Tý (01-11-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Dưỡng Sanh Tánh Mạng", tr.396-398.
[81] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.2), tr.88.
[82] Đức Khổng Phu Tử; 15-08 Bính Tý; *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Tam Giáo Thánh Nhơn", tr.34.
[83] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 3, tiết 3, mục 2.
[84] Đức Thái Thượng Đạo Tổ; *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.173.

"Đạo pháp bao trùm khắp vạn duyên,
Tìm ra được Một, đắc Chơn Tiên…"[85]

Trong hai câu thơ trên đây của Đức Lý Giáo Tông, "được Một" tức là "đắc Nhất".

Đối với Phật giáo, tinh thần căn bản là **phá chấp** để chứng nghiệm đạo lý về tánh **Không**. Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thích Ca Mâu Ni đã giáng cơ, dạy về yếu lý của Phật giáo như sau:

*"Phật giáo dạy đời một chữ **Không**."*[86]

Nếu yếu lý ấy bị mai một, Phật giáo sẽ bị thất chân truyền:[87]

"Pháp Như Lai cửa Thiền chế cải,
Dùng hữu hình cho sái Phật Tông;
Thinh âm sắc tướng tràn đồng,
*Làm cho xa mất chữ **Khôn**g đâu rồi."*

Khi Đức Thượng Đế lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, yếu tố tinh ba của Phật giáo được Ngài đưa vào nền Đại Đạo chính là đạo lý về tánh Không:

*"Thầy truyền có một chữ **Không,***
*Chữ **Không** làm đặng, lục thông chứng thành."*[88]

Tóm lại, Trung Dung – Đắc Nhất – Phá Chấp, hay một cách tương ứng, Trung – Nhất – Không là ba yếu tố tinh ba của Tam Giáo Đạo. Chính Đức Thượng Đế đã dung hòa và tổng hợp ba yếu tố này để lập thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: ta có thể tìm thấy sự kết hợp của ba yếu tố này trong nền tảng giáo lý Đại Đạo, trong hạt nhân của luận lý học Đại Đạo, và trong cốt lõi của tân pháp Đại Đạo.

3.3. Bảng tổng kết các thuộc tính cơ bản của Tam Giáo Đạo

Qua lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng trong hai mục trên. ta có thể hệ thống hóa các thuộc tính của ba hệ thống tôn giáo trên thế giới vào một bảng như bảng 1. Năm thuộc tính được hệ thống hóa trong bảng này là: [1] Phương diện hoặc mức độ thể hiện của tình thương; [2] Pháp môn; [3] Tinh thần căn bản; [4] Đối tượng an trị (hiểu theo nghĩa là các vấn đề mà những tôn giáo khác nhau trong cùng một hệ thống đều phải giải quyết); [5] Phương thức an trị.

BẢNG 1. NHỮNG THUỘC TÍNH C□ BẢN CỦA BA HỆ THỐNG TÔN GIÁO TRÊN THẾ GIỚI.

Thuộc tính	Phật Đạo	Tiên Đạo	Thánh Đạo

[85] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-10 Kỷ Dậu (24-11-1969).
[86] Đức Thích Ca Mâu Ni; *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Tam Giáo Thánh Nhơn", tr.42.
[87] Đức Thái Thượng Đạo Tổ; *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Đại Đạo Luận", tr.74.
[88] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Nền Tảng Cao Đài Đại Đạo", tr.92.

Tình thương	Từ bi	Bác ái	Công bình
Pháp môn	Minh tâm kiến tánh	Tu tâm luyện tánh	Tồn tâm dưỡng tánh
Tinh thần căn bản	Phá Chấp	Đắc Nhất	Trung Dung
Đối tượng an trị	Trị tâm	Trị thân	Trị thế
Phương thức an trị	Tam quy, ngũ giới	Tam bửu, ngũ hành	Tam cang, ngũ thường

Như vậy, để áp dụng hệ thống phân loại này cho một tôn giáo, ta phải khảo cứu cả Thể, Tướng, Dụng của tôn giáo ấy.

4. NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO

Ngũ Chi Đại Đạo là một phạm trù có liên hệ mật thiết với Tam Giáo Đạo. Phạm trù này cho phép ta hiểu được đầy đủ về hệ thống phân loại tôn giáo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

4.1. Ngũ Chi Đại Đạo là gì?

Khái niệm "Ngũ Chi Đại Đạo" đã được Đức Thượng Đế sử dụng từ thuở mới khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", Thượng Đế dạy rằng Ngũ Chi Đại Đạo đều do chính Ngài lập ra từ xưa để cứu độ nhân loại:

"Vốn từ trước Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo, là: ***Nhơn đạo***, ***Thần Đạo***, ***Thánh Đạo***, ***Tiên Đạo***, ***Phật Đạo****; tùy theo phong hóa của nhân loại mà gầy Chánh giáo."*[89]

Vậy, Ngũ Chi Đại Đạo là gì? Đó là năm mức độ tu tiến trong Đại Đạo:

1. Nhân Đạo, mức độ sơ khởi, là trách nhiệm của con người đối với gia đình;
2. Thần Đạo, mức độ thứ hai, là trách nhiệm đối với dân tộc, đất nước;
3. Thánh Đạo, mức độ thứ ba, là sứ mạng xây dựng nền tảng đại đồng trong đời sống của nhân loại;
4. Tiên Đạo, mức độ thứ tư, là sứ mạng giải thoát tâm linh cho toàn nhân loại;
5. Phật Đạo, mức độ thứ năm, là sứ mạng cứu độ chúng sinh trong càn khôn vũ trụ thoát khỏi luân hồi chuyển kiếp.

Khái niệm "Ngũ Chi Đại Đạo" cũng đóng vai trò quan trọng to lớn như khái niệm "Tam Giáo Đạo", vì có liên quan đến tôn chỉ "**Tam Giáo** quy nguyên, **Ngũ Chi** hiệp nhất" của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

---

[89] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 24-04-1926; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.18.

4.2. Tương quan căn bản trong Ngũ Chi Đại Đạo

Ngũ Chi tạo thành một hệ thống, được biểu diễn qua sơ đồ như trong hình 14. Giữa các mức độ tu tiến trong Ngũ Chi, có một mối *tương quan căn bản*; mối tương quan đó là sự nối tiếp tuần tự phát triển từ mức độ này sang mức độ khác, bắt đầu từ mức độ Nhân Đạo.

Năm mức độ tu tiến trong hệ thống Ngũ Chi Đại Đạo tương tự như năm cấp lớp từ thấp lên cao. Đây là những lớp học của trường tiến hóa, giúp cho con người tiến hóa trên mọi phương diện. Trong kinh "Trung Thừa Chơn Giáo", Đức Chí Tôn đã dạy:

"Thầy dạy các con lo xây dựng phần tôn giáo để phản ảnh cái tinh thần đạo đức của ***năm lớp học****, là:* ***Nhơn Đạo****,* ***Thần Đạo****,* ***Thánh Đạo****,* ***Tiên Đạo****,* ***Phật Đạo****. Các con sẽ có chương trình đối chiếu và cảnh minh những nguyên do lầm lạc, những di truyền thủ lệ; đồng thời, các con có dịp tạo nên những phước quả chánh đáng trong quá trình hành đạo, tiến lên một mức độ cao hơn. Và các con sẽ được toại nguyền, là: ngày nhân loại biết hồi đầu hướng thiện, biết sùng tôn chánh đạo để cứu rỗi phần chơn hồn thì không còn chênh lệch cái danh từ tôn giáo và chi phái nữa, mà chỉ trực nhìn ở chỗ chí yếu là chánh pháp siêu nhiên, mới đủ hiệu lực để đem lại cuộc thanh bình hạnh phúc giữa lớp sống đời người và mới là nơi định lập vĩnh viễn cho linh hồn. Ấy là ngày Đại Đạo hoằng khai, là kết quả của nền chơn đạo, vận hành từ chỗ hữu đến chỗ vô vậy."*[90]

[90] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; *Tam Thừa Chơn Giáo* (Q. 2, Trung Thừa Chơn Giáo), "Tôn Chỉ Đại Đạo", tr.19-20.

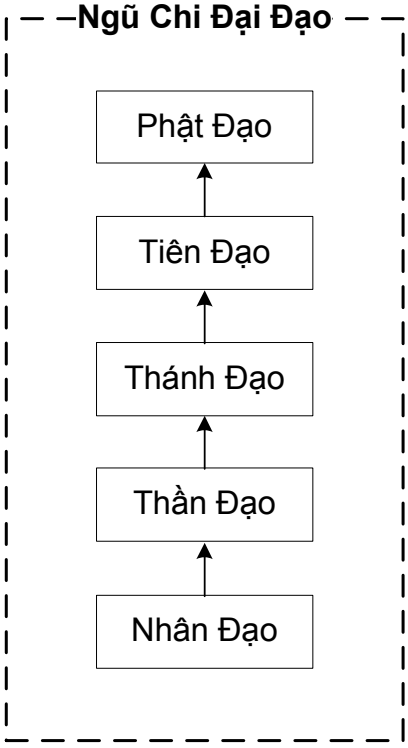

HÌNH 14. HỆ THỐNG NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO.

Đoạn thánh giáo trên đây cho chúng ta thấy Ngũ Chi Đại Đạo là một sự triển khai từ "thấp" lên "cao" của Đại Đạo, là "kết quả của nền chơn đạo, vận hành từ chỗ hữu đến chỗ vô". Sự khai triển này bắt đầu từ chỗ hữu vi của Nhân Đạo, rồi đưa con người dần dần tiến lên, thực hiện những bổn phận rộng lớn hơn, rời bỏ dần dần những hình danh sắc tướng, rồi cuối cùng mới đến chỗ vô vi của Phật Đạo.

Sự *tuần tự* của các cấp bậc này – từ "thấp" đến "cao" – là một tính chất quan yếu để tạo nên tính tuần tự trong các giai đoạn tu tiến theo tân pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Để minh họa, ta hãy xem đoạn thánh giáo sau đây của Đức Thái Thượng Đạo Quân:

"Chư đệ muội phải thực hành hoàn toàn trong Ngũ Chi Đại Đạo, bắt đầu từ thấp đến cao, từ bậc làm người chẳng lành trở lại người hiền, rồi lần lần lên đến bậc thần thánh, ***không thể bỏ một cấp bậc nào***.

Về phần Nhơn đạo, chư môn đệ thật hành chưa hoàn toàn chu đáo trong phần Ngũ đức, rồi làm sao tiến đến bậc Thánh nhơn, chớ nói chi đến phần Tiên Đạo là cơ tu tịnh hoàn đơn siêu xuất.

Nhưng Đạo Trời dĩ định, nền Đại Đạo phổ khai rộng mở, tất cả vạn pháp đều đem ra truyền dạy, tùy căn cơ sâu cạn của môn đệ hưởng ứng theo trình độ. Bởi thế, mới lắm lúc dạy qua cơ siêu thoát tu tịnh, lóng lòng kềm tâm định tánh, khử trược lưu thanh, gom

thần luyện kỷ, tu đơn cho mỗi môn đệ hiểu tường, rồi tùy căn cơ mà thi hành đạo pháp."[1]

Năm cấp bậc tu tiến này tác động như thế nào vào cuộc đời con người? Các tôn giáo từ xưa đến nay cho rằng cuộc đời là một môi trường để rèn luyện chứ không phải là một nơi để hưởng thụ. Phật giáo nói rằng đời là *bể khổ*, Thiên Chúa giáo nói rằng đã làm người thì phải chịu *tội tổ tông*. Mượn ngôn từ của các tôn giáo này, có thể nói rằng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dùng năm cấp bậc tu tiến này để từng bước cứu con người ra khỏi vòng tội lỗi từ tổ tông[2], đưa con người thoát khỏi sông mê bể khổ.

Qua cơ bút Cao Đài, Đức Thích Ca Mâu Ni đã dạy:

"Tôn giáo tợ con đò rước khách,
Ai sang qua, chẳng trạch giàu nghèo;
Miễn là chí quyết noi theo,
Đặng xa bể khổ, lên đèo thung dung.

Muốn Tây Thiên trùng phùng ngôi vị,
Thì trần gian tập ý vị tha;
Từ bi theo hạnh Di Đà,
Công bình, bác ái, hải hà bao dung.

***Nhơn Đạo** dạy tam tùng tứ đức,*
Ngũ thường lo đúng mức thuần phong,
Gia đình, xã hội cũng đồng,
Noi gương mỹ tục giống dòng Nghiêu Vương.

***Thần Đạo** lập con đường phải lối,*
Phận công dân sớm tối lo tròn;
Quan trường, tể tướng, tôi con,
Vẹn tròn hiếu nghĩa lòng còn thanh liêm.

***Thánh Đạo** chuộng một niềm ngay thẳng,*
Chí công bình trong trắng tâm thanh;
Không thiên không vị em anh,
Lời ngay, lẽ phải, phân rành quang minh.

***Tiên Đạo** chỉ xử tình, xử thế ,*
Bác ái trau tập thể hòa thương;
Yêu cùng nhơn loại bốn phương,
Thanh nhàn thỏa chí dặm trường ngao du.

***Phật Đạo** dụng đường tu thanh tịnh,*
Từ bi hành, nhường nhịn lẫn nhau;

[1] Đức Thái Thượng Đạo Quân; *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.156.
[2] Theo kinh Thượng Thừa Chơn Giáo (thuộc bộ kinh Tam Thừa Chơn Giáo), khái niệm "tội tổ tông" là một khái niệm thuộc về nội giáo tâm truyền của Ky Tô giáo, mà giáo lý Đại Đạo có sử dụng đến trong giáo pháp Tam Kỳ Phổ Độ.

Không chê kẻ thấp người cao,
Chẳng vì chức tước, nghèo giàu phân tranh.

***Đại Đạo** gồm năm nhành tôn giáo,*
Kể trên đây đào tạo lọc lừa;
Hợp thời, độ thế tùy ưa,
Hậu, trung, thượng, đủ đều vừa ý chung."[1]

Trong lời dạy của Đức Thích Ca Mâu Ni, "năm nhành tôn giáo" (Ngũ Chi Đại Đạo) là năm cấp bậc tu tiến để đưa con người từng bước "đặng xa bể khổ, lên đèo thung dung". Theo quyển "Minh Lý Chơn Giải", mỗi hệ thống tôn giáo cũng như mỗi tôn giáo riêng biệt trong Ngũ Chi Đại Đạo đều lấy cái "khổ" của nhân thế làm đối tượng để cứu độ:

"Đạo là một Lý không hai; dầu Đông hay Tây, tuy chia ra có nhiều mối manh: Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo, chớ cũng chung một Chơn lý duy nhứt. Mỗi phần tùy theo trình độ nhơn loại mà giáo hóa, hướng dẫn, như một cái thang năm nấc, một trường học năm lớp. Phật thì thoát khổ, Tiên thì giải khổ, Thánh thì thọ khổ, Thần thì thắng khổ, Nhơn thì tùng khổ. Mỗi "đạo" đều lấy chữ khổ mà làm đề mục.

***Nhơn [Đạo] thì tùng khổ**. Đã là người [thì phải] chịu cái công lệ sanh, già, đau, chết, khổ vì hoàn cảnh, vì bản thân. Nếu biết thuận tùng theo cái khổ đó để làm tròn bổn phận con người, lo tròn trách nhiệm đạo người đối với gia đình, xã hội, trong [thì] thân tộc ruột rà, ngoài [thì] đồng bào quốc thổ, [mới có thể] vui với cái thiên chức mà Trời đã trao cho để cùng nhau chia sớt nỗi vui, nỗi buồn, nỗi vinh, nỗi nhục. Không vì khó mà thối chí, chối từ, không vì nghèo hèn mà tủi nhục. Ai cũng thuận theo luân lý, đạo nghĩa để hoàn tất trách nhiệm làm con, làm cha, làm vợ, làm chồng, làm chủ, làm tớ, làm anh, làm em, làm người giữa nhau trong xã hội.*

***Thần [Đạo] thì thắng khổ**. Ngoài ra, vượt lên trên Nhơn Đạo là Thần Đạo, chiến thắng với tất cả sự áp bức xâm lăng, giữ yên bờ cõi để cho đồng bào chủng tộc sống trong cảnh an lành, ổn thỏa giữa nhau. Tuy nói thắng khổ, nhưng nếu gặp lúc vận nước suy vi, sức mình không đủ thắng thì cũng phải hết lòng, dầu phải hy sinh tánh mạng để làm tròn phận sự một tướng lãnh, một binh sĩ trung thành với nước nhà mình. Một quan văn thần quên mình, dám liều mình can gián bề trên để cứu dân, cứu nước, cũng là một trong hạng Thần Đạo này.*

***Thánh [Đạo] thì thọ khổ**. Tiến lên là Thánh Đạo, đảm nhiệm lấy sứ mạng cứu chuộc mọi khổ đau cho loài người, uống cạn chén khổ của đời. Vì vậy, Thánh Chúa Gia-Tô (Jesus) căn mình trên thập tự giá, làm của chuộc tội lỗi cho thế gian, lòng bác ái rộng thương tràn ngập đất trời. Đây cũng là một cuộc hy sinh lớn lao thuộc về tinh thần đạo đức của nhơn loại, chẳng phải người tầm thường mà hiểu được. Thánh giá là công cụ đưa nhơn loại lên tới Trời! Thánh giá cho ta biết sự đồng nhứt cao cả của Trời và người.*

[1] Đức Thích Ca Mâu Ni; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 08-04 Tân Sửu (21-05-1961).

***Tiên [Đạo] thì giải khổ**. Trên nữa, Tiên gia thuận với thiên nhiên, điều hòa thần khí để phá những phiền phức buộc ràng, đem ngay con người đến chỗ thanh tịnh vô vi, sống trong cái sống hồn nhiên, vui trong cái vui cởi mở. Không bận thân nơi tục lụy, triền phược theo đám bảy tình. Tự mình có cái đạo trường sanh, mình với Trời là một Nguyên Lý, Nguyên Thần. Trời vững bền thì người cũng là Trời, lẽ đâu không tồn tại? Người, Trời một đạo, đồng nhứt ở lý khí, nên có câu:*

Nhứt nhơn chi tâm, tức thiên địa chi tâm;
Nhứt vật chi lý, tức vạn vật chi lý.

Thế thì thiên địa vạn vật đồng nhứt thể; [vậy] mà sao trời vững đất bền, còn người, vật lại bị thống khổ, tiêu ma? Vì người cách xa với thiên lý, mờ mịt theo vật chất giả tạo mà gây nên thống khổ luân hồi. Biết đem cái lý ấy trở về là bền lâu như Tạo hóa.

Bực này chẳng những giải khổ bằng chơn lý, thuận với Tạo hóa, mà còn giúp cho nhơn loại cũng đặng biết cách giải khổ như mình, hòa mình cùng trời đất, thì có cho nghịch với mình mà gọi là khổ.

***Phật [Đạo] thì thoát khổ**. Vượt qua một từng công phu để tự cứu thoát và độ dẫn chúng sanh, cũng là cứu thoát ra ngoài tất cả mọi hệ lụy hành vi, ra ngoài sự câu thúc của đời hay của đất trời, để cầu lấy đạo từ bi, tự tại, bình đẳng, tự do."*[1]

Như vậy, Ngũ Chi Đại Đạo là sự biểu hiện của Đại Đạo thành năm cấp bậc tiến hóa của nhân loại. Bất cứ một ai trên thế gian này – từ những người không theo một tín ngưỡng nào, cho đến những người thuộc bất kỳ một tôn giáo nào – cũng đều phải trải qua và phải hoàn tất từng cấp bậc một trong đời sống của mình. Thế thì đối với các tôn giáo, đây là một cấu trúc phổ quát, thể hiện sự tiến hóa của các tín đồ qua năm trình độ khác nhau. Mọi tôn giáo, nếu đã là một hiện thân của Đại Đạo, thì đều phải có cấu trúc Ngũ Chi (hình 15).

Điều này hoàn toàn phù hợp với điều mà Đức Chí Tôn Thượng Đế dạy rằng, các tôn giáo mà Ngài đã dạy nhân loại lập ra chính là để phản ảnh tinh thần đạo đức của năm cấp bậc tiến hóa của nhân loại:

"Thầy dạy các con lo xây dựng phần tôn giáo để phản ảnh cái tinh thần đạo đức của năm lớp học, là: Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo."[2]

[1] Minh Lý Thánh Hội, *Minh Lý Chơn Giải*, tr.25-26.
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; *Tam Thừa Chơn Giáo* (Q. 2, Trung Thừa Chơn Giáo), "Tôn Chỉ Đại Đạo", tr.19.

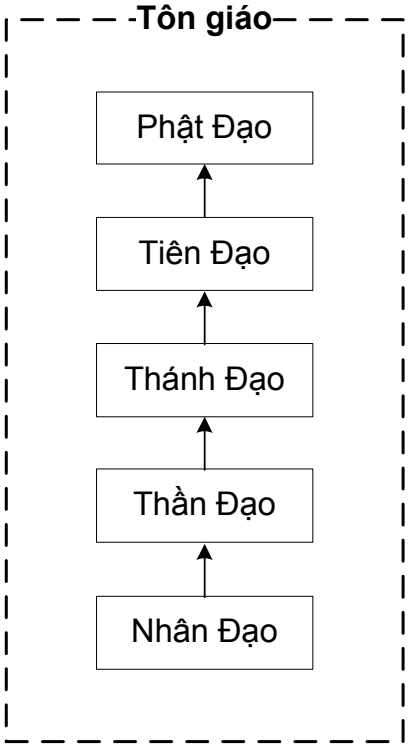

HÌNH 15. CẤU TRÚC HỆ THỐNG NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO CỦA MỘT TÔN GIÁO.

Cấu trúc Ngũ Chi còn có một tác dụng khá độc đáo: giúp các tôn giáo tự điều chỉnh lấy mình trong quá trình phát triển để tránh nguy cơ bị thất chân truyền. Để thực hiện điều này, mỗi tôn giáo cần thường xuyên tự đối chiếu cấu trúc Ngũ Chi của chính mình với của những tôn giáo khác trên thế giới. Nhờ sự tự đối chiếu này, các tôn giáo có tự phát hiện hoặc giúp đỡ nhau phát hiện những lỗi tiềm ẩn vốn có thể phát sinh bất cứ lúc nào trong quá trình phát triển để kịp thời khử lỗi. Đức Chí Tôn đã giải thích về tác dụng đặc biệt này của Ngũ Chi Đại Đạo:

"Các con sẽ có chương trình đối chiếu và cảnh minh những nguyên do lầm lạc, những di truyền thủ lệ; đồng thời, các con có dịp tạo nên những phước quả chánh đáng trong quá trình hành đạo, tiến lên một mức độ cao hơn."[1]

Tác dụng đặc biệt này hiện đang được Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phát huy. Việc phát huy liên tục tác dụng này sẽ dần dần giúp cho nhân loại *"biết hồi đầu hướng thiện, biết sùng tôn chánh đạo để cứu rỗi phần chơn hồn"*[2], không còn kỳ thị hay chia rẽ lẫn nhau vì những khác biệt về hình thức giữa các tôn giáo khác nhau hay giữa các hệ phái trong cùng một tôn giáo, mà *"chỉ trực nhìn ở chỗ chí yếu là chánh pháp siêu nhiên"*[3]. Nhờ đó,

[1] Ibid., tr.19-20.
[2] Ibid., tr.20.
[3] Ibid.

nhân loại mới tìm được hạnh phúc trong đời sống nhân sinh và tự do trong đời sống tâm linh.

4.3. Mối liên hệ giữa Tam Giáo Đạo và Ngũ Chi Đại Đạo

Tam Giáo Đạo và Ngũ Chi Đại Đạo là hai hệ thống phân loại tôn giáo độc lập với nhau. Hai hệ thống này dựa vào hai tiêu chí phân loại khác nhau, và cho hai đối tượng phân loại khác nhau. Tam Giáo Đạo là sự phân loại vạn giáo theo *đường lối giáo hóa*, còn Ngũ Chi Đại Đạo là sự phân loại các *mức độ tu tiến* trong từng tôn giáo theo trình độ tiến hóa của con người.

Thật vậy, như vừa được trình bày trong mục trên, Ngũ Chi Đại Đạo là năm cấp bậc tiến hóa của nhân loại, được sắp xếp theo một thứ tự cố định. Khi chưa hoàn tất một cấp bậc nào đó, con người không thể nào tiến lên được cấp bậc cao hơn. Cơ sở đạo lý của điều này nằm trong vũ trụ luận Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Theo đó, trong vũ trụ, có tám phẩm hồn, ứng với tám trình độ tiến hóa khác nhau; trước khi thành người, có ba trình độ tiến hóa (vật chất hồn, thảo mộc hồn, thú cầm hồn), còn từ con người trở lên, có năm trình độ tiến hóa, là Nhân hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, và Phật hồn. Ví dụ, một chơn linh đang ở Nhân hồn, nếu muốn thăng tiến thành Thánh hồn, thì nhất thiết phải qua Thần hồn mà không còn con đường nào khác. Do đó, khi chơn linh ấy đang mang hình thể con người để mượn thế gian làm trường tiến hóa, thì năm trình độ tiến hóa – tương ứng với năm phẩm hồn vừa nêu – chính là Ngũ Chi Đại Đạo.

Trong khi đó, Tam Giáo Đạo là ba đường lối giáo hóa khác nhau; và giữa ba đường lối này, không có sự so sánh cao thấp. Cả ba đường lối đều tương đương nhau về tác dụng, giá trị và cứu cánh. Ta hãy xét tam giáo Á Đông để có thấy rõ điều này. Giáo lý Đại Đạo không bao giờ nói rằng, giữa Thích giáo, Lão giáo và Khổng giáo, con người phải theo tôn giáo nào trước, tôn giáo nào sau. Mở rộng ra, không riêng gì tam giáo Á Đông, mà bất cứ tôn giáo nào trong Tam Giáo Đạo, cũng đều tương đương nếu xét trên bất cứ phương diện nào của cơ cứu độ. Điều này đã được Đức Văn Tuyên Khổng Thánh xác nhận:

"Đại Đạo gồm lại những gì tinh ba của trong Tam Giáo để cho chúng sanh dễ bề học hỏi, mà cũng là gây thêm ra mầm móng liên hòa giáo phái, đem lại cho nhơn loại đi ra ngoài vòng chấp ngã, hướng đến mức tôn giáo đại đồng; nên chi Bổn Thánh có ý muốn: ***đừng cho là Phật cao, Tiên thấp, Thánh thường; như thế là lầm lẫn cả****.*

Đạo, nào luận đó đây cao thấp,
Đời, cạnh tranh mới vấp bước đi;
Bớt cơn nê chấp phái chi,
Sân Trình cửa Khổng lo gì còn xa.

Thánh chẳng khác mấy là lý Phật,
Tiên nào hơn phẩm chất Gia Tô;
Cũng đồng nguyên thủy môn đồ,
Chia phân giáng thế phô trương đạo mầu.

Đưa nhơn loại hố sâu qua khỏi,
Rước khách trần lên cõi Thiên đàng;
Mong cho lạc nghiệp bình an,
Những ai mến thế bớt mang cảnh phiền.

Hễ tu niệm đừng riêng biệt lý,
giáo chủ nào lại chỉ sai đâu ;
Dữ xa, lành tập làm đầu,
Minh tâm thiện ý là câu thực hành.

Đạo bất hư, người canh với cải,
Nên từ lâu đành phải tiếng oan;
Không vừa ý muốn thế gian,
So qua, sánh lại, tìm đàng rẽ phân.

***Tiên** thì chọn tập lần bác ái,*
Mến nhơn loài lối giải mê tân;
Thanh nhàn chẳng nhuốm bụi trần,
Ngao du sơn thủy, tinh thần quang minh.

Tập thanh tịnh thế tình dập tắt,
Phép định thân tâm đắc không không;
Ý thường vô nhiễm trần hồng,
Đắc thành quả vị Tiên Ông như nguyền.

***Phật** cũng chẳng tư riêng chi đó,*
Hạnh từ bi làm ngỏ tu thân;
Ái tha, ái kỷ, ái nhân,
Nhịn người, dẫn lối tỉnh lần mê tân.

Tiểu, Trung, Đại thừa cần tu tập,
Ba phần trên gắng lập quả công;
Đến khi lìa khỏi trần hồng,
Niết Bàn bước đến ấy xong việc rồi.

Bổn Thánh gồm ba ngôi giáo chủ,
Để môn đồ thấy đủ đồng nhau;
Chẳng phân ai thấp ai cao,
Vẫn cùng một mối trước sau một nguồn.

Nhưng mỗi lý vai tuồng xem khác,
Mà biết rồi ai bác kích chi ;
Vàng, xanh, đen, đỏ chung quy,
Trước tiên do trắng mới đi nhuộm màu."[1]

[1] Đức Văn Tuyên Khổng Thánh; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 19-08 Tân Sửu (27-09-1961).

Theo tinh thần đó, bất cứ ai trong nhân loại, chỉ cần theo một tôn giáo duy nhất, và thực hiện trọn vẹn đường lối giáo hóa của tôn giáo ấy đối với chính bản thân mình cũng như đối với tha nhân, thì kết quả đạt được sẽ là như nhau, bất kể tôn giáo ấy là Thích, Lão hay Khổng.

Nếu kết hợp cả hai hệ thống phân loại này lại, ta sẽ có một hệ thống phân loại tôn giáo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ; trong đó:

- Mỗi tôn giáo đều thuộc về một trong ba đường lối giáo hóa của Tam Giáo Đạo, là Thánh Đạo, Tiên Đạo, và Phật Đạo;
- Mỗi tôn giáo đều chứa Ngũ Chi Đại Đạo trong chính mình; nói khác đi, mỗi tôn giáo đều có năm cấp bậc tu tiến từ Nhân Đạo, đến Thần Đạo, sang Thánh Đạo, đến Tiên Đạo và sau cùng là Phật Đạo.

Có vẻ như các tên gọi của các phân hệ thống "Thánh Đạo", "Tiên Đạo", "Phật Đạo" trong Tam Giáo Đạo và Ngũ Chi Đại Đạo bị trùng lặp nhau. Nhưng thật sự, trong Tam Giáo Đạo, "Thánh Đạo", "Tiên Đạo", "Phật Đạo" được dùng để chỉ các đường lối giáo hóa ("đường lối giáo hóa Thánh Đạo", "đường lối giáo hóa Tiên Đạo", "đường lối giáo hóa Phật Đạo"), còn trong Ngũ Chi Đại Đạo, "Thánh Đạo", "Tiên Đạo", "Phật Đạo" là những trình độ tiến hóa ("trình độ Thánh Đạo", "trình độ Tiên Đạo", "trình độ Phật Đạo").

Sơ đồ cho hệ thống phân loại tôn giáo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được trình bày ở hình 16. Hệ thống này bao gồm: [1] Tam Giáo Đạo, được biểu diễn bởi ba phân hệ "dọc", phân loại đường lối giáo hóa của các tôn giáo trên thế giới theo không gian văn hóa; [2] Ngũ Chi Đại Đạo, được biểu diễn bởi năm phân hệ "ngang", phân loại trình độ của con người tôn giáo theo thời gian tiến hóa.

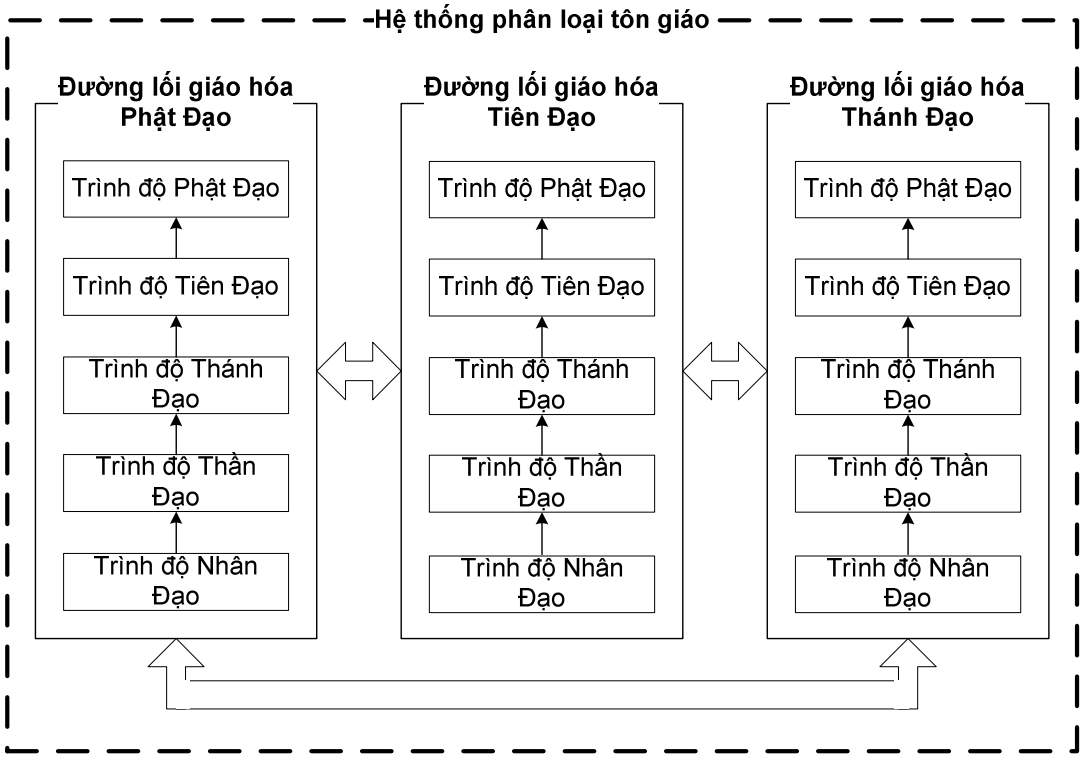

HÌNH 16. HỆ THỐNG PHÂN LOẠI TÔN GIÁO CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ.

Trong sứ mạng giáo hóa và cứu độ vạn linh của mình, mỗi tôn giáo đều có đầy đủ "bài vở" cho các chương trình tu học của vạn linh ở cả năm "cấp lớp" Ngũ Chi Đại Đạo. Tuy vậy, trên thực tế, một quá trình chuyên môn hóa đã xảy ra: mỗi tôn giáo thường tập trung vào việc triển khai cho thật sâu rộng một chương trình giáo hóa chuyên biệt cho một trình độ tiến hóa nhất định trong nhân loại, dù "bài vở" cho những trình độ tiến hóa còn lại vẫn tồn tại trong giáo lý của tôn giáo ấy.

Để làm ví dụ, có những tôn giáo tập trung vào trình độ Nhân Đạo (như Khổng giáo), lại có những tôn giáo tập trung vào trình độ Thánh Đạo (như Ky Tô giáo), và cũng có những tôn giáo tập trung vào trình độ Phật Đạo (như Thích giáo). Khuynh hướng chuyên môn hóa này là một khuynh hướng tự nhiên trong nhân loại, và nó xuất hiện trong mọi lĩnh vực hoạt động của nhân loại chứ không riêng gì trong lĩnh vực tôn giáo. Bởi đó, việc chuyên môn hóa chương trình cứu độ của các tôn giáo cho ta thấy được những sở trường của các tôn giáo, chứ hoàn toàn không có nghĩa là tôn giáo nào cao-thấp hơn tôn giáo nào.

Trong hình 17, hệ thống phân loại tôn giáo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được áp dụng cho Tam giáo Á Đông. Nếu ta thay thế một trong ba tôn giáo Á Đông bằng một tôn giáo bất kỳ thuộc cùng hệ Tam Giáo Đạo – ví dụ thay Khổng giáo bằng Ky Tô giáo, hoặc

thay Thích giáo bằng Bà La Môn giáo – sơ đồ ở hình 17 vẫn không thay đổi nội dung, vì vẫn là một sơ đồ biểu diễn những tương quan căn bản giữa Tam Giáo Đạo và Ngũ Chi Đại Đạo.

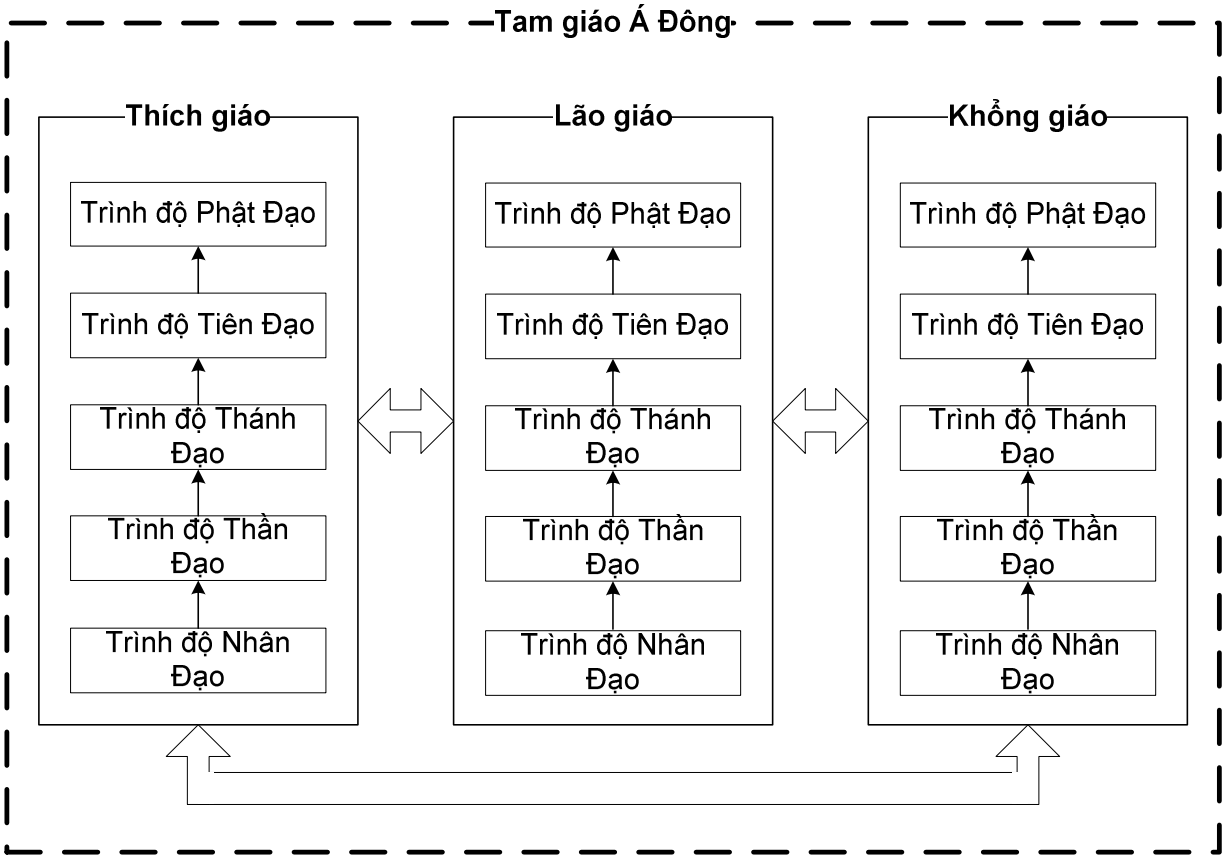

HÌNH 17. ÁP DỤNG HỆ THỐNG PHÂN LOẠI TÔN GIÁO CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ CHO TAM GIÁO Á ĐÔNG.

Như vậy, Tam Giáo Đạo và Ngũ Chi Đại Đạo là hai hệ thống phân loại khác nhau, trong đó, các tôn giáo được phân loại theo hai cách khác nhau. Hai hệ thống phân loại này gắn bó rất mật thiết với nhau trong việc làm sáng tỏ những mối liên hệ giữa các tôn giáo ở mọi mức độ, từ khái lược đến tinh vi. Khi được đặt vào hệ thống phân loại kết hợp này, các tôn giáo trở nên những biểu hiện khác nhau của một Đại Đạo duy nhất trong những không gian văn hóa và thời gian tiến hóa khác nhau.

5. KẾT LUẬN

Chương này đã chỉ ra rằng bất kỳ tôn giáo nào thuộc về bất kỳ thời đại và nền văn hóa nào của nhân loại cũng có một được sự liên hệ hết sức mật thiết. Mối liên hệ đó là mối liên hệ giữa các đường lối giáo hóa và cứu độ trong Tam Giáo Đạo.

Hệ thống Tam Giáo Đạo – và một hệ thống bổ túc cho hệ thống ấy là Ngũ Chi Đại Đạo – là một hệ thống phân loại các chương trình giáo hóa (và cứu độ) của vạn giáo trên hoàn cầu: Tam Giáo là ba đường lối giáo hóa của Đại Đạo, còn Ngũ Chi là năm cấp bậc tu tiến trong Đại Đạo. Hai hệ thống "Tam Giáo" và "Ngũ Chi" được xây dựng trên hai nhóm tiêu chí phân loại khác nhau: phân loại "Tam Giáo" dựa vào không gian văn hóa, phân loại "Ngũ Chi" dựa vào thời gian tiến hóa.

Tam Giáo Đạo là hệ thống phân loại các đường lối giáo hóa theo bản sắc của các nền văn hóa trên thế giới. Mỗi đường lối giáo hóa được thực hiện bởi nhiều tôn giáo khác nhau, và các tôn giáo thuộc về cùng một đường lối giáo hóa luôn mang những thuộc tính cơ bản giống nhau trong giáo lý của mình. Trong bối cảnh văn hóa của Á Đông, ba tôn giáo tiêu biểu cho ba hệ thống này là Phật giáo, Lão giáo và Khổng giáo. Ba đường lối giáo hóa "Tam Giáo Đạo" tuy khác nhau nhưng tương đương nhau về tác dụng, giá trị và cứu cánh, mà không có sự phân biệt cao-thấp. Vì các tôn giáo trên thế giới đều thuộc về một trong ba đường lối giáo hóa này, nên đều đóng những vai trò tương đương nhau trong sứ mạng cứu độ nhân loại.

Ngũ chi Đại Đạo là một hệ thống phân loại các trình độ tiến hóa cao-thấp khác nhau trong cùng một đường lối giáo hóa và trong cùng một tôn giáo. Đối với mỗi trình độ tiến hóa trong nhân loại, có nhiều tôn giáo khác nhau cùng thực hiện sự cứu độ theo đường lối giáo hóa của riêng mình. Mặc dù tôn giáo nào cũng có đầy đủ các chương trình cứu độ dành cho mọi trình độ trong Ngũ Chi Đại Đạo, nhưng mỗi tôn giáo thường có khuynh hướng tập trung vào việc dẫn dắt một trình độ tiến hóa nào đó. Đây chỉ là khuynh hướng chuyên môn hóa trong sứ mạng cứu độ, chứ không phải là lý do tạo nên sự phân biệt cao-thấp giữa các tôn giáo.

Hệ thống phân loại tôn giáo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phản ảnh mối liên hệ mật thiết giữa mọi tôn giáo trên thế giới từ xưa đến nay và từ Đông sang Tây. Nó sẽ cho thấy rằng mọi tôn giáo đều là một, bất chấp mọi sự khác biệt giữa các tôn giáo ở những không-thời gian khác nhau.

CHƯƠNG 3.
DIỄN BIẾN CỦA LỊCH SỬ CỨU ĐỘ

Chương này trình bày một bức tranh khái quát về diễn biến (progression [Eng]) của lịch sử cứu độ nhân loại. Diễn biến này tạo nên một mối dây ràng buộc giữa định mệnh của địa cầu 68 với tương lai của cả càn khôn vũ trụ, và tuân theo một định luật đồng dạng với nguyên lý "Nhất tán vạn – vạn quy Nhất".

1. DẪN NHẬP

Theo vũ trụ quan của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, toàn thể vũ trụ được vận hành bằng nguyên lý "Nhất Tán Vạn – Vạn Quy Nhất" hay là "Nhất Bổn tán vạn thù – Vạn thù quy Nhất Bổn". Do nguyên lý này, vũ trụ vận động theo những chu kỳ Tán-Tụ (phân tán và quy tụ). Ở bán kỳ trước, tức là bán kỳ "Tán", cái Một của Đạo phân tán ra thành cái Nhiều của vạn hữu thông qua những quá trình kiến tạo, khai mở, thiết lập, phóng phát, biến sinh, đa dạng hóa trong vũ trụ. Ở bán kỳ sau, tức là bán kỳ "Tụ", cái Nhiều của vạn hữu quy tụ lại thành cái Một thông qua những quá trình chọn lọc, kết tinh và đào thải.

"Tán" và "Tụ" là đặc tính tương ứng với các bán kỳ trước và sau. "Biên độ" (amplitude [Eng])[2] của hai đặc tính này biến thiên một cách đối lập với nhau. Mỗi đặc tính (ví dụ như "Tán"), ở đầu bán kỳ của mình luôn có một biên độ rất nhỏ, nhưng sẽ tăng dần trong bán kỳ ấy cho đến khi đạt được một cực đại, sau đó nó sẽ giảm dần và làm cho bán kỳ ấy tiến dần đến điểm kết thúc. Song song với sự suy giảm biên độ này, đặc tính đối lập (tức là "Tụ", trong ví dụ đang xét) cũng gia tăng biên độ và làm cho bán kỳ tương ứng với đặc tính đối lập này xuất hiện. Quá trình này được lặp lại mãi mãi một cách tự động, nhờ sự luân chuyển cho nhau giữa các đặc tính đối lập theo cách thức vừa nêu.

Như vậy, các chu kỳ Tán-Tụ liên tiếp nối đuôi nhau, và vũ trụ được vận hành một cách tự động nhờ sự biến đổi qua lại giữa cái Một và cái Nhiều. Thế nhưng, vũ trụ không vì vậy mà vận động theo một đường tròn khép kín; lý do là cái Nhiều không lùi ngược về cái Một như những gì xảy ra trong một bộ phim được chiếu ngược lại với trình tự thời gian mà nó được quay. Nguyên lý vận hành này nói rằng: cái Nhiều quy tụ lại thành cái Một thông qua những quá trình chọn lọc, kết tinh và đào thải. Có nghĩa là cái Một ở cuối một chu kỳ luôn luôn là một thành quả mới, được kết tinh trong suốt chu kỳ, và đó là sự phát triển của cái Một ở đầu chu kỳ. Vũ trụ luôn tiến hóa.

---

[2] Biên độ của một tính chất là độ lớn của giá trị đặc trưng cho tính chất đó (trong trường hợp ta có thể định lượng hóa tính chất đó sao cho nó trở nên có-thể-đo-được.)

Nhờ nguyên lý vận hành, vũ trụ không ngừng đổi mới nhưng luôn bảo tồn được bản thể từ muôn thuở đến muôn đời. Nếu ta nhìn vào bản thể, trong vũ trụ kể từ khi Sáng thế, không có cái gì mất đi bớt cũng không có cái gì được tạo ra thêm, vì cả vũ trụ chỉ có một bản thể hiện hữu độc lập với không-thời gian; nhưng nếu ta nhìn ra thế giới hiện tượng, vũ trụ không ngừng tự sáng tạo ra những tương lai mới mẻ của chính mình.

Nguyên lý vận hành vũ trụ này đã được kiểm nghiệm hàng ngàn năm nay bởi nhiều nền văn hóa lớn trên thế giới. Ví dụ như ở Á Đông, nội dung của nguyên lý này xuất hiện khắp nơi trong kinh Vedas và kinh Dịch, cũng như trong mọi kinh điển chịu ảnh hưởng từ hai bộ kinh này. Kinh nghiệm của những dân tộc Á Đông cho thấy nguyên lý này không chỉ chi phối sự vận động của tổng thể vũ trụ, mà còn chi phối sự vận động của từng cá vật trong vũ trụ.

Lịch sử văn minh nhân loại trên địa cầu này là một quá trình vận động của xã hội nhân loại. Hiển nhiên, xã hội này không thể tồn tại ngoài vũ trụ: nó tồn tại trên địa cầu, và địa cầu là một hành tinh của vũ trụ. Do đó, xã hội nhân loại cũng phải bị chi phối bởi nguyên lý vận hành, nghĩa là phải vận động theo nguyên lý "Nhất Bổn tán vạn thù – Vạn thù quy Nhất Bổn". Nhưng nguyên lý này sẽ có dạng thức nào trong xã hội nhân loại?

Chúng tôi sẽ trình bày về một dạng thức cụ thể của nguyên lý vận hành trong phạm vi xã hội nhân loại và có liên quan đến sự cứu độ. Theo dạng thức này, "Nhất Bổn" là Đại Đạo, còn "vạn thù" là vạn giáo, nghĩa là tất cả các tôn giáo trên thế giới, được hệ thống hóa như là Tam Giáo Đạo.

2. ĐỊNH LUẬT VỀ SỰ DIỄN BIẾN CỦA LỊCH SỬ CỨU ĐỘ

Từ quan niệm về sự cứu độ đã được trình bày trong chương đầu tiên, ta thấy, cứu độ không phải cái gì khác hơn là giáo hóa con người để làm cho xã hội văn minh hơn. Lịch sử cứu độ nhân loại là một lịch sử của sự giáo hóa để dẫn dắt con người rời bỏ thú tính, vươn lên nhân tính và tạo nên những bộ mặt văn minh cho xã hội. Thế nên lịch sử ấy cũng là lịch sử văn minh nhân loại.

Suốt từ nguyên thủy đến hiện đại, xã hội nhân loại không ngừng vận động theo những chu trình Tán-Tụ khác nhau. Tất cả diễn biến của lịch sử – dù là sự suy thịnh của những triều đại, sự hợp tan giữa những nền văn hóa, hay bất cứ cái đi nữa – đều là những hiện tượng xuất phát từ sự phân tán và hội tụ của một Đại Đạo duy nhất theo nguyên lý "Nhất Bổn tán vạn thù – Vạn thù quy Nhất Bổn". Ở những bán kỳ "Nhất Bổn tán vạn thù" trong xã hội, những triều đại mới sẽ được thiết lập, những nền văn hóa mới sẽ được khai sinh; rồi mỗi thứ đều phát triển theo cách của mình. Ở bán kỳ "Vạn thù quy Nhất Bổn", sự chọn lọc và đào thải xảy ra ở khắp nơi, những triều đại lần lượt suy sụp, những nền văn hóa trở nên điêu tàn; mọi thứ đều được sàng lọc để rồi được tuyển chọn hay bị đào thải. Nhưng nhân loại luôn luôn giữ lại được những bài học kinh nghiệm về chúng hay những tri thức liên quan đến chúng. Đó là những tinh hoa của chúng mà nhân loại thu thập được sau một chu kỳ Tán-Tụ của lịch sử. Những tinh hoa này sẽ được tái sinh trong những triều

đại và những nền văn hóa hậu duệ, tạo ra những bước phát triển tốt hơn (xét trên một hay nhiều phương diện nào đó) ở tương lai.

Xuyên qua tất cả biến cố của lịch sử trên toàn thế giới, từ xưa đến nay, xã hội nhân loại luôn được dẫn dắt bởi một quyền năng đặc biệt, không phải của riêng con người, cũng không phải của riêng Thượng Đế, nhưng được hình thành từ sự phối hợp giữa Thượng Đế và con người. Nhờ quyền năng này mà lịch sử nhân loại vận động theo những chu kỳ "khai – bế", "thị hiện – tiềm ẩn" kế tiếp nhau của một Đại Đạo duy nhất. Sự vận động này tuân theo một định luật…

2.1. Phát biểu định luật

Định luật này có thể được phát biểu như sau:

Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo;
Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo.

Đây là định luật về sự diễn biến của lịch sử cứu độ. Định luật này chính là dạng thức cụ thể của nguyên lý "Nhất tán vạn – vạn quy Nhất" trong phạm vi xã hội nhân loại.

Sơ đồ biểu diễn định luật, ở mức độ đơn giản nhất (mức độ đại cương), có thể được vẽ như ở hình 18. Nhìn vào giản đồ, sự luân chuyển giữa Đại Đạo và Tam Giáo Đạo dường như nằm trong một đường tròn khép kín; nhưng thật ra không phải như vậy vì giản đồ này chỉ là một "hình chiếu" của một quá trình luân chuyển phức tạp hơn mà những sơ đồ sau sẽ thể hiện.

Trong định luật về sự diễn biến của lịch sử cứu độ, cả Đại Đạo lẫn Tam Giáo Đạo đều có thể được quan niệm như là những cấu trúc hệ thống trong không-thời gian. Khi xét đến những cấu trúc chi tiết khác nhau của Đại Đạo hoặc Tam Giáo Đạo, chúng ta sẽ tìm thấy những định luật chi tiết tương ứng với những diễn trình ở những cấp độ khác nhau trong lịch sử nhân loại.

HÌNH 18. S□ ĐỒ BIỂU DIỄN ĐỊNH LUẬT VỀ SỰ DIỄN BIẾN CỦA LỊCH SỬ CỨU ĐỘ (Ở MỨC ĐỘ ĐẠI C□ □NG).

Bây giờ, để diễn giải định luật về sự diễn biến của lịch sử cứu độ, ta hãy xét đến một cấu trúc chi tiết của Đại Đạo. Trong cấu trúc đó, Đại Đạo có thể được xem như một hệ thống bao gồm hai trạng thái: [1] Đại-Đạo-Hư-Vô, tức là Đại Đạo trong tiềm thể đối với khả năng nhận thức của con người; [2] Đại-Đạo-Nhất-Thể, tức là Đại Đạo được khai minh và chuyển từ tiềm thể sang hiện thể (đối với khả năng nhận thức của con người).

Mặc dù Đại Đạo luôn hiện hữu trong mọi không-thời gian, nhưng thường ở vào trạng thái tiềm thể, nên phần lớn nhân loại không nhận biết được. Chỉ khi nào Đại Đạo ở vào trạng thái hiện thể – nghĩa là khi Đại Đạo được khai minh – thì đại chúng mới có hy vọng nhìn thấy được mà thôi.

Đặt hệ thống hai trạng thái này vào vị trí "Đại Đạo" trong sơ đồ ở hình 18, chúng ta sẽ thu được sơ đồ ở hình 19.

Sơ đồ ở hình 19 cho chúng ta một cái nhìn tổng quát về diễn biến của lịch sử cứu độ, theo đó, lịch sử cứu độ có ba giai đoạn:

- Giai đoạn thứ nhất, Đại-Đạo-Hư-Vô "nảy mầm" thành Đại-Đạo-Nhất-Thể, Đạo trong tiềm thể biến thành Đạo trong hiện thể;
- Giai đoạn thứ hai, Đại-Đạo-Nhất-Thể hoạt động như một nguồn gốc duy nhất, tự phân tán thành Đại-Đạo-trong-vạn-thể, tức là Tam Giáo Đạo; đây cũng là giai đoạn phát triển của vạn thể bằng cách khai thác những diệu dụng của Đại Đạo trong chính mình;
- Giai đoạn thứ ba, sau khi phát triển đến cùng cực, vạn thể thu hoạch mọi hạt giống Đại Đạo, trở về trạng thái Đại-Đạo-Nhất-Thể, nghĩa là nguồn gốc duy nhất ban đầu.

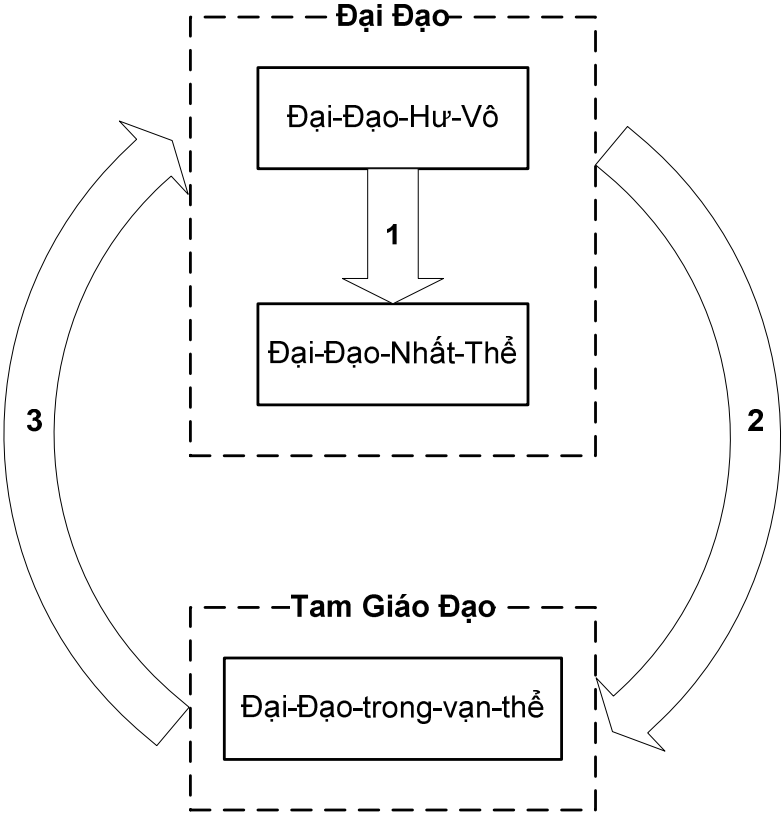

HÌNH 19. SƠ ĐỒ BIỂU DIỄN ĐỊNH LUẬT VỀ SỰ DIỄN BIẾN CỦA LỊCH SỬ CỨU ĐỘ (TRONG ĐÓ, CÓ XÉT ĐẾN SỰ KHAI MINH ĐẠI ĐẠO TỪ TRẠNG THÁI HƯ VÔ SANG TRẠNG THÁI NHẤT THỂ).

Về ba giai đoạn này, Đức Liên Hoa Thánh Mẫu giải thích qua một ví dụ:

"Một cây cổ thụ, tàn lá sum sê, hoa đơm quả kết. Các em hãy nhìn thật kỹ và phân tách từng phần trong từng giai đoạn.

Lúc ban đầu, cây ấy là một hột giống. Khi hột giống được gieo trồng vào mảnh đất phù sa mầu mỡ, bèn nứt mầm; đó là giai đoạn thứ nhất.

Từ mầm trở thành cây và lần lần lớn lên; đó là giai đoạn thứ hai, giai đoạn này không như lúc trước, mà lại chia ra từng nhánh, từng cành, từng nơi đơm đầy những lá xanh tươi, tốt đẹp. Giai đoạn này chính là giai đoạn mà mọi người đến đấy phải ngẩng trông lên ở tàn cây để tìm sự thích hợp nhãn quan.

Bây giờ các em có thể nhận được sự thật của cây cổ thụ kia và cơ đạo ngày nay (…)

Đành rằng tất cả cành lá nhánh nhóc đều hút nhựa ở thân cây. Cây nhờ rễ bám sâu lòng đất mẹ, nhưng nhánh vẫn đâm chồi, chồi vẫn sanh lá, lá vẫn kết hợp một tàn xinh đẹp mát mẻ và hoa sẽ bắt đầu đơm, quả sẽ bắt đầu nơi hoa mà kết tụ. Thử hỏi: nhánh có

biết từ thân cây mọc ra? Lá có biết từ cành cây mọc ra? Hoa có biết từ nhựa sống tinh ba của cây trổ ra? Quả có biết từ thiên chất, mộc linh kết tụ để đem lại mùi vị ngon ngọt thanh tao hoặc tân toan hàm cổ?

Cây vẫn là cây, nhánh vẫn là nhánh. Đại Đạo ngày nay cũng thế.

Đại Đạo nguyên thủy từ Vô Cực vần xây, Thái Cực hóa sinh. Nhưng khi đã thành một tôn giáo, rồi tôn giáo lại nảy ra chi phái. Các em ơi! chi phái có biết nguyên thủy từ đâu không? Nếu không, thì giai đoạn thứ ba không bao giờ đến, cũng như hoa không kết quả. Nếu có quả mới có hột; hột ấy là giống của một [quá trình] tuần hoàn. Hột phải là hột giống như lúc ban sơ."[3]

Ví dụ trong đoạn thánh giáo này cho ta thấy rõ ba giai đoạn:

- "Lúc ban đầu, cây ấy là một hột giống. Khi hột giống được gieo trồng vào mảnh đất phù sa mầu mỡ, bèn nứt mầm; đó là **giai đoạn thứ nhất**." Đây là giai đoạn Đại-Đạo-Hư-Vô nảy mầm thành Đại-Đạo-Nhất-Thể.
- "Từ mầm trở thành cây và lần lần lớn lên; đó là **giai đoạn thứ hai**, giai đoạn này không như lúc trước, mà lại chia ra từng nhánh, từng cành, từng nơi đơm đầy những lá xanh tươi, tốt đẹp." Trong giai đoạn thứ hai này, Đại-Đạo-Nhất-Thể hoạt động như một nguồn gốc duy nhất, biến thành Đại-Đạo-trong-vạn-thể: từ gốc, phát triển ra thân; từ thân, phát triển ra nhiều nhánh; từ nhánh, phát triển ra nhiều cành, nhiều lá, nhiều hoa.
- "Hoa sẽ bắt đầu đơm, quả sẽ bắt đầu nơi hoa mà kết tụ. (…) Nếu có quả mới có hột; hột ấy là giống của một [quá trình] tuần hoàn. Hột phải là hột giống như lúc ban sơ." Đó là **giai đoạn thứ ba**. Từ quả, thành tựu cuối cùng trên mọi nhánh của vạn thể, sẽ có trở lại những hạt giống như lúc ban đầu. Đó là vạn thể trở về nguồn gốc duy nhất ban đầu, Đại-Đạo-Nhất-Thể.

Định luật về sự diễn biến của lịch sử cứu độ là một thể hiện của nguyên lý vận hành "Nhất tán vạn – vạn quy Nhất" trong không-thời gian của lịch sử nhân loại. Để thấy rõ, ta hãy đối chiếu các thực thể cũng như các giai đoạn của định luật diễn biến này và của nguyên lý vận hành.

Trong định luật về sự diễn biến của lịch sử cứu độ, ta có:

- hai thực thể, là Đại Đạo và Tam Giáo Đạo,
- ba giai đoạn, là giai đoạn nảy mầm, giai đoạn phân tán và giai đoạn quy tụ.

Trong nguyên lý vận hành, ta có:

- hai thực thể, là Nhất (hay Nhất Bổn, tức là Đạo) và Vạn (hay vạn thù, tức là vạn vật),
- ba giai đoạn, là giai đoạn từ-tiềm-ẩn-đến-nảy-mầm, giai đoạn phân tán và giai đoạn quy tụ.

[3] Đức Liên Hoa Thánh Mẫu; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-06 Mậu Thân (10-07-1968).

Việc đối chiếu các thực thể và các giai đoạn này được thực hiện trong bảng 2.

BẢNG 2. ĐỐI CHIẾU GIỮA ĐỊNH LUẬT VỀ SỰ DIỄN BIẾN CỦA LỊCH SỬ CỨU ĐỘ VỚI NGUYÊN LÝ VẬN HÀNH CỦA CÀN KHÔN VŨ TRỤ.

		Định luật về sự diễn biến của lịch sử cứu độ	**Nguyên lý vận hành của càn khôn vũ trụ**
Các thực thể	**Thực thể đầu tiên và cuối cùng**	Đại Đạo	Nhất, Nhất Bổn, Đạo
	Thực thể được phát sinh	Tam Giáo Đạo, vạn giáo	Vạn, vạn thù, vạn vật, vạn hữu, vạn pháp, vạn thể
Các giai đoạn	**Giai đoạn *nảy mầm***	Đại Đạo trước khi phát sinh Tam Giáo Đạo.	Đạo trước khi tạo thiên lập địa.
	Giai đoạn *phân tán*	Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo (bao gồm vạn giáo trên thế giới).	Nhất Bổn (Đạo) tán vạn thù (mọi sự vật, hiện tượng trong vũ trụ).
	Giai đoạn *quy tụ*	Tam Giáo Đạo (bao gồm vạn giáo trên thế giới) trở về Đại Đạo.	Vạn thù (mọi sự vật, hiện tượng trong vũ trụ) quy Nhất Bổn (Đạo).

2.2. Giải thích các thuật ngữ trong cách phát biểu định luật

Trở lại với các phạm trù được phát biểu trong định luật "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo; Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo". Ở đây, có ba phạm trù cần được giải thích:

- Phạm trù "Đại Đạo" ở giai đoạn trước khi phát sinh "Tam Giáo Đạo",
- Phạm trù "Tam Giáo Đạo",
- Phạm trù "Đại Đạo" mà "Tam Giáo Đạo" phải trở-về.

Có người sẽ nói rằng, thật ra chỉ có hai phạm trù: "Đại Đạo" và "Tam Giáo Đạo". Nói như vậy chỉ đúng với điều kiện phải lý giải được rõ ràng ý nghĩa của mỗi chữ "Đại Đạo" trong các mệnh đề phát biểu định luật này. Về mặt kỹ thuật, để thuận tiện trong việc trình bày, chúng tôi xem mỗi chữ "Đại Đạo" trong định luật này là một phạm trù và dĩ nhiên chúng có liên quan mật thiết với nhau.

Ở mức độ sơ khởi, ba phạm trù trên đây có thể được hiểu một cách đại cương như sau.

Phạm trù thứ nhất, ***Đại Đạo ở giai đoạn trước khi phát sinh Tam Giáo Đạo***, được dùng để chỉ đạo lý tự nhiên vốn có trong bản tánh thánh thiện của nhân loại ban sơ. Thời thái cổ (thượng cổ), xã hội nguyên thủy của nhân loại là một xã hội thánh đức, con người không có lòng tham dục, không tranh chấp lẫn nhau. Đó là thời con người sống bằng đạo

tự nhiên, hay là Đại Đạo. Vậy, ở thời kỳ này, Đại Đạo chính là sự sống tự nhiên, mà cũng là nếp sống thánh thiện bẩm sinh ở con người.

Phạm trù thứ nhì, ***Tam Giáo Đạo***, được dùng để chỉ ba đường lối giáo huấn đạo đức và văn minh cho nhân loại, đó là: Phật Đạo, Tiên Đạo và Thánh Đạo. Các bậc giáo tổ được mạc khải về Đại Đạo một cách duy nhất, nhưng thực hiện mạc khải đó theo ba đường lối khác nhau. Con người và xã hội muốn tiến hóa thì phải đi theo một trong ba con đường đó. Mọi tôn giáo trên thế giới đều thuộc một trong ba nhánh – hoặc là Phật Đạo, hoặc là Tiên Đạo, hoặc là Thánh Đạo – của Tam Giáo Đạo.

Phạm trù thứ ba, ***Đại Đạo mà Tam Giáo Đạo phải quay-trở-về***, được dùng để chỉ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là Đạo Cao Đài mà Đức Thượng Đế khai mở để cứu vạn linh trong thời mạt kiếp này. Đây là một nền đạo không chỉ dành cho một nhân loại hữu hình trên địa cầu 68 này, mà còn dành cho toàn thể chúng sinh (bao gồm bát phẩm chơn hồn) trong càn khôn vũ trụ, từ các cõi hữu hình đến các cõi vô hình. Điều này có thể được thấy trên mọi phương diện của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chẳng hạn, từ chính nền tổ chức của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

- Phần "hồn" của nền tổ chức này là Bát Quái Đài do chính Thượng Đế trị vì, và bên dưới Ngài là chư Phật, Tiên, Thánh, Thần trên mọi tầng trời, cùng *vận hành cơ tiến hóa trong linh giác của chúng sinh*;
- Phần "xác" của nền đạo này là Cửu Trùng Đài do Giáo Tông trị vì, chẳng những đại diện cho địa vị cao trọng của con người trong Tam Tài mà còn tượng trưng cho đỉnh cao của sự tiến hóa mà nhân loại có thể thực hiện được trong địa giới này; bên dưới phẩm vị Giáo Tông là các phẩm vị tượng trưng cho các đẳng cấp tiến hóa cao thượng trong nhân loại, có đủ quyền năng thay Trời hành Đạo, vận hành cơ tiến hóa về hình thể của chúng sinh.

Qua ví dụ này, ta thấy Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sử dụng thế Thiên Nhân hiệp nhất để vận chuyển cơ tiến hóa của chúng sinh từ trong linh giác ra đến hình thể. Do đó, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là hiện thân của bản thể Đạo trường tồn bất biến của càn khôn vũ trụ, bao gồm từ phần hình tướng của vạn hữu đến phần hư vô của Thượng Đế. Điều này giải thích vì sao Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chính là Đại Đạo mà Tam Giáo Đạo phải quay trở về.

Tuy nhiên, cần nhấn mạnh một lần nữa: cách hiểu đối với các thuật ngữ trên đây chỉ là một cách hiểu sơ khởi. Sau khi trình bày chi tiết về các phạm trù này trong các chương tới, chúng ta sẽ thấy rằng cả "Đại Đạo" (trước khi phát sinh "Tam Giáo Đạo"), "Tam Giáo Đạo", lẫn "Đại Đạo" (sau khi phát sinh "Tam Giáo Đạo") cũng đều chỉ là một, nghĩa là, đều thuộc về cùng một phạm trù phổ quát và duy nhất. Và giáo lý Đại Đạo gọi phạm trù duy nhất ấy là **Đạo**, **Đại Đạo**, **Đạo Cả**, hay **Đạo Trời**.

2.3. Giải thích nội dung của định luật

Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo. Từ xa xưa, khi Đức Thượng Đế tạo ra con người trên thế gian, Ngài đã ban cho mỗi con người một điểm Đạo trong bản tánh. Khi con người biết phát huy điểm Đạo ấy trong đời sống, thì cuộc đời khi đó chính là Đại Đạo.

Lần lần, theo thời gian, con người bị vật chất lôi cuốn, sống theo dục vọng, quên mất điểm Đạo tự hữu trong chính mình, phạm vào những điều vô đạo. Khi đạo lý tự nhiên trong bản tánh của con người đã bị mai một hầu hết đối với toàn xã hội, Thượng Đế phải cho các đấng Thiêng Liêng xuống thế gian, mượn hình danh sắc tướng nơi cõi thế để làm phương tiện thể hiện đạo lý vô vi, lập ra các tôn giáo để con người nương theo đó mà tu học, nhằm trở về với cái đạo tự thân. Các tôn giáo tuy nhiều, hình thức tuy khác biệt, nhưng đều thuộc một trong ba nhánh mà ta gọi là Tam Giáo Đạo, đều thể hiện cùng một chân lý Đạo, đều nằm trong cùng một kế hoạch cứu thế của Đức Thượng Đế.

Tại sao phải có giai đoạn "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo"? Đó là giai đoạn phát triển của cơ cứu độ vào mọi tầng lớp trong nhân loại, như ta đã thấy qua lời dạy của Đức Liên Hoa Thánh Mẫu:

"Từ mầm trở thành cây và lần lần lớn lên (…), giai đoạn này không như lúc trước, mà lại chia ra từng nhánh, từng cành, từng nơi đơm đầy những lá xanh tươi, tốt đẹp. Giai đoạn này chính là giai đoạn mà mọi người đến đấy phải ngẩng trông lên ở tàn cây để tìm sự thích hợp nhãn quan."[4]

Do sự phân tán để đa dạng hóa của Đại Đạo (nghĩa là đa dạng hóa sự cứu độ), mà mỗi giai tầng, chủng tộc, khuynh hướng,… trong nhân loại đều có thể tìm thấy một đường lối giáo hóa, một tôn giáo, hay một chi phái thích hợp cho riêng mình. Điều này đã được Đức Thái Thượng Đạo Tổ giảng giải qua một ví dụ, như sau:

"Đạo rất rộng, thế nào mà vừa ý mỗi người được? (…) Ta hỏi một điều: trong thiên hạ, có nhiều người thích ăn cơm khô, có nhiều người thích ăn cơm nhão, lại có nhiều người thích ăn cơm vừa vừa, không nhão không khô. Vậy trong một nồi cơm, chư nhu có thể nấu đặng nhiều thức như vậy chăng?

Ta lấy đó mà giải qua việc lập đạo. Muốn đặng vừa lòng mỗi người và muốn đặng bền vững, thì phải cần chia ra nhiều phần [rồi lấy] kết quả hiệp lại.

Như muốn nấu cơm như vậy, thì phải sắm một cái xửng, trong đó để nhiều thố cơm. [Thố nào] muốn cho [cơm] nhão thì phải đổ nước cho nhiều, [tương tự, thố nào muốn có cơm khô thì đổ nước ít], rồi để lên chảo, lấy xửng mà chưng. Khi chín, thì thứ nào theo thứ nấy, chẳng lộn lạo được.

Đến khi dọn ăn, thì ai thích thứ nào ăn thứ nấy, nhưng đồ ăn và ăn cũng đồng một mâm, một lượt. Có phải là đặng vừa ý muốn của mỗi người chăng?"[5]

Trong đoạn thánh giáo trên đây, những thố cơm với những thứ cơm khác nhau (khô và nhão) được dùng làm ví dụ cho những nhu cầu khác nhau về tâm linh lẫn nhân sinh của loài người. Trong mỗi xã hội đều tồn tại rất nhiều nhu cầu như vậy ứng với những căn trí (trình độ tiến hóa) của những con người khác nhau. Cách tốt nhất để đáp ứng tất cả những nhu cầu này là đem đến cho xã hội nhiều khả năng chọn lựa, sao cho mỗi khả năng đều

[4] Đức Liên Hoa Thánh Mẫu; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-06 Mậu Thân (10-07-1968).
[5] Dẫn theo Định Pháp Tổng Lý Nguyễn Minh Thiện, *Bài Giảng về Cái Hóa Hậu của Minh Lý*, tr.18.

thỏa mãn triệt để một số nhu cầu nào đó thuộc những căn trí nào đó. Chính các tôn giáo (cùng với các chi phái của mỗi tôn giáo) là những khả năng chọn lựa khác nhau. Và theo quan điểm "sẽ càng tốt nếu càng có nhiều khả năng chọn lựa", thì càng có nhiều tôn giáo (và mỗi tôn giáo càng có nhiều chi phái) xã hội càng được phục vụ chu đáo hơn, vì cá nhân càng dễ dàng tìm thấy tôn giáo phù hợp với nhu cầu và căn trí của mình.

Như vậy, sở dĩ Đại Đạo được phân chia thành ba đường lối giáo hóa, vì nhu cầu và căn trí con người – bao gồm cả trình độ phát triển tâm linh và trình độ phát triển lý trí của nhân loại – là không đồng đều. Sự phân chia ấy hoàn toàn mang tính chất phương tiện, nhằm dẫn dắt *mọi* cá nhân trong nhân loại tìm đến và đạt được Đại Đạo. Điều này cũng cho thấy **tính chất phổ độ của Đại Đạo** ở giai đoạn phát sinh Tam Giáo Đạo: chính các tôn giáo là những phương tiện phổ độ mọi tầng lớp nhân sinh.

Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo. Đến thời hạ nguơn, tri thức con người đã được tích lũy rất nhiều nhờ những tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhưng đạo đức nơi con người lại suy thoái trầm trọng. Sự phát triển mất quân bình đó khiến xã hội loài người rơi vào nguy cơ tự hủy diệt bằng những cuộc chiến tranh với những vũ khí tân kỳ do lý trí chế tạo. Đắm chìm trong bóng đêm của lòng tham dục, xã hội loài người lâm vào tình trạng tranh đấu, chém giết nhau triền miên, và hoàn toàn bị bế tắc trong việc tìm lối thoát cho tương lai. Đức Thượng Đế đã từng phải than rằng:

"Thầy thấy bầy con, ở thế gian, vì miếng ăn đất ở, vì danh vọng lợi quyền, mà đành xâu xé nhau, chia rẽ nhau, nào khác chi rắn chung hầm, vì đói mà cắn giết nhau, nuốt ăn nhau, đâu biết suy xa nghĩ tột!

Ôi ! Các con đồng mắc phải tội tình, chịu cái nạn chung trong ao sâu vũng khổ, mà các con không tầm đường tẩu thoát, lo cứu vớt cho nhau, lại toan bề sát hại lẫn nhau. Khổ lắm thay! Dại lắm thay!"[6]

Trước tình trạng đó, Đức Thượng Đế phải lâm phàm bằng linh điển, trực tiếp quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi để lập thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Thời kỳ này, khoa học và kỹ thuật đã phát triển đến mức cho phép các nền văn hóa khác nhau có thể liên lạc với nhau, hiểu biết lẫn nhau, tác động vào nhau, và kết hợp với nhau, nên nhân loại đã đủ điều kiện để nhận thức một chân lý Đại Đạo duy nhất; mặt khác, nếu Thượng Đế không quy tụ vạn giáo lại thì con thuyền cứu độ không đủ to rộng để đưa cả thế giới nhân loại sang thời thượng nguơn thánh đức.

Tại sao phải có giai đoạn "Tam Giáo Đạo phải trở về Đại Đạo"? Đức Đông Phương Chưởng Quản giải thích:

"Có chúng sanh tức là có Cao Đài. Không có Cao Đài thì không có chúng sanh, mà không có chúng sanh thì không có Phật, Tiên, Thánh, Thần chi cả. Vô vi, hữu hình là

[6] Đức Cao Đài Giáo Chủ; 26-8 Bính Tý (11-10-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản Trước Tiết Tàng Thơ), "Đời Cần Phải Có Đạo Đức".

một; khi phân tán, lúc quy hợp. Biết được chỗ khởi nguyên là biết được chỗ quy nguyên. Không quy nguyên thì đã hủy diệt.

Chơn ngôn này không chỉ Bần Đạo mới nói đây mà đã có [người] nói từ khi Đạo hiện bày thật tướng tại thế gian. Người hành giả muốn vững bước trên đường Đạo phải thấu triệt điều này để khỏi hoài công vì lầm lạc."[7]

Chữ "Cao Đài" mà Đức Đông Phương Chưởng Quản đề cập ở đây không phải là tên của một tôn giáo, mà là một danh từ tượng trưng cho Đại Đạo. Đó vừa là Đại Đạo vô vi (Đại-Đạo-Hư-Vô) trong tâm hồn nhân loại, mà cũng vừa là Đại Đạo hữu hình (Đại-Đạo-Nhất-Thể) trong văn minh của nhân loại.

Giai đoạn trở về – tức quy nguyên – là giai đoạn thu hoạch kết quả. "Quy nguyên" ở đây không phải là lùi lại hay quay trở lại tình trạng đầu tiên, mà đó là *tái sáng tạo* ra trạng thái đầu tiên thông qua những thành quả của suốt quá trình phát triển. Nếu nhớ lại ví dụ của Đức Liên Hoa Thánh Mẫu về hạt giống nẩy mầm thành cây và cây phát triển thành nhiều nhánh, thì "quy nguyên" hay "trở về" không có nghĩa là các nhánh này phải chụm lại, cũng không có nghĩa là làm sao các nhánh cây cùng biến thành một gốc cây duy nhất như lúc chưa phân chia. Quy nguyên, hay trở về, có nghĩa là các nhánh này phải làm trọn trách nhiệm của chúng theo đúng quy luật: phải khai *hoa*, để hoa kết thành quả; rồi quả sẽ cho *hạt*. Những hạt được lấy từ quả là cái mà các nhánh đã sáng tạo ra, mà cũng là nguồn gốc mà các nhánh cây đã trở về.

Như vậy, nếu xét đến cả sự phát triển theo thời gian lẫn sự phát triển trong không gian của Đại Đạo và Tam Giáo Đạo, thì quá trình từ Đại Đạo đến Tam Giáo Đạo rồi trở về Đại Đạo không phải là một chu trình khép kín, mà là một diễn trình mở rộng liên tục. Để thể hiện điều này, sơ đồ ở hình 18 được vẽ lại thành sơ đồ ở hình 20.

Trong sơ đồ này, trục "Sự phát triển theo thời gian" chủ yếu là để cho ta thấy sự phát triển những diệu dụng của Đại Đạo qua những giai đoạn, những thời kỳ khác nhau; còn trục "Sự phát triển theo không gian" chủ yếu là để cho ta thấy sự phong phú hóa những thể hiện của Tam Giáo Đạo theo những khu vực địa lý khác nhau trên thế giới.

Tam Giáo Đạo sau một thời gian phân tán để phát triển, đã dần dần thiên về phần hữu hình, nên bị thất chân truyền, không còn đủ quyền năng thực hiện sứ mạng cứu độ nữa. Vì vậy, Tam Giáo Đạo phải quy nguyên để khôi phục chân truyền, hòa hiệp lại thành một thực thể cứu thế, đưa nhân loại vượt qua khỏi nguy cơ bị hủy diệt trong thời mạt kiếp.

[7] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-09 Giáp Dần (29-10-1974).

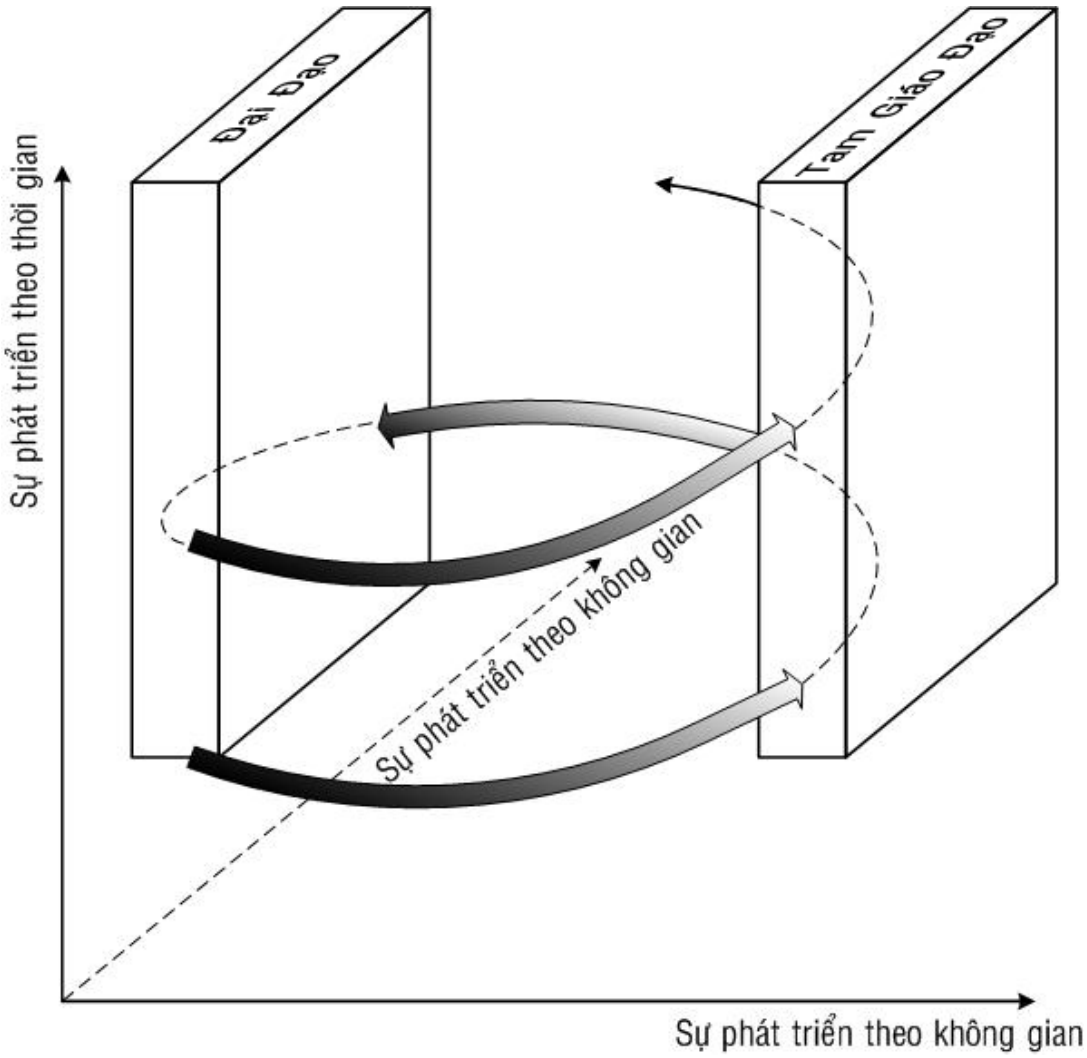

HÌNH 20. SƠ ĐỒ BIỂU DIỄN ĐỊNH LUẬT VỀ SỰ DIỄN BIẾN CỦA LỊCH SỬ CỨU ĐỘ (TRONG ĐÓ, CÓ XÉT ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẠI ĐẠO VÀ TAM GIÁO ĐẠO TRONG KHÔNG-THỜI GIAN).

Đức Thượng Đế đã dạy:

"Thầy mở cơ tận độ kỳ ba này cho các con, cho thế giới nhân loại, cũng như mùa xuân đến với vạn vật. Vạn vật đã trải qua những giai đoạn sanh sôi, trưởng thành, hoạt động, thâu liễm và tàng ẩn để phục sinh. Như cái nóng bỏng của mùa hè, mưa gió thê lương của mùa thu, rét mướt lạnh lùng của mùa đông, là cơ vi tiến chuyển từng giai đoạn, vừa un đúc, vừa tạo thành cho vạn vật mà không hề hủy diệt.

Các con ôi! Thế giới nhân loại hiện giờ xa Thầy, đã tách rời nguồn cội mà không hề trở lại. Tách rời nguồn cội thì cành rơi, lá đổ. Không còn nhựa, thì làm sao mà sống; dù

là cành cây có to đến đâu, có nhiều hoa, nhiều lá, đơm bông kết nụ bao nhiêu đi nữa mà nhựa sống không còn thì một lúc nào đó sẽ khô khan úa xào. Nhân loại đã bỏ hẳn sự sống thiên nhiên – không ăn mà no, không mặc mà lành – để tìm sự sống cực khổ trong tham dục để phải làm mới có mà ăn, mới có mà mặc. Như vậy cũng chưa an phận. Si mê, tranh giành, cướp đoạt, lấn át, hơn thua, tàn sát lẫn nhau cho đến nỗi đời ly loạn, cốt nhục tương tàn, tang điền thương hải. Càng tiến càng sâu, tiến mãi cho đến lúc cuộc đời sẽ hủy diệt cuộc đời. Thầy khởi đầu cơ phục nguyên tái tạo trên mảnh đất nhỏ bé để dân tộc ít oi mà giàu lòng tin đạo này góp tay vào công cuộc xây dựng đời Thánh đức thượng nguơn, thế giới an bình, cho xã hội nhân loại trong tương lai[8].

Thầy đã đưa tay đến với các con, các con phải đưa tay tới với Thầy. Thầy sẽ dìu dắt các con đến gần Thầy và trở về cùng Thầy. Thầy cùng các con là một, sống trong lẽ thiên nhiên trong mùa xuân vĩnh cửu."[9]

Những lời dạy này giải thích vì sao Tam Giáo Đạo phải trở về Đại Đạo theo lẽ tuần hoàn của Trời Đất. Một năm có bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông) tương ứng với bốn giai đoạn sinh-trưởng-thu-tàng[10] trong một chu kỳ sống của các sinh vật. Nếu đến giai đoạn cuối của một chu kỳ, vật nào không chuyển qua được chu kỳ kế tiếp, thì vật đó sẽ bị diệt vong. Các tôn giáo trong Tam Giáo Đạo cũng có những mùa xuân, hạ, thu, đông, tương ứng với những giai đoạn sinh-trưởng-thu-tàng của mình. Thời hạ nguơn mạt kiếp này đang là mùa đông của mọi tôn giáo và toàn thể nhân loại[11]. Cách duy nhất để các tôn giáo tồn tại là phải chuyển qua được mùa xuân của chu kỳ kế tiếp. Nhưng muốn làm được như vậy, các tôn giáo phải quy nguyên về Đại Đạo trong phần Thể của mình.

Đó là lý do vì sao Tam Giáo Đạo phải trở về Đại Đạo.

3.4. Quan niệm về lịch sử ba thời kỳ trong các tôn giáo trước Tam Kỳ Phổ Độ

Trước Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, một số tôn giáo đã có quan niệm về lịch sử ba thời kỳ.

Hỏa giáo (Mazdaism [Eng] hay là Zoroastrianism [Eng]) là một trường hợp như vậy. Theo thánh kinh Pahlavi[12], lịch sử thế giới được chia thành ba thời kỳ, tương ứng với ba

---

[8] Câu này nói về việc Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trên mảnh đất Việt Nam, ban trao sứ mạng cứu độ kỳ ba cho dân tộc Việt Nam.

[9] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

[10] Đây là một trong những cách phát biểu về chu kỳ sống của vạn vật trong giáo lý Đại Đạo. "Sinh" (được sản sinh, được hóa sinh, được khai sinh) có nghĩa là được tạo ra. "Trưởng" (tăng trưởng, trưởng thành) có nghĩa là tồn tại và phát triển. "Thu" (thu liễm) có nghĩa là tự chắt lọc những tinh ba để chuẩn bị đào thải những cặn bã hoặc những gì vô dụng cho chu kỳ sống kế tiếp. "Tàng" (ẩn tàng) có nghĩa là biến mất, kết thúc một chu kỳ sống. Sau khi "Tàng", nếu vật nào có thể chuyển được sang chu kỳ sống kế tiếp thì sẽ tự tái sinh; nếu không, thì sẽ bị hủy diệt vĩnh viễn.

[11] Nếu đối chiếu chu kỳ sống sinh-trưởng-thu-tàng của vạn vật với chu kỳ phát triển năm giai đoạn của các tôn giáo, ta có thể thấy rằng: [1] giai đoạn tiềm ẩn và khai sinh của tôn giáo tương ứng với giai đoạn "sinh" của vạn vật, [2] giai đoạn phát triển của tôn giáo tương ứng với giai đoạn "trưởng" của vạn vật, [4] giai đoạn suy thóai của tôn giáo tương ứng với giai đoạn "thu" của vạn vật, [5] giai đoạn thất chân truyền của tôn giáo tương ứng với giai đoạn "tàng" của vạn vật.

[12] Pahlavi là bộ kinh được viết bằng tiếng Ba Tư, ghi lại những lời dạy của Đức Zoroaster (giáo chủ Hỏa giáo).

tác động của Thượng Đế đối với nhân loại. Thời kỳ thứ nhất được thánh kinh Pahlavi gọi là "Bundahishn" có nghĩa là "Sáng tạo" ("Creation" [Eng]); đây là thời kỳ Thượng Đế sáng tạo ra thế giới. Thời kỳ thứ hai, thánh kinh Pahlavi gọi là "Gumezisn" có nghĩa là "Hỗn chiến" ("Mixture" [Eng]); đây là thời kỳ Thượng Đế để cho cái tốt ("yazata" [Per]) và cái xấu ("daeva" [Per]) vừa cùng tồn tại lẫn lộn vào nhau vừa chiến đấu với nhau khốc liệt. Thời kỳ thứ ba, Pahlavi gọi là "Wizarishn" có nghĩa là "Phân lọc" ("Separation" [Eng]); đây là thời kỳ Thượng Đế phân phàm lọc thánh, đào thải cái xấu bằng sự hủy diệt và chọn lọc cái tốt để bảo tồn.[13] Sau khi cái xấu đã bị hủy diệt hoàn toàn, thế giới này chỉ còn lại Thượng Đế, các Đấng Trọn Lành (Yazatas [Per]), những con người thánh thiện; tất cả sẽ cùng sống với nhau trong sự thái bình, chí thiện và hoàn hảo.

Một trường hợp khác là Phật giáo. Theo Phật giáo, lịch sử thế giới có ba thời kỳ được đặc trưng bằng ba đại hội Long Hoa. Thời kỳ thứ ba là thời Mạt kiếp, và đặc trưng của thời kỳ này là Đệ Tam Long Hoa Đại Hội, một pháp hội do Đức Phật Di Lặc Bồ Tát khai mở để cứu độ chúng sinh.

Những quan niệm về lịch sử ba thời kỳ như vậy đã được dung hòa và tổng hợp trong giáo lý Đại Đạo.

3. LỊCH SỬ CỨU ĐỘ

Xuất phát từ [1] quan niệm về sự cứu độ, [2] mối liên hệ giữa sự cứu độ với sự giáo hóa, và [3] quan niệm về văn minh nhân loại, chúng tôi đã đi đến quan niệm về lịch sử cứu độ nhân loại: đó là một lịch sử của sự giáo hóa mà Thượng Đế thực hiện để dẫn dắt con người rời bỏ thú tính, vươn lên nhân tính và tạo nên những bộ mặt văn minh cho xã hội.

Điều này dẫn đến một hệ quả quan trọng: Lịch sử cứu độ cũng là lịch sử nhân loại, hay nói hẹp hơn nữa, cũng là lịch sử văn minh nhân loại. Do đó, dựa vào lịch sử cứu độ, chúng ta có thể hiểu được bản chất cũng như sự vận động của lịch sử nhân loại.

Trong tiết này, chúng tôi sẽ chỉ ra rằng lịch sử cứu độ làm nên bản chất và sự vận động của lịch sử nhân loại *như thế nào*.

3.1. Sự cứu độ của Thượng Đế trong lịch sử nhân loại

Từ xưa đến nay, Thượng Đế đã nhiều lần đến thế giới này để cứu độ nhân loại, bằng những cách thức và hình thức khác nhau. Sự cứu độ ấy là *một phần* trong sự hoạt động của Đạo trên quy mô toàn vũ trụ nhằm thúc đẩy vạn vật – trong đó có con người – tiến hóa. Vấn đề được đặt ra ở đây là: *phần có liên quan đến sự cứu độ ấy* được đặc trưng bởi những gì?

Để tìm ra những đặc trưng của phần có liên quan đến sự cứu độ, ta hãy bắt đầu từ sự vận hành Thiên Địa vạn vật của Nhất Thể Đạo. Sự vận hành này được biểu hiện thành

[13] Mary Boyce, *Zoroastrians: Their Religious Beliefs And Practices*, tr.25-26.

nhiều mức độ khác nhau trong vũ trụ, mà dưới lăng kính của xã hội nhân loại, ta có thể thấy được ba mức độ, đó là:

- Mức độ 1: sự vận động của vũ trụ,
- Mức độ 2: sự tiến hóa của vạn vật,
- Mức độ 3: sự diễn biến của lịch sử văn minh nhân loại.

Ba mức độ này được biểu diễn như trong sơ đồ của hình 21. Sự vận động của vũ trụ chứa đựng sự tiến hóa của vạn vật; đến lượt mình, sự tiến hóa của vạn vật lại chứa đựng sự phát triển văn minh của nhân loại. Do đó, lịch sử văn minh nhân loại vừa là một phần của cơ tiến hóa vạn vật, vừa là một phần của sự vận động vũ trụ.

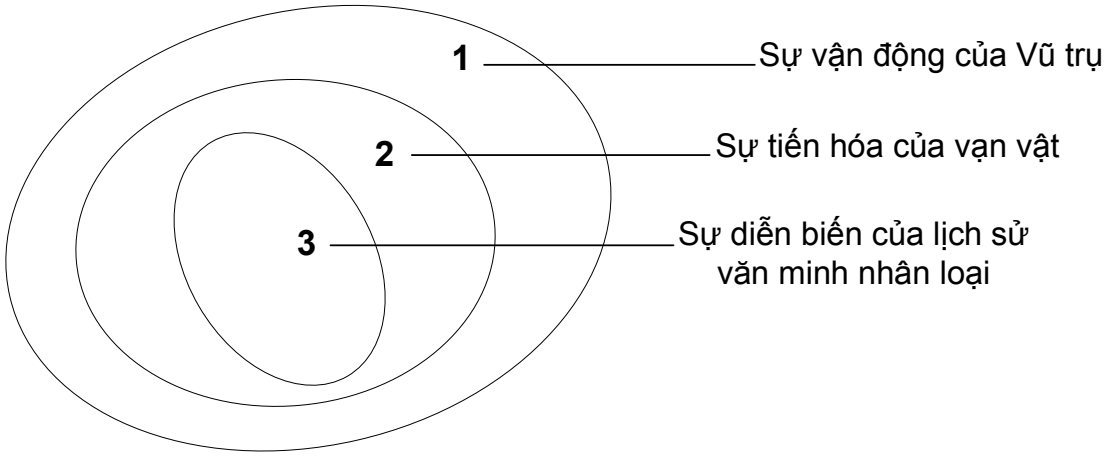

HÌNH 21. LỊCH SỬ VĂN MINH NHÂN LOẠI NH□ LÀ MỘT TR□ỜNG HỢP ĐẶC BIỆT CỦA QUÁ TRÌNH TIẾN HÓA CỦA VẠN VẬT, VÀ SỰ TIẾN HÓA NÀY LẠI CÓ THỂ Đ□ỢC XEM LÀ MỘT TR□ỜNG HỢP ĐẶC BIỆT CỦA SỰ VẬN ĐỘNG CỦA VŨ TRỤ.

Điều này đã được minh chứng bằng sự kiện loài người xuất hiện trên quả địa cầu này suốt hàng triệu năm nay, vừa như một kết quả của sự sáng tạo nên vũ trụ, vừa như một kết quả của sự tiến hóa trong vạn vật; chẳng những thế, loài người đã tự tách ra khỏi thế giới mông muội của vạn vật, tạo ra một thế giới của riêng mình bằng văn minh, văn hóa và văn hiến. Không chỉ là những yếu tố làm nên một trình độ tiến hóa mới, văn minh, văn hóa và văn hiến còn là những động lực tạo ra khả năng phát triển của cộng đồng xã hội loài người về mọi phương diện.

Ba mức độ vận hành của Đạo ở hình 21 được giải thích theo chiều sâu qua hình 22. Ở phần trên cùng của hình 22, chuỗi nối tiếp của ba hình tròn mô tả một "chuỗi mức độ vận động", từ mức độ vũ trụ đến mức độ nhân sinh: sự vận động của vũ trụ dẫn đến sự tiến

hóa của vạn vật; và sự tiến hóa của vạn vật dẫn đến sự diễn biến của lịch sử văn minh nhân loại. Phần sơ đồ bên dưới hình tròn "Sự tiến hóa của vạn vật" được lấy từ hình 2.

Nếu quay trở lại với sơ đồ ở hình 2, ta thấy sơ đồ này cũng mô tả sự tiến hóa của vạn vật theo chiều sâu đối với nhánh có liên quan đến tác động bảo tồn; và đó là lý do vì sao sơ đồ này được nhúng vào hình 22. Sự cứu độ của Thượng Đế vừa là nguồn gốc phát sinh các tôn giáo, vừa là nguồn gốc phát sinh văn minh nhân loại; dĩ nhiên, sự phát sinh chỉ có thể xảy ra trên thực tế nếu có sự phối hợp của con người trong những nỗ lực tự cứu độ lấy bản thân. Bên cạnh đó, chính các tôn giáo sau khi được khai sinh cũng đóng những vai trò chủ lực trong việc kiến tạo nên bộ mặt văn minh của nhân loại. Như vậy, cơ cứu độ là cái ẩn bên dưới và làm nên sức sống cho văn minh nhân loại.

Cơ cứu độ là linh hồn của mọi nền văn minh, còn văn minh là sự thể hiện tác dụng của cơ cứu độ; mặt khác, nói đến khái niệm sự cứu độ thì không thể bỏ qua hai mức độ quan trọng trong nội hàm của nó là Đại Đạo và tôn giáo. Thế thì nền văn minh của toàn nhân loại, bản sắc văn hóa, cũng như tinh thần văn hiến của mỗi dân tộc đều được cấu tạo từ một cốt lõi duy nhất là Đại Đạo; và bao bọc bên ngoài cốt lõi này là tôn giáo.

Tôn giáo là một trong những phương tiện rất quan trọng để Thượng Đế dẫn dắt toàn thể nhân loại trong cơ tiến hóa: mỗi tôn giáo đều do Thượng Đế tạo lập để cứu độ nhân loại ở những trình độ tiến hóa nhất định. Tuy rằng Thượng Đế đã cứu độ nhân loại bằng nhiều phương cách trong mọi lĩnh vực – từ nhân sinh, nhân đức, cho đến nhân trí – chứ không chỉ cứu độ bằng tôn giáo, nhưng tôn giáo là vẫn hình thái cứu độ phổ biến nhất, có tác dụng sâu rộng nhất đến mọi tầng lớp quần chúng.

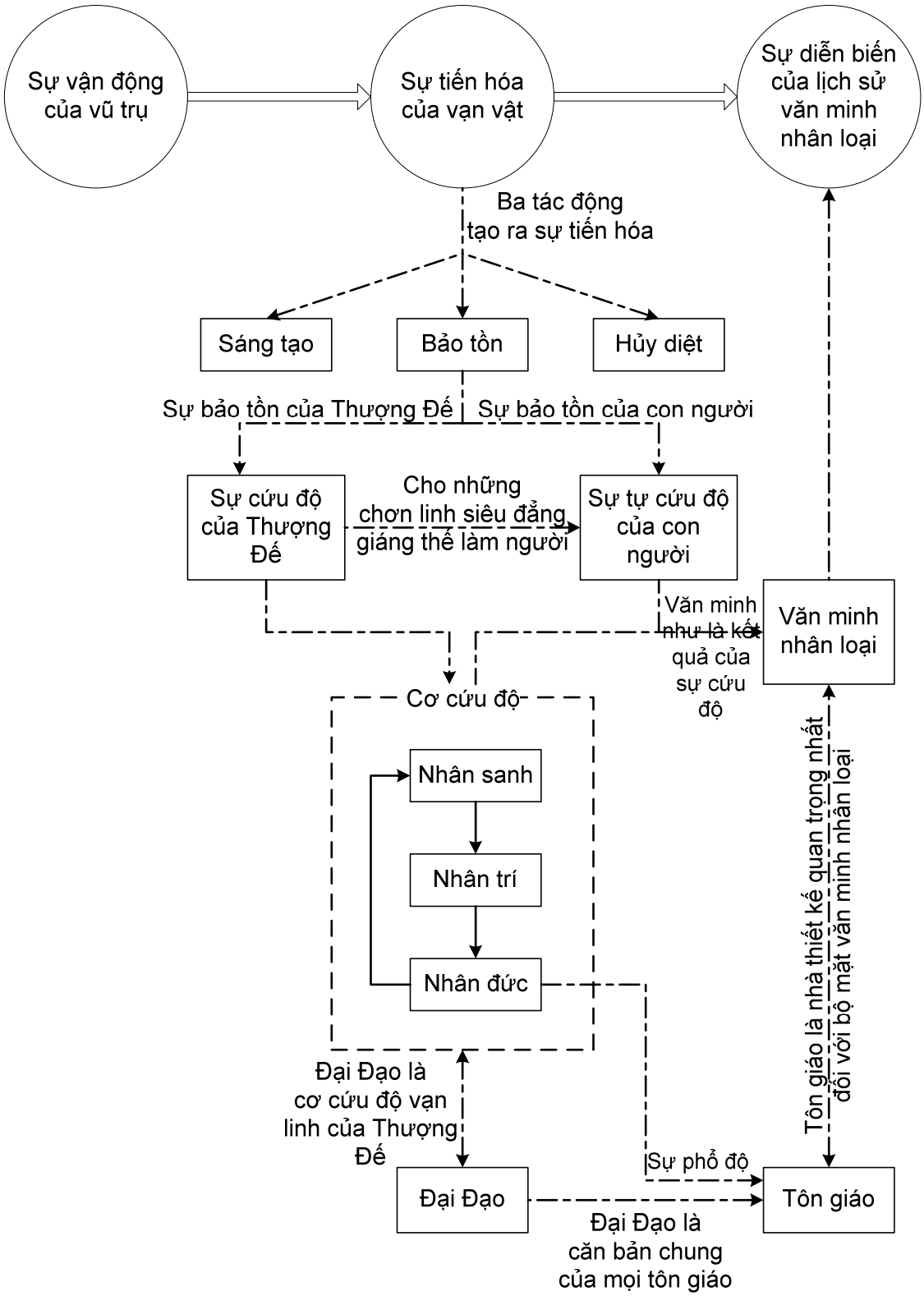

HÌNH 22. SỰ CỨU ĐỘ CỦA THƯỢNG ĐẾ TRONG LỊCH SỬ NHÂN LOẠI.

Như vậy, nếu trở lại với vấn đề xác định đặc trưng của sự cứu độ mà Đức Thượng Đế đã đem đến trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại – sao cho sự cứu độ này tuy thuộc về, nhưng có thể phân biệt được với, sự hoạt động của Đạo trong vũ trụ nhằm thúc đẩy vạn vật tiến hóa – ta có thể nói rằng: đặc trưng ấy chính là **sự xuất hiện các tôn giáo**. Và vì mọi tôn giáo đều thuộc về Tam Giáo Đạo, nên có thể nói rằng đặc trưng ấy chính là **sự xuất hiện Tam Giáo Đạo**.

Trong mọi hiện tượng của xã hội nhân loại, hiện tượng tôn giáo và do đó hiện tượng Tam Giáo Đạo là một hiện tượng đặc trưng cho sự cứu độ. Hiện tượng này nói với chúng ta rằng đời sống xã hội và lịch sử nhân loại là một phần không thể tách rời và do đó mang những tính chất tương đồng với sự vận động của vũ trụ cũng như sự tiến hóa của vạn vật. Nhưng nếu vậy thì hiện tượng này cũng nói với chúng ta rằng Tam Giáo Đạo phải được phát sinh từ Đại Đạo, ngay cả khi chữ "Đại Đạo" này được hiểu như là cái Đạo siêu hình của cả càn khôn vũ trụ. Hệ luận này phù hợp với nội dung đoạn thánh giáo sau đây:

"Đạo tuy ba phái, nhưng Lý vẫn một nguồn, đều do Khí Hạo Nhiên Huyền Huyền Thượng Đế phát ban, mà Đức Lão Quân tạm gọi là Tam Giáo Đạo, để áp dụng sự cứu cánh toàn cả nhân loại trên thế gian, trong khi tinh thần, vật chất bị đảo lộn."[14]

Mặc dù có một nguồn gốc mang tính chất vũ trụ, sự cứu độ – mà hiện tượng của nó là các tôn giáo – tác dụng rất mạnh mẽ vào những diễn biến của lịch sử nhân loại ở những không gian và thời gian khác nhau. Chính sự cứu độ đã điều chỉnh những bước đi của nhân loại và định hình lại dòng chảy của lịch sử, làm cho nhân loại trở nên văn minh hơn nhiều so với tình trạng của một lịch sử không có sự cứu độ. Trong mục tiếp theo, chúng ta hãy xem xét vấn đề này.

3.2. Tác dụng của sự cứu độ đối với diễn biến của lịch sử nhân loại

Trong lĩnh vực triết học về lịch sử (philosophy of history [Eng]), có hai nhóm quan niệm khác biệt nhau về diễn biến (progression [Eng]) của lịch sử.

Nhóm thứ nhất bao gồm các quan niệm cho rằng diễn biến của lịch sử là một *diễn biến tuyến tính* (linear progression [Eng]). Theo các quan niệm thuộc nhóm này, các sự kiện lịch sử nối tiếp nhau theo một đường thẳng đi từ quá khứ, hiện tại đến tương lai. Đường "thẳng" ở đây không phải là đường thẳng theo nghĩa của hình học Euclid nhưng là một con đường luôn dẫn về "phía trước" chứ không lùi ngược về điểm xuất phát ban đầu. Lịch sử tuyến tính là lịch sử không quay ngược lại mà luôn luôn "đi thẳng tới". Đây là nhóm quan niệm đang thịnh hành của tư tưởng phương Tây hiện đại. Khá nhiều (trong số những) quan niệm thuộc nhóm này cho rằng đường thẳng của diễn biến lịch sử sẽ phải kết thúc ở một điểm, gọi là Tận Thế hay Mạt Thế (Eschatological End [Eng]).[15]

---

[14] Đức Văn Tuyên Khổng Thánh (qua lời thuật lại của Đức Trần Hưng Đạo); Thiên Lý Đàn, 15-07 Ất Tỵ (11-08-1965).

[15] http://en.wikipedia.org/wiki/Philosophy_of_history; 16-07-2010.

Nhóm thứ hai bao gồm các quan niệm cho rằng diễn biến của lịch sử là một *diễn biến tuần hoàn* (cyclical progression [Eng]). Theo các quan niệm thuộc nhóm này, lịch sử là sự lặp đi lặp lại một cách vĩnh cửu của một (hoặc vài) chu kỳ đơn vị nào đó, tương tự như sự tuần hoàn vĩnh cửu của bốn mùa xuân-hạ-thu-đông trong một năm. Những quan niệm này đã xuất hiện ở hầu hết các nền văn hóa cổ đại, ví dụ, trong giáo lý về sự Phục Nguyên (Eternal Return [Eng]) của Ai Cập cổ đại[16], trong kinh Pahlavi của Hỏa giáo, trong kinh Vedas của Bà La Môn giáo, trong kinh Dịch của Nho giáo, trong triết học của trường phái Pythagoras và trường phái Khắc Kỷ ở Hy Lạp cổ đại.

Hai nhóm quan niệm trên đây thường bị người ta coi là mâu thuẫn nhau. Tuy nhiên, theo giáo lý Đại Đạo, chúng hoàn toàn không mâu thuẫn mà chỉ mô tả hai khả năng ứng với hai trường hợp có-thể-xảy-ra của lịch sử; và quan niệm về diễn biến của lịch sử của giáo lý Đại Đạo chứa đựng cả hai khả năng này. Sự khác biệt duy nhất giữa hai khả năng này nằm ở **sự cứu độ**: nếu không có sự cứu độ, lịch sử sẽ đi theo một đường thẳng từ Khởi Nguyên đến Tận Thế; nhưng ngược lại, nếu có sự cứu độ, nhân loại sẽ phục nguyên và lịch sử sẽ tuần hoàn. Bây giờ ta hãy xét từng trường hợp một.

Trường hợp thứ nhất, nếu Thượng Đế không đến cứu độ nhân loại. Khi đó, lịch sử sẽ trở thành một dòng chảy *tự nhiên* theo thời gian, đi từ quá khứ đến hiện tại rồi hướng về tương lai. Nói rằng dòng chảy này là tự nhiên, vì lịch sử sẽ bị chi phối một cách tất yếu bởi thời gian, chứ không phải bởi bất kỳ thế lực nào trong nhân loại. Chính các thế lực đã từng có ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu rộng nhất cũng chỉ có thể tác động vào dòng chảy của lịch sử khi chúng "gặp *thời*" hoặc "nắm bắt được *thời* cơ", nghĩa là khi chúng chịu phục tùng thời gian. Gustave le Bon đã có lý khi nhận xét: "Trong các vấn đề xã hội cũng như sinh học, một trong những nhân tố giàu sinh lực nhất là thời gian. Nó là người sáng tạo đích thực duy nhất, và là kẻ phá hủy vĩ đại duy nhất. (…) Chính thời gian đã tích tụ vô vàn mảnh vụn của niềm tin, ý tưởng, trên đó nảy sinh tư tưởng của một thời đại."[17] Như vậy, lịch sử sẽ đi theo sự dẫn dắt tự nhiên của thời gian, và nếu không có một yếu tố siêu nhiên nào can thiệp vào, lịch sử sẽ diễn biến theo một con đường "thẳng" như nhóm quan niệm thứ nhất. Con đường "thẳng" này sẽ không bao giờ quay về xuất phát điểm, mà mỗi ngày một đi xa hơn. Đức Thượng Đế đã nói về con đường này như sau:

"Các con ôi! Thế giới nhân loại hiện giờ xa Thầy, đã tách rời nguồn cội mà không hề trở lại…"[18]

Con đường này chắc chắn không thể thoát ra khỏi những tác động của chọn lọc tự nhiên và đấu tranh sinh tồn, vì con người không thể thoát ra khỏi sự chi phối của định luật tiến hóa. Trong sự đấu tranh sinh tồn này, thì sự đấu tranh giữa người với người càng ngày càng dẫn nhân loại tiến gần đến chỗ tự hủy diệt. Đây là một thực tế mà thế giới hiện đại đã có dịp trải nghiệm. Sau khi trải qua các cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất và thứ hai, kinh hoàng trước việc con người hủy diệt con người một cách có kế hoạch trên

[16] http://en.wikipedia.org/wiki/Eternal_return; 16-07-2010.
[17] G. le Bon, *Tâm Lý Học Đám Đông*, tr.126-127.
[18] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

phạm vi đa quốc gia, thế giới hiện đại chợt nhận ra rằng con đường của một lịch sử không có sự cứu độ sẽ dễ dàng kết thúc bằng Tận Thế. Nên ta hiểu tại sao Đức Thượng Đế dạy rằng:

"… Tách rời nguồn cội thì cành rơi, lá đổ. Không còn nhựa, thì làm sao mà sống; dù là cành cây có to đến đâu, có nhiều hoa, nhiều lá, đơm bông kết nụ bao nhiêu đi nữa mà nhựa sống không còn thì một lúc nào đó sẽ khô khan úa xào. Nhân loại đã bỏ hẳn sự sống thiên nhiên – không ăn mà no, không mặc mà lành – để tìm sự sống cực khổ trong tham dục để phải làm mới có mà ăn, mới có mà mặc. Như vậy cũng chưa an phận. Si mê, tranh giành, cướp đoạt, lấn át, hơn thua, tàn sát lẫn nhau cho đến nỗi đời ly loạn, cốt nhục tương tàn, tang điền thương hải. Càng tiến càng sâu, tiến mãi cho đến lúc cuộc đời sẽ hủy diệt cuộc đời."[19]

Cuộc đời hủy diệt cuộc đời, đó chính là Tận Thế theo sự kiến giải của giáo lý Đại Đạo. Nếu có một Tận Thế thật sự ở ngày mai, thì đó sẽ không phải là do một quyền năng siêu nhiên nào tận diệt nhân loại – Đức Thượng Đế không bao giờ hủy diệt sự sống, do *đức háo sanh* của Ngài – mà chỉ có thể là do nhân loại tự hủy diệt lẫn nhau hoặc tự hủy diệt lấy mình bằng lòng tham dục của mình. Đành rằng kinh sách của nhiều tôn giáo có nói về sự trừng phạt của Thượng Đế đối với những kẻ tội lỗi vào ngày Tận Thế, nhưng ta luôn có thể hiểu rằng sự hiện diện của Thượng Đế ở đây chính là sự hiện diện của *định luật nhân quả* [20], buộc tất cả những kẻ đã từng gieo gió đều phải gặt bão. Cách lý giải này có thể được tìm thấy trong chính những quyển kinh nói về sự trừng phạt ở ngày Tận Thế. Ví dụ, thánh kinh Qur'an đã nói về sự trừng phạt dành cho những kẻ tội lỗi ở ngày Tận Thế như sau:

> "Họ là kẻ mua đời này với giá của đời sau. Bởi thế, sự trừng phạt sẽ không được giảm nhẹ cho họ và họ sẽ không được ai cứu giúp."[21]

Qua những đoạn kinh như vậy, điều được gọi là sự trừng phạt của Thượng Đế chính là sự tác động tự nhiên của định luật nhân quả.

Trường hợp thứ hai, nếu Thượng Đế đến cứu độ nhân loại. Khi đó, lịch sử sẽ diễn biến tuần hoàn. Ta nhớ rằng các quan niệm thuộc nhóm hai đã nói rằng lịch sử sẽ lặp đi lặp lại giống như bốn mùa xuân-hạ-thu-đông trong một năm. Nhưng điều gì khiến cho lịch sử có thể đi từ "mùa đông" ở cuối một chu kỳ sang "mùa xuân" ở đầu chu kỳ mới? Theo giáo lý Đại Đạo, điều đó chính là **sự cứu độ**. Khi Thượng Đế đến để cứu độ, Ngài sẽ đem đạo lý để "phục nguyên" cho nhân loại, nghĩa là đánh thức trở lại lương tri và lương năng trong con người, vực dậy trở lại đời sống nhân bản của xã hội. Nếu cá nhân và xã hội biết nương nhờ vào sự cứu độ đó mà thức tỉnh lương tâm, hồi đầu hướng thiện, phát huy đạo lý để tự cứu lấy mình, thì nhân loại mới vượt qua được mùa đông của sự hủy diệt mà sống với mùa xuân ở chu kỳ kế tiếp. Trong lần cứu độ thứ ba này, Ngài dạy:

---

[19] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).
[20] Theo giáo lý Đại Đạo, bất kỳ một định luật nào trong vũ trụ này cũng thuộc về phương diện Vô Ngã Ngoại Tại của Thượng Đế (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*, tr.122).
[21] *Qur'an*, 2:86.

"… Thầy khởi đầu cơ phục nguyên tái tạo trên mảnh đất nhỏ bé để dân tộc ít oi mà giàu lòng tin đạo này góp tay vào công cuộc xây dựng đời Thánh đức thượng nguơn, thế giới an bình, cho xã hội nhân loại trong tương lai[22].

Thầy đã đưa tay đến với các con, các con phải đưa tay tới với Thầy. Thầy sẽ dìu dắt các con đến gần Thầy và trở về cùng Thầy. Thầy cùng các con là một, sống trong lẽ thiên nhiên trong mùa xuân vĩnh cửu."[23]

Như vậy, khả năng phục nguyên của sự cứu độ chính là nguyên nhân dẫn đến diễn biến tuần hoàn của lịch sử. Từ phía Thượng Đế, sự cứu độ của Ngài nằm ở ngọn hải đăng soi rọi ánh sáng đạo lý về bến bờ khởi nguyên, sự cứu độ ấy cũng nằm ở những con thuyền đưa rước khách tục quy nguyên; nhưng quan trọng hơn, từ phía con người, sự cứu độ ấy phải được đón nhận bằng ý thức về chỗ khởi nguyên và bằng việc thực hành trong đời sống cá nhân và xã hội để nhân loại thật sự quy nguyên. Đức Đông Phương Lão Tổ nói: *"Biết được chỗ khởi nguyên là biết được chỗ quy nguyên. Không quy nguyên thì đã hủy diệt."*[24] Chỉ khi thực hiện được thành công sự quy nguyên này thì cá nhân và xã hội mới có thể tiếp tục tồn sinh nhờ chuyển sang được chu kỳ tái tạo kế tiếp.

Tóm lại, theo sử quan của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, diễn biến của lịch sử là tuyến tính hay là tuần hoàn? Câu trả lời là "tuần hoàn"; bởi vì, sử quan này nhìn nhận rằng cho đến tận cuối thời hạ nguơn mạt kiếp này nhân loại luôn được cứu độ bởi Thượng Đế, và lý do khiến Thượng Đế thực hiện sự cứu độ này là nghiệp lực do nhân loại tạo ra. Lịch sử nhân loại không đi theo đường thẳng. Đức Vô Cực Từ Tôn đã dạy:

"Lịch sử nhơn loại không bao giờ viết xuôi thuận một dòng như lòng con tưởng, thẳng tắp một đường như ý con mơ. Mà chính cái lẽ tán tụ, cùng thông, thăng trầm, bỉ thái là lẽ dĩ nhiên, bởi nghiệp quả, số kiếp, duyên phận của con người."[25]

Cho đến đây, ta đã thấy được rằng sự cứu độ đã làm nên bản chất và sự vận động của lịch sử nhân loại như thế nào. Mặt khác, ta cũng biết rằng sự cứu độ của Thượng Đế đã xảy ra với nhân loại không phải chỉ một lần hay vài lần: Ngài đã từng mở những thời kỳ cứu độ khác nhau suốt trong lịch sử nhân loại, và trong mỗi thời kỳ, Ngài đã khai mở rất nhiều tôn giáo ở những thời điểm và khu vực khác nhau, bên cạnh những hình thái hoạt động khác thuộc nhân sinh, nhân đức, và nhân trí. Thế thì sự cứu độ này có một lịch sử: lịch sử cứu độ. Chính lịch sử cứu độ đã quyết định hình dạng dòng chảy của lịch sử nhân loại. Nếu không có lịch sử cứu độ này, dòng chảy của lịch sử nhân loại có lẽ đã đi theo một hướng khác và nhân loại sẽ phải chịu một định mệnh khác hẳn so với những gì đã thật sự diễn ra.

---

[22] Câu này nói về việc Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trên mảnh đất Việt Nam, ban trao sứ mạng cứu độ kỳ ba cho dân tộc Việt Nam.

[23] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

[24] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-09 Giáp Dần (29-10-1974).

[25] Đức Vô Cực Từ Tôn; Trung Hưng Bửu Tòa, 15-08 Giáp Thìn (20-9-1964); Hội Thánh Truyền Giáo, *Thánh Truyền Trung Hưng* (tập IV), tr.246.

Bây giờ, chúng ta hãy tìm xem trong phạm vi xã hội nhân loại, yếu tố nào đặc trưng cho lịch sử, để lịch sử trở thành một thực thể hiện hữu ở một mức độ phát triển *cao hơn* so với sự vận động của vũ trụ và sự tiến hóa của vạn vật? Có vẻ như con người là yếu tố như vậy. Tuy nhiên, trước tiên ta thấy con người cũng là tiểu vũ trụ, nên cũng vận động trong sự vận động của vũ trụ; kế tiếp, ta thấy con người cũng là một chủ thể tiến hóa, nên cũng tham gia vào sự tiến hóa chung của vạn vật. Bởi vì hiện hữu ở cả ba mức độ như vậy, nên bản thân con người – một mình nó – chưa thể được coi là một yếu tố đặc trưng cho lịch sử văn minh nhân loại (hiểu theo nghĩa là làm cho lịch sử này trở thành một thực thể hiện hữu ở một mức độ phát triển cao hơn so với sự vận động của vũ trụ và sự tiến hóa của vạn vật).

Lời giải đáp nằm ở **mối tương quan giữa Đại Đạo và Tam Giáo Đạo**. Chính mối tương quan này mới là yếu tố đặc trưng cho lịch sử phát triển những nền văn minh của nhân loại trên địa cầu 68.

Cho đến nay, chúng ta biết đến tương quan đó thông qua định luật về sự diễn biến của lịch sử cứu độ. Theo định luật này, giữa Đại Đạo và Tam Giáo Đạo có sự chuyển hóa qua lại theo những chu kỳ "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo". Từ những phân tích về sự cứu độ, ta thấy sự chuyển hóa ấy chỉ xảy ra được bởi sự phối hợp giữa của hai chủ thể: Thượng Đế và con người. Vai trò của Thượng Đế là khai sinh các nền đạo (các tôn giáo), các lĩnh vực tri thức, tư tưởng, công nghệ, kinh tế,… để mở mang và xây dựng đời sống cho loài người trên mọi phương diện nhân sinh, nhân trí và nhân đức. Vai trò của con người là hoạt động trên các phương diện và trong các lĩnh vực ấy để phát huy cái Đạo tự hữu trong bản thân mình, mà nhờ đó, con người có thể tự hoàn hảo hóa lấy chính mình và hoàn hảo hóa đồng loại. Thượng Đế là chủ thể vận hành guồng máy cứu độ, con người là chủ thể tự độ và độ tha. Sự kết hợp giữa hai quyền năng mang chủ thể tính này – quyền năng của Thượng Đế và quyền năng của con người – đã tạo nên lịch sử cứu độ. Giữa Thượng Đế và con người, *"nếu thiếu một trong hai, thì cuộc đời sẽ đi đến cơ hủy diệt."*[26] Và nếu điều đó xảy ra, lịch sử nhân loại sẽ kết thúc. Như vậy, lịch sử chỉ tồn tại trong sự phối hợp giữa Thượng Đế và con người để thực hiện sự cứu độ. Nhưng sự cứu độ này được thực hiện qua những chu kỳ "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo". Do đó, những chu kỳ này cũng làm nên lịch sử nhân loại.

Khi nói đến Đại Đạo trong mối tương quan với Tam Giáo Đạo, tức là nói đến Đại Đạo ở mức độ lịch sử nhân loại. Nếu Đại Đạo ở mức độ tiến hóa của vạn vật tạo nên hình thể và tâm linh của từng cá thể con người, thì Đại Đạo ở mức độ lịch sử nhân loại tạo nên văn hiến, văn hóa, văn minh, nghĩa là những giá trị xã hội trong các cộng đồng nhân loại. Như vậy, mối tương quan Đại Đạo – Tam Giáo Đạo là xương sống trong cơ thể của lịch sử văn minh nhân loại. Nói khác đi, sự tiếp diễn của những chu kỳ "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo" cũng chính là lịch sử văn minh nhân loại. Và đó là

[26] Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hợi thời, 29-08 Quý Hợi (05-10-1983).

một trong những lý do tại sao lịch sử văn minh nhân loại có thể được đồng nhất với lịch sử cứu độ.

Nếu đặt mối tương quan Đại Đạo – Tam Giáo Đạo vào hệ thống phân loại tôn giáo mà chương trước đã trình bày, ta có thể thấy rằng tương quan này bao hàm cả tương quan Tam Giáo – Ngũ Chi. Ngay từ trong những xã hội nguyên thủy của nhân loại, Đại Đạo đã chứa đựng sẵn Ngũ Chi, vì Ngũ Chi chẳng qua chỉ là những mức tu tiến trong Đại Đạo. Vậy khi Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo – thông qua việc phát sinh ra vạn giáo để cứu độ nhân loại – thì mọi tôn giáo đều chứa đựng cấu trúc Ngũ Chi Đại Đạo trong bản thân mình để dẫn dắt con người trong những hoàn cảnh khác nhau đi qua những trình độ tu học khác nhau trên đường tiến hóa.

Định luật về sự diễn biến của lịch sử cứu độ không phải là một phát kiến của con người nhưng là một mạc khải của Đấng Thiêng Liêng qua cơ bút trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Trên nguyên tắc, ta có thể sử dụng các thành tựu của các khoa học khác nhau để kiểm nghiệm định luật này. Tuy nhiên, phải nhìn nhận rằng khả năng của các khoa học quá hạn chế khi ta đứng trước cái phổ quát và trường cửu của Đại Đạo.

Sử học chỉ cung cấp cho ta những sự kiện kể từ khi loài người có chữ viết; nói chính xác hơn, kể từ khi loài người có khả năng sử dụng ngôn ngữ viết đến mức có khả năng diễn đạt một cách đủ mạch lạc bằng văn tự những sự kiện xảy ra trong thực tế. Loài người biết đến chữ viết cách đây không quá n năm, với $n \leq 6000$, theo đánh giá của khảo cổ học hiện nay. Và vì loài người biết đến chữ viết cách đây không quá 6000 năm, nên khả năng đi ngược vào quá khứ của sử học không thể vượt quá 6000 năm này. Trong khi đó, những chu kỳ "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo" diễn ra trong những khoảng thời gian rất dài so với 6000 năm của sử học, bao trùm cả những thời kỳ mà nhân loại mới xuất hiện trên trái đất.

Dù sao, một điều may mắn là tầm nhìn vào quá khứ của những khoa học khác như nhân chủng học và khảo cổ học không ngừng được rộng mở. Cho đến nay, tầm nhìn này đã cho phép lùi sâu vào quá khứ hơn bốn triệu năm. Mặt khác, nhân chủng học và khảo cổ học cũng cung cấp được những dữ kiện do khảo sát các di vật (mà đại đa số được khai quật từ trong lòng đất) ở nhiều nơi trên thế giới. Thế nhưng, cả khả năng mở rộng tầm nhìn vào quá khứ lẫn khả năng cung cấp những dữ kiện cụ thể như vậy cũng chỉ giới hạn trong phạm vi vật lý của hành tinh mà chúng ta đang sống, tức là hành tinh được giáo lý Cao Đài gọi là "địa cầu 68". Trong khi đó, theo giáo lý Đại Đạo, những chu kỳ "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo" cần đến những quy mô không gian trải rộng từ địa cầu 68 trong thất thập nhị địa sang đến Nam Thiệm Bộ châu trong tứ đại bộ châu. Những quy mô không gian này là quá lớn so với không gian của khảo cổ học và nhân chủng học.

Do đó, ít nhất là đến thời điểm mà quyển sách này được viết, sự hạn chế về khả năng kiểm nghiệm của khoa học đối với những sự kiện khác nhau trong các chu kỳ "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo" đã buộc chúng tôi phải xem những mạc khải của Đấng Thiêng Liêng qua cơ bút trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là

một nguồn dữ liệu hết sức quan trọng để hiểu được sự diễn biến của lịch sử cứu độ từ khi có con người trên hành tinh này.

4. THỜI GIAN CỦA LỊCH SỬ CỨU ĐỘ

Nếu nhìn các diễn biến của lịch sử cứu độ như là các diễn biến trong sự vận động của vũ trụ, chúng ta sẽ không ngạc nhiên rằng vì sao chúng thường xảy ra trong những khoảng thời gian rất dài. Các độ dài về thời gian của vũ trụ thường lớn hơn nhiều so với các khoảng thời gian trong lịch sử của một quốc gia hay của một khu vực trên thế giới.

Trong giáo lý Đại Đạo, để thuận tiện cho việc trình bày về các vấn đề của lịch sử cứu độ vốn thường có liên quan đến những khoảng thời gian dài, các Đấng Thiêng Liêng đã chọn một hệ thống đơn vị đo thời gian thích hợp, nằm trong một hệ thống lịch thích hợp. Trong hệ thống này, đơn vị đo thời gian được dùng thường xuyên nhất sẽ là "nguơn" (bên cạnh đó, còn có những đơn vị khác, ví dụ, "hội"). Chúng ta hãy tìm hiểu qua hệ thống này.

4.1. Lịch số

Trước hết là *hệ thống lịch* được dùng để tính thời gian của lịch sử cứu độ. Hệ thống lịch này được xây dựng trên một *hệ thống đếm* khác với hệ thống đếm mà chúng ta quen sử dụng trong đời sống hàng ngày. Vậy thế nào là một hệ thống đếm?

4.1.1. Hệ thống đếm lục thập phân

Một hệ thống đếm (system of numeration [Eng]) là một hệ thống bao gồm các ký hiệu cơ bản mà ta gọi là những "con số" được sắp thứ tự theo một quy ước nhất định; và những ký hiệu cơ bản này có thể được kết hợp với nhau theo những quy tắc nào đó để tạo ra những "con số" có giá trị lớn hơn những con số tương ứng với các ký hiệu cơ bản. Một hệ thống như vậy sẽ cho phép ta "đếm" những sự vật, bằng cách gán mỗi sự vật với một con số trong một dãy số đã được sắp thứ tự. Số lượng những ký hiệu cơ bản được gọi là *cơ số* của hệ đếm.

Khi đếm những đồ vật trong nhà, chúng ta có thể không biết rằng mình đang dùng một hệ đếm được gọi là hệ thập phân (decimal system of numeration [Eng]). Đó là hệ đếm đang được phổ biến trên thế giới hiện nay, do người Hy Lạp phát minh ra từ thời cổ đại. Trong hệ thập phân, có 10 ký số khác biệt nhau: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9; do đó, cơ số của hệ đếm này là 10. Để đếm những số lượng không vượt quá 9, người ta dùng trực tiếp các ký số này. Còn để đếm những số lượng lớn hơn 9, người ta ghép các ký số này lại thành một dãy, ví dụ 1987, và vị trí của mỗi ký số trong dãy mang một ý nghĩa xác định, ví dụ "số ở hàng đơn vị", "số ở hàng chục", "số ở hàng trăm".

Tuy nhiên, hệ thập phân không phải là giải pháp duy nhất cho việc đếm số của nhân loại. Đó cũng không phải là hệ đếm "tốt nhất" hay "tiện lợi nhất"; đó chỉ là một hệ đếm mà chúng ta quen sử dụng. Khi chuyển sang nhiều lĩnh vực khác, nếu hệ đếm thập phân này tỏ ra không thích hợp, người ta phải sử dụng những hệ đếm khác.

Vì đã thích nghi với hệ đếm thập phân đến nỗi phần lớn chúng ta đều cảm thấy khó khăn khi tiếp xúc với các hệ đếm khác, nên chúng ta sẽ tạm dùng hệ đếm thập phân để "đối chiếu với thói quen" mỗi khi tìm hiểu một hệ đếm khác.

Trong tin học hay là công nghệ thông tin, người ta sử dụng hệ đếm nhị phân (binary system of numeration [Eng]), tức là hệ đếm cơ số 2. Trong hệ thống này, chỉ có hai ký số: 0, 1. Muốn biểu diễn những giá trị lớn hơn 1, người ta cũng ghép các ký số 0 và 1 này lại thành những dãy ký số. Theo cách đó, bất cứ số nguyên nào trong hệ thập phân cũng đều có thể được biểu diễn tương ứng trong hệ nhị phân. Ví dụ để biểu diễn số 2 của hệ thập phân, người ta dùng số 10 nhị phân (xin đừng đọc số nhị phân này là "mười", mà phải đọc là "một – không"); để biểu diễn số 3 của hệ thập phân, người ta dùng số 11 nhị phân (xin đừng đọc số nhị phân này là "mười một", mà phải đọc là "một – một"); để biểu diễn số 4 của hệ thập phân, người ta dùng số 100 nhị phân (xin đừng đọc số này là "một trăm", mà phải đọc là "một – không – không"); v.v… Trong suy nghĩ của người quen dùng hệ thập phân, thì hệ nhị phân rất bất tiện. Nhưng trong các đồ án thiết kế phần mềm hoặc phần cứng của các chuyên viên tin học và công nghệ thông tin, thì hệ nhị phân lại hết sức tiện lợi.

Vì chỉ dùng đến hai ký số 0 và 1, nên các con số nhị phân thường rất dài. Ví dụ để biểu diễn số 256 thập phân, ta phải dùng dãy số 100000000 nhị phân. Vì vậy, để cho tiện lợi, người ta dùng hệ đếm thập lục phân (hexadecimal system of numeration [Eng]) cho phép viết dãy ký số nhị phân dưới dạng rút ngắn. Đây là hệ đếm với cơ số 16, nghĩa là có 16 ký số phân biệt, được quy ước là 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, A, B, C, D, E, F.

Trong Trời Đất, Thượng Đế cũng dùng hệ đếm nhị phân trong cơ tạo hóa và tiến hóa. Lưỡng Nghi, Tứ Tượng, Bát Quái,… trong Dịch lý đều là những dãy ký số nhị phân, mà hai ký số cơ bản là "âm" và "dương" (tương tự như hai ký số 0 và 1 vừa được trình bày). Trong kinh Dịch, tất cả các quẻ đều là những dãy ký số nhị phân. Như vậy, chỉ bằng hai ký số nhị phân "âm" và "dương" mà Thượng Đế có thể thiết kế nên vũ trụ, vạn vật, và con người.

Có một cái nhìn tổng quát qua vài hệ đếm không-thập-phân như vậy để chúng ta không bị "chấp" vào hệ đếm thập phân, mặc dù ta có thể sử dụng hệ thập phân để đối chiếu với bất kỳ hệ đếm nào.

Các hệ thống đếm giúp ta hiểu rõ nhiều vấn đề đạo học có liên quan đến con số. Trong khuôn khổ của quyển sách này, để hiểu về các nguơn, hội,… của các thời kỳ cứu độ, chúng ta cần đến một hệ thống đếm đặc biệt: hệ *lục thập phân*.

Hệ lục thập phân (sexagesimal system of numeration [Eng]) là một hệ đếm có cơ số là 60. Cũng tương tự như các hệ đếm đã được trình bày, hệ lục thập phân có 60 ký số khác biệt nhau. Hệ đếm này được người Babilon ở vùng Lưỡng Hà sử dụng từ trước Công nguyên khoảng 2000 năm (nghĩa là cách đây khoảng 4000 năm). Chúng ta không viết được các ký số này ra như đối với các hệ đếm vừa nêu, vì chúng được viết bằng những nét tượng hình của người Babilon.

Để đối chiếu hệ lục thập phân với hệ thập phân, Eric Temple Bell trong quyển sách "The Magic of Numbers" đã thực hiện như sau[27]. Trước hết ta đối chiếu cơ số của hai hệ đếm. Trong hệ đếm này, số 10 thập phân sẽ được biểu diễn thành số 60 lục thập phân. Như vậy, ta có:

$$10_{\text{thập phân}} = 60_{\text{lục thập phân}}$$

Tuần tự cho các cơ số này tự nhân với chính mình 1, 2, 3 lần (tức là thực hiện phép lấy lũy thừa với số mũ 2, 3, 4 cho các cơ số 10 và 60), ta sẽ có:

$$100_{\text{thập phân}} = 3.600_{\text{lục thập phân}}$$

$$1.000_{\text{thập phân}} = 216.000_{\text{lục thập phân}}$$

$$10.000_{\text{thập phân}} = 12.960.000_{\text{lục thập phân}}$$

Các con số ở vế phải của các biểu thức trên đây có một mối liên quan mật thiết với các số đo thời gian của hệ thống lịch đạo học nói riêng, và những con số đạo học trong những lĩnh vực vũ trụ, nhân sinh khác, nói chung.

Vũ trụ vận động theo những chu kỳ liên tục, và mỗi chu kỳ vận động như vậy đều có thể được chia thành những chu kỳ nhỏ hơn. Do đó, khi ta biểu diễn các chu kỳ này qua các con số, thì các "chu kỳ nhỏ" cũng được biểu diễn thành các ước số (divisor) của các con số tương ứng.

Để làm ví dụ, ta hãy xét con số $12.960.000_{\text{lục thập phân}}$. Con số này có tất cả 225 ước số. Do đó, ta có thể giải thích ý nghĩa đạo học của con số 12.960.000 như là một đại chu kỳ chung của 225 tiểu chu kỳ vận động khác nhau.

Tiếp tục với ví dụ này, số lượng tiểu chu kỳ 225 vừa nêu có một nguồn gốc số học như sau:

$$225 = 15^2$$

$$15^2 = (5 + 10)^2$$

$$15^2 = (3 \times 5)^2$$

Theo Dịch lý, hai con số 5 và 10 tương ứng với hai nguyên lý sinh (số 5) và thành (số 10). Vậy phương trình $255 = (5 + 10)^2$ có thể được dùng để giải thích cơ tạo hóa, theo đó, 255 là số lượng tiểu chu kỳ tán tụ để tạo hóa.

Còn hai con số 3 và 5, trong quyển sách này, sẽ được sử dụng để chỉ Tam Giáo Đạo (số 3) và Ngũ Chi Đại Đạo (số 5). Hai con số này cũng được giáo lý Đại Đạo dùng trong cơ tạo hóa, nhưng theo những ý nghĩa có liên quan đến "hành trang" để vạn vật có thể tiến hóa và quy nguyên (ví dụ, tam bửu và ngũ hành). Vậy phương trình $255 = (3 \times 5)^2$ có thể được dùng để giải thích cơ tiến hóa, theo đó, 255 là số lượng tiểu chu kỳ tán tụ để tiến hóa.

---

[27] E. Bell, *The Magic of Numbers*, tr.27.

Những điều vừa được trình bày đã cho thấy rằng các hệ thống đếm thật sự giúp ta hiểu rõ nhiều vấn đề đạo học có liên quan đến con số. Một điều quan trọng cần được lưu ý khi chúng ta đối diện với các con số trong giáo lý Đại Đạo: phải xác định cho được hệ thống đếm mà mỗi con số thuộc về. Khi đó, việc giải thích ý nghĩa của các con số ấy mới có cơ sở khoa học.

4.1.2. Hệ thống lịch đạo học

Trong lịch sử phát triển văn minh, con người ở những vùng đất khác nhau đã sử dụng rất nhiều hệ thống đơn vị đo thời gian khác nhau. Một trong hình thái của những hệ thống đo thời gian như vậy là các *hệ thống lịch* (calendar [Eng]).

Ở một số nền văn minh, người ta dùng âm lịch (lunar calendar [Eng]), dựa vào chuyển động biểu kiến của mặt trăng trên bầu trời, lấy chu kỳ tuần trăng để làm độ dài cơ sở của một tháng (khoảng 29,53 ngày)[28]; độ dài cơ sở này có thể được gọi là một *tháng sóc vọng* (synodic month [Eng])[29].

Ở một số nền văn minh khác, người ta dùng dương lịch (solar calendar [Eng]), dựa theo chuyển động biểu kiến của mặt trời trên bầu trời, lấy chu kỳ bốn mùa để làm độ dài thời gian cơ sở cho một năm (khoảng 365,24422 ngày); độ dài cơ sở này được thiên văn học gọi là một *năm xuân phân* (tropical year [Eng])[30]. Hệ thống dương lịch hiện đang được sử dụng phổ biến trên thế giới là một hệ thống lịch có nguồn gốc từ Công giáo (Thiên chúa giáo La mã), do đức Giáo hoàng Gregory XIII[31] lập nên vào thế kỷ 16, gọi là lịch gregorian.[32]

Có những nền văn minh không dùng âm lịch thuần túy hay dương lịch thuần túy, mà dùng một hệ thống lịch tổng hợp, được gọi là **âm dương lịch** (lunisolar calendar [Eng]). Âm dương lịch dựa vào cả hai chu kỳ: chu kỳ tuần trăng và chu kỳ bốn mùa. Bởi vậy, âm dương lịch sử dụng cả hai độ dài cơ sở là *tháng sóc vọng* (mà hai điểm mốc là ngày sóc tức ngày 1, và ngày vọng tức ngày 15 của mỗi tháng) và *năm xuân phân* (mà bốn điểm mốc là ngày xuân phân, ngày hạ chí, ngày thu phân và ngày đông chí).

---

[28] D. G. Wentzel et al., *Thiên Văn Vật Lý (Astrophysics)*, tr.84.

[29] Thuật ngữ tiếng Anh "synodic month" được lấy từ quyển sách Thiên Văn Vật Lý (Astrophysics) của nhóm D. G. Wentzel; thuật ngữ tiếng Việt "tháng sóc vọng" là do nhóm biên soạn quyển "Đại Đạo và Tam Giáo Đạo" đề nghị.

[30] D. G. Wentzel et al., Thiên Văn Vật Lý (Astrophysics), tr.82.

[31] Đức Giáo Hoàng Gregory XIII (1502-1585): sinh ở Ugo Boncompagni, là Giáo Hoàng từ năm 1572 đến năm 1585; đây là vị Giáo Hoàng thứ 226 của Giáo hội Công giáo (http://en.wikipedia.org/wiki/Pope_Gregory_XIII; 24-09-2010).

[32] Lịch gregorian chọn năm Chúa Jesus chào đời là năm thứ 0. Những năm sau này cứ lần lượt gọi là năm thứ 1, năm thứ 2,… Trước năm thứ 0, người ta gọi là Trước Công Nguyên – nghĩa là "trước kỷ nguyên của Công giáo" – viết tắt là TCN (tiếng Pháp viết tắt là A.J., do chữ "Avant Jésus Christ"; còn tiếng Anh viết tắt là B.C. do chữ "Before Christ"). Ví dụ năm thứ 4 TCN là năm thứ 4 trước khi chúa Jésus ra đời. Các năm sau công nguyên thì chỉ khi nào rất cần thiết người ta mới ghi thêm chữ SCN (tiếng Pháp và Anh cùng dùng chữ A.D. do chữ Latin "Anno Domini" có nghĩa là Năm của Chúa.)

Ở châu Á, theo tương truyền, âm dương lịch được phát minh bởi Thần Nông Viêm Đế. Đây là vị vua đầu tiên của dân tộc Việt Nam ngày nay[33]. Bởi vậy, âm dương lịch được người Việt sử dụng như một hệ lịch truyền thống: Tất cả những ngày lễ hội truyền thống của Việt Nam đều được xác định dựa vào âm dương lịch.

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, âm dương lịch là hệ thống lịch được các Đấng Thiêng Liêng chính thức sử dụng. Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, thời gian hành đạo về mặt phổ độ được xác định theo *tháng sóc vọng* thuộc âm lịch, còn thời gian tịnh luyện của các khóa tu tịnh được xác định theo *năm xuân phân* thuộc dương lịch.

Ngoài việc sử dụng hệ thống lịch âm dương trong đời sống tu học và hành đạo của người tín đồ Đại Đạo, giáo lý Đại Đạo còn sử dụng một hệ thống đơn vị đo thời gian theo truyền thống của đạo học Đông phương, với năm đơn vị: nguơn (nguyên), hội, vận, thế, và niên (năm). Trong hệ thống đơn vị đo thời gian này, các đơn vị liên hệ nhau bởi những quy tắc sau đây:

1 nguơn = 12 hội
1 hội = 30 vận
1 vận = 12 thế
1 thế = 30 năm

Giá trị của các đơn vị đo này được xây dựng trên hệ thống đếm *lục thập phân* (sexagesimal system of numeration [Eng]) với cơ số 60.

Đây là hệ thống lịch phổ quát, chẳng những cho vũ trụ mà còn cho cả cơ thể con người. Quyển sách này đề nghị gọi hệ thống lịch phổ quát đó là ***hệ thống lịch đạo học***. Sở dĩ đặt tên như vậy, vì hệ thống lịch này đã được sử dụng trong hầu hết các nền văn minh đạo học cổ đại trên khắp thế giới, như: Sumer, Babilon, Ai Cập, Hi Lạp, Ấn Độ, Trung Hoa,…

Năm. Một năm trong hệ thống lịch đạo học có 12 tháng, mỗi tháng có 30 ngày; tổng cộng, một năm có 360 ngày. Quyển sách này đề nghị gọi đó là *năm đạo học*. Con số 360 ấy, trong hệ đếm lục thập phân với cơ số 60, có thể được phân tích qua tích số: 12 x 2 x (3 x 5).

Trong "Đạo Nguyên Chánh Nghĩa", Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn có dạy:

"Trời Đất có 360 ngày, Nhựt Nguyệt có 360 giờ, Người có 360 độ."[34]

---

[33] Sách Tân Đính Lĩnh Nam Chích Quái chép rằng: *"Thời xưa ở nước ta, lúc trời đất còn mờ mịt, đồng không cảnh vắng, bốn phía mênh mông, ăn lông, uống máu, trí tuệ còn chưa mở mang; lúc đó tổ tiên ta đói thì ăn, khát thì uống, thói tục thuần phác, chẳng biết dựa dẫm vào đâu (…) Vua Viêm Đế họ Thần Nông, đã tiến đến miền Trung Châu, vua trị dân có đức độ, cho nên dân ta mới thần phục…"*

[34] Vấn đáp giữa Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn (giáng bút trong phần "đáp") và Đức Thiết Quang Chơn Nhơn (giáng bút trong phần "vấn"); *Đạo Nguyên Chánh Nghĩa*, "Song Tu Tánh Mạng", tr.52.

Thời Hy Lạp cổ đại, năm đạo học đã được Pythagoras sử dụng. Nhà hiền triết Plato gọi năm đạo học là năm Pythagoras (Pythagorasan year [Eng]), hay năm địa cầu (terrestrial year [Eng]).

Như vậy, một năm trong hệ thống lịch đạo học có độ dài khác với một năm trong hệ thống lịch âm dương.

Thế. Một thế có 30 năm. Mỗi năm ở đây là năm đạo học với 360 ngày.

Vận. Một vận có 12 thế, tức là có 12 x 30 = 360 năm đạo học.

Hội. Một hội có 30 vận, tức là 30 x 12 x 30 = 10.800 năm đạo học.

Nguơn. Một nguơn có 12 hội. Mười hai hội của một nguơn lần lượt có tên là: Tý hội, Sửu hội, Dần hội, Mẹo hội, Thìn hội, Tỵ hội, Ngọ hội, Mùi hội, Thân hội, Dậu hội, Tuất hội, và Hợi hội. Do một hội có 10.800 năm, nên một nguơn có 129.600 năm.

Trong kinh "Tam Nguơn Siêu Độ", Đức Nguơn Thỉ Thiên Tôn dạy:

"Thiên đình, mỗi cuộc tuần huờn là 388.800 năm theo số toán đại học, lại chia ra làm ba tuần: thượng, trung, hạ nguơn. Mỗi nguơn, theo văn hóa học tìm ra, là 129.600 năm chiếu theo dương lịch, kể từ thượng nguơn qua trung nguơn, qua hạ nguơn; rồi lại phải đáo lại thượng nguơn. Một ngươn là 129.600 năm, có 12 hội (10.800), có 180 kỷ (60 năm)."[35]

Trong tất cả mười hai hội trước đây, Đức Thượng Đế đều có hoằng dương Đại Đạo để thúc đẩy sự tiến hóa của chúng sanh. Những bằng chứng của sự hoằng dương chân lý Đạo có thể được tìm thấy trong mọi lĩnh vực thuộc về nhân sinh, nhân trí, nhân đức; và trong số những bằng chứng này, ta không thể bỏ qua các tôn giáo với những pháp môn khác nhau ở những thời kỳ lịch sử khác nhau. Điều này được tìm thấy trong đoạn thánh giáo sau đây của Đức Di Lạc Thiên Tôn:

"Chơn lý Đạo nhiệm mầu vô thượng,
Vạn pháp môn quy hướng độ đời;
Tam nguơn chuyển thế luật Trời,
***Mười hai vận hội** tùy thời hoằng dương."*[36]

Vậy thì việc hoằng dương Đại Đạo cũng xảy ra trong nguơn hội mà chúng ta đang sống. Và việc Đức Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ở thời hạ nguơn này cũng nằm trong quy luật hoằng dương Đại Đạo của Trời Đất. Trong nguơn hiện tại, chúng ta đang sống ở hội thứ 12, tức là Hợi hội. Đây là nguơn cuối cùng, mà cũng là hội cuối cùng trong đại chu kỳ tiến hóa hiện tại. Thật vậy, Đức Thượng Đế đã nói:

*"Các con ôi! Cuộc thế tàn đã khai diễn để kết thúc **nguơn hội cuối cùng**, hầu chuyển lập lại cuộc đời thánh đức."*[37]

---

[35] Đức Nguơn Thỉ Thiên Tôn; *Tam Nguơn Siêu Độ*, tr.13-17.
[36] Đức Di Lạc Thiên Tôn; Trúc Lâm Thiền Điện, Ngọ thời, 13-04 Đinh Mùi (21-05-1967).
[37] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Huờn Cung Đàn, Hợi thời, 08-01 Tân Sửu (22-02-1961).

Nguơn hội cuối cùng này sẽ kết thúc bằng một "kỳ thi" rất lớn trong Trời Đất mà giáo lý Đại Đạo gọi là hội Long Hoa. Đây là kỳ thi tuyển chọn những bậc hiền nhân để lập cõi đời thánh đức. Sau hội Long Hoa này, đời thánh đức sẽ được lập ra vào Tý hội của nguơn đầu tiên thuộc đại chu trình tiến hóa kế tiếp:

*"**Tý vận hội** lập đời thánh đức,*
Thời thượng nguơn, mới dứt nạn tai;
Nhân dân thọ hưởng Cao Đài,
Cùng chung nhuần gội những ngày bình an."[38]

Muốn chuyển sang Tý hội, trở lại đời thánh đức, nhân loại phải đi hết Hợi hội của nguơn cuối này. Vì một hội là 10.800 năm, nên đó cũng là thời gian kể từ khi khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đến khi nhân loại trở lại được thời thượng nguơn thánh đức. Chúng tôi rút ra điều này qua việc phân tích một đoạn thánh giáo của Đức Lý Giáo Tông, khi Ngài dạy cho những người được ban trao sứ mạng trong Tam Kỳ Phổ Độ:

"Hỡi chư hiền đệ muội (…). "Thượng Đế" cùng "Thế Tôn", [những] danh từ [ấy] được sống miên viễn là do những trường hợp đặc biệt và một cơ hội nào đó. Công quả cùng danh nghĩa đạo, các hiền đệ muội, không phải mỗi lúc đều có thể làm được, mà chỉ trong cơ hội thuận tiện nhứt [là] trong kỳ nguơn hạ. Nếu trễ qua, không bao giờ cơ hội ấy trở lại hoặc được trở lại cũng phải mất mấy chục vạn năm trời.

Mười ngàn có lẻ tám trăm năm[39]*,*
Vận hội mười hai đã sẵn cầm;
Nhân loại trở về đời thánh đức,
Mới hay Thượng Đế phép cao thâm."[40]

Chúng ta chú ý đến nội dung phần văn xuôi của đoạn thánh giáo. Từ xưa đến nay, có những loại công quả rất đặc biệt, liên quan đến việc phát triển cơ đạo của Đức Thượng Đế trong một thời kỳ cứu độ nào đó; những việc này phải được thực hiện đúng thời điểm lịch sử của chúng thì mới có giá trị cứu độ nhân sinh và mới có thể được xem là công quả của người thực hiện, còn nếu để đạo sự trễ tràng, cơ hội mất đi, công việc dù có được thực hiện thì giá trị cứu độ cũng chẳng còn, lúc đó thì công quả sẽ không còn là công quả nữa. Thế nên đối với những người được ban trao sứ mạng trong thời hạ nguơn này, nếu không quyết tâm thực hiện cho kịp sứ mạng của mình, dù có tái sinh ở kiếp khác thì cũng không gặp lại cơ hội lập công bồi đức, hoặc là phải đợi đến "mấy chục vạn năm trời" mới có cơ hội tái kiếp mà làm công quả. Một vạn năm tức là mười ngàn (10.000) năm; mấy chục vạn năm tức là vài trăm ngàn năm. Một nguơn là 129.600 năm; nếu để lỡ mất cơ hội công quả trong kỳ hạ nguơn này, người sứ mạng phải đợi sớm nhất là hai nguơn nữa (khoảng 259.200 năm) mới đến hạ nguơn tiếp theo mà lập công bồi đức. Như vậy, nội dung phần văn xuôi cho thấy khoảng thời gian giữa những cơ hội cứu thế mà con người

[38] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), Tuất thời, 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965).
[39] "Mười ngàn có lẻ tám trăm năm": mười ngàn lẻ tám trăm (10.800) năm.
[40] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 15-07 Ất Tỵ (11-08-1965).

có thể tham gia cùng Thượng Đế là khoảng vài nguơn ("mấy chục vạn năm trời"), rất dài so với thời gian 10.800 năm của một hội.

Tiếp theo phần văn xuôi của đoạn thánh giáo, phần văn vần nói rằng những người được ban trao sứ mạng trong Tam Kỳ Phổ Độ chỉ cần thực hiện cho trọn vẹn những nhiệm vụ mà Đức Thượng Đế Chí Tôn đã giao phó trong vận hội 12 này, thì chỉ mất 10.800 năm thì lập được đời thánh đức. Con số 10.800 năm tuy quá dài so với cuộc đời của một con người và so với chiều dài của lịch sử nhân loại, nhưng đó vẫn là một con số rất nhỏ so với một nguơn (129.600 năm) hay với những chu kỳ tam nguơn (388.800 năm).

Cần chú ý rằng đoạn thánh giáo trên đây được Đức Lý Giáo Tông dạy vào năm Ất Tỵ 1965, nghĩa là khoảng 40 năm sau ngày Khai Minh Đại Đạo năm Bính Dần 1926. Như vậy khoảng cách 10.800 năm vừa nêu có thể được ước tính ngay từ thế kỷ 20, hơn là từ một thời điểm nào khác thuộc những thế kỷ trước đó hoặc sau đó.

4.2. Tam nguơn

Nguơn (hay còn được phát âm là ***nguyên***) là một khái niệm tổng quát được giáo lý Đại Đạo sử dụng để chỉ một loại "đơn vị" đo thời gian bất định và thay đổi theo không gian. Không giống như những đơn vị đo thời gian được cố định hóa bởi quy ước của con người (ví dụ như: năm, tháng, ngày, giờ,…), ***nguơn*** thay đổi theo quy mô của vũ trụ mà chúng ta muốn đo thời gian trong đó. Mặc dù chính sự thay đổi này khiến cho "nguơn" trở thành một khái niệm có vẻ khó hiểu, nhưng nếu chúng ta chú ý rằng, trong các ngành khoa học như địa chất học, nhân chủng học, hay sử học, người ta vẫn có những khái niệm thuộc loại này – ví dụ: "thời kỳ", "thời đại", "giai đoạn", "kỷ nguyên",… vốn cũng là những khái niệm mô tả những "đơn vị" đo thời gian bất định – thì chúng ta thấy rằng việc sử dụng những đơn vị đo thời gian bất định sẽ có những thuận lợi nhất định.

Cách sử dụng khái niệm "nguơn" của giáo lý Đại Đạo tương tự như những khái niệm vừa nêu. Vì vậy, mỗi khi các Đấng Thiêng Liêng đề cập đến "nguơn", chúng ta cần tìm hiểu ngữ cảnh của lời thánh giáo để hiểu "nguơn" ấy tương ứng với thời kỳ địa chất, nhân chủng, hay lịch sử nào.

Mặc dù chữ "nguơn" ở đây là một từ Hán-Việt và khái niệm "nguơn" đã xuất hiện trong văn hóa Trung Hoa cổ đại, nhưng khái niệm này cũng xuất hiện đồng loạt trong nhiều nền văn hóa cổ đại khác và dĩ nhiên nó được mang những tên gọi khác nhau. Trong văn hóa Ấn Độ cổ đại, nó được gọi là "klpa" (कल्प [Skr]). Trong văn hóa Do Thái cổ đại, nó được gọi là "olam" (עולם [Hbr])[41,42]. Trong văn hóa Hy Lạp cổ đại, nó được gọi là "ho aion" (ὁ αἰών [Grk]). Và khi được tiếp nhận bởi văn hóa La Mã, nó trở thành "ion" (còn được viết là "aeon" hay "eon"). Và nội hàm của khái niệm "nguơn" (chứ không phải chữ "nguơn"!) của giáo lý Đại Đạo là một nội hàm tổng hợp của tất cả các khái niệm như vậy ở các nền văn hóa khác nhau.

---

[41] http://en.wikipedia.org/wiki/Aeon; 16-07-2010.
[42] http://en.wikipedia.org/wiki/Olam; 16-07-2010.

Tam nguơn có nghĩa là ba thời kỳ, hay ba giai đoạn, tạo nên một chu kỳ thời gian trong không gian. Đối với mỗi chu kỳ, giai đoạn đầu được gọi là thượng nguơn; giai đoạn giữa được gọi là trung nguơn; và giai đoạn cuối được gọi là hạ nguơn. Riêng trong chu kỳ hiện tại của nền văn minh đương đại – theo "Đại Thừa Chơn Giáo" – thì thượng nguơn được gọi là nguơn Thượng đức, trung nguơn là nguơn Tranh đấu, hạ nguơn là nguơn Hủy diệt.

5. KHÔNG GIAN CỦA LỊCH SỬ CỨU ĐỘ

5.1. Phạm vi cứu độ

Sự cứu độ của Thượng Đế không chỉ được thực hiện ở một quả địa cầu 68 này, mà còn được thực hiện ở tất cả những cõi nào còn đang chịu tác động trực tiếp của cơ tiến hóa, bao gồm cả thất thập nhị địa, tam thiên thế giới, tứ đại bộ châu, và tam thập lục thiên.

Để cứu độ chúng sanh ở tất cả các đẳng cấp tiến hóa, Thượng Đế đã khai Đạo trong tất cả các cõi, tùy theo trình độ của chúng sanh. Thánh giáo Cao Đài nói:

"Đạo không phải cứu vớt một dân tộc, một nước, mà là cứu vớt cả ***toàn linh sanh chúng****, cả* ***vũ trụ càn khôn****. Thượng Đế khai Đạo cho một dân tộc nào hay một nước nào không phải riêng vì nơi ấy, mà mong cứu rỗi toàn linh sanh chúng thoát điều diệt vong, cứu cả càn khôn yên tĩnh, vũ trụ thanh bình."*[1]

"Thầy đã sắc lịnh chư phật thánh tiên đều đồng xây chuyển để các nơi đồng lo chuẩn bị ngày quy nguyên Đại Đạo để thức tỉnh nguyên nhân giữa cuộc đời phong ba khói lửa, lập đại hội vạn linh hầu ***chuyển cuộc thanh bình càn khôn vũ trụ****."*[2]

Như vậy, sự cứu độ luôn được rộng mở trên quy mô không gian của cả càn khôn vũ trụ.

5.2. Tác dụng cứu độ

Dù một nền Đạo được khai mở ở bất kỳ cõi nào trong vũ trụ, hay ở bất kỳ một vùng đất nào trên địa cầu 68 này, tác dụng cứu độ đều lan rộng ra tất cả các cõi khác. Điều này được xác nhận bởi câu thánh ngôn: *"Đạo không phải cứu vớt một dân tộc, một nước, mà là cứu vớt cả toàn linh sanh chúng, cả vũ trụ càn khôn."*[3]

Sở dĩ có được tác dụng rộng lớn như vậy, vì không gian và thời gian của cơ cứu độ được đặt trong một tương quan mật thiết. Tương quan ấy được quy định bởi cơ tạo hóa và tiến hóa. Để hiểu mối tương quan đó, ta phải quay trở lại với vũ trụ luận Đại Đạo:

"Không gian nâng đỡ thời gian, thời gian điều độ không gian. Không gian nhờ thời gian mà biến thể điều hòa, thời gian nhờ không gian mà giữ mực công bình; cả cơ thể Tạo Đoan đi trong khuôn viên bác ái, lấy điều hòa giữ lẽ thương yêu, gìn công chánh

[1] Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 01-03 Nhâm Dần (04-04-1962).
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 01-06 Nhâm Dần (01-07-1962).
[3] Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 01-03 Nhâm Dần (04-04-1962).

đưa đường tấn hóa. Nơi không trung bao la thiên tượng, tại thế gian đầy dẫy địa hình; có có không không, đi đi lại lại, mất còn còn mất, thảy thảy uy linh, nhìn lại quyền năng Tạo Hóa đã đáng công phu.

Vậy thì, vũ trụ càn khôn đứng trong điều hòa, giữ lẽ hằng sanh, tấn hóa mãi mãi không ngừng; ấy là Đạo hướng về nẻo vũ trụ quan mà tạo nên chơn lý. Cả cơ thể hữu vi biến chuyển không ngừng, tạo thành cơ tấn hóa; ấy là thế định trong lẽ nhân sinh quan mà đi cùng chơn lý."[1]

Qua lời dạy trên đây của Đức Bát Nương Diêu Trì Cung, ta thấy mối liên hệ hỗ tương "không gian nâng đỡ thời gian, thời gian điều độ không gian" đã làm cho toàn thể các cõi trong càn khôn vũ trụ "đi trong khuôn viên bác ái, lấy điều hòa giữ lẽ thương yêu, gìn công chánh đưa đường tấn hóa". Xem vậy, sự tiến hóa của tất cả các cõi trong vũ trụ đều được vận hành theo cùng một khuôn viên. Khuôn viên ấy được tạo lập bởi sự công bình, bác ái và từ bi. Do đó, sự cứu độ của Thượng Đế đối với vạn linh trong vũ trụ cũng dựa vào những đức tính công bình, bác ái và từ bi của tình Tạo Hóa.

Tương quan này giúp ta hiểu được cơ cứu độ trong càn khôn vũ trụ về cả phương diện nguyên lý lẫn phương diện hình thái.

Xét về mặt nguyên lý, trong khắp các cõi của càn khôn vũ trụ, Đức Thượng Đế chỉ sử dụng một nguyên lý cứu độ duy nhất là **tình thương**:

"Đạo tuy định nghĩa khắp muôn phương,
*Căn bản làm đầu, một chữ **Thương**;"*[2]

Tình thương là động cơ, là hạt nhân, là cái cốt yếu của cơ cứu độ. Không những Thượng Đế vì tình thương mà mở cơ cứu độ, nhân loại cũng chỉ có thể quay về Thượng Đế nhờ biết thương yêu đồng loại và vạn loại:

*"Thầy đã dạy, Thầy chỉ một lòng mơ ước cho các con biết thương yêu nhau trong Thánh Đức của Thầy. Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam Thập Lục Thiên, Cực Lạc Thế Giới và Bạch Ngọc Kinh. **Kẻ nào ghét sự thương yêu, thì chẳng hề qua khỏi cửa luân hồi**."*[3]

Và công bình, bác ái, từ bi chính là ba phương diện thể hiện của tình thương.

Xét về mặt hình thái, vì những cõi khác nhau được cấu tạo bằng những khí chất khác nhau và dành cho những trình độ tiến hóa khác nhau, nên hình thái của cơ cứu độ ở mỗi cõi cũng khác nhau. Nơi địa cầu 68, Đạo có thể được khai mở thành tôn giáo, khoa học,… nhưng ở những cõi có trình độ tiến hóa cao hơn, Đạo thể hiện thành những hình thái tổng quát hơn, mà giáo lý Đại Đạo gọi là Pháp, để dẫn dắt vạn linh ở những đẳng cấp khác nhau.

---

[1] Đức Bát Nương; Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài (Tòa Thánh Tây Ninh), 12-02 Nhâm Thìn (09-03-1952); *Luật Tam Thể*.
[2] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 04-09 Quý Sửu (29-09-1973).
[3] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 27-10-1927; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.2).

"Pháp không chỉ là hình thức của tôn giáo, hay cách thức tu hành và tín ngưỡng. Chữ Pháp ở đây ngầm chứa tất cả những cái gì dưới danh từ vạn hữu, hay vạn thể, hay thực tại, hay thực thể."[1]

Khái niệm "Pháp" được trình bày chi tiết trong triết học (vũ trụ luận) Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ở đây, ta chỉ cần quan tâm đến việc khái niệm này mô tả sự cứu độ ở những vùng không gian rộng lớn trong vũ trụ, mà trong đó, địa cầu của chúng ta chỉ là một thế giới rất bé nhỏ.

6. NGUƠN HỘI CUỐI CÙNG

Theo sử quan của giáo lý Đại Đạo, lịch sử nhân loại sẽ diễn biến tuần hoàn nhờ sự cứu độ của Thượng Đế, nhưng vẫn có giai đoạn tận thế do sự tích lũy những cộng nghiệp của chúng sinh. Tại sao lịch sử diễn biến tuần hoàn mà vẫn có tận thế? Từ những nội dung vừa trình bày về thời gian và không gian của lịch sử cứu độ, chúng ta hãy tìm hiểu điều này.

6.1. Giai đoạn kết thúc mọi chu kỳ trong vũ trụ

Hạ nguơn mạt kiếp – thời kỳ mà hiện nay chúng ta đang sống trong đó – thường được các Đấng Thiêng Liêng gọi là *"nguơn hội cuối cùng của luật tuần hoàn vũ trụ"*[2], hay *"nguơn hội mạt pháp"*[3]. Những chữ "cuối cùng", "mạt pháp" này được dùng để chỉ **điểm cuối cùng của một đại chu kỳ tuần hoàn**. Đó cũng là điểm **chuyển trạng thái của càn khôn vũ trụ**, từ trạng thái suy sụp để kết thúc của đại chu kỳ trước sang trạng thái phục sinh để bắt đầu của đại chu kỳ sau:

"Tuần huờn vận hội đáo đầu,
Vòng tròn giáp mối, ***chuyển*** *bầu càn khôn."*[4]

Thế nào là một đại chu kỳ tuần hoàn?

Mỗi cõi giới trong vũ trụ đều có những chu kỳ tuần hoàn của riêng mình. Cấu trúc của hệ thống đơn vị đo thời gian ở các cõi là như nhau, nghĩa là cũng gồm có năm loại đơn vị đo, là: nguơn, hội, vận, thế, và năm. Do đó, ở mỗi cõi, những chu kỳ tuần hoàn đều là sự tuần tự tiếp diễn của tam nguơn: thượng nguơn, trung nguơn rồi đến hạ nguơn. Trong mỗi nguơn, tùy theo trình độ tiến hóa của chúng sanh trong cõi đó, mà Đức Thượng Đế đã phái những Thiên sứ khác nhau, đến các cõi, khai mở những nền Đạo tương ứng.

Thế nhưng, độ dài của các đơn vị đo thời gian ở các cõi không giống nhau. Ví dụ, một "năm" ở địa cầu 68 ngắn hơn một "năm" ở bất kỳ tầng trời nào trong tam thập lục thiên; đây là điều mà kinh "Tận Độ" đã nói đến qua câu *"Một ngày cõi thọ bằng ngàn thế gian"*[5]. Hiểu rộng ra, chu kỳ tam nguơn ở các cõi diễn biến không đồng bộ đối với nhau.

---

[1] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 4, tiết 4, mục 1.
[2] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 01-03 Đinh Mùi (10-04-1967).
[3] Đức Thái Thượng Lão Quân; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 15-02 Nhâm Dần (19-03-1962).
[4] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 01-03 Đinh Mùi (10-04-1967).
[5] Hội Thánh Truyền Giáo, *Kinh Tận Độ*, "Thỉnh Vong".

Ví dụ, trong lúc cõi này đang là thượng nguơn, thì một cõi khác có thể đang là trung nguơn, và một cõi khác nữa có thể đang ở trong hạ nguơn.

Tuy nhiên, thời "Tam Kỳ Phổ Độ" ở địa cầu 68 này là một thời hạ nguơn rất đặt biệt. Đây là thời mà chu kỳ tam nguơn ở tất cả các cõi đều đạt đến một bội số chung trên quy mô toàn vũ trụ, và do đó, tất cả các cõi đều đồng loạt chuyển sang giai đoạn hạ nguơn của mình. Chính vì vậy, hạ nguơn này là hạ nguơn chung của toàn thể vũ trụ, chứ không riêng của một địa cầu 68 này.

Nếu hình dung rằng thượng nguơn là một thời kỳ sáng sủa, trung nguơn là thời kỳ nửa sáng nửa tối, hạ nguơn là thời kỳ u tối, thì trong những lần hạ nguơn trước đây của địa cầu 68 này, thế giới của nhân loại chúng ta tuy u tối, nhưng trong càn khôn vũ trụ, vẫn có những chỗ sáng (vì có những cõi vẫn đang ở thời thượng nguơn của mình), cũng như có những chỗ tranh tối tranh sáng (vì có những cõi còn đang ở thời trung nguơn của mình). Thế nhưng hạ nguơn lần này chẳng những địa cầu của chúng ta mà toàn thể vũ trụ đều đồng loạt rơi vào một đêm đen dày đặc, vì tất các cõi đều đồng loạt đi vào hạ nguơn:

"Ngày nay, buổi hạ nguyên mạt kiếp, cơ tiêu diệt hầu kề, cộng nghiệp của chúng sanh cũng đến ngày tổng kết. ***Năm châu thế giới****, nào chiến tranh khói lửa, nào ân ái oán cừu, diễn bao thảm trạng, chém giết sát hại lẫn nhau, kết tập thành một luồng tư tưởng ác tạp* ***khắp ba cõi****: Dục giới, Sắc giới và Không giới.* ***Khắp cõi sa bà cũng đầy nghẹt các đẳng linh hồn, cũng đương tranh nhau lập công, để chờ Ngày Phán Đoán****."*[1]

Trong đoạn thánh giáo trên đây, chữ "sa bà" ("saha" [Skr], còn được phiên âm Phạn-Hán là "ta bà") là một thuật ngữ của Phật giáo được dùng để chỉ một cõi trong vũ trụ bao gồm cả tam thiên thế giới (3000 thế giới)[2]; mỗi thế giới trong đó đều có ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới[3]. Nội dung đoạn thánh giáo này nói về một thời kỳ tối tăm không chỉ của riêng địa cầu mà chúng ta đang sống. "Ngày Phán Đoán" ở cuối đoạn thánh giáo này chính là "Ngày Phán Xét Cuối Cùng" ("the Day of Last Judgment" [Eng]) mà nhiều tôn giáo xưa nay đã từng tiên tri.

Bởi vậy mà các Đấng Thiêng Liêng, khi giáng cơ trong Tam Kỳ Phổ Độ, thường dạy rằng thời hạ nguơn này là thời cuối cùng của cuộc tuần hoàn tam nguơn trong vũ trụ:

"Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khai nhằm thời hạ nguơn mạt kiếp, là thời cuối cùng của vận hội tuần huờn tam nguơn."[4]

Vào năm Nhâm Dần 1962, nghĩa là năm thứ 37 của đạo Cao Đài, Đức Diêu Trì Kim Mẫu đã đề cập đến "thời kỳ mạt pháp của vũ trụ":

"Con ôi! Ba mươi bảy năm khai đạo nơi góc đất Việt Nam, một ***thời kỳ mạt pháp của vũ trụ*** *để xoay vần đúng luật thiên nhiên, thì chơn pháp gồm thâu Tam giáo không gì là*

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ngọc Minh Đài, Tý thời, 04-03 Quý Mão (28- 03-1963).
[2] Đoàn Trung Còn, *Phật Học Từ Điển*, tr.708, 758.
[3] Ibid., tr.758.
[4] Đức Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài; Thanh An Tự, Tý thời, 22-09 Bính Ngọ (02-11-1966).

lạ với nhân sinh hay tình riêng của Tạo Hóa, mà là một cuộc vận chuyển của trời đất đã qua hầu trở lại chánh cung, định lập sự trường tồn của tiên thiên chánh đạo."[1]

Như vậy, thời hạ nguơn này là "thời kỳ mạt pháp của vũ trụ", là đêm tối của cả vạn vật lẫn nhân loại.

6.2. Những lời tiên tri trong Tam Giáo Đạo

Đêm tối hạ nguơn của toàn thể vũ trụ, vạn vật và nhân loại, từ ngàn xưa đã được nhiều tôn giáo tiên tri bằng những ngôn từ khác nhau: "Ngày Tận Thế", "Ngày Cuối Cùng", "Thời Mạt Pháp", "Thời Mạt Kiếp",… Các lời tiên tri này chứa đựng những nội dung như thế nào?

Theo thánh kinh Pahlavi của Hỏa giáo, vào *cuối kỳ ba* của lịch sử nhân loại sẽ có một biến cố vô cùng lớn được gọi là "Frashokereti", nghĩa là sự tái tạo cuối cùng đối với toàn vũ trụ của chu kỳ hiện tại. Trong cuộc tái tạo cuối cùng này, sẽ có một cuộc đại chiến giữa cái xấu và cái tốt, giữa các Đấng Thiêng Liêng và ma quỷ; nhưng cuối cuộc chiến đó, tất cả những gì thuộc về cái ác sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn. Cuộc Phán Xét Cuối Cùng (Last Judgment [Eng]) sẽ diễn ra để phân phàm lọc thánh. Những gì được chọn lọc trong vũ trụ sẽ hiệp nhất một cách hoàn hảo với Thượng Đế.[2]

Trong thánh kinh Tân Ước của Ky Tô giáo, có một quyển mang nội dung tiên tri về giai đoạn tận thế của cả trời đất; đó là quyển "Khải Huyền" ("Revelation" [Eng]), được mạc khải qua thánh Giăng. Vào ngày tận thế, người thế gian sẽ chém giết lẫn nhau, nhân loại bị sát hại chẳng những bởi gươm đao mà còn bởi sự đói kém, các bệnh dịch, và các loài thú dữ; sau một cơn động đất lớn, mặt trời trở nên tối tăm, các vì sao sa xuống đất,…[3]. Thánh Giăng viết: "Sự ấy đoạn, tôi nhìn xem, thấy vô số người, không ai đếm được, bởi mọi nước, mọi chi phái, mọi dân tộc, mọi tiếng mà ra; chúng đứng trước ngôi và trước Chiên Con[4], mặc áo dài trắng, tay cầm nhành chà là, cất tiếng lớn kêu rằng: Sự cứu rỗi thuộc về Đức Chúa Trời ta, là Đấng ngự trên ngôi, và thuộc về Chiên Con."[5] "Bấy giờ một trưởng lão cất tiếng nói với tôi rằng: Những kẻ mặc áo dài trắng đó là ai, và bởi đâu mà đến? Tôi thưa rằng: Lạy Chúa, Chúa biết điều đó. Người lại phán cùng tôi rằng: Đó là những kẻ ra khỏi cơn đại nạn, đã giặt và phiếu trắng áo mình trong huyết Chiên Con."[6] "Điều ấy đoạn, tôi thấy một vị thiên sứ khác bay giữa trời, có Tin Lành đời đời, đặng rao truyền cho dân cư trên đất, cho mọi nước, mọi chi phái, mọi tiếng, và mọi dân tộc."[7] "Bấy giờ tôi thấy một tòa lớn và trắng cùng Đấng đương ngồi ở trên; trước mặt

---

[1] Đức Diêu Trì Kim Mẫu; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 15-08 Nhâm Dần (12-09-1962).
[2] http://en.wikipedia.org/wiki/Zoroastrian_eschatology#cite_note-0; 09-09-2010.
[3] *Tân Ước*, "Khải Huyền", 6:2-17.
[4] "Chiên Con": Đây là một thuật ngữ đặc biệt của Khải Huyền. Theo nghĩa được Ky Tô giáo nhìn nhận, "Chiên Con" chính là Chúa Jesus. Theo nghĩa rộng hơn, "Chiên Con" là Thượng Đế Ngôi Hai, tức là ngôi Thượng Đế giáng sinh xuống thế gian làm người để cứu rỗi nhân loại trong mọi thời kỳ cứu độ. Nghĩa-rộng-hơn này và nghĩa-được-Ky-Tô-giáo-nhìn-nhận là tương thích với nhau.
[5] Ibid., 7:9-10.
[6] Ibid., 7:13-14
[7] Ibid., 14:6

Ngài trời đất đều trốn hết, chẳng còn thấy chỗ nào cho nó nữa. Tôi thấy những kẻ chết, cả lớn và nhỏ, đứng trước tòa, và các sách thì mở ra. Cũng có mở một quyển sách khác nữa, là sách sự sống; những kẻ chết bị xử đoán tùy công việc mình làm, cứ như lời đã biên trong những sách ấy. Biển đem trả những người chết mình chứa; sự chết và âm phủ cũng đem trả những người chết mình có. Mỗi người trong bọn đó bị xử đoán tùy công việc mình làm."[1] "Đoạn, tôi thấy trời mới và đất mới; vì trời thứ nhất và đất thứ nhất đã biến đi mất, và biển cũng không còn nữa."[2] "Đấng ngự trên ngôi phán rằng: Nầy, Ta làm mới lại hết thảy muôn vật."[3]

Theo thánh kinh Qur'an của Hồi giáo, lịch sử nhân loại sẽ bước vào một thời kỳ cuối cùng được gọi là "Ngày Phân Loại (giữa kẻ ác và người thiện)"[4] hay "Ngày Phán Xử"[5] ("Yawm ad-Din" [Arb], "the Day of Judgment" [Eng])[6]. Dấu hiệu của thời kỳ đó là những tai nạn thảm khốc xảy ra trong toàn vũ trụ: "bầu trời bị chẻ làm hai"[7], "những quả núi bị thổi rắc đi như bụi"[8], "động đất làm chấn động dữ dội"[9], "các đại dương trào lên"[10], khắp nơi xuất hiện sự tàn sát giữa người và người, mà trong đó, những kẻ giết người sẽ không hiểu tại sao mình lại giết người, còn người bị giết cũng không hiểu tại sao mình lại bị giết,… Rồi những kẻ tội lỗi sẽ bị đưa xuống hỏa ngục[11]; người tốt lành sẽ được đưa lên thiên đàng[12]. Khi đó, Đức Thượng Đế Allah sẽ "bắt đầu (sự tạo hóa) và lập lại (sự tạo hóa mới hay Phục Sinh)"[13]. Vì vậy, thời kỳ tận thế còn được Qur'an gọi là "Ngày Phục Sinh"[14] ("Yawm al-Qiymah" [Arb], "the Day of Resurrection" [Eng])[15].

Theo "Ẩn Ngôn" của Bahai'I, sẽ đến một ngày mà "các vị kiểm phẩm của nhân loại" sẽ xuất hiện để phân phàm lọc thánh: "Hỡi các thân hữu của ta! Hãy tắt ngọn đèn lầm lỗi đi, và thắp lên trong tâm hồn các ngươi cây đuốc dẫn đường thiêng liêng bất diệt. Vì chẳng bao lâu nữa, trước sự hiện diện của Đấng Chí Tôn, những vị kiểm phẩm của nhân loại sẽ không chấp nhận gì ngoài đức hạnh thanh cao và hành vi tinh thuần thánh thiện."[16] "Các ngươi là cây trong thượng uyển của Ta, các ngươi phải sinh quả ngon và kỳ quý, để cho chính các ngươi và mọi người khác cùng chung hưởng. (...) Cây mà không sinh quả thì xưa nay và ngày sau chỉ dùng chụm lửa mà thôi."[17]

---

[1] Ibid., 20:11-13
[2] Ibid., 21:1
[3] Ibid., 21:5
[4] *Qur'an*, 77:13.
[5] Ibid., 82:15.
[6] http://en.wikipedia.org/wiki/Yawm_al-Qiy%C4%81mah; 14-09-2010.
[7] *Qur'an*, 77:9.
[8] Ibid., 77:10.
[9] Ibid., 79:6-7.
[10] Ibid., 82:3.
[11] Ibid., 78:21-23.
[12] Ibid., 88:8-16.
[13] Ibid., 85:13.
[14] Ibid., 75:1.
[15] http://en.wikipedia.org/wiki/Yawm_al-Qiy%C4%81mah; 14-09-2010.
[16] *Ẩn Ngôn*, phần II:35.
[17] Ibid., phần II:80.

6.3. Những tiếng nói của khoa học hiện đại

Trong một cuộc phỏng vấn do trang web Big Think thực hiện ngày 20-01-2010, giáo sư Edward Sion[1] nói ông tin rằng địa cầu này sẽ bị hủy diệt vì "mặt trời sẽ nuốt chúng ta"[2]. Theo ông, sự hủy diệt này sẽ xảy ra khi mặt trời đã tiêu thụ hết hydrogen ở trung tâm của nó; nó sẽ tạo ra helium và thay đổi cấu trúc của mình. Nó sẽ giãn nở ra to hơn hiện nay khoảng 93 tỉ dặm và trở thành cái mà thiên văn học gọi là *sao kềnh đỏ* (red giant star [Eng]). Trái đất sẽ bị hút dần vào mặt trời kềnh đỏ này và sẽ bị bốc cháy ngay trên quỹ đạo của quá trình di chuyển; cuối cùng, trái đất sẽ cháy tiêu mất ngay trong lòng mặt trời.[3]

Một nhà thiên văn học khác, tiến sĩ Robert Smith[4], cho rằng sự sống trên trái đất sẽ bắt đầu bị hủy diệt sau một tỉ năm nữa. Ông nói: "Các nhà khoa học đã chỉ ra rằng sự giãn nở chậm của mặt trời sẽ làm cho nhiệt độ trên trái đất tăng lên. Các đại dương sẽ bốc hơi, và bầu khí quyển sẽ trở nên nặng trĩu vì hơi nước, mà thứ này cũng giống như dioxide carbon sẽ tạo nên hiệu ứng nhà kính rất mạnh. Cuối cùng, các đại dương sẽ khô và hơi nước sẽ thoát vào không gian. Sau một tỉ năm nữa kể từ bây giờ, trái đất sẽ là một quả cầu rất nóng, rất khô và [các sinh vật] không thể cư trú được."[5]

Vào đầu tháng 08-2010, một nhà khoa học nổi tiếng người Anh, ông Stephen Hawking[6], cũng đã tuyên bố trên trang web Big Think rằng đã đến lúc nhân loại phải tính đến chuyện rời bỏ trái đất và di trú vào một nơi nào đó trong không gian vũ trụ, nếu nhân loại muốn tồn tại thêm ít nhất là vài trăm năm nữa. "Tôi tin rằng tương lai trường cửu của nhân loại phải ở trong không gian," – ông nói với Big Think – "Khó mà tránh khỏi thảm họa trên trái đất trong vòng vài trăm năm tới, huống chi là vài ngàn hay vài triệu năm

---

[1] Edward Sion: nhà vật lý thiên văn người Mỹ, đang làm việc tại đại học Villanova (Hoa Kỳ).

[2] E. Sion, *The Sun Will Swallow Us*, http://bigthink.com/ideas/18970; 25-09-2010.

[3] "I think that the real end of Earth will take place when the sun, which is now a very average star on what we call the main sequence stage of evolution, when the sun runs out of hydrogen in its core. It's building up helium right now. When this happens, the sun will drastically change its structure. When it uses up hydrogen it no longer has thermonuclear fusion energy to provide its luminosity. In other words, it's shining because of its thermonuclear fusion of hydrogen to helium. When that hydrogen fuel source runs out, the sun will drastically change its structure and evolve into what we call a red giant star (…) So I think the ultimate end of the earth is going to be when the sun expands to a red giant. Its outer layers swell up to beyond 93 billion miles; earth will then start to experience viscous drag as it orbits the red giant sun. This viscous drag will cause the orbit of earth to decay much like an artificial satellite we launch around earth will eventually burn up in the atmosphere. Earth will eventually be incinerated inside the sun. Mercury, Venus, and Earth, and possibly Mars will undergo what we call death spirals. Their orbits will decay as they loose orbital angle due to the viscous drag they will decay and spiral into the sun where they encounter very high temperatures and essentially Earth will vaporize." E. Sion, *The Sun Will Swallow Us*, http://bigthink.com/ideas/18970; 25-09-2010.

[4] Robert Smith: nhà vật lý thiên văn người Anh, đang làm việc tại đại học Sussex (Anh Quốc).

[5] "Scientists have shown that the Sun's slow expansion will cause the temperature at the surface of the Earth to rise. Oceans will evaporate, and the atmosphere will become laden with water vapor, which (like carbon dioxide) is a very effective greenhouse gas. Eventually, the oceans will boil dry and the water vapor will escape into space. In a billion years from now the Earth will be a very hot, dry and uninhabitable ball." Dẫn theo Andrew Dermont, *Stephen Hawking's Warning: Abandon Earth – Or Face Extinction*, http://bigthink.com/ideas/21570; 06-08-2010.

[6] Stephen William Hawking (1942-): nhà vật lý lý thuyết và vũ trụ học người Anh.

tới."[1] Những lý do mà Hawking chỉ ra gồm có: dân số tăng nhanh, môi trường bị phá hủy, tài nguyên thiên nhiên đang dần dần cạn kiệt, nguy cơ chiến tranh hạt nhân, và cái chết không thể tránh khỏi của mặt trời.[2]

6.4. Lần cứu độ cuối cùng trên địa cầu 68

"Ngày Cuối Cùng" hay Ngày Tận Thế mà nhiều tôn giáo đã từng tiên tri và nhiều nhà khoa học từng đề cập đến cũng chính là điểm kết thúc của lịch sử theo quan niệm diễn biến tuyến tính. Tuy nhiên, theo giáo lý Đại Đạo, Ngày Cuối Cùng này chỉ là điểm kết thúc của một đại chu kỳ trong vũ trụ để chuyển sang một đại chu kỳ mới, chứ không phải là thời điểm kết thúc của lịch sử nhân loại. Qua cơ bút Cao Đài, Đức Jesus Christ đã dạy:

"Đến nay, buổi hạ ngươn mạt kiếp – mà lời tiên tri của Ta trước kia gọi là Tận Thế, thì nay chư môn đồ, ai là người hiểu Đạo, dù cho trong tôn giáo nào, cũng nhìn nhận đời đã đến cuộc giáp mối tuần huờn – nên Đức Chúa Trời, chính mình Ngài, xuống trần bằng điển quang, lập Đại Đạo Kỳ Ba chơn truyền tại nước Việt Nam."[3]

Trong đoạn thánh giáo trên đây, cụm từ "giáp mối tuần huờn" có nghĩa là "kết thúc chu kỳ", và như nội dung của đoạn thánh giáo, cụm từ này đồng nghĩa với "Tận Thế", vì vậy Thượng Đế đã đến thế gian bằng linh điển, khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để cứu độ toàn nhân loại.

Đây là **lần cứu độ cuối cùng đối với nhân loại trên địa cầu 68** trước khi địa cầu này chịu những tác động hủy diệt, chọn lọc và tái tạo của thời tận thế (tức là của giai đoạn chuyển từ chu kỳ hiện tại sang chu kỳ mới). Trong "Đại Thừa Chơn Giáo", Đức Thượng Đế đã dạy rằng:

*"Quả địa cầu của các con ở đây nó gần đúng thời kỳ tan rã. Ấy là thiên thơ Thầy định trước ngày giờ, mà cũng vui cho các đẳng chúng sanh được trổi bước lên một nấc thang cao vọi. Hễ thế giới này tiêu diệt thì linh hồn nhơn loại tấn hóa sang qua quả địa cầu 67 là nơi tiền định của đạo mầu. Thầy mới **đến đây lần chót** mà đem các con sang qua thế giới nhẹ nhàng. Còn những đứa mê muội, ngỗ ngang, tội tình thì lại bị tiêu tan ra gió bụi. Các con phải có ngày tận tuyệt. Đứa nào thuận Thiên cơ, biết đạo đức thiện từ thì Phật Tiên chực rước, còn đứa nào cả ác độc, trược trần khó mà an thân ngày chót!*

Nạn tiêu diệt lẽ nào? Các con có biết chăng?

Một ngày kia, những con nào biết đạo đức, ăn chay lạt, thân thể nhẹ nhàng hiệp với khí tiên thiên thì lúc dương sanh mới có thể chịu nổi với khí ấy mà còn vững vàng sống

---

[1] "I believe that the long-term future of the human race must be in space", "It will be difficult enough to avoid disaster on planet Earth in the next hundred years, let alone the next thousand, or million." Dẫn theo Andrew Dermont, *Stephen Hawking's Warning: Abandon Earth – Or Face Extinction*, http://bigthink.com/ideas/21570; 06-08-2010.

[2] Ibid.

[3] Đức Gia Tô Giáo Chủ Jesus Christ; *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (Q.1), chương 5 ("Gương Hy Sinh"), tiết 1 ("Khuyến Đạo"), tr.60.

đặng, còn những con vô đạo, bị cả khí hậu thiên, nên tới ngày âm tuyệt dương sanh ấy, chúng nó sẽ không bao giờ hứng chịu nổi khí chơn dương nên phải dứt hơi, lìa mạng.

Vậy thì ngày nay thế giới đã gần đúng luật tuần huờn, Thầy đến đặng đem các con vào một thế giới khác mà an nghỉ hầu tầm cơ siêu xuất đến cảnh thần tiên. Các con chẳng nên khinh lời ấy là dị đoan, một ngày kia sẽ có."[1]

Khai minh Đại Đạo để thực hiện lần cứu độ cuối cùng này mang một ý nghĩa trọng đại. Không chỉ cứu độ nhân loại trên địa cầu 68, Thượng Đế còn cứu độ mọi chơn linh trong toàn vũ trụ, mà Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chính là sự hiện thực hóa của công cuộc cứu độ ấy.

Trong nhiều bài thánh giáo Cao Đài, các Đấng Thiêng Liêng còn gọi lần khai đạo trên địa cầu 68 và tại Việt Nam này là lần khai đạo tại Nam Thiệm Bộ châu. Ví dụ:

"Trải qua bao nhiêu nguơn hội cho đến thời mạt pháp này, cũng như bao nhiêu lần trước, giữa lúc nhơn loại tranh nhau lăn mình vào đường diệt vong; Thượng Đế hoằng khai mối Đại Đạo trong cõi ***Nam Thiệm Bộ châu****, mượn khoảnh đất cỏn con để gieo hạt giống từ bi, bác ái, hầu chữa chứng bịnh ngặt cho toàn linh sanh chúng, mà nòi Tiên Long hướng đạo trong buổi nầy."*[2]

Nam Thiệm Bộ châu (Jambùdvipa [Skr], còn được gọi là Diêm Phù Đề châu) là một khái niệm có nguồn gốc từ vũ trụ luận Bà La Môn giáo. Những lời thánh giáo về sự khai đạo tại Nam Thiệm Bộ Châu cùng với những lời thánh giáo về sự khai đạo trên địa cầu 68 tạo thành một cách nói ẩn dụ rằng đạo được khai mở trong cả càn khôn vũ trụ. Để hiểu được ẩn dụ này, ta cần dựa vào vũ trụ luận Đại Đạo. Theo vũ trụ luận Đại Đạo, thất thập nhị địa thuộc về các cõi tiến hóa "thấp" (cùng với tam thiên thế giới), còn tứ đại bộ châu thuộc về các cõi tiến hóa "cao" (cùng với tam thập lục thiên), do đó, sự kiện một tôn giáo được lập ra trên địa cầu 68 này và thuộc Nam Thiệm Bộ Châu hàm ngụ rằng Đại Đạo được khai mở cả trong các cõi tiến hóa "thấp" lẫn trong các cõi tiến hóa "cao"; điều đó đến lượt mình lại hàm ngụ rằng Đại Đạo được hoằng khai trong toàn càn khôn vũ trụ và cho tất cả các đẳng cấp tiến hóa. Những sự kiện như vậy đã từng xảy ra trong các thời kỳ phổ độ thứ nhất và thứ hai. Như đã được ghi lại trong kinh sách của nhiều tôn giáo thuộc Phật Đạo như Bà La Môn giáo và Phật giáo, những vùng đất được khai Đạo trên địa cầu này đều thuộc về Nam Thiệm Bộ châu; ví dụ, đất Ấn Độ – vốn là nơi khai mở Bà La Môn giáo – đã được Bà La Môn giáo xem là thuộc về Nam Thiệm Bộ châu[3], và điều này hàm ngụ rằng Phật Đạo đã được khai mở khắp trong càn khôn vũ trụ.

Sự kiện khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại Việt Nam cũng mang một ý nghĩa tương tự như vậy. Theo giáo lý Đại Đạo, Việt Nam ở địa cầu 68 nếu xét trong phạm vi thất thập nhị địa, và ở Nam Thiệm Bộ châu nếu xét trong Tứ đại bộ châu. Việc khai mở cơ cứu độ

---

[1] Đức Cao Đài Tiên Ông; 25-09 Bính Tý (1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Địa Cầu 68", tr.418-420.

[2] Đức Lý Đại Tiên Trưởng Thái Bạch Kim Tinh; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 15-03 Nhâm Dần (18-04-1962).

[3] K. Taiken, *Tiểu Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận*, tr.301-306.

lần này chẳng những sẽ hoằng khai Đại Đạo trên địa cầu 68 mà còn trong cả Nam Thiệm Bộ châu. Điều này có nghĩa là khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được hoằng khai từ Việt Nam, Đại Đạo sẽ được hoằng khai trong toàn càn khôn vũ trụ và cho tất cả các đẳng cấp tiến hóa.

Thế thì đây là lần cứu độ cuối cùng đối với nhân loại trên địa cầu 68, mà cũng là lần cứu độ cuối cùng đối với vạn linh trong càn khôn vũ trụ trước Ngày Phán Xét Cuối Cùng của Thượng Đế.

Đó là một ân huệ lớn lao mà Đức Thượng Đế đã dành cho vạn linh trong vũ trụ, dành cho chúng sinh trên địa cầu 68, dành cho loài người trên thế giới này, và dĩ nhiên, dành cho dân tộc Việt Nam.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ quy hiệp Tam Giáo Đạo và Ngũ Chi Đại Đạo để đem đến cho nhân loại một kết tinh chứa đựng toàn bộ bửu pháp của vạn giáo từ xưa đến nay, nhờ đó, mỗi con người tùy theo căn cơ của mình có thể tự cứu độ lấy mình và cứu độ đồng loại. Qua cơ bút Cao Đài, các bậc giáo tổ thuộc các thời kỳ giáo đạo thường dạy rằng ân huệ cứu độ lớn lao này cũng chính là một cơ hội tiến hóa lớn lao cho toàn nhân loại và là một cơ hội bồi công lập đức của dân tộc Việt Nam. Ví dụ, Đức Phật Tổ Như Lai đã từng nói:

*"Lành thay **Nam Thiệm Bộ châu**,*
Đất linh gieo giống đạo mầu tế nhân."[1]

Hai câu thơ này nói rằng đất nước Việt Nam – vùng đất trong Nam Thiệm Bộ châu mà ở kỳ hạ nguơn cuối cùng Thượng Đế đã lựa chọn để khai đạo ("gieo giống đạo mầu") – là mảnh đất tâm linh khởi phát công cuộc cứu độ toàn nhân loại. Trong một lời dạy khác, Đức Phật nói rằng:

*"**Nam Thiệm** thiện tai đạo pháp truyền,*
Ngộ truyền tam giáo hội quy nguyên,
Chân tâm thường trụ vong phiền não,
Tự tánh bất ly chưởng phước điền;
Nhứt xứ đản tồn lưu Phật giáo,
Vạn bang hà hữu kỷ nhân duyên,
Chúng sanh thảng[2] đắc[3] tâm tu niệm,
Nghiệt chướng tiêu trừ kiến Phật Tiên."[4]

Đại ý lời dạy này cho chúng ta biết rằng nhân loại đã may mắn khi gặp được công cuộc quy nguyên Tam Giáo Đạo của Đức Thượng Đế. Công cuộc quy nguyên này làm cho chánh pháp của Phật giáo (mà ta có thể hiểu rộng ra là pháp môn chân truyền của vạn

[1] Đức Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Như Lai Thế Tôn; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 08-? Ất Tỵ (07-05-1965).
[2] "Thảng": nếu như.
[3] "Đắc": có được, đạt được.
[4] Đức Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Như Lai Thế Tôn; *Đạo Nguyên Chánh Nghĩa*, "Minh Chơn Đạo".

giáo trên thế giới) được lưu truyền mãi mãi. Nếu nhân loại biết tận dụng cơ hội này để tu tiến thì sẽ đạt được quả vị Tiên, Phật.

Cũng trong tinh thần ấy, Đức Gia Tô Giáo Chủ Jesus Christ đã dạy rằng:

"Gia pháp chơn truyền đã tóm thâu,
Tô bồi nền tảng khắp hoàn cầu;
*Giáo dân tiểu quốc vùng **Nam Thiệm**,*
Chủ sử huờn lai thế giới hầu;
Tá bút huyền linh xây Thánh địa,
Thế trần nguyên bổn dựng đài lâu;
Kỳ phang nguơn hạ huờn vi thượng,
Tam thể phục nguyên máy nhiệm mầu."[1]

Lời dạy này cho chúng ta biết rằng chánh pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã chứa đựng toàn bộ pháp môn chân truyền của các tôn giáo đã từng làm nên nền tảng văn minh nhân loại. Chánh pháp này, dưới sự giáo hóa của Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng, sẽ giúp mỗi con người xây dựng tòa cao đài nội tại trong chính mình (tức là giải thoát tâm linh trong thiên đạo) và giúp toàn nhân loại xây dựng tòa cao đài ngoại tại nơi thế gian này (tức là đại đồng nhân loại trong thế đạo).

Những lời dạy của các Đấng như vừa được nêu trên đây đều cho thấy rằng cơ hội tiến hóa của nhân loại trên địa cầu 68 cũng như của vạn linh trong toàn vũ trụ ở lần cứu độ cuối cùng này là một cơ hội hết sức to lớn.

Về mối liên hệ giữa địa cầu 68 và các cõi khác trong vũ trụ, một câu hỏi có thể phát sinh: Làm sao con người ở địa cầu này có thể liên lạc với các cõi khác, huống chi là có thể tác động đến các cõi khác, như Tứ đại bộ châu? Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế đã lập tân pháp Đại Đạo; với tân pháp này, con người có thể dùng đức tin để thông công với các cõi, dùng công quả làm nấc thang tiến bước sang các cõi cao hơn, đó là chưa nói đến những diệu dụng của việc công phu tu luyện:

"Thầy quyết mở rộng Thiên môn, vận chuyển chư Phật, Tiên, Thần, Thánh và chính mình Thầy đến tận thế gian, mở cơ đại xá, ban hành Tân Pháp, mở rộng đường tu, kịp thời độ tận toàn linh. Lấy đức tin làm mối thông công, lấy công quả, hạnh đức, làm nấc thang tiến bước; trong hàng tín giáo, giữ được hai điều đó là gần Thầy vậy. Các con thấu chăng?"[2]

Theo "Pháp Chánh Truyền" của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Giáo Tông là người được ban trao quyền pháp để *"thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên thế Giới, Lục Thập Thất Địa Cầu và Thập Điện Diêm Cung"*[3] để cầu rỗi cho nhân loại; và *"Hiệp Thiên*

[1] Đức Gia Tô Giáo Chủ Jésus Christ; Văn Phòng Đại Đạo; 15-04 Tân Hợi (08-05-1971); Kinh Bình Minh (đệ tam).
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ngọc Minh Đài, Tý thời, 04-03 Quý Mão (28- 03-1963).
[3] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Từ Lâm Tự, 16-10 Bính Dần (20-11-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.62.

Đài là nơi của Giáo Tông đến thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên thế Giới, Lục Thập Thất Địa Cầu và Thập Điện Diêm Cung mà cầu siêu cho cả nhân loại"[1].

Những dữ liệu như vậy cho thấy rằng, trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế đã tạo lập cơ chế cho phép con người ở địa cầu 68 này có thể liên lạc với các cõi khác nhau trong càn khôn vũ trụ.

Như đã nói, mối tương quan Đại Đạo – Tam Giáo Đạo là xương sống trong cơ thể của lịch sử văn minh nhân loại. Thế thì, trong lần cứu độ cuối cùng ở thời hạ nguơn mạt kiếp này, Thượng Đế sẽ quy nguyên và hiệp nhất toàn bộ mọi hình thái hoạt động trong nền văn minh của nhân loại chứ không chỉ quy hiệp các tôn giáo. Bởi lẽ, nếu chỉ quy hiệp các tôn giáo thì chỉ giải quyết được vấn đề có liên quan đến tâm linh; nhưng mục đích của lần cứu độ cuối cùng này là giải quyết toàn diện mọi vấn đề của nhân loại. Thánh ngôn Cao Đài nói:

"Nầy chư chúng sanh! Hôm nay cõi ta bà còn đây, nếu không phải bấy lâu xây đắp bằng công đức của chư Bồ Tát, chư Đại giác Thánh hiền thì cũng bị tan tành trong chốc lát của nghiệp ác chúng sanh, của thời đại hỏa long xuất thế. Nên cũng hân hạnh được Đức Chí Tôn từ bi tái lâm tận độ mà hôm nay nói chung trong toàn cầu bất cứ dân tộc nào hay giai cấp nào cũng được đón lấy hồng ân của Người bằng điển quang chuyển nhập trong thế giới, nên chi các tôn giáo thời xưa cũng như hiện tại đều được sống lại, nhơn sanh hồi hướng quy tùng luật pháp, thờ kính đạo đức, chúng sanh cũng được sớm hân hạnh đã đi trên con đường lành, được che chở một lần quang điển. ***Tuy hôm nay, các tôn giáo, các học thuyết, đảng phái trên hoàn cầu chưa quy hiệp về một, chứ ngày gần đây được tiếng gọi Thiêng Liêng thì bốn biển một nhà, năm châu chung chợ, Âu, Á, hưởng cảnh thanh bình****. Nhưng trước [khi có] cảnh ấy, phải có một cuộc thử thách ghê gớm, mà cuộc đó là kết quả của cuộc đời tàn ác. Nên chi, các tai vạ khốc liệt của đời tích tụ đến đây là ngày nó không còn tồn tại, nên nó tung ra để tìm đồng minh ái hữu mà ẩn trốn, mà đồng minh của con ma tội ác, nó đến nơi nào mà có con người tội ác thì nó ghé, nó kết thành đồng minh để chống lại chơn lý đạo đức."*[2]

Sự quy hiệp mọi khuynh hướng của nhân loại trên mọi phương diện nhân sinh, nhân trí và nhân đức như vậy là một sự kiện chưa từng có trong lịch sử. Nhờ đó văn minh nhân loại mới có thể được tái tạo ở một trình độ mới, cao hơn trình độ hiện có. Đó là công cuộc tái tạo dinh hoàn, lập đời thượng nguơn thánh đức. Điều này ứng với các lời tiên tri trong quá khứ của các tôn giáo, ví dụ lời tiên tri của Ky Tô giáo: "Đấng ngự trên ngôi phán rằng: Nầy, Ta làm mới lại hết thảy muôn vật."[3]

---

[1] *Pháp Chánh Truyền*, "Hiệp Thiên Đài".

[2] Đức Vô Lượng Thọ Quang Phật; Thánh Thất Từ Quang, 09-01 Đinh Dậu (08-02-1957); Hội Thánh Truyền Giáo, *Thánh Truyền Trung Hưng* (tập III), tr.2.

[3] Khải Huyền, 21:5

7. KẾT LUẬN

Chương này đã giới thiệu về định luật căn bản của lịch sử cứu độ: "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo". Cốt lõi của định luật này là sự thị hiện của Đại Đạo trong không gian và thời gian để bảo tồn vạn loại:

- Trước thời kỳ phát sinh Tam Giáo Đạo, Đại Đạo là đời sống thánh đức nguyên thủy từ nội tâm đến ngoại cảnh của toàn nhân loại.
- Trong thời kỳ phát sinh Tam Giáo Đạo, Đại Đạo là tất cả những gì Thượng Đế mang đến cho nhân loại ở thế gian này – không phân biệt lãnh thổ địa lý, quốc gia, chủng tộc – để bảo tồn đời sống tâm linh và vật chất, phát triển văn hóa và văn minh (đặc biệt, trong đại nguơn cuối cùng của đại chu kỳ tiến hóa hiện tại, Đại Đạo lần lượt biến sinh và hình thành cơ phổ độ nhất kỳ và nhị kỳ.)
- Trong thời kỳ quy hiệp Tam Giáo Đạo, Đại Đạo là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là công cuộc cứu thế kỳ ba trong thời mạt kiếp của Thượng Đế, giúp nhân loại giải quyết mọi vấn đề từ tâm linh đến nhân sinh, tạo cảnh giới thái bình thánh đức tại thế gian trên cơ sở nhân bản, an lạc và tiến bộ.

Trong các điểm được liệt kê trên đây, cần chú ý đến mối liên hệ giữa Đại Đạo với văn minh nhân loại ở các thời kỳ phát sinh và quy hiệp Tam Giáo Đạo. Trên thực tế, các tôn giáo trên thế giới đã có những đóng góp hết sức lớn lao vào việc phát triển văn minh nhân loại. Do đó, diễn biến tuần hoàn của Đại Đạo qua những chu trình liên tục – "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo" – một mặt là lịch sử của cơ cứu độ mà Thượng Đế vận hành để dẫn dắt nhân loại trên đường tiến hóa, nhưng mặt khác cũng là những chu trình phát triển văn minh của nhân loại. Mối liên hệ giữa Đại Đạo với văn minh nhân loại (thông qua sự phát sinh và quy nguyên của Tam Giáo Đạo) đã làm cho lịch sử cứu độ đồng nhất với lịch sử văn minh nhân loại.

PHẦN 2.
ĐẠI ĐẠO PHÁT SINH TAM GIÁO ĐẠO

CHƯƠNG 4.
NGUỒN GỐC ĐẠI ĐẠO CỦA TÔN GIÁO

Trong thánh giáo Cao Đài, thuật ngữ "nguồn gốc Đại Đạo" (của tôn giáo) được sử dụng với nghĩa "nguồn gốc mang tính chất Đại Đạo" hay "nguồn gốc thuộc về Đại Đạo" (mà từ đó, mọi tôn giáo được phát sinh.) Thuật ngữ này đề cập đến Đại Đạo với tư cách một nguồn gốc phổ quát của mọi tôn giáo. Do đó, với tựa đề "nguồn gốc Đại Đạo của tôn giáo", chương này sẽ chỉ ra những hình thái hiện diện của Đại Đạo trong đời sống của chúng ta mà từ những hình thái đó các tôn giáo đã được tạo lập.

Cũng cần nhắc lại rằng mỗi khi nói đến "tôn giáo", chương này đều sử dụng khái niệm đã được định nghĩa ở phần trước – "Tôn giáo là một hệ thống các phương tiện thể hiện tác năng cứu độ của Đại Đạo, giúp cho con người tìm đến Đại Đạo và đạt được Đại Đạo để nâng cao giá trị của bản thân và xã hội" – và như vậy, đều đặt tôn giáo vào mối tương quan mật thiết với Đại Đạo.

1. TIẾP CẬN

Để nói đến Đại Đạo như là nguồn gốc phổ quát của mọi tôn giáo trong những trường hợp cần thiết, chúng tôi đưa ra thuật ngữ "Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo". Thuật ngữ này được dùng để chỉ Đại Đạo ở giai đoạn lịch sử mà Tam Giáo Đạo chưa tồn tại, nghĩa là giai đoạn trước khi các tôn giáo xuất hiện trên thế giới. Như vậy, "Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo" là Đại Đạo ở thời kỳ không tôn giáo của lịch sử nhân loại.

Thế nhưng, liệu trong lịch sử nhân loại có thật sự tồn tại một thời kỳ không tôn giáo?

Nhiều nhà nhân học tôn giáo cho rằng tôn giáo đã xuất hiện ngay từ trong các xã hội nguyên thủy, nghĩa là ngay từ khi loài người vừa có mặt trên trái đất. Ví dụ, nhà nhân học Malinowski đã viết: "Không có một nhóm người nào, cho dù nguyên thủy đến đâu, mà không có tôn giáo…"[1]; ở đây, khái niệm "tôn giáo" được Malinowski hiểu như là "một nguồn vĩnh cửu của việc kiểm soát lương tâm"[2], là cái "đảm bảo sự chiến thắng của truyền thống và văn hóa đối với những phản ứng tiêu cực của bản năng bị ngăn cản"[3], là cái mà xã hội cần đến để "duy trì quy luật và trật tự đạo đức"[4].

Tuy nhiên, qua cơ bút Cao Đài, Đức Khổng Thánh Tiên Sư đã dạy:

---

[1] B. Malinowski, "Ma Thuật, Khoa Học và Tôn Giáo" (Magic, Science and Religion), bản dịch của Dương Bích Hạnh, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.147.
[2] Ibid., tr.169.
[3] Ibid., tr.179.
[4] Ibid., tr.180.

"Nếu cuộc diện thế gian đều thanh bình an lạc trên mọi địa hạt của kiếp sống thực tại của chúng sanh, thì không bao giờ có tôn giáo phát sanh."[5]

Trong lời dạy trên đây, khái niệm tôn giáo được hiểu theo định nghĩa ở phần trước, và định nghĩa này bao hàm cả những nội dung mà ta thấy trong cách hiểu về tôn giáo như của Malinowski. Như vậy, theo giáo lý Đại Đạo, tôn giáo có mặt trong xã hội chỉ như là một phương tiện để cứu vãn tình trạng mất "thanh bình an lạc" của nhân loại. Phải chăng, điều này có nghĩa là đã từng có một thời gian trong quá khứ, các xã hội nguyên thủy đã tồn tại trong một đời sống thanh bình an lạc đến mức con người không có nhu cầu về tôn giáo?

1.1. Cột mốc đánh dấu sự phát sinh Tam Giáo Đạo

Đoạn thánh giáo sau đây của Đức Quan Âm Bồ Tát cho chúng ta lời giải đáp:

"Nguyên thỉ, con người không tự có tôn giáo và không ý niệm gì về tôn giáo, vì ***tự trong sâu thẳm của con người đã có cả một nguồn sinh tồn vĩ đại bất biến về Đạo****. Tôn giáo chỉ xuất hiện ngay nét mặt sầm tối màu địa ngục của thế gian."*[6]

Đoạn thánh giáo này cho phép chúng ta phác họa trong nhận thức của mình một bức "chân dung" của Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo. Ban đầu, con người nguyên thủy chưa có tôn giáo và chưa biết đến tôn giáo, vì "tự trong sâu thẳm của con người" – tức là từ trong tâm hồn của con người – "đã có cả một nguồn sinh tồn vĩ đại bất biến về Đạo". Mãi cho đến khi thế gian này "sầm tối màu địa ngục" thì tôn giáo mới bắt đầu xuất hiện. Như vậy, tôn giáo là một hiện tượng không xuất hiện đồng thời với sự xuất hiện của con người trên địa cầu. Hơn nữa, tôn giáo chỉ ra đời khi xã hội đã rơi vào những tình trạng suy thoái nào đó.

Từ đoạn thánh giáo trên đây, ta cũng thấy rằng trong chặng đường đầu tiên của lịch sử nhân loại, đã có một *cột mốc đặc biệt* có liên quan đến Đại Đạo và tôn giáo; cột mốc đó chia văn minh của nhân loại thành hai giai đoạn kế tiếp nhau: trước cột mốc này là giai đoạn chưa-có-tôn-giáo, còn sau cột mốc này là giai đoạn có-tôn-giáo. Một cách đại cương, hai giai đoạn này có thể được phân biệt với nhau như sau.

Giai đoạn chưa-có-tôn-giáo. Đây là giai đoạn đầu tiên, khi loài người mới xuất hiện trên địa cầu. Trong suốt giai đoạn này, "tự trong sâu thẳm của con người đã có cả một nguồn sinh tồn vĩ đại bất biến về Đạo", như Đức Quan Âm Bồ Tát đã nói. Nguồn sinh tồn vĩ đại và bất biến ấy –vốn đã sẵn có trong nội tâm của mỗi con người – chính là Đại Đạo trong bản linh chơn tánh của nhân loại. Và đó cũng chính là Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo.

Giai đoạn có-tôn-giáo. Giai đoạn này bắt đầu từ khi thế gian bắt đầu "sầm tối màu địa ngục" cho đến tận ngày nay. Vì ở giai đoạn này, con người đã quên lãng, phế bỏ Đại Đạo trong đời sống tự nhiên của mình, nên các bậc giáo tổ mới lãnh sứ mạng từ Thượng Đế,

[5] Đức Khổng Thánh Tiên Sư; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 01-09 Nhâm Dần (28-09-1962).
[6] Đức Quan Âm Bồ Tát; Thánh thất Bình Hòa, Ngọ thời, 08-04 Canh Tuất (12-05-1970).

giáng trần và khai mở các tôn giáo để khôi phục lại Đại Đạo trong tâm hồn của nhân loại. Nhưng các tôn giáo ra đời, sau một thời gian thực hiện sứ mạng của mình, thì dần dần bị thất chân truyền bởi những phàm tâm, dục tánh của con người.

Đức Thượng Đế đã dạy về lý do xuất hiện tôn giáo trong nhân loại như sau:

"Từ buổi nguyên thủy chưa định âm dương, bởi một chất Nguyên Lý, Nguyên Khí hội hiệp, co giãn, cảm mà sanh ra Trời, Đất, muôn vật. Trời, Đất, muôn vật ứng cấu mà hiện ra muôn tướng, muôn hình; có hình sắc, có xúc động; càng xúc động, càng hóa sanh mãi mãi; có hóa sanh ắt có ngày tranh đấu, sao cho khỏi cuộc điêu tàn. Bởi cớ, từ khi bản [linh] chơn tánh của các con đã xa Thầy mà sa vào nơi dục cảnh, lần lần sự cảm nhiễm nó rù quến các con, từ nhỏ đến lớn, từ ít đến nhiều, vì [tư] tưởng là một cái điển lực mãnh cường nó có thể làm cho các con nên việc hay thất việc. Vì thế, nếu may mà các con thuận theo lẽ Trời, noi đàng chơn chánh mà tư tưởng, thì cái tư tưởng kia sẽ ứng hội với thiên địa tinh hoa mà hiện ra võ thuận, phong điều, nhơn hòa, địa lợi. Bằng rủi các con lấy nhơn dục tư tâm, bất tùng Thiên lý mà tư tưởng, thì tư tưởng kia sẽ giao cảm cùng thời tiết mà hóa ra địa kiếp, thiên tai, phong lôi, thủy chướng. ***Bởi cớ đó mà có tôn giáo****, nghĩa là Thầy muốn các con lấy chơn tâm biện lẽ chánh tà, cậy gươm trí tuệ mà diệt đời ma dục vọng. Thảm đó, vì* ***tôn giáo là một cái luật vô vi để cậy thể chất hữu hình mà điều độ các con****, chế kềm các con sẽ đến chỗ nguyên nhân chơn lý. Thảm thay! Đạo [là] tánh, đời [là] hình, [mà] tánh [với] hình phải liên lạc, vì vậy mà từ xưa đến nay các bậc Thánh nhân vì lòng mẫn thế thương sanh [đã] lập nhiều tôn giáo để cứu cánh cho đời, chẳng may đạo pháp thậm thâm, nan truy cực điểm, vì thế mà sau khi truyền đạo một, hai thế kỷ, rồi coi lại, bao nhiêu cái chơn truyền của tôn giáo đều bị vật chất nén đè, tay phàm canh cải. Rất thảm!"*[7]

Theo lời dạy của Đức Thượng Đế, tôn giáo là một phương tiện để điều độ xã hội loài người, phương tiện này vốn là quy luật vô vi (tức là Đại Đạo) dựa vào vật chất hữu hình để phát huy tác dụng. Phương tiện này giúp cho xã hội tự kềm chế mình khỏi rơi vào những cực đoan do dục vọng của những cá nhân trong xã hội gây ra. Hiển nhiên rằng, nếu mọi cá nhân trong xã hội biết sống theo đúng lẽ Trời (Thiên lý) thì xã hội tự nó sẽ vận động điều hòa, và nhu cầu về tôn giáo sẽ không tồn tại. Ngược lại, trong trường hợp con người xã hội sống trái lẽ Trời, hành xử bằng nhân dục tư tâm, thì tôn giáo trở nên một nhu cầu không thể thiếu được của một xã hội xét trong trường hợp xã hội đó muốn tồn tại; vì trong trường hợp này, đúng như nhà nhân loại học Geertz đã nói, "tôn giáo tạo hình cho trật tự xã hội đó."[8]

Mặc dù được khai mở bởi Thượng Đế, nhưng tôn giáo được duy trì và phát triển bởi con người. Con người bằng phàm tâm, dục tánh của mình đã nhiều lần làm cho các tôn giáo khác nhau bị thất chân truyền, nên Thượng Đế đã phải mở nhiều thời kỳ phổ độ để

[7] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thánh thất Trung Thành, 08-04 Mậu Dần (07-05-1938); Hội Thánh Truyền Giáo, *Thánh Truyền Trung Hưng* (tập I), tr.88-89.

[8] C. Geertz, "Tôn Giáo Như Một Hệ Thống Văn Hóa" (Religion as a Cultural System), bản dịch của Trương Huyền Chi, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.346.

chấn hưng lại nền tảng đạo đức của các xã hội nhân loại. Điều này đã diễn ra trong lịch sử như sau: vào thời trung nguơn, khi các tôn giáo thuộc thời kỳ phổ độ thứ nhất bị canh cải đến mức sai lạc chân truyền, thì nhị kỳ phổ độ được khai mở để chấn hưng các nền đạo nhất kỳ; đến thời hạ nguơn này, khi các tôn giáo nhị kỳ cũng bị thất chân truyền, thì Thượng Đế khai mở tam kỳ phổ độ để quy nguyên vạn giáo trong một cuộc chấn hưng toàn diện mọi nền đạo trên hoàn cầu, lập thành một Đại Đạo duy nhất.

Cho đến đây, chúng ta đã xác định rằng: chính cột mốc đánh dấu sự xuất hiện của tôn giáo đã phân chia lịch sử văn minh nhân loại ra thành hai giai đoạn. Giai đoạn không có tôn giáo ở trước cột mốc đó, nhân loại sống bằng Đại Đạo trong nội tâm; còn giai đoạn có tôn giáo ở sau cột mốc đó, nhân loại sống với các tôn giáo ngoại tại.

Việc đánh giá các giới hạn về thời gian của cột mốc này sẽ được thực hiện trong chương sau. Còn bây giờ, tạm gát qua vấn đề niên đại, chúng ta hãy tìm cách để nhận ra sự hiện diện Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo.

1.2. Nhận biết Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo

Để nhận ra được Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo, chúng ta hãy bắt đầu từ cột mốc phân định giữa hai giai đoạn, có-tôn-giáo và chưa-có-tôn-giáo, trong lịch sử nhân loại. Từ cột mốc này, nếu đi ngược về quá khứ, trước hết, chúng ta sẽ thấy xã hội nhân loại ở thời thượng cổ với đời sống hồn nhiên thánh thiện gắn liền với "một nguồn sinh tồn vĩ đại bất biến về Đạo" trong nội tâm của chính mình, như trong lời dạy của Đức Quan Âm Bồ Tát. Đó là Đại Đạo trong đời sống của những cộng đồng xã hội sơ khai ở thời thượng cổ của lịch sử văn minh nhân loại.

Đi xa hơn về quá khứ, khi con người vừa mới xuất hiện trên địa cầu, ta sẽ thấy Đại Đạo ở một dạng nguyên sơ hơn, gắn liền với bản thể (hay bản linh chơn tánh) của con người. Thượng Đế đã tạo ra con người theo mô hình của càn khôn vũ trụ, mà trong đó, Đại Đạo là năng lực hoạt động và vận hành, vốn sẵn có trong hình thể lẫn tâm hồn của mỗi cá nhân trong nhân loại. Khi vừa được sinh ra trên thế gian, con người chỉ biết đến Đại Đạo trong thiên tánh hồn nhiên của mình mà không biết đến một cái gì khác hơn. Và chính Đại Đạo nội tại ấy đã giúp cho nhân loại sinh tồn giữa vạn loại.

Nếu đi xa hơn nữa vào quá khứ, đến tận giới hạn mà nhận thức của con người không thể vượt qua được, thì trạng thái tương ứng của Đại Đạo chính là Nguyên Lý của càn khôn vũ trụ. Nguyên Lý này được giáo lý Đại Đạo đồng nhất với Thượng Đế.

Như vậy, Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo có thể được nhận biết qua các mức độ sau đây, theo trình tự đi từ vũ trụ, con người đến nhân sinh (hình 23):

- Đại Đạo từ thuở sơ khai Trời Đất,
- Đại Đạo khi bắt đầu có con người,
- Đại Đạo ở thời thượng cổ của lịch sử văn minh nhân loại.

Ba mức độ đó có liên quan mật thiết với nhau như sau: Đại Đạo nơi trời đất được *phát huy* thành Đại Đạo nơi con người trong việc tạo thiên lập địa, Đại Đạo nơi con người được *phát huy* thành Đại Đạo nơi nhân sinh trong lịch sử văn minh nhân loại.

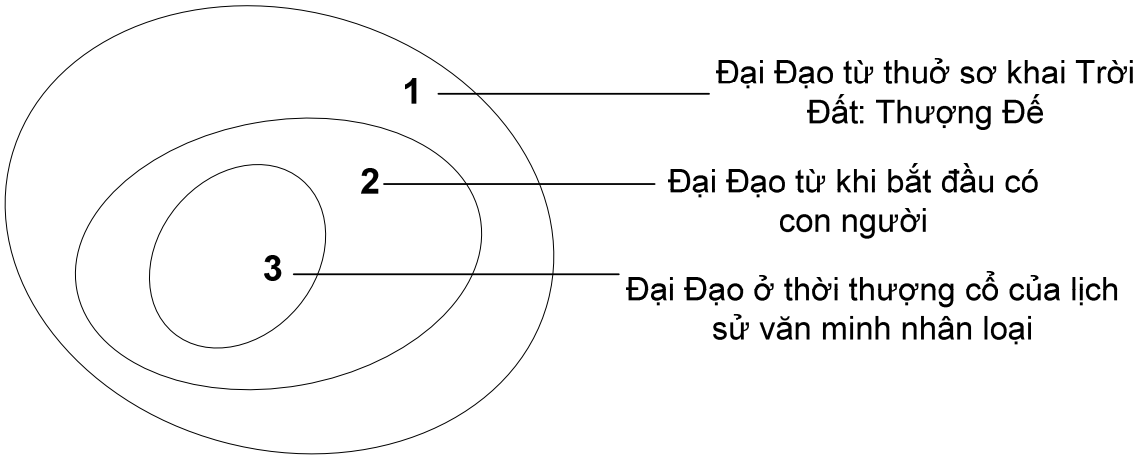

HÌNH 23. ĐẠI-ĐẠO-TR□ỚC-KHI-PHÁT-SINH-TAM-GIÁO-ĐẠO QUA NHỮNG MỨC ĐỘ Ý NGHĨA KHÁC NHAU.

Mối liên quan này không dừng lại ở cột mốc phân định giữa hai giai đoạn chưa-có-tôn-giáo và có-tôn-giáo, mà tiếp tục được triển khai bởi sự vận hành của Đại Đạo và xuyên suốt cả lịch sử nhân loại. Trong những chương sau, chúng ta sẽ thấy rằng, khi lịch sử nhân loại vượt qua khỏi cột mốc này bằng sự kiện mà Đức Quan Âm Bồ Tát gọi là thế gian "sầm tối màu địa ngục", thì Đại Đạo ấy được phát huy thành Tam Giáo Đạo với vô số tôn giáo tương ứng với vô lượng căn trí của chúng sinh ở địa giới này.

Với ba mức độ ý nghĩa trên đây, Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo có thể được quan niệm như một hệ thống (hình 24). Hệ thống này là một quá trình phát triển theo thời gian của một Đại Đạo duy nhất từ thuở sơ khai của Trời Đất cho đến lúc bắt đầu xuất hiện các xã hội nhân loại nguyên thủy, khi mà *tôn giáo chưa xuất hiện*. Chúng ta hãy lần lượt đi vào các tầng bậc trong hệ thống này.

HÌNH 24. ĐẠI-ĐẠO-TRƯỚC-KHI-PHÁT-SINH-TAM-GIÁO-ĐẠO NHƯ MỘT HỆ THỐNG. MŨI TÊN TRONG SƠ ĐỒ BIỂU DIỄN TRÌNH TỰ PHÁT SINH THEO THỜI GIAN.

2. ĐẠI ĐẠO TỪ THUỞ SƠ KHAI TRỜI ĐẤT

Đối với lịch sử văn minh nhân loại, liệu có đi quá xa hay không khi mà ta "quay trở lại" tận thuở sơ khai của Trời Đất để tìm hiểu về Đại Đạo, cho dù đó là Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo? Ta hãy chú ý đến đoạn thánh giáo mà Đức Thượng Đế dạy về lý do xuất hiện tôn giáo trong nhân loại; Ngài đã bắt đầu việc giải thích này bằng cách nói về thuở sơ khai của Trời Đất: *"Từ buổi nguyên thủy chưa định âm dương, bởi một chất Nguyên Lý, Nguyên Khí hội hiệp, co giãn, cảm mà sanh ra Trời, Đất, muôn vật. Trời, Đất, muôn vật ứng cấu mà hiện ra muôn tướng, muôn hình…"*[9]

Thế thì, chẳng những không đi quá xa vấn đề, việc đề cập đến Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất lại là điều rất cần thiết. Theo sự mạc khải của các Đấng Thiêng Liêng, chính Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất là nguồn gốc của tối sơ của Tam Giáo Đạo:

"Đạo tuy ba phái, nhưng lý vẫn một nguồn, ***đều do Khí Hạo Nhiên Huyền Huyền Thượng Đế phát ban****, mà Đức Lão Quân tạm gọi là Tam Giáo Đạo, để áp dụng sự cứu cánh toàn cả nhân loại trên thế gian, trong khi tinh thần, vật chất bị đảo lộn."*[10]

Xét trong mối liên hệ với Tam Giáo Đạo, Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất có thể được diễn dịch qua những ý niệm sau đây:

---

[9] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thánh thất Trung Thành, 08-04 Mậu Dần (07-05-1938); Hội Thánh Truyền Giáo, *Thánh Truyền Trung Hưng* (tập I), tr.88-89.

[10] Đây là một đoạn trích từ lời dạy của Đức Văn Tuyên Khổng Thánh, được Đức Trần Hưng Đạo tiếp nhận từ Cung Văn Tuyên và thuật lại trong đàn cơ ở Thiên Lý Đàn, 15-07 Ất Tỵ (11-08-1965).

- Thứ nhất, đó là **khởi điểm cũng như đích điểm của vạn loại**. Và, như một hệ quả của điều này, Đại Đạo ấy cũng là khởi điểm và đích điểm của vạn giáo trong Tam Giáo Đạo;
- Thứ hai, đó là **Thượng Đế**. Vạn giáo trong Tam Giáo Đạo đều được khai sinh bởi Thượng Đế, nên tất yếu cũng sẽ được quy nhất bởi Thượng Đế;
- Thứ ba, đó là **Tâm của Trời Đất** (Thiên Địa chi Tâm). Vì vậy, chân truyền của vạn giáo đều có thể được quy giản về một nguyên lý duy nhất là Tâm. Đạt được Tâm thì đạt Đạo; ngược lại, nếu rời bỏ Tâm thì con người chỉ có thể dừng lại ở tôn giáo hình tướng mà thôi.

2.1. Khởi điểm và đích điểm của vạn loại

Tại sao nói rằng Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất là khởi điểm và đích điểm của vạn loại? Trong vũ trụ quan của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nguyên lý vận hành của vũ trụ – Nhất tán vạn, vạn quy Nhất – là nguyên lý giải thích cho điều này. Theo nguyên lý vận hành của vũ trụ, Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất là Bản Nguyên duy nhất của vũ trụ, là Đại Linh Quang, là Tạo Hóa; Đại Linh Quang sinh thành nên vạn vật bằng cách phân chiết ra các điểm Tiểu Linh Quang để làm bản thể của mỗi vật; mỗi vật do được cấu tạo từ bản thể này nên đều có khả năng phát triển và tiến hóa; sự tiến hóa của mỗi vật diễn ra theo chiều hướng Tiểu Linh Quang tự chọn lọc để quy tụ trở lại với Đại Linh Quang. Vậy, Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất là khởi điểm và đích điểm của vạn loại.

Đặt những luận giải có vẻ siêu hình này vào tình trạng nhân loại hiện nay trong thời mạt kiếp, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy rằng chính việc tái lập cái Đạo từ thuở sơ khai Trời Đất là mục đích tối hậu mà công cuộc cứu thế kỳ ba phải thực hiện:

"Thế sự ngày nay như cờ túng nước, mà chư đệ muội là cùng một thời kỳ mạt kiếp Hạ Nguơn, nên chi Thượng Đế Chí Tôn muốn dìu dẫn các Nguyên Nhân trở về chánh vị, mới dụng huyền thiên linh điển, lâm trần lập lại ***Đạo Pháp từ thuở sơ khai Trời Đất****, để mở khoa hội cho các Nguyên Nhân*[11] *được dịp thoát khỏi cảnh trầm luân nhân quả, hay là cộng nghiệp chúng sanh."*[12]

Nghĩa là, con đường để nhân loại thoát ra khỏi được những bế tắc của xã hội hiện nay là trở về với "Đạo Pháp"– tức là Đại Đạo – "từ thuở sơ khai Trời Đất". Do đó, nếu không hiểu được Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất như là khởi điểm của vạn loại, thì nhân loại chúng ta cũng sẽ không thấy được một đích điểm rõ ràng nào trên con đường trở về Đại Đạo.

Theo triết học của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất chính là cái Đạo mà Đức Lão Tử đã nói đến trong "Đạo Đức Kinh" ngay từ câu mở đầu[13].

---

[11] "Nguyên Nhân": một khái niệm trong giáo lý Đại Đạo được dùng để chỉ "con người được sinh ra do sự trở lại thế gian của một chơn linh thượng đẳng thiêng liêng" (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*, tr.162).

[12] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 26-07 Đinh Mùi (31-08-1967).

[13] Mở đầu quyển "Đạo Đức Kinh" (chương 1), Đức Lão Tử đã viết: "Đạo khả đạo phi Thường Đạo" (道可道非常道[1]).

Cái Đạo đó hiện hữu ở ba trạng thái: Vô Cực, Thái Cực và Hoàng Cực. "Đạo Học Chỉ Nam" đã viết:

"Trước vũ trụ, Đất Trời chưa có,
Như thế nào, đâu rõ âm hao,
Mông mênh, thâm cực, diệu cao,
Tối linh, vô thượng, dám sao nghĩ bàn.[14]

Thánh truyền: thuở hỗn mang, Vô Cực,
Ngôi Tiên Thiên Thái Nhứt ban sơ;
Uyên nguyên, thấp thoáng, mập mờ,
Hồn nhiên, thanh tịnh, thần cơ nhiệm mầu.[15]

Thần vô phương, nhưng đâu cũng có,
Cơ diệu vi, lấp ló chưa trình;
Như như, cương kiện, trọn lành,
Hốt nhiên Tạo Hóa phân hành hai nghi.[16]

Khối âm dương, thần ki xuất hoạt,
Đạo Trung Hòa, bàng bạc hóa sanh,
Kiền Khôn thế giới định thành,
Ngày đêm thời tiết vận hành biến thông.[17] *(…)"*[18]

Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất có một nguồn gốc tự thân. Xét trên phương diện bản thể luận, trước khi có vũ trụ – nghĩa là khi chưa có gì cả – thì đã có sự hiện hữu của một sở vật thực tại tối linh. Còn xét trên phương diện nhận thức luận, thực tại ấy vượt ra ngoài khả năng tri kiến và lý luận của con người rất xa. Cái biết về thực tại tối linh và không thể nghĩ bàn ấy – mà đạo học vẫn lưu truyền lại cho đến ngày nay – là cái biết do sự mạc khải của các bậc đại giác ngộ, chứ không phải là cái biết do khảo cứu khoa học.

Thực tại tối linh ấy là Đại Đạo, là Vô Cực trong ngôi Tiên Thiên Thái Nhứt. Tất cả những gì "hiện hữu" lúc ấy chỉ là sự duy nhất của một trạng thái hư vô đạt đến mức cùng cực. Đây là trạng thái thanh tịnh hồn nhiên nguyên thủy của vạn loại. Trạng thái này không phải là một khái niệm triết lý mơ hồ; nó cụ thể cho đến nỗi sau này mọi tôn giáo đều quả quyết rằng **mỗi cá nhân đều có thể tìm lại được trạng thái ấy trong nội tâm của chính mình**. Cần nhấn mạnh rằng, tôn giáo nào đã tồn tại được cho đến ngày hôm nay đều là do có những cá nhân trải nghiệm được, thực chứng được trạng thái này.[19]

---

[14] Khổ thơ này nói đến cái Đạo bất khả tư nghị theo nghĩa của Đức Lão Tử.
[15] Khổ thơ này nói về sự hiện hữu của Đạo ở trạng thái Vô Cực.
[16] Khổ thơ này nói về sự hiện hữu của Đạo ở trạng thái Thái Cực ("Tạo Hóa" trong câu thơ thứ tư của khổ thơ này chính là Thái Cực).
[17] Khổ thơ này nói về sự hiện hữu của Đạo ở trạng thái Hoàng Cực (Chữ "Đạo Trung Hòa" trong câu thơ thứ hai của khổ thơ này được dùng để chỉ Hoàng Cực).
[18] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 3, tiết 2, mục 1.
[19] Đó là sự chứng Đạo, mà tôn giáo nào cũng đề cập đến, tuy bằng những ngôn từ khác nhau.

Theo hai khổ thơ sau của đoạn thánh giáo trên đây (từ "Thần vô phương, nhưng đâu cũng có" đến "Ngày đêm thời tiết vận hành biến thông"), sự cùng cực của hư vô chứa đựng những tiềm năng tạo hóa, và do những tiềm năng này, mà khi Vô Cực chuyển thành trạng thái "trung hòa" thì vũ trụ được tạo lập và muôn loài được hóa sanh.

Như vậy, Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất này là nguồn cội của vạn vật. Thế thì Đại Đạo ấy có liên hệ với các tôn giáo như thế nào? Tuy hãy còn rất sớm để luận giải về điều này, nhưng ta cũng có thể thấy được một mối liên quan căn bản bằng một cách thức đơn giản như sau. Hãy xét một chuỗi rất dài của những sự kiện tạo tác liên tục do sự tự vận hành của Đạo với tư cách là Tạo Hóa, kể từ lúc chưa có Trời Đất, đến lúc có tôn giáo. Ban đầu, Đạo hóa thân thành vũ trụ, vạn vật, con người; rồi đến lúc con người "tự đánh mất" bản linh chơn tánh, Đạo lại thị hiện thành các tôn giáo để giáo hóa con người. Như vậy, Vô Cực chính là nguồn cội tối sơ của mọi tôn giáo trên thế giới. Thế nên, Đức Đông Phương Lão Tổ đã dạy:

"Đạo là Hư Vô Chi Khí, [là] Tâm Không, [là] Thật Tướng Chi Linh. ***Khí Hư Vô không tiếng không hình mà hóa sanh vạn hữu****, cái Linh của Tâm không ngăn ngại mà hiện bày các tướng – các hàng giáo chủ Thánh Nhơn gượng nói là Đạo, là Nhất (Một) – rồi có vạn hữu; có vạn hữu hiện bày được Đạo, được Đạo rồi mới được Tâm, nên Thánh nhơn xưa dụng chỗ Một của Tâm mà trị thế an dân. Các hàng giáo chủ cũng do Tâm đắc nhất mà thành Tiên tác Phật.*

Nhất *là* ***cực của Vô Cực****, là Đại Bản Thể, là Chơn Như. Người học đạo, chỗ tâm truyền là đó; ngàn kinh muôn điển đạo thơ cũng nhắm vào đó. (…) Tôn giáo có nhiều mà chỗ chứng quả vô thượng của con người giải thoát là Phật, Thánh, Tiên;* ***tuy Tam Tông cũng do Chơn Tông Vô Cực mà có****."*[20]

Tóm lại, Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất là khởi điểm và đích điểm của tất cả mọi sở vật thực tại hiện hữu trong thế giới này – xét từ vũ trụ cho đến tôn giáo theo hệ thống nội dung được triển khai trong chủ đề của quyển sách này – dù đó là những định luật của vũ trụ hay là giáo pháp của một tôn giáo. Nội hàm của khái niệm Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất có thể được cô đọng trong những câu thơ sau đây:

"Dựng nên Trời Đất, dựng nên Người,
Đạo ấy nhiệm mầu, chẳng tiếng hơi[21]*,*
Chống vững kiền khôn, an bốn bể,
Phương tu nhập Thánh, dạy khuyên đời."[22]

Trong giáo lý của nhiều tôn giáo, có một ý niệm hoàn toàn tương đương với Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất, là Thượng Đế hay Thiên Chúa.

---

[20] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-06 Bính Thìn (11-07-1976).
[21] "Chẳng tiếng hơi": không có âm thanh và sắc tướng; vô hình, vô vi.
[22] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 3, tiết 2, mục 3.

2.2. Đấng Thượng Đế

Trong Thánh Kinh Tân Ước, sách "Khải Huyền" của thánh Giăng có ghi lại lời xưng danh của Thiên Chúa:

"Ta là Alpha và Omega."[23]

Theo lời xưng danh này, Thiên Chúa vừa là khởi điểm (mà vạn loại được phát sinh), vừa là đích điểm (để vạn loại quy nguyên).

Trong các nền đạo học ở khắp Đông Tây, Đấng Thiên Chúa duy nhất ấy được đồng nhất với "Đạo" (nếu ta dùng một danh từ của đạo học Việt Nam để chỉ Đấng Thiên Chúa này). Kinh "Đạo Học Chỉ Nam" tóm tắt:

"Đạo, Nguyên Lý, cũng là Thái Cực,
Ngôi Trung Tâm duy nhứt càn khôn;
Thường hằng, tự hữu, Chí Tôn,
Cầm quyền tạo hóa, ngự hồn vạn linh."[24]

Như vừa được trình bày ở phần trên, từ trước khi và từ thuở sơ khai Trời Đất, đã có Đại Đạo. Trong "Đại Thừa Chơn Giáo", Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã dạy:

"Đạo là gì? Đạo là Hư Vô Chi Khí. Đạo rất mầu nhiệm sâu kín cao siêu. Trước khi chưa có Trời Đất, đã có Đạo. Vậy, Đạo đã tạo dựng nên càn khôn vũ trụ, hóa sanh vạn vật muôn loài. Muôn loài vạn vật phải thọ bẩm Khí Hư Vô mà sanh hóa mãi mãi.

Đạo ấy ai làm chủ? Hồng Quân Lão Tổ làm chủ nó, vì đã chuyển pháp luân mà sáng tạo muôn loài. Đạo sanh Trời Đất; Trời Đất cũng phải dưới quyền hành của lẽ Đạo. Đạo không bao giờ hư hoại được, bền vững hoài."[25]

Đối với những dân tộc khác nhau và những nền văn hóa khác nhau, Đại Đạo Hư Vô ấy được nhân loại sùng thượng trong tâm hồn của mình qua những biểu tượng khác nhau; chẳng hạn như, Đức Hồng Quân Lão Tổ là một biểu tượng bắt nguồn từ văn hóa Trung Hoa. Trong quyển "Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống", Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc có giảng về điều này như sau:

> "Chúng ta ngó thấy, [nếu] như dân Do Thái được đoạt pháp đã quy liễu [mà] được về Cung Hỗn Ngươn Thượng Thiên thì thấy Đức Chí Tôn, tức nhiên Đại Từ Phụ, hiện hình là Jehovah giáo hóa họ, đồng sống với họ. Bần Đạo dám chắc, được hạnh phúc đó không Chơn Linh nào không mơ ước. [Trong trường hợp] Chúng ta là người Tàu, nếu đoạt pháp về được nơi Cung Hỗn Ngươn Thượng Thiên thì chúng ta thấy Đức Đại Từ Phụ đến với hình ảnh Hồng Quân Lão Tổ. Người Ấn

[23] *Tân Ước*, "Khải Huyền" 1:8.
[24] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 1, tiết 4, mục 6.
[25] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 02-08 Bính Tý (17-09-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Đại Đạo Luận", tr.66.

Độ, tùy theo trường hợp hành động của họ mà Đức Đại Từ Phụ sẽ đến với hình ảnh Brahmâ, Civa, hay là Christna."[26]

Dù các dân tộc khác nhau trên thế giới có gọi Thượng Đế bằng danh từ gì đi nữa, và dù họ có hình dung Thượng Đế qua ảnh tượng nào đi nữa, thì Thượng Đế vẫn chỉ có một. Ngài là Đấng vô hình và vô danh, không phù thuộc vào bất cứ điều gì mà nhân loại quan niệm về Ngài.

Trong những hiện thân của Ngài, có một hiện thân hữu ngã, mà nhiều triết gia gọi là Thượng Đế hữu ngã. Đó hiển nhiên cũng là hiện thân hữu ngã của Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất.

Huyền thoại của nhiều dân tộc, cũng như kinh điển của nhiều tôn giáo trên thế giới, vẫn còn lưu lại vĩ nghiệp sáng tạo nên Trời Đất và vạn vật của Ngài trong hiện thân hữu ngã. Ví dụ, kinh thánh Cựu Ước đã mở đầu với những câu như sau:

"Ban đầu, Đức Chúa Trời dựng nên Trời Đất.

Vả, đất là vô hình và trống không, sự mờ tối ở trên mặt vực; Thần Đức Chúa Trời vận hành trên mặt nước. Đức Chúa Trời phán rằng: Phải có sự sáng; thì có sự sáng. Đức Chúa Trời thấy sáng là tốt lành, bèn phân sáng ra cùng tối. Đức Chúa Trời đặt tên sự sáng là ngày; sự tối là đêm. Vậy, có buổi chiều và buổi mai; ấy là ngày thứ nhứt."[27]

Kinh Qur'an đã viết:

"Thượng Đế là Đấng đã tạo nên các tầng trời và mặt đất, và tất cả những gì ở giữa chúng, trong sáu ngày, rồi thống ngự trên chúng. (…) Ngài cai quản, điều hành cả thượng giới lẫn hạ giới; rồi cuối cùng, vạn vật sẽ tiến hóa trở về với Ngài (…)"[28]

Hiện thân hữu ngã của Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất, mà nhân loại biết đến như là Thiên Chúa, là một hiện thân ngoại tại. Gọi là "ngoại tại" vì Ngài ngự trên thiên cung, hiện hữu bên ngoài muôn vật, độc lập với muôn vật và cai quản muôn vật. Giáo lý Đại Đạo gọi đó là Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại. Nhưng đó không phải là hiện thân hữu ngã duy nhất của Thượng Đế. Còn có một hiện thân khác nữa, hiện hữu trong lòng muôn vật – đặc biệt là con người – được giáo lý Đại Đạo gọi là Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại, đồng nhất với Tâm.

2.3. Tâm của Trời Đất (Thiên Địa chi Tâm)

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, để tượng trưng cho Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất, trên Thiên Bàn (tức là bàn thờ Thượng Đế) có đặt một ngọn đèn ngay chính giữa và phía trước Thiên Nhãn, gọi là Vô Cực đăng, hay Thái Cực đăng, hay Tâm đăng, hay Nhiên đăng. Và Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã từng giải thích:

---

[26] Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc; thuyết đạo tại Đền Thánh, đêm 26-03 Kỷ Sửu (23-04-1949); *Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống*. http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/tam.htm; 15-12-2001.
[27] *Cựu Ước*, "Sáng Thế Ký", 1:1-5.
[28] Mohammad Abu-Hamdiyyah; *The Qur'an – An Introduction*, tr.111.

"Nhiên đăng là ngọn đèn lưu ly soi sáng vũ trụ khi còn huyền bí hỗn độn sơ khai trước ngày tạo thiên lập địa. Nói rằng lúc đó cả vũ trụ bao la, tối tăm, dày đặc, lạnh giá vô cùng, nhờ ngọn Nhiên đăng rọi soi mà bầu vũ trụ lúc bấy giờ được u u minh minh, nửa tối nửa sáng, bao trùm Hồng Quân Lão Tổ đang ngồi trầm ngâm trong tịch mịch. Mãi đến khi phân định âm dương, nhựt nguyệt rồi, thì không còn ai để ý ngọn Nhiên đăng, nhưng ngọn Nhiên đăng vẫn ngấm ngầm soi sáng và sưởi ấm muôn loài vạn vật, suốt cả ngày đêm, hoặc từ các thượng từng không gian cho đến loài thủy tộc côn trùng vẫn nhờ ánh sáng và sự sưởi ấm đó giúp muôn loài vạn vật được sanh hóa trưởng dưỡng và bảo tồn."[29]

Đại Đạo ấy có liên hệ với nhân loại như thế nào? Đó không chỉ là nguyên lý sinh thành của vạn vật và con người, mà còn là nguyên lý tu chứng của con người. Khi giải thích ý nghĩa của ngọn đèn Vô Cực (hay đèn Thái Cực) trên Thiên Bàn, Đức Thượng Đế đã dạy:

"Đây Thầy giải về Vô Cực đăng. Trước khi chưa phân Trời Đất thì Khí Hư Vô bao quát càn khôn, sáng soi đầy trong võ trụ. Nó là một cái trung tâm điểm, tức là Đạo. Đạo ấy mới sanh Thái Cực, hóa Lưỡng Nghi; Lưỡng Nghi là âm với dương (động với tịnh); Có âm dương rồi mới hóa sanh muôn vật.

Ngọn đèn các con thờ chính giữa đó là giả mượn làm Tâm đăng. Phật Tiên truyền Đạo cũng do đó, các con thành Đạo cũng tại đó. Nó ngay chính giữa, không lay động, xao xuyến, chiếu soi khắp cả càn khôn. Mặt nhựt, mặt nguyệt có lúc sáng, hồi tối chớ nó thì giờ khắc nào cũng tỏ rạng, không lu mờ. Nhơn vật nhờ đó mà sanh, nhờ đó mà thành, nhờ đó mà an vui; Trời Đất nhờ đó mà quang minh trường cửu; người tu hành nhờ đó mà tạo Phật tác Tiên, siêu phàm nhập thánh.

[Ngọn đèn này] Hễ chinh qua bên tả thì thành tả đạo, xê qua hữu thì lại bàng môn, ngay ở giữa là chánh đạo. Các con nên tường Lý ấy. Lý ấy ở trong Tâm. Tâm an tịnh vô vi, tự nhiên bất động là chánh đạo. Tâm còn tính mưu thần chước quỷ, độc ác hiểm sâu, ấy là bàng môn, tả đạo chớ chi các con."[30]

Như vậy, Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất chính là nguyên lý hình thành nên Tâm của con người. Sự định danh bằng bốn tên gọi khác nhau đối với cùng một ngọn đèn Thái Cực – Vô Cực đăng, Thái Cực đăng, Nhiên đăng và Tâm đăng – đã nói lên điều này. Bởi đó, trên thực tế, trở về với Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất không phải là một điều tưởng tượng, mà chính là tìm lại cái *"Tâm an tịnh vô vi, tự nhiên bất động"* của mình. Ta hãy xem một đoạn thánh ngôn khác của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, cũng về ánh sáng của ngọn Nhiên đăng trong vũ trụ và trong con người:

---

[29] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 21-09 Kỷ Dậu (01-11-1969).

[30] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 28-08 Bính Tý (13-10-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Đại Đạo Phục Hưng – Cao Đài Xuất Thế – Cách Thức Thờ Phượng", tr.434.

"Nhiên đăng là gì, nếu không phải là ngọn đèn lưu ly sáng tỏ không ngừng, không dứt, từ cổ chí kim, từ thượng thiên đến hạ địa, từ tam thập lục thiên, tam thiên thế giái, từ thất thập nhị địa, tứ đại bộ châu, từ hàng giáo chủ đến hàng nhơn sanh tín hữu?

Nhiên đăng có thể gọi là đèn Thái Cực. Chư đạo hữu hãy nhìn lên chánh điện: ngọn đèn lưu ly Thái Cực ngày đêm, năm tháng, giờ khắc nào cũng phải được cháy luôn luôn. Nhiên đăng có thể gọi là ngôi Thái Cực, hoặc đèn Thái Cực, soi sáng đem lại sự ấm áp cho vũ trụ trước khi phân định âm dương và tạo thiên lập địa. ***Nhiên đăng*** *có thể gọi là* ***linh hồn của vũ trụ****.*

Con người đã mang nhục thể, tứ đại cấu hợp, đương nhiên phải chịu màn bao bọc của cõi hồng trần. Màn ấy cũng có thể gọi là màn vô minh. Chính bức màn vô minh ấy cũng che án ngọn Nhiên đăng nơi nội tâm của mỗi con người. Vì vô minh mà con người để sa ngã, dễ bị quyến rũ, để đọa lạc, để gây tội lỗi trở thành nghiệp chướng oan khiên.

Đối với con người thì hai tiếng "Nhiên đăng" có thể gọi là "Tâm đăng". Tâm đăng luôn luôn bất diệt nơi trung tâm điểm của mỗi con người. Người nào đại căn đại kiếp, sớm dứt nghiệp chướng tiền khiên, sớm giác ngộ, lo tu thân lập hạnh, tạo âm chất, gầy dựng phước đức, đem Đạo giúp đời, thì bức màn vô minh ấy càng sớm mỏng lần. Hễ màn vô minh được mỏng, ngọn Tâm đăng hiện lần lần ra. Hễ ngọn Tâm đăng càng hiện lần lần sáng tỏ chừng nào thì con người ấy sẽ được và đang được trở thành một người thuần hậu, thuần lương, từ tướng đi cách đứng, khi nói lúc làm, luôn luôn tác phong người ấy rất nghiêm chỉnh phúc hậu đoan trang, dễ gây sự thiện cảm kính mến với tất cả mọi người chung quanh, một lời người ấy nói ra sẽ đem lại sự thành công nên việc, an ủi và hạnh phúc cho kẻ khác."[31]

Cho đến đây, chúng ta đã đi qua ba phương diện của khái niệm Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất: khởi điểm và đích điểm của vạn loại, Thượng Đế, và Tâm của Trời Đất. Sơ đồ ở hình 25 trình bày ba phương diện này như là ba cấu tử của một hệ thống, hệ thống ấy chính là khái niệm Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất. Các mũi tên hai đầu trong sơ đồ biểu diễn sự đồng nhất giữa từng cặp phương diện một, nhằm nói rằng cả ba phương diện ấy thật sự chỉ là một. Thượng Đế chính là Tâm của Trời Đất, mà cũng là khởi điểm và đích điểm của vạn loại. Con người, bằng sự chân thành của mình, chỉ cần đạt được bất cứ một phương diện nào trong số đó, sẽ đạt được cả ba phương diện; ví dụ, người nào đã thành khẩn tìm đến Đấng Tối Cao thì sớm muộn gì cũng tìm thấy Tâm của Trời Đất trong lòng mình, cũng như người nào đã quyết chí tìm về Tâm của Trời Đất trong lòng mình thì trước sau gì cũng gặp được Đấng Tối Cao.

[31] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 21-09 Kỷ Dậu (01-11-1969).

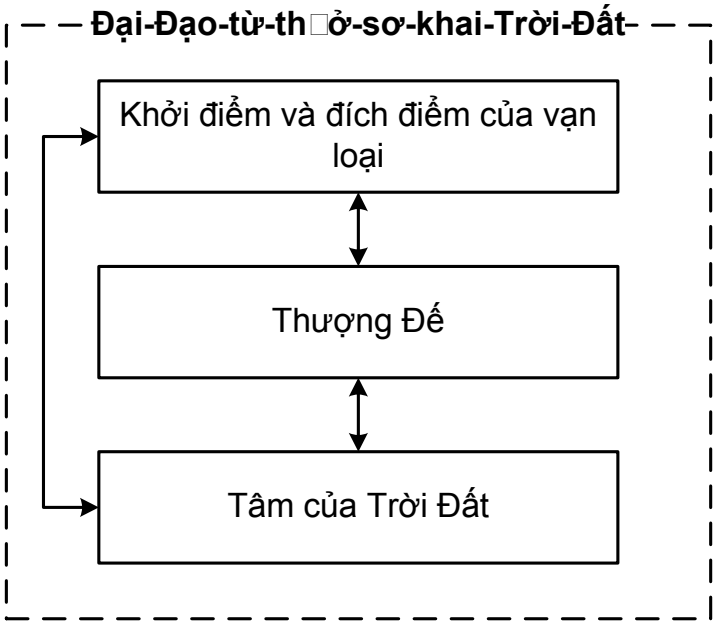

HÌNH 25. BA PH□□NG DI□N C□A □□I-□□O-T□-THU□-S□-KHAI-TR□I-□□T.

Thế thì, tuy Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất là một khái niệm mà thoạt nghe có vẻ rất siêu hình, nhưng khái niệm này lại liên hệ trực tiếp đến mục đích cuối cùng của các tôn giáo. Việc hiểu đúng về khái niệm này sẽ giúp nhân loại thấy rằng mọi tôn giáo đều có cùng chung một mục đích cuối cùng. Thật vậy, tuy mục đích cuối cùng của các tôn giáo có vẻ khác biệt nhau – có tôn giáo dẫn con người đi lên Thiên Đàng để gặp Thiên Chúa, có tôn giáo lại dẫn con người trở lại với chính bản thân con người để gặp Chơn Tâm – nhưng thật sự chẳng có gì đáng gọi là khác biệt cả, bởi vì đó chẳng qua chỉ là những phương diện khác nhau của Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất. Do đó, **Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất chính là khởi nguyên duy nhất mà cũng là mục đích duy nhất mà mỗi tôn giáo đều muốn dẫn dắt nhân loại trở về**.

3. ĐẠI ĐẠO TRONG CON NGƯỜI

Mức độ kế tiếp của Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo, kể từ khi con người xuất hiện trên địa cầu này, là Đại-Đạo-trong-con-người.

Khi con người chưa xuất hiện trong Trời Đất, thì Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất là Thượng Đế, là Tâm của Trời Đất, là nguyên lý (Lý) của vũ trụ và là sự sống (Khí) của vạn vật. Sự xuất hiện của con người trong Trời Đất không chỉ là một thành quả tạo hóa của Thượng Đế, mà còn là một kết quả tiến hóa của vạn linh. Đó là một sự phát huy, một sự triển khai Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất một cách đồng bộ và điều hòa của cả Thượng Đế lẫn vạn loại: con người là kết quả tiến hóa của vạn vật nếu xét về hình thể, nhưng đồng thời, cũng là một kết quả tạo hóa của Thượng Đế nếu xét về tâm linh; nói khác đi, vạn vật tạo ra phần xác còn Thượng Đế tạo ra phần hồn của con người. Nhờ

đó, mà khi bắt đầu có con người trên địa giới này, thì nơi con người, Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất cũng trở thành Đại-Đạo-trong-con-người.

Xét trong mối liên hệ với Tam Giáo Đạo, Đại-Đạo-trong-con-người bao gồm ba phương diện, như được biểu diễn trong sơ đồ ở hình 26. Theo sơ đồ này:

- Phương diện thứ nhất, Đại-Đạo-trong-con-người là ***giác tánh hồn nhiên*** của con người, tức là bản linh chơn tánh của mỗi con người, mà dưới sự điều khiển của nó, con người luôn luôn hành xử đúng đạo lý của Trời Đất và do đó chưa biết đến thiện và ác;
- Phương diện thứ hai, Đại-Đạo-trong-con-người là ***tánh bổn thiện*** của con người, tức là bản tánh tiên thiên vốn có lúc sơ sinh của mỗi con người, mà nếu so sánh với những tánh tình hậu thiên của con người về sau này thì bản tánh ấy là chí thiện;
- Phương diện thứ ba, Đại-Đạo-trong-con-người là ***tâm không*** của con người, tức là cái quyền năng cho phép con người tự chủ sử lấy mình dựa vào đạo lý của Trời Đất chứ không không dựa vào những *"khôn ngoan vụn vặt"*[32].

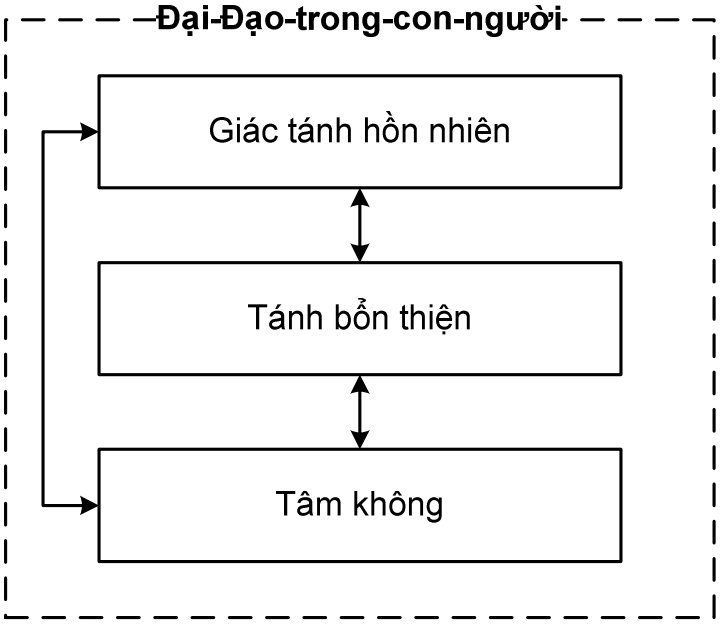

HÌNH 26. □□I-□□O-TRONG-CON-NG□□I

Do Đại-Đạo-trong-con-người vốn là Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất, nên ba phương diện này của Đại-Đạo-trong-con-người có những mối liên hệ mật thiết với các phương diện đã được đề cập ở phần trên của Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất. Chúng ta có thể thấy được những mối liên hệ như vậy khi đi vào từng phương diện.

[32] Đức Hà Tiên Cô; Bát Nhã Tịnh Đường, 20-02 Nhâm Tý (03-04-1972).

3.1. Giác tánh hồn nhiên

"Giác tánh hồn nhiên" (của con người) là một khái niệm được dùng để chỉ **khả năng nhận thức tiên nghiệm** mà bất cứ cá nhân nào cũng có; khả năng nhận thức tiên nghiệm này là một **khả năng thông đạt chân lý bằng trực giác**, và đây là một khả năng do thiên phú chứ không phải do kinh nghiệm hay do học hỏi mà có.

Giác tánh hồn nhiên hiện hữu một cách tiên thiên từ *lúc ban sơ* của con người. Xin chú ý rằng trong quyển sách này, chúng tôi sẽ thường xuyên đề cập đến "lúc ban sơ" theo hai nghĩa: [1] thời nguyên thủy của loài người, nghĩa là thời mà loài người vừa mới xuất hiện trên trái đất; [2] thuở sơ sinh của một cá nhân, nghĩa là khi mà cá nhân ấy vừa mới chào đời.

Ngay từ lúc ban sơ, con người đã mang sẵn Đại Đạo trong *giác tánh hồn nhiên* của chính mình. Đức Quan Âm Bồ Tát đã dạy:

"Từ thuở mới đến hồng trần, con người đã mang cái Đạo vào đời để hoạt bát linh động trong cuộc sống của kiếp vi nhơn. Những giác tánh hồn nhiên tự thuở vẫn có ở mỗi con người."[33]

Theo đoạn thánh giáo trên đây, những giác tánh hồn nhiên mà mỗi con người đều được phú bẩm cũng chính là Đạo trong bản thân của mỗi con người. Nhờ cái Đạo này, con người mới có được trí khôn mà tạo ra sự "hoạt bát linh động" trong đời sống của mình. Trí khôn này không xuất hiện ở những loài khác, nhưng lại xuất hiện một cách phổ biến ở loài người, nơi mọi cá nhân; và một cách tự nhiên, mỗi con người dù có kém cỏi đến đâu về trí tuệ cũng đều tinh khôn hơn con vật. Tính tự nhiên của sự thông minh (so với vạn vật) ở loài người là một biểu hiện của tính hồn nhiên của giác tánh.

Sự hồn nhiên trong giác tánh ban sơ của con người bắt nguồn từ sự hồn nhiên nguyên thủy của Trời Đất. Sự hồn nhiên nguyên thủy này vốn là Đại Đạo Tiên Thiên, khi Thái Cực còn chưa phân âm dương. Đức Thánh Trần đã nói:

"Thái Cực chưa phân âm dương là một khối hồn nhiên. Gọi là Đạo, là Như, là Đơn, là Tâm cũng được."[34]

Và Đức Kim Nhàn Ngọc Nữ đã dạy:

"Đạo là một đường sâu nẻo rộng,
Đạo là chung lẽ sống vô biên;
Đạo là Nhứt Khí Tiên Thiên,
Đạo là nguyên thủy ***hồn nhiên*** *Đất Trời."*[35]

Về sự hồn nhiên nguyên thủy này, Đức Di Lạc Thiên Tôn giải thích thêm:

---

[33] Đức Quan Âm Bồ Tát; Chơn Lý Đàn, Tuất thời, 01-04 nhuần Giáp Dần (22-05-1974).
[34] Đức Trần Hưng Đạo Đại Thánh; Bát Nhã Tịnh Đường, Tuất thời, 12-12 Tân Hợi (27-01-1971).
[35] Đức Kim Nhàn Ngọc Nữ; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 15-08 Quý Mão (01-10-1963).

"Vạn vật trong vũ trụ đều do Nhứt Khí Tiên Thiên hòa hợp âm dương mà hóa sanh. Trong chỗ hóa sanh, vạn vật lại được [nuôi] dưỡng bằng Hồn Nhiên Hư Vô Chi Khí để tiến hóa từng lớp trong vũ trụ. Hồn Nhiên Hư Vô Chi Khí tức là Đạo."[36]

Do đó, Đức Bát Nhã Thiền Sư đã nói:

"Đạo là sự sống, sự sống hồn nhiên, đầy tràn vũ trụ."[37]

Đối với mọi vật trong vũ trụ, sự hồn nhiên nguyên thủy của Trời Đất là lẽ sống. Do đó, đối với con người, sự hồn nhiên của giác tánh cũng là nguyên lý của sự sinh tồn. Khi mới xuất hiện trên địa cầu, con người hãy còn là một sinh vật yếu đuối, chưa có đủ sức mạnh vật chất để tự vệ trước những loài thú dữ, cũng như để tồn tại trong những môi trường sống khắc nghiệt lúc bấy giờ. Vậy mà nhân loại vẫn sinh tồn được trong thế giới của vạn vật cho đến ngày nay. Trong khoảng thời gian dài đến hàng triệu năm, con người đã nhờ đâu mà đạt được khả năng sự sinh tồn này? Chính là nhờ khả năng tự bảo vệ một cách huyền diệu của giác tánh hồn nhiên mà Tạo Hóa đã phú bẩm nơi con người. Điều này đã được mô tả trong thánh giáo Cao Đài như sau:

"Tánh mà được hồn nhiên bình thản,
Tâm lần hồi bực sáng minh linh;
Phát điển quang bao phủ quanh mình,
Làm cái vỏ vô hình bảo vệ."[38]

Vì giác tánh hồn nhiên này là Đại Đạo sơ khai trong con người, nên trong những thời kỳ về sau, khi các tôn giáo xuất hiện trên địa cầu, thì chánh pháp của các tôn giáo đều nhắm đến chỗ khôi phục giác tánh hồn nhiên mà con người vốn đã có từ thuở ban sơ. Điều này đã được Đức Quan Âm Bồ Tát tổng kết thành một nguyên tắc:

"Muốn tìm chánh đạo? Không xa:
Rèn tâm luyện tánh ôn hòa hồn nhiên."[39]

Nguyên tắc đó, ngày nay, đã được vận dụng trong tân pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mà đoạn thánh ngôn sau đây của Đức Ngọc Lịch Đại Tiên là một minh chứng:

"Ở đời, muốn tìm ngọc phải dày sành đạp sỏi, muốn tìm vàng phải chịu nỗi phong ba, muốn cho thoát được cõi trần la thì phải vận hết tâm tánh hồn nhiên của Tạo Hóa thì mới mong thấy vàng ròng ngọc tốt, mới mong tìm được cảnh tự tại thung dung."[40]

3.2. Tính bổn thiện

Cũng giống như những trạng thái thanh tịnh của Thái Cực khi chưa phân âm dương, những giác tánh hồn nhiên của con người thuở ban sơ chưa biết đến thiện ác. Và theo lời dạy của Đức Thánh Trần, đó chính là Chơn Như của con người:

---

[36] Đức Di Lạc Thiên Tôn; Hưng An Tự, Ngọ thời, 08-04 Giáp Thìn (19-05-1964).
[37] Đức Bát Nhã Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, 29-10 Bính Thìn (19-12-1976).
[38] Đức Thiên La Đạo Nhơn; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 01-01 Giáp Dần (23-01-1974).
[39] Đức Quan Âm Bồ Tát; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 03-09 Giáp Dần (17-10-1974).
[40] Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 01-04 Nhâm Dần (03-05-1962).

"Thái Cực chưa phân âm dương là một khối hồn nhiên. Gọi là Đạo, là Như, là Đơn, là Tâm cũng được."[41]

Chơn Như ấy là Tánh Tiên Thiên của con người. Mặc dù nói tánh ấy là "hồn nhiên, vô thiện ác" như trong đoạn thánh giáo dưới đây, nhưng so với phàm tâm tục tánh của nhân loại ở những thời kỳ về sau này thì Tánh ấy là "chí thiện":

"Tánh là hồn nhiên vô thiện ác, mà hồn nhiên vô thiện ác là chí thiện, đồng thể với Thiên Lý, Đạo Trời."[42]

Trong đoạn thánh giáo này, luận lý học của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được vận dụng khi nói rằng "hồn nhiên vô thiện ác là chí thiện": không thiện không ác chính là thiện. Lúc ban sơ, tâm hồn con người chưa biết đến cả điều thiện lẫn điều ác, nên con người lúc ấy là hết sức thánh thiện. Vì vậy, trong Nho giáo mới có câu "Con người lúc ban sơ vốn mang một bản chất hiền lành" (人之初性本善 Nhân chi sơ, tánh bổn thiện). Đó là khái niệm "tánh (tính) bổn (bản) thiện".

Không chỉ riêng trong Nho giáo, khái niệm "tính bổn thiện" cũng hiện diện trong giáo lý của nhiều tôn giáo dưới nhiều hình thức ngôn ngữ khác nhau. Ví dụ, trong kinh thánh của Do Thái giáo và Ky Tô giáo, Đức Chúa Trời khi tạo ra loài người, đem loài người vào vườn Ê-đen, đã dạy loài người rằng không được biết đến cả điều thiện lẫn điều ác:

> "Giê-hô-va Đức Chúa Trời đem người ở vào cảnh vườn Ê-đen để trồng và giữ vườn. Rồi, Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán dạy rằng: Ngươi được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn; nhưng về cây biết điều thiện và điều ác thì chớ hề ăn đến; vì một mai ngươi ăn, chắc sẽ chết."[43]

Theo cách giải thích bên trên của giáo lý Đại Đạo (không thiện không ác tức là chí thiện), bất cứ tôn giáo nào mà trong giáo lý của mình có những lời dạy về trạng thái chưa biết đến cả điều thiện lẫn điều ác của tâm hồn con người, tôn giáo đó đều có khái niệm về tính bổn thiện.

Khái niệm này được Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ kế thừa và phát huy. Theo giáo lý Đại Đạo, tính bổn thiện là yếu tố tạo nên khả năng hiệp nhất với Trời của con người:

*"Trời có đức háo sanh, **Người có tính bổn thiện**. Do đó mới có thể kết hợp lại một giữa Trời và Người."*[44]

Vì sao nhờ tính bổn thiện mà Người với Trời có thể kết hợp lại làm một? Vì tính bổn thiện là Đạo Trời hay Đại Đạo trong con người, nên đó là yếu tố tương đồng giữa Trời và Người. Muốn kết hợp với Trời, con người phải biết triển khai sự tương đồng này trong Chơn Như Bản Thể của mình. Kinh "Đạo Học Chỉ Nam" nói:

---

[41] Đức Trần Hưng Đạo Đại Thánh; Bát Nhã Tịnh Đường, Tuất thời, 12-12 Tân Hợi (27-01-1971).
[42] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 3, tiết 3, mục 2.
[43] Cựu Ước, "Sáng Thế Ký", 2:15-17.
[44] Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hợi thời, 13-05 Tân Dậu (14-06-1981).

"Chỗ tương hiệp, Trời, Ta, có một,
Lối giao thông, Tiên, tục, không hai;
Chơn Như soi sáng thân này,
Đó là Đại Đạo trong ngoài trần gian."[1]

Con người thời nguyên thủy hãy còn hồn nhiên thánh thiện, biết sống bằng nguồn sống của nội tâm; bởi đó mà trong tâm hồn mỗi con người thời ấy, *"Đạo tự nhiên sinh, Đức tự nhiên súc"*, như lời dạy dưới đây của Đức Lý Giáo Tông:

"Cái thánh thiện của con người không riêng cho ai mà ai cũng có, nên sự tương hệ tương quan như một mạng lưới vô hình đang trùm khắp, như nguồn nước từ trên chảy xuống rưới chan, như không khí một bầu hít thở dưỡng nuôi, lại cùng một mảnh hình hài không sai không khác. Đó là Đạo tự nhiên sinh, Đức tự nhiên súc."[2]

Vì cái thánh thiện do thiên phú ấy tạo thành một mạng lưới vô hình, liên kết giữa con người và con người để tạo thành xã hội, nên có khả năng bảo tồn nhân loại. Sự bảo tồn ấy do *"Đạo tự nhiên sinh, Đức tự nhiên súc"* mà có, nên nó bền vững trước mọi mối đe dọa ngoại tại. Điều này mang đến một lời giải thích tường minh, rằng tại sao ở giai đoạn sơ khai này, con người sống với Đại Đạo trong bản linh chơn tánh của mình mà chưa cần đến sự giáo hóa của bất kỳ một tôn giáo nào.

Tính bổn thiện thuở ban sơ ấy là một vốn liếng tự hữu mà Tạo Hóa đã ban cho con người trên đường tiến hóa, và mọi con người trên thế gian này trong bản chất đều cùng hiền lành như nhau. Nhưng, như Đức Khổng Tử đã nói: "Tánh tương cận giã, tập tương viễn giã" (子曰性相近也習相遠也)[3], khi tiếp xúc với xã hội, mỗi con người sẽ bị tác động bởi những gì mà mình tiếp xúc, nên dần dần con người trở nên khác biệt nhau. Và xét cho cùng, không một tác nhân ngoại tại nào có thể làm cho vốn liếng tự hữu ấy mất đi nếu không có sự thỏa hiệp của chính bản thân mỗi con người trong tư cách chủ nhân của vốn liếng ấy. Thế mà, trong những thời kỳ về sau này, chính con người lại làm hao hụt dần dần vốn liếng quý báu ấy của mình. Cho nên, đến thời hạ nguơn mạt kiếp này, khi nhắc đến cái vốn liếng tự hữu mà con người đã có từ thời nguyên thủy, các Đấng Thiêng Liêng đã dạy:

"Nhơn chi sơ tánh bổn thiện. Mỗi động tác thuở [ban sơ] ấy đều sống theo Lẽ Đạo. Nếu cứ giữ cái gốc lành ấy mà đơm hoa kết quả thì vấn đề con người không có gì phải nhọc tâm bàn đến. (…) Nhưng đã lỡ rồi, con thuyền đã tách bến khởi nguyên, khách đã ngủ say mộng ảo chất chồng từ lịch kiếp. Khi bừng tỉnh thì thuyền phiêu bạt ở ngàn khơi. Mọi bạo lực hùng hậu của sóng trào biển tục, mọi áp đảo của nắng cháy mưa chan, nỗi ray rứt tâm tư bởi thất tình lục dục đã kết cấu nghiệp lực trái oan, đã làm khách hãi

[1] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 4, tiết 2, mục 1.
[2] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 25-02 Kỷ Mùi (22-03-1979).
[3] *Luaän Ngöõ*, tr.268.

hùng kinh cụ. Phải làm sao? Phải tính sao? Vốn liếng tự hữu hãy còn, dầu ít oi cũng phải đem ra tự vệ, tìm ngọn hải đăng mà quay về bến khởi."[1]

Vốn liếng tự hữu ấy là tính bổn thiện, và ngọn hải đăng ấy chính là ánh sáng của chánh đạo. Trong thời hạ nguơn mạt kiếp, muốn khôi phục và phát huy được tính bổn thiện, con người phải nương theo ánh sáng của chánh đạo. Nhờ được dìu dắt trong chánh đạo, con người mới biết cách vượt qua những nghiệp chướng, làm sống lại tính bổn thiện trong bản thân và trở về với Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất.

3.3. Tâm Không

Xét về khả năng tự chủ sử lấy mình của con người, thì những giác tánh hồn nhiên hay bản tính thánh thiện nơi con người sơ khai chính là Tâm Không. Chữ "Tâm Không" ở đây được hiểu là *sự vô tâm* theo nghĩa như được trình bày trong lời dạy sau đây của Đức Bát Nhã Thiền Sư:

"Phải vô tâm, vô tâm tức tâm không: không thương, không ghét, không tình, không quên, không nhớ, không tư, không vị. Đạo vốn là không, mới bao trùm hoàn vũ. Đạo có không, muôn loài mới được sinh tồn vì trong không nó có cơ mầu nhiệm chuyển xây."[2]

Cái tâm *"*không quên, không nhớ, không tư, không vị*"* là cái tâm của con người thời nguyên thủy. Để hiểu tại sao người nguyên thủy có thể đạt được cái tâm "vô tâm", ta hãy phân tích lời dạy của Đức Hà Tiên Cô:

"Muốn đạt lấy con tâm kia, phải buông xả hết mọi trần duyên, gạt bỏ những sự khôn ngoan vụn vặt, không tin lý trí, không ỷ lại chủ quan, (…) ăn không cầu ngon, mặc không cầu đẹp, ở không cầu sang, làm không để vết tích, hằng lo ngăn chận mọi tập nhiễm bất chánh ở trong tiềm thức, không cho vọng loạn nổi lên (…)"[3]

Để phân tích lời dạy trên đây, chúng tôi sử dụng những dữ liệu từ lời dạy của Đức Vô Cực Từ Tôn:

"Từ thuở tạo thiên lập địa, Bàn Cổ sơ khai, thì các con còn là ***Bổn Tánh Chơn Như****,* ***chất phác hiền lương****, sống lẫn lộn thú cầm, chỉ biết đói ăn khát uống."*[4]

Con người thời nguyên thủy vốn chất phác hồn nhiên nên không có *"*sự khôn ngoan vụn vặt*"*. Lý trí của con người thời bấy giờ chưa phát triển nên đương nhiên họ *"*không tin lý trí*"*. Xét về nhu cầu vật chất, con người nguyên thủy chỉ biết ăn khi đói, uống khi khát, ở lẫn lộn với muông thú, chưa biết tạo ra áo quần che thân; do đó, những điều kiện *"*ăn không cầu ngon, mặc không cầu đẹp, ở không cầu sang*"* mà Đức Hà Tiên Cô nêu ra vốn đã hiện hữu ở người nguyên thủy một cách tự nhiên. Cuối cùng, do sự mạc khải của Đức Vô Cực Từ Tôn, người nguyên thủy sống bằng Bổn Tánh Chơn Như, nên không thể có *"*bất chánh ở trong tiềm thức*"*.

---

[1] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-02 Tân Dậu (20-03-1981).
[2] Đức Bát Nhã Thiền Sư; Bát Nhã Thiền Đường (Long Hải), Tuất thời, 12-05 Giáp Dần (01-07-1974).
[3] Đức Hà Tiên Cô; Bát Nhã Tịnh Đường, 20-02 Nhâm Tý (03-04-1972).
[4] Đức Vô Cực Từ Tôn; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 01-01 Quý Mão (24-01-1963).

Do đó, ở người nguyên thủy, cái Tâm vốn là Không, giống như Tâm của Trời Đất (Thiên Địa chi Tâm). Lý do đơn giản là tâm hồn của con người nguyên thủy chưa bị tác động bởi bất kỳ một ảnh hưởng nào của ngoại cảnh. Đây chính là trạng thái mà sau này tân pháp Đại Đạo bảo rằng "tâm là tâm, cảnh là cảnh", như chúng ta có thể thấy được qua lời dạy của Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn:

"Tâm là tâm, cảnh là cảnh, mới thiệt là Thiên Địa chi Tâm."[1]

Trạng thái Không của Tâm này ở người nguyên thủy chính là tâm vô ngại, mà Đức Quan Âm Bồ Tát đã giảng giải như sau:

"Tâm vô ngại ấy không phải phó mặc cho cuộc đời lôi kéo hay phó mặc cho định mệnh vần xoay, mà tâm vô ngại là tâm minh linh quán xét, biết tất cả mà không biết, không để tâm bị vướng mắc bởi những hạt mưa rơi lạnh lùng thân xác, cũng không bị vướng mắc bởi ánh nắng cháy da. Vô ngại mà hoàn hảo, vì những phương tiện không bắt buộc tâm phải ôm chầm lấy nó, nên không cố định, cố danh vào một thời gian hay giai đoạn nào."[2]

Một lần nữa, ta có thể kiểm nghiệm để thấy rằng: trạng thái của Tâm như được mô tả trên đây là trạng trái của Tâm ở con người khi mới xuất hiện trên địa cầu. Con người thời ấy "không để tâm bị vướng mắc bởi những hạt mưa rơi lạnh lùng thân xác, cũng không bị vướng mắc bởi ánh nắng cháy da." Tại sao chúng ta biết được điều đó? Những dữ kiện nhân chủng học nói với chúng ta biết rằng: con người thời đó chưa biết tạo ra bất kỳ một phương tiện vật chất nào để che chở mình trước thời tiết, từ áo quần đến nhà cửa. Họ cũng chưa biết tạo ra lửa để sưởi ấm ban đêm. Nếu tâm của con người thời đó bị vướng mắc bởi nắng mưa, thì thân con người không thể có đủ khả năng chống đỡ trước thiên nhiên. Nhưng vì khả năng chống đỡ của con người đối với những tác động khắc nghiệt của môi trường sống thời bấy giờ chưa thể xuất phát từ bất kỳ một tiện nghi vật chất nào, nên nó chắc chắn phải xuất phát từ những sức mạnh của tinh thần. Và sự sinh tồn của nhân loại cho đến ngày nay cho thấy rằng sức mạnh tinh thần ấy phải là một sức mạnh đã từng có thật để thật sự bảo vệ cho nhân loại.

Cho đến đây, chúng ta đã đi qua ba phương diện của Đại-Đạo-trong-con-người: giác tánh hồn nhiên, tính bản thiện, và tâm không của con người. Qua những gì đã được trình bày ở từng phương diện, có thể thấy rằng cả ba phương diện ấy thật sự cũng chỉ là một. Hơn nữa, chỉ cần đạt được bất cứ một phương diện nào trong số đó, người ta cũng sẽ đạt được cả ba phương diện.

Khi các tôn giáo đưa ra những cách thức và chủ trương cụ thể để giáo hóa nhân loại, chúng ta thấy những cách thức và chủ trương này dường như rất khác biệt nhau ở những tôn giáo khác nhau. Hãy xét ba tôn giáo Á Đông. Thích giáo (Phật giáo) dạy con người phải sống bằng **tâm không**. Lão giáo dạy sống theo bản tính tự nhiên, tức là **giác tánh hồn nhiên** của con người. Khổng giáo dạy sống theo ***tính bản thiện***. Ba cách thức và chủ

[1] Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn; Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ thời, 15-03 Bính Thìn (14-04-1976).
[2] Đức Quan Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-07 Đinh Tỵ (29-08-1977).

trương giáo hóa này khác biệt nhau như thế nào? Thật sự, ngoài sự khác biệt về từ ngữ, thì chẳng có gì khác biệt về nội dung bên trong cả. Chúng ta có thể thấy được điều này qua cách dụng ngữ của Đức Thượng Đế trong đoạn thánh giáo sau đây:

"Khi Thầy tạo quả càn khôn này có nhân loại, thì Thầy đã ban cho đạo lý vào nơi tâm lành."[1]

Chữ "tâm lành" ở đây là "tâm không", là "tánh bổn thiện", mà cũng là "giác tánh hồn nhiên". Đó chỉ là ba phương diện của cùng một thực thể, là Đại-Đạo-trong-con-người, mà thôi.

4. ĐẠI ĐẠO THỜI THƯỢNG CỔ

Đại-Đạo-trong-con-người là nền tảng cho Đại-Đạo-trong-xã-hội, một mức độ biểu hiện tiếp theo của Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo. Vì chúng ta đang xét đến những xã hội sơ khai, nên Đại Đạo ở mức độ biểu hiện này có thể được gọi là Đại-Đạo-thời-thượng-cổ, mượn cách dùng từ của Đức Đông Phương Chưởng Quản trong lời dạy sau đây:

"Đại Đạo vốn trước, từ thượng cổ,
Nhứt khí thiên, hóa độ tam nguơn."[2]

Phần trước đã đề cập đến Đại Đạo bên trong con người vào thời kỳ mà trên mặt địa cầu mới chỉ xuất hiện rải rác những cá thể người đầu tiên ở những vùng đất khác nhau; qua đó, ta có thể hiểu được Đại Đạo nội tại nơi từng cá thể người, như là một sự phát huy Đại Đạo của Trời Đất. Rồi theo thời gian, khi số lượng cá thể người ở các vùng đất này dần dần tăng lên, con người ở những vùng đất ấy cũng dần dần kết hợp lại với nhau thành tập thể. Ban đầu, những cá thể người kết hợp lại thành những bầy (đàn) người, rồi từng bước – trong vòng vài trăm ngàn năm sau đó – những bầy (đàn) người kết hợp lại thành những thị tộc.

Khi nói đến thời thượng cổ, giáo lý Đại Đạo muốn đề cập đến thời kỳ mà con người đã biết sống với nhau thành xã hội, chứ không còn là những cá thể rời rạc nữa.

Ở mức độ xã hội, Đại Đạo là nhân bản, nghĩa là "tinh thần để kiến tạo, bảo tồn và phát triển đời sống của cộng đồng, bằng cách hòa hợp các cá nhân và các thế hệ với nhau trong một tình thương yêu chân thành"[3] hay là "tinh thần vong kỷ, vô ngã, xả thân vì tình thương đối với cộng đồng xã hội."[4] Vào thời thượng cổ, khi mà các xã hội còn trong tình trạng phôi thai, tinh thần đó chắc chắn phải mạnh đến mức nó đủ sức đề kháng trước mọi tác động có thể tan rã xã hội. Và khi mà con người hầu như chỉ có hai bàn tay trắng khi đứng trước thế giới tự nhiên, nhân bản tất phải là sức mạnh chủ lực để duy trì sự tồn tại

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (Q.1) , tr.101.
[2] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Thiên Lý Đàn, Tý thời, 16-03 Giáp Thìn (26-04-1964).
[3] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*, "Nhân Bản", tr.215.
[4] Ibid., tr.218.

của xã hội. Do đó, khi nói đến Đại-Đạo-thời-thượng-cổ tức là nói đến nhân bản trong các xã hội nhân sinh.

Hiểu được Đại-Đạo-thời-thượng-cổ là bước quan trọng thứ ba – sau khi hiểu về Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-của-Trời-Đất và Đại-Đạo-trong-con-người – để có thể hiểu được ý nghĩa đạo lý của bán trình *"Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo"*. Xét trong toàn bộ quá trình *"Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo"*, thì bán trình vừa nêu về thực chất là một tiến trình khôi phục lại Đại-Đạo-thời-thượng-cổ, như lời Đức Thượng Đế đã dạy:

"Tam Giáo Đạo là do chơn linh của Thượng Đế giáng trần, lập nên danh từ, hình thức để dẫn dắt nhơn sanh. Sự bày phô khác nhau là chìu theo trình độ và lý trí của mỗi dân tộc hầu hướng dẫn cho nhơn loại được trở về ***lẽ hồn nhiên của thời thượng cổ****."*[1]

Việc khôi phục lại Đại-Đạo-thời-thượng-cổ còn được gọi là "phản cổ". Kinh "Đạo Nguyên Chánh Nghĩa" viết:

"Đã trải qua hai thời kỳ khai đạo, bao nhiêu văn từ kinh điển đến nay đã theo thời gian mà trôi mất, chỉ còn lại những giả pháp hề hà, làm phương nuôi sống của người vô nghệ học; còn chánh pháp lại phải ở sau tấm màn vô minh đang che lấp nhân loại.

Qua đến thời kỳ thứ ba, là một thời kỳ đứng vào nguơn ***phản cổ****, bao nhiêu hiện tượng tàn khốc của nhân loại đều biểu diễn giữa cảnh tang thương biến đổi. Các đấng Thiêng Liêng vì xót nhân loại, không nỡ ngồi yên, nên công đồng thỉnh sắc Ngọc Đế, biến pháp dụng thần cơ diệu bút, nương lấy điển quang, để dẫn độ chúng sanh cho dễ tầm mau hiểu, và hoằng khai Đại Đạo, lập thời kỳ đại ân xá, để cứu bao nhiêu nhân loại trầm luân khổ hải."*[2]

Đức Đông Phương Chưởng Quản dạy rằng:

"Vì bởi Tam Nguơn ***phản cổ****, máy tuần huờn đã đủ vận số châu thiên, [nên] hội mười hai tuyển chọn thánh hiền, lập lại đời thượng nguơn thánh đức."*[3]

Đức Di Lạc Thiên Tôn, Đấng có sứ mạng thiết lập Đệ Tam Long Hoa đại hội, cũng đã dạy:

"Bần Tăng vâng ngọc sắc Thượng Đế, đến thế gian này thiết [Đệ] Tam Long Hoa hội trong tam kỳ phổ độ, là một cuộc ***phản cổ****, vạn thù quy nhất bổn, thì các Đấng Thần Thánh Tiên Phật cũng phải xương minh chánh pháp để tạo lập cõi dinh hoàn này trở lại đời thượng nguơn thánh đức, nhà nhà đều hưởng thú thanh bình, âu ca lạc nghiệp trong cảnh thiên đường tại thế."*[4]

Theo những lời dạy trên đây, xã hội nhân loại sau khi vận động qua đủ tam nguơn, thì phải "phản cổ". Nhưng "phản cổ" có nghĩa là quay về đâu? Phải chăng là quay trở lại đời

---

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Hườn Cung Đàn, 01-01 Nhâm Dần (04-02-1962).
[2] Đức Thái Thượng Đạo Tổ; *Đạo Nguyên Chánh Nghĩa*, "Chân lý, Huyền diệu", tr.15-16.
[3] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 15-12 Giáp Thìn (17-01-1965).
[4] Đức Di Lạc Thiên Tôn; Trúc Lâm Thiền Điện, Ngọ thời, 13-04 Đinh Mùi (21-05-1967).

sống hang động của các xã hội nguyên thủy? Chắc chắn là không phải. "Phản cổ" chính là phục hồi nhân bản, là quay về với "tinh thần vong kỷ, vô ngã, xả thân vì tình thương đối với cộng đồng xã hội."[1]

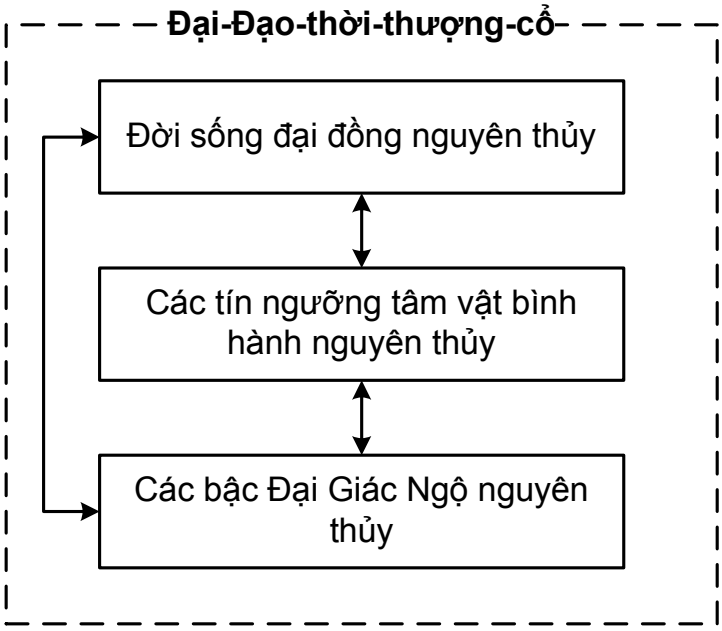

HÌNH 27. □□I-□□O-TH□I-TH□□NG-C□.

Để hiểu khái niệm "phản cổ" một cách cụ thể hơn, chúng ta hãy phác họa một bức tranh toàn cảnh về Đại-Đạo-thời-thượng-cổ bằng cách chú ý đến ba sự kiện quan trọng sau đây của xã hội nguyên thủy:

- Đời sống đại đồng nguyên thủy,
- Các tín ngưỡng tâm-vật bình hành nguyên thủy,
- Các bậc Đại Giác Ngộ nguyên thủy.

Bức phác họa tổng thể này được sơ đồ hóa như ở hình 27. Ba sự kiện này cũng là ba kỳ tích về tinh thần của xã hội nguyên thủy. Qua bức phác họa này, chúng ta sẽ thấy rằng sự "phản cổ" của xã hội hiện đại có nghĩa là tái lập cho được ba kỳ tích về tinh thần của xã hội nguyên thủy: thiết lập được đời sống đại đồng, đạt đến bình hành tâm-vật, và sản sinh ra những bậc Đại Giác Ngộ. Nếu xã hội hiện đại tái lập được những kỳ tích tinh thần này, thì với những tiến bộ đã đạt được về khoa học kỹ thuật, chúng ta sẽ còn chứng kiến những bước phát triển lớn lao hơn nữa của văn minh nhân loại.

[1] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*, "Nhân Bản", tr.218.

4.1. Đời sống đại đồng nguyên thủy

Qua sự mạc khải của thánh ngôn, thánh giáo Cao Đài, khi vừa mới xuất hiện trên địa cầu thì nhân loại là một giống loài hết sức thánh thiện giữa vạn vật. Ngay từ những buổi sơ khai của mình, con người đã biết hòa hiệp với nhau trong một đời sống đại đồng thân ái trên phương diện thế đạo, cũng như biết huyền đồng với thiên nhiên trên phương diện thiên đạo. Trong kinh "Đại Thừa Chơn Giáo", Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế có dạy:

"Khi mới tạo thiên lập địa, nhơn loại sanh ra, thì tính chất con người rất đỗi hồn hồn ngạc ngạc, còn đang ***thuần phát thiện lương****, nên chi cứ* ***thuận tùng thiên lý*** *mà* ***hòa hiệp dưới trên****,* ***tương thân tương ái****. Thời kỳ ấy,* ***người người đồng hấp thụ khí thiên nhiên****, nên hằng* ***cộng hưởng thanh nhàn khoái lạc*** *mà* ***vui say mùi đạo*** *tháng ngày. Bởi đó,* ***đời thượng cổ mới có danh là đời Thượng Đức****."*[1]

Qua đoạn thánh giáo này, Đức Thượng Đế cho chúng ta biết rằng đời sống nguyên thủy của nhân loại ở thời thượng cổ đã chứa đựng đầy đủ những yếu tố căn bản của một cõi đời thánh đức. Ngài cũng xác nhận rằng thời thượng cổ là thời Thượng Đức.

Khi Thượng Đế vừa tạo ra con người trên thế gian cũng chính là lúc Thượng Đế lập một chủ thể xã hội đại đồng. "Đạo Học Chỉ Nam" viết:

"Lập xã hội đại đồng chủ thể,
Sắp con người bốn bể năm châu,
Quát bao trong lý nhiệm mầu,
Phải đâu Tạo Hóa cơ cầu mà nên."[2]

Muốn lập nên xã hội đại đồng, trước hết phải lập được con người đại đồng. Thế nhưng, con người nguyên thủy có phải là con người đại đồng hay không? "Đạo Học Chỉ Nam" mô tả con người nguyên thủy khi vừa được sinh ra trên cõi thế ở những thời kỳ còn hoang sơ như sau:

"Đem tứ đại xây nền bảy thước,
Từ nhứt nguyên thẳng bước tam nguyên;
Nhẹ mang một túi Khôn Kiền,
Báu Trời Tam Ngũ, xuống miền trần gian.

Gươm thần huệ dọc ngang cõi tục,
Ánh Nhiên đăng vẹt ngút sương mù;
Tác nhân đã lắm công phu,
Giang sơn tô điểm, vạn thù định phân.

Do một gốc chí nhân, chí nghĩa,
Trổ muôn cành, tế thế an bang,

---

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế (xưng danh Cao Đài Bồ Tát); 18-09 Bính Tý (01-11-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.394.

[2] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 4, tiết 3, mục 2.

Cổ nhân thánh đức bủa tràn,
Tam nguyên chuyển hóa, đạo vàng hoát khai."[1]

Với những phẩm chất "chí nhân, chí nghĩa", lại phát huy được "ánh Nhiên đăng" và "gươm thần huệ" nội tại của mình, ta thấy rằng con người nguyên thủy có những ưu thế về tinh thần còn cao hơn cả con người của một xã hội đại đồng. Với những con người như vậy, việc hiện hữu của những xã hội đại đồng thời nguyên thủy là hoàn toàn có thể hiểu được.

Những thành tựu đạt được của nhân chủng học cho đến nay đã cung cấp cho chúng ta một bức tranh nào đó về sự tiến hóa hình thể và sự phát triển văn minh của nhân loại ở thời tiền sử. Tuy nhiên, hai yếu tố này – tiến hóa về hình thể và phát triển về văn minh – cũng chỉ mới là những dáng vẻ bề ngoài của lịch sử nhân loại. Bức tranh ấy chưa cho chúng ta thấy những diễn biến thăng trầm trong tâm hồn nhân loại, mặc dù những diễn biến này đã xây dựng nên bộ mặt của xã hội nhân loại kể từ 6.000 năm trở lại đây.

Giáo lý Đại Đạo đã bổ túc cho bức tranh ấy bằng những thánh ngôn, thánh giáo của các Đấng Thiêng Liêng về những gì đã diễn ra trong tâm hồn nhân loại kể từ khi giống loài này được tạo dựng trên địa cầu 68.

Loài người đã xuất hiện trên trái đất cách đây khoảng 10 triệu năm. Trong khoảng thời gian rất dài, từ lúc mới có nhân loại cho đến cách đây vài mươi ngàn năm, xã hội loài người không có tôn giáo, mà vẫn sống hòa hợp với thiên nhiên, cá nhân hòa hợp với tập thể. Trong kinh "Tam Thừa Chơn Giáo", Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế nói về loài người ở thuở đầu tiên này như sau:

"Kể nhân loại đầu tiên từ thuở,
Người sanh ra ghi nhớ thiện từ:
Hồn nhiên một khối vô tư,
Năm châu tản mát, định cư từng vùng.

Vui lẽ Đạo thung dung nhàn lạc,
Thú thiên nhiên thuần phát cõi lòng…"[2]

Con người, và do đó, các xã hội nhân loại ở thời này khi sinh ra đời còn biết "ghi nhớ thiện từ", tức là vẫn còn lưu trữ được sự hiền từ, thánh thiện thiên phú trong bản tính hồn nhiên của mình. Mặc dù những xã hội ấy hãy còn là những bầy người, được phân bố tản mác trên khắp các châu lục, và giữa những xã hội này không có những giao tiếp để tạo thành một cộng đồng nhân loại trên toàn cầu như ngày nay; nhưng không vì thế mà khái niệm đại đồng trong các xã hội sơ khai này không có ý nghĩa. Tuy chỉ là những cộng đồng người có quy mô khá nhỏ bé và trình độ tổ chức xã hội thấp, nhưng trong những cộng đồng đó không có sự tranh chấp với nhau, áp bức lẫn nhau, sát hại lẫn nhau. Mọi thành viên trong cộng đồng đều bình đẳng trong việc thụ hưởng những tài nguyên vật

[1] Ibid.
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; *Tam Thừa Chơn Giáo* (Q. 2, Trung Thừa Chơn Giáo), "Tôn chỉ Đại Đạo", tr.21.

chất của thiên nhiên, mối quan hệ giữa con người và con người trong cộng đồng là sự tương thân tương trợ, tâm hồn con người yên tĩnh, an bình, bầu không khí hòa ái sưởi ấm cả xã hội. Đây chính là **đại đồng** theo quan niệm của giáo lý Đại Đạo[1].

Điều này được xác nhận qua lời dạy của Đức Cao Triều Phát trong một lần giáng cơ dạy đạo cho Thanh Thiếu Niên tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Để gây ý thức cho thế hệ tiếp nối về một xã hội thánh đức mẫu mực vốn đã có tự thuở sơ khai của nhân loại, Ngài đã nhìn lại thời tiền sử và đã thốt lên những lời tâm huyết như sau:

"Các em ơi! Các em có thèm thuồng muốn sống lại kỷ nguyên con người còn ăn lông ở lổ mà quanh năm suốt tháng vẫn sanh hoạt thoải mái với thiên nhiên; không ai chen lấn ai, không ai sát hại ai, đói thì ăn của thiên nhiên, khát thì uống của thiên nhiên, không ranh giới, không chủ nhân, không cảnh người đô hộ người, không ai bóc lột ai. Dầu muôn ngàn chủng tộc cũng sống dưới bầu trời ấy, nhưng tâm hồn yên tĩnh, sống trong cảnh thái hòa. Tuy là ***cổ nhơn hình tợ thú****, nhưng* ***tâm hữu đại thánh đức****.*

Còn ngày nay, nhơn loại sống trong thời đại văn minh, khoa học tiến bộ vượt bực, dám cướp quyền Tạo Hóa, diện mạo đẹp đẽ khôi ngô; nhưng các em ơi, ***kim nhơn biểu tợ nhơn, thú tâm nan khả trắc****.(…)*

Các em ơi, những lời vừa qua, Tiên huynh không ngăn được ngọn tâm trào mà Tiên huynh đã ấp ủ, chôn vùi trong quá khứ…"[2]

Những lời tâm huyết này luyến tiếc cho một quá khứ huy hoàng của nhân loại. Thượng Đế đã tạo lập ra một chủng loại ở đẳng cấp của tài Nhân và đã trao quyền Tạo Hóa để thay Ngài an trị thế gian, trợ giúp vạn linh cùng tiến hóa. Bởi vậy, con người thời cổ tuy còn mang hình dạng như thú vật nhưng lại có một tâm hồn thượng đức; trong khi đó, con người thời nay tuy có dáng vẻ đẹp đẽ của con người nhưng lại mang tâm địa của loài thú, đến mức khó có thể đo lường được.

Chúng tôi vừa giải thích nội dung của câu "Cổ nhơn hình tợ thú, tâm hữu đại thánh đức; kim nhơn biểu tợ nhơn, thú tâm nan khả trắc" (古人形似兽心有大圣德。今人表 似人兽心安可测)[3] mà đoạn thánh giáo trên đây vừa nhắc đến. Theo quyển "Minh Tâm Bửu Giám"[4], tác giả của câu này là Trần Đoàn (Hy Di) tiên sinh[5], tức là Đức Trần Đoàn Lão

---

[1] Nói chính xác hơn nữa, đây chính là khái niệm "đại đồng" do Thượng Đế đưa ra trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ từ năm Kỹ Mão 1939. Xin xem thêm quyển "Triết Học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" (chương "Chủ Thuyết Đại Đồng") cũng thuộc bộ "Giáo Lý Đại Toàn" này.

[2] Đức Cao Triều Phát; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 08-07 Kỷ Dậu (20-08-1969).

[3] Chữ Hoa được lấy từ *MingXin BaoJian* (明心宝鉴), bản điện tử.

[4] *Minh Tâm Bửu Giám* (明心宝鉴), "Tồn Tâm", tr.120-121.

[5] Trần Đoàn (陈抟 [?-989]): nhà đạo học nổi tiếng thời Bắc Tống, tự là Đồ Nam (圖南), tự hiệu là Phù Dao Tử (扶摇子), được Tống Thái Tổ ban danh hiệu là Hy Di tiên sinh (希夷先生); lúc trẻ ông là một nhà Nho, về sau trở thành một đạo gia ẩn dật ở núi Võ Đang rồi núi Hoa Sơn; những tư tưởng đạo học của ông sau này được Chu Đôn Di (Liêm Khê) và Thiệu Ung (Khang Tiết) phát triển thành một bộ phận cấu thành Lý học thời Tống; Đạo giáo gọi ông là Trần Đoàn Lão Tổ (theo Lao Tử và Thịnh Lệ, *Từ Điển Nho-Phật-Đạo*, tr.1619.) Ông cũng là một cao nhân trong lĩnh vực tử vi, chiêm tinh, nhân tướng học; tác giả của bộ Tử Vi kinh (theo

Tổ [1]. Trong giáo lý Đại Đạo, nội dung câu này được khai triển nhiều lần và dưới nhiều hình thức khác nhau, như chúng ta sẽ thấy dưới đây.

Trong một bài thuyết đạo của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc khi còn hành đạo tại thế gian, Người cũng đã rút ra cùng một kết luận về sự suy thoái tinh thần đạo đức của nhân loại ngày nay khi so sánh với tinh thần của nhân loại ở thời hạ nguơn mạt kiếp với thời thượng cổ:

> "Hiện giờ đạo đức tinh thần của nhơn loại không còn như thời thượng cổ nữa. Chúng ta có thể nói theo Tiên Nho rằng: Cổ nhơn hình tợ thú, tâm hữu đại thánh đức, kim nhơn biểu tợ nhơn, thú tâm nan khả trắc."[2]

Giai đoạn "*cổ nhơn hình tợ thú*" chỉ có thể là giai đoạn trước homo sapiens sapiens. Đó là những giai đoạn của australopithecus, homo habilis, homo erectus, và một phần đầu trong giai đoạn homo sapiens. Sở dĩ chúng ta có thể xác định được như vậy, vì trong những giai đoạn này, người nguyên thủy còn mang hình dáng của các loài linh trưởng, và sống lẫn lộn với các loài vật khác trong thiên nhiên.

Nếu việc xác định này là đúng trên phương diện đạo lý, thì phải có những đoạn thánh giáo khác xác nhận rằng thời kỳ lẫn lộn với thú cầm này là thời kỳ "*tâm hữu đại thánh đức*" của nhân loại, như Đức Cao Triều tiền bối đã nhận xét.

Trong kinh "Bình Minh", Đức Vô Cực Từ Tôn có dạy về tình trạng tâm linh của con người qua các thời kỳ lịch sử khác nhau. Lời của Đức Trần Đoàn Lão Tổ lại được trích dẫn. Đối chiếu những lời dạy đó với lời dạy trên đây của Đức Cao Triều Tiền Bối, hay lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, ta thấy nội dung của giáo lý Đại Đạo qua những lời dạy, lời thuyết đạo này đều hết sức nhất quán:

> *"Khai thượng nguơn, Thánh Thần hạ thế,*
> *Đời thánh đức phổ tế dân sanh;*
> ***Cổ nhơn tợ thú tâm thành,***
> ***Hữu đại thánh đức, tại hành Thánh Tâm.***
>
> *(…)*
>
> *Chuyển hạ nguơn muôn ngàn khổ hải,*
> *Vì **kim nhơn hình thảy tợ nhơn;***
> ***Thú tâm bất trắc lai huờn,***
> *Khiến cho tranh đấu thua hơn bại thành."*[3]

---

http://www.tuviglobal.com/sach_lstv_nguongoc.htm; 27-09-2010). Câu "Cổ nhơn hình tợ thú…" được ông đưa ra để nói về sự tương phản giữa tâm (nội tâm) và tướng (ngoại thể) của con người qua những thời đại khác nhau trong lịch sử nhân loại.

[1] Đức Trần Đoàn Lão Tổ đã nhiều lần giáng cơ trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ; có thể tìm thấy các lời dạy của Ngài, ví dụ, trong kinh Tam Nguơn Giác Thế.

[2] Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, đêm 27-08 Nhâm Thìn (1952); *Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp* (Q. 5), "Đức Chí Tôn lấy Nho Tông để cứu vãn nhân loại". http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/tam.htm; 15-12-2001.

[3] Đức Vô Cực Từ Tôn; Văn Phòng Đại Đạo, Ngọ thời, 15-05 Canh Tuất (18-06-1970); *Kinh Bình Minh* (Đệ Tam), "Đàn Khai Kinh", tr.12-15.

Những nội dung giáo lý trên đây cũng đã được chi tiết hóa trong "Tam Hoàng Thiên Kinh". Qua việc trình bày khá tỉ mỉ lịch sử phát triển của nhân loại từ thời tạo thiên lập địa – bằng một ngôn ngữ mang tính ẩn dụ ở mức độ rất cao – quyển kinh này mô tả thời thượng cổ là thời kỳ *"Nhơn vô ác cảm chi Tâm, giai xưng thánh đức chi vị giả."*[1]

Trong kinh "Tam Nguơn Siêu Độ", Đức Nguơn Thỉ Thiên Tôn dạy về đời sống của con người thời thượng cổ như sau:

"Thượng nguơn lập đời thượng cổ: từ tạo thiên lập địa, Bàn Cổ sơ khai, dĩ chí Tam Hoàng Ngũ Đế, thời đã có sự tu hành, gọi là Thượng Ngươn, nhằm kỳ nhứt. ***Đức Nhiên Đăng Cổ Phật hạ trần***. ***Người [mang] hình dạng xấu xa giống thú cầm***. *Nhưng mà kể từ Thiên sanh nhơn loại ra là đời thượng cổ, thì lòng người vẫn còn noi theo lòng Trời tánh Phật. Nên dầu kẻ không tu cũng được huờn Bổn (ngôi xưa, vị cũ); loài người được hoàn toàn chí lành, chí thiện, chí mỹ."*[2]

Như vậy, nhờ lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng qua cơ bút trong Tam Kỳ Phổ Độ – được ghi lại trong khá nhiều kinh sách của đạo Cao Đài – chúng ta đã xác định được những giai đoạn nhân chủng học để chứng minh rằng: vào thời thượng cổ, đã tồn tại một đời sống quân bình giữa thế đạo và thiên đạo. Đó chính là **đời sống đại đồng nguyên thủy**.

Đời sống đại đồng nguyên thủy này một phần nào đã được các nhà xã hội học nhận ra. Malinowski đã viết: "Trong những xã hội nguyên thủy, luật pháp, những thứ được củng cố bằng việc xét xử và xử phạt, gần như hoàn toàn vắng mặt. Nguyên tắc luân lý tự động và tự thực hiện có tầm quan trọng đặc biệt trong việc xác định nền tảng của tổ chức và văn hóa nguyên thủy."[3] Sự tồn tại một xã hội chỉ dựa trên "luân lý tự động" (tức là mỗi cá nhân tự tuân thủ những quy tắc luân lý của xã hội) mà không cần đến luật pháp đã được "Đạo Học Chỉ Nam" đề cập đến như sau: "Từ xưa, loài người còn trong lẽ sống hồn nhiên, tuy ở cõi trần nhưng tâm hồn thung dung tự tại, không khác cõi trời; giữa vua và dân cùng vui trong Lẽ Đạo;"[4] trong khi đó, ngày nay, các nhà cầm quyền "*chẳng biết thương dân, lấy phép luật hình chính khép người vào cửa tội, mà dân tự loạn tự cuồng."*[5]

Đời sống đại đồng là kỳ tích thứ nhất mà nhân loại nguyên thủy đã đạt đến. Khi nói đến khái niệm "phản cổ", một trong những hàm ý của giáo lý Đại Đạo là quay trở về tình trạng đại đồng của đời sống nhân loại, ít nhất là ở mức độ mà các xã hội nguyên thủy đã đạt được, và dĩ nhiên, ở trình độ văn minh hiện đại._

[1] *Tam Hoàng Thiên Kinh*, tr.69.
[2] Đức Nguơn Thỉ Thiên Tôn; *Tam Nguơn Siêu Độ*, tr.13.
[3] B. Malinowski, "Ma Thuật, Khoa Học và Tôn Giáo" (Magic, Science and Religion), bản dịch của Dương Bích Hạnh, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.192.
[4] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 3, tiết 2, mục 2.
[5] Ibid.

4.2. Các tín ngưỡng tâm-vật bình hành nguyên thủy

Khái niệm "tâm-vật bình hành" hay "tâm-vật song hành" được giáo lý Đại Đạo định nghĩa như là mối tương quan mật thiết, sự gắn bó khăng khít, sự bổ túc qua lại giữa tâm linh (kể cả tinh thần) và vật chất. Sự song hành này là một nguyên lý làm nên sự tồn tại của thế giới nhị nguyên và đóng vai trò hết sức quan trọng đối với đời sống con người ở cả phạm vi cá nhân lẫn phạm vi xã hội; bất cứ khi nào và ở đâu, hễ có tâm linh thì phải có vật chất, và đã có vật chất thì không thể thiếu tâm linh:

"Dầu muốn hay không muốn thì tâm-vật [vẫn] song hành. Hai phương diện trong một con người: lìa vật không có tâm, bỏ tâm không có vật."[1]

Sự song hành là một tính chất tự nhiên của tâm linh và vật chất trong đời sống con người. Tuy nhiên, nếu con người không nhận thức được tính chất tự nhiên này, cứ đề cao vật chất mà xem nhẹ tâm linh, hoặc tôn thờ tâm linh mà hạ thấp vật chất, thì đời sống con người bị thiên lệch. Nếu sự thiên lệch được tích lũy theo thời gian thì nó sẽ tạo ra những hậu quả khủng khiếp cho cá nhân và xã hội. Khi đó, hoặc là con người bị rơi vào chỗ nô lệ cho những thần quyền hoang đường, xã hội bị đắm chìm trong sự trì độn do mê tín dị đoan; hoặc là con người bị rơi vào chỗ nô lệ cho vật chất, các giai cấp xã hội và các quốc gia trên thế giới đấu tranh giành giật của cải, tài nguyên vật chất bất chấp sự suy đồi nhân tính. Và những điều này, thật không may, chúng ta với tư cách là con người hiện đại, có lẽ không ít thì nhiều cũng đều có dịp chứng kiến trong thực tiễn của các xã hội hiện đại.

Trong các xã hội đại đồng nguyên thủy, các tín ngưỡng nguyên thủy của nhân loại là các tín ngưỡng tâm-vật bình hành. Để chứng minh điều này, trước hết, cần xác định thế nào là tâm vật bình hành trong đời sống tín ngưỡng. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

"Này chư hiền sĩ hiền muội! Thành kỉnh là cái lễ ở lòng người trần thiết phẩm vật trai đàn cúng bái. Đó là cái lễ giao tế trong xã hội nhân sanh. Tâm có ghi nhận những điểm liên quan trong cõi vô hình, mới sắp bày nên cuộc lễ (…) ***Tâm và vật là hai trong một, vẫn không tách rời nhau****. Đó là Đạo (…)*

Lòng thành kỉnh tạo nên bầu không khí hiền hòa, hiện lên bao khuôn mặt vui tươi thuần hậu. Lòng thành kỉnh cũng chan hòa vào vật ăn thức uống, làm no ấm mát mẻ ở lòng người. Đại khái về kết quả của lòng thành kỉnh quan trọng như vậy. (…)

Tuy vậy, cũng còn có những cuộc cúng tế không kết quả tốt đẹp như Bần Sĩ vừa kể, là vì tâm vật mất quân bình, ví như bày ra cuộc lễ cúng tế để cầu tài lợi phước lộc cho gia đình, cho cá nhân, trong khi đó cá nhân, gia đình thiếu đạo đức, gây nhiều nghiệp dữ, hoặc vì xã giao nhân sự, hoặc trá hình mưu cuộc lợi danh, hoặc thu của bá tánh thập phương mà không làm đúng đạo đức, hoặc mượn cuộc cúng tế để trả nợ miệng, tửu nhục say sưa.

Các lý do xảy ra đều do tâm. Tâm tạo nên vật. Nếu tâm cảm mất lẽ thiên nhiên, háo sanh của Trời Đất, thì báo ứng phải theo thiên luật không sai. (…)

---

[1] Đức Quan Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-07 Đinh Tỵ (29-08-1977).

Thế nên, thế giới nhơn loại sở dĩ có khổ nạn điêu linh tàn sát là vì tâm vật mất quân bình, thiên nhơn không hòa hợp đó thôi."[1]

Qua lời dạy này, điểm then chốt tạo nên một đời sống tín ngưỡng chơn chánh ở mọi thời đại là **lòng thành kỉnh**. Chỉ khi nào có được lòng thành kỉnh, con người mới có khả năng **biến vật chất vô tri vô giác thành phương tiện biểu thị những giá trị tinh thần, những phẩm chất đạo đức của cá nhân, gia đình, và xã hội**. Một khi vật chất đã chuyển tải được đạo đức, tinh thần, thì vật chất không còn đơn thuần là vật chất nữa, mà nó đã trở thành *văn hóa*. Vậy thì nhờ văn hóa, mà tinh thần và vật chất không thể tách rời trong một chỉnh thể thống nhất.

Một đời sống tín ngưỡng chơn chánh như vậy cũng là một đời sống tín ngưỡng tâm-vật bình hành.

Bây giờ, chúng ta hãy quay lại với lịch sử nhân loại: theo nhân chủng học, từ giai đoạn homo sapiens, nhân loại bắt đầu có tín ngưỡng. Tín ngưỡng chưa phải là tôn giáo. Mặc dù vậy, tín ngưỡng là một dấu hiệu tường minh của một xã hội mà đời sống hướng nội hồn nhiên thuần phác đang được thay thế bởi sự hướng vọng đến những tha lực ngoại tại. Đại Đạo không còn đơn thuần là một sức sống từ nội tâm, mà một phần nào đó, đang được chuyển hóa dần thành một niềm tin hướng ngoại.

Từ giai đoạn nhân chủng homo sapiens sapiens, con người bắt đầu sống thành bộ lạc, bắt đầu có "vua" theo nghĩa là người lãnh đạo của bộ lạc. Các tín ngưỡng đối với Trời Đất, với các Đấng Thiêng Liêng, với các thiên nhiên, với người đã khuất,… cũng đã xuất hiện trong các xã hội sơ khai này:

"Ngày xưa các bậc tiên vương, thánh nhân đem đạo trị đời, bày các cuộc lễ nghi cúng tế là để ghi ơn Trời Đất, tiền nhân, để thành kỉnh noi theo cái lẽ thiên nhiên hóa sanh dưỡng dục của Trời Đất tiền nhân mà an dân định quốc. ***Tuy là hình thức, nhưng tâm vật bình hành****, nhơn thiên cảm ứng, mới tạo được ngày Nghiêu tháng Thuấn*[2]*, vỗ bụng ngậm cơm."*[3]

Trong tín ngưỡng nguyên thủy, con người mượn một (hay nhiều) sự vật hoặc một (hay nhiều) hiện tượng để làm biểu tượng tín ngưỡng, và biểu tượng đó là một phương tiện để nương tựa tâm hồn cũng như tinh thần. Đó là một đặc điểm tâm lý mà nhân loại vẫn còn bảo tồn được đến ngày nay:

---

[1] Đức Quan Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Ngọ thời, 19-06 Quý Sửu (18-07-1973).

[2] Cụm từ "ngày Nghiêu tháng Thuấn" ở đây được dùng theo nghĩa rộng, có nghĩa là thời thánh đức, chứ không theo nghĩa hẹp là đời vua Nghiêu và đời vua Thuấn ở Trung Quốc. Cơ sở của cách hiểu này có thể được tìm thấy ngay trong phần mở đầu của chính đoạn thánh giáo này: "Ngày xưa các bậc tiên vương, thánh nhân..." Đoạn thánh giáo đang nói về việc làm đúng đạo lý của nhiều bậc tiên vương và thánh nhân khác nhau thuộc về nhiều thời đại khác nhau trong quá khứ, những thời đại mà hiện giờ chúng ta gọi chung là "ngày xưa".

[3] Đức Quan Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Ngọ thời, 19-06 Quý Sửu (18-07-1973).

"Thế thường trong giới thiện nam tín nữ, khi đã có đức tin nơi Đấng Thần Minh thì đã chọn một dấu hiệu nào đó để thờ phượng, tín ngưỡng, hầu làm nơi tựa tâm hồn vào đó."[1]

Nhưng khác với các hình thái tín ngưỡng trong những giai đoạn về sau này của lịch sử nhân loại, tín ngưỡng nguyên thủy chưa tôn thờ những vị thần ngoại tại. **Đấng Thần Minh** trong tín ngưỡng nguyên thủy là một nguyên lý thiên nhiên hoặc một nguyên lý tự nhiên hơn là một nhân vật siêu nhiên, và dù thuộc thiên nhiên hay tự nhiên[2], nguyên lý ấy vẫn là cái **Thần của con người**. Cái Thần nội tại này vẫn còn là một hiện thực có ảnh hưởng rõ rệt hơn hết đối với đời sống hằng ngày của người nguyên thủy. Sự hướng ngoại chỉ diễn ra thông qua việc mượn một vật thể, hoặc một hiện tượng vật chất, để làm phương tiện nhắc nhở sự hiện hữu của cái Thần nội tại nơi con người mà thôi.

Do đâu chúng ta biết được điều này? Đức Thượng Đế Chí Tôn đã dạy:

"Cổ nhân của các con có câu: Thần đắc nhứt dĩ linh. Thường thường, các con hiểu Thần là một vị cai quản một địa phận ở cõi vô hình nào đó, chẳng hạn Thần Núi, Thần Sông, Thần Làng. Nhưng nếu hiểu như vậy cũng không có chi đáng nói. Thầy muốn cho các con hiểu: ***Thần đây là Chơn Thần****,* ***là Nguơn Thần****, trường cửu hằng tại, tự bản tự căn ở mỗi các con."*[3]

Trong các tín ngưỡng nguyên thủy, người nguyên thủy thường sử dụng một sự vật cụ thể (ví dụ: nước, lửa, hòn đá, tượng đất,…) hay một hiện tượng cụ thể (mưa, gió, sấm chớp,…) để làm biểu tượng cho sự tín ngưỡng của mình. Nhiều nhà nhân văn học *cho rằng* những sự vật, hiện tượng cụ thể ấy là những đối tượng được thờ phượng, được tôn kính. Nhưng, căn cứ vào những đoạn thánh giáo Cao Đài vừa nêu, ta thấy các tín ngưỡng nguyên thủy *không tôn thờ những sự vật, hiện tượng cụ thể ở ngoại giới*. Thời bấy giờ, đời sống tâm linh của con người còn quá dồi dào, thần lực của con người còn quá mạnh, nên làm sao con người có thể dành sự tôn thờ hay sự tin tưởng của mình cho những hòn đá, những ngọn lửa, những gió mưa, sấm chớp,… Những sự vật hay hiện tượng vật chất cụ thể ấy chỉ đóng vai trò như những phương tiện để con người hướng nội, tự đối diện với tâm hồn, tinh thần, ý chí, nghị lực, ước vọng,… của chính mình. Nói khác đi, ở các tín ngưỡng nguyên thủy, lòng tín ngưỡng không bao giờ nằm ở những sự vật hay hiện tượng, nhưng nằm ở ý nghĩa biểu trưng mà sự vật hay hiện tượng ấy được quy ước, để con người có một phương tiện nhắc nhở mình trong việc tự phản tỉnh.

Nhà xã hội học Durkheim đã đi đến một nhận định tương tự như vậy mặc dù ông đứng trên một lập trường khác khi ông nghiên cứu về tín ngưỡng vật tổ. Durkheim đưa ra một ví dụ:

---

[1] Đức Quan Âm Bồ Tát; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 06-04 Giáp Dần (27-04-1974).

[2] Giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ xem "thiên nhiên" và "tự nhiên" là hai khái niệm khác nhau. "Thiên nhiên" (Nature naturante [Frc]) bao hàm bất cứ cái gì có tính tích cực, có khả năng chủ sử và điều khiển, còn "Tự nhiên" (Nature naturée [Frc]) bao hàm bất cứ cái gì thụ động (bị động), bị sai sử, bị điều khiển. Xin xem thêm chi tiết trong quyển "Triết Học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" thuộc bộ Giáo Lý Đại Toàn này.

[3] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-03 Tân Hợi (10-04-1971).

> "Người lính chết vì lá cờ, chết vì tổ quốc; bởi thực ra trong tâm thức của anh ta, chính hình ảnh lá cờ đã nổi lên hàng đầu. Có khi nó quyết định trực tiếp hành động. Dù cho một lá cờ lẻ loi có nằm trong tay kẻ thù hay không, tổ quốc cũng không vì thế mà bị mất đi, vậy mà người lính vẫn phải hy sinh để giành lại nó. Ý nghĩ lá cờ là một tín hiệu đã mất đi trong chúng ta, tự thân nó không có giá trị, nhưng nó chỉ gợi lại cái thực tế mà nó đại diện; người ta coi chính bản thân nó như là hiện thực vậy."[1]

Lá cờ được làm từ tấm vải; nhưng khi một người lính ngã xuống vì lá cờ, ai cũng nói rằng anh ta chết vì tổ quốc, chứ chẳng ai có thể nói rằng anh ta chết vì tấm vải. Thế thì điều này có liên can gì đến vấn đề đang được thảo luận ở đây? Durkheim nói:

> "Vật tổ là lá cờ của bộ tộc (…) Trong nghi lễ, nó [vật tổ] là điểm tập trung sự chú ý của mọi người. (…) Vì sức mạnh tôn giáo[2] không là cái gì khác ngoài sức mạnh tập thể và vô danh của bộ tộc[3], và bởi vì sức mạnh đó chỉ có thể hiển hiện trong tư tưởng dưới hình thức vật tổ, thì biểu trưng vật tổ lại như là hình hài có thể thấy được của thần linh (…). Điều đó giải thích rằng, trong hàng loạt điều linh thiêng, vật tổ chiếm vị trí hàng đầu.
>
> Nhưng bộ tộc, giống như mọi loại hình xã hội, chỉ có thể sống trong và bằng những ý thức cá nhân hợp thành. Như vậy, sức mạnh tôn giáo, nếu được coi là gắn vào biểu trưng vật tổ, lại xuất hiện như bên ngoài cá thể và mặt khác so với [con] người thì nó mang theo một sức mạnh siêu nhiên, giống như bộ tộc mà nó biểu trưng, nó chỉ có thể hiển hiện trong các cá thể và thông qua cá thể; về ý nghĩa đó, sức mạnh tôn giáo là vật nội tại và cần thiết phải hiện lên như vậy. Người ta cảm thấy nó có mặt và tác động đến mình, vì chính sức mạnh tôn giáo đã nâng họ lên một cuộc sống cao hơn. Đó là lý do tại sao con người tin rằng ở trong họ có một nguyên lý có thể so sánh với nguyên lý nằm bên trong vật tổ."[4]

Nếu đã nhìn nhận rằng ở các tín ngưỡng nguyên thủy, lòng tín ngưỡng không nằm ở những sự vật hay hiện tượng mà nằm ở ý nghĩa biểu trưng mà sự vật hay hiện tượng ấy được quy ước, thì chúng ta sẽ đi đến một kết luận rất quan trọng: trong các tín ngưỡng nguyên thủy, vật chất và tinh thần không thể hiện hữu độc lập. Tinh thần dùng vật chất làm phương tiện để phát huy, vật chất cũng nhờ tinh thần mà mang một ý nghĩa đối với con người. Và chính sự kết hợp của cả hai đã làm nên những tín ngưỡng nguyên thủy.

Sự bình hành tâm-vật trong các tín ngưỡng nguyên thủy là kỳ tích thứ hai (sau kỳ tích về đời sống đại đồng) mà nhân loại nguyên thủy đã đạt đến. Durkheim đã nhận ra được kỳ tích này và tầm quan trọng của nó khi ông viết:

---

[1] E. Durkheim, "Tôn Giáo Như Là Một Biểu Trưng Tập Thể", bản dịch của Đào Hùng, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.68.

[2] Chữ "tôn giáo" trong đoạn trích này được dùng để chỉ "tôn giáo nguyên thủy" theo cách hiểu của Durkheim (Ibid., tr.61), tương tự như khái niệm "tín ngưỡng nguyên thủy" mà chúng tôi sử dụng ở đây.

[3] Đây là quan niệm của Durkheim về tôn giáo.

[4] Ibid., tr.68-71.

> "Chính nhờ hai tính chất đó [tính chất của vật chất và tính chất của tinh thần] mà tôn giáo có thể trở thành cuống nhau để mở mang mọi mầm móng chính của văn minh nhân loại. Vì nó được bao bọc bởi toàn thể hiện thực, vũ trụ vật chất cũng như vũ trụ tinh thần, các sức mạnh làm sống cơ thể cũng như làm sống tinh thần đều được nhìn nhận dưới hình thái tôn giáo. Do đó, tại sao các kỹ thuật và thực hành rất đa dạng, và những cái duy trì vận hành của đời sống tinh thần (luật pháp, luân lý, mỹ thuật) và những cái phục vụ đời sống vật chất (khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ) đều trực tiếp hoặc gián tiếp thoát thai từ tôn giáo."[1]

Bởi vậy, một trong những nội dung của khái niệm "phản cổ", theo giáo lý Đại Đạo, là phải đưa các xã hội hiện đại quay trở về cho được tình trạng bình hành tâm-vật như ở các xã hội nguyên thủy nhưng tất nhiên ở trình độ văn minh của ngày hôm nay.

4.3. Các bậc Đại Giác Ngộ nguyên thủy

Vào thời nguyên thủy, đời sống tâm linh của con người hãy còn là đời sống của Chân Như Bản Thể, huyền đồng với vũ trụ và hòa ái với đồng loại. Đời sống tâm linh đó còn ở trình độ tâm linh của tài Nhân, sánh ngang bằng với tài Thiên và tài Địa, nên con người thời đó có một khả năng chứng Đạo rất to lớn. So sánh với trình độ tâm thức của con người nguyên thủy với con người hiện đại, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã bình luận:

"Cho đến nay, tâm thức nhân loại đã đạt đến chỗ cao điểm hiện tại, nhưng cũng chỉ trong gang tấc đối với Đấng Thế Tôn chánh đẳng chánh giác và ***trong phân ly đối với bậc Đại Giác Ngộ Kim Tiên nguyên thủy****."*[2]

Từ đoạn thánh giáo này, ta biết rằng xã hội nguyên thủy đã sản sinh ra được những con người có trình độ giác ngộ tâm linh rất cao, cao hơn trình độ giác ngộ ở bất kỳ thời đại nào kể từ sau thời nguyên thủy cho đến ngày nay. Những con người như vậy được gọi là những bậc Đại Giác Ngộ nguyên thủy.

Để có một vài ý niệm về các bậc Đại Giác Ngộ nguyên thủy, ta hãy xem "Tam Hoàng Thiên Kinh". Ở mục "Ngũ Long Thị"[3], quyển kinh dạy rằng: vào thời nguyên thủy, khi mà nhân loại còn ăn lông ở lổ, thì đã có nhiều bậc tiên nhân có khả năng *"đại định mà thâu nguơn khí vào mình"*, biết *"lấy sự thâu thần làm căn nghiệp cho tinh, khí tương thông mà đương đầu với võ trụ."* Các Ngài cũng dạy dân *"tập thâu thần lại mà sống đời đời"*. Trong thiên hạ, có nhiều người hiền đức, nên muôn người sống trong cảnh thái bình thiên quốc. *"Trời Đất xung hòa, bèn nhỏ thoại khí trinh tường để mà độ nhân gian; nên đặng hòa bình và thạnh trị."*

Những khái niệm như "thâu thần" hay "thâu nguơn khí vào mình" – có thể được đề cập đến trong giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ qua những thuật ngữ khác nhau – đều được các Đấng Thiêng Liêng trong sử dụng để dẫn dắt những tín đồ hữu duyên thực hành tân pháp Đại Đạo. Chẳng hạn, về cách dụng ngữ liên quan đến khái niệm "thâu thần", ta

---

[1] Ibid., tr.71-72.
[2] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-02 Nhâm Tuất (10-03-1982).
[3] *Tam Hoàng Thiên Kinh*, tr.70-71.

có thể tìm thấy một ví dụ trong "Thánh Huấn Hiệp Tuyển" qua lời dạy của Đức Thái Thượng Lão Quân:

*"Nay Thượng Tôn chỉ dạy cho mỗi thiên ban là tay hướng đạo để **thâu thần định trí**. Vì cơ Đạo của Thầy là một tôn giáo tân pháp chơn truyền để nhơn sanh nhuần gội mà tu dưỡng tánh tâm. Mỗi thiên ban trong giờ rảnh cần nên nhập tịnh. Nầy mỗi thiên ban! Khi huờn tam bửu, phá cửu khiếu thì sẽ thông tri chơn truyền đạo đức, thì phải kềm chế tâm viên ý mã sẽ đạt được lục thông."*[1]

Một ví dụ trong "Đại Thừa Chơn Giáo" qua lời dạy của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế:

"Tham thiền tầm lý huệ tâm khai,
Luyện đạo vận hành tạo thánh thai;
*Nhập định **gom thần**, minh trực giác,*
Thông công Thiên Địa phục Như Lai."[2]

Một ví dụ trong "Thánh Truyền Trung Hưng" qua lời dạy của Đức Quan Thánh Đế Quân:

*"Luyện chuỗi bồ đề có một công hiệu: thâu phóng tâm, **gom thần** một điểm, khiến được ngũ quan, tâm thức, trừ được lục trần bát thức, đem lại cho người một sự sáng suốt vô ngằn, để người lấy sáng suốt kia mà suy tính số căn của vạn loại, định lệ của Đất Trời."*[3]

Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Đức Đông Phương Lão Tổ cũng dạy:

"Đại Đạo vốn không lời diễn tả,
Phải do tâm hành giả tham cầu;
Hỏi rằng biệt quyết là đâu,
Khí thần, tánh mạng, đạo mầu âm dương.

Trước biết rõ nhứt dương sơ động,
Sau hiểu rành để lóng trược thanh;
Trước do vọng niệm phát sanh,
Kiến văn tư lự biến thành động cơ.

Thanh cực tịnh đến giờ tự động,
Tâm vô trần mạch sống tiên thiên;
Biết rồi hạ thủ mới yên,
***Thâu thần** nhập huyệt chớ thiên lòng tà."*[4]

Qua những ví dụ trên đây, chúng ta đều thấy việc "thâu thần" hay "gom thần" dẫn đến những kết quả rất cao trên đường tiến hóa của con người, trong đó có "đạt được lục

---

[1] Tòa Thánh Châu Minh, *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (Q.1), "Thâu Thần Định Trí", tr.159-160.
[2] Đức Cao Đài Thượng Đế; 22-09 Bính Tý (1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Tham Thiền Nhập Định", tr.370.
[3] Hội Thánh Truyền Giáo, *Thánh Truyền Trung Hưng* (tập II), tr.43.
[4] Đức Đông Phương Lão Tổ; Thánh Thất Bình Hòa, Hợi thời, 29-02 Nhâm Tuất (24-03-1984).

thông", "thông công Thiên Địa", "phục Như Lai", "đem lại cho người một sự sáng suốt vô ngằn", đạt được "mạch sống tiên thiên",… Thế mà ở thời nguyên thủy, đã có nhiều bậc Đại Giác Ngộ biết "lấy sự thâu thần làm căn nghiệp cho tinh, khí tương thông mà đương đầu với [những khắc nghiệt của] võ trụ" và hơn nữa, còn dạy dân chúng "tập thâu thần lại mà sống đời đời", nghĩa là làm cho dân chúng đạt được "mạch sống tiên thiên" của Đại Đạo.

Trong chương "Các thời kỳ cứu độ", chúng ta sẽ có một cái nhìn chi tiết hơn về các bậc Đại Giác Ngộ nguyên thủy.

Sự sản sinh ra các bậc Đại Giác Ngộ là kỳ tích thứ ba mà xã hội nguyên thủy đã đạt đến. Đây cũng là nội dung quan trọng thứ ba của khái niệm "phản cổ", theo giáo lý Đại Đạo. Song song với quá trình Tam Giáo Đạo quay về Đại Đạo, xã hội hiện đại cũng phải khôi phục lại khả năng sản sinh ra những bậc đại giác ngộ để thực hiện sứ mạng cứu thế kỳ ba.

5. KẾT LUẬN

Chương này đã trình bày về Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo qua ba mức độ tự triển khai Đại Đạo ở ba quãng thời gian nối tiếp nhau, theo trình tự đi từ vũ trụ, con người đến nhân sinh (hình 28):

- Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất,
- Đại-Đạo-trong-con-người (kể từ khi bắt đầu có con người),
- Đại-Đạo-thời-thượng-cổ (của lịch sử văn minh nhân loại).

Trong sơ đồ ở hình 28, trình tự này được thể hiện bằng các mũi tên lớn màu trắng. Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất do Trời Đất *triển khai và tạo thành* Đại-Đạo-trong-con-người; Đại-Đạo-trong-con-người do con người *triển khai và tạo thành* Đại-Đạo-thời-thượng-cổ.

Bên cạnh trình tự "triển khai và tạo thành", có một trình tự đi theo chiều ngược lại: trình tự "tìm về". Trình tự này được thể hiện trong sơ đồ bằng các mũi tên nhỏ màu đen, ngược chiều với các mũi tên lớn màu trắng. Đại-Đạo-thời-thượng-cổ là nền tảng của sự đại đồng thánh đức trong xã hội nhân sinh sơ khai; nền tảng này giúp mọi cá nhân trong xã hội *tìm về* Đại-Đạo-trong-con-người. Đại-Đạo-trong-con-người là nền tảng của sự giải thoát tâm linh ở mỗi cá nhân từ nguyên thủy; nền tảng này giúp mỗi cá nhân *tìm về* Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất. Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất là cứu cánh cuối cùng mà con người phải đạt tới trong cơ tiến hóa của vũ trụ.

Dựa vào thánh ngôn thánh giáo và các dữ liệu của nhân chủng học, "thời thượng cổ" mà các Đấng Thiêng Liêng đề cập đến trong thánh giáo Cao Đài chính là thời tiền sử của nhân chủng học. Trong thời này, Đại Đạo hiện hữu một cách đương nhiên trong đời sống tâm linh của từng cá nhân, cũng như trong đời sống cộng đồng của toàn nhân loại. Sống trong Đại Đạo bằng một tâm hồn thánh thiện thiên phú, đó là một quá khứ huy hoàng về tâm linh của nhân loại. Đời sống đó đã làm cho con người sơ khai sống ở cõi trần như

Tiên Phật tại thế, và những xã hội sơ khai hiện hữu như những xã hội đại đồng tự nhiên trong buổi bình minh của nhân loại.

Đại Đạo ấy chính là nguồn gốc phát sinh mọi tôn giáo về sau, và cũng là nền tảng để phát triển văn minh nhân loại cho đến ngày nay.

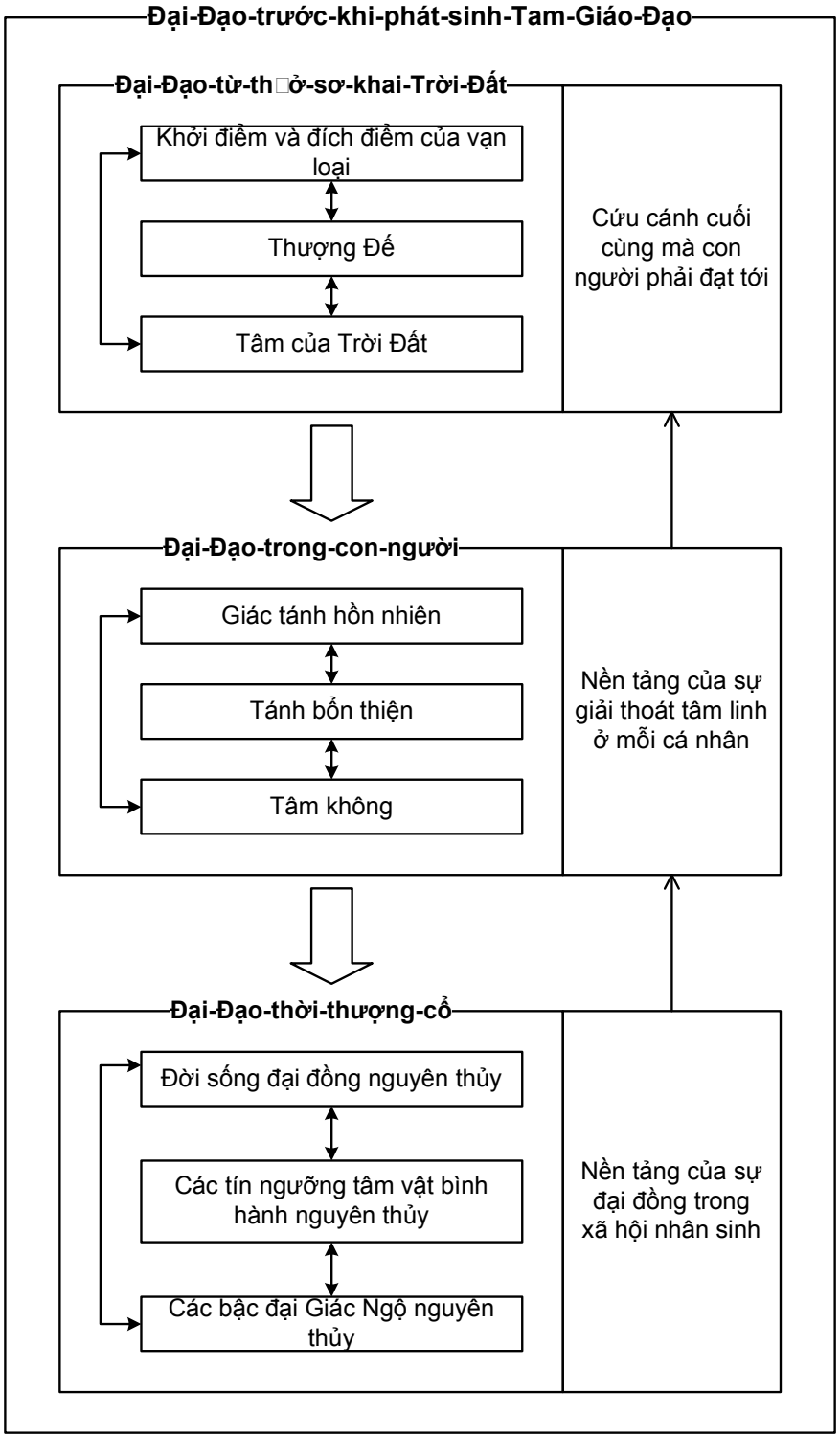

HÌNH 28. SƠ ĐỒ HỆ THỐNG HÓA NỘI DUNG CỦA KHÁI NIỆM ĐẠI-ĐẠO-TRƯỚC-KHI-PHÁT-SINH-TAM-GIÁO-ĐẠO.

CHƯƠNG 5.
SỰ PHÁT SINH TAM GIÁO ĐẠO TỪ ĐẠI ĐẠO

"Một cội sanh ba nhánh in nhau."
Khai Kinh[1]

Trong chương trước, Đại Đạo – vốn là nền tảng cho sự hiện hữu của vũ trụ – đã trở nên nền tảng cho sự tồn tại của xã hội loài người, kể từ khi loài người xuất hiện trên địa cầu. Đến chương này, các tôn giáo bắt đầu xuất hiện trong đời sống xã hội, tựa như những nhánh cây khác nhau được phát sinh từ cùng một gốc cây Đại Đạo. Sự xuất hiện các tôn giáo là một biến cố to lớn, tạo nên một bước ngoặt làm chuyển hướng dòng chảy của lịch sử văn minh nhân loại.

1. SỰ CHUYỂN HƯỚNG TRONG LỊCH SỬ NHÂN LOẠI

Theo thánh ngôn Cao Đài, các xã hội nhân loại sơ khai đã từng trải qua một kỷ nguyên trong đó "*con người còn ăn lông ở lổ mà quanh năm suốt tháng vẫn sanh hoạt thoải mái với thiên nhiên; không ai chen lấn ai, không ai sát hại ai, đói thì ăn của thiên nhiên, khát thì uống của thiên nhiên, không ranh giới, không chủ nhân, không cảnh người đô hộ người, không ai bóc lột ai.*"[2]

Theo những kiến thức về nhân chủng học mà chúng ta đã có hiện nay (xem phụ lục), kỷ nguyên này chính là thời kỳ nguyên thủy của nhân loại với những giai đoạn của australopithecus, homo habilis, homo erectus, và có thể cả giai đoạn đầu của homo sapiens. Loài người chỉ mới biết sử dụng lửa một cách chủ động cách đây khoảng 500.000 năm (nghĩa là trong giai đoạn homo erectus) và về sau mới biết làm nhà. Trước đó, loài người chưa biết dùng lửa để nấu chín thức ăn nên còn ăn sống các loại củ, rễ cây, trái cây, thịt động vật, côn trùng,… và do chưa biết làm nhà nên còn ở trong các hang động thiên nhiên. Như nhận xét của nhiều nhà nghiên cứu[3], trong thời kỳ "ăn lông ở lổ" này hiếm khi nào hoặc không bao giờ xuất hiện các cuộc xung đột có tổ chức giữa những nhóm người trong mỗi cộng đồng cũng như giữa các cộng đồng với nhau. Chưa có một bằng chứng khoa học nào cho thấy trong thời kỳ này có chiến tranh giữa người với người[4]. Và như vậy ta có thể hiểu được vì sao thánh ngôn Cao Đài nói rằng trong thời kỳ này loài người tuy ăn lông ở lổ mà không ai tranh giành với ai hoặc sát hại ai, tâm hồn con người an nhiên hạnh phúc trong cảnh thái hòa[5]. Đây cũng là thời kỳ chưa-có-tôn-giáo

[1] *Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*.
[2] Đức Cao Triều Phát; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 08-07 Kỷ Dậu (20-08-1969).
[3] http://en.wikipedia.org/wiki/Paleolithic; 07-04-2011.
[4] Ibid.
[5] Đức Cao Triều Phát; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 08-07 Kỷ Dậu (20-08-1969).

của xã hội loài người, là thời kỳ con người sống bằng Đại Đạo trong nội tâm và không có nhu cầu về tôn giáo.

1.1. Sự chuyển hướng từ Đại Đạo sang tôn giáo

Chúng ta hãy trở lại với lời dạy của Đức Quan Âm Bồ Tát về nguyên do xuất hiện tôn giáo trong xã hội loài người:

"Nguyên thỉ con người không tự có tôn giáo và không có ý niệm gì về tôn giáo, vì tự trong sâu thẳm của con người đã có cả một nguồn sinh tồn vĩ đại bất biến về Đạo. Tôn giáo chỉ xuất hiện ngay nét mặt sầm tối màu địa ngục của thế gian.

Do ***cuộc chuyển hướng quan trọng*** *của loài người, ý niệm về tôn giáo [ở] con người kết thành từ đó; và cũng từ đó, những tai họa nổi lên cùng lúc như bão táp, làm mặt nước đại dương bị thu hẹp vì những lượng ba đào liên tiếp.*

Các bậc chơn tu đứng ra kêu gọi con người quay về nhận lấy nguồn sống tôn giáo để không sa đọa, thì thử hỏi quá trình phổ độ, tôn giáo đã cứu vãn bao nhiêu phần nhơn loại? Tất nhiên là vô biên, so với pháp môn vô lượng."[6]

Theo đoạn thánh ngôn trên đây, trong lịch sử văn minh nhân loại đã có một thời điểm mà "nét mặt sầm tối màu địa ngục của thế gian" xuất hiện và kéo dài cho đến tận ngày nay. Từ thời điểm này đã diễn ra hai chuỗi biến cố song song với nhau: thứ nhất là "cuộc chuyển hướng quan trọng của loài người" mà từ đó tôn giáo xuất hiện và ý niệm về tôn giáo được hình thành trong nhận thức của nhân loại, và thứ hai là "những tai họa nổi lên cùng lúc như bão táp, làm mặt nước đại dương bị thu hẹp vì những lượng ba đào liên tiếp".

Chuỗi biến cố thứ hai nói về việc đánh mất giác tánh hồn nhiên, tính bổn thiện, tâm không, nghĩa là đánh mất Đại-Đạo-trong-con-người ở một phạm vi xã hội ngày càng rộng. Hình ảnh "những lượng ba đào liên tiếp" được dùng để chỉ những xáo trộn không ngừng trong tâm hồn cá nhân và tinh thần xã hội, còn hình ảnh "mặt nước đại dương bị thu hẹp" được dùng để chỉ sự mai một của "nguồn sinh tồn vĩ đại bất biến về Đạo" trong đời sống của mỗi cá nhân và mỗi xã hội.

Khi Đại-Đạo-trong-con-người bị mai một, các bậc giáo tổ đã lập nên các tôn giáo nhằm hướng dẫn con người tìm lại cái Đạo ấy; các bậc chơn tu cũng "đứng ra kêu gọi con người quay về nhận lấy nguồn sống tôn giáo để không sa đọa". Thuật ngữ "nguồn sống tôn giáo" ở đây có thể được hiểu là "nguồn sống *từ* tôn giáo", "nguồn sống *của* tôn giáo" hay "nguồn sống *mang tính chất* tôn giáo"; nguồn sống ấy là Đại Đạo trong nội tâm con người mà các bậc giáo tổ đã chứng nghiệm, rồi sau đó, dựa vào sự chứng nghiệm của mình để đưa ra các pháp môn – tức là những cách thức thực hành, những giải pháp thực tiễn giúp cho mọi người đều có thể đạt được sự chứng nghiệm như vậy – và pháp môn là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên phần Thể của tôn giáo. Do đó, tôn giáo đã

[6] Đức Quan Âm Bồ Tát, Thánh Thất Bình Hòa, Ngọ thời, 08-04 Canh Tuất (12-05-1970).

hiện diện trong lịch sử nhân loại như một giải pháp ngoại tại để giúp loài người tìm lại Đại Đạo nội tại.

Vậy thì chuỗi biến cố thứ nhất, "cuộc chuyển hướng quan trọng của loài người" là gì? **Đó là sự chuyển hướng từ Đại Đạo nội tại sang tôn giáo ngoại tại trong các xã hội bán khai**. Với sự chuyển hướng này trong lịch sử nhân loại, các tôn giáo khác nhau đã lần lượt hoặc đồng thời xuất hiện trên các vùng đất khác nhau trên thế giới, tích cực tham gia vào việc cứu độ nhân loại. Nhờ sự cứu độ đó, phần lớn nhân loại tuy đã đánh mất đi nhưng vẫn có thể tìm lại được Đại Đạo nội tại.

Chúng ta hãy phân tích dữ liệu trong những câu "Thử hỏi [trong] quá trình phổ độ, tôn giáo đã cứu vãn bao nhiêu phần nhơn loại? Tất nhiên là vô biên, so với pháp môn vô lượng." Cách sử dụng thuật ngữ "phổ độ" trong câu này hàm ngụ rằng *mọi* tôn giáo trên thế giới ngay từ khi chúng mới xuất hiện đều thực hiện việc mở rộng cánh cửa cứu độ cho toàn thể nhân loại chứ không chỉ cho một dân tộc nào hay giai cấp nào. Mỗi tôn giáo từ khởi thủy đều được tạo dựng để phổ độ và do đó đều là một tôn giáo dành cho toàn nhân loại. Trên nguyên tắc, mỗi cá nhân đều có thể chọn lựa tôn giáo phù hợp nhất với mình để nhờ các pháp môn của tôn giáo ấy mà tìm lại được Đại Đạo trong nội tâm của mình. Số lượng của các pháp môn tuy nhiều vô kể ("pháp môn vô lượng") nhưng đó hoàn toàn không phải là một vấn đề ít nhất là nếu xét về mặt hiệu quả vì số lượng người đã được cứu độ trên thực tế vẫn lớn hơn rất nhiều.

1.2. Xác định niên đại của cột mốc đánh dấu sự chuyển hướng

Thế thì, sự chuyển hướng từ Đại Đạo sang tôn giáo đã xảy ra vào giai đoạn nào trong lịch sử nhân loại?

Chúng ta hãy đi ngược dòng thời gian, theo hướng trở về thời nguyên thủy của nhân loại, nhằm xác định cột mốc đánh dấu sự chuyển hướng này. Trên dòng thời gian, cột mốc này là một cột mốc bất định về niên đại, vì nó không định vị ở một thời điểm mà trải dài trong một khoảng thời gian liên tục và hữu hạn.

Phải xác định được cột mốc quan trọng này trong lịch sử văn minh nhân loại, chúng ta mới có thể hiểu được Đại Đạo ở những thời kỳ trước và sau cột mốc ấy.

Nhìn vào lịch sử tiến hóa của nhân loại, khi chuyển sang giai đoạn homo sapiens sapiens, cách đây khoảng 40.000 năm, nhân loại bắt đầu phát triển lý trí. Các kết quả khảo cổ ở Cro-Magnon (Pháp) cho thấy nhân loại bắt đầu đạt được những tiến bộ nhanh chóng trong việc kiến thiết đời sống văn minh.

Nhưng về mặt đạo đức, thánh giáo Cao Đài cho chúng ta biết rằng, con người cũng bắt đầu chịu sự suy thoái tâm linh: từ một giống loài thánh thiện trong Tam Tài[7], nhân loại bắt đầu gây ra những tội lỗi. Và những tội lỗi ấy to lớn đến mức – theo lời của chính

[7] Tam Tài là Thiên (Trời), Địa (Đất), Nhân (Người). Theo giáo lý Đại Đạo, con người vốn là Tài Nhân trong Tam Tài, ngang hàng với Trời và Đất. Nội dung này thuộc về một yếu điểm giáo lý có tên gọi là "Tam Tài Đồng Đẳng" (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*, "Tam Tài Đồng Đẳng", tr.171).

Đức Thượng Đế, trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển" – nhân loại đã phải sa vào địa ngục từ 10.000 năm nay:

"Thầy lấy làm đau đớn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhân loại phải sa vào nơi tội lỗi, mạt kiếp chốn A Tỳ."[8]

Con số n = 10.000 năm mà Đức Thượng Đế đề cập ở đây đến có thể là năm dương lịch, âm lịch, âm dương lịch, hoặc năm trong lịch đạo học. Chúng tôi đã áp dụng một thuật toán được trình bày trong phần phụ lục của quyển sách này để tìm niên đại trung bình đối với tất cả các hệ thống lịch đã nêu. Theo thuật toán này, dù được đề cập đến trong hệ thống lịch nào đi nữa, khi được chuyển dịch qua một hệ thống lịch bất kỳ, giá trị n vẫn nằm trong một miền trị số khá hẹp:

$$9.700 \text{ năm} \le n \le 10.300 \text{ năm}$$

Và giá trị trung bình của miền giá trị này vẫn là:

$$\frac{9.700 + 10.300}{2} = 10.000 \text{ năm.}$$

So sánh đoạn thánh ngôn của Đức Thượng Đế với đoạn thánh ngôn của Đức Quan Âm Bồ Tát, có thể rút ra một biến cố quan trọng trong lịch sử nhân loại: "*nét mặt sầm tối màu địa ngục của thế gian*" mà Đức Quan Âm Bồ Tát nói đến đã xảy ra trong giai đoạn homo sapiens sapiens, cách đây khoảng **10.000 năm**.

10.000 năm, đó cũng chính là **cột mốc thời gian bắt đầu thời đại Đồ Đá Mới (Neolithic)**. Cột mốc thời gian này đã đánh dấu cho "cuộc chuyển hướng quan trọng của loài người" mà từ đó tôn giáo xuất hiện trong lịch sử văn minh nhân loại. Trong cuộc chuyển hướng này, nhân loại đã thay đổi ý hướng của mình: từ tình trạng hướng-về-tâm-linh sang tình trạng hướng-về-vật-chất.

1.3. Bước tiến và bước lùi của lịch sử nhân loại

Bước ngoặt tại cột mốc 10.000 năm vừa là một bước tiến nhưng cũng vừa là một bước lùi của lịch sử nhân loại.

Gọi là một *bước tiến*, vì dựa vào các dữ kiện của nhân chủng học, ta thấy có một sự phát triển rất mạnh mẽ về lý trí, dẫn đến những tiến bộ rất nhanh chóng về vật chất. Tại cột mốc 10.000 năm này đã xảy ra một cuộc cách mạng trong văn minh nhân loại có tên là "cuộc cách mạng thời đại Đồ Đá Mới" (Neolithic Revolution [Eng])[9]; đó là cuộc cách mạng nông nghiệp, làm cho các xã hội chuyển từ săn bắn và hái lượm sang trồng trọt và chăn nuôi[10]. Hơn nữa, ở giai đoạn homo sapiens sapiens, nhân loại đã phát triển được nền văn minh vật chất với một tốc độ nhanh hơn các giai đoạn trước đó đến hàng trăm lần. Quả thật, suốt 4.000.000 năm, qua ba giai đoạn nhân chủng khác nhau – từ homo habilis

[8] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 24-04-1926; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.18.
[9] Thuật ngữ này được nhà khảo cổ học người Úc Vere Gordon Childe (1892-1957) đưa ra lần đầu tiên vào năm 1920. http://en.wikipedia.org/wiki/Vere_Gordon_Childe; 09-04-2011.
[10] http://en.wikipedia.org/wiki/Neolithic_Revolution; 09-04-2011.

đến homo sapiens – nhân loại sống trong thời đại Đồ Đá Cũ (Palaeolithic); vậy mà homo sapiens sapiens chỉ cần khoảng 20.000 năm để tạo ra thời đại Đồ Đá Mới, phát triển nhanh hơn đến 200 lần so với tốc độ phát triển của ba giai đoạn trước đó, và chỉ cần thêm 4.000 năm nữa để tạo ra thời đại Đồ Đồng, nghĩa là sự phát triển được tăng tốc thêm 5 lần nữa.

Còn gọi là một *bước lùi*, vì dựa vào thánh giáo Cao Đài, ta thấy có một sự suy thoái về tâm linh, cũng mạnh mẽ không kém gì sự phát triển về lý trí. Bắt đầu từ thời đại Đồ Đá Mới, lần đầu tiên trong càn khôn vũ trụ, nhân loại có mặt ở địa ngục (theo "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển"). Suốt mấy triệu năm trước đó, nhân loại vẫn tồn tại ở vị trí tài Nhân như một giống loại có quyền năng Tạo Hóa. Với một đời sống tâm linh ở trình độ đại giác ngộ, nhân loại khi ấy giao cảm được với Trời Đất, huyền đồng được với vạn vật, điều hòa được những hiện tượng tự nhiên. Vậy mà, chỉ sau khoảng 20.000 năm kể từ khi bước sang giai đoạn homo sapiens sapiens, một phần trong nhân loại đã bị cầm tù nơi địa ngục vì những tội lỗi nặng nề do chính mình gây ra.

Đời sống đại đồng nguyên thủy của con người cũng mất đi. Giai cấp, phe phái, bè đảng,… lần lượt xuất hiện trong xã hội, xô đẩy nhân loại vào vòng phân tranh. "Đạo Học Chỉ Nam" nhận định:

"Đạo người mất, chia phân giai cấp,
Đạo người suy, thành lập phái phe;
Đặt người trên búa, dưới đe,
Muôn vàn thống khổ, áp đè không thôi."[11]

So sánh giữa bước tiến và bước lùi này, có nhiều vấn đề làm đau lòng bất cứ những ai thiết tha với sự nghiệp kiến tạo tương lai cho nhân loại. Trong sự phát triển này, nhân loại thật sự đã được những gì và mất những gì?

Về những cái *được*, nhân chủng học nói, nhân loại biết làm những công cụ bằng đá tinh vi hơn, đa dạng hơn; ngoài ra nhân loại cũng biết chế tạo đồ dùng bằng xương, bằng cây; biết làm rìu, làm dao, biết chế tạo cung tên; về sau nữa, nhân loại biết làm thêm đồ gốm để đựng và đun nấu, biết đan lưới đánh cá bằng sợi vỏ cây, biết trồng trọt và chăn nuôi, biết chiếm hữu những giang sơn riêng để định cư, sinh sống,… Nói tóm lại, con người đã đạt được những thành tựu tuy còn thô sơ, nhưng là một sự khởi đầu mạnh mẽ của lý trí trong việc phát triển đời sống văn minh vật chất.

Về những cái *mất*, giáo lý Đại Đạo nói, nhân loại bị lục dục thất tình che đậy Chơn Như Bổn Tánh, rời xa nhân bản, đánh mất sự hiền lương chất phác tâm hồn, đánh mất tình thương yêu tự nhiên đối với đồng loại. Từ đó, nếu xét về phần của từng cá nhân, thì con người đã đánh mất ngôi vị thiêng liêng của mình trong Tam Tài, đánh mất bản vị cao trọng của mình giữa vạn vật, đánh mất quyền năng mà Tạo Hóa đã ân ban, không còn đủ khả năng thực hiện sứ mạng lớn lao của mình trong vũ trụ; còn nếu xét về phần của cộng đồng, thì nhân loại đã đánh mất đời sống đại đồng, an lạc, thái bình. Nói tóm lại, nhân

[11] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 1, tiết 3, mục 4.

loại đã đánh mất Đại Đạo nội tại, và do đó, đánh mất cả một quá khứ huy hoàng về tâm linh cũng như những giá trị tinh thần to lớn mà mình đã có được trong những giai đoạn sơ khai.

Ở giai đoạn này trong các xã hội bán khai đã có sự phân chia giai cấp. Giữa các bộ lạc đã bắt đầu có sự tranh chấp những tài nguyên vật chất của thiên nhiên. Những cuộc chiến đấu để thôn tính lẫn nhau đã xảy ra, và do đó, mầm mống tự diệt của nhân loại đã bắt đầu xuất hiện.

Sự liệt kê này cho thấy, trong 20.000 năm đầu tiên của homo sapiens sapiens, nhân loại đã đánh mất rất nhiều về tâm linh trong khi chưa kịp thu hoạch bao nhiêu thành quả của lý trí. Như vậy, sự chuyển hướng này đã tạo ra một "khoảng trống" trong đời sống nhân loại: tâm linh thì suy thoái , trong khi lý trí thì chưa kịp phát triển đầy đủ. Nếu ta nhớ rằng nhân loại đã từng sống trong đời sống tâm vật bình hành suốt vài triệu năm, hoặc ít nhất cũng là vài trăm ngàn năm trước đó, thì ta có thể đánh giá được sự nguy hiểm của "khoảng trống" ở buổi giao thời này: nhân loại rất dễ dàng bị tập nhiễm bởi cái ác, dù khoảng trống u tối này kéo dài "chỉ" độ chừng vài ngàn năm.

Trong *khoảng trống u tối* này, ở hầu hết các nền văn hóa, đã xuất hiện một hình thái hoạt động mới của con người so với những thời kỳ trước đó; hình thái này được nhân văn học gọi là "ma thuật" (magic [Eng]) và giáo lý Đại Đạo gọi là "bàng môn, tả đạo". Ma thuật xuất hiện từ sự suy sụp của các tín ngưỡng tâm-vật bình hành, mà cụ thể hơn, sự suy thoái về tinh thần của con người. Sự suy thoái này khiến tinh thần không còn đủ sức kềm chế dục vọng của con người trong đời sống tâm linh, khiến cho những dục vọng ấy không ngừng tạo ra những nhu cầu vật chất mà trình độ văn minh khoa học của nhân loại lúc ấy chưa đủ khả năng để đáp ứng. Các xã hội bị đẩy vào nỗi khổ đau của những xung đột giữa những dục vọng không được kềm chế và những nhu cầu chưa có cách thỏa mãn. Vì vậy, ma thuật đã ra đời, khai thác những phép lạ huyền hoặc với hy vọng giải tỏa áp lực của những xung đột này. Càng ngày người ta sử dụng ma thuật trong càng nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống: giải trừ bệnh tật, điều khiển thời tiết, trả thù cá nhân, thôn tính các nước khác,… Đặc điểm chung của các ma thuật này là chúng luôn nhuốm màu sắc của dục vọng. Tuy nhiên, cũng cần phải nhấn mạnh rằng ma thuật không tạo ra dục vọng; nó chỉ bị dục vọng hóa bởi con người.

Trong *khoảng trống u tối* mà chúng ta nói đến, ma thuật là nỗ lực vươn lên của lý trí con người nguyên thủy với *hy vọng* bù đắp được những suy thoái của tâm linh. Không có niềm hy vọng này, có lẽ cuộc tiến hóa của nhân loại cho đến ngày nay vẫn còn dẫm chân tại chỗ ở khoảng trống u tối ấy. Malinowski đã nhận xét:

> "Nhìn từ xa lại và từ trên xuống, từ vị trí của nền văn minh phát triển, chúng ta rất dễ có thể thấy được sự thô sơ và không thích hợp của ma thuật. Nhưng nếu không có quyền lực và sự dẫn dắt của ma thuật, con người thuở sơ khai không thể làm chủ được những khó khăn trên thực tế như họ đã làm, và họ cũng không thể tiến lên được một giai đoạn cao hơn của văn hóa. Chính điều đó dẫn đến sự xuất hiện phổ biến của ma thuật trong các xã hội nguyên thủy và tác động to lớn của nó.

> Chính điều đó khiến chúng ta thấy ma thuật là một phụ gia kiên định của tất cả các hoạt động quan trọng. Tôi nghĩ chúng ta phải thấy trong ma thuật hiện thân của sự ngu xuẩn vô cùng của hy vọng, thuộc tính quý báu nhất của con người."[12]

Do ma thuật là nỗ lực vươn lên của lý trí con người nguyên thủy, ta có thể tìm thấy nơi ma thuật một chân dung sơ khai và mông muội của khoa học. James Frazer[13] viết:

> "Khi ma thuật xuất hiện trong hình thái thuần nhất và không biến chất của nó thì nó giả định rằng, trong tự nhiên, các hiện tượng, tất yếu và không thay đổi, sẽ nối tiếp nhau, không cần thiết có sự can thiệp của một nhân tố con người hay nhân tố thần linh. Quan niệm cơ bản của ma thuật như vậy là tương đồng với quan niệm của khoa học hiện đại (…)"[14]

Xem ra, ma thuật vừa là một sự kế thừa mà cũng vừa là một sự phủ định của các tín ngưỡng tâm-vật bình hành nguyên thủy. Là một sự kế thừa vì ma thuật cũng dựa vào các nguyên lý, nhưng là một sự phủ định vì nó hướng ngoại. Từ góc nhìn này, ta cũng có thể nói rằng khi mà những tín ngưỡng tâm-vật bình hành nguyên thủy bị suy thoái ở phần tâm linh, nghĩa là chúng bị thiên lệch về phía vật chất, thì chúng sẽ biến chất hoàn toàn để trở thành các hình thái ma thuật.

Đến đây, ta có thể hiểu tại sao ở cột mốc thời gian bắt đầu thời đại Đồ Đá Mới – khoảng 10.000 năm về trước – khi mà ánh sáng lý trí chưa kịp tỏa rạng, thì những bóng tối tâm linh đã bao phủ khắp trên đời sống tinh thần của nhân loại. Đức Quan Âm Bồ Tát đã dạy về điều này như sau:

"Từ ngàn xưa, các đấng giáo chủ chỉ nhắm vào sự cứu cánh tâm linh hơn là nhơn sanh. Khi cán cân chinh bên nào thì bổ khuyết vào bên ấy cho được thăng bằng. Nhưng tâm linh chưa bừng sáng trọn vẹn, thì cuộc chuyển thế đã đến kỳ. Vì vậy, sự chênh lệch chưa thăng bằng lại càng chênh lệch, bởi nhơn loại quá thiên về vật chất."[15]

Trong một đàn cơ khác, Đức Quan Âm Bồ Tát lại dạy:

"Thế giới nhơn loại sở dĩ có khổ nạn điêu linh tàn sát là vì tâm vật mất quân bình, thiên nhơn không hòa hợp đó thôi."[16]

Kể từ đấy, nhân loại không bao giờ còn có thể tự lực khôi phục lại đời sống thánh thiện thiên phú của mình nữa, nếu như không có sự khai mở tôn giáo của Đức Thượng Đế. Và việc xuất hiện các tôn giáo chẳng qua là việc chuyển hóa "phương thức tồn tại" của Đại Đạo trong nhân loại từ nội tâm sang ngoại giới, từ vô thể sang hữu tướng.

Nhưng quá trình chuyển hóa đó đã xảy ra như thế nào?

---

[12] B. Malinowski, "Ma Thuật, Khoa Học và Tôn Giáo" (Magic, Science and Religion), bản dịch của Dương Bích Hạnh, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.213.
[13] James George Frazer (1854-1941): nhà nhân loại học người Anh.
[14] J. Frazer, *Cành Vàng*, tr.91.
[15] Đức Quan Âm Bồ Tát; Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), Tuất thời, 25-07 Quý Sửu (23-08-1973).
[16] Đức Quan Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Ngọ thời, 19-06 Quý Sửu (18-07-1973).

2. "TIÊN THIÊN NHỨT KHÍ, DIỆU HÓA TAM THANH"

Trong kinh nhật tụng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có câu:

"Đạo cao nhứt khí, diệu hóa Tam Thanh"[17]

Câu kinh này còn được các Đấng Thiêng Liêng đề cập đến như là "*Tiên Thiên nhứt khí, diệu hóa Tam Thanh*"[18], hay *"Đạo pháp duy thâm, Tam Thanh ứng hóa"*[19].

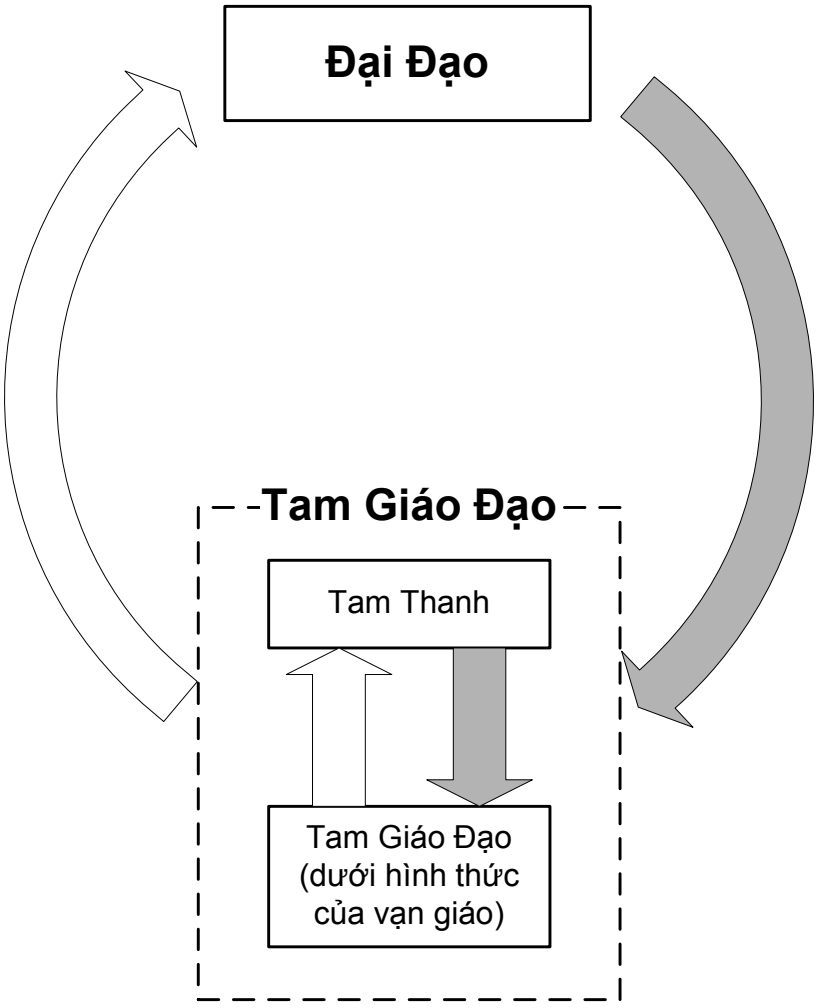

HÌNH 29. CHI TIẾT HÓA BÁN TRÌNH "ĐẠI ĐẠO PHÁT SINH TAM GIÁO ĐẠO" THÀNH BÁN TRÌNH ĐẠI ĐẠO ⇨ TAM THANH ⇨ TAM GIÁO ĐẠO.

[17] Tòa Thánh Tây Ninh, *Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*, "Tiên Giáo".
[18] Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 12-02 Kỷ Dậu (29-03-1969).
[19] Đức Thái Thượng Đạo Tổ; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 15-02 Quý Mão (09-03-1963).

Những câu này có liên quan đến một sự kiện quan trọng trong quá trình phát sinh Tam Giáo Đạo của Đại Đạo: Theo sự chuyển hướng của lịch sử nhân loại, Đại Đạo ứng hóa nên Tam Thanh, làm nền tảng để phát sinh Tam Giáo Đạo. Có thể biểu diễn điều này qua một giản đồ như sau:

ĐẠI ĐẠO ⇨ TAM THANH ⇨ TAM GIÁO ĐẠO

Giản đồ này là bán trình đầu của một chu trình tổng quát hơn, như được mô tả trong hình 29. Việc rút ra sơ đồ trong hình 29 sẽ được luận giải về sau; còn ở đây, độc giả chỉ cần biết qua bức tranh toàn cảnh mà giản đồ đang xét được nằm trong đó.

Đức Thái Thượng Đạo Tổ đã dạy:

*"**Đạo pháp duy thâm, Tam Thanh ứng hóa** với sự mầu nhiệm biến hóa vô biên, siêu cực thường chuyển, là một bí khuyết chơn pháp kỳ diệu của Đại Đạo Tiên Thiên Hư Vô."*[20]

Lời dạy này cho ta biết tổng quát về cách thức mà Đại Đạo biến hóa nên vạn vật trong vũ trụ. Đại Đạo tuy là một bản thể hư vô, nhưng do biến sinh ra Tam Cực (Vô Cực, Thái Cực và Hoàng Cực) mà có thể tạo dựng nên mọi vật[21]. Xét về mặt cấu tạo, vạn vật đều có ba yếu tố cơ bản là: nguơn Tinh, nguơn Khí, nguơn Thần; trong đó, Vô Cực tạo ra nguơn Tinh, Thái Cực tạo ra nguơn Thần, Hoàng Cực tạo ra nguơn Khí[22]. Như ta sẽ thấy về sau, ba yếu tố cơ bản trong cấu tạo của vạn vật chính là Tam Thanh. Như vậy, Tam Cực tạo dựng mọi vật thông qua Tam Thanh.

Khi con người xuất hiện trong vũ trụ, rồi lập thành các xã hội trên địa cầu này, thì hiển nhiên Tam Thanh cũng đóng vai trò ba yếu tố cơ bản trong cấu tạo cơ thể của mỗi cá nhân cũng như trong cơ cấu tổ chức của xã hội. Nhưng, trong khi những con vật vẫn có thể tồn tại không cần biết đến ba yếu tố cơ bản trong cấu tạo chúng, thì con người ở cả cấp độ cá nhân lẫn cấp độ xã hội đều không thể tồn tại và phát triển nếu không biết đến ba yếu tố cơ bản trong cấu tạo mình. Và để con người có thể nhận thức được những yếu tố cấu tạo cơ bản này, cần phải có sự giáo huấn. Và Tam Giáo Đạo chính là Tam Thanh trong sự giáo huấn ấy. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn đã từng dạy:

"Lòng Tạo Hóa bảo tồn vạn vật như (hoặc còn hơn) tình phụ mẫu đối với đoàn con. Do đó, có luật sinh trưởng và bảo tồn, cũng như luật sinh-trưởng-thu-tàng.(…) Con người được tạo đoan phải có đủ điều kiện để sống. Nếu sống mà tranh cạnh cấu xé nhau vì ích kỷ ắt sẽ tiêu diệt. Do đó phải đặt ra [các] ngành giáo huấn, từ văn chương, lễ nghĩa, đến đạo đức, bác ái vị tha để con người biết tình đoàn kết hỗ tương, tương thân

[20] Đức Thái Thượng Đạo Tổ; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 15-02 Quý Mão (09-03-1963).
[21] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*, "Đạo – Thượng Đế", tr.111.
[22] Ibid., "Nguyên Lý Nhất Tán Vạn – Vạn Quy Nhất", tr.151.

tương trợ để bảo tồn cho nhau. Do đó đã có Tam Giáo Đạo ra đời trong các thời kỳ để giáo dục quần sanh. Như trong câu kinh nhựt tụng có ghi: Tiên Thiên nhứt khí, diệu hóa Tam Thanh."[23]

Trong ngữ cảnh của quá trình phát sinh Tam Giáo Đạo, câu "Tiên Thiên nhứt khí, diệu hóa Tam Thanh" có thể được hiểu như sau:

- "Tiên Thiên Nhứt Khí": sự chiết linh để cứu thế của Thượng Đế;
- "Diệu hóa Tam Thanh": sự thiết lập ba nền chân truyền tâm pháp.

Ta hãy lần lượt đi vào các vấn đề này.

2.1. "Tiên Thiên Nhứt Khí": sự chiết linh để cứu thế của Thượng Đế

Từ thuở tạo dựng Trời Đất, Thượng Đế đã chiết linh để tạo ra vạn vật. Ở giai đoạn chuyển hướng này của lịch sử nhân loại, trước sự suy thoái trong đời sống tâm linh của con người, Thượng Đế lại chiết linh để cứu thế.

Nhưng thế nào là **chiết linh**?

Chữ "Linh" là một thuật ngữ đạo học được sử dụng để chỉ những gì có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến Thượng Đế (ví dụ: **Linh** Quang là ánh sáng Thượng Đế tính, nghĩa là ánh sáng mang tính chất Thượng Đế). Nói một cách đơn giản, Thượng Đế là **Linh**. Linh ấy vừa là một chủ thể hữu ngã, vừa là một thực tại vô ngã. Trên phương diện vô ngã, Thượng Đế là một Khối Đại Linh Quang, vốn là kết tụ tinh ba của Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí; còn trên phương diện hữu ngã, Thượng Đế là Đấng Tối Linh, Chúa Tể của càn khôn thế giới[24]. Do đó, khi Thượng Đế **chiết linh**, ít nhất một trong hai sự kiện sau đây sẽ xảy ra:

- Khối Đại Linh Quang sẽ phóng phát một điểm Tiểu Linh Quang vào thế gian,
- Đấng Chúa Tể càn khôn sẽ phóng phát một dòng linh điển đến thế gian.

Trong quá trình phát sinh Tam Giáo Đạo, tương ứng với hai sự kiện đó, sự chiết linh để cứu thế của Đức Thượng Đế đã được thực hiện qua hai cách thức:

- Phóng phát Linh Quang: Những điểm Linh Quang nào biết thực hiện thiên mạng cứu thế, thì tùy theo mức độ thành tựu của sứ mạng này, đã trở thành các bậc giáo tổ hoặc các sứ đồ của các tôn giáo ở thế gian; chúng tôi sẽ trình bày về cách thức này như là sự kiện Thượng Đế giáng trần qua các bậc giáo tổ.
- Phóng phát linh điển: Những dòng linh điển của Thượng Đế đã mạc khải chân lý Đại Đạo cho các bậc giáo tổ, các bậc sứ đồ, cũng như cho bất kỳ cá nhân nào ở thế gian biết tìm đến Thượng Đế trong nội tâm của chính họ; chúng tôi sẽ trình bày về cách thức này như là sự kiện Thượng Đế giáng trần qua sự huyền diệu.

---

[23] Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 12-02 Kỷ Dậu (29-03-1969).
[24] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*, "Đạo – Thượng Đế", tr.121.

2.1.1. Thượng Đế giáng trần qua các bậc giáo tổ

Mỗi con người được sinh ra trên thế gian này đều là một điểm Tiểu Linh Quang, một Chơn linh của Thượng Đế, được phóng phát do tình Tạo Hóa vô biên vô tận. Đức Cao Thượng Phẩm đã dạy:

"Điểm Chơn linh là một chiết linh của Ngôi Thái Cực. Nơi Ngôi Thái Cực là quyền năng của cả mọi thương yêu tự toại, không di không dịch. Vậy thì chiết linh của Ngôi Thái Cực, tức là điểm Linh Quang, hay là Linh hồn, do nơi khối thương yêu vô tận, sáng suốt vô biên, mà nảy sanh trên vạn linh, tạo thành luật công bình và bác ái."[25]

Từ khởi thủy của càn khôn vũ trụ, trong sự phóng phát Tiểu Linh Quang từ Thượng Đế, không hề có sự dự kiến rằng những điểm Tiểu Linh Quang nào sẽ trở thành bậc giáo tổ, sứ đồ, hiền nhân, thánh triết,… cũng như, không hề có sự dự kiến rằng những điểm Tiểu Linh Quang nào sẽ hóa thành kẻ phàm phu, tội lỗi,… Tất cả Tiểu Linh Quang được phóng phát đều đồng thể và đồng đẳng. Chính điều đó đã tạo thành luật công bình và bác ái trong càn khôn vũ trụ.

Nhưng cách sống của mỗi cá nhân trong cõi thế đã quy định phẩm vị cho chính mình.

Chúng ta hãy trở lại với giai đoạn lịch sử đang được nghiên cứu. Con người trong giai đoạn này bắt đầu hướng về đời sống lý trí. Dù bị thức trần che lấp, nguồn sống Đạo nội tại vẫn hằng tồn trong tự tại của con người. Thượng Đế, thông qua nguồn sống ấy, vẫn hằng tồn trong mỗi cá nhân trong nhân loại. Nhưng hầu hết những cá nhân này – trong đó có chúng ta ngày nay, do sự luân hồi nhiều kiếp – đều không còn biết rằng Ngài vẫn đang hiện hữu trong chính mình. Vì vậy, chúng ta không còn thấy được vạn vật qua cái nhìn của Ngài, không còn nghe được lời nói của Ngài để có thể cảm thông được tâm tư của vạn linh, không còn nhận ra được hành vi, động tác của Ngài trong tiềm thức của chúng ta.

May mắn thay, sự kiện đó tuy xảy ra trên *hầu hết* nhân loại, nhưng vẫn không phải là *toàn bộ* nhân loại. Thật sự, trong nhân loại, vẫn tồn tại cũng như vẫn xuất hiện thêm những cá nhân tự vượt qua được sự che lấp của thức trần, chứng nghiệm và sống thực với Đại Đạo nội tại của chính mình. Những cá nhân này đã đứng lên giữa một nhân loại đang hướng ngoại, mượn những yếu tố chân thiện mỹ trong văn hóa và tín ngưỡng sẵn có của dân gian, làm phương tiện để phát huy Đại Đạo tự tại của chính bản thân mình ra xã hội nhằm kêu gọi thiên hạ trở về với Đại Đạo nội tâm. Những cá nhân vĩ đại này đã được lịch sử nhân loại tôn thờ như là những bậc *giáo tổ*.

Như vậy, Thượng Đế đã giáng thế qua sự chứng đắc Đại Đạo của các bậc giáo tổ, và Thượng Đế đã cứu thế qua vĩ nghiệp cứu thế của bậc giáo tổ. Đó là căn nguyên trực tiếp phát sinh nên tất cả mọi tôn giáo trên thế gian. Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chính Đức Thượng Đế đã dạy:

---

[25] Đức Cao Thượng Phẩm; đàn cơ tại tư gia của nhân viên Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài (thuộc Tòa Thánh Tây Ninh), đêm 05-02 Nhâm Thìn; *Luật Tam Thể*.

"Tam Giáo Đạo là do Chơn linh của Thượng Đế giáng trần, lập nên danh từ, hình thức để dẫn dắt nhơn sanh. Sự bày phô khác nhau là chìu theo trình độ và lý trí của mỗi dân tộc, hầu hướng dẫn cho nhơn loại được trở về lẽ hồn nhiên của thời thượng cổ."[26]

Theo đoạn thánh ngôn trên đây, thì tất cả những bậc giáo tổ trên thế giới từ xưa đến nay – Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử, Jesus, Muhammad,… – đều là Thượng Đế giáng trần để cứu thế. Và tá trợ cho các Ngài, cũng như tiếp nối đạo nghiệp của các Ngài, là các vị sứ đồ, cũng là những chiết linh của Thượng Đế.

Sự kiện này đã được khẳng định trong kinh sách của mỗi tôn giáo. Mỗi tôn giáo – một cách trực tiếp hay gián tiếp – đều khẳng định rằng đấng giáo tổ của mình là Thượng Đế giáng thế. Chúng ta hãy xem một số ví dụ.

Bà La Môn giáo (Brahmanism [Eng]) là một tôn giáo cổ đại, do Đức Brahmâ giáng sinh ra tại Ấn Độ mà lập ra. Sự kiện này được giáo lý Bà La Môn, cũng như giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nhìn nhận là một sự giáng thế của Đức Thượng Đế. Theo giáo lý Bà La Môn, Đức Brahmâ là một trong ba ngôi của Thượng Đế. Theo giáo lý Đại Đạo, *"Phật Thích Ca chưa ra đời, thì đã có Nhiên Đăng Cổ Phật và Brahmâ truyền Đạo."*[27]; và Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã giải thích trong một bài thuyết đạo: "Đức Chí Tôn đã tái kiếp làm Brahmâ đặng giáo đạo cho loài người."[28]

Tại Do Thái, Chúa Jesus giáng sinh để lập Ky Tô giáo. Theo kinh thánh Tân Ước, đó là sự giáng thế của Ngôi Lời, tức là Thiên Chúa Ngôi Hai[29] nếu nói bằng ngôn ngữ thần học; còn nếu dùng ngôn ngữ tượng trưng thì đó là sự giáng thế của Con Một (người con duy nhất) của Đức Chúa Trời. Giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng nhìn nhận điều này. Bài kinh "Kính Lạy Đức Gia Tô Giáo Chủ" được mở đầu bằng những câu:

"Lạy cầu Con Một Chúa Cha,
Gia Tô Cứu Thế, xót xa tôi cùng.
Cũng vì nơi tội tổ tông,
Ngôi Hai phải dụng máu hồng rửa tan."[30]

Đức Muhammad giáng sinh làm người Ả Rập để khai mở Hồi giáo (Islam), đem đạo đức đến khai hóa cho dân Ả Rập. Đức tin Hồi giáo xem Đấng Thiên Sứ Muhammad là hiện thân của Đấng Thượng Đế Chí Tôn tại thế gian. Khi Đức Muhammad "quy thiên" ("vafat", theo ngôn ngữ của Hồi giáo), Ngài Abu Bakar – người sau này sẽ kế vị Đức Muhammad – đã nói với giáo dân: "Những ai chỉ tin ở Thiên Sứ Muhammed hãy biết là Thiên Sứ Muhammed đã *vafat*. Còn những ai tin tưởng ở Đấng Chí Tôn Chí Đại Allah thì

---

[26] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Hườn Cung Đàn, 01-01 Nhâm Dần (04-02-1962).
[27] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ô Môn, 08-10 Bính Dần (12-11-1926); Tòa Thánh Tây Ninh, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.
[28] Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc; Đền Thánh, đêm 29-03 Nhâm Thìn (23-04-1952); *Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp* (Q.5), "Khai Nguơn và Chuyển Thế". http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/tam.htm; 15-12-2001.
[29] *Tân Ước*, "Giăng", 1:1-5.
[30] Tòa Thánh Cao Đài Chơn Lý, *Ngọc Đế Chơn Truyền*, "Kính Lạy Đức Gia Tô Giáo Chủ".

hãy hiểu là Đấng Chí Tôn Chí Đại sống mãi mãi không bao giờ chết."[31] Lời nói này đã ám chỉ rằng Đức Muhammad là một hóa thân của Đấng Chí Tôn Chí Đại Allah.

Đối với giáo lý Đại Đạo, việc một tôn giáo nhìn nhận đấng giáo tổ của mình là Thượng Đế giáng thế là một việc tất yếu và hoàn toàn hợp đạo lý. Sự nhìn nhận ấy ở tôn giáo này không hề phủ định sự nhìn nhận ấy ở tôn giáo khác, vì Thượng Đế có rất nhiều hóa thân, giáng thế trong những không-thời gian khác nhau. Chính vì vậy, trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế đã dạy:

"Hiểu rằng: nghiệp quả trần duyên,
Tên là cái giả triền miên muôn đời.
Xuống lên, lên xuống liên hồi,
Đến tên Ngọc Đế mấy hồi đổi thay;
Khi xưng giáo chủ Cao Đài,
Khi xưng Thiên Chúa, khi khai Di Đà.
Lắm hồi Bồ Tát Ma Ha,
Bao lần Khổng Mạnh cũng Già nầy đây."[32]

Trong bài thơ này, Đức Chí Tôn Thượng Đế tự xưng mình là "Già". Ngài xác nhận rằng, tên của các đấng giáo tổ, các bậc sứ đồ thuộc mọi tôn giáo trên thế giới đều là những phiên bản khác nhau của tên Ngài, tức là Thượng Đế. Cách nói này hàm ngụ một khẳng định mạnh mẽ hơn: tất cả những con người đã từng khai đạo, truyền đạo để cứu đời đều là những chiết thân của Thượng Đế trong cơ cứu độ.

Bước chân cứu độ của Thượng Đế đã đi qua mọi nền văn hóa trên thế giới, từ Ai Cập, Lưỡng Hà cho đến Ấn Độ, Trung Hoa. Những cái tên mà Ngài đã mang cũng như những hình tướng tôn giáo mà Ngài đã lập, dĩ nhiên, có thể khác biệt nhau hoàn toàn, do sự khác biệt của những sắc thái văn hóa. Nhưng điều đó không có nghĩa là có nhiều Thượng Đế khác nhau hoặc có nhiều Đạo khác nhau. Tôn giáo tuy nhiều, Đạo chỉ có một; giáo tổ tuy khác nhau, Thượng Đế là duy nhất.

2.1.2. Thượng Đế giáng trần qua sự huyền diệu

Không chỉ giáng trần bằng Linh Quang, Thượng Đế còn giáng trần bằng linh điển. Qua kinh sách của nhiều tôn giáo, chúng ta thấy không một đấng giáo tổ nào phải đơn độc trong công cuộc cứu thế: Đức Thượng Đế hữu ngã luôn ở bên cạnh các Ngài để mạc khải chân lý Đạo, dẫn dắt bước chân thiên mạng của các Ngài trên con đường thế Thiên hành Đạo, gia tăng nguồn sức mạnh tinh thần và thể chất cho các Ngài,…

Chúng ta hãy xem xét một số ví dụ để minh họa cho sự giáng thế bằng linh điển của Thượng Đế, thông qua những sự kiện huyền diệu mà các kinh điển còn ghi chép và lưu truyền lại cho đến ngày nay.

---

[31] *Nabi Muhammed*, tr.109.
[32] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 30-12 Giáp Thìn (01-02-1965).

Theo kinh điển Phật giáo, ví dụ kinh Pháp Hoa, mỗi khi Đức Phật Thích Ca thuyết kinh, chư Phật từ tất cả các cõi thường sử dụng thần lực để chứng minh cho chúng sanh thấy chân lý của kinh mà Đức Thích Ca đang thuyết. Theo ngôn ngữ mà ta đang sử dụng ở đây: Thượng Đế đã đến với Đức Thích Ca qua chư Phật từ các cõi.

Theo các kinh điển Khổng giáo, ví dụ Luận Ngữ, Đức Khổng Tử dùng các nghi lễ cúng tế để liên lạc với Trời. Trong đời sống của mình, Đức Khổng Tử luôn hành xử như là có Thượng Đế hiện diện trước mặt Ngài.

Trong Kinh Thánh Cựu Ước, Thượng Đế đã đến với Thánh Moses qua ngọn lửa ở núi Thánh (núi Sinai)[33].

Trong Kinh Thánh Tân Ước, Thượng Đế đã đến với Chúa Jesus qua Đức Thánh Linh và các Thiên Sứ[34].

Theo các kinh điển Hồi giáo, Thượng Đế đã đến với Thánh Muhammad qua Thiên Sứ Gabriel (hay Jibril) để truyền ban những thần khải, mà nhờ đó, Muhammad đã tuyên đọc ra thành Kinh Thánh Qur'an[35].

Qua kinh điển của các tôn giáo, ta thấy Đức Thượng Đế dùng linh điển đến với mỗi vị giáo tổ, cũng như mỗi tôn giáo, theo một cách thức khác nhau. Với những tôn giáo thiên về nội hướng – ví dụ như Thích giáo, Lão giáo hay Khổng giáo – Thượng Đế thường giáng điển qua những diệu dụng của những pháp môn trong nội tâm, hơn là qua những sự kiện huyền diệu trong thế giới hiện tượng. Với những tôn giáo thiên về ngoại hướng – ví dụ như Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo – Thượng Đế thường giáng điển qua những phép lạ mà con người có thể quan sát thấy trong thế giới hiện tượng, để từng bước dẫn dắt con người vào đường đạo đức và xa hơn nữa là vào lĩnh vực tâm pháp.

Nguyên do nào đã khiến Thượng Đế giáng điển theo những cách thức khác nhau? Chính là do **căn trí** của nhân sanh, của đối tượng mà mỗi tôn giáo phải cứu độ. Ở đây, **căn trí** là một phạm trù bao gồm nhiều yếu tố: trình độ tiến hóa về tâm linh, tập quán văn hóa xã hội, hoàn cảnh lịch sử, biệt nghiệp của mỗi cá nhân và cộng nghiệp của xã hội.

Với Do Thái giáo, khi Thượng Đế cứu toàn thể dân tộc Do Thái ra khỏi cuộc đời nô lệ ở Ai Cập, Ngài đã dùng rất nhiều phép lạ. Ví dụ, phép lạ từ tay Moise để thuyết phục vua Ai Cập rằng Thượng Đế đang đến để lập lại sự công bình, phép lạ trên biển Hồng Hải để trừng phạt những người Ai Cập mang vũ khí và cứu những người nô lệ Do Thái tay trắng, và những phép lạ khác, đến liên tục với người Do Thái trong suốt cuộc hành trình kéo dài 40 năm để trở về miền đất mà Thượng Đế hứa ban cho họ.

Nhưng với Khổng giáo, chúng ta không hề thấy nhưng phép lạ như vậy. Cùng lắm, kinh điển Khổng giáo cũng chỉ đề cập đến những chuyện được xem là hiếm hoi như việc kỳ lân xuất hiện khi Đức Khổng Tử gần qua đời.

---

[33] *Cựu Ước*, "Xuất Ê-díp-tô ký", 3:1-17, 19:1-20.
[34] *Tân Ước*, "Ma-thi-ơ", 4:1-11.
[35] *Nabi Muhammed*, tr.14-16.

Nếu đối chiếu, ta sẽ thấy rõ rằng hai tôn giáo này (ở thời điểm mà mỗi tôn giáo được sáng lập) dành cho hai trình độ căn trí rất khác biệt nhau.

Ở trường hợp Do Thái giáo, người Do Thái đã từng bị nô lệ từ đời này sang đời khác, không có một điều kiện thuận lợi nào để phát triển đạo đức và trí tuệ. Họ chỉ nhìn thấy sức mạnh của cường quyền mà họ đã thật sự chịu đựng. Nếu đem đạo lý cao sâu ra giảng giải, họ khó có thể hiểu được; nhưng nếu dùng phép lạ để nói với họ về quyền năng của Thượng Đế, thì họ có thể hiểu được dễ dàng hơn nhiều. Một khi họ đã hiểu được như vậy rồi, thì mới có thể tiếp tục giáo hóa họ bằng những bài học về đạo đức.

Trong khi đó, ở trường hợp Khổng giáo, đối tượng giáo huấn chủ yếu thời bấy giờ là những người có trí, có học. Đức Khổng Tử đi chu du qua các nước chư hầu trên đất Trung Hoa để dạy cho vua chúa, quan lại, trí thức (tức là những người mà trí năng đã đạt đến một trình độ nhất định trong xã hội) phương cách để thay Trời hành đạo. Phép lạ ở đây phải là phép lạ do sự hành đạo đúng quy luật và hợp nhân tâm tạo ra. Một quốc gia đang suy yếu và loạn lạc, nếu vua biết áp dụng giáo huấn của Đức Khổng Tử thì quốc gia sẽ trở nên cường thịnh và an trị, và chính sự thay đổi như vậy là phép lạ mà Thượng Đế mang đến cho đối tượng ở trình độ căn trí này.

Mỗi tôn giáo là một dự án cứu thế hướng đến những mục tiêu đã được xác định, là một chương trình giáo huấn dành cho những đối tượng nhân sinh đã được dự kiến. Đối tượng cứu rỗi của mỗi tôn giáo *ban đầu* thường là một dân tộc cụ thể, một cộng đồng xã hội cụ thể, hay một thành phần xã hội cụ thể. Sau khi chứng minh được sự thành công của mình trên những đối tượng ban đầu, mỗi tôn giáo sẽ nhanh chóng mở rộng cho những đối tượng có cùng căn trí với đối tượng ban đầu ở những khu vực địa lý rộng lớn hơn và ở những thời đại khác biệt nhau trong lịch sử. Bởi vậy, ở những không-thời gian khác nhau trong sự trưởng thành của tôn giáo, Thượng Đế cũng giáng điển theo những cách thức khác nhau. Khi một tôn giáo còn ở vào thời thơ ấu của nó, những phép lạ sẽ xuất hiện nhiều hơn so với khi nó đã trưởng thành. Và càng trưởng thành, tôn giáo càng phải chuyển từ ngoại hướng vào nội hướng, chuyển từ những phép lạ có tính chất thu hút sự hiếu kỳ của quần chúng sang những giáo huấn về việc trau dồi nội tâm. Nhờ những giáo huấn như vậy, con người mới có thể thật sự tiến hóa và tìm thấy những quyền năng mới trong bản thân mình. Biết khai phóng những quyền năng tiềm ẩn này, con người sẽ tạo nên được những phép lạ cho việc hoàn hảo hóa bản thân và xã hội.

Tại sao ngày nay Do Thái giáo không còn gặp Thượng Đế qua khối lửa trên núi Si-nai nữa? Tại sao ngày nay Ky Tô giáo không còn những phép lạ như cứu La-da-rô, một người đã chết và đã được chôn vào mộ, sống dậy như Chúa Jesus đã từng làm? Câu hỏi này có thể được đặt ra cho bất kỳ tôn giáo nào mà phép lạ đã từng xuất hiện trong quá khứ nhưng ngày nay không còn nữa. Lời giải đáp chung cho tất cả, đó là: Vì những tôn giáo này đã trưởng thành, chứ không phải là vì những điều linh thiêng ấy đã không còn nữa. Và mặc dầu những phép lạ của thời thơ ấu nơi một tôn giáo đã kết thúc, họ luôn luôn có thể gặp Thượng Đế qua sự tu tiến trong nội tâm của mình. Những kết quả tu tiến mang tính chất tự lực sẽ tạo nên những phép lạ có khả năng biến đổi con người phàm phu thành thần, thánh, tiên, phật; và nếu những kết quả ấy đến từ nhiều con người tu chứng trong thế giới

này, chúng chắn chắn sẽ thay đổi thế giới từ một chiến trường của những cuộc chiến tranh bất tận thành một đời sống thái bình thánh đức.

Tóm lại, bằng cách chiết linh, Đức Thượng Đế đã giáng phàm trong tư cách Đấng Cứu Thế. Cả Linh Quang lẫn linh điển của Ngài đã xuống thế gian, nương theo trình độ của mỗi dân tộc, mượn văn hóa của các dân tộc để phát triển các tín ngưỡng nguyên thủy thành các tôn giáo, nhằm giáo hóa toàn thể nhân loại về đạo đức. Sự giáo hóa này được thực hiện theo từng bước từ dễ đến khó, từ căn bản đến nâng cao, nhằm đưa con người trở về lại với Đại Đạo nội tại của chính con người, mà trong những giai đoạn trước đó, con người đã từng sống.

2.2. "Diệu hóa Tam Thanh": sự thiết lập ba thành tố tâm pháp chân truyền

2.2.1. Tam Thanh là gì?

Tam Thanh (三清 Snqyng [Chn], Three Purities [Eng][36], Les Trois Purs [Frc][37]) là một khái niệm đạo pháp trong giáo lý Đại Đạo. Nội hàm và ngoại diên của khái niệm này có thể được định nghĩa như sau.

Về nội hàm, **Tam Thanh** là **ba thành tố tâm pháp chân truyền của Đại Đạo**. Định nghĩa này có thể được tìm thấy trong "Đại Thừa Chơn Giáo" qua lời dạy sau đây của Đức Thượng Đế:

> *"Tam Thanh vốn chơn truyền tâm pháp,*
> *Tam giáo quy, phù hạp thiên nhiên;*
> *Nghịch hành: phản bổn hoàn nguyên,*
> *Thuận hành: sa đọa, hạ miền trầm luân."*[38]

Đó chính là ba thành tố căn bản, cấu tạo nên nền chơn pháp cao thâm của Thượng Đế để cứu rỗi nhân loại trên địa cầu này:

> "Luyện tánh tu tâm học đạo mầu,
> **Tam Thanh chơn pháp Đạo tham cầu**;
> Chơn Thân hiện xuất thông Thiên Đạo,
> Thượng tiếp Tiên Thiên thoát địa cầu."*39*

Về ngoại diên, **Tam Thanh** bao gồm: [1] **Thái Thanh** (太清 Tiqyng [Chn], The Grand Pure One [Eng]) hay cũng được gọi là Chơn Thanh, [2] **Thượng Thanh** (上清 Shngqyng [Chn], The Supreme Pure One [Eng]), [3] **Ngọc Thanh** (玉清 Yqyng [Chn], The Jade Purity [Eng]). Trong "Đại Thừa Chơn Giáo", Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã dạy:

---

[36] http://en.wikipedia.org/wiki/Three_Pure_Ones; 28-07-2010.
[37] http://fr.wikipedia.org/wiki/Trois_Purs; 28-07-2010.
[38] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 11-08 Bính Tý (1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.254.
[39] Đức Cao Đài Giáo Chủ (Ngọc Hoàng Thượng Đế); 09-08 Bính Tý (1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.216.

"Tam Thanh là: Chơn Thanh (Thái Thanh), Ngọc Thanh và Thượng Thanh."[40]

Và Ngài giải thích:

"Chơn Thanh là nguơn Khí; Thượng Thanh là nguơn Thần; Ngọc Thanh là nguơn Tinh."[41]

Nguơn Tinh (元精), nguơn Khí (元氣), và nguơn Thần (元神) còn được giáo lý Đại Đạo gọi là Tam Bửu (三寶). Đối với vạn vật, Tam Bửu là ba yếu tố cấu tạo cơ bản; đối với con người, Tam Bửu còn là nguồn sống Đạo tự hữu. Nếu con người biết bảo tồn Tam Bửu, thì chẳng những con người sẽ sống được với cái sống hồn nhiên thánh thiện, nhàn lạc thung dung như thuở ban sơ, mà hơn thế nữa, con người còn tự giải thoát được mình ra khỏi vòng cương tỏa của sự luân hồi chuyển kiếp:

"Bảo Tinh, dưỡng Khí, tồn Thần,
Theo đường Trung Đạo, thoát thân luân hồi."[42]

Như vậy, Tam Thanh – gồm Thái, Thượng, và Ngọc Thanh – là ba thành tố căn bản của nền tâm pháp chân truyền do Thượng Đế lập ra. Ba thành tố tâm pháp này nhằm để dạy con người bảo tồn Tam Bửu – Tinh, Khí, và Thần – vốn là nguồn sống Đạo tự hữu nơi con người kể từ khi con người vừa xuất hiện ở thế gian.

2.2.2. Nguyên lý của Tam Giáo Đạo

Khai triển thêm định nghĩa của khái niệm Tam Thanh trên đây, có thể nói rằng: **Tam Thanh là nguyên lý của Tam Giáo Đạo**. Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy:

"Đạo vốn có từ ngôi Vô Cực,
Khối Hồng Mông không dứt chuyển xoay;
Hóa ngôi Thái Cực là Thầy,
Huyền Khung Thượng Đế sắp bày thế gian.

Đạo là cơ tạo đoan cứu cánh,
Đạo là đường chơn chánh siêu nhiên;
Đạo là Nhứt Khí Tiên Thiên,
***Tam Thanh ứng hóa, Phật, Tiên, Thánh, Thần**."*[43]

Đại Đạo vốn có kể từ khi chưa có Trời Đất, là một bản thể mầu nhiệm biến sinh Vô Cực rồi Thái Cực. Khi Thái Cực – tức là Thượng Đế – sáng tạo ra thế gian và con người qua cơ tiến hóa, thì Đại Đạo cũng gắn liền với con người thông qua ngôi Hoàng Cực. Đến khi con người lãng quên bản thể Đạo, lìa bỏ ngôi Hoàng Cực của chính mình, thì Đại Đạo từ một Khí Tiên Thiên duy nhất ứng hóa thành Tam Thanh thông qua ba đường lối giáo

[40] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 28-08 Bính Tý (13-10-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.322.
[41] Ibid., tr.324.
[42] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 18-08 Bính Tý (30-10-1936); Đại Thừa Chơn Giáo, *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.346.
[43] Đức Di Lạc Thiên Tôn; Trúc Lâm Thiền Điện, Ngọ thời, 20-08 Ất Tỵ (15-09-1965).

hóa khác nhau để đưa con người không những trở lại địa vị con người mà còn thăng tiến lên những ngôi vị Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Như vậy, Tam Thanh là nền tảng của Tam Giáo Đạo. Và sứ mạng dẫn dắt con người tiến hóa lên những ngôi vị Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng chính là sứ mạng cứu thế của mọi tôn giáo trên thế giới:

"Sứ mạng tôn giáo là đem nhân tố sinh tồn cho loài người."[44]

Nhân tố sinh tồn ấy nằm ở đâu? Về cơ bản, nhân tố sinh tồn ấy đã nằm ngay trong mỗi cá nhân: đó là Đại Đạo nội tại của con người. Tuy nhiên, vì con người bị thức trần che lấp làm cho vô minh nên không còn thấy được sự hiện hữu của nhân tố sinh tồn nội tại này. Bởi đó, mỗi tôn giáo trong đường lối cứu độ của mình đều đem đến cho con người một nhân tố sinh tồn ngoại tại, nằm trong các giáo huấn và pháp môn. Nhờ nhân tố sinh tồn ngoại tại ấy, con người có thể tìm lại được nhân tố sinh tồn nội tại, và không những thế, còn có thể tự khai triển được Đại Đạo nội tại trong bản thân mình. Một khi đã khai triển được Đại Đạo nội tại thì con người tự cứu rỗi được bản thân:

"Đạo là những gì sẵn có nơi mọi người, là những phép tắc khai triển nó ra để tự cứu rỗi."[45]

Như đã được trình bày ở phần trên, Tam Thanh là tâm pháp chân truyền của Thượng Đế mà mọi tôn giáo đều sử dụng để dạy con người bảo tồn Tam Bửu. Hễ bảo tồn được Tam Bửu thì con người sẽ thoát khỏi luân hồi. Do đó, Tam Thanh là nguyên lý của sự tự cứu rỗi chính mình.

Vậy, Tam Thanh chính là nguyên lý của Tam Giáo Đạo.

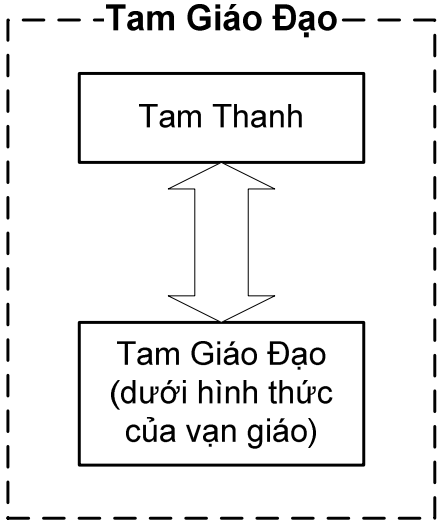

[44] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 07-01 Nhâm Tý (22-02-1972).
[45] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Trúc Lâm Thiền Điện, Tý thời, 18-07 Canh Tuất (18-08-1970).

HÌNH 30. TAM THANH LÀ NGUYÊN LÝ CỦA TAM GIÁO ĐẠO.

Từ đây, nếu ta nhìn Tam Giáo Đạo như là một hệ thống được xây dựng trên nền tảng là Tam Thanh, thì Tam Giáo Đạo sẽ thể hiện một cấu trúc hệ thống gồm hai phần: [1] phần nguyên lý, tức là Tam-Giáo-Đạo-trong-nguyên-lý-của-chính-mình, là Tam Thanh; [2] phần hiện thực, tức là Tam-Giáo-Đạo-dưới-hình-thức-của-vạn-giáo. Sơ đồ biểu diễn hệ thống này được trình bày ở hình 30.

Như đã nói trước đây, trong định luật "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo", cả Đại Đạo lẫn Tam Giáo Đạo đều có thể được quan niệm như là những cấu trúc hệ thống trong không-thời gian. Bây giờ, khi xét Tam Giáo Đạo như một hệ thống được biểu diễn ở hình 18, chúng ta sẽ có được sơ đồ như ở hình 31.

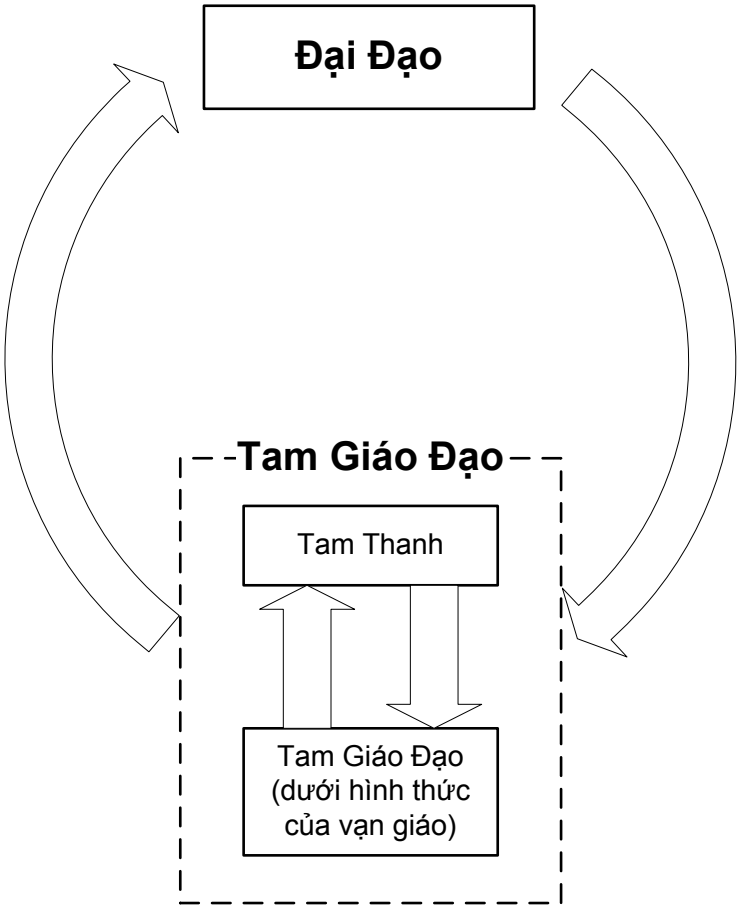

HÌNH 31. S□ ĐỒ BIỂU DIỄN ĐỊNH LUẬT VỀ SỰ DIỄN BIẾN CỦA LỊCH SỬ CỨU ĐỘ (TRONG ĐÓ, CÓ XÉT ĐẾN TAM GIÁO ĐẠO NH□ MỘT HỆ THỐNG CÓ NGUYÊN LÝ LÀ TAM THANH).

2.2.3. Tính căn bản của ba thành tố cấu tạo nên tâm pháp chân truyền

Tam Thanh là ba thành tố căn bản, cấu tạo nên tâm pháp chân truyền của Đại Đạo. Thế thì, đối với tâm pháp Đại Đạo, tính căn bản của ba thành tố này nằm ở đâu, và thể hiện như thế nào?

Xét về diệu dụng, Tam Thanh là chìa khóa để tận độ chúng sanh trong cõi sa bà; ai được trao và biết sử dụng hiệu quả chìa khóa này đều có thể tự độ lấy mình để trở thành bậc chánh đẳng chánh giác. Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy:

"Một Khí Hồng Mông lại hóa ba,
Hóa ba trải khắp cõi bà sa;
Bà sa độ tận, người tu chứng,
Tu chứng, cung Trời sẽ lại qua."[46]

Câu "Một Khí Hồng Mông lại hóa ba" nói rằng Đại Đạo ("Một") hóa thành Tam Thanh ("Ba"). Xét về bản chất, Tam Thanh là quyền năng tạo hóa và tiềm năng tiến hóa của càn khôn vũ trụ. Nếu con người biết khai phóng và vận dụng quyền năng này (ví dụ, sử dụng Tam Bửu trong con người), thì con người có thể đạt được một hiệu năng tiến hóa vô hạn thông qua việc chứng đắc Đại Đạo.

Vì vậy, Thượng Đế đã dùng Tam Thanh làm chánh pháp cứu thế:

"Tiên Thiên Nhất Khí hóa Tam Thanh,
Thiên Địa khai môn, vạn vật thành;
Chuyển lập Long Hoa, khai vận hội,
Quy tông, chánh pháp độ quần sanh."[47]

Tất cả tôn giáo, được lập ra trên thế gian kể từ cột mốc chuyển hướng của lịch sử nhân loại, đều phải dùng đến Tam Thanh – cả Thái Thanh, Thượng Thanh, lẫn Ngọc Thanh – mới có đủ quyền năng cứu thế. Vì sao?

Vì mọi vấn đề của con người mà các tôn giáo phải giải quyết, xét cho cùng, đều là việc đưa con người trở lại nguồn sống Đạo tự hữu nơi chính mỗi con người, tức là Đại Đạo nội tại ở mỗi con người. Mà như đã phân tích, nguồn sống tự hữu đó là Tam Bửu, tức là nguơn Tinh, nguơn Khí và nguơn Thần trong con người. Do đó, muốn giải quyết bất kỳ một vấn đề nào của con người, nhất thiết phải giải quyết những vấn đề tương ứng có liên quan đến Tam Bửu của con người. Và muốn giải quyết những vấn đề có liên quan đến Tam Bửu con người, phải dùng đến Tam Thanh.

Thuật ngữ "Tam Thanh" có nguồn gốc từ Lão giáo (Đạo giáo). Các tôn giáo khác tất nhiên sẽ có những thuật ngữ khác nhưng cũng tương đương với "Tam Thanh" về nội dung, và đều tương ứng với những pháp môn cụ thể khác nhau để giải quyết vấn đề Tinh-

[46] Đức Thái Thượng Đạo Tổ; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 02-01 Giáp Dần (24-01-1974).
[47] Đức Thái Thượng Đạo Tổ; Nam Thành Thánh Thất; Tuất thời, 19-02 Kỷ Dậu (31-03-1969).

Khí-Thần của con người ở những phạm vi và mức độ khác nhau. Ví dụ, Phật giáo (Thích giáo) thì có Tam Quy, Nho giáo (Khổng giáo) thì có Tam Cang. Các ví dụ này được lấy từ thánh ngôn của Đức Thượng Đế trong kinh "Đại Thừa Chơn Giáo":

*"Nho thì có **Tam Cang**, là:*

- *quân thần cang là nguơn thần,*
- *phụ tử cang là nguơn khí,*
- *phu thê cang là nguơn tinh.*

*(…) Thích thì **Tam Quy**, là:*

- *quy y Phật là tịnh dưỡng nguơn thần,*
- *quy y Pháp là gìn giữ nguơn khí,*
- *quy y Tăng là bảo tồn nguơn tinh.*

*Đạo thì **Tam Thanh**, là:*

- *Chơn Thanh (Thái thanh) là nguơn khí,*
- *Thượng Thanh là nguơn thần,*
- *Ngọc Thanh là nguơn tinh,*

***Đó là Đạo**, các con phải biết."*[48]

Đoạn thánh giáo trên đây cho ta một lối tư duy rất phóng khoáng để tìm thấy sự tương đồng trong khái niệm "Tam Thanh" giữa những tôn giáo khác nhau; dĩ nhiên rằng mỗi tôn giáo sẽ dùng những thuật ngữ khác nhau để chỉ những bộ ba (triplet) mà ta gọi là "Tam Thanh" này.

Vấn đề được đặt ra ở đây là: những bộ ba được nêu trong đoạn thánh giáo có liên hệ với nhau như thế nào? Có người, sau khi đọc đoạn thánh giáo trên đây, đã thực hiện một phép đồng nhất rất máy móc: "phu thê cang" của Nho giáo là "quy y Tăng" của Phật giáo và là "Ngọc Thanh" của Lão giáo, "phụ tử cang" của Nho giáo là "quy y Pháp" của Phật giáo và là "Chơn Thanh" của Lão giáo,… Thật khó mà thấy được một ý nghĩa rõ ràng nào của sự đồng nhất này. Thậm chí, nếu ta lấy một phần tử trong bất kỳ bộ ba nào và lần lượt so sánh nó với các phần tử trong một bộ ba khác, ta sẽ thấy không có một sự tương đồng gì hết, mặc dù chúng có những liên hệ xa gần nào đó với nhau! Thế nhưng, cách phối hợp và mối tương quan giữa các phần tử trong từng bộ ba lại biến mỗi bộ ba thành một hệ thống tương đồng với nhau; và đây mới thật sự là ý nghĩa của các bộ ba. Chúng tôi sẽ chỉ rõ điều này.

Mỗi bộ ba này, như có thể thấy được qua đoạn thánh giáo, là một hệ thống có cấu trúc. Trước đây, chúng tôi đã chỉ ra rằng số 3 tam giác (trong dãy số tam giác Pythagoras 1, 3, 6, 10, 15,…) là con số biểu diễn số lượng nhỏ nhất các yếu tố cần và đủ để tạo nên những

[48] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 28-08 Bính Tý (13-10-1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.324.

cấu trúc tối thiểu giúp cho vạn vật tồn tại và tiến hóa. Theo giáo lý Đại Đạo, cấu trúc tối thiểu này gồm có ba phần:

- **Thể**, tức là cái mà nhờ nó, cấu trúc mới hiện hữu như là chính nó. Tùy theo từng trường hợp, Thể sẽ là bản thể của cấu trúc, hoặc nguyên lý của cấu trúc, hoặc nền tảng của cấu trúc, hoặc phần tâm linh của cấu trúc, hoặc chủ thể quyết định sự tồn tại của cấu trúc.
- **Tướng**, tức là cái mà nhờ nó, cấu trúc mới hiện hữu như là một vật trong vũ trụ, bên cạnh những vật khác. Tùy theo từng trường hợp, Tướng sẽ là mô thức, hình thức, dạng thức của cấu trúc, hoặc phần vật chất của cấu trúc.
- **Dụng**, tức là cái mà nhờ nó, cấu trúc mới hiện hữu như là một vật có ý nghĩa, có giá trị, có mục đích đối với con người. Tùy theo từng trường hợp, Dụng sẽ là công dụng của cấu trúc, hoặc tác dụng của cấu trúc, hoặc năng lực của cấu trúc, hoặc năng lượng của cấu trúc.

Đó là cấu trúc tối thiểu của một hệ thống có khả năng tồn tại và tiến hóa.

Theo ngôn ngữ của Thích giáo, cấu trúc tối thiểu này chính là Tam Bảo (Tri-ratna [Skr]) "Phật-Pháp-Tăng", tức là ba quyền năng làm nên sự hiện hữu cho toàn thể chúng sinh. Vì Thích giáo là một tôn giáo chủ trương giải thoát tâm linh, nên cấu trúc này được áp dụng vào tâm linh con người. Khi đó, Phật là tánh, nghĩa là cái tự tại tự do của con người (thuộc về Thể); Pháp là tâm, nghĩa là cái chủ thể nhận thức và hành động của con người, chủ thể này quyết định giá trị của con người (thuộc về Dụng); Tăng là thức, nghĩa là cái thể hiện ra thành hình dạng bên ngoài theo nghiệp duyên của con người (thuộc về Tướng). Do sự áp dụng này mà xuất hiện Tam Quy như là dạng thức thực hành của Tam Bảo: Tam Quy tức là quy trở về Tam Bảo.

Theo ngôn ngữ của Lão giáo, cấu trúc tối thiểu này chính là Tam Bửu (三寶) "Tinh-Khí-Thần", tức là ba yếu tố cấu tạo nên vạn vật. Vì Lão giáo chủ trương rằng mỗi cá nhân phải làm chủ được tiểu vũ trụ trong nhân thân của mình, nên cấu trúc này được áp dụng vào cơ thể con người. Khi đó, Tinh là hình thể vật chất (thuộc về Tướng), Thần là chủ thể tâm linh (thuộc về Thể), còn Khí là năng lượng vận động (thuộc về Dụng) của con người. Do sự áp dụng này mà xuất hiện Tam Thanh như là dạng thức thực hành của Tam Bửu: Tam Thanh tức là làm cho trong sạch như là tình trạng ban sơ của Tam Bửu.

Theo ngôn ngữ của Khổng giáo, cấu trúc tối thiểu này chính là Tam Cang, tức là ba mối tương quan căn bản cấu tạo nên một xã hội. Chú ý rằng Khổng giáo chủ trương xây dựng và phát triển các cộng đồng xã hội đạo đức từ gia đình cho đến quốc gia, nên mọi vấn đề có liên quan đến cá nhân con người (ví dụ, việc tu thân) đều được quy thành các vấn đề của xã hội (ví dụ, tu thân là để tề gia, trị quốc, bình thiên hạ). Quân thần cang là mối tương quan "vua-tôi", giữa nguyên thủ và dân chúng trong một quốc gia; đây là mối tương quan căn bản mang tính nguyên lý của một quốc gia, vì nếu mối tương quan này bị tiêu vong thì toàn bộ quốc gia sẽ sụp đổ; vậy mối tương quan này là Thể của xã hội. Phu thê cang là mối tương quan "chồng-vợ", đóng vai trò cơ bản trong một gia đình; đây cũng

là mối tương quan tạo ra nhân lực vật chất cho một quốc gia, nói khác đi, mối tương quan này là Tướng của xã hội. Phụ tử cang là mối tương quan "cha-con", đóng vai trò cơ bản trong việc nối kết giữa gia đình với quốc gia: trách nhiệm của người cha trong một gia đình cũng tương tự như trách nhiệm vị vua trong một quốc gia, và người con khi lớn lên mà vô dụng đối với một quốc gia thì đó là do người cha chưa làm tròn trách nhiệm; do đó, tương quan này tạo ra Dụng của xã hội.

Như vậy, các bộ ba vừa nêu của Thích giáo, Lão giáo và Khổng giáo là những hệ thống tương đồng trong cấu trúc Thể-Tướng-Dụng. Ta có thể hình thức hóa sự tương đồng này bằng một phương pháp ký hiệu tương tự như phương pháp mà Lévi-Strauss[49] đã sử dụng để phân tích cấu trúc của thần thoại[50]. Theo đó, mối tương ứng giữa Tam Cang, Tam Quy và Tam Thanh có thể được viết như sau:

(Chơn thanh : Thượng thanh : Ngọc thanh) ≈ (Nguơn khí : Nguơn thần : Nguơn tinh)

≈ (Quy y Pháp : Quy y Phật : Quy y Tăng)

≈ (Phụ tử cang : Quân thần cang : Phu thê cang)

Trong cách viết trên đây, điều quan trọng nhất mà ta cần chú ý là sự tương đồng về cấu trúc giữa các bộ ba khác nhau. Bản thân từng phần tử trong mỗi bộ ba thì không nhất thiết phải tương đồng – thậm chí, không nhất thiết phải có liên quan gì – với bất kỳ một phần tử nào trong các bộ ba còn lại; tuy nhiên, cách phối hợp và mối tương quan giữa các phần tử trong từng bộ ba lại biến mỗi bộ ba thành một hệ thống tương đồng với nhau.

Qua đoạn thánh giáo mà ta vừa phân tích, trong mỗi tôn giáo trong tam giáo Á Đông (Thích giáo, Lão giáo và Khổng giáo) đều có đủ Tam Thanh, và nghĩa là có đủ Tam Giáo Đạo. Tuy nhiên, do khác nhau về sứ mạng lịch sử, nên mỗi tôn giáo chỉ triển khai những gì thuộc phạm vi sứ mạng của mình: Thích giáo chú trọng vào việc giải thoát tâm linh, Lão giáo chú trọng vào việc điều khiển bộ máy nhân thân, Khổng giáo chú trọng vào việc an trị thế gian. Như vậy, mỗi tôn giáo đều là một hiện thân của Đại Đạo trong việc cứu thế độ đời:

"Tam Giáo Đạo gồm trong danh từ Đại Đạo. Người có nhiệm vụ ở phần Nho tông chuyển thế là đạo trị thế. Người có trách nhiệm về Thích giáo, Lão giáo là đạo hoát khai tâm linh."[51]

Chúng ta hãy tiếp tục sử dụng thuật ngữ "Tam Thanh" như là một biểu tượng chung về bộ ba các thành tố tâm pháp căn bản, một thuật ngữ đại diện cho "Tam Quy", "Tam

---

[49] Claude Lévi-Strauss (1908-2009): nhà nhân loại học và dân tộc học người Pháp, được xem là cha đẻ của nhân loại học hiện đại. http://en.wikipedia.org/wiki/Claude_Levi-Strauss; 18-04-2011.

[50] C. Lévi-Strauss, "Cấu Trúc Thần Thoại", bản dịch của Trương Huyền Chi, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.237.

[51] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Chí Thiện Đàn (Minh Đức Nho Giáo), Tuất thời, 26-08 Nhâm Tý (03-10-1972).

Cang", hay những thuật ngữ tương tự trong các tôn giáo khác. Bằng lối tư duy mà đoạn thánh giáo trên đây của Đức Chí Tôn đã gợi mở, chúng ta có thể thấy rõ một khẳng định của giáo lý Đại Đạo, rằng: **mọi tôn giáo cứu thế (không chỉ riêng tam giáo Á Đông) đều phải có đủ Tam Thanh**, nếu như ta nhớ lại một lời dạy của Đức Thái Thượng Đạo Tổ đã được nêu ra trước đây:

*"**Đạo pháp duy thâm, Tam Thanh ứng hóa** với sự mầu nhiệm biến hóa vô biên, siêu cực thường chuyển, là một bí khuyết chơn pháp kỳ diệu của Đại Đạo Tiên Thiên Hư Vô."*[1]

Bởi vì mệnh đề "Tiên Thiên Nhứt Khí, diệu hóa Tam Thanh" hay "Đạo pháp duy thâm, Tam Thanh ứng hóa" chứa đựng "một bí khuyết chơn pháp kỳ diệu của Đại Đạo Tiên Thiên Hư Vô", nên mệnh đề này luôn có mặt trong mọi tôn giáo cứu thế. Chúng ta có thể tìm thấy sự hiện diện này trong từng tôn giáo qua những thể cách hết sức phong phú và đa dạng.

Trong bảng 3, chúng tôi liệt kê một vài hình thái khác nhau của mệnh đề "Tiên Thiên Nhứt Khí, diệu hóa Tam Thanh" trong một số tôn giáo. Có hai điểm cần lưu ý đối với bảng liệt kê này:

- Thứ nhất, trong mỗi tôn giáo, có thể (và thường là) có nhiều hình thái khác nhau của mệnh đề này, tùy theo lĩnh vực ứng dụng của mệnh đề;
- Thứ hai, giữa các phần tử trong các bộ ba "Tam Thanh" thì không nhất thiết phải tương đồng hay có liên quan trực tiếp với nhau; điều quan trọng là cách phối hợp và mối tương quan giữa các phần tử trong từng bộ ba làm cho mỗi bộ ba trở thành một hệ thống tương đồng với nhau.

BẢNG 3. MỘT VÀI HÌNH THÁI KHÁC NHAU CỦA MỆNH ĐỀ "TIÊN THIÊN NHỨT KHÍ, DIỆU HÓA TAM THANH" TRONG MỘT SỐ TÔN GIÁO.

Tôn giáo	"Tiên Thiên Nhứt Khí"	"Diệu hóa Tam Thanh"
Bà La Môn	Thượng Đế	Thượng Đế Ba Ngôi (Trimourti): Vishnou (Bảo tồn), Shiva (Hủy diệt), Brahmâ (Sáng tạo).[2]
Phục Hy	Dịch	Bất dịch, Biến dịch, Giao dịch.
Pythagoras	Số 1	Số 3.
Phật giáo	Tâm	Phật, Pháp, Tăng.[3]

[1] Đức Thái Thượng Đạo Tổ; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 15-02 Quý Mão (09-03-1963).
[2] Theo Ngài Nguyễn Minh Thiện; Bài giảng về cái Hỏa Hậu của đạo Minh Lý.
[3] Theo Đại Thừa Chơn Giáo (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.324.

	Chân Như	Pháp thân, Báo thân, Ứng thân.[1]
Lão giáo	Đạo (trong đại vũ trụ)	Vô Cực, Thái Cực, Hoàng Cực. [2]
	Đạo (trong tiểu vũ trụ)	Thái Thanh, Thượng Thanh, Ngọc Thanh.[3]
Nho giáo	Thiên	Mạng, Lý, Tánh.[4]
Ky Tô	Thiên Chúa	Thiên Chúa Ba Ngôi (Trinity): Chúa Cha, Chúa Con, Chúa Thánh Thần.

Như đã được nêu ở điểm lưu ý thứ nhất của bảng trên đây, mỗi tôn giáo có thể có nhiều ứng dụng của mệnh đề "Tiên Thiên Nhứt Khí, diệu hóa Tam Thanh". Để có một hiểu biết tổng quát về vấn đề này, ta hãy khảo sát trường hợp của các tôn giáo thuộc Tiên Đạo (ví dụ, Lão giáo, Đạo giáo) qua lời dạy của Đức Thái Thượng Đạo Tổ về ngày khánh đản của Ngài:

"Hỡi chư môn sanh nam nữ: ***Nhị ngoạt thập ngũ, phân tánh giáng sanh****; (…) Để tầm hiểu ý nghĩa ngày kỷ niệm vía Thượng Tôn, chư môn sanh phải hiểu rõ và quan niệm câu* ***Đạo pháp duy thâm, Tam Thanh ứng hóa*** *với sự mầu nhiệm biến hóa vô biên, siêu cực thường chuyển, là một bí khuyết chơn pháp kỳ diệu của Đại Đạo Tiên Thiên Hư Vô. Tùy theo thời kỳ mà Thượng Tôn giáng trần khai đạo, cũng để biểu tượng Đạo của Thượng Tôn là Đạo Tiên Thiên, là Đạo Thượng Đế.*

Chư môn sanh phải minh xác hai phần: một là siêu hình học, hai là hạ hình học.

Sự kiện tùy theo công phu và đức độ của mỗi vị nguyên căn tiến theo từng phần trong hai lẽ siêu hình và hạ hình. Sự tu tịnh, luyện kim đơn theo phần thứ nhứt là sự tu mạng để tiêu diêu vật ngoại, trở thành chánh quả. Còn phần thứ hai là phần nhơn đạo, hình thể.

Chư môn sanh nhớ câu: "hữu cảm tắc ứng, thiện cảm tắc phước ứng, ác cảm tắc họa ứng". Như vậy, lẽ Đạo không tuyệt đối trong sự chuyển hóa để cho chư môn sanh tu tập cầu tiến, vượt lên. Đó là tùy theo quan năng để đem lại nhập về Đại Đạo.

Vậy, Thượng Tôn sơ giải về ý nghĩa ngày lễ vía để chư môn sanh tường thông cảm ứng theo đạo mạch căn cơ."[5]

Đoạn thánh ngôn trên đây có thể được hiểu rộng ra, như là đề cập đến nguyên tắc của sự triển khai "bí khuyết chơn pháp kỳ diệu của Đại Đạo Tiên Thiên Hư Vô" trong mọi tôn giáo, chứ không riêng gì các tôn giáo thuộc Tiên Đạo. Theo nguyên tắc này, mỗi tôn giáo đều có hai phạm vi trong sứ mạng cứu thế:

---

[1] Theo Kimura Taiken; Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận, bản dịch của Thích Quảng Độ, tr.159-160.
[2] Theo Ngài Nguyễn Minh Thiện; Bài giảng về cái Hỏa Hậu của đạo Minh Lý.
[3] Ibid.
[4] Theo Đạo Học Chỉ Nam, chương 3, tiết 1, mục 2.
[5] Đức Thái Thượng Đạo Tổ; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 15-02 Quý Mão (09-03-1963).

- Phạm vi "siêu hình học": bao gồm các pháp môn mật truyền, bí truyền để tu luyện, nhằm giải thoát linh hồn. Đây là lĩnh vực huyền môn, siêu xuất thế gian của các tôn giáo, mà giáo lý Đại Đạo gọi là **nội giáo tâm truyền**;
- Phạm vi "hạ hình học": bao gồm những chuẩn mực luân lý, đạo đức trong việc xử thế và trị thế, dạy con người làm tròn những gì thuộc về đạo làm người trong xã hội. Đây là lĩnh vực nhập thế của các tôn giáo. Giáo lý Đại Đạo gọi lĩnh vực này là **ngoại giáo công truyền**.

Do đó, trong mỗi tôn giáo cứu thế, Tam Thanh phải được vận dụng trong cả hai phạm vi, tương ứng với hai lĩnh vực siêu hình xuất thế và hạ hình nhập thế.

Như là một ví dụ, trong Khổng giáo, một trong những phần thuộc phạm vi siêu hình của Tam Thanh là đạo Trung Dung với Mạng, Lý, Tánh; cũng như, một trong những phần thuộc phạm vi hạ hình nhập thế là đạo Tam Cang với quân thần cang, phụ tử cang, phu thê cang.

Cho đến đây, ta đã đề cập đến quá trình "ứng hóa" của Đại Đạo thành Tam Thanh:

ĐẠI ĐẠO ⇨ TAM THANH

Đó là phần đầu của giản đồ:

ĐẠI ĐẠO ⇨ TAM THANH ⇨ TAM GIÁO ĐẠO

Có Tam Thanh, tức là chỉ mới có nguyên lý của Tam Giáo Đạo, chứ vẫn chưa có tôn giáo nào trong Tam Giáo Đạo xuất hiện cả (việc đề cập đến các tôn giáo như trong bảng liệt kê trên đây chỉ là một cách thức trình bày vai trò nguyên lý và tính chất căn bản của Tam Thanh mà thôi.)

Bây giờ, ta hãy xét phần còn lại của giản đồ:

TAM THANH ⇨ TAM GIÁO ĐẠO

Đó là quá trình thị hiện của Tam Thanh thành Tam Giáo Đạo, nghĩa là vạn giáo trên thế giới.

3. TAM THANH THỊ HIỆN THÀNH TAM GIÁO ĐẠO

Trong "Đại Thừa Chơn Giáo", Đức Thượng Đế đã giảng giải về mối liên hệ giữa Tam Thanh và Tam Giáo như sau:

"Đạo cơ sanh hóa tạo càn khôn,
Đạo bổn hư vô, vĩnh viễn tồn;
Đạo pháp Tam Thanh, Tam Giáo độ,
Đạo quy Tam, Ngũ, luyện thuần phong."[1]

Do câu "Đạo pháp Tam Thanh, Tam Giáo độ", ta hiểu rằng ba nền tâm pháp Tam Thanh đã được Tam Giáo hấp thụ để độ dẫn vạn linh. Cần lưu ý rằng đây là cách nói khi ta đứng ở "hệ quy chiếu" của người đang sống ở thời tam kỳ phổ độ, khi mà các tôn giáo đã xuất hiện và tồn tại trong lịch sử nhân loại suốt một thời gian dài. Còn nếu đi ngược dòng lịch sử, trở về và rồi đứng ở thời điểm mà các tôn giáo mới vừa xuất hiện trong nhân loại, thì ta có thể nói rằng: ba nền đạo pháp Tam Thanh là cơ sở để hình thành nên Tam Giáo, vì các bậc giáo tổ trên thế giới đều xem Tam Thanh như là chân truyền Đại Đạo và đều lập giáo trên nền tảng Tam Thanh.

Bằng cách đó, Tam Thanh (vô vi, vô hình) đã được thị hiện thành Tam Giáo Đạo (hữu vi, hữu hình).

3.1. Sự phát triển của các tín ngưỡng nguyên thủy thành các tôn giáo

Trước khi phát sinh ra các tôn giáo – mà giáo lý Đại Đạo hệ thống hóa thành Tam Giáo Đạo – các tín ngưỡng nguyên thủy còn mang tính chất *tâm vật bình hành*. Sự quân bình giữa tâm linh và vật chất này là một hình thái của Đại Đạo trong xã hội nguyên thủy.

Sang giai đoạn homo sapiens sapiens, các tín ngưỡng nguyên thủy biến đổi dần dần. Từ chỗ phát huy cái Thần nội tại của chính mình, con người quên lãng quyền năng tự hữu, chuyển sang việc cầu cạnh, van xin sự hộ trì của những thần linh ngoại tại. Những mối quan tâm cơ bản của xã hội cũng dịch chuyển dần dần từ tinh thần sang vật chất; loài người dần dần trọng vật chất hơn tâm linh. Những cuộc tranh chấp, xung đột, chiến tranh để giành quyền sở hữu của cải vật chất xảy ra ngày càng nhiều trong mỗi xã hội cũng như giữa xã hội này với xã hội khác. Thế tâm vật bình hành dần dần bị phá vỡ.

Vì vậy, Đức Thượng Đế đã chiết linh xuống thế gian, nương theo trình độ của mỗi dân tộc, mượn văn hóa của các dân tộc để phát triển các tín ngưỡng nguyên thủy thành các tôn giáo, nhằm giáo hóa nhân loại trở về lại với Đại Đạo.

Cho đến thời điểm này, trong văn hóa của mỗi dân tộc, các tín ngưỡng nguyên thủy vẫn đóng vai trò quan trọng nhất. Vì vậy, ta có thể nói rằng tiền thân của các tôn giáo trong Tam Giáo Đạo là các tín ngưỡng tâm vật bình hành vốn đã từng phổ biến ở các giai đoạn nguyên thủy trước homo sapiens sapiens. Nói như vậy tức là nhìn nhận rằng các tôn giáo có nguồn gốc trực tiếp là các tín ngưỡng tâm vật bình hành vào thời nguyên thủy. Và do các tín ngưỡng này mang những màu sắc văn hóa hết sức khác biệt nhau, nên chúng dường như là nguyên nhân tạo ra sự khác biệt giữa các tôn giáo về sau này. Tuy nhiên, theo giáo lý Đại Đạo, giữa các tín ngưỡng nguyên thủy chỉ có sự khác biệt về hình thức

[1] Đức Cao Đài Giáo Chủ (Ngọc Hoàng Thượng Đế); 09-08 Bính Tý (24-09-1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.212.

văn hóa (phong tục, tập quán của từng địa phương), chứ hoàn toàn không có sự khác biệt về chân truyền Đại Đạo (ý hướng đưa nhân loại đến chỗ tận chân, tận thiện, tận mỹ):

"Từ xưa đến nay, các tôn giáo, các giáo phái trong Tam Giáo Đạo chỉ khác hẳn ở hình thức do tập quán, phong tục mỗi xứ, mỗi nơi. Thật ra, mục đích và tác dụng là tạo cho nhân loại sống đến chân thiện mỹ trong đời, và đời khỏi diễn ra cảnh ngục hình ác đạo."[2]

Bởi vì trình độ tiến hóa của nhân loại trên trái đất không đồng đều nhau, nên Đức Thượng Đế đã khai mở các tôn giáo khác nhau, tương ứng với căn trí của nhân loại ở từng vùng trên trái đất, để dẫn dắt nhân loại từng bước khôi phục lại những di sản tâm linh mà nhân loại đã đánh mất:

"Mỗi một thời kỳ Thượng Đế mở đạo là một thời kỳ mà trình độ tiến hóa của nhơn sanh thay đổi. Thế nên pháp đạo cũng do sự tiến hóa đó mà dẫn dắt nhơn sanh đi từ chỗ mê tín đến chánh tín, đi từ chỗ âm thinh sắc tướng đến vô vi chi đạo, đi từ chỗ cầu cạnh van xin được thành đạo đến chỗ tự độ, tự tu, tự cứu."[3]

Vì phải dẫn dắt homo sapiens sapiens đi từng bước trong cơ tiến hóa, nên những tôn giáo được phát triển từ các tín ngưỡng nguyên thủy đều mang nhiều màu sắc của điều mà ngày nay ta gọi là mê tín. Những tôn giáo ở vào thời kỳ này thường truyền dạy những pháp thuật huyền bí, cho phép con người tác động vào ngoại giới và sai sử vạn vật. Bằng ngôn ngữ của giáo lý Đại Đạo, ta gọi các tôn giáo như vậy là **bàn môn**, **tả đạo**. Tuy nhiên – như lời giải thích của Đức Thông Thiên Giáo Chủ trong kinh "Tam Nguơn Giác Thế" – các nền tôn giáo thuộc bàn môn, tả đạo đã từng đóng một vai trò rất quan trọng trong việc lập nên những nền **chánh giáo** trong cơ cứu độ. Ngài dạy:

"Nghe Ta phân bàn môn, chánh giáo:

Trong Ngũ Chi Đại Đạo, thì cũng có bàn môn, tả đạo. Thế gian lầm tưởng là tà đạo, rồi cứ kích bác nhau. Trừ ra tà đạo, yêu đạo, quỷ đạo, ma đạo và tu-la ngoại đạo đều là không đứng vào lịch sử Thần Tiên, chớ bàn môn, tả đạo cũng trong vòng Đại Đạo. Nhưng người tu hành chưa rõ nguồn căn Đại Đạo, cứ theo tranh luận, ta hay người dở, đây phải đó quấy, kia chơn nọ giả, té ra đều là đấu việc âm thanh sắc tướng cả. Mấy hiền đồ nghe cho rõ, ngõ sau thức tánh chúng sanh, cho hiểu chánh tà chi đạo.

Bàn môn là: tham thiền tịnh tọa, thực khí túc sương, vận chuyển ngũ hành, luyện đơn nấu thuốc. Chứng đến bực hư vô, nghĩa là phủi sạch hồng trần, mảy hào chẳng nhiễm, thời vào bực vô vi, gọi là tối thượng thừa, một tên là Tiên Thiên Chánh Giáo.

Còn tả đạo: niệm chú thư phù, hô phong hoán võ, giá vụ đằng vân, tàng hình ẩn phách, sai đồng khiển tướng, lập trận hãm thành. Luyện đủ thần thông rồi cũng vào vô vi, đặng thành chánh quả.

---

[2] Đức Vô Cực Từ Tôn; thánh thất Bình Hòa, Ngọ thời, 28-08 Đinh Mùi (01-10-1967).

[3] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 04-03 Quý Sửu (06-04-1973).

Bởi hai đạo ấy cũng trường trai giái sát, kêu là: tả hữu chi vực. Việc thư phù niệm chú, từ thời thượng cổ, các vị Thần Tiên dùng linh phù, tiên dược mà độ thế, và dùng phù chú mà thỉnh Tiên, do nơi Thái Thượng Đạo Đức Thiên Tôn mà truyền ra, kêu là hữu hình và vô vi. Vậy người tu hành khá xem cho kỹ mà ăn năn, bãi việc đua tranh tà chánh, mua khen mượn tiếng, mà mắc tội vọng ngữ xâm lăng, thì tu khó thành Đạo."[4]

Như vậy, Đại Đạo – thông qua sự phát triển của các tín ngưỡng nguyên thủy và rồi qua các hình thức ma thuật – đã biến thành các tôn giáo đầu tiên trên thế giới. Các tôn giáo sơ khai này tuy mang đậm sắc thái bàng môn, tả đạo, nhưng đó chính là những bước đầu tiên để Thượng Đế cứu độ giống loài homo sapiens sapiens thông minh, tức là nhân loại chúng ta ngày nay.

Đại Đạo ấy là ánh sáng của Thượng Đế, thông qua các vị Giáo tổ, mà phát sinh Tam Giáo Đạo trong việc khai mở các tôn giáo khác nhau, để giáo hóa và khai sáng cho con người, trong những bóng đêm của tâm linh nhân loại.

3.2. Đặc điểm của các tôn giáo ở giai đoạn này

Đặc điểm của các tôn giáo ở giai đoạn này – nghĩa là **giai đoạn Đại Đạo vừa phát sinh ra Tam Giáo Đạo** – là các tôn giáo chỉ mới có phần Thể và phần Dụng, chứ chưa có phần Tướng. Trong giai đoạn này, các bậc giáo tổ đều truyền trao những tâm pháp bí truyền – nghĩa là những pháp môn đặt cơ sở trên Tâm của con người – nhằm phát huy tác dụng của tôn giáo để cứu độ nhân thế. Bởi đó, Đức Đông Phương Chưởng Quản đã nói "Thánh nhơn xưa dụng chỗ Một của Tâm mà trị thế an dân" trong lời dạy sau đây:

"Đạo là Hư Vô Chi Khí, [là] Tâm Không, [là] Thật Tướng Chi Linh. Khí Hư Vô không tiếng không hình mà hóa sanh vạn hữu, cái Linh của Tâm không ngăn ngại mà hiện bày các tướng – các hàng giáo chủ Thánh Nhơn gượng nói là ĐẠO, là NHẤT (MỘT) – rồi có vạn hữu; có vạn hữu hiện bày được Đạo, được Đạo rồi mới được Tâm, nên Thánh nhơn xưa dụng chỗ MỘT của Tâm mà trị thế an dân. Các hàng giáo chủ cũng do Tâm đắc nhất mà thành Tiên tác Phật. Nhất là cực của Vô Cực, là Đại Bản Thể, là Chơn Như. Người học đạo, chỗ tâm truyền là đó; ngàn kinh muôn điển đạo thơ cũng nhắm vào đó. (…) Tôn giáo có nhiều mà chỗ chứng quả vô thượng của con người giải thoát là Phật, Thánh, Tiên, tuy Tam Tông cũng do Chơn Tông Vô Cực mà có."[5]

Chính vì các tôn giáo ở giai đoạn này chưa có phần Tướng, nên ta không thể thấy được những hình thức xã hội của chúng. Nhưng điều đó không có nghĩa là ta không thể kiểm nghiệm được sự có mặt của chúng trong lịch sử văn minh nhân loại. Mặc dù chưa có phần Tướng, nhưng các tôn giáo này đã có phần Dụng, nghĩa là đã có những tác động hoặc những ảnh hưởng khác nhau đối với đời sống thực tiễn. Nếu nhìn thấy được những tác động, những ảnh hưởng này, ta sẽ kiểm nghiệm được sự hiện hữu của các tôn giáo

[4] Đức Thông Thiên Giáo Chủ; Chiếu Minh Đàn Cần Thơ, 19-11 Tân Vì (1931); *Tam Nguơn Giác Thế*, tr.57-58.
[5] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-06 Bính Thìn (11-07-1976).

như vậy. Để kiểm nghiệm, từ đoạn thánh ngôn của Đức Thông Thiên Giáo Chủ[6] đã được dẫn ra ở phần trên, ta có khá nhiều ví dụ về tác dụng và ảnh hưởng của các tôn giáo này trong đời sống; như "tham thiền tịnh tọa" là một ví dụ mà kinh điển của nhiều tôn giáo cổ đại đã từng đề cập[7], hay "lập trận hãm thành" là một ví dụ khác mà sử sách của nhiều dân tộc cũng đã từng ghi chép[8]. Những điều này chứng minh cho sự tồn tại của của các tôn giáo ở giai đoạn Đại Đạo vừa phát sinh ra Tam Giáo Đạo.

4. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC TÔN GIÁO QUA CÁC THỜI KỲ CỨU ĐỘ

Với tư cách là ba đường lối giáo hóa nhân loại, Tam Giáo Đạo thật ra đã manh nha trong lòng Đại Đạo ngay từ thuở khai thiên lập địa do quyền năng của Tam Cực. Trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", Đức Thượng Đế nói về trình tự mà Ngài đã khai mở những đường lối giáo hóa này như sau:

"Thầy lập Phật giáo vừa khi khai Thiên lập Địa, nên Phật giáo là trước, kế Tiên giáo, rồi mới tới Nho giáo."[9]

Đã nói rằng thời nguyên thủy, con người chưa có tôn giáo, vậy ta phải hiểu như thế nào về việc khai mở những đường lối giáo hóa này?

Chữ "giáo" ở đây có nghĩa là pháp môn, là phương tu, là cách thức dạy dỗ. Các pháp môn, phương tu ở thời khai thiên lập địa, nếu ta muốn gọi chúng là tôn giáo, thì cũng chỉ mới bao gồm phần Thể (tức là chân truyền Đại Đạo) và phần Dụng (tức là sứ mạng giáo hóa nhân quần), chứ hoàn toàn chưa có phần Tướng. Bởi vậy, ta có thể hiểu đây là những đường lối giáo hóa của Đại Đạo. Dĩ nhiên, chúng cũng được đặt nền tảng trên Tam Thanh (hay cũng thế: Tam Quy, Tam Cang,…)

Do đó, trong ngữ cảnh của lời dạy trên, có thể hiểu chữ "giáo" là đường lối giáo hóa nhân loại. Nói cách khác, "Phật giáo", "Tiên giáo" và "Nho giáo" ở đây là đồng nghĩa với "Phật Đạo", "Tiên Đạo" và "Nho Đạo" (tức "Thánh Đạo".)

Sứ mạng lịch sử ở giai đoạn này là truyền bá lại chân lý của Đại Đạo nguyên thủy mà nhân loại vừa đánh mất. Bởi vậy, các bậc giáo tổ ở giai đoạn này không lập hình tướng tôn giáo, mà chỉ đem đạo đức và đạo pháp ra mà độ dẫn nhân loại. Trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", Đức Thượng Đế dạy:

"Khi Nhơn Đạo chưa mở, thì đã có Châu Công truyền trước.

Thánh Đạo: Jesus chưa ra đời, thì đã có Moise, Elie, Gérimie, Saint Jean-Baptiste.

Đạo Tiên: Ngươn Thỉ chưa ra đời, thì đã có Hồng Quân Lão Tổ, Lão Tử, Thông Thiên giáo chủ truyền Đạo.

---

[6] Đức Thông Thiên Giáo Chủ; Chiếu Minh Đàn Cần Thơ, 19-11 Tân Vì (1931); *Tam Ngươn Giác Thế*, tr.57-58.
[7] Có thể tham khảo kinh điển Phật giáo, chẳng hạn như Trường A Hàm.
[8] Có thể tham khảo kinh thánh Cựu Ước về việc lập trận hãm thành mà dân Israel đã từng thực hiện để tiến vào miền đất hứa.
[9] Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương; Phước Linh Tự, 15-09 Bính Dần (24-10-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.52.

Phật Thích Ca chưa ra đời, thì đã có Nhiên Đăng Cổ Phật và Brahma truyền Đạo."[1] *Đạo."*[1]

Các bậc giáo tổ này đều là những Đấng Thiêng Liêng giáng sinh vào cõi thế. Dù các tôn giáo được lập nên ở những không gian và thời gian xa cách nhau, nhưng tất cả đều cùng nằm trong cùng một kế hoạch cứu độ của Đức Thượng Đế.

Cũng trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", Đức Thượng Đế xác nhận:

"Một Chơn Thần Thầy mà sanh hóa thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần, và toàn cả nhơn loại trong càn khôn thế giái. Nên chi các con là Thầy, Thầy là các con.

Như kẻ bên Phật giáo hay tặng Nhiên Đăng là Chưởng giáo. Nhiên Đăng vốn sanh ra đời Hiên Viên Huỳnh Đế.

Người gọi Quan Âm là Nữ Phật Tông. Mà Quan Âm vốn là Từ Hàng Đạo Nhân biến thân. Từ Hàng lại sanh ra lúc Phong Thần, đời nhà Thương.

Người ta gọi Thích Ca Mâu Ni là Phật Tổ. Thích Ca vốn sanh ra đời nhà Châu.

Người ta gọi Lão Tử là Tiên Tổ giáo, thì Lão Tử cũng sanh ra đời nhà Châu.

Người gọi Jesus là Thánh Đạo Chưởng giáo, thì Jesus lại sinh nhằm đời nhà Hớn.

Thầy hỏi vậy chớ ai sanh ra các Đấng ấy?

Khí Hư Vô sanh có một Thầy. Còn mấy Đấng Thầy kể đó, ai sanh? Ấy là Đạo. Các con nên biết.

Nếu không có Thầy thì không có chi trong càn khôn thế giái nầy; mà nếu không có Hư Vô Chi Khí thì không có Thầy."[2]

Trong kinh "Tam Thừa Chơn Giáo", Đức Thượng Đế cho chúng ta một hình ảnh tổng quát về các thời kỳ cứu độ như sau:

"Thầy – Thượng Đế – dưỡng sanh vạn loại,
Thấy nhơn sanh đi sái công truyền:
***Nhứt kỳ** chuyển lập phước duyên,*
Đạo trường đem lại hương nguyền vạn linh.

Chiết dương quang, mượn hình giả thể,
Tam giáo đồng, đại để nêu lên;
Nhiên Đăng Phật Độ tạo nền,
Định cơ siêu thoát vượt trên cảnh đời.

Tiếp Hư vô sáng ngời bửu phẩm,
Nếp tiên phong sưởi ấm chơn hồn;

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ô Môn, 08-10 Bính Dần (12-11-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.62.
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 13-06 Bính Dần (22-07-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.31-32.

Thái Thượng thuyết hóa cao tôn;
Minh minh diệu diệu càn khôn hiệp thành.

Hoạch Bát quái đồ sanh biến hóa,
Chưởng Thánh thơ giải tỏa nhơn tình;
Phục Hy khai sáng Đạo Huỳnh,
Truyền cơ nhân bản khai sinh giác đồ.

Miền Đông Á điểm tô ba nhánh,
Phương Tây Âu một cảnh sơn hà;
Mọse Thánh Thể lập ra;
Mở đường cứu thế thông qua lý Trời.

Ba giải pháp một thời sáng tỏ,
Dạy thế gian lần bỏ tà tâm;
Cải trang từ chỗ sai lầm,
Định chơn thần huệ phương châm lưu hành.

Qua ngươn hội nguồn sanh dinh trưởng,
Cơ tiêu hao đối tượng theo ngày;
Theo đà vật dục chuyển xoay,
Lý đương mòn mỏi đổi thay giả hình.

Trước trạng thái điêu linh chơn tánh,
Giữa màn trần tranh cạnh xôn xao;
Nhấp nhô biển khổ sóng gào,
Vợi hồn nhơn loại bước vào sông mê.

***Nhị kỳ** chuyển tiếp đời phổ hóa,*
Cho kỷ ngươn thừa hạ minh khai;
Thích Ca chấn chỉnh phật đài,
Lão Đam điều dưỡng thoát thai tiên hành.

Trên thực tế lưu thanh phẩm độ,
San định thành công bổ thần quang,
Trọng Ni thánh đức dẫn đàng;
Jesus tiếp chuyển cứu an tục đời."[1]

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Ngô Minh Chiêu đã giảng về sự phát triển của các tôn giáo qua các thời kỳ cứu độ như sau:

"Nguồn nước nào cũng khơi chảy vào muôn sông ngàn rạch. Cội cây nào cũng trổ nhánh nhiều cành, sum sê tàn lá, từ đầu giai đoạn cho đến cuối giai đoạn, đã trải qua biết bao nhiêu hình thức, màu sắc khác nhau – nhụy vàng, bông trắng, lá xanh,… – Dầu khác biệt nhưng nhánh rời cội cũng khô, lá rời cành cũng héo. Cái bản chất liên hệ của

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; *Tam Thừa Chơn Giáo* (Q.2, Trung Thừa Chơn Giáo), "Tôn Chỉ Đại Đạo", tr.22-23.

nó không thể tách rời bởi những hình thức khác nhau, mà thực sự phải chuyển lưu nuôi dưỡng.

*Người tu hành học Đạo, đạt được cái chơn lý nhiệm mầu đó mới chứng quả được – tiên huynh muốn đề cập đến **vạn giáo đồng nguyên** hay **vạn giáo nhứt lý** – thì Đại Đạo ngày nay[1] phải quy hợp với nhau, xương minh lý đạo, tiến kịp Thiên cơ kẻo trễ kỳ thượng nguơn thánh đức.*

Dòng nước mênh mang tận biển đông,
Luân lưu khắp chốn tỏa muôn sông;
Đạo nguyên nhứt bổn bày chơn pháp,
Tóm lại huyền vi một chủ ông."[2]

Sự hình thành và phát triển của các tôn giáo qua các thời kỳ cứu độ là một chủ đề khá lớn, đòi hỏi phải trình bày nhiều vấn đề ở nhiều mức chi tiết khác nhau. Vì vậy, trong chương này, ta tạm dừng lại ở sự mô tả khái quát về việc lập giáo trong các thời kỳ cứu độ thứ nhất và thứ hai. Trong chương kế tiếp, chủ đề này sẽ được khai triển rộng rãi và đầy đủ hơn.

5. KẾT LUẬN

Cách đây 10.000 năm, đã có một cuộc chuyển hướng quan trọng trong lịch sử nhân loại, từ chỗ hướng-về-tâm-linh sang chỗ hướng-về-vật-chất. Bước chuyển hướng đó đã đưa đời sống tinh thần nhân loại vào một buổi hoàng hôn ảm đạm, báo hiệu màn đêm sắp buông xuống. Bởi vậy, từ sau khúc quanh lịch sử này, Đức Thượng Đế đã lập nên các tôn giáo nhất kỳ và nhị kỳ để cứu rỗi nhân loại; hay nói một cách khác, do cuộc chuyển hướng này, Đại Đạo đã phát sinh Tam Giáo Đạo.

Sự phát sinh này diễn ra theo trình tự: ĐẠI ĐẠO ⇨ TAM THANH ⇨ TAM GIÁO ĐẠO. Đại Đạo ứng hóa thành Tam Thanh, tạo nên nguyên lý của Tam Giáo Đạo. Nguyên lý ấy là Tam Cang trong đời sống xã hội nhân loại, và là Tam Quy trong đời sống tâm linh của mỗi cá nhân. Dựa vào nguyên lý ấy, các bậc giáo tổ – vốn là chiết thân của Thượng Đế xuống thế gian – đã lập nên các tôn giáo để giáo hóa nhân loại. Sự ra đời của các tôn giáo như vậy đồng nghĩa với sự ra đời của Tam Giáo Đạo. Và điều này giải thích trình tự phát sinh Tam Giáo Đạo từ nguồn gốc Đại Đạo thông qua Tam Thanh.

Trong chương tiếp theo, chúng ta sẽ thấy một cách cụ thể hơn việc xuất hiện các tôn giáo khác nhau trên toàn thế giới, trong những không gian văn hóa và thời gian tiến hóa rất khác biệt nhau của lịch sử văn minh nhân loại, kể từ khi con người có mặt trên quả địa cầu này. Tuy nhiên, với những vốn liếng giáo lý có được từ chương hiện tại, chúng ta sẽ dễ dàng thấy rằng sự xuất hiện của mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự đâm chồi nảy lộc của một cội cây Đại Đạo duy nhất trên những mảnh đất nhân tâm khác nhau và ở những đoạn đường tiến hóa khác nhau của nhân loại.

---

[1] Tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
[2] Đức Ngô Minh Chiêu; Vĩnh Nguyên Tự, Tuất thời, 13-03 Quý Sửu (15-04-1973).

CHƯƠNG 6.
CÁC THỜI KỲ CỨU ĐỘ

"Lòng Trời cảm, cứu an lê thứ
Độ chúng sanh muôn xứ đội ơn."
Bài xưng tụng công đức Phật, Thánh, Tiên, Thần [1]

Để chi tiết hóa tiến trình Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, chương này sẽ trình bày về các thời kỳ cứu độ. Sự nối tiếp của các thời kỳ này kể từ khi con người xuất hiện trên địa cầu tạo thành lịch sử văn minh nhân loại. Lịch sử này có thể được phân chia thành những đại chu kỳ. Mỗi đại chu kỳ bao gồm ba "đại nguơn": đại thượng nguơn, đại trung nguơn, và đại hạ nguơn; các đại nguơn này còn được gọi là các "chuyển". Mỗi đại nguơn lại được chia thành ba "tiểu nguơn": thượng, trung, hạ. Tổng cộng, có chín tiểu nguơn, như được tóm tắt trong bảng 4:

BẢNG 4. CÁC ĐẠI NGUYÊN VÀ TIỂU NGUYÊN.

Đại nguơn	Tiểu nguơn	Quy ước về cách đọc tên các tiểu nguơn trong quyển sách này
Thượng nguơn (Đệ nhất chuyển)	Thượng nguơn	Thượng nguơn nhất chuyển
	Trung nguơn	Trung nguơn nhất chuyển
	Hạ nguơn	Hạ nguơn nhất chuyển
Trung nguơn (Đệ nhị chuyển)	Thượng nguơn	Thượng nguơn nhị chuyển
	Trung nguơn	Trung nguơn nhị chuyển
	Hạ nguơn	Hạ nguơn nhị chuyển
Hạ nguơn (Đệ tam chuyển)	Thượng nguơn	Thượng nguơn tam chuyển
	Trung nguơn	Trung nguơn tam chuyển
	Hạ nguơn	Hạ nguơn tam chuyển

Các đại nguơn được tiếp diễn một cách tuần hoàn, từ đại thượng nguơn đến đại hạ nguơn, rồi lại chuyển sang đại thượng nguơn của một đại chu kỳ mới, và cứ như thế mãi. Mặt khác, trong mỗi đại nguơn lại có ba tiểu nguơn. Khi tiểu hạ nguơn của một đại nguơn kết thúc, thì liền theo đó sẽ là tiểu thượng nguơn của đại nguơn kế tiếp. Do đó, các tiểu nguơn cũng được tiếp diễn một cách tuần hoàn.

[1] *Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*.

Tại sao các chu kỳ – dù ở cấp độ đại nguơn hay tiểu nguơn – đều chia thành ba nguơn? Đức Thượng Đế giải thích:

*"Ba nguơn, ấy là cái số **cuối cùng** của Trời Đất."*[1]

Chữ "cuối cùng" ở đây có thể được hiểu như thế nào? Để mô tả cấu trúc tuần hoàn của thời gian, số 3 đã được Trời Đất sử dụng như là số lớn nhất. Trong hệ đếm thập phân, những con số có trị lớn hơn 3 (ví dụ 4, 5, 6...) đều có thể được quy về các số 1, 2, 3 nhờ phép đồng dư với modulo 3 của số học[2]. Do đó, ta có thể mô tả cấu trúc tuần hoàn ấy chỉ bằng các con số 1, 2, 3 mà thôi.

Trước đây, dựa vào dãy số tam giác của Pythagoras, ta đã giải thích rằng số 3 là số tối giản để mô tả một đối tượng có cấu trúc. Bây giờ, số 3 lại là số lớn nhất để mô tả cấu trúc tuần hoàn của thời gian. Do đó số 3 là số duy nhất mô tả được thời gian như một thực tại có cấu trúc.

Hơn nữa, số 3 này cũng là khoảng thời gian tối đa mà càn khôn vũ trụ cần đến để kiến tạo nên *con người* như là thực thể có trình độ tiến hóa cao nhất trong vũ trụ vật chất.

Theo địa chất học, kể từ khi xuất hiện trong vũ trụ đến nay, quả địa cầu của chúng ta đã trải qua bốn kỷ nguyên địa chất:

- Kỷ đệ nhất: từ 600 triệu năm trước đến 225 triệu năm trước, kéo dài khoảng 375 triệu năm;
- Kỷ đệ nhị: từ 225 triệu năm trước đến 70 triệu năm trước, kéo dài khoảng 155 triệu năm;
- Kỷ đệ tam: từ 70 triệu năm trước đến 2 triệu năm trước, kéo dài khoảng 68 triệu năm.
- Kỷ đệ tứ: từ 2 triệu năm trước đến nay, kéo dài khoảng 2 triệu năm.

Theo nhân chủng học, loài người xuất hiện cách đây khoảng 10 triệu năm đến 4 triệu năm[3]. Mặc dù sai số của thời điểm xuất hiện loài người là khá rộng, nhưng vẫn đủ chính xác để chứng minh rằng loài người đã xuất hiện trên địa cầu này từ *kỷ đệ tam*. Nghĩa là, loài người xuất hiện vào kỷ nguyên địa chất thứ ba, kể từ khi có quả địa cầu này.

Theo giáo lý Đại Đạo, *"Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhân sanh ư Dần"*, nghĩa là con người được sinh ra vào thời kỳ thứ ba kể từ khi tạo ra càn khôn vũ trụ. Phối hợp với kết quả vừa nêu trên, ta thấy, dù xét trong hệ thống nào – trong cả càn khôn vũ trụ, hay chỉ ở một quả địa cầu vật chất này – thì thời kỳ mà nhân loại xuất hiện luôn là *thời kỳ thứ ba*.

---

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế (xưng danh Cao Đài Bồ Tát); 18-09 Bính Tý (01-11-1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.394-395.

[2] Phép toán đồng dư là một phép chia, trong đó, ta lấy kết quả là số dư thay vì lấy thương số. Phép toán này được ký hiệu là MOD. Ví dụ, 7 MOD 3 = 1; 8 MOD 3 = 2; 9 MOD 3 = 3; 10 MOD 3 = 1; 11 MOD 3 = 2; 12 MOD 3 = 3;... Nghĩa là, dưới "quan điểm" của phép toán đồng dư, cả số 7 lẫn số 10 đều có thể được xem là số 1, cả số 8 lẫn số 11 đều có thể được xem là số 2, cả số 9 lẫn số 12 đều có thể được xem là số 3, v.v...

[3] Xem phụ lục 1.

Những điều vừa được trình bày cho phép chúng ta hiểu một phần nào về câu giải thích ngắn gọn của Đức Thượng Đế:

*"Ba nguơn, ấy là cái số **cuối cùng** của Trời Đất."*[1]

1. ĐẠI THƯỢNG NGUƠN (ĐỆ NHẤT CHUYỂN)

Trong kinh "Bình Minh", Đức Vô Cực Từ Tôn đã tóm tắt cho chúng ta biết lịch sử của vũ trụ kể từ khởi nguyên cho đến khi bắt đầu có loài người trên quả địa cầu này:

"Túi Tạo Hóa vô hình phát xuất,
Từ khai thiên Vô Cực chí linh,
Chuyển qua Thái Cực khai minh,
Âm dương lưỡng tánh vô tình phát sanh.

Khí âm dương lập thành nhựt dạ,
Vận tam tài biến hóa tam tiêu,
Tứ tượng vận chuyển phiêu phiêu,
Cang nhu thượng hạ luật điều không gian.

Chuyển ngũ hành ôn hàn thử nhiệt,
Xây Bát Quái thời tiết điều hòa,
Đông, Nam, Tây, Bắc, phân ra,
Cùng là tứ hướng một nhà chuyển luân.

Không khí vận không ngừng thế giới,
Phần vô vi trọng tải muôn vàn,
Động tịnh di dịch chuyển sang,
Gánh cân trái đất muôn ngàn vần xoay.

Tam tinh ngự liên đài chiếu sáng,
Nhựt, nguyệt, tinh, căn bản càn khôn,
Ngũ tinh xuất thế bảo tồn,
Khai thành thất chánh triêu hôn định phần.

Khai thượng nguơn, thánh thần hạ thế,
Đời thánh đức phổ tế dân sanh;
Cổ nhơn tợ thú, tâm thành,
Hữu đại thánh đức, tại hành thánh tâm.

Nên dụng đức hóa tầm vạn vật,
Cảm hóa nhơn, chơn thật lòng nhơn;

[1] Đức Cao Đài Bồ Tát; 18-09 Bính Tý (01-11-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.394-395.

Nguyên căn hạ thế tuần huờn,
Tinh thần vững đạt linh sơn phản hồi."[1]

"Thượng nguơn", trong lời dạy trên đây của Đức Vô Cực Từ Tôn, là thời kỳ "cổ nhơn tợ thú", nghĩa là thời kỳ mà nhân loại còn mang hình dạng như thú vật. Như đã trình bày ở chương trước, thời kỳ này tương ứng với thời đại Đồ Đá Cũ trong lịch sử văn minh nhân loại. Vì trải trên một khoảng thời gian rất dài, đến mấy triệu năm, nên "thượng nguơn" này phải là một đại thượng nguơn trong lịch sử văn minh nhân loại.

Hơn nữa, khởi điểm của đại thượng nguơn này là lúc bắt đầu có loài người trên mặt địa cầu này.

Trong ý nghĩa đó, thời "*tạo thiên lập địa*", như trong lời dạy dưới đây của Đức Thượng Đế, chính là thời kỳ **tạo lập môi trường sống trên địa cầu**:[2]

"Đạo có ba nguơn. Ba nguơn ấy là cái số cuối cùng của Trời Đất. Trước hết, mở đầu là thượng nguơn. Thượng nguơn đây chính là nguơn Tạo Hóa, là nguơn đã gầy dựng càn khôn võ trụ. Vậy ***khi mới tạo thiên lập địa****, nhơn loại sanh ra thì tính chất con người rất đỗi hồn hồn ngạc ngạc, còn đang thuần phát thiện lương, nên chi cứ thuận tùng thiên lý mà hòa hiệp dưới trên, tương thân tương ái. Thời kỳ ấy, người người đồng hấp thụ khí thiên nhiên, nên hằng cộng hưởng thanh nhàn khóai lạc mà vui say mùi đạo tháng ngày. Bởi đó, đời thượng cổ mới có danh là đời Thượng Đức, mà thượng nguơn ấy cũng kêu là nguơn Thượng Đức nữa."*[3]

Trong thời thánh đức nguyên thủy này, con người chưa cần đến tôn giáo – hiểu theo nghĩa là tôn giáo với đủ cả ba phần Thể, Tướng, Dụng – nhưng Đức Thượng Đế vẫn mở ra những đường lối giáo hóa để xây dựng văn minh cho nhân loại. Những đường lối giáo hóa ấy vẫn là Phật Đạo, Tiên Đạo và Thánh Đạo (Nho Đạo):

"Thầy lập Phật giáo vừa khi khai thiên lập địa, nên Phật giáo là trước, kế Tiên giáo, rồi mới tới Nho giáo."[4]

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo xác nhận:

"Từ ***Bàn Cổ sơ khai*** *đến ngày* ***Thánh Nhơn xuất thế****, đem chơn truyền thuyết minh lý Đạo, bành trướng khắp bốn phương để tỉnh thế độ đời cho rõ lý cao siêu của Trời Đất*

---

[1] Đức Vô Cực Từ Tôn; Văn Phòng Đại Đạo, Ngọ thời 15-05 Canh Tuất (18-06-1970); *Kinh Bình Minh* (Đệ Tam), "Đàn Khai Kinh", tr.12-15.

[2] Chữ "Thiên Địa" trong giáo lý Đại Đạo có thể được hiểu theo nghĩa rất rộng. Theo quyển "Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo", **thiên** là nguyên lý tác động và định hình, còn **địa** nguyên lý tiếp thu và nuôi dưỡng. Như vậy, bất kỳ một thực tại nào cũng là thiên địa, nếu xét về nguyên lý để hiện hữu của thực tại ấy. Thế nên, khi nói đến "tạo thiên lập địa", giáo lý Đại Đạo không giới hạn trong một nghĩa duy nhất là tạo lập vũ trụ siêu vĩ mô, và tùy ngữ cảnh và trường hợp, ta có thể hiểu về điều này như là tạo lập nên cái hiện hữu, tạo lập nên một thực tại.

[3] Đức Cao Đài Bồ Tát; 18-09 Bính Tý (01-11-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.394-395.

[4] Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương; Phước Linh Tự, 15-09 Bính Dần (24-10-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1).

hầu tầm đường siêu thoát cho thuận với lý thiên nhiên, cơ Tạo hóa, ***Tam Giáo phát hưng độ người thành Đạo hằng hà sa số****."*[1]

Đoạn thánh giáo trên đây nêu lên hai thời điểm: [1] thời điểm "Bàn Cổ sơ khai", nghĩa là thời điểm vừa mới xuất hiện con người trên địa cầu (sẽ được nói rõ ở mục kế tiếp); [2] thời điểm "Thánh Nhơn xuất thế, đem chơn truyền thuyết minh lý Đạo, bành trướng khắp bốn phương để tỉnh thế độ đời cho rõ lý cao siêu của Trời Đất hầu tầm đường siêu thoát cho thuận với lý thiên nhiên, cơ Tạo hóa", nghĩa là thời điểm bắt đầu có các bậc giáo tổ giáng thế để lập ra các tôn giáo. Giữa hai thời điểm này là giai đoạn chưa có tôn giáo, thế nhưng vẫn có "Tam Giáo phát hưng độ người thành Đạo hằng hà sa số". Do đó, chẳng những ta phải hiểu thuật ngữ "Tam Giáo" trong đoạn thánh giáo này theo nghĩa "Tam Giáo Đạo", mà ta còn phải hiểu Tam Giáo Đạo ở đây theo nghĩa rộng là những hình thái hoạt động nhân sinh, nhân trí và nhân đức.

1.1. Thượng nguơn nhất chuyển

Tiểu nguơn đầu tiên trong đại thượng nguơn là "thượng nguơn nhất chuyển", còn được gọi là thời kỳ "Bàn Cổ sơ khai".

Bàn Cổ, hay Thiên Hoàng, tức là Đức Thái Thượng Đạo Quân; Ngài là vị Đại Nguyên căn đầu tiên giáng thế trong sứ mạng tạo lập nhân loại:

"Hồng mông hỗn độn rồi, mới có Trời Đất, mới có Thuần Dương Bàn Cổ thủ xuất (căn cội loài người). (…) Ngài là ngôi tôn chủ sáng lập thế gian này, mà Ngài cũng là Thái Thượng Đạo Quân đó (…)

Người ra đầu, kế Trời Đất đây, mà là vị Thiên Hoàng thủ xuất đó."[2]

Như là lời giải thích cho câu "Người ra đầu, kế Trời Đất", trong quyển "Tam Hoàng Thiên Kinh", Ơn Trên có dạy rằng: Trời được tạo ra vào Tý hội, Đất được tạo ra vào Sửu hội, còn Thiên Hoàng – tức là thủy tổ của nhân loại – được sinh ra vào Dần hội.[3]

Như đã trình bày trước đây, một hội là 10.800 năm. Các sự kiện trong "Tam Hoàng Thiên Kinh" phù hợp về thời gian so với các diễn biến tạo thiên lập địa trong một lời dạy của Thiêng Liêng qua huyền cơ tại Tam Giáo Điện Minh Tân về sau này:

"Từ ngày Vô Cực chưa phân, trược thanh lẫn lộn, thì bao năm mới lập thành [trời đất, biết] không? Đúng một muôn tám trăm năm[4]*, khinh khí nổi lên làm trời; [sau đó] một muôn tám trăm năm, trọng khí lóng xuống làm đất."*[5]

Khi giáng thế, Thiên Hoàng đã mượn thể xác vượn-người để thực hiện những bước đột phá trong cơ tiến hóa mà lập thành nhân loại. Trong bài thuyết đạo "Khai nguơn và

---

[1] Đức Động Đình Hồ Đại Tiên Trưởng; 24-09 Bính Tý (07-11-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Thánh Tựa", tr.20.
[2] *Tam Hoàng Thiên Kinh*, "Càn Khôn thỉ điện (Trời Đất mở mang) (Thiên Hoàng Kinh)"; tr.44-46.
[3] *Tam Hoàng Thiên Kinh*, "Tích Địa Hoàng Kinh"; tr.60-61.
[4] "Một muôn tám trăm" tức là 10.800.
[5] Huyền cơ, 30-02 Kỷ Dậu (15-04-1969).

chuyển thế", Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc nói rằng, khi Thượng Đế mới tạo nhân hình cho nhân loại, thì hình dạng của loài người thời ấy hãy còn là hình dạng "dã nhơn"[1]. Bởi vậy, hình thể thú vật mà Thiên Hoàng mang lấy, được "Tam Hoàng Thiên Kinh" mô tả là *"mắt phình"*, *"nanh vút lòi ra hai bên"*, *"đầy mình đều lông"*[2].

Để có thể thực hiện được bước nhảy vọt từ loài vượn sang loài người, Thiên Hoàng phải dùng thần lực vận chuyển cho điểm Đạo nội tại – trong thể xác mà Ngài đang mang – biến đổi từ bản năng của thú vật sang bản tánh của con người.

Theo giáo lý Đại Đạo, thú vật và con người đều có Đạo bên trong, nhưng Đạo của thú vật hãy còn ở trình độ bản năng, còn Đạo của con người phải ở mức bản linh chơn tánh:

"Bản thể của Trời Đất, bản tánh của con người, bản năng của vạn vật, ba thứ đó đều do một nguyên lý phát xuất mà thôi; nguyên lý đó gọi là Đạo."[3]

Bởi vậy, muốn tạo ra con-người-trong-hiện-thực thì trước hết phải tạo ra được con-người-trong-nguyên-lý, và muốn tạo ra nhân-loại-về-hình-thể, trước hết phải tạo ra được nhân-loại-về-tâm-linh. Thiên Hoàng chính là con-người-trong-nguyên-lý và là nhân-loại-về-tâm-linh. Sứ mạng của Thiên Hoàng là nâng điểm Đạo trong thể xác vượn-người từ mức bản năng lên mức bản linh chơn tánh, khai mở một con đường tiến hóa từ thú vật lên nhân loại. Được như vậy thì cá thể vượn-người mà chơn linh Thiên Hoàng đang ở trong đó sẽ tiến hóa thành con người hiện thực, và sự xuất hiện những cá thể như vậy sẽ tạo ra được nhân loại về hình thể.

"Tam Hoàng Thiên Kinh" nói rằng, Thiên Hoàng phải làm cho Trời và Đất không bi lẫn lộn vào nhau; Ngài phải đẩy Trời lên cao, cho cách Đất thật xa, vì nếu không, nhân loại không sinh ra được.[4] Trong cách nói đầy ẩn dụ này, Trời và Đất theo thứ tự chính là tâm linh và thể xác trong cái tiểu vũ trụ vượn-người mà Thiên Hoàng đang mang. Tâm linh phải được nâng lên thật cao, vượt lên khỏi tầm chi phối của thể xác, vì nếu cả hai cứ lẫn lộn thì tâm linh sẽ mãi mãi là bản năng của thú vật chứ không thể tiến hóa thành luân lý của nhân loại; mà nếu vậy, vượn-người sẽ mãi mãi là thú vật mà không thể tiến được lên thành người.

Khi Ngài thực hiện được việc tách tâm linh lên khỏi tình trạng lẫn lộn với thể xác, thì kết quả Ngài đạt được trong tiểu vũ trụ vượn-người của Ngài không khác gì kết quả mà Thượng Đế đạt được trong đại vũ trụ vào thuở tạo thiên lập địa. Trong cơ thể vượn-người của Thiên Hoàng lúc đó, *"vật khinh thanh, thượng phù làm trời mà động, đã càng cao mà lại vận chuyển; còn trọng trược là địa, lần trầm sát xuống mà tịnh"*[5]; nghĩa là, khi được nâng lên càng cao, tâm linh càng vận động linh hoạt, không còn bị nô lệ cho thể xác, mà cũng nhờ đó, thể xác được thanh tịnh lại, dục vọng không còn quấy rầy nữa. Bởi vậy, tuy

---

[1] Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc; Đền Thánh, đêm 29-03 Nhâm Thìn (23-04-1952); *Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp* (Q. 5), "Khai Nguơn và Chuyển Thế ". http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/tam.htm; 15-12-2001.
[2] *Tam Hoàng Thiên Kinh*, tr.45.
[3] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 1, tiết 1, mục 2.
[4] *Tam Hoàng Thiên Kinh*, tr.46.
[5] Ibid, tr.46.

vẫn còn mang hình thể vượn, nhưng Ngài đã chiến thắng được tất cả bản năng của loài vượn, để cho điểm Đạo trong hình thể ấy tỏa sáng thành bản linh chơn tánh của con người.

Với kết quả công phu này, Thiên Hoàng đã khai được con đường tiến hóa cho nhân loại vì đã tạo được một nhân-loại-về-tâm-linh.

Kể từ đó về sau, bất kỳ sinh linh nào muốn tiến được từ thú vật lên đến con người, đều phải đi trên con đường mà Ngài đã khai mở. Ngay cả khi tiến được thành người rồi – như chúng ta, chẳng hạn – ai muốn nâng cao thêm phẩm giá của mình, thì cũng phải thực hiện việc nâng cao tâm hồn, trau dồi đạo đức để chiến thắng mọi dục vọng tự nhiên của thể xác, nghĩa là cũng phải đi trên con đường mà Thiên Hoàng đã đi vậy.

Con đường ấy chính là **Đại Đạo**.

Những điều vừa được trình bày trên đây đã được chính Đức Thái Thượng Đạo Tổ xác nhận trong kinh "Bình Minh" khi Ngài luận về Đại Đạo vô hình. Ngài đã nói về một vài kiếp giáng sinh của mình – trong đó có kiếp giáng sinh ở thời nguyên thủy của nhân loại – như sau:

"Tôn sư luận Vô Hình Đại Đạo;
Bởi xây vần máy Tạo kiền khôn,
Vô hình, Thiên Địa bảo tồn,
Chuyển xây nhựt nguyệt, triêu hôn thế trần.

Càn vi Dương, Dương phân thuộc tánh,
***Ta xuất hình trong cảnh khai thiên**;*
Chuyển luân, luân chuyển triền miên,
Thiên sư vạn pháp lưu truyền thượng nguơn.

Trung Bàn Cổ, phục huờn thế giái,
Pháp khai thông, vạn đại truyền ban;
Huất Huê Tử, hạ Tam Hoàng,
Lập thành Tiên Đạo chuyển sang Đại Thành.

Bao nhiêu kiếp Quản Thành tại thế,
Lập chánh truyền cho thế nghiệm suy,
Hoặc Thánh, hoặc Đạo hiển vi,
Hoặc Thích ẩn hiện, huyền vi chẳng lường."[1]

Như vậy, trong thượng nguơn nhất chuyển, Đức Thiên Hoàng (tức là Đức Bàn Cổ, hay Đức Thái Thượng Đạo Quân) đã khai Đại Đạo, mở con đường tiến hóa từ thú vật lên nhân loại. Đã có được con đường này rồi, thì dần dần, nhờ sự truyền trao pháp môn của Ngài, mà các nguyên căn khác trong hình thể vượn-người cũng tiến hóa.

[1] Đức Thái Thượng Đạo Tổ; Tam Giáo Đền, Ngọ thời, 28-06 Kỷ Dậu (09-08-1969); *Kinh Bình Minh* (Đệ Nhị), tr.47-48.

Theo bước chân Thiên Hoàng, các bậc nguyên căn ấy tiếp tục công cuộc khai đường cho một chủng loại tối linh trong vạn vật: nhân loại. Sự mở đường này đã đạt được một kỳ công vĩ đại trong càn khôn vũ trụ, là tạo ra được tài Nhân, đồng đẳng với tài Thiên và tài Địa.

Thượng nguơn đầu tiên trong lịch sử nhân loại này là thời của các bậc đại giác ngộ nguyên thủy, và đó là thời kỳ hoàng kim về tâm linh của nhân loại. Trong hình thể vượn-người, tâm linh của tài Nhân trên địa cầu 68 này tỏa sáng khắp các cõi trong trời đất.

Đối chiếu với lịch sử nhân chủng, có thể nói rằng quá trình tiến hóa vô vi vừa nêu trên đã xảy ra ở người-vượn australopithecus, khoảng 10 triệu đến 4 triệu năm trước đây. Đây là giai đoạn những cá thể người đầu tiên được manh nha hình thành trong thể xác australopithecus. Các khoa học – cổ sinh vật học, nhân chủng học, khảo cổ học,… – về sau này có lẽ khó có thể quan sát được *diễn biến* của quá trình ấy, vì quá trình ấy chỉ xảy ra trong tâm thức từng cá nhân của các bậc nguyên căn tiền phong của nhân loại; sở dĩ chúng ta biết được quá trình ấy là nhờ sự mạc khải qua thánh giáo Cao Đài. Tuy nhiên, các khoa học đã quan sát được *kết quả* của quá trình ấy: homo habilis sau này đã xuất hiện từ những cá thể australopithecus đột biến và tiếp tục con đường tiến hóa thành *người hiện đại*, trong khi phần lớn australopithecus vẫn tiếp tục tồn tại ở trình độ vượn-người thêm vài triệu năm nữa rồi tuyệt chủng dần. Sự kiện nhân chủng học này có thể được giải thích: chỉ những cá thể australopithecus nào thực hiện được việc phân thanh lóng trược trong chính bản thân mình – để đẩy Trời lên khỏi Đất, tách bản linh chơn tánh ra khỏi bản năng thú tính – mới có thể trở thành homo habilis và tiếp tục dấn bước trên đường tiến hóa thành người; ngược lại, những cá thể australopithecus tiếp tục đắm chìm trong bản năng thú tính mông muội, sẽ bị đào thải bởi chọn lọc tự nhiên.

Như vậy, trong thượng nguơn nhất chuyển – cách chúng ta khoảng 10 triệu đến 4 triệu năm về trước – Đại Đạo mà Đức Thái Thượng Đạo Tổ khai mở đã trở thành lựa chọn duy nhất của nhân loại khi đứng ở một ngã ba đường tiến hóa cực kỳ quan trọng giữa nhân tính và thú tính. Đại Đạo chính là nhánh dành cho nhân tính, dẫn dắt những cá thể biết tự chiến thắng bản năng, trở thành homo habilis, tiếp tục cuộc hành trình biến-thành-người. Nhánh còn lại của ngã ba thuộc về mọi cá thể tiếp tục duy trì bản năng của australopithecus cho đến ngày tuyệt chủng.

Nhân đây, cũng cần nói thêm rằng: nhiều tôn giáo khác nhau trên thế giới đã có nói về sự xuất hiện của "con người đầu tiên" (First Man [Eng]) trong kinh sách của mình; và khi đối chiếu các kinh sách này, chúng ta thường thấy khác biệt. Tuy nhiên, sự khác biệt này chỉ là do các tôn giáo sử dụng khái niệm "con người đầu tiên" theo những nghĩa khác biệt nhau; và các khái niệm khác biệt nhau này bổ túc cho nhau chứ không mâu thuẫn với nhau. Chúng ta hãy xét một ví dụ.

Ví dụ, đối với Thiên Chúa giáo, "con người đầu tiên" là A-đam, được tạo ra như sau. "Đức Chúa Trời dựng nên loài người như hình Ngài"[1], "Giê-hô-va Đức Chúa Trời bèn

[1] *Cựu Ước*, "Sáng Thế Ký", 1:27.

lấy bụi đất nắn nên hình người, hà sanh khí vào lỗ mũi; thì người trở nên một loài sanh linh"[1]. "Đoạn, Giê-hô-va Đức Chúa Trời lập một cảnh vườn tại Ê-đen, ở về hướng Đông, và đặt người mà Ngài vừa dựng nên ở đó."[2] Giới tính của con người đầu tiên này là nam. Đức Chúa Trời đã tạo ra con người thứ hai với giới tính nữ như sau. "Giê-hô-va Đức Chúa Trời làm cho A-đam ngủ mê, bèn lấy một xương sườn, rồi lấp thịt thế vào. Giê-hô-va Đức Chúa Trời dùng xương sườn đã lấy nơi A-đam làm nên một người nữ, đưa đến cùng A-đam"[3]. "A-đam gọi vợ là E-va [tên gọi này có nghĩa là "sự sống"], vì là mẹ của cả loài người"[4].

Nếu đối chiếu "con người đầu tiên" A-đam theo giáo lý Thiên Chúa giáo với "con người đầu tiên" Bàn Cổ theo giáo lý Đại Đạo, ta thấy đây là hai khởi điểm cho hai giai đoạn khác nhau của nhân loại. A-đam là "con người đầu tiên" của giai đoạn mà nhân loại bắt đầu hiện diện trong sinh giới như một loài độc lập có khả năng tự duy trì nòi giống bằng con đường sinh sản thông thường, và hơn nữa, bắt đầu có ý thức về luân lý xã hội. Trong khi đó, Bàn Cổ là "con người đầu tiên" của giai đoạn mà nhân loại chưa thực sự xuất hiện như một loài độc lập mà chỉ mới bắt đầu hình thành trong loài vượn-người. Như vậy, trong ví dụ này thì "con người đầu tiên" theo giáo lý Thiên Chúa giáo là con người hiện thực, còn "con người đầu tiên" theo giáo lý Đại Đạo là con người nguyên lý.

1.2. Trung nguơn nhất chuyển

Đến Mẹo hội (10.800 năm sau khi Thiên Hoàng xuất hiện), thì Địa Hoàng ra đời. Sang Thìn hội (10.800 năm kế tiếp), Nhân Hoàng ra đời.

Vẫn còn nằm trong giai đoạn người-vượn australopithecus, trung nguơn nhất chuyển là thời của Địa Hoàng và Nhân Hoàng. Các Ngài tiếp tục giáo hóa thiên hạ để mở mang thêm con đường tiến hóa.

Từ thời Thiên Hoàng, Địa Hoàng cho đến Nhân Hoàng – gọi chung là Tam Hoàng – nhân loại xuất hiện nhờ "càn khôn tương đối" (nói theo "Tam Hoàng Thiên Kinh"[5]), hay nhờ "Tiên Thiên Cơ Ngẫu" (nói theo "Đại Thừa Chơn Giáo"[6]); nghĩa là, con người ở những thời này *ra đời trực tiếp* từ sự giao cảm của âm dương trong Trời Đất, chứ không theo con đường sinh sản thông thường của nhân loại.

Điều này hoàn toàn có thể hiểu được từ những tri thức của khoa học hiện đại. Trong sinh giới lúc bấy giờ, con người chỉ mới là những cá thể xuất hiện do đột biến gene từ linh trưởng, chứ chưa phải là một loài độc lập (với các loài mà từ đó bộ gene của chúng được đột biến để thành con người) như nhân loại ngày nay. Nếu chưa phải là một loài độc lập, thì các cá thể con người lúc ấy không thể xuất hiện thông qua sự sinh sản thông thường của một loài sinh vật, mà chỉ có thể xuất hiện nhờ một con đường duy nhất là đột

[1] Ibid., 2:7.
[2] Ibid., 2:8.
[3] Ibid., 2:21-22.
[4] Ibid., 3:20.
[5] Tam Hoàng Thiên Kinh, tr.65.
[6] Đại Thừa Chơn Giáo, tr.272.

biến gene từ các loài tổ tiên. Sự đột biến gene này có thể có nhiều nguyên nhân, mà một trong những nguyên nhân đã được sinh học nhận diện là sự gia tăng của liều lượng phóng xạ trong môi trường sống ở một số vùng trên trái đất ở thời bấy giờ. Nhân đây, cũng cần nhấn mạnh rằng: sự xuất hiện của nhân loại là do đột biến gene, chứ không phải do ngẫu sinh.

Sự xuất hiện do "càn khôn tương đối" hay "Tiên Thiên Cơ Ngẫu" của nhân loại tuân theo một cơ chế sinh hóa tiên thiên. Đó là một sự xuất hiện đột biến do những tác động của Tạo Hóa trong thiên nhiên chứ không do cơ chế sinh hóa hậu thiên thông thường. Nhờ cơ chế tiên thiên này, nhân loại mới có được cái mà về sau Lão giáo gọi là **Tánh** và **Mạng**, là những yếu tố tạo ra cả sự sống tiên thiên của nhân loại, chứ không chỉ là sự sống trong một thể xác thông thường. Cần lưu ý rằng, khoảng mấy triệu năm sau các thời kỳ này, khi mà các tôn giáo ra đời, thì nhiều tôn giáo đã nhìn nhận rằng cách thức xuất hiện như vậy đã xảy ra đối với các vị giáo chủ của mình. Ví dụ, theo kinh Phật giáo, Đức Phật Thích Ca đã đản sinh bằng cách đi xuyên qua hông bên phải của Hoàng hậu Maya. Trong kinh thánh Tân Ước của Thiên Chúa giáo, Chúa Jesus đã giáng sinh qua Đức Mẹ Maria đồng trinh. Nghĩa là, các bậc giáo chủ này được kinh điển các tôn giáo ghi nhận là xuất hiện do "tiên thiên cơ ngẫu", chứ không chào đời theo quy luật của một con người bình thường.[1]

Ở cuối trung nguơn nhất chuyển, vào thời Nhân Hoàng, nhân loại bắt đầu có ý niệm về sự khác biệt giữa hai giới tính nam và nữ.

1.3. Hạ nguơn nhất chuyển

Hạ nguơn nhất chuyển là nguơn kết thúc đại thượng nguơn của nhân loại, kết thúc thời kỳ con người biết sống với Đại Đạo thiên nhiên trong Trời Đất và trong nội thân. Bởi vậy, "Tam Hoàng Thiên Kinh" nói:

"Đây là cùng cuối Đạo lành."[2]

Vậy thì điều gì đã xảy ra với nhân loại trong kỳ hạ nguơn đầu tiên này?

Như đã trình bày, ở cuối trung nguơn nhất chuyển, nhân loại bắt đầu có ý niệm về sự khác biệt giữa hai giới tính nam và nữ. Sau thời Nhân Hoàng, nhân loại dần dần đi từ "càn khôn tương đối" sang "Khảm Ly giao cảm"[3], cơ tiên thiên cơ ngẫu bị bế, nhường chỗ cho cơ hậu thiên cơ ngẫu. Sự kiện đạo học này có thể được diễn dịch sang ngôn ngữ sinh học: nhân loại, từ những cá thể đột biến trước kia, đã trở thành một loài độc lập có khả năng tự duy trì nòi giống bằng con đường sinh sản thông thường như các động vật bậc cao khác trong thế giới tự nhiên.

Bức tranh tổng quát của thời kỳ này được mô tả trong Tam Hoàng Thiên Kinh như sau:

---

[1] Trong thời mạt kiếp, cơ chế sinh hóa tiên thiên này đã được sử dụng trong tân pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để giúp con người luyện đạo, và được đề cập đến bằng nhiều tên gọi khác nhau, ví dụ, "Tánh Mạng song tu".
[2] Tam Hoàng Thiên Kinh, tr.68.
[3] Ibid., tr.65.

*"Thiên không chuyển động hòa thanh, Thiên Địa giao thới, động tịnh khắc sanh, bèn **xuất lộ sương**, **tuyết sa xuống**, hóa sanh sanh hóa, làm chuyển động càn khôn, làm cho nhơn loại và thú cầm phải ảnh hưởng theo cơ vận động tịnh sanh của lưỡng huyền chi khí (bán âm và bán dương) mà giao cảm, thành chịu phôi thai mà có tượng vậy. Mà là: bèn có ra con người sản xuất đó, **không còn Thiên Địa sanh sản** như xưa (…)*

*Đây là do có âm dương hòa hảo, **tuyết khí nhẩu xuống**, trung gian bởi bán âm dương theo về cơ lý động tịnh, mà biến sanh, sanh thọ vậy; mà có ra **nhơn loại sanh sản** đó.*

Đây là về lối nhơn loại, đặng nhờ ơn hóa sanh, đã thọ điểm linh quang mà huợt động, có ra nhơn hình, mà cũng là Thiên Nhâm khai, Địa Quý động của nam nữ lưỡng tương khắc sanh, sanh khắc hòa giao, xuất linh thành tượng vậy."[1]

Những sự kiện như "xuất lộ sương, tuyết sa xuống", "tuyết khí nhẩu xuống" như được mô tả trong "Tam Hoàng Thiên Kinh" cho phép ta đối chiếu với những khám phá của cổ sinh vật học về việc xuất hiện nhân loại, như một loài độc lập, có khả năng tự duy trì nòi giống. Từ khoảng cuối kỷ đệ tam đến khoảng đầu kỷ đệ tứ, có những thời kỳ băng hà (sông băng) xen kẽ nhau: thời kỳ băng hà Biber, Donau, Gunz, Mindel, Riss, Riss-Wurm, và Wurm. Homo habilis xuất hiện khoảng cuối kỷ đệ tam, còn homo erectus xuất hiện vào khoảng đầu kỷ đệ tứ. Như vậy, cảnh sương tuyết của "Tam Hoàng Thiên Kinh" và các thời kỳ băng hà của cổ sinh vật học chỉ là hai cách mô tả của cùng một sự kiện.

Sự đối chiếu này cho phép ta ước lượng niên đại của hạ nguơn nhất chuyển dựa vào niên đại xuất hiện của homo habilis. Theo đó, hạ nguơn nhất chuyển bắt đầu cách nay khoảng từ 3 triệu năm đến 1,3 triệu năm.

Đầu hạ nguơn nhất chuyển là thời kỳ của "bát vị Cư Phương thị". Tám vị này là những người em của Nhân Hoàng, lấy họ là Cư Phương (Cư Phương thị). Cũng như Nhân Hoàng, các vị này đều là những Đấng Đại Thiêng Liêng giáng sanh để bảo tồn nhân loại.[2]

Các Ngài bắt đầu gầy dựng luân lý cho nhân loại, lập ra hôn lễ, dạy cho nhân loại hiểu thế nào là *"phụ tử tình thâm"*, *"phu thê nghĩa trọng*, *"quân thần hữu biệt"*, *"huynh đệ tắc cung"*.[3] Như vậy, những mối quan hệ xã hội khác nhau giữa con người và con người – như quan hệ phụ-tử, quan hệ phu-thê,… – bắt đầu được đạo lý hóa theo chiều hướng làm cho xã hội loài người vượt trội hẳn so với các quần thể động vật. Để thấy rõ điều này, cần lưu ý rằng trong một quần thể động vật, những con vật trong quần thể chỉ đủ khả năng nhận thức các thành viên trong cộng đồng qua mối quan hệ giới tính, nghĩa là chỉ phân biệt được con đực và con cái, con trống và con mái,… Tuy vẫn tồn tại những mối quan hệ khác trong quần thể, như quan hệ giữa các cá thể cha mẹ và con, giữa các cá thể anh chị và em có cùng cha mẹ,… nhưng chúng chỉ tồn tại như những mối quan hệ ngắn hạn, và chúng luôn bị chuyển thành quan hệ giới tính sau một thời gian nào đó. Đóng góp của Cư

[1] Tam Hoàng Thiên Kinh, tr.66-67.
[2] Ibid, tr.69.
[3] Ibid, tr.67.

Phương thị vào sự tiến hóa của xã hội loài người nằm ở chỗ đạo lý hóa những mối quan hệ giữa những thành viên trong xã hội, biến những mối quan hệ này thành những mối quan hệ luân lý. Bằng cách đó, các Ngài đã xây dựng nên cấu trúc luân lý của một xã hội nhân sinh. Từ đây, các xã hội nhân sinh ở những quy mô khác nhau (gia đình, thị tộc, bộ lạc, quốc gia,…) bắt đầu trở thành những tổ chức có những cấu trúc luân lý bền vững.

Sau đời Cư Phương là đời của bảy vị đại thánh nhân, lấy họ là Ngũ Long (Ngũ Long thị). Các vị này hiểu rằng cái Đại Đạo hồn nhiên sắp bị mai một trong tâm hồn nhân loại, nên dạy nhân gian tu học cả về thiên đạo lẫn thế đạo. Các Ngài dạy tịnh tọa tu kỷ, làm ra lý thuyết Trung Dung để dạy dân trở nên người quân tử.[1]

Như vậy, Thánh Đạo (bao gồm cả Nhân Đạo và Thần Đạo) đã được xây dựng trong hạ nguơn nhất chuyển.

Kinh thánh Cựu Ước đề cập đến bước chuyển từ tiên thiên cơ ngẫu sang hậu thiên cơ ngẫu này như là *tội tổ tông* của nhân loại. Đó là giai đoạn con người nghe điều cám dỗ của con rắn (biểu tượng của dục vọng), cãi lời Thiên Chúa, ăn trái cấm trong vườn Địa Đàng, nên biết phân biệt thiện ác, phân biệt nam nữ, và bị rơi vào vòng sanh tử. Đây cũng là giai đoạn mà theo Cựu Ước, hôn lễ của con người được Thiên Chúa thiết lập như là một bước sắp đặt luân lý cho nhân loại.[2]

Ngôn ngữ của Cựu Ước là một loại ngôn ngữ ẩn dụ của đạo pháp. Trong kinh "Thượng Thừa Chơn Giáo" của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Đông Phương Lão Tổ giải thích rõ hơn về tội tổ tông ở loài người như sau:

"Ngoài sự giả tá[3] của cơ âm dương giao hiệp theo thiên nhiên, con người còn có cơ âm dương giao hợp, đa phần do dâm tâm dấy động rồi sanh ra con dâm, cháu dâm, thành một lớp người dâm, nên bị mắc ***tội tổ tông về mạng căn****."*[4]

Không chỉ riêng Cựu Ước, mà nhiều bộ kinh cổ xưa của nhân loại cũng ghi lại sự kiện này dưới những hình thức khác nhau. Ví dụ trong kinh Dịch, tội tổ tông đã được ghi lại dưới hình thức một quẻ Dịch – quẻ Dịch thứ 64, có tên gọi là "Hỏa Thủy vị tế" – mô tả *"hiện tượng của lớp người hậu thiên, tử tử sanh sanh."*[5]

Trong kinh sách Cao Đài, hiện tượng này được đề cập đến rất nhiều, nhất là trong ngữ cảnh của các chủ đề về tân pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nhằm giúp cho nhân loại giải thoát ra khỏi gọng kìm nhân quả của tội tổ tông. Có thể nêu lên một số ví dụ.

Theo "Đại Thừa Chơn Giáo", đây là bước chuyển từ tiên thiên cơ ngẫu sang hậu thiên cơ ngẫu của nhân loại.

---

[1] Ibid, tr.69.
[2] *Cựu Ước*, "Sáng Thế Ký", 2:15-25, 3:1-24.
[3] "Giả tá" tức là vay mượn tạm thời.
[4] Đức Đông Phương Lão Tổ; 15-07 Quý Sửu (13-08-1973); *Thượng Thừa Chơn Giáo*, "Cơ động tịnh tiến thối và giao hiệp của âm dương", tr.63.
[5] Đoạn này được viết tóm tắt từ lời giải thích của Đức Đông Phương Lão Tổ trong kinh "Thượng Thừa Chơn Giáo", bài "Cơ động tịnh tiến thối và giao hiệp của âm dương", tr.65-66.

Trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", bước chuyển biến từ tiên thiên cơ ngẫu sang hậu thiên cơ ngẫu của nhân loại cũng được Đức Thượng Đế nhắc đến qua lời dạy sau:

"Ôi! Thầy sanh các con thì phải yêu trọng các con chẳng cùng, mà Thầy cho các con đến thế giới nầy với một thánh thể thiêng liêng, y như hình ảnh của Thầy, không ăn mà sống, không mặc mà lành; các con lại không chịu, nghe điều cám dỗ mê luyến hồng trần, ăn cho phải bị đọa, dâm cho phải bị đày, nên chịu nạn áo cơm, dục quyền cầu lợi."[1]

Trong "Đạo Học Chỉ Nam" bước chuyển biến này được đề cập đến như sau:

"Người vốn biết Nguyên Nhân thượng giới,
Tay Thợ Trời gieo tới trần gian,
Sum xuê một cõi địa hoàn,
Luân lưu nhựa sống khắp tràn núi sông.

Đen, trắng, vàng, cùng trong vũ trụ,
Mặc, uống, ăn, trong thú dưỡng sinh,
Á, Âu, Phi, Úc, Mỹ, Anh,
Một khuôn un đúc nên hình thế nhân.

Từ tập thể, nhân quần chủng loại,
Đến quốc gia, xã hội bán khai,
Linh Quang bủa xuống trần này,
Hậu Tiên nhị khí[2] *dựng gầy tác sinh.*

Cuộc phù thế[3] *âu đành tạm bợ,*
□□□ng thỉn lûn sao ng□ ti□n duỹn?[4]
Thức trần[5] ***lấp ngõ đăng tiên***[6]***,***
Vó câu lữ khách quanh triền Vu sơn[7]***."***[1]

---

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; năm Mậu Thìn (1928); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 2, tr.63

[2] "Hậu Tiên nhị khí": khí tiên thiên và khí hậu thiên. Con người, một khi đã được sinh ra trong cõi đời này, thì đều có đủ cả hai phần tiên thiên và hậu thiên trong cấu tạo cơ thể của mình.

[3] "Phù": trôi nổi, tạm bợ, không bền, không chắc chắn, không vững vàng. "Thế": cuộc đời, cảnh đời, cõi nhân gian. "Phù thế": cuộc đời trôi nổi, không bền vững.

[4] "Thiên luân": bánh xe của trời, ám chỉ sự luân hồi của vạn vật trong cơ tiến hóa, xét theo ngữ cảnh của bài thơ này. "Tiền duyên": duyên số tiền định. "Đường thiên luân sao ngỡ tiền duyên?": những gì xuất hiện trong cõi đời tạm bợ này đều là những ảo ảnh biến hiện trong vòng luân hồi, sao lại nhầm nhầm tưởng là duyên số tiền định?

[5] "Thức trần": những vọng tưởng, tạp niệm của con người. Chng ta cĩ thể nhận ra "thức trần" ny qua "lục dục" v "thất tình" của chính bản thn mình; ở đây, "lục dục" là sáu sự ham muốn bắt nguồn từ sáu cơ quan nhận thức của con người, bao gồm: [1] sự ham muốn bắt nguồn từ mắt (nhn dục), [2] sự ham muốn bắt nguồn từ tai (nhĩ dục), [3] sự ham muốn bắt nguồn từ mũi (tĩ dục), [4] sự ham muốn bắt nguồn từ lưỡi (thiệt dục), [5] sự ham muốn bắt nguồn từ thân (thân dục), [6] sự ham muốn bắt nguồn từ ý (ý dục); cịn "thất tình" l bảy trạng thi tình cảm của con người, bao gồm: mừng (hỷ), giận (nộ), buồn (ai), vui (lạc), thương (ái), ghét (ố), sợ (cụ).

[6] "Đăng tiên": trở về ci tin hoặc trở thnh tin. "Lấp ng đăng tiên": che lấp con đường trở về ci tin, con đường trở thành tiên, làm cho con người mất khả năng giải thóat lấy mình ra khỏi lun hồi sinh tử.

[7] "Vu sơn": tên một ngọn núi thuộc tỉnh Hồ Bắc, nước Trung Hoa. Vào đời Chiến Quốc, vua Sở Tương Vương đến ngắm cảnh; đến khi mệt mỏi, nhà vua nằm ngủ ở chân núi, mơ thấy một giai nhân đến nói rằng có tiền duyên với vua. Khi tỉnh giấc, nhà vua cứ luyến tiếc giai nhân trong giấc mơ. Điển tích "Vu Sơn" thường được dùng để chỉ mối quan hệ giới tính giữa nam nữ. Kinh "Đạo Học Chỉ Nam" dùng điển tích này để chỉ hậu thiên cơ ngẫu.

Trong đoạn trích trên đây, ba khổ thơ đầu nói đến con người ở giai đoạn tiên thiên cơ ngẫu, còn khổ thơ cuối (bắt đầu từ câu "Cuộc phù thế…") nói đến con người ở giai đoạn hậu thiên cơ ngẫu. Khi sống trong cõi đời tạm bợ này, nếu không biết giữ gìn nội tâm của mình, con người sẽ dần dần bị thức trần che lấp những giác tánh hồn nhiên của Chân Như Bản Thể. Thức trần thuộc về phần hậu thiên của con người, bao gồm lục dục và thất tình; nếu con người sống bằng thức trần, thì bất cứ cái gì làm cho con người thỏa mãn thị dục cũng đều được con người nhìn nhận như là duyên tiền định, kể cả những thứ kéo con người lún sâu vào đường luân hồi như hậu thiên cơ ngẫu. Còn Chân Như Bản Thể thuộc về phần tiên thiên của con người; như đã được trình bày ở chương trước, nhờ những giác tánh hồn nhiên của Chân Như Bản Thể, mỗi con người có thể đạt được mạch sống tiên thiên của Đại Đạo mà huyền đồng với vũ trụ và hòa ái với đồng loại. Một khi những giác tánh hồn nhiên ấy bị thức trần che lấp, con người sẽ bị lạc mất lối về với mạch sống tiên thiên của Đại Đạo, nghĩa là bị "lấp ngõ đăng tiên". Câu thơ "Vó câu lữ khách quanh triền Vu sơn" nói rằng con người vốn là những lữ khách trên đường tiến hóa, nhưng do bị thức trần chi phối nên hầu hết loài người tự trói buộc mình trong hậu thiên cơ ngẫu ("quanh triền Vu sơn"), không còn những năng lực siêu phàm của những Linh Quang thượng giới nữa.

Vậy, đến hạ nguơn nhất chuyển, con người đã đánh mất những khả năng kỳ diệu, "không ăn mà sống, không mặc mà lành", mà Thượng Đế đã phú bẩm nơi "thánh thể thiêng liêng" của con người. Những điều này rất giống với những gì mà Ngài đã từng nói với A-đam và Ê-va trong Sáng Thế Ký của Thiên Chúa Giáo trước khi loài người bị "*đuổi ra khỏi vườn địa đàng*" do chuyển từ tiên thiên cơ ngẫu sang hậu thiên cơ ngẫu:

"Ngài phán cùng người nữ [tức Ê-va] rằng: Ta sẽ thêm điều cực khổ bội phần trong cơn thai nghén; ngươi sẽ chịu đau đớn mỗi khi sanh con; sự dục vọng [khiến] ngươi phải xu hướng về chồng, và chồng ngươi sẽ cai trị ngươi. Ngài lại phán cùng A-đam rằng: Vì ngươi nghe theo lời vợ mà ăn trái cây ta đã dặn không nên ăn, vậy, đất sẽ bị rủa sả vì ngươi; trọn đời ngươi phải chịu khó nhọc mới có vật đất sanh ra mà ăn. Đất sẽ sanh chông gai và cây tật-lê, và ngươi sẽ ăn rau của đồng ruộng; ngươi sẽ làm đổ mồ hôi trán mới có mà ăn, cho đến ngày nào ngươi trở về đất, là nơi mà có ngươi ra; vì ngươi là bụi, ngươi sẽ trở về bụi."[2]

Do đó, cuối hạ nguơn nhất chuyển, nếu nói theo ngôn ngữ của Cựu Ước, nhân loại bắt đầu mang **tội tổ tông**. Đây là bước ngoặt lịch sử rất lớn, kết thúc giai đoạn cuối cùng của đại thượng nguơn, chuyển nhân loại sang giai đoạn trung nguơn.

Với bước ngoặc này, con người – từ cá nhân đến xã hội – đã chuyển đời sống của mình từ cơ âm dương tiên thiên sang cơ âm dương hậu thiên cho đến ngày nay:

"Con người hậu thiên, chơn thần bị màn vô minh (dục vọng bản ngã) chi phối, nên phần lương tri, lương năng giảm sút, mà phần tư lự, niệm tưởng tiến tới. Tinh thần ra

[1] Minh Lý Thnh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 4, tiết 3, mục 1.
[2] Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước; Sáng Thế Ký; 3:16-19.

ngoài hàng khách quan, còn vật chất tiến vào bên trong hàng chủ yếu. Thân nhục dục tiến lên làm chủ cuộc sống, điều khiển tâm hồn, làm cho Tánh Mạng lu mờ tàn tạ trong vòng sanh tử trầm luân."[1]

2. ĐẠI TRUNG NGUƠN (ĐỆ NHỊ CHUYỂN)

Sau đại thượng nguơn thì đến đại trung nguơn. Đời sống của các xã hội nhân sinh trong đại trung nguơn là đời sống của dục vọng. Những dục vọng của cá nhân và xã hội mỗi lúc một xô đẩy con người lún sâu vào cảnh tương tranh. Trong "Đại Thừa Chơn Giáo", Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã giải thích khái quát về thời kỳ trung nguơn này như sau:

"Kế đó, bước qua trung nguơn thì nhơn tâm bất nhứt, tập quán theo thói đời, thâm nhiễm nhiều nết xấu mới làm cho xa mất điểm thiện lương, bèn cậy ở sức mình mà hiếp bức lẫn nhau, tương sát tương tàn, mạnh còn yếu mất, thì mới sanh ra biết bao trường huyết chiến, không còn kể đồng loại đồng chủng, phai lợt tình đồng nghĩa đồng bào. Bởi đó, đời trung cổ mới có danh là đời Thượng Lực, mà trung nguơn ấy cũng kêu là nguơn Tranh Đấu nữa."[2]

Trong kinh "Bình Minh", Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

"Chuyển trung nguơn trong thời tân tiến,
Vì đỉnh chung vận chuyển tâm linh;
Tạo nên cảnh vật bất bình,
Tạo điều tranh đấu mất tình ái tha.

Vì lòng của con Ta lợt đạo,
Dụng trí khôn cải tạo khuôn viên;
Trung nguơn khắp cả trần miền,
Đẩy xô vật chất tranh quyền uống ăn.

Nhưng cũng còn bản năng đạo đức,
Trọng cang thường từ bực thấp cao;
Luân lý tá thế đề trao,
Giữ gìn quy củ chưa sao phế tàn."[3]

"Trung nguơn", trong những đoạn thánh giáo trên đây, tương ứng với thời kỳ loài người biết tranh đấu lẫn nhau. Thời điểm bắt đầu thời kỳ này có thể là lúc bắt đầu có homo erectus – hoặc thuộc về giai đoạn của homo erectus – nghĩa là khoảng 1,8 triệu năm trước. Thời kỳ này cũng trải trên một khoảng thời gian rất dài, khoảng trên dưới một triệu

---

[1] Đức Đông Phương Lão Tổ; 15-07 Quý Sửu (13-08-1973); *Thượng Thừa Chơn Giáo*, "Cơ Động Tịnh Tiến Thối và Giao Hiệp Của Âm Dương", tr.62.

[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế (xưng danh Cao Đài Bồ Tát); 18-09 Bính Tý (01-11-1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.394-395.

[3] Đức Vô Cực Từ Tôn; Văn Phòng Đại Đạo, Ngọ thời, 15-05 Canh Tuất (18-06-1970); *Kinh Bình Minh* (đệ tam), "Đàn Khai Kinh", tr.12-15.

năm, nên "trung nguơn" này phải là một đại trung nguơn trong lịch sử văn minh nhân loại.

2.1. Thượng nguơn nhị chuyển

Thượng nguơn nhị chuyển là thời của Đức Nguơn Thỉ và Cư Linh thị. Các Ngài có khả năng *"đại định mà thâu nguơn khí vào mình"* để *"sống như Trời Đất."*[1]

Chín đời sau Cư Linh thị, có ngài Thái Nhứt Nguơn Quân, hay Tạo Hóa Tiên Nhơn, *"có tài gom khí Đại Hồng Quang lại, luyện quy về Một"*. Ngài trị thế giáo dân, lập ra "Thái Nhứt Thiên Thơ" mà truyền đạo đến tận đời Huỳnh Đế và Lão Tử.[2]

Sau đó, đến thời của các họ Khổng Trang (Khổng Trang thị) và Thần Dân (Thần Dân thị). Các vị Khổng Trang và Thần Dân có khả năng *"lấy sự thâu thần làm căn nghiệp cho tinh khí tương thông mà đương đầu với võ trụ"*. Các Ngài còn dạy dân *"tập thâu thần lại mà sống đời"*.[3]

Những vị ở những đời kế tiếp đều là các bậc xuất chúng, nối nhau mà trị đời.

Lúc bấy giờ, con người hãy còn chịu lõa thể như các loài thú khác. Đến đời Thinh Phong Dân, Ngài phát minh ra cách sử dụng da thú làm áo quần, nón,… để bảo vệ cơ thể con người trước những biến động của thời tiết. Đó là một bước tiến rất lớn trong văn minh nhân loại. Ngài được dân gian tôn là Y Bì Sáng Chế Tiên Nhân.[4]

Sau đời Thinh Phong Dân, các bậc trị dân đều là những người *"ưa sanh ố sát, chỉ tìm mà dùng, không hay giành giựt với nhau. Thiên hạ đặng người hiền đức, rất kính mến, chuộng điều đình, mà được thái bình thiên quốc. Trời Đất xung hòa, bèn nhỏ thoại khí trinh tường mà để độ nhân gian, nên đặng hòa bình và thạnh trị"*.[5]

Đây là thời kỳ đầu của homo erectus. Về hình thể, con người đã đứng thẳng được trong tự nhiên với tư thế "đầu đội trời, chân đạp đất". Theo luật "nhơn vật tiến hóa" trong kinh "Đại Thừa Chơn Giáo", đây là hình thể đặc trưng cho con người trong cơ tiến hóa. Như vậy, phải đến thượng nguơn nhị chuyển, nhân loại mới đạt được tư thế "tiêu chuẩn" của tài Nhân về hình thể như ngày nay.

Cho đến đây, ta có thể nói rằng, thượng nguơn nhất chuyển là thời kỳ xây dựng nền tảng tâm linh của tài Nhân, còn thượng nguơn nhị chuyển là thời kỳ xây dựng căn bản về hình thể cho tài Nhân.

2.2. Trung nguơn nhị chuyển

Sang trung nguơn nhị chuyển, bắt đầu có sự tương tàn tương sát giữa người và vật, giữa người và người:

---

[1] *Tam Hoàng Thiên Kinh*, tr.70.
[2] Ibid., tr.71.
[3] Ibid.
[4] Ibid.
[5] Ibid.

"Nhơn vật thường tương tranh tương phản, vì người ỷ mạnh, đàn áp điểu thú mà diệt sát thú cầm, ăn ngon nuốt béo, xem ra quá hung ác. Người chẳng còn đại định, thâu nguơn thần, và chẳng có chút lòng nhơn với thú cầm."[1]

Đây là thời được "Tam Hoàng Thiên Kinh" mô tả là "*nhự mao ẩm huyết*" (ăn lông uống máu). Vì con người chưa biết dùng lửa để nấu nướng, nên phải ăn sống thịt thú cầm.

Thời này có dòng họ Hữu Sào (Hữu Sào thị) phát minh ra cách làm nhà. Nhờ phát minh này, nhân loại dần dần rời bỏ đời sống hang động, không còn sống chung lộn với thú vật. Các vị Hữu Sào dạy dân khi đói thì ăn rau cỏ, khi khát thì uống nước suối, bớt ăn thịt thú cầm để giữ lòng đại độ, khoan dung, hòa bình với muông thú.

Trong "Giác Hóa Chơn Kinh", Đức Hải Triều Thánh Nhơn có cho hai câu đối:

"Họ Toại Nhơn về trước, uống bằng huyết ăn bằng lông, cảm bấy đức cao bày nấu nướng.

Họ Hữu Sào nhẫn sau[2]*, ở có nhà nằm có vạt, kỉnh thay ơn nặng gát cây rường."*[3]

Nội dung câu thứ nhất sẽ được trình bày trong mục kế tiếp. Nội dung câu thứ hai ca ngợi công đức phát minh ra nhà ở của dòng họ Hữu Sào. Chú thích cho câu thứ hai, "Giác Hóa Chơn Kinh" nói rằng: *"Đời thượng cổ còn ở hang, ở ngoài đồng nội, đến họ Hữu Sào gát cây làm ổ, chế ra nhà cửa lưu truyền đến nay."*[4]

Trong trung nguơn nhị chuyển, bản ngã và dục tâm của con người đã phát khởi, óc tư hữu của con người bắt đầu phát triển. Đây chính là giai đoạn bắt đầu cho những sự đấu tranh triền miên trong lịch sử nhân loại cho đến ngày nay.

2.3. Hạ nguơn nhị chuyển

Bước vào hạ nguơn nhị chuyển, hai khuynh hướng biến dịch giữa tâm linh và vật chất bắt đầu bộc lộ một sự tương phản rất rõ rệt trong sự phát triển văn minh nhân loại. Trong kỳ hạ nguơn này, đã có những tiến bộ vĩ đại về văn hóa, kỹ thuật, kinh tế; nhưng cạnh đó, cũng có những suy thoái nghiêm trọng về tâm linh, đạo đức, luân lý.

Thời này, có dòng họ Toại Nhân (Toại Nhân thị) ra đời, thực hiện những phát minh to lớn trong rất nhiều lĩnh vực khác nhau, làm thay đổi hẳn bộ mặt văn minh nhân loại. Các Ngài nhìn tinh tú, trực giác được rằng trong trời đất có lửa, nên phát minh cách thức tạo ra lửa một cách chủ động. Các Ngài dạy dân *"dùng nhẹn vùi lửa, đập đá nháng sao"* để lấy lửa mà nấu chín thức ăn[5]. Đây là một bước tiến bộ rất to lớn trong lịch sử văn minh nhân loại, vì kể từ đây, loài người mới có khả năng sử dụng lửa một cách có kiểm soát (controlled use of fire).

---

[1] Ibid, tr.72.
[2] "Nhẫn sau" (từ Việt cổ): đến sau, về sau. Cụm từ "Họ Hữu Sào nhẫn sau" có nghĩa là "kể từ thời của dòng họ Hữu Sào trở về sau".
[3] Đức Hải Triều Thánh Nhơn; Bạch Diệu Đàn, Tý thời, 20-12 Đinh Sửu (21-1-1938); *Giác Hóa Chơn Kinh*, tr.10.
[4] Ibid, tr.10.
[5] *Tam Hoàng Thiên Kinh*, tr.75.

Trong hai câu đối vừa được nêu lên ở mục trước, câu thứ nhất ca ngợi việc tìm ra cách sử dụng lửa một cách có kiểm soát của Toại Nhân thị:

"Họ Toại Nhơn về trước, uống bằng huyết ăn bằng lông, cảm bấy đức cao bày nấu nướng."[1]

"Giác Hóa Chơn Kinh" giải thích thêm rằng: *"Đời thượng cổ, nhự mao ẩm huyết, chưa biết nấu nướng mà ăn, đến sau họ Toại Nhơn mới xem tinh tú, xét ngũ hành là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, cưa cây ra lửa bày để nấu nướng đồ chín mà ăn."*[2]

Sự kiện phát minh ra lửa của họ Toại Nhân cho thấy hạ nguơn nhị chuyển tương ứng với giai đoạn homo erectus. Theo nhân chủng học, homo erectus bắt đầu biết dùng lửa cách đây khoảng 500.000 năm. Như vậy, thời điểm bắt đầu của hạ nguơn nhị chuyển cách đây không trễ hơn 500.000 năm.

Về văn hóa, họ Toại Nhân đã phát minh ra việc thắt nút dây để ghi nhớ những sự kiện trong đời sống, ví dụ, vòng dây lớn dùng để đánh dấu "đại sự" còn vòng dây nhỏ là "tiểu sự". Đó là hình thái văn tự đầu tiên của nhân loại.

Về kinh tế, các Ngài dạy dân *"hễ đứng bóng là nhóm chợ, và đem đồ đổi chác lẫn nhau mà ăn mặc cho qua ngày"*[3]. Vậy là họ Toại Nhân cũng đã phát minh ra hình thái kinh tế xã hội đầu tiên, là trao đổi hàng hóa.

Tất cả những phát minh này đều được các nhà nghiên cứu về lịch sử văn minh đánh giá là những phát minh vĩ đại của nhân loại.

So với các thời kỳ trước, hạ nguơn nhị chuyển là một thời kỳ phát triển văn minh rất mạnh mẽ. Nhiều vị thánh nhân đã ra đời để tìm tòi nghiên cứu, phát minh sáng chế, tạo ra những phương tiện vật chất trong nhiều lĩnh vực nhân sinh, nhân trí, nhân đức. Qua cơ bút Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thái Thượng Đạo Tổ đã từng đề cao những vị thánh nhân của giai đoạn này:

"Thánh nhân không vì một mình ăn mà phải tìm ngũ cốc, ***không vì một mình ở mà bày phương pháp xây cất cửa nhà****, cũng không vì một thân bệnh đau mà nếm trăm thứ thuốc. Thánh nhân lấy lòng Trời làm lòng mình, hay che hay chở; lấy lòng thiên hạ làm lòng mình, hay xây dựng bảo tồn. Nhờ thế, ngày nay thiên hạ mới có cơm để ăn, nhà cửa để che mưa đục nắng, bệnh tật có phương dược trị trừ. Thánh nhơn xưa kia có nói gì đâu, vẫn cái tự nhiên mà có cho vạn vật."*[4]

Theo "Tam Hoàng Thiên Kinh", vị thánh nhân đầu tiên trong họ Toại Nhân đã bình trị được thiên hạ, giúp cho việc giao thương trong xã hội được trôi chảy, dân chúng được no

[1] Đức Hải Triều Thánh Nhơn; Bạch Diệu Đàn, Tý thời, 20-12 Đinh Sửu (21-1-1938); *Giác Hóa Chơn Kinh*, tr.10.
[2] Ibid.
[3] *Tam Hoàng Thiên Kinh*, tr.75.
[4] Đức Thái Thượng Đạo Tổ; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 02-01 Giáp Dần (24-01-1974).

ấm, vì vậy dân chúng tôn Ngài làm Thoại hoàng. Sự nghiệp của Ngài truyền được tám đời. Nhưng đến đời Dung Thành (Dung Thành thị) thì *"mạt thế"* [1].

Vì sao xảy ra biến cố "mạt thế" ở hạ nguơn nhị chuyển?

Mặc dù đời sống văn minh của loài người thời này phát triển mạnh mẽ, nhưng đời sống tâm linh của loài người đã khá tối tăm. Lạc thú của loài người chỉ dừng lại ở sự mở mang kinh tế, phát triển của cải vật chất. Chỉ cần so sánh với thượng nguơn nhị chuyển – là thời kỳ nhân loại còn biết "thâu thần", "gom khí" – ta có thể nhìn thấy một sự suy thoái về tâm linh khá rõ rệt, bên cạnh sự tiến bộ vượt bậc về văn minh vật chất. Xu hướng thiên về vật chất của loài người càng ngày càng mạnh mẽ.

Thời kỳ này, luân lý xã hội đã bị suy đồi nhiều. Loài người đã biết tạo ra những vũ khí – tuy còn rất thô sơ, ví dụ như cung tên bằng cây, gươm giáo bằng đá mài – và bắt đầu có chiến tranh giữa các bộ tộc. Những hoạt động mang tính chất đấu tranh sinh tồn xuất hiện dưới nhiều hình thức mà những giai đoạn kia chưa từng có – ví dụ như xâm chiếm, thôn tính, tiêu diệt lẫn nhau giữa các bộ tộc hay bộ lạc – ngày càng trở nên phổ biến.

Không chỉ riêng giữa người và người, mà giữa người và vật, tình trạng tương tàn tương sát một cách hỗn loạn xảy ra ở khắp nơi trên trái đất.

Kinh thánh Cựu Ước có đề cập đến một giai đoạn mà – do nhân loại trở nên quá độc ác, và vạn vật trên địa cầu này phạm quá nhiều tội lỗi – Thượng Đế đã trừng phạt vạn loại bằng một trận đại hồng thủy, tiêu diệt hầu hết; chỉ trừ có Noah (tức là ông "Nô-ê"[2]) và những sinh linh được Noah cứu thoát. Trong Tam Kỳ Phổ Độ, sự kiện này được Đức Noah Lão Tổ giáng cơ xác nhận[3]. Trong giới nghiên cứu kinh Cựu Ước, có nhiều công trình trên thế giới đánh giá niên đại của sự kiện này là khoảng 12.000 năm về trước. Một số nhà hải dương học và khảo cổ học còn đánh giá rằng, trong khoảng thời gian cách đây khoảng từ 14.000 năm đến 8.000 năm, đã từng có đến ba trận đại hồng thủy xảy ra liên tiếp, mà thời điểm xảy ra mỗi trận cách nhau khoảng 3.000 năm.[4]

Rất nhiều dữ liệu từ các ngành cổ sinh vật học, khảo cổ học, địa chất học, hải dương học,… cho chúng ta thấy rằng cách đây khoảng 12.000 năm, trên trái đất của chúng ta đã có một kỳ "tận thế" với những biến đổi rất lớn về khí hậu và địa chất, dẫn đến việc hủy diệt sự sống hàng loạt.[5] Ví dụ, các loài khủng long, voi mammoth,… đã bị tiêu diệt vĩnh viễn cách đây 12.000 năm. Một lực có cường độ rất lớn đã tác dụng lên trái đất ở thời gian này – ví dụ một thiên thạch có thể đã đâm vào địa cầu – tạo ra những cơn địa chấn lớn, những đợt sóng thần khổng lồ, những trận lũ đại dương làm cho nước biển dâng lên đến nhiều đỉnh núi cao và nhấn chìm nhiều vùng đất trên thế giới. Trục trái đất có thể đã bị lệch và dao động mạnh, thậm chí, trái đất có thể đã bị đảo cực (tức là cực Bắc của trái

[1] *Tam Hoàng Thiên Kinh*, tr.75.
[2] *Cựu Ước*, "Sáng thế ký", 7:1-24.
[3] Đức Noah Lão Tổ; 22-12-1979; *Kinh Thánh Giáo Pháp*, tr.247.
[4] S. Oppenheimer, *Địa Đàng ở Phương Đông*, tr.63.
[5] Stephen Oppenheimer đánh giá khoảng thời gian diễn ra những biến đổi này cách đây khoảng 13.000 năm đến 11.600 năm (Ibid., tr.366)

đất trước khi xảy ra biến cố này trở thành cực Nam hiện nay, và ngược lại)[1]. Cổ lục địa (tức là lục địa cổ xưa của trái đất) bị vỡ ra, tách thành nhiều mảng: châu Phi, châu Mỹ tách rời khỏi châu Á (trước đó, các châu này là một, đều thuộc về cổ lục địa)[2].

Theo giáo lý Đại Đạo, con người không chỉ có phần thể xác, mà còn có phần linh hồn. Có những tội lỗi mà nếu con người đã gây ra, dù có chết đi ở phần thể xác hữu hình, thì linh hồn vẫn phải gánh chịu tội lỗi ấy mà vào địa ngục để bị trừng phạt, rồi sau đó, phải chịu luân hồi chuyển kiếp để lập công bồi đức mà tiến hóa lên trở lại. Bởi vậy, sau thời điểm 12.000 năm của kỳ "tận thế" này, đã có nhiều vong linh của nhân loại phải sa vào ở địa ngục. Điều này đã được Đức Thượng Đế xác nhận trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển":

"Thầy lấy làm đau đớn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhân loại phải sa vào nơi tội lỗi, mạt kiếp chốn A Tỳ."[3]

Giai đoạn kết thúc của hạ nguơn nhị chuyển bắt đầu vào cuối thời đại Đồ Đá Cũ, cách đây khoảng 10.000 năm, và kéo dài khoảng 4.000 năm sau đó. Như đã được trình bày trong một chương trước, đây là một *cuộc chuyển hướng quan trọng của loài người* mà từ đó tôn giáo xuất hiện trong lịch sử văn minh nhân loại. Kể từ đó, nhân loại đã thay đổi xu hướng phát triển của nền văn minh, từ tình trạng *hướng-về-tâm-linh* sang tình trạng *hướng-về-vật-chất*.

Như vậy, đến thời điểm cách nay khoảng 6.000 năm, thì hạ nguơn nhị chuyển kết thúc hoàn toàn, và nhân loại bước sang thượng nguơn tam chuyển, thuộc về đại hạ nguơn cuối cùng trong đại chu trình tam nguơn hiện nay của vũ trụ.

3. ĐẠI HẠ NGUƠN (ĐỆ TAM CHUYỂN)

Đại hạ nguơn, hay đệ tam chuyển, là giai đoạn cuối cùng trong đại chu kỳ vận động kể từ lúc có nhân loại trên địa cầu 68 này. Trong đại trung nguơn, tuy thời hạ nguơn nhị chuyển vốn đã khá tối tăm về mặt tâm linh đối với nhân loại, nhưng khi sang đến đại hạ nguơn, thì đời sống tâm linh lại càng tối tăm hơn nữa. "Đại Thừa Chơn Giáo" nói:

"Tiếp đến, hạ nguơn, sự tranh đấu ngày càng ráo riết, dữ tợn, gớm ghê, thì nhơn loại lại chê sức mạnh mà dùng não cân, nên mới bày ra chước quỷ mưu tà, kế sâu bẫy độc, thiệt là khốc liệt phi thường. Song đó cũng lẽ tự nhiên, càng tranh đấu mới càng tấn hóa. Ngặt càng tranh đấu lắm lại càng ác liệt lắm, nên tranh đấu thét[4] *phải đến ngay thời kỳ tiêu diệt. Bởi đó, đời hiện tại là đời mạt kiếp, còn hạ nguơn này là nguơn Điêu Tàn."*[5]

---

[1] Nhiều dữ kiện trong các kinh sách của các nền đạo học cổ đại cho phép ta ủng hộ giả thiết về sự đảo cực của trái đất. Ví dụ, trong kinh Dịch – một bộ kinh quan trọng của đạo học Á Đông – ta có thể tìm thấy những dữ kiện như vậy. Trong các họa đồ có liên quan đến phương hướng của kinh Dịch, hướng Nam ở phía trên còn hướng Bắc ở phía dưới, trái ngược hẳn với hướng Nam-Bắc ngày nay.

[2] A. Đônimirxki, *Những Sứ Giả Từ Vũ Trụ – Sự Thật Hay Huyền Thoại?*

[3] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 24-04-1926; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.18.

[4] "Thét": mãi. "Tranh đấu thét": tranh đấu mãi.

[5] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế (xưng danh Cao Đài Bồ Tát); 18-09 Bính Tý (01-11-1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.394-395.

Bóng đêm của giai đoạn cuối cùng này chính là sự suy thoái cùng cực về tâm linh và đạo đức của nhân loại. Con người không chỉ tranh đấu với nhau bằng sức mạnh của vật chất, mà còn lạm dụng cả sức mạnh của trí tuệ, của tâm linh; và nếu không có một tác động nào đủ sức thay đổi được tình trạng này, chắc chắn nhân loại sẽ cùng đưa nhau đến chỗ tận diệt. Trong kinh "Bình Minh", Đức Vô Cực Từ Tôn dạy:

"Chuyển hạ nguơn muôn ngàn khổ hải,
Vì kim nhơn hình thảy tợ nhơn;
Thú tâm bất trắc lai huờn,
Khiến cho tranh đấu thua hơn bại thành.

Dùng mưu chước phân ranh chia giới,
Nào trí, ngu quyền lợi riêng nhau;
Mới sanh nhĩ ngã đồng bào,
Cùng chung huyết quản, con nào biết chi!

Lòng tham, dục, sân, si, ái, nộ,
Con khôn ngoan tầm chỗ dung thân;
Biết mình sống hưởng nơi trần,
Nào ai đau khổ não cân mặc tình.

Vì như thế phát sinh cách biệt,
Lòng càng xa, khí huyết càng nung;
Dẫn đường chỉ lối hãi hùng,
Đua tranh vật chất vẫy vùng phát sanh.

Vì chung đỉnh xây thành xác thịt,
Vì lợi quyền lấp bít bể dương;
Vì quyền cao tột tứ phương,
Muốn bầu vũ trụ một đường tóm thâu."[1]

Đoạn thánh giáo của Đức Vô Cực Từ Tôn trên đây là phần nối tiếp của các đoạn thánh giáo nói về đại thượng nguơn và đại trung nguơn đã được trình bày ở những phần trên, nên "hạ nguơn" ở đây chính là đại hạ nguơn, tức là đệ tam chuyển, kể từ khi khai sinh nhân loại.

Đại hạ nguơn bắt đầu cách đây khoảng 6.000 năm, tức là khi nhân loại bắt đầu có chữ viết. Kể từ đây, nhân loại đã bắt đầu biết ghi lại lịch sử của mình, kết thúc một quá khứ rất dài gọi là thời tiền sử.

Những trang sử đầu tiên mà nhân loại tự viết về sự phát triển của xã hội của chính mình đã chứa đựng khá nhiều ghi chép về chiến tranh, dục vọng, tội ác. Ví dụ, lịch sử Ấn Độ đã ghi lại sự kiện dân tộc Aryan từ Trung Á tràn xuống xâm chiếm Ấn Độ cách đây khoảng 6.000 năm; lịch sử Do Thái (được chép trong kinh thánh Cựu Ước) ghi lại sự kiện

[1] Đức Vô Cực Từ Tôn; Văn Phòng Đại Đạo, Ngọ thời 15-05 Canh Tuất (18-06-1970); *Kinh Bình Minh* (Đệ Tam), "Đàn Khai Kinh", tr.12-15.

cả dân tộc Do Thái bị người Ai Cập bắt làm nô lệ cũng cách đây khoảng 6.000 năm; lịch sử Trung Hoa ghi lại sự kiện cha của vua Thuấn lập mưu giết con ruột của mình cách đây khoảng 5.000 năm.

Chính trong đại hạ nguơn đệ tam chuyển này – vì nhân loại đã đến bên bờ vực thẳm của hố sâu tận diệt – Đức Thượng Đế đã mở các thời kỳ phổ độ trong toàn nhân loại. Tương ứng với tiểu hạ nguơn, tiểu trung nguơn và tiểu hạ nguơn của đệ tam chuyển, các thời kỳ phổ độ này lần lượt là: **nhất kỳ phổ độ** (thời kỳ phổ độ lần thứ nhất), **nhị kỳ phổ độ** (thời kỳ phổ độ lần thứ hai), và **tam kỳ phổ độ** (thời kỳ phổ độ lần thứ ba).

Giáng đàn dạy đạo trong một đàn cơ ở Tây Ninh, Đức Cao Thượng Phẩm đã xác nhận các tiểu nguơn – thượng, trung, hạ – mà Đức Chí Tôn mở các thời kỳ phổ độ, là đều nằm trong đệ tam chuyển:

"Thượng nguơn, trung nguơn, hạ nguơn đều ở trong tam chuyển."[1]

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, khi giải nghĩa bài "Phật Mẫu Chơn Kinh", đến câu kinh "Hội Nguơn hữu Chí Linh huấn chúng", Ngài đã giải thích như sau:

> "Thượng nguơn, qua trung nguơn, qua hạ nguơn. Nay hạ nguơn tam chuyển hầu diệt, bắt đầu thượng nguơn tứ chuyển, có Chí Tôn đến giáo hóa chúng sanh."[2]

Trong kinh "Tam Nguơn Giác Thế", Đức Văn Xương Đế Quân giảng giải khái quát về ba thời kỳ phổ độ trong ba tiểu nguơn cuối cùng này như sau:

*"Đạo dạy người từ Bàn Cổ. Cho đến nhà Châu, có Nhiên Đăng Cổ Phật, thời kỳ ấy gọi là **thượng nguơn tí hội nhứt kỳ phổ độ**.*

*Qua đời Châu, Lão Tử giáng thế, lập Tam Giáo, độ chúng sanh, gọi **trung nguơn**, **nhị kỳ phổ độ**, kêu là **sửu hội**.*

*Tam Giáo lần suy sụp; người thế muốn canh cải ra bàn môn tả đạo, phần thời nhơn dân quên bổn tánh lương thiện, nên Ngọc Đế sắc lịnh cho phật, thánh, thần, tiên độ rỗi nhơn dân kỳ này, lập hội Long Hoa gồm Tam Giáo và chuyển ba đạo lại, nên gọi **tam kỳ phổ độ**, **hạ nguơn giác thế**, kêu là **dần hội**."*[3]

Đoạn thánh giáo này cho ta biết rằng Đại Đạo vẫn luôn hiện diện ở mọi thời kỳ phổ độ từ xưa đến nay. Đại Đạo trong nhất kỳ phổ độ đã được khai mở thông qua các tôn giáo ở thượng nguơn tam chuyển, Đại Đạo trong nhị kỳ phổ độ đã được khai mở thông qua các tôn giáo ở trung nguơn tam chuyển, và Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được khai mở thông qua đạo Cao Đài tại Việt Nam ở hạ nguơn tam chuyển.

---

[1] Đức Cao Thượng Phẩm; Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh Tây Ninh, đêm 22-01 Nhâm Thìn (17-02-1952); *Luật Tam Thể*.

[2] Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc; bài thuyết đạo tại Cửu Long Đài (trước Báo An Từ), 4 giờ rưỡi chiều, 15-08 Đinh Hợi (1947); *Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp* (Q.1), "Đức Hộ Pháp Giải Nghĩa Phật Mẫu Chơn Kinh". http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/tam.htm; 15-12-2001.

[3] Đức Văn Xương Đế Quân; đêm 16-10 năm Tân Vì (1931); *Tam Nguơn Giác Thế*, tr.24.

3.1. Thượng nguơn tam chuyển: Nhất kỳ phổ độ

Nhất kỳ phổ độ (thời kỳ phổ độ lần thứ nhất) là thời kỳ *khai mở* của Tam Giáo Đạo. Trước thời kỳ này, trong xã hội nhân loại chưa có tôn giáo. Bước vào thời kỳ này, các tôn giáo khác nhau thuộc Phật Đạo, Tiên Đạo và Thánh Đạo lần lượt xuất hiện và phát triển ở những vùng đất khác nhau trên thế giới. Nếu xét biệt lập từng tôn giáo ở từng địa phương một, ta thấy sự xuất hiện của các tôn giáo này dường như chẳng có liên quan gì đến nhau. Nhưng nếu xét trên phạm vi toàn thế giới, chúng ta có thể thấy được một bức tranh toàn cảnh của Đại Đạo trong thời kỳ phổ độ thứ nhất: các tôn giáo này xét về thực chất đều là Đại Đạo, hay nói rõ hơn, đều xuất hiện như những chương trình giáo hóa của một Đại Đạo duy nhất dành cho những trình độ tâm linh khác nhau. Hơn nữa, các tôn giáo này luôn mang một trong ba đặc điểm thuộc ba hệ thống tôn giáo trên thế giới: Phật Đạo, Tiên Đạo và Thánh Đạo. Do đó, các tôn giáo này có liên hệ với nhau một cách chặt chẽ: tất cả đều có cùng một nguồn gốc Đại Đạo, và đều hiện diện như một thành viên thuộc về một trong ba nhánh tương ứng với Tam Giáo Đạo.

Những sự kiện lịch sử đầu tiên mở đầu cho công cuộc phổ độ lần thứ nhất của Đại Đạo chính là sự xuất hiện các tôn giáo thuộc Phật Đạo trên khắp thế giới từ 6.000 năm trước đây. Trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", Đức Thượng Đế đã nói:

"Ta giáng sanh lập Phật giáo gần 6.000 năm."[1]

Do đó, trong quyển sách này, mốc thời gian 6.000 năm kể từ thời điểm hiện tại được xem là mốc đánh dấu sự mở đầu của thời kỳ phổ độ lần thứ nhất, tức là nhất kỳ phổ độ.

3.1.1. Trình tự phát sinh Tam Giáo Đạo ở nhất kỳ phổ độ

Ở nhất kỳ phổ độ, Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo theo một trình tự gồm ba đợt: Phật Đạo được phát sinh trước tiên, rồi đến Tiên Đạo, sau cùng là Thánh Đạo (Nho Đạo). Điều này cũng được Đức Thượng Đế xác nhận trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:

"Thầy lập Phật giáo vừa khi khai Thiên lập Địa, nên Phật giáo là trước, kế Tiên giáo, rồi mới tới Nho giáo."[2]

Như vậy, một lần nữa, các tôn giáo trong thời kỳ phổ độ lần thứ nhất này đã không xuất hiện một cách riêng lẻ, ngẫu nhiên, mà có liên hệ mật thiết với nhau trong kế hoạch hoằng khai Đại Đạo của Thượng Đế.

3.1.2. Phật Đạo.

Thuộc về Phật Đạo ở thời kỳ phổ độ lần thứ nhất, có thể kể đến các tôn giáo (các mối đạo, hay các nền đạo) sau đây: mối đạo của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, Santana Dharma, Bà La Môn giáo, Ai Cập giáo, tôn giáo Dionysios, Hy Lạp giáo,… Đặc điểm chung của

---

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Trường Sanh Tự (Cần Giuộc), 19-04-Bính Dần (30-05-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.20.

[2] Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương; Phước Linh Tự, 15-09 Bính Dần (24-10-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.52.

các tôn giáo này là giúp con người hoát khai tâm linh, dạy con người làm chủ nội tâm để tự giải thoát ra khỏi vòng luân hồi sinh tử.

Nhiều tôn giáo thuộc thời kỳ phổ độ này ngày nay không còn để lại phần hình tướng tại thế gian nữa, tuy nhiên, phần Thể và Dụng của các tôn giáo này đều đã được tiếp nhận và bảo tồn bởi những tôn giáo trẻ hơn.

Mối đạo của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật. Theo lời dạy của Đức Thượng Đế trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển" và "Tam Thừa Chơn Giáo", thời kỳ này có Đức Nhiên Đăng Cổ Phật (Dipankara [Skr], Dīpaṃkara [Pli], 燃燈佛 [Chn][1]) lâm phàm, lập ra một mối đạo thuộc Phật Đạo:

"Thầy – Thượng Đế – dưỡng sanh vạn loại,
Thấy nhơn sanh đi sái công truyền:
***Nhứt kỳ** chuyển lập phước duyên,*
Đạo trường đem lại hương nguyền vạn linh.

Chiết dương quang, mượn hình giả thể,
Tam giáo đồng, đại để nêu lên;
Nhiên Đăng Phật Độ tạo nền,
***Định cơ siêu thoát vượt trên cảnh đời**."*[2]

Trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", Đức Thượng Đế cho ta biết niên đại giáng sinh của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật: *"Nhiên Đăng vốn sanh ra đời Hiên Viên Huỳnh Đế."*[3] Như vậy, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật đã giáng sinh khoảng từ 6.000 năm đến 5.500 năm về trước.

Santana Dharma. Vào khoảng thế kỷ 40 TCN (tức khoảng 6.000 năm về trước), Đức Vyasa (व्यास [Skr])[4] – trong một kiếp làm người Aryan, một dân tộc sống ở Trung Á và nói tiếng Bắc Phạn (Sanskrit) – đã lập nên một tôn giáo. Tôn giáo này được người đời sau gọi là Santana Dharma (सनातन धर्म [Skr]) hay Dhammo Sanatano (धम्मो सनातानो [Pli])[5], có nghĩa là Đạo Trời, Sự Thật Trường Cửu (Everlasting Truth [Eng]), Định Luật Vĩnh Cửu (Eternal Law [Eng]), hay Tôn Giáo Vĩnh Cửu (Eternal Religion [Eng]).

Bà La Môn giáo. Khi dân Aryan tràn vào thôn tính Ấn Độ, Santana Dharma cũng được truyền bá cho người Ấn Độ. Đức Brahmâ (ब्रह्मा [Skr]), trong một kiếp làm người Ấn Độ, đã kết hợp Thể và Dụng của tôn giáo này với văn hóa Ấn Độ mà lập thành Bà La Môn giáo (Brahmanism [Eng] hay Vedism [Eng] [6]). Danh hiệu của Bà La Môn giáo – xuất phát từ chữ "Brahman" (ब्रह्मन् [Skr]) tức là "Trời" hay "Phật", có nghĩa là Đạo Trời

---

[1] http://en.wikipedia.org/wiki/D%C4%ABpankara_Buddha; 17-05-2010.
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; *Tam Thừa Chơn Giáo* (quyển 2, Trung Thừa Chơn Giáo), "Tôn chỉ Đại Đạo", tr.22.
[3] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 13-06 Bính Dần (22-07-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.31.
[4] Đức Vyasa còn được gọi là Badarayana, Veda Vyasa, hay Krishna Dvaipayana. http://en.wikipedia.org/wiki/Vyasa; 17-05-2010.
[5] http://en.wikipedia.org/wiki/San%C4%81tana_Dharma; 17-05-2010.
[6] http://en.wikipedia.org/wiki/Vedic_Brahmanism; 17-05-2010.

hay Phật Đạo. Đây là một nền tôn giáo vĩ đại, có những bộ kinh lớn như Vedas, Puranas, Upanisad,… và có nhiều ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của văn minh nhân loại cho đến ngày nay.

Sau này, Bà La Môn giáo trở thành Ấn Độ giáo (Hinduism [Eng]).

Khoa Huyền Môn Ai Cập cổ đại. Theo nhà huyền học Paul Brunton[1], cách đây khoảng 8.000 năm, tại Ai Cập đã có một khoa Huyền Môn (Mysticism [Eng]) cổ đại, do một vị giáo tổ tên là Orisis lập ra.[2] Đây là một lĩnh vực thuộc nội giáo tâm truyền, nghĩa là lĩnh vực của những pháp môn chỉ được truyền trao cho những người được chọn và không phổ biến cho bất kỳ ai không thuộc đối tượng này. Những người được chọn phải qua một nghi thức nhập môn để được điểm đạo (Initié [Frc]) và sau đó mới bắt đầu được học hỏi các pháp môn bí truyền. Huyền Môn Ai Cập cổ đại đã tạo nên nền tảng văn minh và bản sắc văn hóa của người Ai Cập. Các kim tự tháp Ai Cập nổi tiếng chính là nơi mà các cuộc điểm đạo Huyền Môn cổ đại đã được tiến hành[3]. Khoa Huyền Môn có ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều tôn giáo ở các đất nước khác thuộc vùng Trung Cận Đông; có thể kể đến những đạo gia nước ngoài (không phải người Ai Cập) đã từng được điểm đạo: Moses, Thales, Pythagoras, Heraclitus, Plato, Cicero,…[4]

Ai Cập giáo. Khoảng thế kỷ 20 TCN (cách đây khoảng 4.000 năm), Huyền Môn Ai Cập cổ đại đã bị thất chân truyền; khi đó tại Ai Cập đã xuất hiện một vị giáo tổ khác là Đức Djehuty (tiếng Ai Cập cũng gọi là Thoth, tiếng Hy lạp gọi là Hermes)[5]. Tôn giáo này được các nhà nghiên cứu ngày nay gọi là Ai Cập giáo cổ đại (ancient egyptian religion [Eng][6]). Tôn giáo này thờ Lẽ Một; Lẽ Một ấy là Nguyên Nhân Tự Thân hay Thượng Đế, được gọi là Đấng "Ra" ("**ri:ʕu*" [Egp]; còn được La Tinh hóa thành "Râ" hay "Ré"[7]). Đức giáo tổ Djehuty là một ngôi của Đấng Chí Tôn "Ra". Ai Cập giáo tin vào sự bất tử của linh hồn, sự luân hồi và sự giải thoát. Theo tôn giáo này, hồn của con người có nhiều phần, mà một trong những phần đó là "tâm" của con người (được đồng nhất với "lương tâm"); khi con người chết đi, hồn sẽ về Tây phương[8]. Luật nhân quả chi phối toàn bộ đời sống con người, nên những gì mà mỗi người đã hành xử trong một kiếp sẽ trở thành nguyên nhân quyết định số phận của người ấy trong kiếp sau.

Tôn giáo Dionysus. Là một tôn giáo ở xứ Thrace, thờ Đức Dionysus hay Dionysos (Διόνυσος hay là Διώνυσος [Grk] [9]). Tôn giáo này được truyền bá thịnh hành ở Hy Lạp cổ

---

[1] Paul Brunton (1898-1981): triết gia và nhà huyền học người Anh (http://en.wikipedia.org/wiki/Paul_Brunton; 07-10-2010)

[2] P. Brunton, Ai Cập Huyền Bí, tr.88, 97-98, 102.

[3] Ibid., tr.43-66.

[4] Ibid., tr.110-117, 124.

[5] Tên của Đức Djehuty từ tiếng Ai Cập cổ đại được La Tinh hóa thành "DHW". Những cách viết khác đối với tên của Ngài bằng các ký tự La Tinh là: Jehuti, Tahuti, Tehuti, Zehuti, Techu, Tetu, Thoth, Thot, Thout, Theut, Thoout, Thơth, Thoot, Thaut, Thơout. http://en.wikipedia.org/wiki/Thoth; 17-05-2010.

[6] http://en.wikipedia.org/wiki/African_traditional_religion; 17-05-2010.

[7] http://en.wikipedia.org/wiki/Ra; 02-06-2010.

[8] Hoàng Tâm Xuyên et al, *Mười Tôn Giáo Lớn Trên Thế Giới*, "Tôn Giáo Ai Cập Cổ Đại", tr.45-46.

[9] http://en.wikipedia.org/wiki/Dionysus; 17-05-2010.

đại. Trong tác phẩm của Homer, người ta thấy có đề cập đến tôn giáo này. Trong thần thoại Hy Lạp, thần Dionysus là một vị nam thần mang nữ tính (một tượng trưng cho sự hiệp nhất âm dương). Tôn giáo Dionysus không chú ý lắm đến những tín điều lý thuyết, mà dạy con người tu luyện theo những pháp môn để có thể xuất thần ra khỏi thể xác. Nhờ chứng nghiệm được trạng thái xuất thần, con người mới thấy rằng linh hồn không phải là một sản phẩm của sự tưởng tượng, mà là một bản tính và quyền năng đích thực của con người, nhất là khi thoát ra được vòng kiềm tỏa của xác thân.

Hy Lạp giáo. Khoảng 700 năm trước công nguyên, tại Hy lạp, Đức Orphée (Ὀρφεύς [Grk], Orpheus [Eng][1]) lập nên Hy Lạp giáo (Ορφικά [Grk], Orphism [Eng][2]), làm nền tảng cho văn minh Hy lạp cổ đại. Cũng thờ Đức Dionysus và kế thừa pháp môn xuất thần của tôn giáo Dionysus, Hy Lạp giáo truyền dạy những bí tích và những phương môn tu tịnh để thanh tẩy linh hồn, giúp con người giải thoát khỏi sự luân hồi chuyển kiếp.

3.1.3. Tiên Đạo

Thuộc về Tiên Đạo ở thời kỳ phổ độ lần thứ nhất, có thể kể đến các tôn giáo (các mối đạo) sau đây: mối đạo của Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Thông Thiên giáo,… Đặc điểm chung của các tôn giáo này là dạy con người khai phóng những quyền năng tự hữu của bản thân, lấy tâm linh làm chủ vũ trụ nội thân để thoát ra khỏi sự chi phối của vũ trụ ngoại giới. Một hệ quả tự nhiên của việc khai phóng thành công những quyền năng mạnh mẽ trong bản thân con người, là các tôn giáo thuộc Tiên Đạo thường được dân gian nhắc đến như các tôn giáo huyền bí với những phép lạ phù linh, và các đạo sĩ của các tôn giáo này được xem là những người có pháp thuật thần thông (magic [Eng]).

Mối đạo của Đức Thái Thượng Đạo Tổ. Theo lời dạy của Đức Thượng Đế trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển" và "Tam Thừa Chơn Giáo", thời kỳ này có Thái Thượng Đạo Tổ tá thế, khai mở một nền Đạo thuộc Tiên Đạo:

"Tiếp Hư Vô sáng ngời bửu phẩm,
Nếp tiên phong sưởi ấm chơn hồn;
Thái Thượng thuyết hóa cao tôn;
Minh minh diệu diệu càn khôn hiệp thành."[3]

Thông Thiên giáo. Theo "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", vào nhất kỳ phổ độ, Đức Thông Thiên giáo chủ đã lập nên Thông Thiên giáo tại Trung Hoa.

"Đạo Tiên: Ngươn Thỉ chưa ra đời, thì đã có Hồng Quân Lão Tổ, Lão Tử, ***Thông Thiên Giáo Chủ*** *truyền Đạo."*[4]

Truyện Phong Thần của người Trung Hoa có nhắc rất nhiều về Ngài. Nếu sử dụng giáo lý Đại Đạo để phân tích những sự kiện có liên quan đến cơ cứu độ đã được văn học

---

[1] http://en.wikipedia.org/wiki/Orpheus; 17-05-2010.
[2] Ibid.
[3] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; *Tam Thừa Chơn Giáo* (Q. 2, Trung Thừa Chơn Giáo), "Tôn chỉ Đại Đạo", tr.22.
[4] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ô Môn, 08-10 Bính Dần (12-11-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1).

hóa trong truyện Phong Thần, ta có thể hiểu rằng sứ mạng của Thông Thiên giáo là giáo hóa và cứu độ các hóa nhân.

Hỏa giáo. Vào thế kỷ thứ 10 TCN[1], tại Ba Tư, Đức Zartosht (زرتشـــت [Per]) – còn được gọi là Zoroastre, Zoroaster hay Zarathustra – đã khai mở Hỏa giáo (Mazdayasna [Per], Mazdaism [Eng] hay là Zoroastrianism [Eng])[2]. Tôn giáo này được người Hán ở Trung Hoa dịch là đạo Tiên hay là đạo Hỏa Tiên[3]. Đấng Tối Cao được thờ kính trong Hỏa giáo là Ahura Mazda[4], tức là Thượng Đế, Đấng Sáng Tạo ra vũ trụ vạn vật. Hỏa giáo coi *lửa* là một biểu tượng của Thượng Đế. Thượng Đế sáng tạo vũ trụ bằng ra hai động năng đối lập nhau là "asha" và "druj" (tương tự như "dương" và "âm"). Con người phải đóng một vai trò tích cực trong vũ trụ bằng một lối sống được tạo thành từ những suy nghĩ tốt đẹp, lời nói tốt đẹp và hành động tốt đẹp. Hỏa giáo lấy sự tinh khiết của tâm hồn và thể xác làm phương châm cho đời sống. Là một tôn giáo thờ Đấng Thượng Đế Tối Cao chứ không phải thờ lửa, Hỏa giáo sử dụng lửa trong các nghi lễ, như một phương tiện để các đạo đồ nhìn vào mà tập trung tư tưởng trong lúc cầu nguyện hoặc thiền định.[5]

3.1.4. Thánh Đạo

Thuộc về Thánh Đạo ở thời kỳ phổ độ lần thứ nhất, có thể kể đến các tôn giáo (các mối đạo) sau đây: Nho giáo cổ đại (mối đạo của Đức Phục Hy), Thiên Chúa giáo cổ đại (Do Thái giáo),… Đặc điểm chung của các tôn giáo này là dạy con người những cách thức sử dụng tâm linh để an trị xã hội.

Nho giáo cổ đại. Khoảng thế kỷ thứ 26 TCN, cách đây khoảng 4.550 năm, tại Trung Hoa, Đức Phục Hy (伏羲) đã lập ra Nho giáo (儒教). Ngài cũng là người đầu tiên trong nhân loại khám phá ra Dịch lý và biểu diễn thành các giản đồ được gọi là các "quẻ" (卦 quái [Chn]). Khám phá của Ngài đã được kinh "Trung Thừa Chơn Giáo" xác nhận:

"Hoạch Bát quái đồ sanh biến hóa,
Chưởng Thánh thơ giải tỏa nhơn tình,
Phục Hy khai sáng Đạo Huỳnh,
Truyền cơ nhân bản khai sinh giác đồ."[6]

Nho giáo rất chú trọng đến việc nâng cao trình độ văn minh của nhân loại, trong đó có việc giáo dục luân lý và phát triển văn tự. Những quẻ Dịch của Đức Phục Hy được người Trung Hoa coi là một dạng văn tự sơ khai. Trong thời Phục Hy, lại có ông Thương Hiệt phát minh ra chữ viết. Nhiều đời sau, khi chữ viết đã phát triển đến mức đủ để diễn đạt

---

[1] Một số tài liệu cho rằng Hỏa giáo xuất hiện vào thế kỷ thứ 6 TCN (Hoàng Tâm Xuyên et al, *Mười Tôn Giáo Lớn Trên Thế Giới*, tr.91). Tuy nhiên, UNESCO đã chọn năm 2003 để tổ chức lễ kỷ niệm "3000 năm văn hóa Hỏa giáo" ("3000th anniversary of Zoroastrian culture") trên toàn thế giới (http://en.wikipedia.org/wiki/Zoroastrianism; 28-10-2010); như vậy, dựa vào sự công nhận của UNESCO, Hỏa giáo đã xuất hiện vào thế kỷ thứ 10 TCN.

[2] http://en.wikipedia.org/wiki/Zoroaster; 18-05-2010.

[3] Hoàng Tâm Xuyên et al, *Mười Tôn Giáo Lớn Trên Thế Giới*, tr.91.

[4] Do "Mazda" là Trời, tức là Thượng Đế, nên khi dịch tên gọi của tôn giáo này thành "Mazdaism", những người dịch cho thấy họ đã hiểu được rằng tôn giáo này là Đạo Trời hay Đạo của Thượng Đế.

[5] Có thể tham khảo thêm bài viết trong http://en.wikipedia.org/wiki/Zoroastrianism; 18-05-2010.

[6] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; *Tam Thừa Chơn Giáo* (Q.2, Trung Thừa Chơn Giáo), "Tôn chỉ Đại Đạo", tr.22.

những ý tưởng, Dịch lý mới được viết ra thành kinh Dịch. Người đầu tiên thực hiện việc này là Văn Vương (文王) khi Ngài viết chú giải cho các quẻ Dịch của Phục Hy; bản chú giải của Văn Vương có tên gọi là "Soán Từ", có nghĩa là "lời giải đoán [cho các quẻ Dịch]". Con của Văn Vương là Chu Công (周公) nối tiếp nghiệp cha, viết thêm lời chú giải cho các họa tiết của các quẻ (được gọi là các "hào" 爻); bản chú giải của Chu Công có tên gọi là "Hào Từ". Do những đóng góp như vậy của Phục Hy, Văn Vương và Chu Công mà kinh Dịch trở thành một thành tựu to lớn của Nho giáo cổ đại, ảnh hưởng sâu rộng đến văn hóa Trung Hoa nói riêng và văn hóa Đông Nam Á nói chung. Kinh Dịch rất có giá trị trong việc giúp con người nhận thức thế giới tự nhiên và bảo tồn luân lý xã hội.

Ngày nay, khi nói đến Nho giáo người ta thường nghĩ đến Đức Khổng Tử và hình thức giáo đoàn mà Ngài xây dựng. Nhưng đó thật ra chỉ là Khổng giáo (儒教) – một giai đoạn phát triển về sau của Nho giáo – chứ chưa phải bản thân Nho giáo. "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển" viết: *"Trước khi Nhơn Đạo*[1] *chưa mở, thì đã có Châu Công truyền trước."*[2] Từ Phục Hy đến Chu Công (Châu Công), Nho giáo đã truyền qua các đời Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ. "Giác Hóa Chơn Kinh" viết: *"Có người lầm tưởng Nho giáo nảy sanh tự Khổng Tử Chí Thánh đến giờ, nào hay đâu Ngũ luân Nho giáo truyền lại từ Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ, Châu Công, Khổng Tử."*[3] Như vậy, Nho giáo Trung hoa ở nhất kỳ phổ độ đã bắt đầu không phải từ một hình thức tôn giáo mà bắt đầu từ việc giáo dục về ngũ luân (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín), và được truyền qua nhiều thời đại cách nhau rất xa về thời gian, từ Phục Hy đến Chu Công.

Thiên Chúa giáo cổ đại. Khoảng thế kỷ thứ 10 TCN (cách đây khoảng 3000 năm), tại Do Thái, Đức Moses (מֹשֶׁה [Hbr])[4], Mọse [Frc][5]) khai mở Thiên Chúa giáo cổ đại. Tôn giáo này thường được gọi là Do Thái giáo (יהודה Yehudah [Hbr][6], Judaism [Eng][7], Judąsme [Frc][8]) hay là tôn giáo của Moses (Mosąsme [Frc][9]). Tôn giáo này đã cứu dân tộc Do Thái thoát khỏi đời sống nô lệ ở Ai Cập và thành lập một quốc gia đạo đức. Bộ kinh duy nhất của tôn giáo này là Kinh Thánh Do Thái (תנ"ך Tanakh [Hbr], Biblia Hebraica [Ltn], Hebrew Bible [Eng][10]). Bộ kinh thánh này có ảnh hưởng đến sự phát triển của nhiều tôn giáo ở Trung Đông trong thời kỳ phổ độ tiếp theo sau.

"(…)
Phương Tây Âu một cảnh sơn hà;

---

[1] Chữ "Nhơn Đạo" trong câu này được dùng để chỉ Khổng giáo.
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ô Môn, 08-10 Bính Dần (12-11-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.61-62.
[3] Đức Quan Thánh Đế Quân; Bạch Diệu Đàn, Tý thời, 20-01 Mậu Dần (19-02-1938); *Giác Hóa Chơn Kinh*, tr.20.
[4] Người Do Thái giáo thường gọi Ngài là "Moshe Rabbenu" (מֹשֶׁה רַבֵּנוּ [Hbr]), nghĩa là "Đấng Giáo Tổ Moses của chúng ta".
[5] http://fr.wikipedia.org/wiki/Mo%C3%AFse; 02-06-2010.
[6] http://vi.wikipedia.org/wiki/Do_Th%C3%A1i_gi%C3%A1o; 02-06-2010.
[7] http://en.wikipedia.org/wiki/Judaism; 02-06-2010.
[8] http://fr.wikipedia.org/wiki/Mo%C3%AFse; 02-06-2010.
[9] Ibid.
[10] http://en.wikipedia.org/wiki/Hebrew_Bible; 19-11-2010.

Mọse Thánh Thể lập ra;
Mở đường cứu thế thông qua lý Trời."[1]

Thật ra, nói đến Đức Moses chỉ là nói đến một vị Giáo Chủ tiêu biểu, chứ Thiên Chúa giáo cổ đại có một lịch sử rất dài, trước và sau Đức Moses. Thật vậy, trước Đức Moses đã có những bậc thánh nhân được chọn để dạy đạo cho dân chúng, như Nô-ê (Noah [Eng]), Áp-ra-ham (Abraham [Eng]), Gia-cốp (Jacob [Eng]). Sau Đức Moses cũng có nhiều vị thiên sứ khác truyền bá Thánh Đạo tại Trung Đông, như: Ê-li (אליהו Eliyahu [Hbr], Elijah [Eng], Elie [Frc]), Giê-rê-mi (יִרְמְיָה *Yirmĭyahu* [Hbr], Jeremiah [Eng][2], Jérémie [Frc]), Giăng Báp-tít (המטביל חנויו Yo-hanan ha-matbil [Hbr][3], John the Baptist [Eng][4], Jean-Baptiste [Frc]),…

Trong nhất kỳ phổ độ, tại nhiều vùng đất khác trên thế giới, như vùng Lưỡng Hà (Μεσοποταμία [Grk], Mesopotamia [Eng], Mésopotamie [Frc]), cũng có nhiều tôn giáo được sáng lập.

3.1.5. Ghi chú về Đại Đạo ở nhất kỳ phổ độ

Ở nhất kỳ phổ độ, Đại Đạo đã được *hình tướng hóa* thành nhiều tôn giáo gắn liền với nhiều dân tộc khác nhau như Ai Cập giáo, Hy Lạp giáo, Ấn Độ giáo (Hinduism), Do Thái giáo (Thiên Chúa giáo Cựu Ước - Judaism),… Khi nói về các tôn giáo này tức là chúng ta nói về Đại Đạo ở *nhất kỳ phổ độ*.

Trong nhất kỳ phổ độ, vốn liếng tâm linh tự hữu của con người tuy đã mai một rất nhiều nhưng vẫn còn đủ để con người có thể tiếp nhận được những chân lý đạo đức siêu mầu qua những hệ thống ngôn ngữ viết hãy còn khá thô sơ. Do đó, đặc điểm chung của các tôn giáo nhất kỳ là có những hệ thống giáo lý rất sâu sắc, trừu tượng, nhưng lại được diễn đạt qua những văn tự, hình ảnh, biểu tượng đơn giản. Có thể thấy được điều này qua các bộ kinh của các tôn giáo: kinh Dịch được diễn đạt chỉ thông qua mấy vạch quẻ, kinh Vedas được diễn đạt qua các hình ảnh thần thoại,…

Như vậy, sự cứu độ của Thượng Đế trong đại hạ nguơn đệ tam chuyển đã bắt đầu với sự khai mở Đại Đạo ở nhất kỳ phổ độ, cách đây khoảng 6.000 năm. Hệ quả của công cuộc hoằng khai Đại Đạo này là sự xuất hiện của nhiều nền văn hóa cổ đại như văn hóa Vedas tại Ấn Độ, văn hóa Hà-Lạc tại Trung Hoa, hay văn hóa Cựu Ước tại Do Thái. Trung tâm của các nền văn hóa này đều là các tôn giáo. Được phân bố đồng đều trên cả ba nhánh của Tam Giáo Đạo, các tôn giáo nhất kỳ phổ độ vừa là những bóng dáng cổ xưa của Đại Đạo, vừa là những hình thái xã hội mới mẻ của nhân loại nếu xét từ trước đến thời điểm khai mở. Những hình thái xã hội này là phương tiện để Thượng Đế dạy nhân loại cách thức tái tạo Đại Đạo trong mỗi con người, và từ đó, tái tạo Đại Đạo trong toàn nhân loại.

---

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; *Tam Thừa Chơn Giáo* (Q. 2, Trung Thừa Chơn Giáo), "Tôn chỉ Đại Đạo", tr.22.
[2] http://en.wikipedia.org/wiki/Jeremiah; 15-06-2010.
[3] http://en.wikipedia.org/wiki/John_the_Baptist; 02-06-2010.
[4] Ibid.

Sau hơn 3.000 năm, các tôn giáo thuộc nhất kỳ phổ độ dần dần bị thất chân truyền. Dấu hiệu chứng minh sự thất chân truyền trong nhất kỳ phổ độ là sự suy thoái về đạo đức mạnh mẽ trong các xã hội và sự hủy diệt nhân loại ở những quy mô lớn. Những sự kiện này đã được "ghi" vào ký ức tập thể của nhân loại qua thần thoại của nhiều dân tộc, kinh điển của nhiều tôn giáo, hay tác phẩm của nhiều trường phái triết học cổ đại.

Một ví dụ về hậu quả của việc thất chân truyền ở nhất kỳ phổ độ là sự kiện lục địa Atlantic bị hủy diệt. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc có đề cập đến sự kiện này trong bài thuyết đạo sau đây của Ngài:

> "Sắc dân Atlantéen, cái sắc dân xích nhân[1] ấy, chúng ta còn thấy lưu tích lại là nước Egypte và tất cả các sắc dân ở bên thế giới mới[2]. (…) Sắc dân xích chủng là sắc dân Atlantéen, họ làm chúa nhơn loại một thời. Bần Đạo nói rằng họ đã thâu hoạch được một nền văn minh quá cao siêu, quá huyền bí. Nhưng lại có một điều: họ đã lãnh sứ mạng nơi Đức Chí Tôn, làm đàn anh dìu dắt các chủng tộc lạc hậu, hay là tạo dựng hạnh phúc cho các sắc dân lạc hậu, [vậy mà] họ không làm; trái ngược lại, họ dùng cái cường lực, dùng văn minh cao trọng của họ đó, họ lệ thuộc các sắc dân lạc hậu, họ buộc các sắc dân lạc hậu ấy làm nô lệ cho họ. Vì cớ cho nên họ đã bị biếm. Đã chẳng phải bị biếm mà thôi, mà còn bị Thiên Điều tiêu diệt cả quốc thể của họ. Tức nhiên, toàn thể sắc dân Atlantéen đã bị hồng thủy trận – kêu là "Le Déluge" – tiêu diệt cả địa giới của họ, hoàng triều của họ, thành ra cái biển Đại Tây Dương, kêu là Ocean Atlantique bây giờ."[3]

Sự kiện như vậy đã được một số nhà nghiên cứu đạo học trên thế giới đề cập đến, ví dụ trong quyển "Ai Cập Huyền Bí" của Paul Brunton.

3.2. Trung nguơn tam chuyển: Nhị kỳ phổ độ

Nhị kỳ phổ độ (thời kỳ phổ độ lần thứ hai) là thời kỳ *chấn hưng* của Tam Giáo Đạo. Đến thời kỳ này, hầu hết các tôn giáo được khai mở trong nhất kỳ phổ độ đều đã bị thất chân truyền, làm cho Tam Giáo Đạo bị suy vi. Do đó, trong thời kỳ này, các tôn giáo mới lại lần lượt xuất hiện và phát triển ở khắp nơi trên thế giới để kế thừa và chấn hưng những đặc điểm truyền thống của Phật Đạo, Tiên Đạo và Thánh Đạo. Hoàn toàn tương tự như ở nhất kỳ phổ độ, nếu ta xét biệt lập từng tôn giáo nhị kỳ ở từng địa phương một, ta không thấy được một mối liên hệ rõ ràng nào giữa các tôn giáo này. Nhưng nếu xem xét ở quy mô toàn cầu, chúng ta có thể thấy rằng các tôn giáo nhị kỳ phổ độ quả thật là những hiện thân khác nhau của một Đại Đạo duy nhất để cứu độ nhân loại ở những trình độ căn trí khác nhau của. Chính những đặc điểm của Tam Giáo Đạo mà các tôn giáo này chấn hưng đã phân loại các tôn giáo này vào Phật Đạo, Tiên Đạo hay Thánh Đạo. Mặt khác, sự xuất hiện của các tôn giáo này cũng không phải ngẫu nhiên mà diễn biến theo một trình tự rất có hệ thống trong một giai đoạn lịch sử xác định; và điều đó đã được phát

---

[1] "Xích nhân" là người da đỏ.

[2] Vào thập niên 1950, "thế giới mới" là danh từ được dùng để chỉ châu Mỹ (America).

[3] Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc; Đền Thánh, đêm 29-03 Nhâm Thìn (23-04-1952); *Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp*, Q.5, bài "Khai Nguơn và Chuyển Thế". http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/tam.htm; 15-12-2001.

hiện ra bởi nhiều học giả, ví dụ triết gia Karl Jaspers, người đã đưa ra khái niệm "thời trục" để trình bày sự phát hiện của mình về vấn đề này[1]. Như vậy, một lần nữa, các tôn giáo khác biệt và đa dạng của nhị kỳ phổ độ thật sự có liên hệ với nhau một cách hết sức chặt chẽ: tất cả đều có cùng một nguồn gốc Đại Đạo, và đều hiện diện như một thành viên thuộc về một trong ba nhánh tương ứng với Tam Giáo Đạo.

Nhị kỳ phổ độ được khai mở trên toàn thế giới ở mốc thời gian tương ứng với việc bắt đầu đời nhà Chu (hay nhà Châu) ở Trung Hoa. Trong kinh "Tam Nguơn Giác Thế", Đức Văn Xương Đế Quân dạy:

"Qua đời Châu, Lão Tử giáng thế, lập Tam Giáo, độ chúng sanh, gọi ***Trung Nguơn, nhị kỳ phổ độ****."*[2]

và:

"Qua đời nhà Châu, Lão Tử lập ra Tam Giáo, là: Nho, Thích, Đạo."[3]

Các đoạn thánh giáo này chứa hai nội dung mà chúng ta cần nghiên cứu: thứ nhất, nhị kỳ phổ độ bắt đầu từ một thời điểm trong lịch sử nhân loại tương ứng với đời nhà Châu ở Trung Hoa; thứ hai, Đức Lão Tử lập ra Tam Giáo trong nhị kỳ phổ độ.

Đời nhà Châu (nhà Chu) bắt đầu từ năm 1066 TCN, thuộc thế kỷ thứ 11 TCN. Từ thời Tây Châu (tức là thời Tiền Châu, 1066-770 TCN) đến thời Đông Châu (770-249 TCN), tổng cộng khoảng 800 năm, một khoảng thời gian khá dài. Vậy nhị kỳ phổ độ bắt đầu từ lúc nào, trong khoảng thời gian đó?

Đức Phổ Hiền Bồ Tát, trong kinh "Tam Nguơn Giác Thế", dạy rằng Đức Lão Tử đã khai đạo từ đời Tiền Châu:

"Đạo Quân giáng thế ân cần,
Tiền Châu khai đạo từ phân khuyên đời."[4]

Từ hai câu thơ này, ta có thể lấy thời điểm bắt đầu nhà Tây Châu (Tiền Châu) làm mốc thời gian khai mở nhị kỳ phổ độ, tức là vào khoảng giữa thế kỷ 11 TCN.

Trong câu thơ đầu tiên, chữ "Đạo Quân" được dùng để chỉ Đức Lão Tử. Theo thánh ngôn Cao Đài, Đức Lão Tử là một kiếp giáng thế của Đức Thái Thượng Đạo Quân (còn được gọi là Thái Thượng Lão Quân hay Thái Thượng Đạo Tổ)[5]. Đối với lời mạc khải

---

[1] Trong quyển "Triết học nhập môn", Karl Jaspers đã nhận xét rằng, vào khoảng năm 800 và năm 200 trước Tây lịch, trên toàn thế giới đã xảy ra những phép lạ phi thường. Ở Trung Hoa, có Khổng Tử và Lão Tử ra đời cùng với nhiều khuynh hướng triết lý đặc sắc khác của Trung Hoa. Ở Ấn Độ có Phật Thích Ca ra đời. Ở Ba Tư, có nhà tiên tri Zarathustra ra đời. Ở Hy Lạp, có Parmenides, Heraclitus, Plato,… Rồi các tôn giáo lớn cũng xuất hiện. Vì vậy, Karl Jaspers gọi khoảng thời gian giữa những năm 800 và năm 200 trước Tây lịch là "thời trục" (Triết Học Nhập Môn, tr.178-184). Bằng những ngôn từ của giáo lý Đại Đạo, có thể nói rằng "thời trục" của Karl Jasper là phát hiện của triết gia này về sự hiện hữu của nhị kỳ phổ độ.

[2] Đức Văn Xương Đế Quân; đêm 16-10 năm Tân Vì (1931); *Tam Ngươn Giác Thế*, tr.24.

[3] Đức Văn Xương Đế Quân; năm Bính Dần (1926); *Tam Ngươn Giác Thế*, tr.101.

[4] Đức Phổ Hiền Bồ Tát; năm Bính Dần (1926); *Tam Ngươn Giác Thế*, tr.105.

[5] Về việc đồng nhất Đức Thái Thượng Đạo Quân với Đức Lão Tử, có thể tham khảo đoạn thánh giáo sau đây của Đức Vô Cực Từ Tôn: *"Các con ôi! Hôm nay các con cử hành lễ kỷ niệm Thái Thượng Lão Quân, nhưng các con đã*

rằng Ngài đã lập ra Tam Giáo trong nhị kỳ phổ độ, chúng tôi còn thiếu sử liệu để diễn giải và chứng minh (ngay chính sử liệu về bản thân Đức Lão Tử cũng còn chứa đựng rất nhiều vấn đề gây tranh cãi giữa các nhà nghiên cứu), nên buộc lòng chúng tôi phải để lại việc diễn giải và chứng minh lời mạc khải này lại cho các thế hệ sau. Tuy nhiên, ít nhất chúng ta có thể hiểu lời mạc khải này như là sự ảnh hưởng đặc biệt của Tiên Đạo lên Phật Đạo và Thánh Đạo trong nhị kỳ phổ độ.

3.2.1. Trình tự phát sinh Tam Giáo Đạo ở nhị kỳ phổ độ.

Khác với nhất kỳ phổ độ, ở nhị kỳ phổ độ Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo theo trình tự như sau: Tiên Đạo được phát sinh trước, sau đó, Phật Đạo và Thánh Đạo được phát sinh gần như đồng thời. Theo kinh "Tam Ngươn Giác Thế":

"Lý Đam[1] là gốc đầu dòng Tam chi.
***Tiền khai Đại Đạo sơ kỳ**,*
***Hậu khai Nho, Thích, đồng quy một nhành**.*
Truyền lần dạy khắp chúng sanh,
Mở đàng đạo đức lập thành nhơn luân."[2]

Như vậy, trong nhị kỳ phổ độ, các tôn giáo thuộc Tiên Đạo có sứ mạng tiền phong để khai mở công cuộc cứu thế của Đại Đạo. Chúng ta hãy đi theo trình tự này, tìm hiểu sự phát sinh của Tiên Đạo, rồi đến Phật Đạo và Thánh Đạo. Qua đó, chúng ta sẽ tìm những ảnh hưởng của Tiên Đạo lên Phật Đạo và Thánh Đạo ở những trường hợp mà các dữ liệu cho phép.

3.2.2. Tiên Đạo

Thuộc về Tiên Đạo ở thời kỳ phổ độ lần thứ hai, có thể kể đến các tôn giáo như Lão giáo, Hỏa giáo,… Các tôn giáo này vẫn tiếp tục phát huy những đặc điểm của Tiên Đạo từ nhất kỳ phổ độ, là dạy con người khai phóng những quyền năng tự hữu của bản thân để chiến thắng sự chi phối của vũ trụ ngoại giới. Một lần nữa, hệ quả tự nhiên của việc này là các tôn giáo thuộc Tiên Đạo thường được dân gian nhắc đến như các tôn giáo của pháp thuật thần thông.

Lão giáo. Vào thế kỷ thứ 7 TCN (năm 604 TCN[3]), tại miền Nam Trung Hoa, Đức Lão Tử (老子) đã giáng sinh. Ngài khai mở Lão giáo (老教), còn được gọi là Đạo giáo (道教) hay Tiên giáo (仙教), chấn hưng lại Tiên Đạo vốn đã được lưu truyền từ nhất kỳ phổ độ. Ngài biên soạn quyển "Đạo Đức Kinh" (道德經), chứa đựng toàn bộ tinh hoa tư tưởng của nền tôn giáo này. Thông qua "Đạo Đức Kinh", Ngài đã đề xướng một lối sống hòa hiệp hết sức chủ động với thiên địa vạn vật cũng như với xã hội nhân sinh. Theo lối

---

*học được gì và thực hành được gì tinh hoa của Thái Thượng Lão Quân vào đời sống nhơn sanh và tâm linh của các con ? (…) Một trong những tinh hoa của **Thái Thượng Lão Quân, hay Lão Tử**, đó là luật Cảm Ứng."* Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-02 Đinh Tỵ (03-04-1977).

[1] "Lý Đam" chính là Đức Lão Tử.

[2] Đức Văn Xương Đế Quân; năm Bính Dần (1926); *Tam Ngươn Giác Thế*, tr.103.

[3] Thời điểm này được trích dẫn từ quyển "Thiên Đạo" của Ngài Nguyễn Trung Hậu và Phan Trường Mạnh.

sống này, con người nơi chính bản thân mình phải tự *"truất bỏ [sự] khôn ngoan vụn vặt của lý trí, hình thái của thánh thần, để lặng được kiêu khí, đứng vào chỗ mà người ta không thích đứng, giữ phần thua, nhượng phần hơn, cốt được huyền đồng cùng Tạo Hóa, vạn vật làm Một."*[1] Đó là hòa hiệp bằng sự khiêm hạ. Chỉ bằng lối sống hòa hiệp như vậy, con người mới không bị sai khiển bởi những tác động của thế giới tự nhiên hay lệ thuộc vào những đổi thay trong thế giới nhân loại. Về mặt nhân sinh, *"[một khi đã] hành động nhịp nhàng cùng lẽ tự nhiên, [con người] không khiển sai mà thiên hạ cùng làm, không dạy đời mà thiên hạ theo học."*[2] Về mặt tâm linh, lối sống hòa hiệp đó giúp con người tự giải thoát mình ra khỏi những trói buộc của vũ trụ ngoại giới. Việc thực hành đạo giải thoát mặc dù cũng được trình bày trong "Đạo Đức Kinh", nhưng Đức Lão Tử còn *"bí truyền [cho] những đệ tử một phương tu nội tĩnh để sớm quy căn phục mạng, là phương khử dục điều nhiếp tam bảo, để kết tụ nhơn chủng tại huyền quan, làm cho thân tâm không còn bị một sức mạnh nào của ngoại cảnh mê hoặc được, mà trải Thần khắp nơi, hầu chan hòa sự sống cùng Trời Đất."*[3]

Mani giáo. Vào thế kỷ thứ 3 sau Công nguyên, tại Ba Tư (Iran), xuất hiện một tôn giáo được gọi là Mani giáo, theo tên của vị giáo chủ là Đức Mani (Mānī [Syr], Μανιχαίος [Grk], Manichaeus [Ltn][4]). Từ thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 7, tôn giáo này đã trở thành một trong những tôn giáo được truyền bá rộng rãi nhất trên khắp thế giới từ phương Tây (La Mã) đến phương Đông (Trung Hoa) nhờ được sự đón nhận đặc biệt của dân gian. Khi tôn giáo này được truyền đến Trung Hoa, người Hán đã gọi đó là Minh giáo[5] (明教 [Chn][6]). Đây cũng là một tôn giáo thờ Thượng Đế. Giáo lý của tôn giáo này rất khoáng đạt, được tổng hợp từ giáo lý của nhiều tôn giáo đã trước đó tại nhiều vùng đất khác nhau trên thế giới như Hỏa giáo, Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Giác Ngộ giáo (Gnosticism), và Lão giáo. Mani giáo dạy con người sống một cuộc đời giản dị, thanh khiết, hướng thượng và nhân bản.

Giáo lý của Mani giáo kế thừa tư tưởng của Hỏa giáo, giải thích cấu tạo và sự vận động của vũ trụ bằng hai yếu tố đối lập nhau: "asha" và "druj" ("thiện" và "ác", hay "dương" và "âm"). Do đó, một số nhà nghiên cứu trên thế giới gọi đây là đạo Thiện-Ác. Riêng người Trung Hoa, khi theo tôn giáo này, họ đã dùng chữ "Minh" (明) để giải thích giáo lý căn bản của Mani giáo (mà họ gọi là Minh giáo): chữ "Minh" bao gồm chữ "nhật" ("mặt trời", tượng trưng cho "dương") và chữ "nguyệt"("mặt trăng", tượng trưng cho "âm"); hai yếu tố âm dương tác động qua lại, vừa tạo thành mọi vật, vừa làm cho mọi vật vận động và phát triển. "Minh" cũng được đồng nhất với Đấng Tạo Hóa hay Thượng Đế: Ngài được gọi là "Đại Minh Tôn".

---

[1] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 2, tiết 4, mục 2.
[2] Ibid.
[3] Ibid.
[4] http://en.wikipedia.org/wiki/Mani_(prophet); 18-05-2010.
[5] Hoàng Tâm Xuyên et al, *Mười Tôn Giáo Lớn Trên Thế Giới*, tr.115.
[6] http://en.wikipedia.org/wiki/Ming_Cult; 18-05-2010.

Các nền giáo lý thuộc Tiên Đạo đều chủ trương xuất thế, sống ẩn dật, xa lánh trần tục nhưng vẫn không ngừng tìm mọi cơ hội để đem lại sự minh triết và thanh bình cho nhân thế. Đó là lối sống khiêm hạ của những con người chỉ mong được phụng sự nhân loại mà không cần ai biết đến mình để đền đáp hay ca ngợi. Bản thân các bậc giáo tổ trong Tiên Đạo – như Đức Lão Tử hay Đức Mani – đều đã thực hiện một đời sống như vậy. Suốt quãng đời giáo hóa vạn linh tại thế gian, sự khiêm hạ phi thường của các Ngài đã khiến cho các Ngài không để lại bao nhiêu dấu ấn về hình tướng trong lịch sử để nhân loại có thể ghi nhận. Tuy nhiên, bản thân các Ngài cũng như các tôn giáo thuộc Tiên Đạo thường có một tầm ảnh hưởng rất sâu rộng trong các nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Như là những ví dụ, cả ba tôn giáo được nêu lên trên đây – Lão giáo, Hỏa giáo và Mani giáo – đều được đón nhận nồng nhiệt bởi dân gian trên mọi vùng đất mà các tôn giáo này truyền bá, cũng như có ảnh hưởng lớn lao đến rất nhiều tôn giáo khác.[1]

3.2.3. Phật Đạo

Thuộc về Phật Đạo ở thời kỳ phổ độ lần thứ hai, có thể kể đến các tôn giáo như Phật giáo, Pythagoras giáo,… Là những tôn giáo giúp con người hoát khai tâm linh – vốn là đặc điểm của Phật Đạo – các tôn giáo thuộc Phật Đạo nhị kỳ tiếp tục truyền thống của Phật Đạo nhất kỳ trong việc dạy con người làm chủ nội tâm để tự giải thoát ra khỏi sự cầm tù của luật nhân quả, tức là tự giải thoát khỏi sự luân hồi chuyển kiếp.

Phật giáo. Vào năm 560 TCN[2], tại nước Kapilavastu ở về phía bắc của miền Trung Ấn Độ, Đức Thích Ca (Siddhrtha Gautama सिद्धार्थ गौतम [Skr][3]) đã giáng sinh. Năm 29 tuổi, Ngài xuất gia, tu hành trong 6 năm, và thành chánh quả ở tuổi 35. Sau khi chứng Đạo, Ngài khai mở Phật giáo (Buddhaśāsana [Skr][4]) hay Thích giáo để hóa độ chúng sanh. Đức Thích Ca đã truyền đạo trong bối cảnh mà sự phân chia giai cấp, do ảnh hưởng của một Bà La Môn giáo bị thất chân truyền, đã làm cho xã hội Ấn Độ bị phân hóa trầm trọng. Vì vậy, *"giáo lý của Ngài lấy từ bi, bình đẳng làm chánh yếu, phá các giai cấp của đạo Bà La Môn, mà chủ trương của Ngài là giải khổ cho chúng sanh, bàn rộng các sự khổ ở đời bởi tánh vô minh, cho người ta chuyên theo một đường tu thân là chánh tâm diệt dục."*[5]

Ta có thể tìm thấy dấu vết của Tiên Đạo trong Phật giáo. Theo "Tiểu Thừa Phật Giáo Tư Tưởng luận" và "Lược sử Phật giáo Ấn Độ", trong thời gian mới xuất gia, Đức Thích Ca đã lần lượt tìm đến các "ông Tiên" – mà ta có thể hiểu là các đạo sĩ trong các tôn giáo

---

[1] Nói về Hỏa giáo, theo bách khoa toàn thư mở Wiki (http://en.wikipedia.org/wiki/Zoroastrianism), đây là một tôn giáo đã có những ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhân loại hơn bất kỳ một tín ngưỡng nào. Nói về Lão giáo, tôn giáo này đã thâm nhập vào văn hóa của nhiều nước châu Á, như Trung Hoa, Việt Nam, cũng như đến nhiều nhà tư tưởng Âu Mỹ (có thể tham khảo thêm bài viết về Lão giáo bằng tiếng Anh trên Wiki tại địa chỉ http://en.wikipedia.org/wiki/Taoism). Còn nói về Mani giáo, đây là tôn giáo có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong dân gian ở những vùng đất mà tôn giáo đó truyền qua.

[2] Thời điểm này được trích dẫn từ quyển "Thiên Đạo" của Ngài Nguyễn Trung Hậu và Phan Trường Mạnh.

[3] http://en.wikipedia.org/wiki/Buddhism; 14-06-2010.

[4] http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o; 14-06-2010.

[5] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 2, tiết 4, mục 2.

thuộc Tiên Đạo – là Bhagavà, Aràlakàlama, và Udraka-Ràmaputta để học phép tu thiền định[1]. Sau một thời gian ngắn, Đức Thích Ca đã đạt đến trình độ tự lập trên con đường nội tu để có thể tự tìm kiếm chánh pháp trong bản thân mình. Bằng sự tự lập này, sáu năm sau đó Ngài đã chứng đắc Phật Đạo.

Phật giáo từ thời Đức Thích Ca đã đặt trọng tâm vào sự giải thoát tâm linh cho con người, mà vẫn không bỏ sót những vấn đề có liên quan đến việc tế thế an bang. Trong kinh "Trường A Hàm", Đức Thích Ca đã giảng giải cho một chính trị gia rằng, một quốc gia nếu "trên hòa dưới thuận" thì sẽ không bị quốc gia khác thôn tính. Sau bài giảng đó, Ngài đã triệu tập tăng chúng để khái quát hóa pháp môn "trên hòa dưới thuận" thành bảy nguyên tắc để phát triển tăng đoàn và bảo tồn giáo pháp.

Pythagoras giáo. Vào thế kỷ thứ 6 TCN, tại Hy Lạp, nhà hiền triết Pythagoras (Πυθαγόρας [Grk]) đã lập nên tôn giáo Pythagoras (Pythagoreanism [Eng]). Tôn giáo này kế thừa giáo lý và pháp môn của hai tôn giáo lớn ở vùng này từ nhất kỳ phổ độ, là tôn giáo Dionysus và Hy Lạp giáo (Orphism). Pythagoras đã đề xướng một nền triết học rộng lớn, đi từ bản thể vũ trụ cho đến đạo đức nhân sinh.

Không chỉ là một tôn giáo quan trọng đối với các đất nước chịu ảnh hưởng của văn hóa Hy Lạp, Pythagoras giáo còn là một trường phái triết học lớn và một trường đại học đào tạo nên nhiều khoa học gia lỗi lạc của Hy Lạp cổ đại.

Pythagoras đã phát triển toán học thành một thứ bửu bối sở trường của mình để tìm hiểu đạo lý và trình bày triết học. Bửu bối toán học này gồm hai phần: thứ nhất là phần "ngoại giáo công truyền", mà trong đó có hình học và số học, vẫn còn được lưu truyền trong khoa học cho đến ngày nay; còn phần thứ hai, "nội giáo tâm truyền", mà trong đó có đạo pháp, hiện nay hầu như đã bị thất chân truyền.[2]

Tôn giáo Pythagoras không chỉ dạy con người giải thoát tâm linh, mà còn xây dựng được một căn bản vững chắc cho nền văn minh khoa học và kỹ thuật hiện đại.

Nhìn chung, các tôn giáo thuộc Phật Đạo tuy đều chủ trương xuất thế để giải thoát tâm linh, nhưng hoàn toàn không ẩn dật; ngược lại, các tôn giáo này thường tác động vào xã hội để tạo dựng đời sống đại đồng, giảm nhẹ đau khổ của chúng sanh.

3.2.4. Thánh Đạo

Thuộc về Thánh Đạo ở thời kỳ phổ độ lần thứ hai, có thể kể đến các tôn giáo sau đây: Nho giáo (Khổng giáo), Thiên Chúa giáo (Ky-tô giáo), Hồi giáo, Baha'I,… Kế thừa những di sản tinh thần của Thánh Đạo ở nhất kỳ phổ độ, các tôn giáo này tiếp tục dạy con người những cách thức sử dụng tâm linh để an trị xã hội. Cũng cần nhấn mạnh rằng các tôn giáo thuộc Thánh Đạo ở nhị kỳ phổ độ đã góp phần rất lớn vào việc tạo tác nên diện mạo hiện đại của văn minh nhân loại như chúng ta đang có ở ngày nay.

---

[1] Tiểu Thừa Phật Giáo Tư Tưởng luận, tr.74; Lược sử Phật giáo Ấn độ, tr.27.
[2] Paul Carton, Đời đạo lý, tr.139-140.

Nho giáo. Vào năm 551 TCN[1], tại Trung Hoa, Đức Khổng Tử (孔子) đã giáng sinh. Ngài là người khai mở Khổng giáo (孔家) hay Nho giáo (儒家), chấn hưng lại Nho Đạo (Thánh Đạo).

Trong "Giác Hóa Chơn Kinh", Đức Quan Thánh Đế Quân giảng về Nho giáo như sau:

"Nho giáo có chia hai bực: một là hình nhi thượng, hai là hình nhi hạ. Hình nhi thượng là học sao cho đoạt được mục đích tối mầu, học sao cho vũ trụ vạn vật với ta đồng thông nhứt thể (...) Còn hình nhi hạ, là nhơn luân nhựt dụng[2], ấy là nấc thang tột của kẻ nho sanh hiện thời."[3]

Giáo lý Nho giáo mà đức Khổng Tử triển khai gồm đủ hai phần này. Phần hình nhi hạ hướng đến việc giải quyết sự xung đột giữa các phe phái, giai cấp trong xã hội Trung Hoa thời đó, bằng cách truyền bá về cái "đạo" ở từng giai cấp, từng cá nhân, từng vị trí trong xã hội. Phần hình nhi thượng hướng đến việc làm sáng cái minh đức, cái tính bổn thiện của con người (như được nói đến trong sách "Đại Học"), hay hướng đến việc tìm về với cái Tánh thiên phú trong bản thân mình (như được nói đến trong sách "Trung Dung").

Nhờ thánh giáo Cao Đài, ta có thể tìm thấy dấu vết của Tiên Đạo trong Khổng giáo. Trong "Đại Thừa Chơn Giáo", khi nói về phần nội tu của Khổng giáo, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế có đề cập đến việc Đức Khổng Tử học đại thừa tâm pháp từ Hạng Thác:

"Lúc Đức Khổng Tử dạy về Nhơn Đạo thời chưa thông Thiên Đạo, còn dùng tửu nhục. Đến khi ngộ Đạo cùng Hạng Thác, Người trì trai thủ giới, nên mới có câu "Thiên sanh Khổng Tử chơn kỳ trí, tánh mạng công phu thỉ bất minh, vãng trần lộ ngộ Hạng Thác vi sư, lão tắc đồ ty thiểu vi tôn", cùng câu "Trai minh thạnh phục, yếu dục dưỡng tinh"."[4]

"Xưa kia, Khổng Thánh cũng đã rõ thông chí lý về Đại Thừa trong lúc Hạng Thác truyền trao, nên sau mới thành đến bực Đại Thành Chí Thánh; nhưng phần nhiều truyền dạy cho đời là chỉ về đường nhơn đạo, cứ lo rộng mở cho con người biết luân thường đạo lý; còn về tâm pháp thì dạy cho có một phần rất ít trong đệ tử thôi. Cho nên đời sau tưởng lầm rằng Khổng Thánh không hề tu luyện đến Thiên Đạo, chớ kỳ trung, sao sao cũng phải rõ thông cơ Tạo Hóa, hòa hiệp máy âm dương mà luyện thành Kim Đơn thì

[1] Thời điểm này được rút ra từ các số liệu trong quyển "Thiên Đạo" của Ngài Nguyễn Trung Hậu và Phan Trường Mạnh.

[2] "Nhơn luân nhựt dụng là luân thường của con người để cho biết vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bậu bạn" (Chú thích của "Giác Hóa Chơn Kinh").

[3] Đức Quan Thánh Đế Quân; Bạch Diệu Đàn, Tý thời, 20-01 Mậu Dần (19-02-1938); Giác Hóa Chơn Kinh, tr.20.

[4] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế (xưng danh Cao Đài giáo chủ); 11-08 Bính Tý (26-09-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Luyện Kỷ Tu Thân", tr.254.

mới thành Đạo đặng. Vậy, Đại Thừa tức là "Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chỉ ư chí thiện"."[1]

Nhờ đoạn thánh giáo trên đây, ta biết rằng Đức Khổng Tử đã dùng pháp môn do Hạng Thác truyền trao để "hòa hiệp máy âm dương mà luyện thành Kim Đơn" và hoàn tất được phần đại thừa thiên đạo. Như vậy, Đức Khổng Tử đã tiếp nhận pháp môn Tiên Đạo thông qua Hạng Thác. Qua lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng trong Tam Kỳ Phổ Độ, ta biết được rằng đây là một sự kiện quan trọng trong sự phát triển của Khổng giáo; ví dụ:

"Nhắc lại chuyện xưa bực Thánh Nhơn,
Trọng Ni học đạo, bái thần đồng,
Hiên Viên khó nhọc dày năm tháng,
Mới gặp chơn truyền của chánh tông."[2]

Câu thơ thứ hai trong bài thơ này nhắc lại việc Đức Khổng Tử chịu hạ mình học đạo với Hạng Thác, còn câu bốn xác nhận rằng chính nhờ vậy Ngài mới "Mới gặp chơn truyền của chánh tông".

Khổng giáo đã có một ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với các nền văn hóa thuộc các nước Đông Á.

Ky Tô giáo. Cách đây khoảng 2000 năm, tại Do Thái, Đức Jesus (יֵשׁוּעַ *Yēšûă'* [Hbr]) hay Đấng Christ (Χριστός Khristos [Grc]) đã khai mở Ky Tô giáo (Christianity [Eng]) hay Thiên Chúa giáo. Giáo lý mà Chúa Jesus xiển dương là nhằm giải quyết sự xung đột của cả hai thế lực trong xã hội Do Thái thời đó là thần quyền (nắm giữ bởi các chức sắc Do Thái giáo) và thế quyền (nắm giữ bởi nhà cầm quyền La Mã) bằng cách rao giảng về tình thương của "Đấng duy nhất thật sự có quyền lực" là Thượng Đế. Tình thương đó phải được thực hành bởi con người, và chỉ bằng cách này, con người mới có thể nhận được sự cứu độ của Thượng Đế. Kinh thánh Tân Ước ghi lại điều răn cuối cùng mà Chúa Jesus để lại cho các môn đồ của Ngài:

"Ta ban cho các ngươi một điều răn mới, nghĩa là các ngươi phải yêu thương nhau. Như ta đã yêu thương các ngươi thế nào, thì các ngươi cũng hãy yêu thương nhau thế ấy. Nếu các ngươi yêu thương nhau, thì ấy là tại điều đó mà thiên hạ sẽ nhận biết các ngươi là môn đồ ta."[3]

Ky Tô giáo đã đóng một vai trò rất lớn trong việc kiến thiết nên bộ mặt hiện đại của văn minh phương Tây.

Hồi giáo. Năm 611, tại Mecca, Ả Rập, Đức Muhammad (Muḥammad [Arb]) đã lập ra Hồi giáo (الإسلام al-'islām [Arb], Islam [Eng]). Quyển kinh căn bản, chứa đựng toàn bộ

---

[1] Đức Cao Đài Giáo Chủ; 09-08 Bính Tý (24-09-1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Khởi Trung Tâm Đạo", tr.214.
[2] Đức Vô Danh Tiên Trưởng; 02-09 Bính Tý (1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), "Đoàn Thể", tr.150.
[3] Giăng 13:34-35.

nền tảng giáo lý của đạo Hồi, là Qur'an (القــرآن al-qur'n [Arb]). Giáo lý Hồi giáo dạy con người hướng nội để diệt trừ những dục vọng trong chính mình và hướng thượng tìm về Thượng Đế, truyền bá tình thương, và sự bình đẳng trong xã hội (nhất là quyền bình đẳng nam nữ).

> "Mọi người đều do một Đấng Chí Tôn Duy Nhất tạo ra. Tất cả mọi người đều bình đẳng trước quyền uy và hỉ xả của Thượng Đế."[1]

Trước khi Hồi giáo ra đời, trong nhiều bộ lạc Ả Rập có tục lệ cho phép chôn sống con gái sơ sinh nếu gia đình đã có nhiều con gái. Trong hôn ước khi lập gia đình, người chồng có quyền buộc người vợ nếu sinh con gái thì phải tự tay chôn sống đứa con gái đó. Khi người chồng chết đi, tại nhiều nơi, người vợ còn bị chôn sống theo người chồng. Chính Đức Muhammad đã hủy bỏ những tục lệ dã man như thế. Ngài tuyên bố rằng nam nữ bình quyền trước Thượng Đế:

"Đứng trước Đấng Chí Tôn, đàn bà ngang hàng với đàn ông về quyền lợi cũng như về bổn phận."[2]

Hồi giáo đã đóng một vai trò rất lớn trong việc tạo ra nền văn minh của thế giới Ả Rập.

Bahá'í. Đạo Bahá'í do Đức Bahá'u'lláh (1817-1892) sáng lập năm 1863 tại Constantinople. Ngài tuyên bố về thiên mạng của mình là "Đấng được Thượng Đế lựa chọn" và khai mở tôn giáo Bahá'í. Giáo lý của Ngài chủ trương chuyển đổi tất cả vấn đề kinh tế và chính trị thành vấn đề tình thương và đạo đức. Ngài kêu gọi nhân loại thống nhất, kêu gọi tôn giáo hòa hợp, kêu gọi con người hướng nội để tìm kiếm chân lý, thuyết giảng về tính duy nhất của Thượng Đế và sự đồng nhất của các Đấng giáo tổ vạn giáo, kêu gọi hủy bỏ thành kiến và mê tín, đưa ra các giải pháp tâm linh cho các vấn đề kinh tế.

Thông Thiên Học. Thông Thiên Học (Theosophy [Eng], θεοσοφία [Grk], Theosophia [Ltn]) là một nền minh triết cổ truyền được phát huy trở lại từ năm 1875 tại thành phố New York nhờ ba vị đạo sư phương Tây: một vị đạo sư người Nga gốc Ukraine, bà Helena Petrovna Blavatsky (Елена Петровна Блаватская, [Rus], Олена Петрівна Блаватська [Ukr])[3] cùng với hai vị đạo sư người Mỹ, ông Henry Steel Olcott và ông William Quan Judge. Thông Thiên Học hiện hữu qua ba hình thái: triết lý, tôn giáo và khoa học, tương ứng với các chân lý thuộc phạm vi trí thức, tâm linh và vật chất.

Nhìn chung, các nền giáo lý thuộc Thánh Đạo đều nhằm giải quyết vấn đề an trị thế gian, nên đều hướng đến một cứu cánh chung là đại đồng nhân loại.

---

[1] Nabi Muhammed, tr.22.
[2] Qur'an; Surah 4:7, Surah 16:97, Surah 40:40. Dẫn theo Nabi Muhammed, tr.24.
[3] http://en.wikipedia.org/wiki/Madame_Blavatsky; 14-06-2010.

3.2.5. Ghi chú về Đại Đạo ở nhị kỳ phổ độ

Ở nhị kỳ phổ độ, Đại Đạo được *hình tướng hóa* thành các tôn giáo như Thích giáo, Khổng giáo, Lão giáo, Ky Tô giáo, Hồi giáo, Baha'I,… Ngay trong việc hình tướng hóa này, các tôn giáo nhị kỳ đã khôi phục và chấn hưng chân truyền Đại Đạo từng bị sai thất trong các tôn giáo nhất kỳ. Như vậy, trong Tam Giáo Đạo, mọi tôn giáo nhị kỳ đều là sự kế thừa, chỉnh đốn, bổ sung và phát triển của một hay nhiều tôn giáo thuộc nhất kỳ.

Chính mối liên hệ đặc biệt này với các tôn giáo nhất kỳ cũng nói lên sứ mạng lịch sử của các tôn giáo nhị kỳ. Nhị kỳ phổ độ thuộc về nguơn Tranh Đấu. Đó là thời kỳ mà nhân loại tự nhận chìm nền văn minh của mình trong sự đấu tranh giữa người với người bất chấp tình đồng loại. Không những đấu tranh với nhau trên mọi phương diện, nhân loại mà còn ra sức cổ súy, đề cao sự đấu tranh, coi đó là cách thức để tạo ra sự tiến bộ. Hầu như bất cứ cái gì mà người ta đang sở hữu trong tay mình, cái đó đều bị họ khai thác để đấu tranh với nhau. Chịu chung số phận này, các tôn giáo nhất kỳ lúc bấy giờ cũng bị người ta lợi dụng để làm những phương tiện đàn áp hay tàn sát lẫn nhau. Thế nên, mỗi tôn giáo nhị kỳ đều nỗ lực phục hồi lại những căn bản đạo đức của ít nhất một tôn giáo nhất kỳ đã từng nêu cao. Đó là điều mà Phật giáo đã làm đối với Bà La Môn giáo, Khổng giáo đã làm đối với Nho giáo từ thời Phục Hy, Ky Tô giáo đã làm đối với Do Thái giáo,… Các tôn giáo nhị kỳ không đả phá các tôn giáo nhất kỳ, mà chỉ đả phá tình trạng thất chân truyền mà người ta đã tạo ra trong các tôn giáo nhất kỳ, nhằm đề cao tinh thần nguyên thủy và phục hưng chân truyền của các tôn giáo nhất kỳ. Hơn nữa, mỗi tôn giáo nhị kỳ ngay từ thuở sơ khai của mình đã hiện diện như một sự hoàn hảo hóa của tôn giáo nhất kỳ tương ứng mà nó muốn chấn hưng. Đó là sứ mạng lịch sử của các tôn giáo nhị kỳ.

Các tôn giáo nhị kỳ đã làm tròn sứ mạng của mình. Những gì tốt đẹp nhất mà các tôn giáo này mang đến cho nhân loại vẫn còn lưu truyền cho đến tận thời đại ngày nay của chúng ta. Nhưng xót xa thay, dần dà theo thời gian, các tôn giáo nhị kỳ cũng bị thất chân truyền. Dấu hiệu về sự thất chân truyền đó được bộc lộ khá rõ nét trong mối quan hệ giữa tôn giáo và tôn giáo: giữa tôn giáo này với tôn giáo khác, đã xuất hiện những kỳ thị, tranh chấp, và thậm chí, chiến tranh ở những phạm vi và mức độ khác nhau.

3.3. Hạ nguơn tam chuyển: Tam kỳ phổ độ

Đến thế kỷ 20, Thượng Đế không phái các Đấng Thiêng Liêng đến thế gian để lập giáo nữa, mà chính Ngài trực tiếp dùng huyền cơ diệu bút khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại Việt Nam với tôn chỉ "quy nguyên Tam Giáo, hiệp nhất Ngũ Chi", nhằm thực hiện mục đích "thế đạo đại đồng, thiên đạo giải thoát", trên lập trường "thuần chơn vô ngã".

Sự kiện này là cột mốc rất lớn trong lịch sử văn minh nhân loại, đánh dấu sự bắt đầu công cuộc cứu độ rộng lớn lần thứ ba, hay là tam kỳ phổ độ.

Tam kỳ phổ độ là thời kỳ *quy hiệp* của Tam Giáo Đạo. Đến thời kỳ này, các tôn giáo được khai mở trong nhị kỳ phổ độ cũng bị thất chân truyền, làm cho Tam Giáo Đạo lại bị suy vi. Nhưng giải pháp cứu độ của Thượng Đế trong thời kỳ này lại khác với hai thời kỳ

trước đây. Lý do của sự khác biệt này nằm ở sự vận hành của toàn thể Thiên Địa vạn vật theo nguyên lý "Nhất tán vạn – vạn quy Nhất": hai thời kỳ phổ độ trước đây rơi vào bán trình "Nhất tán vạn", tức là bán trình phóng phát của Thiên Địa để đa dạng hóa vạn vật, còn thời kỳ phổ độ thứ ba lại nằm trong bán trình "vạn quy Nhất", tức là bán trình thu liễm, chọn lọc mọi thành quả của bán trình phóng phát để kết thúc một chu trình tán-tụ của vũ trụ. Nói một cách khác, vũ trụ đang sắp sửa đi vào một cuộc "tận thế" và kết thúc chu trình vận hành hiện tại; quá trình chọn lọc tự nhiên đang xảy ra mỗi ngày một gay gắt và khốc liệt để đào thải mọi tội lỗi, mọi điều ác trong thế giới để tái lập một thế giới thánh đức vào đầu chu trình mới của vũ trụ. Tất cả những điều này đã được hầu hết các tôn giáo tiên tri từ trước, ví dụ, Phật giáo đã nói về Long Hoa đại hội và Thiên Chúa giáo đã nói về ngày tận thế. Thật sự thì điều này không những đang đến, mà hơn thế nữa, thời gian từ đây đến lúc kết thúc chu trình hiện tại cũng không còn bao nhiêu nữa, nên Thượng Đế phải trực tiếp lâm phàm, lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để dẫn dắt nhân loại đi theo con đường ngắn nhất để vượt qua khỏi sự tận diệt ở cuối chu trình này. Con đường ngắn nhất này nằm trong sự quy nguyên Tam Giáo Đạo, hòa hiệp quyền năng cứu thế của mọi tôn giáo trên thế giới lại làm một để tận độ nhân loại.

Thời kỳ này là hạ nguơn tam chuyển, tức là "*hạ hạ nguơn*" (hạ nguơn của hạ nguơn) – theo lời dạy của Đức Nguơn Thỉ Thiên Tôn trong kinh "Tam Nguơn Siêu Độ" – chẳng những của một quả địa cầu này mà còn là của toàn thể vũ trụ, nên Đức Thượng Đế cho Phật Tiên Thánh Thần tùy tâm nguyện mà giáng thế cứu độ vạn linh theo đường lối quy nguyên Tam Giáo Đạo:

"Nay nhờ Long Hoa đã đến, lập Đạo Tam Kỳ Phổ Độ; nghĩa là lúc hạ-hạ-nguơn, tuần huờn sửa trị thái bình, cho người có phước đức lánh nạn, kẻ tu được đắc quả; Thầy cho Phật, Tiên, Thánh Thần, Tam Giáo Hội Đồng giáng thế độ dân thoát vòng nước lửa."[1]

3.3.1. Trình tự quy nguyên Tam Giáo Đạo trong tam kỳ phổ độ

Ở nhất kỳ phổ độ, Phật Đạo được phát sinh trước, đóng vai trò tiền phong trong việc mở đường cho công cuộc phổ độ lần thứ nhất của Đại Đạo. Sang nhị kỳ phổ độ, sứ mạng tiền phong này được trao cho Tiên Đạo, nên Tiên Đạo lại được phát sinh trước, mở đường cho công cuộc phổ độ lần thứ hai. Đến tam kỳ phổ độ, sứ mạng tiền phong này lại được chuyển cho Thánh Đạo.

Trong tam kỳ phổ độ, trình tự để Tam Giáo Đạo quy nguyên (trở về Đại Đạo) là: Thánh Đạo quy nguyên trước, rồi đến Tiên Đạo, và sau cùng là Phật Đạo. Thật vậy, trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", Đức Thượng Đế dạy:

"Thầy lập Phật giáo vừa khi khai Thiên lập Địa, nên Phật giáo là trước, kế Tiên giáo, rồi mới tới Nho giáo. Nay là hạ nguơn hầu mãn, phải phục lại như buổi đầu, nên phải phản tiền vi hậu.

[1] Đức Nguơn Thỉ Thiên Tôn; *Tam Nguơn Siêu Độ*, tr.13-17.

Tỉ như lập Tam Giáo quy nhứt, thì Nho là trước, Lão là giữa, Thích là chót. Nên Thầy phải ngồi sau chư Phật, Tiên, Thánh, Thần mà đưa chúng nó lại Vô Vi Chi Khí, chính là Niết Bàn đó vậy."[1]

3.3.2. Đại Đạo Cao Đài

Không như các thời kỳ phổ độ trước, ở tam kỳ phổ độ, Đức Thượng Đế *hình tướng hóa* Đại Đạo thành một tôn giáo duy nhất, là Cao Đài giáo, hay Đại Đạo **Tam Kỳ Phổ Độ**. Tính duy nhất trong hình tướng của Đại Đạo ở thời kỳ này vừa là một tượng trưng cho cho sự phục nguyên của Đại Đạo theo nguyên lý "Nhất tán vạn – vạn quy Nhất", vừa nhằm để xóa tan những định kiến sai lầm – cho rằng các tôn giáo, các pháp môn là khác biệt nhau – vốn đã ăn sâu vào tiềm thức văn hóa của hầu hết các cộng đồng xã hội.

Thực tế, khi bước vào thời hạ nguơn mạt kiếp này, thì trên khắp thế giới đã, đang và sẽ có nhiều tôn giáo mới cũng như nhiều giáo phái mới, ra đời. Đó là do các chơn linh của các đẳng cấp thiêng liêng khác nhau giáng thế mà lập ra, để cộng tác vào đại cuộc cứu độ kỳ ba của Thượng Đế. Những tôn giáo, giáo phái này – cùng với chính bản thân đạo Cao Đài – sẽ phải cùng chịu những tác động sáng tạo, bảo tồn và hủy diệt của cơ tiến hóa để phân phàm lọc thánh mà quy nguyên về thành một Đại Đạo duy nhất.

Nói như vậy để thấy rằng đạo Cao Đài không tự đặt mình ở vị trí trung tâm hoặc một vị trí đặc biệt nào đó so với các tôn giáo khác. Bản thân Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, dù được chính Thượng Đế sáng lập, cũng phải chịu mọi tác động của khối cộng nghiệp mà nhân loại đã tích lũy đến thời hạ nguơn mạt kiếp này, kể cả những tác động làm phân hóa nền đạo này thành nhiều chi phái. Nếu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tự quy hiệp được lấy mình, để từ đó mở đường cho tất cả các tôn giáo quy hiệp về làm một quyền năng cứu thế chung, thì viễn cảnh đại đồng toàn nhân loại sẽ không phải là điều gì quá xa vời so với thực tế.

Từ xưa đến nay, đối với con người, Đại Đạo chỉ thật sự tồn tại trên thế gian khi con người đạt Đạo và sống với Đạo. Nhưng muốn đạt và muốn sống được cái Đạo này, mỗi cá nhân phải tìm lấy nó ngay ở trong lòng của chính mình, chứ không thể tìm bên ngoài mình. Đây là một nguyên tắc mà mọi đạo gia của mọi tôn giáo từ ngàn xưa đều hiểu rõ. Và đây cũng là một trong những nguyên tắc căn bản của cơ cứu thế kỳ ba. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

"Đạo pháp tối thượng, chúng sanh căn trí vô lượng, nên người muốn đạt được chánh pháp Đại Đạo cần phải tìm hiểu trước nhứt là chính mình, sau đó mới nhìn sang đạo lý và học hỏi đạo lý.

Trải biết bao nhiêu ngàn năm trên thế gian này, hồ dễ được mấy ai đắc thành chánh giác Như Lai để đem cõi đời vào cảnh Niết bàn hay Thiên đường cực lạc (…) Từ thuở Bàn Cổ sơ khai đến ngày nay, có được mấy vì giáo chủ đắc Đạo để cứu độ quần sanh.

---

[1] Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương; Phước Linh Tự, 15-09 Bính Dần (24-10-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1).

Tuy liệt thánh tôn hiền cũng trong đạo lý mà đạt thành để muôn đời roi dấu, nhưng người đời vẫn còn phân tích [về sự khác nhau giữa] thánh, hiền, tiên, phật; mỗi giới mỗi có sự khác biệt hoặc về tu luyện hoặc về hình thức (hay tâm truyền hoặc công truyền). Bởi thế, cho nên đến ngày nay hoặc đến muôn ngàn triệu triệu đời đời kiếp kiếp, vẫn còn có cái chấp mà vẫn được che kín bằng những lý thuyết dung dị khéo léo của người tu.

Thượng Đế vì đức háo sanh nên không muốn cho có một phen càn khôn điên đảo, thế giới tận diệt, mới mở Tam Kỳ Phổ Độ với một chánh pháp Đại Đạo – nguyên lý dung hòa [và] tổng hợp – để đem lại cho nhân loại một niềm tin trong tình thương Thượng Đế, ngõ hầu lập lại cuộc đời thượng nguơn thánh đức, vô ngã vô nhân, vô cố vô chấp, mới đến chỗ vô ưu để trở về cảnh vô vi thanh tịnh."[1]

Mặc dù tạm mang lấy hình tướng tôn giáo trong bước đầu của công cuộc cứu độ kỳ ba, đạo Cao Đài thật sự là Đại Đạo được tái tạo lại trọn vẹn như thuở chưa khai sinh Tam Giáo Đạo để bảo tồn sự an định cho vạn loại. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn giải thích:

*"...như **Đại Đạo Cao Đài** ngày nay, tạm gọi là tôn giáo mới, chớ thật sự là một **công cuộc bảo tồn sự an định cho vạn loại** của Đức Chí Tôn."*[2]

Cũng thế, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư nói:

"Người vẫn tưởng Cao Đài - tôn giáo,
Nào hay đâu Đại Đạo hoằng dương;
Gồm thâu trăm nẻo ngàn đường,
Tam nguơn chuyển thế định phương phục hoàn."[3]

Hình tướng tôn giáo của đạo Cao Đài có dụng ý xương minh một sự kiện mà nhân loại đã quên lãng sau hàng mấy ngàn năm suy thoái tâm linh: tính duy nhất trong sự hiện hữu của Đại Đạo và tính đồng nhất trong sứ mạng của Tam Giáo Đạo. Dù ở nhất kỳ, nhị kỳ, hay tam kỳ, Đại Đạo vẫn chỉ có một, không thể có hai, vì đó là một cơ cứu độ duy nhất, do một Thượng Đế duy nhất thực hiện. Tam Giáo Đạo cũng thế: ba đường lối khác nhau để cùng gánh vác một sứ mạng chung, duy nhất, là đưa vạn linh nói chung, nguyên căn nói riêng, trở về với Thượng Đế.

"Trước khi Chí Tôn Thượng Đế lâm phàm khai Đại Đạo tại Việt Nam, trong khi đó Đại Đạo vẫn có trong vũ trụ vạn vật. Đại Đạo vẫn luân lưu trưởng dưỡng, và Tam Giáo Đạo vẫn thắp đuốc soi đàng để Nguyên Căn tìm về cùng Thượng Đế."[4]

Mặc dù không thay đổi về bản chất và mục đích, nhưng bản thân sự cứu độ của Đại Đạo qua các thời kỳ cũng có sự bổ túc và cải tiến về giải pháp. Điều này đã được Đức Lý Đại Tiên, Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giảng giải:

---

[1] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 19-08 Tân Hợi (07-10-1971).
[2] Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 10-12 Canh Tuất (06-01-1971).
[3] Trúc Lâm Thánh Đức Thiền Điện, Tuất thời, 07-03 Giáp Dần (30-03-1974).
[4] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Bát Nhã Tịnh Đường, Hợi thời, 18-03 Nhâm Tý (01-05-1972).

"Trải qua hai thời kỳ mở đạo, Thượng Đế đã giao chánh pháp cho tay phàm, để dìu dẫn, giáo luyện nhân sanh trong thời thượng cổ và trung cổ. Tại thời kỳ ấy, với trình độ nhân loại dường ấy, dầu muốn dầu không, Thượng Đế không làm cách nào khác hơn là những phương pháp đã làm.

Tuy rất quý báu trong hai thời kỳ đó, nhưng cũng là những điểm cần phải bổ túc trong thời kỳ thứ ba. Sự truyền đạo, giáo đạo với nhơn sanh trong hai thời kỳ đó đã đóng khung người tín đồ trong vòng chật hẹp, chỉ biết một mà không biết hai.

Ngày nay, các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần cũng phải đến thế gian trong Tam Kỳ Phổ Độ và Hoàng Cực Chủ Nhơn sẽ đến lập Tam Long Hoa Hội."[1]

4. KẾT LUẬN

Chương này đã phác họa lại một bức tranh tổng thể về quá trình Đại-Đạo-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo (và một phần đầu của quá trình Tam-Giáo-Đạo-trở-về-Đại-Đạo) trong bối cảnh rộng lớn của lịch sử văn minh nhân loại kể từ khi con người mới xuất hiện trên địa cầu cho đến ngày nay. Sự phác họa này đặc biệt nhấn mạnh vào các thời kỳ cứu độ của Đại Đạo từ Đại Thượng Nguơn, sang Đại Trung Nguơn cho đến Đại Hạ Nguơn, mà quan trọng nhất là ba thời kỳ phổ độ của Thượng Đế trong Đại Hạ Nguơn.

Đối với Tam Giáo Đạo, mỗi thời kỳ phổ độ đều có một ý nghĩa quan trọng trong sự tiến hóa của nhân loại: nhất kỳ phổ độ là thời kỳ Khai Mở, nhị kỳ phổ độ là thời kỳ Chấn Hưng, tam kỳ phổ độ là thời kỳ Quy Hiệp. Trong thời kỳ nào, các tôn giáo cũng đều nhận lãnh sứ mạng phổ độ loài người, do chính Đức Thượng Đế giao phó. Vào hai kỳ trước, do nhân loại ở những vùng đất khác nhau trên thế giới còn bị biệt lập với nhau bởi sự hạn chế của các phương tiện truyền thông và giao thông, nên Thượng Đế đã lập ra nhiều mối đạo ở hầu hết các lục địa; những mối đạo ấy là những hiện thân khác nhau của một Đại Đạo duy nhất để phổ độ vạn linh ở những căn trí tiến hóa khác nhau. Đến kỳ ba này, sự phát triển của khoa học kỹ thuật đã cho phép nhân loại giao lưu với nhau trên phạm vi toàn cầu; do đó, Thượng Đế chỉ khai mở một mối đạo duy nhất: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tuy được khai mở tại Việt Nam, nhưng mối đạo duy nhất ấy có một nền giáo lý được xây dựng từ sự dung hòa và tổng hợp mọi tinh ba của giáo lý vạn giáo, phù hợp với mọi trình độ căn trí của nhân loại trên toàn cầu. Rồi đây, bằng nguyên lý Thiên-Nhân hiệp nhất, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sẽ hoằng dương ra khắp nơi trên thế giới, để cho hồng ân cứu độ lần ba của Thượng Đế chảy khắp năm châu, đến với mọi dân tộc, mọi tầng lớp nhân sinh trong thời hạ nguơn mạt kiếp.

[1] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 01-03 Đinh Mùi (10-04-1967).

CHƯƠNG 7.
VẠN GIÁO NHẤT LÝ

"Làm người rõ thấu lý sâu
Sửa lòng trong sạch tụng cầu thánh kinh."
Khai Kinh [1]

Trong thánh giáo Cao Đài có câu *"Vạn giáo đồng nguyên tự bổn lai,"*[2] nghĩa là mọi tôn giáo đều có cùng một nguồn gốc. Và nguồn gốc này chính là Đại Đạo, như đã được luận giải qua các chương trước.

Nếu nhìn nhận rằng mọi tôn giáo đều có cùng nguồn gốc Đại Đạo, chúng ta sẽ thấy rằng các tôn giáo phải có một loại "gene di truyền" chung, một nền tảng chung về tinh thần mà nhờ đó các tôn giáo mới có thể thực hiện thành công sứ mạng cứu thế của mình. Giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nói về căn bản chung của các tôn giáo bằng mệnh đề "vạn giáo nhất lý": tôn giáo thì có nhiều ("vạn giáo"), nhưng nguyên lý của sự cứu độ thì chỉ có một ("nhất lý"). Vị giáo tổ nào cũng dạy con người thực hiện những điều tốt lành, lánh xa mọi điều ác cũng như mọi khả năng dẫn đến tội lỗi, dẫn dắt con người tiến lên những nấc thang tiến hóa tâm linh cao hơn.

Nguyên lý cứu độ này hiện diện một cách bình đẳng trong tất cả mọi tôn giáo từ xưa đến nay. Theo nguyên lý này, mọi sự cứu độ chỉ có thể thật sự đạt được kết quả nếu con người biết hiệp nhất với Thượng Đế[3]; Thượng Đế ấy có thể tìm thấy qua một trong bốn phương diện hiện hữu của Ngài: quy luật tính của thiên nhiên (Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại), Thượng Đế tính trong vạn vật (Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại), Đức Chí Tôn của vạn linh (Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại), Chơn Tâm của con người (Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại)[4].

Sự kiện "vạn giáo nhất lý" là một hệ quả tất yếu của quá trình "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo". Do mọi tôn giáo đều có cùng nguồn gốc Đại Đạo, nên mọi tôn giáo đều có chung một nguyên lý cứu độ. Đây chính là nội dung sẽ được trình bày chi tiết trong chương này.

---

[1] *Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*.
[2] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Vĩnh Nguyên Tự, Tuất thời, 13-03 Quý Sửu (15-04-1973).
[3] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*, "Thiên Nhân Hiệp Nhất", tr.191.
[4] Ibid., "Đạo – Thượng Đế", tr.122-127.

1. TINH THẦN "VẠN GIÁO NHẤT LÝ" CỦA CÁC TÔN GIÁO

Nếu "vạn giáo nhất lý" là một hệ quả tất yếu của quá trình "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo", nó phải được phản ảnh trong tư tưởng của nhiều tôn giáo khác nhau qua các thời kỳ cứu độ khác nhau. Vậy, liệu chúng ta có thể quan sát được điều này trong thực tiễn của các tôn giáo hay không?

Câu trả lời là "có". Các tôn giáo khác nhau đã thể hiện tinh thần "vạn giáo nhất lý" ở nhiều mức độ khác nhau; và ở đây, chúng tôi đề cập đến ba mức độ tiêu biểu: [1] tôn trọng các tín ngưỡng khác biệt với tín ngưỡng của mình; [2] nhận ra những điểm tương đồng giữa tôn giáo của mình với các tôn giáo khác; [3] chủ trương rằng mọi tôn giáo đều là một, dù mang những hình thức khác nhau.

Chúng ta hãy xét từng mức độ một, qua một số ví dụ.

1.1. Tôn trọng các tín ngưỡng khác biệt

Ở mức độ sơ khởi, tinh thần "vạn giáo nhất lý" được thể hiện qua thái độ bao dung tôn giáo (religious toleration [Eng]). Thái độ này là một sự chấp nhận những đức tin khác biệt với đức tin của mình. Ví dụ được đưa ra trong trường hợp này là Hồi giáo.

Trong chân truyền của mình, Hồi giáo là một tôn giáo xiển dương mạnh mẽ tinh thần vạn giáo nhất lý qua thái độ bao dung tôn giáo. Khi Hồi giáo đã trở thành một thế lực chính trị to lớn ở Trung Đông, Đức Muhammad đã từng gởi một thông điệp đến cho các vị tu sĩ Ky Tô giáo ở tu viện Thánh Catherine thuộc vùng núi Sinai với nội dung như sau:

> "Đây là một thông điệp được viết bởi Muhammad ibn Abdullah như là một hiệp ước với những người Ky Tô giáo ở khắp mọi nơi trên thế giới, rằng chúng tôi hậu thuẫn cho họ. Thật sự, tôi bảo vệ họ bởi chính tôi, bởi những thuộc hạ, những người giúp việc, và những người tín đồ của tôi, vì những người Ky Tô giáo là những công dân của tôi; và bởi Đức Allah (Thượng Đế)! Tôi từ chối với bất cứ cái gì làm phật lòng họ. Không có sự ép buộc nào đặt lên họ. Các quan xét của họ không phải rời bỏ những công việc và các tu sĩ của họ cũng không phải rời bỏ những tu viện. Không ai được phá hủy một giáo đường nào của họ, làm cho nó bị hư hại, hay mang bất kỳ cái gì từ nó sang các đền thờ Hồi giáo. Nếu có bất cứ ai [trong thế giới Hồi giáo] lấy đi bất cứ cái gì của những giáo đường [Ky Tô giáo] này, người đó đã phá vỡ Giao Ước với Thượng Đế và bất tuân vị giáo tổ của mình. Thật sự, họ (người Ky Tô giáo) là những người đồng minh của tôi và họ có được sự đảm bảo an toàn của tôi để không bị buộc phải làm tất cả những gì họ ghét. Không ai cưỡng bức họ phải ra đi hay bắt buộc họ phải chiến đấu. Những người Hồi giáo sẽ chiến đấu cho họ. Nếu một nữ tín đồ người Ky Tô giáo lấy một người Hồi giáo, điều này sẽ không xảy ra mà không có sự mong muốn của chính cô ấy. Cô ta sẽ không bị ngăn cản trong việc đến nhà thờ của cô ta để cầu nguyện. Các nhà thờ của họ sẽ được kính trọng. Họ sẽ không bị ngăn cản trong việc tu sửa nhà thờ cũng như sự sùng kính các giao ước của họ. Không ai thuộc một dân tộc

> nào [trong thế giới Hồi giáo] được vi phạm bản hiệp ước này, [và bản hiệp ước có hiệu lực] cho đến Ngày Phán Xét và tận thế."[1]

Trong kinh Qur'an, chúng ta có thể tìm thấy rất nhiều đoạn nói về tinh thần khoan dung tôn giáo nơi Hồi giáo.

Đoạn kinh văn sau đây là lời dạy của Đức Thượng Đế, nói với Đức giáo tổ Muhammad rằng chân lý của kinh Qur'an chẳng những không phủ nhận mà còn xác nhận chân lý của các kinh sách thuộc các tôn giáo ra đời trước Hồi giáo, ví dụ như Do Thái giáo hay Ky Tô giáo; Thượng Đế không bênh vực một tôn giáo nào, nên các tôn giáo thay vì tranh cãi nhau xem tôn giáo nào là chánh giáo, thì hãy thi đua nhau làm điều thiện, vì cuối cùng tất cả mọi tôn giáo cũng sẽ được đưa trở về gặp lại Thượng Đế, và Thượng Đế sẽ cho họ biết về kết quả của những điều mà họ đã phí công tranh cãi với nhau. Đoạn kinh văn này như sau:

> "Và *TA* (Allah) đã ban cho Ngươi (hỡi Muhammad!) Kinh Sách (Qur'an) bằng Sự Thật, xác nhận lại các điều (Mặc khải) trong Kinh Sách trước Nó (Qur'an) và giữ gìn Kinh Sách cũ (Muhayminan) cho được nguyên vẹn. Bởi thế, Ngươi hãy xét xử theo điều Allah đã ban xuống và chớ làm theo điều ham muốn của họ nghịch với Chân Lý mà Ngươi đã tiếp thu. TA (Allah) đã qui định cho từng (Sứ Giả) trong các ngươi một hệ thống luật pháp (Shir'ah) và một lề lối (Minhâj). Và nếu Allah muốn, Ngài thừa sức làm cho các ngươi thành một Cộng Đồng (Ummah) Duy Nhất nhưng (Ngài không làm thế) là vì Ngài muốn thử thách các ngươi với điều mà Ngài đã ban cho các ngươi. Bởi thế, hãy thi đua làm điều thiện. Tất cả các ngươi sẽ được đưa về gặp Allah trở lại rồi Ngài sẽ cho các ngươi biết kết quả về các vấn đề các ngươi từng tranh cãi nhau."[2]

Trong đoạn kinh khác của Qur'an, Đức Thượng Đế không cho phép người Hồi giáo tranh cãi với các tín đồ của tôn giáo khác (theo ngôn ngữ của Qur'an, đó là những "Người Dân của Kinh Sách", ví dụ như các tín đồ Do Thái giáo và Thiên Chúa Giáo). Khi cần thiết phải tranh luận, người Hồi giáo phải có một thái độ nhã nhặn và luôn phải tôn trọng tín ngưỡng của người đối thoại với mình:

---

[1] "This is a message written by Muhammad ibn Abdullah, as a covenant to those who adopt Christianity, far and near, we are behind them. Verily, I defend them by myself, the servants, the helpers, and my followers, because Christians are my citizens; and by Allah! I hold out against anything that displeases them. No compulsion is to be on them. Neither are their judges to be changed from their jobs, nor their monks from their monasteries. No one is to destroy a house of their religion, to damage it, or to carry anything from it to the Muslims' houses. Should anyone take any of these, he would spoil God's covenant and disobey His Prophet. Verily, they (Christians) are my allies and have my secure charter against all that they hate. No one is to force them to travel or to oblige them to fight. The Muslims are to fight for them. If a female Christian is married to a Muslim, this is not to take place without her own wish. She is not to be prevented from going to her church to pray. Their churches are to be respected. They are neither to be prevented from repairing them nor the sacredness of their covenants. No one of the nation is to disobey this covenant till the Day of Judgment and the end of the world." http://en.wikipedia.org/wiki/Islam_and_other_religions; 09-10-2010.

[2] *Qur'an*, 5:48.

> "Và chớ tranh luận với Người Dân của Kinh Sách (người Do Thái và tín đồ Thiên Chúa Giáo) trừ phi với thái độ nhã nhặn và trừ phi với những ai trong họ làm điều sai quấy và bảo họ: Chúng tôi tin nơi điều đã được ban xuống cho chúng tôi và nơi điều được ban cho quý vị; và Ilâh (Thượng Đế) của chúng tôi lẫn Ilâh (Thượng Đế) của quý vị là Một (Thượng Đế). Và chúng tôi là những người Muslim tuân thủ Ngài."[1]

Trong một đoạn kinh văn khác nữa, chúng ta tìm thấy thái độ ôn hòa đối với những người không có cùng đức tin với Hồi giáo:

> "Hỡi những người ngoại đạo, điều mà tôi tôn thờ không giống điều mà bạn tôn thờ, và bạn cũng không tôn thờ điều mà tôi tôn thờ. Bạn có tôn giáo của bạn, và tôi có tôn giáo của tôi."[2]

Những dữ liệu từ Đức Muhammad và kinh Qur'an đã minh họa cho tinh thần vạn giáo nhất lý ở mức độ đầu tiên, được thể hiện qua thái độ tôn trọng những tín ngưỡng và chấp nhận những đức tin khác biệt với đức tin của mình. Qua kinh Qur'an, ta có thể tóm tắt các nội dung nói lên tính nhất lý ở mức độ đầu tiên này: [1] sự ra đời của một tôn giáo (như Hồi giáo) không phải là một sự phủ nhận tính đúng đắn của các tôn giáo đã có từ trước đó, nhưng ngược lại, là một sự xác nhận chân lý mà các tôn giáo trước đó đã xiển dương; [2] Thượng Đế của mọi tôn giáo đều là Một; [3] mọi tôn giáo đều được lập ra để làm điều thiện; [4] mọi tôn giáo đều bình đẳng trước Thượng Đế, Ngài không ưu đãi một tôn giáo nào; [5] sẽ có lúc mà mọi tôn giáo đều được đưa trở về với Thượng Đế để nghe phán quyết của Ngài về những điều đúng/sai, chánh/tà mà tín đồ của mỗi tôn giáo đã thực hiện.

1.2. Nhận ra sự tương đồng giữa các tôn giáo khác nhau

Ở mức độ thứ hai, tinh thần "vạn giáo nhất lý" được thể hiện qua sự nhận diện những điểm tương đồng giữa tôn giáo của mình với các tôn giáo khác, hoặc giữa các tôn giáo khác nhau. Chúng ta hãy xét hai ví dụ trong trường hợp này, là Thông Thiên học và Nho giáo.

Thông Thiên Học đã đưa ra tuyên ngôn: "Không tôn giáo nào vượt qua Chân lý" ("There is no religion higher than Truth"). Mọi tôn giáo đều tương đồng ở chỗ chúng đều là những nỗ lực giúp cho nhân loại càng lúc càng tiến hóa đến những trình độ hoàn hảo hơn, và như vậy mọi tôn giáo đều là những thể hiện khác nhau của Chân lý. Hơn nữa, không chỉ riêng các tôn giáo, mà khoa học, triết lý, nghệ thuật, thương mại,… cũng là những thể hiện đa dạng của Chân lý và đều giúp con người tiến hóa. Như vậy, điểm tương đồng lớn nhất giữa chúng là Chân lý, tuy rằng có rất nhiều khác biệt về cách thức

---

[1] *Qur'an*, 29:46

[2] Đoạn này được dẫn theo Mohammad Abu-Hamdiyyah, *the Qur'an – An Introduction*, tr.53: "O unbelievers, I serve not what you serve and you are not serving what I serve; nor am I serving what you have served, neither are you serving what I serve. You have your religion and I have mine." (Qur'an; Surah 109). Riêng đoạn này, có nhiều dị bản khác nhau giữa những bản kinh Qur'an khác nhau. Có thể so sánh đoạn trích của Mohammad Abu-Hamdiyyah và một bản kinh Qur'an tiếng Việt (chúng tôi dùng bản Việt dịch của Hassan Abdul Karim) để thấy điều này.

thể hiện. Thế thì mọi tôn giáo đều bình đẳng trước Chân lý. Tôn giáo chỉ là phương tiện; Chân lý mới là cứu cánh.

Tuyên ngôn này của Thông Thiên Học là một dạng thức của mệnh đề "vạn giáo nhất lý". Chú ý rằng tuyên ngôn này không chỉ dành riêng cho tôn giáo, mà cũng áp dụng được cho khoa học, triết lý, nghệ thuật, thương mại,… Tinh thần phóng khoáng này của Thông Thiên học rất giống với tinh thần phóng khoáng của Khổng giáo.

Khổng giáo, từ thời Đức Khổng Tử, đã nhìn nhận tính nhất lý trong mọi đường hướng hoạt động của nhân loại. Dù trình độ của thiên hạ có chênh lệch nhau, dù đường đi của thiên hạ có khác biệt nhau, nhưng tất cả đều tương đồng vì luôn cùng hướng về một đạo lý chung. Tư tưởng này được nêu lên trong "Hệ Từ" qua lời của Đức Khổng Tử: "Thiên hạ cùng quy tụ [về một cứu cánh chung] dù đi bằng những con đường khác nhau, đạt đến một nhận thức chung dù tiếp cận từ trăm lối" (天下同歸而殊塗一致而百虑。Thiên hạ đồng quy nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự.)[1].

Từ tinh thần trên, khi đề cập cụ thể đến các tôn giáo, sách "Trung Dung" của Nho giáo đã viết như sau:

"Thiên Mạng chi vị Tánh	天命之謂性
Suất Tánh chi vị Đạo	率性之謂道
Tu Đạo chi vị giáo.	修道性之教"[2]

Chữ "Thiên Mạng" (天命) có thể được hiểu là sự sống ("mạng" 命) thiêng liêng ("thiên" 天) mà Tạo Hóa đã phú bẩm cho con người; đó là sự sống của cả tinh thần lẫn thể xác. Câu "Thiên Mạng chi vị Tánh" nói rằng: sự sống ấy chính là Tánh (性) của con người.

Chữ "Suất Tánh" (率性) có nghĩa là tuân theo ("suất" 率), là luôn sống với Tánh bản nhiên thiên phú ấy, phát huy cho cùng tột mọi tinh túy của Tánh ấy. Câu "Suất Tánh chi vị Đạo" nói rằng: nhờ suất Tánh mà con người làm chủ được bản thân mình, đạt được Đạo trong chính mình, và cũng là đạt được Đạo trong Trời Đất.

Còn "Tu Đạo chi vị giáo" là gì? Đó là:

"Mở mang, truyền bá Đạo Trời, tỉnh ngộ nhơn thế quần sanh, gắn bó giữa nhau một sự sống, một tình thương, một niềm tin trên lẽ thật, dưới hình thức một giáo hội, nung đúc lòng người bằng nhiều phương tiện dạy dỗ, hướng dẫn đi đến chỗ nguyên sơ; [nhờ đó] ai nấy cũng nhận được bản thể tự có, vũ trụ vạn vật sẵn ở trong mình. Khi mà người giác ngộ được bản căn tự hữu, là người ấy đã mở được cánh cửa thông đồng tiếp nối liên quan giữa vũ trụ đất trời, không còn ngăn cách."[3]

---

[1] *Hệ Từ* (Hạ), 5:1.
[2] *Trung Dung*, chương 1.
[3] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 3, tiết 3, mục 2.

Như vậy, Nho giáo chẳng những nhìn nhận "vạn giáo nhất lý", mà còn chỉ ra rằng sự xuất hiện nhiều tôn giáo trên thế gian là do có nhiều bậc giác ngộ, nhiều đấng chứng Đạo, muốn đứng ra hoằng khai Đạo Trời để thức tỉnh nhân loại.

1.3. Chủ trương mọi tôn giáo đều là một

Ở mức độ thứ ba, tinh thần "vạn giáo nhất lý" được thể hiện một cách tường minh và mạnh mẽ qua những chủ trương theo đó mọi tôn giáo đều là một. Tinh thần này là sự kế thừa phát triển những gì chúng ta đã thấy ở mức độ thứ nhất và thứ hai. Ví dụ được đưa ra trong trường hợp này là Phật giáo, Lão giáo, Vedanta và Bahá'í.

Theo quan niệm truyền thống của người Ấn Độ, mọi tôn giáo đều là "Pháp" (धर्म dhrma [Skr], 法 [Chn]). Kế thừa và phát triển quan niệm này, Phật giáo cho rằng, dù có bao nhiêu pháp đi nữa, chánh quả chỉ nằm ở chỗ thực tu thực chứng. Tư tưởng này rất giống với mức độ thứ nhất (thái độ bao dung tôn giáo) và mức độ thứ hai (nhìn nhận sự tương đồng giữa các tôn giáo). Tuy nhiên, tư tưởng này đã phát triển lên đến mức độ thứ ba, trễ nhất là vào triều đại của hoàng đế Asoka. Dưới sự bảo trợ của vị hoàng đế này, Phật giáo Ấn Độ đã đạt đến một đỉnh cao của sự hưng thịnh: từ một tôn giáo bản địa của người Ấn Độ, Phật giáo phát triển một cách đột biến để trở thành một tôn giáo quốc tế. Những nhà truyền giáo đã được phái đến Ai Cập, Hy Lạp, Syria, Persia, Trung Hoa và rất nhiều nước khác. Trên các bia đá ghi khắc các sắc lệnh của hoàng đế Asoka, các nhà truyền giáo của Phật giáo đã nhận được chỉ thị phải giúp đỡ mọi tôn giáo mà họ gặp:

> "Nền tảng của tất cả các tôn giáo là một, dầu bất cứ là tôn giáo nào. Phải ráng giúp đỡ và giảng dạy họ tất cả những gì mà các anh có thể giúp và giảng dạy, nhưng đừng bao giờ làm thương tổn họ."[1]

Phát biểu "nền tảng của tất cả các tôn giáo là một" chính là một hình thức khác của phát biểu "vạn giáo nhất lý".

Muốn tìm thấy cái Một trong các tôn giáo, quả thật, chúng ta phải tìm về nền tảng của mỗi tôn giáo. Và khi tìm đến chỗ tận cùng của nền tảng này, chúng ta sẽ gặp cái được gọi là "Đạo".

Khái niệm "Đạo" này là phát minh của Lão giáo ở Trung Hoa cổ đại. Ngay từ những câu đầu tiên của "Đạo Đức Kinh", Lão giáo đã nhìn nhận rằng toàn thể vạn vật trong vũ trụ đều xuất phát từ một cái Đạo bất biến ("Thường Đạo" 常道):

"Đạo khả đạo phi Thường Đạo	道可道非常道
Danh khả danh phi Thường Danh	名可名非常名
Vô danh Thiên Địa chi thỉ	無名天地之始
Hữu danh vạn vật chi mẫu.	有名萬物之母"[2]

[1] J. Yale, *Tôn Giáo Là Gì – Viết Theo Lời Của Vivekananda*, tr.84.
[2] Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, chương 1.

(Cái Đạo có thể nói ra được không phải là cái Đạo bất biến,
Cái Tên có thể nêu lên được không phải là cái Tên bất biến,
Trong chỗ Không, [cái Đạo bất biến] được gọi là gốc Trời Đất,
Trong chỗ Có, [cái Đạo bất biến] được gọi là mẹ vạn vật.)

Do đó, đối với Lão giáo, mọi tôn giáo và mọi đường lối của nhân loại đều từ cái Đạo bất biến ấy mà ra. Chẳng những thế, Đức Lão Tử còn nói rằng:

"Phản giả Đạo chi động 反者道之動"[1]

("Trở về là cách vận động của Đạo")

Cu nĩi ny hm ngụ rằng: do sự vận động của Đạo m vạn vật phải trở về.[2] Như vậy, chẳng những cc tơn gio đ từng cĩ cng một nguồn gốc duy nhất l Đạo, cĩ cng một nguyn lý l Đạo, m chắc chắn trong tương lai, cc tơn gio sẽ quay trở về ti hợp với nhau thnh một thực thể Đạo cứu thế duy nhất.

Khi nhìn vo nền tảng của cc tơn gio, chng ta sẽ thấy rằng tất cả chỉ l Một. Trong số những nền gio lý trn thế giới đ từng đề cao ci Một của cc tơn gio, gio lý Vedanta rất đng lưu ý vì những ảnh hưởng của nĩ trong thế giới hiện đại.

Vedanta (वेदान्त Vednta [Skr]) là một chi phái của Ấn Độ giáo, chủ trương xiển dương giáo lý của Áo Nghĩa Thư (उपनिषद् Upaniṣhads [Skr]) như giáo lý phổ quát của một tôn giáo cho toàn nhân loại. Vì vậy, tinh thần "vạn giáo nhất lý" ở Vedanta được biểu hiện rất mạnh mẽ. Đại sư Vivekananda[3], một đại diện của Vedanta ở cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, đã phát biểu một cách rất sắc bén về tinh thần này như sau:

> "Do sự nghiên cứu các tôn giáo khác nhau, chúng ta nhận thấy rằng trong tinh chất, tất cả tôn giáo đều là một.
>
> Bằng chứng của một tôn giáo tùy thuộc nơi bằng chứng của tất cả các tôn giáo khác. Thí dụ như nếu tôi có sáu ngón tay và không ai khác có sáu ngón như thế thì bạn có thể nói đó là bất thường. Một suy đoán giống như thế có thể áp dụng với lý luận cho rằng chỉ có một tôn giáo là chân và mọi tôn giáo khác là giả. Chỉ một tôn giáo thôi, cũng như chỉ có một bàn tay có sáu ngón thôi trên thế gian, đó là bất thường. Vì thế chúng ta nhận thấy rằng nếu một tôn giáo là chân thì tất cả tôn giáo khác đều phải là chân hết. Có những khác biệt trong những điều phụ thuộc, nhưng trong những điều cốt yếu, tất cả đều là một. Nếu năm ngón tay tôi là chân thật, thì chúng chứng tỏ rằng năm ngón tay của bạn cũng là chân thật vậy."[4]

---

[1] Ibid., chương 40.
[2] Minh Lý Thnh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 2, tiết 4, mục 2.
[3] Swami Vivekananda (स्वामी विवेकानन्द [1863-1902]): người Bengal, Ấn Độ; ông là một trong những lãnh tụ tinh thần nổi tiếng nhất và có ảnh hưởng nhất của phái Vedanta.
[4] J. Yale, *Tôn Giáo Là Gì*, tr.40.

Ví dụ chót mà chúng tôi nêu lên ở đây là Bahá'í. Giáo lý Bahá'í là giáo lý về sự đại đồng, mà đặc biệt là sự đại đồng về tôn giáo. Đạo Bahá'í nói về Đức Thượng Đế và các bậc giáo tổ của các tôn giáo trên thế giới như sau:

> "Ngài [Thượng Đế] là Đấng Hoàn Hảo, Ngài đã ban cho chúng ta trí óc tự do để chúng ta tự tìm kiếm, học hỏi và vươn lên qua sự hướng dẫn rất hiền dịu của các Sứ giả của Ngài. Ngài đã cử Đức Lão Tổ đến để dạy chúng ta về sự trang nghiêm, Đức Krishna đến để dạy chúng ta về sự hy sinh, Đức Zoroastre đến để dạy chúng ta về sự trong sạch, Đức Phật đến để dạy chúng ta về sự dứt bỏ, Đức Moise đến để dạy chúng ta về sự chính trực, Đức Chúa đến để dạy chúng ta về sự yêu thương, Đức Muhammad đến để dạy chúng ta về sự phục tùng. Và ngày nay, chúng ta đã tiến tới trình độ đủ trưởng thành để sống hòa thuận trong đại gia đình thế giới, và Ngài đã cử Đức Baha'u'llah đến để dạy chúng ta về sự thống nhất. Như vậy, mỗi tôn giáo có thể nhấn mạnh về một điều, nhưng chung quy tất cả chỉ quy về có một lý, đó là tiến về phía Đấng Chí Tôn, Đấng Allah, Đấng Jehovah hay chính là Đấng Thượng Đế vậy."[1]

Không riêng các tôn giáo vừa nêu, mà hầu hết nếu không nói là tất cả tôn giáo trên thế giới đều có thể hiện tinh thần "vạn giáo nhất lý" trong giáo lý của mình. Có tôn giáo tập trung vào mức độ thứ nhất (thái độ bao dung tôn giáo), có tôn giáo thể hiện ở mức độ thứ hai (nhìn nhận sự tương đồng giữa các tôn giáo), và không ít tôn giáo đề cao tinh thần này ở mức độ thứ ba (chỉ ra rằng mọi tôn giáo đều là một). Với ba mức độ đó, tinh thần "vạn giáo nhất lý" là một tinh thần phổ biến trong mọi tôn giáo, dù có thể nó được tỏa sáng ở giai đoạn này và bị lu mờ ở giai đoạn khác trong mỗi chu kỳ phát triển của từng tôn giáo.

2. BA ĐIỂM CĂN BẢN TẠO NÊN TÍNH NHẤT LÝ TRONG VẠN GIÁO

Phải chăng tinh thần "vạn giáo nhất lý" chỉ là một thủ thuật ngoại giao của một số nhân vật có thiện chí trong tôn giáo nào đó nhằm duy trì quan hệ tốt đẹp đối với các tôn giáo khác? Giáo lý Đại Đạo đáp: Hoàn toàn không phải như vậy; sở dĩ vạn giáo có cùng một nguyên lý chung là vì vạn giáo được phát sinh từ một nguồn gốc chung. Tính nhất lý giữa vạn giáo là một đặc tính hoàn toàn khách quan, không phụ thuộc vào trình độ nhận thức của chúng ta hay sự lựa chọn chủ quan của chúng ta. Đặc tính này tồn tại ngay trong sự tồn tại của bản thân từng tôn giáo, và nó được tạo nên bởi ba điểm căn bản sau đây:

- Mỗi tôn giáo đều là một sự hữu thể hóa của Đại Đạo trong trời đất,
- Mỗi tôn giáo đều là một sự hiện thực hóa Đại Đạo trong con người,
- Mỗi tôn giáo đều là một sự phục hưng Đại Đạo trong nhân sinh.

Ta hãy đi vào từng điểm căn bản này.

---

[1] *Baha'i Là Gì?*

2.1. Sự hữu thể hóa của Đại Đạo trong trời đất

Từ thuở sơ khai của trời đất đã có Đại Đạo, và Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-trời-đất là Thượng Đế, là Tâm của trời đất, mà cũng là khởi điểm và đích điểm của vạn loại. Đại Đạo ấy hiện hữu trong trời đất như một nguyên lý vô hình của vũ trụ, nhưng nguyên lý ấy vận hành vạn loại một cách rất cụ thể trong mọi hoạt động hữu vi của vạn loại. Nhận thức được sự hiện hữu của nguyên lý ấy, các tôn giáo đã giảng giải cho nhân loại hiểu về nguyên lý ấy trên những phương diện khác nhau và ở những mức độ khác nhau, cũng như giúp cho nhân loại vận dụng nguyên lý ấy vào cuộc sống thực tiễn của mình.

Khi lập ra một tôn giáo, các bậc giáo tổ đều lấy nguyên lý ấy (Đại Đạo trong Trời Đất) làm nền tảng để giáo hóa tín đồ. Có tôn giáo dẫn con người đến với Đức Chúa Trời trên Thiên Đàng, có tôn giáo lại dẫn con người tìm lại Như Lai trong Niết Bàn Diệu Tâm. Tuy đường lối có vẻ khác biệt nhau, nhưng cứu cánh của các tôn giáo là một, vì Đức Chúa Trời và Như Lai là Một, là Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất. Hơn nữa, mọi tôn giáo đều áp dụng cùng một cách thức giống như nhau: làm cho bản thân mình trở thành một mô hình càng lý tưởng càng tốt của Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất; mỗi tôn giáo đều cố gắng phát huy mô hình này nơi bản thân mình như là một xã hội mẫu, để các xã hội khác trong nhân loại theo đó mà trở về với Đại Đạo.

Theo chân truyền từ các bậc Giáo tổ, các tôn giáo đặt cứu cánh của mình không phải vào việc truyền bá những giáo thuyết mang tính chất sách vở nhưng vào việc giúp cho con người đạt được những giá trị chân-thiện-mỹ của Đại Đạo, nghĩa là làm cho con người thật sự chứng nghiệm về Đại Đạo. Một khi con người đã hiểu được đạo lý và sống đúng đạo lý, tức là con người đã làm cho cái Đạo vô hình biến thành những hành động cụ thể, tạo ra những kết quả cụ thể trong việc hoàn hảo hóa đời sống tâm linh và nhân sinh, mang đến những lợi ích thiết thực cho bản thân mình và mọi người trong xã hội.

Muốn dẫn dắt tha nhân đi đến chỗ đó, trước hết, mỗi tôn giáo phải có được những bậc hướng đạo gương mẫu trong việc hiểu đạo và sống đạo để làm gương cho tha nhân. Nếu những bậc hướng đạo này, bằng chính đời sống của mình, chứng minh cho tha nhân thấy rằng cái Đại Đạo vô hình của Trời Đất có thể biến thành những kết quả tốt đẹp cho cá nhân và xã hội như thế nào, thì tôn giáo đó mới có khả năng thuyết phục nhân loại về tác dụng giáo hóa và cứu độ của mình.

Bằng cách đó, các tôn giáo khác nhau đều làm cùng một công việc: giáo hóa bằng cách làm gương cho nhân loại trong việc biến cái Đạo vô hình của Trời Đất thành những giá trị chân thiện mỹ của con người, của xã hội, của thế giới. Vì vậy, bản thân mỗi tôn giáo đều là một sự hữu thể hóa của Đại Đạo trong trời đất.

Ta hãy xét trường hợp của Thích giáo (Phật giáo). Thích giáo là Đại Đạo, hay nói chính xác hơn, Thích giáo phát sinh từ Đại Đạo. Con đường tìm Đạo và đạt Đạo của Đức Phật Thích Ca chính là một quá trình hữu thể hóa Đại Đạo của Trời Đất nơi chính bản thân của Người. Qua cơ bút Cao Đài, Người đã thuật lại:

"Nhớ khi xưa Ta tầm Đại Đạo,
Thoát luân hồi, chánh giáo hoằng khai;
Cũng do một quả tâm nầy,
Sóng yên gió lặng mới xây Liên Tòa.

Đường hành đạo, kể ra có một,
Cửa Lôi Âm, then chốt không hai (…)"[1]

Cái tâm "sóng yên gió lặng" tạo nên "Liên Tòa" mà Đức Phật Thích Ca đã chứng đắc được chính là cái Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo ở nơi con người. Do đó, khi Ngài lập đạo, thì Thích giáo cũng là con đường dẫn nhân loại trở về với nội tâm của mình. Vậy thì tôn giáo này là một sự hữu thể hóa của Đại Đạo trong Trời Đất trên phương diện tiến hóa tâm linh của nhân loại.

Cũng thế, các tôn giáo khác – Lão giáo, Khổng giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo,… – đều là những đường lối hữu thể hóa Đại Đạo trong Trời Đất. Những đường lối này tuy có khác nhau ít nhiều, nhưng cùng thực hiện một công việc chung là làm cho nguyên lý Đạo vô hình biến thành những thực thể cứu thế trong đời sống xã hội, đem đến những bước phát triển thật sự cho văn minh nhân loại về cả tinh thần lẫn vật chất. Không ai phủ nhận được vai trò của Khổng giáo và Lão giáo trong việc phát triển văn minh Đông Á, vai trò của Hồi giáo trong việc phát triển văn minh Ả Rập, hay vai trò của Ky Tô giáo trong việc phát triển văn minh châu Âu. Mọi tôn giáo đều là sự hữu thể hóa của Đại Đạo trong Trời Đất đối với xã hội nhân sinh, đóng góp vào sự tiến hóa chung nhân loại bằng những bước tiến hóa khác nhau.

Đã cùng là sự hữu thể hóa của Đại Đạo trong Trời Đất, thì các tôn giáo tất nhiên phải là một xét về nội dung Đại Đạo. Đây là lý do thứ nhất, giải thích vì sao các tôn giáo trên thế giới tồn tại bởi cùng một nguyên lý.

2.2. Sự hiện thực hóa Đại Đạo trong con người

Chúng ta bước qua lý do thứ hai. Xét trên một phương diện khác, mỗi tôn giáo đều là một sự hiện thực hóa Đại Đạo trong con người. Như đã được trình bày trong các chương trước, nhân loại thời nguyên thủy vốn đã có Đại Đạo trong giác tánh hồn nhiên, nên có thể sống với Đại Đạo một cách giản dị và trực tiếp trong đời sống của mình; nhưng càng về sau này, nhân loại càng rời xa giác tánh ấy, làm nô lệ cho những thị dục của vọng tâm, nên Đại Đạo đã trở thành một cái gì đó thật xa lạ đối với đời sống nhân loại. Bởi vậy, sứ mạng của các tôn giáo là giúp con người tìm lại Đại Đạo mà con người đã có tự nguyên thủy. Theo nghĩa đó, tôn giáo là một sự khôi phục lại cái Đại Đạo đã bị quên lãng trong nhân loại; hay nói một cách khác hơn nữa, tôn giáo là phương tiện để biến Đại Đạo còn đang "nằm ngủ" trong lòng con người trở thành hiện thực.

Để nhìn thấy được điều này, chúng ta hãy quan sát những luật lệ, giới quy (gọi chung là giới luật) của tôn giáo. Phần lớn giới luật của các tôn giáo tôn giáo đều chứa đựng

[1] Đức Thích Ca Như Lai; Bát Bửu Phật Đài, Ngọ thời, 15-07 Tân Sửu (25-08-1961).

hoặc là những cấm đoán đối với những hành vi trái đạo lý, hoặc là những bắt buộc đối với những hành vi đúng đạo lý. Khi giới luật ấy được áp dụng cho con người, nó sẽ có tác dụng ngăn cản con người thực hiện những suy nghĩ, lời nói hoặc việc làm trái với đạo lý, tức là trái với giác tánh hồn nhiên thuở ban sơ của con người. Tương tự như vậy, nó cũng có tác dụng thúc đẩy con người thực hiện những điều đúng đạo lý, tức là đúng với tánh bản thiện của mình. Như vậy, giới luật là một phương pháp huấn luyện con người theo khuôn khổ của giác tánh hồn nhiên, của bản tánh chí thiện, tức là khuôn khổ của Đại Đạo tự hữu trong con người. Đức Bát Nhã Thiền Sư giải thích rộng thêm về điều này như sau:

"Dầu tôn giáo nào cũng đều giáo dân vi thiện, đều áp dụng giới luật quy điều, trì tâm tu kỷ. Tuy trên hình thức có vẻ đặc biệt, nhưng suy kỹ thì đó là nếp sống của con người hiền thánh, tiên phật.

Bởi vì thế gian là cõi tạm; mọi cái hữu hình được hiện bày trên thế gian do vạn vật hóa sanh theo đức háo sanh của Tạo Hóa. Tất cả những hình tướng vạn hữu đều do cơ vi luân động của Đạo mầu mà luân chuyển trường tồn, sanh sanh hóa hóa. Những hình thái biến hiện muôn màu, những hương thơm tho, những ánh sáng chan hòa đẹp đẽ làm cho tâm hồn nhơn loại ưa thích mến chuộng, theo đuổi và say sưa đến nỗi quên mất tánh lành[1] vốn cũ[2], chất phác hồn nhiên, gây nhiều tội nghiệp trái oan, để tiến mãi trong vòng thiên luân vô định[3].

Khi con người xa lánh tánh lành, thì Thiên Tâm đã bị phủ bởi lớp vô minh. Từ thuở buông rủ đến vô cùng, sanh tử luân hồi, nào danh lợi, quyền tước, tiền bạc, nào tửu sắc, tài khí, những thứ ấy không vốn tự nó có, mà do người tìm kiếm, tạo nó ra. Khi đã có nó ngự trị trong con người, thì quân thần, phụ tử, phu thê, huynh đệ, bằng hữu, tất cả và tất cả đều không còn một điện từ lực nối liền trong cái thuần phác của người, mà lại đứt quãng đi, xáo trộn đi, và con người đã xa hẳn nếp sống hồn nhiên, chất phác, thiên lương của con người.

(…) Trong khi nhơn loại bị mê mờ đắm đuối, thì còn lại những bậc Đại Giác Ngộ, xét biết sự đọa lạc luân hồi của con người, mới tìm phương pháp để cứu vãn bằng cách thiết lập tôn giáo, đặt quyền pháp quy giới, để làm những hình thức hoặc chủ thuyết hầu nhắc nhở, kêu gọi con người trở lại với bản thể nguyên nhân. Nếu là người giác ngộ, sẽ lãnh hội đạo lý một cách tận tường và không còn một ngại nghi thắc mắc đối với chính mình, mà còn đem mình để gánh vác việc thức tỉnh tha nhân cho đời yên nước trị nữa.

(…) Nhứt bất sát sanh, nhì bất du đạo, tam bất tà dâm, tứ bất vọng ngữ, ngũ bất tửu nhục; các thứ đó đâu có huyền bí xa xăm chi, đâu phải tìm trong thiên kinh vạn quyển mà có, đâu cần lên non cao rừng thẳm, đâu bắt buộc thế pháp quy y, nhập môn cắt ái; mà

---

[1] "Tánh lành": tánh bản thiện.

[2] "Vốn cũ": cái vốn liếng mà mỗi cá nhân đã có từ thuở sơ khai, lúc mới rời khỏi khối Đại Linh Quang của Thượng Đế; vốn liếng ấy chính là chân như bản thể mà Thượng Đế đã phú bẩm cho mỗi cá nhân.

[3] "tiến mãi trong vòng thiên luân vô định": luân hồi, nghĩa là cứ phải tiến bước mãi trong một vòng tròn khép kín, không biết ngày nào sẽ thóat ra được.

chính những thứ đó ở trong con người. Hễ sát sanh thì mang nghiệp quả; trộm cướp thì bị tù tội; rượu thịt chè chén say sưa [thì] mất giá trị nhơn phẩm của con người; đắm mê sắc dục, dâm loạn, sẽ bị người đời khinh miệt, luật pháp không dung; nói lời xảo ngôn quỷ quyệt, thủ đoạn mưu mô, sẽ bị hậu quả lên án."[1]

Như là một phần trong sứ mạng vi nhân (sứ mạng làm người, tức là sứ mạng mà mỗi cá nhân phải thực hiện khi được sinh ra làm người trên đời này), mỗi cá nhân trong toàn thể nhân loại đều có bổn phận phải phục hồi lại bản thể Đạo mà mình đã đánh mất. Đức Bát Nhã Thiền Sư dạy tiếp:

"Chư đạo hữu! Chư hiền đệ hiền muội! Mỗi người đến thế gian là có sứ mạng (…). Sứ mạng phải phục hồi bản thể, sứ mạng phải giác ngộ độ an, mà gọi là hành đạo. Hành đạo tức là sứ mạng vi nhân của chư đạo hữu, chư hiền đệ hiền muội vậy."[2]

Trong nhân loại có rất nhiều trình độ tiến hóa, nên giữa cá nhân này với cá nhân khác, sự cách biệt nhau về căn trí là rất lớn. Do đó, Đại Đạo trong con người tuy chỉ là một nguyên lý duy nhất, nhưng có rất nhiều mức độ thể hiện khác biệt nhau. Các tôn giáo từ xưa đến nay đều dựa vào những mức độ khác biệt này mà phân chia các pháp môn, phương thức của mình ra thành nhiều cấp bậc, từ dễ đến khó, để tùy theo căn trí của con người mà độ dẫn. Bản thân tôn giáo này, so với tôn giáo khác, cũng là những cấp bậc khó hay dễ khác nhau dành cho nhân loại, tương ứng với sứ mạng cứu thế mà mỗi tôn giáo nhận lãnh từ Thượng Đế. Bởi vậy, con người không nên để mình bị vướng mắc, câu chấp ở hình tướng tôn giáo, mà phải tìm đến cái Đạo thật sự mà tôn giáo muốn khôi phục ở con người:

"Thượng Đế thương đời, đã đem các giáo lý từ khó đến dễ để kêu gọi thức tỉnh người đời, chớ Thượng Đế không bảo người đời quá chú trọng về mặt hình thức dập đầu cầu Phật. Nếu trong lúc ấy tâm thức chưa được mở mang thì tâm linh vẫn còn lúng túng trong bức màn vô minh, thì dầu có giữ đạo ngàn đời muôn kiếp cũng vẫn mãi còn lên xuống lặn hụp trong bánh xe luân."[3]

Khi con người bước vào tôn giáo, con người phải mượn những giới luật quy điều của tôn giáo mà trì tâm tu kỷ, để tự độ và rồi độ tha. Những nỗ lực của con người theo chiều hướng như vậy chính là sự hiện thực hóa Đại Đạo trong con người, vì những nỗ lực ấy làm sống lại Đại Đạo trong nội tâm con người, khiến cho Đại Đạo tỏa sáng trong đời sống con người, và nhờ vậy mà con người có thể thực hiện và hoàn thành được sứ mạng vi nhân. Đây thật sự là những nỗ lực giúp cho con người đồng nhất bản thân mình với Đại Đạo.

Không một tôn giáo nào không dẫn dắt con người theo một đường lối đẹp đẽ và cao cả như vậy. Và muốn việc dẫn dắt này được thành công, mỗi tôn giáo tất phải có những bậc hướng đạo đã thật sự đạt được những kết quả tốt đẹp trên con đường đẹp đẽ và cao

[1] Đức Bát Nhã Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 03-03 Giáp Dần (26-03-1974).
[2] Ibid.
[3] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-10 Kỷ Dậu (24-11-1969).

cả này. Những bậc hướng đạo này phải hiện thực hóa được Đại Đạo trong bản thân của mình, mới có thể trở thành những mẫu mực cho tha nhân đi theo trên con đường giáo hóa của tôn giáo đó.

Thế nên, mỗi tôn giáo đều là một sự hiện thực hóa Đại Đạo trong con người. Điều này nói với chúng ta rằng tất cả mọi tôn giáo trên thế giới đều nhất quán với nhau trong sứ mạng của mình: làm cho Đại Đạo xuất hiện trở lại như một hiện thực trong đời sống của mỗi cá nhân. Sự hiện thực hóa Đại Đạo như vậy cũng là một điểm then chốt trong sứ mạng cứu rỗi nhân loại mà mỗi tôn giáo đã nhận lãnh trước Thượng Đế.

Sự nhất quán trong sứ mạng của vạn giáo, như vừa được trình bày trên đây, chính là lý do thứ hai giải thích tính nhất lý giữa vạn giáo.

2.3. Sự phục hưng Đại Đạo trong nhân sinh

Bây giờ chúng ta xét đến lý do thứ ba: mỗi tôn giáo, với chân truyền của mình, đều là một sự phục hưng Đại Đạo trong nhân sinh.

Trong sự tiến hóa của vạn vật, Đại Đạo là một vốn liếng thiêng liêng mà Thượng Đế phú bẩm cho nhân loại kể từ khi nhân loại mới xuất hiện trên địa cầu, định hình nên cái chất "người" của nhân loại, tách biệt nhân loại ra khỏi thú vật giữa thiên nhiên. Chất "người" ấy là nhân loại tính, hay là nhân bản.

Nhưng vốn liếng ấy có một tính chất đặc biệt: nó phải được con người phát huy liên tục, làm cho tăng trưởng không ngừng theo thời gian, nếu không, nó sẽ dần dần bị phai lạt trong đời sống của con người. Và lịch sử văn minh nhân loại trong vòng 10.000 năm trở lại đây đã cho thấy rằng, vốn liếng ấy thường bị suy vi theo thời gian, do sự suy thoái trong đời sống tâm linh của con người. Do đó, các tôn giáo đã được khai mở ở những thời kỳ phổ độ khác nhau để khơi lại những nguồn mạch đạo lý trong cuộc đời, tức là mang Đại Đạo trở lại với cuộc đời.

Đức Đông Phương Chưởng Quản đã dạy:

"Đã là người sanh trong cõi thế,
Đạo với đời liên hệ một thân;
Đạo là thể xác tinh thần,
Đời là ngoại vật muôn phần tương quan.[1]

Giữ Tánh Đạo[2] *tạo đoan từ thử,*
Gìn Bổn Lai[3]*, Xích Tử*[1] *hồn nhiên;*

---

[1] Khổ thơ này nói rằng trong cuộc sống của con người nơi thế gian, "đạo" và "đời" là hai khái niệm luôn gắn bó với nhau một cách mật thiết, không thể tách rời nhau. "Đạo" là cái làm nên tiểu vũ trụ của con người (bao gồm thể xác và tinh thần của mỗi người), còn "đời" là sự hiện hữu của thế giới chung quanh con người (đặc biệt là môi trường xã hội loài người).

[2] "Tánh Đạo": bản thể Đạo trong con người, còn được gọi là Bản Tánh, hay Bản Linh Chơn Tánh, của con người. Đó chính là bản thể của con người.

[3] "Bổn Lai" (viết tắt của chữ "Bổn Lai Diện Mục"): một khái niệm của Phật giáo, được dùng để chỉ bản thể của con người.

Sống hòa nhịp điệu thiên nhiên,
Có chi giữ giới, luật thiền nhọc công[2].

Trong xã hội cộng đồng nhứt thể,
Lẽ thạnh suy, sự thế tình chung;
Tình chung non nước gánh gồng,
Hạ dân, thượng cấp, một lòng yêu thương.

Đó là cảnh thiên đường tại thế,
Hơn thành đồng sách kế muôn binh;
Thiên cơ biến dịch vô hình,
Sống trong lý đạo, cơ minh tùy thời."[3]

Mối tương quan mật thiết giữa Đại Đạo và đời sống, giữa tâm linh và nhân sinh, là mối tương quan vốn có trong nhân loại kể từ khi nhân loại xuất hiện trên địa cầu, hay tương tự, là mối tương quan vốn có trong một kiếp người của một cá nhân kể từ khi cá nhân ấy cất tiếng khóc chào đời. Mối tương quan đó nằm trong "Bổn Lai, Xích Tử hồn nhiên" của mỗi con người. Nhưng do hầu hết nhân loại không còn tự giữ gìn được vốn liếng ban sơ của mình, nên các tôn giáo phải đưa ra những pháp môn thích hợp để phục hưng lại cho nhân loại.

Những pháp môn này nhìn chung là khác biệt nhau. Thế thì đâu là chỗ nhất lý của pháp môn? Trong chương 2, khi trình bày về mối tương quan giữa Tam Giáo Đạo và Ngũ Chi Đại Đạo, nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt giữa các pháp môn này đã được giải thích: chúng phụ thuộc vào những trình độ tiến hóa khác nhau trong nhân loại, vì chúng vốn là những thành phần của những chương trình giáo hóa khác nhau; điều này cũng tương tự như trong một trường học, các giáo trình phải phụ thuộc vào trình độ của từng cấp lớp, và bài giảng phải phụ thuộc vào khả năng tiếp thu của học sinh. Sự khác biệt về pháp môn như vậy chẳng những không nói lên rằng các tôn giáo là khác nhau, mà ngược lại, càng cho chúng ta thấy rằng các tôn giáo là giống nhau vì có cùng một quyết tâm cứu độ nhân loại. Thật vậy, dù gặp con người ở trình độ nào, có căn trí ra sao, mỗi tôn giáo đều quyết tâm cứu độ bằng cách đưa ra những giải pháp thích hợp nhất mà mình có thể có. Những quyết tâm giống nhau này cũng hướng đến một cứu cánh giống nhau: đem lại đạo đức cho cá nhân con người, khôi phục lại đạo đức cho xã hội nhân sinh. Bởi đó, tất cả mọi tôn giáo đều là những nỗ lực phục hưng lại Đại Đạo trong đời sống xã hội của toàn nhân loại dù bằng những pháp môn khác biệt nhau. Và đây là tính nhất lý của các pháp môn.

---

[1] "Xích Tử" (viết tắt của chữ "Xích Tử chi Tâm"): một khái niệm của Lão giáo, được dùng để chỉ bản thể của con người.

[2] Khổ thơ này nói rằng nếu con người biết giữ gìn bản thể Đạo (tức là Bản Tánh, Bổn Lai, Xích Tử) của mình, luôn chủ động hòa hiệp với thiên nhiên, đừng để bị ngoại giới chi phối, thì con người sẽ không cần đến những giới luật, những giáo điều của tôn giáo mà vẫn có được một cuộc sống tốt đẹp về tâm linh và nhân sinh.

[3] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hợi thời, 15-06 Canh Thân (26-07-1980).

Tại sao gọi quyết tâm cứu độ là chỗ nhất lý của các pháp môn? Chính quyết tâm cứu độ của mỗi tôn giáo là nguyên lý cho sự thành đạt trong ý chí phụng Thiên sự dân. Mỗi tôn giáo, nếu có con người giác ngộ mang quyết tâm cứu độ mà đem đạo vào đời – khi đó, dù có sử dụng pháp môn gì, và dù pháp môn ấy gặt hái được ít hay nhiều kết quả – thì tôn giáo ấy vẫn đóng góp một cách hết sức có ý nghĩa vào việc phục hưng Đại Đạo trong nhân sinh. Ngay cả khi chưa thật sự hoàn thành được sứ mạng cứu thế độ đời, một tôn giáo như vậy vẫn được nhân thế tôn sùng. Đức Lý Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã dạy:

"Này chư hiền đệ hiền muội! Đạo pháp trường lưu mà đời người thì hữu kiếp. Đạo lý mênh mông mà trí người hữu hạn. Đạo sự ngổn ngang mà sức người hữu giới. Hữu kiếp, hữu hạn, hữu giới đã nêu lên hình ảnh bé bỏng của con người trước không gian vô tận, vũ trụ vô biên. Lấy cái hữu hạn đó mà đem so với cái vô biên thì nó có ý nghĩa gì đâu!

Triết lý này không phải chỉ mới nói với chư hiền hiện tại, mà nó đã được nói từ khi trí năng con người vừa manh nha dò dẫm tìm kiếm vũ trụ thiên không. Cho đến nay, khoa học tiến bộ của con người [tuy] nói là cao điểm hiện đại nhưng cũng chỉ trong gang tấc đối với cái bao la vô tận đó. Trong lãnh vực đạo giáo cũng thế, cho đến nay tâm thức nhân loại đã đạt đến chỗ cao điểm hiện tại nhưng cũng chỉ trong gang tấc đối với Đấng Thế Tôn chánh đẳng chánh giác và trong phân ly đối với bậc Đại Giác Ngộ Kim Tiên nguyên thủy. Tuy sự tiến hóa của hai lãnh vực vừa nêu trên [vẫn] hãy còn phôi thai khiêm tốn, nhưng tại sao đã có những hàng Giáo tổ, những bậc vĩ nhân đã được lưu danh thanh sử? (…) Cứu cánh rốt ráo của tôn giáo (đạo giáo) là cứu khổ chúng sanh, giải thoát con người khỏi vòng nô lệ của ma tâm vọng thức, nhưng đến nay chúng sanh vẫn còn đau khổ, con người vẫn còn nô lệ bởi vọng thức ma tâm. Thế, nhưng tại sao lại có những bậc Giáo tổ, đạo gia, sứ đồ, chức sắc, chức việc, tín hữu được thành tiên thành phật, đắc thánh đắc thần trong lịch sử tôn giáo?

(…) Mặc dầu chưa thành công nhưng ý chí đã thành. Bần Đạo muốn nói lên ý chí phụng Thiên sự dân đó, chư hiền đệ hiền muội! Ý chí là gì? Là tâm quyết của hành giả, là [sự] kiên trì bất thối chuyển của hàng hướng đạo thiên ân."[1]

Khi nỗ lực phục hưng Đại Đạo trong nhân sinh, mỗi tôn giáo đều cố gắng khôi phục lại Đại-Đạo-thời-thượng-cổ thông qua việc tái lập ít nhất một kỳ tích tâm linh của xã hội nguyên thủy: có tôn giáo cố gắng thiết lập đời sống đại đồng (như Nho giáo hay Bahá'í), có tôn giáo cố gắng đạt đến bình hành tâm-vật (như Lão giáo hay Thông Thiên học), có tôn giáo cố gắng được những bậc Đại Giác Ngộ (như Phật giáo hay Ấn Độ giáo). Xuyên qua những cố gắng đó, tất cả các tôn giáo đều cùng thực hiện một việc chung là phục hưng nhân bản cho loài người. Đây là lý do thứ ba giải thích tính nhất lý giữa vạn giáo.

Đến đây, chúng ta đã đi qua ba lý do giải thích tính nhất lý giữa các tôn giáo. Mỗi tôn giáo đều là một sự hữu thể hóa của Đại Đạo trong Trời Đất, một sự hiện thực hóa Đại Đạo trong con người, và là một sự phục hưng Đại Đạo trong nhân sinh. Do tính nhất lý

[1] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-02 Nhâm Tuất (10-03-1982).

ấy, dù các tôn giáo nối tiếp nhau theo thời gian hay cùng hiện diện đồng thời trong không gian, thì tất cả cũng là một Đại Đạo duy nhất để cứu thế độ đời.

"Hoài bão to tát của những bậc giáo dân vi thiện, mục đích lớn lao của các đạo giáo là diệt khổ chúng sanh, biến xã hội con người thành hiền thánh tiên phật, biến cõi địa ngục trần gian thành Thiên đàng cực lạc tại thế. Hoài bão đó rất đẹp; mục đích đó rất đúng. Đẹp vì đó là lý tưởng thanh cao; đúng vì đó là những ước mơ cụ thể, không mông lung trừu tượng. Ngày nào [trên] cõi đời [này] nhân loại đều giác ngộ, ngày đó trần gian tự nó sẽ lột xác thay hình."[1]

Có tôn giáo nào trên thế giới mà không mang hoài bão thanh cao này hoặc không hướng về mục đích thực tiễn này? Không có tôn giáo nào như vậy cả. Ngay cả khi ta xét một tôn giáo trong giai đoạn thất chân truyền, hoài bão và mục đích này vẫn tồn tại nguyên vẹn mặc dù khả năng của tôn giáo khi ấy không còn cho phép nó thực hiện được những điều thanh cao và thực tiễn đó được nữa.

3. TÍNH NHẤT LÝ TRONG THỂ-TƯỚNG-DỤNG CỦA CÁC TÔN GIÁO

Tính chất nhất lý của vạn giáo được thể hiện ngay trong cấu trúc Thể-Tướng-Dụng của mỗi tôn giáo. Như đã được trình bày ở phần đầu của quyển sách này, mỗi tôn giáo đều có một cấu trúc bao gồm ba phần: [1] Thể, hay là chân truyền Đại Đạo; [2] Tướng, hay là hình thức (hình tướng) xã hội; [3] Dụng, hay là sứ mạng lịch sử. Mỗi phần trong số này đều phản ảnh tính nhất lý giữa tôn giáo này với tôn giáo khác. Chúng ta có thể thấy được điều đó khi đi vào phân tích cụ thể từng phần một trong cấu trúc Thể-Tướng-Dụng.

3.1. Tính nhất lý trong chân truyền Đại Đạo của các tôn giáo

Mỗi tôn giáo, từ trong chân truyền của mình, đều là những chương trình giáo huấn của Thượng Đế để đánh thức Đại Đạo trong tâm hồn nhân loại, xây dựng cõi đời sao cho mỗi ngày một tiến đến chỗ chí chân, chí thiện, chí mỹ. Thánh giáo Cao Đài nói:

*"Không một tôn giáo nào không đề cập đến nghĩa lý uyên thâm, chí linh, chí diệu của chữ **Đạo**."*[2]

Trong câu thánh giáo trên đây, "chữ Đạo" chính là khái niệm "Đạo", hay cũng thế, khái niệm "Thượng Đế". Mỗi tôn giáo đều đề cập đến khái niệm này ở những nội dung "chí linh, chí diệu" để soi sáng nội tâm nhân loại, nhằm dẫn dắt nhân loại đến mục đích cuối cùng là chứng đắc Đại Đạo, hiệp nhất với Thượng Đế. Chẳng có tôn giáo nào trên thế gian mà thiếu điều này trong phần Thể của mình. Câu thánh giáo trên cho ta biết rằng vạn giáo đồng nhất lý ở chân truyền Đại Đạo của mỗi tôn giáo.

Trong đạo Cao Đài, có câu kinh *"Đạo gốc bởi lòng thành, tín, hiệp."*[3] Chân truyền Đại Đạo trong mọi tôn giáo chỉ nằm ở sự bảo tồn lòng thành, tín, hiệp của con người.

---

[1] Ibid.
[2] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-01 Ất Mão (25-02-1975).
[3] Tòa Thánh Tây Ninh, *Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*, "Niệm Hương".

Thể của mỗi tôn giáo nằm trong tâm của con người, chứ không nằm ở bất cứ chỗ nào khác với tâm kể cả kinh sách của tôn giáo ấy. *"Ngoài Tâm, không có Đạo. Ngoài Tâm, không có Phật, Tiên chi cả."*[1] Nên *"muốn cầu Đạo, phải cầu Tâm."*[2] Và muốn bảo tồn chân truyền, phải lấy Tâm mà ngộ Đạo hay chứng Đạo, chứ không phải lấy trí nhớ mà thuộc lòng kinh sách hay lấy lý trí mà bảo thủ những câu chữ trong kinh sách.

Phối hợp điều này với những gì đã được chỉ ra trong tiết trước đây – mỗi tôn giáo đều là một sự hữu thể hóa của Đại Đạo trong Trời Đất, một sự hiện thực hóa Đại Đạo trong con người, và một sự phục hưng Đại Đạo trong nhân sinh – ta sẽ đi đến một hệ quả: Mọi tôn giáo đều là Đại Đạo trong nội dung của mình.

Nói khác đi, không có tôn giáo nào mà không phải là chánh giáo, hay chánh đạo.

Theo giáo lý Đại Đạo, những tính chất *chánh* hay *tà* không nằm ở tôn giáo, mà nằm ở tâm của con người tôn giáo. *"Có tâm, mới có một hai, chánh tà, thiện ác; còn Đạo thì bàng bạc vô tư."*[3] Mặc dù mỗi tôn giáo đều có nội dung là Đại Đạo, nhưng nếu con người của tôn giáo ấy có tà tâm thì sẽ biến tôn giáo ấy thành tà giáo, cũng như nếu có chánh tâm thì sẽ làm cho tôn giáo ấy hiện hữu như chánh giáo. Thế nên giáo lý Đại Đạo khuyên ta đừng nên gán những tính chất "chánh" hay "tà" cho những con đường tu hành thuộc những tôn giáo khác nhau:

"Đừng e ngại đường tu không chánh,
Chánh hay tà – do cảnh? do tâm?
Tâm không, cảnh cũng lặng trầm,
Cảnh nhiều sóng gió vì tâm vọng hành."[4]

Những con đường tu khác nhau, tự chúng, không thể là chánh mà cũng không thể là tà. Tùy theo tâm con người như thế nào – tức là tùy theo con người có chánh tâm (tâm không) hay tà tâm (tâm mê vọng) – mà tôn giáo mang tính chất tương ứng. Khi tâm đã chánh, thì con người tôn giáo sẽ gìn giữ được chân truyền của tôn giáo. Chừng nào điều đó tiếp tục tồn tại, chừng đó tôn giáo vẫn còn bảo toàn được chân truyền. Điều này là một quy luật đã được chứng minh từ nghìn xưa trong lịch sử văn minh nhân loại. Đức Vân Hương Thánh Mẫu đã dạy:

"Nghìn xưa, các bậc thánh nhân không nói đến chính trị ở thiên hạ mà luôn luôn nói đến chính trị [trong] bản thân, không nói đến đời sống của cá nhân mà nói đến đời sống của thiên hạ; nhờ vậy nhà yên nước trị, dân lạc nghiệp an cư."[5]

---

[1] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-06 Ất Mão (22-07-1975).
[2] Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hợi thời, 13-05 Tân Dậu (14-06-1981).
[3] Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hợi thời, 13-05 Tân Dậu (14-06-1981).
[4] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-07 Quý Sửu (13-08-1973).
[5] Đức Vân Hương Thánh Mẫu; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-12 Giáp Dần (26-01-1975).

Còn ngược lại, khi tâm của một cá nhân đã là bất chánh, nếu cá nhân đó càng giữ những trách vụ quan trọng trọng một tôn giáo, sẽ càng dễ làm cho tôn giáo ấy bị thất lạc chân truyền Đại Đạo.

Quy luật này đối xử một cách bình đẳng đối với tất cả mọi tôn giáo trên thế gian. Không vì lý do một tôn giáo được chính Thượng Đế sáng lập mà có thể tự động bảo toàn được chân truyền Đại Đạo để mãi mãi là chánh giáo, cũng không vì lý do một tôn giáo nào được con người sáng lập mà phải bị coi là tà giáo. Quy luật này buộc tất cả tôn giáo phải không ngừng thắp sáng tâm linh cho giáo đồ của mình để không ngừng mang đến những bước tiến về đạo đức cho nhân loại. Chính ánh sáng tâm linh mà các tôn giáo (nghĩa là con người trong tôn giáo) phải khai phóng là điểm then chốt để bảo toàn chân truyền Đại Đạo vậy.

Như vậy, vạn giáo là nhất lý trong chân truyền Đại Đạo của mình. Ngày nào mà các tôn giáo còn bảo tồn được chân truyền của mình, ngày ấy các tôn giáo vẫn còn là Đại Đạo. Và bởi vì Đại Đạo chỉ có một, nên mọi tôn giáo trên thế giới về căn bản cũng chỉ là một.

3.2. Tính nhất lý trong hình tướng xã hội của các tôn giáo

Nếu nói về phương diện hình tướng xã hội, chúng ta thấy hầu hết các tôn giáo đều khác biệt nhau, trong đó có không ít chi tiết hình thức còn mâu thuẫn nhau. Trong lịch sử văn minh nhân loại, sự khác biệt về hình tướng này đã từng là nguyên cớ mà dục vọng của con người tôn giáo dựa vào đó để tạo ra những kỳ thị, tranh chấp, thậm chí xung đột giữa các tôn giáo.

Đại sư Vivekananda đã chỉ ra những điểm bất hợp lý trong nhận thức cục bộ của các tôn giáo, dẫn đến việc kỳ thị giữa tôn giáo này với tôn giáo khác, do những khác biệt về hình tướng tạo nên. Ngài nói: Mỗi tôn giáo đều có một nền giáo lý riêng, nhưng họ thường cho rằng chỉ có giáo lý của mình là chân lý, chẳng những thế, họ còn nghĩ rằng kẻ nào không tin tưởng vào giáo lý đó sẽ phải xuống địa ngục; mỗi tôn giáo đều có thần thoại riêng của mình, nhưng trong khi luôn tự nhìn thần thoại của mình như là những sự kiện có thật trong lịch sử, thì họ lại xem thần thoại của những tôn giáo khác là những điều hoang đường và dị đoan; mỗi tôn giáo đều có những nghi lễ riêng của mình, nhưng họ luôn nghĩ rằng chỉ có nghi thức của mình là thiêng liêng còn nghi thức của tôn giáo khác là mê tín.[1]

Giáo lý Đại Đạo nói, tất cả những gì thuộc về hình tướng đều chỉ là giả tạm, và các tôn giáo mượn chúng chỉ để làm phương tiện dẫn dắt con người đi đến cứu cánh là Đạo. Hình tướng của mọi tôn giáo đều mang tính chất quy ước, và do đó, đều mang những giá trị tương đối như nhau. "Đạo Học Chỉ Nam" đã viết:

"Những cái mượn đặt, quy ước cùng nhau trong đời sống bình thường, vẫn chỉ là những quy ước đồng nhận mà thôi. Tuy nhiên, phải chứng nhận cái sự thực của đối tượng

[1] J. Yale, *Tôn Giáo Là Gì – Viết Theo Lời Của Vivekananda*, tr.64-65.

hằng hữu, dù rằng nằm dưới một danh từ cá biệt nào đó. Đạo cũng vậy, Đạo không là gì cả mà cũng là tất cả.

Chiếc bánh nướng ngon ngọt, có phải tự xuất phát từ đống bột trong trắng kia không? Dù hàng vạn chiếc bánh với trăm ngàn màu sắc, hay hương vị đổi thay, thì giá trị cố định không thể phủ nhận: đó là bột. Đống bột Đạo Mầu đã được thể hiện dưới mọi hình thức của những chiếc bánh vạn pháp. Con người thường cảm xúc trước những chiếc bánh, mà vẫn dửng dưng trước khối bột nguyên thỉ."[1]

Tại sao các tôn giáo lại cần phải có hình tướng riêng biệt như vậy? Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã luận giải về vấn đề này như sau:

"Người tu hành, trên mặt hình thức, cần phải có một tổ chức từ thượng từng cơ sở chí đến hạ từng cơ sở. Đó tuy là những hình thức giả tướng, nhưng đó cũng là những phương tiện, những khuôn viên mẫu mực, để kiềm chế những khi phóng tâm, loạn động, hoặc bướng bỉnh, ngỗ nghịch, làm trái tác phong đạo hạnh của người tu.

Nếu một khi người tín hữu hoặc Thiên phong chức sắc đã được thuần lý rồi, đã làm chủ bản tâm, làm chủ bản tánh, chế ngự điều khiển lục căn, lục thức, lục dục thất tình rồi, thì những hình thức ấy không còn cần thiết nữa.

Người tín hữu chưa có đủ điều kiện ấy, ví như một học sinh ở lớp mẫu giáo, cần phải có kẻ hàng đôi, có tập đồ theo khuôn viên mẫu mực. Đến khi đã trưởng thành, đến lớp cao học, thì những phương tiện ấy không còn cần thiết nữa.

Thế nên, trong đường đạo và lề lối tu thân cũng vậy. Có thể nói rằng: tu tâm không cần nhập môn, không cần chùa thất, không cần thi ân bố đức, chỉ có tâm thiện, không làm gì sái với lương tri, với đạo lý là được rồi. Với lập luận đó cũng có phần đúng, vì thời xa xưa, những bậc giáo chủ, những hàng thánh triết đâu cần gì phải có chơn sư, thánh đường, chùa thất, nhưng các bậc ấy cũng quán chúng siêu quần, đức tài xuất sắc mà hậu thế muôn đời còn chiêm ngưỡng sùng bái; cũng như trường học đời, cũng có người tại gia tu học mà thi đỗ đến hàng cao cấp. Nhưng xét lại, thử xem trong thế gian này có được bao nhiêu hàng thánh triết hiền nhân và sĩ tử đỗ đạt cao tột mà không cần đến chơn sư hoặc trường ốc? Lấy tỷ số đại chúng nhân loại với hàng siêu quần bạc chúng ấy, có được bao nhiêu phần triệu?

Thử đặt vấn đề cho người tu thân lập hạnh. [Làm] Thế nào biết được đâu là lương tri lương năng, còn đâu là tham vọng của phàm phu tục tử?

Một khi lòng ích kỷ tham vọng ngự trị con người, thì tất cả sự vật chung quanh có mang tánh chất lợi quyền chung đỉnh đều là chơn lý của lương tri lương năng, còn trái lại thì toàn là những điều phi lý nghĩa.

Nơi trường ốc, có thầy, có bạn, có sách, có luật lệ nhà trường, nhờ đó mới thấy nổi bật lên những gì sai lạc nguyên tắc của nền giáo huấn. Còn trong mỗi tôn giáo, có thầy,

[1] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 4, tiết 4, mục 1.

có bạn, có kinh điển, thánh giáo thánh ngôn, nhờ đó mới thấy nổi bật lên những gì sai lạc chân lý đạo đức. Nếu quan niệm rằng tự học mà nên, tự tu mà đắc, thì thế gian này, trường ốc và giáo đường đã dẹp từ xưa rồi.

Bần Đạo muốn nêu những điều ấy lên đây để nhắc nhở những hàng thiện tâm thiện chí muốn tầm sư học đạo, suy nghĩ đâu là lẽ phải, để cho người học đạo nhắm vào đó mà đi đến đích chí chơn chí thiện."[1]

Lời giải thích của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo cho chúng ta thấy tính nhất lý về hình tướng của tôn giáo: tất cả tôn giáo đều sử dụng hình tướng như là một phương tiện để giúp con người tự kiềm chế, tự giữ gìn, tự làm chủ lấy mình. Con người sẽ vẫn còn cần đến phương tiện ấy cho đến khi nào con người thật sự trưởng thành trong việc chế ngự lấy thất tình lục dục của chính mình. Nhìn vào vạn giáo trong lịch sử nhân loại, ta có thể thấy giá trị đó của hình tướng. Hầu hết những tôn giáo nhị kỳ phổ độ, kể cả tôn giáo chủ trương vô vi như Lão giáo, đều phải nhờ vào hình tướng để độ rỗi nhân loại.

Tuy nhiên, nếu con người chấp tướng, nghĩa là nếu con người ôm chầm lấy hình tướng, coi đó là mục đích của tôn giáo, mà quên mất rằng đó chỉ là phương tiện, thì thật tướng sẽ biến thành giả tướng: những ý nghĩa và tác dụng của hình tướng sẽ bị mai một theo thời gian, và đến một lúc nào đó, hình tướng chỉ còn là những ngoại vật vô hồn làm chướng ngại cản ngăn con đường sứ mạng của tôn giáo. Bởi vậy, Đức Di Lạc Thiên Tôn đã dạy:

"Tam Giáo Đạo ngày xưa thực hành mục đích cứu cánh bằng một lý tưởng cao thượng duy nhứt ở con người, [nên] ngày nay nhơn sinh còn tôn sùng kính bái. Nhưng hỡi ôi! Bần Tăng rất thương xót vô cùng: đời cực loạn, nhơn tâm điên đảo, chánh pháp khó suy tầm, nên thiệt tướng đã trở thành giả tướng."[2]

Để khôi phục lại sức sống tích cực của hình tướng tôn giáo, trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên đã dạy người tín đồ Đại Đạo:

"Thánh Đức, Thánh Tâm không phải nằm trong từ chương, văn cú, kinh điển, hay những nét vàng son lộng lẫy nguy nga; mà Thánh Tâm, Thánh Đức ở bên trong khối óc, tâm linh và hành động của con người tu niệm. Thời xưa, các bậc thánh nhân chỉ nhắm vào đức trí của mình để xây dựng nền tảng đức trí cho dân được sống an lạc thái hòa. Thời hiện tại cũng phải như vậy. Dầu cuộc đời có tân tiến, có văn minh, có khoa học, lại càng phải giữ vững mức độ thuần thành của đức trí. Từ cấp lãnh đạo phổ cập đến quần chúng nhơn sanh, từ quốc gia xã hội đến hương đảng gia đình, từ Tòa Thánh, Hội Thánh, đến thánh thất, thánh tịnh, mỗi mỗi [phải] đều ý thức đến yếu tố căn bản này, mới tạo cho đời sống an lạc, thái bình, vĩnh cửu. Đừng nhìn pho tượng im lìm của các bậc giáo chủ, mà hãy nhìn sự luân động [nơi] cứu cánh bất diệt của các Ngài."[3]

---

[1] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-10 Kỷ Dậu (24-11-1969).
[2] Đức Di Lạc Thiên Tôn; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 02-01 Canh Tuất (07-02-1970).
[3] Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Vĩnh Nguyên Tự (Long An), Dậu thời, 01-06 Giáp Dần (19-07-1974).

Tóm lại, hình tướng là một loại phương tiện mà các tôn giáo tạm mượn để giúp con người ở những trình độ tiến hóa khác nhau tìm về chân lý đạo trong một bối cảnh xã hội nào đó, cũng tương tự như con đò là phương tiện tạm mượn để đưa khách lữ hành qua một khúc sông. Những thiên sai vạn biệt về hình tướng bắt nguồn từ sự ứng biến vô lượng của các pháp môn: chúng đều do sự sai biệt trong trình độ tiến hóa của những cá nhân trong nhân loại mà ra. Chính những thiên sai vạn biệt này cho chúng ta thấy tính nhất lý về hình tướng của tôn giáo: tất cả tôn giáo đều sử dụng hình tướng như là một phương tiện hữu hình để giúp con người từng bước đạt đến cứu cánh sau cùng là Đại Đạo vô vi, Thượng Đế tối cao, Bản Linh Chơn Tánh, Chơn Như Bản Thể, Bản Lai Diện Mục.

3.3. Tính nhất lý trong sứ mạng lịch sử của các tôn giáo

Tất cả mọi tôn giáo đã xuất hiện trên địa cầu này đều có chung một sứ mạng duy nhất là *sứ mạng cứu thế*. Sứ mạng cứu thế đó là mang lại tình thương để xây dựng lại đời sống tâm linh và nhân sinh cho nhân loại.

Sứ mạng cứu thế duy nhất này được cụ thể hóa bởi tính chất lịch sử của không gian và thời gian của vùng đất mà mỗi tôn giáo ra đời. Bởi vậy, mục đích cứu thế tuy chỉ có một, nhưng tính chất lịch sử của sứ mạng thì khác biệt. Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên nêu lên những ví dụ trong sứ mạng của các bậc giáo chủ như Khổng Tử, Thích Ca, và Jesus:

> "Ai Chiến quốc làm ra giềng mối? [1]
> Ai vàng son đem đổi nâu sồng? [2]
> Ai đâu nhỏ giọt máu hồng,
> Nghìn năm thập giá vẫn không phai mờ? [3]"[4]

Những ví dụ về các bậc Giáo Tổ trên đây cho ta thấy rằng, dù có khác biệt nhau trong không-thời gian của lịch sử, sứ mạng nào cũng đòi hỏi phải có sự hy sinh lớn lao của những con người sứ mạng.

Chúng ta hãy quan sát tính nhất lý trong sứ mạng của vạn giáo qua vài ví dụ khác, liên quan đến các tôn giáo.

Phật giáo. Trước khi Phật giáo ra đời, xã hội Ấn Độ được phân thành bốn giai cấp theo truyền thống của đạo Bà La Môn. Giai cấp tu sĩ Bà La Môn được coi là đại diện của Thượng Đế và nắm hầu hết quyền lực trong xã hội. Đến thế kỷ thứ 7 TCN, sự phân chia giai cấp trong xã hội Ấn Độ đã trở nên rất nặng nề. Thần quyền bị lạm dụng để thống trị con người, khiến cho dân chúng phải chịu đựng muôn ngàn khổ sở.

Ra đời vào thế kỷ thứ 6 TCN, Phật giáo là một kết tinh của xã hội Ấn Độ, mà chủ yếu là từ giáo lý Vedas và Bà La Môn. Nhưng sứ mạng của Phật giáo là chỉ dùng lòng từ bi

---

[1] Câu này đề cập đến Đức Khổng Tử, đi chu du qua các nước ở Trung Hoa vào thời Chiến quốc để truyền bá Nho giáo.

[2] Câu này nói đến Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, vốn là Đông cung Thái tử, đã từ bỏ cả hoàng cung, tài sản, ngai vàng tương lai, đi vào rừng, sống một cuộc đời thanh bần để tu thành chánh quả.

[3] Câu này nhắc đến Chúa Jesus, đã chịu chết trên thập tự giá để cứu chuộc nhân loại.

[4] Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 15-09 Quý Mão (30-10-1963).

và lập trường bình đẳng để phá bỏ các giai cấp của Bà La Môn, giải thoát con người ra khỏi sự nô lệ cho thần quyền, xây dựng lại nền tảng đại đồng cho xã hội.

Do bối cảnh lịch sử của một xã hội lạm dụng danh nghĩa Thượng Đế để nuôi dưỡng những quyền lực thống trị, cũng như, do sứ mạng giải phóng con người ra khỏi thần quyền của Phật giáo, nên Đức Thích Ca hầu như không bao giờ trực tiếp đề cập đến một Đấng Thượng Đế hữu ngã ngoại tại, mà chỉ đề cập đến Chơn Tâm, Phật Tánh của chính con người. Chẳng phải Ngài tự ý muốn bỏ đi chủ đề Thượng Đế và đưa vào chủ đề Tâm Tánh để tạo ra một nền giáo lý khác biệt với Bà La Môn giáo; nhưng Ngài đã dựa vào tất cả những gì Ngài đã thật sự trải qua trong đời tu của mình, thật sự chứng nghiệm để đạt được đạo quả nơi chính bản thân mình: nếu *minh Tâm kiến Tánh* thì bất kỳ một con người nào cũng sẽ thành Phật. Bởi đó, con người, bằng cách tìm lại Chơn Tâm, Phật Tánh của chính mình, có thể tự giải thoát lấy mình, chẳng những ra khỏi những khổ đau trong xã hội hiện tại mà còn trong cả kiếp sống hiện tại, và vĩnh viễn vượt ra khỏi vòng luân hồi chuyển kiếp.

Lão giáo. Sứ mạng của Lão giáo là khai phóng ở con người những quyền năng nội tại của tự nhiên (tức là những quyền năng mà Trời Đất đã phú bẩm trong con người), mà nhờ đó, không một sức mạnh nào của ngoại cảnh có thể chi phối hay mê hoặc được con người.

Đức Lão Tử nhận ra rằng, đời sống con người bao gồm hai mặt: một là đi vào vũ trụ hữu hình, mà Ngài gọi là *hữu vi*; hai là đi vào bản thể hư vô, mà Ngài gọi là *vô vi*. Nhưng đứng trên nhân vị (vị thế của con người trong vũ trụ), Ngài thấy tất cả những gì hữu vi đều gây nên đau khổ mờ mịt cho con người, chỉ có vô vi mới đem lại được chân phúc trọn vẹn. Bởi vậy, Ngài tạo quyền năng cho con người bằng cách khuyên con người sống theo *Đạo vô vi*: vứt bỏ hết những khôn ngoan vụn vặt của lý trí, bình lặng được kiêu khí nơi lòng mình, đứng vào chỗ mà thiên hạ không thích đứng, tự giữ lấy phần thua, nhường phần hơn cho thiên hạ. Chính sự tự hướng nội tu thân và tự hạ mình giữa thiên hạ này sẽ đem đến cho con người một quyền năng kỳ lạ: không khiến sai mà thiên hạ cùng làm, không dạy đời mà thiên hạ theo học. Và chỉ khi nào áp dụng được đường lối vô vi này vào thực thế nhân sinh, thì cuộc đời mới trở nên an thuận, nhân loại mới đi đến hiệp hòa, con người mới huyền đồng cùng Trời Đất. Đó chính là chân phúc trong đời sống con người.[1]

Khổng giáo. Ở Trung Hoa, thời Xuân Thu, nghĩa là từ năm 722 TCN đến năm 480 TCN, là một trong những thời kỳ phân hóa, loạn lạc thuộc loại nhất nhì trong lịch sử của nước này. Khi nhà Chu – vương triều thống trị đất nước Trung Hoa lúc bấy giờ – trở nên suy yếu, Trung Hoa bị phân chia thành 160 nước nhỏ. Giữa các nước này, chiến tranh liên tục xảy ra. Các nước mạnh hơn thì tìm cách thôn tính các nước khác. Cương thường đổ nát, dân tình khổ sở, nhưng đó là thời kỳ mà Đức Khổng Tử ra đời để phục hồi lại những nền tảng của đạo làm người trong đời sống xã hội.

[1] Đoạn về Lão Giáo này được viết dựa theo Đạo Học Chỉ Nam, chương 2, tiết 4, mục 2.

> "Thuở ấy, có Khổng Tử đem phát minh cái đạo của thánh hiền ra, lập thành một học thuyết có thống hệ, lấy nhân nghĩa lễ trí mà dạy người, lấy cương thường mà hạn chế nhân dục để giữ trật tự ở trong xã hội cho vững bền."[1]

Đức Khổng Tử là một người rất thông minh và nhân hậu, hết lòng lo việc cứu đời. Sứ mạng của Ngài là chấn hưng lại Nho Đạo vốn có từ thời thượng cổ với mục đích đem lại sự thanh bình cho thiên hạ, sự thịnh trị cho xã hội.

Năm 51 tuổi, Đức Khổng Tử được cử làm quan Trung Đô Tể và năm sau được cải chức thành quan Đại Tư Khấu ở nước Lỗ. Đó là một cơ hội để Đức Khổng Tử thực thi chủ thuyết của mình. Ngài định ra phép tắc, luật lệ để an định xã hội. Chỉ trong một vài năm, nước Lỗ trở nên thịnh trị. Giữa một thời kỳ biến loạn của Trung Hoa, xã hội không có nhân nghĩa, vậy mà ở nước Lỗ, Ngài đã tạo được một xã hội "người đi ngoài đường thấy của rơi không nhặt, kẻ gian phi không có, hình pháp đặt ra không hề dùng đến."[2]

Sau 14 năm đi chu du trong thiên hạ để truyền bá đạo thánh hiền, Đức Khổng Tử đã thuyết phục nhiều nước sửa đổi phong tục, cải cách chính trị trên nền tảng ngũ đức (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín). Mặc dù công cuộc chu du truyền đạo của Ngài không đem đến một kết quả tức thời, nhưng sứ mạng của Ngài đã đạt thành. Và rồi, suốt hơn hai ngàn năm sau đó, Khổng giáo đã trở thành kỷ cương không chỉ cho người Trung Hoa mà còn cho hầu hết các dân tộc ở Á Đông. Bởi vậy, trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã khen:

"Thời chiến quốc, tiếng nói của Khổng Tử vọng trong sa mạc. Nhưng cái Đạo của Khổng Tử đạt thành do thời chiến quốc [nên Khổng Tử] mới [được suy tôn là] Vạn Thế Sư Biểu đến ngày nay."[3]

Hồi giáo. Hồi giáo được ra đời ở kinh thành Mecca trên bán đảo Ả Rập. Theo quyển "Nabi Muhammed", vào thế kỷ thứ 6, Mecca là một trung tâm thương mại cực kỳ phồn thịnh, nơi trao đổi hàng hóa giữa Viễn Đông và Địa Trung Hải. Nhưng vào thời bấy giờ, đời sống của người Ả Rập là đời sống của những dục vọng vật chất. Họ không thiết đến học vấn, luân lý, đạo đức. Người Ả Rập lúc ấy tuy cùng một giống nòi, nói cùng một thứ tiếng, nhưng sống với nhau không có tình đồng loại. Vì những lý do rất nhỏ nhặt, giòng họ này có thể thách thức với giòng họ khác, bộ lạc này có thể gây chiến với bộ lạc kia. Họ không có lấy một chính phủ, cũng không luật lệ gì; hễ ai có sức mạnh thì có quyền hành.

> "Giữa tình trạng hỗn độn như vậy, một con người xuất chúng, được ủy một sứ mạng thiêng liêng của Thượng Đế đã ra đời. Rồi đây, Vị ấy sẽ làm đảo lộn đời sống của tất cả sinh linh trên bán đảo và sáng lập ra đạo Hồi (Islam) (…) Đó là Muhammad."[4]

---

[1] Trần Trọng Kim; *Nho Giáo* (Quyển Thượng), tr.14.
[2] Ibid, tr.17.
[3] Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 03-02 Nhâm Tý (15-03-1972).
[4] *Nabi Muhammed*, tr.9.

Đức Muhammad đã nhận sứ mạng từ Thượng Đế thông qua Thiên Sứ Gabriel. Sứ mạng ấy là truyền bá giáo lý về tình thương của Thượng Đế ra khắp thế giới để dẫn dắt loài người ra khỏi cảnh trầm luân khổ ải.

Trong vòng chưa đầy một phần tư thế kỷ, Ngài đã hoàn thành một công cuộc cải cách vĩ đại. Toàn cõi Ả Rập, vốn chia rẽ trong đời sống và phân tán về tinh thần, đã được thống nhất lại dưới lá cờ Hồi giáo. Ngài đem đến cho người Ả Rập rất nhiều: một nguồn sinh khí mới với những tư tưởng cao siêu đẹp đẽ, một quan niệm mới về tôn giáo dựa trên một đức tin mạnh mẽ và vững chắc ở Đấng Thượng Đế duy nhất, một nếp sống mới lành mạnh, gương mẫu, biết tự trọng cũng như biết tôn trọng công bình và bác ái trong đời sống cộng đồng. Bằng đời sống của mình, Ngài đã giảng dạy cho con người biết hoán cải từ nội tâm đến ngoại dung. Ngài đã tạo ra một nền văn minh Hồi giáo, trên đó, dân chúng Hồi giáo đã tiến bộ trên mọi phương diện, từ vật chất, luân lý, đến tinh thần. Dốt nát, mê tín, dị đoan, man dại,… đã nhường bước cho sự phổ thông giáo dục, cho một thái độ hợp lý đối với mọi việc.[1]

Vào cuối đời mình, Đức Muhammad đã nhận được một sự soi sáng thiêng liêng, mạc khải cho Ngài biết rằng Hồi giáo đã được xây dựng kiện toàn.

Qua một số ví dụ về các tôn giáo, ta có thể rút ra một số nhận xét quan trọng, như sau. Nếu so sánh giữa sứ mạng của tôn giáo này với sứ mạng của tôn giáo khác, có thể người ta sẽ thấy sự khác biệt. Nhưng nếu đặt sứ mạng của mỗi tôn giáo vào bối cảnh lịch sử cụ thể, mà từ bối cảnh này, tôn giáo ấy được khai sinh, thì sẽ xuất hiện một sự tương đồng: Mọi tôn giáo đều phải gánh vác những trọng trách to lớn trong việc giải quyết những bế tắc của xã hội trong không-thời gian lịch sử của mình.

Xét trên những yếu tố cụ thể, thì những bài toán mà Hồi giáo phải giải quyết không giống với những bài toán mà Phật giáo phải giải quyết. Ngay cả trên cùng một khu vực văn hóa, địa lý như nhau, cái thực tiễn mà Lão giáo phải đối trị đã rất khác biệt nếu đem so sánh với cái thực tiễn mà Khổng giáo phải đối trị. Tuy nhiên, nếu nhìn thế giới nhân loại như một tổng thể, thì mọi tôn giáo đều đã cùng nhau gánh vác một sứ mạng phụng sự nhân loại: giải quyết những bế tắc của nhân loại ở những phương diện khác nhau hoặc ở những mức độ khác nhau. Đó chính là chỗ nhất lý trong sứ mạng của vạn giáo.

4. KẾT LUẬN

Tất cả các tôn giáo trên thế gian này – từ xưa đến nay và từ Đông phương sang Tây phương – đều bắt nguồn từ Đại Đạo và cùng mang một nội dung Đại Đạo. Mỗi tôn giáo đều là một sự hữu thể hóa của Đại Đạo trong Trời Đất, một sự hiện thực hóa Đại Đạo trong con người, và một sự phục hưng Đại Đạo trong nhân sinh. Bất chấp mọi khác biệt về hình tướng (vốn là những phương tiện giúp cho con người từng bước trưởng thành trong khả năng chế ngự lấy thất tình lục dục của chính mình,) các tôn giáo đều có một sứ

[1] Ibid., tr.105-111.

mạng chung là cùng nhau cứu độ toàn nhân loại để đưa nhân loại trở về với nhân bản, với nhân loại tính, và nghĩa là, với Thượng Đế tính. Đó là tính nhất lý của vạn giáo.

PHẦN 3.
TAM GIÁO ĐẠO TRỞ VỀ ĐẠI ĐẠO

CHƯƠNG 8.
BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA THỜI HẠ NGUƠN MẠT KIẾP

"Xưa con không thấu cội nhành
Vì đường Đạo bế, biệt cành hoa rơi."
Tán tụng công đức Diêu Trì Kim Mẫu [1]

1. TỔNG QUAN

Theo nguyên lý "Nhất Bổn tán vạn thù – vạn thù quy Nhất Bổn", nếu Đại Đạo đã phát sinh Tam Giáo Đạo, thì một cách tất yếu, Tam Giáo Đạo phải trở về Đại Đạo.

Trong giai đoạn "Nhất Bổn tán vạn thù", Đại Đạo đã phát sinh Tam Giáo Đạo, bao gồm tất cả các tôn giáo trên thế giới, theo diễn trình:

ĐẠI ĐẠO ⇨ TAM THANH ⇨ TAM GIÁO ĐẠO

Do đó, trong giai đoạn "Vạn thù quy Nhất Bổn", vạn giáo trong Tam Giáo Đạo cũng sẽ trở về với Đại Đạo theo diễn trình:

TAM GIÁO ĐẠO ⇨ TAM THANH ⇨ ĐẠI ĐẠO

Diễn trình này chính là bán trình cuối của chu trình tổng quát được mô tả trong hình 32.

Đại Đạo trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo, và Đại Đạo sau-khi-quy-nguyên-Tam-Giáo-Đạo vừa là một, vừa không là một. Ta có thể hiểu điều này như thế nào? Đó là hai trạng thái – trạng thái khởi thủy và trạng thái quy nguyên – của một Đại Đạo duy nhất. Hai trạng thái này là hoàn toàn giống nhau về bản chất (đồng nhất về bản thể), nhưng khác nhau về phương thức thể hiện trong không gian và thời gian của lịch sử nhân loại, cũng như khác nhau về cách thức tác động vào đời sống con người.

[1] *Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*.

Trong một chừng mực nào đó, có thể mượn ngôn ngữ của biện chứng pháp Hegel để nói rằng: quá trình "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo" là một quá trình vận động biện chứng. Trong quá trình này, Đại Đạo trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo là Chánh Đề (Thesis [Eng]), vạn giáo trong Tam Giáo Đạo là Phản Đề (Antithesis [Eng]), còn Đại Đạo sau-khi-quy-nguyên-Tam-Giáo-Đạo là Hợp Đề (Synthesis [Eng]). Hợp Đề vừa là một sự lặp lại, vừa là một sự phát triển Chánh Đề; hay nói khác đi, Hợp Đề là sự phục hưng Chánh Đề ở một không-thời gian mới của lịch sử.

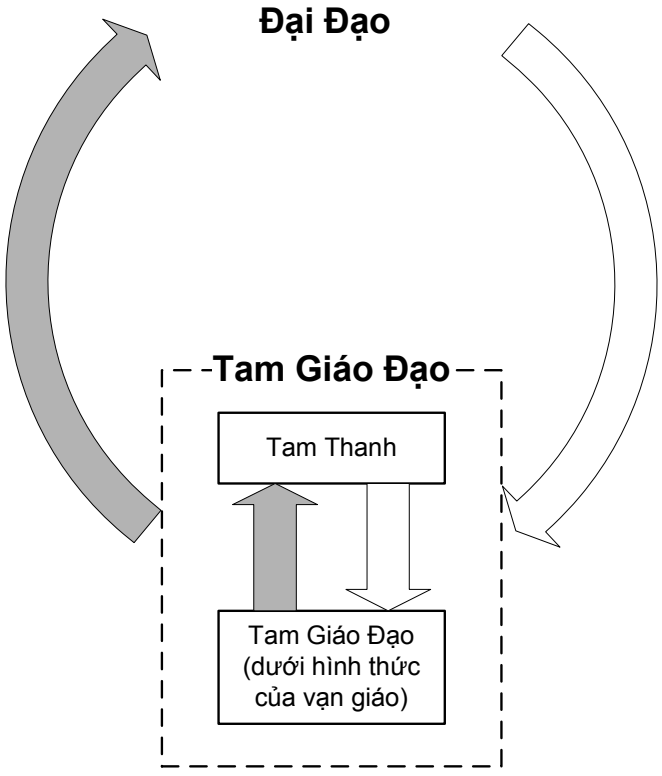

HÌNH 32. CHI TIẾT HÓA BÁN TRÌNH "ĐẠI ĐẠO PHÁT SINH TAM GIÁO ĐẠO" THÀNH BÁN TRÌNH TAM GIÁO ĐẠO ⇨ TAM THANH ⇨ ĐẠI ĐẠO.

Không-thời gian "mới" của lịch sử mà trong đó chúng ta đang sống ("mới" so với tất cả những gì đã từng xuất hiện, tồn tại và diễn biến trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại) là không-thời gian hạ nguơn mạt kiếp. Đời sống của nhân loại đã đặt ra rất nhiều vấn đề mâu thuẫn nhau, ví dụ, giữa triển vọng phát triển và nguy cơ tự hủy diệt. Điều đáng sợ là triển vọng phát triển của nhân loại chẳng những không bù trừ được nguy cơ tự hủy diệt, mà còn bị lạm dụng để biến nguy cơ ấy thành hiện thực. Vậy thì làm sao để giải quyết những vấn đề như vậy?

Nếu nhìn ngược về thời sơ khai của nhân loại, ta thấy những vấn đề như vậy không tồn tại trong các xã hội nguyên thủy. Sở dĩ chúng không tồn tại, vì những yếu tố của

Chánh Đề không tạo điều kiện cho chúng phát sinh hoặc tồn tại. Điều đó cho thấy trong Chánh Đề có chứa đựng *một phần* giải pháp cho, ví dụ, sự không thể xuất hiện những nguy cơ tự hủy diệt. Và sở dĩ giải pháp của Chánh Đề chỉ mới là một phần chứ chưa là toàn bộ, vì Chánh Đề chưa trải qua những kinh nghiệm của sự phát triển. Muốn có những kinh nghiệm này, phải lấy ở Phản Đề. Như vậy, Phản Đề cũng chứa *một phần khác* của giải pháp. Chỉ khi kết hợp được phần giải pháp của Chánh Đề và phần giải pháp của Phản Đề, thì mới có thể giải quyết được những bài toán hiện nay của nhân loại. Sự kết hợp đó nằm trong Hợp Đề.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chính là Hợp Đề giữa một Chánh Đề của Đại Đạo trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo và một Phản Đề của Đại Đạo dưới-hình-thức-Tam-Giáo-Đạo (hay Đại Đạo trong-lòng-vạn-giáo). Đó là hiện thân của sự cứu độ mà Thượng Đế khai mở trong không-thời gian mới của lịch sử nhân loại (tức là thời hạ nguơn mạt kiếp này) để giải quyết tất cả những bế tắc mà nhân loại đã thúc thủ trong số phận do chính mình tạo ra. Cần nhấn mạnh: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không chỉ là một tôn giáo hay một trào lưu tư tưởng, mà là một đại cuộc cứu độ của Thượng Đế. Có thể nói, đó vừa là Đại Đạo nguyên sơ mà cũng vừa là Đại Đạo hiện đại của nhân loại.

Ta đã tạm mượn ngôn ngữ của Hegel "trong một chừng mực nào đó" để giải thích về Đại Đạo trong giản đồ TAM GIÁO ĐẠO ⇨ TAM THANH ⇨ ĐẠI ĐẠO. Bây giờ, ta hãy vượt ra khỏi cái giới hạn mà cả giản đồ này lẫn ngôn ngữ của biện chứng pháp Hegel có thể diễn tả được.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không chỉ là Đại Đạo sau-khi-quy-nguyên-Tam-Giáo-Đạo, mà còn là Đại Đạo trong-khi-quy-nguyên-Tam-Giáo-Đạo. Bởi vì, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không chỉ là một thực thể hay một tổ chức, mà đó còn là một cơ trình diễn hành, tức là một quá trình đang xảy ra. Đó là một công cuộc cứu thế mà Thượng Đế một mặt dùng quyền pháp để trực tiếp quy nguyên vạn giáo, và mặt khác vận chuyển lịch sử để vạn giáo tự quy nguyên. Vì vậy:

- Có thể gọi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đại-Đạo-**trong-khi**-quy-nguyên-Tam-Giáo-Đạo, nhằm để chỉ quá trình đang diễn ra;
- Cũng có thể gọi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đại-Đạo-**sau-khi**-quy-nguyên-Tam-Giáo-Đạo, nhằm để chỉ hai điều: điều thứ nhất, đó là sự kiện Thượng Đế dùng quyền pháp để trực tiếp quy nguyên vạn giáo, thành lập đạo Cao Đài với đầy đủ tinh hoa của vạn giáo; và điều thứ hai, đó là sự thành tựu trọn vẹn trong cứu cánh "thế đạo đại đồng, thiên đạo giải thoát" của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ở tương lai.

Bây giờ, ta hãy đặt câu hỏi: vì sao Thượng Đế phải khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ? Nếu không có sự "can thiệp" này của Thượng Đế, liệu nhân loại có thể tự giải quyết các vấn đề của mình? Liệu các tôn giáo đã có mặt trên địa cầu có thể giải quyết các vấn đề này của nhân loại? Liệu các tổ chức, các đảng phái, các đoàn thể, các tập đoàn, các liên minh,… trên thế giới, trong những lĩnh vực khác nhau (kinh tế, chính trị, quân sự,…), có thể giải quyết các vấn đề này của nhân loại?

Lịch sử nhân loại trong hơn một thế kỷ trở lại đây (từ cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 21) đã có câu trả lời. Và nội dung tiếp theo của chương này là điểm lại những diễn biến đã làm thành nên câu trả lời cho các vấn đề vừa nêu.

2. DIỄN BIẾN CỦA CƠ TIẾN HÓA Ở THỜI MẠT KIẾP

Cơ tiến hóa của nhân loại ở thời kỳ hạ nguơn mạt kiếp này có những điểm đặc thù mà những thời kỳ trước đây không có: [1] sự gia tăng nhịp độ vận động để tiến hóa; [2] sự chọn lọc và đào thải trong càn khôn vũ trụ; [3] sự tồn tại hai diễn trình trái ngược về tâm linh và lý trí; [4] sự thất chân truyền của các tôn giáo.

2.1. Sự gia tăng nhịp độ vận động để tiến hóa

Do tính tuần hoàn trong sự vận hành của Đạo, khi càn khôn vũ trụ vận động hết một chu kỳ thì trở lại khởi điểm để tiếp tục chu kỳ kế tiếp. Thế giới tự tìm lại khuôn mẫu ban đầu của nó. Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn đã dạy:

"Hỡi các con! Thiên Địa tuần hườn, châu nhi phục thỉ. Trước mọi sự vật, biến chuyển như ngày nay đều nằm trong luật ấy; hễ vận hành giáp mối rồi cũng trở lại chỗ khởi thỉ."[1]

Theo vũ trụ luận Đại Đạo[2], vì sự vận động tuần hoàn của Đạo có thể được biểu diễn bằng một đường tròn, nên *"trở lại chỗ khởi thỉ"* chỉ là một cách nói theo phong cách toán học để chỉ rằng điểm cuối cùng cũng là điểm đầu tiên trên đường tròn này. Thật sự, trạng thái cuối cùng của một chu trình tạo hóa và tiến hóa, dù có quay trở lại chỗ khởi thỉ, vẫn không phải là một sự lặp lại thô thiển của cái ban đầu, mà đó là trạng thái đã tích lũy được mọi thành tựu, chọn lọc được mọi tinh hoa của cả chu trình ấy. Đức Lý Giáo Tông đã chỉ ra cho chúng ta thấy điều này:

"Thử đứng trên nhịp cầu nhìn dòng nước chảy, giờ nầy và giờ sau, cũng thành cầu đó, cũng dòng sông đó, cũng cảnh vật đó – chư hiền đệ hiền muội! – nó đã đổi khác, rộng lớn vơi đầy. Những cái qua tất phải trôi qua, những cái xưa cũ đều là xưa cũ. Tiến hóa không là tổ hợp mà là khai sanh."[3]

Mặc dù thế giới đang quay trở về khởi điểm và tự tái tạo khuôn mẫu ban đầu của mình, nhưng luật tiến hóa không cho phép nó sao chép lại toàn bộ quá khứ một cách máy móc, mà đòi hỏi nó phải có những đổi mới. Sự đổi mới này không thể đạt được bằng cách tổ hợp những yếu tố đã có, nhưng bằng cách dung hòa và tổng hợp những yếu tố đã có để khai sinh ra những yếu tố mới cùng với những giá trị mới.

Có khai sinh tức là có sáng tạo. Mà sáng tạo luôn làm gia tăng mức độ phong phú, và do đó, gia tăng mức độ khác biệt giữa các yếu tố. Một khi mức độ khác biệt đã gia tăng, thì cả nguy cơ xuất hiện mâu thuẫn lẫn cơ hội hợp tác để bổ túc cho nhau đều gia tăng.

---

[1] Đức Vô Cực Từ Tôn; Thánh Thất Bình Hòa, Ngọ thời, 15-08 Đinh Mùi (18-09-1967).
[2] Xin xem quyển "Triết Học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" thuộc bộ "Giáo Lý Đại Toàn" này.
[3] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, Ngọ thời, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

Đây là hai phương diện khác nhau của việc gia tăng khả năng tương tác giữa các yếu tố. Khả năng này càng gia tăng thì tốc độ khai sinh những yếu tố mới cũng gia tăng. Bởi vậy:

"Cơ tiến hóa không ngừng, càng tiến hóa càng khai sanh, càng khai sanh càng diễn biến."[1]

Do đó, càng về cuối thời kỳ hạ nguơn này, nhịp độ vận động để tiến hóa của xã hội nhân loại càng nhanh. Sự gia tăng nhịp độ này được biểu hiện qua sự xuất hiện ngày càng dồn dập những biến cố có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống của nhân loại:

"Giai đoạn cuối cùng luôn luôn chứa đựng những biến đổi, những phản ứng mau lẹ, những bất ngờ." [2]

Các biến cố này có thể là những tác động sáng tạo để khai sinh ra những cái mới cho sự tiến bộ của xã hội, cũng có thể là những tác động bảo tồn để giữ gìn những giá trị đã được thử thách theo thời gian, và cũng có thể là những tác động hủy diệt hàng loạt đối với sự sống nhân loại.

2.2. Sự chọn lọc và đào thải trong càn khôn vũ trụ

Vào cuối thế kỷ 20, rất nhiều người đã hết sức tin tưởng rằng thế kỷ 21 sẽ là một thế kỷ tiến bộ vượt bậc của văn minh khoa học, con người sẽ hoàn toàn làm chủ thế giới tự nhiên và bắt thế giới tự nhiên phải phục vụ cho nhu cầu vật chất ngày càng tăng của mình, kinh tế sẽ phát triển mạnh mẽ và đời sống nhân loại sẽ trở nên hạnh phúc. Tuy nhiên, chỉ trong thập niên đầu tiên của thế kỷ 21, cả thế giới đã chứng kiến một thực tế trái ngược hẳn: những tai họa khác nhau cứ dồn dập xảy đến khắp nơi trên thế giới, hoàn toàn nằm ngoài khả năng kiểm soát của con người, ngay cả khi chúng xảy ra ở những cường quốc có trình độ khoa học kỹ thuật cao nhất, hoặc có tiềm lực kinh tế mạnh nhất, hoặc có những ý thức hệ độc tôn kiêu hãnh nhất. Năm 2001, vào ngày 11-09, cuộc khủng bố tấn công vào tòa tháp đôi của Mỹ làm khoảng 3.000 người chết. Năm 2002, một vụ khủng bố tại Bali (Indonesia) làm 200 người chết. Từ mùa thu 2002 đến mùa xuân 2003, tại Quảng Đông (Trung Quốc) xuất hiện một dịch bệnh mới có tên gọi là SARS (Severe acute respiratory syndrome [Eng], Hội chứng hô hấp cấp tính nghiêm trọng) lan rộng ra nhiều nước trên thế giới làm 8.000 người bị lây nhiễm và 774 người tử vong. Cuối 2003, động đất ở Iran phá hủy thành phố cổ Bam làm 30.000 người chết, sau đó vụ khủng bố ở trường học Beslan (Nga) làm 300 người chết, và ở nhiều nước bắt đầu xuất hiện dịch cúm gà dẫn đến việc thiêu hủy gia cầm hàng loạt. Năm 2004, động đất ở Aceh (Indonesia) rồi sóng thần gây thiệt hại ở nhiều nước Nam Á và Đông Nam Á (SriLanka, Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Maldives, Burma, Bangladest) làm chết hơn 155.000 người. Năm 2005, động đất ở Nam Á làm 88.000 người chết và bão Katina ở Mỹ làm 10.000 người chết. Năm 2008, khủng hoảng tài chính ở Mỹ bùng phát rồi lan rộng, những cơn sốt dầu, sốt lương thực và nạn lạm phát làm khuynh đảo kinh tế trên toàn thế giới. Năm 2009, đại dịch cúm A/H1N1 được phát hiện tại Mexico vào tháng 4, nhanh chóng

[1] Đức Vô Cực Từ Tôn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 14-08 Đinh Tỵ (26-09-1977).
[2] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 07-04 Canh Tuất (11-05-1970)

lây nhiễm qua 206 quốc gia và làm cho gần 12.000 người chết tính đến tháng 12. Đọc những con số thống kê nạn nhân của các tai họa này mà các phương tiện truyền tin đã dưa ra, dù mức độ chính xác của những con số này có như thế nào đi nữa, ta vẫn thấy được hình ảnh cụ thể của sự tận diệt.

Với một tốc độ vận hành ngày càng nhanh, cơ tiến hóa đang đi đến điểm kết thúc của một đại chu kỳ tam nguơn. Trong những bước đi cuối cùng này, toàn thể chúng sanh đều đồng loạt bị chi phối bởi một sự chọn lọc và đào thải gắt gao trên quy mô toàn vũ trụ, trước khi Thiên Địa chuyển sang một đại chu kỳ mới:

*"Thời kỳ Tam Long Hoa Hội, tất cả đều **thu hẹp** vào trong chỗ phục thỉ tuần huờn."*[1]

Chữ *"thu hẹp"* trong lời dạy trên đây của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư cho ta một ý niệm rõ ràng về quá trình tuyển chọn, sàng lọc, để thu hoạch tất cả những thành quả chân, thiện, mỹ, cũng như để đào thải tất cả những cặn bã, suy đồi, những tội lỗi trong vạn linh suốt một đại chu kỳ tiến hóa. Dĩ nhiên rằng giáo lý Đại Đạo tuyệt nhiên không bao giờ nói rằng tất cả nạn nhân đáng thương trong các tai nạn khủng khiếp vừa kể đều là những kẻ đang bị đào thải, vì trong số đó có rất nhiều người phải bỏ mạng vì cố gắng cứu người khác, hoặc có những nạn nhân thực sự vô tội trong kiếp này. Đối tượng của sự đào thải là những tội lỗi mà con người đã tích lũy chất chồng từ kiếp này sang kiếp khác, chứ không chỉ là những tội lỗi của một kiếp hiện tại.

Trong cuộc chọn lọc cuối cùng này, tỉ lệ đào thải lên đến 90% dân số của nhân loại. Điều này đã được Ơn Trên mạc khải qua "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển":

*"Kỳ hạ ngươn hầu mãn, nhơn vật vì tai nạn mà phải tiêu tan, **mười phần còn lại có một** mà thôi."*[2]

Sự đào thải trong thời kỳ này nhằm hủy diệt những cái xấu xa trong càn khôn vũ trụ và xã hội nhân sinh. Kinh sách của nhiều tôn giáo đã mô tả những tác động hủy diệt này như là sự "thạnh nộ" của Đức Chúa Trời (Ky Tô giáo)[3] hay sự "trừng phạt" của Thánh Allah (Hồi giáo)[4]. Đây có lẽ là cách diễn đạt đơn giản và dễ hiểu nhất đối với đại chúng trên toàn thế giới. Trong dân gian Việt Nam, có hai câu sấm của Trạng Trình mô tả sự đào thải này như là sự tự tàn sát lẫn nhau của mọi thế lực ma quỷ, và cuối cùng, kẻ chiến thắng trong số ma quỷ này sẽ bị Thượng Đế tru diệt:

"Ma vương sát đại quỷ
Hoàng Thiên tru ma vương."[5]

Theo sự mô tả của giáo lý Đại Đạo, sự hủy diệt và đào thải này không xuất phát từ Thượng Đế, nghĩa là Thượng Đế không phải là Đấng hủy diệt, nhưng là Đấng cứu độ. Chính những cái xấu xa trong vũ trụ và nhân sinh sẽ tự tranh đấu để tiêu diệt lẫn nhau,

---

[1] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 07-02 Tân Hợi (03-03-1971).
[2] Thần Hoàng Bổn Cảnh; Đình Mỹ Lộc, 15-12 Bính Dần (18-01-1927); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.52.
[3] *Khải Huyền*, 14:9-10.
[4] *Qur'an*, 68:33.
[5] *Sấm Trạng Trình*.

sau đó, những cái xấu xa cuối cùng dù muốn dù không cũng sẽ tự diệt lấy mình bằng cộng nghiệp của chính mình do tác động vô tư của luật nhân quả trong trời đất! Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

"Đời mạt kiếp đã đến, Long Hoa đại hội đã gần kề, cuộc luân chuyển hạ nguơn đang xây vần biến cải. Bất cứ một công việc dù to lớn hay nhỏ nhoi cũng đều là một tiến trình nối đuôi nhân quả. Chiếc vòng sàng sảy cuối cùng chung kết đang diễn biến giữa toàn thể cuộc diện nhơn sanh.

Trong các cuộc thi đua, ngày giờ sau rốt mới định được ai bại ai thành. Cũng vì vậy, biết bao sự sôi nổi đua chen, gạt bỏ tha nhân, nâng cao tự ngã được dịp bốc đồng. Con người và con người mặc sức tung hoành và chế ngự lẫn nhau bằng mọi thủ đoạn xảo trí, mánh khóe mưu mô. Sức lực uy quyền đều được đem ra sử dụng và khai triển đúng mức tối đa để chiến thắng và thừa thắng để đạt đến kết quả. Giai đoạn cuối cùng luôn luôn chứa đựng những biến đổi, những phản ứng mau lẹ, những bất ngờ. Con người đã bị quay cuồng và cảm thấy bất ngờ trước mọi việc xảy ra và lần lượt sắp đến.

Ngoài ra, còn những giai đoạn cuối cùng là thời gian khai trừ những tàn tích vô ích cho thành quả. Cánh hoa mai vừa hé nụ, từng loạt lá đã rụng rơi, rồi hoa lại úa tàn, nhụy hoa tan tác, để dành phần cho quả hạt tạo thành. Những tinh chất rượu phải rời khỏi bã nếp còn thừa sau một thời gian âm thầm sôi sục bốc hơi. Chính vì vậy mà ngày nay từng loạt cộng nghiệp đang diễn bày, từng lớp người gục ngã trước bão táp phũ phàng của bạo lực chiến tranh, của bạo lực bịnh hoạn sinh tồn, đó là những chiếc lá của cành hoàng mai cuối đông, đó là những bã nếp thừa, những cánh hoa, nhụy hoa tàn tạ.

Những thành phần vô ích cho sự tái lập dinh hoàn, xây dựng đời thượng nguơn thánh đức sẽ lần lượt nối chân nhau tự diệt. Những cái hữu ích cho chánh đạo cứu đời, những cái còn sử dụng cho giai đoạn kết quả cuối cùng, những cái dùng để lập lại thượng nguơn mới hy vọng sống còn."[1]

Thật ra, quá trình chọn lọc và đào thải ở thời hạ nguơn không đơn thuần là một thảm họa, mà nó cũng có một tác dụng tích cực là làm cho nhân loại thức tỉnh, quay trở về nhân bản, với Phật tính hay Thượng Đế tính của mình. Hơn nữa, trong suốt quá trình đó, đức háo sanh và tình tạo hóa của Thượng Đế vẫn hiện hữu để vận chuyển cho càn khôn vũ trụ và thế giới nhân loài tiến đến thời kỳ thánh đức.

"Những hiện cảnh ngày nay đang phô diễn trong đời là một sự cảnh tỉnh [để] nhân loại [biết] trở về cùng Thượng Đế, tức là Tiểu Linh Quang về hiệp cùng khối Đại Linh Quang là Thầy. Và đức háo sanh bất diệt vẫn tuần tự, tạo hóa càn khôn vũ trụ, lập thánh đức thượng nguơn."[2]

Đức háo sanh và tình tạo hóa ấy thể hiện như thế nào trong thời hạ nguơn mạt kiếp này? Trong suốt quá trình chọn lọc và đào thải, những con người đạo đức vẫn được sinh

[1] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 07-04 Canh Tuất (11-05-1970).
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

tồn để thực hiện sứ mạng của mình, những nhân tố đạo đức vẫn được bảo vệ để hình thành dần dần cõi đời thượng nguơn. Nên Đức Thượng Đế Chí Tôn mới dạy:

"Thầy đ từng nĩi với cc con rằng: chỉ cĩ đạo đức mới tồn sinh m xem Thầy lập đời thượng nguơn thnh đức. Hiện nay l trong thời kỳ cc con đang chịu sự rn luyện giữa mi để trở nn hng Thnh Đức."[1]

Như vậy, sự đào thải hay hủy diệt không phải do Thượng Đế trừng phạt nhân loại, mà do cộng nghiệp của nhân loại tạo ra; còn Thượng Đế lại là Đấng đến để cứu nhân loại thoát ra khỏi những cảnh trạng đau khổ ở giai đoạn cuối cùng này. Phân tích sâu vào nguyên nhân dẫn đến hiện trạng của nhân loại, Đức Thượng Đế có lần đã dạy:

"Hôm nay, Thầy dạy rõ cho các con hiểu lẽ đời đạo đi đôi, vật chất tinh thần hòa hiệp để các con trong Đạo và ngoài đời đều nhìn nhận rõ lẽ duy nhất ấy mà chung về với Đạo để hưởng cảnh thượng nguơn thánh đức.

Các con ôi! Thầy đâu nói ngoa với các con. Các con từng xem kinh sử, cổ kim, thì thấy rõ: từ đời nào chí những đời nào, nếu nhân loại xa lìa đạo đức là lâm cảnh hỗn độn nguy vong, muôn thảm ngàn sầu. Như đời thượng nguơn, đạo lý dìu dắt con người, con người sống nhờ đạo lý. Ấy là đời đạo luôn luôn đi đôi. Vì vậy, mà thuở ấy nhân loại mới hưởng được cảnh thanh bình an lạc, nhà không đóng cửa, ngoài đường không lượm của rơi, thuần phong mỹ tục, vui thú cảnh sống thiên nhiên của Trời ban phú.

Mãi đến ngày hôm nay gọi là đời hạ nguơn, lòng người vì vật chất ám ảnh, mùi chung đỉnh lợi danh chôn sâu đường Đạo tận đáy lòng, với phàm tánh tham sân si che lấp ánh sáng tâm linh là lẽ Đạo. Vì vậy, nhân loại trên quả địa cầu này hiện giờ tất cả nơi nơi đều lâm vào tình trạng thảm khổ, xâu xé giựt giành giết hại lẫn nhau, không tình tương thân tương ái. Ấy cũng vì xa lìa đạo đức đó các con.

Có câu: "Người xa Đạo, chớ Đạo không xa người", con nên hiểu lẽ ấy. Vì khi Thầy tạo quả càn khôn này có nhân loại, thì Thầy đã ban cho đạo lý vào nơi tâm lành. Nay vì mê muội mà lòng tâm Đạo không sáng tỏ đặng, cảnh nguy vong sắp đến tiêu diệt nhân loại."[2]

Qua đoạn thánh giáo trên đây, ta có thể thấy được phần nào lý do dẫn đến hiện trạng nhân loại. Từ đời thượng cổ, xã hội con người chỉ phát triển một cách an lạc thanh bình nếu "đời [và] đạo đi đôi" hay "vật chất [và] tinh thần hòa hiệp", nghĩa là trong sự quân bình giữa tinh thần và vật chất. Đức Chí Tôn nhiều lần dùng chữ "lẽ" ("*lẽ* đời đạo đi đôi, vật chất tinh thần hòa hiệp", "*lẽ* duy nhất ấy", "nên hiểu *lẽ* ấy") để nói rằng sự quân bình này là nguyên lý để cuộc đời có thể vận động trong lý đạo, mà cũng là nguyên lý để xây dựng một xã hội thánh đức hay một thế giới đại đồng. Nếu nguyên lý này không được con người áp dụng một cách có ý thức, thì sự quân bình giữa tinh thần và vật chất sẽ mất đi,

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Hội Thánh Hậu Giang Minh Chơn Đạo, Ngọ thời, 14-07 Kỷ Dậu (26-08-1969).
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (Q.1) , tr.101.

cuộc đời sẽ không còn được dắt dìu bởi lý đạo để tạo sự song hành đạo và đời; đó chính là lý do dẫn đến cảnh nguy vong của các xã hội hiện đại.

2.3. Sự tồn tại hai diễn trình trái ngược về tâm linh và lý trí

Đức Vô Cực Từ Tôn dạy:

"Đạo phát sanh bao nhiêu thì đời tiến hóa bấy nhiêu, đó là định luật của Hóa Công đã sắp bày để đưa nhơn loại từ chỗ vô minh đến tuệ giác, đổi nhu nhược lại hùng cường. Mức tiến của đời [hiện nay] gần như đạt thấu lý thiên nhiên vũ trụ, thì đạo phải đề cập [được những giá trị tâm linh] tương đương, cơ phản cổ sẽ tạo thế gian này [thành cõi] thanh bình [trong] vũ trụ, nếu không, sự tiến triển của đời đến cực độ, không còn coi có Trời Đất, bản năng đó là một lợi khí để tà thần đưa các con vào nơi trầm luân khổ hải, tàn sát lẫn nhau đến nơi tiêu diệt."[1]

Qua các khảo sát về lịch sử văn minh nhân loại ở các chương trước, chúng ta thấy có hai diễn trình xảy ra theo hai khuynh hướng trái ngược nhau hoàn toàn: [1] trình độ phát triển lý trí của nhân loại tăng tiến theo thời gian; [2] trình độ phát triển tâm linh của nhân loại suy thoái theo thời gian.

Diễn trình thứ nhất, *trình độ phát triển lý trí của nhân loại tăng tiến theo thời gian*. Ở thời đại Đồ Đá, lý trí của nhân loại còn ở trình độ rất thấp. Càng về sau, con người càng trở nên thông minh hơn, lý trí của con người vươn dần đến những trình độ cao hơn. Hệ quả của diễn trình này là sự phát triển về văn minh của nhân loại, dẫn đến một đời sống vật chất ngày càng cao.

Diễn trình thứ hai, *trình độ phát triển tâm linh của nhân loại suy thoái theo thời gian*. Ở đại thượng nguơn, khi còn là homo habilis, homo erectus, nhân loại sống một đời sống thánh đức với một trình độ tâm linh rất cao. Đến khi trở thành homo sapiens, rồi homo sapiens sapiens – từ đại trung nguơn đến đại hạ nguơn – tâm linh nhân loại càng ngày càng bị chìm sâu vào vô minh. Hệ quả của diễn trình này là sự suy thoái về nhân bản, về đạo đức của nhân loại, dẫn đến một đời sống đầy đau khổ trong tâm hồn.

2.3.1. Một minh chứng về sự tồn tại của hai diễn trình trái ngược

Hai diễn trình trái ngược nhau này đã được phản ảnh qua sự biến đổi của đạo trị quốc trong nhân loại qua các thời đại lịch sử.

Qua thánh ngôn, thánh giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, các Đấng Thiêng liêng đã nhắc lại cho chúng ta nhớ rằng: từ xưa đến nay, trong lịch sử nhân loại đã có ba hình thái của đạo trị quốc, tương ứng với ba trình độ vận dụng đạo lý để an trị muôn dân trong một cộng đồng xã hội. Nếu liệt kê theo thứ tự đi từ cao xuống thấp, thì đó là: Đế đạo, Vương đạo, và Bá đạo. Giáo lý Đại Đạo cũng quan niệm rằng, trình độ "cao" là trị quốc bằng tình thương và sự sống (tức là trị quốc bằng **quyền pháp**), còn trình độ "thấp" là trị quốc bằng hình luật và võ lực (tức là trị quốc bằng **quyền lực**).

---

[1] Đức Vô Cực Từ Tôn; Huờn Cung Đàn, Hợi thời, 30-03 Tân Sửu (14-05-1961).

Thời nguyên thủy, khi con người mới biết tập hợp nhau lại thành những xã hội sơ khai, thì đạo trị quốc là **Đế đạo**. Đây là thời kỳ hưng thịnh về mặt tâm linh của nhân loại, mà một trong những biểu hiện của đời sống tâm linh hưng thịnh này là *tình thương hồn nhiên* giữa người và người. Trong tình thương đó, mỗi cá nhân đều biết xem tha nhân với bản thân mình như một. Vì vậy, vua chỉ cần thực hiện tình thương giữa muôn dân, làm một tấm gương đạo đức sống thực cho muôn dân noi theo, thì xã hội được an trị một cách tự nhiên. Cách thức trị dân như vậy được gọi là "vô vi nhi trị" nếu dùng ngôn ngữ của Khổng giáo và Lão giáo[1]. Do đó, Đế đạo chính là Đại Đạo trong lĩnh vực trị thế.

Khi tâm linh nhân loại bắt đầu sa sút thì Đế đạo cũng suy vi. Khi đó, **Vương đạo** ra đời như là hình thái mới của đạo trị quốc. "Đạo Đức Kinh" đã ghi lại: "[Xã hội] đánh mất Đại Đạo rồi mới bày ra những quy tắc ứng xử cho có nhân nghĩa" (大道廢有仁義 Đại Đạo phế, hữu nhân nghĩa)[2]. Câu này rất phù hợp để mô tả quá trình biến chuyển từ Đế đạo sang Vương đạo. Trong ngữ cảnh của đạo trị quốc, sự đánh mất Đại Đạo ("Đại Đạo phế") có thể được hiểu là sự suy tàn của Đế đạo, còn sự xuất hiện của những quy tắc ứng xử xã hội cho có nhân nghĩa ("hữu nhân nghĩa") là sự xuất hiện của Vương đạo. Vương đạo dùng nhân nghĩa làm khuôn khổ để giữ gìn cho con người không vượt ra khỏi lối sống của những giác tánh hồn nhiên thánh thiện như thuở ban sơ; và vua dùng ân oai để thực hiện khuôn khổ ấy trong muôn dân.

Đến khi tâm linh nhân loại tiếp tục sa sút hơn nữa, thì Vương đạo cũng theo đó mà tàn tạ. **Bá đạo** xuất hiện, dùng hình luật và võ lực để thống trị dân chúng. Các xã hội từ thời trung cổ đến hiện nay đều dùng Bá đạo.

Trong quá trình biến đổi này của đạo trị quốc, từ Đế đạo đến Bá đạo, tâm linh (mà một biểu hiện của nó là *tình thương hồn nhiên* giữa người và người) ngày một suy thoái, còn lý trí (mà một biểu hiện của nó là việc sử dụng ban đầu là khuôn phép rồi sau đó là hình luật) ngày một phát triển. Và "Đạo Học Chỉ Nam" đã tóm tắt về sự biến đổi này như sau:

"Từ xưa, loài người còn trong lẽ sống hồn nhiên, tuy ở cõi trần nhưng tâm hồn thung dung tự tại, không khác cõi trời. Giữa vua và dân cùng vui trong Lẽ Đạo.

Trải qua Tam Hoàng, đến Ngũ Đế, lòng người lần lần sa sút, có dáng mê mờ, mà Đạo ấy không được sung mãn ở lòng người, nên tạm dùng ân oai mà chế trị, dạy dân ăn ở theo đúng Lẽ Trời.

Đạo Đế đã suy thì Vương đạo tiếp theo đặt thành khuôn phép, lấy nghĩa nhân mà nuôi dạy dân đen giữ còn hồn nhiên, sống không xa phép đạo. Bậc đế vương thể đức Trời Đất

---

[1] Trong Khổng giáo, cụm từ "vô vi nhi trị" (無為而§治) đã được Đức Khổng Tử sử dụng khi Ngài nói về cách an trị xã hội của vua Thuấn. "Tử viết: Vô vi nhi trị giả, kỳ Thuấn giã dư. Phù, hà vi tai? Cung kỷ, chính Nam diện nhi dĩ hỹ." (子曰無為而治者其舜也與夫何為哉恭己正南面而已矣 Đức Khổng Tử nói: Vô vi nhi trị, đó là vua Thuấn chớ ai. Ngài có làm gì chăng? Ngài chỉ cung kính giữ mình, ngự trên ngôi mà day mặt về hướng Nam thôi. [*Luận Ngữ*, quyển 8, chương 15, tiết 4]). Trong Lão giáo, những cụm từ tương tự cũng được Đức Lão Tử sử dụng, ví dụ: "Vi vô vi tắc vô bất trị." (為無為則無不治 Nếu làm được cái Vô Vi, chắc chắn không có gì mà không trị được. [*Đạo Đức Kinh*, chương 3]).

[2] Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, chương 18, tr.67.

bảo vệ nhơn tâm, song đấng ấy chưa vẹn tròn, nên khiến dân không cảm trọn, mà lòng người háo dục khởi lên.

Đến Bá đạo như đời nay, lại chẳng biết thương dân, lấy phép luật hình chính khép người vào cửa tội, mà dân tự loạn tự cuồng. Nhơn tâm đã tách rời thiên lý, cái phúc cái họa đều do ở máy lòng. Tuy cũng tâm ấy, nhưng chia hẳn làm hai đường. Thật là một bí cơ. Loài người kẹt trong vòng lưới vô minh, không sao thấy được con tâm cứu cánh[1].”[2]

Do hai diễn trình trái ngược này, mà nhân loại đang đứng trước một tình trạng hết sức bất bình thường, trong đó, văn minh lý trí thì được mở mang khắp nơi, nhưng sự giác ngộ tâm linh thì chẳng được mấy người. “Đạo Học Chỉ Nam” nhận định:

“Hôm nay, nhơn loại bước lên thềm văn minh lộng lẫy. ***Trí hóa cho là khôn sáng hơn xưa nhiều****. Học thuyết, tôn giáo phổ cập tận khắp nơi nơi.* ***Nhưng chưa thấy mấy ai gọi là giác ngộ****.”*[3]

Như vậy, giáo lý Đại Đạo đã chỉ ra nguyên nhân của sự rối loạn và bất ổn trong các xã hội hiện đại trong sự tồn tại song song của hai diễn trình trái ngược giữa lý trí và tâm linh. Nguyên nhân ấy không nằm trong bản chất của các thể chế chính trị, hay của các sắc phái tôn giáo, hay của các tư tưởng học thuyết,… nên không thể quy lỗi cho bất kỳ cá nhân nào, tổ chức nào, thành phần xã hội nào về tình trạng nhân loại hiện nay. Nhưng, **toàn nhân loại phải tự chịu trách nhiệm về chính mình**, vì nguyên nhân này nằm trong diễn biến chung của lịch sử; và bởi đó, chỉ khi nào cùng đồng tâm hiệp lực với nhau, cả nhân loại mới có thể giải quyết được hiện trạng của mình.

2.3.2. Sự hoán đổi vai trò giữa tâm linh và lý trí

Những diễn biến theo những chiều hướng trái ngược nhau trong đời sống tâm linh và lý trí của nhân loại đã xảy ra một cách liên tục kể từ cột mốc đánh dấu sự chuyển hướng trong lịch sử nhân loại, cách đây 10.000 năm, như đã khảo sát ở một chương trước. Bị cuốn theo những diễn biến đó, cho đến thời hạ nguơn mạt kiếp, thì nhân loại đã hoán đổi hẳn vai trò của lý trí và vai trò của tâm linh cho nhau. “Đạo Học Chỉ Nam” giải thích rằng đây là sự hoán đổi vai trò giữa Thiên cơ (hay Tài Thiên) và Địa cơ (hay Tài Địa) trong văn minh nhân loại:

“Nhơn loại ngày nay đã mất hết lẽ sống, lâm vào một tình trạng nguy ngập vô cùng. Quyền sống, con người tự hất bỏ ra ngoài, thì mỗi lúc [mỗi] trở nên khó khăn, khổ sở. Khác nào người đứng trên đảnh núi, sa chơn xuống vực thẳm ngàn trùng, chới với quơ quào, tìm một thế vịn [mà] không sao như ý; sức lăn càng dữ tợn, lòng sao khỏi hồi hộp

[1] Ở đây, chữ “con tâm” có nghĩa là “cái tâm”, còn chữ “cứu cánh” có nghĩa là “chỗ dựa giúp cho ta thoát khỏi một tình cảnh nào đó”. Câu thánh giáo này nói rằng vì con người bị vô minh (do nhân tâm đã tách rời thiên lý, tâm linh đã trở nên u tối) nên không còn thấy được rằng chính cái tâm của mình là chỗ dựa giúp cho mình thoát ra khỏi hoàn cảnh của thời kỳ Bá đạo.

[2] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 3, tiết 2, mục 2.

[3] Ibid.

kinh khủng, chưa biết tấm thân tan rã nghiền nát như thế nào; chắc chắn trăm phần trăm không thể tránh được.

(…) Con người cùng Trời Đất là ba thể huyền đồng, ba ngôi[1] duy nhứt. Nếu không cảm thông, không giác ngộ, sự sống chết tự đó được hiện trình thần bí, không đủ [để] người tin là căn cơ, không còn làm điểm đích trông về cứu cánh. Căn cơ đó là bản thể của ba ngôi vừa nói. Chính đó mới thực là trung tâm nguồn gốc của vũ trụ và con người.

Lòng tin về thần bí linh năng của vũ trụ hiện xuất nơi tôn giáo và triết nhân, mà [vì] tâm địa – là mầm sống – bị khô khan, nên thay vào bằng lý trí. Con người được ánh sáng phản chiếu lờ mờ, nương đó mà lần vào lãnh vực địa cơ khoa học.

***Thiên cơ** phải lui bước vào địa hạt âm u, thì **Địa cơ** vô tình xuất hiện, xuất hiện một cách oai hùng, sức mạnh tung hoành, đánh bạt thần bí thiên nhiên, không còn lẩn quẩn bên người, mà người cũng coi đó lại là mối thâm thù từ ngàn xưa, như Trời cho họ một cái ách nặng nề, khó chịu.*

*Khoa học đã chào đời. Thiên hạ hoan hô, cho là một vị Thần tuyệt đỉnh. (…) Khoa học là con đẻ của **Địa tài (Địa cơ)**. **Tài của Địa** đâu phải mơ mộng, u huyền, thần bí như **Tài Thiên**, mà sự mở mang lanh lẹ vô cùng xảo diệu, không một bí mật nào chẳng được khai quật, khám phá hẳn hòi; không một mầu nhiệm nào mà chẳng phanh phui, lộ tẩy cái thành công thay Tạo Hóa, hóa hóa vô cùng, thông thiên đạt địa, tạo đủ phương tiện cần thiết mà dùng.*

*Nhưng than ôi, **con người bị lý trí thay thế cho tâm linh**, tuy khoa học là hoàn thiện của lẽ đời. Dầu có khai sáng được nhiều tài nguyên, khai thông được nhiều bộ óc khôn ngoan, kỳ diệu, nhưng khôn ngoan của lý trí là khôn ngoan của bản thể bị chia cắt làm nhiều mảnh, không bao hàm rộng lớn, chung đúc một khuôn hình như thần bí tâm linh, nên càng sáng chế, càng mở mang, càng gây nhiều xáo trộn trong lòng đời; nhơn loại chưa biết đến đâu mới được an toàn, bình định."*[2]

Nguyên nhân nào đã dẫn đến việc "con người bị lý trí thay thế cho tâm linh"? Theo đoạn kinh văn trên đây, vì "tâm địa – là mầm sống – bị khô khan, nên thay vào bằng lý trí". Mầm sống trong tâm địa chính là nguồn sống Đạo tự tại mà trong bất kỳ con người nào cũng có, từ thuở ban sơ. Nếu mầm sống này càng ngày càng khô héo và suy thoái trong khi lý trí càng ngày càng nảy nở và phát triển, thì tất nhiên đến một lúc nào đó, lý trí sẽ lấn chiếm hết đời sống tinh thần của con người. Con người bị lạc vào thế giới ngoại tại và không còn tìm được đường trở về pháp giới nội tâm. Do không khôi phục lại được đời sống nội tâm mà "nhơn loại ngày nay đã mất hết lẽ sống, lâm vào một tình trạng nguy ngập vô cùng", như phần đầu đoạn kinh văn đã nói.

Và đó chính là tình trạng của xã hội loài người ngày nay.

---

[1] Ba ngôi này là "Thiên", "Địa" và "Nhân". Xin xem thêm quyển "Triết Học Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" trong bộ "Giáo Lý Đại Toàn" này.

[2] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 3, tiết 1, mục 3.

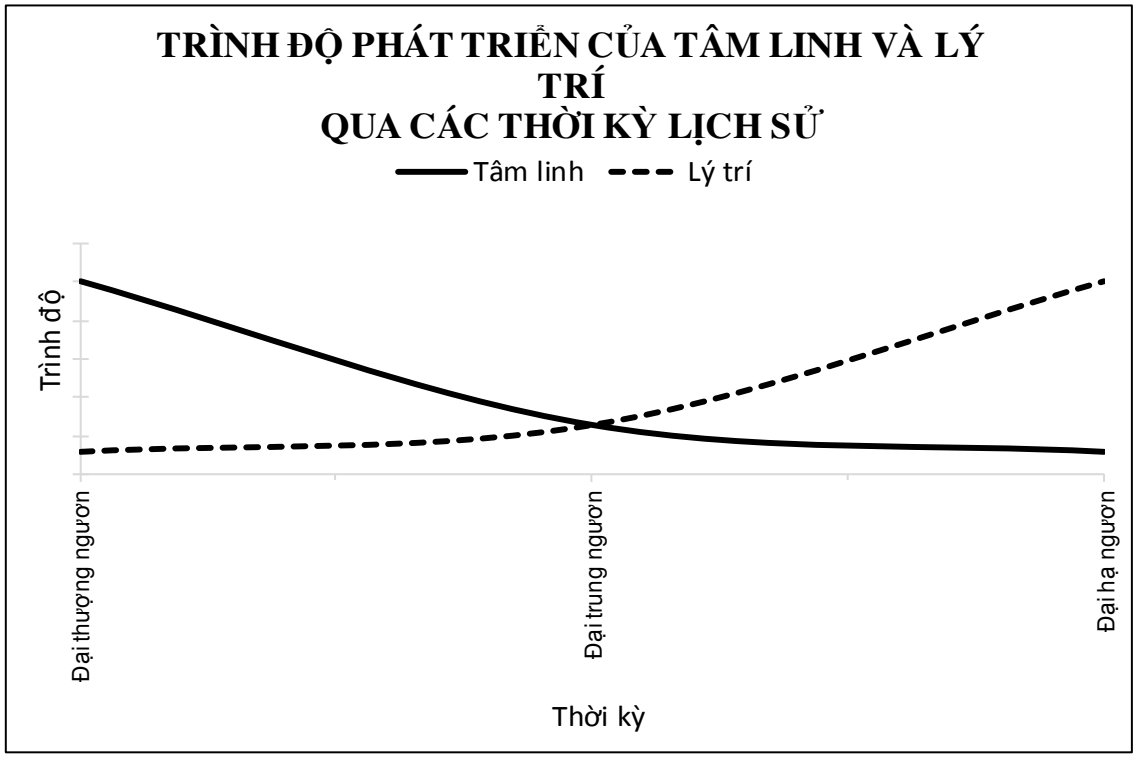

2.3.3. Sự suy thoái của tâm linh và sự phát triển của lý trí trong lịch sử

Ta có thể tổng kết hai diễn trình lịch sử vừa nêu vào một đồ thị, như trong hình vẽ dưới đây. Đồ thị này diễn đạt một cách tượng trưng về hai khuynh hướng trái ngược giữa đời sống lý trí và đời sống tâm linh của nhân loại trong lịch sử.

HÌNH 33. ĐỒ THỊ BIỂU DIỄN (MỘT CÁCH ĐỊNH TÍNH) CÁC KHUYNH H□ỚNG PHÁT TRIỂN TÂM LINH VÀ LÝ TRÍ CỦA NHÂN LOẠI QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ KHÁC NHAU. TÂM LINH CÓ KHUYNH H□ỚNG SUY THOÁI LIÊN TỤC TỪ ĐẠI TH□ỢNG NGU□N ĐẾN ĐẠI HẠ NGU□N. NG□ỢC LẠI, LÝ TRÍ CÓ KHUYNH H□ỚNG TĂNG TR□ỞNG LIÊN TỤC TRONG SUỐT THỜI GIAN NÀY.

Hai khuynh hướng trái ngược giữa lý trí và tâm linh này đã diễn ra liên tục từ đại thượng nguơn đến đại trung nguơn, rồi sang đại hạ nguơn. Đến thời hạ nguơn mạt kiếp của đại hạ nguơn, sự chênh lệch giữa trình độ tâm linh và trình độ lý trí của nhân loại – trong đó, lý trí chiếm vị thế lấn át hẳn tâm linh – là rất lớn. Điều đó khiến cho nhân loại tuy đạt đến những tiến bộ kỳ ảo về lý trí nhưng lại lâm vào tình trạng suy thoái hết sức nghiêm trọng về đạo đức.

Sự hiện diện của hai khuynh hướng trái ngược này đã được xác nhận qua đoạn thánh giáo sau đây của Đức Quan Âm Bồ Tát khi Ngài dạy về sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ:

"Hỡi chư hiền đệ hiền muội! Đứng trước sự vong tồn của nhơn loại, [với] lòng từ bi sẵn có trong con người đạo đức chơn tu, lẽ tất nhiên, chư hiền đệ hiền muội sẽ không quên sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ [mà] Thượng Đế đã ban trao cho mảnh đất nhỏ nhen nầy[1]. Cái sứ mạng to tát ấy không nhứt thiết phải dùng đến thế lực hùng mạnh, khí cụ tối tân, tài ba xuất chúng, mà lại rất cần đến nội tâm của mỗi cá nhân, mỗi gia đình, mỗi dân tộc, bởi vật chất càng tăng cường trong ánh văn minh chói lọi thì tinh thần càng băng hoại sa sút. Vì đó, phải đem lại sự quân bình cho cả hai, tâm linh và nhơn sanh. Có được sự quân bình ấy, thế giới mới hòa bình, nhơn loại mới an vui thạnh trị."[2]

Thật ra, hai hướng phát triển này – hướng phát triển của tâm linh và hướng phát triển của lý trí – tự chúng không mâu thuẫn với nhau và càng không loại trừ lẫn nhau. Sự tiến bộ về văn minh, bản thân nó, chẳng những không cản trở mà còn thúc đẩy sự tiến bộ về đạo đức. Sự tăng trưởng của đạo đức, bản thân nó, chẳng những không loại trừ mà còn bổ túc cho sự tăng trưởng của văn minh. Nếu hai khuynh hướng này luôn luôn song hành, xã hội sẽ phát triển quân bình giữa tâm linh và lý trí, thế giới này sẽ trở thành một thiên đàng cho nhân loại. Nhưng trên thực tế, loài người đã không gìn giữ được sự song hành này, đã tách rời hai khuynh hướng này ra khỏi nhau rồi đặt chúng vào thế đối lập với nhau.

Nhân loại hoàn toàn có thể (và đáng lẽ nhân loại đã phải) phát triển đồng thời cả đạo đức tâm linh lẫn văn minh vật chất. Tôn giáo và khoa học phải song hành với nhau trong một thế liên kết không thể tách rời, như Albert Einstein đã nói: "Khoa học mà thiếu tôn giáo là què quặt, tôn giáo mà thiếu khoa học là mù lòa"[3]. Nhưng muốn bình hành tâm vật, con người phải tìm lại để phát huy Đại Đạo tự hữu nơi lòng mình, vì Đại Đạo ấy là ***nguyên lý của con người*** – hay như "Đạo Học Chỉ Nam" nói – là ***Nhân Lý***. Khi nhận định rằng kết quả hành động của con người dưới sự dẫn dắt của lý trí và học thuyết là tiêu diệt lẫn nhau, "Đạo Học Chỉ Nam" đã nhấn mạnh rằng do con người buông bỏ "Nhân Lý", nên chẳng những bị đói khát về tinh thần mà ngay chính nhu cầu về vật chất của con người cũng không sao thỏa mãn được:

"Trải qua các thời đại, chư thánh nhơn và các nhà hiền triết, các bậc quân tử ưu thời đều lần lượt xuất hiện, đưa ra nhiều phương pháp cung ứng cho nhu cầu. Thuyết nọ chồng lẫn thuyết kia, giải pháp nào cũng lung linh huyền nhiệm. Nhưng thế gian con người chưa chấp nhận một giải pháp nào làm mục đích, làm cứu cánh, để bốn biển cộng đồng, loài người chung sống.

(…) Nhân lý là một thành phần quan trọng. Người đã đánh mất Nhân Lý của người, thì người không còn tự chủ, tự do, vì đó mà hướng nghiêng về vũ trụ thần linh hay xuyên vào thế giới hữu hình vật chất, nên lúc nào cũng thấy thiếu thốn, thèm khát, ước ao.

---

[1] Cụm từ "mảnh đất nhỏ nhen nầy" ở đây được dùng để chỉ đất nước Việt Nam.
[2] Đức Quan Âm Bồ Tát; Chơn Lý Đàn, Tuất thời, 01-04 nhuần Giáp Dần (22-05-1974).
[3] Dẫn theo Alice Calaprice, *The New Quotable Einstein*, tr.203.

Vì vậy mà nhơn loại rượt theo miếng mồi dục vọng, chụp bắt trên con đường vô định, lạc xa ngoài cương vị nhân bản của mình. [Do] Đói vật chất, đói tinh thần, mà có những xâu xé tranh giành, gây nên trường xáo trộn."[1]

Tại sao lịch sử về đạo đức và văn minh của nhân loại đã phải diễn biến theo hai khuynh hướng trái ngược như vậy? Đức Vô Cực Từ Tôn chỉ cho nhân loại chúng ta biết nguyên do sâu xa và đơn giản của tấn bi kịch này là **lòng thị dục** của nhân loại:

"Hỡi các con! Hẳn các con có nghe câu "Thiên Địa tuần hoàn, châu nhi phục thỉ". Tuy lời nói đơn sơ, nhưng đúng với lý thiên nhiên của Tạo Hóa. Từ thuở tạo thiên lập địa, Bàn Cổ sơ khai, thì các con còn là bổn tánh chơn như, chất phác hiền lương, sống lẫn lộn thú cầm, chỉ biết đói ăn khát uống. Vì đức háo sanh của Thượng Đế muốn các con vượt lên một mức để phân tách với thú cầm, nên cho các vị Thánh Đức lâm phàm cải tạo đời sống các con thành một giá trị trên vũ trụ, và xây dựng cho các con một nền tảng Nhân Đạo vững chắc, muôn đời vẫn còn sử dụng.

Các con ôi! Thiên Địa chí công, sự tiến hóa không riêng cho loài người, mà chung cả vạn loại. Bởi thế, nên Tam Giáo mới ra đời lập Đạo, hầu dẫn dắt sự tiến hóa của vạn loại đi về đúng lẽ Trời để giữ mãi cái thế gian an lạc thanh bình. Nhưng than ôi! ***Vì lòng thị dục của các con****, không muốn hưởng ân huệ đồng đều mà các con chỉ mong chiếm phần ân huệ của Hóa Công về cho trọn quyền sử dụng cá nhơn của mình. Nhưng các con nào có biết đâu, trong cặn bã có những loài vi trùng độc. Lòng thị dục của các con lại nẩy nở ra lục dục thất tình, khiến cho các con trở thành một giống người tội ác, nên mới có cảnh hỗn độn ngày nay.*

Các con ôi! Mẹ rất đau lòng giữa trách nhiệm và tình thương của Mẹ đối với các con. Ngày xưa cũng các con, mà ngày nay cũng các con: xưa thì ngày Nghiêu tháng Thuấn, nay lại xương núi máu sông. Các con ôi! Mẹ rất đau lòng khi Nguyên Nhân lạc lầm vào đường trầm luân bể khổ."[2]

Trong đoạn thánh giáo trên đây, lòng thị dục là sự ham muốn đối với việc "chiếm phần ân huệ của Hóa Công về cho trọn quyền sử dụng cá nhơn của mình". Chính sự ham muốn này đã "nẩy nở ra lục dục thất tình " trong lòng con người, làm cho nhân loại trở thành "một giống người tội ác", và hành xử của giống người này đã dẫn đến "cảnh hỗn độn ngày nay". Như vậy, lòng thị dục đã dẫn đến sự suy thoái nghiêm trọng về đạo đức. Và do sự suy thoái ấy mà có hai khuynh hướng trái ngược giữa đời sống lý trí và đời sống tâm linh của nhân loại.

Lý trí không phải là cái đối-nghịch-với mà là cái bổ-sung-cho tâm linh. Nhưng ở nhân loại, chính dục vọng của bản ngã đã làm cho lý trí không phân biệt được chơn giả, nên lý trí quay lại chế ngự lương tri, tạo ra tấn bi kịch giữa lý trí và tâm linh trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại. Đức Vô Cực Từ Tôn đã dạy:

---

[1] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 2, tiết 4, mục 4.

[2] Đức Vô Cực Từ Tôn; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 01-01 Quý Mão (24-01-1963).

"Các con ôi! Mọi sự ở thế gian phát khởi đều do nhân dục. Hễ có nhân dục lại đồng chung với bản ngã. Hễ có bản ngã thì ắt có tư tâm, ích kỷ, tự ái, tự tôn, làm cho lý trí phải bị mờ lu, không phân biệt được cái nào là chơn, là giả.

Đời nay, nhân loại thường bị lý trí chế ngự lương tri, nên mới nảy sanh bao nhiêu thảm cảnh mà các con đang chứng kiến và ảnh hưởng đến mọi sự hành thiện."[1]

Như vậy, chính dục vọng là thủ phạm tạo ra hai khuynh hướng trái ngược giữa đời sống lý trí và đời sống tâm linh của nhân loại. Hiểu được điều này, ta có thể hiểu được diễn biến của cơ tiến hóa ở thời mạt kiếp trong các xã hội nhân loại. *"Sự chênh lệch cách xa, một bên trí năng phát minh khoa học và một bên đạo đức lương tri, tạo nên tai họa khủng hoảng mờ mịt không lối thoát."*[2] Sự mất quân bình giữa tâm linh và lý trí – trong đó, tâm linh thì suy thoái mờ mịt còn lý trí thì tỏa sáng – tạo nên cuộc khủng hoảng về nhân bản, về giá trị của con người, về bản chất của nhân loại.

Kinh "Đạo Học Chỉ Nam" đã viết: *"Khoa học là thuyền, đạo pháp là lái."*[3] Ở đây, khoa học đại diện cho đời sống lý trí trong nền văn minh hiện đại, còn đạo pháp đại diện cho đời sống tâm linh của con người từ muôn thuở đến muôn đời. Nếu so sánh văn minh nhân loại như một con tàu luôn muốn tiến về phía trước, thì trong một chừng mực nào đó, lý trí giống như sức mạnh của động cơ, còn tâm linh giống như chiếc bánh lái. Nếu bánh lái của còn tàu không hoạt động tốt để thực hiện chức năng của nó, thì động cơ càng mạnh mẽ bao nhiêu, con tàu càng có nhiều nguy cơ bị chìm đắm bấy nhiêu. Thế nên, trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển" Đức Thượng Đế đã nói: *"Các con có biết chăng, hiện nay vì thế gian rất hung bạo nên thời kỳ tận diệt đã hầu kề. Nhơn loại tàn sát lẫn nhau, bởi* ***không biết dùng khoa học vào việc phải****, nên nó mới biến thành chia rẽ và chiến tranh."*[4]

Đây là một bi kịch đang diễn ra trong thời đại của chúng ta.

2.4. Sự thất chân truyền của các tôn giáo

Cuộc khủng hoảng của nhân loại do mất quân bình giữa lý trí và tâm linh đã có một ảnh hưởng hết sức nghiêm trọng đến tôn giáo: làm cho các tôn giáo bị thất chân truyền. Biểu hiện đầu tiên của sự thất chân truyền là sự chia rẽ trong nội bộ của từng tôn giáo và giữa các tôn giáo.

2.4.1. Sự chia rẽ trong các tôn giáo

Trong thời hạ ngươn này, hầu hết các tôn giáo đều gặp nạn chia rẽ nội bộ. Sự chia rẽ xảy ra khắp nơi trong cơ cấu tổ chức của một tôn giáo, từ chức sắc đến tín đồ, từ địa phương này sang địa phương kia, từ nhóm người này đến nhóm người khác.

---

[1] Đức Đức Vô Cực Từ Tôn; thánh thất Bình Hòa, Ngọ thời, 15-08 Đinh Mùi (18-09-1967).
[2] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hợi thời, 11-08 Bính Dần (14-09-1986).
[3] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 4, tiết 5 (tiểu tiết 4).
[4] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 01-10-1926; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.49, 131. Nguyên văn đoạn thánh giáo bằng Pháp văn: *"Savez- vous que le monde est à ce jour tellement méchant que l'ère de destruction approche. L'humanité s'entretue. Bien mal servie par la science, elle provoque la dissenssion et la guerre."*

Chúng ta cần phân biệt sự chia rẽ nội bộ với sự phân chia chi phái của các tôn giáo. Hai sự kiện này khác nhau về bản chất. Trong lịch sử của mỗi tôn giáo, không một tôn giáo nào mà không phân chia thành nhiều chi phái từ khá sớm. Phật giáo, sau khi Đức Thích Ca tịch diệt khoảng 100 năm, đã bắt đầu phân chia thành hai nhánh là Tiểu thừa (Thượng tọa bộ) và Đại thừa (Đại chúng bộ); rồi về sau, mỗi nhánh lại tiếp tục phân chia ra thành nhiều chi phái khác nữa. Ky Tô giáo vào thế kỷ thứ 3 đã chia thành những chi phái như phái "Người nghèo" (אביונים Ebyonim, Ebionim [Hbr], Ebionites [Eng][1]), phái "Linh ảnh" (δοκέω dokeơ [Grk], Docetism [Eng][2]), v.v… Trong Hồi giáo, vào những thập niên cuối của thế kỷ thứ 7 đã xuất hiện các chi phái như phái Khawarij (خوارج Khawrij [Arb], Kharijites [Eng][3]), phái Sunni (سنة Sunnah [Arb][4]), v.v…

Sự phân chia chi phái là một sự kiện tất yếu trong giai đoạn phát triển của một tôn giáo. Theo nguyên lý "Nhất bổn tán vạn thù", sự phân chia chi phái này luôn luôn có nhiều mặt tích cực hơn là tiêu cực, vì nhờ đó mà mỗi tôn giáo có thể phát triển trong những hoàn cảnh hết sức khác biệt nhau và gia tăng khả năng cứu độ những đối tượng khác nhau. Sự phân chia chi phái thường là kết quả của những chủ trương cứu độ tích cực khác nhau. Nó không đồng nghĩa với sự chia rẽ, mặc dù sự chia rẽ có thể xuất hiện trong sự phân chia chia phái như một hiện tượng biểu kiến.

Trái ngược hẳn với sự phân chia chi phái, sự chia rẽ luôn luôn là tiêu cực. Nếu chỉ có chia rẽ và chia rẽ, người ta không bao giờ có thể lập ra và duy trì bất kỳ một chi phái nào, mà chỉ có một khả năng duy nhất là phá hủy mọi thứ. Sự chia rẽ không xuất phát từ một cái gì tích cực cả; nó chỉ xuất phát từ dục vọng của phàm ngã.

Dục vọng của phàm ngã trong môi trường tôn giáo không chỉ làm cho mỗi tôn giáo rơi vào chỗ mâu thuẫn nội bộ, mà còn làm cho các tôn giáo mâu thuẫn lẫn nhau. Trong thời hạ nguơn này, những dục vọng như vậy xuất hiện ngày càng nhiều, dẫn đến sự chia rẽ đối nghịch ngày càng tăng. Mặc dù người ta có thể dùng những thủ thuật nào đó để che dấu những mâu thuẫn như vậy trước mắt thế nhân, nhưng không ai có thể che dấu được chúng dưới mắt Thượng Đế. Thánh giáo Cao Đài tiên tri rằng những tôn giáo như vậy sẽ sụp đổ:

"Tôn giáo chia rẽ, tôn giáo thù ghét, tôn giáo trái ý Trời, sẽ bị sụp đổ."[5]

Xưa nay, tôn giáo tồn tại là để cứu đời. Vì đời không có đạo đức, nên đời mới phải gánh lấy những tai họa do sự vô đạo đức gây ra. Nhưng ở thời hạ nguơn này, đa số nhân loại trên thế giới đều là người có tôn giáo, hiểu đạo đức. Vậy mà tai họa vẫn xảy ra cho nhân loại ngày một dồn dập. Thánh ngôn Cao Đài nói:

---

[1] http://en.wikipedia.org/wiki/Ebionites; 21-10-2010.
[2] http://en.wikipedia.org/wiki/Docetist#Texts_including_docetism; 21-10-2010.
[3] http://en.wikipedia.org/wiki/Khawarij; 21-10-2010.
[4] http://en.wikipedia.org/wiki/Sunni; 21-10-2010.
[5] Đức Thái Bạch Kim Tinh; Trung Hưng Bửu Tòa, 08-11 Mậu Tuất (18-12-1958); Hội Thánh Truyền Giáo, *Thánh Truyền Trung Hưng* (tập IV) tr.18-21

"Đời mắc họa tai vì không đạo đức, đạo đức ngoài môi. Nhơn dân trên thế giới gần ba phần tư người theo đạo, tin thờ Thần, Thánh; tại sao có tai họa? Bởi vì tôn giáo chưa nhận thấy Đạo có một, chưa nhận được con số một. Ai cũng nói mình là lẽ thật, bài xích ganh ghét lẫn nhau, tư tưởng vô cùng tội lỗi."[1]

Trong sự đào thải của cơ tiến hóa ở giai đoạn cuối cùng, mọi tội lỗi đều phải gặt lấy kết quả tương ứng của chúng. Nếu sự chia rẽ trong phạm vi tôn giáo đã bị các Đấng Thiêng Liêng đánh giá là "vô cùng tội lỗi", thì nhân loại sẽ do sự chia rẽ ấy mà gánh thêm nhiều tai họa trong thời mạt kiếp. Đức Thái Bạch Kim Tinh dạy:

"Bần Đạo lấy làm nôn nóng lo sợ cơ Trời mầu nhiệm chưa một ai dưới thế nầy được thấu biết, để lòng ưu tư, để thân thờ kỉnh. Nhìn lại buổi đời hạ nguơn, nhơn loại nay mai phải lâm vào cảnh hành phạt gớm ghê, năm châu ảo diễn đủ tấn kịch bi hùng, nhiều nước sẽ bị dưới oai lực của Trời hành phạt mà tan đổ thình lình, người người chết đủ cách, lửa trên trời đổ xuống đốt thiêu quả đất này, nước dưới biển dâng lên ngập cả đất trở thành sông, nơi nơi là bể nước, nơi nơi là bể lửa, nước lửa xung đột nhau mà tiêu hủy cõi đời.

Ôi! Một cách hình phạt kinh sợ, thế mà loài người nào biết đâu. Bao nhiêu quyền thế trên đời đều bị đánh bạt cả, [bao nhiêu] oai lực hùng hổ trên đời đều bị đánh ngã cả; danh lợi đâu còn để nơi tay kẻ tham dục ích kỷ. Khắp trên lục địa, núi lở đất sụp giữa cảnh bi thương, loài người tự lãnh lấy; bốn phương giết lẫn nhau, phe phe phái phái, bên này bên nọ, hơn hơn mất mất, tranh giành bắn giết bằng cơ khí, bằng mưu quyền, bằng khẩu chiến, bằng tay chân. Còn cái gì đều chưng bày ra trước mắt Đức quyền năng để tiêu diệt!

(…) Hiện nay trên thế giới chia làm hai khối, một là ***Lành*** *thì dưới quyền chủ tọa của Thầy, hai là* ***Dữ*** *[thì] dưới tay quỷ vương quản trị. Quyền pháp chúng nó cao kỳ, luôn luôn đến trước mặt Thầy mà thách đố, chúng nó đòi cả sự nghiệp cõi nầy bởi chúng nó gây nên, ai là người bị nó thuyết phục – đều đầu hàng dưới quyền pháp [của] danh sắc, ăn ngủ, bận chơi*[2] *– là tôi con của nó. Nó bảo quyền ấy Đức Cha Trời không được can thiệp, nếu Đức Cha Trời muốn cứu chuộc nhơn loại thì phải đấu tài, đấu pháp; ai hơn thì bên nấy làm chủ.*

Ôi! Lẽ đời ai biết ai không, cơ Trời dễ gì thấu hiểu. (…) Hôm nay trên thế giới, các tôn giáo mang danh đạo đức mà gây ra nghịch lẫn rẽ chia, phần lớn là dựa ở uy quyền, cầu cạnh lợi danh, chiếm chỗ đứng nơi ngồi, mượn chính trị để mở mang thế lực, lòng ganh tị nhau, buộc người theo mình gây thêm vây cánh. Giữa các tôn giáo, cái gì từ lâu dấu kín đều đưa ra trước mắt Thầy mà tiêu diệt, cái gì không phải của Trời đều trả cho ma quỷ. Thế gian phải sụp đổ bởi lòng kiêu ngạo. Ai là tên quân của lũ kiêu ngạo sẽ bị Đức Quyền Năng đánh ngã. Là người có sứ mạng, chẳng hết lòng cùng quyền pháp mà còn thông giao làm nội ứng cho công cuộc chống lại Đức Cha Trời cũng bị trong vòng

[1] Đức Huỳnh Liễu Tâm; Trung Hưng Bửu Tòa, 22-01 Mậu Tuất (11-03-1958); Hội Thánh Truyền Giáo, *Thánh Truyền Trung Hưng* (tập III), tr.97-98.

[2] "Quyền pháp [của] danh sắc, ăn ngủ, bận chơi": sự cám dỗ của đời sống vật chất.

hành phạt. Tôn giáo hôm nay gieo rắc cho đời hoang mang ngờ vực, pha lẫn chơn lý với mỵ quyền, để cho đạo đức mang câu nghị luận.

Tôn giáo chia rẽ, tôn giáo thù ghét, tôn giáo trái ý Trời, sẽ bị sụp đổ. (…) Cái gì không tinh túy, bất đồng thể, lối chết, lòng ganh ghét [sẽ được] giao trả cho quỷ vương mặc tình quản trị. Vì lẽ đó mà Cha Trời đều cho cả nơi tay các chúa quỷ."[1]

Trong chân truyền của mỗi tôn giáo, không một vị giáo tổ nào cho phép chia rẽ, đối nghịch. Chẳng có một tôn giáo nào được lập ra để chia rẽ, tranh chấp, thù hận, mà ngược lại, mọi tôn giáo đều được dạy rằng phải rao giảng và thực hành tình thương. Sự đối nghịch chia rẽ dẫn đến kỳ thị, ganh ghét là một dấu hiệu của sự tha hóa làm thất chân truyền trong các tôn giáo.

2.4.2. Sự tha hóa của tôn giáo

Trong cuộc khủng hoảng của nhân loại do mất quân bình giữa lý trí và tâm linh, lẽ ra các tôn giáo với tư cách là những mối Đạo Trời phải đứng vững trong sứ mạng giáo hóa nhân loại. Tuy nhiên, các tôn giáo đã không vượt qua được những thử thách chung của toàn nhân loại trong thời mạt kiếp. Đức Vô Cực Từ Tôn đã nói về sự kiện này như sau:

"Vì lý trí chế ngự lương tri, nên rất đỗi Đạo Trời là lối giải thoát cho nhân loại, mà vì lý trí chế ngự mọi phương cách hành sự cùng lãnh đạo, nên mới nảy sanh ra cảnh loạn ly tang tóc, từ ngoài đời đến trong tôn giáo. Tự nơi đó mà các nhà lãnh giáo không còn giữ đúng tâm niệm lương tri và sứ mạng cao cả của mình.

Đáng lý tôn giáo là nguồn an ủi tâm hồn của người đau khổ, đem yên tĩnh chế ngự loạn động, đem tình thương bác ái chế ngự sự thù oán vô lương, đem sự sinh tồn chế ngự điều giết tróc. Nhưng trái lại, tôn giáo kỳ thị tôn giáo, gây bao sự thù hiềm giết tróc, đau khổ tang tóc cho sanh linh. Bởi đó, các con chưa hưởng được sự bảo tồn che chở và tình thương của đạo lý và tôn giáo."[2]

Cuộc khủng hoảng về bản chất của nhân loại đã dẫn đến cuộc khủng hoảng về nội dung của tôn giáo. Cuộc khủng hoảng đó đã khiến các tôn giáo dần dần đánh mất chân truyền Đại Đạo, trở thành những hình tướng tín ngưỡng bề ngoài, và không còn thực hiện được sứ mạng cứu độ của mình.

"Ngày nay, trước cảnh đời đảo điên xáo trộn, nhơn tâm phân hóa vô cùng. Rất đỗi, tôn giáo là những khuôn vàng thước ngọc, để khép con người từ chỗ sa đọa trở nên hiền, thánh, tiên, phật, hun đúc con người từ chỗ trọng trược, hồng trần, được thanh thoát, cao siêu, tôn giáo là mối dây liên quan, là cửa thông đồng cho vạn dân chủng tộc; thế mà, tôn giáo ngày nay cũng trong tình trạng chia ly phân cách. Đó là do nơi lòng người chẳng về

[1] Đức Thái Bạch Kim Tinh; Trung Hưng Bửu Tòa, 08-11 Mậu Tuất (18-12-1958); Hội Thánh Truyền Giáo, *Thánh Truyền Trung Hưng* (tập IV) tr.18-21

[2] Đức Diêu Trì Kim Mẫu; thánh thất Bình Hòa, Ngọ thời, 15-08 Đinh Mùi (18-09-1967).

một, nên tôn giáo trở thành những tổ chức riêng biệt của xã hội này, quốc gia kia, đảng phái nọ."[1]

Vậy, ở vào thời mạt kiếp này, tất cả các tôn giáo trong Tam Giáo Đạo đều bị ***thất chân truyền***. Chính vì vậy, thời mạt kiếp còn được giáo lý Đại Đạo gọi là thời *mạt pháp*.

Để thấy rõ hơn về tình trạng thất chân truyền của vạn giáo trong Tam Giáo Đạo, trước hết, chúng ta hãy bắt đầu từ tam giáo Á Đông.

Trong một đàn cơ tại Chí Thiện Đàn (Minh Đức Nho giáo), Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã từng dạy: *"Nho, Thích, Lão là Đạo."*[2]

Lời dạy này cho thấy tam giáo Á Đông là Đạo. Đạo ấy nằm trong chân truyền của mỗi tôn giáo.

Trong một đàn cơ khác tại Nam Thành Thánh Thất, Đức Lý Giáo Tông lại dạy: *"Các tôn giáo hiện có chỉ là các cấu tử chớ chưa phải là Đạo."*[3]

Lời dạy này cho thấy rằng các tôn giáo đã đánh mất chân truyền của mình theo thời gian.

Trong "Đại Thừa Chơn Giáo", Đức Thượng Đế giải thích nguyên do và diễn biến của quá trình thất chân truyền ở tam giáo Á Đông:

"Tam giáo trước – là Nho, Thích, Đạo – vì hoằng khai cũng đã lâu đời, nên bị biến cải mà thành thử phải ***thất chơn truyền****, làm cho sai lạc mất hết cả thiên cơ mầu nhiệm. Bởi đó, nhơn sanh tu tuy nhiều mà thành thì chẳng có.*

Lại cũng bị thất truyền mà Tam giáo lần lần phải lu lờ mờ mịt. Nẻo chơn không ai đến, đường chánh chẳng người đi, nên cỏ mọc bìm leo, gai rào cây lấp. Vì lẽ đó, nhơn loại phải trong vòng vây luân hồi tứ khổ, đày đọa mãi ở chốn trần ai. Nhơn sanh cũng vì vậy mà lần lần tiêu đạo đức, phế tinh thần, mới chuộng sự hữu hình, nên bày những âm thinh sắc tướng, không ai còn để chí lưu tâm đến chỗ thâm huyền cao viễn, chỉ ưa sự dễ dàng, tạng thấy tạng nghe, rồi cứ dẫy lòng nhơn dục tham mê, mới gây tội ác nặng nề, phải mang lấy sừng lông mà bị thối hóa lại súc sanh và luân hồi lục đạo.

Ba nhà tôn giáo đã thất chơn truyền:

1. Đạo Thích (đạo Thiền) bày dị đoan từ đời Thần Tú, làm mê hoặc chúng sanh. Vậy cũng phổ độ, cũng giựt giành, mà chỉ đem con người vào đường u ám lạc lầm. Kinh sám truyền lại mà không khảo cứu, kiếm tầm cho ra chơn lý; chẳng định trí tham thiền, không gom thần nhập định.

2. Còn Nho giáo, sau đời Mạnh Tử, càng ngày càng lạc lầm, đường Thiên lý chẳng cần, chỗ thâm nhiệm không rõ; chỉ học đặng khoe tài hay giỏi, dục lợi cầu danh, tổn nhơn ích kỷ; chớ không chịu học để sửa mình, tầm hiểu cho tột cùng cái lý cao siêu huyền

---

[1] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 07-02 Tân Hợi (03-03-1971).
[2] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Chí Thiện Đàn (Minh Đức Nho Giáo), Tuất thời, 26-08 Nhâm Tý (03-10-1972).
[3] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành thánh thất, Ngọ Thời, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

bí, cái cơ nguồn cội muôn loài. Học là cốt để mở mang tinh thần trí hóa, đặng trau giồi cho tận thiện tận mỹ cái cơ hữu hình, chớ học mà để cầu vinh hay là mong mỏi đến quyền cao chức cả, ấy là người tiểu nhơn hạ trí, không biết cầu lấy cái cao siêu quý trọng nhứt là Thiên chức mà Trời đã nấy trao cho[1]*. (…)*

3. Còn Đạo giáo là huyền bí, thậm chí ư huyền bí, chỉ có người bực thượng trí mới thấu đáo chỗ căn nguyên. Còn bực thường nhơn hạ trí thì rất khó thông cơ mầu nhiệm, bởi vậy mới hiểu lầm tưởng sai mà bày ra phép tắc, phù chú làm cho mê hoặc thói đời, thêm hư phong tục, khiến người nhiễm lấy dị đoan, nào là hô phong hoán võ, tróc quỷ trừ ma, bày binh bố trận, mới biến [thành] tả đạo bàn môn, thiệt là rất hại."[2]

Sự thất chân truyền như ở tam giáo Á Đông, thật ra, cũng là một tình trạng phổ biến của vạn giáo; tình trạng đó được chứng minh bởi những sự kiện thực tế đã từng xảy ra trên khắp thế giới, như chiến tranh tôn giáo, kỳ thị tôn giáo, phân chia giai cấp theo chức tước tôn giáo, áp bức và bóc lột nhân sanh bằng quyền lực tôn giáo,… Những nguyên nhân đã dẫn đến sự thất chân truyền của tam giáo Á Đông như được nêu trong lời dạy của Đức Thượng Đế, vì vậy, cũng là những nguyên nhân chung gây ra tình trạng thất chân truyền của mọi tôn giáo. Trong khi nhân loại bị lý trí chế ngự lương tri, dục vọng che mờ bản linh chơn tánh, chìm đắm trong biển khổ sông mê, thì con người tôn giáo – từ hàng lãnh đạo, đến các phẩm chức sắc, cho đến tín đồ – lại vì bản ngã tư tâm mà sinh ra vô minh nê chấp. Vì vô minh nê chấp vào hình danh sắc tướng, các tôn giáo thiên dần về việc tranh giành ảnh hưởng ở bề ngoài; trong khi đó, con người tôn giáo cũng không có mấy ai minh chứng được hiệu năng cứu độ của tôn giáo mình trên chính cá nhân mình.

Việc thất chân truyền của các tôn giáo đã được nhiều nhà nghiên cứu văn hóa học nêu ra. Chẳng hạn như James Frazer; ông đã viết về điều này thông qua hai tôn giáo mà ông nghiên cứu là Phật giáo và Thiên Chúa giáo:

> "(...) Người ta có thể vạch ra một đường song hành hết sức bổ ích giữa lịch sử của Thiên Chúa giáo và lịch sử của Phật giáo. Hai hệ thống tôn giáo này lúc khởi thủy chủ yếu là những cuộc cải cách về đạo đức, nẩy sinh từ lòng khao khát độ lượng, từ những khát vọng cao cả, từ lòng trắc ẩn dịu dàng của các nhà sáng lập cao quý của họ, hai bộ óc cao thượng ấy trên trái đất hiếm khi mới xuất hiện, cũng như là những sinh thể đến từ một thế giới ưu việt hơn để giúp đỡ và hướng dẫn cái bản chất yếu ớt của chúng ta đang chìm đắm trong sai lầm. Cả hai hệ thống đều rao giảng rằng phẩm chất đạo đức là phương tiện để thực hiện cái mà họ nhìn nhận như là mục đích tối thượng của cuộc đời, sự giải thoát vĩnh cửu cho linh hồn của cá nhân; nhưng theo hai con đường đối nghịch nhau một cách kỳ lạ, một hệ thống thì tìm kiếm sự giải thoát đó trong một niềm đại hạnh phúc vĩnh hằng, hệ thống kia tìm sự giải thoát trong một sự trút bỏ dứt khoát nỗi đau khổ, trong sự hủy diệt.

---

[1] "Nấy trao cho": giao cho.

[2] Đức Cao Đài Thượng Đế; 20-09 Bính Tý (03-11-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt- Pháp 1950), tr.428-430.

> Những ý tưởng khắc khổ về tinh thần mà hai hệ thống đó khắc sâu vào trí não, đối nghịch một cách quá ư sâu sắc, không riêng gì với tính chất yếu đuối mà cả với những bản năng tự nhiên của loài người, vì vậy đã không bao giờ được tuân thủ ở trong thực hành, ngoại trừ bởi một số lượng rất hạn hẹp các môn đồ, những người này, hết sức lôgic đã từ bỏ các mối liên hệ với gia đình và với quốc gia để hoạt động cho sự giải thoát của họ trong cuộc sống khép kín bình lặng của tu viện. Nếu như người ta muốn rằng các tôn giáo đó được các dân tộc thậm chí cả thế giới chấp nhận thì việc cần thiết là (…) phải sửa đổi chúng hoặc cải biến chúng, để đặt chúng, trong một mức độ nào đó, ngang tầm với các thành kiến, các dục vọng, các tư tưởng tôn thờ điều dung tục. Việc chỉnh sửa này, theo dòng thời gian, là công trình của các môn đồ có khí chất kém thanh khiết hơn các bậc thầy của họ, nhưng chính vì lý do đó mà lại thích hợp hơn trong việc giữ vai trò là những người trung gian giữa các bậc thầy ấy với đàn con chiên tầm thường. Vì vậy, dần dà từng bước, hai tôn giáo, theo tỷ lệ chính xác của mức độ được lòng dân chúng, ngày càng hấp thụ thêm những yếu tố hạ đẳng mà vào lúc ra đời các tôn giáo đều có mục tiêu đặc biệt phải xóa bỏ. Những bước suy thoái về tinh thần ấy là không tránh khỏi. Thế giới không thể sống ngang với trình độ những con người vĩ đại. (…)"[1]

Không riêng gì tôn giáo này hay tôn giáo nọ, sự thất chân truyền sẵn sàng đến với mọi tôn giáo qua những quá trình biến cải chỉ chú trọng đến Tướng mà không giữ gìn lấy Thể và không phát huy được Dụng. Không giữ gìn được Thể thì nền móng không còn vững vàng. Không phát huy được Dụng thì mỗi ngày một sa lầy vào lý thuyết viễn vông mà không thực chứng được chánh quả và không thực hiện được sự cứu độ. Những biến cải như vậy dẫn đến sự hủy hoại cấu trúc Thể-Tướng-Dụng của tôn giáo. Khi đó, tôn giáo sẽ biến chất. Thay vì là những thực thể Đạo-cứu-thế, tôn giáo lại trở thành một thứ ma thuật *"mê hoặc thói đời, [làm cho các dân tộc] thêm hư phong tục, khiến người nhiễm lấy dị đoan"*[2]; những tôn giáo như vậy *"chỉ đem con người vào đường u ám lạc lầm"*[3], dẫn con người đi đến chỗ *"dục lợi cầu danh, tổn nhơn ích kỷ"*[4]. Đối diện với những tôn giáo trong tình trạng như vậy, nhiều nhà tư tưởng đã công kích chúng không tiếc lời dù họ sống ở thời đại nào. Ở thế kỷ 19, Karl Marx[5] đã viết: "Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân. Để có hạnh phúc thật sự của nhân dân, đòi hỏi việc xóa bỏ tôn giáo, hạnh phúc ảo tưởng của họ."[6] Đến thế kỷ 21, Richard Dawkins vẫn mô tả tôn giáo như

---

[1] J. Frazer, *Cành Vàng – Bách Khoa Thư Về Văn Hóa Nguyên Thủy*, tr.577.
[2] Đức Cao Đài Thượng Đế; 20-09 Bính Tý (03-11-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt- Pháp 1950), tr.430.
[3] Ibid., tr.428.
[4] Ibid.
[5] Karl Heinrich Marx (1818-1883): triết gia, nhà kinh tế chính trị và nhà xã hội học người Đức. Tư tưởng của ông đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản (http://en.wikipedia.org/wiki/Karl_Marx; 17-10-2010).
[6] K. Marx, "Ảo Tưởng Tôn Giáo và Nhiệm Vụ Lịch Sử", bản dịch của Đức Hạnh, *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*, tr.31.

"một trong những tội lỗi lớn nhất của thế giới này"[1]. Thánh giáo Cao Đài cũng nhận định:

"Tôn giáo – mệnh danh là Đạo cứu đời – mọc lên như nấm, nhưng đời chẳng những chưa được cứu, lại càng khổ thêm…"[2]

Chân truyền của mỗi tôn giáo bao gồm mọi tinh hoa tư tưởng và pháp môn mà vị giáo tổ của tôn giáo ấy truyền trao lại cho những người đời sau. Nếu đời nào cũng có người biết tiếp nhận, bảo tồn và phát triển chân truyền, thì tôn giáo ngày một hưng thịnh để thực hiện sứ mạng cứu độ. Ngược lại, chỉ cần một thế hệ không có người thừa kế chân truyền, hoặc có người thay đổi chân truyền đến mức chúng sai lạc hẳn đi so khuôn mẫu ban đầu mà bậc giáo tổ đã xây dựng, thì tôn giáo ấy sẽ bị thất chân truyền và chỉ còn lại những hình thức bên ngoài của tôn giáo. Sự thất chân truyền này bắt nguồn phần lớn từ sự chấp tướng (cố chấp vào hình thức bên ngoài) của con người tôn giáo ở những đời sau.

Bất kỳ một ai, khi đã bước vào một tôn giáo nào đó tức là đã có cơ duyên để lập lại sự thành công trên con đường mà vị giáo tổ của tôn giáo của mình đã đi và đã thành công, đồng thời, cũng có cơ duyên thụ hưởng quy chế cứu độ của Đức Chí Tôn Thượng Đế. Lẽ ra người ta phải biết mượn hình thức tôn giáo của mình để làm phương tiện tìm lại Thánh Tâm của chính mình, vì Thánh Tâm là nơi duy nhất con người có thể hiệp thông với Thượng Đế để tiếp nhận sự cứu độ. Nếu người ta không tìm về nội tâm của mình, mãi cố chấp vào hình tướng tôn giáo, ngủ quên trong hình tướng tôn giáo, xung đột nhau vì hình tướng tôn giáo, thì sự cứu độ sẽ không bao giờ đến. Chẳng những thế, người ta còn góp phần làm cho tôn giáo của mình thất chân truyền, dù tôn giáo ấy là tôn giáo nào đi chăng nữa.

"Tạo Hóa đã sanh muôn loài vạn vật, thì Tạo Hóa cũng cung cấp mọi nhu cầu cho vạn vật để phát triển bảo tồn; nhưng sự cung cấp cho nhu cầy ấy cũng tùy theo trường hợp, tùy theo đặc tính của mỗi vật, của mỗi căn trí. Những vật thể, nó có là vì đức háo sanh của Thượng Đế; muốn thỏa mãn nhu cầu của nó, nhưng nhân thế vì thấy chấp tướng nên lần hồi đi đến chỗ sai thất chơn truyền, bại hoại căn bản của nó. Thôi, thà là dòng nước để tự nó luân lưu khắp chốn – kinh rạch sông ngòi, biển cả đại dương – để được giữ vẹn vô tướng của nó.

Còn Đạo cũng thế, vì muốn độ đời nên Chí Tôn Thượng Đế mở Đạo, cho lồng vào những thể tướng của các tôn giáo khác nhau. Người đời vì chứng bịnh vô minh chấp tướng, nên Đạo ở hoàn cảnh đó chẳng những không cứu được đời, mà lại cũng không cứu được chính bản thân của hành giả đương sự. Ôi! Thà để cho dòng Đạo tự do âm thầm, lặng lẽ luân lưu trong vạn vật. (…) Những ngôn ngữ, những hình tướng tôn giáo,

[1] Dẫn theo F. Collins, *Ngôn Ngữ Của Chúa*, tr.203.
[2] Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu; Tây Thành thánh thất, Tuất thời, 27-09 Giáp Dần (10-11-1974).

đoàn thể đạo đức, những tổ chức hành chánh đạo,… tất cả đều là những phương tiện để giúp hành giả đạt đến cứu cánh, mới mong khỏi ôm ấp cái mộng hão huyền."[1]

Thất chân truyền, đó đã và đang là một thực trạng đối với nhiều tôn giáo trên thế giới trong thời hạ ngươn mạt kiếp này. Muốn khôi phục lại được chân truyền, cần có một giải pháp chung cho cả vạn giáo trong Tam Giáo Đạo, chứ không thể tìm giải pháp cục bộ cho từng tôn giáo. Bởi vì chúng ta đang sống trong giai đoạn chọn lọc và đào thải của cả càn khôn vũ trụ, nên sự sinh tồn của cá thể và tổng thể gắn liền với nhau; cũng thế, sự sinh tồn của mỗi tôn giáo cũng gắn liền với sự sinh tồn của Tam Giáo Đạo. Như vậy, giải pháp chung ở đây phải là một giải pháp được triển khai đồng loạt cho vạn giáo trong Tam Giáo Đạo.

Giải pháp đó là: quy Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo.

3. HAI XU THẾ QUY NGUYÊN Ở CUỐI NHỊ KỲ PHỔ ĐỘ

Vào cuối nhị kỳ phổ độ, trên thế giới đã xuất hiện một khuynh hướng càng ngày càng rõ ràng: đưa nhân loại trở về một thế giới đại đồng. Khuynh hướng đó được giáo lý Đại Đạo gọi là **quy nguyên**.

3.1. "Quy nguyên" là gì?

Thuật ngữ "quy nguyên" ở đây được lấy từ tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: "Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi hiệp nhất". Để hiểu chữ "nguyên" này, có thể tham khảo một bài thơ do Đức Thái Thượng Đạo Quân ban trong kinh "Tam Nguơn Giác Thế":

"Tam Giáo đồng nguyên hiệp nhứt gia	三教同源合一家
Tam nguơn tái lập tạo sơn hà	三元再立造山河
Thần Tiên giáng thế hoằng khai Đạo	神仙降世宏開道
Độ tận hoàn cầu thiện sĩ đa.	度盡環球善士多"[2]

Chữ "nguyên" ở đây được viết theo Hán tự là 源 có nghĩa là nguồn gốc. Trong ngữ cảnh của tôn chỉ "Tam Giáo quy nguyên", nguồn gốc ấy chính là Đạo hay Đại Đạo. Ở mỗi cá nhân, Đại Đạo là Thánh Tâm, là Phật Tánh. Ở mỗi xã hội, Đại Đạo là Nhân Bản. Đại Đạo cũng là căn bản chung của mọi tôn giáo và là cơ cứu độ của Đức Thượng Đế.

Vậy, "quy nguyên" (歸源) có nghĩa là trở về nguồn gốc, tức là trở về Đại Đạo. Muốn trở về nguồn gốc Đại Đạo, con người phải tìm lại Thánh Tâm, Phật Tánh trong bản thân mình. Một khi cá nhân đã tìm lại được Thánh Tâm và Phật Tánh thì xã hội cũng phục hồi được nhân bản trong xã hội. Giáo lý Đại Đạo gọi đó là **trở lại với Thượng Đế**.

Thế thì về thực chất, **quy nguyên** chẳng qua là **quy Tâm**, trở về nguồn gốc Đại Đạo chính là trở về với nhân bản, với sự hiền lành trong lòng con người mà Trời đã phú bẩm

---

[1] Ibid.
[2] Chiếu Minh Đàn (Cần Thơ), *Tam Nguơn Giác Thế*, tr.30.

từ thuở sơ khai. Nhân loại tuy có nhiều chủng tộc, xã hội tuy có nhiều giai cấp, nhưng nhân bản thì có một và chỉ một mà thôi. Nếu nhân loại biết quay trở về nhân bản thì thế giới sẽ đại đồng.

Mọi tôn giáo trên thế giới đều được phát sinh từ một nguồn gốc duy nhất là Đại Đạo, và nguyên lý Đại Đạo này nằm ngay trong chân truyền của mỗi tôn giáo. Nếu mỗi tôn giáo tìm lại chân truyền nơi chính mình, thì mọi tôn giáo sẽ hội tụ về một tinh thần chung: tinh thần Đại Đạo. Khi đó, tinh thần của tôn giáo này cũng chính là tinh thần của tôn giáo kia. Các tôn giáo thay vì kỳ thị lẫn nhau hay cạnh tranh với nhau, sẽ bổ túc cho nhau và liên kết lại thành một thực thể cứu thế thống nhất. Đó chính là sự quy nguyên của vạn giáo trong Tam Giáo Đạo.

Hiểu được điều này tức là hiểu được ý nghĩa căn bản của tôn chỉ "Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi hiệp nhất" của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Trước khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được Đức Thượng Đế khai mở tại Việt Nam vào đầu thế kỷ 20, suốt trong thế kỷ 19, trên thế giới đã xuất hiện hai xu thế quy nguyên, do nhiều nhà cải cách tôn giáo, nhiều nhà hoạt động xã hội, nhiều nhà tư tưởng, thậm chí, nhiều nhà khoa học hay nhiều văn nhân nghệ sĩ thực hiện.

Thứ nhất là xu thế quy nguyên ngoại tại, theo đó, các tổ chức hướng về lẫn nhau, kêu gọi nhau cùng hợp tác vì một thế giới đại đồng. Đặc biệt đối với các tôn giáo, ngày càng xuất hiện nhiều tiếng nói trên khắp thế giới thúc giục các tôn giáo cùng nhìn nhận ở nhau một bản chất chung, cùng nhau tìm về một cội nguồn chung, cùng bắt tay nhau trong một vai trò chung, vì tương lai của nhân loại.

Thứ hai là xu thế quy nguyên nội tại, theo đó, mỗi tôn giáo tự hướng vào chính mình để tự cải cách lấy mình cho phù hợp với nhân tâm và thời đại. Theo xu thế này, ngày càng xuất hiện nhiều ý nguyện của chức sắc và tín đồ của các nền cựu giáo mong mỏi các tôn giáo này phải có những hành động cần thiết để tự chấn chỉnh những điểm sai lạc so với chân truyền của chính mình sau một thời gian dài phát triển, cũng như, để làm sống lại những căn bản nguyên ủy trong những hoàn cảnh hiện tại của lịch sử nhân loại.

Hai xu thế này xuất hiện khắp nơi, từ phương Đông sang phương Tây, trên mọi mặt của đời sống tinh thần và tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo của nhân loại.

3.2. Xu thế quy nguyên ngoại tại: đi tìm sự đại đồng

Xu thế quy nguyên ngoại tại là xu thế hướng ra cộng đồng quốc tế để kêu gọi mọi người cùng hợp tác xây dựng đời sống đại đồng. Sở dĩ có thể gọi đây là một xu thế quy nguyên, vì trong xu thế này, người ta đã nhận ra rằng trên trái đất chỉ có một nhân loại duy nhất từ thời nguyên thủy đến nay bất kể những khác biệt về chủng tộc, giai cấp hay tín ngưỡng, và chỉ có đời sống đại đồng mới làm cho mỗi con người đều được đối xử bình đẳng như là thành viên của một nhân loại duy nhất. Trong xu thế này, nhiều cá nhân và tổ chức đã kêu gọi các nhà lãnh đạo trên thế giới cùng bắt tay nhau để xóa bỏ những kỳ thị rẽ chia. Nổi bật trong xu thế này là sự trỗi dậy mạnh mẽ của tinh thần đại đồng nhân loại trên toàn cầu và sự xuất hiện tư tưởng đại đồng tôn giáo ở nhiều tôn giáo.

3.2.1. Tinh thần đại đồng nhân loại

Tinh thần đại đồng nhân loại (hay đại đồng thế giới) xuất hiện một cách phổ biến ở cuối nhị kỳ phổ độ. Không chỉ xuất hiện trong hoài bão hay tư tưởng của hầu hết các tầng lớp xã hội trong nhân loại, tinh thần đại đồng còn nằm trong hành động không mệt mỏi của rất nhiều cá nhân thuộc những lĩnh vực hoạt động khác nhau. Ta có thể nêu ra một số ví dụ.

Quốc tế ngữ. Một trong những biểu hiện của khát vọng đại đồng nhân loại là nỗ lực sáng tạo những quốc tế ngữ, tức là những ngôn ngữ chung cho toàn thế giới. Nhiều nhà ngôn ngữ học tin rằng, sở dĩ nhân loại còn xung đột với nhau là vì nhân loại không có một ngôn ngữ chung để thật sự hiểu nhau. Họ không ủng hộ việc chọn những ngôn ngữ tự nhiên (nghĩa là ngôn ngữ có sẵn của một dân tộc) được đa số người sử dụng trong một thời đại cụ thể để làm quốc tế ngữ, vì họ cho rằng tính chất phổ biến của ngôn ngữ tự nhiên thường là do quyền lực về tôn giáo, chính trị, quân sự hay kinh tế tạo nên.

Thành tựu đầu tiên trong hướng đi này là quốc tế ngữ Esperanto, do bác sĩ Lazar Ludwik Zamenhof (1859-1917) người Ba Lan sáng tạo ra và công bố vào năm 1887. Mục đích của Zamenhof là đem đến cho nhân loại một ngôn ngữ chung, dễ học, không mang màu sắc chính trị hay tôn giáo, và mỗi dân tộc đều có thể dễ dàng sử dụng nó như ngôn ngữ thứ hai sau tiếng mẹ đẻ của mình trong các giao tiếp quốc tế. Ông hy vọng rằng việc sử dụng ngôn ngữ này sẽ giúp nhân loại hiểu biết lẫn nhau dễ dàng hơn, và sẽ trở thành một công cụ để thúc đẩy thế giới đi đến hòa bình và đại đồng. Tên gọi của ngôn ngữ này, "Esperanto", có nghĩa là "Người đang hy vọng", ngụ ý rằng những người sử dụng quốc tế ngữ này là những người đang hy vọng về tương lai hòa bình và đại đồng của nhân loại. Tiếng Esperanto đã được truyền bá và sử dụng ở 115 quốc gia trên thế giới[1]. Ngày nay, đã có khá nhiều kênh truyền hình và phát thanh cũng như trang Web sử dụng tiếng Esperanto. Nhiều công cụ tìm kiếm trên mạng internet như Google hỗ trợ việc tìm kiếm bằng các từ khóa Esperanto. Hệ điều hành mã nguồn mở Linux cũng có phiên bản hỗ trợ cho Esperanto.

Một số quốc tế ngữ khác cũng đã ra đời trên nền tảng Esperanto – được gọi chung là "Esperantido" – nhằm mục đích khắc phục một số khuyết điểm về kỹ thuật của Esperanto: quốc tế ngữ Ido được đưa ra vào năm 1907, quốc tế ngữ Universal được đưa ra vào năm 1923. Ngoài ra, cũng có những quốc tế ngữ khác được phát triển theo những cách tiếp cận độc lập với Esperanto, như quốc tế ngữ Interlingua được xây dựng từ năm 1937 đến 1951 bởi Hiệp hội Ngôn ngữ phụ trợ Quốc tế (IALA: International Auxiliary Language Association [Eng])[2].

Dù có được các quốc gia trên thế giới chính thức chấp nhận làm các ngôn ngữ thứ hai hay không, các quốc tế ngữ vẫn là một thể hiện rất đẹp đẽ của tinh thần đại đồng thế giới.

---

[1] http://en.wikipedia.org/wiki/Esperanto; 15-06-2010.
[2] http://en.wikipedia.org/wiki/Interlingua; 15-06-2010.

Các Tổ chức Phi chính phủ Quốc tế. Một biểu hiện khác của tinh thần đại đồng nhân loại là việc xuất hiện các Tổ chức Phi chính phủ Quốc tế (INGO: International Nongovernmental Organization [Eng]). Đây thường là các tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, do tư nhân thành lập chứ không thuộc về một nhà nước nào. Mục đích của các tổ chức này thường là những hoạt động từ thiện, mang đến những lợi ích khác nhau cho con người, không có động cơ chính trị hay kinh tế, không phân biệt giai cấp, chủng tộc, quốc gia, tôn giáo,… Ví dụ như Hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ Quốc tế (International Red Cross and Red Crescent Movement) do Jean Henri Dunant (1828-1910) thành lập năm 1863, hay Tổ chức Bác sĩ Không biên giới (Mdecins sans frontires [Frc], Doctors Without Borders [Eng]) do một số bác sĩ người Pháp thành lập vào năm 1971.

Những tổ chức như vậy xuất hiện mỗi ngày một nhiều[1], tác động mỗi ngày một mạnh mẽ vào ý thức cộng đồng của con người, và ít nhiều cũng đã trở thành một hình thái hoạt động tiêu biểu cho sự thức tỉnh của tinh thần đại đồng nhân loại trên phạm vi toàn cầu.

3.2.2. Tư tưởng đại đồng tôn giáo

Cùng với tinh thần đại đồng nhân loại, từ giữa thế kỷ 19, tư tưởng đại đồng tôn giáo cũng bắt đầu xuất hiện ở nhiều nơi trên thế giới, qua các nhà tư tưởng lớn hoặc qua sự ra đời của nhiều tôn giáo mới.

Để minh họa, chúng ta sẽ xét đến hai tôn giáo mới tiêu biểu ở thời kỳ này là Bahá'í và Thông Thiên Học.

Bahá'í. Giáo lý Bahá'í đưa ra một kế hoạch thống nhất nhân loại dựa trên mười hai nguyên lý căn bản:[2]

1. Nhân loại thống nhất, bằng cách cùng nhau nhìn nhận mình là con cái của Thượng Đế;
2. Con người phải tự tìm hiểu chân lý một cách độc lập;
3. Thượng Đế là duy nhất, và các đấng giáo tổ đã từng đến thế gian vào các thời kỳ khác nhau để lập các tôn giáo khác nhau là đồng nhất;
4. Mục đích của mọi tôn giáo là xây dựng sự thống nhất và hòa hợp;
5. Hủy bỏ thành kiến và mê tín;
6. Tôn giáo phải đi đôi với khoa học và lý trí;
7. Sự bình đẳng giữa nam và nữ;
8. Giáo dục phổ thông là bắt buộc;
9. Chấp nhận một quốc tế ngữ, một ngôn ngữ chung của toàn nhân loại;
10. Giải pháp tâm linh đối với vấn đề kinh tế;
11. Thành lập pháp viện quốc tế;
12. Thế giới hòa bình.

---

[1] Hiện nay có khoảng 40.000 tổ chức phi chính phủ quốc tế, hoạt động trên phạm vi toàn cầu. Theo http://en.wikipedia.org/wiki/NGO; 15-06-2010.

[2] Theo "Baha'i là gì?"

Chính Đức Bahá'u'lláh đã mang rất nhiều lời dạy về sự đại đồng từ Thượng Đế đến cho nhân loại; ví dụ: "Các ngươi có biết tại sao Ta tạo sinh các ngươi bằng một thứ bụi duy nhất? Là để không ai có thể tự cho mình cao quý hơn kẻ khác. Các ngươi hãy luôn luôn suy ngẫm trong thâm tâm về nguồn gốc của các ngươi. Bởi Ta đã tạo ra các ngươi do một chất liệu duy nhất, các ngươi có bổn phận sống như là một tâm hồn, đi cùng nhịp bước, ăn như nhau, ở cùng chung một dải đất, sao cho dấu hiệu [của] sự duy nhất và tinh hoa [của] sự giải thoát được thể hiện từ trong bản thể sâu kín của các ngươi và qua các hành vi và sự nghiệp của các ngươi."[1]

Như vậy, tinh thần đại đồng nhân loại và tư tưởng đại đồng tôn giáo được thể hiện rất rõ ràng và mạnh mẽ trong đạo Bahá'í.

Thông Thiên Học. Như đã được trình bày trước đây, Thông Thiên Học hiện hữu qua ba hình thái: triết lý, tôn giáo và khoa học, tương ứng với các chân lý thuộc phạm vi trí thức, tâm linh và vật chất.

Trên bình diện triết lý, Thông Thiên Học nói rằng nhân loại là những điểm Linh Quang của Thượng Đế. Vì toàn thể nhân loại cùng có một Đấng Cha Chung là Thượng Đế, nên không thể chấp nhận sự phân biệt sắc tộc, nam nữ, tôn giáo. Bởi đó, Thông Thiên Học luôn nêu cao tình huynh đệ trong nhân loại mà không có một sự phân biệt nào.

Trên bình diện tôn giáo, Thông Thiên Học đề cập đến chân lý chung, tiềm tàng trong mọi tôn giáo. Thông Thiên Học không khi nào đòi hỏi một người từ bỏ tôn giáo của mình để theo Thông Thiên Học; mà ngược lại, Thông Thiên Học giúp người tín đồ của các tôn giáo hiểu rõ hơn về tôn giáo của chính mình, và trở nên mạnh mẽ hơn trong đức tin tôn giáo của chính mình.

Trên bình diện khoa học, Thông Thiên Học dạy con người khai mở những quyền năng tiềm tàng ở con người, tạo những năng khiếu mới cho sự quan sát, và thực hiện những biện pháp hợp lý để quan sát trực tiếp, tỉ mỉ và nhiều lần. Nhờ vậy, con người có thể vượt ra khỏi mọi định kiến, mê tín, trực tiếp thông đạt chân lý.

Cả ba hình thái hiện hữu của Thông Thiên Học đều là những hình thái xiển dương tinh thần đại đồng trong nhân loại và giữa các tôn giáo. Đặc biệt, chủ trương "Không tôn giáo nào vượt qua chân lý" thể hiện một tinh thần và thái độ hết sức tích cực trong việc giải quyết vấn đề kỳ thị tôn giáo hay xung đột tôn giáo.

Ngoài sự ra đời của hai tôn giáo đại đồng vừa nêu, trên thế giới bắt đầu xuất hiện những hội nghị tôn giáo toàn cầu như là những diễn đàn trao đổi tư tưởng, tạo điều kiện để gia tăng sự hiểu biết và cảm thông lẫn nhau giữa các tôn giáo. Năm 1893, Đại hội Tôn giáo Thế giới (World's Parliament of Religions) lần thứ 1 được tổ chức tại Chicago (Hoa Kỳ), được xem là "nỗ lực đầu tiên để tạo ra một đối thoại toàn cầu giữa những tín ngưỡng khác nhau" ("the first attempt to create a global dialogue of faiths"[2]). Năm 1900, Hội nghị

[1] Đức Bahá'u'lláh, *Ẩn Ngôn*, tr.31.
[2] http://en.wikipedia.org/wiki/Parliament_of_the_World's_Religions; 14-06-2010.

Quốc tế về lịch sử tôn giáo (the Congress of the History of Religions)[1] lần thứ 1 được tổ chức tại Paris (Pháp).[2]

HÌNH 34. ĐẠI HỘI TÔN GIÁO THẾ GIỚI (WORLD'S PARLIAMENT OF RELIGIONS) LẦN THỨ 1,
DIỄN RA TẠI CHICAGO (HOA KỲ) TỪ NGÀY 11-09-1893 ĐẾN NGÀY 27-09-1893.
NGUỒN: HTTP://EN.WIKIPEDIA.ORG/WIKI/FILE:1893PARLIAMENT.JPG; 14-06-2010.

Qua những ví dụ trên đây, chúng ta thấy nhân loại đã thể hiện một nhu cầu, một khát vọng rất rõ rệt về thế giới đại đồng. Chẳng những vậy, nhân loại đã quyết tâm gầy dựng sự đại đồng ấy qua các hoạt động trên nhiều lĩnh vực rất khác biệt nhau: tôn giáo, khoa học, chính trị, kinh tế, ngôn ngữ, từ thiện,… Có thể nói rằng nhân loại đã làm bất cứ điều gì có thể làm được với hy vọng đạt được sự đại đồng mà mình mong ước. Điều này cho thấy xu thế quy nguyên ngoại tại là một xu thế rất mạnh mẽ của lịch sử văn minh nhân loại ở thời hạ nguơn mạt kiếp này.

3.3. Xu thế quy nguyên nội tại: phục hưng chân truyền

Bên cạnh xu thế quy nguyên ngoại tại như vừa được trình bày, còn có một xu thế quy nguyên khác là quy nguyên nội tại. Xu thế quy nguyên nội tại xuất hiện trong nhiều tôn giáo. Đây là một xu thế hướng nội, nhìn lại chính tôn giáo của mình để tìm lại chân truyền của tôn giáo mình. Trong xu thế này, ta gặp một khuôn mặt điển hình là đại sư Vivekananda. Đại sư nhận ra rằng tất cả các tôn giáo vốn có chung một nguồn cội. Nguồn cội ấy được ông diễn tả như là mạc khải thiêng liêng, là "tiếng nói của ngàn xưa".

---

[1] http://en.wikisource.org/wiki/The_Complete_Works_of_Swami_Vivekananda/Volume_4/Translation:_Prose/The_Paris_Congress_of_the_History_of_Religions; 14-06-2010.

[2] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Lịch Sử Đạo Cao Đài* (Q.1), tr.22.

Nếu mỗi tôn giáo đều tự tìm lại được "tiếng nói" nơi chính mình, thì các tôn giáo sẽ thống nhất. Ông nói:

> "Qua những kẽ hở của thời quá khứ, tiếng nói của ngàn xưa đang truyền đến chúng ta: đó là tiếng nói của các vị hiền triết ở Himalaya (Hi Mã Lạp Sơn) và những vị ẩn dật trong rừng thẳm; tiếng nói đã truyền đến cho giống dân Semitics (Do Thái); tiếng nói đã thốt ra qua Đức Phật và những vĩ nhân tâm linh khác. Tiếng nói này giống như những dòng nước nhỏ từ núi chảy xuống. Thỉnh thoảng mất dạng, thỉnh thoảng xuất hiện chảy mạnh hơn trước, cho đến lúc sau cùng thì hợp nhứt lại với nhau thành con sông mãnh liệt và oai nghi. Những thông điệp do các vị tiên tri, các vị thánh nam và nữ của mọi tông phái và mọi quốc gia truyền lại chúng ta, đang hợp lực và giảng dạy chúng ta với giọng nói vang lên như kèn của quá khứ. Và thông điệp đầu tiên được mang đến cho chúng ta là "Hòa bình đến với các bạn và tất cả tôn giáo". Đó không phải là một thông điệp dạy cạnh tranh, nhưng đó là một thông điệp dạy về một tôn giáo thống nhứt."[1]

Trong xu thế quy nguyên nội tại, những người có tư tưởng cấp tiến và hướng nội trong các tôn giáo thường tự chỉ ra những điểm sai lạc chân truyền của tôn giáo mình, kêu gọi tôn giáo mình sửa sai, và quan trọng hơn hết, quay về với những gì đã được vị giáo tổ của mình truyền lại từ thuở ban đầu lập giáo, tức là tìm về "tiếng nói của ngàn xưa" (theo cách dùng từ của đại sư Vivekananda). Nói khác đi, xu thế quy nguyên nội tại là xu thế phục hưng chân truyền ở các tôn giáo. Người theo xu thế này không cổ súy cho việc quy hiệp các tôn giáo quy hiệp về thành một cơ cấu thống nhất, nhưng đề cao việc mỗi tôn giáo tự quay về với chân truyền ban đầu của mình. Và đa số những người này tin rằng, một khi các tôn giáo đã tự quay trở về với chân truyền ban đầu của mình, thì các tôn giáo sẽ đương nhiên gặp nhau trong một chân lý chung và thống nhất lại với nhau trong một tinh thần chung.

3.4. Từ xu thế đến hiện thực

Hai xu thế vừa trình bày là những tín hiệu tích cực của lịch sử, cho thấy rằng quy nguyên là một nhu cầu, một nguyện vọng của toàn nhân loại. Những tín hiệu đó báo trước rằng Tam Giáo Đạo tất yếu phải trở về Đại Đạo. Mặc dù những gì nằm trong hai xu thế này chỉ mới là tư tưởng, tâm huyết, tiếng nói, hoạt động của những cá nhân, học phái, tôn giáo cấp tiến, nhưng chúng thật sự cho thấy rằng một vận hội mới đang đến: vận hội của sự quy nguyên. Chúng báo trước rằng tương lai của nhân loại sẽ không nằm ở bất cứ cái gì khác hơn sự quy nguyên và hiệp nhất.

Tuy nhiên, trong cái thế giới đang bị phân hóa đến cùng tột này, các xu thế quy nguyên đã không chuyển được thành hiện thực. Hầu hết những người đã nhiệt thành và can đảm thực hiện những bước quy nguyên đầu tiên đều không đạt được điều mà mình mong muốn. Đức Bahá'u'lláh đã liên tục phải sống trong cảnh tù đày. Và Đức Bab, người đến trước để dọn đường cho nền tôn giáo đại đồng này đã bị xử bắn chỉ trong vòng

[1] J. Yale, *Tôn Giáo Là Gì – Viết Theo Lời Của Vivekananda*, tr.39.

vài năm kể từ ngày Ngài tuyên bố về sứ mạng của mình trước nhân loại. Những lời kêu gọi của Vivekananda về đại đồng tôn giáo và về việc nhìn nhận một tôn giáo phổ quát của nhân loại hình như chưa bao giờ được các nhà lãnh đạo của các tôn giáo lớn trên thế giới hưởng ứng một cách thật sự. Trong những năm tháng cuối cùng của thế kỷ 19, Vivekananda đã từng nhận định:

> "Chúng ta nhận thấy rằng sự nhìn nhận tất cả quan niệm về *tôn giáo là chân* đã có từ xưa, từ ngàn xưa kia lận. Ở Ấn độ, ở Alexandria, ở Âu châu, ở Trung Hoa, ở Nhựt Bổn, ở Tây Tạng, và gần nhứt đây ở Mỹ Quốc. Hàng trăm mưu toan đã được khởi xướng để tìm một thể thức tín ngưỡng tôn giáo điều hòa đặng làm cho mọi tôn giáo hòa hợp lại trong tình yêu thương. Tất cả đều đã thất bại vì chúng không áp dụng một kế hoạch thực tế nào. Một kế hoạch chỉ có thể được gọi là thực tế khi nó không hủy hoại cá nhân tính của bất cứ người nào trong tôn giáo, đồng thời lại chỉ cho họ một điểm thống nhứt với kẻ khác. Nhưng mãi đến nay tất cả kế hoạch về hòa hợp tôn giáo đã được mang ra thử thách, trong khi đề nghị dung nạp mọi quan điểm khác nhau của tôn giáo thì trong thực tế đã cố gắng ép buộc chúng theo một vài giáo lý và như thế đã sản xuất nhiều tông phái mới, chiến đấu, tranh giành và tấn công lẫn nhau."[1]

Nhìn một cách tổng quát, có thể thấy rằng nhân loại đã có rất nhiều nỗ lực – trong số đó, có không ít nỗ lực đã phải chịu trả giá rất đắt – với hy vọng có thể giải quyết được các vấn đề của mình trong thời hạ nguơn mạt kiếp. Tuy nhiên, sau hơn một thế kỷ, những vấn đề vẫn còn nguyên vẹn, nếu không nói là trở nên nghiêm trọng hơn. Ví dụ, ở thời điểm đầu thế kỷ 21, nhân loại phải đối diện với không ít hiểm họa về chiến tranh hơn so với thời điểm đầu thế kỷ 20. Do đó, chúng ta buộc phải nhìn nhận rằng: những nỗ lực từ xu thế quy nguyên cho đến một công cuộc quy nguyên thật sự, vẫn tồn tại một khoảng cách. So với trình độ giải quyết vấn đề của nhân loại hiện nay, khoảng cách đó rộng lớn đến mức nhân loại không thể tự vượt qua được.

3.5. Sự bế tắc từ các thành phần lãnh đạo trong nhân loại

Đóng góp vào thực trạng ấy của nhân loại, một phần không nhỏ là do một số Nguyên Nhân hay Nguyên Căn (tức con người được sinh ra do sự trở lại thế gian của một chơn linh thượng đẳng thiêng liêng) không hoàn thành sứ mạng. Đó là các Nguyên căn thất phận. Các Nguyên Căn này đã nhận lãnh sứ mạng từ Thượng Đế, khi đến thế gian để học hỏi, tu tiến, và nâng đỡ vạn loại, lẽ ra phải xây dựng thế gian thành một môi trường trợ lực cho sự tiến hóa của chính mình và vạn loại; tuy nhiên, các Nguyên Căn này đã góp tay biến thế gian thành biển khổ sông mê, thành một trường tranh đấu để nhân loại tự tiêu diệt lẫn nhau.

Chúng ta đang nói đến các thành phần lãnh đạo trong nhân loại, thuộc mọi lĩnh vực nhân sinh, nhân trí và nhân đức. Giáo lý Đại Đạo nói:

---

[1] J. Yale, *Tôn Giáo Là Gì – Viết Theo Lời Của Vivekananda*, tr.69.

"Tận độ quần linh phải cậy tay đoàn sứ giả. Sứ giả Thượng Đế là ai? Là các hàng tiền nhân giáo chủ, là các bậc siêu nhân đắc đạo, là chư thiên ân sứ mạng hiện hữu đang lãnh đạo tôn giáo, lãnh đạo quần chúng."[1]

Như vậy, các nhà lãnh đạo quốc gia và các nhà lãnh đạo tôn giáo trên thế giới, các chức sắc và các bậc thiên ân sứ mạng ở mọi vị trí trong hệ thống tổ chức của mỗi nền đạo, các nhà tư tưởng và các nhà hoạt động xã hội có nhiều ảnh hưởng đến quần chúng,… đều là những bậc Nguyên Căn mà Thượng Đế phái xuống thế gian để thực hiện sứ mạng của mình trong việc cứu độ quần linh. Nếu các Nguyên Căn này hiểu được sứ mạng của mình đối với toàn nhân loại và biết phải hợp tác với nhau để thực hiện sứ mạng ấy trong mỗi giai đoạn cụ thể của lịch sử, thì diện mạo của thế giới này hẳn đã tốt đẹp hơn ngày nay rất nhiều. Thế nhưng trong giai đoạn lịch sử nào cũng vậy, việc xuống thế gian luôn là một kỳ thi lớn cho mọi Nguyên Căn; bên cạnh những Nguyên Căn hoàn thành sứ mạng và tiến hóa cao lên, cũng có những Nguyên Căn thất phận và bị đọa trầm trong luân hồi chuyển kiếp. Điều này vẫn xảy ra trên thực tế: trong lúc có một vài Nguyên Căn quyết tâm thực hiện sứ mạng của mình trong việc mưu cầu lợi ích cho nhân loại, thì lại có không ít Nguyên Căn bị lầm đường lạc lối trong những cặn bã của hồng trần, đắm nhiễm lợi danh, lạm dụng quyền lực Trời trao mà cản trở hoặc bức hại những Nguyên Căn khác đang thực thi Thiên mạng; vì vậy, những Nguyên Căn lầm lạc này không những chẳng thực hành được phận sự, lại còn gây thêm biết bao tội lỗi trong nhân loại. Ở giai đoạn cuối của nhị kỳ phổ độ – từ thế kỷ 19 sang những năm đầu thế kỷ 20 – điều này cũng đã xảy ra. Ở thời điểm 1970, "Đạo Học Chỉ Nam" đã mạc khải như sau:

"Trăm năm trước, Thiên đình ngự phán,
Cho Nguyên Căn hạ giáng phàm trần;
Dọn đường giảng giáo chúng dân,
Tỉnh tu chờ đón chủ nhân loài người.

Nguyên Căn đã quên lời ủy nhiệm,
Đến phàm trần, đắm nhiễm lợi danh;
Sáng khôn, sẵn có quyền hành,
Gây thêm sóng gió, bất bình khắp nơi.

Lại có kẻ buôn Trời bán Đạo,
Danh là tu, tâm não đâu đâu;
Mấy ai quyết chí tham cầu,
Tự thân thực hiện phép mầu từ bi?"[2]

Vì vậy, Đức Vô Cực Từ Tôn đã than rằng:

"Các con ôi! Mẹ rất đau lòng giữa trách nhiệm và tình thương của Mẹ đối với các con. Ngày xưa cũng các con, mà ngày nay cũng các con: xưa thì ngày Nghiêu tháng

[1] Đức Quan Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-07 Đinh Tỵ (29-08-1977).
[2] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 3, tiết 1, mục 3.

Thuấn, nay lại xương núi máu sông. Các con ôi! Mẹ rất đau lòng khi Nguyên Nhân lạc lầm vào đường trầm luân bể khổ."[1]

Như vậy, cái bế tắc của nhân loại xuất hiện ngay từ trong các thành phần lãnh đạo khác nhau của nhân loại. Thế thì rõ ràng, nhân loại đang đứng trước một nguy cơ diệt vong vô cùng to lớn.

4. KẾT LUẬN

Tam Giáo Đạo tất yếu sẽ trở về Đại Đạo. Nhân loại tất yếu sẽ quy hiệp trong sự đại đồng. Đó là một quy luật sinh tồn của thế giới này. Nhưng, từ xu thế quy nguyên cho đến một sự kiện quy nguyên thật sự, vẫn tồn tại một khoảng cách rộng lớn mà nhân loại không đủ khả năng để tự vượt qua. Chính vì vậy – như sẽ được trình bày trong chương kế tiếp – Thượng Đế đã đến thế gian khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để dẫn dắt nhân loại thực hiện công cuộc quy nguyên mang tính chất sống còn đối với cả thế giới này.

[1] Đức Vô Cực Từ Tôn; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 01-01 Quý Mão (24-01-1963).

CHƯƠNG 9.
THƯỢNG ĐẾ KHAI MỞ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

"Hội nguơn hữu Chí Linh huấn chúng,
Đại Long Hoa nhơn chủng hòa ki;
Tam kỳ khai hiệp Thiên thi,
Khoa môn Tiên vị ngộ kỳ Phật duyên."
Phật Mẫu Chơn Kinh [1]

Một trong những lý do khiến cho xu thế quy nguyên trên toàn thế giới không thể biến thành sự thật là sự suy thoái về tâm linh của nhân loại. Vì thực chất của việc quy nguyên chính là quy Tâm, nên một khi sức sống tâm linh đã quá yếu ớt, nhân loại sẽ không thể tự mình vượt qua những trở ngại to lớn của thời hạ nguơn mạt kiếp mà trở về với Đại Đạo. Do đó, Đức Thượng Đế đã đến. Ngài khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong một bối cảnh lịch sử hết sức phức tạp của thế giới nhân loại, của khu vực Đông Nam Á và của đất nước Việt Nam. *"Đại Đạo ra đời trong Tam Kỳ Phổ Độ là con đường lớn rộng thênh thang xuyên qua muôn trượng núi rừng chông gai hiểm trở."*[2] Con đường này sẽ giúp cho nhân loại vượt qua mọi thử thách để quy hiệp vạn giáo và xây dựng thế giới đại đồng.

Khi nói đến việc quy nguyên hay quay trở về nguồn gốc Đại Đạo của vạn giáo, đã từng có không ít quan niệm sai lầm, mà phổ biến nhất là ba quan niệm sai lầm sau đây. Quan niệm sai lầm thứ nhất cho rằng các tôn giáo (hoặc các chi phái của các tôn giáo) phải tự thay đổi để trở nên giống nhau về mặt hình tướng, ví dụ như xây dựng cùng một kiểu giáo đường, tôn thờ những Đấng Thiêng Liêng giống nhau, mặc những giáo phục như nhau, tuân thủ những giới luật như nhau,… Quan niệm sai lầm thứ hai cho rằng phải thống nhất tổ chức của tất cả các tôn giáo (hoặc các chi phái) về thành một tổ chức tôn giáo chung. Quan niệm sai lầm thứ ba cho rằng phải xóa bỏ mọi hình thức tôn giáo, đưa xã hội trở về tình trạng giống như khi chưa từng có tôn giáo.

Những quan niệm này hoàn toàn không phải là quan niệm quy nguyên của giáo lý Đại Đạo. Quy nguyên là quy Tâm, là quay trở về cái Đạo tự thân, bên trong chính mình. Chỉ cần mỗi tôn giáo trở về với chánh pháp chân truyền của mình, với tinh thần căn bản của

[1] *Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*.
[2] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-02 Ất Mão (27-03-1975).

mình, thì dù muốn dù không mọi tôn giáo cũng tự nhiên gặp gỡ nhau trong một lý tưởng cứu độ chung.

1. SỰ QUY NGUYÊN CỦA TAM GIÁO ĐẠO

Vào thập niên 20 của thế kỷ 20, Đức Thượng Đế đã đến Việt Nam bằng linh điển để tái lập Đại Đạo – mà trước đó đã bị thất truyền trong nhân loại – qua việc sáng lập một tôn giáo mới có tên gọi đầy đủ là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, và tên gọi tắt là đạo Cao Đài. Sau nhiều năm liền xây đắp nền tảng *bí pháp* (nội giáo tâm truyền) nơi Ngài Ngô Minh Chiêu, rồi kế tiếp là một thời gian ngắn để chuẩn bị *thể pháp* (ngoại giáo công truyền) cho cơ phổ độ, Đức Thượng Đế đã khai minh Đại Đạo vào ngày rằm tháng mười năm Bính Dần 1926.

Bất chấp mọi khó khăn về mặt hữu hình[1] và mọi chướng ngại về mặt siêu hình[2], đạo Cao Đài đã phát triển một cách mạnh mẽ và nhanh chóng. Cho đến ngày mùng 1 tháng Giêng năm Đinh Mão (01-02-1927), nghĩa là chỉ hai tháng rưỡi sau ngày Khai Minh Đại Đạo, số tín đồ đã vượt quá con số *"bốn muôn"* (40.000)[3].

Và tiếp theo, chỉ trong vòng một năm, bằng thế Thiên Nhân hiệp nhất, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được xây dựng xong về cơ bản:

"Nhắc Bính Dần, Khai Minh Đại Đạo,
Nhớ bao người sáng lập cơ đồ;
Thoát vòng lợi trược danh ô,
Hiên ngang dũng cảm tung hô Cao Đài.

Dứt quyền quý, theo Thầy hành đạo,
Mặc tù đày, thánh giáo ngâm nga,
Tâm thành chỉ một Trời Cha,
***Chỉ trong năm một Đạo nhà dựng xây**."* [4]

Với việc khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào cuối hạ nguơn mạt kiếp này, Đức Thượng Đế đã hiện thực hóa việc quy nguyên Tam Giáo Đạo trên những bước căn bản. Điều này không có nghĩa là công cuộc quy nguyên Tam Giáo Đạo đã hoàn tất vào thời điểm khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngược lại, thời điểm ấy chỉ là thời điểm bắt đầu của công cuộc quy nguyên lớn lao này để đưa toàn thể nhân loại về cội nguồn Đại Đạo, dựa trên những bước căn bản mà Đức Thượng Đế đã thực hiện. Công cuộc này sẽ phải

---

[1] Tức là những khó khăn do bối cảnh lịch sử của xã hội Việt Nam ở đầu thế kỷ 20.

[2] Tức là những thử thách, khảo thí do ma quỷ ở cõi vô hình mang đến. Nhiều thánh giáo vào thời khai đạo còn ghi lại những sự kiện này. Ví dụ, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã dạy: *"Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lôi Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ Độ, quỷ vương đã khởi phá quấy chơn đạo. Đến danh Ta nó còn mượn, duy ngại Ta nó chẳng dám ngồi mà thôi."* (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1.)

[3] Dựa vào thánh ngôn của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Tây Ninh, 01-01 Đinh Mão (01-02-1927); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1).

[4] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-10 Bính Dần (16-11-1986).

được thực hiện một cách đồng thời bởi quyền năng của Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng, cùng với sự nỗ lực của cả nhân loại.

1.1. Sự quy nguyên do Thượng Đế

Trong tôn chỉ "Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi hiệp nhất" của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì quy nguyên Tam Giáo cũng đồng nghĩa với quy nguyên vạn giáo. Thật vậy, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã từng để lời nhắn nhủ với người tín đồ Đại Đạo:

"Nữ nam tín hữu nhớ lời,
***Quy nguyên vạn giáo**, Thầy Trời chủ trương."*[1]

Theo nguyên lý "Nhất Bổn tán vạn thù – Vạn thù quy Nhất Bổn", do vạn giáo đã phát sinh từ Đại Đạo, nên tất yếu phải quay trở về Đại Đạo. Nhìn vào những diễn biến của lịch sử văn minh nhân loại ở thế kỷ 19, chúng ta đã thấy rằng cái "tất yếu" này tuy là cái tất yếu trong xu thế, nhưng nó chưa hứa hẹn một thời điểm rõ ràng để trở thành hiện thực. Sự quy nguyên mặc dù đã có những tín hiệu báo trước nhưng vẫn chưa từng là một sự thật được khởi phát thành công bởi nhân loại. Trong khi đó, cả thế giới nhân loại càng ngày càng bị đắm chìm vào những bi kịch tự hủy diệt do những dục vọng của mình tạo ra. Chỉ có một Đấng có thể thật sự bắt đầu công cuộc quy nguyên này; Đấng ấy là Thượng Đế. Ngài đã dạy, qua cơ bút Tam Kỳ Phổ Độ, như sau:

"Khắp trong nhân loại trên mặt địa cầu này, phần đông vì kính thờ tà quái – mà tà quái vốn chứa sự chết, thì tức nhiên chúng nó ở trong vòng sự chết, là phải tiêu diệt – thì bao giờ biết đặng sự hằng sống là gì... Cười... Nếu Thầy không đến kịp, thì các con cũng vẫn bị trong vòng sự chết."[2]

hay:

"Thầy lại quy Tam Giáo, lập Tân luật (…) Thầy nhập ba chi[3] *lại làm một, là chủ ý quy tụ các con trong Đạo Thầy lại một nhà (…)"*[4]

Nếu không có Thượng Đế dung hòa và tổng hợp các đường lối khác biệt để đưa nhân loại trở về nguyên bản Đại Đạo, thì mãi mãi, pháp môn này cũng sẽ vẫn tiếp tục công kích pháp môn kia, tôn giáo này cũng sẽ vẫn còn nghi ngại tôn giáo nọ, trong khi sứ mạng cứu thế ở thời kỳ mạt kiếp của các nền đạo lại không thực hiện được. "Đạo Học Chỉ Nam" viết:

"Hôm nay là thời kỳ quy nguyên. Nếu chẳng có Ơn Trên dung hòa, uyển chuyển dìu dắt chúng sanh mà đem về một mối tổng hợp, thì chúng sanh vẫn còn chống đối nhau mãi. Thân sống không yên thì có trông mong gì điều hòa tinh thần, để đi tới một cảnh thái bình an lạc, cùng tịnh tâm vui vẻ, mà trở về nguồn sống của Đạo?"[5]

---

[1] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 30-08 Tân Hợi (18-10-1971).
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 13-06 Bính Dần (22-07-1926), *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.31.
[3] "Ba chi" ở đây được dùng để chỉ Tam Giáo Đạo.
[4] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 13-08 Bính Dần (18-09- 1926), *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.46.
[5] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 2, tiết 1, mục 3.

Thượng Đế đang đến thế gian trong thời mạt kiếp này để quy nguyên tất cả các nền đạo mà Ngài đã lập từ xưa đến nay lại thành một Đại Đạo duy nhất. Đồng thời, Ngài cũng trực tiếp nắm quyền giáo chủ đối với Đại Đạo duy nhất ấy để trực tiếp cứu rỗi nhân loại:

"Vốn từ trước Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo – là: Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo; tùy theo phong hóa của nhân loại mà gầy chánh giáo; là vì khi trước, càn vô đắc khán, khôn vô đắc duyệt, thì nhơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi. Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, càn khôn dĩ tận thức; thì ***lại bị phần nhiều đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau****; nên Thầy mới nhứt định quy nguyên phục nhứt. Lại nữa, trước Thầy lại giao chánh giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa thánh giáo mà làm ra phàm giáo. Thầy lấy làm đau đớn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhân loại phải sa vào nơi tội lỗi, mạt kiếp chốn A Tỳ.*

Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rỗi các con, chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữa."[1]

Như vậy, Thượng Đế đã đến thế gian trong thời hạ nguơn mạt kiếp này, tổng hợp tinh hoa của mọi pháp môn vào Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nhằm tạo một động lực thúc đẩy vạn giáo quy nguyên. Ngài cũng khai mở Đệ Tam Long Hoa đại hội để chọn lọc những kết quả tương ứng với từng giai đoạn trưởng thành của công cuộc quy nguyên:

"Thời kỳ [Đệ] Tam Long Hoa hội, tất cả đều thu hẹp[2] *vào trong chỗ phục thỉ*[3] *tuần huờn."*[4]

Trong thời kỳ của đại hội Long Hoa lần thứ ba, toàn thể vạn vật và con người trong vũ trụ sẽ chịu một cuộc đào thải của Trời Đất; cuộc đào thải đó nhằm chọn lọc những cá thể nào bảo tồn và phát huy được cái Đạo mà Trời Đất đã phú bẩm trong bản thân của cá thể đó. Cái Đạo ấy chính là Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất. Do vậy, chỉ có những cá thể nào bảo tồn và phát huy được cái Đạo ấy mới có thể sinh tồn qua hội Long Hoa lần ba. Điều này có nghĩa là cơ tiến hóa đang tác động để làm cho vạn vật, trong đó có nhân loại, phải quay trở về cội nguồn Đại Đạo ban đầu.

"Hội Long Hoa, Tam Kỳ mở rộng,
Cửa Tổng Trì, nhứt thống kiền khôn;
Gồm nhiều phương tiện, pháp môn,
Trăm sông nghìn rạch, cũng dồn biển Đông."[5]

Bốn câu thơ này nói về nguyên lý căn bản của thời kỳ cứu độ thứ ba này; nguyên lý đó là **quy Tâm**. Trong câu thơ thứ hai, "cửa Tổng Trì" ("Tổng Trì môn") là một thuật ngữ có nguồn gốc từ Phật giáo, được dùng để chỉ cái **Tâm** của con người. Nếu tìm được

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 24-04-1926; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.18.
[2] Chữ "thu hẹp" ở đây có nghĩa là vạn vật sẽ chịu một sự chọn lọc rất triệt để của cơ tiến hóa.
[3] "Phục thỉ" có nghĩa là quay trở về nguồn cội.
[4] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 07-02 Tân Hợi (03-03-1971).
[5] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 3, tiết 1, mục 3.

cái Tâm này trong bản thân, con người sẽ tìm thấy Chân Như bản thể hay bản tánh của mình, và từ đó, sẽ tìm thấy cái Đạo của Trời Đất. Mọi "pháp môn" của vạn giáo từ xưa đều do Tâm con người mà có, đều xuất phát từ chân truyền Đại Đạo và cũng đều là những phương tiện giúp cho con người tìm lại cái Tâm của mình. Trong thời hạ nguơn mạt kiếp, những pháp môn này có thể được ví như những sông rạch từ những hướng khác nhau đổ dồn về biển Đông, mà "biển Đông" ở đây là một ẩn dụ cho Đại Đạo. Mọi pháp môn sẽ quay trở về với Đại Đạo khi được quy Tâm.

Khái niệm "pháp môn" như trên đây vẫn còn hạn hẹp trong khuôn khổ tôn giáo; bây giờ, cần hiểu khái niệm này theo nghĩa rộng hơn. Nói đến "pháp môn" là nói đến bất cứ phương tiện nào để bảo tồn sự sống và thúc đẩy sự tiến hóa của vạn loại. Theo nghĩa này, công cuộc quy nguyên do Đức Thượng Đế thực hiện là một công cuộc thống nhất pháp môn trong cả càn khôn vũ trụ. Không chỉ thống nhất vạn giáo trên thế gian về một Đại Đạo duy nhất, công cuộc đó còn thống nhất mọi phương tiện tiến hóa của chúng sinh theo định luật "Vạn quy Nhất". Sự thống nhất đó sẽ giúp cho toàn thể nhân loại trên thế giới và vạn vật trong càn khôn tiến hóa nhanh hơn nữa, hầu theo kịp tốc độ vận chuyển của cơ tiến hóa trong thời hạ nguơn mạt kiếp, tức là giai đoạn "kết sổ" một đại chu kỳ tiến hóa của vũ trụ.

Để thực hiện công cuộc đại thống nhất này, Thượng Đế đã đến thế gian. Và đối với địa cầu 68, Ngài đã đến không phải bằng xác phàm như những thời kỳ phổ độ trước mà đến bằng linh điển. Chỉ bằng cách đó mới có thể cứu rỗi kịp toàn thể nhân loại. Vì sao? Trong thời hạ nguơn mạt kiếp này, tâm tánh nhân loại đã quá ác độc, tâm hồn nhân loại đã quá u tối, nếu Thượng Đế giáng thế như một giáo tổ mang xác phàm (mà ta đã thấy trong các thời kỳ phổ độ trước đây), thì đấng giáo tổ ấy sớm muộn gì cũng sẽ nhận lãnh những khổ nạn do nhân loại mang đến, như trước đây Jesus, Mani hay Bab đã từng nhận lãnh, trong khi chính nhân loại thì chưa kịp thức tỉnh. Mặc dù những khổ nạn mà các bậc giáo tổ phải chịu đựng không phải là lý do để Thượng Đế không tiếp tục mang xác phàm, nhưng ở hạ nguơn mạt kiếp này thời gian tồn tại của địa cầu chẳng còn bao nhiêu nữa: nếu nhân loại tiếp tục có cơ hội để gây thêm những tội ác với các bậc giáo tổ mang xác phàm thay vì thực hiện giải pháp cứu độ do các Ngài mang đến, chắc chắn nhân loại sẽ không còn đủ thời gian để cứu lấy mình trước ngày tận thế.

Bởi vậy, Thượng Đế đã giáng thế bằng linh điển chứ không bằng xác phàm. Đó là *phép huyền linh vô hình vô ảnh* để quy nguyên vạn giáo, như Đức Quan Âm Bồ Tát đã dạy:

"Sớm biết được cuộc đời trong cuối chu kỳ [tam nguơn] ví như triền đi xuống, Thượng Đế mới hoằng khai Đại Đạo, dụng phép huyền linh vô hình vô ảnh, phá chấp để đem vạn thù sai biệt trở về nhứt lý chơn tông."[1]

Theo đoạn thánh giáo trên đây, mục đích của việc "dụng phép huyền linh vô hình vô ảnh" là giúp cho nhân loại "phá chấp", nghĩa là làm cho tinh thần của nhân loại được

[1] Đức Quan Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-07 Đinh Tỵ (29-08-1977).

rộng mở, không còn bị cầm tù trong những định kiến hẹp hòi do câu nệ vào hình danh sắc tướng. Có phá chấp được thì nhân loại mới không còn thấy sự sai biệt trong vạn thù mà cùng nhau quy hiệp về chỗ "nhứt lý" của "chơn tông", nghĩa là quy hiệp về chân lý duy nhất của Đại Đạo như trước khi phát sinh Tam Giáo Đạo.

Vì Thượng Đế không phải là một nhân vật hữu hình mà là Hư Vô Chi Khí. Khí Hư Vô vốn không có hình danh sắc tướng nhưng đã tạo thiên lập địa và hóa sinh vạn loại. Khi "nhất bổn tán vạn thù", không có cái gì trong vũ trụ mà không bắt nguồn từ Khí Hư Vô không hình không tướng này. Nên khi "vạn thù quy nhất bổn", càng trở lại gần với nguồn gốc ban đầu là Thượng Đế – Hư Vô thì càng phải rời bỏ hình danh sắc tướng. Chỉ khi rời bỏ như vậy, mới thấy được rằng Tất cả là Một.

"Một Khí Hư Vô hóa vạn loài,
Gồm bao máy cựa với bò bay;
Đạo khai, mở lối cho quày lại,
Chỉ Một, đâu nào ba, bảy, hai."[1]

Và đó là quy nguyên. Sự quy nguyên này không chỉ do Đức Thượng Đế thực hiện, mà tất cả Thần, Thánh, Tiên, Phật ở tất cả các cõi giới đều cộng tác vào. Vào năm Bính Dần 1926, Đức Thượng Đế đã nói về sự kiện này như sau:

"Nơi Bạch Ngọc Kinh hơn sáu chục năm trước chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thấy đại nộ [của] Thầy[2], nên ra tình nguyện hạ thế cứu đời."[3]

Từ trước khi Đức Thượng Đế đến để khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại Việt Nam, thì chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đã có những bước chuẩn bị tương ứng trên khắp thế giới:

"Đạo mới khai lập, tuy xuất hiện chưa đầy một năm, chớ chư Tiên, chư Phật đã lập cùng cả năm châu.

Chẳng khác nào trước khi Nhơn Đạo chưa mở, thì đã có Châu Công truyền trước.

Thánh Đạo Jesus chưa ra đời, thì đã có Moise, Elie, Gérémie, Saint Jean-Baptiste.

Đạo Tiên, Ngươn Thỉ chưa ra đời, thì đã có Hồng Quân Lão Tổ, Lão Tử, Thông Thiên Giáo Chủ truyền đạo.

Phật Thích Ca chưa ra đời, thì đã có Nhiên Đăng Cổ Phật và Brahma truyền Đạo.

Thầy chưa giáng cơ lập Đạo tại nước Nam, chớ chư Thần, Thánh, Tiên, Phật [đã] dùng huyền diệu này mà truyền đạo cùng chư vạn quốc."[1]

---

[1] Đức Vô Cực Từ Tôn; Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), Tuất thời, 04-07 Ất Tỵ (31-07-1965).

[2] Trong câu thánh giáo này, Đức Chí Tôn Thượng Đế đang tạm mượn những trạng thái tâm lý của con người để giảng giải những biến chuyển của Thiên Cơ trong thời kỳ cuối cùng của đại chu kỳ hiện tại của càn khôn vũ trụ. Theo nghĩa đen của câu thánh giáo, Đức Thượng Đế đã giận các vị Phật, Tiên, Thánh, Thần trên Thiên Đình vì các vị ấy chưa dám hy sinh mà giáng thế để cứu độ chúng sanh trong thời mạt kiếp. Theo nghĩa bóng của câu thánh giáo, khoảng 60 năm trước ngày khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại Việt Nam (Bính Dần 1926), trong Thiên Cơ đã có một thay đổi rất lớn, dẫn đến việc khai minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

[3] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 27-08 Bính Dần (04-10-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.50-51.

Từ lời dạy trên đây của Đức Chí Tôn, ta có thể hiểu rằng: những xu thế quy nguyên vào cuối thế kỷ 19 – mà chương trước đã trình bày – chính là do sự chuẩn bị của các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật cho sự ra đời của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sau này, nghĩa là cho công cuộc quy nguyên của Thượng Đế.

Nhưng không chỉ ở giai đoạn chuẩn bị, mà ở giai đoạn Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã xuất hiện trên thế gian, các Đấng Thiêng Liêng cũng thường xuyên giáng phàm bằng linh điển để tá trợ cho công cuộc quy nguyên của Thượng Đế.

1.2. Sự quy nguyên do các Đấng Thiêng Liêng trong Tam Giáo Đạo

Từ những ngày đầu khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế đã gọi những đại diện của con cái của Ngài ở khắp các tôn giáo đến để nghe Ngài dạy rằng:

- Các tôn giáo ấy đã bị nhân loại làm cho thất chân truyền;
- Ngài – Thượng Đế – đang đến thế gian bằng linh điển để trực tiếp dạy Đạo và cứu rỗi toàn thể chúng sanh;
- Chính các bậc giáo tổ của mỗi tôn giáo, cũng như các Đấng Thiêng Liêng mà tôn giáo ấy vẫn hằng tôn thờ, sẽ lâm phàm qua cơ bút để độ dẫn tín đồ của tôn giáo ấy trong Tam Kỳ Phổ Độ.

Như lời Đức Thượng Đế Chí Tôn đã truyền dạy, các bậc giáo tổ của vạn giáo đ giáng điển đến thế gian, dùng cơ bút giáo đạo theo tinh thần vạn giáo quy nguyên. Những sự việc như vậy đã được ghi lại khá nhiều trong thánh ngôn, thánh giáo Cao Đài, như được nêu trong một số ví dụ dưới đây.

1.2.1. Phật Đạo

Đối với các tầng lớp tín đồ trong Phật Đạo, Đức Thượng Đế đã dạy:

"Từ trước, Ta giáng sanh lập Phật giáo gần sáu ngàn năm thì Phật Đạo chánh truyền gần thay đổi. Ta hằng nghe chúng sanh nói Phật giả vô ngôn. Nay nhứt định lấy huyền diệu mà giáo đạo, chớ không giáng sanh nữa, đặng chuyển Phật giáo lại cho hoàn toàn. Dường nầy, từ đây chư chúng sanh chẳng tu, bị đọa A Tỳ, thì hết lời nói rằng Phật tông vô giáo mà chối tội nữa.

Ta nói cho chúng sanh biết rằng: Gặp Tam Kỳ Phổ Độ nầy mà không tu, thì không còn trông mong siêu rỗi."[2]

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật cũng đã giáng cơ, xác nhận rằng Ngài đang vận chuyển để cả Phật Đạo, Phật Pháp lẫn toàn thể tín đồ Phật giáo trên thế giới quy nguyên Đại Đạo:

"Thích Ca Mâu Ni Phật chuyển Phật Đạo, chuyển Phật Pháp, chuyển Phật Tăng ***quy nguyên Đại Đạo****."*[1]

---

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ô Môn, 08-10 Bính Dần (12-11-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.61-62.
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Trường Sanh Tự (Cần Giuộc), 19-04 Bính Dần (30-05-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.20.

Trong một lần giáng cơ, tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, Đức Phật Thích Ca đã giảng giải về công cuộc quy nguyên về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của Phật giáo nói riêng và của Phật Đạo (tức là "Phật Tông", theo lời Đức Thích Ca) nói chung:

"Vốn từ Lục Tổ thì Phật giáo đã bị bế lại, cho nên tu hữu công mà thành thì bất thành; chánh pháp bị nơi Thần Tú làm cho ra mất chánh giáo, lập riêng pháp luật buộc mối Đạo Thiền.

Ta vì luật lịnh Thiên mạng đã ra, cho nên cam để vậy, làm cho Phật Tông thất chánh có trên ba ngàn năm nay. Vì Tam Kỳ Phổ Độ, Thiên Địa hoằng khai; nơi Tây phương Cực lạc và Ngọc Hư Cung mật chiếu đã truyền siêu rỗi chúng sanh. Trong Phật Tông Nguyên Lý đã cho hiểu trước đến buổi hôm nay rồi; tại tăng đồ không kiếm chơn lý mà hiểu.

Lắm kẻ đã chịu khổ hạnh hành Đạo... Ôi! Thương thay! Công có công mà thưởng chưa hề có thưởng; vì vậy mà Ta rất đau lòng.

(…) Chư tăng, chư chúng sanh hữu căn, hữu kiếp, đặng gặp kỳ phổ độ nầy là lần chót; phải rán sức tu hành, đừng mơ mộng hoài trong giả luật. Chư sơn đắc Đạo cùng chăng là do nơi mình hành đạo. Phép hành đạo Phật giáo, dường như ra sái hết, tương tợ như gần biến tả đạo bàng môn. Kỳ truyền[2] đã thất. Chư sơn chưa hề biết cái sai ấy do tại nơi nào; cứ ôm theo luật Thần Tú thì đương mong mỏi về Tây Phương mà cửa Tây Phương vẫn cứ bị đóng, thì cơ thành chánh quả do nơi nào mà biết chắc vậy.

Ta đã đến với huyền diệu nầy, thì từ đây Ta cũng cho chư tăng dùng huyền diệu nầy mà học hỏi; ngày sau thì đừng đổ tội rằng vì thất học mà thất kỳ truyền[3]. Chư tăng từ đây chẳng đặng nói Phật giả vô ngôn nữa."[4]

Ngay chính việc xưng danh "Thích Ca Như Lai, kim viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát" của Đức Phật Tổ trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng đã chứa đựng một mạc khải thiêng liêng, cho nhân loại thấy rằng đây là thời kỳ trở về Đại Đạo của Phật Đạo.

1.2.2. Tiên Đạo

"Thánh Ngôn Hiệp Tuyển" cũng có ghi lại sự kiện Đức Thái Thượng Lão Quân đã giáng cơ độ dẫn các tín đồ tu theo Tiên Đạo quy nguyên về Tam Kỳ Phổ Độ:

"Chư nhu có biết thời kỳ này là thời kỳ nào chăng? (…) Còn chẳng bao lâu nữa, thì Tam Giáo Đạo đã ngưng lại hết. Hễ ai có duyên phần, thì có Thầy độ lúc này; nếu qua

---

[1] Đức Thích Ca Mâu Ni; Vĩnh Nguyên Tự, 07-04-1926; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.14.
[2] "Kỳ truyền": chân truyền.
[3] "Thất kỳ truyền": thất chân truyền.
[4] Đức Thích Ca Như Lai, kim viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát; Hội Phước Tự Cần Giuộc, 05-04 Bính Dần (05-06-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.22-23.

khỏi thời kỳ này thì không ai độ. Vậy chư nhu phải truyền bá ra. Như người nào mộ Đạo, thì phải cầu Đạo sớm đi."[1]

Cũng trong cùng đàn cơ ấy, Đức Lê Sơn Thánh Mẫu giáng cơ dạy các tín đồ Lão giáo:

"Đại Đạo hoằng khai, song khai cũng có thời kỳ, chớ chẳng phải khai hoài. (…) Như người nào chưa nhập Tam Kỳ Phổ Độ thì phải cầu xin. Lời Thầy nói đây, là lấy chánh lý mà nói, chớ chẳng phải ép uổng ai đâu. (…) Ai không khứng thì thôi."[2]

Như vậy, các Đấng Thiêng Liêng trong Tiên Đạo đã giảng giải về công cuộc quy nguyên cho các tín đồ Lão giáo nói riêng và Tiên Đạo nói chung. Những lời giảng giải này cũng cho nhân loại thấy rằng đây là thời kỳ trở về Đại Đạo của Tiên Đạo.

Chú ý rằng, qua hai đoạn thánh giáo trên đây, sự quy nguyên về Đại Đạo trong Tam Kỳ Phổ Độ không phải là một sự ép buộc các tín đồ tôn giáo khác phải từ bỏ đức tin hay tôn giáo của mình. Mặc dù, đối với những ai ngưỡng mộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thì phải cầu xin Đức Thượng Đế để nhập môn (*"Như người nào mộ Đạo, thì phải cầu Đạo sớm đi"*[3]), tuy nhiên, điều này vẫn không có nghĩa là ép buộc mà chỉ hoàn toàn do tự nguyện (*"Ai không khứng thì thôi"*[4]). Mặt khác, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ luôn nhìn nhận các tôn giáo trên thế giới là những hiện thân của Đại Đạo trong những thời kỳ cứu độ khác nhau, và Thượng Đế sẽ vận chuyển để các tôn giáo hợp tác trong sứ mạng cứu thế của mình ở thời hạ nguơn mạt kiếp này, khiến cho vạn giáo hiện hữu như một thực thể Đạo cứu thế duy nhất.

1.2.3. Thánh Đạo

Các tôn giáo thuộc Thánh Đạo cũng được các Đấng Thiêng Liêng kêu gọi quy nguyên trong Tam Kỳ Phổ Độ. Ta hãy xét một ví dụ có liên quan đến Ky Tô giáo.

Trước ngày khai minh Đại Đạo vài tháng, trong một đàn cơ dành cho hai người Pháp theo Ky Tô giáo, Đức Thượng Đế đã dạy rằng Ngài đang đến thế gian để chấn hưng Ky Tô Giáo thông qua Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, và nền đạo mới này sẽ thực hiện sứ mạng của Ky Tô giáo là đem lại hòa bình cho toàn thế giới:

"Le Christ est venu parmi vous. Il versait son saint sang pour la rédemption. Quel profit avez-vous pendant presque deux mille ans de son absence? Vous préchez son Évangile sans même le comprendre. Vous dénaturez la signification de sa sainte doctrine. L'humanité souffre des vicisstudes de tous ses apôtres. Ils n'ont pas su suivre le même chemin du calvaire de leur Maitre.

Le trône le plus précieux du monde est celui du premier de ses disciples.

---

[1] Đức Thái Thượng Lão Quân; Minh Tân Đàn, 26-09 Bính Dần (01-11-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.59.
[2] Đức Lê Sơn Thánh Mẫu; Minh Tân Đàn, 26-09 Bính Dần (01-11-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.60-61.
[3] Đức Thái Thượng Lão Quân; Minh Tân Đàn, 26-09 Bính Dần (01-11-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.59.
[4] Đức Lê Sơn Thánh Mẫu; Minh Tân Đàn, 26-09 Bính Dần (01-11-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.60-61.

Cette doctrine, au lieu d'apporter à l'humanité la paix et la concorde, lui apporte la dissension et la guerre.

Voilà pourquoi je viens vous apporter moi-même la paix tant promise.

Le Christ ne revient qu'ensuite.

Au revoir .... Vous apprendrez encore beaucoup de choses auprès de mes disciples."[1]

(Bản dịch ra tiếng Việt của Tòa Thánh Tây Ninh:

"Chúa Cứu Thế đã đến với các con. Người đã phải chịu đổ máu Thánh để chuộc tội cho loài người. Trong 2000 năm vắng mặt Người, các con đã làm gì hữu ích? Các con truyền bá đạo Người, nhưng chính các con cũng không hiểu chi cả. Các con lại làm sai lạc bản chất tôn chỉ của nền Thánh giáo. Nhân loại phải chịu đau khổ vì sự biến thể của các Thánh Tông Đồ.

Chiếc ngai quý báu nhứt trên thế gian nầy hiện là chiếc ngai của vị đệ nhứt cao đồ của Người.

Giáo lý ấy đáng lẽ phải đem lại hòa bình và tương ái cho loài người, nhưng trái lại nó gây mầm chia rẽ và chiến tranh.

Bởi thế, nên nay chính Thầy phải đến để đem lại cho các con nền hòa bình đã từng hứa hẹn.

Rồi đây Chúa Cứu Thế sẽ trở xuống sau.

Thầy giã từ các con. Các con sẽ còn học hỏi nhiều việc khác nữa với mấy vị môn đồ của Thầy."[2]*)*

Quả thật, trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Gia Tô Giáo Chủ Jesus Christ đã giáng cơ rất nhiều lần trong nhiều chi phái khác nhau, kêu gọi các môn đồ của Ngài phải quay trở về Đại Đạo để tìm thấy được Ngài:

"Nhằm buổi Hạ Nguơn, gặp đời mạt kiếp, nhơn loại phải vướng cuộc tang thương; Cao Đài mở Đạo tại Thánh địa Nam bang để cứu người trong cơn tai khổ.

(…) Ta giáng giờ nay để lời cho chúng sanh rõ biết: Nền chánh giáo của Ta lưu truyền thế giái, tới đây đã gần hai ngàn năm. Ta có tiên tri: trong hai ngàn năm, Ta sẽ tái lâm một lần nữa. Nền giáo lý của Ta bế mạc, mới có Đại Đạo Tam Kỳ phát khai, ***chư chúng sanh phải biết mà tìm Ta****. Ta có nói: Đứa nào ngày nay thương yêu ta bao nhiêu, kính mến Ta bao nhiêu thì ngày sau chúng nó trở lại ghét Ta bấy nhiêu. Chúng nó chưa hề thấu đáo huyền vi mầu nhiệm của Ta đặng."*[3]

Đức Maria Thánh Mẫu, tức là Đức Mẹ Đồng Trinh của Công giáo, trong một lần giáng bút, đã khẳng định *"Đạo một nguồn, nhiều ngã dẫn đi"*, và Ngài dạy tiếp:

---

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 26-04 Bính Dần (08-06-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.24.
[2] Ibid., tr.130.
[3] Đức Gia Tô Giáo Chủ; Ngọc Vân Đàn, 02-06 Ất Hợi (1935) ; Thánh Đức Chuyển Mê; tr.7.

"Ngày hôm nay trên Trời ta xuống,
Khuyên chúng sanh có muốn đi lên;
Tu tâm dưỡng tánh cho bền,
Mới mong sẽ được bước lên Thiên đài.

Đàn hôm nay giải bày tỏ rõ,
Khuyên chúng sanh tìm ngõ Tam Kỳ;
Đặng đi cho kịp hội thi,
Long Hoa sắp diễn thây thi phơi cùng."[1]

Như vậy, trong Tam Giáo Đạo, các Đấng Thiêng Liêng đã dùng cơ bút giáo đạo theo tinh thần vạn giáo quy nguyên, dẫn dắt con người từng bước quay trở về với cội nguồn Đại Đạo.

1.3. Sự quy nguyên do con người

Mặc dù con người không tự khởi phát được sự quy nguyên, nhưng một khi Thượng Đế đã khai mở cơ quy nguyên để cứu độ nhân loại, thì nhân loại phải hưởng ứng nếu như nhân loại thật sự muốn sinh tồn, muốn tự cứu lấy mình. Công cuộc cứu độ kỳ ba của Thượng Đế chỉ có thể thành công nếu có sự hợp tác của đối tượng cần cứu độ, tức là của con người. Điều này cũng tương tự như việc điều trị mà bác sĩ dành cho bệnh nhân: quá trình điều trị chỉ có thể thành công nếu có sự hợp tác của bệnh nhân. Nếu bệnh nhân từ chối lời khuyên của bác sĩ, khước từ thuốc men, công kích các liệu pháp,… thì những nỗ lực của bác sĩ cũng sẽ trở nên vô ích. Bởi vậy, nguyên lý của sự cứu độ – trong mọi thời kỳ cứu độ từ trước đến nay – là nguyên lý Thiên Nhân hiệp nhất[2]. Nguyên lý này nói rằng con người, chứ không phải Thượng Đế, đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện công cuộc cứu độ của Thượng Đế trên chính cá nhân của từng con người và trên toàn nhân loại. Vai trò như vậy của con người đã được Đức Thượng Đế xác nhận:

"Thầy đến độ rỗi các con là lập thành một trường công đức cho các con nên Đạo. Vậy đắc Đạo cùng chăng là nơi các con muốn cùng chẳng muốn."[3]

Các tôn giáo trên thế giới có quy về được cội nguồn chung của mình hay không, đó là do con người trong mỗi tôn giáo. Công cuộc cứu thế kỳ ba của Thượng Đế sẽ mang đến một sức sống mới cho tất cả mọi tôn giáo trên hoàn cầu, chứ không riêng một tôn giáo nào. Nhưng có tiếp nhận được sức sống ấy hay không, và tiếp nhận được đến mức độ nào, đó là do con người trong từng tôn giáo hơn là do Thượng Đế. Đức Đông Phương Chưởng Quản giải thích:

*"Lời xưa có nói **Vạn giáo nhứt lý** hay **Vạn pháp quy tông**. Thật vậy. Nhưng nhứt lý là làm sao, và vạn pháp là pháp môn thể nào, mới trở về nhứt lý? Vạn pháp quy tông cũng vậy.*

---

[1] Đức Maria Thánh Mẫu; Huyền Diệu Đàn (Minh Chơn Đạo, Bạc Liêu), Ngọ thời, 06-06 Nhâm Thìn (1952); *Ngọc Âm Thánh Truyền* (Q.2).
[2] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*, tr.191.
[3] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 05-07-1926; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1).

Có thể đem thí dụ một cách rõ rệt là nước muôn dòng cũng đổ về biển cả. Tuy nhiên, phải tìm hiểu: cái lý như thế nào, cái chánh tông ở đâu? Dòng nước có trong có đục, chẳng phải tất cả đều trở về biển cả được, mà cũng có một số nước phải chịu cạn khô trong ao hồ, vũng vực. Pháp môn cũng thế. Tuy nhiều pháp môn, đều phải về một nẻo là đạt thành Đắc Nhứt, trở lại nguyên nhân khởi thỉ từ khối Đại Linh Quang, nhưng cũng có những pháp môn phải chịu hủy diệt là bởi bàng môn tả đạo.

Than ôi! Bần Đạo rất xót thương cho các hàng chơn tu ngày nay, gặp phải cuộc đời biến chuyển, cơ đạo vần xoay; trước cảnh chớp giăng sấm nổ với sự nhận định của khối óc còn đang ẩn nấp trong thể [xác] phàm phu, thiệt rất khó khăn trên bước đường tu tiến. Vì vậy, nên Đức Thượng Đế mới ban đại ân xá kỳ ba. Hễ nhứt tâm tu niệm, dầu đạt được đến sở đích của Đạo, hay chưa đạt đến mà đã chí thành chí kỉnh, tu thân học đạo, vẫn được ân ban thành Đạo; tùy theo công đức mà đắc vị."[1]

Con người tôn giáo phải làm gì trong công cuộc quy nguyên này? Phải biết thương yêu và hòa hiệp với nhau, trước hết là trong nội bộ của từng tôn giáo, kế tiếp là giữa tôn giáo này với tôn giáo khác, và sau cùng là ở phạm vi toàn thể nhân loại. Ta có thể thấy được điều này qua một lời dạy của Đức Quan Âm Bồ Tát khi Ngài giải thích về ý nghĩa của tôn chỉ Đại Đạo, "Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi hiệp nhất":

"Sự quy nguyên, hiệp nhứt ấy không phải chỉ gò bó trong phạm vi nhỏ hẹp của đạo Cao Đài hay trong phạm vi dân tộc Việt Nam. (…) Để đi đến mục đích lớn rộng ấy là quy nguyên hiệp nhứt, trước hết phải bắt đầu quy nguyên hiệp nhứt từ phạm vi nhỏ hẹp giữa cá nhân và cá nhân, giữa tập thể và tập thể, giữa giáo hội và giáo hội, giữa hội thánh và hội thánh, giữa quốc gia và quốc gia. Chớ nếu giữa cá nhân và cá nhân chưa cùng sự hòa hiệp thương yêu, giữa tập thể và tập thể chưa được hòa hiệp thương yêu, thì làm sao mong đạt đến sự quy nguyên hiệp nhứt trong đại đồng tôn giáo, đại đồng nhân loại."[2]

Nhìn lại hiện tình nhân loại với rất nhiều tôn giáo, giáo hội, chi phái, đoàn thể,… chúng ta cần hiểu rằng, đó chỉ là những phương thức để con người học đạo, hành đạo, chứ không phải là điều kiện để con người chia rẽ, cách biệt nhau, như Đức Vân Hương Thánh Mẫu đã dạy:

"Các em! Mỗi người mang vào mình mỗi đoàn thể, chi phái khác nhau, đó chỉ là cách thức để các em hành đạo, chớ không phải là điều kiện để các em đứng xa lẫn nhau, chia biệt lẫn nhau."[3]

Như vậy, trong công cuộc quy nguyên, con người đóng một vai trò to lớn, nếu không nói là quyết định. Thành bại của công cuộc quy nguyên này đều do Tâm của con người, chứ không phải do những yếu tố bên ngoài (như hoàn cảnh xã hội, chẳng hạn). Đức Vô Cực Từ Tôn dạy:

"Tâm con hòa bình, thế giới sẽ hòa bình; tâm con hiệp nhứt, tôn giáo sẽ hiệp nhứt."[1]

---

[1] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 28-05 Tân Hợi (20-06-1971).
[2] Đức Quan Âm Bồ Tát; Huỳnh Quang Sắc, Dậu thời, 06-08 Tân Hợi (24-09-1971).
[3] Đức Vân Hương Thánh Mẫu; Huỳnh Quang Sắc, Ngọ thời, 12-10 Tân Hợi (29-11-1971).

Để thực hiện được sự quy nguyên từ phía nhân loại ở những bước đầu tiên, kể từ khi khai minh Đại Đạo tại Việt Nam đến nay, Thượng Đế đã cho nhiều Nguyên căn có những tiền kiếp là sứ đồ trong Tam Giáo Đạo tá thế làm người dân Việt. Trong một đàn cơ tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Đức Bạch Liên Tiên Trưởng xác nhận rằng dân tộc Việt Nam hiện đang là "*một giống dân tuy ít trong một lãnh thổ nhỏ hẹp nhưng đã kết tinh, quy tụ được nhiều nguyên căn tá trần có nhiều tiền kiếp là sứ đồ trong Tam Giáo Đạo.*"[2]

Đức Thái Thượng Lão Quân cũng dạy hàng tín đồ Đại Đạo tại Việt Nam:

"Trong cõi vô thường cuộc đời giả tạm mà lại có các hàng giáo chủ – Tiên, Phật, Thánh – ra đời để giác ngộ, hầu khải ngộ dẫn dắt quần sanh. Chư môn đồ đang thực hiện sứ mạng để tiếp nối các việc làm của hàng giáo tổ thánh nhơn trong hai kỳ trước. Vậy mỗi một tín đồ của Đại Đạo là một thiên ân. Mỗi một thiên ân là một sứ mạng phải hoàn thành khi đã được Đấng Chí Tôn Thượng Đế ban trao."[3]

Đã, đang và sẽ là những tín đồ Cao Đài, các Nguyên căn này nhận lãnh một sứ mạng lớn lao trong cơ tiến hóa: phối hợp với chư Phật, Tiên, Thánh, Thần từ cõi thượng thiên, dùng thế Thiên Nhân hiệp nhất mà vận chuyển cho nhân loại quy nguyên:

"Cuộc đời biến chuyển, cơ Đạo hoằng khai, các điểm Linh Quang hạ trần để tiến hóa. Trong cuộc tân kỳ thượng ngươn thánh đức, Thầy – tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, một danh từ ẩn tàng lý vạn thù quy nhứt – lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đem sứ mạng đến Việt Nam để nối tiếp các chu kỳ trong tam ngươn vận hội. Từ tiền chí hậu, từ sơ khai đến hoằng hóa, nguyên thủy bổn mạc đều do thiên luật vận hành. Những dòng nước luân lưu khơi chảy khắp lòng đất Vô Cực và chan hòa trong mọi niềm đau khổ của con người để cứu cánh trước luật đào thải vô tư."[4]

Điều này giải thích vì sao dân tộc Việt Nam có một sứ mạng rất to lớn đối với cả thế giới nhân loại trong thời hạ ngươn mạt kiếp này.

Mỗi thời kỳ cứu độ trong lịch sử nhân loại đều có những dân tộc được Thượng Đế lựa chọn để trao sứ mạng khởi phát và hoằng hóa cơ cứu độ ra khắp nhân loại. Trong nhất kỳ và nhị kỳ phổ độ, đã có nhiều dân tộc được chọn từ những vùng đất khác nhau: Ấn Độ, Trung Hoa, Ai Cập, Ba Tư, Do Thái, Hy Lạp,… Trong tam kỳ phổ độ, để thúc đẩy công cuộc quy nguyên từ phía con người, dân tộc Việt Nam đã được chọn, vì dân tộc này đã chứng minh được khả năng tạo lập đời thánh đức của mình, khả năng dung hòa và tổng hợp vạn giáo của mình thông qua chính bề dầy văn hóa và chiều dài lịch sử của mình. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã nói:

---

[1] Đức Vô Cực Từ Tôn (xưng danh Diêu Trì Thánh Mẫu); Thánh thất Bình Hòa, Tý thời, 15-08 Canh Tuất (14-09-1970).
[2] Đức Bạch Liên Tiên Trưởng, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 10-10 Canh Tuất (08-11-1970).
[3] Đức Thái Thượng Lão Quân; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-02 Kỷ Mùi (12-03-1979).
[4] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Nam Thành Thánh Thất, Tuất thời, 15-02 Kỷ Dậu (01-04-1969).

"Sứ mạng của dân tộc nầy to tát như thế, quyền pháp quan trọng như thế, không phải làm không được. Chư đệ muội hãy chờ đợi: việc sẽ đến và đang đến. Từ ngàn xưa, trên lịch sử, đã từng được nghe và thấy rõ: Việt Nam, một dân tộc mà tất cả thế giới đều nhìn vào; không phải nhìn vào vì nó có sự đe dọa tàn phá cả thế giới, mà nhìn vào chính vì nó là một động năng cứu rỗi, xây dựng mới trên toàn thể nhân sinh."[1]

Dân tộc Việt Nam được Thượng Đế giao phó một sứ mạng trọng đại trong công cuộc quy nguyên: đó không phải là quy nguyên những tổ chức tôn giáo trên đất Việt Nam, mà là mở đường cho sự quy nguyên tinh thần, quy hiệp tư tưởng trên toàn thế giới, hầu phổ truyền chánh pháp Đại Đạo ra khắp bốn biển năm châu, thực hiện cứu cánh đại đồng nhân loại, như lời dạy của Đức Chí Tôn:

"Các con nên hiểu rành hai chữ quy nguyên. Quy nguyên Đại Đạo để hoàn thành mục phiêu độ thế, để hoằng pháp năm châu, nào phải nơi chật hẹp ở cõi Nam Bang này."[2]

Trong thế Thiên Nhân hiệp nhất và trong khi các Đấng Thiêng Liêng đang vận chuyển công cuộc quy nguyên ở phần vô vi, thì vai trò của con người lại càng trở nên vô cùng quan trọng, vì nếu không có con người, toàn bộ thế Thiên Nhân hiệp nhất ấy sẽ bị mất tác dụng.

"Ai vận chuyển, vần xây, tạo dựng trong thời [hạ nguơn mạt kiếp] này? ***Thượng Đế và con người****, hay* ***Thiên lý và nhân tâm****. Nếu thiếu một trong hai, thì cuộc đời sẽ đi đến cơ hủy diệt."*[3]

Một khi công cuộc này được đóng góp bởi chính bàn tay và khối óc của con người – mà trước hết phải là những con người Việt Nam, do sứ mạng của dân tộc này trong tam kỳ phổ độ – thì ngày đại đồng thế giới sẽ không còn xa, và nhân loại sẽ nhìn thấy một tương lai tươi sáng về một kỷ nguyên thánh đức.

2. PHƯƠNG PHÁP LẬP ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ CỦA THƯỢNG ĐẾ

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được Đức Thượng Đế kiến tạo theo một phương pháp đặc biệt. Phương pháp này bao gồm hai cách thức sau đây:

1. Một cách thức truyền thống đã được sử dụng để lập nên vạn giáo ở các thời kỳ trước đây, là dựa vào hai yếu tố: [1] *trình độ tiến hóa* của nhân loại ở thời kỳ cứu độ tương ứng, và [2] *bản sắc văn hóa* của dân tộc được chọn để lập giáo;
2. Một cách thức đặc trưng để nền Đạo mới này có thể tồn tại vững chắc khi càn khôn vũ trụ biến thiên từ cuối đại chu kỳ tiến hóa này (hạ nguơn tam chuyển) sang đầu đại chu kỳ tiến hóa kế tiếp (thượng nguơn tứ chuyển), bao gồm những nguyên tắc: [1] Không giao chánh giáo cho tay phàm, [2] Kiến tạo Đại

[1] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, Ngọ Thời, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Huờn Cung Đàn, Hợi thời, 08-01 Tân Sửu (22-02-1961).
[3] Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hợi thời, 29-08 Quý Hợi (05-10-1983).

Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trên nền tảng Tam Giáo Đạo, [3] Phát triển cơ đạo từ giai đoạn "hữu hình" (ngoại giáo công truyền) đến giai đoạn "vô vi" (nội giáo tâm truyền).

Bây giờ, chúng ta hãy tìm hiểu những cách thức này.

2.1. Dựa vào trình độ tiến hóa của nhân loại và bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam

Khi khai mở cơ cứu độ ở không gian và thời gian nào, Đức Thượng Đế cũng tùy theo trình độ tiến hóa của nhân loại và phong tục tập quán của (những) dân tộc được ban trao sứ mạng ở không gian và thời gian ấy mà phổ độ. Nói cách khác, *trình độ tiến hóa* và *bản sắc văn hóa* là yếu tố quan trọng đầu tiên mà Thượng Đế sử dụng để lập đạo.

Trong những thời kỳ cứu độ trước đây, tất cả các bậc giáo tổ đều thực hiện theo cùng một phương cách đó, và ngày nay, khi đến tam kỳ phổ độ, Đức Chí Tôn cũng trực tiếp lập đạo theo phương cách đó:

"Từ khi có loài người trên quả địa cầu, đã có nhiều giáo chủ ra đời, mở các đạo giáo, cốt ý là để dìu dẫn nhơn sanh vào đường thánh thiện. Trải qua nhiều thời kỳ, những bậc giáo chủ ấy đã lựa dèo, lựa thế, điều độ người đời, tùy theo từng phong tục tập quán và trình độ tiến hóa của mỗi giống dân mà phổ độ. Cho đến ngày nay, Tam Kỳ Phổ Độ, Thượng Đế đã đem nền tân tôn giáo đến trần gian, cũng vì cái đức háo sanh mà lựa dèo, lựa thế [cho] thích hợp với trình độ tiến hóa của nhân loại."[1]

Do cơ cứu thế kỳ ba được khai mở ở Việt Nam, nên bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam đã được sử dụng trong việc tạo dựng hình tướng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Bởi vậy, theo Thánh Ý của Đức Chí Tôn, đối với người Việt Nam, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sẽ trở thành quốc đạo:

"Từ đây trong nước Nam duy có một Đạo chơn thật, là Đạo [mà] Thầy đã đến lập cho các con, gọi là quốc đạo, hiểu à!"[2]

Tuy nhiên, sẽ hoàn toàn sai lầm nếu dựa vào đó mà cho rằng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là đạo Việt Nam hay của riêng một dân tộc Việt Nam; sai lầm này cũng giống như cho rằng Phật giáo là đạo của riêng người Ấn Độ, Nho giáo là đạo của riêng người Trung Hoa, Thiên Chúa giáo là đạo của riêng người Do Thái,… Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một công cuộc cứu rỗi mà Thượng Đế dành cho toàn nhân loại. Vì mục đích cứu rỗi rộng lớn đó, Thượng Đế đã chuẩn bị cho nhân loại những pháp môn tân tiến, phù hợp với trình độ tiến hóa về cả lý trí lẫn tâm linh của nhân loại trong thời mạt kiếp.

2.2. Không giao chánh giáo cho tay phàm

Trong "Đại Thừa Chơn Giáo", Đức Thượng Đế dạy về cách thức lập giáo đặc trưng để kiến tạo nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Về căn bản, cách thức này là **không giao**

---

[1] Đức Ngọc Lịch Nguyệt; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 28-08 Mậu Thân (19-10-1968).
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 13-08 Bính Dần (18-09-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1).

chánh giáo cho tay phàm, nghĩa là không cho phép nhân loại nắm giữ nền chơn giáo nữa, mà Ngài trực tiếp dùng huyền diệu thiêng liêng để vận hành cơ Đạo.

"(…) Thầy lập giáo kỳ này lại trái hẳn với nền cổ đạo. Thầy chỉ dùng cái huyền cơ bí pháp mà truyền Đạo khắp dân gian. Thầy đem chơn pháp diệu huyền trao cho, người luyện thành chánh giác thì phản bổn huờn nguyên. Thầy dùng huyền diệu cơ bút để hoằng khai cơ quan vô vi Đại Đạo. ***Thầy nhất định không giao Thánh giáo[1] cho tay phàm nữa****, vì trước kia Tam Giáo thất chơn truyền là cũng bởi Thánh giáo ở trong tay phàm, nên các con canh cải, làm sái lạc pháp linh.*

Vậy, Thiên Thơ Thầy định [rằng] ngày nay Thầy lập giáo như vầy:

1. Trên là dùng huyền diệu thiêng liêng mà bảo tồn cơ Đạo;

2. Dưới để tự Thầy định, mới có thể chuyển hóa nổi nhơn tâm, đủ sức thần thông vận hành chơn giáo (Chớ nếu Thầy mà mượn mãi xác thịt nặng nề thì làm sao biến hóa thiên hình vạn trạng mà phổ độ chúng sanh cho mau chóng, nổi sôi, rần rộ được. Chớ dùng huyền cơ bí pháp, tất có thể lưu thông trong nháy mắt khắp mọi nơi).

(…) Cơ bút là để nắm quyền hành Đạo giáo mà phổ hóa chúng sanh, để làm ngọn đuốc quang minh mà dẫn dắt người đến chỗ bổn nguyên, là cùng mục đích đó thôi. Ấy nghĩa là Thầy dùng cơ bút mà truyền đạo đức tinh thần, và huấn luyện vạn linh cho trở nên hạng người chí đức cao siêu (Tiên, Thánh, Phật) vậy."[2]

Đoạn thánh giáo trên đây cho chúng ta thấy một cách thức tạo lập và vận hành nền chơn giáo rất huyền diệu, tinh tế và hiệu quả của Đức Chí Tôn. Ngài cũng trao cho người tín đồ Đại Đạo Tam Kỳ một chìa khóa để có thể tu tiến với một hiệu quả cao trong nền chơn giáo này. Chìa khóa đó là: dùng đức tin để trực tiếp thông công với Ngài, dùng công quả để trau dồi đức hạnh, rồi lấy sự tiến bộ về đức hạnh làm những nấc thang để tiến bước trên đường tu học của mình. Đức Chí Tôn đã dạy:

"Thầy quyết mở rộng Thiên môn, vận chuyển chư Phật, Tiên, Thần, Thánh và chính mình Thầy đến tận thế gian, mở cơ đại xá, ban hành Tân Pháp, mở rộng đường tu, kịp thời độ tận toàn linh. Lấy đức tin làm mối thông công, lấy công quả, hạnh đức làm nấc thang tiến bước; trong hàng tín giáo, giữ được hai điều đó là gần Thầy vậy. Các con thấu chăng?"[3]

Như vậy, cách thức tạo lập và vận hành cơ Đạo kỳ ba có thể được tóm tắt như sau:

- Nơi thiên thượng, Đức Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng dùng huyền diệu thiêng liêng để bảo tồn cơ Đạo;
- Dưới thế gian, cơ Đạo phát triển từ hữu tướng đến vô vi. Ban đầu, mượn hình thức một tôn giáo cụ thể để phát triển ra khắp hoàn cầu, phổ độ toàn thể chúng sanh

[1] Chữ "Thánh giáo" ở đây có nghĩa là "tôn giáo thiêng liêng", được dùng để chỉ Đạo Trời.
[2] Đức Cao Đài Giáo Chủ, 25-09 Bính Tý (08-11-1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.60-62.
[3] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ngọc Minh Đài, Tý thời, 04-03 Quý Mão (28- 03-1963).

trên thế giới, rồi dần dần nâng cao trình độ tâm linh của chúng sanh, buông bỏ dần dần âm thanh sắc tướng để bước vào phần Đại thừa tâm pháp.

- Mối liên lạc duy nhất giữa nhân loại ở thế gian và các Đấng Thiêng Liêng nơi thiên thượng là *đức tin* và *cơ bút*. ***Cơ bút là công cụ của các Đấng Thiêng Liêng***, để Thiêng Liêng nắm giữ quyền pháp Đạo mà giáo hóa chúng sanh, còn ***đức tin là công cụ của con người*** để giao cảm cùng Đức Thượng Đế Chí Tôn và các Đấng.

Hiểu được cách thức này, chúng ta có thể cảm nhận được đức háo sanh vô biên, tình tạo hóa vô tận của Đức Thượng Đế Chí Tôn đối với nhân loại. Tất cả những gì Ngài thực hiện trong việc tạo lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đều nằm trong một kế hoạch đầy quyết tâm – như chính Ngài vẫn thường nói qua cơ bút Cao Đài – để cứu độ cho kỳ được vạn linh trong sự đào thải vô tư của thời mạt pháp: *"Thầy đem chơn pháp diệu huyền trao cho người luyện thành chánh giác thì phản bổn huờn nguyên"*, *"Thầy dùng cơ bút mà truyền đạo đức tinh thần, và huấn luyện vạn linh cho trở nên hạng người chí đức cao siêu"*, *"Thầy **quyết** mở rộng Thiên môn, vận chuyển chư Phật, Tiên, Thần, Thánh và chính mình Thầy đến tận thế gian, mở cơ đại xá, ban hành Tân Pháp, mở rộng đường tu, kịp thời độ tận toàn linh"*.

Bởi đó, các bậc thánh triết hiền nhân khắp Đông Tây kim cổ đã không quá lời chút nào khi gọi Ngài là "Đại Từ Phụ", "Cha Cả của sự thương yêu" ("Universal Father of love" [Eng]), "Cha của lòng thương xót" ("Father of compassion" [Eng]).

2.3. Kiến tạo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trên nền tảng Tam Giáo Đạo

Đạo Cao Đài, hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, được kiến tạo như một *"thực tướng Tam Giáo"*. Thực tướng ấy là một cơ cấu phản ảnh tính chất đồng-nhất-lý của Tam Giáo Đạo, để nhân sanh nhìn vào đó mà xây dựng cõi đời thánh đức sau khi kết thúc hội Long Hoa, tức là ở thượng nguơn tứ chuyển. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

"Thầy dụng huyền thiên linh điển đến trần gian trong kỳ nguơn hạ mạt kiếp này để độ rỗi con cái trở về bổn nguyên Đại Đạo. Thầy sắp một thực tướng Tam Giáo cho các con hiểu rõ vạn giáo trên thế gian đồng nhất lý, ngõ hầu lập đời thánh đức sau hội Long Hoa."[1]

Cái thực tướng ấy là gì? Là hình thể của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Mặc dù hình tướng nào cũng là giả tạm, nhưng cái mà Đức Thượng Đế gọi là *thực* ở đây chính là chân lý bất biến của Đại Đạo mà hình tướng ấy biểu thị.

Theo "Thanh Tịnh Kinh" của Lão giáo trong nhị kỳ phổ độ, thì Đại Đạo vốn là vô hình, vô tình, vô danh; nhưng theo "Đại Thừa Chơn Giáo" trong tam kỳ phổ độ, muốn cứu rỗi nhân sanh thì Đại Đạo phải mượn hình tướng làm phương tiện cứu độ. Cần nhấn mạnh: hình tướng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một thực tướng Tam Giáo; thực tướng này được xây dựng trên nền tảng Tam Giáo Đạo. Đức Chí Tôn Thượng Đế đã dạy về cách thiết lập thực tướng này như sau:

---

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Ngọ thời, 30-09 Canh Tuất (29-10-1970).

"Đạo lập ra cốt yếu để độ phần hồn của nhơn loại cho thoát khỏi chốn mê đồ, vòng tân khổ, nên mới gieo chơn truyền khắp chỗ, cốt tỉnh ngộ nhơn sanh.

Đã biết rằng Đạo là thanh thanh, tịnh tịnh, không ứng lộ ra ngoài; nhưng muốn lập giáo, phải làm sao? Phải bày cơ hữu hình để chỉ cho rõ lý mới được.

Vậy, cách lập giáo của Thầy cũng không chi lạ, chỉ noi theo Tam Giáo trước mà làm quy củ chuẩn thằng, rồi đem gom về một mối chánh.

(…) Ngày nay, Thầy đến đây, đem ba nền tôn giáo hiệp nhứt lại, tạo thành một tòa lớn lao để đời đời kiếp kiếp cho nhơn sanh nương vào đó mà lánh cơn nạn khổ thảm sầu. Ba nhà tôn giáo ấy tuy đổ sập mặc dầu, nhưng Thầy cũng vì lòng từ bi, chọn lựa cái nào còn dùng đặng thì Thầy lấy, cái nào hư nát thì bỏ ra; như cột kèo, xuyên trính, ngói gạch, cái nào còn nguyên thì dùng, cái nào bể nát hay hư hao, bị mối ăn sâu đục, thì bỏ ra; cây nào cong vạy thì uốn nó lại, trừ ra uốn không nổi mới bỏ. Thầy lấy các vật ấy ráp lại thành một tòa Đại Đạo cho nhơn sanh sùng bái tu hành, là tòa nhà ngày nay Thầy lập thành đó."[1]

Những điều mà Đức Chí Tôn mô tả về cách thức xây dựng Đại Đạo Cao Đài như trên đây nghe thật khiêm tốn: "Thầy lấy các vật ấy ráp lại thành một tòa Đại Đạo cho nhơn sanh sùng bái tu hành". Nhưng Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, trong "Thánh Huấn Hiệp Tuyển", dạy rằng tất cả những ***vật*** mà Thượng Đế đã dùng để ráp lại thành tòa Đại Đạo ấy đều là những ***tinh túy*** của vạn giáo mà các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần đã giáng thế lập nên trong tất cả những thời kỳ cứu độ trước đây:

"(…) nhân loại vì vật chất đắm mê, quên hết tinh thần đạo lý, nghĩa nhân, nên nay Thầy mới quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi lập thành Đại Đạo, ***rút những tinh túy*** *của Phật, Tiên, Thánh, Thần, Hiền mà* ***dung hòa lại một*** *cho hợp với trình độ và hoàn cảnh của nhân loại trong thời hạ nguơn này."*[2]

Như đã được chỉ ra trước đây, mọi tôn giáo trước tam kỳ phổ độ đều do Thượng Đế khai mở và nền tảng của mọi tôn giáo đều là tình thương. Tình thương chính là tinh túy và chân truyền của một tôn giáo. Do đó, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng được Đức Thượng Đế xây dựng trên nền tảng là tình thương, coi tình thương là yếu tố giúp cho vạn giáo sau này quy hiệp lại làm một Đại Đạo duy nhất. Vào thời khai đạo, từ khi còn xưng danh là AĂÂ, Đức Chí Tôn đã dạy:

"Trước vốn thương, sau cũng thương
Một lòng nhơn đức giữ cho thường
Trông ơn Thượng Đế tuông rời rộng
Sum hiệp ngày sau cũng một trường."[3]

---

[1] Đức Cao Đài Thượng Đế, 20-09 Bính Tý (03-11-1936); *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.426-430.
[2] Đức Lý Giáo Tông, *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (Q.1), "Chơn Lý Duy Nhất – Bài Học Căn Bản".
[3] Đức AĂÂ; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.2), "Thi Tập", tr.105.

Câu "Trước vốn thương, sau cũng thương" nói rằng từ ngàn xưa cho đến hôm nay và mai sau, Đức Chí Tôn dù mở đạo dưới hình thức nào thì cũng chỉ vì tình thương dành cho chúng sinh mà thôi. Chân truyền Đại Đạo trước sau vẫn chỉ là tình thương, không đổi khác. Câu "Một lòng nhơn đức giữ cho thường" dạy con người rằng cứ giữ gìn đức yêu thương trong lòng ("lòng nhơn đức") thì giữ được chân truyền của Đại Đạo, dù ở bất cứ tôn giáo hay chi phái nào. Tiếp theo ý này, câu "Trông ơn Thượng Đế tuông rời rộng" nói rằng qua cái nhìn của lòng nhân đức, chúng ta thấy ơn cứu độ của Thượng Đế luôn ban rải cho toàn thể chúng sinh, không dành riêng cho một sinh linh nào mà cũng không loại trừ một sinh linh nào. Câu "Sum hiệp ngày sau cũng một trường" nói rằng nếu con người biết sống với nhau bằng tình thương thì trong tương lai vạn giáo tất sẽ quy hiệp về thành một "trường" giáo hóa chúng sinh duy nhất, tức là quy hiệp về thành một Đại Đạo duy nhất.

Trong một bài thuyết Đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh vào năm Kỷ Sửu 1949, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã chỉ ra một sự kiện quan trọng qua hiện tượng thất chân truyền đồng loạt của các tôn giáo trên thế giới: "Các nền tôn giáo (…) nếu gọi là thất chơn truyền thì thất chơn truyền do nơi đâu? Do tại bí pháp không đúng theo lương tri lương năng của loài người[1]. Lương tri lương năng của mỗi người, đương thời buổi này, đã đạt đến một mức cao thượng (…) Các vị giáo chủ đã lập luật pháp, nhưng luật pháp đơn sơ ấy, ngày nay không có đủ quyền năng trị tâm thiên hạ nữa."[2] Điều mà Đức Phạm Hộ Pháp đề cập đến trong bài thuyết đạo này là sự tăng tiến vượt bực về trí năng, về văn minh của nhân loại, đã khiến cho các pháp môn thời cổ đại trở nên quá đơn sơ đối với tâm lý nhân loại. Vì cho là quá đơn sơ so với những tiến bộ vật chất mà mình đã đạt được trong nền văn minh hiện đại, nên đa số nhân loại không muốn tiếp nhận những luật pháp, những pháp môn của các tôn giáo ở những thời kỳ cứu độ trước. Bởi vậy, khi Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì ***tân pháp Đại Đạo***[3] cũng mang đến cho nhân loại những pháp môn tân tiến cùng với một hệ thống giáo lý hiện đại, phù hợp với tâm lý của nhân loại trong một thời đại thịnh vượng về khoa học và kỹ thuật. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn dạy:

"Tôn giáo lập tại thế gian là những phương tiện độ đời vào hàng thánh thiện. Mỗi thời kỳ mở đạo, mỗi pháp môn khác nhau, vì phải tùy theo trình độ tiến hóa và hoàn cảnh xã hội của từng giống dân mà đem giáo lý thích hợp để dìu dẫn họ. Đến nay là thời kỳ thứ ba, mà Thượng Đế đem Đạo dìu đời trong thời đại nguyên tử này; do đó, các pháp môn đều phải tân tiến để dìu dẫn nhơn sanh kịp theo trào lưu tiến hóa của nhơn loài."[4]

---

[1] Tức là các bí pháp của các tôn giáo trước đây không phát triển theo chiều hướng phát triển lương tri lương năng của loài người (mà lại phát triển theo chiều hướng khác), nên cho đến thời đại khoa học kỹ thuật tân tiến này, các bí pháp ấy trở nên xa lạ với nhân loại, không còn được nhân loại chấp nhận.

[2] Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc; bài thuyết đạo tại Đền Thánh, đêm 05-04 Kỷ Sửu (1949); *Bí Pháp*.

[3] Khái niệm "Tân Pháp Đại Đạo" đã được Đức Pháp Lực Kim Tiên sử dụng trong đàn cơ tại Tòa Thánh Châu Minh, Tý thời, 10-01 Canh Tuất (15-02-1970).

[4] Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn; Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ thời, 21-06 Kỷ Dậu (03-07-1969).

Cũng chính vì lẽ đó, mà vào thời khai mở cơ cứu độ kỳ ba (năm Bính Dần 1926), Đức Thượng Đế đã dạy:

"Nếu chẳng đi đến trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị[1] mình, thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc Đạo bao giờ."[2]

2.4 Phát triển cơ đạo từ giai đoạn "hữu hình" (ngoại giáo công truyền) đến giai đoạn "vô vi" (nội giáo tâm truyền)

Mặc dù được xây dựng trên nền tảng của Tam Giáo Đạo, nhưng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lại được phát triển theo một nguyên tắc đặc trưng của mình, vốn chưa từng có ở các tôn giáo trong Tam Giáo Đạo. Nguyên tắc này khác hẳn – nếu không nói là trái ngược – với nguyên tắc phát triển của các tôn giáo trong Tam Giáo Đạo. Trong "Đại Thừa Chơn Giáo", Đức Thượng Đế đã dạy:

"Tam Giáo xưa kia lập Đạo, lúc ban sơ truyền bá cơ diệu lý quang minh, bắt từ chỗ vô vi khẩu thọ tương truyền; lần lần xuống thì trở ra hữu hình mà Đạo mầu thất chánh, tâm pháp lạc sai. Ấy là cơ Đạo đến thời kỳ cuối cùng của Tam Giáo, [bị] thất chơn truyền diệu pháp.

Còn Đạo Thầy lại trái hẳn[3] với Tam Giáo là bắt đầu truyền Đạo thì dụng hữu hình, lấy sắc tướng âm thinh mà độ đời một cách lẹ làng mau chóng. Vả lại, Đạo Thầy ***bắt đầu do chỗ hữu hình mà truyền bá, rồi lần lần mới dẹp hết chỗ hữu hình mà đi đến chỗ vô vi, là cơ siêu phàm nhập Thánh****. Vậy thà trước dụng cơ hữu hình để phổ hóa cho cơ Đạo dễ lưu thông; rồi cứ đó mà dắt dẫn cho nó tấn hóa mãi trên đường cao thượng, riết đến chỗ không hư (tức là vô vi) thì Đạo pháp mới phát minh, cơ diệu lý huệ tâm ứng lộ. Thế là Đạo Thầy không hư hoại đặng. Mà* ***không hư hoại đặng là nhờ ở chỗ hữu hình đi lên riết đến tận vô vi****. Còn Tam Giáo xưa lại từ vô vi mà lần sa sụt xuống hữu hình, mới thành đạo bế, rồi sai lầm ra ngoại giáo bàng môn."*[4]

Theo lời dạy của Đức Chí Tôn, các tôn giáo trong Tam Giáo Đạo trước đây đều phát triển theo lộ trình như sau:

VÔ VI ⇨ HỮU HÌNH

Theo lộ trình này, các nền Đạo trong Tam Giáo Đạo đều khởi đầu từ chỗ "vô vi", nghĩa là từ một trình độ cao siêu về tâm linh mà không cần đến hình thức tôn giáo. Rồi

---

[1] Chữ "địa vị" ở đây có nghĩa là ***thiêng liêng vị*** của mỗi con người, tức là phẩm vị thiêng liêng do trình độ tiến hóa tâm linh cùng với giá trị đạo đức của mỗi con người tạo nên.

[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 05-07-1926; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1).

[3] Với chữ "trái hẳn" ở chỗ này, Đức Thượng Đế muốn nói về sự trái ngược giữa nguyên tắc phát triển của các tôn giáo trong Tam Giáo Đạo với nguyên tắc phát triển đặc trưng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

[4] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế (xưng danh Cao Đài giáo chủ), 25-09 Bính Tý (08-11-1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.60-62.

dần dần theo thời gian, các nền đạo này bị con người "hình thức hóa" thành các tôn giáo có hình tướng. Ở giai đoạn tôn-giáo-có-hình-tướng, trong đời sống tôn giáo của mình, con người hầu như không sống với những đạo lý siêu mầu trong nội tâm nữa, mà bị lôi cuốn vào những hình danh sắc tướng của những cái bên ngoài. Lộ trình này theo thời gian làm cho các tôn giáo bị thất chân truyền.

Ngày nay, tức là thời đại của công cuộc cứu độ lần thứ ba, Đức Chí Tôn sắp đặt một lộ trình phát triển ngược lại:

HỮU HÌNH ⇨ VÔ VI

Lộ trình này phù hợp với con đường tiến hóa tự nhiên của nhân loại. Thật vậy, nếu xét về trình độ tiến hóa, thì "hữu hình" thuộc về một trình độ tiến hóa thấp hơn so với "vô vi", bởi vì "hữu hình" chỉ đòi hỏi một khả năng nhận thức cảm tính ở một chừng mực nào đó của các giác quan thông thường (mắt thấy, tai nghe,…), trong khi "vô vi" đòi hỏi tối thiểu là khả năng nhận thức lý tính của tư duy trừu tượng[1]. Mặt khác, nếu xét sự phân bố dân số của nhân loại theo trình độ tiến hóa, ở một thời điểm bất kỳ trong thời hạ nguơn này, đại đa số nhân loại đều thuộc trình độ "hữu hình". Thật vậy, so với những gì đòi hỏi phải vận dụng đến tư duy trừu tượng (ví dụ lý thuyết tương đối tổng quát của Einstein, hay giáo lý của Đức Lão Tử), thì những gì có thể dễ dàng thấy được bằng mắt, nghe được bằng tai, ngửi được bằng mũi, thậm chí, nếm được hay sờ mó được (ví dụ các sản phẩm dùng thử trong một chương trình tiếp thị của một công ty nào đó) đều được đại đa số nhân loại tiếp nhận nhanh chóng hơn. Trình độ "hữu hình", vì vậy, cũng là trình độ tiến hóa bình quân của toàn thể nhân loại hiện nay. Và chính nhờ thực hiện lộ trình phát triển cơ đạo từ "hữu hình" đến "vô vi", Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mới có thể vừa cứu độ được toàn thể nhân loại, vừa nâng được trình độ tiến hóa bình quân của toàn nhân loại lên những tầm mức cao hơn.

Hơn nữa, lộ trình phát triển cơ đạo này thể hiện thời gian tính của Đại Đạo trong bối cảnh hiện tại của lịch sử văn minh nhân loại. Trong thời đại hiện nay, các hình thức vật chất bề ngoài khác nhau không chỉ ngự trị cả nền văn minh nhân loại mà còn chi phối mạnh mẽ đời sống tinh thần nhân loại. Đây là thời đại của cái hữu hình. Do đó, muốn cứu độ nhân loại trong thời đại này, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phải chấp nhận việc tạm mượn cái hữu hình như một phương tiện ngắn hạn để dẫn dắt nhân loại từng bước tiến lên trên những nấc thang đạo đức siêu mầu, như điều mà Đức Chí Tôn đã dạy: *"Đạo Thầy bắt đầu do chỗ hữu hình mà truyền bá, rồi lần lần mới dẹp hết chỗ hữu hình mà đi đến chỗ vô vi, là cơ siêu phàm nhập Thánh."*[2]

[1] Ở đây, khả năng nhận thức lý tính và tư duy trừu tượng được nêu ra chỉ nhằm cho thấy một sự khác biệt tối thiểu giữa trình độ tiến hóa "vô vi" với "hữu hình", chứ thật ra, cả lý tính lẫn tư duy cũng chỉ là những mức độ tiến hóa còn khá thấp của trình độ tiến hóa "vô vi".

[2] Ibid.

Xét trong toàn bộ lịch sử cứu độ từ ngàn xưa, thì việc khai minh Đại Đạo trong nhân loại bằng cách thành lập một tôn giáo đầy những hình danh sắc tướng là một việc chưa từng có, cho đến khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được khai minh với hình tướng của tôn giáo Cao Đài. Đó là một lựa chọn không có tiền lệ của Đức Thượng Đế. Nhưng, như Ngài đã giải thích về sự lựa chọn này – *"Thà trước dụng cơ hữu hình để phổ hóa cho cơ Đạo dễ lưu thông; rồi cứ đó mà dắt dẫn cho nó tấn hóa mãi trên đường cao thượng, riết đến chỗ không hư (tức là vô vi) thì Đạo pháp mới phát minh, cơ diệu lý huệ tâm ứng lộ. Thế là Đạo Thầy không hư hoại đặng."*[1] – đó chính là cách để Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không bị hư hoại trong tương lai. Bằng cách này, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã giải quyết được song đề đối nghịch: một mặt vừa thích ứng được với tình trạng hiện tại của đời sống vật chất và tinh thần mà xã hội nhân loại đang trải qua nhằm nâng cao trình độ tiến hóa bình quân của toàn nhân loại, mặt khác lại vừa bảo tồn được chân truyền muôn thuở của Đại Đạo và nghĩa là của vạn giáo trong Tam Giáo Đạo.

3. VAI TRÒ CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ TRONG CƠ QUY NGUYÊN

Đối với sự quy nguyên của nhân loại, vai trò cốt yếu của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là mang đến một khuôn mẫu và những giải pháp thực tiễn. Muốn quy nguyên, phải quy Tâm. Trên bình diện nhận thức, muốn quy Tâm, phải thấy được chân lý duy nhất của Đại Đạo trong giáo huấn của mỗi tôn giáo; chân lý duy nhất ấy chính là giáo lý Đại Đạo. Trên bình diện hành động, muốn quy Tâm, phải sống trở lại với đời sống nhân bản, phát huy được bản chất hiền lành của một con người mà Thượng Đế đã phú bẩm. Giáo lý Đại Đạo qua sự vận dụng của mỗi tôn giáo sẽ giúp con người phục hưng nhân bản, và con người nhân bản sẽ nhận thức được giáo lý Đại Đạo ở những mức độ sâu rộng hơn qua giáo huấn của vạn giáo. Đức Giáo Tông Vô Vi đã dạy:

"Trải mấy ngàn, mấy trăm năm qua, ***cơ tiến hóa của nhân loại ngày càng đi sâu vào công cuộc kết thúc của một chu kỳ tam nguơn chuyển thế****. Vì thế, Đức Thượng Đế – tá danh Cao Đài Tiên Ông – đến trong Tam Kỳ Phổ Độ để làm sáng tỏ giáo lý Đại Đạo trong nhứt nguyên chủ tể, đem nhân loại phục hưng tinh thần nhân bản, để tái tạo dinh hoàn, lập thượng nguơn thánh đức."*[2]

Sự phục hưng nhân bản cho nhân loại dưới ánh sáng của giáo lý Đại Đạo, xét trong ngữ cảnh của quá trình quay trở về Đại Đạo của Tam Giáo Đạo, là sự phục hưng chân truyền của vạn giáo, đem lại sức sống mới cho vạn giáo, tạo ra những cơ hội mới để vạn giáo hoằng dương chánh pháp hầu hoàn thành sứ mạng của mình trong việc thay đổi cuộc diện thế giới trong thời mạt kiếp hạ nguơn, tái lập đời thượng nguơn thánh đức.

[1] Ibid.
[2] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 12-02 Nhâm Tý (26-03-1972).

3.1. Phục hưng chân truyền cho Tam Giáo Đạo

Để phục hưng chân truyền cho Tam Giáo Đạo hay là cho vạn giáo, cần tìm lại nguyên lý của Tam Giáo Đạo tức là Tam Thanh. Trong "Đại Thừa Chơn Giáo", Đức Thượng Đế đã dạy:

"Tam giáo xưa nay một phép truyền,
Độ người thành Đạo, đắc Thần Tiên;
Ngày nay Thầy đến hưng Chơn giáo,
Thống nhất Tam Thanh, chuyển diệu huyền."[1]

Tam Thanh là chân truyền của Tam Giáo Đạo. Thượng Đế đến thế gian vào thời kỳ thứ ba này để chấn hưng Tam Giáo Đạo và thống nhất Tam Thanh, tức là thống nhất chân truyền của Tam Giáo Đạo. Chính vì vậy, trong đạo Cao Đài, cả phần thể pháp lẫn bí pháp đều có sự kết hợp của Tam Thanh. Ví dụ, ở phần thể pháp, đạo kỳ có ba màu (vàng, xanh [dương], đỏ), hệ thống chức sắc Cửu Trùng Đài có ba phái (Thái, Thượng, Ngọc),… đều tượng trưng cho Tam Thanh hiệp nhất; còn ở phần bí pháp, các pháp môn thiên đạo giải thoát đều xoay quanh việc *"bảo Tinh, dưỡng Khí, tồn Thần"*[2], nghĩa là giữ gìn và hiệp nhất Tam Bửu, mà Tam Bửu cũng chính là Tam Thanh.

Việc thống nhất Tam Thanh sẽ làm cho Tam Giáo Đạo quay trở về nguồn gốc Đại Đạo. Vì sao? Sự thống nhất của Tam Thanh một mặt sẽ làm cho nhân loại thấy rõ chỗ nhất lý của vạn giáo, và mặt khác sẽ giúp cho vạn giáo thấy được những điểm quan yếu trong chân truyền của chính mình. Khi nhân loại đã thấy rõ chỗ nhất lý của vạn giáo, sự hòa hợp giữa đạo và đạo cũng như giữa đạo và đời mới trở thành sự thật. Khi mỗi tôn giáo đã thấy được những điểm quan yếu trong chân truyền của chính mình, con người của từng tôn giáo ở thời mạt pháp này mới có thể phục hưng được chân truyền cho tôn giáo của mình. Từ đó, vạn giáo trong Tam Giáo Đạo sẽ dần dần quay trở về nguồn gốc Đại Đạo trong hòa hợp đạo-đời để thống nhất với nhau trong sứ mạng cứu độ.

Việc thống nhất Tam Thanh là một phần của tôn chỉ "Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi hiệp nhất", nhằm đạt đến mục đích "Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát", giúp cho vạn giáo trong Tam Giáo Đạo trở nên hưng thịnh hơn. Đức Vô Cực Từ Tôn đã dạy:

"Mục đích, tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là trùng hưng Tam Giáo Đạo."[3]

Như vậy, quy nguyên Tam Giáo và hiệp nhất Ngũ Chi không phải là công cuộc thôn tính vạn giáo, mà là công cuộc phát huy giá trị của vạn giáo.

Khi nhận định rằng các tôn giáo trên thế giới đang bị thất chân truyền trong thời hạ nguơn mạt kiếp này, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tuyệt nhiên không nhằm đưa ra những lời phê phán về hiện trạng của vạn giáo, mà chính là nhằm để giúp vạn giáo khôi phục lại

---

[1] Đức Cao Đài Tiên Ông; 13-08 Bính Tý (28-09-1936), *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Php, 1950), tr.160.
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 18-08 Bính Tý (30-10-1936), *Đại Thừa Chơn Giáo* (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.346.
[3] Đức Vô Cực Từ Tôn; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-04 Bính Ngọ (03-06-1966).

chân truyền, bằng cách chỉ ra chân truyền của vạn giáo và chỉ ra đường lối để quay về. Đức Đông Phương Lão Tổ đã dạy:

"Thời kỳ này, Đại Đạo hoằng khai để phục hưng Tam Giáo Đạo, để cứu vớt toàn linh sanh chúng."[1]

Giúp cho vạn giáo phục hưng chân truyền cũng chính là giúp cho vạn giáo quy nguyên, vì chỉ cần mỗi tôn giáo tự trở về với chánh pháp chân truyền của chính mình thì mọi tôn giáo sẽ gặp gỡ nhau ở cội nguồn Đại Đạo. Có gặp được nhau ở cội nguồn Đại Đạo, vạn giáo mới tự hòa hiệp với nhau, tự liên kết lại với nhau thành một thực thể cứu thế duy nhất. Có tạo được một thực thể cứu thế duy nhất trong tinh thần tự nguyện, vạn giáo mới phát huy được một quyền năng cứu thế thống nhất thật mạnh mẽ, đủ sức cứu vớt toàn thể chúng sinh trong thời mạt kiếp.

Đây là cách mà Thượng Đế thực hiện – thông qua Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ – để cứu độ nhân loại. Bởi đó, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hoàn toàn không phải là một tôn giáo để cạnh tranh với các tôn giáo khác trong việc, chẳng hạn, tạo ảnh hưởng cứu độ đối với quần chúng. Ngược lại, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một sự phục vụ dành cho các tôn giáo để giúp mỗi tôn giáo tự khôi phục chân truyền, nhờ đó mà mỗi tôn giáo có thể tự duy trì lấy mình như một hiện thân của chân lý, nâng cao sự tín nhiệm của nhân loại đối với mỗi tôn giáo trong công cuộc cứu độ hiện nay. Bằng cách này, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trợ giúp mỗi tôn giáo thực hiện sứ mạng cứu độ của mình trong sự hòa hiệp và cộng tác với những tôn giáo khác trên hoàn cầu.

"Đạo Cao Đài không phải [là sự] thiết lập thêm một tôn giáo, mà là [sự] cố gắng sao các tôn giáo hiệp làm một, chẳng những tạo cho tổ chức nơi mình một địa vị mà làm cho tất cả các tổ chức thành một địa vị cao quý ở cõi đời nầy và nơi Thiên quốc, Niết Bàn."[2]

Như vậy, nếu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thực hiện được trọn vẹn sứ mạng của mình thì các tôn giáo khác cũng thực hiện được trọn vẹn sứ mạng của mình, và ngược lại, nếu sứ mạng cứu độ của vạn giáo hoàn thành thì sứ mạng cứu độ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng hoàn thành.

Nói về mặt trách nhiệm, thì trong cơ quy nguyên Tam Giáo này, tất cả mọi người Cao Đài đều phải góp phần *phục hưng Tam Giáo Đạo*, dù là chức sắc, chức việc hay tín đồ. Đó là bổn phận của mỗi người Cao Đài đối với Tam Giáo Đạo. Có thực hiện được bổn phận ấy, Đại Đạo mới được xiển dương chánh pháp, và nhờ đó, nhân sanh mới thấy được ánh sáng Đại Đạo qua sự quy nguyên của Tam Giáo Đạo mà tìm đến được tân pháp kỳ ba:

"Chư hiền đã ý thức được như vậy, tất nhiên, phải nhận chân trách nhiệm phục vụ của chính mình trong đạo lý, ở mục đích chính, để không thấy sự ngăn cách, khác biệt

[1] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Hườn Cung Đàn, 03-09 Quý Mão (19-11-1963).
[2] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 2, tiết 4, mục 2.

nhau vì đường lối này hay đường lối khác. Muốn nhận được rõ ràng, người có trách nhiệm hiện hữu đã biết Tam Giáo Đạo gồm trong danh từ Đại Đạo. Người có nhiệm vụ ở phần Nho Tông chuyển thế là Đạo trị thế. Người có trách nhiệm về Thích Giáo, Lão Giáo là Đạo hoát khai tâm linh. Hai con đường trị thế (hay nhân sinh) và tâm linh phải được thực hiện ngay trong kỳ đại ân xá này.

Người chức sắc, chức việc, tín đồ mệnh danh trong Đại Đạo phải biết rõ hơn lúc nào hết là góp tay vào phục hưng Tam Giáo Đạo để Đại Đạo được huy hoàng xiển dương chánh pháp."[1]

Việc phục hưng Tam Giáo Đạo là một việc làm có tầm mức vô cùng lớn lao, mà trước hết, nó sẽ mở ra những cơ hội hoằng dương chánh pháp cho tất cả mọi tôn giáo trên thế giới để cứu độ toàn thể nhân loại.

3.2. Mở ra cơ hội hoằng dương chánh pháp cho vạn giáo

Không thay thế bất cứ tôn giáo nào, mà cũng không phải là sự lặp lại của bất cứ tôn giáo nào, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mang đến cơ hội hoằng dương chánh pháp cho vạn giáo trong Tam Giáo Đạo. Đức Thượng Đế đã dạy:

"Thế vận tuần huờn, Thiên cơ dĩ định, Thầy khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại Việt Nam, là nơi các con cái của Thầy đang gặp gỡ nhau trên phương diện đạo lý, cũng là cơ hội hoằng dương chánh pháp cho Tam Giáo Đạo trùng hưng, hầu cứu rỗi nhơn sanh trong kỳ hạ nguơn mạt kiếp."[2]

Trong giai đoạn quy nguyên, các tôn giáo vẫn là các tôn giáo xét về mặt tổ chức và thể chế. Không có tôn giáo nào hơn, cũng không có tôn giáo nào kém. Mỗi tôn giáo đều có một vai trò, một sứ mạng trong việc cứu độ quần linh ở những trình độ căn trí khác nhau. Điều quan trọng để các tôn giáo có thể thực hiện được vai tuồng của mình là phải phát huy được tình thương của Thượng Đế – công bình, bác ái, từ bi – vì chỉ bằng cách đó mới có thể cứu vớt được vạn linh trong thời hạ nguơn mạt kiếp. Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên đã dạy:

"Hiện giờ các tôn giáo đang thi đua nhau để phát huy giáo lý, mở rộng pháp môn để thu nhận tất cả vạn loài ở chỗ tùy duyên hóa độ, đó là thuận lẽ Trời. Cũng ví như một cây đại thọ nảy ra năm tược bảy chồi, đến thời kỳ đơm bông trổ trái, mà Chủ Nhơn Ông là Đấng Thượng Đế, sẽ phát ban và tất cả vạn linh sanh chúng đều được hưởng.

Chỉ còn một nỗi là chung quanh gốc đại thọ có biết bao giống thảo mộc khác, cũng cùng trên mặt đất, đủ chất cam khổ tân toan, có giống thì giết người, cũng có giống lại cứu người. Tôn giáo cũng thế; chung quanh Tam Giáo Đạo, còn có tam thiên lục bá bàng môn đạo, cũng thi đua nhau theo nguơn hội của trời đất để đi đến kết quả của ngày cuối đông trong cơ mạt kiếp.

---

[1] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Chí Thiện Đàn (Minh Đức Nho Giáo), Tuất thời, 26-08 Nhâm Tý (03-10-1972).
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Nam Thành Thánh Thất, Hợi thời, 14-02 Bính Ngọ (05-03-l966).

*Như vậy, chư hiền đã hiểu: chánh đạo hoằng dương chánh pháp để cứu độ toàn linh sanh chúng trong đường lối duy nhứt là **từ bi**, trọng **bác ái**, giữ **công bình**, để làm một sự kiện tối cần cho những ai muốn tìm về cảnh Thiên đàng Cực lạc."*[1]

Cơ hội hoằng dương chánh pháp cho vạn giáo nằm ở đâu? Về nguyên tắc, cơ hội ấy nằm ở bất cứ nơi đâu mà vạn giáo có thể phát huy được tình thương nhân bản thông qua lẽ công bình, lòng bác ái, và đức từ bi. Tuy nhiên, trên thực tế, trong thời kỳ cùng cuối của đại chu kỳ tiến hóa này, khi thế giới nhân loại tràn ngập những dục vọng và tội ác ở những mức độ đáng sợ hơn nhiều lần so với những gì chúng ta đã chứng kiến trong quá khứ, nếu như các tôn giáo vẫn tiếp tục thực hiện thiên mạng của mình một cách biệt lập với nhau như đã từng làm trong quá khứ, thì liệu các tôn giáo có tìm thấy được cơ hội hoằng dương chánh pháp của riêng mình? Với sự hành đạo biệt lập như vậy, mỗi tôn giáo sẽ phải một mình đối diện với toàn bộ bài toán nan giải về sự sinh tồn của toàn nhân loại ở thời mạt kiếp này. Liệu tôn giáo nào có thể đơn độc nhận lấy gánh nặng này hoặc đơn độc giải quyết vấn đề này? Đó là chưa kể đến việc dục vọng của nhân loại luôn có xu hướng làm tha hóa tôn giáo thông qua những tín đồ tôn giáo chưa thực tâm sống đạo.

Như vậy, hiện trạng của thế giới nhân loại rõ ràng đã và đang đặt ra cho các tôn giáo một nhiệm vụ lịch sử: tất cả mọi tôn giáo trên hoàn cầu đều có nhiệm vụ phải hòa hiệp lại với nhau, liên kết lại với nhau để gia tăng hiệu năng cứu độ nhân loại. Gọi là "nhiệm vụ", vì chỉ bằng cách đó, các tôn giáo mới có thể thực hiện được thành công sứ mạng cứu độ của riêng mình cũng như sứ mạng chung của mọi tôn giáo. Trong sự hòa hiệp với nhau để cùng thực hiện một sứ mạng cứu thế, mỗi tôn giáo chỉ cần tập trung giải quyết một số vấn đề của nhân loại theo sở trường vốn có của mình trong Tam Giáo Đạo – Phật Đạo trị tâm, Tiên Đạo trị thân, Thánh Đạo trị thế – còn tổng lực cứu thế của vạn giáo có được do sự hòa hiệp này sẽ làm thành quyền năng vô tận để giải quyết mọi vấn đề của thế giới. Khi các tôn giáo chỉ phải giải quyết những vấn đề nằm trong sở trường của mình, cơ hội thành công của mọi tôn giáo đều gia tăng, do niềm tin của nhân sanh đối với mỗi tôn giáo sẽ gia tăng. Một khi niềm tin của nhân sanh đã gia tăng, thì cơ hội hoằng dương chánh pháp của tất cả các tôn giáo đều được rộng mở.

Mặc dù trên thế giới cũng tồn tại những giáo phái đã bị sai lạc chân truyền, chỉ biết thực hiện tham vọng phi nhân bản của mình chứ không thực hiện sứ mạng cao cả của một tôn giáo, nhưng đó không phải là cái gì khác hơn sự hiện hữu của những thực thể đang tự đào thải lấy mình trong cuộc tiến hóa. Chánh đạo, thông qua Tam Giáo Đạo, vẫn tồn tại trong cuộc đời bất chấp tình trạng lẫn lộn giữa thánh và phàm vào thời Hạ nguơn mạt kiếp. Đức Di Lạc Thiên Tôn – vị Phật có sứ mạng thiết lập Đệ tam Long Hoa đại hội ở cuối thời hạ nguơn mạt kiếp – đã phân tích tình trạng này như sau:

"Chư môn đồ! Hỡi chúng sanh! Đạo là Hư Vô Chi Khí, hóa sanh Thái Cực, ba ngôi. Ba ngôi đã đem ra ứng dụng vào cơ sanh hóa, tiến hóa của càn khôn, vũ trụ, nhân loài trong ba kỳ: thượng, trung, hạ nguơn, đúng với luật định tuần huờn, châu nhi phục thỉ.

[1] Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 29 rạng 01-04 nhuần Quý Mão (22-05-1963).

Chỉ có chơn lý hoặc chánh đạo mới đi đến con đường hiệp nhứt mà thôi. Vì thế, đã trải qua các thời kỳ, Thượng Đế đã mượn không biết bao nhiêu hình thức, bao nhiêu danh từ, tùy theo trình độ tiến hóa của mỗi giống dân mà ban truyền giáo pháp, đã mượn tay phàm dìu dẫn con đàng siêu thoát phổ độ quần sanh. Những thời kỳ ấy đã qua, ngày nay dân tộc Việt nói chung, chư môn đồ nói riêng, đã hữu duyên, hữu căn, hữu kiếp, gặp thời kỳ ân xá, Đại Đạo hoằng khai, dụng những danh từ và kinh điển rất thích hợp với giống dân địa phương, chỉ đường quanh nẻo tắt, mỗi trình độ đều có thể hiểu được và hành được, khỏi phải tốn phí công lao lặn biển trèo non, lên núi xuống đèo, tìm sư học đạo. Giờ đây chỉ còn một cách là ở nơi người có thiện chí bền tâm cùng chăng.

Tam Kỳ ân xá, Phật, Tiên, Thánh, Thần đều phụ tá Thượng Đế mở mang khắp chốn cùng nơi, quyết phổ độ cùng cứu rỗi muôn loài sớm trở về ngôi trường tồn chánh giác. Tuy rằng Bần Tăng có sứ mạng thiết lập Tam Long Hoa Hội, nhưng các Đấng trong Tam Giáo Tòa vẫn cộng đồng phân phối lãnh mạng xuống thế trùng hưng chánh pháp cứu rỗi vạn linh. Chư môn đồ luôn luôn hãy sáng suốt, học hỏi, nghiên cứu giáo lý để đặt mình đúng chỗ, đi đúng đường, hành đúng lý, có như vậy mới khỏi lầm bàng môn tả đạo, rồi oan uổng công trình tự bấy lâu dày công xây đắp. (…) Dùng pháp môn riêng để tự tu hoặc dẫn dắt tha nhơn cùng tu luyện, còn có ngày trở lại đường chánh đạo, khi hiểu biết mình đã lạc lối sa chơn. Nhược bằng dùng dục tâm tôn phù[1] một giáo chủ để làm cứu cánh[2] cho đời đạo đức, thì không ngày nào quy hiệp được, bởi vì dục tâm bất trú[3].”[4]

Câu cuối trong đoạn thánh giáo trên đây nói rằng nếu ai dùng lòng ham muốn của riêng mình mà đề cao một vị giáo chủ và xem việc đề cao đó là mục đích của một đời sống đạo đức thì người đó sẽ không bao giờ quy hiệp được được về Đại Đạo, vì lòng ham muốn đó sẽ dẫn cá nhân nuôi dưỡng nó đi đến những hậu quả không thể lường trước được. Nhìn lại lịch sử của những cuộc chiến tranh tôn giáo, người ta có thể hiểu tại sao Đức Di Lạc Thiên Tôn nói như vậy. Tất cả những va chạm do khác biệt tôn giáo đều xuất phát từ việc con người của mỗi tôn giáo dùng dục tâm của mình mà đề cao vị giáo chủ của mình, và chẳng những thế, còn coi việc đề cao vị giáo chủ của mình như mục đích cuối cùng mà mọi người đạo đức trên thế giới đều phải đạt được!

Tình trạng cạnh tranh giữa những khuynh hướng tôn giáo hoặc tín ngưỡng khác biệt nhau ở thời kỳ mạt kiếp này đã được giáo lý Đại Đạo dự báo từ trước. Do luật công bình của Thượng Đế, mọi khuynh hướng tôn giáo hoặc tín ngưỡng đều bình đẳng trong việc tìm kiếm những cơ hội lập công bồi đức cho chính mình trong thời hạ nguơn. Tuy nhiên, vẫn theo luật công bình này, mỗi tôn giáo, giáo phái, khuynh hướng tín ngưỡng,… đều phải tự gánh chịu những hậu quả do những hành động cạnh tranh trái đạo lý của mình tạo ra, cũng như được hưởng mọi thành quả do những nỗ lực cứu độ đúng đạo lý do mình thực hiện. Nói khác đi, ngay trong sự cạnh tranh để tìm cơ hội cho riêng mình như vậy,

---

[1] “Tôn phù” (hay “tôn phò”): đề cao.

[2] “Cứu cánh”: mục đích.

[3] “Trú”: dừng lại, đứng lại. “Dục tâm bất trú”: lòng ham muốn của con người không bao giờ dừng lại, lòng tham không đáy, sự tham lam không giới hạn.

[4] Đức Di Lạc Thiên Tôn; Trúc Lâm Thiền Điện, Ngọ thời, 20-08 Ất Tỵ (15-09-1965).

các tôn giáo, giáo phái, khuynh hướng tín ngưỡng,… đều chịu những cuộc sàng sảy, phân lọc dữ dội của cơ tiến hóa ở thời mạt kiếp này. Bởi vậy, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã nhắc nhở:

"Cuộc tuần hoàn nguơn hội đáo đầu, trải qua bao lúc sàng sảy, phân phàm lọc thánh, định luật đến ngày đào thải tất cả những gì cặn bã trọng trược trong vũ trụ. Chư hiền đệ thử ôn lại: nhìn vào trong cửa tôn giáo khắp hoàn cầu như hiện tình, không biết bao nhiêu là pháp môn, là đạo giáo, mỗi mỗi đều có tác dụng đóng góp vào Đại Đạo. Đến lúc tận thế, tam thiên lục bá bàng môn đều ra tranh hùng, giành giựt để lập công, hầu chuyển mình qua kỷ nguyên mới, hưởng hạnh phúc thiên đường ở thế gian; do đó, đã diễn ra không biết bao nhiêu hình thái tranh giành tín hữu, kéo giựt môn đồ, dùng đủ pháp thuật mê hoặc, lôi kéo đám người mê tín cùng về để thực hiện cho kỳ được lòng tham vọng. Thế nên, đã biết bao nhiêu người đã hy sinh, đã ngã gục trước ngưỡng cửa tôn giáo."[1]

Xem vậy, trong giai đoạn quy nguyên, một số tôn giáo có thể sẽ tiếp tục tranh chấp lẫn nhau hoặc với các tôn giáo khác để tiến hóa, như điều đã từng xảy ra trong lịch sử văn minh nhân loại, suốt từ xưa đến nay. Nhưng đạo Cao Đài được Thượng Đế dựng lên để thúc đẩy các tôn giáo liên kết lại để tạo thành thực thể ***Đạo Cứu Thế*** trong tam kỳ phổ độ:

"Trong sở vật thực tại của tôn giáo trên thế giới, tất cả các tôn giáo từ xưa nay đang biến dưỡng tranh chấp để tiến hóa. Sự tiến hóa không là hỗn tạp mà từ sự mâu thuẫn. Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp nầy thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể ***Đạo Cứu Thế*** *trong Tam Kỳ Phổ Độ."*[2]

Đó chính là sứ mạng quyền pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đây tuyệt nhiên không phải là sứ mạng lãnh đạo vạn giáo hay thống nhất vạn giáo thành một tôn giáo duy nhất, mà đây là sứ mạng vun đắp sự hòa hiệp giữa tất cả các tôn giáo. Chỉ khi nào thực hiện được sự hòa hiệp này, thì quyền năng cứu thế chung của vạn giáo – trong sự hiệp nhất với quyền năng cứu thế của Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng – mới có thể đưa thế giới này thoát khỏi nguy cơ bị hủy diệt qua một quá trình phân phàm lọc thánh gay gắt của hội Long Hoa (hay Ngày Tận Thế, nói theo ngôn từ của nhiều tôn giáo). Hơn nữa, với sự hòa hiệp này, không một tôn giáo nào phải cạnh tranh với một tôn giáo nào, mà cơ hội hoằng dương chánh pháp vẫn rộng mở một cách vô tận cho tất cả.

3.3. Xây dựng một nền tảng Đại Đạo duy nhất

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã vạch ra một đường lối tận độ quần sinh trong thời mạt kiếp. Đường lối đó chính là "Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi hiệp nhất". Sự quy hiệp quyền năng cứu độ của vạn giáo phải được thực hiện bởi tinh thần hòa ái giữa tôn giáo và tôn giáo, cũng như, bởi nhu cầu liên kết lại với nhau trong việc thực hiện sứ mạng cứu thế chung. Đường lối tận độ này xuất phát từ một chủ trương căn bản của Thượng Đế

[1] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 23-03 Đinh Mùi (02-05-1967).
[2] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, Ngọ Thời, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

trong tam kỳ phổ độ: thời kỳ mạt kiếp là thời kỳ của sự hòa hiệp. Chỉ có hòa hiệp nhân loại mới có thể sinh tồn trong thời mạt kiếp và trong cơ tái tạo dinh hoàn. Vì sao sự hòa hiệp lại có một hiệu năng lớn lao như vậy? Lý do không chỉ là "đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết" mặc dù điều này hoàn toàn đúng trong nhiều tình huống thực tiễn. Ở đây, còn có một lý do sâu xa hơn: hòa hiệp để xây dựng một nền tảng Đại Đạo duy nhất trong xã hội nhân sinh. Nền tảng ấy nếu được xây dựng thành công sẽ thay đổi cuộc diện của thế giới từ chỗ có thể bị hủy diệt đến chỗ thái bình thánh đức. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã dạy:

"Nếu các hướng đạo ngày nay biết rõ đường lối tận độ quần sinh trong Tam Kỳ Phổ Độ để cùng hợp nhau xây dựng một nền tảng Đại Đạo duy nhứt – Phật pháp, Đạo pháp, Nho giáo cùng xiển dương chơn lý, phá mê đồ cho vạn sinh thức tỉnh – thì công cuộc hòa bình không cần phải đòi hỏi cũng sẽ đến ngay."[1]

Như vậy, chỉ cần các bậc hướng đạo, các hàng lãnh đạo trong Tam Giáo Đạo biết đồng tâm hiệp lực, thực hiện những đường lối mà Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng đã vạch ra, xây dựng được một *"nền tảng Đại Đạo duy nhứt"* thì thế giới sẽ dễ dàng đi đến hòa bình và đại đồng.

Nhưng những bậc hướng đạo ấy là ai? Thuộc về tôn giáo nào, dân tộc nào, đảng phái nào, giai cấp nào? Giáo lý Đại Đạo đáp: họ là bất kỳ con người giác ngộ nào ở trong bất kỳ tầng lớp xã hội nào:

"Những người giác ngộ chính là những sứ giả hòa bình của Thượng Đế cho xuống thế gian, ở cùng nơi khắp chốn trong các giai tầng xã hội thế nhân, các tôn giáo để mưu cuộc hòa bình cho thế giới nhân loại. Ngọn đèn dầu nhỏ đến đâu cũng đem ánh sáng đến cho đêm tối, từ đạo tâm cá nhân đến đạo tâm đại đồng, sẽ chuyển được thế cuộc hung tàn trở nên thánh thiện."[2]

Chính họ – những con người giác ngộ ở trong mọi tầng lớp xã hội trên khắp thế giới – là lực lượng có khả năng xoay chuyển thế giới để thiết lập cõi đời thánh đức. Họ cần được biết đến đường lối tận độ quần sinh của Thượng Đế trong cơ cứu thế kỳ ba càng sớm càng tốt để kịp ý thức về sứ mạng trọng đại của mình và có đủ thời gian để thực hiện. Sự hòa hiệp của những con người giác ngộ này sẽ tạo nên cái mà giáo lý Đại Đạo gọi là thế nhân hòa, và thế nhân hòa chính là tiền đề để xây dựng một nền tảng Đại Đạo duy nhất trong xã hội nhân sinh.

4. KẾT LUẬN

Trong tình tạo hóa vô biên của Đức Thượng Đế, tiến trình Tam Giáo Đạo quy nguyên Đại Đạo đã xảy ra trong lịch sử nhân loại bằng việc khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại Việt Nam vào đầu thế kỷ 20. Kể từ đây, Tam Giáo Đạo mới có thể dần dần được trùng hưng và hòa hiệp trong chân truyền Đại Đạo, vạn giáo mới có thể dần dần được liên kết

[1] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 11-09 Canh Tuất (10-10-1970).
[2] Đức Quan Âm Bồ Tát; Minh Đức Tu Viện, Ngọ thời, 13-01 Ất Mão (23-02-1975).

thành thực thể Đạo thuần chánh cứu thế để đưa vạn linh sanh chúng tiến sang đại chu trình tiến hóa tiếp theo của càn khôn vũ trụ.

"Thầy khai Đạo kỳ hạ ngươn này là đúng theo vận số tam ngươn, sẽ trở về thượng ngươn phản cổ; thế nên, Thầy tá danh Cao Đài Tiên Ông, khai Tam Kỳ Đại Đạo, cốt là để trùng hưng Tam Giáo cho lý đạo được siêu mầu mới có thể độ toàn linh sanh chúng."[1]

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là giải pháp duy nhất, giải pháp độc nhất để vạn giáo có thể quy nguyên, Tam Giáo Đạo có thể trở về Đại Đạo, nhân loại có thể trở về đời sống đại đồng thánh đức. Nếu nhân loại từ chối giải pháp này, tức là nhân loại từ chối sự sống còn của chính mình trong tương lai vậy.

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 15-10 Quý Mão (30-11-1963).

CHƯƠNG 10.
SỰ DUNG HÒA VÀ TỔNG HỢP TAM GIÁO ĐẠO TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

"Hiệp vạn chủng nhứt môn đồng mạch,
Quy thiên lương quyết sách vận trù;
Xuân Thu, Phất Chủ, Bát Vu,
Hiệp quy Tam Giáo hữu cầu chí chơn.
Phục nguyên nhơn huờn tồn Phật tánh,
Giáo hóa hồn hữu hạnh hữu duyên;
Trụ căn quỷ khí cửu tuyền,
Quảng khai thiên thượng tạo quyền chí công."
Phật Mẫu Chơn Kinh [1]

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được Đức Chí Tôn Thượng Đế xây dựng từ sự dung hòa và tổng hợp tinh ba của Tam Giáo Đạo. Sự dung hòa và tổng hợp này không phải là một phép cộng đơn giản hay một sự pha trộn lẫn lộn các yếu tố khác nhau của vạn giáo, mà là một sự chọn lọc và kiến tạo dựa trên những quy tắc xác định của Tạo Hóa. Đức Chí Tôn đã nói về công việc này như sau:

"Thầy sắp một thực tướng Tam Giáo cho các con hiểu rõ vạn giáo trên thế gian đồng nhất lý, ngõ hầu lập đời thánh đức sau hội Long Hoa."[2]

Chương này trình bày những quy tắc dung hòa và tổng hợp các tinh ba của Tam Giáo Đạo, làm cơ sở cho việc "hiểu rõ vạn giáo trên thế gian đồng nhất lý" thông qua "thực tướng Tam Giáo" của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Những quy tắc dung hòa và tổng hợp này sẽ cho chúng ta thấy rằng: Đức Chí Tôn đã kiến tạo nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bằng chính phương thức dung hòa và tổng hợp mà Ngài đã dùng để sáng tạo nên toàn thể vũ trụ.

1. SỰ DUNG HÒA VÀ TỔNG HỢP

Căn bản của sự dung hòa và tổng hợp mà Đức Thượng Đế đã thực hiện trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là:

---

[1] *Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*.
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Ngọ thời, 30-09 Canh Tuất (29-10-1970).

"Lấy Tam Thanh dung hòa làm một,
Tinh, Khí, Thần, trụ cốt con người."[1]

Tam Thanh – bao gồm Thái Thanh, Thượng Thanh và Ngọc Thanh – là ba thành tố căn bản cấu tạo nên nền chơn pháp cao thâm của Thượng Đế để cứu rỗi nhân loại trên địa cầu này. Đó là ba thành tố tâm pháp chân truyền của Đại Đạo mà mỗi tôn giáo đều sử dụng để dạy con người bảo tồn Tam Bửu (Tinh, Khí và Thần[2]) vốn là nguồn sống Đạo tự hữu nơi con người kể từ khi con người vừa xuất hiện ở thế gian.

Để có thể hiểu được sự dung hòa và tổng hợp "Tam Thanh" – tức là sự dung hòa và tổng hợp chân truyền của vạn giáo trong Tam Giáo Đạo – ta cần phải thực hiện một số khảo cứu cần thiết về phương pháp dung hòa và tổng hợp của Thượng Đế trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

1.1. Phép tổng hợp

1.1.1. Thế nào là "tổng hợp"?

Khi nói đến sự "dung hòa và tổng hợp" của Thượng Đế trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chữ "tổng hợp" không phản ảnh và không dùng để chỉ một phép cộng hay một sự lắp ghép hay một sự trộn lẫn những yếu tố A, B,… nào đó để có ra một hỗn hợp. **Tổng hợp** tức là **liên kết những cái đã có theo một nguyên lý nào đó để tạo ra những cái mới**. Kết quả của sự "tổng hợp" hai yếu tố A và B phải là một kết quả mới, mang một bản chất mới, mà cả A lẫn B trước đó đều không có.

Để làm ví dụ, ta hãy xét phản ứng hóa học sau đây:

$$2H_2 + O_2 \rightarrow 2H_2O$$

Trong phản ứng hóa học này, hydro và oxy được *tổng hợp* lại thành nước, một hợp chất có tính chất hóa học và vật lý *khác hẳn* với cả hydro lẫn oxy. Chẳng hạn, hydro và oxy đều là những chất dễ cháy; nhưng thì nước lại là một chất chẳng những không cháy được, mà còn có thể được dùng để dập tắt các đám cháy. Như vậy, sự tổng hợp đã tạo ra một chất mới, có những *tính chất mới* so với với tính chất của các chất ban đầu.

Một ví dụ khác là phản ứng hóa học:

$$2Na + Cl_2 \rightarrow 2NaCl$$

Cả natri lẫn chlor đều là những chất rất độc đối với cơ thể con người, nhưng khi được *tổng hợp* lại, thì muối ăn lại là một chất chẳng những không độc, mà còn hết sức cần thiết cho cơ thể của con người. Một lần nữa, ta thấy rằng sự tổng hợp đã tạo ra một chất mới, có những tính chất mới hoàn toàn khác – thậm chí còn có thể trái ngược – với tính chất của các chất ban đầu.

---

[1] Đức Thái Thượng Đạo Tổ; *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (Q.2).

[2] Như đã nói ở phần 2, mỗi tôn giáo đều có những thuật ngữ của riêng mình để chỉ ba yếu tố này, ví dụ như Thích giáo thì có Tam Quy, Khổng giáo thì có Tam Cang.

Khả năng tạo ra những "thuộc tính mới" ở thực thể tổng hợp từ những "thuộc tính cũ" của các thực thể thành phần là một khả năng đặc trưng của phép tổng hợp. Bởi đó, phép tổng hợp là một cách thức kỳ diệu của Tạo Hóa để sáng tạo ra thiên nhiên; nhờ đó, những cái "hoàn toàn mới" có thể được tạo ra từ những cái "hoàn toàn cũ", mà không cần dùng thêm bất cứ một "cái mới" nào khác.

Tạo Hóa – tác giả của những sáng tạo diệu kỳ trong vũ trụ – cũng chính là Đấng đã trực tiếp sáng tạo nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngài đã áp dụng cùng một cách thức tạo lập vũ trụ vào việc tạo lập cơ cứu thế kỳ ba. Chỉ bằng cách tổng hợp tinh ba của Tam Giáo Đạo – mà không cần dùng thêm bất cứ yếu tố nào khác – Ngài đã tạo ra một nền Đạo với những đặc tính hoàn toàn mới, chưa từng có trong bất kỳ nền Đạo nào trước đây.

1.1.2. Nguyên lý để tổng hợp

Từ những cái cũ, lại có thể tạo ra những cái hoàn toàn mới; bí quyết của Thượng Đế nằm ở đâu? Nằm ở các *nguyên lý để tổng hợp*. Một phép tổng hợp đúng nghĩa phải được đặt cơ sở trên một nguyên lý mà bởi đó, các thành phần ban đầu tuy khác biệt nhau vẫn có thể được liên kết lại thành một thực thể duy nhất và thực thể này mang những đặc tính không hề có ở các thành phần ban đầu.

Ví dụ, trong phản ứng tổng hợp oxy và hydro tạo thành nước, các điện tử (electron) ở lớp vỏ điện tử bên ngoài cùng của các nguyên tử oxy và hydro đã được sắp xếp lại trong quá trình phản ứng. Oxy "cảm thấy hơi thiếu" điện tử, còn hydro "cảm thấy hơi thừa" điện tử, nên có một sự trao đổi điện tử liên tục giữa bên thừa và bên thiếu, dẫn đến việc là nhu cầu của cả hai cùng được thỏa mãn trong một mối hợp tác đôi bên cùng có lợi. Như vậy, nguyên lý để tổng hợp hydro và oxy thành nước là sự chia sẻ để dùng chung điện tử giữa hydro và oxy.

Cái mới được tạo ra từ các trạng thái trung gian. Khi các phân tử hydro đã "nhường" và các phân tử oxy đã "nhận" điện tử, thì chúng không còn là phân tử như ban đầu nữa, mà đã trở thành các ion. Chính bước biến đổi trung gian này là bước quyết định tạo ra một thực thể có bản chất mới.

Tương tự sự trao đổi điện tử và biến thành ion ở các phản ứng hóa học trên đây, trong quá trình tổng hợp Tam Giáo Đạo thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, sự tương tác giữa các hệ thống này đã biến các hệ thống này thành những "ion Tam Giáo Đạo" chứ không còn là những "phân tử Tam Giáo Đạo" như ban đầu nữa.

Thật vậy, quá trình "ion hóa" Tam Giáo Đạo được Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo mô tả như là sự "rút những tinh túy" của vạn giáo: *"(…) nhân loại vì vật chất đắm mê, quên hết tinh Thần Đạo lý, nghĩa nhân, nên nay Thầy mới quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi lập thành Đại Đạo,* ***rút những tinh túy*** *của Phật, Tiên, Thánh, Thần, Hiền mà* ***dung hòa lại một*** *cho hợp với trình độ và hoàn cảnh của nhân loại trong thời hạ nguơn này."*[1]

[1] Đức Lý Giáo Tông, *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (Q.1), "Chơn Lý Duy Nhất – Bài Học Căn Bản".

Nếu nói một cách chính xác, thì tinh túy của một tôn giáo (thuộc về phần Thể của tôn giáo) không còn là chính tôn giáo ấy theo nghĩa thông thường mà phần lớn người ta vẫn hiểu về tôn giáo[1] – cũng giống như ion không phải là nguyên tử, phân tử – mà hầu như đã là Đại Đạo, vì những tinh túy ấy đều thuộc về chân truyền Đại Đạo. Do đó, khi được kết hợp lại trong không-thời gian của tam kỳ phổ độ, thì các tinh túy của Tam Giáo Đạo cũng trở thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Cái mới được tạo ra từ việc thay đổi tỉ lệ tổng hợp. Nhờ phép tổng hợp, bằng một số lượng hữu hạn cái "cũ", ta có thể tạo ra vô số cái "mới", chỉ bằng cách thay đổi tỉ lệ tổng hợp. Đây là điều mà con người đã biết đến trong nhiều ngành khoa học, ví dụ hóa học hữu cơ. Từ một số lượng *rất ít* nguyên tố (carbon, hydrogen, oxygen, nitrogen, sulfur, phosphor, halogen) hàng triệu chất hữu cơ khác nhau có thể được tổng hợp nên. Ta hãy xét các hợp chất hữu cơ chỉ chứa carbon, hydrogen, oxygen và nitrogen. Công thức phân tử của chúng là $C_xH_yN_zO_t$. Khi thay đổi các chỉ số x, y, z, t, tức là thay đổi tỉ lệ hiện diện của carbon, hydrogen, oxygen và nitrogen, ta sẽ có những hợp chất hữu cơ khác nhau, chẳng hạn:

với x=2 y=7 z=6 t=0 ta có $C_2H_7O_6$ (vitamin C),

với x=32 y=92 z=2 t=0 ta có $C_{32}H_{92}O_2$ (sáp ong),

với x=5 y=5 z=1 t=5 ta có $C_5H_5O_1N_5$ (guanin),…

Những hợp chất thu được với những giá trị khác nhau của x, y, z, t là hoàn toàn khác nhau, mặt dù tất cả đều cùng được cấu tạo từ carbon, hydrogen,…

Chẳng riêng gì hóa học hữu cơ, nhiều ngành khoa học khác cũng cho thấy rằng sự phong phú và đa dạng của vạn vật trong vũ trụ chỉ là kết quả của những khả năng kết hợp khác nhau của một số hữu hạn các "đơn vị cơ bản" nào đó. Trong lĩnh vực vật lý hạt cơ bản (particle physics [Eng]), người ta cho rằng các đơn vị cơ bản này là các hạt lepton, quark, các hạt truyền các loại tương tác, và các phản hạt của chúng.

Trong những mục sau, ta sẽ chỉ ra rằng, bằng cách thay đổi tỉ lệ hiện diện của các tinh hoa thuộc vạn giáo trong phép tổng hợp, Thượng Đế đã tạo nên tính phong phú, đa dạng trong cơ cấu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tương tự như sự phong phú của vũ trụ.

Làm sao để tổng hợp? Muốn tổng hợp nhiều yếu tố lại thành một thực thể duy nhất, phải làm được hai điều: [1] Phải tìm ra được những khả năng liên kết giữa các yếu tố; [2] Phải tìm ra được một nguyên lý để kiến tạo nên sự liên kết.

Trong việc tổng hợp Tam Giáo Đạo, hai điều đó được thực hiện như sau:

Điều thứ nhất được thực hiện qua *khả năng để liên kết vạn giáo*. Khả năng này nằm ngay trong cấu trúc Ngũ Chi Đại Đạo của mỗi tôn giáo. Như đã trình bày, mỗi tôn giáo đều có năm cấp bậc tu tiến, năm "lớp học", từ Nhân Đạo cho đến Phật Đạo. Trong lịch

[1] Phần lớn người ta hiểu về tôn giáo theo nghĩa hình tướng (ví dụ, "tôn giáo" phải có giáo đường, giáo hội, giáo phục, nghi lễ,…). Theo quan niệm của quyển sách này – một tôn giáo có ba phần: Thể, Tướng, và Dụng – thì hiểu như vậy tức là đã đồng nhất tôn giáo với phần Tướng của tôn giáo.

sử cứu độ, mỗi tôn giáo đều có khuynh hướng "chuyên môn hóa" – tức là tập trung vào phát triển mạnh mẽ – chỉ ở một hoặc một vài lớp học nào đó, nhưng chưa có tôn giáo nào "chuyên môn hóa" trên cả năm cấp lớp. Ví dụ, Khổng giáo phát triển vượt trội ở các cấp lớp Nhân Đạo, Thần Đạo và Thánh Đạo hơn là ở các cấp lớp Tiên Đạo và Phật Đạo; trong khi đó, Thích giáo phát triển quá mạnh mẽ ở cấp lớp Phật Đạo so với bốn cấp lớp còn lại. Sự "chuyên môn hóa" này chứa đựng trong chính nó những "tiềm năng hợp tác" to lớn giữa các tôn giáo để tạo ra một giải pháp cứu độ toàn diện cho mọi trình độ tiến hóa trong nhân loại. Và tiềm năng đó cũng chính là khả năng liên kết giữa vạn giáo trong Tam Giáo Đạo.

Điều thứ hai được thực hiện qua *sự dung hòa*. Ta có thể hình dung Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ như một hệ thống gồm nhiều chương trình giáo hóa về nhân sinh, nhân đức và nhân trí cho mọi trình độ tiến hóa trong nhân loại. Để thiết kế một chương trình cụ thể cho một trình độ tiến hóa nhất định, Thượng Đế chọn ra các môn học từ các lớp Ngũ Chi thuộc các tôn giáo, sao cho các môn học này phù hợp nhất với trình độ đang xét. Ví dụ, chọn ra vài môn thuộc "Phật Đạo" phù hợp nhất từ Thích giáo, tương tự, vài môn thuộc "Tiên Đạo" từ Lão giáo, vài môn thuộc "Thánh Đạo" từ Thiên Chúa giáo, vài môn thuộc "Thần Đạo" và "Nhân Đạo" từ Khổng giáo. Bằng cách đó, Thượng Đế đã có các yếu tố cần thiết (các "ion tôn giáo") cho phản ứng tổng hợp Tam Giáo Đạo thành Đại Đạo. Và việc quan trọng kế tiếp là phải dung hòa các yếu tố này lại.

Ta sẽ đi sâu vào điều thứ hai này trong mục kế tiếp, nói về sự dung hòa.

1.2. Sự dung hòa

Nguyên lý để kiến tạo nên sự liên kết giữa Tam Giáo Đạo trong Đại Đạo là dung hòa. **Dung hòa** là gì? Đó là **làm mất đi nguồn gốc phát sinh mâu thuẫn giữa những đối tượng dị biệt**.

Theo luận lý học Đại Đạo, những gì mâu thuẫn nhau trong thế giới đều có thể được biến thành những yếu tố bổ túc nhau trong pháp giới. Khi ta mở rộng tầm nhìn ra một không-thời gian càng rộng lớn, thì tình trạng mâu thuẫn càng được chuyển hóa một cách tự nhiên thành tình trạng bổ túc. Như vậy, với cái nhìn càng phóng khoáng, bao dung, rộng mở,… thì mâu thuẫn càng trở nên vô nghĩa, và thay vào đó, bổ túc và hòa hiệp càng đóng vai trò quan trọng.

Bởi đó, dung hòa vạn giáo trong Tam Giáo Đạo tức là biến những dị biệt thành những tiềm năng hợp tác giữa vạn giáo.

Một điều đáng lưu ý, là vạn giáo trong Tam Giáo Đạo vốn tương đồng. Nhưng "cái tương đồng" này, vì nhiều lý do khác nhau, có thể bị con người diễn dịch (interpret [Eng]) như là "cái mâu thuẫn". Vậy những mâu thuẫn thuộc loại này là những mâu thuẫn do sự nhận thức của con người tạo ra. Do đó, có thể thay đổi lối nhận thức một cách thích hợp để khử bỏ những mâu thuẫn thuộc loại này.

Để dung hòa giáo lý của vạn giáo, luôn có thể chọn những lối diễn dịch dựa trên tinh thần hòa hiệp – miễn là chúng không trái ngược với giáo lý của mỗi tôn giáo, hoặc càng

tốt hơn nữa nếu chúng làm gia tăng giá trị của mỗi tôn giáo – để dẹp tan mọi mâu thuẫn do sự nhận thức của con người tạo ra giữa các tôn giáo. Để làm ví dụ cho giải pháp này, ta hãy xét một khả năng dung hòa giáo lý qua hai đoạn kinh văn sau đây, một của Thích Ca giáo và một của Ky Tô giáo.

Trong Thích Ca giáo, Đức Phật Tổ Như Lai nói rằng:

"Trên trời dưới đất, chỉ có TA là đáng được tôn sùng. TA muốn độ chúng sinh thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử."[1]

Dựa vào lời này của Phật Tổ, nhiều tín đồ Phật giáo diễn dịch rằng tôn giáo của mình là con đường giải thoát duy nhất, theo nghĩa là: nếu không đi theo con đường đó, thì không ai có thể thoát khỏi được những chu kỳ sinh, lão, bệnh, tử.

Trong Ky Tô giáo, Chúa Jesus nói rằng:

"TA là Đường Đi, là Sự Thật, và là Sự Sống. Không ai đến được cùng Cha mà lại không nhờ TA. Nếu các ngươi biết TA, tất các ngươi cũng biết Cha."[2]

Nhiều tín đồ Ky Tô giáo dựa vào lời này của Chúa Jesus để diễn dịch rằng tôn giáo của mình là con đường cứu thế duy nhất, theo nghĩa là: nếu không đi theo con đường đó, thì không ai có thể được cứu rỗi.

Thế thì, hai đoạn kinh này là tương đồng hay mâu thuẫn? Nếu chỉ sưu tập những diễn dịch như vừa được trình bày, chúng ta thấy hai đoạn kinh này quả là mâu thuẫn, vì tôn giáo nào cũng tuyên bố rằng mình là con đường cứu độ *duy nhất*. Tuy nhiên, nếu phân tích sâu vào lời nói của cả hai Đấng Cứu Thế – Phật Tổ Như Lai và Chúa Jesus – ta sẽ thấy rằng cả hai đoạn kinh cùng nhất quán nói về một sự kiện chung: con đường cứu độ cho mỗi cá nhân chúng ta, xét cho cùng, nằm ở Chân Ngã ("TA"[1]), tức là Phật Tánh, là Thánh Tâm của mỗi người chúng ta, chứ không nằm ở bất cứ nơi nào khác hơn.

Với cách nhìn như vậy, cái Ta mà Đức Chúa Jesus hay Đức Phật Thích Ca nói đến đều không phải là bản ngã cá nhân của các Đấng ấy, nhưng là **Chân Ngã**, là **Phật Tánh**, là **Thánh Tâm** của các Ngài. Cái Ta theo nghĩa này không chỉ riêng có ở Đức Phật Thích Ca hay của Chúa Jesus, mà có ở mỗi cá nhân trong nhân loại. Và về mặt thực hành, ai cũng có thể tìm thấy cái Ta này của mình thông qua **lòng thành tín** của chính mình. Bởi vậy, câu nói của Đức Chúa Jesus – "*Không ai đến được cùng Cha mà lại không nhờ Ta*" – có thể được hiểu là: nếu con người không đánh thức được Thánh Tâm nơi mình, không nhờ vào tấm lòng thành tín của mình, thì con người sẽ không bao giờ tìm thấy được Thượng Đế. Cũng cùng một ý như vậy, câu nói của đức Phật Thích Ca – "*Thiên thượng địa hạ duy Ngã độc tôn…*" – có thể được hiểu là: khắp trong trời đất này, chỉ có Chân Ngã, Phật Tánh, chỉ có tấm lòng thành tín của chính mình mới là yếu tố quyết định trong việc cứu mình thoát khỏi luân hồi mà thôi.

---

[1] *Trường A Hàm*, "Sơ Đại Bổn Nguyên".
[2] *Tân Ước*, "Giăng", 14:6-7.

Lối giải thích theo cách nhìn như trên đây dĩ nhiên cũng chỉ là một trong những lối diễn dịch khả dĩ. Nhưng qua đó ta có thể thấy rằng, hoàn toàn tồn tại những lối giải thích bằng tinh thần hòa hiệp để làm triệt tiêu những mâu thuẫn giữa kinh điển của các tôn giáo. Một khi nguồn gốc phát sinh mâu thuẫn không nằm ở vạn giáo mà nằm ở cách nhận thức của con người, thì bất cứ ai hễ biết chọn những cách nhìn thích hợp cũng đều có thể làm cho những mâu thuẫn biến mất. Cái nhìn và do đó lối diễn dịch của người này không nhất thiết phải giống với của người kia, nhưng nếu chúng cùng hướng tới chỗ dẹp tan mọi mâu thuẫn giữa vạn giáo thì chúng luôn luôn có giá trị như một sự dung hòa.

1.3. Làm sao vạn giáo có thể được dung hòa và tổng hợp vạn giáo lại thành một Đại Đạo duy nhất?

Trở lại với sự kiện "chuyên môn hóa" năng lực cứu độ của vạn giáo. Mỗi tôn giáo đều có sở trường trong việc phát triển ít nhất một "lớp học" nào đó trong Ngũ Chi Đại Đạo, đồng thời, cũng không có tôn giáo nào phát triển được đồng loạt cả năm lớp học. Đâu là nguyên nhân của sự chuyên môn hóa này?

Qua kinh sách của các tôn giáo, ta có thể tìm ra nguyên nhân này: trong mỗi tôn giáo, đều có những chiếc "ống khóa" dường như thiếu "chìa khóa"; và bên cạnh đó, tôn giáo ấy cũng giữ gìn một số "chìa khóa" qua hàng ngàn năm và mà dường như chưa tìm được những "ống khóa" tương xứng ngay cả khi các chìa này đã được sử dụng vào những việc quan trọng. Ở đây, chúng tôi dùng hình tượng "ống khóa" để ẩn dụ cho mọi hình thức mà bởi chúng chân lý bị che đậy, còn hình tượng "chìa khóa" để ẩn dụ cho mọi giải pháp mà bởi chúng chân lý được xiển dương.

Để làm ví dụ, ta hãy xét một trường hợp như vậy giữa Lão giáo và Ky Tô giáo. Trong "Đạo Đức Kinh" của Lão giáo, ở phần mở đầu, ta thấy:

"Đạo khả đạo phi Thường Đạo	道可道非常道
Danh khả danh phi Thường Danh	名可名非常名
Vô danh Thiên Địa chi Thủy	無名天地之始
Hữu danh vạn vật chi Mẫu.	有名萬物之母"[2]

Chữ "Danh" (名) ở đây là gì? Vì Lão giáo là một tôn giáo chủ trương vô vi, mà "Danh" là một đối tượng hữu vi, nên khái niệm "Thường Danh" (常名) là một khái niệm không thể giải thích được bằng chính những yếu lý của Lão giáo. Bởi đó, trong khuôn khổ của chính Lão giáo, không tồn tại một cách giải thích nào hợp lý cho khái niệm "Thường Danh" này. Có thể nói, đây là một chiếc "ống khóa" mà Thượng Đế gởi cho Lão giáo giữ gìn, nhưng Ngài chưa trao cho "chìa khóa" để mở.

Trong Thiên Chúa Giáo, Thượng Đế lại trao cho một "chìa khóa" như vậy, mặc dù Ngài không trao "ống khóa". Chìa khóa chưa tìm thấy ống khóa ấy chính là "Ngôi Lời"

---

[1] Chữ "TA" trong lời nói của cả Phật Thích Ca và Chúa Jesus đã được viết hoa khi trích dẫn trên đây nhằm nhấn mạnh rằng đó là cái Ta-Chân-Ngã chứ không phải cái ta thường tình của bản-ngã.

[2] *Đạo Đức Kinh*, chương 1.

(λόγος [Grk], Logos [Lat], Verbe [Frc], Word [Eng]). Trong sách Phúc Âm của thánh Giăng, ở phần mở đầu, ta thấy:

"Ban đầu có Ngôi Lời
Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời
Và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời
Muôn vật bởi Ngài làm nên
Chẳng vật chi đã làm nên mà không bởi Ngài."[1]

Phúc Âm của thánh Giăng đồng nhất "Ngôi Lời" với Chúa Jesus: chiếc chìa khóa này đã đóng một vai trò rất quan trọng đối với Ky Tô giáo. Tuy nhiên, tầm quan trọng của chiếc chìa khóa này còn lớn hơn thế rất nhiều, và tầm quan trọng ấy vượt ra khỏi phạm vi của Ky Tô giáo: khái niệm "Ngôi Lời" là một chìa khóa để giải quyết rất nhiều vấn đề về Ngôi Hai của Thượng Đế trong sự cứu độ; và những vấn đề như vậy xuất hiện trong rất nhiều tôn giáo trên thế giới.

Nếu Nếu Ky Tô giáo và Lão giáo cùng quy hiệp lại, chiếc chìa khóa "Ngôi Lời" của Ky Tô giáo sẽ mở được chiếc ống khóa "Thường Danh" của Lão giáo một cách hoàn hảo. Ta hãy đặt chìa khóa vào ống khóa theo cách sau đây. Đưa "Thường Danh" và "Ngôi Lời" vào hai vế của đồng nhất thức:

"Thường Danh" ≡ "Ngôi Lời"

Khi đó, trong câu "Danh khả danh phi Thường Danh", chữ "Danh" có thể được hiểu là "Lời (ngôn ngữ)", còn chữ "khả danh" có thể được hiểu là "có thể diễn đạt được bằng lời (ngôn ngữ)". Câu này vì vậy sẽ được hiểu là "Lời mà có thể diễn đạt được bằng lời thì không phải là Ngôi Lời". Và khi đó, nội dung chứa đựng trong hai câu:

"Vô danh Thiên Địa chi Thủy
Hữu danh vạn vật chi Mẫu."[2]

sẽ tương đương với nội dung chứa đựng trong những câu:

"Ban đầu có Ngôi Lời
Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời
Và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời
Muôn vật bởi Ngài làm nên
Chẳng vật chi đã làm nên mà không bởi Ngài."[3]

Như vậy, sự đồng nhất này dẫn đến những hệ quả không mâu thuẫn gì với giáo lý của cả hai tôn giáo.

Nếu nghiên cứu kinh điển của các tôn giáo theo phương hướng này, ta sẽ thấy hiện tượng "ống khóa một nơi, chìa khóa một nẻo" là một hiện tượng phổ biến trong các tôn

[1] *Tân Ước*, "Giăng", 1:1-3.
[2] *Đạo Đức Kinh*, chương 1.
[3] *Tân Ước*, "Giăng", 1:1-3.

giáo. Bên cạnh hiện tượng này, còn có một hiện tượng gần giống như vậy: mỗi ống khóa có nhiều chìa và có thể chính tôn giáo sở hữu ống khóa đã có chìa khóa, nhưng nhiều tôn giáo khác cũng giữ những chìa khóa cho phép mở ống khóa của tôn giáo sở hữu.

Thực chất của những hiện tượng này là gì?

Thượng Đế đã giao cho các tôn giáo gìn giữ một số "chìa khóa" để mở "ống khóa" của nhau, tức là để tôn giáo này có khả năng giúp đỡ xiển dương giáo lý của tôn giáo khác. Những chìa khóa đó nói lên rằng, tất cả tôn giáo trong Tam Giáo Đạo từng là anh em của nhau trong cùng một đại cuộc cứu độ duy nhất.

Những "chìa khóa" đó sẽ là những *tín vật* thiêng liêng của tình huynh đệ vào ngày hội ngộ, nghĩa là ngày vạn giáo trở về Đại Đạo.

"Chìa khóa" và "ống khóa" không thể nào tự đi tìm nhau. Vạn giáo không thể tự dung hòa, không thể tự tổng hợp lại với nhau. Phải có một bàn tay sắp đặt cho toàn bộ công cuộc quy hiệp. Bàn tay đó chính là Thượng Đế. Và sự sắp đặt đó được bắt đầu bằng việc khai sinh ra Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, rồi tiếp theo, thực hiện kế hoạch "Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi hiệp nhất" nhằm dung hòa và tổng hợp vạn giáo thành một Đại Đạo duy nhất. Thế nên, ta có thể hiểu được vì sao Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế lại dạy:

"Thầy dụng huyền thiên linh điển đến trần gian trong kỳ nguơn hạ mạt kiếp này để độ rỗi con cái trở về bổn nguyên Đại Đạo. Thầy sắp [đặt] một thực tướng Tam Giáo cho các con hiểu rõ vạn giáo trên thế gian đồng nhất lý, ngõ hầu lập đời thánh đức sau hội Long Hoa."[1]

Như đã được trình bày trước đây, "thực tướng Tam Giáo" – mà Thượng Đế sắp đặt để nhân loại hiểu rõ tính nhất lý của vạn giáo trên thế gian – chính là hình thể của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tinh ba của vạn giáo trong Tam Giáo Đạo được dung hòa và tổng hợp lại thành các yếu tố cấu tạo nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ theo cách thức vừa làm nổi bật Lẽ Một của Tam Giáo Đạo, vừa thể hiện sự phong phú qua sự khác biệt của vạn giáo. Nhân loại cần đến tính đa dạng của vạn giáo để thúc đẩy sự tiến bộ, nhưng cũng cần đến tính thống nhất của vạn giáo để tạo nên sự đại đồng; cả hai tính chất có vẻ trái ngược này luôn bổ sung cho nhau trên con đường đi đến thượng nguơn thánh đức.

Chính khả năng bổ túc cho nhau của các tôn giáo – mà chúng tôi đã hình tượng hóa bằng hình ảnh "chìa khóa" và "ống khóa" – và nói rộng hơn, chính khả năng bổ túc cho nhau của các hình thái hoạt động của nhân loại trong mọi lĩnh vực nhân sinh, nhân trí và nhân đức đã cho phép Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dung hòa và tổng hợp mọi tinh hoa của văn minh nhân loại vào một hệ thống duy nhất.

2. SỰ DUNG HÒA – TỔNG HỢP TAM GIÁO ĐẠO

Tam Giáo Đạo hiện diện trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ở cả hai mức độ:

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Ngọ thời, 30-09 Canh Tuất (29-10-1970).

- Mức độ hình tướng: các biểu tượng (đạo kỳ, cổ pháp,…), cơ cấu tổ chức hội thánh, nghi thức thờ phượng, nghi lễ,…
- Mức độ nội dung: mục đích, tôn chỉ, lập trường, pháp môn tu hành, bí tích, nội dung giới luật, nội dung các bài kinh, tư tưởng triết lý, ….

Để khảo sát sự dung hòa và tổng hợp Tam Giáo Đạo ở cả hai mức độ này, chúng tôi đưa ra các khái niệm:

- "Cấu tố". Khái niệm này được dùng để chỉ các "Thanh" trong Tam Thanh, tức là để chỉ Thái Thanh, Thượng Thanh hoặc Ngọc Thanh. Khái niệm này đóng vai trò tương tự như khái niệm "nguyên tố" trong hóa học.
- "Cấu tử". Khái niệm này được dùng để chỉ bất kỳ một yếu tố hoặc một phần tử nào thuộc về vạn giáo trong Tam Giáo Đạo và có tham gia vào việc cấu tạo nên hình tướng hoặc nội dung của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Khái niệm này đóng vai trò tương tự như các khái niệm "nguyên tử", "phân tử" hay "ion" trong hóa học.
- "Dung hợp tử". Khái niệm này được dùng để chỉ bất kỳ một yếu tố hoặc một phần tử nào thuộc về hình tướng hoặc nội dung của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mà khi phân tích ra, được cấu tạo từ sự dung hòa và tổng hợp các cấu tử trong Tam Giáo Đạo. Khái niệm này tương tự như khái niệm "hợp chất" trong hóa học.

Các dung hợp tử của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được cấu tạo từ những cấu tử của vạn giáo trong Tam Giáo Đạo theo những tỉ lệ xác định, mà ta có thể biểu diễn qua những công thức tương tự như công thức phân tử trong hóa học. Bây giờ, chúng tôi sẽ trình bày về cấu tạo của các dung hợp tử.

2.1. Công thức tổng quát của sự dung hòa – tổng hợp Tam Giáo Đạo

Đặt P, T, và T' là các ký hiệu theo thứ tự tượng trưng cho Phật Đạo, Tiên Đạo và Thánh Đạo. Công thức tổng quát của các dung hợp tử có thể được viết như sau:

$$P_x T_y T'_z$$

Công thức này có thể được gọi là "công thức cấu tử", mô tả mọi trường hợp có liên quan đến việc dung hòa và tổng hợp tinh ba của vạn giáo trong Tam Giáo Đạo thành những gì thuộc về nội dung và hình thức của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Để minh họa, trong hai mục kế tiếp, chúng tôi sẽ xét hai trường hợp đặc biệt:

x=1 y=1 z=1 tương ứng với $P_1 T_1 T'_1$;

x=8 y=2 z=2 tương ứng với $P_8 T_2 T'_2$.

Sau khi xét hai trường hợp đặc biệt này, chúng ta sẽ có một cái nhìn lướt qua những trường hợp khác để thấy công thức cấu tử đã được sử dụng trong các dung hợp tử như thế nào.

2.2. Sự dung hòa – tổng hợp Tam Giáo Đạo theo tỉ lệ bằng nhau

Khi nghiên cứu các mẫu đạo kỳ của các Hội Thánh Cao Đài ở những hình thức rất khác biệt nhau – từ những lá phướn tam thanh thật dài được treo trên cột phướn ở trước sân các thánh thất và thánh tịnh, cho đến những lá cờ tam thanh với kích thước nhỏ bé được gắn trên các dây trang trí trong các lễ hội – chúng tôi có nhận xét như sau. Mặc dù thể hiện ra bên ngoài bằng những chi tiết khác biệt nhau một cách rất phức tạp, hầu hết các các mẫu này đều chứa đựng một nguyên tắc cấu tạo tương đối đơn giản: [1] phần căn bản nhất của chúng luôn luôn là một hình chữ nhật, bất chấp những chi tiết phụ như tua, viền, đuôi nheo,…; [2] hình chữ nhật này thường (chứ không phải luôn luôn) được chia đều thành ba phần bằng nhau, mỗi phần lại là hình chữ nhật nhỏ hơn, chiếm 1/3 tổng diện tích của hình chữ nhật ban đầu; [3] mỗi phần như vậy mang một màu tượng trưng cho một phân hệ trong Tam Giáo Đạo (được đại diện bởi tam giáo Á Đông): màu vàng tượng trưng cho Phật Đạo (được đại diện bởi Thích giáo), màu xanh tượng trưng cho Tiên Đạo (được đại diện bởi Lão giáo), màu đỏ tượng trưng cho Thánh Đạo (được đại diện bởi Khổng giáo). Sự bằng nhau hoàn toàn về diện tích giữa ba phần này nói lên rằng cả ba hệ thống giáo hóa này đều đóng một vai trò như nhau trong đạo Cao Đài.

Thế thì, nguyên tắc cấu tạo của hầu hết các mẫu cờ tam thanh trong đạo Cao Đài là tỉ lệ thức:

$$\text{Phật} : \text{Tiên} : \text{Thánh} = \frac{1}{3} : \frac{1}{3} : \frac{1}{3} \qquad (1)$$

Và ta nói rằng các mẫu đạo kỳ tam thanh của đạo Cao Đài là các dung hợp tử $P_1T_1T_1'$ (hay có thể viết gọn lại là PTT').

Không chỉ riêng ở các mẫu cờ tam thanh, tỉ lệ thức (1) có thể được tìm thấy một cách khá phổ biến trong các cấu tố được dung hòa – tổng hợp từ tam giáo Á Đông (Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo).

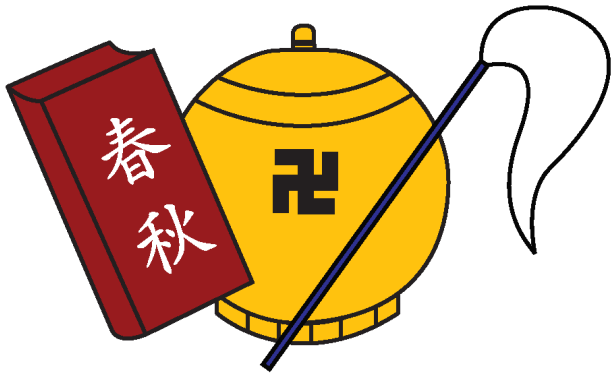

HÌNH 35. HỆ THỐNG CỔ PHÁP "XUÂN THU – PHẤT CHỦ – BÁT VU" CỦA TAM GIÁO Á ĐÔNG.

Ta hãy xét một biểu tượng nói lên của sự dung hòa và tổng hợp các pháp môn của tam giáo Á Đông trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: biểu tượng "Xuân Thu – Phất Chủ – Bát Vu" (hình 35). Đây là một hệ thống được tạo thành từ các cổ pháp của tam giáo Á Đông. Trong hệ thống này, quyển kinh Xuân Thu tượng trưng cho các pháp môn trị thế của Khổng giáo (đại diện cho Thánh Đạo), cây phất trần tượng trưng cho các pháp môn trị thân của Lão giáo (đại diện cho Tiên Đạo), cái bình bát tượng trưng cho các pháp môn trị tâm của Thích giáo (đại diện cho Phật Đạo). Trong ba tôn giáo Á Đông này, không có tôn giáo nào đóng góp vào hệ thống cổ pháp nhiều hơn hay ít hơn một biểu tượng cho các pháp môn của mình. Như vậy, tỉ lệ thức (1) đã được tìm thấy trong hệ thống cổ pháp "Xuân Thu – Phất Chủ – Bát Vu", và hệ thống này cũng là một dung hợp tử PTT'.

Trong ví dụ trên đây, ta có thể thấy rõ các cấu tử của Khổng giáo, Lão giáo và Thích giáo chỉ đóng góp vào dung hợp tử "Xuân Thu – Phất Chủ – Bát Vu" dưới dạng "ion" chứ không phải dưới dạng đầy đủ. Tâm pháp của Thích giáo vốn được tượng trưng bởi Y Bát và dạng đầy đủ của biểu tượng này phải là bộ áo và chiếc bình bát. Khi chỉ lấy ra biểu tượng chiếc bình bát mà không kèm theo bộ áo, Đức Thượng Đế đã tạo ra một (trong số những) "ion" pháp môn của Thích giáo. Tương tự như vậy, quyển kinh Xuân Thu chỉ là một "ion" pháp môn của Khổng giáo (vì Khổng giáo có ngũ kinh và tứ thư, cứ không phải chỉ có một quyển kinh Xuân Thu) và cây phất chủ cũng chỉ là một "ion" pháp môn của Lão giáo (vì Lão giáo còn nhiều pháp vật khác nữa). Các "ion" này vừa thuộc về, vừa không thuộc về tôn giáo mà từ đó chúng bắt nguồn. Việc tạo ra các phiên bản "ion" này là bước biến đổi trung gian để tạo ra những cấu tử có bản chất mới. Thế nên dung hợp tử "Xuân Thu – Phất Chủ – Bát Vu" cũng mang những tính chất mới mà các tôn giáo Khổng giáo, Lão giáo và Thích giáo đều không có.

Tỉ lệ thức (1) cũng chính là tỉ lệ thức ấn định cơ cấu nhân sự trong hệ thống chức sắc Cửu Trùng Đài nam phái kể từ phẩm vị Chưởng Pháp trở xuống đến phẩm vị Giáo Hữu. Như có thể thấy trong hình 36, các phẩm vị này đều được chia thành ba phái: phái "Thái", phái "Thượng" và phái "Ngọc". Ba phái này tượng trưng cho Tam Thanh, nghĩa là cho nguyên lý của Tam Giáo Đạo. Số lượng chức sắc trong mỗi phái là bằng nhau: [1] Phẩm Chưởng Pháp có ba vị, mỗi phái một vị; [2] Phẩm Đầu Sư có ba vị, mỗi phái một vị; [3] Phẩm Phối Sư có ba mươi sáu vị, mỗi phái mười hai vị và trong đó có một vị là Chánh Phối Sư; [4] Phẩm Giáo Sư có bảy mươi hai vị, mỗi phái hai mươi bốn vị; [5] Phẩm Giáo Hữu có ba ngàn vị, mỗi phái một ngàn vị. Như vậy, tỉ lệ thức (1) cũng được tìm thấy trong hệ thống tổ chức của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

HÌNH 36. H□ TH□NG CH□C S□C C□U TR□NG □I
THEO PH□P CH□NH TRUY□N C□A □□I □□O TAM K□ PH□ □□.

Như vậy, trong sự dung hòa và tổng hợp những tinh hoa của tam giáo Á Đông, tỉ lệ thức (1) là một quy tắc khá phổ biến. Sự hiện diện của các yếu tố thuộc Khổng giáo, Lão giáo và Phật giáo thường là như nhau về mặt *số lượng*.

Tuy nhiên, liệu đây có phải là tỉ lệ thức duy nhất được Đức Thượng Đế sử dụng để dung hòa và tổng hợp?

Chỉ cần vượt ra khỏi phạm vi của tam giáo Á Đông và khảo sát các tôn giáo trên toàn thế giới – nhằm tìm xem tinh hoa của các tôn giáo này đã được dung hòa và tổng hợp như thế nào trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ – câu trả lời sẽ là: Không. Ngoài tỉ lệ thức (1), còn tồn tại những tỉ lệ thức khác, mô tả sự hiện diện *không* đồng đều nhau của các thành tố thuộc các tôn giáo khác nhau trong những cấu tử khác nhau của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Chúng ta hãy khảo sát các trường hợp này.

2.3. Sự dung hòa – tổng hợp Tam Giáo Đạo theo những tỉ lệ khác nhau

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không chỉ chứa đựng những cấu tử của ba tôn giáo Thích, Lão, Khổng, mà còn chứa những cấu tử của rất nhiều tôn giáo khác trên thế giới: Bà La

Môn giáo (ví dụ Lục Tự Chơn Ngôn), tôn giáo Pythagoras (ví dụ số thập phân vô hạn tuần hoàn 3,3 trong đường kính của quả Càn Khôn), Thiên Chúa giáo (ví dụ thập tự),... Nếu không xét trong khung cảnh rộng lớn của các tôn giáo trên thế giới từ xưa đến nay mà chỉ tự giới hạn trong khuôn viên của tam giáo Á Đông, ta có thể đi đến những nhận định sai lầm về nguồn gốc của các cấu tử được dung hòa và tổng hợp nên các dung hợp tử của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ; một ví dụ về những sai lầm như vậy là ý kiến cho rằng phù chú của đạo Cao Đài xuất phát từ Lão giáo, trong khi một số không ít xuất phát từ Phật Đạo (Bà La Môn giáo, Thích giáo,…) như Lục Tự Chơn Ngôn hay Vãng Sanh thần chú.

Và khi mở rộng tầm nhìn ra mọi tôn giáo Đông/Tây kim/cổ, ta sẽ thấy rằng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong rất nhiều dung hợp tử $P_x T_y T_z'$ của mình đã dung hòa và tổng hợp các cấu tử của vạn giáo trên toàn cầu theo cách thức như sau:

- Khi chọn các tinh ba của các tôn giáo để dung hòa và tổng hợp, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ luôn xem mỗi tôn giáo như là một đại diện cho một đường lối giáo hóa trong Tam Giáo Đạo (ví dụ, bất kỳ một tôn giáo nào trong những tôn giáo sau đây đều được xem là tượng trưng cho Phật Đạo: Bà La Môn giáo, Thích giáo, Pythagoras giáo; tương tự, bất kỳ một tôn giáo nào trong những tôn giáo sau đây đều được xem là tượng trưng cho Thánh Đạo: Khổng giáo, Ky Tô giáo, Hồi giáo).
- Sự đóng góp của Phật Đạo, Tiên Đạo và Thánh Đạo thông qua các cấu tử của các tôn giáo đại diện tuân theo những tỉ lệ x:y:z mà trong đó các giá trị x, y, z không nhất thiết phải bằng nhau.

Chúng ta sẽ xét một số ví dụ.

Ví dụ đầu tiên về việc dung hòa và tổng hợp Tam Giáo Đạo theo những tỉ lệ không bằng nhau là tỉ lệ thức:

$$\text{Phật : Tiên : Thánh} = \frac{8}{12} : \frac{2}{12} : \frac{2}{12} \qquad (2)$$

Tỉ lệ thức này được phát hiện ra khi chúng tôi phân tích mối liên hệ giữa âm tiết (syllable [Eng]) và từ nghĩa tiếng Việt trong lời niệm danh Đức Chí Tôn Thượng Đế của đạo Cao Đài: "Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát". Lời niệm này chứa đựng nhiều nghĩa có liên quan đến Thượng Đế; một số nghĩa nằm trong nội dung của các từ, ví dụ như "Nam mô" (Namo [Skr]), một số nghĩa khác nằm trong số lượng và cách thức kết hợp của những âm tiết như "Nam", "mô", "Cao", "Đài"…

Về số lượng, tổng số âm tiết trong lời niệm này là mười hai. Bản thân tổng số này đã mang một nghĩa có liên quan đến Thượng Đế: số 12 là con số tượng trưng cho Thượng Đế, theo giáo lý Đại Đạo. Con số này chắn chắn là một yếu tố không thể bỏ qua khi giải thích lý do vì sao Đấng được niệm danh trong lời niệm này là Đức Thượng Đế Chí Tôn.

Trong mười hai âm tiết, có hai âm tiết tượng trưng cho Thánh Đạo ("Cao Đài"), hai âm tiết tượng trưng cho Tiên Đạo ("Tiên Ông"), và tám âm tiết tượng trưng cho Phật Đạo ("Nam mô" và "Đại Bồ Tát Ma Ha Tát"). Cả mười hai âm tiết này đều không bắt nguồn trực tiếp từ Thích, Lão, Khổng, mà có nguồn gốc sâu xa hơn, từ các truyền thống tôn giáo hoặc đạo đức khác nhau trong Tam Giáo Đạo.

Tám âm tiết tượng trưng cho Phật Đạo – "Nam mô" (Namo [Skr]), "Đại Bồ Tát" (MahaBodhisatva [Skr]), "Ma Ha Tát" (Mahâsattva [Skr]) – đã có trong Bà La Môn giáo trước khi Thích giáo ra đời.

Hai âm tiết tượng trưng cho Tiên Đạo – "Tiên Ông" – cũng đã có trước khi Lão giáo ra đời. Cả chữ "Tiên", chữ "Ông" lẫn cách cấu tạo từ "Tiên Ông" đều bắt nguồn từ truyền thống Tiên Đạo trong văn hóa Lạc Việt. Về chữ "Tiên", ngay từ thời Hồng Bàng người Lạc Việt đã nói rằng mình là "con Rồng cháu Tiên": họ tin rằng dân tộc mình có nguồn gốc là sự kết hợp giữa Tiên và Rồng. Ngoài ra, người Lạc Việt đã tôn thờ các vị "Tiên" như Đức "Tiên Tổ" Lạc Long Quân[1]. Về chữ "Ông", chữ này được dùng để thể hiện sự sùng bái một đối tượng. Do đó, chữ "Tiên Ông" được người Lạc Việt dùng để chỉ bất kỳ Đấng Thiêng Liêng thượng đẳng nào, kể cả ông Trời. Nên trong bản dịch "Thái Thượng Cảm Ứng Kinh" từ Hán văn sang Việt văn, chữ "Thái Cực Chơn Nhơn" đã được dịch là "Tiên Ông Thái Cực".

Hai âm tiết tượng trưng cho Thánh Đạo – "Cao Đài" (高臺[Chn]) –thì thuộc Nho giáo do câu "Đầu thượng viết Cao Đài"[2].

Như vậy, lời niệm danh Đức Chí Tôn Thượng Đế của đạo Cao Đài là một dung hợp tử, được cấu tạo theo tỉ lệ thức (2). Và công thức cấu tử của lời niệm danh này là $P_8T_2T_2'$.

Tỉ lệ thức (2) nói rằng, trong những trường hợp mà nó được sử dụng để dung hòa và tổng hợp, thì các yếu tố thuộc Phật Đạo chiếm tỉ lệ 2/3 (đây chính là phân số tối giản của 8/12), còn các yếu tố thuộc Tiên Đạo và Thánh Đạo chiếm tỉ lệ tổng cộng là 1/3 (đây chính là phân số tối giản của 4/12).

Việc phát hiện tỉ lệ thức (2) thúc đẩy chúng tôi khảo sát những dung hợp tử mà trong đó Tam Giáo Đạo được dung hòa và tổng hợp theo những tỉ lệ không bằng nhau. Trong "Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo", có thể tìm thấy những dung hợp tử như vậy. Bài "Vãng Sanh Thần Chú" là một trong số những trường hợp mà chúng tôi có thể áp dụng toàn bộ lối phân tích đã được sử dụng cho lời niệm danh Đức Chí Tôn Thượng Đế. Nguyên văn bài chú này như sau:

"Nam mô A Di Đa Bà Dạ, Đa Tha Dà Đa Dạ Đa Điệt Dạ Tha, A Di Rị Đô Bà Tì, A Di Rị Đa Tất Đam Bà Tì, A Di Rị Đa, Tì Ca Lan Đế, A Di Rị Đa Tì Ca Lan Đa, Dà Di Nị Dà Dà Na Chỉ Đa Ca Lệ Ta Bà Ha (3 lần).

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)."

---

[1] Lĩnh Nam Chích Quái.

[2] Huệ Lương; *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (Cao Đài giáo) sơ giải*, tr.63.

Tỉ lệ thức dung hòa và tổng hợp Tam Giáo Đạo đối với bài chú này là:

$$\text{Phật : Tiên : Thánh} = \frac{67}{71} : \frac{2}{71} : \frac{2}{71} \qquad (3)$$

Trong tỉ lệ thức (3), sự tham gia không đồng đều của các cấu tử thuộc Tam Giáo Đạo được thể hiện rất rõ ràng. Số lượng cấu tử thuộc Phật Đạo, trong trường hợp này, nhiều hơn số lượng các cấu tử còn lại hơn 30 lần. Mức độ chênh lệch này sẽ là khác biệt khi đi từ dung hợp tử này đến dung hợp tử khác. Để thấy rõ điều này, ta hãy xét thêm một bài kinh khác, ví dụ, bài "Di Lạc Chơn Kinh":

"Khai Kinh Kệ:

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim thính văn đắc thọ trì
Nguyện giải Tân kinh chơn thiệt nghĩa.

Thích Ca Mâu Ni Văn Phật Thuyết

Di Lạc Chơn Kinh

Thượng Thiên Hỗn Ngươn hữu: Brahma Phật, Civa Phật, Christna Phật, Thanh Tịnh Trí Phật, Diệu Minh Lý Phật, Phục Tưởng Thị Phật, Diệt Thể Thắng Phật, Phục Linh Tánh Phật, nhứt thiết chư Phật, hữu giác, hữu cảm, hữu sanh, hữu tử, tri khổ nghiệp chướng luân chuyển hóa sanh, năng du Ta Bà Thế Giái độ tận Vạn Linh đắc qui Phật vị.

(…)

Nam mô Di Lặc Vương Phật
Nam mô Brahma Phật
Nam mô Civa Phật
Nam mô Christna Phật
(…)

Nam mô Cứu Khổ Phật
Nam mô Xá Tội Phật
Nam mô Giải Thể Phật.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát (niệm 3 lần)."

Tỉ lệ thức dung hòa và tổng hợp Tam Giáo Đạo đối với bài chú này là:

$$\text{Phật : Tiên : Thánh} = \frac{1109}{1121} : \frac{6}{1121} : \frac{6}{1121} \qquad (4)$$

Số lượng cấu tử thuộc Phật Đạo trong bài kinh này nhiều hơn số lượng các cấu tử còn lại hơn 180 lần.

Qua các tỉ lệ thức như (3) và (4), có thấy được mức độ phong phú và đa dạng của các dung hợp tử trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Mặc dù trong các ví dụ này, các cấu tử Phật

Đạo chiếm tỉ lệ chủ yếu trong các dung hợp tử đã xét, nhưng điều đó tự nó không phủ định khả năng tồn tại của các dung hợp tử mà trong đó Tiên Đạo hay Thánh Đạo chiếm tỉ lệ chủ yếu.

3. SỰ HIỆN DIỆN CỦA VẠN GIÁO TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

3.1. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ như là sự phát triển về sứ mạng của vạn giáo

Công thức cấu tử $P_xT_yT_z'$ còn hình thức hóa được một ý nghĩa đạo lý sâu xa của sự dung hòa và tổng hợp: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hiện hữu như là sự phát triển về sứ mạng của Tam Giáo Đạo ở thời kỳ cứu độ thứ ba. Nói khác đi, nếu nhìn qua những "kính lọc" *thích hợp* của một tôn giáo thuộc Phật Đạo, Tiên Đạo, hay Thánh Đạo, ta có thể thấy rằng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giống như bản thân tôn giáo đó nhưng gánh vác một sứ mạng mới nhằm đáp ứng những yêu cầu mới của con người trong thời hạ nguơn mạt kiếp này. Chúng tôi đưa ra một số ví dụ.

Ví dụ thứ nhất, ta hãy chọn một "kính lọc" của Thích giáo. Qua "kính lọc" này, sự quan tâm của người quan sát chỉ tập trung vào các dung hợp tử có chứa đựng các cấu tử ít nhiều liên quan đến Thích giáo và bỏ qua mọi cấu tử hoàn toàn không liên quan. Như vậy, mỗi dung hợp tử $P_xT_yT_z'$ sẽ được nhìn như là P_x, trong đó P chỉ bao gồm các cấu tử của Thích giáo. P_x nói rằng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không khác gì Thích giáo ở một thời kỳ sứ mạng mới để cứu độ toàn linh trong thời mạt pháp. Bây giờ, ta sẽ kiểm tra điều này.

Trong kinh "Trường A Hàm" của Phật giáo, có rất nhiều lần Đức Phật Thích Ca được ví như **Con Mắt của thế gian**, tức là cái thấy, cái giác ngộ của nhân thế. Nên khi Đức Phật Tổ sắp tịch diệt, các vị đệ tử của Người đã than rằng:

*"Đức Thế Tôn sao diệt độ sớm quá. Đại pháp chìm đắm quá sớm. Nếu **Con Mắt** của thế gian mà diệt mất thì chúng sanh sẽ bị đọa lạc lâu dài."*[1]

Như vậy, theo ngôn ngữ của "Trường A Hàm", khi Phật Thích Ca tịch diệt – theo sự lo lắng của các đệ tử của Người – con mắt ấy đã nhắm lại.

Và khi khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế đã dùng hình ảnh con mắt mở để tượng trưng cho sự hiện diện của Ngài. Với tư cách Thượng Đế hữu ngã, Ngài xác nhận ngay từ những ngày đang xây dựng nền đạo mới:

*"**Thầy là Phật**, chủ cả Pháp và Tăng"*[2]

Còn với tư cách Thượng Đế vô ngã, Ngài dạy rằng con mắt mở ấy chính là cái Tâm chủ sử mọi hành vi của con người:

"Nhãn thị Chủ Tâm."[1]

---

[1] *Trường A Hàm*, "Du Hành".

[2] Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương; Phước Linh Tự, 15-09 Bính Dần (24-10-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.52.

Như vậy, nhìn qua lăng kính của Phật Đạo, thì Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là sự phát triển của Phật Đạo ở một thời kỳ hoằng pháp mới.

Ví dụ thứ hai, ta hãy chọn một "kính lọc" của Thiên Chúa giáo. Tương tự như ở ví dụ thứ nhất, mỗi dung hợp tử $P_xT_yT_z'$ sẽ được nhìn như là T_z' trong đó T' chỉ bao gồm các cấu tử của Thiên Chúa giáo. T_z' nói rằng xét về mặt sứ mạng cứu độ, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không khác gì Thiên Chúa giáo ở thời tận thế để chuẩn bị cho nhân loại bước vào kỳ phán xét của Thiên Chúa.

Ở Tòa Thánh Tây Ninh, có bức tranh Tam Thánh mô tả việc ký Giao Ước lần thứ ba giữa nhân loại với Thượng Đế. "Giao Ước", đó là một cách nói đã có từ thời Do Thái giáo mà người Do Thái dùng để chỉ cơ cứu độ của Đức Thượng Đế. Giữa con người và Thượng Đế phải có một sự thỏa thuận công bình: hễ con người thực hiện đúng ý Thiên Chúa, thì Thiên Chúa sẽ cứu rỗi con người. Bởi vậy, Thiên Chúa giáo thời Đức Moise có "Cựu Ước" ("Giao Ước Cũ") đối với Thiên Chúa; còn Thiên Chúa giáo thời Đức Jesus có "Tân Ước" ("Giao Ước Mới"). Theo ngôn ngữ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Cựu Ước của Do Thái giáo là Giao Ước thứ nhất, Tân Ước của Ky Tô giáo là Giao Ước thứ hai, còn công cuộc cứu độ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Giao Ước thứ ba. Điều này cũng thể hiện tính liên tục của Thiên Chúa giáo qua các thời kỳ cứu độ, trong đó, Thiên Chúa giáo ở kỳ ba đại ân xá đồng nhất với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ xét về mặt sứ mạng.

Ví dụ này có thể cho ta một cái nhìn tổng quát hơn: qua "kính lọc" của mỗi hệ thống trong Tam Giáo Đạo, các hệ thống này có thể tìm thấy nơi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ một hình ảnh phát triển của chính mình trong tương lai.

Ví dụ thứ ba, ta hãy chọn một "kính lọc" của Hồi giáo (الإسلام al-'islm [Arb]). Tương tự như trong ví dụ thứ hai, mỗi dung hợp tử $P_xT_yT_z'$ sẽ được nhìn như là T_z' nhưng ở đây T' chỉ bao gồm các cấu tử của Hồi giáo. T_z' nói rằng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không khác gì Hồi giáo ở Ngày Phân Loại[2] trong sứ mạng cứu thế độ đời.

Trong kinh Qur'an, **thánh chiến** (جهاد jihad [Arb]) là một khái niệm xuất hiện khá thường xuyên. Thánh chiến là gì? Đó là cuộc chiến tranh giữa ai và ai? Chiến trường của cuộc thánh chiến ấy nằm ở đâu? Lưỡi gươm mà con người chân chính phải vung lên để diệt trừ ma quỷ là gì?

Theo một số nhà nghiên cứu Hồi giáo, thánh chiến có nghĩa là **chiến đấu theo đường lối của Thượng Đế**[3]. Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đạo lý sâu xa của *thánh chiến* được giảng giải một cách rõ ràng. "Đạo Học Chỉ Nam" nói:

---

[1] Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Đại Thừa Chơn Giáo.

[2] "Ngày Phân Loại", một thuật ngữ của kinh Qur'an, là thời kỳ sàng lọc kẻ ác và tuyển chọn người thiện. Về "Ngày Phân Loại", có thể tham khảo *Qur'an*, surah 77 "Al-Mursalât".

[3] "Striving in the way of Allah" ("al-jihad fi sabil Allah"). http://en.wikipedia.org/wiki/Jihad#cite_note-Merriam-0; 16-06-2010.

*"Chiến trường **ngay ở lòng ta**,*
Thất tình, lục dục kéo ra tranh hùng."[1]

Chỉ qua hai câu thơ như vậy, ta đã thấy được lời giải đáp minh triết của giáo lý Đại Đạo. Cuộc thánh chiến ấy chính là một cuộc chiến đấu nội tâm của mỗi cá nhân chúng ta: giữa Thượng Đế nội tại – tức là Tiểu Linh Quang, hay Chân Như Bản Thể của Tôi – với thất tình lục dục của chính Tôi. Lục dục thất tình ấy được giáo lý Đại Đạo gọi là thập tam ma (mười ba con ma).

Trong cuộc chiến đấu ấy, "lưỡi gươm" mà con người phải vung lên để tiêu diệt thập tam ma là ánh sáng của Tiểu Linh Quang, tức là sự sáng suốt của trí huệ. Lưỡi gươm này, giáo lý Đại Đạo gọi là "gươm huệ", hay "huệ kiếm". Đức Quan Âm Bồ Tát đã dạy:

"Thập tam ma khuyên đừng lấp lửng,
***Gươm huệ cầm cho vững, diệt trừ**;*
Tịnh lòng hầu thấy chơn như,
Thoát trần sẵn có thuyền từ rước đưa."[2]

Trong kinh "Xuất Hội", có những câu:

"Cứ nương dưới Máy Linh Cơ Tạo,
***Gươm huệ đưa, trị xảo, trừ tà**;*
Cửa địa ngục, chóng lánh xa,
Mượn hình Thánh Thể, cất nhà cõi Tiên."[3]

Nếu khi còn mang thể xác, nếu con người chưa cắt đứt được oan khiên nghiệp chướng, thì khi chết rồi, con người vẫn phải tiếp tục tu tâm để tự giải thoát cho chính mình:

"Cõi thảm khổ đã vừa qua khỏi,
Quên trần ai mong mỏi động đào;
Ngó chi khổ hải sóng xao,
Đoạn tình yểm dục đặng vào cõi Thiên.

Giọt lụy của cửu huyền dầu đổ,
Chớ đau lòng thuận nợ trầm luân;
Nắm cây huệ kiếm gươm thần,
***Dứt tan sự thế nợ trần từ đây.**"*[4]

Như vậy, thánh chiến là một lối nói ẩn dụ cho cuộc chiến đấu nội tâm: thánh chiến chính là **sự tự thánh hóa bản thân mà mỗi người phải thực hiện**.

---

[1] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 3, tiết 2, mục 1.
[2] Đức Quan Âm Bồ Tát; Liên Hoa Cửu Cung, Ngọ thời, 03-01 Ất Tỵ (04-02-1965).
[3] Tòa Thánh Tây Ninh, *Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*, "Kinh Xuất Hội".
[4] Ibid., "Kinh Khai Cửu".

Ví dụ này đem đến cho nhân loại một nhận thức tổng quát hơn: giáo lý Đại Đạo cho chúng ta một ánh sáng mới, soi rọi vào chân truyền tự hữu từ ngàn xưa của vạn giáo, để nhân loại ngày nay hiểu được giá trị đạo lý trường cửu của vạn giáo.

3.2. Kinh điển của vạn giáo như là những phần khác nhau trong một bộ kinh duy nhất của Đại Đạo

Với công thức dung hòa tổng hợp tổng quát $P_x T_y T'_z$, ta có thể đặt tất cả kinh điển vạn giáo vào cùng một ngữ cảnh – dù đó là Vedas, Dịch, Sadharma Pundarika Sutra (Kinh Pháp Hoa), Đạo Đức Kinh, Tân Ước, Qur'ran,… – coi tất cả là những mục, những chương, những tập khác nhau trong cùng một bộ kinh duy nhất của Đại Đạo. Bằng cách đó, ta sẽ đọc được những ý nghĩa đạo lý đã bị lãng quên trong nhiều tôn giáo. Như đã thực hiện trong một ví dụ trước đây, chúng ta đã đặt lời Đức Thích Ca "*Thiên thượng địa hạ duy Ngã độc tôn*" và lời Đức Jesus "*Không ai đến được cùng Cha mà lại không nhờ Ta*" vào một ngữ cảnh chung là *"Thiên giả Ngã dã"*, nhờ đó mà hiểu được ý nghĩa bị lãng quên khi người ta diễn giải những lời lẽ đầy tính đại đồng này của các Đấng Cứu Thế.

4. KẾT LUẬN

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã từng dạy:

"Trong giai đoạn kết thúc, chỉ Đại Đạo dung chứa được muôn loài."[1]

Chúng ta có thể quan sát được điều này qua các hệ thống dung hợp tử của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Những cấu tử của vạn giáo được dung hòa và tổng hợp theo những tỉ lệ thức khác nhau, tạo thành những hệ thống dung hợp tử khác nhau. Các hệ thống dung hợp tử này phong phú và đa dạng về hình thể và chức năng, trong đó, có những hình thể và chức năng chưa từng tồn tại ở bất cứ tôn giáo nào trước đó. Rõ ràng các hệ thống này không thể là sản phẩm của những pha trộn tùy tiện đối với những yếu tố đã có; chúng là kết quả của sự dung hợp và phát triển những gì tinh túy nhất của Tam Giáo Đạo.

Đức Thượng Đế đã dung hòa và tổng hợp tinh ba của vạn giáo trong Tam Giáo Đạo để kiến tạo nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bằng phương thức mà Ngài đã dùng để sáng tạo nên vũ trụ. Do đó Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hiện hữu không chỉ như một sự đúc kết mà còn như một bước phát triển của Tam Giáo Đạo ở thời kỳ cứu độ thứ ba. Khi hiểu được điều này để cộng tác với Đức Thượng Đế, mỗi người trong chúng ta đều có thể góp phần làm cho Tam Giáo Đạo tiếp tục quy nguyên và trở về với bản chất Đại Đạo hầu có đủ quyền năng cứu độ toàn thể nhân loại trong thời hạ nguơn mạt kiếp này.

[1] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 14-10 Bính Thìn (04-12-1976).

CHƯƠNG 11.
TÍNH DUY NHẤT CỦA ĐẠI ĐẠO TRONG LỊCH SỬ VĂN MINH NHÂN LOẠI

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, bằng sự hiện hữu của mình, đã chứng minh tính duy nhất của Đại Đạo trong lịch sử nhân loại. Nói một cách đầy đủ hơn, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã chỉ ra cho nhân loại thấy rằng: Đấng Thượng Đế duy nhất đã vận hành một cơ cứu độ duy nhất, một Đại Đạo duy nhất trong nhân loại. Và sự vận hành đó đã tạo thành lịch sử văn minh nhân loại.

1. MỘT THƯỢNG ĐẾ DUY NHẤT

Đức Thượng Đế đã khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đặt nền tảng cho công cuộc quy nguyên Tam Giáo Đạo, và vận chuyển cho vạn giáo trở về Đại Đạo. Sự kiện đó đã bộc lộ ý nghĩa đầu tiên về tính duy nhất của Đại Đạo trong lịch sử văn minh nhân loại: Trong thế giới của chúng ta, một Đại Đạo duy nhất đã và đang được một Đấng Thượng Đế duy nhất vận hành không ngừng nghỉ theo chu trình "Nhất tán vạn – vạn quy Nhất", qua những giai đoạn lịch sử khác nhau, để bảo tồn nhân loại:

"Từ thượng cổ, gieo truyền Đại Đạo,
Đến hạ ngươn, vạn giáo đồng quy;
Long Hoa đại hội tam kỳ,
Chí Tôn hạ chỉ, trị vì tam ngươn.

Cơ phục thỉ tuần huờn đã định,
Mối tương quan chấn chỉnh sơn hà;
Khắp cùng lãnh thổ quốc gia,
Đồng quy chánh đạo, an hòa vạn dân."[1]

Vào buổi bình minh của lịch sử, Đại Đạo đã hiện hữu như đời sống hồn nhiên thánh thiện của nhân loại. Khi đời sống ấy biến mất dưới những làn sóng dục vọng của nhân loại, Đại Đạo đã được Đức Thượng Đế xiển dương qua những tinh ba căn bản của vạn giáo trong Tam Giáo Đạo để giáo hóa nhân loại. Sang thời hạ ngươn mạt kiếp này, Đại Đạo lại được Thượng Đế trực tiếp đến khai minh qua Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để giải quyết một cách toàn diện mọi vấn đề tâm linh và nhân sinh của nhân loại.

Xuyên suốt qua ba thời kỳ phổ độ, luôn có sự hiện diện của một Đức Thượng Đế duy nhất, đem một Đại Đạo duy nhất đến thế gian để cứu rỗi nhân loại.

---

[1] Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 4, tiết 5.

Khơi lại những ký ức của nhân loại qua cả ba thời kỳ phổ độ – tức là ba lần Thượng Đế đến thế gian này để cứu rỗi nhân loại – Đức Chí Tôn đã dạy:

"Các con có nhớ chăng, lần thứ nhứt, Thầy đã nguyện với các con rằng: Hư không hữu tận, Ngã nguyện vô cùng.

Lần thứ nhì, Thầy để cho các con thấy: dòng máu Ta đượm trên thập giá là đoàn chiên con của Ta vẫn còn ngoan ngoãn bên đám lúa mì.

Đến nay là thời kỳ thứ ba. Thầy cho tất cả Phật, Tiên, Thánh, Thần đều hạ thế, do theo sắc lịnh của Thầy, lập Tam Kỳ Phổ Độ."[1]

Chúng ta có thể hiểu thế nào về lời dạy trên đây?

Trước hết, *"Hư không hữu tận, Ngã nguyện vô cùng"* là lời đại nguyện cứu thế của chư Phật từ nhất kỳ phổ độ. Các vị bồ tát, khi thành Đạo, thường thệ nguyện rằng sẽ tận độ chúng sanh cho đến khi nào toàn thể chúng sanh đều thành Phật. Lời đại nguyện này là một lời đại nguyện đặc trưng cho tinh thần cứu thế của Phật Đạo, mà Đức Thích Ca Mâu Ni đã xác nhận lại trong bài thơ sau đây:

"Phật pháp thậm thâm chưởng thủ trung,
Hư không hữu tận, nguyện vô cùng;
Nhứt tâm hồi hướng tri nhơn ngã,
Vạn kiếp quy nguyên ngộ sắc không;
Tác phước vi nhơn, ly bát nạn,
Minh tâm kiến tánh, hiệp tam ngung;
Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật,
Chánh tín huyền vi yết Cửu Trùng."[2]

Đức Chí Tôn, khi nhắc lại lời nguyện của thuở mà Ngài đến thế gian để cứu rỗi chúng sanh thứ nhất, đã cho chúng ta biết rằng, Ngài đã dùng Phật Đạo làm đường lối cứu rỗi chủ đạo trong nhất kỳ phổ độ.

Kế tiếp, *"Dòng máu Ta đượm trên thập giá là đoàn chiên con của Ta vẫn còn ngoan ngoãn bên đám lúa mì"* là một sự kiện đại diện cho tinh thần cứu thế của Thánh Đạo. Khi đến thế gian để cứu rỗi chúng sanh trong nhị kỳ phổ độ, Đức Chí Tôn đã dùng Thánh Đạo làm đường lối cứu rỗi chủ đạo (mặc dù trong nhị kỳ phổ độ, Tiên Đạo được khai mở trước). Chúa Jesus là một chiết linh của Thượng Đế, đến để cứu chuộc nhân loại, để giải thoát nhân loại ra khỏi những tội lỗi mà nhân loại gây ra trong lịch sử của mình.

Đến thời kỳ thứ ba, rơi vào thời hạ nguơn mạt kiếp này, thì *"Thầy cho tất cả Phật, Tiên, Thánh, Thần đều hạ thế, do theo sắc lịnh của Thầy, lập Tam Kỳ Phổ Độ"*[3]. Còn chính Đức Thượng Đế thì rời bỏ ngôi vị Chí Tôn ở Bạch Ngọc Kinh để giáng trần độ rỗi nhân loại.

---

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 15-06 Tân Sửu (26-07-1961).
[2] Đức Thích Ca Mâu Ni; Bát Bửu Phật Đài, Ngọ thời, 15-07 Tân Sửu (25-08-1961).
[3] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 15-06 Tân Sửu (26-07-1961).

Trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", Đức Chí Tôn đã dạy:

"Các con ơi! Các con đã chịu lắm khổ não nơi biển trần nầy... Từ mười ngàn năm rồi, đã ở dưới quyền tà quái áp chế. Vì vậy mà Thầy phải phế hết Bạch Ngọc Kinh, Huỳnh Kim Khuyết, giáng trần độ rỗi các con."[1]

Còn trong "Đại Thừa Chơn Giáo", Ngài đã dạy:

"Đời cùng cuối, Phật Tiên giáng hạ, đem Đạo mầu phổ hóa khắp Đông Tây; cuối hạ ngươn, máy Tạo vần xoay, nạn tiêu diệt, sự họa tai không tránh khỏi. (…) Nên Hội Tam Giáo Công Đồng, Thầy lập tờ đoan thệ: đem Đạo mầu phổ hóa, độ tất cả đám quần sanh. Nếu các con chẳng chịu tu hành, không bỏ dữ làm lành, Đạo không thành, Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ (…).

Muôn kiếp các con chịu lạc đường,
Thấy vầy Thầy luống động lòng thương;
Nên đoan thệ với hàng Tiên Phật,
Lập Đạo không thành chịu tội ương."[2]

Như vậy, dấu hiệu để nhân loại có thể nhận ra Đấng Thượng Đế duy nhất của càn khôn vũ trụ là tình yêu thương vô bờ bến của Ngài đối với toàn thể chúng sanh nói chung và toàn thể nhân loại nói riêng. Tình yêu thương ấy biểu hiện thành những lời đại nguyện, thành sự hy sinh của Ngài, cho chúng sanh và nhân loại. Khi giáng thế với xác phàm, trong nhất kỳ phổ độ, Ngài đã từng dùng đại nguyện của mình để ràng buộc sự hiện hữu của chính mình vào số phận của cả chúng sanh trong luân hồn sinh tử, rồi trong nhị kỳ phổ độ, Ngài đã từng lấy cả mạng sống của những kiếp giáng trần để chuộc tội cho nhân loại. Sang đến tam kỳ phổ độ, dù chỉ dùng linh điển để cứu vạn linh, nhưng Ngài đã thệ nguyện: nếu Đạo không thành, Ngài sẽ chịu tội trước Công Đồng Tam Giáo.

Đó là một sự hy sinh vô tận chẳng những cho nhân loại ở một quả địa cầu này mà còn cho toàn thể chúng sinh trong vũ trụ. Sự hy sinh đó là một khả năng đặc trưng của và chỉ có thể của Thượng Đế, chứng minh cho loài người biết rằng có một Thượng Đế duy nhất hiện hữu qua mọi thời kỳ cứu độ.

2. MỘT CƠ CỨU ĐỘ DUY NHẤT

Trong thế giới của chúng ta, một Đại Đạo duy nhất đã và đang được một Đấng Thượng Đế duy nhất vận hành không ngừng nghỉ theo chu trình "Nhất tán vạn – vạn quy Nhất", qua những giai đoạn lịch sử khác nhau, để bảo tồn nhân loại. Và do không ngừng nghỉ, sự vận hành đó đã thị hiện Đại Đạo trên toàn bộ chiều dài của văn minh sử một cách liên tục thành một cơ cứu độ duy nhất.

---

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 24-12-1926; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q. 1), tr.78.
[2] Đức Cao Đài Giáo Chủ, 25-09 Bính Tý (08-11-1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.54-58.

Tính duy nhất của cơ cứu độ được thể hiện qua sự nối tiếp của các tôn giáo khác nhau ở những khu vực địa lý khác nhau và ở những thời đại khác nhau. Đằng sau của tất cả mọi khác biệt đó, luôn tồn tại những mối liên hệ chặt chẽ giữa các tôn giáo; cụ thể là:

- tôn giáo này chứa đựng những chìa khóa để giải mã kinh điển của tôn giáo kia, tôn giáo kia bổ túc và làm giàu thêm cho tôn giáo này;
- tôn giáo đi trước tiên tri sự xuất hiện của tôn giáo đi sau, tôn giáo đi sau kế thừa chân truyền của tôn giáo đi trước.

Chính vì mối liên hệ chặt chẽ giữa các tôn giáo trên hoàn cầu, Đức Vô Cực Từ Tôn đã dạy:

"Tam Giáo đồng nguyên một lý thôi,
Cũng do Nhứt Khí hóa Ba Ngôi;
Mẹ khuyên hậu học đừng lầm tưởng,
Cốt nhục phân ly đến vạn đời."[1]

Từ cổ chí kim, cơ cứu độ duy nhất được khai mở trong nhân loại ở những không-thời gian khác nhau, thành những tôn giáo khác nhau (và nhiều hình thái hoạt động xã hội khác nhau của con người). Những tôn giáo ấy đều do "Nhứt Khí hóa Ba Ngôi", tức đều do Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo vậy. Trong quá trình phát triển của mình, các tôn giáo đã bị thất chân truyền theo thời gian do sự canh cải của con người, nên mỗi khi muốn tái lập cơ cứu độ trong nhân loại, Thượng Đế phải chấn hưng tôn giáo, nghĩa là khôi phục lại chân truyền Đại Đạo trong tôn giáo.

Trong thời hạ nguơn mạt kiếp mà chúng ta đang sống, Thượng Đế lại đến thế gian để làm sống lại cơ cứu độ duy nhất ấy. Ngài chọn đất nước Việt Nam, lập đạo Cao Đài, khai mở cơ cứu độ lần thứ ba của Đại Đạo, ban trao sứ mạng cho dân tộc Việt Nam. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy:

"Hỡi chư hiền! Nhìn bao la vũ trụ, biết bao nẻo đường, nhưng chư hiền có nhận định được nơi đâu là nẻo chông gai, đường cạm bẫy, nơi đâu là lối quang minh chánh đại? Chắc chư hiền cũng như bao nhiêu sanh chúng đều hiểu rõ: thời gian [đã] mấy triệu năm qua mà luôn luôn lúc nào nơi cõi hồng trần trọng khổ này, Đức Thượng Đế vẫn mở lối đi, tạo một chiếc từ thuyền vô biên, vô tận. Phật Tiên cầm ngọn đuốc huệ, Thần Thánh giữ mái chèo linh, để cho nhơn sanh thấy nẻo quang minh chánh đại, tránh nơi cạm bẫy chông gai, hầu đồng nhau bước xuống từ thuyền để vượt sóng trùng dương qua bến giác, được trở về quê xưa vị cũ, là nơi bất diệt, bất sanh, nơi Thiên đàng cực lạc.(…) Trải qua bao nhiêu nguơn hội cho đến thời mạt pháp này – cũng như bao nhiêu lần trước, giữa lúc nhơn loại tranh nhau lăn mình vào đường diệt vong – Thượng Đế hoằng khai mối Đại Đạo trong cõi Nam Thiệm Bộ châu, mượn khoảnh đất cỏn con để gieo hạt giống từ bi, bác ái, hầu chữa chứng bịnh ngặt cho toàn linh sanh chúng, mà nòi [giống] Tiên Long hướng đạo trong buổi nầy."[2]

---

[1] Đức Vô Cực Từ Tôn; Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), Tuất thời, 04-07 Ất Tỵ (31-07-1965).
[2] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Huờn Cung Đàn, Tý thời, 15-03 Nhâm Dần (18-04-1962).

Vậy, sứ mạng tam kỳ phổ độ mà dân tộc Việt Nam đang được nhận lãnh từ Thượng Đế là một sự nối tiếp vinh quang của cơ cứu độ duy nhất trên địa cầu này, cơ cứu độ mà bao bậc giáo tổ, bao hiền nhân thánh triết, Phật Tiên Thánh Thần từ bao đời nay đã góp sức thực hiện.

3. MỘT ĐẠI ĐẠO DUY NHẤT

3.1. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là thành quả của Đại-Đạo-trong-Tam-Giáo-Đạo

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được xây dựng từ sự dung hòa và tổng hợp tinh ba của vạn giáo trong Tam Giáo Đạo. Vì tinh ba của mỗi tôn giáo sở dĩ có được chính là nhờ Đại Đạo trong lòng tôn giáo ấy – vốn là cái làm nên linh hồn và sức sống của tôn giáo ấy – do đó, khi Thượng Đế dung hòa và tổng hợp những tinh ba ấy lại để lập nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, có nghĩa là Ngài đã quy nguyên các tôn giáo ấy lại thành một Đại Đạo duy nhất. Vậy, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là thành quả, là kết tinh của Đại-Đạo-trong-Tam-Giáo-Đạo.

Một sự kiện chứng minh cho điều này là việc tất cả các Đấng Thiêng Liêng của vạn giáo đều trở lại với một sứ mạng chung trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, trở thành những Thiên sứ của Thượng Đế trong Đệ Tam Long Hoa Đại Hội:

"Trước khi Chí Tôn Thượng Đế lâm phàm khai Đại Đạo tại Việt Nam, trong khi đó, Đại Đạo vẫn có trong vũ trụ vạn vật, Đại Đạo vẫn luân lưu, trưởng dưỡng, và Tam Giáo Đạo vẫn thắp đuốc soi đàng để nguyên căn tìm về cùng Thượng Đế. Đến một thời kỳ hạ ngươn chuyển thế – trước một đại chu trình chung kết của tam ngươn, vạn vật thảy chuyển luân, thay đổi, đúng với thiên lý vận hành – chính Đức Thượng Đế lâm phàm, dùng huyền linh thiên điển giáo đạo trước cơ tận độ quần sinh. Đó là Đấng Chúa Tể càn khôn vũ trụ, Huyền Huyền Thượng Đế, tá danh Cao Đài, giáo chủ Kỳ Ba, mở pháp luật để phổ độ mấy mươi ức nguyên nhân còn lạc lõng. Vì lẽ đó, Đức Cao Đài Giáo Chủ [chính là] Đức Đại Từ Phụ của vạn linh sanh chúng, mà chư Phật, Tiên, Thánh, Thần đều là những ***Thiên sứ*** *của Ngài trong Tam Long Hoa Đại Hội."*[1]

Hình thể của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ biểu thị rằng: mỗi tôn giáo trên thế gian này đều mang nội dung Đại Đạo. Dù là Thích giáo, Lão giáo, Khổng giáo, Ky Tô giáo, Hồi giáo,… hay là bất kỳ tôn giáo nào, xét về nội dung thì tất cả đều là Đại Đạo. Trong một bài thuyết đạo lúc còn sinh tiền, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã giải thích về điều này như sau:

> "Đạo Cao Đài không những [là] một tôn giáo mà thôi, nó [còn] là tôn giáo của các nền tôn giáo, [nó] không phải [là] đạo mà thôi, mà [còn] là Đại Đạo. Tiếng Đại Đạo không phải chúng ta muốn mà đặng, chính Đức Chí Tôn muốn mới đặng.

[1] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Bát Nhã Tịnh Đường, Hợi thời, 18-03 Nhâm Tý (01-05-1972).

> Từ trước đến giờ, toàn nhơn sanh không biết Đại Đạo là gì? Ngài để trong tay chúng sanh đặng chăng mấy ngàn năm rồi."[1]

Trong ngữ cảnh của lời thuyết đạo trên đây, thì "Đại Đạo" mà Đức Chí Tôn đã để trong tay chúng sanh từ mấy ngàn năm qua chính là nội dung tinh túy của các tôn giáo vậy. Đức Hộ Pháp giảng tiếp:

> "Đạo Cao Đài ngày nay do Đức Chí Tôn đến, Ngài nói: Ta đến ở cùng các ngươi, Ta sống cùng các ngươi, Ta đem chơn pháp đến cho các ngươi đặng giải thoát, Ta sẽ tận độ chúng sanh, cứu vớt chúng sanh một lần nữa, Ta quyết định ở với con cái ta đời đời chẳng cùng đến thất ức niên.
>
> Ngài ở với con cái của Ngài, nên Ngài mới đến mà thôi. Các lương sanh, tức là các chơn hồn hữu căn hữu kiếp, đã tiền căn ở nơi Ngài mà ra, nơi thân hình thiêng liêng vô tận của Ngài mà đến, gồm lại làm Thánh Thể của Ngài, tức là Hội Thánh ngày nay vậy.
>
> (…) Đạo Cao Đài thực hiện Trời Người hiệp một [mà] đồng trị, mới có cơ quan giải thoát chúng sanh đặng. Đạo Cao Đài là gồm hết các tôn giáo như trên đã nói, thì phải thế nào? Cho nên, Thánh Thể Chí Tôn phải thật hiện là Ông Trời tại thế gian nầy."[2]

Xét trong sự phát triển của lịch sử cứu độ mà Thượng Đế đã liên tục thực hiện kể từ khi có nhân loại trên thế gian, thì Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không phải là một tôn giáo được thiết lập thêm ở thế gian này để nối dài thêm danh sách các tôn giáo, mà đó là kết quả tăng trưởng theo thời gian của cái tinh hoa phổ quát trong mọi tôn giáo; nói khác đi, đó là sự phát triển và trưởng thành của Đại-Đạo-trong-Tam-Giáo-Đạo. Đức Chí Tôn Thượng Đế đã dạy:

"Đại Đạo [Tam Kỳ Phổ Độ] là con đường chơn lý triệt để, mở rộng trong buổi hạ nguơn này, chớ chẳng phải là một tôn giáo biệt phái. ***Đại Đạo là một cái nền tảng đỡ nâng các tôn giáo****, mục đích đưa vạn linh đến chỗ đại đồng, xuân đài an lạc. Đó là cái lý của mục đích. Còn sự[3] là quy hiệp Tam Giáo Ngũ Chi, hệ thành nhứt thống, chẳng còn phe phái chi chi, miễn mục đích tế chúng độ nhơn, yêu đời cứu vật, một mực trang bằng đó thôi!"*[4]

Sự phát triển và trưởng thành của Đại-Đạo-trong-Tam-Giáo-Đạo, qua lời dạy trên đây của Đức Chí Tôn Thượng Đế, được thể hiện ở sự "quy hiệp Tam Giáo Ngũ Chi, hệ thành nhứt thống, chẳng còn phe phái chi chi", miễn là đạt được mục đích cứu độ toàn nhân loại.

---

[1] Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc; Đền Thánh, 15-07 Kỷ Sửu (1949); *Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp* (Q. 3), "Đức Thượng Đế đến cùng con cái Người đời đời". http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/tam.htm; 15-12-2001.
[2] Ibid.
[3] "Sự" (đối nghĩa với chữ "lý" ở câu trước): những sự kiện nằm trong quá trình diễn tiến để đạt đến mục đích.
[4] Đức Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát; Thánh thất Trung Thành, 08-04 Mậu Dần, (07-5-1938); Hội Thánh Truyền Giáo, *Thánh Truyền Trung Hưng* (tập I), tr.90.

3.2. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là hiện thân của Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một cơ cấu Thể – Tướng – Dụng, hiện hữu như là hiện thân của Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo trong thế giới hiện đại ở thời hạ nguơn mạt kiếp này. Để thấy rõ điều đó, cần phân tích cơ cấu Thể – Tướng – Dụng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Trước hết, xét về phần Dụng. Sứ mạng lịch sử của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là giải quyết những bế tắc của con người hiện đại, như Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy: *"Từ xưa các tôn giáo được tạo lên để giải quyết tâm linh, nhưng Tam Kỳ Phổ Độ, Thầy phải trao cho chư hiền, cho dân tộc [Việt Nam] nầy một quyền pháp đạo (…) không phải chỉ giải quyết vấn đề tâm linh, [mà] chính là giải quyết toàn diện cá thể con người."*[1] Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sử dụng chánh pháp bất biến của vạn giáo từ muôn đời trước, vận dụng một cách sáng tạo vào thời đại ngày nay như một giải pháp lịch sử để cứu độ toàn nhân loại. Ngay hệ thống pháp môn của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (tân pháp) và hệ thống pháp môn của vạn giáo (cựu pháp) về cơ bản vẫn là một, xét trong nguyên lý của chúng. Đức Đông Phương Chưởng Quản giải thích:

"Chư hiền đệ hiền muội! Thời gian có trước sau, pháp môn theo thời gian có tân có cựu. Đại Đạo không thời gian, không sau không trước, cũng không cựu không tân. Đại Đạo vẫn là bản thể bất biến. Thế nên, pháp môn vô lượng nhưng người hành giả phải đạt đến chỗ bất nhị pháp môn mới thật sự chứng quả."[2]

Chỗ "bất nhị pháp môn" (nghĩa là, pháp môn từ xưa đến nay chỉ có một) cũng chính là chân truyền Đại Đạo trong vạn giáo qua mọi thời đại. Hiểu được điều này, người tín đồ Đại Đạo muốn thực hiện thành công sứ mạng trong thời hạ nguơn, thì chẳng những không thể bỏ đi những hành trang căn bản của một con người sứ mạng ở mọi thời đại mà còn phải nắm chắc lấy chúng để phát huy. Vì vậy Đức Vân Hương Thánh Mẫu mới dạy rằng:

"Đạo là danh từ gượng đặt để biểu thị một khí thể bao la trùm khắp. Trời Đất, vạn vật, mỗi mỗi đều do khí thể ấy làm sự sống [mà] phát động vận hành, từ lớn nhất là vũ trụ, nhỏ nhất là hạt vi trần, đều là Đạo cả. Thế nên người hành đạo là [người biết] sửa đoan những điều sai thô và hành đúng cái Đạo tự hữu của con người cho hợp Thiên lý, nhân tâm. Kể những điều thành bại bỉ thới, đối với người có Đạo, đó là lẽ tự nhiên, mà bổn phận con người là tùy thời góp tay dựng xây thế cuộc."[3]

Theo lời dạy này, người hành đạo trong tam kỳ phổ độ – cũng như bao nhiêu người hành đạo trong nhất kỳ và nhị kỳ phổ độ – đều phải hoàn hảo hóa từ bản thân mình cho đến xã hội nhân loại sao cho tất cả đều trở nên phù hợp với đạo lý, tức là phù hợp với cả Thiên lý lẫn nhân tâm. Cái đạo lý như vậy vốn đã từng có trong nhân loại vào thời

---

[1] Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành thánh thất, Ngọ thời, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).
[2] Đức Đông Phương Lão Tổ; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-09 Giáp Dần (29-10-1974)
[3] Đức Vân Hương Thánh Mẫu; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 13-08 Kỷ Mùi (03-10-1979).

nguyên thủy, trước khi Tam Giáo Đạo xuất hiện; hay nói cách khác, đạo lý ấy chính là Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo. Vì vậy, việc giáo dục tín đồ theo khuôn mẫu đạo lý ấy chứng tỏ rằng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một sự biểu thị Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo.

Tiếp theo, xét về phần Tướng. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy:

"Đạo vẫn (là) có một. Chỉ tại người chưa quán thông lý, nên phải lặn lội đó đây, rồi có ngày hơi mòn, sức mỏi mà chưa tìm ra lối thoát, nắm đúng mối để trở về bổn nguyên. Ngàn xưa, những người muốn học Đạo phải vượt núi trèo non, lên dốc xuống nguồn, vào hang sâu rừng thẳm, tìm học chơn sư, rồi đến thời kỳ Đạo từ Âu sang Á gieo truyền giáo lý, rồi đến ngày nay, Đạo đã mở tại xứ Việt Nam. Hơn nữa, Đạo đã có và đang có tại thánh thất, thánh đường mỗi địa phương. Nói gần hơn nữa, là Đạo vẫn luôn luôn ở tại trung[1] tâm tánh của mỗi người, nhưng tiếc vì người chưa khổ công nghiền ngẫm, học hỏi giáo lý, nên chưa tìm phăng ra mối."[2]

Theo lời dạy này, hình thể tôn giáo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ – tiêu biểu là những thánh thất, thánh đường – là phương tiện để dẫn lối cho con người quay trở vào Chơn Tâm và Bản Tánh của mình, nhằm tìm lại cái Đạo hằng hữu của mình. Mỗi con người đều sẵn có cái Đạo ấy trong lòng mình từ thuở sơ sinh; nhưng khi lớn lên trong một thế giới quá tôn thờ những ham muốn vật chất, con người lại bị dục vọng che đậy đến mức không còn biết rằng lòng mình vốn đã có Đạo. Cái Đạo ấy cũng là cái Đạo mà xã hội nhân loại đã có vào thời nguyên thủy sơ khai; nhưng khi phát triển trong sự mất quân bình giữa lý trí và tâm linh, xã hội nhân loại đã lãng quên cái vốn liếng quý báu tự hữu ấy của mình. Mà cái Đạo vốn có trong con người sơ sinh cũng như cái Đạo vốn có trong nhân loại sơ khai đều là Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo. Thế thì, khi dẫn dắt cả thế giới tìm trở lại cái Đạo ấy trong tâm tánh của từng cá nhân, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã thể hiện như là một hình thái biểu thị Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo trong cả không gian lẫn thời gian.

Mặc dù Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một hình thái biểu thị Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo, nhưng vì "hình thái" vẫn chỉ là cái thuộc hữu hình hữu tướng, nên những yếu tố bên ngoài của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vẫn chỉ là những yếu tố được tạm mượn để biểu thị đạo lý nội tâm của con người. Bởi vậy, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo nói rằng đó chỉ là một điều gượng làm, nhằm "mượn cái pháp hữu hình để chuyển luân cái pháp vô tướng". Ngài dạy như sau:

"Đạo pháp đều có ở mỗi con người. Có con người là có đạo pháp, bởi vô minh che lấp mới không nhận thấy đó thôi. Nay mượn đạo lý bên ngoài [để] chỉ đạo lý bên trong, mượn cái pháp hữu hình để chuyển luân cái pháp vô tướng cũng là điều gượng mà làm vậy."[3]

---

[1] "Ở tại trung": ở bên trong.
[2] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Ngọc Chiếu Đàn, Ngọ thời, 05-01 Ất Tỵ (06-02-1965).
[3] Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 14-10 Bính Thìn (04-12-1976).

Chính Đức Đông Phương Chưởng Quản, trong sứ mạng thay mặt Đức Chí Tôn dẫn dắt nhân loại trên đường thiên đạo đại thừa, đã *"mượn cái pháp hữu hình để chuyển luân cái pháp vô tướng"*. Chúng ta có thể nhìn thấy điều này qua những lời dưới đây của Ngài khi dạy những vị tín đồ Cao Đài quyết tâm tham cầu đạo pháp, bước vào đường thiên đạo, thực hiện sứ mạng đại thừa:

"Chư hiền đệ hiền muội! Đạo pháp trường lưu bất tận, người đời hữu hạn vô thường. Lẽ biến dịch tuần hoàn đều do Đạo pháp hiển dương vạn thù trong cõi thế, nên tuy vạn thù sai khác cũng cùng trong Lý Đạo vần xoay.

Mỗi vật mỗi loại đều sinh trưởng hoại diệt trong luật vần xoay mà tiến hóa; người sanh trong Trời Đất cũng có Đạo, mà linh hơn vạn vật. Cái phát huy tự thể ấy ở Ngôi Độc Nhất ban truyền khắp cả thế gian, mà cuộc tiến hóa khởi hành để về đến chỗ vô sanh bất diệt. Đó là con người.

Nếu người đời biết sống trong Lý Đạo cũng như cá sống trong nước, thì tự nó phát tiết ở trung tâm Vô Cực kia, sẽ sáng chói; nên con người tự thông thấu cùng tâm linh vũ trụ mà tác năng công dụng ấy, tạo nên cuộc thái bình an lạc cho thế gian.

Trải bao nhiêu thời gian, không gian trên lịch sử – chư hiền đệ hiền muội! – nếu lưu ý đến từ thời gian một, từ giai đoạn một, để lòng quán xét, trầm mặc tư duy, sẽ thấy kiếp con người vui khổ đều do nơi con người tạo lấy, mà tất cả đều chuyển luân thích ứng theo sự cấu tạo để vận hành. Vì vậy, các hàng Giáo tổ, Thánh nhơn mới khơi nguồn đạo mạch tự trong con người để làm sống một đời sống khế cơ hợp lý, an nhàn tự do tự toại.

Qua hai kỳ khai Đạo, vạn giáo hoằng dương để độ dẫn quần sanh trở về căn cơ đạo lý, nhưng chưa được hoàn hảo như thời thánh đức thượng ngươn, vì trong cuộc tiến hóa, càng ngày càng thiên về ngoại vật, lìa bỏ nội tâm, nên kiếp sống người đời như con quay, chuyển luân theo dòng luân chuyển. Nay chư hiền đệ, hiền muội lập tâm tham cầu đạo học để suốt thấu Lẽ Đạo hằng thường, để biết sống cái sống của thiên nhiên tạo vật, đó là đoàn người sứ mạng thế Thiên hoằng Đạo cho Thượng Đế trong Tam Kỳ Phổ Độ. Không riêng một tổ chức này, một quốc gia này, mà thế giới mười phương cũng sẽ được tận độ trong kỳ ân xá."[1]

Cuối cùng, xét về phần Thể. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do chính Đức Chí Tôn Thượng Đế khai mở để phục hưng chân truyền cho vạn giáo. Chân truyền ấy là cái Đạo từ ngàn xưa mà mỗi tôn giáo đã từng có vào thuở khởi nguyên của mình. Mối liên hệ giữa cái Đạo từ ngàn xưa ấy và Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có thể được tìm thấy qua lời dạy sau đây của Đức Thượng Đế:

"Từ buổi nguyên thủy, chưa định âm dương, bởi một chất nguyên lý, nguyên khí hội hiệp, co giãn, cảm mà sanh ra Trời Đất, muôn vật. Trời Đất, muôn vật ứng cấu mà hiện ra muôn tướng, muôn hình. Có hình sắc, có xúc động; càng xúc động, càng hóa sanh mãi mãi; có hóa sanh ắt có ngày tranh đấu, sao cho khỏi cuộc điêu tàn. Bởi cớ, từ khi bản

[1] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 01-12 Đinh Tỵ (09-01-1978).

chơn tánh của các con đã xa Thầy mà sa vào nơi dục cảnh, lần lần sự cảm nhiễm nó rù quến các con, từ nhỏ đến lớn, từ ít đến nhiều; vì [tư] tưởng là một cái điển lực mãnh cường, nó có thể làm cho các con nên việc hay thất việc[1]*. Vì thế, nếu may mà các con thuận theo lẽ Trời, noi đàng chơn chánh mà tư tưởng, thì cái tư tưởng kia sẽ ứng hội với Thiên Địa tinh hoa mà hiện ra võ thuận, phong điều, nhơn hòa, địa lợi. Bằng rủi các con lấy nhơn dục tư tâm, bất tùng Thiên lý mà tư tưởng, thì tư tưởng kia sẽ giao cảm cùng thời tiết mà hóa ra địa kiếp, thiên tai, phong lôi, thủy chướng.* ***Bởi cớ đó mà có tôn giáo****; nghĩa là Thầy muốn các con lấy chơn tâm biện lẽ chánh tà, cậy gươm trí tuệ mà diệt đời ma dục vọng. Thảm đó, vì tôn giáo là một cái luật vô vi, để cậy thể chất hữu hình mà điều độ các con, chế kềm các con sẽ đến chỗ nguyên nhân chơn lý. Thảm thay! Đạo [là] tánh, Đời [là] hình, [nên] tánh [và] hình phải liên lạc, vì vậy mà từ xưa đến nay, các bậc Thánh nhân, vì lòng mẫn thế thương sanh, lập nhiều tôn giáo để cứu cánh cho đời; chẳng may Đạo pháp thậm thâm, nan truy cực điểm, vì thế mà sau khi truyền Đạo một, hai thế kỷ, rồi coi lại* ***bao nhiêu cái chơn truyền của tôn giáo đều bị vật chất nén đè****,* ***tay phàm canh cải****. Rất thảm!*

Hỡi ôi! Vì các con màn vô minh chưa khoát sạch, tánh bản ngã chẳng kiêng chừa, phương chi lại gặp thời gió văn minh cuồn cuộn thổi khắp hoàn cầu, sóng ác cảm khỏa đầy bể khổ, đời như thế đã không phương cứu cánh, còn mong đem Thánh chọi Thần, chê Tiên khen Phật. Những cái vô ích thêm mòn hơi tắt tiếng, gây khổ nghiệp cho nhau. Nếu chúng sanh mãi mãi vậy hoài, thì vạn loại bao chừ mới yên ổn được đó các con? Thảm thay! Đời cùng mạt kiếp, trình độ dân sanh trụy lạc đến cùng, nỗi Đông chinh Tây chiến, nỗi Thiên thảm Địa sầu. Than ôi! Cái khối quốc hồn trên ngũ đại châu chịu một cảnh vì nhơn tâm vô đạo, rất thảm, nỗi quốc gia giành giựt, nỗi tôn giáo siễm gièm. Cơ hội này cũng khó nỗi ngồi xem, thời thế ấy làm sao cứu cánh, hỡi các con? Âu là, cung Bạch Ngọc Thầy nào yên ổn đành để chúng sanh bảy nổi ba chìm, [nên Thầy] phóng điển quang xuống cõi Diêm Phù[2]*, dùng* ***cơ bút lập Tam Kỳ Phổ Độ****."*[3]

Lời dạy của Đức Chí Tôn cho thấy nguyên nhân căn bản dẫn đến sự ra đời của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là sự thất chân truyền của mọi tôn giáo. Và sự khai mở Tam Kỳ Phổ Độ đồng nghĩa với việc làm sống lại chân truyền Đại Đạo của vạn giáo.

Như vậy, xét trong toàn bộ cơ cấu Thể – Tướng – Dụng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (từ nội dung đến hình thức, từ giáo lý đến giáo pháp,…), có thể thấy rằng: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một hiện thân của Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo trong thế giới hiện đại.

---

[1] Câu thánh giáo này cho thấy tư tưởng của con người là một năng lực được phát sinh từ bản linh chơn tánh (của con người).

[2] "Cõi Diêm Phù" (hay "Diêm Phù Đề châu", "Nam Thiệm Bộ châu"): một thuật ngữ có nguồn gốc từ vũ trụ quan của Bà La Môn giáo, được dùng để chỉ thế giới mà nhân loại chúng ta đang sống.

[3] Đức Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát; Thánh thất Trung Thành, 08-04 Mậu Dần, (07-5-1938); Hội Thánh Truyền Giáo, *Thánh Truyền Trung Hưng* (tập I), tr.88-89.

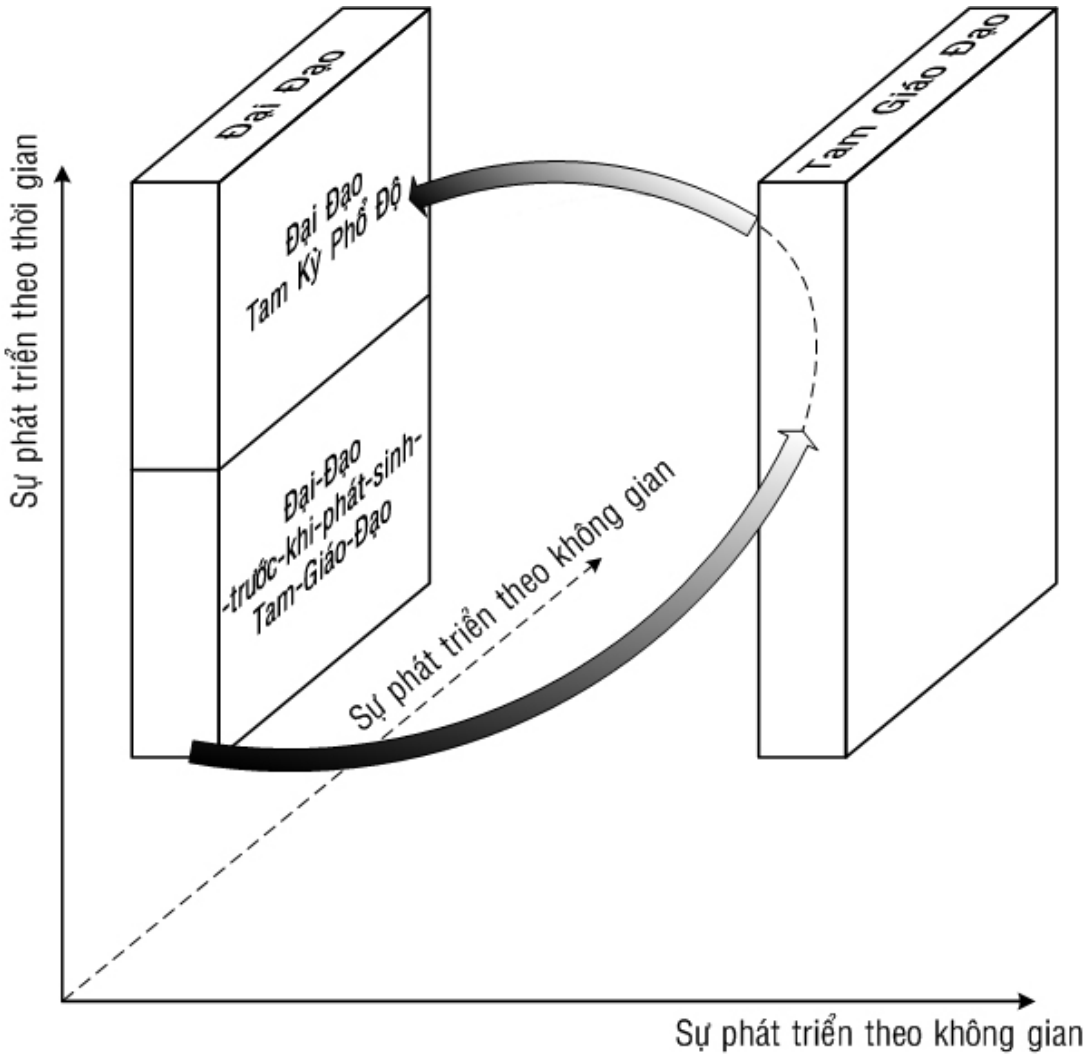

HÌNH 37. SỰ PHÁT TRIỂN VỀ PHẦN DỤNG CỦA ĐẠI ĐẠO TRONG QUÁ TRÌNH TỪ LÚC PHÁT SINH TAM GIÁO ĐẠO ĐẾN LÚC TAM GIÁO ĐẠO QUY NGUYÊN.

Từ điều này, định luật về sự diễn biến của lịch sử cứu độ có thể được diễn giải như sơ đồ ở hình 37.

Đại Đạo, ngay trong chu trình vận động của mình – từ lúc phát sinh Tam Giáo Đạo đến lúc Tam Giáo Đạo quy nguyên – đã có một sự phát triển rõ rệt. Sự phát triển này đi từ Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo đến Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đây là sự phát triển về phần Dụng, nghĩa là về sứ mạng. Đại Đạo không thay đổi trong bản thể, còn hình tướng tuy thay đổi theo không-thời gian nhưng sự thay đổi ấy chẳng thể mang ý nghĩa như là sự phát triển; chính ý nghĩa của sự phát triển nằm ở phần Dụng. Vì sao?

Quy mô cứu độ ở kỳ ba phải rộng lớn hơn các thời kỳ trước bởi đây là lần cứu độ cuối cùng trước khi thế giới bị hủy diệt để tái sinh. Các đối tượng cần được cứu độ cũng rơi vào những một tình trạng nguy kịch hơn bởi ác nghiệp đã tích lũy quá nhiều. Những thử thách đối với sứ mạng cứu thế ở thời kỳ cuối cùng này to lớn hơn hẳn ở những thời kỳ trước đây; chẳng những khó khăn đối với con người sứ mạng ở thế gian mà còn đối với cả các Đấng Thiêng Liêng:

"Thần, Tiên cũng phải chau mày,
Nhìn đời mạt kiếp đắng cay muôn phần!"[1]

Vậy sự phát triển này là sự phát triển về năng lực cứu độ của Đại Đạo trên nền tảng bất biến đã có từ khởi nguyên của văn minh nhân loại.

3.3. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là con đường khôi phục Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo

Với tôn chỉ quy nguyên Tam Giáo, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ còn là con đường để khôi phục lại Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo trong nhân loại. Như đã trình bày trước đây, kể từ khi nhân loại xuất hiện trên địa cầu này, trạng thái hiện hữu quan trọng nhất của Đại-Đạo-trước-khi-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo chính là Đại-Đạo-trong-con-người. Quan trọng nhất, vì đó chính là trạng thái bảo tồn đời sống của cá nhân và cộng đồng. Thế nên công cuộc cứu độ kỳ ba tập trung vào việc khôi phục lại Đại-Đạo-trong-con-người (*"giải quyết toàn diện cá thể con người"*[2]), làm cơ sở cho việc khôi lại Đại-Đạo-trong-xã-hội.

Để thực hiện điều này, Đức Thượng Đế đã sử dụng tất cả những giải pháp căn bản của Tam Giáo Đạo để tùy cơ duyên của mỗi cá nhân mà giáo hóa, tùy trình độ tiến hóa của chúng sinh mà cứu độ. Mặt khác, vì khai minh Đại Đạo tại Việt Nam nên Đức Thượng Đế đã chọn ba tôn giáo Á Đông (Khổng giáo, Lão giáo, Thích giáo) làm đại diện về văn hóa và pháp môn cho ba đường lối giáo hóa của Đại Đạo. Vì vậy, cơ cứu thế kỳ ba khôi phục lại Đại-Đạo-trong-con-người bằng cách: [1] dùng Nho pháp (thuộc Thánh Đạo) để khôi phục lại tính bổn thiện cho con người; [2] dùng Tiên pháp (thuộc Tiên Đạo) để khôi phục lại giác tánh hồn nhiên của cho con người; [3] dùng Phật pháp (thuộc Phật Đạo) để khôi phục lại Tâm Không cho con người.

Chúng ta hãy đi sâu vào ba điểm này.

Thứ nhất, ***Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dùng Nho pháp (thuộc Thánh Đạo) để khôi phục lại tính bổn thiện cho con người***. Đức Thượng Đế đã chấp nhận và cải tiến Nho pháp, rồi đưa (Nho pháp đã được cải tiến) vào tân pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nhằm dạy cho con người tìm lại tính bổn thiện. Các ứng dụng của Nho pháp theo đường hướng này xuất hiện trong cả thế đạo lẫn thiên đạo.

---

[1] Đức Giáo Tông Lý Bạch; Huyền Hư Động, 12-07 Canh Thìn (15-8-1940); Hội Thánh Truyền Giáo, *Thánh Truyền Trung Hưng* (tập I), tr.248.
[2] Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành thánh thất, Ngọ thời, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

Về thế đạo, thánh giáo Cao Đài thường áp dụng lối lý luận của Nho giáo để chỉ ra rằng muốn các xã hội ở quy mô lớn như quốc gia và nhân loại được thái bình an lạc thì mỗi cá nhân và gia đình của mình phải biết tu thân và học đạo, nghĩa là phải giải quyết vấn đề từ các đơn vị của xã hội như gia đình và cá nhân – đặc biệt là từ mỗi cá nhân con người. Có tu thân và học đạo, con người mới khôi phục được tính bổn thiện cho bản thân, gia đình và gia tộc:

"Nhơn chi sơ, tánh bổn thiện; tánh tương cận, tập tương viễn. Lúc sơ sanh tánh lành vốn sẵn, không vui, không buồn, không ghét, không thương. Sự thương ghét, vui buồn đến với con người không phải chính con người muốn như vậy mà phần lớn là do hấp thọ thói quen ở hoàn cảnh chung quanh của gia tộc. Lần lần biết ghét biết thương, biết đòi hỏi, biết giành giựt. Đến lớn lên, tuổi vừa hiểu đời lại khác hơn một chút nữa là ảnh hưởng hoàn cảnh xã hội. Khi đó con người cần phải đấu tranh [để mong được] tiến bộ từ thân thể đến sự nghiệp. Những gì trong đời này gọi là khổ, lần lần con người tiếp nhận đầy đủ, không từ chối một việc nào cả.

Nếu gia đình gia tộc biết tu thân, biết học đạo, thì con người sẽ thiện mỹ. Nếu xã hội an bình thì con người sẽ thủ phận an lạc trong sự sống như đời Nghiêu Thuấn thuở xưa. Bằng gia đình thiếu đạo đức, thiếu tu thân, con cái cũng chịu truyền thống đó, chịu nhiều thói xấu, tật hư từ trong huyết quản, hoặc khờ khạo ngây ngu, không trọn lành trọn tốt. Nếu có sáng suốt, ăn học giỏi giang cũng ở vào thành phần gian ngoa, phá hoại. Nếu gặp một xã hội có nhiều phần tử như vậy thì xã hội ấy gây thêm nhiều ảnh hưởng xáo trộn cho tập thể quần chúng phải chịu chung, như thời Chiến quốc [ở Trung Hoa] hay hiện tại xứ sở [Việt Nam] này chẳng hạn.

Vì vậy mà Thánh nhơn mới nói đến việc tu thân học đạo. (…) Tu thân học đạo nào phải riêng cho những người trong tôn giáo hoặc cho người chán đời. Mà tu thân học đạo luôn luôn được ứng dụng cho con người từ lúc biết đời; để khi sai, tất phải sửa cho con người nên trọn lành trọn tốt, cho quốc gia xã hội được thái bình an lạc."[1]

Đó là một ví dụ về thế đạo. Còn trong thiên đạo, đặc biệt là trong việc thiền định, pháp môn "tồn tâm dưỡng tánh" của Nho giáo được vận dụng để tìm lại tính bổn thiện ban sơ của mình:

"Trời có đức háo sanh, người có tính bổn thiện. Do đó mới có thể kết hợp lại một giữa Trời và Người. Những ai muốn chứng nghiệm quyền năng vô tận đó thì trong những giờ khắc ít oi, thời gian ngắn ngủi được cùng tập thể trong tịnh trường, trong ngôi nhà ấm cúng thiêng liêng, hãy cố gắng hết sức giữ lòng bình thản tịnh thanh trước mọi việc hằng ngày với một hoàn cảnh hiện tại để nghe ngó vào trong, chuyển thần lực hướng về sự giải thoát khổ nạn chung cho mọi loài mọi vật, và cũng để minh tâm tự quán xem cái bổn thiện của mình có còn như thuở sơ sinh."[2]

---

[1] Đức An Hòa Thánh Nữ; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-05 Giáp Dần (04-07-1974).
[2] Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hợi thời, 13-05 Tân Dậu (14-06-1981).

Việc khôi phục tính bổn thiện của con người được Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thực hiện bằng một tinh thần đại đồng, không câu chấp vào hình danh sắc tướng, nghĩa là bất cứ những gì thuộc về hiện tượng hay hình thức của bề ngoài. Theo giáo lý Đại Đạo, đối với người tín đồ Đại Đạo, thì mọi hình danh sắc tướng trong nền Đạo này đều là tạm mượn – kể cả bản thân danh hiệu "Cao Đài" hoặc chữ "Đạo" – chỉ có việc nuôi dưỡng Bổn Linh Chơn Tánh, khôi phục lại tánh bổn thiện mới là thật. Điều này đã được Đức Vô Cực Từ Tôn đề cập đến khi dạy người tín đồ Đại Đạo phải phá chấp ở danh từ:

"Không nên chấp danh từ rồi làm cản trở bước tiến, vì danh từ nào cũng là giả hết. Rất đổi, giả sử các con có bôi xóa hết các danh từ – chi phái này, hội thánh nọ, hoặc đoàn thể này, đoàn thể kia – chỉ còn một danh từ duy nhứt là hai tiếng "Cao Đài" đi nữa, thì danh từ này cũng là giả nốt đó các con. Rất đổi, tiếng "Đạo" mà còn tạm gượng kêu, chỉ cho biết cái gì thế thôi. Như vậy, trên thế gian này còn có cái chi là thật đâu nữa đâu, hỡi các con?

Chỉ còn có một cái thật, là Bổn Linh Chơn Tánh, hay là Chơn Như Bổn Thể. Các con có tìm lại được nó, nuôi dưỡng nó cho trở thành ***tánh bổn thiện****; đó mới là điều đáng cho các con hằng lưu tâm như cơm ăn, nước uống, khí trời để thở."*[1]

Thứ hai, ***Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dùng Tiên pháp (thuộc Tiên Đạo) để khôi phục lại giác tánh hồn nhiên cho con người***. Đây là con đường để mỗi cá nhân trong nhân loại tự khôi phục Đạo tự nhiên nơi mình, tức là những giác tánh hồn nhiên vốn có tự thuở ban sơ của mình. Để thực hiện điều này, trong tân pháp Cao Đài, Đức Thượng Đế đã thu dụng và cải tiến Tiên pháp. Đức Đông Phương Lão Tổ đã dạy:

"Đạo ở nơi người, Đạo tự nhiên,
Sáng soi khắp cả cõi thiêng liêng;
Biết dùng cái Đạo mà vui sống,
Miên viễn trường tồn để phối Thiên."[2]

Theo lời dạy trên, nếu con người biết dùng cái Đạo tự nhiên nơi mình để sống một cuộc đời an lạc, thì chơn thần của con người sẽ phối kết được với chơn thần của Tạo Hóa và nhờ vậy mà được miên viễn trường tồn. Đó là giá trị của đời sống khi được đặt trên nền tảng của giác tánh hồn nhiên. Nhưng làm sao để có thể đặt đời sống lên nền tảng ấy? Các Đấng Thiêng Liêng đã dạy con người những cách thức rất cụ thể trong những tình huống rất phổ biến mà phần đông nhân loại phải sống trong đó, ở thời hạ nguơn mạt kiếp này:

"Đứng trước một xã hội tao loạn, người giải thoát phải tự giải thoát cái tao loạn ở tâm mình, để biến hoàn cảnh hiện tại [từ] tao loạn trở nên an nhiên; đó là giải thoát.

[1] Đức Vô Cực Từ Tôn; Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), Dậu thời, 15-06 Nhâm Tý (25-07-1972).
[2] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 01-12 Đinh Tỵ (09-01-1978).

Đứng trước vật chất vinh hoa phú quý, danh lợi đầy dẫy sáng chói, người tu học thiên đạo đại thừa phải nhắm vào sự sáng chói của tâm, sự tịch mịch của tâm, như núi thái sơn sừng sững, trước gió loạn sấm chớp vẫn không lay chuyển; đó là giải thoát.

Ở vào cảnh vinh sang phú túc, nệm gấm chăn êm, mà tâm vẫn an nhiên thanh tịnh như ngồi trên nệm cỏ bồ, như uống nước suối trong veo, như ăn những quả đào ngon ngọt, không thấy tâm động – vì có đó mà tha thiết, vì mất đó mà phải rối loạn – đó là một [phương] giải thoát nữa.

Đứng trước nghịch cảnh trái ngang, nhưng tâm thấy như ngồi trên bàn thạch hoặc ở chỗ thanh thoát bao la, để biến hoàn cảnh ấy [thành những gì] như gió thoảng, như mây bay, tụ tan không ngừng nghỉ; đó cũng là một phương giải thoát.

Ở vào hoàn cảnh bị động vì các lý do sống còn, nhưng tâm vẫn an nhiên thanh tịnh để sáng suốt giải quyết mọi vấn đề, như cá trong nước, như rồng trong mây; có thể hòa hợp [với] tâm linh trong vũ trụ[1] cho tâm khỏi dao động mới hòa mình với nếp sống hiện tại, từ việc to tát đến việc nhỏ nhen vẫn là một con số không trong cái có; đó cũng là phương giải thoát.

(…) Còn các mối nghiệp lực như thê tử, như phận sự người con, người dân, vào bên trong như lục dục thất tình, xưa nay ai biết tu hành đều có bàn đến. Những thứ ấy lại phải giải thoát bằng một phương pháp khác hơn, là phải tự mình giải quyết mọi vấn đề bằng bổn phận, bằng nội tâm. Khi tâm sáng suốt, thì bổn phận nào cũng là bổn phận phải hoàn tất.

Nói như vậy, có lẽ chư đệ muội nghĩ rằng: nếu phải hoàn tất, thì giờ còn đâu [mà] học đạo tu trì? [Nhưng] Đó là Đạo, đó là tu trì.

*Muốn **song tu tánh mạng**, không đợi thời gian tuổi tác, càng sớm bước càng hay, càng sớm bước càng đủ điều kiện để giải quyết bổn phận của chính mình trên con đường giải thoát."*[2]

Pháp môn "song tu tánh mạng" mà đoạn thánh giáo trên đây vừa đề cập là một pháp môn cốt lõi của Tiên giáo. Đặc điểm của pháp môn này là cho phép thực hiện thiên đạo trong thế đạo, và ngược lại, chu toàn thế đạo trong thiên đạo.

"Cơ dịch biến vô cùng của Tạo Hóa, không phút giây ngừng nghỉ. Hết đông qua, xuân lại, rồi hạ đến thu sang. Mỗi thời tiết đều có đạo sinh sôi, đức hàm dưỡng của đất trời cùng vạn vật. Đó là thời tiết của một năm. Còn lẽ bĩ thới hưng vong là thời của thế vận. Thiên cơ luân động theo nhịp độ vận hành. Dầu lớn nhỏ không ra ngoài vòng Tạo Hóa.

(…) Đã gọi là biến dịch thì mọi hình tướng vật chất trong thế gian không có chi là chắc cứng và tồn tại cả, mà tất cả phải theo thời gian sanh trưởng thâu tàng, hoại không thành trụ. Người tu hành cũng thế. Cũng sống theo đạo thời trung để xử tròn bổn phận vi

[1] Tức là giao cảm với các Đấng Thiêng Liêng.
[2] Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn; Vĩnh Nguyên Tự, Tuất thời, 10-06 Bính Thìn (06-07-1976); TGNB.

nhân xử thế. Điều cốt yếu là vượt ra khỏi vòng luân hồi sanh tử. Sự vật biến thiên, nhưng vượt ra bằng cách nào khi còn mang mảnh thân tứ đại giả hiệp, còn sống trong cõi tạm hồng trần?

(…) Cái thánh thiện của con người không riêng cho ai mà ai cũng có, nên sự tương hệ tương quan như một mạng lưới vô hình đang trùm khắp, như nguồn nước từ trên chảy xuống rưới chan, như không khí một bầu hít thở dưỡng nuôi. Lại cùng một mảnh hình hài không sai không khác. Đó là đạo tự nhiên sinh, đức tự nhiên súc. Con người có hiểu được lẽ bình thường [mới] tịnh lạc với trách nhiệm đương nhiên. Phương chi là người tu hành tiến lên đại thừa thiên đạo là vong xả tục trần, xem phú quý như mây bay, bỏ công danh như dép rách. Những hình thức tổ chức bên ngoài trang trọng[1] chỉ là những trợ duyên để hành giả thực hiện sứ mạng hoằng giáo độ nhơn, kỳ trung không mảy may dao động."[2]

Sự phối hợp giữa thế đạo và thiên đạo trong pháp môn của Tiên giáo là đặc điểm được phát huy rất mạnh mẽ trong tân pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Thứ ba, ***Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dùng Phật pháp (thuộc Phật Đạo) để khôi phục lại Tâm Không cho con người***. Trong tân pháp Cao Đài, Đức Thượng Đế cũng đã sử dụng những tinh ba của Phật pháp và cải tiến cho phù hợp với căn trí của con người trong thời mạt kiếp để giúp cho con người tu tâm, hầu tìm lại được cái Tâm Không của chính mình.

Như đã nói bên trên, Nho pháp dẫn con người tìm về tánh bổn thiện, Tiên pháp dẫn con người tìm về giác tánh hồn nhiên; tất cả các pháp môn đó của Tiên Đạo hay Nho đạo đều hướng về Chân Như Bản Tánh của con người, tìm lại cái Tâm minh linh của con người. Đó là cái thật sự có, và con người có thể thật sự chứng nghiệm, để thật sự cứu độ lấy mình. Đức Đông Phương Lão Tổ đã dạy:

"Ôi! Đạo lý uyên thâm. Hành giả phải tự tìm về với tâm minh linh, không hôn muội, đừng vọng tưởng sờ mó hay chỉ ăn bánh vẽ mà khó no lòng."[3]

Muốn tìm lại cái Tâm minh linh này, người tu hành phải chuyên luyện tâm vô ngại. Đức Quan Âm Bồ Tát đã dạy:

"Muốn sống cuộc sống tự tại, tự do, người tu hành phải chuyên luyện một tâm vô ngại. Những biến hóa – khai sinh, tổ hợp, ly tán hay hoại diệt – đều vô nghĩa trước tâm vô ngại. Tâm đã vô ngại, tất cả sự sự vật vật đều vô ngại. Bởi sinh mà biến, [bởi] diệt mà còn. Sinh diệt, biến hóa đều ở trong chu trình của tuần hoàn Thiên luật. Nếu tâm được vô ngại rồi, không biến không hóa, không sinh không diệt mà vẫn có tất cả. Những hiện tượng ngoại cảnh đổi thay chớp nhoáng, đời người trăm tuổi đã có ai chăng mà bao nhiêu giai đoạn, bao nhiêu thế hệ, bao nhiêu hoàn cảnh, tất cả đều chi phối trong cõi bà

[1] Tức là những gì thuộc về phần Tướng của tôn giáo Cao Đài.
[2] Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 25-02 Kỷ Mùi (22-03-1979).
[3] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 21-11 Canh Thân (27-12-1980).

sa mà con người là cái khổ chất chứa đầy chủng tử? Nếu vất bỏ hết những thấy nghe, hiểu, biết theo thế sự thường tình thì minh linh phát hiện soi sáng tất cả chướng ngại trong pháp giới chúng sanh để phá tan màn đêm lục thức cho tất cả chúng sanh hồi đầu thị ngạn."[1]

"Người tu hành phải đem tâm-vô-ngại mà tu. Tâm-vô-ngại ấy không phải phó mặc cho cuộc đời lôi kéo hay phó mặc cho định mệnh vần xoay; mà tâm-vô-ngại là tâm minh linh quán xét, biết tất cả mà không biết, không để tâm bị vướng mắc bởi những hạt mưa rơi lạnh lùng thân xác, cũng không bị vướng mắc bởi ánh nắng cháy da. Vô ngại mà hoàn hảo, vì những phương tiện không bắt buộc tâm phải ôm chầm lấy nó, nên không cố định cố danh vào một thời gian hay giai đoạn nào. Người tu hành sẽ được ung dung tiêu sái, sẽ được tự do tự tại, độc lập nhi hành."[2]

Như vậy, tâm vô ngại là tâm minh linh. Đó là Tâm Không của con người.

Cái **Tâm Không** này là cái tâm không câu chấp, không vọng niệm, không vị kỷ, không tham, sân, si. Đó chính là cái **Tâm đại đồng** nếu nói về thế đạo, mà cũng chính là cái **Tâm giải thoát** nếu nói về thiên đạo. Bởi vậy, chỉ bằng một Tâm Không này, cộng đồng nhân loại có thể cùng nhau xây dựng thế giới đại đồng, cõi đời thánh đức trong thế đạo, còn mỗi cá nhân con người có thể trở về với Thượng Đế Đại Linh Quang trong Thiên đạo.

"Phật thường nói: Lìa sanh tử, không có Niết Bàn. Phải chấp nhận như vậy [tức là chấp nhận sanh tử]. Chấp nhận mà tâm không chấp nhận; tâm không chấp nhận thì tâm an nhiên; tâm an nhiên, mọi việc mới an nhiên. Bởi tâm động nên tình đời mới động; nếu tâm lặng lẽ thì tình do đâu mà dấy động?

Muôn việc do tâm, vạn pháp cũng do tâm. Tâm chánh thì pháp chánh, tâm không sanh thì pháp không trụ. Pháp không trụ, tâm không sanh, ***sẽ phát hiện Linh Quang từ chỗ nguyên sơ sáng chói*** *vậy.*

Đây chỉ là bước đầu tiên của những người muốn giải thoát, khi thâm sâu vào Đạo Lý, có phương pháp giải thoát siêu việt hơn."[3]

---

[1] Đức Quan Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-07 Đinh Tỵ (29-08-1977).
[2] Ibid.
[3] Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn; Vĩnh Nguyên Tự, Tuất thời, 10-06 Bính Thìn (06-07-1976).

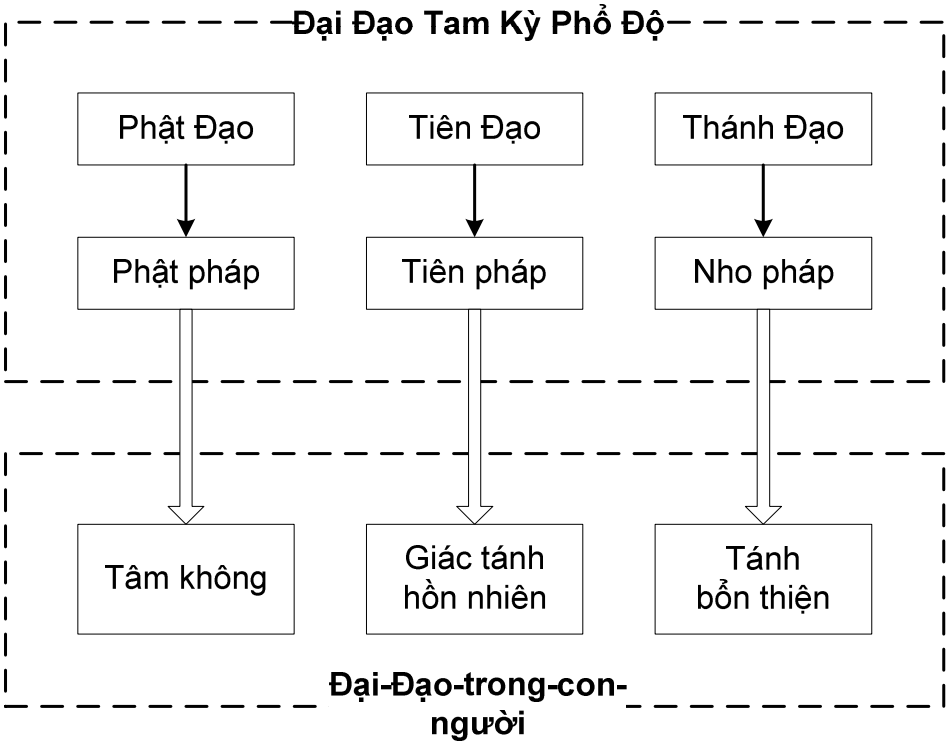

HÌNH 38. ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ SỬ DỤNG CÁC PHÁP MÔN TRONG TAM GIÁO ĐẠO ĐỂ KHÔI PHỤC LẠI ĐẠI-ĐẠO-TRONG-CON-NG□ỜI

Việc sử dụng các pháp môn của Tam Giáo Đạo để khôi phục lại Đại-Đạo-trong-con-người được hệ thống hóa trong sơ đồ ở hình 38. Khi đọc sơ đồ này, cần chú ý đến ý nghĩa đại diện của tam giáo Á Đông đối với Tam Giáo Đạo: Phật pháp (thuộc Thích giáo, hay Phật giáo) đại diện cho Phật Đạo, Tiên pháp (thuộc Lão giáo) đại diện cho Tiên Đạo, Nho pháp (thuộc Khổng giáo) đại diện cho Thánh Đạo. Ba tôn giáo này đại diện cho Tam Giáo Đạo theo ngôn ngữ của văn hóa Á Đông, chiếc nôi văn hóa của dân tộc Việt Nam. Các pháp môn của tam giáo Á Đông – Khổng giáo trị thế, Lão giáo trị thân, Thích giáo trị tâm – là những pháp môn của Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo chứ không phải là những pháp môn riêng biệt của Khổng, Lão hay Thích.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là con đường rộng lớn nhất để nhân loại có thể tìm đến nhau và gặp gỡ nhau trong cả thiên đạo lẫn thế đạo. Con đường này cho phép nhân loại đồng thời đạt được hai mục tiêu trong cùng một cứu cánh: mỗi cá nhân trong nhân loại vừa có thể giải thoát được tâm linh của chính mình để trở về với nguồn sống vĩnh cửu của linh hồn mình, lại vừa có thể góp tay cùng với toàn nhân loại để xây dựng thế giới đại đồng. Sở dĩ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có thể giúp nhân loại thực hiện được tất cả những điều lớn lao như vậy một cách đồng thời, vì trong nền đạo mà chính Đức Thượng Đế đã trực tiếp khai mở này, tất cả những pháp môn tinh yếu của Tam Giáo Đạo đều đã được Thượng Đế dung hòa và tổng hợp lại một cách tinh vi.

Bởi vậy, từ năm Bính Dần 1926, Đức Thượng Đế đã nói với toàn thể chúng sanh:

"Ta nói cho chúng sanh biết rằng: Gặp Tam Kỳ Phổ Độ nầy mà không tu, thì không còn trông mong siêu rỗi."[1]

"Nếu chẳng đi đến trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình, thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc Đạo bao giờ."[2]

4. KẾT LUẬN

Thông qua sự hiện hữu của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nhân loại có thể nhìn thấy một sự thật hiển nhiên đã tạo nên lịch sử văn minh của chính nhân loại: Chỉ có một Đại Đạo duy nhất, một Thượng Đế duy nhất, và một cơ cứu độ duy nhất trong toàn bộ diễn trình từ nguồn-gốc-Đại-Đạo-phát-sinh-Tam-Giáo-Đạo cho đến Tam-Giáo-Đạo-trở-về-nguồn-gốc-Đại-Đạo. Đại Đạo duy nhất ấy mượn những hình thái khác nhau mà thị hiện theo từng thời kỳ. Thượng Đế duy nhất ấy mượn những xác phàm khác nhau mà giáng thế. Cơ cứu độ duy nhất ấy mượn những pháp môn khác nhau mà dẫn dắt vạn linh. Sự thật này đã được Đức Chí Tôn Thượng Đế nói đến từ thuở sơ khai của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

"Chín Trời mười Phật cũng là Ta,
Truyền Đạo chia ra nhánh nhóc ba;
Hiệp một chủ quyền tay nắm giữ,
Thánh, Tiên, Phật Đạo vốn như nhà."[3]

Tính duy nhất ấy là Lẽ Một của Đại Đạo trong lịch sử văn minh nhân loại.

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Trường Sanh Tự (Cần Guộc), 19-04 Bính Dần (30-05-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1).
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 5 juillet 1926; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1.
[3] Ngọc Hoàng Thượng Đế; 23-01-1926; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.2), "Thi Tập", tr.108.

PHẦN 4.
TAM GIÁO ĐẠO TRỞ VỀ ĐẠI ĐẠO TRÊN PHƯƠNG DIỆN GIÁO LÝ

CHƯƠNG 12.
GIÁO LÝ VỀ ĐẠI ĐẠO TRONG VẠN GIÁO

Trong chủ đề "Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo trên phương diện giáo lý", điều quan trọng nhất mà chúng tôi muốn chỉ ra, là các hệ thống giáo lý của mỗi tôn giáo trên thế giới đều chứa đựng ba nội dung giống nhau sau đây: [1] nguồn gốc Đại Đạo của tôn giáo ấy; [2] sự phát triển trên nền tảng Đại Đạo của tôn giáo ấy trong mối tương quan với các tôn giáo khác; [3] sự quy hiệp của các tôn giáo về Đại Đạo trong tương lai.

Khi đi sâu vào giáo lý của các tôn giáo trên thế giới, nếu chúng ta bỏ qua mọi khác biệt liên quan đến ngôn ngữ và chỉ chú ý đến tư tưởng thuần túy (tức là tư tưởng không phụ thuộc vào ngôn ngữ), thì chúng ta có thể phát hiện thấy một điều bất ngờ: Trong giáo lý của hầu hết các tôn giáo đều có định luật về sự diễn biến của lịch sử cứu độ, định luật "Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo". Định luật này đã được phát biểu thông qua những hình thức ngôn ngữ khác nhau, và nội dung của các phát biểu là giống nhau dù chúng nằm trong giáo lý của tôn giáo nào. Các tôn giáo không những đã biết rằng mình phát sinh từ "Đại Đạo" mà còn biết rằng mình sẽ quay trở về "Đại Đạo" sau một thời gian phát triển nào đó; dĩ nhiên, một lần nữa, mỗi tôn giáo sẽ có một hoặc nhiều thuật ngữ khác nhau để chỉ khái niệm "Đại Đạo".

Để thấy rõ điều này, chúng ta hãy bắt đầu bằng việc tìm hiểu một nội dung giáo lý đặc biệt trong các tôn giáo: giáo lý về "Đại Đạo".

1. KHÁI NIỆM "ĐẠI ĐẠO" TRONG CÁC TÔN GIÁO

Trong giáo lý của các tôn giáo đều có khái niệm "Đại Đạo". Cần nhấn mạnh rằng chúng ta đang đề cập đến *khái niệm* "Đại Đạo" chứ không phải *chữ* "Đại Đạo". Mỗi tôn giáo đều văn tự hóa khái niệm này bằng hệ thống ngôn ngữ mà mình đang sử dụng, ví dụ các tôn giáo Trung Hoa cổ đại dùng chữ "道" ("Dao" hoặc "Tao"), các tôn giáo Ấn Độ cổ đại dùng chữ "धम्मो सनातानो" ("Dhammo Sanatano") theo tiếng Pali hay chữ Sanskrit "सनातन धर्म" ("Santana Dharma") theo tiếng Sanskrit, v.v…

1.1. "Đạo" trong các tôn giáo Trung Hoa cổ đại

Trong văn hóa Trung Hoa, "Đạo" (道) là một trong những khái niệm cơ bản nhất. Từ giữa thời Ân và thời Chu, chữ "đạo" bắt đầu xuất hiện trong kim văn (văn tự khắc trên kim loại) và nghĩa nguyên thủy của nó là "con đường"[1]. Dần dần, theo thời gian, chữ

[1] Trương Lập Văn et al, *Đạo*, tr.38.

"đạo" có thêm những hàm nghĩa khác như "phép tắc", "cách thức", "lời bàn luận", "nguyên lý", "bản thể",… nhưng tất cả những nghĩa này đều có thể được coi là những ẩn dụ khác nhau của nghĩa nguyên thủy. Ví dụ, "phép tắc" trong ứng xử xã hội là lề lối (lề đường và lối đi) của "con đường" mà mọi giao tiếp giữa người và người đều phải "đi"; "cách thức" để thực hiện một việc nào đó là "con đường" mà mọi bước trong quá trình thực hiện đều phải đặt trên đó; "nguyên lý" của một sự vật nào đó chính là "con đường" mà sự vật ấy phải trải qua.

Như vậy, chữ "Đạo" có nghĩa tổng quát là "con đường" mà mọi sự vật, hiện tượng đều phải đi trên đó. Đối với con người, "Đạo" còn có hàm nghĩa là "con đường tối ưu" cho sự tồn tại và phát triển; không đi trên con đường tối ưu này sẽ là một sai lầm và đến một lúc nào đó con người sẽ phải trả giá cho những sai lầm của mình. Do đó, các tôn giáo ở Trung Hoa cổ đại đều chủ trương rằng phải làm cho mọi người đi đúng con đường tối ưu này, hay nói khác đi, làm cho mọi người hiểu rõ được cái "Đạo" này để áp dụng vào đời sống của mình.

1.1.1. "Đạo" trong Nho giáo

Từ nhất kỳ phổ độ, Nho giáo đã xiển dương nghĩa lý của "Đạo" theo chiều hướng như vậy. Có thể tìm thấy bằng chứng trong kinh Dịch, bộ kinh quan trọng nhất của Nho giáo ở nhất kỳ phổ độ. Được phát triển từ Phục Hy đến Văn Vương rồi Chu Công, kinh Dịch ở thời kỳ phổ độ này bằng những ngôn từ đầy ẩn ý đã đề cập đến "Đạo" như là cái quan trọng nhất của con người. Chúng ta hãy xét hai ví dụ có đề cập đến chữ "Đạo" trong kinh Dịch ở thời kỳ này của Nho giáo: quẻ "Địa Lôi Phục" (gọi tắt là quẻ "Phục") và quẻ "Phong Thiên Tiểu Súc" (gọi tắt là quẻ "Tiểu Súc").

Trong "Soán Từ" của quẻ "Phục", Văn Vương đã viết:

> "Quay trở về **đạo** này, sau bảy ngày mà về được, đó là chuyến đi may mắn." (反復其道七日徠復利有攸往 Phản phục kỳ **đạo**, thất nhật lai phục, lợi hữu du vãng)

Chữ "đạo" trong cụm từ "phản phục kỳ đạo" trên đây được dùng để chỉ nguyên lý vận động tuần hoàn của vũ trụ, nguyên lý "Nhất Bổn tán vạn thù – Vạn thù quy Nhất Bổn". Đó là con đường của một vận động tuần hoàn, mà theo quẻ "Phục", chu kỳ của sự tuần hoàn này bao gồm bảy giai đoạn ("thất nhật")[1]. Một trong những nội dung cơ bản của quẻ "Phục" là sự phục hồi, sự xuất hiện trở lại của dương khí trong trời đất và trong con người; dương khí ấy có thể được hiểu là sức sống, là năng lực để hoạt động. Lúc mỗi người vừa mới chào đời, sức sống ấy được Trời phú bẩm một cách dồi dào[2]. Khi người ta

[1] Chữ "nhật" ("ngày") ở đây được dùng theo lối ẩn dụ, để chỉ thời kỳ, giai đoạn. "Thất nhật" theo nghĩa đen là "bảy ngày", theo nghĩa bóng là "bảy giai đoạn". Mỗi giai đoạn được biểu diễn bằng một quẻ. Giai đoạn 1 được biểu diễn bằng quẻ Thiên Phong Cấu (1 hào âm ở dưới và 5 hào dương ở trên); giai đoạn 2 được biểu diễn bằng quẻ Thiên Sơn Độn (2 hào âm ở dưới và 4 hào dương ở trên), giai đoạn 3 được biểu diễn bằng quẻ Thiên Địa Bĩ (3 hào âm ở dưới và 3 hào dương ở trên), giai đoạn 4 được biểu diễn bằng quẻ Phong Địa Quán (4 hào âm ở dưới và 2 hào dương ở trên), giai đoạn 5 được biểu diễn bằng quẻ Sơn Địa Bác (5 hào âm ở dưới và 1 hào dương ở trên), giai đoạn 6 được biểu diễn bằng quẻ Bát Thuần Khôn (6 hào âm).

[2] Trạng thái dồi dào sức sống này được biểu diễn bằng quẻ Bát Thuần Càn (6 hào dương).

lớn lên, sức sống ấy phóng tán dần dần qua mỗi hoạt động ở những thời kỳ khác nhau trong đời người[1] và biến thành những kết quả vật chất mà con người tạo ra cho bản thân và xã hội; cái giá phải trả cho những kết quả vật chất ở ngoại giới là nội lực của con người bị suy kiệt. Nếu con người biết áp dụng nguyên lý "Nhất Bổn tán vạn thù – Vạn thù quy Nhất Bổn", thì sau bảy giai đoạn phóng tán phải quyết tâm khôi phục sức sống cho mình. Có khôi phục lại được sức sống đã phóng tán thì mới không uổng phí cuộc hành trình nhập thế; và sự thành công trong việc khôi phục này cũng là một điều may mắn đối với cả một đời người.

Trong "Hào Từ" của quẻ "Phong Thiên Tiểu Súc", Chu Công đã viết về hào dương đầu tiên ("sơ cửu") như sau:

> "Trở về với **đạo** của chính mình không phải là điều dữ mà là điều tốt lành." (復自道何其咎吉 Phục tự **đạo**, hà kỳ cựu, cát).

Chữ "đạo" trong cụm từ "phục tự đạo" trên đây được dùng để chỉ những phép tắc, chuẩn mực mà bản thân mỗi người phải giữ gìn. Theo chủ trương của Nho giáo từ xưa, nhà Nho phải luôn tu dưỡng tâm tánh, rèn luyện đức tài; việc tu dưỡng và rèn luyện này là con đường mà nhà Nho phải đi. Khi thời thế thuận lợi thì phải dấn thân vào xã hội, đem tài đức ra để giúp đời; khi thời thế bất lợi thì nên ẩn dật mà tập trung vào việc tu dưỡng và rèn luyện bản thân. Đó là trở về với con đường của chính mình. Quẻ "Tiểu Súc" nói về việc nuôi dưỡng những mầm móng tích cực từ khi chúng còn bé nhỏ trong những hoàn cảnh bất lợi. Gặp nghịch cảnh mà biết trở về với con đường của chính mình thì đó là một điều tốt lành, vì nhờ đó, con người – mà cụ thể là nhà Nho – vẫn nâng cao được giá trị của mình qua việc tu dưỡng và rèn luyện bản thân.

Những ví dụ vừa nêu cho thấy rằng từ nhất kỳ phổ độ Nho giáo đã chỉ ra cái "Đạo" nghĩa là "con đường" mà mỗi người đều phải đi để đạt được những giá trị cao thượng cho bản thân và đóng góp tích cực nhất cho xã hội.

Đến nhị kỳ phổ độ, khi Đức Khổng Tử chấn hưng Nho giáo, Ngài phát huy và truyền bá "Đạo" ra rộng rãi hơn nữa. Gắn liền "Đạo" với con người, Ngài nói:

"Đạo không xa rời con người. Nếu con người làm cho Đạo tách xa mình, thì [Đạo ấy] không phải là Đạo nữa." (道不遠人。人之為道而遠人不可以為道。Đạo bất viễn nhơn. Nhơn chi vi đạo nhi viễn nhơn, bất khả dĩ vi đạo.)[2]

Trong câu này, Đức Khổng Tử nói rằng "Đạo" chỉ có thể là Đạo khi nó được đặt trong nhận thức và hành động của con người, nghĩa là con người phải nhận thức được nó và hành động để thể hiện nó. Nếu con người rời xa Đạo trong nhận thức và hành động của mình, thì "Đạo" chỉ còn là một khái niệm vô nghĩa. Như vậy, Đức Khổng Tử cho rằng con người đóng một vai trò quyết định trong việc làm cho "Đạo" trở thành một hiện thực sao cho thiên hạ có thể hưởng dụng những đặc tính tốt đẹp của nó. Nên Ngài nói:

---

[1] Sự phóng tán này được biểu diễn qua các giai đoạn như đã chú thích ở trên.
[2] *Trung Dung*, tr.54.

> "Con người có thể làm cho Đạo trở nên rộng lớn, chứ Đạo không thể làm cho con người trở nên cao trọng." (人能弘道、非道弘人。Nhơn năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhơn.)[1]

Ý câu này nói rằng Đạo là con đường mà chỉ có sự sử dụng của con người mới xác định được giá trị của Đạo. Con người có thể chủ động tạo ra và nâng cao giá trị của con đường mình đi, chứ tự thân con đường đi không thể tạo ra hay nâng cao giá trị của con người.

Nói như vậy không có nghĩa rằng Đạo là một cái gì chủ quan. Theo Nho giáo, Đạo luôn luôn là khách quan. Đạo hiện hữu trong trật tự tính của mỗi sự vật; trật tự tính ấy thể hiện nguyên lý của sự vật. Khi tiếp cận bất cứ sự vật gì, ai nhận ra được trật tự tính này thì người đó hiểu được Đạo của sự vật. Diễn đạt điều này, sách "Đại Học" nói:

> "Vật gì cũng có gốc có ngọn, việc gì cũng có đầu có đuôi; [ai] biết được cái nào trước, cái nào sau, [người đó] gần với Đạo." (勿有本末事有終始。知所先後則近道矣。Vật hữu bổn mạt, sự hữu chung thủy; tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hỹ.)[2]

Vận dụng trật tự tính này vào đời sống cá nhân vào xã hội, Nho giáo ở nhị kỳ phổ độ đã phát hiện ra một trật tự đặc trưng cho con đường mà nhà Nho phải đi. Trật tự đó là: [1] cách vật, [2] trí tri, [3] chánh tâm, [4] thành ý, [5] tu thân, [6] tề gia, [7] trị quốc, [8] bình thiên hạ. Sách "Đại Học" viết:

> "Các bậc thánh hiền thuở xưa muốn làm cái đức sáng của mình tỏa ra khắp thiên hạ, trước hết phải làm cho đất nước mình được yên ổn. Muốn làm cho đất nước mình được yên ổn, trước hết phải làm cho gia đình mình được mẫu mực. Muốn làm cho gia đình mình được mẫu mực, trước hết phải tu sửa bản thân mình. Muốn tu sửa bản thân mình, trước hết phải giữ lòng dạ mình cho ngay thẳng. Muốn giữ lòng dạ mình cho ngay thẳng, trước hết phải làm cho ý nghĩ của mình thành thật. Muốn làm cho ý nghĩ của mình thành thật, trước hết phải có sự hiểu biết thấu đáo. Muốn có sự hiểu biết thấu đáo thì phải nghiên cứu sự vật." (古之欲明明德於天下者、先治其國。欲治其國者、先齊其家。欲齊其家者、先修其身。欲修其身者、先正其心。欲正其心者、先誠其意。欲誠其意者、先致其知。致知在格物。Cổ chi dục minh minh đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc. Dục trị kỳ quốc giả; tiên tề kỳ gia. Dục tề kỳ gia giả; tiên tu kỳ thân. Dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm. Dục chính kỳ tâm giả; tiên thành kỳ ý. Dục thành kỳ ý giả; tiên trí kỳ tri. Trí tri tại cách vật.)[3]

Đối với một cá nhân, cái gốc của sự phát triển nằm ở "cách vật". Thế còn đối với xã hội, cái gốc của sự phát triển nằm ở đâu? Cái gốc ấy nằm ở sự tu thân:

---

[1] *Luận Ngữ*, tr.246..
[2] *Đại Học*, tr.8.
[3] Ibid.

> "Từ vua đến dân đều phải lấy việc tu thân làm gốc." (自天子以志於庶人壹是皆以修身為本。Tự Thiên tử dĩ chí ư thứ nhơn, nhứt thị giai dĩ tu thân vi bổn.)[1]

Do đó, bậc quân tử luôn tìm về gốc của vấn đề khi giải quyết bất cứ vấn đề gì, nhất là vấn đề tu thân:

> "Bậc quân tử chú tâm vào cái gốc [của vấn đề]; cái gốc [của vấn đề] có lập được thì cái đạo [của vấn đề] mới hiện ra. [Ứng dụng nguyên tắc này vào việc tu thân,] hiếu đễ chính là cái gốc của đạo làm người." (君子務本、本立而道生。孝弟也者、其為仁之本與。Quân tử vụ bổn; bổn lập nhi đạo sanh. Hiếu đễ giã giả, kỳ vi nhân chi bổn dư.)[2]

Đó là quan niệm về "Đạo" của Nho giáo. Trong khái niệm "Đại Đạo" của giáo lý Cao Đài, nội dung "Đạo" của Nho giáo là một phần quan trọng trong nội dung "Đại Đạo".

1.1.2. "Đạo" trong Lão giáo

Văn hóa Trung Hoa từ thời Ân và Chu đã nói rất nhiều về "Đạo" và hầu hết những gia sản tinh thần này của người Trung Hoa đều được Đức Khổng Tử hệ thống hóa thành kinh Thi và kinh Thư của Nho giáo. Mặc dù vậy, người đã làm cho khái niệm "Đạo" biến thành khái niệm căn bản nhất trong tất cả khái niệm của Trung Hoa cổ đại là Đức Lão Tử.

Trong "Đạo Đức Kinh", Đức Lão Tử đã sử dụng chữ "Đạo" để chỉ nguồn gốc của trời đất và bản thể của vạn vật. Cách dụng ngữ của Đức Lão Tử có một điểm độc đáo: "Đạo" được mô tả như là một nhân cách chí chân, chí thiện, chí mỹ, hiện hữu trong và ngoài không-thời gian. Càng đi sâu vào các chương "Đạo Đức Kinh", ta thấy "Đạo" càng được nói đến như một nhân cách vĩ đại và cao cả.

Nguồn gốc của trời đất được "Đạo Đức Kinh"đề cập đến trong những câu như:

> "Trong chỗ Không, [cái Đạo bất biến] được gọi là gốc trời đất." (無名天地之始 Vô danh thiên địa chi thỉ.)[3]

> "Đạo thì trống không nhưng công dụng của Nó thì không bao giờ hết. Nó sâu xa, như là gốc của muôn vật (…) Khó thấy được Nó nhưng Nó vẫn có đó. Ta không biết Nó là con ai, dường như Nó có trước Thượng Đế." (道冲而用之或不盈。淵兮似萬物之宗(…)湛兮似或存。吾不知誰之子象帝之先。Đạo xung nhi dụng chi hoặc bất doanh. Uyên hề tự vạn vật chi tông. (…) Trạm hề, tự hoặc tồn. Ngô bất tri thùy chi tử, tượng Đế chi tiên.)[4]

---

[1] Ibid.
[2] *Luận Ngữ*, tr.4.
[3] Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, chương 1.
[4] Ibid., chương 4.

> "Đạo sinh Một; Một sinh Hai; Hai sinh Ba; Ba sinh vạn vật." (道生一、一生二、二生三、三生萬物。Đạo sinh Nhất; Nhất sinh Nhị; Nhị sinh Tam; Tam sinh vạn vật.)[1]

Bản thể của vạn vật được "Đạo Đức Kinh"đề cập đến trong những câu như:

> "Trong chỗ Có, [cái Đạo bất biến] được gọi là mẹ vạn vật[2]." (有名萬物之母 Hữu danh vạn vật chi mẫu.)[3]

> "Đạo là cái sâu kín của vạn vật." (道者萬物之奧 Đạo giả vạn vật chi áo.)[4]

Để nhấn mạnh rằng "Đạo" là một thực thể phổ quát và trường cửu, hiện hữu trong mọi không gian và thời gian, Đức Lão Tử dùng chữ "Đại Đạo":

> "**Đại Đạo** có mặt ở khắp mọi nơi, dù là bên phải hay bên trái. Sinh ra muôn vật mà Nó không nói ra [điều đó]. Hoàn thành công trình [sáng tạo vạn vật] nhưng Nó không để lại tên tuổi [cho ai biết]. Bảo bọc nuôi nấng muôn loài mà Nó không [giành quyền] làm chủ. [Vì] Nó không có ham muốn gì [cho riêng Nó], nên có thể gọi Nó là Nhỏ; [vì] Nó quy tụ được muôn vật mà không [giành quyền] làm chủ nên có thể gọi Nó là Lớn. [Từ đầu] đến cuối Nó không cho mình là lớn, nên Nó đạt được tầm vóc to lớn của mình." (大道氾兮其可左右。萬物侍之而生而不辭。功成不名有。衣養萬物而不為主。常無欲可名於小。萬物歸焉而不為主可名為大。以其终不自為大故能成其大。**Đại Đạo** phiếm hề, kỳ khả tả hữu. Vạn vật thị chi nhi sinh nhi bất từ. Công thành bất danh hữu. Y dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ. Thường vô dục, khả danh ư tiểu. Vạn vật quy yên nhi bất vi chủ; khả danh vi đại. Dĩ kỳ chung bất tự vi đại cố năng thành kỳ đại.)[5]

Trong đoạn kinh văn trên đây, ta thấy rõ rằng "Đại Đạo" được mô tả như một nhân cách cao thượng: thực hiện được những kỳ công vĩ đại nhưng lại rất khiêm tốn, có khả năng quyết định sự sinh tử của vạn vật mà không giành quyền lực thống trị. Một con người mà có những phẩm chất giống như vậy được gọi là Đạo gia. Và nhiệm vụ của Lão giáo là xây dựng những Đạo gia có bản chất của "Đại Đạo".

Như vậy, Lão giáo đã dùng khái niệm "Đạo" – hay cũng thế, khái niệm "Đại Đạo" – để chỉ nguồn gốc, bản thể và nguyên lý của thiên địa cũng như vạn vật. Khái niệm đó cũng chứa đựng những phẩm chất của một nhân cách lý tưởng mà nhân loại phải hướng tới.

Toàn bộ các khái niệm "Đạo" và "Đại Đạo" của Lão giáo đều được giáo lý Cao Đài kế thừa và phát triển.

---

[1] Ibid., chương 42.
[2] Chữ "vạn vật chi mẫu" được Việt dịch là "mẹ của muôn vật". Tuy nhiên chữ "mẫu" (mẹ) ở đây được sử dụng với nghĩa ẩn dụ, để chỉ bản chất tối hậu, hay là bản thể.
[3] Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, chương 1.
[4] Ibid., chương 62.
[5] Ibid., chương 34.

1.2. "Sanàtana Dharma" trong các tôn giáo Ấn Độ cổ đại

Từ giai đoạn đầu của nhất kỳ phổ độ, người Aryan đã có một nền đạo do Đức Vyasa khai mở. Nền đạo ấy được gọi là Santana Dharma (सनातन धर्म [Skr]) hay Dhammo Sanatano (धम्मो सनातानो [Pli]).

Santana Dharma là tiền thân của hầu hết các tôn giáo Ấn Độ cổ đại, trong đó có các tôn giáo nhất kỳ phổ độ như Bà La Môn giáo (Brahmanism [Eng]), Ấn Độ giáo (Hinduism [Eng]), Kỳ Na giáo (Jainism [Eng]); hay các tôn giáo nhị kỳ phổ độ như Thích Ca giáo (Buddhism [Eng]) và Xích giáo (Sikhism [Eng]).

Chữ "Dharma" (धर्म dhárma [Skr]) đã được Hán dịch là "Pháp" (法) có nghĩa là "nguyên lý", "định luật", "đạo lý", "con đường", "tôn giáo"; còn "Santana" có nghĩa là "từ thời cổ xưa", "trường cửu". Vì vậy, "Santana Dharma" có nghĩa trực tiếp là "cổ pháp", "con đường đã có từ ngàn xưa", "đạo lý của muôn đời", "nguyên lý vĩnh cửu".

Trong kinh "Pháp Cú" (Dhammapada [Pli]), Đức Phật đã dạy:

> "Ở thế gian này, hận thù không trừ được hận thù, chỉ có từ bi mới trừ được hận thù. Đó là đạo lý của muôn đời."[1]

Nguyên văn Pali của cụm từ "đạo lý của muôn đời" trong đoạn dịch trên đây là "Sanatano Dhamma", hàm nghĩa là tất cả những phép tắc từ ngàn xưa mà các bậc chứng đạo đã truyền dạy và bất cứ những ai tu hành chơn chánh đều phải gìn giữ.

Hiểu rộng ra, Santana Dharma là "Chánh Pháp" giúp con người đạt được sự Giải Thoát (Moksha [Skr]), đạt được trạng thái Cực Lạc (Dharma Yukam [Skr]), và sống trong cõi Niết Bàn (Nirvana [Skr]).

Trong giáo lý Ấn Độ giáo, "Santana Dharma" còn được hiểu là "đạo Trời", "tôn giáo của Thượng Đế". Đó là con đường dẫn đến Chân lý tuyệt đối (Absolute Truth [Eng]), Thực Thể Tối Cao (Supreme Being [Eng]) hay là Thượng Đế (God [Eng]).[2]

Ngày nay, khi nói đến danh hiệu "Santana Dharma", giới học thuật thường nghĩ đến Ấn Độ giáo[3]. Nhưng nếu xét đến các tôn giáo như Phật giáo, ta thấy tôn giáo nào cũng là một hiện thân của "Santana Dharma". Vậy "Santana Dharma" là căn bản chung của các tôn giáo hơn là một tôn giáo cụ thể nào. Trong một bài viết về những ý nghĩa khác nhau của chữ "Santana Dharma", học giả Stephen Knapp[4] đã kết luận như sau:

> "(…) Santana Dharma là cơ sở của chân lý phổ quát. Nó có thể được áp dụng đối với bất cứ người nào, bất cứ khi nào và bất cứ ở đâu trong vũ trụ. Vì vậy, các tôn

---

[1] *Dhammapada*, phaåm "Yamakavagga". http://www.serve.com/cmtan/Dhammapada/pairs.html; 06-11-2010.
[2] S. Knapp, *Sanatana-Dharma: Its Real Meaning*; http://www.stephen-knapp.com/sanatana_dharma.htm; 06-11-2010.
[3] http://en.wikipedia.org/wiki/San%C4%81tana_Dharma; 18-11-2010.
[4] Stephen Knapp: nhà nghiên cứu về văn hóa Vedas.

giáo có thể và cần phải đưa Santana Dharma vào phương pháp và quan điểm của mình. Dù bạn đã nhập môn vào tôn giáo nào, bạn vẫn có thể nhờ Santana Dharma mà đạt được một nhận thức cao hơn về tiềm năng thật sự của bạn và sự huyền đồng đích thực. Đi theo con đường này, toàn thế giới có thể tiến đến một giai đoạn mới trong sự phát triển tâm linh và nhân sinh của mình cũng như trong sự hòa hiệp và cộng tác." (Sanatana-dharma is the basis of universal truth. It can be applied to anyone at anytime and anywhere in the universe. Thus, many religions can and should include Sanatana-dharma within their approach and outlook. It does not matter in which religion you may be affiliated, you can still benefit and grow within the fold of Sanatana-dharma to reach a higher awareness and perception of your true potential and genuine spiritual identity. In this way, the whole world could reach a new stage in its social and spiritual development, as well as in harmony and cooperation.)[1]

Như vậy, khái niệm "Santana Dharma" của các tôn giáo Ấn Độ cổ đại là tương đương với khái niệm "Đại Đạo" trong giáo lý Cao Đài.

1.3. "Daena" trong Hỏa giáo

Tại Ba Tư (Persia [Eng]), từ nhất kỳ phổ độ, đã xuất hiện một nền đạo lớn do Đức Zarathustra sáng lập, có tên gọi là "Mazdayasna" có nghĩa là "đạo thờ Thượng Đế", mặc dù người Việt thường gọi là "Hỏa giáo" hay "Bái Hỏa giáo".

Theo giáo lý của Hỏa giáo, trước khi vũ trụ được tạo lập, tất cả chỉ là "hư vô và hỗn độn" ("druj" [Per]). Thượng Đế xuất hiện trong hư vô và hỗn độn vừa như một Đấng Sáng Tạo, vừa như một nguyên lý vĩnh cửu của sự trật tự. Nguyên lý đó được gọi là "Daena".

Thuật ngữ "Daena" thường được giải thích qua hình ảnh một "con đường" mà bất cứ vật nào trong vũ trụ cũng đều phải "đi" trên đó; con đường này được dịch sang tiếng Anh là "Holy Path" ("Thiên Đạo") hay "Good Path" ("Chơn Đạo"). Chữ "Daena" cũng được sử dụng để chỉ định luật, quy tắc, lương tâm, đạo đức, luân lý, trật tự, tôn giáo, tín ngưỡng[2]. Như vậy chữ "Daena" của Ba Tư đồng nghĩa với chữ "Đạo" hay "Đại Đạo" của Trung Hoa và chữ "Dharma" của Ấn Độ.

Người tín đồ Hỏa giáo sau khi nhập môn được gọi là "Behdin"; chữ này được dịch sang tiếng Anh là "follower of Daena" và ta có thể Việt dịch là "tín đồ Đại Đạo"[3].

"Daena" vốn là một nguyên lý vô hình trong vũ trụ. Nguyên lý đó biểu lộ cho con người thông qua một thực thể mà tiếng Ba Tư gọi là "Mathra-Spenta", tiếng Anh dịch là "Holy Words" và ta có thể Việt dịch là "Thánh Ngôn". Nói khác đi, con người chỉ có thể hiểu được nguyên lý này thông qua sự mạc khải của các Đấng Thiêng Liêng.

---

[1] S. Knapp, *Sanatana-Dharma: Its Real Meaning*; http://www.stephen-knapp.com/sanatana_dharma.htm; 06-11-2010.
[2] http://en.wikipedia.org/wiki/Daena; 18-11-2010.
[3] http://en.wikipedia.org/wiki/Zoroastrianism; 28-10-2010.

1.4. "Giao Ước" trong các tôn giáo Abraham

"Tôn giáo Abraham" (Abrahamic religion [Eng]) là thuật ngữ được dùng để chỉ các tôn giáo độc thần của người Do Thái và Ả Rập, chỉ thờ một Đấng Thiên Chúa duy nhất, toàn tri toàn năng; Đấng Thiên Chúa đó đã đến với ông Abram, ban thánh danh cho ông là "Abraham", làm cho ông trở thành tổ phụ của nhiều dân tộc như Do Thái và Ả Rập. Thiên Chúa đã dạy ông Abraham phải thờ Ngài như đấng tối cao độc nhất. Thiên Chúa cũng thường đến với Abraham để giúp ông phát triển đức tin và lòng nhân ái.

Trong số các "tôn giáo Abraham", ngày nay ta có thể tìm thấy Do Thái giáo (Judaism [Eng]), Ky Tô giáo (Christianity [Eng]) và Hồi giáo (Islam [Eng]). Để chỉ một công cuộc bảo tồn hoặc cứu độ của Đức Thượng Đế, kinh thánh của các tôn giáo này thường dùng một thuật ngữ đặc trưng: "Giao Ước" (ברית Berith [Hbr], Ahd [Arb], διαθήκη Diatheke [Grk], Covenant [Eng])[1].

"Giao Ước" là một hợp đồng thiêng liêng, một bản thỏa thuận thiêng liêng giữa Thượng Đế và con người; trong đó, Thượng Đế yêu cầu con người phải thực hiện Thánh Ý của Ngài, và nếu con người thực hiện đúng thì Ngài sẽ ban ơn. Theo cách dụng ngữ trong giáo lý của các tôn giáo vừa nêu, "Giao Ước" luôn được dùng để ẩn dụ cho "Đạo, được lập ra để thực hiện một kế hoạch bảo tồn hoặc cứu độ". Khi nói rằng Thượng Đế lập một bản giao ước với con người, các tôn giáo này muốn nói rằng Thượng Đế lập một nền đạo để thực hiện một kế hoạch bảo tồn hoặc cứu độ nhân loại.

1.4.1. Giao Ước trong Do Thái giáo

Từ nhất kỳ phổ độ, Thượng Đế đã lập những Giao Ước với nhân loại thông qua Noah[2], Abraham[3], Jacob[4], Moses[5], David[6]. Ngoài ra, Thượng Đế cũng lập nhiều Giao Ước với dân tộc Do Thái để ban trao sứ mạng cho dân tộc này.

Ví dụ, trong Giao Ước với nhân loại thông qua Noah có những nội dung như sau:

> "Phàm vật chi hành động và có sự sống thì dùng làm đồ ăn cho các ngươi. Ta cho mọi vật đó như ta đã cho thứ cỏ xanh. Song các ngươi không nên ăn thịt còn hồn sống, nghĩa là có máu. Quả thật, ta sẽ đòi máu của sự sống ngươi lại, hoặc nơi các loài thú vật, hoặc nơi tay người, hoặc nơi tay của anh em người. Hễ kẻ nào làm đổ máu người, thì sẽ bị người khác làm đổ máu lại (...)"[7]

Còn trong Giao Ước thông qua Moses có chứa những điều răn như sau:

> "Trước mặt ta, ngươi chớ có các thần khác.

---

[1] http://en.wikipedia.org/wiki/Covenant_(biblical); 19-11-2010.
[2] *Cựu Ước*, "Sáng Thế Ký" ("Genesis"), 7-9.
[3] Ibid., 13:14-17, 15:4-6, 17:1-27.
[4] Ibid., 28:10-15.
[5] *Cựu Ước*, "Xuất Ê-díp-tô Ký" ("Exodus"), 19-24.
[6] *Cựu Ước*, "II Sa-mu-ên" ("2 Samuel"), 7:12-6.
[7] *Cựu Ước*, "Sáng Thế Ký" ("Genesis"), 9:3-6.

> Ngươi chớ làm tượng chạm cho mình, cũng chớ làm tượng nào giống những vật trên trời cao kia, hoặc nơi đất thấp nầy, hoặc trong nước dưới đất. Ngươi chớ quỳ lạy trước các hình tượng đó, và cũng đừng hầu việc chúng nó; vì ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, tức là Đức Chúa Trời ky tà, hễ ai ghét ta, ta sẽ nhân tội tổ phụ phạt lại con cháu đến ba bốn đời, và sẽ làm ơn đến ngàn đời cho những kẻ yêu mến ta và giữ các điều răn ta.
>
> Ngươi chớ lấy danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi mà làm chơi, vì Đức Giê-hô-va chẳng cầm bằng vô tội kẻ nào lấy danh Ngài mà làm chơi.
>
> Hãy nhớ ngày nghỉ đặng làm nên ngày thánh. Ngươi hãy làm hết công việc mình trong sáu ngày; nhưng ngày thứ bảy là ngày nghỉ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi: trong ngày đó, ngươi, con trai, con gái, tôi trai tớ gái, súc vật của ngươi, hoặc khách ngoại bang ở trong nhà ngươi, đều chớ làm công việc chi hết; vì trong sáu ngày Đức Giê-hô-va đã dựng nên trời, đất, biển, và muôn vật ở trong đó, qua ngày thứ bảy thì Ngài nghỉ: vậy nên Đức Giê-hô-va đã ban phước cho ngày nghỉ và làm nên ngày thánh.
>
> Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi, hầu cho ngươi được sống lâu trên đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi ban cho.
>
> Ngươi chớ giết người.
>
> Ngươi chớ phạm tội tà dâm.
>
> Ngươi chớ trộm cướp.
>
> Ngươi chớ nói chứng dối cho kẻ lân cận mình.
>
> Ngươi chớ tham nhà kẻ lân cận ngươi, cũng đừng tham vợ người, hoặc tôi trai tớ gái, bò, lừa, hay là vật chi thuộc về kẻ lân cận ngươi."[1]

Những bản Giao Ước như vậy đã được kết tập lại trong bộ kinh được gọi là Kinh Thánh Do Thái (תנ"ך Tanakh [Hbr], Biblia Hebraica [Ltn], Hebrew Bible [Eng][2]). Đây là bộ kinh thánh của Do Thái giáo. Và sứ mạng của Do Thái giáo là thúc đẩy nhân loại thực hiện những Giao Ước này để nhận được sự cứu rỗi của Thượng Đế.

1.4.2. Giao Ước trong Ky Tô giáo

Đến nhị kỳ phổ độ, Thượng Đế lại lập Giao Ước với nhân loại thông qua Đức Jesus. Bộ kinh thánh của Ky Tô giáo bao gồm hai phần. Phần thứ nhất được gọi là "Cựu Ước" (Old Covenant/Testament [Eng]) nghĩa là các "Giao Ước Cũ" được ký kết từ trước thời Chúa Jesus; hầu hết phần này chính là bộ Kinh Thánh Do Thái của Do Thái giáo vừa được đề cập trên đây. Phần thứ hai được gọi là "Tân Ước" (חדשה ברית berit ḥadasha [Hbr], διαθήκη καινή diathçkç kainç [Grk], New Covenant/Testament [Eng]) nghĩa là "Giao Ước Mới" được ký kết ở thời Chúa Jesus.

---

[1] *Cựu Ước*, "Xuất Ê-díp-tô Ký" ("Exodus"), 20:3-17.

[2] http://en.wikipedia.org/wiki/Hebrew_Bible; 19-11-2010.

Trong "Tân Ước", tập sách Phúc Âm của Mathew đã chép lại sự kiện sau đây trong bữa ăn cuối cùng của Chúa Jesus:

> "Khi đương ăn, Đức Chúa Jêsus lấy bánh, tạ ơn rồi, bẻ ra đưa cho môn đồ mà rằng: Hãy lấy ăn đi, nầy là thân thể ta. Ngài lại lấy chén, tạ ơn rồi, đưa cho môn đồ mà rằng: Hết thảy hãy uống đi; vì nầy là huyết ta, huyết của **sự Giao Ước** đã đổ ra cho nhiều người được tha tội. Ta phán cùng các ngươi, từ rày về sau, ta không uống trái nho nầy nữa, cho đến ngày mà ta sẽ uống trái nho mới cùng các ngươi ở trong nước của Cha ta."[1]

Như vậy, Giao Ước Mới dẫn dắt nhân loại đi theo con đường của Thượng Đế để được tha tội mà vào Nước Trời.

Đó là ý nghĩa "Giao Ước" trong các tôn giáo được Thượng Đế khai mở cho dân tộc Do Thái.

1.4.3. Giao Ước trong Hồi giáo

Cũng trong nhị kỳ phổ độ, Thượng Đế đã ban trao sứ mạng cho người Ả Rập qua việc khai mở Hồi giáo. Trong kinh Qur'an, chúng ta thấy rằng giáo lý Hồi giáo chấp nhận cả Cựu Ước (Kinh Thánh Do Thái) lẫn Tân Ước. Và chính kinh Qur'an cũng được xem là một bộ Giao Ước khác mà Thượng Đế ký với nhân loại thông qua Đức Muhammad. Kinh Qur'an có câu:

> "Những ai vi phạm Giao Ước của Allah sau khi đã được phê chuẩn và xé làm hai điều Allah ra lệnh cho kết hợp lại và gieo rắc điều thối nát trên trái đất, họ là những kẻ sẽ mất mát."[2]

Qua ngôn ngữ kinh thánh của Do Thái giáo, Ky Tô giáo và Hồi giáo, "Giao Ước" luôn luôn có liên quan đến "tôn giáo". Nhưng khái niệm "Giao Ước" được dùng để chỉ không phải một tôn giáo cụ thể, mà là sự cứu độ của Thượng Đế đối với cả nhân loại. Sự cứu độ này chính là một nội hàm của khái niệm "Đại Đạo". Như vậy, "Giao Ước" là một thuật ngữ tương ứng với "Đại Đạo" trong các tôn giáo Abraham.

Qua các trường hợp vừa được khảo sát, chúng ta thấy rằng mỗi tôn giáo đều có khái niệm "Đại Đạo" trong giáo lý của mình, tuy rằng danh từ cụ thể được dùng để chỉ khái niệm này là khác nhau. Không quan trọng ở chỗ danh từ đó là "Đạo", "Santana Dharma", "Daena", "Berith", "Ahd" hay là bất cứ danh từ nào khác, miễn là nó được dùng để chỉ cái cơ bản, phổ quát và trường cửu của một tôn giáo. Và hễ cái gì là cơ bản, phổ quát và trường cửu đối với một tôn giáo thì nó cũng là cơ bản, phổ quát và trường cửu đối với mọi tôn giáo.

---

[1] *Tân Ước*, Ma-thi-ơ, 26:26-29.
[2] *Qur'an*, 2:27.

2. NGUỒN GỐC VÀ BẢN CHẤT ĐẠI ĐẠO CỦA CÁC TÔN GIÁO

Nếu một tôn giáo có khái niệm "Đại Đạo" trong giáo lý của mình, thì khái niệm này tất yếu phải có liên quan trực tiếp đến nguồn gốc và bản chất của tôn giáo ấy. Để chỉ ra điều này, trước hết chúng tôi lưu ý rằng khái niệm "Đại Đạo" luôn gắn liền với khái niệm "Hiện Hữu Tối Cao" hay "Thực Thể Tối Cao". Đối với những tôn giáo như các tôn giáo Abraham, "Hiện Hữu Tối Cao" là Đấng Thượng Đế Tối Cao ngự trị trên thiên đàng; đối với những tôn giáo như Thích Ca giáo, "Hiện Hữu Tối Cao" là Sự Giác Ngộ Tối Cao được thực hiện trong nội tâm của con người; đối với những tôn giáo như Lão giáo, "Hiện Hữu Tối Cao" là cái Một hay là bản thể duy nhất của Tất cả.

Thông qua khái niệm "Hiện Hữu Tối Cao" này, các tôn giáo tự nói về nguồn gốc hay bản chất của mình.

2.1. Những tôn giáo tự xác nhận nguồn gốc của mình là từ Đức Thượng Đế

Những tôn giáo sau đây đều tự xác nhận rằng nguồn gốc của mình là từ Đức Chí Tôn Thượng Đế, tức là từ Đấng Tối Cao.

2.1.1. Hỏa giáo

Tín đồ Hỏa giáo tự gọi tôn giáo của mình theo tiếng Ba Tư cổ đại là "Mazdayasna". Trong danh hiệu này, "Mazda" có nghĩa là "Thượng Đế" còn "yasna" là "tôn thờ". Như vậy danh hiệu "Mazdayasna" có nghĩa là "sự tôn thờ Thượng Đế" hay là "mối đạo của Thượng Đế".

Danh hiệu bằng tiếng Ba Tư này là một sự xác nhận bản chất và nguồn gốc của Hỏa giáo: tôn giáo này thờ Thượng Đế, và tôn giáo này từ Thượng Đế mà có.

Chú ý rằng tên gọi "Hỏa giáo" ("đạo Lửa") hay "Bái Hỏa giáo" ("đạo thờ Lửa") trong tiếng Việt là những tên gọi đã được sử dụng theo thói quen (do ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa) nhưng dễ gây hiểu lầm về bản chất của tôn giáo này, bởi vì đây là đạo của Thượng Đế và tín đồ đạo này thờ Thượng Đế chứ không thờ lửa.

2.1.2. Do Thái giáo và Ky Tô giáo

Theo Kinh Thánh Do Thái (תנ"ך Tanakh [Hbr]), từ thời tạo ra Adam tức con người đầu tiên, Thượng Đế luôn đến với nhân loại; và Do Thái giáo là một truyền thống tôn giáo được khởi đầu, duy trì và phát triển bởi một Đức Thượng Đế duy nhất qua nhiều thời kỳ khác nhau bằng những Giao Ước nối tiếp nhau với những vị đại diện khác nhau như Noah, Abraham, Jacob, Moses và David. Như vậy, Do Thái giáo có nguồn gốc từ Thượng Đế và là tôn giáo thờ Thượng Đế.

Ky Tô giáo là sự nối tiếp của truyền thống tôn giáo của người Do Thái, nghĩa là cũng có nguồn gốc từ Thượng Đế và là tôn giáo thờ Thượng Đế.

Cả hai tôn giáo này có cùng những đặc điểm rất đáng chú ý. Thứ nhất, hai tôn giáo này đều coi mình như hiện thân của con đường cứu độ mà Thượng Đế đã khai mở. Thứ hai, trong cả kinh thánh Do Thái giáo lẫn kinh thánh Ky Tô giáo, Thượng Đế và các vị

Giáo Chủ (như Moses hay Jesus) đều không đặt tên cho các tôn giáo này[1]. Hai đặc điểm này cùng nói lên một điều: các tôn giáo này có bản chất là sự cứu độ của Thượng Đế mà không bị ràng buộc vào một danh từ cố định nào. Đó là bản chất Đại Đạo của Do Thái giáo và Ky Tô giáo.

2.1.3. Hồi giáo

Người Hồi giáo gọi tôn giáo của mình theo tiếng Ả Rập là "Islam". Chữ "Islam" có nghĩa là "sự vâng lời, sự phục tùng, sự quy thuận" ("submission" [Eng]) đối với Thiên Ý, tức ý chí của Thượng Đế (will of God [Eng]), Đấng Tối Cao Tối Đại[2]. Như vậy danh hiệu của tôn giáo này cũng tương đương với "mối đạo của Thượng Đế".

Trong Hồi giáo, người tín đồ được gọi là "muslim" (**ممسل** [Arb]) đối với nam phái và "muslimah" đối với nữ phái[3]. Những chữ này có nghĩa là "người quy thuận" con đường của Thượng Đế, "người phục tùng" Thánh Ý của Thượng Đế, hay là "người hiến dâng" cho Thượng Đế.

2.2. Những tôn giáo tự xác nhận bản chất của mình là "Chánh Pháp"

Các tôn giáo như Bà La Môn giáo, Ấn Độ giáo, Kỳ Na giáo, Phật giáo, Xích giáo được nhiều học giả trên thế giới xếp vào nhóm tôn-giáo-được-đặt-nền-tảng-trên-Pháp ("Dharmic religion" [Eng])[4]. Giáo lý của các tôn giáo này xuất phát từ cùng một nguồn mạch tư tưởng là Santana Dharma. Đặc điểm chung của các tôn giáo này là đều coi mình là hiện thân của Chánh Pháp dẫn con người đi đến Giải Thoát, Cực Lạc và Niết Bàn trong Sự Giác Ngộ Tối Cao; nói một cách khác, các tôn giáo này đều cho rằng bản chất của mình là Chánh Pháp. Ta hãy xét vài ví dụ.

2.2.1. Kỳ Na giáo

Kỳ Na giáo (Jainism) là một trong những tôn giáo rất cổ xưa của Ấn Độ. Người tín đồ Kỳ Na giáo gọi tôn giáo của mình là "Jain Dharma" hay "Shraman Dharma"[5]. Chữ "Jain" có liên quan đến sự tự thắng lấy mình, tự chinh phục được chính mình; còn người đã chiến thắng được mọi ma quỷ trong nội tâm của mình, đạt được chánh quả tối cao và được giải thoát hoàn toàn được gọi là "Jina". Chữ "Shraman" có nghĩa là "tự dựa vào chính mình" (self-reliant [Eng]). Như vậy, tên gọi "Jain Dharma" có nghĩa là "Chánh Pháp Giải Thoát"; và tên gọi "Shraman Dharma" có nghĩa là "Chánh Pháp trong bản thân mình".

---

[1] Những danh hiệu "Do Thái giáo" (Judaism [Eng]) và "Ky Tô giáo" (Christianity [Eng]) đều do người đời sau đặt ra.
[2] http://en.wikipedia.org/wiki/Islam; 10-11-2010.
[3] http://en.wikipedia.org/wiki/Muslims; 10-11-2010.
[4] http://en.wikipedia.org/wiki/Dharma; 31-10-2010.
[5] http://en.wikipedia.org/wiki/Jainism; 10-11-2010.

2.2.2. Thích Ca giáo

Chữ "Thích Ca giáo" hay "Phật giáo" (Buddism) theo tiếng Phạn là "Buddha Dharma" (बौद्ध धर्म [Skr], [Pal])[1]. "Buddha" – được phiên âm là "Phật" hay "Bụt" – có nghĩa hẹp là "Đức Thích Ca Mâu Ni" và nghĩa rộng là "người đã tự giác ngộ hoàn toàn và làm cho chúng sanh được giác ngộ". Như vậy, tên gọi "Buddha Dharma" trong tiếng Phạn có nghĩa là "Phật Pháp"; danh từ này có thể được hiểu theo nghĩa hẹp là giáo pháp của Đức Thích Ca Mâu Ni, nhưng chủ yếu phải hiểu theo nghĩa rộng là "Chánh Pháp để tự giác và giác tha". Cách hiểu này đã được Đức Thích Ca xác nhận khi Ngài dạy các môn đồ của mình rằng "Phật Pháp tức chẳng phải là Phật Pháp."[2] Theo lời dạy này, "Phật Pháp" không chỉ giới hạn trong khuôn khổ của những gì mà người ta có thể thấy được trong giáo pháp của Đức Phật Thích Ca; "Phật Pháp" rộng hơn thế rất nhiều: "Hết thảy các pháp đều là Phật pháp."[3]

Dù là "Chánh Pháp Giải Thoát" trong trường hợp Kỳ Na giáo hay "Phật Pháp" trong trường hợp Thích Ca giáo, thì tất cả những danh từ đó cũng đều chỉ đến cùng một nội dung: chánh pháp của muôn đời, đưa con người đến sự sống trường tồn bất diệt.

2.3. Những tôn giáo tự xác nhận bản chất của mình là "Đạo"

Hầu hết các tôn giáo ở Trung Hoa đều tự xác nhận bản chất của mình là "Đạo". Ta hãy xét hai tôn giáo có ảnh hưởng rộng lớn nhất.

2.3.1. Khổng giáo

Nho giáo Trung Hoa ở nhị kỳ phổ độ chính là Khổng giáo (孔教[Chn], Confucianism [Eng]). Khắp trong ngũ kinh và tứ thư của Khổng giáo, ta đều thấy nói về "Đạo". Nhưng điều cần nêu lên ở đây là chính Đức Khổng Tử và các bậc thánh hiền của Khổng giáo đều nói rằng đường lối giáo hóa của Đức Khổng Tử là "Đạo".

Trong sách "Luận Ngữ" của Khổng giáo có ghi lại mẫu đối thoại sau:

Khổng Tử nói [với Tăng Tử, tức là Tăng Sâm]: "Sâm ơi! Đạo của ta lấy Lẽ Một mà xuyên suốt tất cả". Tăng Tử đáp: "Dạ!" Khi Khổng Tử đi ra rồi, các môn sinh khác mới hỏi: "Nghĩa là sao?" Tăng Tử bảo: "Đạo của Phu Tử [chỉ có một yếu lý] là Trung Thứ mà thôi." (子曰參乎吾道一以貫之。曾子曰唯。子出門人問曰何謂也。曾子曰夫子之道忠恕而已矣。Tử viết: "Sâm hồ! Ngô Đạo nhứt dĩ quán chi." Tăng Tử viết: "Duy". Tử xuất, môn nhơn vấn viết: "Hà vị giả?" Tăng Tử viết: "Phu Tử chi Đạo: Trung Thứ nhi dĩ hỹ.")[4]

Thầy Tăng Tử là một môn đệ xuất sắc, nắm được những điểm then chốt trong đường lối giáo hóa của Đức Khổng Tử. Trong đoạn đối thoại trên đây, chính Đức Khổng Tử đã

---

[1] http://en.wikipedia.org/wiki/Buddism; 10-11-2010.
[2] *Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật*, tr.76.
[3] Ibid., tr.100.
[4] *Luận Ngữ*, chương 4 ("Lý Nhân"), tiết 15.

gọi toàn bộ đường lối giáo hóa của mình là "Đạo" chứ không phải là một cơ cấu tôn giáo khi Ngài nói rằng "Ngô Đạo nhứt dĩ quán chi", và thầy Tăng Tử cũng hiểu rõ điều đó khi nói với các bạn đồng môn của mình về "Phu Tử chi Đạo" ("Đạo của [Khổng] Phu Tử").

Chú ý rằng trong chân truyền của mình, Khổng giáo phân biệt rất rõ ràng "Đạo" với "giáo"; điều này được ghi lại trong sách "Trung Dung":

> "Sống theo tự tánh của mình, đó là Đạo; đem Đạo làm thức tỉnh người đời, đó là Giáo." (率性之謂道、修道性之教。Suất Tánh chi vị Đạo; Tu Đạo chi vị giáo.)[1]

Chữ "giáo" ở đây tương đương về mặt từ nghĩa với chữ "tôn giáo", nó liên quan đến việc mang Đạo ra để mở mang cho đời. Dĩ nhiên, Khổng giáo có thực hiện việc này và do đó cũng là một tôn giáo, nhưng ở đây ta đang nói về bản chất. Khi con người đã được thức tỉnh để hiểu Đạo, thì con người phải quay vào bản thân để sống với tự tánh thiên phú của mình. Và hầu hết nội dung của ngũ kinh và tứ thư đều tập trung vào việc sống như thế nào mới đúng với tự thánh thiên phú ở một con người. Điều đó cho thấy rằng giáo lý của Khổng giáo đã xác nhận bản chất của mình là Đạo.

2.3.2. Lão giáo

Lão giáo còn được gọi là Đạo giáo (道教), với hàm nghĩa là cách thức tu thân và trị thế bằng Đạo. Trong "Đạo Đức Kinh", Đức Lão Tử đã viết rất nhiều về thực thể có tên gọi là "Đạo", và Ngài lấy đó làm cơ sở cho chủ trương tạo ra ở thế gian này những con người mà đời sống của họ thể hiện sự hiện hữu của Đạo. Chủ trương của Đức Lão Tử có thể được tóm tắt trong hai chữ "vô vi" (無為). Khi hiểu được nghĩa của khái niệm "vô vi" theo "Đạo Đức Kinh", chúng ta sẽ thấy rằng Đạo giáo luôn xem bản chất mình là Đạo chứ không phải là một tổ chức tôn giáo.

Ngay từ chương 2 của "Đạo Đức Kinh", Đức Lão Tử đã viết về những điểm chính của khái niệm "vô vi" qua lối hành xử của các bậc Thánh nhân từ xưa:

> "Thánh nhân khi xử sự không phô trương cử chỉ, khi dạy dỗ không câu nệ ngôn từ; khiến muôn vật ổn định mà không dùng lời, tạo ra mà không chiếm lấy, làm việc mà không cậy công, đến khi nên việc rồi cũng không kể công. Vì không kể công, nên [công của Thánh nhân] không mất đi." (聖人處無為之事、行不言之教。萬物作焉而不辭、生而不有、為而不恃、功成而弗居。夫唯弗居、是以不去。Thánh nhân xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo. Vạn vật tác yên nhi bất từ; sinh nhi bất hữu; vi nhi bất thị; công thành nhi phất cư. Phù duy phất cư, thị dĩ bất khứ.)[2]

"Vô vi" là lối hành xử đặc trưng của Đạo: "Đạo Thường [tức là cái Đạo bất biến trong mọi không gian và thời gian] tuy vô vi nhưng không có việc gì mà không làm." (道常無

[1] *Trung Dung*, chương 1.
[2] *Đạo Đức Kinh*, chương 2.

為而無不為 Đạo thường vô vi nhi vô bất vi.)[1] Nhờ áp dụng lối hành xử này vào đời sống, con người luôn có thể mềm mỏng trong mọi tình huống mà vẫn đạt được những quyền lực lớn lao, Đức Lão Tử viết:

"Cái hết-sức-mềm-mỏng trong thiên hạ luôn chiến thắng cái hết-sức-cứng-rắn trong thiên hạ; cái không-có-gì vẫn xuyên qua được cái không-thể-xuyên-qua. Nhờ vậy mà ta thấy được chỗ có ích của vô vi." (天下之至柔馳騁天下之至堅。無有入無間。吾是以知無為之有益。Thiên hạ chi chí nhu, trì sính thiên hạ chi chí kiên, vô hữu nhập vô gián. Ngô thị dĩ tri vô vi chi hữu ích.)[2]

Chủ trương "vô vi" của Đức Lão Tử chỉ chú trọng đến mục đích, hiệu quả và công dụng của hành động chứ không chú trọng đến hình thức của hành động. Chủ trương này được áp dụng vào mọi lĩnh vực để cải tiến mọi mặt của đời sống con người từ tâm linh đến nhân sinh, và trong mọi phạm vi từ cá nhân đến xã hội.

Đối với việc tu thân, "vô vi" có nghĩa là "không hướng ngoại". Con người vô vi là con người biết giữ cho tâm của mình luôn hướng nội và thanh tịnh, chứ không vọng động vì ngoại cảnh. Ai làm được điều này thì sẽ đạt được sự sáng suốt đến mức có thể hiểu biết được việc thiên hạ và đạo của trời đất:

"Tuy không ra khỏi cửa nhà nhưng vẫn hiểu được thiên hạ; tuy không nhìn qua cửa sổ nhưng vẫn thấy được Đạo Trời. Đi ra càng xa [tức là phóng tâm càng nhiều] thì hiểu biết càng ít. Thế nên Thánh nhân không đi mà hiểu, không thấy mà biết, không làm mà thành công." (不出戶、知天下。不闚牖、見天道。其出彌遠、其知彌少。是以聖人不行而知、不見而名、不為而成。Bất xuất hộ, tri thiên hạ; bất khuy dũ, kiến thiên đạo. Kì xuất di viễn, kì tri di thiểu. Thị dĩ thánh nhân bất hành nhi tri; bất kiến nhi danh; bất vi nhi thành.)[3]

Đối với việc an trị thiên hạ, "vô vi" là "làm gương, chứ không ra lệnh". Trong ngữ cảnh này, "vô vi" tùy trường hợp còn được gọi là "vô sự" (không tạo ra thêm những việc rắc rối) hay "vô dục" (không có những ham muốn cho riêng cá nhân mình). Đức Lão Tử bảo:

"Lấy sự ngay thẳng để trị nước, lấy mưu mẹo để dụng binh, nhưng phải lấy vô sự mới giữ được thiên hạ. Làm sao ta biết được điều đó? Vì những điều này: khi trong thiên hạ càng có nhiều điều kiêng kỵ [đối với cấp trên] thì dân chúng càng nghèo; khi dân càng có nhiều mánh khoé thì nước nhà càng tối tăm; khi dân càng có nhiều kỹ xảo thì mưu mẹo càng nảy sinh; khi pháp lệnh càng rạch ròi thì trộm cướp càng nhiều. Thế nên thánh nhân mới nói: Ta vô vi mà dân tự cải hóa, ta thích yên tịnh mà dân tự sửa mình; ta vô sự mà dân tự giàu có; ta vô dục mà dân tự trở nên thật thà chất phác." (以正治國、以奇用兵、以無事取

[1] Ibid., chương 37.
[2] Ibid., chương 43.
[3] Ibid., chương 47.

天下。吾何以知其然哉。以此、天下多忌諱而民彌貧、民多利器國家滋昏、人多伎巧奇物滋起、法令滋彰盜賊多有。故聖人云、我無為而民自化、我好靜而民自正、我無事而民自富、我無欲而民自樸。Dĩ chính trị quốc; dĩ kì dụng binh; dĩ vô sự thủ thiên hạ. Ngô hà dĩ tri kì nhiên tai? Dĩ thử: Thiên hạ đa kỵ huý, nhi dân di bần; dân đa lợi khí, quốc gia tư hôn; nhân đa kỹ xảo; kì vật tự khởi; pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu. Cố thánh nhân vân: Ngã vô vi nhi dân tự hóa; ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính; ngã vô sự nhi dân tự phú; ngã vô dục nhi dân tự phác.)[1]

Do chủ trương "vô vi" của Đức Lão Tử, bản thân Đạo giáo chưa bao giờ thật sự là một tôn giáo có hình thức thống nhất hay tổ chức chặt chẽ nếu ta so sánh với Khổng giáo hay các tôn giáo Abraham; Đạo giáo luôn tồn tại như là một "cách sống giống như Đạo" hơn là một tôn giáo có hình tướng, và Đạo gia là người thực hiện cách sống này trong cuộc đời của mình.

Qua các ví dụ vừa được trình bày, các tôn giáo đều xác nhận rằng bản chất của mình là chánh pháp, là chơn đạo, là con đường cứu thế của Thượng Đế. Đó là bản chất Đại Đạo của các tôn giáo. Và hiển nhiên bản chất này có được là do các tôn giáo đều bắt nguồn từ Đại Đạo.

3. TẦM VÓC ĐẠI ĐẠO CỦA CÁC TÔN GIÁO

Hầu hết các tôn giáo, dưới những hình thức ngôn ngữ và những cách thức phát biểu khác nhau, đều nói về chính mình như là con đường cứu thế cao siêu nhất. Với những cách nói mềm mỏng hơn, một số tôn giáo cho rằng mình là con đường cứu thế có nhiều ưu điểm nhất; còn với những cách nói mạnh mẽ hơn, một số tôn giáo khác cho rằng mình là con đường cứu thế đúng đắn duy nhất.

Điều này dường như chứa đựng một mâu thuẫn không thể chấp nhận được, và nếu thế, sẽ là nguyên cớ có thể dẫn đến sự bài xích lẫn nhau hoặc chiến đấu với nhau giữa một số bộ phận tín đồ từ phía tôn giáo này và tôn giáo kia. Tuy nhiên, theo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mâu thuẫn này nếu có cũng chỉ là một mâu thuẫn biểu kiến chứ không phải một mâu thuẫn thật sự, và nó sẽ biến mất một cách tự nhiên nếu chúng ta biết nhìn vào sự giống nhau giữa các phát biểu này.

Dù một tôn giáo có nói rằng mình là con đường cứu thế có nhiều ưu điểm nhất hay duy nhất đúng đắn, thì điểm chung trong các phát biểu này vẫn là sự biểu dương một tầm vóc cao siêu của con đường cứu thế, một đỉnh cao của công cuộc cứu độ mà tôn giáo ấy đang thực hiện. Nếu chúng ta khái niệm hóa con đường cứu thế hay công cuộc cứu độ rồi đặt cho nó một cái tên – mà ở đây, "Đại Đạo" là cái tên như vậy – thì chúng ta sẽ thấy được điểm chung: mọi tôn giáo đều đồng loạt phát biểu rằng mình là Đại Đạo. Lúc bấy giờ, sẽ không còn lạ gì nếu tôn giáo nào cũng cho rằng mình là cao siêu nhất, bởi lẽ tôn giáo nào về thực chất cũng là Đại Đạo, và Đại Đạo luôn là cái cao siêu nhất mà một tôn giáo có thể tự tìm thấy được nơi chính bản thân mình.

[1] Ibid., chương 57.

Khi đó, nếu chúng ta tìm thấy trong kinh thánh của một tôn giáo các nội dung giáo lý nói về việc làm cho tôn giáo ấy trở nên tuyệt đối vĩ đại ở thế gian, thì chúng ta nên hiểu rằng đó chính là làm cho tôn giáo ấy đạt đến tầm vóc Đại Đạo. Ví dụ, trong giáo lý Bahá'í, Đức Thượng Đế có dạy:

> "Hãy làm cho Đạo Ta vẻ vang, để Ta khải thị cho ngươi những huyền nhiệm của sự vĩ đại của Ta và rọi vào ngươi ánh sáng vĩnh cửu."[1]
>
> "Hãy đứng lên phụng sự cho Đạo Ta toàn thắng thì ngay ở quả đất này ngươi sẽ được thắng lợi."[2]

Trong những lời dạy trên đây, "Đạo Ta" chính là Đạo của Thượng Đế, là Đại Đạo hay Đạo Trời; đó không phải là một tôn giáo cụ thể nào kể cả Bahá'í, mà là tôn giáo phổ quát và đại đồng bao hàm mọi tôn giáo trên hoàn cầu. Sự toàn thắng của "Đạo Ta" chính là sự thành công trong việc xiển dương chân lý Đại Đạo ra khắp năm châu bốn biển, sự vẻ vang của "Đạo Ta" chính là sự an lạc của loài người trong đời sống đại đồng thánh đức. Do đó, sự toàn thắng và vẻ vang của "Đạo Ta" cũng là sự toàn thắng và vẻ vang của mọi tôn giáo trên hoàn cầu.

Như vậy, sự vươn lên để đạt đến tầm vóc Đại Đạo của mỗi tôn giáo hoàn toàn không mang tính chất cạnh tranh và loại trừ lẫn nhau như điều vẫn xảy ra trong một giải bóng đá để tìm ra nhà vô địch; ngược lại, sự vươn lên ấy mang tính chất của một vinh quang chung trong sứ mạng cứu độ của mọi tôn giáo.

Nếu dùng cách thức này để nghiên cứu giáo lý của bất kỳ tôn giáo nào, chúng ta cũng thấy rằng mọi tôn giáo đều phát biểu về cùng một chân lý; chân lý ấy là sự hiện hữu của Đại Đạo thông qua bản thân của tôn giáo đang phát biểu (chân lý). Chẳng hạn, chúng ta hãy đọc các đoạn kinh văn sau đây trong Qur'an:

> "Allah dẫn dắt người nào Ngài muốn đến Con Đường Ngay Thẳng (Islâm)."[3]
>
> "Ai mà [được] Allah dẫn dắt thì sẽ đi đúng đường."[4]
>
> "Và ai thay đổi từ chỗ có đức tin sang chỗ bất tín thì chắn chắn sẽ đi lạc khỏi Chính Đạo (Islâm) êm ả."[5]
>
> "Những ai yêu đời sống trần tục này hơn Đời Sau và cản trở thiên hạ không cho đi theo Con Đường của Allah và còn tìm cách làm cho nó cong queo; những người này đang đi lạc rất xa."[6]
>
> "Há những ai có đức tin không biết rằng, nếu Allah muốn thì Ngài đã thừa sức dắt toàn thể nhân loại theo Chính Đạo hay sao?"[1]

---

[1] *Ẩn Ngôn*, phần 1, đoạn 41.
[2] Ibid., phần 1, đoạn 42.
[3] *Qur'an*, 2:213
[4] *Qur'an*, 7:178.
[5] Ibid., 2:108.
[6] Ibid., 14:3.

Trong tất cả các đoạn trích trên đây, những chỗ nào liên quan đến "con đường" hay "Chính Đạo" đều là những chỗ nói về "Đại Đạo" của kinh Qur'an. Trong nhiều bản dịch Qur'an, "con đường" này được đồng nhất với Hồi giáo (Islam); sự đồng nhất này đóng góp thêm một bằng chứng về sự tự nhận ra bản chất Đại Đạo trong bản thân mình ở Hồi giáo.

Khi một tôn giáo nói rằng mình là con đường cứu thế duy nhất đúng đắn, tôn giáo ấy đang tự đặt mình ở một đỉnh cao mà nếu con người tôn giáo thật sự vươn lên và đạt đến đỉnh cao ấy thì họ hẳn phải nhìn thấy một Đại Đạo duy nhất trong tất cả mọi tôn giáo. Ta hãy lấy ví dụ trong trường hợp của Phật giáo.

Đức Thích Ca đã từng dạy rằng chỉ có Chánh pháp, hay là Phật pháp, mới có thể cứu chúng sinh thoát khỏi luân hồi. Trong kinh "Pháp Cú", Ngài nói:

> "Đêm rất dài với người mất ngủ, đường rất xa với kẻ lữ hành mỏi mệt. Cũng thế, dòng luân hồi sẽ tiếp nối mãi với kẻ ngu si không minh đạt Chánh Pháp."[2]

Lời dạy này có thể bị những người chưa hiểu về khái niệm "Phật pháp" tưởng lầm rằng đây là sự độc tôn của Phật giáo. Tuy nhiên, trong kinh "Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật", Đức Phật cũng dạy rằng: "Hết thảy các pháp đều là Phật pháp."[3] Ta hiểu rằng, theo chân truyền của Phật giáo, tất cả các pháp môn dù thuộc về tôn giáo nào cũng đều là Phật pháp. Khái niệm "Phật pháp" của Đức Phật được dùng để chỉ bất cứ phương tiện gì giúp cho con người chứng Đạo và các tôn giáo là những trong số các phương tiện như vậy. Do đó, chữ "Phật pháp" ở đây vừa có nghĩa là "Phật giáo" vừa có nghĩa là "bất cứ tôn giáo nào dẫn dắt con người đến chỗ chứng Đạo". Phật pháp trong các tôn giáo là một đường lối cứu thế không có hình tướng, mà Phật giáo gọi đó là "pháp vô vi" (unformulated principle [Eng][4]). Khái niệm này đã được Đức Thích Ca sử dụng khi dạy trong kinh Kim Cang: "Tất cả các bậc thánh hiền đều dùng **pháp vô vi**, nhưng có chỗ sai biệt nhau."[5]

Những ví dụ trên đây cho chúng ta thấy rằng mỗi tôn giáo đã nói về bản thân mình như là Đại Đạo hơn là một tôn giáo cụ thể. Tất cả các nền giáo lý của mọi tôn giáo trên thế giới đều nói về Đại Đạo nơi chính tôn giáo ấy, và hơn nữa, đều đồng nhất tôn giáo ấy với Đại Đạo bất tử của mọi thời đại. Đây là một sự kiện mang tính phổ biến ở mọi tôn giáo. Khi tư tưởng con người còn bị đóng khung trong những định kiến cố chấp và hẹp hòi, sự kiện đó sẽ được nhìn nhận như là nguyên nhân gây ra mâu thuẫn và xung đột giữa các tôn giáo; nhưng khi tư tưởng con người được nâng cao đến mức đại đồng – trở nên phóng khoáng và quảng đại để thấy được chỗ giống nhau trong những cái khác nhau của mọi tôn giáo – thì sự kiện mỗi tôn giáo tự đồng nhất mình với Đại Đạo rõ ràng là một tiền đề tuyệt vời cho công cuộc quy hiệp ở tương lai để vạn giáo cùng gặp nhau trong tinh thần Đại Đạo.

---

[1] Ibid., 13:31.
[2] *Lời Phật Dạy (Pháp Cú - Dhammapada)*, "Phẩm Ngu" (Bàlavagga), tr.31.
[3] *Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật*, tr.100.
[4] Ibid., tr.75.
[5] Ibid., tr.74.

4. THAY CHO KẾT LUẬN

Chương này đã chỉ ra rằng trong mỗi tôn giáo đều có một nội dung giáo lý quan trọng nói về "Đại Đạo". Nội dung giáo lý như vậy có thể tìm thấy ở những chỗ mà kinh sách của mỗi tôn giáo nói về nguồn gốc, bản chất và tầm vóc sứ mạng của tôn giáo ấy. Vì, không một tôn giáo nào mà không nói về nguồn gốc, bản chất và tầm vóc sứ mạng của mình; nên, không một tôn giáo nào mà không nói về "Đại Đạo" trong chính mình, dĩ nhiên là bằng những ngôn từ của riêng mình.

Khi đã nhận diện được những nội dung giáo lý nói về "Đại Đạo" trong mỗi tôn giáo, chúng ta thấy rằng các tôn giáo đều nói về nguồn gốc Đại Đạo, bản chất Đại Đạo và tầm vóc Đại Đạo của mình. Những điều này đều xoay quanh quan niệm về "Hiện Hữu Tối Cao" của mỗi tôn giáo.

Để tổng quát hóa mọi quan niệm về "Hiện Hữu Tối Cao" của các tôn giáo trên thế giới, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã đưa ra một nội dung giáo lý có tên gọi là "Cao Đài"[1]. Đây là một trong những yếu điểm giáo lý của Đại Đạo qua mọi thời kỳ phổ độ, và nghĩa là yếu điểm giáo lý của vạn giáo.

Chữ "Cao Đài" theo nghĩa đen có nghĩa là "cái đài cao" và theo nghĩa bóng có nghĩa là "Hiện Hữu Tối Cao". Hiện hữu ấy vừa là Đấng Tối Cao (đồng nhất với, chẳng hạn, Thiên Chúa của các tôn giáo Abraham), vừa là sự Giác Ngộ Tối Cao (đồng nhất với, chẳng hạn, bậc Đại Giác Ngộ của các tôn giáo Ấn Độ cổ đại), mà cũng vừa là Siêu Việt Thể tối cao (đồng nhất với, chẳng hạn, "Đạo" của các tôn giáo Trung hoa cổ đại). Thánh giáo Cao Đài nói:

"Cao □i l ối □i cao,
V□□t ln t□t c□ □ĩn ồo ng□n che.
Th□y t□ ũ mồ nghe th□u su□t,
Cĩ gì □u h□n cu□c □□□c ta;
Ngồi tr□i, Th□□ng □□ bao la,
Trong lịng v□n t□□ng c□ng l Chí Tơn."[2]

Như được ghi lại trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", khi Đức Chí Tôn Thượng Đế giáng cơ dạy đạo bằng tiếng Pháp, Ngài đã xưng danh là "Le Très-Haut"[3], có nghĩa là "Đấng Tối Cao" đối với muôn vật trong vũ trụ. Đấng Tối Cao ấy không chỉ hiện diện bên ngoài Ta, mà còn hiện diện bên trong lòng Ta. Muốn nhận thức được Đấng Tối Cao ấy, con người phải tự vươn lên không ngừng để đạt được sự Giác Ngộ Tối Cao. Trong "Di Lạc Chơn Kinh"[4], sự Giác Ngộ Tối Cao này được gọi là "A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề" (phiên âm Phạn-Hán-Việt của chữ "Annuttara Samyak Sambodhi"), Hán dịch là

[1] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*, tr.25-43.
[2] Đức Quảng Đức Chơn Tiên; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 07-6 Tân Dậu.
[3] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 26-04 Bính Dần (08-06-1926); *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.23.
[4] Tòa Thánh Tây Ninh, *Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*, "Di Lạc Chơn Kinh".

"Vô thượng chánh đẳng chánh giác". Sự Giác Ngộ Tối Cao này chính là quả vị Phật (Phật vị).

Khi con người đã đạt được sự Giác Ngộ Tối Cao, thì con người cũng huyền đồng với Đạo, hay Đại Đạo, trong trời đất. Khi đó, cái tự tại của con người cũng là cái siêu việt của vũ trụ. Trong trạng thái đó, con người và Đấng Tối Cao "là Một". Trong giáo lý Cao Đài, Đức Chí Tôn Thượng Đế thường nói về trạng thái này qua mệnh đề "Thầy là các con, các con là Thầy."

Bài thánh thi về hai chữ "Cao Đài" trên đây cho ta một dấu hiệu để nhận ra được yếu điểm giáo lý "Cao Đài" trong các tôn giáo: sự vươn lên không ngừng để đạt đến "Hiện Hữu Tối Cao". Trong sự vươn lên không ngừng này, con người phải đưa nhận thức của chính mình lên đến những tầm cao không còn bị ràng buộc bởi mọi định kiến; chẳng những thế, con người còn phải thay đổi đời sống của mình cho thanh cao, từ ý tưởng, lời nói cho đến việc làm. Trong sự vươn lên không ngừng như vậy, con người sẽ dần dần nhận ra được Đại Đạo không phải như một danh từ hay một khái niệm mà như một thực thể gắn liền với sự tiến hóa của chính con người. Có thể nêu một ví dụ minh họa cho điều này; khi nói về tinh thần căn bản của Ấn Độ giáo qua khái niệm "Chánh Pháp" (Sanatana Dharma [Skr]), Stephen Knapp đã viết:

> "[Pháp,] đó chính là phương tiện để tư duy và sống một cách trực tiếp với một thực tiễn cao hơn [cái hiện thực mà chúng ta đang có] cũng như với Lẽ Một về tinh thần ở giữa tất cả chúng ta. (…) Có người cho rằng Ấn Độ giáo là một tôn giáo khác [trong thế giới của những tôn giáo.] Thế nhưng, nếu chúng ta hiểu được nguyên lý này của Pháp, chúng ta có thể thấy rằng Ấn Độ giáo không đơn thuần là một tôn giáo hay một chủ nghĩa. Nó là một cách thức giúp cho con người biết sống trong từng phút giây và qua từng hơi thở. Nó giúp chúng ta nâng cao nhận thức đến mức độ cao nhất có thể được. Nó giúp chúng ta hiểu và sống theo những nguyên lý tinh thần phổ quát vốn chi phối tất cả mọi người. Nhờ đó, chúng ta có thể sử dụng được toàn bộ tiềm năng vốn nằm ở chỗ sâu thẳm nhất trong nền tảng tinh thần của chúng ta."[1]

Tôn giáo nào có đề cập đến sự vươn lên không ngừng để đạt đến "Hiện Hữu Tối Cao", tôn giáo đó có đề cập đến "Cao Đài", và như vậy, tôn giáo đó cũng có đề cập đến "Đại Đạo". Điều này cho phép chúng ta hiểu tại sao mọi tôn giáo, ẩn sâu trong giáo lý của mình, đều muốn nói rằng mình là Đại Đạo hơn là một tôn giáo.

---

[1] "It is the means to directly perceive and live according to that higher reality and spiritual unity between us all. (…) Some people may say that Vedic dharma, or Hinduism, is another religion. Yet, if we understand this principle of dharma, we can see that it is not merely another religion or "ism". It is a way of life that is lived with every moment and every breath. It is a matter of raising our consciousness to the highest level possible. It is a matter of understanding and living according to the Universal Spiritual principles that apply to everyone. Thus, we reach our fullest potential, which in the end is on the spiritual platform." S. Knapp, *Sanatana-Dharma: Its Real Meaning*; http://www.stephen-knapp.com/sanatana_dharma.htm; 06-11-2010.

CHƯƠNG 13.
GIÁO LÝ VỀ MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA VẠN GIÁO

Chương trước đã chỉ ra rằng các tôn giáo đều có một nội dung giáo lý quan trọng liên quan đến Đại Đạo khi nói về nguồn gốc, bản chất và tầm vóc sứ mạng của mình. Tiếp tục chủ đề "Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo trên phương diện giáo lý", chương này sẽ chỉ ra rằng trong nhiều nền giáo lý thuộc các tôn giáo khác nhau, có sự hiện diện của những nội dung giáo lý về mối tương quan mật thiết giữa vạn giáo; những nội dung này cho ta thấy sự phát triển trên nền tảng Đại Đạo của tôn giáo ấy trong mối tương quan với các tôn giáo khác.

Những tương quan giữa các tôn giáo cho chúng ta thấy những "phả hệ" phản ảnh sự phát sinh những tôn giáo khác nhau từ cùng một nguồn gốc ban đầu của Đại Đạo. Các phả hệ như vậy được lưu trữ trong các nền giáo lý khác nhau, từ phương Đông sang phương Tây. Trong một số trường hợp, các phả hệ này chỉ thể hiện những nhánh tôn giáo có họ hàng khá gần nhau, ví dụ như trong trường hợp của các tôn giáo Abraham; nhưng trong những trường hợp khác, các phả hệ có thể chứa đựng những thông tin liên quan đến mọi tôn giáo trên toàn cầu, và ta có thể tìm thấy các ví dụ trong giáo lý của tam giáo Á Đông (Thích giáo, Lão giáo và Khổng giáo).

Phần lớn các tương quan được trình bày trong chương này là các tương quan về thời gian. Chúng tôi dùng các cụm từ "tôn giáo đời trước" và "tôn giáo đời sau", theo thứ tự, để chỉ tôn giáo ở các thời đại trước và tôn giáo ở các thời đại sau. Các cụm từ này dùng để chỉ thứ tự xuất hiện theo thời gian của các tôn giáo trong lịch sử nhân loại; "tôn giáo đời trước" bao gồm các tôn giáo xuất hiện trước, và "tôn giáo đời sau" bao gồm các tôn giáo xuất hiện sau. Ví dụ, giữa Do Thái giáo và Ky Tô giáo thì Do Thái giáo là một "tôn giáo đời trước" còn Ky Tô giáo là một "tôn giáo đời sau"; nhưng giữa Ky Tô giáo và Hồi giáo thì Ky Tô giáo là một "tôn giáo đời trước" còn Hồi giáo là một "tôn giáo đời sau".

Khi nói đến tương quan về thời gian, chúng tôi muốn nói về mối liên hệ qua lại giữa các "tôn giáo đời trước" và các "tôn giáo đời sau". Nhìn chung, các tương quan về thời gian giữa các tôn giáo thường mang một trong những hình thức phổ biến sau đây:

- các tôn giáo đời trước thường tiên tri về sự ra đời của tôn giáo đời sau;
- các tôn giáo đời sau thường: [1] chứa đựng những lời xác nhận những điểm trọng yếu của giáo lý các tôn giáo đời trước, [2] làm sáng tỏ chân truyền của tôn giáo đời trước, [3] kế thừa và phát triển giáo lý của tôn giáo đời trước.

Chúng ta hãy đi vào từng nội dung chi tiết của các tương quan này.

1. TÔN GIÁO ĐỜI TRƯỚC TIÊN TRI VỀ SỰ XUẤT HIỆN CỦA TÔN GIÁO ĐỜI SAU

Đối với một tôn giáo đời trước, mối liên hệ phổ biến nhất mà tôn giáo này chủ động thiết lập với một tôn giáo đời sau thường là những lời tiên tri về sự ra đời của tôn giáo đời sau. Chúng ta hãy xét một ví dụ.

1.1. Do Thái giáo: tiên tri sự ra đời của Ky Tô giáo

Do Thái giáo đã tiên tri về sự ra đời của Ky Tô giáo. Kinh thánh Do Thái (תנ"ך Tanakh [Hbr]) có ghi lại lời của nhà tiên tri Giê-rê-mi, báo trước về sự xuất hiện của "Giao Ước Mới" (Tân Ước):

> "Đức Giê-hô-va phán: Nầy, những ngày đến, bấy giờ ta sẽ lập một **Giao Ước Mới** với nhà Y-sơ-ra-ên và với nhà Giu-đa. Giao ước nầy sẽ không theo giao ước mà ta đã kết với tổ phụ chúng nó trong ngày ta nắm tay dắt ra khỏi đất Ê-díp-tô, tức giao ước mà chúng nó đã phá đi, dầu rằng ta làm chồng[1] chúng nó, Đức Giê-hô-va phán vậy.
>
> Đức Giê-hô-va phán: Nầy là giao ước mà ta sẽ lập với nhà Y-sơ-ra-ên sau những ngày đó. Ta sẽ đặt luật pháp ta trong bụng chúng nó và chép vào lòng. Ta sẽ làm Đức Chúa Trời chúng nó, chúng nó sẽ làm dân ta. Chúng nó ai nấy sẽ chẳng dạy kẻ lân cận mình hay là anh em mình, mà rằng: Hãy nhận biết Đức Giê-hô-va! Vì chúng nó thảy đều sẽ biết ta, kẻ nhỏ cũng như kẻ lớn. Đức Giê-hô-va phán: Ta sẽ tha sự gian ác chúng nó, và chẳng nhớ tội chúng nó nữa."[2]

Cụm từ "Giao Ước Mới" ám chỉ một tôn giáo mới mà trong một thời gian dài, trước khi Đức Jesus ra đời, người Do Thái chưa biết đó sẽ là tôn giáo nào. Đến khi Chúa Jesus lập đạo, Ngài nói rằng đạo ấy chính là "Giao Ước Mới". Những lời này được Ngài nói trong bữa ăn cuối cùng với các môn đồ, và được ghi lại trong sách Phúc Âm của Lu-ca:

> "Ngài [Chúa Jesus] bèn cầm chén, tạ ơn, rồi phán rằng: Hãy lấy cái nầy phân phát cho nhau. Vì, ta nói cùng các ngươi, từ nay ta sẽ không uống trái nho nữa, cho tới khi nước Đức Chúa Trời đến rồi. Đoạn, Ngài cầm lấy bánh, tạ ơn xong, bẻ ra phân phát cho môn đồ, mà phán rằng: Nầy là thân thể ta, đã vì các ngươi mà phó cho;

---

[1] Đây là một cách nói trong kinh thánh Do Thái. Ở các nền văn hóa khác cũng có một cách nói tương tự. Ví dụ ở Trung Hoa, bằng ngôn ngữ của kinh Dịch, người ta xem Trời (Thiên Thượng) là dương còn loài người (thiên hạ) là âm; trong nhiều trường hợp, dương được tượng trưng bằng hình ảnh người chồng, còn âm được tượng trưng bằng hình ảnh người vợ.

[2] Giê-rê-mi, 31:31-34. Tham khảo một bản dịch tiếng Anh: "Behold, the days come, saith the LORD, that I will make a **new covenant** with the house of Israel, and with the house of Judah: Not according to the covenant that I made with their fathers in the day [that] I took them by the hand to bring them out of the land of Egypt; which my covenant they brake, although I was an husband unto them, saith the LORD: But this [shall be] the covenant that I will make with the house of Israel; After those days, saith the LORD, I will put my law in their inward parts, and write it in their hearts; and will be their God, and they shall be my people. And they shall teach no more every man his neighbour, and every man his brother, saying, Know the LORD: for they shall all know me, from the least of them unto the greatest of them, saith the LORD: for I will forgive their iniquity, and I will remember their sin no more." —Jeremiah 31:31-34.

> hãy làm sự nầy để nhớ đến ta. Khi ăn xong, Ngài cũng làm như vậy, lấy chén đưa cho môn đồ, mà phán rằng: Chén nầy là **Giao Ước Mới** trong huyết ta vì các ngươi mà đổ ra."[1]

Cho đến ngày nay, Ky Tô giáo là tôn giáo duy nhất trên thế giới tự đồng nhất mình với "Giao Ước Mới". Hơn nữa, Ky Tô giáo còn gọi toàn bộ truyền thống tín ngưỡng của người Do Thái trước khi Chúa Jesus lập đạo là "Giao Ước Cũ" ("Cựu Ước"), và gọi bộ kinh thánh Do Thái là kinh thánh Cựu Ước.

Do Thái giáo trong tư cách là tôn giáo của những "Giao Ước" giữa Thượng Đế và con người – thông qua việc tiên tri sự xuất hiện của "Giao Ước Mới" – đã xác lập mối tương quan với một tôn giáo đời sau (Ky Tô giáo). Khi nói về "Giao Ước Mới", Do Thái giáo đã đồng nhất bản chất của tôn giáo đời sau với chính mình (cùng là "Giao Ước" giữa Thượng Đế và con người). Bằng sự đồng nhất này, Do Thái giáo đã xác nhận rằng tôn giáo đời sau thuộc cùng phả hệ với mình.

1.2. Các tôn giáo khác: tiên tri sự ra đời của con người sứ mạng

Do Thái giáo là một ví dụ tiêu biểu cho những trường hợp tương tự. Ta có thể tìm thấy những sự kiện như vậy qua những tôn giáo khác. Trong rất nhiều trường hợp, những lời tiên tri của tôn giáo đời trước ít nói về sự ra đời của một tôn giáo như là một tôn giáo, nhưng thường nói về sự xuất hiện của một hay những con người sứ mạng ở tương lai. Con người sứ mạng này có thể sẽ lập nên một tôn giáo mới, nhưng cũng có thể sẽ chỉ vạch ra một đường hướng mới hoặc thực hiện một cuộc cải cách trong tôn giáo đang có.

Một ví dụ như vậy là lời tiên tri của Giăng Báp-tít. Giăng đã tiên tri về sự xuất hiện của Chúa Jesus: "Về phần ta, ta lấy nước mà làm phép Báp Têm cho các ngươi ăn năn; song Đấng đến sau ta có quyền phép hơn ta, ta không đáng xách giày Ngài. Ấy là Đấng sẽ làm phép Báp Têm cho các ngươi bằng Đức Thánh Linh và bằng lửa."[2] Lời tiên tri này nói về sự xuất hiện của một con người sứ mạng (Chúa Jesus) hơn là sự ra đời của một tôn giáo; ngày nay, chúng ta phải nhìn vào những sự kiện lịch sử mới biết được rằng lời tiên tri này ứng với sự ra đời của Ky Tô giáo.

Mỗi tôn giáo đời trước nếu tiên tri sự xuất hiện của một tôn giáo đời sau thì lời tiên tri đó luôn hàm ngụ rằng hai tôn giáo này thuộc cùng một phả hệ; và tôn giáo đời sau sẽ làm phả hệ này được nối dài thêm ra. Ở chương trước chúng tôi đã chỉ ra rằng mỗi tôn giáo đều nhìn nhận rằng mình có nguồn gốc, bản chất và tầm vóc Đại Đạo. Thế thì khi một tôn giáo tiên tri sự xuất hiện trong tương lai của một tôn giáo cùng phả hệ với mình, lời tiên tri ấy chính là lời báo trước rằng trên nhánh cây tương ứng của Tam Giáo Đạo – mà tôn giáo tiên tri đang thuộc về – sẽ mọc ra thêm một chồi mới và chồi này sẽ phát triển thành một nhánh mới. Có thể nói rằng lời tiên tri ấy cũng là một hình thức của phát biểu "Đại Đạo phát sinh ra Tam Giáo Đạo", vì nó báo trước về sự phát triển của Đại Đạo thông qua nhánh của Tam Giáo Đạo mà tôn giáo tiên tri đang đại diện.

---

[1] *Tân Ước*, "Lu-ca", 22:17-20.
[2] *Tân Ước*, "Ma-thi-ơ", 3: 11.

2. TÔN GIÁO ĐỜI SAU XÁC NHẬN NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA TÔN GIÁO ĐỜI TRƯỚC

Đối với một tôn giáo đời sau, mối liên hệ cơ bản nhất mà tôn giáo này chủ động thiết lập với một tôn giáo đời trước thường là sự xác nhận những giá trị của tôn giáo đời trước. Nếu một tôn giáo đời sau thuộc về trường hợp này, giáo lý của tôn giáo ấy thường chứa đựng những lời xác nhận những điểm trọng yếu trong giáo lý của một, nhiều hay mọi tôn giáo đời trước. Chúng ta hãy xét các ví dụ trong các tôn giáo Abraham.

2.1. Ky Tô giáo: xác nhận giá trị của Do Thái giáo

Khi Chúa Jesus lập đạo, Ngài đã xác nhận rằng Ngài không phá bỏ những giáo huấn của Do Thái giáo (bao gồm luật pháp, những điều răn, những lời tiên tri,…) mà ngược lại, Ngài làm cho chúng được thực hiện trọn vẹn. Ngài nói:

> "Các ngươi đừng tưởng ta đến đặng phá Luật Pháp hay là Lời Tiên Tri; ta đến, không phải để phá, song để làm cho trọn. Vì ta nói thật cùng các ngươi, đương khi trời đất chưa qua đi, thì một chấm một nét trong Luật Pháp cũng không qua đi được cho đến khi mọi sự được trọn."[1]

Để các môn đồ thực hành được trọn vẹn giới luật Do Thái giáo, Chúa Jesus đã giảng giải lại nhiều điều khoản trong đó. Ví dụ:

> "Các ngươi có nghe lời phán rằng: Mắt đền mắt, răng đền răng[2]. Song ta bảo các ngươi, đừng chống cự kẻ dữ. Trái lại, nếu ai vả má bên hữu ngươi, hãy đưa má bên kia cho họ luôn; nếu ai muốn kiện ngươi đặng lột cái áo vắn, hãy để họ lấy luôn cái áo dài nữa; nếu ai muốn bắt ngươi đi một dặm đường, hãy đi hai dặm với họ. Ai xin của ngươi, hãy cho, ai muốn mượn của ngươi, thì đừng trớ.

---

[1] *Tân Ước*, "Ma-thi-ơ", 5: 17-18.

[2] Câu này đã được xuất hiện nhiều lần trong các quyển Ngũ Kinh của Moses, thuộc kinh thánh Do Thái (mà Ky Tô giáo gọi là kinh thánh Cựu Ước). Đức Thượng Đế đã dạy Moses: "Còn nếu có sự hại chi, thì ngươi sẽ lấy mạng thường mạng, **lấy mắt thường mắt, lấy răng thường răng**, lấy tay thường tay, lấy chân thường chân, lấy phỏng thường phỏng, lấy bầm thường bầm, lấy thương thường thương" ("Xuất Ê-díp-tô Ký", 21:23-25); "Kẻ nào đánh chết một người nào, mặc dầu kẻ đó là ai, sẽ bị xử tử. Kẻ nào đánh chết một súc vật, phải thường lại, nghĩa là mạng đền mạng. Khi một người nào làm thương tích cho kẻ lân cận mình, thì người ta phải làm thương tích cho người đó lại như chính người đã làm: gãy đền gãy, **mắt đền mắt, răng đền răng**. Người ta sẽ làm cho người ấy đồng một thương vít như chính người đã làm cho người khác. Kẻ nào làm chết một súc vật, thì sẽ thường lại; còn kẻ nào giết chết một người, thì phải bị xử tử." ("Lê-vi Ký", 24:17-21); "Khi một người chứng dối dấy lên cùng kẻ nào đặng phao tội cho, thì hai đàng có tranh tụng nhau phải ứng hầu trước mặt Đức Giê-hô-va, trước mặt những Thầy Tế lễ và quan án làm chức đương thì đó. Các quan án phải tra xét kỹ càng, nếu thấy người chứng nầy là chứng dối, đã thưa gian cho anh em mình, thì các ngươi phải làm cho hắn như hắn đã toan làm cho anh em mình; vậy, ngươi sẽ cất sự ác khỏi giữa mình. Còn những người khác hay điều đó, sẽ sợ, không làm sự hung ác như thế ở giữa ngươi nữa. Mắt ngươi chớ thương xót: mạng đền mạng, **mắt đền mắt, răng đền răng**, tay đền tay, chân đền chân." ("Phục Truyền Luật Lệ Ký", 19:16-21).

> Các ngươi có nghe lời phán rằng: Hãy yêu người lân cận[1], và hãy ghét kẻ thù nghịch mình. Song ta nói cùng các ngươi rằng: Hãy yêu kẻ thù nghịch, và cầu nguyện cho kẻ bắt bớ các ngươi, hầu cho các ngươi được làm con của Cha các ngươi ở trên trời; bởi vì Ngài khiến mặt trời mọc lên soi kẻ dữ cùng kẻ lành, làm mưa cho kẻ công bình cùng kẻ độc ác.
>
> Nếu các ngươi yêu những kẻ yêu mình, thì có được thưởng gì đâu? Những kẻ thâu thuế há chẳng làm như vậy sao? Lại nếu các ngươi tiếp đãi anh em mình mà thôi, thì có lạ gì hơn ai? Người ngoại há chẳng làm như vậy sao? Thế thì các ngươi hãy nên trọn vẹn, như Cha các ngươi ở trên trời là trọn vẹn."[2]

Như vậy, Chúa Jesus đã chọn lọc ra từ truyền thống tôn giáo của người Do Thái những gì có giá trị trong mọi không gian và thời gian đối với toàn nhân loại chứ không phải chỉ riêng cho dân Do Thái hay riêng một dân tộc nào. Bằng cách đó, Ngài không những đã xác nhận giá trị của những giáo huấn trong Cựu Ước mà còn nâng cao giá trị ấy. Bởi thế, điều quan trọng nhất mà Ky Tô giáo đã thực hiện đối với Do Thái giáo là chắt lọc ra những tinh ba của kinh thánh Do Thái mà đối với nhân loại chúng luôn có một giá trị trường cửu.

2.2. Hồi giáo: xác nhận giá trị của cả Do Thái giáo lẫn Ky Tô giáo

Đến khi Hồi giáo ra đời, Hồi giáo cũng đã thực hiện việc xác nhận giá trị đối với cả Do Thái giáo và Ky Tô giáo. Kinh thánh Qur'an đã xác nhận một cách tường minh những điểm trọng yếu trong giáo lý của Do Thái giáo và Ky Tô giáo. Các chương kinh Qur'an nhắc lại rất nhiều điều mà kinh thánh Do Thái (Cựu Ước) và kinh thánh Tân Ước đã nói đến. Bên cạnh đó, Qur'an cũng phê phán những thái độ độc tôn và đố kỵ của những tín đồ tôn giáo đời trước vốn là những thái độ làm cho các tôn giáo này bị thất chân truyền. Ví dụ Đức Thượng Đế đã dạy, qua kinh Qur'an, những điều như sau:

> "Và chắc chắc *TA* (Allah) đã ban Kinh Sách[3] cho Msa (Môi-se)[4] và TA đã cử một loạt các Sứ Giả sau Người. TA đã ban cho Ýsa (Giê-su)[5], con trai của Maryam[6] những bằng chứng rõ ràng và hỗ trợ Người với Rh al-Qudus (Thiên Thần Jibrýl)[7]. Phải chăng mỗi lần một Sứ Giả (của *TA*) đến gặp các ngươi mang theo điều mà bản thân của các ngươi không thích, các ngươi tỏ ra ngạo mạn? Rồi các ngươi cho một số (Sứ Giả của *TA*) nói dối còn một số khác thì các ngươi giết đi?"[8]

---

[1] Kinh thánh Cựu Ước đã ghi lại lời dạy của Đức Thượng Đế như sau: "Chớ có lòng ghen ghét anh em mình; hãy sửa dạy kẻ lân cận mình, đừng vì cớ họ mà phải mắc tội. Chớ toan báo thù, chớ giữ sự báo thù cùng con cháu dân sự mình; nhưng **hãy yêu thương kẻ lân cận ngươi như mình**." ("Lê-vi Ký", 19:17-18)

[2] *Tân Ước*, "Ma-thi-ơ", 5: 38-48.

[3] "Kinh sách": kinh thánh.

[4] "Msa" là tên của thánh Môi-se (Moses [Eng]) trong tiếng Ả Rập.

[5] "Ýsa" là tên của Chúa Giê-su (Jesus [Eng]) trong tiếng Ả Rập.

[6] "Maryam" là tên của Đức Mẹ Ma-ri-a (Mary [Eng]) trong tiếng Ả Rập.

[7] "Rh al-Qudus" hay "Jibrýl" là tên của Thiên Sứ Gabriel trong tiếng Ả Rập.

[8] *Qur'an* 2:87.

> "Và khi một Kinh Sách từ Allah đến cho họ, xác nhận lại điều họ đang giữ (trong kinh Tawrâh[1] và Injýl[2]) và mặc dù trước đó họ hằng cầu nguyện cho được thắng những ai không có đức tin (với sự xuất hiện của một vị Nabi[3]) nhưng khi điều mà họ công nhận đã đến với họ thì họ lại phủ nhận. Và bởi thế, Allah nguyền rủa những kẻ không có đức tin. Và tồi tệ thay điều vì nó mà họ đã bán rẻ linh hồn của họ, rằng vì lòng đố kỵ mà họ không tin nơi điều (Mặc Khải) do Allah ban xuống."[4]
>
> "Phải chăng các ngươi muốn vặn hỏi Sứ Giả (Muhammad) của các ngươi giống như (Sứ Giả) Msa (Môi-se) đã bị (các tín đồ của Người) vặn hỏi trước đây hay sao? Và ai thay đổi từ chỗ có đức tin sang chỗ bất tín thì chắc chắn sẽ đi lạc khỏi Chính Đạo (Islâm) êm ả."[5]
>
> "(Ban đầu) nhân loại chỉ là một Cộng Đồng (*Ummah*). Sau đó (vì họ lầm lạc nên) Allah dựng lên các *Anbiyấ* (xuất thân từ họ) làm những vị vừa mang Tin Mừng vừa báo Tin Dữ, và (Allah) gởi cùng với họ những vấn đề (nhân loại) thường tranh chấp nhau. Nhưng không ai tranh chấp nhau trong đó ngoại trừ những kẻ đã được (Allah) ban cho Kinh Sách (bởi vì) sau khi tiếp thu (những Lời Giáo Huấn) rõ rệt, do lòng đố kỵ và muốn áp bức kẻ khác (nên chúng đâm ra tranh chấp đó thôi). Bởi thế, Allah, với sự chấp thuận của Ngài, dẫn dắt những ai có đức tin đến với Chân Lý về những điều chúng thường tranh chấp nhau. Và Allah dẫn dắt người nào Ngài muốn đến Con Đường Ngay Thẳng (*Islâm*)."[6]

Hồi giáo là một nền đạo được phát sinh trong lòng văn hóa Ả Rập. Nhưng bằng cách xác nhận giá trị của cả Cựu Ước lẫn Tân Ước của người Do Thái, kinh Qur'an đã vượt qua khỏi phạm vi hạn hẹp của dân tộc và tôn giáo trong chiều hướng tiến gần hơn đến một thế giới đại đồng. Chúng ta có thể coi đó là một bước tiến lớn trong sự phát triển từ nguồn gốc Đại Đạo.

Các ví dụ liên quan đến các tôn giáo Abraham – từ Do Thái giáo, đến Ky Tô giáo, sang Hồi giáo – cho thấy các tôn giáo đời sau đã tạo lập mối liên hệ với các tôn giáo đời trước bằng cách xác nhận giá trị của các giáo huấn mà các tôn giáo đời trước đã đem đến cho con người. Từ mối liên hệ cơ bản này, các tôn giáo đời sau thường xây dựng thêm một mối liên hệ khắn khít hơn, bằng cách làm sáng tỏ chân truyền của tôn giáo đời trước.

---

[1] "Tawrâh" là tên trong tiếng Ả Rập của bộ Ngũ Kinh (Torah, Pentateuch [Eng]) do thánh Môi-se truyền lại.
[2] "Injýl" là tên trong tiếng Ả Rập của bộ sách Phúc Âm (Gospel [Eng]) trong kinh thánh Tân Ước.
[3] "Nabi": giáo chủ.
[4] *Qur'an* 2:89-90.
[5] *Qur'an* 2:108
[6] Qur'an 2:213

3. TÔN GIÁO ĐỜI SAU LÀM SÁNG TỎ CHÂN TRUYỀN CỦA TÔN GIÁO ĐỜI TRƯỚC

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của các tôn giáo đời sau là làm sáng tỏ chân truyền của tôn giáo đời trước. Không một tôn giáo nào không làm sáng tỏ chân truyền của ít nhất một tôn giáo đời trước của mình.

3.1. Nhìn lại các ví dụ của các tôn giáo Abraham

Trong các ví dụ về các tôn giáo Abraham, chúng ta ít nhiều đã thấy được điều này: Ky Tô giáo đã làm sáng tỏ chân truyền của Do Thái giáo, rồi Hồi giáo làm sáng tỏ chân truyền của cả Do Thái giáo lẫn Ky Tô giáo.

Ky Tô giáo đã xác nhận rằng mình có sứ mạng làm sáng tỏ chân truyền của Do Thái giáo. Kinh thánh Tân Ước đã ghi lại lời Chúa Jesus:

> "Các ngươi đừng tưởng ta đến đặng phá Luật Pháp hay là Lời Tiên Tri; ta đến, không phải để phá, song để làm cho trọn."[1]

Hồi giáo cũng xác nhận rằng mình có sứ mạng làm sáng tỏ chân truyền của Do Thái giáo và Ky Tô giáo. Đức Thượng Đế đã dạy trong kinh Qur'an:

"Và chắc chắc *TA* (Allah) đã ban Kinh Sách cho Msa (Môi-se) và TA đã cử một loạt các Sứ Giả sau Người. TA đã ban cho Ýsa (Giê-su), con trai của Maryam những bằng chứng rõ ràng và hỗ trợ Người với Rh al-Qudus (Thiên Thần Jibrýl)."[2]

3.2. Phật giáo làm sáng tỏ chân truyền của Bà La Môn giáo

Bây giờ, chúng tôi sẽ phân tích sâu hơn sự kiện tôn giáo đời sau làm sáng tỏ chân truyền của tôn giáo đời trước thông qua một ví dụ trong một nền văn hóa khác: Phật giáo đã làm sáng tỏ chân truyền của Bà La Môn giáo trong văn hóa Ấn Độ cổ đại.

Trước khi Phật giáo ra đời, xã hội Ấn Độ cổ đại đã chịu ảnh hưởng của Bà La Môn giáo về mọi mặt. Xã hội thời đó được tổ chức theo một hệ thống giai cấp phức tạp***3***; và uy quyền nhất là giai cấp Bà La Môn (Brhmaṇas ब्राह्मणम् [Skr]). Đây được coi là giai cấp trong sạch hơn hết và là giai cấp duy nhất có khả năng thông công với Đức Chí Tôn

---

[1] *Tân Ước*, "Ma-thi-ơ", 5: 17-18.

[2] *Qur'an* 2:87.

[3] Trong hệ thống giai cấp này, có bốn giai cấp chính: [1] Bà La Môn (Brahmana) tức giai cấp lãnh đạo đời sống tinh thần và tín ngưỡng của xã hội Ấn Độ, bao gồm các nhà sư, tu sĩ, giáo sĩ, chức sắc thiên phong của Bà La Môn giáo; [2] Sát Đế Lợi (Kshatriya) tức giai cấp nắm giữ quyền lực chính trị của đất nước, bao gồm vua chúa, tướng tá, quan lại và quý tộc; [3] Phệ Xá (Vaisya) tức giai cấp thực hiện việc phát triển kinh tế, bao gồm nông dân, thợ thủ công và thương gia; [4] Tuất Đà La (hay Thủ Đà La, Shudra) tức giai cấp phục dịch cho ba giai cấp vừa nêu, đây là giai cấp thấp nhất trong bốn giai cấp chính của xã hội Ấn Độ cổ đại. Từ bốn giai cấp chính, xã hội còn phân chia thành nhiều giai cấp khác nữa. Ví dụ, một người có cha thuộc giai cấp Sudra, nếu mẹ thuộc giai cấp Brahmana thì người đó sẽ thuộc giai cấp Chandala, nếu mẹ thuộc giai cấp Kshatriya thì người đó sẽ thuộc giai cấp Vratya, còn nếu mẹ thuộc giai cấp Vaisya thì người đó sẽ thuộc giai cấp Vaidya. http://en.wikipedia.org/wiki/Mahabharata_and_the_Indian_caste_system; 15-11-2010.

Thượng Đế[1]. Giai cấp này nắm giữ thần quyền, còn vua chúa chỉ nắm giữ vương quyền và phải phục tùng thần quyền.

Giáo lý Bà La Môn đòi hỏi môn đồ của mình phải tuân thủ giới luật một cách nghiêm khắc; ví dụ, phải nhẫn nhục, phải làm lành lánh dữ, phải sống điều độ và tiết chế, phải ngay thẳng, phải trong sạch, phải làm chủ các giác quan, phải nắm vững đạo lý được giảng dạy trong kinh Vedas, phải hiểu về Đức Chí Tôn Thượng Đế, chỉ được nói những điều chân thật, phải giữ cho mình không giận,… Trong giai đoạn mà Bà La Môn giáo còn gìn giữ được chân truyền và người Bà La Môn tuân hành đúng giới luật của mình, thì thần quyền đã đóng vai trò tích cực như một quyền pháp giúp cho tinh thần của xã hội Ấn Độ phát triển hết sức mạnh mẽ. Tuy nhiên, trong giai đoạn Bà La Môn giáo bị thất chân truyền, giới luật chỉ còn là hình thức bề ngoài, thì thần quyền đã bị giai cấp Bà La Môn lạm dụng để củng cố địa vị, gieo rắc mê tín dị đoan làm mê hoặc xã hội.

Khi Phật giáo ra đời, Đức Thích Ca đã thực hiện một cuộc cải cách vĩ đại trong xã hội Ấn Độ thời bấy giờ: Ngài đánh thức Phật tính của con người để giải thoát con người ra khỏi thần quyền, và đem lòng từ bi để thay thế hệ thống giai cấp bằng sự đại đồng. Giáo lý của Đức Thích Ca không tôn thờ một Đấng Tối Cao nào, mà dẫn con người đi đến sự Giác Ngộ Tối Cao. Giáo đoàn của Đức Thích Ca thu nhận môn đồ từ mọi giai cấp và giáo hóa họ theo căn trí của họ chứ không theo giai cấp của họ.

Như vậy, có vẻ như Phật giáo là một phản đề của Bà La Môn giáo, thậm chí, một sự phủ định những giá trị của Bà La Môn giáo, ít nhất là ở việc không chấp nhận việc tôn thờ bất kỳ Đấng Tối Cao nào. Nhưng, nếu dựa vào chính những lời dạy của Đức Thích Ca khi còn hành đạo tại thế gian, chúng ta sẽ thấy rằng Phật giáo đã tiếp nhận và phát huy toàn bộ chân truyền của Bà La Môn giáo.

Trong kinh Pháp Cú, phẩm cuối cùng có tên là "Brahmanavagga" (có người dịch là "Phẩm Bà La Môn"[2]); đây là phẩm kinh ghi lại những lời của Đức Thích Ca về một người Bà La Môn đúng nghĩa.

Đức Thích Ca đã minh định lại rằng Bà La Môn không phải là tên gọi của một giai cấp, một bản sắc văn hóa hay một chủng tộc, mà đó là tên gọi dành cho người đã thông đạt Chánh Pháp. Một người vừa mới được sinh ra đời, dù thuộc giai cấp nào cũng không phải là một người Bà La Môn đúng nghĩa; nhưng khi người ấy đã phá chấp để đạt được sự giác ngộ, thì dù thuộc giai cấp nào người ấy cũng xứng đáng để được gọi là Bà La Môn. Ngài nói:

> "Chẳng phải vì bện tóc, chẳng phải vì chủng tộc, cũng chẳng phải tại nơi sanh mà gọi là Bà La Môn; nhưng ai hiểu biết chân thật, thông đạt Chánh pháp, đó là kẻ Bà La Môn hạnh phúc."[3]

---

[1] Bà La Môn giáo gọi Đức Chí Tôn Thượng Đế là "Brahmâ", phiên âm Phạn-Hán là "Phạm-ma", Hán dịch là: Phạm Thiên, Phạm Vương, Phạm Thiên Vương, Đại Phạm, Đại Phạm Thiên, Đại Phạm Thiên Vương,…

[2] Ví dụ, bản dịch "Lời Phật Dạy" của hòa thượng Thích Thiện Siêu.

[3] *Lời Phật Dạy*, "Phẩm Bà La Môn", tr.116-117.

> "Gọi là Bà La Môn, không phải từ bụng mẹ đẻ ra. (…) Người nào lìa hết chấp trước, đó gọi là Bà La Môn."[1]
>
> "Nếu ở thế gian này, không chấp trước thiện và ác, thanh tịnh không ưu lo, đó gọi là Bà La Môn."[2]

Khi nói về phẩm chất của một người Bà La Môn chân chính, những điều Đức Thích Ca dạy cho tăng đồ đều phù hợp với giới luật Bà La Môn giáo. Chẳng những thế, Ngài còn đào sâu vào những yếu lý của hệ thống giới luật này.

Giới luật Bà La Môn buộc môn đồ phải nhẫn nhục. Đức Thích Ca dạy:

> "[Ai là người] nhẫn nhục khi bị đánh mắng [mà] không sinh lòng sân hận, người đó có đội quân nhẫn nhục hùng cường; đó gọi là Bà La Môn."[3]

Giới luật Bà La Môn buộc môn đồ phải làm lành lánh dữ. Đức Thích Ca dạy:

> "Người dứt bỏ ác nghiệp gọi là Bà La Môn."[4]
>
> "Không dùng thân, ngữ, ý tạo tác nghiệp ác; chế ngự được ba chỗ đó [xác thân, ngôn ngữ, ý tưởng]; đó là Bà La Môn."[5]

Giới luật Bà La Môn buộc môn đồ phải điều độ. Đức Thích Ca dạy:

> "Đối với đời này cũng như đời khác, không móng lòng dục vọng, vô dục nên giải thoát, đó gọi là Bà La Môn."[6]

Giới luật Bà La Môn buộc người môn đồ phải trong sạch. Đức Thích Ca dạy:

> "Từ lòng tham dục, sân nhuế, kiêu mạn, cho đến lòng hư ngụy, đều thoát bỏ như hột cải không dính đầu mũi kim; người như thế ta gọi là Bà La Môn."[7]

Giới luật Bà La Môn buộc môn đồ phải ăn nói chân thật. Đức Thích Ca dạy:

> "Chỉ nói lời chân thật hữu ích, không nói lời thô ác, không xúc phạm đến người; đó gọi là Bà La Môn."[8]

Giới luật Bà La Môn buộc người môn đồ không được nóng giận. Đức Thích Ca dạy:

> "Người đầy đủ đức hạnh: không nóng giận, trì giới không dục nhiễm, chế ngự và đạt được thân cuối cùng, người như thế, ta gọi là Bà La Môn."[9]

Đặt biệt, giới luật Bà La Môn buộc người môn đồ phải hiểu về Đấng Tối Cao và trở về thiên đàng; ở điểm này, Đức Thích Ca đã thực hiện chủ trương của mình là giải thoát

---

[1] Ibid., tr.117.
[2] Ibid., tr.120.
[3] Ibid., tr.118.
[4] Ibid., tr.116.
[5] Ibid., tr.116.
[6] Ibid., tr.119.
[7] Ibid., tr.119.
[8] Ibid., tr.119.
[9] Ibid., tr.118.

con người ra khỏi thần quyền, diệt trừ mầm móng của đau khổ, chứng nghiệm chánh quả tối cao và đạt đến cảnh giới vô thượng. Nên Ngài dạy:

> "Nếu ngay tại thế gian này, ai tự giác ngộ và diệt trừ đau khổ, trút bỏ gánh nặng mà giải thoát, ta gọi họ là Bà La Môn. Người có trí tuệ sâu xa, biết rõ thế nào là đạo, phi đạo và chứng đến cảnh giới vô thượng, đó gọi là Bà La Môn."[1]
>
> "Ai nhập vào thiền định, an trú ly trần cấu, việc cần làm đã làm xong, phiền não lậu dứt sạch, chứng cảnh giới tối cao; đó là Bà La Môn."[2]
>
> "Lìa khỏi trói buộc của nhân gian, vượt khỏi trói buộc ở thiên thượng, hết thảy trói buộc đều lìa sạch, đó gọi là Bà La Môn."[3]
>
> "Vị Mâu-ni (thanh tịnh) hay biết đời trước, thấy cả cõi trời và cõi khổ (ác thú), đã trừ diệt tái sinh, thiện nghiệp hoàn toàn, thành bậc Vô thượng trí; bậc viên mãn thành tựu mọi điều như thế, ta gọi là Bà La Môn."[4]

Theo những lời dạy trên đây của Đức Thích Ca, thì một người Bà La Môn đúng nghĩa chính là một vị Phật, là một hiện thân của Thượng Đế Chí Tôn. Đây chính là chân truyền của Bà La Môn giáo, mà cũng là chân truyền của Phật giáo.

Mặt khác, do hàm ý của Đức Thích Ca là đồng nhất "Bà La Môn" với "Phật", nên Ngài cũng đã đồng nhất Phật giáo với Bà La Môn giáo trong chân truyền của chúng.

Như vậy, qua kinh "Pháp Cú" chúng ta thấy rằng Phật giáo đã tiếp nhận và phát huy toàn bộ chân truyền của Bà La Môn giáo.

Phật giáo dạy con người phải tự dựa vào chính mình để giải thoát khỏi mọi trói buộc chứ không nương nhờ vào Đấng Tối Cao trong khi Bà La Môn giáo tôn thờ Đức Thượng Đế Toàn Tri Toàn Năng. Phải chăng đó là một mâu thuẫn giữa Phật giáo và Bà La Môn giáo? Nếu chúng ta hiểu đúng những tư tưởng của Bà La Môn giáo về Đấng Thượng Đế Tối Cao, chúng ta sẽ thấy rằng hoàn toàn không có mâu thuẫn. Theo giáo lý Bà La Môn, Đức Thượng Đế Toàn Tri Toàn Năng cũng là Chân Ngã của chúng sinh vì cả Thượng Đế lẫn chúng sinh đều có cùng bản thể là Tâm Linh:

> "Đấng Toàn Tri bao dung tất cả, nguồn gốc mọi mãnh lực và uy nghi trên thế gian này là Chân Ngã ở chúng sinh ngự trị trên trời thượng thanh trong nước Tâm Linh."[5]
>
> "Người [Thượng Đế] là Nội Ngã ở mọi chúng sinh."[6]

Bản thể tâm linh đó được giáo lý Bà La Môn gọi là Phạm Thể, một thực thể hằng hữu bất biến và do đó trường tồn bất diệt:

---

[1] Ibid., tr.118.
[2] Ibid., tr.115.
[3] Ibid., tr.120.
[4] Ibid., tr.121-122.
[5] *Mundaka Upanishad*, phần 2, chương 2, tiết 7.
[6] Ibid., phần 2, chương 1, tiết 4.

> "Cái gì cũng là Phạm Thể vĩnh cửu và bất tử này."[1]
>
> "Cái rực rỡ, cái vi tế hơn cả sự vi tế, cái rộng lớn bao hàm mọi thế giới với dân chúng trùng trùng, là cái này tức Phạm Thể bất di dịch; và sinh hoạt là Cái ấy, ngôn ngữ là Cái ấy, và Tâm Thức chỉ là cái ấy mà thôi, và cái này là Chân Lý cùng [sự] Bất Tử đó."[2]

Khái niệm "Phạm Thể" bao hàm những khái niệm "Thượng Đế", "con người", "chúng sinh" và "vạn vật". Thế thì nơi một con người, nhu cầu tìm kiếm Thượng Đế chẳng qua là nhu cầu tìm kiếm chính mình; còn sự cứu độ mà con người thường mong đợi Thượng Đế đem đến chẳng qua là tự cứu độ do sự giác ngộ tâm linh ở bản thân. Điểm cốt yếu trong quan niệm về Đấng Tối Cao của giáo lý Bà La Môn rõ ràng là ý niệm về trạng thái giác ngộ tối cao. So sánh với giáo lý Phật giáo, ta thấy có một sự tương đồng căn bản: nền tảng chung của cả hai hệ thống giáo lý này là sự chứng nghiệm thật sự trạng thái giác ngộ tối cao.

Giáo lý của Phật giáo đã tập trung vào Đấng Tối Cao nội tại chứ không phải Đấng Tối Cao ngoại tại. Tâm là nguyên nhân đầu tiên, là chủ thể sáng tạo; nếu con người chủ sử được tâm mình, con người sẽ tự giải thoát ra mọi đau khổ và trải nghiệm được sự an lạc:

> "Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu nói hoặc làm với tâm ô nhiễm, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con thú kéo xe.
>
> Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu nói hoặc làm với tâm thanh tịnh, sự vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình."[3]

"Sự vui" ở đây chính là sự an lạc mà đỉnh cao của nó là trạng thái cực lạc. Đỉnh cao này là sự giác ngộ tối cao của con người. Đạt được sự giác ngộ tối cao tức là vào được cõi Niết Bàn (Nibbàna [Pal]):

> "Sung sướng thay chúng ta sống không thù oán giữa những người thù oán (…) Sung sướng thay chúng ta sống không tật bệnh giữa những người tật bệnh (…) Sung sướng thay chúng ta sống không tham dục giữa những người tham dục (…) Không lửa nào bằng lửa tham dục, không ác nào bằng ác sân hận; không khổ nào bằng khổ ngũ uẩn và không vui nào bằng vui Niết Bàn (…) Đạt đến Niết Bàn là niềm vui tối thượng."[4]

Những nội dung này nằm trong chân truyền của Bà La Môn giáo! Thật vậy, giáo lý Bà La Môn nói rằng con người vốn có địa vị Chí Tôn, nhưng do có dục vọng và để cho dục vọng chi phối nên con người đánh mất địa vị này của mình:

---

[1] Ibid., phần 2, chương 2, tiết 11.
[2] Ibid., phần 2, chương 2, tiết 2.
[3] *Lời Phật Dạy*, "Phẩm Song Yếu", tr.11.
[4] Ibid., "Phẩm An Lạc", tr.69-70.

> "Linh hồn nhân thế là con chim sống với Thiên Đế cùng trên một cội cây mà ham vị ngọt bùi nên mê lẫn quên mình, và bởi vì mất địa vị Chí Tôn nên phiền não và hoang mang ngơ ngác."[1]

Dục vọng là nguyên nhân khiến con người bị mất đi bản chất thanh cao của Thượng Đế và hóa thành phàm phu tục tử. Do đó, bất cứ ai tự để cho mình bị thiêu đốt trong ngọn lửa dục vọng của chính mình thì sẽ bị tái sinh theo sự tất yếu của nhân quả. Ngược lại, bất cứ ai thoát khỏi dục vọng và tìm về Chân Ngã thì sẽ được giải thoát:

> "Kẻ nào ham muốn và phàm thức quen với những ngọn lửa dục thì lại sinh nơi mà chúng [tức là dục vọng] đưa tới; nhưng khi một người thoát khỏi những dục vọng và rút vào Chân Ngã thì ngay đây, đối với hắn, mọi dục vọng tiêu diệt."[2]
>
> "Minh triết thanh tĩnh, những kẻ nào đã đạt tới [đó] với linh hồn thỏa mãn vì nhận thức [và] rèn luyện trong Chân Ngã, thoát khỏi ái dục thì thấy đâu đâu cũng là đấng Biến Tại và nhờ kết hợp của Ngã mà vào Toàn Thể.
>
> Những kẻ cố gắng theo đuổi Chân Lý, những kẻ biết chắc thực tướng sự vật vì minh giác viên thành Vệ Đà[3] và thanh tịnh ở bản thể pháp môn Từ Xả thì đến lúc lâm chung [sẽ trở] thành tuyệt đối và vĩnh cửu mà thoát lên những thế giới của hằng hữu."[4]

Ta chú ý rằng qua những đoạn kinh văn trên đây, Bà La Môn giáo không đề cập đến giai cấp nào. Bất cứ ai để cho dục vọng điều khiển mình cũng đều bị luân hồi; bất cứ ai chiến thắng được dục vọng cũng đều được giải thoát. Như vậy, giáo lý về sự giải thoát của Bà La Môn là một giáo lý đại đồng, không mang màu sắc giai cấp. Thế nên khi Đức Thích Ca truyền bá một giáo lý mới nhằm phá tan hệ thống giai cấp trong xã hội Ấn Độ cổ đại và thay thế bằng sự đại đồng, thì chính là Ngài đã khôi phục lại chân truyền của Bà La Môn giáo chứ không phải chống lại Bà La Môn giáo.

Qua ví dụ của Phật giáo trong mục này (cũng như của Ky Tô giáo và Hồi giáo trong mục trước), khi một tôn giáo đời sau muốn làm sáng tỏ chân truyền của tôn giáo đời trước, tôn giáo đời sau ấy buộc phải phá bỏ những gì đã từng làm cho tôn giáo đời trước thất chân truyền. Bên cạnh đó, tôn giáo đời sau thường đưa ra những chủ trương mới; những chủ trương này có thể rất khác biệt với những chủ trương của tôn giáo đời trước nhưng lại có tác dụng làm cho chân truyền của tôn giáo đời trước được sáng tỏ hơn. Đó là liệu pháp mà các tôn giáo đời sau buộc phải dùng đến để chữa trị căn bệnh biến chất, căn bệnh thất truyền mà con người đã gây ra cho tôn giáo đời trước. Nhờ đó, tôn giáo đời sau mới phục hồi được chân truyền Đại Đạo và chấn hưng được tôn giáo đời trước.

---

[1] *Mundaka Upanishad*, phần 3, chương 1, tiết 1.
[2] Ibid., phần 3, chương 2, tiết 2.
[3] "Vệ Đà": bộ thánh kinh Vedas của Bà La Môn giáo. Đoạn này nói rằng những ai đã giác ngộ và thực chứng được những gì mà kinh Vedas đã dạy thì người ấy sẽ giải thóat được mình ra khỏi luân hồi.
[4] Ibid., phần 3, chương 2, tiết 5-6.

4. TÔN GIÁO ĐỜI SAU KẾ THỪA VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO LÝ CỦA TÔN GIÁO ĐỜI TRƯỚC

Không chỉ riêng trong các nền văn hóa được đưa ra để minh họa ở các mục trên, mà trong các nền văn hóa khác, những tôn giáo đời sau cũng thường làm sáng tỏ chân truyền của tôn giáo đời trước. Và từ những yếu lý đã được làm sáng tỏ, hầu hết các tôn giáo đời sau này đều kế thừa và phát triển giáo lý của tôn giáo đời trước. Qua những ví dụ được dẫn ra ở các mục trên, Phật giáo đã kế thừa và phát triển giáo lý Bà La Môn, còn Ky Tô giáo đã kế thừa và phát triển giáo lý Do Thái giáo, cũng như sau này Hồi giáo đã kế thừa và phát triển giáo lý của cả Do Thái giáo lẫn Ky Tô giáo.

Khi kế thừa các giáo lý đời trước, mỗi tôn giáo đều có sự chọn lọc theo một chủ trương riêng của mình. Sự chọn lọc này *không* hàm ngụ rằng chỉ những gì được chọn lọc mới đúng và phần còn lại đều sai; sự chọn lọc này *không* phải là một sự phán xét mà các tôn giáo đời sau dành cho các tôn giáo đời trước, cũng *không* hàm ngụ rằng các tôn giáo đời sau là hoàn hảo hơn các tôn giáo đời trước. Sự chọn lọc này chỉ nói lên rằng tôn giáo đời sau đã tự nhận ra một mối liên hệ mật thiết về mặt tư tưởng (giáo lý) đối với tôn giáo đời trước; nói khác đi, tôn giáo đời sau đã nhận thức được rằng mình phát sinh từ nguồn gốc Đại Đạo thông qua tôn giáo đời trước.

4.1. Lão giáo và Khổng giáo: giữ lấy những mẫu mực lý tưởng của cổ nhân

Chúng ta có thể thấy rõ điều này hơn nếu xét trường hợp của hai tôn giáo lớn ở Trung Hoa là Lão giáo và Khổng giáo. Cả hai tôn giáo này đều chủ trương chọn lấy những mẫu mực lý tưởng ở *cổ nhân*, tức là ở những bậc hiền nhân thánh triết đời trước, để kế thừa và phát triển.

Theo giáo lý của Lão giáo, muốn giải quyết được những vấn đề của hiện tại dù ở bất cứ thời đại nào, phải giữ lấy những cái tinh túy mà những bậc thánh hiền đời trước đã truyền lại. Hơn nữa, phải làm thế nào để biết những tinh túy ấy có nguồn gốc từ đâu, ta mới có thể nắm được giềng mối của Đạo. Đức Lão Tử đã viết:

> "Giữ lấy cái đạo của đời xưa để chế ngự những gì đang có ở đời nay. Biết được nguồn gốc của [những tinh túy] đời trước là nắm được giềng mối của Đạo." (執古之道，以御今之有。能知古始，是謂道紀。Chấp cổ chi đạo, dĩ ngự kim chi hữu. Năng chi cổ thủy, thị vị đạo kỷ.)[1]

Đó là chủ trương "chấp cổ chi đạo" của Đức Lão Tử. Chủ trương này được thể hiện trong suốt quyển "Đạo Đức Kinh". Đức Lão Tử đã coi những bậc toàn thiện ở những đời trước như những tấm gương cho các Đạo gia:

> "Những bậc toàn thiện ngày xưa [đạt Đạo đến mức] vi diệu, huyền thông; [chỗ đạt Đạo của các Ngài] sâu xa đến mức [chúng ta] không thể biết được. Vì không thể biết được, nên tạm hình dung các Ngài như thế này: [từ suy nghĩ, lời nói đến hành động] các Ngài thường thận trọng như người đi qua sông vào mùa đông, [dù sống

[1] *Đạo Đức Kinh*, chương 14.

một mình] các Ngài luôn dè dặt như sống giữa bốn bên hàng xóm, [về tác phong] các Ngài nghiêm chỉnh như mình là người khách lạ, [để buông bỏ dục vọng (kiêu khí, sự hiếu thắng,…)] các Ngài làm ra vẻ rã rời như băng giá đang tan. Tánh các Ngài mộc mạc chất phác như gỗ thô, lòng các Ngài trống trải rỗng rang như hang núi; các Ngài chấp nhận mọi thứ, tựa như dòng nước đục[1]. Ai có thể nhờ tịnh mà làm cho đục hóa thành trong? Ai có thể nhờ động mà làm cho thời cơ xuất hiện? Đạt Đạo như thế mà các Ngài không tự mãn. Vì không tự mãn nên các Ngài có thể ẩn mình trước mắt thiên hạ." (古之善為士者、微妙玄通、深不可識。夫唯不可識、故強為之容。豫兮若冬涉川、猶兮若畏四鄰、儼兮其若客、渙兮若冰之釋、敦兮其若朴、曠兮其若谷、混兮其若濁。孰能晦以理之徐明。孰能濁以靜之徐清。孰能安以動之徐生。保此道者不欲盈。夫唯不盈、故能蔽而新成。Cổ chi thiện vi sĩ giả, vi diệu huyền thông, thâm bất khả thức. Phù duy bất khả thức, cố cưỡng vi chi dung. Dự hề, nhược đông thiệp xuyên; do hề, nhược úy tứ lân; nghiễm hề, kì nhược khách; hoán hề, nhược băng chi tương thích. Đôn hề, kì nhược phác; khoáng hề, kì nhược cốc; hỗn hề, kì nhược trọc. Thục năng trọc dĩ chỉ, tĩnh chi từ thanh; thục dĩ an dĩ cửu, động chi từ sinh? Bảo thử Đạo giả bất dục doanh. Phù duy bất doanh, cố năng tế nhi bất thành.)[2]

Đoạn kinh văn trên đây tuy không chỉ rõ người xưa là những cá nhân cụ thể nào, sống ở thời kỳ lịch sử nào, thuộc đất nước nào, theo tôn giáo nào, nhưng những đức tính mà đoạn kinh văn chọn ra lại là những đức tính quan trọng của một Đạo gia. Người nào có được những đức tính ấy là người đạt được lối hành xử vô vi của Lão giáo. Thực chất của chủ trương "chấp cổ chi đạo" mà Đức Lão Tử đưa ra trong "Đạo Đức Kinh" chính là chọn lọc những tinh hoa giáo lý của mọi tôn giáo đời trước về lối hành xử vô vi mà Lão giáo muốn kế thừa và phát triển.

Nho giáo cũng có một chủ trương tương tự; và chính nền tảng của Nho giáo – bao gồm "cách vật", "trí tri", "chánh tâm", "thành ý", "tu thân", "tề gia", "trị quốc", và "bình thiên hạ" – là một nền tảng đã có từ cổ nhân ở các đời trước. Sách "Đại Học" viết:

"Các bậc thánh hiền thuở xưa muốn làm cái đức sáng của mình tỏa ra khắp thiên hạ, trước hết phải làm cho đất nước mình được yên ổn. Muốn làm cho đất nước mình được yên ổn, trước hết phải làm cho gia đình mình được mẫu mực. Muốn làm cho gia đình mình được mẫu mực, trước hết phải tu sửa bản thân mình. Muốn tu sửa bản thân mình, trước hết phải giữ lòng dạ mình cho ngay thẳng. Muốn giữ lòng dạ mình cho ngay thẳng, trước hết phải làm cho ý nghĩ của mình thành thật. Muốn làm cho ý nghĩ của mình thành thật, trước hết phải có sự hiểu biết thấu đáo. Muốn có sự hiểu biết thấu đáo thì phải nghiên cứu sự vật." (古之欲明明德於天下者、先治其國。欲治其國者、先齊其家。欲齊其

[1] Ý nói là chấp nhận tất cả.
[2] *Đạo Đức Kinh*, chương 15.

家者、先修其身。欲修其身者、先正其心。欲正其心者、先誠其意。欲誠其意者、先致其知。致知在格物。Cổ chi dục minh minh đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc. Dục trị kỳ quốc giả; tiên tề kỳ gia. Dục tề kỳ gia giả; tiên tu kỳ thân. Dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm. Dục chính kỳ tâm giả; tiên thành kỳ ý. Dục thành kỳ ý giả; tiên trí kỳ tri. Trí tri tại cách vật.)[1]

Một trong những phương pháp an trị thiên hạ được nhiều tôn giáo Trung Hoa ca ngợi là "vô vi nhi trị". Cả Khổng giáo lẫn Lão giáo đều lấy những bậc hiền nhân thánh triết đời trước để hậu thuẫn cho giáo lý của mình về vấn đề này. Đức Khổng Tử nói:

"Vô vi nhi trị (không làm gì mà thiên hạ được thái bình), đó là vua Thuấn chớ ai. Ngài có làm gì chăng? Ngài chỉ cung kính giữ mình, ngự trên ngôi mà day mặt về hướng Nam thôi." (無為而治者其舜也與夫何為哉恭己正南面而已矣 Vô vi nhi trị giả, kỳ Thuấn giã dư. Phù, hà vi tai? Cung kỷ, chính Nam diện nhi dĩ hỹ.)[2]

Đức Lão Tử nói:

"[Bậc trị nước] không đề cao người tài đức thì dân không tranh giành, không quý trọng những của cải có giá trị thì dân không trộm cướp, không bị chi phối bởi những dục vọng của bản thân thì dân không dấy loạn. Vì vậy, cách cai trị của các bậc Thánh nhân là làm cho lòng rỗng[3] mà bụng đầy[4], làm yếu đi những đòi hỏi viển vông nhưng làm mạnh lên những thực lực cốt lõi; [nhờ đó,] mới khiến cho dân không bị sa đà vào những hiểu biết vặt vãnh, không bị lôi cuốn vào những ham muốn tầm thường; và khiến cho những đầu óc khôn vặt không ảnh hưởng được vào quần chúng. Nếu làm được cái Vô Vi [như thế], chắc chắn không có gì mà không trị được." (不尚賢使民不爭、不貴難得之貨使民不為盜、不見可欲使民心不亂。是以「聖人」之治、虛其心實其腹、弱其志強其骨。常使民無知無欲。使夫智者不敢為也。為「無為」則無不治。Bất thượng hiền, sử dân bất tranh. Bất quý nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo. Bất hiện khả dục, sử dân tâm bất loạn. Thị dĩ thánh nhân chi trị: hư kỳ tâm thực kỳ phúc, nhược kỳ chí cường kỳ cốt. Thường sử dân vô tri vô dục, sử phù trí giả bất cảm vi dã. Vi vô vi tắc vô bất trị.)[5]

Cách thức an trị thiên hạ được truyền lại từ thời xưa, theo lời của Đức Khổng tử và Đức Lão Tử, là nhất quán. Nhà lãnh đạo phải tự làm chủ lấy mình ("cung kỷ…"[6]), tự giữ mình trước những dục vọng của bản thân ("bất hiện khả dục…"[7]) để làm gương cho dân. Nếu muốn dân không vi phạm một điều gì, nhà lãnh đạo

[1] Ibid.
[2] *Luận Ngữ*, tr.240.
[3] Tức là để tâm không, chẳng bị dục vọng chi phối.
[4] Tức là làm cho khí lực sung mãn, thể chất mạnh khỏe nhờ tiếp nhận khí tiên thiên của Trời Đất.
[5] *Đạo Đức Kinh*, chương 3.
[6] *Luận Ngữ*, tr.240.
[7] *Đạo Đức Kinh*, chương 3.

phải xóa bỏ mọi nguồn gốc và điều kiện dẫn đến sự vi phạm ấy ngay từ trong lòng mình ("hư kỳ tâm…"[1]).

4.2. Các tôn giáo khác: rộng mở cho những khả năng kế thừa

Chủ trương kế thừa đạo lý của cổ nhân, của đời xưa, của những tôn giáo thời trước là một chủ trương rất thịnh hành ở Trung Hoa cổ đại. Nhưng sẽ là một thiếu sót lớn nếu chúng tôi không nhấn mạnh rằng chủ trương này cũng khá phổ biến ở các nền văn minh khác. Trong văn hóa Ấn Độ, Phật giáo đã nói qua lời dạy của Đức Phật:

> "Ở thế gian này, hận thù không trừ được hận thù, chỉ có từ bi mới trừ được hận thù. Đó là phép tắc từ ngàn xưa [là đạo lý của muôn đời]."[2]

Đức Phật còn nói rằng, mọi thứ trên đời này đều bị hư hoại theo thời gian, ngoại trừ chánh pháp. Chánh pháp là yếu tố duy nhất có khả năng lưu truyền từ đời này sang đời khác qua những con người đạo đức:

> "Cái xe vua đi, dù được trang hoàng lộng lẫy, cũng phải hư hoại; thân này dù có trau tria cũng phải già yếu. Chỉ trừ pháp của bậc thiện nhân là không bị suy già mà cứ chuyển từ người lành này sang người lành khác."[3]

Theo giáo lý Phật giáo, chánh pháp được lưu truyền từ những thời xa xưa thông qua những bậc thiện nhân là cái cần được tiếp nhận, bảo tồn và tiếp tục truyền lại nguyên vẹn cho những đời sau.

Trong văn hóa Do Thái, Đức Moses đã dạy các môn đồ tìm về đạo lý của những đời trước:

> "Hãy nhớ lại những ngày xưa;
> Suy xét những năm của các đời trước;
> Hãy hạch hỏi cha ngươi, người sẽ dạy cho,
> Cùng các trưởng lão, họ sẽ nói cho."[4]

Và một trong những điều mà người Do Thái có thể tìm thấy từ những thời xưa là sự công bình của Đức Chúa Trời:

> "Hãy biết rõ rằng, từ đời xưa,
> Từ khi loài người được đặt nơi thế gian,
> Thì sự thắng hơn của kẻ ác không có lâu,
> Và sự vui mừng của kẻ vô đạo chỉ một lúc mà thôi.
> Dầu sự kiêu căng nó cất lên đến tận trời,
> Dầu cho đầu nó đụng chí mây,
> Thì nó sẽ bị tiêu diệt đời đời như phân bón nó;
> Những người đã thấy nó sẽ hỏi rằng: Nó ở đâu?

---

[1] Ibid.
[2] *Dhammapada*, phẩm "Yamakavagga". http://www.serve.com/cmtan/Dhammapada/pairs.html; 06-11-2010.
[3] *Lời Phật Dạy*, "Phẩm Già", tr.55.
[4] *Cựu Ước*, "Phục Truyền Luật Lệ Ký", 32:7.

Nó bay đi như một cơn chiêm bao, không ai gặp nó lại;
Thật, nó sẽ biến mất như dị tượng ban đêm.
Con mắt đã thường xem nó, sẽ không thấy nó lại,
Nơi nó ở cũng sẽ chẳng còn nhìn nó nữa.
Con cái nó sẽ cầu ơn kẻ nghèo,
Và tay nó sẽ thường lại tài sản
mà sự hung bạo nó đã cướp giựt.
Tứ chi nó đầy sức lực của buổi đang thì;
Nhưng sẽ nằm chung với nó trong bụi đất.
Dẫu sự ác lấy làm ngọt ngào cho miệng nó,
Dẫu ẩn dưới lưỡi hắn,
Dẫu hắn tríu mến sự ác, không từ bỏ nó,
Nhưng giữ nó lại trong miệng mình,
Thì vật thực nó sẽ biến nơi can tràng,
Và thành ra mật rắn hổ trong bụng nó.
Nó có nuốt của cải, rồi lại mửa ra;
Đức Chúa Trời sẽ tống của ấy ra khỏi bụng nó."[1]

Trong văn hóa Ả Rập, Đức Allah qua thánh kinh Qur'an đã dạy rằng vị giáo tổ Muhammad là một nhà tiên tri trong số những nhà tiên tri đã từng được Ngài (Allah) sai xuống thế gian từ xưa:

> "(Muhammad) này là một người Báo-trước trong loạt người Báo-trước đã có từ xưa."[2]

Trong sự kế thừa những đạo lý từ đời trước mà các tôn giáo đời sau thực hiện, ta thấy có một đặc điểm chung: các tôn giáo đời sau không tự hạn chế rằng tôn giáo đời trước là những tôn giáo nào. Điều này mở rộng mọi khả năng kế thừa cho các tôn giáo đời sau, cho phép mỗi tôn giáo đời sau hướng ngược về quá khứ, kể cả những quá khứ ở tận thời kỳ vừa xuất hiện loài người, và chọn lọc mọi tinh hoa từ mọi tôn giáo hoặc mọi hình thái tôn giáo mà con người đã có từ đó. Quả thật, giáo lý của mỗi bậc giáo tổ như Moses, Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử, Jesus, Muhammad,… đều kế thừa những di sản tinh thần sâu dày đã có từ quá khứ trước đó của nhân loại chứ không chỉ kế thừa tư tưởng của một vài tôn giáo cụ thể nào. Sự kế thừa rộng rãi này thể hiện một tinh thần – mà giáo lý Cao Đài gọi là tinh thần Đại Đạo – của các tôn giáo. Với tinh thần đó, các tôn giáo đã kế thừa và phát triển không phải cái gì khác hơn là chân truyền Đại Đạo. Nhờ vậy mà chân truyền Đại Đạo sống mãi từ đời này sang đời khác, dù trong nhân loại, không phải lúc nào cũng có người nhận ra được sự tồn tại của chân truyền ấy.

---

[1] *Cựu Ước*, "Gióp", 21:4-15.
[2] *Qur'an*, 53:56.

5. CÁC TÔN GIÁO DUNG HÒA – TỔNG HỢP

Ngoài những mối tương quan trên đây, một số tôn giáo còn dung hòa hoặc/và tổng hợp nhiều yếu tố quan trọng của các tôn giáo khác. Trong số những yếu tố như vậy, có lẽ giáo lý là yếu tố quan trọng nhất, vì hầu hết những tôn giáo thuộc trường hợp này đều dung hòa và tổng hợp giáo lý của các tôn giáo đời trước hoặc của các tôn giáo đã có mặt trước tại một vùng đất nào đó.

5.1. Mani giáo

Mani giáo là một tôn giáo thờ Thượng Đế, được thành lập tại Ba Tư (Iran) vào thế kỷ thứ 3. Theo chủ trương của Đức giáo tổ Mani (Mny [Syr], Μανιχαίος [Grk], Manichaeus [Ltn][1]), tôn giáo này chấp nhận hầu hết các tôn giáo trên thế giới. Khi truyền bá đến một vùng đất, tiếp xúc với một nền văn hóa, hay tương tác với một tôn giáo, Mani giáo nhanh chóng nhìn nhận những tín ngưỡng hiện hữu của vùng đất, nền văn hóa và tôn giáo ấy. Sự nhìn nhận này thể hiện ở chỗ Mani giáo sẵn sàng kính trọng và tôn thờ tất cả các Đấng Thiêng Liêng của những nền tín ngưỡng khác; không những thế, Mani giáo còn xem những Đấng Thiêng Liêng ấy là những Đấng thuộc về tín ngưỡng của chính mình hoặc có liên quan mật thiết với tín ngưỡng của chính mình.

Giáo lý của Mani giáo là một hệ thống giáo lý cởi mở và phóng khoáng. Nền giáo lý này khước từ mọi định kiến và tự làm giàu cho mình bằng cách chấp nhận bất cứ điều gì thuộc về chân lý. Ban đầu, trong chiếc nôi của văn hóa Ba Tư, Mani giáo kế thừa giáo lý của Hỏa giáo (cũng là một tôn giáo Ba Tư). Khi truyền sang La Mã và Ấn Độ, Mani giáo tổng hợp nhiều nội dung giáo lý quan trọng của Thiên Chúa giáo và Phật giáo vào hệ thống giáo lý của mình. Khi truyền sang Trung Hoa, Mani giáo tổng hợp thêm giáo lý của Lão giáo.

Vì vậy, Mani giáo thâm nhập vào dân gian hết sức mau chóng. Tôn giáo này đã từng là một trong những tôn giáo được truyền bá rộng rãi nhất trên khắp thế giới từ phương Tây (La Mã) đến phương Đông (Trung Hoa) từ thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 7.

5.2. Đạo học (Tân Khổng học)

Ở Trung Hoa, vào cuối thời nhà Đường (618-904) và đầu thời nhà Tống (960-1279), bắt đầu xuất hiện danh từ "đạo học" (道學) với nghĩa là "cái học về Đạo hay về Chân Lý"[2]. Đây là một hệ tư tưởng do hai nhà hiền triết Trung Hoa là Hàn Dũ (韓愈, 768-824)[3] và Lý Cao (李翺, 772-841)[4] khởi xướng, nhằm dung hòa và tổng hợp giáo lý của tam giáo Á Đông. Đạo học của Hàn Dũ và Lý Cao về cơ bản được đặt nền tảng trên Nho học mà Mạnh Tử đã phát triển, rồi kết hợp thêm với học thuyết Âm-Dương của Lão giáo

[1] http://en.wikipedia.org/wiki/Mani_(prophet); 18-05-2010.
[2] Phùng Hữu Lan, *Đại Cương Triết Học Sử Trung Quốc*, tr.266-267.
[3] http://en.wikipedia.org/wiki/Han_Yu; 10-10-2009.
[4] http://en.wikipedia.org/wiki/Li_Ao_(philosopher); 10-10-2009.

và những tư tưởng của Thiền tông trong Phật giáo. Hệ tư tưởng này được nhiều học giả phương Tây gọi là "Tân Khổng học" ("Neo-Confucianism"[1] [Eng]).

5.3. Thông Thiên học

Thông Thiên Học (Theosophy [Eng], θεοσοφία [Grk], Theosophia [Ltn]) được thành lập từ năm 1875 tại New York. Thông Thiên Học tự nhìn nhận rằng mình hiện hữu qua ba hình thái: triết lý, tôn giáo và khoa học, tương ứng với các chân lý thuộc phạm vi trí thức, tâm linh và vật chất. Đây có nguồn gốc sâu xa từ các nền minh triết cổ đại trên thế giới.

Theo Thông Thiên Học, từ ngàn xưa, nhân loại đã có được một kho tàng minh triết thiêng liêng. Kho tàng này do những bậc Đại Giác Ngộ từ khắp nơi trên thế giới (Ai Cập, Ba Tư, Do Thái, Hy Lạp, Ấn Độ, Trung Hoa,…) góp công xây dựng nên bằng cách để lại những giáo huấn cho đời. Kho tàng này chứa đựng chân lý phổ quát mà sau này các tôn giáo đều xiển dương để giúp con người tiến đến chỗ tận thiện và tận mỹ. Kho tàng này được Ấn Độ gọi là Brama Vidya, còn Ai Cập và Hy Lạp gọi là Theosophia. Thông Thiên học xem mình là sự phục hưng của nền minh triết thiêng liêng này trong thế giới hiện đại.

Vì vậy, chủ trương căn bản của Thông Thiên Học là tổng hợp chân lý của tôn giáo, triết học và khoa học. Người Thông Thiên Học đi tìm lại sự minh triết thiêng liêng trong các tôn giáo quá khứ và vận dụng khả năng diễn đạt chân lý của các thành tựu khoa học hiện đại. Tuy vậy, các quan niệm của Thông Thiên Học không lệ thuộc vào bất cứ hệ thống giáo lý hay học thuyết nào, mà được xây dựng bằng chính khả năng nhận thức của người Thông Thiên Học đối với chân lý hay các nguyên lý phổ quát.

6. KẾT LUẬN

Những dữ liệu trong chương này nói với chúng ta rằng, trong nhiều tôn giáo khác nhau trên thế giới, có những nội dung giáo lý thể hiện rõ những mối tương quan mật thiết giữa vạn giáo, đặc biệt là những tương quan theo thời gian. Những tương quan này kết nối các tôn giáo đời trước với các tôn giáo đời sau. Khi nghiên cứu những tương quan này, chúng ta có thể thiết lập được những phả hệ phản ảnh sự phát sinh những tôn giáo khác nhau từ cùng một nguồn gốc ban đầu của Đại Đạo.

[1] http://en.wikipedia.org/wiki/Neo-Confucianism; 29-09-2009.

CHƯƠNG 14.
GIÁO LÝ VỀ NGUYÊN LÝ CỦA SỰ CỨU ĐỘ

Khi nói đến điều được gọi là "Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo trên phương diện giáo lý", chúng tôi muốn nhấn mạnh đến sự tương đồng và sự hội tụ về tư tưởng của các tôn giáo. Nếu đối chiếu các hệ tư tưởng của các tôn giáo khác nhau, chúng ta có thể thấy rằng chúng chứa đựng những yếu điểm giáo lý rất giống nhau; và nếu loại bỏ những sai biệt về ngôn ngữ, chúng ta sẽ thấy rằng chúng hoàn toàn trùng hợp nhau ở chính những yếu điểm giáo lý đó.

Để minh họa cho sự kiện này, chúng tôi chọn ra một yếu điểm giáo lý có liên quan trực tiếp đến sứ mạng của mỗi tôn giáo. Bất kỳ tôn giáo nào cũng khẳng định (một cách đúng đắn) rằng mình có sứ mạng cứu độ loài người; và như vậy, mọi tôn giáo đều có cùng một sứ mạng. Để thực hiện thành công sứ mạng này, mọi tôn giáo đều dựa vào một nguyên lý chung; nguyên lý này có thể được gọi là "Thiên Nhân hiệp nhất". Theo nguyên lý này, sự cứu độ chỉ có thể thực hiện thành công khi có sự kết hợp làm một giữa con người với Thượng Đế (và cũng thế, với Đạo, với chân lý tuyệt đối). Nguyên lý này đóng một vai trò rất quan trọng trong giáo lý của bất kỳ một tôn giáo nào có đề cập đến sự cứu độ, dù đó là sự cứu độ do Thượng Đế đem đến hay là sự cứu độ do chính mỗi cá nhân thực hiện nơi bản thân.

1. NGUYÊN LÝ CỦA SỰ CỨU ĐỘ: "THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT"

Nếu được diễn đạt theo ngôn ngữ giáo lý của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì Thiên Nhân hiệp nhất là "sự phối kết giữa Người với Trời, và sự phối kết ấy được thực hiện trong chính nội tâm của con người."[1]

Trong mệnh đề "Thiên Nhân hiệp nhất", chữ "Nhân" ("Người") được dùng để chỉ những gì thuộc về con người hay loài người, còn chữ "Thiên" ("Trời") được dùng để chỉ những gì thuộc về "Hiện Hữu Tối Cao". Như đã lấy ví dụ trước đây, "Hiện Hữu Tối Cao" vừa là Đấng Tối Cao (đối với các tôn giáo như Do Thái giáo, Ky Tô giáo, Hồi giáo, Baha'í,…), vừa là sự Giác Ngộ Tối Cao (đối với các tôn giáo như Phật giáo), vừa là Siêu Việt Thể tối cao (đối với các tôn giáo như Lão giáo). Nói một cách tổng quát, tất cả những quan niệm về "Hiện Hữu Tối Cao" trong mọi tôn giáo trên thế giới đều thuộc về một trong bốn phương diện của một quan niệm duy nhất mà ta có thể định danh là "Thượng Đế"; bốn phương diện đó là: [1] Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại hay là quy luật tính của thiên nhiên; [2] Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại hay là Thượng Đế tính trong vạn

[1] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*, tr.191.

vật; [3] Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại hay là Đức Chí Tôn của vạn linh; [4] Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại hay là Chơn Tâm của con người.

Do đó, "Thiên Nhân hiệp nhất" là sự phối kết giữa những gì thuộc về con người (hay loài người) với những gì thuộc về "Hiện Hữu Tối Cao" trên ít nhất một trong bốn phương diện vừa nêu. Bây giờ, chúng ta sẽ đi vào nội dung của nguyên lý này trên từng phương diện một.

1.1. Hiệp nhất với Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại

Trên phương diện thứ nhất, "Thiên" là Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại hay là quy luật tính của thiên nhiên, còn "nhân" là con người trong hiện thực. Thế thì "Thiên Nhân hiệp nhất" có nghĩa là con người phải sống đúng theo những quy luật của vũ trụ này. Con người phải luôn duy trì sự kết hợp tương liên giữa mình với các quy luật của thế giới. Con người phải biết vận dụng những định luật của thế giới để thúc đẩy sự tiến hóa bản thân và sự phát triển của thế giới. Mọi hành xử trái quy luật đều dẫn đến những bất lợi, những tổn thất hoặc những hiểm họa cho con người.

Lão giáo là một trong những tôn giáo có quan niệm Thiên Nhân hiệp nhất như vậy. Theo giáo lý Lão giáo, Hiện Hữu Tối Cao là một Siêu Việt Thể được Đức Lão Tử gượng đặt tên là Đạo, và nguyên lý của Đạo là Tự Nhiên. "Đạo Đức Kinh" viết:

> "Con người tuân theo [những quy luật] của Đất; Đất tuân theo [những quy luật] của Trời; Trời tuân theo [những quy luật] của Đạo; Đạo tuân theo [những quy luật] của Tự Nhiên." (人法地、地法天、天法道、道法自然。Nhân pháp Địa; Địa pháp Thiên; Thiên pháp Đạo; Đạo pháp Tự Nhiên.)[1]
>
> Vì vậy, Lão giáo dạy con người noi theo Tự Nhiên mà sống, ví dụ, phải ít nói như Tự Nhiên (希言自然 hy ngôn Tự Nhiên)[2]. Theo Lão giáo, lối sống noi theo Tự Nhiên chính là lối sống chân truyền của Thánh nhân từ ngàn xưa; các bậc ấy giúp đời theo cái tự nhiên của muôn vật chứ không áp đặt ý muốn riêng tư của mình vào cuộc đời (以輔萬物之自然而不敢為 dĩ phụ vạn vật chi tự nhiên, nhi bất cảm vi.)[3]
>
> Đây chính là quan niệm "Thiên Nhân hiệp nhất" mà trong đó "Thiên" là Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại.

1.2. Hiệp nhất với Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại

Đối với trường hợp thứ hai, "Thiên" là Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại hay là Tiểu Linh Quang, Phật Tánh, Chơn Như Bản Thể, Bản Linh Chơn Tánh, Linh hồn, Nguơn Thần của mỗi con người; tức là phần do Trời phú bẩm nơi mỗi con người; còn "nhân" là Chơn Thần, là Tâm, nghĩa là phần mà con người phải làm cho tiến hóa. Như vậy, thì "Thiên Nhân hiệp nhất" có nghĩa là con người phải kết hợp phần Trời và phần Người ở ngay

---

[1] *Đạo Đức Kinh*, chương 25.
[2] Ibid., chương 23.
[3] Ibid., chương 64.

trong tiểu vũ trụ của mình lại làm một. Thiên Nhân hiệp nhất ở đây có nghĩa là trạng thái mà cả Tâm và Tánh phải hiệp một, Nguơn Thần và Chơn Thần phải hiệp lại thành một điểm Thần duy nhất. Nhờ sự hiệp nhất này mà con người đạt Đạo.

Hỏa giáo là một trong những tôn giáo có quan niệm Thiên Nhân hiệp nhất như vậy. Và quan niệm này được thể hiện ngay trong biểu tượng Faravahar của Hỏa giáo.

HÌNH 39. BIỂU T□ỢNG CỦA HỎA GIÁO,
T□ỢNG TR□NG CHO CHỌN LỰA CỦA CH□N THẦN CON NG□ỜI.

Biểu tượng này bao gồm một chiếc dĩa tròn, có hai chiếc cánh, một chiếc đuôi, tạo thành một hình dạng tương tự như thân chim ưng; cả cánh và đuôi đều có ba lớp lông vũ. Phần trên, thay cho đầu chim ưng là một hình bán thân của một người nam, quay mặt về bên trái, tay trái cầm một chiếc nhẫn.

Chiếc dĩa tròn (còn được nhiều tín đồ Hỏa giáo gọi là "mặt trời") có cánh và đuôi tượng trưng cho Tâm hay Chơn Thần của con người. Hai cánh tượng trưng cho hai mặt đối lập trong Tâm (hay Chơn Thần) của một con người bình thường ở thế gian: thiện và ác, chánh và tà, sáng suốt và tăm tối,… Ba lớp lông vũ tượng trưng cho ba yếu tố: tư tưởng, ngôn từ, và hành động. Nếu Tâm (hay Chơn Thần) kiểm soát được ba yếu tố này và làm cho chúng trở nên thánh thiện, chơn chánh, sáng suốt,… thì con người sẽ tiến hóa. Ngược lại, nếu Tâm (hay Chơn Thần) không kiểm soát được ba yếu tố này, không sớm thì muộn chúng sẽ trở nên độc ác, tà vạy, u mê, tăm tối,… và con người sẽ bị thoái hóa.

Hình bán thân của người nam tượng trưng cho Linh Hồn hay Nguơn Thần. Tay trái của người nam này cầm một chiếc nhẫn tượng trưng cho sự vĩnh hằng của Linh Hồn. Khác với Chơn Thần tiềm tàng hai khả năng đối lập, Nguơn Thần chỉ có một thuộc tính duy nhất: chí thiện, chí chân, chí mỹ, sáng suốt, chánh đáng,… Thuộc tính này được thể hiện bằng khuôn mặt quay về một bên duy nhất (thường là bên trái) của người nam này.

Chữ "Faravahar" (hay "Farohar") có nghĩa là "Sự Lựa Chọn". Lấy chữ này để đặt tên cho biểu tượng của mình, Hỏa giáo muốn nói rằng giữa hai khuynh hướng của Chơn Thần, ví dụ tư tưởng thiện và tư tưởng ác, thì Linh Hồn chỉ chọn khuynh hướng nào làm cho con người tiến hóa, và trong ví dụ này, tư tưởng thiện là cái được chọn lựa. Như vậy, trong sự phối kết giữa Chơn thần và Nguơn Thần, con người luôn có khả năng lựa chọn để hướng đến cuộc sống ngay thẳng đạo đức.

Sự phối kết đó chính là "Thiên Nhân hiệp nhất" với "Thiên" là Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại.

Ngoài ra, biểu tượng Faravahar cũng là một lời nhắc nhở người tín đồ Hỏa giáo rằng họ phải luôn nhớ đến mục đích của đời sống. Họ phải sống sao cho Linh Hồn luôn hướng đến *frasho-kereti* hay là hiệp nhất với Đấng Tối Cao Ahura Mazda[1]. Sự phối kết này lại thuộc về trường hợp hiệp nhất với Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại, sẽ được trình bày ở tiết tiếp theo.

1.3. Hiệp nhất với Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại

Đối với trường hợp thứ ba, "Thiên" là Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại hay là Đức Chí Tôn Thượng Đế, còn "nhân" là con người trong hiện thực ("nhân" ở trường hợp này đồng nghĩa với ở trường hợp thứ nhất). "Thiên Nhân hiệp nhất" có nghĩa là con người phải thực hiện đúng Thánh Ý của Đức Thượng Đế để tự cứu rỗi lấy mình và cứu rỗi tha nhân. Trong số các tôn giáo có quan niệm Thiên Nhân hiệp nhất như vậy, có thể kể đến Do Thái giáo, Ky Tô giáo, Hồi giáo, Bahá'í,…

Trong Ky Tô giáo, Chúa Jesus đã tóm tắt toàn bộ tư tưởng của Cựu Ước và Tân Ước vào hai điều răn:

> "Ngươi hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu mến Chúa, là Đức Chúa Trời ngươi. Ấy là điều răn thứ nhứt và lớn hơn hết. Còn điều răn thứ hai đây, cũng như vậy: Ngươi hãy yêu kẻ lân cận như mình. Hết thảy luật pháp và lời tiên tri đều bởi hai điều răn đó mà ra."[2]

Trong hai điều răn này, điều răn thứ nhất dẫn con người đi đến chỗ hiệp nhất với Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại hay là Thiên Chúa vậy.

1.4. Hiệp nhất với Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại

Đối với trường hợp thứ tư, "Thiên" là Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại hay là Chơn Tâm của con người. Bất cứ con người nào cũng có Tâm, và cái Tâm này có thể tồn tại ở một trong hai trạng thái: khi Tâm của con người hướng nội và thanh tịnh, nó sẽ trở thành Chơn Tâm, còn khi Tâm của con người hướng ngoại hoặc vọng động, nó sẽ trở thành Vọng Tâm. Trong hai trạng thái này, chỉ có trạng thái Chơn Tâm mới là Chủ Thể thật sự của con người; Chủ Thể này còn được gọi là Thánh Tâm, Chơn Thần hay Chân Ngã. Chủ Thể ấy cũng toàn tri toàn năng, cũng chí chân chí thiện chí mỹ như Đức Thượng Đế Ngoại Tại. "Thiên Nhân hiệp nhất" trong trường hợp này có nghĩa là con người nhận ra được Chơn Tâm, dứt bỏ Vọng Tâm và chỉ sống bằng Chơn Tâm. Đức Phật Thích Ca đã từng nói với các môn đệ của mình:

---

[1] "In present-day Zoroastrianism, the *faravahar* is said to be a reminder of one's purpose in life, which is to live in such a way that the soul progresses towards *frasho-kereti*, or union with Ahura Mazda, the supreme divinity in Zoroastrianism." http://en.wikipedia.org/wiki/Faravahar; 28-01-2011.

[2] *Tân Ước*, "Ma-thi-ơ", 22:37-40.

> "Trong những thời quá khứ, tâm Ta thường chạy theo dục lạc, tham ái, ưa nhàn du, nhưng nay Ta đã điều phục tâm, như người quản tượng lấy móc câu chế ngự con voi luông tuồng."[1]
>
> "Người [nào] tâm đã thanh tịnh, không còn các hoặc loạn, vượt lên trên thiện và ác, là người giác ngộ, chẳng [còn] sợ hãi."[2]

Toàn bộ giáo lý về Tâm của Phật giáo đều dạy về việc dứt bỏ vọng tâm và chứng ngộ Chơn Tâm. Vì vậy, Phật giáo là một tôn giáo có quan niệm "Thiên Nhân hiệp nhất" trong đó "Thiên" là Chơn Tâm.

1.5. Điểm quan trọng nhất trong nguyên lý "Thiên Nhân hiệp nhất"

Trong bốn phương diện vừa nêu, phương diện cuối cùng là quan trọng nhất đối với con người. Để tự cứu độ lấy mình (như quan niệm của Phật giáo hay Lão giáo) hay để được Đức Chí Tôn cứu độ (như quan niệm của các tôn giáo Abraham), con người trước tiên phải tìm ra được Chơn Tâm hay Thánh Tâm của mình; nghĩa là con người trước tiên phải hiệp nhất được với Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại của chính mình. Bất kỳ một con người nào, có hiệp nhất được với Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại rồi thì mới có thể hiệp nhất được với Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại, tức là với Đức Chí Tôn, hoặc với một hiện thân (một đại diện) của Đức Chí Tôn, trong kiếp này hay kiếp khác của con người ấy. Một khi đã hiệp nhất được với Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại, con người mới có khả năng hiệp nhất được với Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại; nghĩa là phải nhờ minh sư dẫn dắt, con người mới có thể hiệp nhất được Tâm với Tánh, phối kết được Chơn Thần với Nguơn Thần của mình. Đến khi đã hiệp nhất được với Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại, con người mới có thể hiệp nhất được với Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại; nghĩa là mới có thể sống một cách tự nhiên theo những quy luật của trời đất mà vẫn ung dung tự tại như một chủ thể tự do, không bị ràng buộc trong vòng luân hồi sinh tử.

Trong giáo lý của các tôn giáo, nếu đã nói về sự hiệp nhất giữa con người và Thượng Đế, sự hiệp nhất đó luôn luôn được thực hiện bằng tâm của con người chứ không thể được thực hiện bằng bất cứ cái gì khác (ví dụ, không thể được thực hiện nhờ những phẩm vật hiến tế, hay những lời cầu xin hoa mỹ). Mọi giao tiếp với Thượng Đế chỉ có thể được hiện qua tâm thành của con người.

Đức Nanak, giáo chủ Xích giáo (Sikhism [Eng]), đã từng nhấn mạnh: Thượng Đế không hoàn toàn vô hình; Ngài hiện hữu trong mọi vật và chúng ta có thể thấy được Ngài ở khắp mọi nơi; nhưng chúng ta chỉ có thể nhìn thấy Ngài bằng "con mắt hướng nội" ("inward eye") tức là bằng tâm của ta.[3]

Bahá'í giáo, trong sách "Ẩn Ngôn", có ghi lại những lời dạy của Thượng Đế:

---

[1] *Lời Phật Dạy (Pháp Cú - Dhammapada)*, "Phẩm Voi" (Nàgavagga), tr.100.
[2] Ibid., "Phẩm Tâm" (Cittavagga), tr.22.
[3] http://en.wikipedia.org/wiki/Sikhism; 10-11-2010.

> "Hỡi người có hai thị giác! Hãy nhắm một mắt và mở con kia. Nhắm một mắt đừng nhìn trần thế, và mở con kia để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Đấng Kính yêu."[1]
>
> "Hãy quay mắt nhìn vào chính ngươi rồi ngươi sẽ thấy Ta đứng trong ngươi, đầy uy quyền, vĩ đại và tự tồn."[2]

Như vậy, điểm quan trọng nhất trong nguyên lý "Thiên Nhân hiệp nhất" là tâm của con người: mỗi con người phải biết được trong bản thân mình cái gì là tâm; có "thấy" được tâm mình, mới có thể tìm ra được Chơn Tâm hay Thánh Tâm của mình. Nói một cách chính xác hơn, cái Chơn Tâm hay Thánh Tâm ấy là cái Chính Mình ở mỗi con người. Và dựa vào Chính Mình là xuất phát điểm của mọi chặng đường tiến hóa mà con người phải trải qua. Điều này từ xưa đến nay đã được mọi vĩ nhân trong lĩnh vực tinh thần của nhân loại xác nhận. Nhà hiền triết Socrates đã nói: "Hãy tự biết mình." Đức Khổng Tử đã nói: "Bậc quân tử trông cậy ở mình, kẻ tiểu nhơn trông cậy ở người." (君子求諸己 小人求諸人 Quân tử cầu chư kỷ, tiểu nhân cầu chư nhân.)[3] Đức Phật Thích Ca đã dạy: "Hãy tự mình nương tựa chính mình, nương tựa chánh pháp, đừng nương tựa một pháp nào khác."[4]

2. "THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT" TRONG GIÁO LÝ MỘT SỐ TÔN GIÁO

2.1. Do Thái giáo: nhân ý phải phù hợp với Thiên Lý

Do Thái giáo đã đưa giáo lý về sự hiệp nhất giữa Thượng Đế và con người vào biểu tượng tôn giáo của mình. Biểu tượng Do Thái giáo (hình 40) là hai tam giác đều, được đặt lồng vào nhau sao cho trọng tâm của hai tam giác trùng nhau.

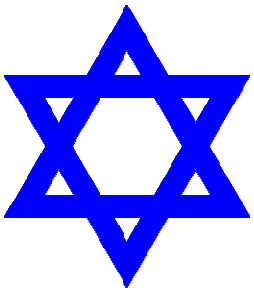

HÌNH 40. BIỂU TƯỢNG CỦA DO THÁI GIÁO, TƯỢNG TRƯNG CHO SỰ HIỆP NHẤT GIỮA THƯỢNG ĐẾ VÀ CON NGƯỜI. MỘT TRONG NHỮNG TÊN GỌI PHỔ BIẾN CỦA BIỂU TƯỢNG NÀY LÀ "NGÔI SAO CỦA VUA DAVID" (STAR OF DAVID).

---

[1] *Ẩn Ngôn*, phần II:12.
[2] *Ẩn Ngôn*, phần I:13.
[3] *Luận Ngữ*, tr.246.
[4] *Trường A-hàm*, "Du Hành", tr.120-121.

Một trong những ý nghĩa quan trọng nhất của biểu tượng này là mối tương quan giữa con người và Thượng Đế. Chính trong biểu tượng này, ta có thể tìm thấy lời giải đáp cho câu hỏi "Làm thế nào để con người hiệp nhất được với Thượng Đế?" Tam giác có đỉnh hướng xuống tượng trưng cho con người; trọng tâm của tam giác này tượng trưng cho nhân tâm, nhân ý, tư tưởng con người. Tam giác có đỉnh hướng lên tượng trưng cho Thượng Đế; trọng tâm của tam giác này tượng trưng cho Thiên tâm, Thánh Ý, Thiên Lý, Chân Lý. Con người sẽ hiệp nhất được với Thượng Đế khi nhân tâm trùng hợp với Thiên tâm, tư tưởng của con người phù hợp với Thánh Ý.

2.2. Nho giáo: phải chí thành

Một trong những cách tiếp cận chân lý đặc trưng của Nho giáo ở thời Đức Khổng Tử là "luận cổ suy kim", nghĩa là phân tích những bài học trong lịch sử nhân loại để rút ra những công thức chung cho sự phát triển của con người và xã hội. Khi phân tích kinh nghiệm lịch sử từ đời nhà Ân, Nho giáo đã chỉ ra rằng: khi làm việc một gì, nếu việc làm ấy thuận với lòng thiên hạ thì cũng sẽ thuận với lòng Trời. Sách "Đại Học" dẫn lại lời trong kinh Thi: "Kinh Thi viết: Nhà Ân khi chưa làm mất lòng dân thì còn kết hợp với Thượng Đế." (詩云殷之未喪師克配上帝 Thi vân: Ân chi vị táng sư, khắc phối Thượng Đế.)[1] Nhưng làm sao để có thể thuận với lòng thiên hạ? Sách "Trung Dung" giải đáp: phải chí thành, nghĩa là phải sống hết sức thật lòng để phục vụ cho thiên hạ. Người biết sống với tấm lòng thành như vậy được Trung Dung gọi là "bậc Chí Thành". Theo logic của Trung Dung, chỉ có bậc Chí Thành mới hiểu được bản tánh của mình, từ đó, mới hiểu được tâm hồn thiên hạ, và từ đó, mới hiểu được quy luật của đất trời và nghĩa là hiểu được Chân Lý cũng như Thánh Ý của Thượng Đế:

"Chỉ có bậc Chí Thành trong thiên hạ mới thấu hiểu bản tánh của mình. Đã thấu hiểu bản tánh của mình tất sẽ thấu hiểu bản tánh của người khác. Đã thấu hiểu bản tánh của người khác tất sẽ thấu hiểu bản tánh của mọi vật. Đã thấu hiểu bản tánh của mọi vật tất sẽ có thể góp tay vào sự sinh hóa của Trời Đất. Đã có thể góp tay vào sự sinh hóa của Trời Đất tất sẽ có thể đứng ngang hàng với Trời Đất rồi vậy." (唯天下至誠為能盡其性。能盡其性則能盡人之性。能盡人之性則能盡物之性。能盡物之性則可以贊天地之化育。可以贊天地之化育則可以與天地參矣。Duy Thiên Hạ Chí Thành vi năng tận kỳ tánh. Năng tận kỳ tánh, tắc năng tận nhơn chi tánh. Năng tận nhơn chi tánh, tắc năng tận vật chi tánh. Năng tận vật chi tánh, tắc khả dĩ tán Thiên Địa chi hóa dục. Khả dĩ tán Thiên Địa chi hóa dục, tắc khả dĩ dữ Thiên Địa tham hỹ.)[2]

Chính nhờ lúc nào cũng sống hết sức thật lòng cho mọi người và mọi vật nên bậc Chí Thành tạo được nơi mình một chí khí thanh cao, một đầu óc sáng suốt, một đức độ sâu dày, một tấm lòng rộng rãi, một tầm nhìn tiên liệu tương lai của thiên hạ và một sự bền bỉ

[1] *Đại Học*, tr.26.
[2] *Trung Dung*, tr.78.

đeo đuổi chí hướng của mình. Nhờ những phẩm chất như vậy mà bậc Chí Thành có thể phối kết với Trời Đất. Khi nói về những phẩm chất này, sách "Trung Dung" viết như sau:

> "Rộng và dày là để đỡ nâng mọi vật; cao và sáng là để đùm bọc mọi vật; xa và bền là để đem lại thành công cho mọi vật. Nhờ rộng và dày mà phối kết được với Đất; nhờ cao và sáng mà phối kết được với Trời; nhờ xa và bền mà không bị giới hạn. Vì vậy, dù không ra mặt mà vẫn tỏ rõ được [hiệu quả của công việc], dù không hành động mà cũng thay đổi được [xã hội], dù không làm mà cũng thành công." (博厚所以載物也、高明所以覆物也、悠久所以成物也。博厚配地、高明配天、悠久無疆。如此者不見而章、不動而變、無為而成。Bác hậu, sở dĩ tải vật giã; cao minh, sở dĩ phúc vật giã; du cửu, sở dĩ thành vật giã. Bác hậu phối địa; cao minh phối thiên; du cửu vô cương. Như thử giả, bất hiện nhi chương; bất động nhi biến; vô vi nhi thành.)[1]
>
> Theo Nho giáo, những khả năng như "bất hiện nhi chương", "bất động nhi biến", "vô vi nhi thành" là những khả năng của Trời. Chỉ những con người nào phối kết được với Trời mới vận dụng được những khả năng này. Và trong khắp thế giới này chỉ có bậc Chí Thành mới đạt được điều ấy ("duy Thiên Hạ Chí Thành").

2.3. Bahá'í: phải lánh xa tự ngã

Dường như là một sự nối tiếp những giáo huấn về sự thương yêu của các tôn giáo đời trước, Bahá'í dạy:

"Trong vườn tâm hồn của ngươi, hãy chỉ trồng hoa hồng thương yêu,..."[2]

Đó là một cách phát biểu của nguyên lý Thiên nhân hiệp nhất.

Trong giáo lý Bahá'í, Thiên nhân hiệp nhất là một yếu điểm đứng ở vị trí trung tâm. Qua sách "Ẩn Ngôn" của Đức Baha'u'llah, Thượng Đế đã dạy:

> "Hỡi con của sinh tồn! Tâm hồn ngươi là cung điện của Ta; hãy làm cho nó thanh khiết để Ta ngự về. Tinh thần ngươi là nơi Ta khải hiện; hãy tẩy sạch nó cho Ta xuất hiện."[3]

Trong đoạn kinh văn này, Thiên nhân hiệp nhất là làm cho Thượng Đế ngự vào tâm hồn; ai biết dọn tâm hồn mình cho trong sạch để Thượng Đế ngự vào, người đó hiệp nhất được với Thượng Đế.

Nhưng chỉ có những người thật sự yêu mến Thượng Đế mới muốn cho Thượng Đế ngự trị vào tâm hồn mình. Bất cứ ai hoài nghi, phỉ báng, chối bỏ hoặc thù ghét Thượng Đế, họ sẽ đóng kín mọi cánh cửa của tâm hồn mình đối với Thượng Đế, và do đó, họ sẽ không có cách nào để nhận được tình yêu thương của Thượng Đế. "Ẩn Ngôn" viết:

---

[1] Ibid., tr.82.
[2] *Ẩn Ngôn*, phần II:3.
[3] *Ẩn Ngôn*, phần I:59.

> "Nếu ngươi không yêu Ta, thì tình yêu của Ta không thể nào đến với ngươi được."[1]

Và đối với những người tự cho rằng mình thật sự yêu mến Thượng Đế, thì họ phải thực hiện sự yêu mến đó bằng cách lánh xa tự ngã của mình.

> "Hỡi con của loài người! Nếu ngươi yêu Ta, thì hãy lánh xa tự ngã; nếu ngươi muốn làm cho Ta vui thú, thì đừng lo đến sự vui thú của ngươi; có thế thì ngươi mới có thể chết trong Ta và Ta sẽ sống vĩnh viễn trong ngươi."[2]

Cái tự ngã ở đây là cái ta phàm phu trần tục của con người. Chừng nào con người vẫn còn sống với cái ta này, chừng đó tâm hồn con người vẫn còn ô trược. Chỉ khi nào con người dứt bỏ cái ta này, thì tâm hồn con người mới được trong sạch và Thượng Đế mới có thể ngự vào.

3. NHẬN XÉT

Giáo lý của các tôn giáo (ít nhất là các tôn giáo đã được dẫn ra trong chương này) đều nói về Thiên Nhân hiệp nhất như là sự phối kết giữa hai bên, một thuộc về con người và một thuộc về Hiện Hữu Tối Cao. Sự phối kết ấy không thể được thực hiện ở bất cứ nơi đâu khác hơn nội tâm của con người. Không có sự phối kết trong nội tâm như vậy, không một cá nhân có thể được cứu rỗi hay có thể tự giải thoát ra khỏi luân hồi sinh tử, và cũng không một tôn giáo nào có thể thực hiện thành công sứ mạng cứu thế độ đời của mình.

Như vậy, nội dung giáo lý về Thiên Nhân hiệp nhất của các tôn giáo là tương đồng.

Quyển sách "Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo"[3] đã đưa ra 15 yếu điểm giáo lý mà mỗi tôn giáo trong Tam Giáo Đạo (và do đó, trong Đại Đạo) đều có. Nếu chúng ta thực hiện những khảo sát tương tự như trong chương này nhưng trên những yếu điểm giáo lý khác, với chú ý rằng phải bỏ qua mọi sự khác biệt về ngôn ngữ và chỉ quan tâm đến nội dung, chúng ta cũng sẽ thấy được sự tương đồng trên mỗi yếu điểm giáo lý.

Điều này nói với chúng ta rằng có một sự hội tụ về phương diện giáo lý của các tôn giáo. Và điều này có nghĩa là Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo trên phương diện giáo lý.

---

[1] *Ẩn Ngôn*, phần I:5.
[2] *Ẩn Ngôn*, phần I:7.
[3] Do Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo phát hành.

CHƯƠNG 15.
GIÁO LÝ VỀ SỰ QUY NGUYÊN Ở BUỔI CUỐI CÙNG

Nội dung còn lại của chủ đề "Tam Giáo Đạo trở về Đại Đạo trên phương diện giáo lý" mà chúng tôi trình bày trong chương này là phần giáo lý của các tôn giáo nói về sự quy nguyên ở buổi cuối cùng (nghĩa là ở thời Mạt Pháp hay Tận Thế). Qua phần giáo lý này, mỗi tôn giáo trong số đó đều nói về sự quy hiệp của vạn giáo về Đại Đạo trong tương lai.

1. HAI PHẠM VI QUY NGUYÊN

Chữ "quy nguyên" có nghĩa tổng quát là trở về nguồn cội; và nguồn cội ấy là Đại Đạo. Sự trở về này có thể diễn ra ở hai phạm vi: phạm vi xã hội và phạm vi cá nhân. Ở thời kỳ hạ nguơn mạt kiếp, để nhân loại có thể tồn tại, sự quy nguyên phải diễn ra trên cả hai phạm vi này, trong đó, phạm vi xã hội phải bắt đầu từ quy mô nhỏ nhất là gia đình và kết thúc ở quy mô lớn nhất là nhân loại. Đó là lý do vì sao thánh giáo Cao Đài dạy rằng phải *"quy nguyên từ cá nhân, tới gia đình, ra xã hội, cuối cùng phổ cập đến nhơn loại bằng cái nhìn bao dung từ ái của Đức Chí Tôn quảng đại vô biên."*[1]

Ở phạm vi xã hội, quy nguyên là trở về nguồn gốc Đại Đạo. Tùy trường hợp, quy nguyên có thể được hiểu là phục hồi nhân bản, hoặc là phục hưng chân truyền Đại Đạo. Chủ thể của sự quy nguyên này là những cộng đồng xã hội, những tập thể xã hội, mà ví dụ tiêu biểu là các tôn giáo hoặc các chi phái trong một tôn giáo. Một tôn giáo quy nguyên có nghĩa là tôn giáo đó trở về nguồn gốc Đại Đạo, phục hưng chân truyền Đại Đạo của mình.

Ở phạm vi cá nhân, quy nguyên – còn được gọi là phản bổn hoàn nguyên – có nghĩa là quy tâm, là trở về với Chơn Tâm. Chủ thể của sự quy nguyên này là con người cá thể. Con người quy nguyên là con người biết trở về nội tâm, tìm lại cái tâm của mình, và từ đó, khôi phục lại Chơn Tâm của mình.

Trong các phạm vi này, phạm vi cá nhân là phạm vi căn bản của mọi công cuộc quy nguyên. Một xã hội chỉ có thể quy nguyên được khi mà trong xã hội đó có những con người quy nguyên. Con người quy nguyên là con người biết quay trở về lòng mình, biết tìm lấy Thượng Đế trong bản thân mình. Khi số lượng cá nhân quy nguyên gia tăng, các xã hội mà các cá nhân này sống trong đó cũng sẽ trở về gần hơn với nguồn gốc Đại Đạo. Khi trở về càng gần với nguồn gốc Đại Đạo, các xã hội càng liên kết với nhau một cách

[1] Đức Quan Thánh Đế Quân; Chí Thiện Đàn (Minh Đức Nho Giáo), Tuất thời, 26-08 Nhâm Tý (03-10-1972).

gắn bó. Và đó là hiệp nhất hay là thống nhất. Thế thì quy nguyên sẽ dẫn đến hiệp nhất, đến thống nhất. Giáo lý Cao Đài nói:

"Mỗi khi nghe đến ngôn từ quy nguyên hay thống nhứt, hãy lưu ý cho là không có nghĩa rằng phải gom về độc khối thể tướng danh từ hay việc làm theo đường lối của từng địa phương, từng hoàn cảnh, vì đó không phải là nguồn gốc. Hễ không phải là nguồn gốc mà cứ lo nâng niu vun tưới thì không bao giờ tươi tốt được. Vậy, ***căn bản của sự thống nhứt quy nguyên là tự lòng người mà ra****.*

(…) Bao giờ tự thân mỗi người chưa được quy nhứt thì xã hội nhân loài cũng vẫn rời rạc chia ly trong mọi chiều hướng, mọi hình thể đối kháng, va chạm nhau."[1]

Khái niệm quy nguyên như vừa được trình bày đã xuất hiện trong giáo lý của hầu hết mọi tôn giáo trên thế giới. Ở đây chúng ta hãy xét hai ví dụ, ví dụ đầu thuộc về giáo lý Khổng giáo nói về sự quy nguyên ở phạm vi xã hội, và ví dụ sau nằm trong giáo lý Bahá'í nói về sự quy nguyên ở phạm vi cá nhân.

1.1. Quy nguyên ở phạm vi xã hội

Khổng giáo từ thời Đức Khổng Tử đã phát hiện ra sự kiện quy nguyên ở phạm vi xã hội. Đức Khổng Tử đã nói: "Thiên hạ cùng quy tụ [về một cứu cánh chung] dù đi bằng những con đường khác nhau, [đạt đến] một nhận thức chung dù tiếp cận từ trăm lối." (天下同歸而殊塗一致而百虑 Thiên hạ đồng quy nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự.)[2] Mặc dù nhìn thấy trong xã hội loài người có rất nhiều khuynh hướng tư tưởng khác biệt nhau, nhưng Khổng giáo vẫn nhận ra được rằng tất cả những khuynh hướng như vậy đều có cùng một mục đích cuối cùng là đóng góp vào sự tiến bộ của nhân loại; mọi sự khác biệt giữa các khuynh hướng này chỉ là sự khác biệt về đường lối để đi đến mục đích cuối cùng ("thiên hạ đồng quy nhi thù đồ"). Hơn nữa, Khổng giáo tin rằng mọi khuynh hướng tư tưởng của nhân loại đều có khả năng nhận thức được chân lý giống như nhau, nhưng trình độ tư duy và cách thức tiếp cận vấn đề thì có khác biệt nhau ("nhất trí nhi bách lự").

Nếu nhìn theo nhãn quan của Khổng giáo, ta sẽ thấy rằng mọi hệ tư tưởng trong nhân loại đều tự vận động để đi dần đến một cứu cánh chung. Bất kỳ hệ tư tưởng nào cũng cố gắng đóng góp vào sự tiến bộ chung của nhân loại, không ở phương diện này thì cũng ở phương diện khác. Đó là điểm nhất quán của tất cả mọi hệ tư tưởng. Do sự nhất quán này, sớm muộn gì các dòng tư tưởng của nhân loại cũng gặp nhau tại mục đích cuối cùng của chúng.

Đây chính là sự kiện quy nguyên ở phạm vi xã hội. Sự kiện này xảy ra trong suốt lịch sử nhân loại, và kéo dài từ thời đại này sang thời đại khác. Có khi sự quy nguyên ấy diễn ra một cách hết sức nhanh chóng đối với một vài hệ tư tưởng nào đó, cũng có khi nó diễn ra vô cùng chậm chạp (hoặc thậm chí còn lùi ngược trở lại) đối với những hệ tư tưởng

[1] Ibid.
[2] *Hệ Từ* (Hạ), 5:1.

khác. Nhưng trừ trường hợp bị nhân loại đào thải hoàn toàn, nếu một hệ tư tưởng còn tồn tại, nó luôn luôn có khuynh hướng đóng góp vào sự phát triển của văn minh nhân loại.

Sự quy nguyên ở phạm vi xã hội, thật ra, luôn là hệ quả của một sự kiện sâu xa hơn: sự quy nguyên ở phạm vi cá nhân. Nếu điều mà Khổng giáo đã phát hiện là một quy luật tất yếu, thì điều đó chứng tỏ rằng luôn luôn trong nhân loại xuất hiện những cá nhân quy nguyên để thúc đẩy sự quy nguyên của xã hội; và sự xuất hiện những cá nhân quy nguyên này là hoàn toàn bình đẳng đối với mọi hệ tư tưởng (nghĩa là Tạo Hóa không ưu đãi một hệ tư tưởng nào để nó có được những cá nhân quy nguyên, và Tạo Hóa cũng không bạc đãi một hệ tư tưởng nào để nó chẳng bao giờ có được những cá nhân quy nguyên).

1.2. Quy nguyên ở phạm vi cá nhân

Ở phạm vi cá nhân, quy nguyên là trở về với Thượng Đế. Sự trở về này có nghĩa là tìm lại Chơn Tâm, quay về với Đấng Tối Cao, khôi phục Chơn Như Bản Thể, chứng đắc Đại Đạo. Trong giáo lý của các tôn giáo, có rất nhiều lời dạy về sự quy nguyên ở phạm vi cá nhân. Những lời dạy này có thể mang những hình thức rất khác biệt nhau, nhưng đều có một nội dung chung là dạy con người quay về với "Hiện Hữu Thể Tối Cao". Xin nhắc lại một lần nữa, Hiện Hữu Tối Cao đó vừa là Đấng Tối Cao (Thiên Chúa), vừa là sự Giác Ngộ Tối Cao của con người (Phật), vừa là Siêu Việt Thể (Đạo).

Giáo lý Bahá'í cho ta những ví dụ rất phong phú về sự quy nguyên ở phạm vi cá nhân. Trong "Ẩn Ngôn", Đức Thượng Đế đã dạy nhân loại:

> "Hỡi con của tinh thần! Ngươi sẽ không khi nào được thanh thản trừ khi biết đoạn tuyệt với bản thân để quay về với Ta."[1]

Nếu không trở về với Thượng Đế, mỗi cá nhân sẽ sống trong sự day dứt khôn nguôi và toàn thể xã hội loài người sẽ luôn phải đối diện với những vấn đề do mình tạo ra, bởi vì bản thể của con người là Thượng Đế:

> "Ngươi là ánh sáng của Ta, và ánh sáng của Ta không bao giờ tắt."[2]

Do đó, con người phải trở về với bản thể Thượng Đế của mình:

> "Hỡi con của sinh tồn! Thiên đường của ngươi là tình yêu của Ta; cư thất của ngươi ở trên trời, ấy là sự hội ngộ cùng Ta. Hãy vào đó và đừng chần chờ nữa. Đó là điều đã được tiên liệu cho ngươi trong cõi tối thượng và nơi ngự trị cao cả của Ta."[3]

Muốn trở về với Thượng Đế, con người phải có đức tin để không ngừng tự vượt qua khỏi chính mình, mở rộng tầm nhìn lên những tầng cao của chân lý:

---

[1] *Ẩn Ngôn*, phần I:8.
[2] Ibid., phần I:14.
[3] Ibid., phần I:6.

> "Hãy bước qua khỏi những hạ tầng nghi hoặc mà leo lên đỉnh quang vinh của sự thân xác. Hãy mở con mắt chân lý, để chiêm ngưỡng vẻ đẹp thiêng liêng và ca tụng: Lạy Thượng Đế, Ngài là Đấng Hóa công toàn thiện nhất."[1]
>
> "Hỡi con của tinh thần! Hãy phá lồng son nơi hạ giới mà bay vút lên vòm trời thiêng liêng, như chim phượng của tình yêu. Hãy xa lìa tự ngã, và đầy lòng từ bi, đến nghỉ ngơi trong cõi trời thánh thiện."[2]

Sự quy nguyên này là sự giải thoát ra khỏi cái tự ngã, và như một hệ quả tất yếu, thoát ra những trói buộc của thế giới phù du giả tạm này để trở về cõi vĩnh hằng bất tử:

> "Hỡi người tôi tớ của ta! Hãy thoát khỏi những ràng buộc của thế gian và thả tâm hồn ngươi khỏi nhà giam tự ngã."[3]
>
> "Hỡi con của sinh tồn! Nếu ngươi muốn đặt tâm hồn vào cõi trời vĩnh cửu và bất diệt và vào cuộc sống vạn cổ trường tồn, ngươi hãy từ bỏ cái thế giới hữu hạn phù du này."[4]

Muốn như vậy, con người phải tự thanh lọc lấy tâm hồn và tư tưởng của mình. Đặc biệt, phải tiêu diệt những mầm móng của sự ganh ghét ngay từ khi nó chưa nảy nở:

> "Hỡi người tôi tớ của ta! Hãy lọc tâm hồn ngươi cho sạch mọi tà niệm, và khi đã diệt được mầm ganh ghét, hãy bước vào nơi triều đường thánh thiện."[5]

Những đoạn kinh văn trên đây chứa đựng những nội dung hoàn toàn tương đồng với những nội dung dạy về phương tu giải thoát trong Phật giáo hay những điều răn của các tôn giáo như Do Thái giáo, Ky Tô giáo và Hồi giáo.

2. NHỮNG TIÊN TRI VỀ SỰ QUY NGUYÊN Ở BUỔI CUỐI CÙNG

Trong các tôn giáo đã được khai mở từ các thời kỳ cứu độ trước đây đã có nhiều lời tiên tri về sự quy nguyên ở ngày Tận Thế hay thời Mạt Thế. Những lời này có thể được tìm thấy trong kinh sách hoặc giáo lý của nhiều tôn giáo khác nhau.

2.1. Tiên tri của kinh Qur'an: Phải trở về với Thầy

Theo giáo lý Hồi giáo, vào ngày Tận Thế, nhân loại chỉ có hai lựa chọn: hoặc là quy nguyên để tiếp tục sinh tồn, hoặc là sẽ bị hủy diệt. Trong kinh Qur'an, Đức Thượng Đế đã nói về sự quy nguyên vào thời kỳ cuối cùng này của nhân loại như sau:

> "Ta thề bởi Ngày Phục Sinh;
>
> (…) Vào Ngày đó con người sẽ bảo: "Đâu là chỗ để thoát thân?"
>
> Vô phương! Không có chỗ để nương thân (vào Ngày đó).

---

[1] Ibid., phần II:9.
[2] Ibid., phần II:38.
[3] Ibid., phần II:40.
[4] Ibid., phần I:54.
[5] Ibid., phần II:42

> Vào Ngày đó, chỗ nương thân duy nhất là (chạy) **về với Rabb (Đấng Chủ Tể) của ngươi**."[1]

Trong đoạn kinh văn trên đây, chữ "Rabb" trong kinh Qur'an là tiếng Ả Rập có nghĩa là "Thầy", được dùng để chỉ Đức Allah tức là Đức Thượng Đế Chí Tôn; còn thuật ngữ "Ngày Phục Sinh" là một tên gọi của thời kỳ tận thế hay thời hạ nguơn mạt kiếp. Theo kinh Qur'an, chỗ nương thân duy nhất của con người trong Ngày Phục Sinh là "về với Rabb", nghĩa là **quay trở về với Thầy**; và đó chính là quy nguyên. Như vậy, dù sử dụng một ngôn ngữ khác, Qur'an đã cho chúng ta biết từ trước: muốn khỏi bị hủy diệt trong thời hạ nguơn mạt kiếp, cách thức duy nhất cho nhân loại là quy nguyên; và ngoài việc quy nguyên, con người không còn một cách nào khác để vượt qua khỏi những hoạn nạn được báo trước này.

Trong bối cảnh của sự quy nguyên ở phạm vi xã hội, một tôn giáo **quay trở về với Thầy** có nghĩa là phải phục hưng cho được chân truyền Đại Đạo theo đúng tinh thần căn bản của vị Giáo Tổ của tôn giáo đó. Một khi chân truyền Đại Đạo đã được phục hưng, mỗi tôn giáo đều là một hiện thân đúng nghĩa của Đại Đạo. Và nếu tất cả tôn giáo trên thế giới đều cùng là những hiện thân đúng nghĩa của Đại Đạo, thì một cách hết sức tự nhiên, mọi tôn giáo đều là một. Đó là sự hiệp nhất do quy nguyên.

2.2. Tiên tri của kinh Tân Ước

2.2.1. Sẽ chỉ có một bầy chiên mà thôi

Theo giáo lý Ky Tô giáo, trong tương lai, tất cả các tôn giáo trên thế giới sẽ quy nguyên và hiệp nhất lại thành một Đại Đạo duy nhất. Trong kinh thánh Tân Ước của Ky Tô giáo, Chúa Jesus đã nói:

> "Ta còn có chiên khác chẳng thuộc về chuồng nầy; ta cũng phải dẫn nó về nữa, chiên đó sẽ nghe tiếng ta, rồi sẽ chỉ có một bầy và một người chăn chiên mà thôi."[2]

Theo ngôn ngữ của Tân Ước, sự chăn chiên là sự chăm sóc và giáo hóa về mặt tinh thần, và như vậy, các chuồng chiên là các chi phái trong một tôn giáo hoặc các tôn giáo khác nhau. Chữ "chuồng [chiên] nầy" trong đoạn kinh văn trên đây được dùng để chỉ Đại Đạo được khai minh thông qua tôn giáo mà Đức Jesus đang lập ra, và ngày nay chúng ta gọi tôn giáo ấy là Thiên Chúa giáo hay Ky Tô giáo (Christianity [Eng]). Lời nói này cho chúng ta biết rằng các tôn giáo (và các chi phái) rồi đây sẽ được quy hiệp lại thành một mối đạo duy nhất, được đặt dưới sự dẫn dắt của một người chăn chiên duy nhất. Và Chúa Jesus sẽ là người có sứ mạng chăn chiên đó.

2.2.2. Chúa sẽ đến như kẻ trộm

Cả Hồi giáo lẫn Ky Tô giáo đều tiên báo rằng vào ngày Tận Thế, Đức Jesus sẽ quay trở lại thế gian. Nếu một ngày nào đó, nhân loại nhận ra rằng Chúa Jesus quay lại, thì đó

---

[1] *Qur'an*, 75:1-12.
[2] *Tân Ước*, "Giăng", 10:16.

là dấu hiệu cho thấy rằng Tận Thế bắt đầu. Nhưng khi ấy, không phải ai cũng có thể nhận ra được sự quay trở lại của Ngài. Trong sách "Khải Huyền", thông qua "Thơ [gởi] cho Hội Thánh Sạt-đe", Chúa Jesus đã mạc khải cho nhân loại biết về việc này:

> "Nếu ngươi chẳng thức tỉnh, ta sẽ đến **như kẻ trộm**, và ngươi không biết giờ nào ta đến bắt ngươi thình lình. Nhưng, ở Sạt-đe, ngươi còn có mấy người chưa làm ô uế áo xống mình: Những kẻ đó sẽ mặc áo trắng mà đi cùng ta, vì họ xứng đáng như vậy.
>
> Kẻ nào thắng, sẽ được mặc áo trắng như vậy. Ta sẽ không xóa tên người khỏi sách sự sống và sẽ nhận danh người trước mặt Cha ta, cùng trước mặt các thiên sứ Ngài. Ai có tai, hãy nghe lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội thánh!"[1]

Ngày nay, lời tiên tri của "Khải Huyền" đã được ứng nghiệm. Đấng Christ đã tái giáng lâm vào thế giới này từ khi Đức Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngài đã "đến như kẻ trộm" qua cơ bút Cao Đài tại đất nước Việt Nam, và phần lớn nhân loại không hề hay biết. Trong thánh giáo Cao Đài, Ngài đã dạy:

"Đến nay thời kỳ mạt hạ, hai ngàn năm sắp mãn[2], cơ tiêu diệt biến thiên lan tràn khắp chốn, trong các thánh đền[3] đều tung hô vạn tuế, bao nhiêu tông đồ niềm tin bất diệt đang trông chờ Ta tái thế để xây dựng lại nền tảng Thánh tông. Nhưng mắt phàm nào trông qua màn bí mật, thiệt thiệt hư hư trong cảnh giới vô hình chỉ lưu lại bút đề trên trang giấy.

*Giờ hai ngàn năm sắp cận kề vượt mức, bao nhiêu sự tin tưởng của tông đồ đã trút hết vào đây quyết cùng Ta tương hội để xây dựng lại Thánh môn mà lời xưa còn lưu ký. Bao nhiêu điều lưu lại tuy hầu mãn pháp huyền nhưng lòng tin tưởng vô tận, hiện thời chư tông đồ Ta đã đón tiếp Ta trong tinh thần trọng đại. Nhưng luật Thiên điều đã định, lời tiên đoán không sai. Vì Ta sẽ đến thế gian, mà ngày Ta đến **như kẻ trộm**, nào biết để đón tiếp hình Ta. Như thế chư tông đồ vẫn miệt mài nhìn trên ảnh tượng để tưởng tượng vào tâm, trông nhìn nơi giữa cõi không trung để đón nhận hình hài Ta xuất hiện. Giờ, Ta đã đến từ lâu, vừa bán kỷ[4], dụng danh từ khác hẳn, ban cho Nam bang tiểu quốc để xây dựng cảnh Thiên đàng. Đó là luật Thiên điều."[5]*

Trong đạo Cao Đài, tại Hội Thánh Truyền Giáo, có một bài thánh giáo rất đặc biệt cho chúng ta biết rằng sự giáng thế bằng Thánh Linh của Đấng Christ trong Tam Kỳ Phổ Độ chính là Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu:

"CHRIST đến lần ba,
NGÔ đạo mở sơn hà;

---

[1] Khải Huyền, 3:3-6.
[2] Bài thánh giáo này được tiếp điển tại Huờn Cung Đàn vào Noel 1972.
[3] "Thánh đền": các nhà thờ Thiên Chúa giáo trên thế giới.
[4] "Bán kỷ": 50 năm (một nửa thế kỷ), tính từ ngày Khai Minh Đại Đạo năm Bính Dần 1926.
[5] Đức Gia Tô Giáo Chủ; Huờn Cung Đàn, 20-11 Nhâm Tý (25-12-1972).

ĐẠI đồng qui vạn giáo,
TIÊN Phật cũng là Ta."[1]

Như vậy, Đấng Christ đã đến. Ở đây, có hai điểm cần được lưu ý.

Điểm thứ nhất, Ngài đã đến bằng một con người xác thịt; lần này không phải là một người Do Thái được biết dưới tên gọi Giê-xu Na-xa-rét, mà là một người Việt Nam được biết dưới tên gọi Ngô Minh Chiêu. Con người đó vẫn thực hiện thiên chức Ngôi Hai của Đức Chí Tôn Thượng Đế. Kinh "Đại Thừa Chơn Giáo" nói:

"Gần tận thế Ngôi Hai ra mặt,
Đặng toan phương dìu dắt chúng sanh;
Chí tường cội phước nguồn lành,
Giác mê tỉnh ngộ tu hành siêu thăng."[2]

Cũng trong quyển kinh này, Đức Cao Đài Giáo Chủ (tức là Đức Chí Tôn Thượng Đế) đã dạy:

"Ai là Ngôi Hai giáng thế? Ai là xác phàm của Đức Chí Tôn?

(…) Thầy mà mượn mãi xác thịt mặng nề thì làm sao biến hóa thiên hình vạn trạng mà phổ độ chúng sanh cho mau chóng, nổi sôi, rần rộ được; chớ dùng huyền cơ bí pháp tất có thể lưu thông trong nháy mắt khắp mọi nơi. Nhưng Thầy cũng phải chịu nhọc giáng thế, mượn xác phàm Ngô Minh Chiêu, đặng Thầy đem cái chơn pháp tâm truyền mà trao lại cho các con, để các con giữ gìn hầu có [mà] trao lại cho người thiện căn hữu phước. Thầy lại luyện cho các con thấy cái pháp bí diệu đó đặng rõ cơ mầu nhiệm siêu phàm, tạo thánh thai để cho linh hồn nương đó mới trở về chỗ hư vô, [chỗ] hiệp với Thầy, là nơi an nhàn khóai lạc. Xong rồi Thầy lại trở về đặng dùng huyền pháp thiêng liêng mà chuyển hóa chúng sanh tuyên truyền Chánh Đạo.

Tại sao Thầy đã nói: Không giao Chánh Giáo cho tay phàm và không xuất thế mượn xác phàm như Tam Giáo, mà rốt cuộc Thầy cũng có xuất thế, cũng có trao chơn pháp cho các con?

Thầy giải cho các con rõ: Nguyên Tam Giáo ngày nay chơn truyền lạc mất, nên tu thì nhiều mà không ai thành chánh quả. Ấy cũng tại nó đều hư hỏng sai lạc hết đi. Vậy nên nay Thầy phải tạm giáng thế mượn xác phàm đặng đem cái tâm pháp bí truyền ấy trao dạy cho chúng sanh để thoát vòng sanh tử. Nếu không mượn xác phàm mới, làm sao mà trao cái bí pháp đặng cho các con? Hễ bí pháp thì [phải là] khẩu khẩu tương truyền, tâm tâm tương thọ, không được thấu lậu ra cho ai hay biết đặng, hoặc tả vẽ giải phân trên giấy mực, hay là cùng cơ bút mà truyền bí pháp đặng."[3]

---

[1] Đức Gia Tô Giáo Chủ (Christ) Ngô Đại Tiên; Trung Hưng Bửu Tòa, 09-09 Bính Thân (12-10-1956); *Thánh Truyền Trung Hưng* (tập II), tr.295.
[2] Động Đình Hồ Đại Tiên Trưởng; 24-09 Bính Tý (07-11-1936); Đại Thừa Chơn Giáo, "Thánh Tựa".
[3] Đức Cao Đài Giáo Chủ, 25-09 Bính Tý (08-11-1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản song ngữ Việt-Pháp, 1950), tr.60-62.

Những lời dạy trên đây làm sáng tỏ thêm nội dung của những câu thơ:

"CHRIST đến lần ba,
NGÔ đạo mở sơn hà;
ĐẠI đồng qui vạn giáo,
TIÊN Phật cũng là Ta."[1]

Điểm thứ hai, Đấng Christ đã đến bằng Chơn Thần và linh điển. Mượn xác phàm chỉ để thực hiện một sứ mạng lịch sử trong một giai đoạn nhất thời và hữu hạn; còn Chơn Thần hoặc linh điển của Ngài có thể đến bất kỳ lúc nào. Khi đến bằng linh điểm, Ngài có thể xưng danh là Jesus Christ, là Cao Đài, là Ngô Minh Chiêu (Đại Tiên), là Di Lạc Thiên Tôn,… Sự hiện diện của Ngài nơi trần gian ở thời mạt kiếp này là sự hiện diện thông qua những tá danh và chỉ những ai có óc phá chấp mạnh mẽ mới hy vọng có khả năng nhận diện được Ngài từ những tá danh này. Vào đêm Giáng Sinh năm Canh Tuất 1970, Ngài đã dạy trong một đàn cơ như sau:

"Này chư sứ đồ, hai ngàn năm sắp mãn, ngày giáng thế của Ta vẫn còn [được] hoài niệm, khắp bầu trời Âu Á đều tưng bừng đón tiếp. Kìa đoàn chiên ta đang tỏ lòng hiếu đạo, chờ đón sự xuất hiện của Ta ở lúc nguơn cùng thế tận. Thật đáng thương! Luật Thiên điều đã định. ***Sự hiện diện của Ta chuyển qua giai đoạn tá danh nơi trần*** *nào phải hình hài như Jesus Do Thái* ***mà bằng linh điển rọi xuống khắp Nam bang****. Huyền linh ấy, thật đúng với lời tiên tri mà ta ký ức là sau này sẽ có những tôi trai tớ gái cũng biết nói ra những lời tiên tri để lưu lại đời lập thành mối đạo."*[2]

Trong đoạn thánh ngôn trên đây, Đức Ky Tô có nhắc đến lời tiên tri "sau này sẽ có những tôi trai tớ gái cũng biết nói ra những lời tiên tri để lưu lại đời lập thành mối đạo." Đây là một lời tiên tri của kinh thánh Do Thái (kinh thánh Cựu Ước), được nhắc lại trong sách "Công Vụ Các Sứ Đồ" của kinh thánh Tân Ước. Chúng ta hãy tìm hiểu lời tiên tri này dưới sự soi sáng của thánh ngôn Cao Đài.

2.2.3. Đức Chúa Trời sẽ đổ Thần trên mọi xác thịt

Lời tiên tri này nói rằng vào những ngày cuối cùng (Tận Thế), Đức Chúa Trời sẽ "đổ Thần" của Ngài trên mọi xác thịt, nghĩa là Thần của Ngài sẽ xuất hiện nơi tất cả những sinh linh có thể xác. Một bản Việt dịch của lời tiên tri này[3] là:

"Đức Chúa Trời phán: Trong những ngày sau rốt,
Ta sẽ đổ Thần ta khắp trên mọi xác thịt;
Con trai và con gái các ngươi đều sẽ nói lời tiên tri,
Bọn trai trẻ sẽ thấy điềm lạ,
Và các người già cả sẽ có chiêm bao.

---

[1] Đức Gia Tô Giáo Chủ (Christ) Ngô Đại Tiên; Trung Hưng Bửu Tòa, 09-09 Bính Thân (12-10-1956); *Thánh Truyền Trung Hưng* (tập II), tr.295.
[2] Gia Tô Giáo Chủ; Huờn Cung Đàn, 27-11 Canh Tuất (25-12-1970); Đạo Lý, số 62, tr.12.
[3] Đây là bản dịch của Liên Hiệp Thánh Kinh Hội (United Bible Societies).

Phải, trong những ngày đó, ta sẽ đổ Thần ta khắp trên các đầy tớ trai và gái ta,
Chúng nó đều nói lời tiên tri;

Ta lại sẽ tỏ ra sự lạ lùng ở trên trời,
Và dấu lạ ở dưới đất;
Tức là máu, lửa, và luồng khói;

Mặt trời sẽ biến nên tối tăm,
Mặt trăng hóa ra máu,
Trước ngày lớn và vinh hiển của Chúa chưa đến;
Vả lại ai cầu khẩn danh Chúa thì sẽ được cứu."[1]

Lời tiên tri này đã được thánh ngôn Cao Đài giải thích ở ít nhất là hai nội dung. Nội dung thứ nhất có liên quan đến việc Đức Chúa Trời "đổ Thần ta khắp trên mọi xác thịt", và nội dung thứ hai liên quan đến việc "con trai và con gái các ngươi đều sẽ nói lời tiên tri".

Về nội dung thứ nhất – "Đức Chúa Trời phán: Trong những ngày sau rốt, Ta sẽ **đổ Thần** ta khắp trên mọi xác thịt." – trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", Đức Chí Tôn có dạy:

"Thần là khiếm khuyết của cơ mầu nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập Tam Kỳ Phổ Độ nầy duy Thầy cho Thần hiệp Tinh Khí đặng đủ Tam Bửu, là cơ mầu nhiệm siêu phàm nhập thánh. (…) Phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật từ ngày Đạo bị bế, thì luật lệ hỡi còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên Đình mỗi phen đánh tản Thần không cho hiệp cùng Tinh, Khí. ***Thầy đến đặng hườn nguyên Chơn Thần cho các con đặng đắc Đạo****."*[2]

Như vậy, lời tiên tri rằng Đức Chúa Trời sẽ đổ thần "khắp trên mọi xác thịt" có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ giáng thế bằng Chơn Thần vào những ngày cuối cùng và hoàn nguyên Chơn Thần cho mọi người trong nhân loại, để tất cả đều có cơ hội đắc đạo mà trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Đây là lời tiên tri nói về sự quy nguyên ở phạm vi cá nhân vào những ngày cuối cùng trong chu kỳ vận động này của vũ trụ: tất cả sinh linh đều nhận được những cơ hội để được cứu rỗi như nhau, vì Thượng Đế huờn nguyên Chơn Thần cho tất cả. Vấn đề chỉ là cá nhân ấy có tiếp nhận hay là từ chối Ơn Cứu Rỗi của Thượng Đế mà thôi.

Về nội dung thứ hai – Đức Chúa Trời nói rằng "trong những ngày đó [tức là những ngày cuối cùng], ta sẽ đổ Thần ta khắp trên các đầy tớ trai và gái ta; Chúng nó đều nói lời tiên tri." – lời tiên tri này cho ta biết rằng sẽ xuất hiện những con người sứ mạng chuyên phục vụ cho việc xây dựng và phát triển cơ đạo của Đức Thượng Đế. Những con người sứ mạng này sẽ có khả năng thông công với Thượng Đế bằng Chơn Thần của chính mình. Theo nghĩa hẹp, đó là những người được ban trao sứ mạng thông công mà đạo Cao

[1] *Tân Ước*, "Công Vụ Các Sứ Đồ", 2:17-21.
[2] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 25-02-1926; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Q.1), tr.12.

Đài gọi là "đồng tử" trong Hiệp Thiên Đài. Theo nghĩa rộng, đó là những người nhờ tân pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà chứng đắc được những mức độ đạo pháp nhất định và phát huệ, có khả năng biết trước những điều sẽ xảy ra ở một thời điểm tương lai nào đó.

2.2.4. Những kẻ mặc áo dài trắng

Thánh Giăng đã viết trong sách "Khải Huyền" rằng vào ngày Tận Thế sẽ có vô số người được cứu rỗi nhờ Đức Chúa Trời. Đó là những kẻ mặc áo dài trắng:

> "Sự ấy đoạn, tôi nhìn xem, thấy vô số người, không ai đếm được, bởi mọi nước, mọi chi phái, mọi dân tộc, mọi tiếng mà ra; chúng đứng trước ngôi và trước Chiên Con[1], mặc áo dài trắng, tay cầm nhành chà là[2], cất tiếng lớn kêu rằng: Sự cứu rỗi thuộc về Đức Chúa Trời ta, là Đấng ngự trên ngôi, và thuộc về Chiên Con."[3]
>
> "Bấy giờ một trưởng lão cất tiếng nói với tôi rằng: Những kẻ mặc áo dài trắng đó là ai, và bởi đâu mà đến? Tôi thưa rằng: Lạy Chúa, Chúa biết điều đó. Người lại phán cùng tôi rằng: Đó là những kẻ ra khỏi cơn đại nạn…"[4]

Theo lời tiên tri này, số người được cứu độ ở buổi cuối cùng sẽ là "vô số", nhiều đến mức không thể đếm được; những người ấy là người thuộc "mọi chi phái", "mọi nước", "mọi dân tộc", nói mọi ngôn ngữ.

Sau Ky Tô giáo, nói chính xác là sau khi lời tiên tri này được đưa ra trong kinh thánh Tân Ước, trên thế giới đã có nhiều tôn giáo xuất hiện với đạo phục là chiếc áo dài màu trắng, trong số đó có Hồi giáo (ra đời vào thế kỷ thứ 7) và Cao Đài giáo (ra đời vào thế kỷ thứ 20). Tuy nhiên, cần hiểu sự ứng nghiệm của lời tiên tri này trong một ngữ cảnh rộng lớn hơn. Theo giáo lý Cao Đài, màu trắng tượng trưng cho sự hòa hiệp và đại đồng mà không phân biệt sắc phái dưới bất kỳ hình thức nào; một tôn giáo áo trắng là một tôn giáo phổ độ (cứu độ toàn nhân loại) bằng sự hòa hiệp và đại đồng. Trong lời tiên tri của Khải Huyền, những kẻ mặc áo dài trắng là nhiều vô số, trong đó có người của mọi đất nước, mọi chi phái, mọi dân tộc, mọi ngôn ngữ. Đây chính là lời tiên tri về sự phổ độ ở thời hạ nguơn mạt kiếp. Cũng cần nhắc lại, trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chữ "phổ độ" đã được Đức Thượng Đế giải nghĩa như sau:

"Phổ độ nghĩa là gì? Phổ là bày ra. Độ là gì? Là cứu chúng sanh. Chúng sanh là gì? Chúng sanh là toàn cả nhơn loại, chớ không phải lựa chọn một phần người như các con tính rồi."[5]

---

[1] "Chiên Con": Đây là một thuật ngữ đặc biệt của Khải Huyền. Theo nghĩa được Ky Tô giáo nhìn nhận, "Chiên Con" chính là Chúa Jesus. Theo nghĩa rộng hơn, "Chiên Con" là Thượng Đế Ngôi Hai, tức là ngôi Thượng Đế giáng sinh xuống thế gian làm người để cứu rỗi nhân loại trong mọi thời kỳ cứu độ. Nghĩa-rộng-hơn này và nghĩa- được-Ky-Tô-giáo-nhìn-nhận là tương thích với nhau.

[2] "Nhành chà là": bản tiếng Anh dùng chữ "palm branches", nghĩa là nhành lá dừa hay lá cọ. Đây là một biểu tượng của Ky Tô giáo về sự chiến thắng của linh hồn đối với mọi cám dỗ của ma quỷ.

[3] Ibid., 7:9-10.

[4] Ibid., 7:13-14

[5] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 08-04-1926, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Quyển 1), tr.14-15.

Như vậy, phổ độ là một sự cứu độ rộng khắp đối với toàn nhân loại; sự cứu độ đó không dành riêng cho một đối tượng nào và bỏ qua một đối tượng nào. Mọi cá nhân thuộc về mọi dân tộc, mọi giai cấp, mọi tôn giáo, mọi chi phái,… trong nhân loại đều được hưởng Ơn Cứu Độ. Một lần nữa, vấn đề chỉ là cá nhân ấy có tiếp nhận hay là từ chối Ơn Cứu Độ của Thượng Đế. Khi mà một cá nhân biết tiếp nhận Ơn Cứu Độ của Thượng Đế, người ấy phải tuân theo sự giáo hóa của Thượng Đế và trở thành một trong "những kẻ ra khỏi cơn đại nạn" như Khải Huyền đã nói.

3.3. Tiên tri của kinh Kim Cang: công đức của người trì kinh thời mạt pháp

Kinh "Kim Cang" (Kim Cương, Diamond Sutra [Eng]) hay "Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật" (Vajracchedika-Prajna-Paramita Sutra [Skr]) trong Phật Giáo là một quyển kinh ghi lại những lời giảng của Đức Phật Thích Ca về Chơn Tâm, Phật Tâm, hay Tâm Kim Cương. Trong kinh, có một đoạn Đức Phật nói với các đệ tử của mình như sau:

> "Ta nhớ thuở quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ[1] kiếp trước Phật Nhiên Đăng, ta đã được gặp tám trăm lẻ bốn ngàn vạn ức na-do-tha[2] đức Phật, và đều cung kính phụng sự không chút lỗi lầm.
>
> Nếu có người đời mạt pháp sau này thường thọ trì tụng đọc kinh này. Người ấy được công đức so với công đức cúng dường chư Phật của ta vượt hơn bội phần, trăm phần ta chẳng theo kịp một, ngàn vạn ức phần, cho đến tính toán, thí dụ cũng chẳng thể theo kịp được."[3]

Trong đoạn kinh văn trên đây, Đức Phật nói rằng vào thời mạt pháp, ai thường thọ trì tụng đọc kinh Kim Cang thì sẽ đạt được một công đức to lớn đến mức mà chính công đức của Ngài (trong việc cúng dường chư Phật quá khứ) cũng không thể sánh kịp. Nếu đã hiểu rằng "Kim Cang" hay "Kim Cương" là một hình tượng được dùng để chỉ cái tâm của con người, ta thấy rằng lời dạy này chứa đựng một ý nghĩa sâu xa hơn. Người mà thường thọ trì tụng đọc kinh Kim Cang một cách có kết quả phải là người biết giữ gìn cái tâm của mình cho nó thật sự là Chơn Tâm, biết dùng cái tâm ấy để chặt đứt mọi phiền não. Như vậy, theo đoạn kinh văn trên, vào thời mạt pháp, người biết giữ gìn và sử dụng cái tâm để giải thoát lấy mình sẽ có được một công đức vô lượng.

Nhưng vì sao những người như vậy lại có thể đạt được một công đức lớn hơn công đức cúng dường chư Phật của Phật Thích Ca?

Trong giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có một nội dung có thể soi sáng cho vấn đề này. Đó là nội dung về đại ân xá kỳ ba. Trong ngữ cảnh của sự quy nguyên, người biết giữ gìn và sử dụng cái tâm để giải thoát lấy mình chính là người biết quy nguyên. Người biết quy nguyên trong thời mạt kiếp sẽ được hưởng quy chế đại ân xá của Đức Chí Tôn Thượng Đế. Đối với toàn thể nhân loại, nhờ quy chế đại ân xá ấy[4] như sau:

---

[1] A-tăng-kỳ (Asamkhya [Skr]): 10^{26}. Một a-tăng-kỳ là một trăm triệu tỉ tỉ.
[2] Na-do-tha: 10^{27}. Một na-do-tha là một tỉ tỉ tỉ.
[3] Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật.
[4] Để biết thêm chi tiết về đại ân xá kỳ ba, có thể xem thêm quyển 1 của bộ Giáo Lý Đại Toàn này.

"Thời đại ân xá, ai tu cũng có thể được đắc quả. Một việc làm thiện dầu nhỏ nhen đến mấy đi nữa cũng vẫn là việc thiện và được ghi ở hệ số 3. Trái lại, việc ác dầu cho nhỏ đến thế mấy đi chăng nữa cũng vẫn là việc ác."[1]

Riêng đối với những bậc thiên ân sứ mạng tự nguyện gánh vác trách nhiệm cứu độ nhân loại, ngoài việc thụ hưởng quy chế như trên, con đường tiến hóa còn được rút ngắn nhiều lần:

"Hàng thiên ân sứ mạng nhận lãnh trách nhiệm trước nhơn sanh, ân sủng sẽ khác hơn những tín đồ bình thường. Con đường tiến hóa được rút ngắn gấp bội do hệ số tam công để thưởng hàng thiên ân tự nguyện."[2]

Vì vậy, thánh giáo Cao Đài dạy rằng:

"Trong luật tiến hóa của nhơn vật, từ loài khoáng sản đến loài người, trải qua biết bao triệu triệu [lần] thay hình đổi xác. (…) Nay mà gặp thời ân xá [của] Đại Đạo Kỳ Ba, [nếu] một kiếp được hoàn thành sứ mạng, sẽ đắc quả thành công, ví bằng muôn triệu kiếp."[3]

Những đoạn thánh giáo này cho biết rằng đại ân xá kỳ ba sẽ giúp cho con người thời mạt pháp rút ngắn được đến hàng triệu kiếp tiến hóa. Nếu đối chiếu với lời Đức Phật trong kinh Kim Cang, chính Đức Phật đã mất đến vô lượng a-tăng-kỳ kiếp để tích lũy công đức, chúng ta thấy rằng Đức Chí Tôn Thượng Đế đã ban cho chúng sinh thời mạt thế một quy chế cứu độ chưa từng có trước đây.

Quy chế này dĩ nhiên chưa được ban hành ở thời đại của Đức Phật. Vì vậy, lời dạy của Đức Phật trong kinh Kim Cang là một lời tiên tri về sự đại ân xá mà chúng sinh ở thời mạt thế được hưởng nếu như biết quay về với Chơn Tâm của mình.

Trong một số quyển kinh khác của Phật giáo, ví dụ như kinh Viên Giác, Đức Thích Ca cũng nói về việc tu thành chánh quả của "mạt thế chúng sinh" (chúng sinh ở thời mạt thế). Những lời dạy này chứa đựng một nội dung chung: bất cứ ai biết tìm lại Chơn Tâm của mình, tìm lại Chơn Như Bản Tánh của mình thì đều có thể chứng được quả vị tối cao (Vô Thượng Chánh đẳng Chánh Giác). Theo giáo lý Phật giáo, thời mạt thế vốn là thời rất khó đắc quả; vì vậy, khả năng chứng quả tối cao ở đây luôn hàm ngụ sự xuất hiện của một quy chế đại ân xá.

3. NHỮNG TIÊN TRI VỀ THỜI THÁNH ĐỨC

Sau thời kỳ hạ nguơn mạt kiếp – nghĩa là sau ngày Tận Thế, hay cũng vậy, sau đại hội Long Hoa – sẽ là thời kỳ thượng nguơn thánh đức. Đây sẽ là thời kỳ an lạc, thái hòa, và đại đồng chẳng những của nhân loại mà của toàn thể muôn loài trong vũ trụ. Từ nhiều ngàn năm về trước, một số tôn giáo đã tiên tri về thời kỳ thánh đức này.

---

[1] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất, 30-12 Tân Hợi (14-02-1972)
[2] Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn; 09-04 Mậu Thìn.
[3] Đức Đông Phương Chưởng Quản; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-03 Bính Ngũ (05-04-1966)

3.1. Tiên tri của kinh Pahlavi: thời đại thái hòa

Giáo lý của Hỏa giáo nói rằng thế giới nhân loại sẽ đi đến một thời đại thái hòa. Theo thánh kinh Pahlavi[1], lịch sử thế giới diễn biến một cách tuần hoàn theo những chu kỳ bao gồm ba thời kỳ. Mỗi chu kỳ bắt đầu bằng thời kỳ "Bundahishn" tức là "Sáng tạo" ("Creation" [Eng]), tiếp theo là thời kỳ "Gumezisn" tức là "Hỗn chiến" ("Mixture" [Eng]), và kết thúc với thời kỳ "Wizarishn" tức là "Phân lọc" ("Separation" [Eng]). Thời kỳ cuối cùng của một chu kỳ luôn luôn là thời kỳ của sự khử trược lưu thanh, phân phàm lọc thánh, chọn lọc những cái tốt và đào thải những cái xấu. Sau thời kỳ này, thế gian bước sang thời kỳ "Sáng tạo" của chu kỳ kế tiếp; khi đó, thế gian sẽ chỉ còn lại những con người thánh thiện, có một trình độ đạo đức hoàn hảo. Những con người này sẽ cùng sống với Thượng Đế và các Đấng Trọn Lành trong một thời đại thái hòa.

3.2. Tiên tri của kinh thánh Do Thái: thời kỳ của Đấng Cứu Độ

Chúng tôi dùng cụm từ "thời kỳ của Đấng Cứu Độ" để dịch thuật ngữ "Messianic Age" trong tiếng Anh. Đây là một thuật ngữ thần học có nguồn gốc từ Cựu Ước, được dùng để chỉ thời đại huynh đệ đại đồng và hòa bình toàn cầu. Đó là thời đại mà thế giới không còn tội ác, chiến tranh và đói nghèo.[2]

Kinh Cựu Ước chép lại những lời của nhà tiên tri Ê-sai, nói về thời đại này như sau:

> "Họ sẽ biến gươm của họ thành lưỡi cày, biến giáo của họ thành lưỡi hái; nước này sẽ không còn đưa gươm lên với nước khác và họ không còn luyện tập chiến đấu nữa."[3]

Lời tiên tri này báo cho nhân loại biết trước một tương lai tuyệt đẹp của muôn loài, muôn vật ở thời thánh đức:

> "Bấy giờ muông sói sẽ sống với cừu non, báo sẽ nằm với dê; bò con, sư tử con và các thú vật con sẽ ở cùng nhau; và một đứa trẻ nhỏ sẽ dắt chúng đi. Bò cái sẽ ăn với gấu; các con nhỏ của chúng sẽ nằm chung; sư tử sẽ ăn rơm như bò. Trẻ con [ở tuổi] đương bú sẽ chơi gần ổ rắn hổ mang, trẻ con [ở tuổi] thôi bú sẽ thò tay vào hang rắn lục. Chúng sẽ không làm hại ai, chẳng giết ai trên tất cả núi thánh của ta, vì thế gian sẽ đầy dẫy sự hiểu biết về Đức Chúa Trời như là nước bao trùm mặt biển."[4]

Thuật ngữ "Messianic Age" xuất phát chữ Do Thái "Yemot HaMashiach" có nghĩa là "Những ngày của Messiah". Trong tiếng Do Thái cổ, "Messiah" là "người được chọn và

---

[1] Pahlavi là bộ kinh được viết bằng tiếng Ba Tư, ghi lại những lời dạy của Đức Zoroaster (giáo chủ Hỏa giáo).
[2] http://en.wikipedia.org/wiki/Messianic_Age; 13-11-2010.
[3] Isaiah 2:4. Tham khảo một bản dịch tiếng Anh: "They shall beat their swords into plowshares and their spears into pruning hooks; nation will not lift sword against nation and they will no longer study warfare."
[4] Isaiah 11:6-9. Tham khảo một bản dịch tiếng Anh: "The wolf will live with the lamb, the leopard will lie down with the goat, the calf and the lion and the yearling together; and a little child will lead them. The cow will feed with the bear, their young will lie down together, and the lion will eat straw like the ox. The infant will play near the hole of the cobra, and the young child put his hand into the viper's nest. They will neither harm nor destroy on all my holy mountain, for the earth will be full of the knowledge of the Lord as the waters cover the sea."

trao quyền một cách đặc biệt". Theo nghĩa mà nhiều nhà tư tưởng Ky Tô giáo và Hồi giáo đã giảng giải, chính Chúa Jesus là người được chọn và trao quyền một cách đặc biệt, nên chính Ngài là Đấng Messiah; vậy "Messianic Age" là thời kỳ mà Đức Jesus ngự trị thế giới. Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, qua cơ bút Cao Đài, chính Chúa Jesus đã nói về những lời tiên tri này của Ê-sai và những lời tiên tri mà Ngài đã mặc khải cho thánh Giăng trong Khải Huyền, như sau:

"Còn nhớ chăng những lời tiên tri của Ê-sai thuở nọ và những lời tiên tri của Ta? Chừng nào các Thánh Tòa của Đại Đạo được đặt nhiều nơi trên khắp thế giới, áo đạo bạch[1] được hầu hết tất cả nhân loài hiểu đến, thì chừng đó sự tranh giành ảnh hưởng trên khắp cả địa cầu không còn nữa; và [chừng nào] trên khắp các nước đều có đại lễ như lễ của ta hiện thời thì nhân loại mới khỏi diệt vong."[2]

Như vậy, "Messianic Age" hay "thời kỳ của Đấng Cứu Độ" là thời kỳ của mọi bậc thiên ân sứ mạng từ cõi vô vi đến cõi hữu hình. Những bậc này bao gồm các Đấng Thiêng Liêng và mọi con người được Thượng Đế chọn lựa và ban trao quyền pháp để xây dựng cõi đời thượng nguơn thánh đức. Bằng ngôn từ của nhiều tôn giáo khác nhau từ xưa đến nay, thánh giáo Cao Đài còn gọi đó là thời kỳ của Hoàng Cực, của Vương Đạo, của Di Lạc Thiên Tôn, của Chúa Thánh Thần, của tòa Tam Giáo, của Hội Đồng Phán Xét. Những danh từ gắn với những khái niệm trong giáo lý Cao Đài có liên quan mật thiết với việc tái tạo dinh hoàn, xây dựng cõi đời thánh đức. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư qua cơ bút Cao Đài đã dạy:

"Những thành phần vô ích cho sự tái lập dinh hoàn, xây dựng đời thượng nguơn thánh đức sẽ lần lượt nối chân nhau tự diệt. Những cái hữu ích cho chánh đạo cứu đời, những cái còn sử dụng cho giai đoạn kết quả cuối cùng, những cái dùng để lập lại thượng nguơn mới hy vọng sống còn.

Cái tính chất bảo tồn, cái bản chất giữ lại, cái nguyên nhân xây dựng thế cuộc an bình là Đạo, là Hoàng Cực, là ngôi Di Lạc Thiên Tôn.

Ai muốn được như thế, ai muốn hiến mình lập thế thượng nguơn thánh đức, hãy học cho rõ lý Hoàng Cực, hãy thi hành Vương Đạo. Hoàng Cực hay Vương Đạo là ngôi Di Lạc Thiên Tôn (…) Hỡi thế nhân! Di Lạc Thiên Tôn, Hoàng Cực Chủ Nhơn là ngôi Thánh Thần, là ngôi Hội Đồng phán xét, là ngôi của Tòa Tam Giáo, cũng là ngôi của cuộc đời.

(…) Nếu có một Di Lạc thực sự bằng xương bằng thịt đến thế gian trong kỳ nguơn hạ này, tất cũng sẽ bị đóng đinh trên thập giá. (…) Muốn biết Long Hoa Đại Hội khai diễn như thế nào, muốn biết Di Lạc Thiên Tôn của thời hạ nguơn mạt kiếp, hãy dừng chân lại tất cả trước bao nhiêu dục vọng ươn hèn, hãy bình tĩnh để tìm thấy ánh sáng huy hoàng của Chủ Nhơn Hoàng Cực.

---

[1] "Áo đạo bạch": áo đạo màu trắng.

[2] Gia Tô Giáo Chủ; Huờn Cung Đàn, 10-11 Quý Mão (25-12-1963).

Hoàng Cực tức là ngôi Trung Hòa giữa thiên địa vạn vật vậy.

Đời có được an bình, có lập được thượng nguơn thánh đức, là chính mỗi con người phải nhận chân một Di Lạc thực sự ở con người. Từ bi, bác ái, công bình, chánh trực, đại đồng, năm căn bản này sẽ thị hiện Di Lạc Thiên Tôn. Nhân, lễ, nghĩa, trí, tín đó là ngôi Hoàng Cực."[1]

Như vậy, "thời kỳ của Đấng Cứu Độ" là thời kỳ của tất cả những ai thực hiện được thành công quyền pháp Đại Đạo, tạo lập được thực thể Đạo Cứu Thế tại thế gian.

4. NHẬN XÉT

Nhiều tôn giáo trên thế giới đã nói về sự quy nguyên ở buổi cuối cùng, nhất là các tôn giáo tiên tri như các tôn giáo Abraham. Qua những nội dung giáo lý liên quan đến sự quy nguyên ở thời mạt pháp hay tận thế, các tôn giáo đều nói về một tương lai mà mọi cá nhân và xã hội đều chung sống hòa hiệp trong bầu không khí Thiên Nhân hiệp nhất.

Điều cốt lõi hơn, tất cả các tôn giáo đều dạy con người phải sống như thế nào để hiệp nhất được với Hiện Hữu Tối Cao. Ngay cả các tôn giáo tiên tri cũng không đơn thuần đưa ra những lời tiên tri, mà chủ yếu là mang đến cho nhân loại một sự đánh thức, những lời răn, những lời khuyên, những dẫn dắt để mỗi cá nhân trong nhân loại có thể thực hiện thành công việc quy nguyên trong đời sống của mình.

Đây là chương kết thúc phần 4 của quyển sách này. Xin nhắc lại rằng trong chương cuối phần 3, chúng tôi đã chỉ ra rằng thông qua sự hiện hữu của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nhân loại có thể thấy được Lẽ Một của Đại Đạo trong lịch sử văn minh nhân loại: chỉ có một Đại Đạo duy nhất, một Thượng Đế duy nhất, và một cơ cứu độ duy nhất từ xưa đến nay, dù thế giới này đã có không biết bao nhiêu tôn giáo. Bây giờ, xuyên qua phần 4, chúng ta thấy rằng Lẽ Một ấy cũng được thể hiện ngay trong giáo lý của mỗi tôn giáo. Các tôn giáo trên khắp thế giới, trong những nền văn hóa rất khác biệt nhau, đều dành những nội dung giáo lý quan trọng nhất để nói về sự trở về Đại Đạo để chứng Đạo (như các tôn giáo Trung Hoa), trở về Thượng Đế để hiệp nhất với Thượng Đế (như các tôn giáo Abraham), trở về Chơn Tâm để đạt được Bản Tánh Viên Giác (như các tôn giáo Ấn Độ). Thế thì xét trên phương diện giáo lý, Tam Giáo Đạo đã, đang và sẽ trở về với nguồn gốc Đại Đạo. Vạn giáo là nhất lý trong Lẽ Một mà Đại Đạo đã thể hiện trong suốt chiều dài lịch sử văn minh nhân loại.

[1] Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 07-04 Canh Tuất (11-05-1970).

KẾT LUẬN

Với tựa đề "**ĐẠI ĐẠO VÀ TAM GIÁO ĐẠO: Từ nguồn gốc Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, cho đến Tam Giáo Đạo trở về nguồn gốc Đại Đạo**", quyển sách này đã trình bày về mối liên hệ mang tính chất "huyết thống" giữa vạn giáo. Từ xưa đến nay và từ phương Đông sang phương Tây, tất cả mọi tôn giáo trên thế giới đều có cùng một nguồn gốc là Đại Đạo, mang cùng một nội dung là Đại Đạo, và gánh vác cùng một sứ mạng cứu độ quần sinh của Đại Đạo. Mỗi tôn giáo đều thuộc về một trong ba đường lối giáo hóa nhân loại của Đại Đạo, tức là Tam Giáo Đạo. Tuy phạm trù Tam Giáo Đạo không giới hạn trong lĩnh vực tín ngưỡng hay tâm linh – mà bao hàm mọi lĩnh vực hoạt động nhân sinh, kể cả văn hóa, khoa học, công nghệ, kinh tế – nhưng tôn giáo là vẫn là cánh cửa quan trọng nhất để mỗi cá nhân trong nhân loại tìm đến được sự cứu độ bằng chính tinh thần hoặc tâm hồn của mình.

Trước khi có Tam Giáo Đạo, Đại Đạo vốn đã hiện hữu khắp mọi nơi: trong toàn thể vũ trụ, trong mỗi cá nhân con người, và trong từng xã hội nhân sinh. Ngay từ thời nguyên thủy, sự hiện hữu ấy có thể được nhận biết thông qua Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất, hay cụ thể hơn, qua Đại-Đạo-trong-con-người, và cụ thể hơn nữa, qua Đại-Đạo-thời-thượng-cổ của lịch sử văn minh nhân loại. Mọi mức độ thể hiện của Đại Đạo ở mọi phạm vi như vậy đều phản ảnh một trình độ tiến hóa của nhân loại trong sinh giới, làm cho nhân loại trở thành một đẳng cấp ngang bằng với Trời Đất: Đại-Đạo-thời-thượng-cổ là nền tảng của sự đại đồng thánh đức trong xã hội nhân loại sơ khai, Đại-Đạo-trong-con-người là nền tảng của sự giải thoát tâm linh ở mỗi cá nhân từ nguyên thủy, Đại-Đạo-từ-thuở-sơ-khai-Trời-Đất là cứu cánh mà con người nhắm tới để đạt được.

Khi văn minh nhân loại chuyển từ chỗ hướng-về-tâm-linh sang chỗ hướng-về-vật-chất, thế gian trở nên *"sẩm tối màu địa ngục"*[1], thì Đức Thượng Đế khai mở nhất kỳ và nhị kỳ phổ độ để cứu rỗi nhân loại, hay nói một cách khác, Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo. Trong sự phát sinh này, Đại Đạo ứng hóa thành Tam Thanh, tạo nên nguyên lý của Tam Giáo Đạo; và dựa vào nguyên lý ấy, các bậc giáo tổ – vốn là chiết thân của Thượng Đế xuống thế gian – đã lập nên các tôn giáo để giáo hóa nhân loại. Sự ra đời của các tôn giáo vì vậy đồng nghĩa với sự ra đời của Tam Giáo Đạo.

Tôn giáo tuy có nhiều, nhưng nguyên lý của tôn giáo thì chỉ có một, là Đại Đạo. Mỗi tôn giáo tuy thuộc về một trong ba "nhánh" Tam Giáo Đạo để triển khai những chương trình giáo hóa khác nhau của Đại Đạo, nhưng mỗi chương trình như vậy đều có cấu trúc Ngũ Chi Đại Đạo để dẫn dắt nhân loại tiến bước trên những cấp bậc tiến hóa khác nhau. Nếu đối chiếu các chương trình giáo hóa ấy, chúng ta thấy mỗi tôn giáo đều là một sự

[1] Đức Quan Âm Bồ Tát; Thánh thất Bình Hòa, Ngọ thời, 08-04 Canh Tuất (12-05-1970).

hữu thể hóa của Đại Đạo trong Trời Đất, một sự hiện thực hóa Đại Đạo trong con người, và một sự phục hưng Đại Đạo trong nhân sinh. Do đó, dù khác biệt về hình tướng nhưng các tôn giáo đều có một sứ mạng chung là cùng nhau cứu độ toàn nhân loại.

Qua hai thời kỳ phổ độ trước đây, các tôn giáo không những đã thực hiện được sứ mạng cứu rỗi tâm linh, mà còn góp phần lớn lao trong việc phát triển văn minh nhân loại. Nhưng bên cạnh đó, các tôn giáo cũng chịu không ít tác động tiêu cực bởi những dục vọng của nhân tâm. Do sự tích lũy theo thời gian của những tác động này, đến thời hạ nguơn mạt kiếp, vạn giáo trong Tam Giáo Đạo đều bị thất chân truyền. Và để khôi phục lại sức sống cho mình, các tôn giáo nhất thiết phải quy nguyên, tức là tìm về nguồn gốc Đại Đạo ban đầu mà vị giáo tổ của mình đã gầy dựng.

Theo nguyên lý "Nhất tán vạn – vạn quy Nhất", quy nguyên là một xu thế tất yếu trong thời hạ nguơn mạt kiếp. Nhưng vì nhân loại chẳng những không tự mình biến được xu thế ấy thành hiện thực mà còn lâm vào những khủng hoảng liên tục không lối thoát, nên Thượng Đế đã đến thế gian, khai mở cơ cứu thế kỳ ba, trực tiếp dẫn dắt nhân loại thực hiện công cuộc quy nguyên. Điều này đã được thị hiện trong lịch sử văn minh nhân loại thông qua sự ra đời của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại Việt Nam vào đầu thế kỷ 20. Kể từ đây, Tam Giáo Đạo sẽ được trùng hưng và hòa hợp trong chân truyền Đại Đạo, vạn giáo sẽ được liên kết thành thực thể Đạo thuần chánh cứu thế để tái lập cõi đời thượng nguơn thánh đức.

Đức Chí Tôn Thượng Đế đã kiến tạo nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bằng phương thức dung hòa và tổng hợp: tất cả tinh ba của vạn giáo từ cổ chí kim và từ Đông sang Tây đều được chọn lọc, khử bỏ mọi mâu thuẫn và kết hợp lại trong một Đại Đạo duy nhất. Đây cũng chính là phương thức mà Ngài đã dùng để tạo thiên lập địa và sáng tạo nên vạn vật. Phương thức này tạo nên khuôn mẫu cho sự quy nguyên: tất cả mọi nỗ lực quy nguyên của nhân loại trong kỳ ba chỉ có thể thành tựu nếu chúng được trên căn bản của sự dung hòa và tổng hợp. Chính Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng nhờ dung hòa và tổng hợp được tinh ba của Tam Giáo Đạo mới có đủ quyền năng cứu rỗi toàn thể nhân loại trong thời hạ nguơn mạt kiếp này.

Khi đi từ chỗ **"nguồn gốc Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo"**, cho đến chỗ **"Tam Giáo Đạo trở về nguồn gốc Đại Đạo"**, chúng ta thấy chỉ có một Đại Đạo duy nhất, một Thượng Đế duy nhất, và một cơ cứu độ duy nhất xuyên suốt tiến trình này. Vì vậy, tiến trình này chính là chiếc "xương sống" của lịch sử văn minh nhân loại, giúp toàn thể nhân loại chúng ta định hướng cho thế giới trong mỗi bước đi về phía tương lai. Vạn giáo đã được phát sinh từ Đại Đạo, nên sẽ quy nguyên về Đại Đạo. Sự quy nguyên ấy sẽ tạo nên một quyền pháp cứu thế mạnh mẽ để làm cho nhân loại trên thế giới hòa hiệp trong sự đại đồng và xây dựng thành công cõi đời thánh đức. Đó là một tất yếu của lịch sử, và cũng là tương lai của nhân loại khi vũ trụ kết thúc đại chu kỳ tiến hóa hiện tại.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Do quy ước phân loại kinh sách của bộ "Giáo Lý Đại Toàn" này, các tài liệu tham khảo được sắp xếp trước hết theo loại kinh sách (loại 1 và loại 2), và sau đó trong mỗi loại, theo tên tác giả hoặc tên của cơ quan thực hiện ấn phẩm.

KINH SÁCH LOẠI 1

[1]. Cao Đài Đại Đạo – Chiếu Minh. *Đại Thừa Chơn Giáo* (song ngữ Việt-Pháp). Nhà in Ng. Văn Huấn, Sài Gòn, Canh Dần 1950. Sách in (bản in lần thứ nhì).

[2]. Cao Đài Đại Đạo – Chiếu Minh. *Đại Thừa Chơn Giáo*. Trước Tiết Tàng Thơ, Thủ Thiêm (Gia Định), 1956. Sách in.

[3]. Cao Đài Đại Đạo Tiên Thiên Hư Vô. *Trổi Tiếng Chuông Vàng*. Bản in 1950.

[4]. Chiếu Minh Đàn (Cần Thơ). *Tam Nguơn Giác Thế*. Nxb Phương Nam, Cần Thơ, 1953. Sách in (bản in lần thứ 3).

[5]. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. *Thánh Giáo Sưu Tập* (1966-1967). Ấn quán Phổ Thông, Sài gòn, 1968. Sách in.

[6]. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. *Thánh Giáo Sưu Tập* (1968-1969). Ấn quán Phổ Thông, Sài gòn, 1972. Sách in.

[7]. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. *Thánh Giáo Sưu Tập* (1970-1971). Ấn quán Phổ Thông, Sài gòn, 1973. Sách in.

[8]. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. *Thánh Giáo Sưu Tập* (1972-1973). Ấn quán Phổ Thông, Sài gòn, 1974. Sách in.

[9]. Giáo Hội Cao Đài Thống Nhứt. *Kinh Bình Minh* (đệ nhứt). Sài gòn, 1968. Sách in.

[10]. Giáo Hội Cao Đài Thống Nhứt. *Kinh Bình Minh* (đệ nhị). Sài gòn, 1970. Sách in.

[11]. Giáo Hội Cao Đài Thống Nhứt. *Kinh Bình Minh* (đệ tam). Sài gòn, 1972. Sách in.

[12]. Hội Giáo Cao Đài Thượng Đế. *Đạo Pháp Bí Giải*. Chiếu Minh, Cần Thơ, 1967. Sách in.

[13]. Hội Thánh Tiền Giang. *Kinh Hồi Chuông Cứu Khổ* (Quyển 1). Gia Định, 1967. Sách in.

[14]. Hội Thánh Trung Ương Trung Việt tại Tam Quan. *Kinh Tam Thừa Chơn Giáo* (Quyển 1 và 2, ấn bản 1962). Sách in.

[15]. Hội Thánh Truyền Giáo. *Kinh Tận Độ*. Sách in (bản in năm 1945).

[16]. Hội Thánh Truyền Giáo. *Thánh Truyền Trung Hưng* (4 tập). Bản đánh máy vi tính.

[17]. Huờn Cung Đàn (Minh Tân). *Thánh Đức Chơn Kinh* (Quyển 3). Công Lý, Sài Gòn, 1965. Sách in.

[18]. Liên Hoa Đàn. *Tam Ngươn Siêu Độ Kinh*. Sao Mai, Sài Gòn, Nhâm Thìn 1952. Sách in.

[19]. Minh Chơn Đạo (Hậu Giang). *Giác Hóa Chơn Kinh* (Đệ Tam quyển). Cao Triều Trực ấn tống, năm đạo thứ 34 (1960). Sách in (lần thứ ba).

[20]. Minh Lý Thánh Hội. *Đạo Học Chỉ Nam*. Tài liệu đánh máy, lưu hành nội bộ.

[21]. Minh Lý Đạo (Minh Lý Thánh Hội). *Minh Lý Chơn Giải*. Do Minh Thiện kết tập các Thánh ngôn của Ngài Trần Hưng Đạo và chư Tiên Phật mà đại thành và chú sớ). Bản đánh máy năm Tân Mùi; tháng 06-1967.

[22]. Nam Thành Thánh Thất. *Thánh giáo của Đức Phù Hựu Lữ Thánh Đế Quân*. Quyển 1. Sài Gòn, 1968. Sách in.

[23]. Tiên Thiên Hư Vô. *Trỗi Tiếng Chuông Vàng*. ? Sách in.

[24]. Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc. *Kinh Đường Sáng* (Quyển 2). Phổ Thông, Sài Gòn, 1972. Sách in.

[25]. Thánh Hội Minh Thiện Đạo. *Giác Thế Hồi Minh* (Quyển 1). 1968. Sách in.

[26]. Tòa Thánh Cao Đài Chơn Lý. *Ngọc Đế Chơn Truyền*. Hội Thánh Bạch Y tái bản năm Đinh Sửu 1997. Sách điện tử.

[27]. Tòa Thánh Châu Minh. *Tiên Thiên Thánh Huấn* (Quyển 3). Sách in.

[28]. Tòa Thánh Tây Ninh. *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Quyển 1, ấn bản Kỷ Dậu 1969). Sách in.

[29]. Tòa Thánh Tây Ninh. *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Quyển 2, ấn bản Canh Tuất 1970). Sách in.

[30]. Tòa Thánh Tây Ninh. *Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo* (ấn bản Nhâm Thân 1992). Sách in.

[31]. Tòa Thánh Tiên Thiên "Châu Minh". *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (Quyển 1, ấn bản Tân Sửu 1961). Sách in.

[32]. Tòa Thánh Tiên Thiên "Châu Minh". *Thánh Huấn Hiệp Tuyển* (Quyển 2, ấn bản Tân Sửu 1961). Sách in.

[33]. Thiên Lý Bửu Tòa. *Đại Giác Thánh Kinh và Kinh Thánh Giáo Pháp*. Sách in (lần thứ ba).

[34]. Vĩnh Nguyên Tự. *Đạo Nguyên Chánh Nghĩa*. Nguyệt Long Đàn. Ấn bản Kỷ Mão niên (1939). Sách in.

[35]. *Chơn Pháp Lưu Truyền Thiên Kinh Diệu Dụng*. Bản đánh máy.

[36]. *Khai Tâm Chuyển Hóa* (Quyển 1). Sách in.

[37]. *Khai Tâm Chuyển Hóa* (Quyển 2). Sách in.

[38]. *Kinh Đường Sáng*. 1955. Sách in.

[39]. *Giác Thế Hồi Minh* (Quyển 2). Sách in.

[40]. *Chơn Pháp Lưu Truyền Thiên Kinh Diệu Dụng*. Sách đánh máy.

[41]. *Luật Tam Thể*. Tài liệu kết tập các đàn cơ tại tư gia của nhân viên Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài (thuộc Tòa Thánh Tây Ninh). http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/tam.htm; 01-12-2001. Sách điện tử.

[42]. *Tam Hoàng Thiên Kinh*.[?] Sách in.

[43]. *Tam Nguơn Siêu Độ*. Liên Hoa ấn tống, 1952. Sách in.

[44]. *Thánh Đức Chuyển Mê*. [?] Sách in.

KINH SÁCH LOẠI 2

[45]. *Chu Dịch*. Bản dịch của Phan Bội Châu. Nxb Văn hóa Thông tin, 1996. Sách in.

[46]. *Đạo Đức Kinh*. Sách điện tử.

[47]. *Đạo Đức Kinh*. Sách điện tử.

[48]. *Good News Bible (with Deuterocanonicals/Apocrypha) – Today's English Version*. American Bible Society, NewYork, 1978. Sách in.

[49]. *Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật*. Bản dịch (có chú giải) của Đoàn Trung Còn, NXB Tôn giáo, 2006. Sách in.

[50]. *Kinh Qur'an*. Bản dịch của Hassan Abdul Karim. Nxb Tôn giáo, 2001. Sách in.

[51]. *Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước*. Thánh Kinh Hội tại Việt Nam, Sài Gòn, 1973. Sách in.

[52]. *Lau-zi Dao De Jing*. Project Gutenberg Literary Archive Foundation. http://manybooks.net; 01-2005. Sách điện tử.

[53]. *Lời Phật Dạy (Pháp cú - Dhammapada)*. Bản dịch của hòa thượng Thích Thiện Siêu. Nxb Tôn Giáo, tháng 8-1999. Sách in.

[54]. *Revised New Statement*. The New American Bible. The Liturgical Press. Collegeville, Minnesota, 1988. Sách in.

[55]. *MingXin BaoJian (明心宝鉴)*. Sách điện tử.

[56]. *Minh Tâm Bửu Giám*.

[57]. *Thánh Kinh Tân Ước (dịch theo nguyên bản Hy Lạp)*. Bản dịch của L.M. Yuse Nguyễn Thế Thuấn. Nhà sách Đức Mẹ, Sài Gòn, 1965. Sách in.

[58]. *The Tao Te Ching*. www.thebigview.com; 26-12-2010. Sách điện tử.

[59]. *Tứ Thư (Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử)*. Bản dịch của Đoàn Trung Còn. Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006. Sách in.

[60]. Mohammad Abu-Hamdiyyah. *The Qur'an – An Introduction*. Routledge, London and New York, 2000. Sách in.

[61]. The Administrative Committee of Saigon Jamia Mosque and Noorul Imaan Arabic School Saigon. Nabi Muhammed. Sài Gòn, tháng 02-1975. Sách in.

[62]. The Administrative Committee of Saigon Jamia Mosque and Noorul Imaan Arabic School Saigon. Nabi Muhammed. Sài Gòn, tháng 02-1975. Sách in.

[63]. Đào Duy Anh. *Hán-Việt Từ Điển*. Trường Thi, Sài Gòn, 1957. Sách in.

[64]. Eric Temple Bell. *The Magic Of Numbers*. Dover Publications, Inc. New York, 1991. Sách in.

[65]. Gustave le Bon, *Tâm Lý Học Đám Đông*. Bản dịch của Nguyễn Xuân Khánh. Nxb Tri Thức, 2006. Sách in (lần thứ hai).

[66]. Mary Boyce. *Zoroastrians: Their Religious Beliefs And Practices*. Routledge, 2003. http://books.google.com; 10-09-2010. Sách điện tử.

[67]. Fritjof Capra. *Đạo của Vật Lý*. Bản dịch của Nguyễn Tường Bách. Nxb Trẻ, 2001. Sách in (lần thứ ba).

[68]. Thích Minh Cảnh et al. *Từ Điển Phật Học Huệ Quang*. Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2004. Sách in.

[69]. Grancis S. Collins. *Ngôn Ngữ của Chúa*. Bản dịch của Lê Thị Thanh Thúy. Nxb Lao Động, 2007. Sách in.

[70]. Đoàn Trung Còn. *Phật Học Từ Điển*. Phật Học Tòng Thơ, 1966. Sách in (lần thứ nhất).

[71]. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. *Lịch Sử Đạo Cao Đài* (quyển 1). Nxb Tôn giáo, 2005. Sách in.

[72]. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*. Nxb Tôn giáo, 2006. Sách in.

[73]. Huình Tịnh Paulus Của. *Đại Nam Quấc Âm Tự Vị* (ấn bản 1895-1896). Nxb Trẻ, 1998. Sách in.

[74]. Nguyễn Văn Dân, *Biên Niên Sử Thế Giới*. Nxb Văn Hóa, 1999. Sách in.

[75]. Đại diện của Giảng Đường Trung Ương Đạo Baha'I tại thành phố Hồ Chí Minh. *Baha'i Là Gì?*. Bài nói chuyện tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam ngày 24-07-1976. Bản roneo.

[76]. Anđrêi Đônimirxki, *Những Sứ Giả Từ Vũ Trụ – Sự Thật Hay Huyền Thoại?*. Bản dịch của Nguyễn Hữu Dũng. Nxb Thanh Niên và tạp chí Nghiên Cứu Văn Hóa Nghệ Thuật (hợp tác xuất bản). Hà Nội, 1988. Sách in.

[77]. J. E. Esselmont. *Baha'u'llah Và Kỷ Nguyên Mới*. bản dịch tiếng Việt của Hội Đồng Tinh Thần Đạo Baha'i Quốc Gia Việt Nam; Hoa Đạo, xuất bản lần 2, Chợ Lớn, 1958. Sách in.

[78]. Rand Flem-Ath & Colin Wilson, *The Atlantis Blue Print*, Time Warner Paperbacks, London, 2002. Sách in.

[79]. James George Frazer. *Cành Vàng – Bách Khoa Thư Về Văn Hóa Nguyên Thủy*. Bản dịch của Ngô Bình Lâm. Nxb Văn hóa thông tin, tạp chí Văn hóa – Nghệ thuật, Hà Nội 2008. Sách in.

[80]. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Kinh Trường A Hàm*, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, 1991. Sách in.

[81]. Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam. *Những Vấn Đề Nhân Học Tôn Giáo*. Nxb Đà Nẵng, 2006. Sách in.

[82]. Nhất Hạnh. *Đường Xưa Mây Trắng*. Lá Bối, 1993. Sách in.

[83]. Nguyễn Trung Hậu và Phan Trường Mạnh. *Thiên Đạo*. Nxb Tôn giáo, 2010. Sách in.

[84]. Trịnh Huy Hóa. *Hồi Giáo*. Nxb Trẻ, 2002. Sách in.

[85]. Đặng Thanh Hòa, *Từ Điển Phương Ngữ Tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng, 2005. Sách in.

[86]. Phạm Thành Hổ, *Nguồn Gốc Loài Người*. Nxb Giáo Dục, tái bản lần 1, 1998. Sách in.

[87]. Karl Jasper. *Triết Học Nhập Môn*. Bản dịch của Lê Tôn Nghiêm. Nxb Thuận Hóa, 2004. Sách in.

[88]. Stephen Knapp. *Sanatana-Dharma: Its Real Meaning*. http://www.stephen-knapp.com/sanatana_dharma.htm; 06-11-2010. Sách điện tử.

[89]. Allan Kardec. *Những Tiết Lộ Của Thần Minh (Le Livre des Esprits)*. Bản dịch của Chí Tín. Sách đánh máy, lưu hành nội bộ.

[90]. Thích Thanh Kiểm. *Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ*. Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1989. Sách in.

[91]. Lệ Thần Trần Trọng Kim. *Nho Giáo* (Quyển Thượng). Tân Việt, Sài Gòn, (không thấy ghi năm xuất bản). Sách in (lần thứ tư).

[92]. Lệ Thần Trần Trọng Kim. *Nho Giáo* (Quyển Hạ). Tân Việt, Sài Gòn, (không thấy ghi năm xuất bản). Sách in (lần thứ ba).

[93]. C. Scott Littleton. *Trí Tuệ Phương Đông*. Bản dịch của Trần Văn Huân. Nxb Văn hóa Thông tin, 2002. Sách in.

[94]. Nguyễn Hiến Lê. *Kinh Dịch – Đạo của Người Quân Tử*. Nxb Văn học, 1994. Sách in.

[95]. Huệ Lương. *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (Cao Đài Giáo) Sơ Giải*. Thanh Hương tùng thơ, 1963. Sách in

[96]. Lê Tôn Nghiêm. *Socrate*. Ca Dao, Sài Gòn, 1975. Sách in (bản in lần thứ nhất).

[97]. Stephen Oppenheimer. *Địa Đàng Ở Phương Đông – Lịch Sử Huy Hoàng Của Lục Địa Đông Nam Á Bị Chìm*. Bản dịch của Lê Sỹ Giảng và Hoàng Thị Hà. Nxb Lao Động, 2005. Sách in.

[98]. Nguyễn Tử Quang. *Điển Hay Tích Lạ*. Nxb Trẻ, TP. HCM., 1993. Sách in.

[99]. M. M. Rozentalia, et al. *Từ Điển Triết Học*. Nxb Tiến Bộ Mát-xcơ-va, 1986. Sách in.

[100]. Edouard Schuré. *Pythagore* (phỏng dịch theo quyển Les Grands Inities). Bản dịch của Chí Tín Lê Văn Bá. Sách đánh máy, lưu hành nội bộ

[101]. Bryan Sykes. *Bảy Nàng Con Gái Của Eva*. Bản dịch của Ngô Toàn và Mai Hiền. Nxb Trẻ, 2009. Sách in (tái bản lần thứ nhất).

[102]. Vũ Quỳnh. *Tân Đính Lĩnh Nam Chích Quái*. Bản dịch của Bùi Văn Nguyên. Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1993. Sách in.

[103]. A J. L. Taberd. *Dictionarium Anamitico-Latinum* (ấn bản 1838). Nxb Văn học, 2004. Sách in.

[104]. Kimura Taiken. *Tiểu Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận*. Bản dịch của Thích Quảng Độ. Sách in (không tìm thấy các thông tin xuất bản).

[105]. Kimura Taiken. *Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận*. Bản dịch của Thích Quảng Độ. Sách in (không tìm thấy các thông tin xuất bản).

[106]. Định Pháp Tổng Lý Nguyễn Minh Thiện. *Bài Giảng Về Cái Hỏa Hậu Của Minh Lý*. Tam Tông Miếu, Sài Gòn, 1970. Bản đánh máy.

[107]. Trung tâm từ điển học Vietlex. *Từ Điển Tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng, 2007. Sách in.

[108]. Nguyễn Văn Thọ và Huyền Linh Yến Lê. *Dịch Kinh Đại Toàn*. 1997. Sách in (không tìm thấy các thông tin xuất bản).

[109]. Nguyễn Đăng Thục. *Thiền Học Việt Nam*. Nxb Thuận Hóa, 1997. Sách in.

[110]. Thích Thanh Từ. *Kinh Viên Giác* (giảng giải). Nxb Tôn giáo, 2007. Sách in (tái bản lần thứ nhất).

[111]. Lao Tử, Thịnh Lê et al. *Từ Điển Bách Khoa Nho-Phật-Đạo*. Nxb Văn học, 2001. Sách in.

[112]. Lão Tử. *Đạo Đức Kinh*. Bản dịch của Thu Giang Nguyễn Duy Cần. Nxb Văn học, 1991. Sách in.

[113]. Lão Tử. *Đạo Đức Kinh*. Bản dịch của Nguyễn Tôn Nhan. Nxb Văn học, 1999. Sách in.

[114]. Lão Tử. *Đạo Đức Kinh*. Bản dịch của Phan Ngọc. Nxb Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội, 2007. Sách in.

[115]. Trương Lập Văn, et al. *Đạo (Triết Học Phương Đông)*. Bản dịch của Hồ Châu, Tạ Phú Chinh và Nguyễn Văn Đức. Nxb Khoa học Xã hội, Hà nội, 1998. Sách in.

[116]. Viện Ngôn Ngữ. *Từ Điển Tiếng Việt* (ấn bản 2008). Nxb Từ điển Bách Khoa, 2008. Sách in.

[117]. Vivekananda. *Tri Thức và Giải Thoát*. Bản dịch của Lê Thành. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2000. Sách in.

[118]. John Yale. *Tôn Giáo Là Gì*. bản dịch tiếng Việt của Vương Gia Hớn; An Tiêm, xuất bản lần 1, Sài Gòn, 1970. Sách in.

PHỤ LỤC

1. SỰ XUẤT HIỆN NHÂN LOẠI TRÊN TRÁI ĐẤT

Trong quyển "Những Tiết Lộ của Thần Minh" của Allan Kardec, các Đấng Thiêng Liêng nói rằng con người không thể nào biết được một cách chính xác về những niên đại trong lịch sử nhân loại.[1] Và thực tế, những số liệu do khảo cổ học, nhân chủng học, v.v… công bố từ trước đến nay luôn luôn mang tính chất "gần đúng".[2]

Theo nhân chủng học, con người đã xuất hiện trên trái đất khoảng từ 10 triệu đến 4 triệu năm trước (chú ý rằng các khoảng thời gian của nhân chủng học đều được tính theo dương lịch). Tiến hóa từ một loài linh trưởng, con người đã được hình thành dần dần qua australopithecus (người-vượn phương Nam), rồi đến homo habilis (con người khéo léo), rồi đến homo erectus (con người đứng thẳng), kế tiếp là homo sapiens (con người thông minh), và sau cùng là homo sapiens sapiens (con người hết sức thông minh).

Người-vượn phương Nam, australopithecus[3] đã xuất hiện cách đây khoảng từ 10 triệu năm đến 1,3 triệu năm. Đây là vết tích cổ xưa nhất của con người trong sinh giới. So với những tổ tiên linh trưởng còn di chuyển bằng tứ chi của mình, australopithecus đã có khả năng đi bằng hai chi sau, nhưng còn khom lưng. Thể tích bộ não chỉ mới vào khoảng 450 – 750 cm^3.

Sự kiện nhân loại tiến hóa từ linh trưởng được giáo lý Đại Đạo xác nhận. Lời dạy sau đây của Đức Cao Thượng Phẩm là một sự xác nhận như vậy:

"Khi các thú cầm đã hóa sanh đầy đủ, thì các Sanh hồn và Giác hồn đã đến lúc huệ khai; vì đó, Chí Tôn rưới Linh Quang, ban cho một thể thứ ba là Chơn Linh. Giống ***hầu*** *là giống đã được tấn hóa hơn, nên vì cớ,* ***la hầu*** *đã được Chơn Linh điểm trí mà tạo nên* ***thủy tổ loài người****."*[4]

Con-người-khéo-léo, homo habilis[5] đã xuất hiện cách đây từ 3 triệu năm đến 1,5 triệu năm. Homo habilis là một loài được tách ra từ australopithecus. Hai loài này đã cùng tồn tại song song suốt từ hai triệu đến một triệu năm; nhưng homo habilis tiếp tục

---

[1] Những Tiết Lộ Của Thần Minh (Le Livre des Esprits), bản dịch của Chí Tín.

[2] Chữ "gần đúng" này được sử dụng theo thói quen trong một số ngành khoa học thực nghiệm, với ý nghĩa là các số liệu được công bố đều mang những sai số.

[3] Tên "Australopithecus" do giáo sư giải phẫu học Raymond Dart đặt vào năm 1924, khi ông phát hiện ra mẫu hóa thạch này ở Nam Phi. Autralis có nghĩa là phương Nam, pithecus có nghĩa là vượn.

[4] Đức Cao Thượng Phẩm; Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh Tây Ninh, đêm 22-01 Nhâm Thìn (17-02-1952); Luật Tam Thể.

[5] Tên "homo habilis" do vợ chồng nhà nhân chủng học Leakey đặt vào năm 1964, khi họ phát hiện ra các mẫu hóa thạch này ở Tanzania, thuộc châu Phi. Habilis có nghĩa là khéo léo.

con đường tiến hóa lên thành người hiện đại, trong khi australopithecus vẫn còn là sinh vật, không tiến hóa được thành người.

Tuy thể tích trung bình của bộ não đã tăng lên, khoảng 600 – 800 cm^3, homo habilis vẫn còn mang hình dạng vượn rất rõ nét với chi trước khá dài so với chi sau, có khả năng trèo, nhảy trên cây. Thu lượm trái, hạt, củ,… làm thức ăn, họ sống thành bầy, đàn, nhưng chưa tổ chức được thành xã hội. Do cấu tạo của thanh quản, họ đã bắt đầu có khả năng phát ra tiếng nói, bên cạnh những tiếng kêu của động vật; tuy nhiên, vì thanh quản còn nằm ở vị trí khá cao, khả năng phát ra tiếng nói của họ chưa tốt lắm.

Sự khéo léo của homo habilis – so với australopithecus – thể hiện ở khả năng chế tạo một số công cụ thô sơ bằng đá. Với khả năng này, homo habilis đã khai sinh ra một thời đại, được gọi là thời đại Đồ Đá Cũ (Palaeolithic). Tuy chỉ mới là những mảnh đá, những hòn cuội lớn, được ghè một cạnh cho sắc bén và vừa với tay cầm, nhưng những công cụ "đồ đá cũ" này đã mở đầu cho việc mượn những phương tiện vật chất để tạo dựng văn minh của nhân loại.

Con-người-đứng-thẳng, homo erectus [1] đã sống cách đây từ 1,8 triệu năm và biến mất cách đây khoảng 150.000 năm, nghĩa là khoảng cuối thời kỳ Băng hà Riss.

Homo erectus có dáng người thẳng đứng, bộ não có thể tích khoảng 750 – 1.400cm^3, cấu tạo thanh quản đã cho phép phát ra những tiếng nói phức tạp. Họ vẫn còn sống thành những bầy, đàn, nhưng biết chế tạo nhiều công cụ bằng đá phức tạp hơn homo habilis.

Đặc biệt, homo erectus đã biết dùng lửa cách đây khoảng 500.000 năm.

Con-người-thông-minh, homo sapiens xuất hiện cách đây từ 300.000 năm đến 150.000 năm. Não bộ có kích thước gần như người hiện đại, khoảng 1.400cm^3. Ở giai đoạn này, bắt đầu xuất hiện các *thị tộc*, tức là những tập thể gồm nhiều thế hệ có cùng huyết thống. Do đó, đời sống bầy, đàn dần dần nhường chỗ cho đời sống thị tộc.

Ngoài việc chế tạo những công cụ bằng đá tinh vi và phức tạp hơn, homo sapiens còn biết chế tạo những công cụ bằng gỗ. Họ cũng đã có những nghi lễ mai táng người chết và bắt đầu có tín ngưỡng.

Con người hiện đại, hay là ***con-người-hết-sức-thông-minh, Homo sapiens sapiens*** xuất hiện cách đây từ 45.000 năm đến 35.000 năm. Giai đoạn này thuộc về Hậu kỳ Đồ Đá Cũ (Upper Palaeolithic hoặc Late Stone Age [Eng]). Cùng với sự biến mất của lớp lông phủ khắp người, homo sapiens sapiens đã trút bỏ được hết những dấu tích của loài vượn trên cơ thể của mình. Ở giai đoạn này, trên thế giới đã xuất hiện nhiều chủng tộc với những màu da khác nhau.

Homo sapiens sapiens biết sống thành những bộ lạc sơ khai. Mỗi bộ lạc bao gồm nhiều thị tộc có cùng một tổ tiên xa, sống trên cùng một lãnh thổ địa lý. Do đó, nhân loại

[1] Tên "homo erectus" do bác sĩ Eugène Dubois đặt khi ông phát hiện ra các mẫu xương này ở Java, Indonesia. Erectus có nghĩa là đứng thẳng.

ở giai đoạn này bắt đầu biết chiếm hữu và bảo vệ những lãnh thổ riêng biệt để làm nơi sinh sống cho bộ lạc của mình.

So với homo sapiens ở giai đoạn trước, homo sapiens sapiens chẳng những có thể chế tạo những công cụ lao động đa dạng và hoàn hảo hơn, mà còn có thể đưa vào công cụ lao động của mình những đường nét nghệ thuật và tín ngưỡng. Họ bắt đầu biết trồng trọt và chăn nuôi.

Xuất hiện từ cuối thời đại Đồ Đá Cũ, trong khoảng 20.000 năm sau đó, homo sapiens sapiens đã tạo ra một bước phát triển lớn trong văn minh nhân loại với việc mở ra thời đại Đồ Đá Mới (Neolithic hoặc New Stone Age [Eng]). Thời đại này cách nay khoảng 10.000 năm.

Kể từ thời đại Đồ Đá Mới, nền văn minh của nhân loại phát triển càng lúc càng nhanh. Chỉ trong vòng 4.000 năm sau đó (tức là cách nay khoảng 6.000 năm), nhân loại đã chuyển sang thời đại Đồ Đồng (Bronze Age [Eng]), phát minh ra chữ viết, rồi kết thúc thời tiền sử bằng thời đại Đồ Sắt (Iron Age [Eng]).

2. CÁCH TÍNH NIÊN ĐẠI TRUNG BÌNH

Phần phụ lục này sẽ trình bày một cách tìm niên đại trung bình trên một tập hợp các hệ thống lịch cho trước, đã được sử dụng trong quyển sách.

Gọi n_i là số ngày trong một năm của một hệ thống lịch i nào đó, còn $a_i \equiv \min(n_i)$ và $b_i \equiv \max(n_i)$ theo thứ tự là số ngày tối thiểu và số ngày tối đa trong một năm của hệ thống lịch đó. Hiển nhiên, ta có:

$$a_i \le n_i \le b_i$$

Bây giờ, xét n hệ thống lịch khác nhau (ví dụ, nếu ta chỉ xét âm lịch, dương lịch, và lịch đạo học, thì n=3).

Giả sử, một tài liệu nào đó đề cập đến một sự kiện xảy ra cách đây x năm. Ta không thấy tài liệu này nói rõ con số x này được tính theo hệ lịch nào. Khi đó, ta sẽ giải quyết vấn đề theo một thuật toán bao gồm chín bước, như được trình bày dưới đây.

Gọi số năm trung bình tính theo hệ thống lịch i là x_i, còn $y_i \equiv \min(x_i)$ và $z_i \equiv \max(x_i)$ theo thứ tự là số năm tối thiểu và số năm tối đa tính theo hệ thống lịch đó. Trước hết, hãy cho i=1

Bước 1. Cho x_i nhận giá trị x:

$$x_i \leftarrow x$$

Bước 2. Chuyển đổi thành số năm tối thiểu và số năm tối đa tính theo tất cả các hệ thống lịch còn lại. Nghĩa là, tính tất cả các giá trị y_j và z_j ($j \ne i$). Sử dụng các hệ thức chuyển đổi sau đây:

$$y_j = x_i \times \frac{a_i}{a_j}$$

$$z_j = x_i \times \frac{b_i}{b_j}$$

Bước 3. Trong số các giá trị y_j ta chọn ra giá trị nhỏ nhất $y^{\min}$:

$$y^{\min} = \min_{\substack{j=1,\ldots,n \\ j \neq i}} (y_j)$$

Bước 4. Trong số các giá trị z_j ta chọn ra giá trị lớn nhất $z^{\max}$:

$$z^{\max} = \max_{\substack{j=1,\ldots,n \\ j \neq i}} (z_j)$$

Bước 5. Lưu lại các kết quả đã đạt được từ các bước 3 và 4:

$$p_i \leftarrow y^{\min}$$

$$q_i \leftarrow z^{\max}$$

Bước 6. Tăng i lên một đơn vị, và lập lại từ bước 1. Cứ như vậy cho đến khi nào $i > n$.

Bước 7. Trong số các giá trị p_i ta chọn ra giá trị nhỏ nhất $p^{\min}$, là số năm nhỏ nhất kể từ khi sự kiện xảy ra cho đến thời điểm hiện tại, xét trên tập hợp các hệ thống lịch mà ta đang quan tâm:

$$p^{\min} = \min_{i=1,\ldots,n} (p_i)$$

Bước 8. Trong số các giá trị q_i ta chọn ra giá trị lớn nhất $q^{\max}$, là số năm lớn nhất kể từ khi sự kiện xảy ra cho đến thời điểm hiện tại, xét trên tập hợp các hệ thống lịch mà ta đang quan tâm:

$$q^{\max} = \max_{i=1,\ldots,n} (q_i)$$

Bước 9. Niên đại trung bình $\bar{x}$ được tính bởi hệ thức sau đây:

$$\bar{x} = \frac{p^{\min} + q^{\max}}{2}$$

Bây giờ, để làm ví dụ, ta hãy áp dụng thuật toán này để xác định cột mốc thời gian đánh dấu cho *"cuộc chuyển hướng quan trọng của loài người"* mà từ đó tôn giáo xuất hiện trong lịch sử văn minh nhân loại, như đã được trình bày trong chương 5.

Theo lời dạy của Đức Chí Tôn trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển", nhân loại đã phải sa vào địa ngục từ 10.000 năm nay[1]. Con số 10.000 năm này có thể là năm dương lịch, âm lịch, hoặc là năm trong lịch đạo học. Ta không biết chắc. Vậy, giải pháp được đề xuất là tìm niên đại trung bình trên các hệ thống lịch.

Trước khi áp dụng thuật toán, ta có bảng dữ liệu về số ngày tối thiểu và tối đa của các hệ thống lịch:

Các hệ thống lịch	**Số ngày trong 1 năm**	
	Số ngày tối thiểu	**Số ngày tối đa**
Dương lịch	365	366
Âm lịch	354	355
Lịch đạo học	360	360

Ta bắt đầu áp dụng thuật toán.

Xét trường hợp 10.000 năm này là năm dương lịch. Khi đó, số năm tối thiểu và tối đa kể từ khi sự kiện xảy ra, theo âm lịch và lịch đạo học, sẽ là:

Các hệ thống lịch	**Số năm kể từ khi sự kiện xảy ra**	
	Số năm tối thiểu	**Số năm tối đa**
Dương lịch	10.000	
Âm lịch	10.311	10.310
Lịch đạo học	10.139	10.167

Xét trường hợp 10.000 năm này là năm âm lịch. Khi đó, số năm tối thiểu và tối đa kể từ khi sự kiện xảy ra, theo dương lịch và lịch đạo học, sẽ là:

[1] Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 24-04-1926; *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (Q.1), tr.18.

Các hệ thống lịch	Số năm kể từ khi sự kiện xảy ra	
	Số năm tối thiểu	Số năm tối đa
Dương lịch	9.699	9.699
Âm lịch	10.000	
Lịch đạo học	9.833	9.833

Xét trường hợp 10.000 năm này là năm trong lịch đạo học. Khi đó, số năm tối thiểu và tối đa kể từ khi sự kiện xảy ra, theo âm lịch và dương lịch, sẽ là:

Các hệ thống lịch	Số năm kể từ khi sự kiện xảy ra	
	Số năm tối thiểu	Số năm tối đa
Dương lịch	9.863	9.836
Âm lịch	10.169	10.141
Lịch đạo học	10.000	

Từ các bảng kết quả trên đây, ta rút ra số năm nhỏ nhất $p^{\min}$ và số năm lớn nhất $p^{\max}$ kể từ khi sự kiện xảy ra cho đến thời điểm hiện tại, xét trên cả ba hệ thống lịch (âm lịch, dương lịch, và lịch đạo học):

$$p^{\min} = 9.699 \text{ năm} \approx 9.700 \text{ năm}$$

$$p^{\max} = 10.310 \text{ năm} \approx 10.300 \text{ năm}$$

Do đó, niên đại trung bình của sự kiện này là:

$$\bar{x} = \frac{p^{\min} + q^{\max}}{2} = \frac{9.700 + 10.300}{2} = 10.000 \text{ năm}$$

■